LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 144

# TỨ PHẦN LUẬT HÀNH SỰ SAO TƯ TRÌ KÝ

**SỐ 1805**
( QUYỂN TRUNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1805

# TỨ PHẦN LUẬT HÀNH SỰ SAO TƯ TRÌ KÝ

## QUYỂN TRUNG
(PHẦN 2 - 1)

### GIẢI THÍCH MƯỜI BA PHÁP TĂNG TÀN

***Giới thứ nhất*: *Cố ý xuất tinh.***

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tài thành Xá-vệ. Bấy giờ, Ca-lưu-đà-di dâm dục lẫy lừng, nhan sắc tiều tụy, liền nghĩ cho xuất tinh. Nhờ vậy, các căn vui tươi, nhan sắc sáng sủa. Do đây, Đức Phật quở trách, sau đó chế giới.

Nêu tên mà nói, vì thế ở dưới khai thông, không có tác ý.

Trong phần giải thích tướng, khoa đầu y cứ theo số, ý không riêng ở thiên nầy, thiên khác đều như vậy, nêu đó có thể biết. Chữ hỷ là bỏ đi, giống như chữ tốt, lại là số.

Khoa kế có hai:

* Dẫn luận có ba nghĩa:

- Tức ý chung vì chung cho tất cả.

- Chỉ báng: Luận giải thích rằng người đời và ngoại đạo nói rằng Sa-môn Thích tử làm hạnh bất tịnh, không khác gì người đời.

- Sinh lòng tin: Luận chép: Tuy ở chỗ kín nhưng các vị trời, tất cả thiện thần đều nhìn thấy.

* Từ bốn trở xuống: Dẫn luật quở trách, lại hiển rõ ý chế, vì khiến hạnh thanh tịnh mới xứng đáng thọ nhận của tín thí, vì thế bốn bộ văn

đều nêu bày ý kia. Dầu không xuất tinh nhưng dùng tay vọc cho cương lên cũng là xấu xa. Ở đời phần nhiều là có, xin dùng lời này tự trách mình đâu không hổ thẹn.

Trong phần nêu duyên, đầu là kết gốc nghiệp sau duyên của hai tướng thành. Ý rốt ráo nghĩa là nói hết ý ra đây là thôi.

Nếu chỉ dùng tay vọc thì lý nên kết tội Đột-cát-la.

Duyên thứ hai, trong lời chú giải nêu cảnh giải thích thành phương tiện.

Nội sắc ngoại sắc tức hữu tình, vô tình (năm trần đều có nội, ngoại sắc).

Thọ nghĩa là chấp thọ, tức là hữu tình.

Bất luận tự tha (luật Ngũ Phần nói: Nội sắc là thân mình, ngoại sắc là thân người, giống như ở đây không khác) không thọ tức vô tình, ngược với trên rất dễ hiểu. Nội ngoại sắc nghĩa là hai vật tình và vô tình gồm nhau. Như dùng tay cầm vật cách y đến thân.

Hỏi: Sau nêu gió, nước cũng tức vô tình, vì sao lại nêu ra?

Đáp: Nếu y cứ hai sắc thâu thì không đâu không cùng tận, nhưng hai vật gió và nước đến xúc chạm thân sợ cho là không phạm, nên phải chọn kỹ. Hư không cũng như vậy, vì không nương sắc nghi là không tội. Còn sợ sáu món trên (nội sắc, ngoại sắc, nội ngoại sắc, gió, nước và hư không) nhiếp cảnh không cùng tận, nên dùng chữ nhẫn để gồm thâu.

Hỏi: Trong giới dâm ở trước chép: Một nửa bị hoại, phần nhiều là xương, v.v... khởi ý xuất tinh thì phạm Tăng tàn, ở đây thuộc sắc gì?

Đáp: Tuy không có nghĩa nhiếp thọ nhưng quy về nội sắc, hễ thuộc hữu tình thì đâu phân biệt sống chết.

Trong phần tùy giải thích, văn đầu tiên là năm phần kết tội nhẹ, vốn không tác ý vì thiếu duyên đầu. Khi xuất tinh mới biết do đó động thân tâm cho nên tội chia làm hai.

Nói tâm động tức sinh niệm ưa thích.

Kế dẫn luật Thiện Kiến, nói nặng là tuy vô ký nhưng vì xứng với phương tiện ở trước.

Trong khoa kế, luật nói trừ mộng, do đó nêu bày năm lỗi như trong văn đã nêu. Cho đến nói rằng: Trái với đây thì được năm công đức, v.v... nhưng trong văn chỉ nói lỗi lầm mà không nói tướng tội, vì thế dẫn năm phần để quyết đoán. Nay quyết đoán tội nầy, nếu khi mới ngũ nhiếp tâm, nằm mộng xuất tinh, theo trong luật thì không phạm, không nhiếp ý mà xuất tinh thì sám hối năm tội Đột-cát-la (kết nhiếp vô ký, y theo văn nầy). Loạn ý xuất tinh, lý không kết chừng hạn, hễ không

buộc tưởng, trái luật thì phạm Đột-cát-la. Mới ngủ thì kết không phải là mộng phạm. Lỗi thứ ba trong năm lỗi (tâm không nhập pháp): Vì luật chế phải nghĩ pháp lành. Lỗi thứ tư (không tư duy tướng sáng): Luật chế phải phân biệt ngôi sao, mặt trăng vì tưởng là tướng sáng.

Trong phần không phạm, văn luật có bảy trường hợp: Đầu tiên là trong mộng đã xuất chẳng phải cố lộng âm.

Dục tưởng là tâm tưởng việc dâm dục mà xuất tinh. Không tác ý và thấy sắc đẹp, việc đồng, song hai trường hợp nầy đều phạm Đột-cát-la, mà không phạm tội Tăng tàn, vì ở đây giới hạn tâm suy nghĩ, mắt thấy cho đến xuất chất bất tịnh, nghiệp tướng thô hiển đâu được không có tội?

Luật chế ác giác, nhiễm tâm thấy người nữ đều chế phạm tội Đột-cát-la, đủ để làm tiêu chuẩn. (Có chỗ nói rằng dục tưởng xuất mà không xuất, không xuất thì không phạm, đâu được luật khai?).

Câu "Tất cả, v.v...": là nói theo sư, đâu chỉ có bảy trường hợp, vì thế dùng câu nầy gồm thâu nhiều tướng (trường hợp), thì khai ý có thể biết.

Trong các luật khác: Như luật Thập Tụng, các duyên đều không có ý.

Nói đoạn giải nghĩa là sức cùng, mỏi mệt, gân ngạch rã rời.

Luật Thiện Kiến lại chép: Trừ tóc, móng tay và da khô là không có tinh mà thôi.

Già luận chép: Câu trên nêu phạm. Vì người khác trở xuống là giải thích tướng xuất tinh kia.

***Giới thứ hai: Xúc chạm người nữ.***

Lúc bấy giờ, Ca-lưu-đà-di nghe Phật chế giới trước (giới Tăng tàn thứ nhất), liền cùng người nữ vào phòng nắm tay, rờ rẫm, do đó Đức Phật chế giới.

Trong phần tên giới, năng sở nêu chung, vì khác với các cảnh khác. Chế ý có sáu:

1- Ý chung tất cả giới, vì thế mà biết Tỳ-kheo dùng pháp làm bạn. Câu "Ắt không có giới" nghĩa là cô độc biết nương vào đâu.

2- Ý: Người nữ phần nhiều bị người ganh ghét.

3- Chẳng những, v.v... nêu tướng nghi ngờ của người khác.

4- Căn bản của nghiệp dâm là nguồn gốc của đại ác, vì thế ở đây ngăn ngừa kia.

5- Thuận theo tham dục thì không thể nhiếp tâm.

6- Trước nêu chí hạnh của Tỳ-kheo.

Sau, từ nếu trở xuống là nói không nên làm. Đã trái với diêu tuyệt, tức mất tự lợi, mất sự tôn kính của người tức mất lợi tha. Ruộng tăng đã mất thì Phật pháp hoại theo, Tam bảo cũng bị diệt, vì thế phải suy nghĩ, nghiên cứu các ý để răn dè tự tâm.

Trong phần giải thích duyên, đầu tiên là nói cảnh người nữ nhiều thứ tùy theo giới đều khác. Xúc chạm cảnh đồng như dâm, vì thế chỉ nêu giới dâm.

Trong phần giải thích thứ ba, sợ xen lẫn giới đại dâm nên y cứ vào ái nhiễm giải thích tướng của tâm, không phải là hẹn dâm.

Trong phần giải thích thứ tư:

- Khoa đầu nói từ tóc đến chân là nêu trên dưới để nhiếp chặng giữa. Nói xúc chạm: Trước gồm nêu tướng xúc chạm. Về tướng xúc chạm, trong luật nói: Hoặc nắm tay, hoặc rờ rẫm (xoa chà), hoặc kéo, hoặc đẩy, hoặc từ dưới vuốt lên, từ trên xoa xuống, hoặc ẵm nâng lên, hoặc để ngồi xuống, hoặc nắn, hoặc rờ bóp, hoặc các phương tiện khác, v.v...

Ba thứ là:

1- Từ đầu đến ngón chân là cả hai đều không có y phục.

2- Từ hoặc xen nhau trở xuống là nói lẫn nhau có y phục.

3- Từ câu trở xuống là nói cả hai người đều có y phục (y theo lời sớ mà phân).

Trong phần một lại có hai trường hợp:

a. Tỳ-kheo xúc chạm người nữ, phương tiện tự tạo, y cứ về xúc để nói phạm. Câu đầu nêu phân biệt. Không có y phục trở xuống tức nêu bốn cảnh. Đàn trở xuống là quyết đoán phạm tội.

b. Người nữ xúc chạm Tỳ-kheo, vì người nữ kia ẻo lả (thướt tha) y cứ vào sự ưa thích (thọ vui) để nói về phạm tội. Hai câu đầu là phân biệt, không y cứ về hẹn trước nên nói rằng không hẳn là tâm dâm, căn cứ sau thọ lạc tức là tâm dâm. Nhi trở xuống là quyết đoán phạm tội có hai trường hợp. Trước y cứ về động thân thọ vui, quyết đoán phạm tội Tăng tàn vì gồm cả thân và tâm, sau nêu bày chế ở trên có chỗ y cứ.

Câu "luật không rõ" tức là câu "vì không động thân mà thọ vui nên chế phạm". Văn chép: tâm dục đắm nhiễm động thân không thọ vui, thọ vui không động thân, v.v... đều phạm tội Thâu-lan-già (câu thử trở xuống, v.v...", có tâm nhiễm nên phạm tội Thâu-lan-già, không đồng với văn sau nói vốn không có tâm nhiễm nên chỉ phạm tội Đột-cát-la).

Theo luật Thập Tụng, nói rằng: Người nữ có tâm dục rờ chạm

Tỳ-kheo không có y phục, Tỳ-kheo có tâm dục thân động thọ sự mơn trớn dễ chịu thì phạm tội Tăng-già Bà-thi-sa. Văn này hiển rõ nên nay y theo đó xử đoán tội.

- Khoa kế, từ nhược bất trở xuống là nói không động thân mà thọ vui, lại chia làm ba trường hợp khác nhau. Trên là y cứ vào tâm trước đây có và không chia ra tội Đột-cát-la và Thâu-lan-già khác nhau. Dưới động thân phạm tội Tăng tàn tức đồng với ở trước đã phán.

Câu: "Luật đây phạm Đột-cát-la": Văn chép: Nếu người nữ lễ Tỳ-kheo, tay chạm vào chân tỳ-kheo, tỳ-kheo có cảm giác thọ vui, không động thân thì phạm Đột-cát-la.

Như trở xuống là kết thúc chỉ bày, (nêu phần kết).

Trong phần: Cả hai xen nhau có: Là kia đây có và không là hai câu. Câu ba nói: "đều có" là một câu chung với trước thành bốn câu. Đều do tâm nhiễm thọ vui nặng nhẹ cho nên tội chia ra khác nhau.

Trong phần nói hai hình, luật y cứ không phải người nữ mà kết phạm tội, chính là tội nhẹ cho nên theo luật Thập Tụng và Già luận y cứ vào tâm quyết đoán hai tội. Nếu y cứ vào người nam thì phạm Đột-cát-la. Do thật không phải người nam nên thêm chữ v.v...

Trong phần nói về người nam, y cứ theo luật: Từ chữ người nam trở xuống có chữ thân, văn nầy bị sót.

Chạm y, bát, v.v... chung cho nam, nữ. Tuy không xúc chạm, thọ vui nhưng vọng thích dâm tình, vì thế đồng một chế.

Trên nói xúc chạm người khác, dưới từ cho đến trở xuống là nói tự mình xúc chạm, như tự mình xoa bóp mà có cảm giác vuốt ve dễ chịu.

Trong phần thứ hai giải thích riêng, văn đầu trước dẫn luật Thiện Kiến, chỉ nêu trường hợp không có cảm giác xúc chạm nhau.

Câu: "Khiến làm": Một là vật có cảm giác xúc chạm vật không có cảm giác (Như luật Tứ Phần ở sau nói tay nắm tóc phạm Tăng tàn). Hai là vật không có cảm giác xúc chạm vật có cảm giác (luật Thập Tụng nói: Móng tay, v.v... đều phạm Thâu-lan-già, y theo lời sao cũng phạm Tăng tàn. Ba đã cả hai đều có cảm giác xúc chạm nhau thì phạm Tăng tàn (rất dễ hiểu). Bốn cả hai đều không có cảm giác (phạm tội Thâu-lan-già tức luật Thiện Kiến nói).

Kế dẫn luật Thập Tụng, trước nói xen nhau hoại. Tuy cả hai đều có giác cảnh mà bệnh hoại, thọ vui phạm tội nhẹ cũng giảm xuống.

Thân căn: Đốn trần gọi là căn tức chung cho thân phần.

Nhược dĩ trở xuống tuy y cứ có thể xúc chạm, văn nêu năm tướng; ba tướng trên không có cảm giác, hai tướng dưới là bệnh hoại.

Vô nhục cốt: Ở thế gian có người bị bịnh hoại, hoặc đốt ngón tay có lòng dư, tức là tướng đây.

Nhược trở xuống tức y cứ theo bổn tông quyết đoán tội ở luật Thập Tụng trước.

Giới bổn tức luật giới bổn, luật này nói: Nếu nắm tay, hoặc nắm tóc, mỗi thân phần đều phạm tội Tăng tàn. Có cảm giác xúc chạm vật không cảm giác đã kết tội Tăng tàn, không có cảm giác xúc chạm vật có cảm giác nghĩa cũng đồng phạm. Vì thế lời sớ trong giới chép: luật Thiện Kiến chép: tóc và tóc chạm nhau, móng và móng chạm nhau đều phạm tội Thâu-lan-già vì cả hai đều không có cảm giác. Nếu xúc chạm lẫn nhau thì kết tội Tăng tàn đồng như giới bổn. Bởi vậy biết không nói theo luật Thập Tụng.

Trong phần không phải súc sinh, dẫn luật Tăng-kỳ, luật Tứ Phần cũng đồng. Trong văn nói chẳng phải súc sinh cũng đồng phạm. Ý tổ sư cho rằng không phải người chế phạm tội nhẹ vì vô tâm. Nếu có tâm dâm theo lý nên kết tội Thâu-lan-già.

Huỳnh môn: luật Thập Tụng kết phạm tội Thâu-lan-già vì luật Tăng-kỳ nói tâm khác không kết tội nặng, vì thế dùng tâm trước mà chung hiểu.

Trong phần bốn dẫn luật Thiện Kiến: Xúc bao gồm năm tụ, chỉ không có trong tụ Ba-dật-đề và hối quá. Ba-dật-đề: Xưa nói: Dâm là nội xúc hoặc có thể ni xúc đều kết tội nặng, Tăng tàn, Thâu-lan-già, Đột-cát-la đều thấy ở văn trên.

Chỉ xúc đề: Nghĩa là va chạm người khác.

Trong phần không phạm, khoa đầu có ba trường hợp: Thủ, dữ và tương giải vì sự mà xúc chạm, giỡn cợt là không phải chánh ý ở đây nói.

Thủ nghĩa là nhận vật từ người khác.

Dữ là trao vật cho người khác.

Tương giải nghĩa là giải sự cạnh tranh kia.

Không đâu chẳng phạm là gồm khai ba trường hợp trên, nên phạm Thâu-lan-già, Đột-cát-la, vì thế tiếp tục dẫn luật Tăng-kỳ để nói. Khoa kế, luật Tăng-kỳ có ba trường hợp:

- Cùng nắm tay vì không có oai nghi, chung ở đây phạm tội Đột-cát-la. Lại phân biệt có tâm dục thì phạm hai tội Đột-cát-la, không có tâm dục chỉ phạm phi oai nghi.
- Từ tâm dục trở xuống nói động vật, tội như ở trước nói.
- Từ mẫu trở xuống là nói ẳm bồng.

Chánh niệm: Nhiếp tâm trong giới. Sinh nhiễm lạc y theo quyết đoán phạm tội ở trước.

Văn luật Thập Tụng có ba: Trước là cứu các nạn cũng phải không nhiễm. Nhược vi trở xuống là nêu cứu vớt. Trong văn nói cầm nắm, sau sinh dâm, cho nên khai đến bờ, nếu trước khởi dâm thì lý nên cầm nắm. Nếu người nữ trở xuống là nói động đến vật thành phạm, nghĩa đồng với khoa trên.

Trong luật Tăng-kỳ, trước là tránh đạo pháp. Nếu người nữ trở xuống là nêu vật pháp. Nhược dâm trở xuống là nói pháp trợ giúp. Nhược khất trở xuống là pháp thọ thực. Y cứ trở xuống là nêu quyết đoán y cứ tâm dâm ở trước, cúng thí bình bát so sánh, như nhận vật khác. Dầu không có ý nhiễm nhưng nghĩa phải phòng xa.

Trong phần chỉ rộng, hai luật khai nhiều tức như trước đã dẫn.

Luật Tăng-kỳ nói ý gấp, kia chép: Nếu có người nữ bị té xuống sông phải khởi tướng là đất vớt lên, nếu không như vậy thì dùng tre, gỗ, dây để kéo lên, v.v... ở đây phải biết nếu tưởng người nữ thì không khai.

Cần trở xuống là kết khuyên. Hai luật nói hoãn: Chỉ là để cứu giúp người khác.

Luật Tăng-kỳ chép: gấp là phòng ngừa tổn mình.

Quá tập, v.v... là nêu ý gấp ra khỏi.

***Giới thứ ba: Nói lời thô tục***.

Bấy giờ, Ca-lưu-đà-di nghe Phật chế hai giới trước, liền ở trước người nữ có tâm dục nói lời thô tục, vì thế Phật chế giới.

Trong danh, cảnh nghiệp xưng chung.

Trong phần phạm, khoa đầu, trước nêu duyên phạm, sau dẫn Già luận để phân biệt khác nhau. Do thói quen kia phát ra lời nói liền thành phạm, không cần đủ duyên. Trong phần giải thích, duyên đầu nêu cảnh.

Thủ tri giải: Do trước dâm xúc chạm chung cho chết, sống, già, trẻ, ngủ, thức, còn giới nầy phải hiểu biết nghĩa lời nói, nếu không hiểu thì không phạm, vì thế đặc biệt phân biệt.

Duyên thứ tư, trong tướng lời nói, hai câu đầu nêu tướng thô tục tức nói hai đường dâm dục tốt xấu, cho nên nói phi phạm hạnh. Ở đây là nói ý nghĩa của lời nói đều thô tục.

Chưa trở xuống là nói lời nói thì tốt mà ý thì thô tục. Cho nên sau dẫn chứng tức văn giải rộng.

Lời nói khác: Không phải lời nói thô tục.

Trong phần biệt chứng, văn đầu nêu ra điều bộ của luật.

"Tiêu Tô" xưa nói: Đây là tên người nữ (nghi là tiếng Phạm), đây là mượn tên người ý là để hỏi nữ căn mà thôi.

Khoa kế, luật Tăng-kỳ giống nhau, duyên khác không thể xen lạm trước.

"Đại xích" tức mượn màu của y để khen ngợi nữ đạo, do không hiểu ý lại dùng y để đáp, vì thế nói rằng mới nhuộm, v.v...

Phật khiến Tỳ-kheo hỏi: Là xem xét ý người nữ.

Phật nói trở xuống là xử đoán phạm hai thứ khác nhau. Cho rằng nói "nghĩa vị" tức là ý thụ, đủ hai mới thành tội Tăng tàn, thì hiển duyên trên giải nghĩa không giải nghĩa, lẽ ra tội nhẹ, vì thế dẫn luật Tứ Phần để phân chia mà nói. Ngữ nghĩa trong đây tức nghĩa ở trên.

Trong phần xen nhau hướng. Tỳ-kheo hướng về người nữ như trước rất dễ biết, người nữ hướng về Tỳ-kheo nói lời thô tục, nếu Tỳ-kheo nghe nhận lãnh ý đó cũng đồng phạm như trước.

Khen ngợi thân đồng cho nên dò xét trước.

Trong phần không phạm, trước nêu riêng bảy trường hợp, đều dùng chữ "nếu" để phân chia. Sáu trường hợp trước đều y cứ nói pháp, thọ kinh do đó mà nói cho nên khai không phạm.

Đầu tiên, trong phần nói pháp nêu ra chín mụt nhọt: Mắt, tai, mũi mỗi thứ có hai lỗ và chỗ đại tiện tiểu tiện, phá thịt như mụt nhọt.

Khiếu huyệt là lỗ, vật bên ngoài nhập vào rồi chảy ra nên nêu nhiều tên.

Trong phần bốn, Tỳ-kheo cùng người nữ đồng thọ thì đồng nghe.

Trong phần sáu đồng tụng không phải từ người thọ nên khác với trên.

Nhưng không trở xuống: Lời nói này nhiếp chung, không chỉ riêng việc trước.

***Giới thứ tư: đòi người nữ cúng dường sự dâm dục***

Lúc bấy giờ, Ca-lưu-đà-di nghe Đức Phật chế ba giới trên, bèn dẫn người nữ vào phòng riêng khen ngợi mình đòi người nữ cúng dường dâm dục, do đây Đức Phật chế giới.

Trong danh (tên giới), cảnh và lỗi mỗi thứ phải phân ra.

Đòi cúng dường: Dụ dỗ trước người nữ khiến cho họ cúng dường sự dâm dục cho mình.

Sớ hỏi: Đã tu phạm hành, không thực hành là quấy, vì sao đòi

cúng dường sự dâm dục?

Đáp: Nếu thực hành đòi sự dâm dục là phạm Thâu-lan-già, là phương tiện dẫn tới giới đại dâm. Nay vốn không thực hành mà miệng nói tướng kia, vọng khai giới dâm, dự phòng chung cho sự ưa thích mà thôi.

Trong phần phạm nêu sáu duyên, lời nói rõ ràng. Bảy trước người hiểu biết gần cho nên chỉ ra. Giải thích phần thứ tư, trước nêu khen ngợi tướng có ba.

1- Đẹp đẽ, v.v... là khen ngợi báo sắc.

2- Đại tánh: Là khen ngợi chủng tộc Sát-đế-lợi, Bà-la-môn là Đại tánh; Tỳ-xá, Thủ-đà là hạ tánh.

3- Từ xuất gia trở xuống là khen ngợi đức hạnh.

Trong đây nói xuất gia là hạnh xa lìa. Trì giới là hành chỉ tác (không làm những điều ác); tu pháp lành là hạnh ít muốn, sau nêu hạnh Đầu-đà giải thích thành tu pháp lành. Trong luật lại nêu bái-nặc phần nhiều nghe nói, trì luật, ngồi thiền, vì thế nói là v.v...

Bất trở xuống là kết phạm khác nhau có ba câu:

1- Kết tội Thâu-lan-già: Khen ngợi nhưng không đòi cúng dường.

2- Phạm Tăng tàn: Gồm cả hai: Đòi và khen ngợi là thuộc lời nói thô tục.

3- Đồng với trước, đòi mà không khen là thuộc về lời thô.

Trong phần không phạm, nêu hai tướng. Lời chú giải trong giới lại khai nói lầm.

***Giới thứ năm: Mai mối cho người.***

Lúc bấy giờ, Đức Phật ngự tai nước La-duyệt kỳ, Tỳ-kheo Ca-la khéo biết pháp thế tục, làm mai mối cho họ, sau phải chuốc lấy sự chê bai, do đó Đức Phật chế giới.

Tên giới nêu người: Vì lựa các loài khác.

Sớ chép: Mai mối, so sánh hai tánh để làm hảo hợp.

Trong tướng phạm, giải thích thứ sáu, văn có năm tiết.

- Y cứ ba thời đủ và thiếu để nói về tội phạm khác nhau. Đủ ba thì có thể biết, có hai thời là nhận lời đi mà không trả lời lại, chỉ có một thời là nhận lời mà không đi.

- Từ nếu nhận lời trở xuống là nói bốn duyên khác nhau, ba nhẹ một nặng, lời chú hiển sau một. Vì người nữ thường bị bệnh nên dung mạo khác nhau.

- Từ trừ trở xuống là nói không phải đồng chánh.

Hỏi: Người nữ có ba đường, sao chỉ trừ hai?

Đáp: Miệng tuy thông dâm nhưng vốn chẳng phải ý mai mối. Dầu có cũng thuộc thân phần khác.

- Nếu mai mối trở xuống là phân biệt quả báo khác.

- Từ luật Ngũ Phần trở xuống nói việc không thành giải thích duyên (tiết) thứ ba: Văn đầu nói không phải nam, nữ tức hai loại Huỳnh môn, hoặc kia đây xen nhau, hoặc đầy đủ, đều đồng như ở sau phạm.

Sau nêu hai đường của người nữ hợp thành một là một món (xưa chia làm hai: Nữ và không phải nữ).

Thạch nữ là căn không làm việc dâm dục được.

Yết-ma nêu ngăn rằng: Hai đường hợp đường tiểu tiện, tức đồng với ở đây.

Khoa kế dẫn duyên trong luật.

Tất cả phạm tăng tàn: Khắp giới đồng phạm. Nay trở xuống là y cứ khiển trách phi pháp, tuy không Yết-ma nhưng vì bạch chúng đồng tình.

Nhược trở xuống là nhân trách trộm dùng, không phải tướng phạm ở đây.

Trong phần ba nói ngựa tốt hơn các loại thú khác cho nên tội chia ra hai phẩm. Thời nay, ngu tăng phần nhiều nuôi các loại thú như mèo, chó rồi tìm hợp trống mái, như vậy mỗi việc phạm tội Đột-cát-la, chế gấp quá trọng, cần phải răn dè.

Trong phần thứ tư nói sợ sau hợp: Do cùng loại nam nữ đâu khác thì phải nhiễm nhau.

Trong phần năm, luật Thập Tụng nói hai tướng chỉ bụng: Nghĩa là chưa sinh mà đã làm mai mối. Xưa ghi y theo cách tính của thế tục, dự đoán là nam hay nữ trong thai. Người học không biết tính số vòng châu của người nữ thế tục cho là khả năng của mình, hơn nữa người không học gặp việc đến nỗi khiến cho người đời chê bai. Huống gì bọn người ngu si lại nương vào kỷ thuật khéo léo đạt ở đời thật hổ thẹn, nghe mà cách xa.

Trong luật Tứ Phần, trước nêu bốn pháp. Luật có năm thứ ở đây thiếu hiện tướng.

Sớ chép: Trong phần nếu khiến đem thư đến nói là tự rõ ra dấu. Hiện tướng phải nhờ lời nói chung, v.v...

Nói chỉ ấn: Xưa nói dấu tay viết thư, văn ngang dọc để biểu hiện ý kia. Hoặc nói: Người Tây Vực chỉ dấu tay đem làm thư, song không

có y cứ chưa biết rõ đây.

Câu: "Xen nhau tham tác": Luật dùng năm pháp trải qua ba thời giao kết làm câu, ở đây lược dẫn chỉ bày.

- Tự nhận lời nói, tự đến, tự đem trở về.
- Tự nhận lời nói, tự đến, sai người về trả lời.
- Tự nhận lời, sai người đến, tự trở về trà lời.
- Tự nhận lời, sai người đến, sai người về trả lời. Kế do sai người đem thư đi, tự viết, có bốn câu:

1/ Tự nhận lời, tự viết thư đem đến, rồi tự đem thư về báo lại.

2/ Tự nhận lời, tự viết thư đem đến, rồi sai người đem thư về báo lại.

3/ Tự nhận lời, sai người đem thư đến, rồi tự mình đem thư về báo lại.

4/ Tự nhận lời, sai người đem thư đến, rồi sai người đem thư về báo lại.

Ra dấu, hiện tướng đều có bốn câu cũng như vậy. Câu khác rộng ở trong văn luật, không phiền dẫn lại. Bất luận xen nhau, hễ đủ ba thời: Tất cả đều phạm Tăng tàn, đủ hai thời phạm tội Thâu-lan-già, đủ một thời tội Đột-cát-la, nên không nhọc viết thành câu cũng đều thông suốt.

Nhược trở xuống là nhân chế hai việc. Phi đạo thích nghi, sự chung cho tất cả, không hạn cuộc mai mối. Văn chế không xem, xem biết có thể không dung, có khai trì, như đã nói không phạm.

Trong phần sáu nói tuy vốn vợ chồng cũng đồng như làm mai mối.

Trong phần không phạm có hai: Trước khai vốn phạm, sau khai nhân đó chế. Trong phần đầu, trước nêu bổn luật văn chung lạm nhau, sau dẫn luật Thập Tụng nói chia làm hai, trong văn có thể biết.

Quyển thư: Tức nay quen gọi là ly thư.

Trong khoa kế, trước khai duyên gấp giúp thế tục.

Sau từ cập trở xuống là khai vì việc quan trọng của đạo.

***Giới thứ sáu:***

Đức Phật ngự tại thành La-duyệt kỳ, cho chép các tỳ-kheo làm phòng xá riêng. Các Tỳ-kheo nghe vậy bèn làm phòng xá lớn, nên phải xin khắp trong xứ, làm phiền các cư sĩ. Lại chặt cây để làm phòng xá, phá chỗ ở của các vị Thần, vì thế cũng làm xúc não thần cây. Do đó, Đức Phật chế giới.

Tên giới nêu không chủ vì phân biệt với giới sau.

Quá lượng không cầu hai lỗi hợp chế vì đồng một phòng.

Trong phần chế ý, đầu là thêm bốn trường hợp xuất xứ từ Đa luận:

- Trường nghiệp.
- Thêm bớt.
- Xúc não thế tục.

Duyên khởi trong luật: Tỳ-kheo ở chỗ vắng cầu xin quá nhiều vì thế cư sĩ lánh mặt. Cho đến ngài Ca-diếp vào thành cũng bị cư sĩ lánh mặt, đây gọi là xúc não người.

Lại có Tỳ-kheo chặt phá cây của các vị thần, thần cây bạch Phật, Đức Phật nói pháp cho Thần cây nghe khiến họ đến ở cây khác v.v..., đây gọi là xúc não phi nhân, v.v...

- Não đạo lập pháp chế cầu, là lấy việc tăng hòa. Không khất cầu tự nhậm, tăng sự không hành, nên nói là chướng.

Trong phần năm, câu trên là nêu, hai câu dưới là giải thích.

Trái lòng từ bi, hoặc xúc não hai loài (nhân, phi nhân) hoặc làm tôn thương vật mạng.

Hoại hành nghĩa là chẳng phải pháp của Sa-môn.

Về trước, năm ý thâu lại thành ba: 1- Ý thứ nhất và hai là tổn mình; 2- Ý thứ ba và bốn là tổn người; 3- Một ý sau là tổn hại mình và người.

Lại ý thứ tư là chế ý không cầu pháp. Còn lại là chế ý quá lượng.

Trong phần duyên phạm, duyên thứ tư và năm gồm hai lỗi. Duyên thứ sau kết lại gồm hai tội Tăng tàn.

Trong phần giải thích:

Khoa đầu, Đa luận nói vắt bùn nêu giới hạn phạm.

Khoa sau từ trong tông kia trở xuống nói tội Thâu-lan-giá là phương tiện Tăng tàn. Trong văn đối với tội nhẹ nên nói lượng mà thôi.

Luật Thiện Kiến kết tội Thâu-lan-giá đồng như trên.

"Quyết bãi tàn": Tuy lưu vắt bùn vì việc hoàn thành. Luật Tăng-kỳ nói các vật chỉ lấy việc sau cùng không hạn cuộc viết vắt bùn.

Thọ dụng phạm Đột-cát-la: Vì vốn là phi pháp chế không cho dùng. Luật kia chép: Xong bát, may y, hoặc thọ dụng, hoặc suy nghĩ tất cả đều phạm tội Việt Tỳ-ni.

Câu "chết, v.v... khai cho tăng dụng": Vì sự tương tục đã dứt.

Giải thích phần thư tư, khoa đầu, trước là nói đến xin, sau từ nhược

trở xuống nói Tăng xét lượng. Khoa kế, là trong phần nói dài nêu lượng riêng có hai:

Trước trong luật Thiện Kiến là xin pháp lượng, sau trong luật Tứ Phần tức lượng làm phòng. Một gang tay hai thước tính số có thể hội (chữ gang tay phải từ trụ đá dài. Nghĩa là Trong mỗi lần chỉ, chỉ cách nhau là gang tay). Nếu không đủ sáu gang tay xin quá đều không được. Nếu mười hai gang tay, trở vào trong có xin không lỗi, trở ra ngoài xin quá đều có.

Nếu đã được pháp chỉ có quá lượng, như vậy phải biết.

Trong phần so sánh chiều dài của thước, văn đầu có ba:

- Nêu chung.

- Từ tăng trở xuống là dẫn luật Tăng-kỳ, Liễu luận thường đồng. Luật Thiện Kiến tức ba thước. Bộ Đa luận thì nói một khuỷu rưỡi tay hai thước bảy tấc. Luật Ngũ Phần lấy theo số nầy.

- Từ dì trở xuống là nêu lý do, có hai:

1- Chỗ dịch khác.

2- Người dịch khác.

Thấy nghe khác nhau vì y cứ chỗ thấy.

Nam tức phía Bắc Dương đô, chỉ cho kinh Lạc. Lại đời Đông Tấn, Tống, Tề, Lương, Trần nối nhau là Nam triều. Sau đời Hậu Ngụy, nhà Chu, Tùy gọi là Bắc triều.

Luật Tăng-kỳ, đời Đông Tấn, do Phật-đà-la và ngài Pháp Hiển dịch.

Luận Minh Liễu đời Trần, ngài Chân Đế dịch.

Luật Thiện Kiến, đời Nam Tề ngài Tăng-già Bạt-đà-la dịch.

Đa luận mất tên người dịch, được bổn ở Tây Thục.

Luật Ngũ Phần, đời Tống, ngài Phật-đà-thập và ngài Trúc Đạo Sinh dịch.

Trong đó, ngài Trúc Đạo Sinh và Pháp Hiển là người Hoa, còn lại đều là người Ấn-độ, vì thế nói là chỗ sinh khác nhau.

Mâu tức cái giáo bằng ngọc kêu leng keng.

Thuẫn là cái bảng (Hàn Tử nói rằng: Đời Tống có người bán mâu thuẫn. Ở chợ rao cái giáo nói rằng giáo nầy rất bén cắt chỗ nào đều đứt hết. Có người mua cái thuẫn thì nói rằng: thuẫn nầy rất bền có công năng phá hoại tất cả. Có người nói rằng: Cái mâu thì nói chữ dùng, cái thuẫn thì nói chữ cắt là thế nào? Do đây tuyệt đối. Nay dụ lời nói trái ngược nhau).

Khoa kế, trong phần phán định, trước nêu bày lượng Phật, văn

thấy trong luận Minh Liễu, Đa luận cũng đồng. Sau từ thử trở xuống là định ra thước tấc. Hai câu đầu chỉ bày chung khác nhau. Lời sớ nói: Đời Ngụy nổi loạn, văn bản sổ sách bị đốt phá nên không thể y cứ, cho nên tùy theo thế tục mà lập.

Nhi trở xuống là nói pháp nhà Chu có thể làm tiêu chuẩn. Luật lịch tức thế tục gọi là âm dương, đếm mặt trời, mặt trăng quay vòng quanh để định thời gian, phân sao không sai.

Cô là họ nhà Chu, Chu chính là quốc hiệu, vì thế Tùy trở xuống là dẫn hai triều đại để làm chứng.

Dương Đế Tùy tức là chủ thứ hai, y cứ theo xưa tức Cơ Chu.

Triều Đường tức Thần Nghiêu được nhà Tùy truyền ngôi đổi hiệu là Đường quốc.

Ngự vũ nghĩa là vua đến vũ trụ.

Cả hai dùng tức nhà Chu nhà Đường đều thực hành, đến nay cũng vậy, nhưng thước đời Đường chỉ nhiều hơn thước nhà Chu hai tấc, vì thế nói là không trái xưa.

Đường khiến tức luật lệnh đời Đường, nhà Ngụy soạn hai mươi quyển.

Nhà Chu tính mười tấc là một thước; năm cân là một xứng; ba thăng ba hợp là một đấu. Thước thêm hai tấc. Đấu, xứng lệ theo tăng gấp đôi. Y cứ trở xuống là nêu chỗ lấy. Luận là hai luận: Đa luận và Tiểu luận. Xứ nầy y cứ Nam châu. Người tám thước có thể trương một thước, thân Phật đã gấp bội rõ biết hai thước, như vậy nhớ rõ chỗ dịch ở luật Ngũ Phần là không sai nên nay lấy đó.

Chữ "xuất" trong giới sớ, âm là xuất, giống như tính toán.

Trong phần khiển trách xen lẫn, văn đầu, hai câu trên là chỉ cho người, chưa biết nghĩa là chưa học.

Mê mờ giáo pháp nghĩa là tuy có học mà không thông suốt. Ký trở xuống là nói về xen lẫn, Đạo là các giáo khác và đồng, tục thì triều đại làm sai lẫn nhau, chưa thể thông hội cho nên cả hai đều không thể thông đạt được.

Văn nghĩa là văn chương phép tắc tức chế độ.

Cập trở xuống là nói thước cân phần nhiều khác nhau.

Năm món: Xưa nói: Thước của Nam Ngô ngắn hơn thước nhà Chu hai tấc; thước của Cơ Chu là nhất định mười tấc; thước đời Đường nhiều hơn thước đời Chu hai tấc, tức một thước hai là một thước; thước của Sơn Đông dài hơn thước đời Đường hai tấc, tức một thước tư là một thước; thước của Lộ Châu La Kha dài hơn thước của Sơn Đông hai tấc,

tức một thước sáu là một thước. Quốc gia không cấm nên thước nầy nhiều sai khác, công dụng thì y theo thước đời Chu, vì thế nói rằng quyết dùng, v.v...

Hành nghĩa là cân của cái cân. Hai lượng tức là phân, tấc của thước (thời nay, việc riêng thì dùng thước đời Chu, việc công thì dùng thước đời Đường).

Thử trở xuống là suy ra nguồn gốc ban đầu.

Tông Diêm-phù nghĩa là hiển bày pháp xưa của Luân vương. Nãi trở xuống là chuẩn lượng của bình bát. Do lượng của đấu trong luật là dùng theo Cơ Chu thì thước và cân cũng theo đời Chu, không đủ để nghi lự nên nói rằng văn nầy v.v...

Lời sớ giải thích lượng của bình bát rằng: đời Diêu Tần dùng theo xưa, là không lầm, vì thế văn nầy dịch rất thông suốt.

Cố trở xuống là nói xưa còn.

Dược xứng tức thời nay năm cân xứng.

Sáu trở xuống là nêu lập pháp.

Kinh Tô Tử Toán chép: Số bắt đầu là nhẫn, mười nhẫn là một ty, mười ty là một hào, mười hào là một ly, mười ly là một phân, mười phân là một tấc, mười tấc là một thước, mười thước là một trượng, mười trượng là một dẫn.

Sau thước là một bộ, hai trăm bốn mươi bộ là một mẫu, một trăm mẫu là một khoảnh.

Như trở xuống là kết cáo. Trong phần khiển trách hơi thiếu. Tấn tức Hà Đông, Ngụy tức Tương bộ, khuyết phụ tức Tam phụ ở Quan Trung.

Phế hưng tức như trước dùng xả.

Chữ san bổ là truyền sai, xưa gọi là bổ khuyết (xưa nay truyền giảng đã không nói, đâu được có san, y theo xưa là nhất định), ở đây là nói theo xưa chưa luận, nay mới khảo xét để định. Cho nên để lại phép tắc, người sau sáng tỏ hơn đời trước.

Trong phần chánh tông, hai chữ rộng dãi viết xen nhau. So sánh giới bổn và lời sớ để đọc đó.

Kế dẫn luật Thiện Kiến nêu lượng pháp. Sau dẫn luật Tăng-kỳ nói lượng ngang khiến đó phần chứng, nếu quá ở đây thì lẽ ra không phải chánh phạm.

Trong phần giải thích thứ nhất nói chủ là để giải thích không có chủ, giới sau trái với đây, rất dễ biết.

Trong phần giải thích thứ tư, nói chỗ nạn, đầu tiên là dẫn luật Tứ

Phần, tức hai nạn là nạn mạng sống và nạn phạm hạnh. Văn lược các loài thú sư tử, v.v... nên nói là cho đến (Sớ chép: Cọp, sói là nạn mạng sống, kiến là nạn phạm hạnh. Lại nói: Nếu có đá, cây, gốc cây, gai góc thì khiến người đào bỏ đi. Nếu có hầm hố, mương rạch, vũng nước thì phải lấp cho đầy. Nếu sợ nước ngâm lâu (đọng lâu) phá vỡ bờ chắn thì phải dự phòng làm đê để ngăn (Lời sớ: Cây, đá, nước không đâu chẳng ở sau là nạn mạng lưu). Nếu đất bị người nhận là của họ thì phải cùng nhau thỏa đáng không để cho người khác có lời qua tiếng lại (Lời sớ chép: Ruộng, vườn, v.v... là thuộc phần duyên ngại, nay xếp vào phần nạn, vì sợ tranh cãi xảy ra phi tịnh hạnh), đây thuộc về nạn xứ. (Tổng kết các tướng trừ hai thứ kiến và đất là phạm nạn, còn lại đều là mạng nạn, Luật Thiện Kiến chỉ nói vật nhỏ, thì các loại khác có thể biết.

Đuổi đi thì được, nghĩa là kiến ra khỏi hang thì không bị tổn hại.

Hà trở xuống là nêu chế ý. Nói từ bi thương xót là bao gồm kia và ta, vì kia bị hại mạng thì ta thành nghiệp sát.

Luật Ngũ Phần nói nạn xứ có mười ba thứ. Văn chép mười một thứ, hai câu trước và một câu sau đều là một, xứ là ba.

Hai chữ dâm hạ là một tướng có tám (chỉ dưới chữ ẩn hiểm thêm một chữ xứ, kia là hiểm phong xứ (chỗ núi cao nguy hiểm). Kia lại có hai thứ là chỗ có nước đột ngột tràn vào và đường sá nguy hiểm, vì thế nói là v.v...

Luật Ngũ Phần chép: Không có nạn xứ, có hành xứ: Là được cùng xứ phân nạn xứ như trên.

Nói hành xứ là vòng quanh bốn bên thông xe. Chỉ có một tướng núi là đồng với luật Tứ Phần nầy, không đồng luật Thiện Kiến và luật Thập Tụng, tìm xem có thể biết.

Trong phần nói chỗ ngại: Nạn y cứ về hại mình, ngại người nên chia làm hai.

Luật Tứ Phần đặc biệt nói xe cỏ, vì xe cỏ rất lớn nên dùng làm lượng. Luật Thiện Kiến có năm thứ.

Thi-đà, Hán dịch là Hàn Lâm, là chỗ bỏ thây chết, trong chí có ghi.

Quang là bực thang.

Nắm một khuỷu tay, một thước, tám tấc, trên dưới có mười hai khoảng, gồm hai trượng một thước sáu tấc (khác nhau chung bậc thang ngang, chuyển trở lại nên gọi là ngại).

Luật Thập Tụng nói chín tướng đều y cứ bên ngoài phòng tìm bên trong để nói, vì thế trước nêu ra.

Có trở xuống là nêu. Năm thứ được người khác giữ hộ đất, bốn chỗ hiểm ngại (theo luật Thiện Kiến, luật Thập Tụng nói chỗ ngại cũng luật Tứ Phần nói nạn xứ xen lẫn nhau, vì ghi chép khác nhau).

Trong phần xử phân, khoa đầu, luận Minh Liễu nói ba tướng, không kinh doanh xây dựng nhiều cũng khiến xin pháp, còn lại phải biết. Trong phần thọ không đại thọ (trong khoảng không gian trên lớn), khoảng không cũng ở được. Nham là hang núi. Thạch âm tức hang núi. Bỏ chữ âm, nếu y cứ theo luật Thiện Kiến thì dài sáu, rộng bốn mới xin pháp được. Khoảng không gian trên cây nhỏ hẹp không cầu xin. Nay nói luận Minh Liễu hoặc y cứ về lượng, hoặc lấy đất bên ngoài quy về hang ở khoảng không gian.

Giải trở xuống là dẫn lời sớ giải thích. Trước nói chế xin, sau từ sở trở xuống là bày ý.

Đầu tiên nêu hai lỗi. Cố trở xuống là y theo lỗi để quyết định. Các luật phần nhiều y cứ vào đất của tăng, y theo hai lỗi này sao lại lựa tăng riêng (hai câu nầy theo lời sớ trong giới là lời của người soạn sao).

Trong phần chỉ định, luật Tăng-kỳ có hai pháp:

1- Cũng được dẫn tăng pháp thứ nhất, tức Tỳ-kheo đến xin ba lần rồi, tăng cho pháp xử phân, quyết không thể bỉnh pháp rồi mới khai ba lần nói (hai cách trên đều là tăng pháp).

2- Từ nhược xử trở xuống là dẫn pháp thứ hai là tăng sai sử. Do tăng pháp trước là hợp chúng đến chỗ kia, nay vì duyên thứ bảy bệnh hoạn không cùng đến được, vì thế khai cho sai sử. Tỳ-kheo kia cũng ở trong tăng xin ba lần rồi, tăng tác pháp Yết-ma sai người đến xem xét chỗ kia có nạn. Một vị Tỳ-kheo thưa rằng: Tăng đã chỉ định chỗ làm phòng xá rồi, nói ba lần như vậy (Nay lời sao không dẫn).

Không được bốn người làm pháp Yết-ma, nghĩa là Bạch nhị sai người không được thêm bốn.

Luật kia chép: Không được chúng Yết-ma cho nên nhiều nhất là ba người.

Đến kia trở xuống là chọn chỉ định thành, không thành.

Bốn hạng người tức có thể chỉ định Tỳ-kheo vậy.

Thứ nhất, luật kia chép: Năm trước dự phòng chỉ định (do xin làm quyết hải ở trong năm, không được cho chỉ định trước).

Thứ hai, luật kia chép: Giới khác không gọi là chỉ định (vì không biết chỗ nầy có nạn).

Thứ ba, luật kia chép: Nếu trong tăng, một người, hai người, ba người không làm phòng xá, không nên chỉ định (không làm thì ít, làm

thì nhiều, vì sợ che giấu nhau).

Câu "nếu không làm phòng xá": Nghĩa là phần nhiều cho làm.

Thứ tư, luật ấy chép: Nếu trong nước không có cát đá vụn, không có đất đá vụn, không phải trên đá, không phải chỗ lửa đốt. Y cứ đây, y cứ xứ cũng do không khéo biết pháp, vọng thực hành việc chỉ định, lại thuộc về chọn người.

Tức trở xuống là chuyển chứng.

Trong luật Tỳ-kheo xin pháp, nếu không thể tin chúng tăng đến xem, nếu tăng không đi nên sai người đáng tin trong tăng đến xem.

Trong phần ba, Đa luận ở đầu nói phòng xứ phải tương ưng.

Dư trở xuống là nêu nghĩa có xin, không xin được làm.

Trùng ốc là lầu các.

Trong phần quá lượng, khoa đầu, luật Thiện Kiến có bốn câu. Văn nêu có hai xen nhau, cả hai đều dễ hiểu không ở trong lời nói. Trong văn lại nêu một việc làm giới hạn nầy.

Nhược trở xuống là nói nhiều người chung thành. Đây có hai trường hợp khác:

1- Không phạm, khách là chủ thành, chủ không đến kết quả nên nói không tội, y cứ có phương tiện.

2- Nhược trở xuống là nói có phạm, trên y cứ một phòng trước sau mà thành. Đây là y cứ về phòng lớn đồng thời xây dựng.

Nếu thông dự định nhiều người không tính riêng: Văn khai chung.

Trong phần hỏi đáp: Phòng xá, y quá tướng phạm khác nhau, vì thế phải giải thích để nêu bày ý của lời dạy.

Trong phần hai là dạy làm:

- Đầu tiên dẫn văn, chỉ nói: "Do thông năng sở, gồm hợp nặng nhẹ", vì thế không chỉ riêng.

- Sau, từ nhược trở xuống là nghĩa phán. Chủ phòng xá tức năng giáo, thợ làm tức sở giáo, văn y cứ theo quá lượng. Vả lại nói rằng phạm Thâu-lan-già, nên xin nạn ngại, lẽ ra đủ bốn tội, tức trong phần chú thích của giới nói rằng: Vì người khác mà thành phạm hai tội Thâu-lan-già, hai tội Đột-cát-la là do đó.

Trong phần năm, lại y cứ đủ có mà nói, chú thích trong giới nói rằng: Xen nhau có, không tùy chỗ phạm kia.

Trong phần không phạm có tám tướng ba loại. Hai loại trước phạm lại nói không phạm (lời chú trong giới: Lại có đúng lượng, tăng phân xử đúng pháp,... cộng ở trên thành năm). Phật đồ v.v... bốn vì không chuyên về mình. Am tranh, v.v... vì hai thứ không quá lượng.

***Giới thứ bảy. Cất chùa lớn.***

Bấy giờ, Phật ngự tại nước Câu-thiểm-di. Lúc ấy, vua Ưu-điền làm phòng xá cho Tỳ-kheo Xiển-đà. Tỳ-kheo Xiển-đà chặt cây thần ở giữa đường, do đây Đức Phật chế giới.

Đây là do có chủ làm, lớn nhỏ tùy theo người khác cho nên không quá lượng, chỉ sợ chỗ làm phòng xá chùa viện này nguy hiểm, hoặc có việc nạn nên đặc biệt chế tự chuyên, vì thế chia thành hai giới.

Trong phần giải thích, khoa đầu nói chế ý đồng, nghĩa là đây đã có chủ không quấy nhiễu hai đường, nhưng theo duyên khởi thì sự khác mà nghĩa đồng.

Trong phần giải thích thứ hai, câu đầu nêu sở thuộc, giới trước tự mình làm phòng thì thuộc về mình, không có nghi ngờ gì; giới này đã có chủ làm cho nhưng cũng sợ cho rằng chưa có sở thuộc nên đặc biệt nêu ra để phân biệt.

Nhược trở xuống là nói có duyên tùy dụng có hai trường hợp:

1- Nói tự phán, câu "Nếu chết" nghĩa là sắp chết.

Không cho bán đất, duyên nầy là vật của tăng phải là có riêng, lý cũng nên thông, tăng không cho bán vì vật của thường trụ thường trụ.

Phòng tăng phạm tội: Vì nếu bán thì thành tội trộm.

2- Từ nhược phòng trở xuống là nói không tự phán, rất dễ hiểu.

Trong phần thứ sáu nêu tội, phải biết có và không chẳng nhất định.

Trong phần không phạm, câu đầu nói về phạm.

Tác trở xuống ba chỗ là lượng giảm.

Nhược trở xuống là nói không vì mình.

Lời chú trong giới chép: Giới này đồng với giới trước chỉ không có quá lượng là khác mà thôi, nên nói là đồng.

Lời chú chép: Không quá lượng: Đây là nói theo lượng xin pháp.

***Giới thứ tám: Hủy báng vô căn cứ.***

Một thời, Đức Phật ngự tại thành La-duyệt kỳ. Bấy giờ, có Tôn giả Đạp-bà-ma-la-tử làm Tri sự, phân chia phòng xá, ngọa cụ, v.v... cho Tỳ-kheo khách, tùy theo thứ bậc từ lớn đến nhỏ. Tỳ-kheo Trì Địa là người hạ tọa trong chúng nên nhận được phòng xấu, thức ăn dở v.v.... Trì Địa nổi giận bèn xúi giục người em gái là Tỳ-kheo-ni ở trong chúng dùng tội trọng mà phỉ báng Tôn giả Đạp-bà-ma-la-tử. Do đó, Đức Phật chế giới.

Trong tên, vô căn là đối giới sau, tội trạng phân biệt với thiên

kế.

Trong phần chế ý:

1- Được tự hạnh: Vì tịnh khẩu nghiệp.

2- Chỉ báng: Vì không não người khác.

Khoa kế, do các sư xưa xen nhau phán, cho nên hỏi để giải quyết.

Trong phần đáp, đầu là y cứ theo văn mà đáp.

Nói "Vô biệt đề": Do chê bai tức là vọng, không có hai nghiệp.

Nay trở xuống là y cứ vào nghĩa để giải thích.

Câu "Nguyên ý lưỡng kỳ ý" là ý nghiệp cho nên gồm hai tội.

Như trở xuống là nêu ra có hai:

1- Nếu y cứ vào các luận thì giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán đều kết một tội Ba-la-di, lại thêm một tội nghịch. Nếu cha đã chứng quả A-la-hán thì phạm một tội Ba-la-di hai tội nghịch, vì đối với cha thì với ân nuôi dưỡng, đối với A-la-hán thì tổn hại ruộng phước.

2. Đa luận thì đem ba lỗi của miệng xen nhau nói về phạm. Như trong giới tiểu vọng ngữ đã dẫn. Luận kia nói: Đem lời nói của người này đến nói với người kia vì không thật nên gọi là nói dối. Làm cho họ cớ tâm chia lìa nhau, nên gọi là hai lưỡi. Đây là một cảnh mà hai cách phạm đủ để xếp vào trước. Còn lại ở sau sẽ chỉ rộng.

Luận kia hỏi: Tội phỉ báng hướng về tăng trị, vì sao nói rõ ràng mới kết tội.

Đáp: Tội phỉ báng phải trị diệt tẫn nhưng chỉ có năng lực của chúng tăng. Khi tức giận nổi lên nếu lời nói rõ ràng thì liền phạm.

Trong phần nêu duyên. Duyên thứ hai, y theo lời sớ giải thích có hai:

1- Y cứ vào thể tịnh, kia y cứ theo giới bổn không lấy giới Ba-la-di làm chứng.

2- Y cứ vào tưởng tịnh tức như lời sao dẫn.

Trong văn, đầu tiên nêu chỗ lập, cố trở xuống là y theo sớ là sư dẫn phá. Sớ kia chép: Vô dư là trọng, làm là có phạm. Ở đây nói là biết có phạm cũng thành tội phỉ báng, đâu cần phải tưởng tịnh ư? Nay sư chỉ y cứ từ không đủ ba căn (do thấy, do nghe, do nghi), bất luận cảnh kia tịnh uế, theo xưa dẫn bày, nhưng không phải chỗ y theo, nên lập riêng thứ hai.

Tám thứ trước nói về người biết: Chỉ lấy sở đối không cần chỗ phỉ báng.

Trong phần giải thích, luận nói người phỉ báng ngang ngược (không

chịu khuất phục) thì tăng dùng pháp chiết phục, đầu tiên dạy tăng nói rõ ràng chậm rãi.

Nhược trở xuống là nêu kia thỉnh phán. Luận nói đủ là: Nếu nói chúng tăng vì tôi phán tội nầy thì chớ dừng. Nếu đúng thì tôi sẽ thọ trì, nếu không đúng thì tôi không thọ trì (thọ là tức chấp, đây là hai câu hướng về tăng cầu xử đoán tội).

Tăng trở xuống là nêu bày pháp chiết phục, có ba:

- Dạy kéo dài.

Minh là tối tăm.

- Từ dụ trở xuống là khiến ra khỏi giới.

- Từ như vậy tìm chùa trở xuống là: Nói xử đoán, nhu là yếu hèn.

Trong phần không phạm, đầu tiên nêu chung, thật có trở xuống là chọn riêng năm thật, đủ năm thành khai, thiếu một thành phạm, thứ hai là y cứ vào tâm, còn lại đều y cứ cảnh.

Chữ chân thật giả là viết lầm, y theo lời sớ thì viết cảnh chân thật, nghĩa là sở đối không lầm.

Tưởng thật là tâm tưởng cho rằng bất tịnh.

Nếu trở xuống là tổng kết. Luận khai phải đủ năm thật, trái lại phạm chỉ ở một không thật.

Sau dẫn hai luật, chứng riêng thứ năm, dầu biết thật xen nhau phạm cũng thành phỉ báng.

***Giới thứ chín: Mượn căn cứ vu báng.***

Từ Địa thấy hai con dê đang hành dâm liền nói: Dê đực là Đạp-bà-ma-la, Dê cái là Tỳ-kheo-ni em gái của Từ Địa. Từ Địa nói với các Tỳ-kheo là chính tôi thấy chứ không phải vô căn cứ như trước. Do đây, Đức Phật chế giới.

Trong phần biện phần sự khác:

- Đầu tiên nêu tướng, việc khác là thấy dê hành dâm, việc nầy so sánh đồng như người phạm.

Lời sớ chép: Nếu đối với việc khác thấy mà nói với tăng thì là vô căn cứ xếp vào giới trước. Căn khác y cứ theo đây.

- Từ sự bất trở xuống là nêu danh.

Giả nghĩa là mượn cớ việc khác, ý nêu là có căn cứ.

Như trở xuống là năm khác đều gọi giả. Trong phần giải thích chỉ duyên như trên, phải biết thứ tư mượn căn cứ có khác.

Khoa kế:

- Như duyên khởi nói.

- Từ thấy phạm trở xuống là nói dùng tụ ban đầu phỉ báng.

- Người kia (người không thanh tịnh) cùng người bị phỉ báng (người thanh tịnh) đồng tên, đồng họ, đồng tướng; lấy việc của người này vu khống người kia.

- Tức trước đây khi còn ở thế tục (còn là cư sĩ) đã có phạm tội nặng, nay nêu ra việc đó để vu khống.

- Từ nói nghe có tiếng vang rằng: Phạm tội dâm, tội trộm, v.v...

Bốn nghĩa trên chung cho ba căn, một nghĩa sau chỉ hạn cuộc nghe, nghi.

Nói trở xuống là giải thích rất rõ.

Ba chỉ lược: chú giải trong giới chép: Nói về tướng khai không đồng giới trước.

***Giới thứ mười: Phá tăng.***

Đức Phật ngự tại nước La-duyệt kỳ, Đề-bà-đạt-đa xúi giục người hại Phật, tiếng xấu đồn khắp nên không có người cung cấp lợi dưỡng, bèn ăn riêng chúng, bị Phật quở trách, do đó Đề-bà liền phá tăng. Đức Phật nêu lỗi, can ngăn, do đó chế giới.

Trong tên giới, phá tăng có hai:

- Lập năm pháp hóa thế để phá bốn y, tám chánh gọi là phá Pháp luân tăng.

- Đồng giới đều tác chúng pháp, gọi là phá Yết-ma tăng, tăng Bạch Tứ Yết-ma can ngăn, can ngăn ba lần không bỏ liền phạm Tăng tàn. Còn lại ba giới đều như vậy. Trong phần nêu chung, khoa đầu trước nêu năm can ngăn. Hai câu đầu gồm nêu trái lời can ngăn tức ở Thiên giới thứ tư. Đãi trở xuống nói thiên ấy tức trong phần đơn đề có một, hoặc trở xuống giải thích riêng, đầu tiên nói ba giới, như lời chú đã giải thích. Phỉ báng tăng tức Ô gia. Cự tăng tức việc ác tánh. Hy là lỗi chẳng phải thường. Pháp ẩn tức Yết-ma không thành. Hoặc đản trở xuống nói hai giới có hai ý.

Nhân không nói quả, nghĩa là Diêm-phù một hóa chỉ có một người Đề-bà phá Tăng rốt ráo. Nếu phá Yết-ma tăng thì có cả chí quả, lại sau diệt chung. Song nay luận phạm phải đủ hai cách phá. Chánh lấy pháp luân làm chỗ can ngăn.

Như trở xuống là tổng kết lý do không rộng.

Ngôn tướng đa: nghĩa là mỗi giới sau thành tướng duyên phạm.

Khoa kế, đầu tiên lại nêu việc can ngăn sinh khởi văn sau.

Không trở xuống là chánh nói hạnh ác ý phải rộng.

Cương sinh nghĩa là cương mục dụ kia là nhiều.

Biện tướng tức trở xuống là chỗ dẫn văn luật Tứ Phần.

Khai duyên là trở xuống và văn không phạm.

Thẳng lược nghĩa là bỏ tướng rộng khác.

Hành vụ tức trên thông hành là lúc cần thiết.

Bì phụ tức là giúp đỡ, thân là tâm thức. Dụng nghĩa là giải năng.

Kế, là giải thích giới nay nêu trong phần duyên. Trước nêu ý, sau chánh nêu.

Tà Tam bảo nghĩa là Điều-đạt lấy năm pháp của Phật làm pháp (khất thực, mặc y phấn tảo, ngồi chỗ trống, không ăn muối, không ăn cá thịt. Năm pháp này trọn đời không khai). Bốn bạn là Tăng (tên như ở sau nêu).

Trong phần nêu lỗi, trái lời can ngăn phạm Tăng tàn: Trong chú giải giới chép: Khi tăng can ngăn, bạch nhị Yết-ma rồi mà bỏ thì phạm ba tội Thâu-lan-già, cho đến tác bạch rồi mà bỏ phạm một tội Thâu-lan-già. Bạch chưa rồi mà bỏ phạm một tội Đột-cát-la.

Phá tăng Thâu-lan-già là một trong năm tội nghịch.

Biệt nhân đề: Chống đối lại sự can ngăn.

Phương pháp khác tức tăng hai lần can ngăn.

Xưa nay phế lập như lời sớ kia, ở đây không phiền dẫn ra.

Trong phần không phạm: Đầu tiên nói hai phá bạn ác: Do lòng từ cứu giúp. Sau từ nãi trở xuống là phá phi pháp.

Hai, ba người: Ở đây nói thành Tăng vì không thể phá.

Hoặc trở xuống đều nói bè đảng mưu hại nhau.

Tổn giảm là xâm phạm phi lý.

Vộ trụ xứ: Vọng hành đuổi đi.

***Giới thứ mười một: Thuận theo người phá tăng.***

Nhân giới trước chủ bạn giúp nhau phá tăng, lại can ngăn chánh tăng, vì thế Đức Phật chế.

Trong phần nêu duyên, đầu tiên và thứ hai đều thuộc phá chủ, ba thứ sau chính là bạn giúp.

Trong phần ba nói bốn bạn, gồm:

1- Tam-Văn Đạt.

2- Khiên-trà-đạt-bà.

3- Câu-bà-la.

4- Ca-lưu-la-đề-xá.

Gián tăng: Như trong giới bổn chép: Tỳ-kheo nầy nói với Tỳ-kheo kia rằng: "Đại đức chớ can ngăn Tỳ-kheo-ni này, v.v... Kết phạm, khai duyên đồng như giới trước.

***Giới thứ mười hai. Ô-tha-gia***

Lúc bấy giờ, Phật ngự tại nước Xá-vệ, có hai vị Tỳ-kheo ở Kỳ liên vào thôn có hành vi xấu, làm ô uế nhà người. Đức Phật sai Xá-lợi-phất đến Kỳ-liên làm pháp Yết-ma diệt tẫn, lại bị hai tỳ-kheo này phỉ báng, vì thế Đức Phật chế giới.

Tên giới nêu trong phần nêu duyên ở sau, phối hợp đối chiếu sẽ thấy.

Trong phần nêu duyên thứ hai nói: Tâm không sám hối: luật Thiện Kiến nói có sáu vị Tỳ-kheo cùng ở trong thôn, nghe Xá-lợi-phất đến, hai người bỏ đi xa, hai người sám hối, hai người không bỏ đi không sám hối bị diệt tẫn, cho nên chê bai.

Ô gia trở xuống là lựa nêu hai duyên hiển giới chánh chế.

Giải thích duyên đầu trong luật Tứ Phần, khoa đầu tiên nói:

Y nghĩa là lấy nghĩa ở gần bên, sở y có bốn thứ khác nhau, sở ô không khác. Duyên một, ba chỉ khiến ỷ thế lực, ý liên hệ riêng tư không cần cho vật. Bốn đều gọi ô, vì không đâu chẳng hoại lòng tin thanh tịnh kia, khiến sinh tâm tôn trọng và coi thường thời nay, Tỳ-kheo từng không nhiễm đạo tham cầu không đủ. Kêu gọi môn đồ, ban ơn không đúng lúc, chỉ trông mong thỉnh mạng, cho ít được nhiều, đồng với ở chợ không khác, năng sở đều đọa, há mong sinh phước rất suy sụp cho đạo, chớ nên như thế. Người chân thật xuất gia chớ học tập theo thói nầy.

Trong hạnh ác có ba:

1- Trồng hoa, v.v... là nghiệp đáo phá hoại.

2- Từ nhược trở xuống là nghiệp cận dâm dục.

3- Từ ca trở xuống là nghiệp trạo hý.

Trong hạnh ác thứ ba, mỗi hạnh đều có thân làm miệng làm, tìm xem văn sẽ thấy.

Khái là tưới.

Xướng kỹ tức người làm âm nhạc.

Bài thuyết là lời phường chèo phù tục.

Luật Tăng-kỳ trước giải thích nghĩa y (nương theo).

Nếu y trở xuống là bỏ hạnh ác.

Nếu tục trở xuống là nói ô uế nhà người gồm chung trước sau. Giải thích hai tướng nầy không ngoài hai việc tổn hại mình và tổn hại

người.

Đa luận nêu chung:

- Đầu tiên nói ô uế nhà người. Nói các thứ như ở sau sẽ nêu.

- Kế, từ tác trở xuống là nói hạnh ác, văn nêu nhân quả để bày danh nghĩa.

Trong phần giải thích riêng, có năm đoạn, bốn đoạn trước là cầu chế, một đoạn sau là tam khai. Lại đoạn một và bốn là tổn hại mình, đoạn hai và ba là tổn hại người.

Đầu tiên nói: tất cả sở cầu: Gồm có nhiều việc, bất luận công, tư, thiện, ác đều không cho phép. Hà trở xuống là nêu ý, vì không phải là việc Sa-môn làm.

Trong phần hai nói: Dầu là hiện thiện nghĩa là nói theo Tỳ-kheo.

Ba là nói tặng di, bỏ chữ di, nói là hiến tặng.

Trong phần bốn nói xây tháp, v.v...: Làm việc lành ở đời dụ như lìa lỗi vì tội phước cả hai đều cảm, không bằng tĩnh tọa, v.v...: tịnh nghiệp Vô lậu không lìa nhân.

Thân chân thật là giới thể.

Trong phần năm, nạn khai duyên như giới trộm. Nhắc nhở người học xem xét kỹ văn nầy, vả lại tâm thức không phải ngu muội. Tai mắt còn đủ tại sao trọn đời giảng đọc không một câu thấm nhiễm tâm thần, đâu khác kẻ đui điếc. Lòng tin đồng như cây đất, quyết có tâm cao ngạo, chớ dối người thấp hèn. Không chỉ bình sinh bị đắm chìm mà còn hủy hoại Tam bảo.

Xin rõ lời dạy của Phật phản chiếu tự tâm, phải biết tội trước, phải sớm sửa đổi.

Trong phần không phạm, có hai:

- Ô uế nhà người không phạm được cùng bảy người.

- Từ nếu chủng trở xuống là nói hạnh ác không phạm được làm năm việc. Đầu tiên là không được đào đất, tự làm dạy người làm đều vì cúng dường. Văn nói tự xấu nghĩa là không được tự trái.

Nếu người trở xuống là khai cho.

Nếu độ trở xuống là khai cho đi cà nhắc (tức nhảy đi). Hai việc này trong hạnh ác trước không nêu ra.

Nếu bạn trở xuống là khai cho hò hét (huýt sáo).

Nếu là trở xuống là khai làm sai khiến (luật chép: Nếu không xem thư mà đem đi, và vì người tại gia làm sứ đều phạm Đột-cát-la, trước cũng có dẫn. Trước nêu ngồi với người nữ và ca múa, v.v... ở đây không khai: Vì việc này là đầu mối dần dần dẫn đến tánh ác, vì thế phải biết đó.

***Giới thứ mười ba: Tánh ác không nghe lời người.***

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong thành Câu-thiểm-di. Bấy giờ, Tôn giả Xiển-đà tánh ngoan cố không chịu nghe lời can ngăn của người. Do đây Đức Phật chế giới.

Trong phần nêu duyên nói rằng tự ỷ lại như Xiển-đà, khi các Tỳ-kheo can ngăn, Xiển-đà trả lời rằng: lẽ ra tôi dạy các Đại đức mới phải, vì Thánh chúa của tôi được quả Chánh giác. (vì khi xưa cưỡi ngựa vượt thành vào núi, khi Phật thành đạo mới xuất gia, vì thế, nên thường ỷ lại kiêu mạn đối với người).

Trong phần giải thích, văn đầu lược giáo tức bài kệ của Đức Phật Câu-lưu-tôn.

Trong phần thông hội hỏi dẫn lược bài kệ để vặn hỏi văn rộng nầy.

Trong phần luận chỉ kinh tức luật Thập Tụng, giới bổn và từ ngữ trong luật Tứ Phần có khác chút ít.

Trong phần đáp:

- Gồm nêu. Nói nhân thời nghĩa là tùy cơ mà chế, vì không thể nói bao gồm được.

Nói trái nghĩa là văn hoặc có khác.

Thú hợp nghĩa là mỗi phần đều có lý kia.

- Nêu riêng: Trong sáu phần, phần thứ năm là việc lành hai lợi tự tha chia ra khác nhau, năm phần còn lại đều là thiện ác đối nhau.

1- Y cứ vào thương ghét từ tâm tổn ích trái nhau.

2- Y cứ vào căn cơ lợi độn trái nhau.

3- Thấy nghe rộng hẹp trái nhau.

Vô bổ nghĩa là không có lợi ích cho người.

4- Cầu lợi, và vì pháp trái nhau.

5- Sơ tâm và cựu học trái nhau.

Kiêm người tức trí tuệ gấp bội người.

Trong phần không phạm có năm việc:

1- Thuận theo lời can ngăn.

2- Phi pháp nghĩa là can ngăn không đúng như lời dạy của Phật.

3- Vô trí quở trách vì không đúng lý.

4- Thật nhĩ nghĩa là phản tỉnh tự mình không có lỗi.

5- Nói lầm vì không tác ý.

## HAI PHÁP BẤT ĐỊNH

Trong phần nêu bày chỗ khuất và chỗ trống khác nhau có hai: Không xét thật phạm là bất định, trên gồm giới phần, dưới nhiếp oai nghi, vì thế tương đương thứ ba.

Văn trở xuống hai câu là chỉ rộng. Văn sớ chỉ chung lời sớ xưa, vì thế nói rằng "lời sớ nêu xưa", giải thích rộng luật Tỳ-kheo giới bổn giải thích hai giới nầy nêu rộng nghĩa môn, vì thế nói rằng trong giới bổn. Nay ở đây chỉ nói duyên tướng thành phạm, từ nghĩa chương khác đều thấy trong giới sớ nghĩa sao, nên nói là lược thuật đại ý.

Trong phần chế ý: Một và hai là ý khác, thấy trong duyên khởi của giới; ba là vì pháp; bốn tức là dâm trọng do đây thành, vì thế nói rằng thứ lớp nghiệp ác.

***Giới thứ nhất: chỗ khuất bất định.***

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Ca-lưu-đà-di ngồi chỗ khuất với Ưu-ba-di, nói chuyện phi pháp. Tỳ-xá-khư Mẫu thấy vậy bèn bạch Phật, do đó Phật chế giới.

Trong phần duyên phạm chép: "Tùy làm phạm": Nếu nói về chỗ phạm đều từ thiện, trong đây chỉ chế khiến cho người thế tục sinh nghi. Thiên chánh phạm tội Đột-cát-la, sớ chép: Duyên thì chung bảy tụ, phạm chỉ trong tụ Đột-cát-la, đây là nói để làm chứng.

Trong phần giải thích, trong bổn tông văn có ba phần:

- Phân biệt cảnh: Người nữ phân biệt không phải súc sinh. Có trí phân biệt với chẳng phải trẻ nhỏ hoặc người cuồng. Chưa chết phân biệt với chẳng phải là tử hoại.

- Từ độc trở xuống là nói việc đã làm, hướng về người có hai: Nam nữ là một nên gọi là độc.

- Từ tại trở xuống là giải thích chỗ khuất có bốn.

Đầu tiên nói hai thứ chỗ khuất, chỉ lấy nghĩa chỗ khuất người khác không thấy và chỗ khuất người khác không nghe, không cần trong nhà hay trong phòng.

Thường ngữ là tiếng nói không lớn, không nhỏ.

* Chỗ che khuất trong văn không chỉ cho vật, hễ có vật gì che khuất đều thành tội.

Chỗ có vật ngăn che như cây, v.v... việc hạn cuộc nên nói là cho đến, những thứ còn lại đều thuộc ở đây.

- Chỗ có thể làm: Vì có đủ ba việc trên.

Trong bộ khác, khoa đầu, trước là nêu các cảnh để ngăn ngừa sự

nghi ngờ xen lẫn. Thiết trở xuống là nói người thứ ba, đều không phân biệt biết, phần nhiều là không làm chứng được.

Luật Thiện Kiến, văn giải thích duyên đầu nghĩa gồm người thứ ba, do đui điếc, v.v... không thể nói là làm chứng được.

Nói nhiều người nữ: Cùng loại ưa nghe, dung tướng che giấu, tuy là có thấy nghe nhưng giống như không phải người làm chứng.

Trong phần tổng kết nêu bày tức chỉ cho thiên chúng học.

***Giới thứ hai: Chỗ trống bất định.***

Nơi chốn và người phạm đồng như giới thứ nhất, chí có chỗ trống là khác mà thôi.

Câu đầu nêu tên giới, câu kế chỉ cho đồng.

Duyên phạm cũng có bốn, chỉ đổi duyên thứ nhất là chỗ trống, còn lại ba duyên kia đều đồng như giới thứ nhất, nay lại nói về khác:

- Sở tại khác, tức hai phân của giới.
- Sở tác khác, nghĩa là có thể hành dâm và không thể hành dâm.
- Sở thuyết khác, vì trước chỉ nói dâm, sau có cả lời nói thô tục.
- Sở nghi khác, trước ba, sau hai đều như giới bổn.

(Phần một của phần hai quyển trung xong).

■

# TỨ PHẦN LUẬT HÀNH SỰ SAO TƯ TRÌ KÝ

## QUYỂN TRUNG
(PHẦN 2 - 2)

### BA MƯƠI PHÁP XẢ ĐỌA

Ba mươi pháp xả đọa tên gồm cả tội sám. Luật bổn tùy theo giới đều nêu cách sám hối, vì thế riêng thiên này chỉ cách sám như ở sau, tức là thiên sám hối.

***Giới thứ nhất: Chứa y dư.***

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm tỳ-kheo sáu vị chứa nhiều y dư. Họ thường săn sóc, trang nghiêm y phục, cất chứa như vậy, do nhân duyên nầy Đức Phật chế giới.

Trong phần chế y nói: Công đức tài: Tài là dụ cho giới pháp có công năng cứu giúp sự nghèo khổ. Nếu tham lợi dưỡng ở đời thì sẽ đánh mất đạo tài. Nếu muốn giàu có đạo tài thì phải xa lánh danh lợi ở đời.

1- Tăng thêm hoặc chướng.

2- Nuôi lớn nghiệp ác.

3- Trái với giáo hạnh.

Trong duyên thứ nhất, khoa đầu: Câu trên là định sợ thuộc, câu dưới từ vị trở xuống là nêu danh thể.

Ngoài ba y nghĩa là nếu thọ một trăm lẻ một vật, ngoài một trăm lẻ một là dư. Trong phân phân biệt, khoa đầu trước là dẫn hai văn để định lượng. Nếu trở xuống là giải thích tướng phạm. Đầu tiên nói đúng lượng, ở sau dẫn ra trong luận Tát-bà-đa nói không đúng lượng. Người xưa y cứ theo luật không nên trái phạm, nay theo thánh luận thì tội phân ra ba-dật-đề và đột-cát-la, phạm tội sám hối không khác. Xem trong đó thì đây y cứ vào chánh, thọ thêm vì người thọ mà nói: ắt đối với thọ chung bên ngoài phải tịnh thí, trong phần ba lại có ba.

Ban đầu không thọ không phạm thì không có chứa dư riêng, hai tội khuyết và hoại theo ngày mà kết. Từ nhược hạ trở xuống là dùng vật

dư làm vật thọ, trước nói rõ thêm thọ thất tịnh, ngăn ngừa không dư là do tịnh vốn ngăn chứa dư, nay chẳng phải dư. Ở sau nói rõ lại xả thọ, e rằng sau khi đã tịnh không cần nữa. Lại ở sau ý dự định chẳng phải dư tức y cứ vào số ba y.

Hỏi: Ở sau phải trì thêm không?

Đáp: Chỉ cần khỏi chứa dư thì không cần phải trì thêm, nên biết y thành khác nhau tự thọ thêm.

Ở sau nói về hạn lượng thước tấc: là nói rõ hạn hai lượng ngoài hạn lượng chẳng phải pháp phục, văn nên một y còn hai thứ y theo loại. Tiết vốn âm là chữ tiết, phải làm tiết âm, điệp là bông và vải bố, trong lời hỏi lấy ngày rằm làm cứ, y tính từ ngày mười một đến ngày hai mươi chín hễ đủ thì liền thành, đã đưa ra mười ngày không cho khai thêm, như cắt rọc chỉ sợi tức khỏi lỗi chứa dư (lại vì thọ thêm). Ở đây chỉ làm trái với trên nên phải thông hiểu. Trong lời đáp trước y cứ vào có không để chia ra hai thứ khác nhau. Đầu tháng và ngày rằm, nhân kia chỉ có ba y và Già-lê của Tỳ-kheo, nên bị hư nát mười ngày làm chưa xong bèn khai cho một tháng, nên biết ở trước có nói rõ.

Phần thượng hạ, quyết phần thượng chỉ ra làm không khai cho vốn có, trong phần kết những điều phải chỉ bày ngắn gọn những vật khác chẳng phải đã phạm, ở sau dẫn chứng là các việc y cứ vào số ngày để chia ra bốn y. Đại y là y năm ngày, y bảy điều là y bốn ngày, y năm điều là y hai ngày, y dư là y một ngày, sợ họ chứa y phế bỏ nghiệp ta hành. Y cứ vào hạn lượng của ngày thì rõ ràng chẳng phải vật khác, ngoài ra trong các duyên như ở khoa đầu.

Thứ hai thuộc về đã định, tuy đã dư mà quên các duyên khác nhau không nhất định. Nói quên, v.v... là ở sau có tám môn, không phạm đều chẳng phải nhất định. Trong đoạn ba chú giải vải lông là ở đây y cứ vào tướng y không thành mà vì họ giải thích duyên thứ ba, nói rõ trong phần chừng. Nói địa xong tức minh tướng hiện, mới có thể hiện rõ, chỉ đồng với ở trước là phần thượng nói quá giới hạn tác pháp, sám hối Đột-cát-la.

Khoa kế nói ràng buộc là bất luận thể tài đồng hay khác, nhiều hay ít, đồng thì làm một vật, không ràng buộc là dù ở một chỗ cũng tùy theo việc mà có phạm khác nhau, việc thuyết tịnh ly hợp cũng đồng. Trong tướng nhiễm ngày đầu được là năng nhiễm, chín ngày sau được là sở nhiễm, e rằng thể tài đại tửu khác nhau, không có tướng nhiễm, hoặc có thể trước kia tính không đúng lượng thì không phạm, nên hỏi để quyết nghi.

Trong phần đầu hỏi đáp, câu trên chánh đáp như ở sau sẽ nêu. Do trước giới ăn no đủ khoảng năm việc chánh, sau nầy phạm chung hai giới ăn, có thể là nêu bày sở nhiễm (xưa nói đều làm cách sám là sai, y tuy là tướng nhiễm mà tội tùy theo lớn nhỏ không thể lẫn lộn).

Kế là trong phần hỏi đáp, trước nói rõ sám hối đồng với ở sau chỉ bày nhiễm đồng. Lớn là đúng lượng, nhỏ là không đúng lượng, trong luật nêu kết như trước đã dẫn ra.

Giải thích trong phần thứ tư luật Tăng-kỳ văn chia làm hai.

Ban đầu nói chung sáu duyên đều chưa vào tay nên không phạm. Từ nhược hạ trở xuống là hai pháp chi bày khác nhau. Vật của tăng lại có hai.

Đầu tiên nói không có phần.

Hỏi: Khác với trước thế nào?

Đáp: Trước nói phân chia vào tay, thì rõ phần chưa thuộc về mình. Ở đây nói Tăng chưa chia thì là một bề chưa có phần. Như kế ở sau nói đã phân chia, một người tác tịnh chung đến người khác. Trong chú giải nói rõ hai người cùng phân chia là phạm, ở đây nói không tác tịnh quá ngày phạm xả đọa nên phải hòa hợp, cùng sinh hoạt thuộc về mình đã định, không phân chia nhau trái lại nên chẳng trái nhau. Năm việc trong luật Tứ Phần là trong hai y nêu bày đủ, y dư là một trong năm y đã vào tay, bên tăng thiếu mất mà không đối thuyết, nhưng tay chưa được cầm nắm thì cho đợi người, y theo nghĩa sau đây mà quyết định. Phương khác là chỉ chung chỗ có tăng, lại như xứ nầy ở bên tăng phần nhiều phải lập, ở chỗ không có tăng phải y theo trên mà khai ra. Trong Đà luận có bốn loại, ba là thân thọ, tưởng tức tâm ràng buộc không đợi thân xúc chạm, nói luận y cứ về mắt và thân trải qua thành bốn câu.

Câu đầu nói nhập vào toán số. Từ đây làm đầu tính đến mười ngày. Câu kế không nêu ra tướng kia, như mây mù trong tối mà thọ vật. Thứ ba cũng đều vào toán số nên biết. Trái lại thì chẳng phải toán số, đặc biệt hiển bày tướng lạ. Thứ tư đều chẳng phải như vật ở chỗ khác sai bảo, khiến cho thọ tâm và loại tác tưởng Đà luận, đều được nhập vào toán số. Giải thích phần thứ hai có tám môn không nhiễm.

Đầu tiên khéo chỉ bày môn thứ nhất, trong luật cú pháp rất rườm rà, người nào cần thì tự xem xét, trong đó có mười đoạn.

Đoạn đầu mười ngày đều được, nay trong sớ sao không nêu ra.

Đoạn thứ hai chỉ có một ngày không được tự có chín câu. Trong sớ sao chép: hai ngày không được thì đây nêu câu đầu. Trong văn nói: ngày đầu được, ngày thứ hai không được, ngày thứ ba cho đến ngày

thứ mười được, trong ngày thứ chín được đều là phạm Ni Tát-kỳ (trong khoảng giữa đạt khái lại có bảy câu, còn cho đến bao gồm trong đó. Như nói ngày thứ nhất được, ngày thứ hai được, ngày thứ ba không được, như vậy bèn tùy theo câu đưa ra một ngày cho đến ngày thứ mười một thì đây nêu câu thứ chín (hợp thành chữ (thập nhật) ở đời lầm lẫn phần nhiều giải sai, do không xem kỹ văn). Trong văn nói: một ngày, hai ngày cho đến chín ngày được, mười ngày không được, trong chín ngày đã được y đều phạm Ni Tát-kỳ. Trong luật nêu ra tám ngày được, hai ngày không được, cho đến rốt sau một ngày được, chín ngày không được cộng với tám đoạn, trong sớ sao đều lược nhưng nói rõ ngôi vị đầu thứ hai và hai câu sau, ngoài ra nên biết.

Nhưng nếu ngày không được y thì không có tướng nhiễm, nên nói chung đều không phạm. Như ở sau kết trước nêu sau nên nói chung là tám môn. Không có pháp duyên thì chẳng phải tám môn khai ra. Hai thì ở sau nêu bày bảy môn khác (làm câu đều đồng ở trước nêu ra đầy đủ như có khác nhau).

Bốn tức đoạt mất. Năm là bị cháy bị trôi nên trong chú giải có nói. Trước tức thiêu đốt, trong sáu thứ lần lượt làm mũ và nón vớ không thuộc về chứa dư. Thứ tám trong chú giải câu đầu gồm nêu, hai câu kế giải thích riêng, câu sau nêu bày để khai trong thay đổi văn đầu, do luật nói chung cho giải thích văn khác, nên phải quyết đúng, khoa kế hai câu đầu nêu ra giải thích xưa, văn ấy cho rằng đổi được y mới vì y trước nhiễm phạm nên phạm Ni-tát-kỳ, không được dùng nên phạm tội Đột-cát-la, ở sau luận dẫn ra phân tích văn có hai đoạn.

Đầu tiên nói về sám hối xả đọa, sau tuy đổi lại đều từ phạm căn bản, đúng và không đúng hai thứ khác nhau (trên là nhân nêu ra văn sau là dùng). Hai y là đúng lượng và không đúng lượng, ở sau đồng.

Hai như ở sau chính là nói rõ thay đổi văn nói trao đổi, văn nói ở sau y không sám hối, không xả rất là sai lầm. Đã nhập tịnh là y mới không nhuộm nên là tịnh pháp. Trong ba đoạn văn ở đầu nói về một đề, y theo trên luận nói sám tội trước, kế là phân tích một kết, sau dẫn luật để chứng minh, văn chế không nên trái giáo phần kết nói về chữ "kết". Trong cái không phạm khoa đầu, trừ tám môn trước có hai, ba nhị vị trở xuống nói về y bị đoạt, bị mất, bị đốt, bị trôi, đồng với bốn, năm pháp trước còn lại sơ lược không nêu ra. Kế là trong tưởng khác nói cướp đoạt, v.v... là luật nêu bày bốn tưởng, ở đây chỉ nói về cướp đoạt, còn lại ba thứ sau ý là đồng, luật nầy chỉ khai không phạm, nếu không rõ thì khai lại, nên dẫn trong luật Thập Tụng để quyết định. Trong ba đoạn

văn đầu bốn duyên khai ra là y cứ vọng tưởng ở trước, ở đây y cứ vào mất thật nên chú giải ngắn gọn.

Hỏi: Nếu sự thật bị cướp đoạt, bị mất làm sao cho được?

Đáp: Y bị cướp đoạt, bị mất, bị nước trôi đều được thọ lại, bị cháy có nghĩa dư tàn cũng không rõ ràng, trong văn chú giải câu cuối do nơi điểm tịnh thọ trì do các duyên bị đoạt bị mất vốn là cách thọ. Sau được trở lại, nghĩa ở duyên lìa y đồng với nhân chỉ bày. Khoa kế chia làm ba: đầu tiên lập lại giải thích: nói thủ chấp nghĩa là có phạm xả ba y, do mất y chánh thì không có lỗi chứa dư, có thể lấy giữ dùng nên nêu bày không phạm. Trong phần chú giải giải thích rất rõ. Già-luận trở xuống kế là dẫn chứng, y quá mười ngày tức phạm chứa y dư là ý do có phạm ắt không lìa y ngã nên lập lời hỏi nầy.

Trong lời đáp có thể chứng minh thọ thêm mà được thành. Tại sao ở sau nhiều lần giải thích ngăn ngừa, trước chỉ nói là ngay trong thay đổi, luật nói không được nên phải thông hiểu. Trong lời đáp câu đầu giải thích chung văn trước, nay ở sau chính là hiển rõ y hôm nay, màu sắc cũng như số. Ở sau dẫn ra hai văn, sắc thể không bằng và cho thọ thêm đủ để ngày nay nêu bày.

Hỏi: Vì khi tạm thời khai hay vì được mong cầu mà làm?

Đáp: Văn giống như tạm thời khai mà không ngăn thường dùng, nay đem nghĩa phân tích hoặc có thể tìm cầu khác nhau, cuối cùng mưu kế chưa bằng tạm dùng càng tốt, hoặc giữ mình ít muốn đến thân hình ăn mặc đầy đủ, nghĩa chung lâu dài, năm đại trong luật Thiện Kiến thông suốt thâu nhiếp chánh giữa. Trong luật Tăng-kỳ nói y thế tục họ nhân đó mượn đắp tác tịnh, đặt khuy nút. Trong luật Tứ Phần chú giải nói vật riêng: là do dùng vật nặng nên y theo đó mà biết. Nhập tịnh mới có lỗi chứa dư, mền nệm thuyết tịnh trong các luật không có văn, nên nói không thấy v.v... Ở sau dẫn trong luật Thập Tụng nói tăng được thọ riêng, nhưng chỉ được thọ dụng không nói thuyết tịnh. Trong luật Ngũ Phần nói trao y thì luật tác pháp thọ y phó chúc. Tức người được gửi đem cất. Thủy lục, v.v... đây đều là y của người bị ngăn cách không kịp cho nên khai, lưu thông tác định đều không phạm nên nói vân vân.

***Giới thứ hai:***

Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, có nhóm Tỳ-kheo sáu vị đem y đến gởi người bà con rồi dạo đi, cho nên chế. Nói trong ba y xem sơ lược y khác. Ngủ đêm là kết tội phạm phần hạn. Nêu bày trong các duyên thứ ba bao gồm chung bốn thứ vô ngại như ở sau có giải thích đủ.

Thứ tư là nếu có duyên đến không kịp thì luật khai cho ở xa xả, nếu về kịp thì cả hai đều không phạm, chẳng phải đây thì là duyên phạm. Thứ năm nêu bảy duyên chung khai cho. Giải thích trong pháp thứ nhất văn đầu trước chỉ bày tướng tội, năm y là phụ thêm chế cho ni Kỳ-chi, phù kiên y đều thuộc vào pháp chế, chẳng phải ở sau giải thích ở y dư ở trước.

Đầu tiên chánh giải thích, chứa dư trở xuống là theo chỗ xưa, trong luật nói y dư là chung cho vật dư, lìa y cũng phạm Đột-cát-la. Y cứ vào luật căn bản, hai pháp trước đều bị tội nặng nhẹ cho chế khác, hai cách sau đều xét theo tội, có không là cách phân thọ vật tịnh thuộc về mình và người. Ở sau chỉ giới có sở giải sẽ thấy giới lìa y, trong hai pháp cốt yếu nói rõ thọ trì, mà chỉ cách nay y là để làm đúng pháp mới thành thọ. Trong ba khoa, khoa đầu trước chỉ bày ra, như ở sau trong phần giải thích nêu đủ bộ hiệu, trên dưới chỉ bày thông bít. Đầu tiên là chánh chỉ bày, tác pháp tự nhiên torng mỗi giới đều đủ ba thứ vô ngại, nên nói giới chung đều có. Giới và ngại không thông, luật nói già-lam nầy chẳng phải già-lam kia, xe cây, v.v... đều như vậy. Nên trở xuống là dẫn chứng nghĩa chung.

Xưa cho rằng tướng Già-lam hoại rừng xe cây mọc nên nói (từng ấy). Nay ý không phải như vậy, cho nên chú giải để chỉ bày. Riêng trong phần giải thích nhiễm ngại chia làm hai.

Trước dẫn duyên chế, khiến cho dứt bỏ thôn là tác pháp lập tức, làm lại Yết-ma nhiếp y, năm nghĩa xuất xứ trong luận Tát-ba-đa, văn lược bớt một và ba.

1- Nhóm lại lộn xộn không nhất định (chỉ có giới y là hạn định).

3- Dứt bỏ tranh cãi tức kế sau giải thích ý chế. Tình nữ dâm đãng, tăng vốn tinh khiết, nên nói trái ngược, nghịch cũng là trái. Dù không làm quấy cũng sinh nghi chê bai, nên nói chê bai, ở sau Đức Phật gồm nêu các loại giới hiển bày chế nầy, ngủ và đi mỗi phen ngồi gồm thâu ở chỗ vắng và trống hai pháp không nhất định, đồng ở chung tức trừ thôn ra, như ở sau biết chỉ bày danh tướng, trong cách ngại dẫn duyên luật tuy không lìa tội mà không ngại mất thọ, nên được thành ngại, chữ sáp viết lầm luật thành khó khăn, ở sau dẫn trong Tăng-kỳ, trong Tăng-kỳ có việc phân chia, có chìa khóa, có bậc thang đều có thể vào, nên trái lại đây thành ngại. Trong tình ngại có ba đoạn văn đều y cứ theo tâm tưởng thành ngại, văn trong bổn luật thấy không phạm, Tăng-kỳ như tộc giới ở sau. Trong luận Tát-bà-đa người đi đại tiểu thì trong luận tác pháp chỗ đi lại, tức là đường đi (hoặc nói chỗ tiện lợi). Dương thần ỷ

thế lực, huyễn thuật mê hoặc chúng, âm nhạc làm lung lạc tâm hồn. Tất cả những người này đều có thể sợ tránh nên thành ra ngại, để ở sau kết tên. Trong giới ngại khoa đầu, trước chỉ bày hai giới, trên dưới nói rõ ngại khác.

Ban đầu nói về giới chung cho ba ngại. Như ở sau chánh hiển bày giới ngại. Văn nói mỗi giới giữ gìn chung, thì hiển bày lẫn nhau không chung, năm pháp dẫn chứng ở sau không tự tại, nghĩa là có ba ngại, trái lại ở trên lá được tự tại. Riêng trong phần giải thích văn, ban đầu tác pháp ngữ thông, ở đây cho hai rằng kết y nhiếp giới. Như riêng nhiếp về tăng, chỉ thuộc giới già-lam tự nhiên. Ở sau là thiên hai y, khoa kế đăng ở trong giới thông, khoa kế thể biệt tướng đồng nên hợp lại nói rõ. Ban đầu là nêu danh, đều ở sau chỉ bày tướng, tướng vách là một hàng rào chia làm hai, hai loại nầy đều y cứ vào vây quanh. Rào tường không khắp chia làm ba, nghĩa là vây quanh bốn bên có thiếu, nếu chỉ có ba phía có ngăn che cũng thành tướng thôn, chung quanh bốn phía nhà chia làm bốn.

Nghĩa là trên có ngăn che như rèm tướng v.v...

Khoa kế dẫn các việc xưa trong đó trước đưa ra ý xưa, từ đây trở xuống là đoạt phá, đã nói tướng hoại thì chẳng phải già-lam thôn xóm, xe cây tự lập nên nói là biệt giới.

Sớ chép: Nếu thiếu chẳng phải việc của Già-lam đồng với đồng trống. Nay trong giải thích, đầu tiên lập nghĩa, từ chữ Tăng trở xuống dẫn chứng văn như trước đã giải thích, chính ở sau đưa ra nêu bày, phòng nhà bao gồm kho chứa, v.v... chùa ni tức Già-lam tướng khác rất dễ thấy.

Ba món ngại đồng biệt đều đồng Già-lam và thôn xóm, nên nói cũng vậy. Trong giới cây, văn ở đầu và mọi người là chỉ bày hạn lượng cao. Bóng râm của ngồi kiết già tức là mức lượng rộng, tướng nầy rất nhỏ, về sau không dùng nên chú giải chỉ bày, khoa kế trong luật Thập Tụng, riêng về cây gọi là cây nối tiếp nhau thành rừng, mỗi cây hiển bày phần chứng như văn rất dễ thấy. Câu-lô-xá là hai dặm. Trong luật Thiện Kiến ban đầu văn của luận, cây là lấy lúc bóng che tùy theo lớn nhỏ, rừng không có giới hạn nên y cứ vào lượng khuỷu tay, mười bốn khuỷu gồm hai trượng năm thước hai tấc, được bốn bước hơn hai thước, người qua lại cho rằng có ngại. Trên dưới hội thông, luật luận tướng rừng khác nhau, nan tức là ngại, trong luật Tăng-kỳ man là đậu tía, hai mươi lăm khuỷu tay gồm bốn trượng năm thước, được bảy bước rưỡi, bốn phía lấy đó thì cách nhau mười lăm bước, ở đây y cứ rộng nhất để

ước lượng, hẹp thì tùy theo giá lớn nhỏ, trên dưới chính giữa dẫn ra luận chánh lấy tướng cây. Lầu là tướng nhân, trên là chỗ ở dưới là nói có nghĩa đây, không cần nơi ở, giới tràng tùy theo chỗ nên không rõ hạn lượng. Trong xe thuyền ban đầu nêu tên, đều ở lục địa xe không xuống nước, cần gì phải phân biệt lục địa y cứ nghĩa, hợp lại nói đều ở trên đất, nói tướng tu mới hiển rõ, luật trở xuống là dẫn bày.

Ban đầu nói hạn lượng chỗ ở xoay chuyển lấy chu vi nội địa. Từ mười trở xuống nói về hạn lượng đi, ban đầu nói đi xe khoảng nhiều xe nối tiếp nhau mà nói. Chỗ quơ gậy đến, gậy là vật mà người ngồi trên xe cầm.

Trong luật Tăng-kỳ trở xuống nói đi thuyền, nhiều chỗ ở, tức là trước sau trong một thuyền mỗi mỗi đều y cứ giới hạn của nhà cửa khoa đầu trước chỉ bày thể, luật chỉ nêu bày tên, nên nói là vô tướng. Nhà ngoài thôn, tức các loại am tranh, nhà cửa trong ruộng vườn ngày nay, thôn xóm như ở sau tức chỉ bày khoa sau. Chữ Tăng trở xuống là nói về hạn lượng. Trước y theo luật Tăng-kỳ nói lầu gác thì lấy cầu thang ghế ngồi bên ngoài.

Kế y cứ vào bổn tông kho lẫm, y cứ bốn phía bên trong. Hai luật không đưa ra hạn lượng chánh của giới hạn nhà, nên nói là cả hai không có. Nay y theo dùng giới hạn riêng tùy theo người lấy hay bỏ, nên nói được tùy ý. Có chỗ nói: theo luật Tăng-kỳ thì không có bốn chương, có nơi thì lấy trong luật Tứ Phần, khoa kế có nêu trong đó. Nếu y cứ theo thôn xóm, xóm làng hợp lại ở ban đầu có nói, nhưng nhà ở ngoài tụ lại, nên phải nói rõ. Lại do nhà và xóm làng hai giới xen lẫn nhau nên nương đây để giải thích, nên nói đối với các pháp trên do đó giải thích, văn đầu tiên trong xóm làng. Trong Tứ Phần nói thôn xóm, làng ấp danh tướng chẳng khác. Trong luật Thiện Kiến y cứ vào thành thị lại phân ra tên gọi có khác, cho đến nói về tướng hộ y cũng không khác, trong luận Tát-ba-đa chép: bốn câu xóm làng chỉ ở một nhà thì y giới hạn xóm làng, nhiều nhà tức từ giới hạn cửa nhà, nên xem xét ở đây có khác mới không xen lộn nhau.

Khoa kế định danh trong đó, cộng trụ tức nghĩa xóm làng, cũng như ở vậy. Nay đây không giải thích, không lấy hai phần trong luật Thiện Kiến y cứ vào thành thị. Trong giới xóm làng chia làm hai, ban đầu nói về biệt giới, văn nêu ba tướng tùy theo một tướng nào làm chuẩn, trong luận tính người ở trong đó bắn tên không gần không xa, ở đây cho rằng phần chứng ngoài xóm làng, trong là một giới, ngoài là giới khác.

Kế trong đồng giới lại có hai:

Ban đầu đến cũng vậy, tức là xóm làng chẳng phải nhà.

Kế nếu đông tức là nhà chẳng phải tu, trong ban đầu trước y cứ vào nhiều xóm làng liên tiếp tay xe xoay chuyển. Luận chép: hai bên có xóm làng, chặng giữa có đường cho xe đi lại. Nếu hai đầu trục xe đến xóm làng thì không mất y. Lại nói rằng: bốn bên có xóm làng lấy mười hai bậc thang bốn phía đến trên tường lên xuống, ra vào không lìa y. Văn nêu xe bậc thang là dùng bậc thang chỉ bày tướng, xe có thể y cứ theo đồng. Ở đây nói bốn tướng xóm làng và hợp thành một giới, tùy theo y ở chỗ nào đều không thành mất. Xóm làng trở xuống, y cứ một xóm làng không nhiếp hộ. Ban đầu nói ngoài nhà không mất, vì không xóm làng cho nên như trong chú giải đã nói, xe bậc thang lên xuống, là nói làm bậc thang để lên xuống xe.

Nếu tự nhiên tức phần chứng ngoài xóm làng.

Trên y cứ vào trong áo ngoài thân.

Nếu dưới y xen trái nghĩa trên, đều đồng không mất (trên đều là câu đầu trong luận Tát-bà-đa).

Kế là nhà chẳng phải trong xóm làng, do nhiều nhà giới riêng không thông với xóm làng nên nhà trong giới (tức hai ba câu trước).

Ban đầu nêu bày hai lần giải thích, giới riêng không chung tức là nhiếp tụ, đồng giới chung nhà cho nên bổn lập. Trong giới tụ nêu giải thích đồng với trên.

Mỗi trụ xứ là trong một nhà riêng giới hạn của tụ.

Giới riêng có hai.

Ban đầu làm thức ăn, v.v... tức chúng cùng chỗ, kế là hai chỗ tức khác chỗ tụ, trong nhiều xóm làng hai văn có thể hiểu.

Trong luật Tăng-kỳ nói y lìa đầu là phạm, do lùi đứng dậy thân ở xóm làng khác (không đồng với xe và bậc thang trong luận Tát-bà-đa nói) trong nhà riêng.

Trong luật Thập Tụng giới hạn của nhà gọi là lạm Tứ phần, hiển bày tướng tự khác, như văn rất dễ thấy.

Văn đầu tiên trước nói thấy khác, nhà cửa, v.v... tức các chỗ ở, một nhà, nhà khác tức các chỗ ở, như ở sau nói thấy đồng. Do tình đồng nên kia đây hộ chung.

Người cười giỡn gọi là các người có tài năng đùa giỡn.

Dạo đi qua lại tạm nghỉ ở nhà đều là nhóm lại. Hiện về phạm hay không phạm phần nhiều đồng với ngoại đạo. Thù trong là ở trong nhà, cũng y cứ về đồng khác của chủ hiện tướng không mất, tìm văn có thể

hiểu. Trong phần biết có chỉ bày cho phép còn dùng.

Hỏi: Thôn giới trong Tứ Phần khác với đây chỗ nào.

Đáp: Nếu y cứ về tướng, nói về hạn cuộc bốn tướng của thôn xóm thì thôn xóm chung giới hạn. Nếu y cứ tên nói về thôn xóm thì không có riêng, lại thôn xóm chỉ có một tướng xóm làng thông nhiều chỗ.

Hỏi: Môn nầy đã nói rõ xóm làng nhà các giới trong mười hai loại thuộc về chỗ nào?

Đáp: Đây tức là bao gồm các bộ.

Trước nói về giới hạn của thôn, tướng có khác nhau, y cứ sai biệt thì các tướng khác nhau, thông về luận thì đều quy nhiếp về thôn, nhà và kho lẫm đều lấy trong giới hạn, nghĩa đồng với tướng thôn, nhưng sự dụng có khác nhau, cho nên chia ra khác. Trong Lan-nhã, chú thích không có giới hạn e người hiểu lầm không có giới hạn Lan-nhã.

Tám cây có bảy khoảng, một cung có bảy thước hai tấc, bảy cung thành năm trượng bốn tấc, bảy khoảng gồm ba mươi lăm trượng hai thước tám tấc, sáu thước là bước, có năm mươi bước, gồm ba mươi trượng, tám bước gồm bốn trượng tám thước, chỗ khác như trong sớ sao, bao gồm phần thế lại thêm mười ba bước, thì bảy mươi mốt bước bốn thước tám tấc, nên gọi là có dư. Trong bộ khác nói đạo hành giới.

Văn đầu tiên trước nói về hạn lượng của giới, bốn mươi chín tầm, một tầm dài tám thước, gồm ba mươi chín trượng hai thước, tổng cộng hơn sáu mươi lăm bước.

Trong luận Tát-bà-đa ở sau có nói bề dọc bề rộng, nghĩa là lấy từ bốn hướng thân người. Trong luật Tăng-kỳ ở sau giải quyết nghi ngại, trong giới đạo hành lìa phạm giống như ngoài hạn lượng, nên y cứ vào cây Lan-nhã khác giới hạn để quyết nghi.

Khoa đầu trong duyên khác, trong luật Thiện Kiến có hai.

Ban đầu nói không mất, người và y đồng giới khởi tưởng hư dối, nương ví dụ ở sau, sư trước vào giới.

Thứ tư: nghĩa là ngoài giới hạn không mất y chỉ, luật trở xuống hội lại có khác, trong luật bị cướp, bị mất, v.v... tưởng mất y không có tội khác với luận, nên y cứ ngoài giới hạn là thông, y theo ở sau chú giải rằng: luật y cứ mất thể, luận y cứ mất thọ, cho nên mất khác với không mất, thì không nói về trong ngoài của giới. Như thế ở sau nói về mất.

Hạ chưa đủ là do đủ năm hạ cho lìa y chỉ, lìa thầy phạm Đột-cát-la nghe pháp, khai cho lìa y, Hòa-thượng lợi ích không bằng người khác. Trong gặp duyên trước dẫn văn luận có hai duyên. Tiểu tiện, v.v... là tự duyên gấp thêm vào thực hành là duyên khác.

Giới hạn của xe chuyển là xưa có ghi dẫn trong sớ sao rằng: Tỳ-kheo ra khỏi giới trở về chùa mấy bước minh tướng xuất hiện, bạch Phật, Đức Phật cho ở chỗ minh tướng xuất hiện đó để một xe (lấy một cành tre cao bằng Tăng-già-lam, đem một đầu cây đây để vào trong xe, một đầu để ngoài xe xoay chuyển xe nầy. Nếu đầu cây bỏ đến tưởng già-lam lại xoay chuyển chỗ minh tướng xuất hiện thì y không mất, tức duyên khai lìa y có đủ nhiều tướng, nên nói là nói rộng.

Kế là đưa ra sớ giải, ban đầu giải tự duyên, bịnh sợ sệt là giải các chữ trên.

Lại ở sau giải thêm hạnh khác ban dầu nêu bày khai cho.

Sau người đi trở xuống lập lại lời giải, cho nạn đây là giải khởi lòng thương.

Tác nghĩa là hưng đây khai ra lời dạy.

Châu giới có mười bốn thôn cũng y cứ vào đại, tiểu tức tùy theo chỗ.

Thủy giới trong luật Thiện Kiến, Mẫu luận y cứ về hai giới hạn thủy lục quả nhiên giải thích về mất.

Trong luật Tăng-kỳ nói hạn lượng giữa nước, nghĩa là lội nước là lên thuyền, tức thuộc về giới hạn của thuyền, nên đặc biệt phân biệt đó.

Trong giới hạn của hạt giống, ban đầu ngủ bên giếng thì y theo hạn lượng khuỷu tay. Sau nói trong giếng, nhưng y theo giống được không lấy hạn lượng bên ngoài. Tay và giây là hoặc tay hoặc giây đều được thông hội. Cùng với trên có khác nhau là đưa ra lý do.

Về sai chỉ bày có thể hiểu. Văn đầu tiên trong thế phần, ba câu đầu biết trước, như ở sau dẫn ra chỉ bày. Ban đầu dẫn văn giới hạn của Già-lam, còn mười món đều đồng, nên nói nãi chí, v.v... trong các bộ có nêu.

Nói đều không là như y cứ vào luận nói nghĩa là xe chuyện phần nhiều luận như tên bắn và chỗ đồng, giống như là thế phần nhưng không chỉ rõ.

Trong luật Thiện Kiến câu đầu nêu bày, trong luật trở xuống dẫn văn khác nhau.

Việc khác là trong luật giải thích giới hạn của giới trộm xóm làng Lan-nhã, chẳng phải giới hạn của y.

Các sư trở xuống là định hạn lượng. Mười ba bước tức bảy trượng tám thước, tức về sau nói rõ các giới thông bít.

Hỏi: Các pháp vì sao không thông.

Đáp: Giới sớ nói có ba cách giải thích.

1- Vì pháp có cho nên không, vì pháp không cho nên có.

2- Tự nhiên trong ngoài đều là pháp không. Trong tác pháp là pháp có, ngoài thì pháp không.

3- Tự nhiên là bổn chế cho nên khai, tác pháp là khai, tác pháp là khai nên không khai lại.

Trong luật Tăng-kỳ khoa đầu văn có sau cách khai, ban đầu khai mượn nói chúng chứa y dư thọ thêm, y theo nên xa xả y cũ.

Không hề ở sau khai mượn vật thế tục.

Tác tịnh nghĩa là điểm hoại.

Lại ba cách sau khai chạy lại ngoài cửa.

Chờ vượt thành ra là Già-lam liên Tây Vức phần nhiều ở Lan-nhã. Cho nên trong chú giải đầu tiên nói về lý do đến cửa không mất.

Trong luận trở xuống điểm bộ khác nhau, như ở sau bốn lần khai thân phần vào giới, nếu không gọi là nhà cửa.

Không và giới liên tiếp là ngòi rãnh.

Lại ở sau năm cách khai vượt tường.

Chờ khiến người nghi là phải nói khiến cho họ biết. Nếu không trở xuống sáu lần khai từ xa xả, sáng hôm sau phạm thiếu hư hai kiết, không đến phạm xả đọa, nên nhẹ đổi thành nặng.

Khoa kế đầu tiên nói về y theo ở trên dạy gấp rút để xét lại bổn tông, tuy khai thế phần phải y cứ vào vô ngại có thì đồng với luật, nên ở sau chỉ bày.

Đầu tiên nói về không phạm, ba việc chậm gấp, đầu tiên nói có thể nhập, ở hai pháp sau hiển rõ có ngại, không có thế phần.

Chú giải rằng: Việc ngoài giới tuy chẳng phải ngại bên trong thì ở ngoài có duyên cũng khai xả (295), nên ở đây tạm nói rõ, nếu không kế ở sau nói rõ lìa phạm, văn đầu tiên trong mạnh yếu.

1- Một là trong luật có mười một giới đều có lời nầy, văn đầu tiên trong phần tướng nhiếp, trước nói chúng tăng thôn xóm có thể nhiếp giới khác. Trong Già-lam có xóm làng thì không có tướng nhiếp, vì cả hai đều mạnh. Cây nhà là nhà, tức giảng đường, nhà kho, v.v... Chữ chư trở xuống là nói giới khác tự không có tướng nhiếp, xen nhau đi thông suốt nên không có thế phần khác nhau.

2- Trong phần là đều lấy phân nửa, nên tùy theo chỗ xa gần, không cần mười ba bước như ở sau có chỉ bày.

Trong phần ba nhà và kho lẫm, cả ba đều có tướng nên lựa chọn khác nhau.

Đầu tiên nói kho lẫm thuộc về giới, văn lược giới hạn của kho.

Không là kế ở sau nói giới khác không có tướng nhiếp.

Ban đầu là chánh nói, như ở sau có nêu bày.

Không tịnh khắp là tường rào, không có một trong bốn vòng, quyển sau có nói đủ.

Loại là nêu bày kia đây, có thể nói không nhiếp, như ở sau nói rõ đều lập như dưới cây có xe, y theo cây thì giới hạn của cây, y theo xe thì giới hạn của xe, nên nói mỗi mỗi khác nhau.

Như trong lời sớ là luật nói: ở dưới cây mọi cây và bãi để xe v.v... để không có việc khác, khác giới hạn khác như rừng cây mọc, v.v...

Giải thích trong pháp thứ năm, nói rằng nêu bày sơ lược là luật nói không có duyên, chỉ y cứ vào Ca-đề một tháng, nay thông bao gồm các pháp khai, vì ở đây chỉ bày rộng. Riêng trong phần giải thích ban đầu nói có duyên, ngoài giới cho pháp xả thọ, không đồng đối với tăng tác pháp khai lìa, nên chú giải ngắn gọn.

Trong phần hai chia làm hai loại:

Ban đầu trong pháp khất chú giải rằng: ba mươi là khai cho phần chứng khất.

Xưa chép rằng: trong luận Tát-bà-đa là bảy mươi, nhưng giới số văn luật đều làm ba mươi, chưa rõ là ai. Như sớ tức giới sớ trong giới lìa y nói rộng về duyên tướng, phải y cứ y nặng của người bịnh mới thành tác pháp, xen có không thành.

Kế làm Ca-hy là Yết-ma. Thọ rồi khai cho năm tháng lìa y cũng đồng với tăng tác pháp, nên như trong tự tứ.

3- Dời chỗ ở trong đó không gọi là khai lìa, kết nhiếp y đã ngoài già-lam, trong giới đồng không mất.

4- Như giới sau.

5- Tức ngay giới khai thông.

6- Nói hạ xong khai chung một tháng.

7- Cũng ra khỏi lan-nhã lìa y giới. Nhưng y cứ vào nạn giặc duyên riêng là khác.

Khoa đầu trong khoa giảng, lan-nhã gồm có không, không có pháp là bổn vị, có pháp là quy về pháp khai ban đầu (y theo đây nạn giặc duyên riêng, đồng khai sáu đêm, có người giải lầm giới sau, xin lấy đây làm chứng). Khoa kế chỉ bày năm duyên không tội, thì hiển bày hai thứ khác có tội.

Lấy vật nhẹ đổi vật nặng là có tội nên biết. Thứ ba đối với chỗ nào mắc tội. Ở đây cho rằng ba món ngại sau sinh, hoặc cho lìa phạm,

vì chẳng phải một bề không.

Trong phần ba pháp thứ năm mong đoạn mất là do gặp phải ngăn cách, không biết chỗ ở của y không cho là mất. Không mất như ở sau tức trong cái không phạm cẩn thận giữ gìn.

Thứ hai có duyên cho là bịnh chưa lành. Lúc bấy giờ cho là chưa đủ năm tháng, còn một thứ là thứ tư có nạn không mất, vì khó yên tĩnh nên mất.

Thứ sáu Ca-đề chưa hết không mất.

Thứ bảy sáu đêm không mất, vượt quá đây thì mất, chỉ có duyên thứ nhất xả bỏ duyên mất hẳn.

Trong cái không phạm, ban đầu nói về năm tưởng.

Hoại tưởng nghĩa là nát, v.v... trong chú giải ban đầu giải thích không phạm, quyết định hai câu sau giải thích mất thọ tưởng, không có hai câu sau giải thích ý vô tội. Kế dẫn trong luật Thiện Kiến hòa hợp trái nhau. Câu đầu chỉ luận bàn, tức văn của giới đạo hành ở trước, Sư ở sau đưa ra ý luận, chỉ nghi ở bên ngoài cách ánh sáng mất pháp, vì không lo mất thể, dưới đây nêu ra ý luật ngày nay khác trước nên biết. Nếu ở sau nêu bày các duyên đều là khó khai, từ đây trở xuống chung chia ra năm tướng. Giặc, ác thú, v.v... là tình ngại, đường thủy đường bộ cắt đoạn là cách ngại. Trong cái ân cần khi đối nghĩa chia có ba.

Ban đầu nói về trước trêu mạn mất pháp mắc tội, nếu ở sau nói rõ siêng năng hộ pháp thì vô tội, văn có hai: ban đầu là chánh pháp, hai câu trên nêu duyên khó thường, ở sau nói về pháp tồn tại, từ đây trở xuống giải thích vô tội, như ở sau nêu bày hai đoạn, siêng hộ đã muốn ở đây lẽ ra pháp còn, chữ trước trở xuống ba lần nói rõ mất pháp vô tội, tức trên không hạm trong khoa sự cách thì chung gồm các ngại, chẳng phải lỗi tình nên vô tội, đây cũng là người cần hộ. Nhưng y cứ vào không biết trông mong đoạn để thành khác trong nhiễm ngại, tấn thối tức phạm, không phạm, y theo trên tình chia ra ba đoạn, nên nói so sánh hai giới ngại nên biết, nên không ở lời nói, lại ở sau phân tích xưa, không chung các bộ là duyên xuất xứ từ trong nhiều luận, v.v... như trước đã dẫn. Trong lời hỏi luật không phạm văn không rõ ràng, trong lời đáp lại y cứ vào hai tâm siêng năng biếng nhác để quán từ sự trở xuống, y cứ nêu có thể hiểu.

Trong sớ lại hỏi: như giới duyên khai, vì sao chia ra siêng năng, biếng nhác?

Đáp: các giới tướng khai đều là vâng theo, ắt có biếng nhác học theo Phạm căn bản, chẳng phải khai chung, trong phần kết chỉ, trong

số giới bổn nói rộng tự nhiên, sớ Yết-ma nói về tác pháp, cho nên hai chỉ.

***Giới thứ ba:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhưng ba y Tỳ-kheo Tăng-già-lê cũ hoại mười ngày, được cho chứa lâu để tách đủ số, nhóm tỳ-kheo sáu vị lấy đồng y không đủ là gởi người đời đi dạo, do đó chế giới.

Gọi là tháng giữa liền khai cho thời hạn, mong cho rằng thiếu túc số. Trong phiền giải thích, ban đầu trước nêu bày bản chế, chữ sác trở xuống chỉ dạy giới hạn, trong duyên phạm thứ hai lại nói theo ngôi vị sau, trong đó ngôi vị thiếu tài của chỉ phạm nhiễm. Năm tức Ca-đề một tháng năm tháng, khoa đầu trong phần giải thích trong mười ngày đầu tuy đủ mà không phạm.

Nếu ngày thứ mười đủ phải, ngay trong ngày thành, không như vậy thì ngày thứ mười minh tướng xuất hiện liền phạm, giữa ngày mười chín đồng đủ liền phạm, sau cùng một ngày không đủ cũng phạm, được hay không được không giữa được đủ là phạm, cho nên đồng hay không đồng như ở sau có giải thích.

Khoa kế trong luật Tăng-kỳ, lại y cứ vị đầu tiên nêu bày tướng đầy đủ, làm y sau đó minh tướng xuất hiện làm ngay, do đó chỉ có ba y không được thuyết tịnh. Ban đầu nói có thể xong, nhược trở xuống vội khai rồi, luật nầy dưới hợp trên gấp vội đã xong nghĩa xem xét lại cho nhất định, trong ba điều trước nói đồng và không. Như may một y được nhiều đoạn lẻ tẻ, thể sắc giống nhau gọi là đồng y, ngoài ra không giống không thể làm chung, tức không đồng y, đều được khai một tháng hoặc cầu ba y, đồng thời một tháng hoặc là trước sau đều lấy một tháng, nhưng được ít tài tức là ngày đầu, như ở sau nói nhiễm phạm, đồng đủ tức trung vị, hạn cuộc đủ là hậu vị, ở sau giải thích lý do. Về sau có dẫn chứng, không phạm chỉ trước, vì đồng là dư.

***Giới thứ tư:***

Đức Phật ngự tại La-duyệt-kỳ, Cô ni Liên Hoa Sắc cởi bỏ y báu, đổi y Tỳ-kheo xấu cũ đến chỗ Phật, do đó hỏi mà chế giới).

Giới danh thủ tức là nghiệp, chẳng phải đích thân chọn gần gũi cô ni biệt chúng sau, duyên phạm trong thứ hai, câu đầu nêu duyên. Luật trở xuống là giải thích tướng có ba.

Trước nói thân chẳng phải thân tướng, trong bổn luật chỉ bày chung bà con để hiển bày chẳng phải thân, trong luật Thiện Kiến có

chọn riêng.

Ban đầu chỉ bày khai hai thân, cho đến đại khác là anh em, con cháu tức cậu gì người nhà, đều ở sau có giải thích nghĩa thân, chỉ y cứ về sở thuộc hai họ cha mẹ, lại ở sau lựa chọn chẳng phải thân, vợ xuất gia là do khác họ, nên vợ của chú bác cũng là khác họ, trong luận không đưa ra nên ví dụ đồng, trong luật Thập Tụng ở sau cả hai nói về ý khai thân, thiếu cũng đều cho là Cô ni nghèo thiếu, tăng còn thương xót cứu giúp huống chi là nói không có lý nầy.

Trong luật nói nếu chẳng phải bà còn cũng không tính được chăng? Nếu là bà con thì tính xem có thể lấy, không thể lấy v.v...

Trong luật Ngũ Phần ở sau cả ba lựa chọn bà con cô ni tịnh uế, chế kết tội là ngăn người đời chê bai, trong cái thứ ba, đầu tiên y cứ vào duyên định cảnh.

Trong luật Tăng-kỳ phân biệt với các vật khinh, không phạm là nghĩ về đọa thành lời nói, chẳng phải không kết nhẹ.

Trong sớ nói y nhiều ưa thích nên nặng, bát chỉ có một cho nên nhẹ, trong bốn tội tâm rỗng không gọi là chuyên cần, nhất ý không có tưởng khác (có người nói lựa chọn tâm thật là sai). Xin là không phạm, là tâm rỗng không cho, cho nên trong Tăng-kỳ ban đầu nói tạm mượn không mượn, vì chẳng phải quyết lấy, như ở sau nói chuyển thì không quán, vì từ người khác lấy, y cứ ở sau hai chúng cũng nên biết, chẳng phải hoàn toàn phạm, như trên đã thông, trong năm pháp ban đầu văn thọ gởi không phạm, vì chẳng phải chánh cho.

Khoa kế khiến người đồng phạm, có thể dạy người khác, vì đã khiến tâm dua nịnh, dùng ba pháp trong Tăng ni bàn luận với nhau, người phân nhiều ít tội, không khác nhau. Trong bốn pháp, luật Thập Tụng trước thỉnh và nói pháp đều phân biệt duyên vì chẳng phải bổn ý, trong luật Ngũ Phần trước vô tâm là vì ngăn phương tiện, phải xem xét ni mà chế ra suy lường, y theo ở sau quyết khai ý, giới chế thủ y lại khai thọ thí, chế khai khó có tiêu chuẩn, nên y cứ vào tâm đoạn ở sau dẫn trong Tứ phần chứng thành ni thí, nói có chỗ đáng chấp, nhưng tâm tham khó biết, đối cảnh làm cho không, tuy có văn rộng phải theo việc gấp chế, chớ nương lời nầy dối mình dối người, không phạm có bốn: như văn tướng có khác nhau, chú giải nêu bày bảy đời, trừ trên cha xuống đều thủ ba đời, cao là bảy đời tối thượng, nên cũng có quan trọng, vì quý trọng ông bà, ông bà là đầu tiên, nghĩa là cha của cha là Sơ tổ, nên Mẫu thân y theo đó mà nói, chỉ do cậu dì em cháu tính số.

***Giới thứ năm:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, Ca-lưu-đà-di và Cô Thâu-la-nan-đà ngồi chung gần nhau, Y An Đà-hội dính chất bất tịnh để Cô ni giặt, tên trong giới chế ba việc, do đầu tiên nêu tên, hợp ở trong chế ban đầu chỉ bày hợp ý, ở đây trở xuống là khuyên trì. Câu đầu chỉ bày nghiệp đạo, sau luật y theo chế hiển rõ nặng, nói ba tội là tùy theo việc mà thành phạm, đôi kép khác nhau ở đây y cứ vào phạm nên nói ba.

Trong duyên thứ hai, khoa đầu, luật Thiện Kiến nói vợ xuất gia nghĩa là trước từng làm vợ rồi sau làm Cô ni, họ khác chẳng phải bà con cho nên phạm, như ở sau các việc phạm kết, vì lỗi tình nhẹ.

Trong luật Ngũ Phần làm câu chỉ bày phạm.

1- Để chẳng phải bà con giặt mà bà con giặt.

2- Để chẳng phải bà con giặt mà bà con, chẳng phải bà con cùng giặt.

3- Để bà con, chẳng phải bà con cùng giặt mà bà con tự giặt. Tuy bà con tự giặt vốn sai, chẳng phải bà con cho nên phạm.

4- Khiến bà con, chẳng phải bà con cùng giặt mà chẳng bà con tự giặt.

5- Khiến bà con, chẳng phải bà con cùng giặt mà bà con chẳng phải bà con cùng giặt.

Trong luật Tăng-kỳ vì thầy chẳng phải mình nên khinh, nêu bày răn dè trong đó, trước nói tên mình, cùng liên lụy người khác.

Trong thứ hai, ban đầu dẫn hai luật để rõ nên sau tướng dẫn hai luận để phân biệt vật dư.

Trong luật Thiện Kiến không phạm vật nhỏ vì nghĩa thưa.

Trong Già-luận cũng phạm đồng chế y, trong luật Tứ Phần, Tăng-kỳ ban đầu nói rõ bốn câu.

1- Tự minh và sai người thọ.

2- Sai người và cùng tự thọ.

3- Tự mình cùng tự thọ.

4- Sai cùng sai thọ.

Như ở sau nói rõ sai đích thân có Ni đệ tử giặt, tuy là chẳng phải bà con vốn chẳng phải ý. Nếu nói sai thì dạy người khác sai, nếu mặc ở sau nói rõ không sai, tự giặt phương tiện phạm là xưng vô kỳ hạn.

Trong luật Thập Tụng nói có lỗi y, y theo nghĩa ở sau quyết không phạm trọng trước giặt sau đập không kết tội đọa. Không lỗi có nặng, y theo số trong giới ba mươi và bốn giới mặc trọng phạm, giặt y như tránh mưa. Trong văn nói sai giặt, nhuộm, đập phạm ba tội ni-tát-kỳ, trong

luật Tăng-kỳ nói giặt thay đổi là giặt phân nửa, gọi là thay đổi, không là ở sau chỉ bày pháp xả.

Trong luật Ngũ Phần, Tứ Phần nói về nhẹ, đều cho rằng chẳng phải duyên phạm.

Trong luật Thiện Kiến nói trọng về sai khiến, kết hai tội Ni-tát-kỳ là phạm trước, cát-la là tội sau, tức phạm xả y không có nghĩa nặng, không phạm ba tướng, bịnh là duyên khó Phật và chúng tăng mượn họ, đều chẳng phải vật của mình.

***Giới thứ sáu:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, Bạt-na-đà nói pháp cho người nghe.

Trong tên gọi, phân biệt bà con và đạo đều không phạm, trong ý chế ban đầu là văn.

1- Do cầu nhiều thì hại Phật pháp.

2- Do thế tục có thượng hạ, không hẳn là đồng tâm.

3- Do cầu xin quá độ bị người khinh lờn.

4- Nhân thấy ít muốn, tin pháp là tôn thắng.

Ban đầu là trụ trì trong đó có hại pháp diệt ác.

Ở sau là sinh thiện, khoa kế nói dẫn duyên xưa, ban đầu nêu bày thân nghiệp.

Thọ mạng sinh báo bậc hạ, như núi lạc đà là hình lớn lưng cao như núi. Phật bảo ở sau nói rõ thánh dạy. Pháp ít muốn của Tỳ-kheo thì dục là gốc, tham cầu không nhàm chán chưa khác với bỉ tục, huống chi giảng pháp nói thiền thân đứng đầu chúng, không chỉ tự mình sai lầm mà làm cho người đời sau cũng sai lầm, xin rõ duyên trên, suy nghĩ lời Phật dạy, tự mình chẳng phải gỗ đá đâu không động tâm.

Lại ở sau lập ra minh chế, chữ khất là đi gọi cho, tốt và không tốt là trì hủy. Câu nầy là lời hỏi của người kia, thật phạm tội đọa là tự nói về đức (đồng với sau khuyên thêm) không thật phạm tội khí, tức là trộm lấy, như tham ở sau y cứ khai nói rõ việc gấp, xoay vần cứu giúp người nghèo thiếu lại chế ở giữa và sau. Không tự tay mình cầm lấy là biết ý gấp, trong chú cho rằng hình đồng không có giới, không giống tịnh nhân, có giới pháp đồng chế đồng chúng ở trên, duyên phạm trong chú giải thứ nhất, trên nói rõ xin thẳng, dưới nói rõ làm y mà xin lúa, tâm dễ dua nịnh, năm thứ lúa là lúa, nếp, đậu, mè bắp; Trong hai cái chỉ bày duyên tướng chẳng phải ở sau ngăn phân biệt, e rằng Ca-đề khai xin không phạm, nên đặc biệt chỉ bày, ắt ở sau không thừa nhận, đây cho rằng thật không thông suốt giúp gấp, chẳng phải là dạy chỗ khai xin

nhau đủ, ước hạn những điều y cứ bà con không lỗi, y cứ về buồn rầu nên kết. Trong luận chép: bà con nhiều của cải theo xin không phạm, nay do nghèo thiếu, làm phiền họ, xin nhiều không đủ, tuy bà con cũng có tội; Trong bốn pháp, hai duyên hợp lại chỉ bày.

Trong văn luật Thập Tụng, Tăng-kỳ ban đầu nói rõ ứng lượng là lượng phạm giới nầy, không nhất định ba y, bố khuỷu tay gồm bảy thước hai tấc, như ở sau giải thích vì mình, văn nêu bốn tướng, đều là tà cầu, ngoài ra ở sau nói rõ khai xin. Trong Hệ Đầu Vật Cựu chép: các loại khăn mũ, trong duyên đó có một điều cho rằng duyên xếp ba y, như ở sau nói xin ít được nhiều, khai ngăn rất dễ thấy, trong duyên khai ban đầu là duyên khởi, ở sau Phật chỉ bày pháp, thứ lớp bốn pháp khai ra:

1- Lấy mình dư.

2- Mượn vật người khác.

3- Hai thứ sau đều là vật của Tăng.

Có thể là phân y tức vật của mười phương hiện tiền, y của tăng là vật thường trụ thường trụ. Nếu được ở sau nói pháp trả lại, như pháp tự là không có bổn xứ, trái chế Đột-cát-la. Nếu lấy về mình lẽ ra là trong các thiên chỉ bày rộng pháp gặp giặc, nên ở đây chỉ ra. Trong không phạm, đầu tiên chỉ bày duyên khai, trước trong năm duyên vốn chỉ bày bốn thứ, văn thiếu bị cháy trôi, năm pháp ở đây trái với duyên thứ hai ở trên, luận kế ở sau năm pháp thủ chặng giữa, ba pháp trên trái lại thứ tư, hai pháp sau trái lại thứ ba, kế trong luật Ngũ Phần ở sau nói năng sở đều phạm, câu trên nói người thọ thí, nghĩa là hành tà dua nịnh, cầu xin người khác thi thiết thì phạm giới nầy, câu sau tức người năng thí, nghĩa là không phân biệt cảnh trước mà cùng họ thi thiết sở đọa, ở trên hạn cuộc Tỳ-kheo không chung đạo tục, đạo lẽ ra tội nhẹ, tục sẽ thành nghiệp, tức hai pháp trong hưng trị, đều là thi thiết sở đọa.

***Giới thứ bảy:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, Tỳ-kheo mất y, cư sĩ có lòng tin đưa nhiều y cho tỳ-kheo, các tỳ-kheo nói không cần, nhóm tỳ-kheo sáu vị nói hãy lấy đem cho tôi thọ lại, do đó mà Phật chế giới. Giới gọi là mất ba thọ hai, đó là biết đủ, mất ba thọ ba gọi là quá phần.

Ở sau nêu duyên rằng: Quá biết đủ, duyên phạm thứ ba: y cứ vào tâm họ thi thiết để định tướng phạm, giải thích thứ năm rằng: mất một không lấy hoặc y nặng có thể bỏ, hoặc cho biệt cầu đều mất, lấy hai là trong sớ nói, do chỗ mất y người chủ cúng có lòng tốt không chỉ lấy hết, trong ba y nói tự tứ, nói chẳng bị mất cho nên cúng dường. Chú thích lại

duyên trên (297). Hỏi dư sót lại: nếu nói là mất nên cho, thì không nên lấy đôi để so sánh, chú thích giới muốn thọ, trên không có chữ bỉ, trong sự phân biệt cho nên là người khác phạm.

Trong sớ chép: do tâm dua nịnh cho nên nếu thẳng vì họ, vô tình tốt chưa chắc lấy y (nghĩa là biết họ không mắc lỗi lấy, cho nên vì họ lấy, y theo giới sớ không có chữ xin, nay văn viết lầm). Trong luật không phạm là nếu biết đủ, hoặc thiếu biết đủ, hoặc cho nhiều y (nghĩa là tự tứ thỉnh). Nếu mỏng mịn không chắc, hoặc hai ba lợp làm có dư, như trên mà nói biết đều không phạm.

***Giới thứ tám:***

Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, vợ chồng cư sĩ bàn tính đem giá tiền y sắm y cho Bạt-man-đà, sau biết đến nhà kia khuyên bảo may cho rộng lớn mới tốt, bền chắc, bèn chuốc lấy chê bai nên Phật chế. Tên trong giá tiền y, nghĩa là giá trị may y, duyên phạm thứ hai có hạn là quyết định nhiều ít, năm lần tăng thêm giá thường là hai vật, tùy theo một điều thánh phạm. Trong giải thích là một trong mười sáu phần là xưa ghi rằng: tức nay một tiền nhỏ, do nước chia đồng tiền lớn thành mười sáu, một phân một sợi chỉ là nêu cực nhỏ để làm chừng hạn.

Trong luật Thập Tụng có ba thứ, trong luật Tứ Phần chỉ không thêm sắc mầu, rộng dài bền chắc, tức lượng giá tiền, không phạm có sáu.

Ban đầu thọ tự tứ thỉnh, biết đủ giảm bớt giải thích thành ý khai, tuy cho tự ý xin mà không tham cầu, như từ đây trở xuống năm tướng có thể phân, chỉ như trong sớ ấy nói giới nầy tướng phạm cốt yếu ở gốc lụa, ở trên khuyên thêm như khiến mua vải thuộc về giới trước xin.

Lại hỏi: khuyên thêm một sợi chỉ cũng phạm, xin một y mới phạm (tức luật Thập Tụng, Tăng-kỳ tên lượng bốn khuỷu tay khác với ở đây).

Đáp: Xin thí chủ vốn vô tâm, lúc xin mặc tình cho nhiều ít, nghĩa não là nhẹ ít, nên một y mới phạm, khuyên thêm chặng giữa tâm rộng không hẹn ước rồi định không được, chê ít xin nhiều, tham làm ấm ức rất nặng, nên nhiều ít đồng phạm.

***Giới thứ chín***:

Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, hai vợ chồng cư sĩ cùng dự định sắm y cho Bạt-man-đà, người kia nghe đến khuyên hai nhà cùng bàn tính, do đó chế văn chỉ duyên chế đổi thứ lớp trước chỉ ở chữ khuyên, sau đó

thêm hai chữ “hai nhà”. Trong lời sớ hỏi, khuyên hai người cư sĩ cùng may một chiếc y giá tiền vốn không thêm, là có phạm chăng?

Đáp: Như văn nói thêm (trong giới bổn nói, cùng may một y làm cho tốt tức là nghĩa thêm) không thêm thì không phạm.

Hỏi: Nhưng chế hợp hai, không nói ba.

Đáp: Theo ví dụ nên biết, trong phần nói phạm, luật Ngũ Phần tuy là một nhà đồng hợp hai. Trong luật Tăng-kỳ tuy thuận theo ít muốn nhưng cần chẳng xin, liền tự xưng nói nên xếp vào khoa phạm, chẳng bằng nói không tốt. Thô ở sau đoạn phạm thô đồng phạm tế, nên nói là đều. Trong sớ chép: thô cũng đồng phạm ở đây, không phạm đồng với giới trước.

***Giới thứ mười:***

Phật ngự tại thành La-duyệt, đại thần sai sứ đưa giá tiền y cho Bạt-nan-đà, người kia đem y đến giao cho tịnh chủ rồi do việc xin gấp khiến họ bị phạt, do đó mà chế, tên giới vượt ra ba lần nói sáu yên lặng, gọi là quá hạn, ép ngặt tịnh chủ làm rất lơ là.

Trong sớ hỏi: Giới nầy là bỏ vua quan hay bỏ tịnh chủ?

Đáp: Căn bản tuy ở vua quan mà ở sau tịnh chủ, rất ưu não cho nên chế, chỉ ở người sau.

Lại nói: Giới nầy lẽ ra ở sau chứa của báu, vì để chế tịnh chủ. Trong duyên phạm, bốn pháp quá phần ở đây có ba vị.

1-- Thuần nói thì được sáu lần.

2- Ba lần nói, sáu lần im lặng, cộng chung là chín lần (hai im lặng, phải một lời, gới bổn đồng với tướng nầy).

3- Yên lặng gồm mười hai lần, quá ba giới hạn phạm yên lặng mà xin.

Luật Thiện Kiến chép: Miệng không nói, ngồi hay không ngồi, cho thức ăn không thọ, nói pháp chủ nguyện tất cả không được. Nếu hỏi vì sao mà đến đây?

Đáp: Cư sĩ tự biết.

Trong không phạm, ban đầu nói với chủ.

Trong giới bổn nói: Nếu không được y, từ chỗ đến chỗ thì nói với chủ, song thí chủ kia đối với vật không phiền thì không có nghĩa ép ngặt, nếu vì ở sau chánh nêu thì không phạm, ban đầu nói về vật dư. Nếu y cứ theo duyên của giới chỉ nói là trao đổi, y theo đây phải dựa theo pháp y thành phạm. Ba-lợi-ca-la, Hán dịch Trợ Thân, lời nói mềm mỏng chẳng phải quá ép.

***Giới mười một***:

Đức Phật ngự tại nước Khoáng Dã, nhóm Tỳ-kheo sáu vị đến nhà nuôi tằm xin tơ tằm làm ngọa cụ, xem phơi kén, chuốc lấy sự chê bai, nhân đó mà Phật chế. Trong giới bổn làm ngọa cụ, người xưa thích đẹp nên nói thẳng Ca-la để khác, trong ý chế ban đầu như giới duyên khởi, người đời chê bai rằng:

1- Hại mạng chúng sinh không có chánh pháp.

2- Tu hạnh từ.

3- Không mưu cầu.

4- Không xúi giục làm người khác phiền não.

Hai pháp trước là thế tục, hai pháp sau là đạo, hai pháp đối đều có sinh thiện diệt ác, văn thiếu duyên phạm, truyền chép sai sót, y theo năm duyên trong sớ.

1- Tơ tằm.

2- Tự khất cầu.

3- Làm pháp y.

4- Vì mình.

4- Nay thành liền phạm.

Trong duyên phạm ban đầu dẫn bổn tông, trước dẫn duyên khởi, Tỳ-kheo là nhóm tỳ-kheo sáu vị, chưa thành tơ tức kén tằm, như ở sau có nói, thuần tạp đều cấm, lông tơ là lông thú, kiếp bối là lụa cây, như chữ cân trở xuống là nói pháp chế xả, cân tức là loại dao, đỏa là ụ đất. Trong các bộ, khoa đầu, trong luận Tát-bà-đa chia ra bốn tiết.

Ban đầu chỉ bày tên, tông giới bổn kia nói: Kiều-xa-đa làm ngọa cụ, nên luận có ghi chép, trong luận mất tên người dịch, có lẽ đời Tân phiên dịch nên nói Tần và địa, như ở sau nói rõ phạm ở sau nói tên chánh, văn chú giải, ý xuất xứ trong bản phiên dịch, xưa nói chế giới mền trải vì mê danh, như trong số rộng giải thích, chữ ngoại trở xuống chỉ bày pháp y bằng tơ lụa, cùng được làm lần lựa đem đến, xin được thì phạm, chế lỗi tình. Khoa kế trước dẫn trong luật Thiện Kiến, một sợi lông tức tơ nhỏ ở sau, nêu sợi lông là nêu tình huống, sau giải thích tên Phạn cùng với trưới hỏi khác, thường là tên ở xứ nầy nêu để hợp. Trong luật Tăng-kỳ kết nát lá tạo thành bề dọc sợi ngang ven các viền. Trong ba pháp trước luật chế chỉ y cứ nhà nuôi tằm, trong Đại giáo xoay vần không cho thọ dụng, bèn biết Thanh văn hạnh kém chỉ giữ lìa là sai, Bồ-tát lòng từ sâu xa suy tìm đến chỗ, tuy thường xa lìa mà không đâu không thường đến, chân giẫm đạp thân mạng đều là liên quan đến phần nghiệp, chẳng phải Đại sĩ nỡ lòng để Tỳ-kheo nên làm, xin xem văn

kinh thiếu hoại lòng tín ngưỡng, rộng nêu bày lợi hại trong chương phục nghi có đủ. Trong văn kinh trước có nói năng bố thí như pháp, lìa sát thủ chẳng phải nhà tơ tằm. Chữ bất trở xuống là nói sở thí được chăng?

Ban đầu không thọ ứng pháp, Đại thừa Tiểu thừa đều thuận cho nên thọ, là chẳng phải bi, ái, trái đại thuận tiểu, tiểu thọ đại đưa ra chế, tuy thuận ước về nghĩa lại trái, nên biết trì giới hành từ mới phù hợp ý chỉ thánh. Lung tình thọ dụng hoàn toàn trái với đạo nghi, cho nên trong chương phục nghi nói hơn nữa lời của mình chẳng phải bi, rốt cuộc là lời nói thường đoạn, y cứ theo đây bàn luận rất rõ ràng tha thiết, kế dẫn trong kinh Niết-bàn chính là cuối cùng dặn dò nhiều lần quyết liễu chánh giáo nói rõ văn chế đoạn, đâu được chậm nghi. Nay ở sau nêu hiện sự, ở đây chỉ bày đời Đường, như trong Tăng truyện nêu bày hai sư Nam Nhạc, Đạo Hưu không đắp y tơ lụa và y phục bông đẹp, nên Tổ sư nói: Phật pháp đông lưu dần dần gần, như sáu trăm năm chỉ có Hoành nhạc đây thực hành hạnh từ có thể trở về, thời nay thiền giảng tự cho là Đại thừa không câu chấp sự tướng lụa là, gấm vóc tím xanh tranh, tranh nhau vẻ đẹp, buông lung tham tình, trái lời dạy của bậc thánh. Há không nghe Ngài Hoành Nhạc chỉ mặc y phục bông lụa để ngăn gió sương, Ngài Thiên Thai hơn bốn mươi năm chỉ đắp một y bá nạp, Ngài Vĩnh Gia không ăn thức ăn của người cày ruộng, y phục không phải của miệng tằm, ngài Kinh Khê vải thô, một y một giường mà ở. Bởi do hiểu sâu, Đại thừa mới chuyên tôn sùng khởi hạnh, xin xem Tổ Đức chớ nhiễm thói đời, thời bẩm thọ giáo pháp tu thân là chân Phật tử.

Trong luật Tứ Phần, Ngũ Phần không xin mà tự bố thí, còn không tự nhập ý gấp rút có thể thấy. Trong phần kết hiển, ban đầu chỉ bày ý giáo.

Chữ dã trở xuống nêu văn để chỉ tình huống, trong giới bổn chép: xen các loại tơ tằm hoang cho nên cả hai nêu tình huống, ở đời có loài tằm hoàng ăn dâu đến cây làm kén ra khỏi kén, thành bướm bay, lấy đây làm tơ không tổn vật hại mạng, xen lẫn bỗng thấy văn trên, chẳng phải ở ban đầu chỉ lỗi, từ đây trở xuống quyết phạm, hợp tạm xả là căn bản đọa, rõ ràng tội từ sinh cát.

Như các trở xuống dẫn việc để hiển bày rõ, trong luận Tát-bà-đa tiết thứ năm ban đầu nói về tự làm. Không có nhà nuôi tằm mà lần lựa đến. Nói vô tội là do không có côn trùng, nếu có côn trùng bán ra còn phạm phá cho tự làm, vì hai thứ sau nói rõ bán ra, không phải làm y cho nên kia nói tiếp: nếu không có côn trùng thì không tội, nếu xin ba pháp sau nói rõ đã thành, mà không phạm, vì chẳng phải nhà nuôi tằm, nếu

côn trùng bốn pháp sau nói trùng hoại không có sự tổn hoại, luận làm tằm bị tổn hoại e viết lầm, làm năm pháp sau làm y dư, đều kết biết là đều y cứ vào nhà nuôi tằm xin được thành lời, trong luận nói thấp nhất bốn khuỷu tay phạm tội xả đọa, trái lại nên biết, không nên xem nhẹ.

Lại nói: Nếu hợp ma y, kiếp bối, y khâm-ba-la làm ngọa cụ là cát, nên nói tất cả, khoa thứ ba dạy người xem trọng là lỗi chê bai đồng, vì người khác khinh là tham chẳng phải mình. Trong cái không phạm, chế giới tạo tác đã thành không phạm, nhưng phải lần lần hoại, không hoại lại đọa, chỉ như trong sớ kia chép: đã thành búa chặt, lời nầy tha thiết với người, làm sao thông được, như trong luật Ngũ Phần nói: thi thiết đã thành cũng phạm đọa, v.v...

***Giới thứ mười hai:***

Đức Phật ngự tại nước Tỳ-xá-ly, Lê-xa-tử phần nhiều thực hành hạnh tà đắp y lông mầu đen đi đêm, để người không thấy. Nhóm tỳ-kheo sáu vị học làm theo chuốt lấy sự chê bai, nên Phật chế giới. Trong hội danh, tổng quyết trước sau bốn giới, luật Thập Tụng đều gọi là phu cụ, người xưa nghi ngờ, họ cho rằng ngọa cụ là mền nệm. Trong luật Tăng-kỳ nhân các Tỳ-kheo làm ba y tọa cụ bằng lông, chuốc lấy sự chê bai, do đó chế giới.

Văn nêu Già-lê đại khái có hai y, nên nói cho đến, hai chứng cứ nầy, lông chẳng phải mền nệm rõ ràng, trong tướng phạm, chỉ ở trên tức giới tơ tằm hai, ba chú giải hiển rõ đều cho là bổn làm là tâm nên làm thành không phạm, trong bát là chương bụi nhơ, thuộc về khăn nóng trao tay.

***Giới thứ mười ba:***

Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm tỳ-kheo sáu vị thuần dùng lòng trắng làm ngọa cụ, bị sự chê bai, nên Phật chế. Chỉ đồng và khác, nói nhân duyên đồng với trước, đen trắng tuy khác khởi lỗi chuốc lấy sự chê bai không khác, tham cứu làm mầu trắng đen pha trộn ba loại xen giữa, nêu bày duyên thứ tư y cứ trong giới bổn gồm có bốn phần: hai phần lông đen, một phần lông trắng, một phần lông vằn, lông vằn là lông thô, thêm một lạng lông đen phạm ba-dật-đề, thêm hai lạng trắng phạm Đột-cát-la, pha trộn thêm lông vằn không phạm. Trong sớ hỏi: lông đen, lông trắng đồng phạm. Vì sao trước đen không chế tham?

Đáp: hai giới nói rõ tham cứu, văn thì rườm rà, về sau nêu đen trước tham không phạm.

Lại hỏi ba thứ lông tham cứu đủ, sao lấy đen nhiều pha trộn ít?

Đáp: y cứ trắng chế giới nên đen nhiều, y cứ về giới đen trước trắng cũng phải nhiều.

Lại nói mầu đen tuy quy thuận pháp y tướng, mầu trắng là y phục thế tục nên lấy ít.

***Giới thứ mười bốn:***

Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm tỳ-kheo sáu vị chê ngọa cụ cũ nặng không xả, càng thêm tìm cầu cất chứa cho nên Phật chế. Duyên phạm thứ ba, do văn giới bổn trừ tăng Yết-ma, trong phần giải thích của luật Tăng-kỳ ban đầu chỉ bày bổn duyên, do năm không đủ môn khai Yết-ma, như ở sau lựa chọn rườm rà, tuy già không bịnh, tuy bịnh không nặng đều không khai. Trong luật Tứ Phần nói Tỳ-kheo bị bịnh gầy ốm, không thể mang y đi, khai cho làm Yết-ma, không phạm sáu duyên, ngoài chế hạn đủ sáu năm, thì xả cho nên làm không có bổn y.

Trong sớ chép: sao vả thọ trì mới lại làm y, cốn làm cho xả nên thành không phạm, thành mà không xả tội thì tự khoa, nếu không như mất hoại, ngoài ra nên biết.

***Giới thứ mười lăm:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, Ngài đi khắp các phòng thấy tọa cụ cũ bỏ bừa bãi, do đó chế giới. Nhóm tỳ-kheo sáu vị trái lời chế nên lập giới đây. Trong duyên trước có nên y theo đây, vô cớ thì lẽ ra không phạm, nhưng chế xếp gấp nên vốn là loại tốt, vô cớ không xếp thì ưa đốt không khác, đâu được không phạm, xin xét cho rõ, đối với văn bốn câu trong lựa chọn rút ra hai câu ba phen, làm cho đúng lượng thì không phạm, thêm hai giới (nếu khi hành sám y theo sớ trước hối ngoài lượng, rồi sau xả sám). Trong phần giải thích là khoa đầu, trước chỉ bày pháp xếp lá, nhưng ở sau định y thể, khoa kế trong luật Tăng-kỳ đầu tiên chỉ bày thể lượng, thủ trở xuống lựa chọn người theo xin văn nêu bày tám người ít nghe phạm giới ác gọi là đoạn chấp, ba thứ nầy không hành, không nghe, không thưa hỏi, không có ma khác, ba pháp nầy không giải, không sửa phòng ốc, ở xa hai thầy tức là người biếng nhác, trái với trên, chẳng phải tám người nầy. Không trở xuống là chỉ bày tướng cắt xếp, trong ba pháp luận Tát-bà-đa không đề cập đến một gang tay cũng thừa nhận xếp.

Hỏi: Ở đây dùng cách nào để đo lượng gang tay?

Đáp: Trong giới văn không lựa chọn nhiều người nghi, nay y theo

giới bổn Thập Tụng nói rõ dùng tay Như lai xé ra, nên mỗi bề phải rộng hai thước làm nhất định, không phạm năm tướng, chú giải hiển rõ không cầu là ngăn nương gá, trong luật luận đã chỉ dẫn ở trước.

***Giới thứ mười sáu:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, Bạt-nan-đà được lông dê xỏ trên đầu gậy mà đi, bị sự chê bai, nên Phật chế giới nầy.

Trên nói quá hạn là ngoài ba do-tuần, trong duyên thứ nhất, luật Tứ Phần phân biệt các người thấp hèn. Trong sớ chép: nay nếu sinh chê bai sao nói sang hèn, gánh lông cũng vượt oai nghi (gánh lông cũng không có văn phạm), nhưng duyên ở nơi lông, nên chế khai ở bên ngoài. Y theo đây vác thứ xấu phạm cát-la, ở sau dẫn trong Tăng-kỳ có thể thấy phân biệt với các thú khác, chữ thát âm ngộ, trong bổn luật thành chữ thư, thú giống sói mà đỏ thành món đồ trong sớ nói, là y theo tướng, trong luật Ngũ Phần nói chứa mền nệm được hành trì.

Thứ ba trong luật Tăng-kỳ cùng gánh, một người được đi ba do-tuần, đều phạm là vật đồng một chỗ đều quá hạn.

Thứ tư trong luật Tứ Phần ban đầu nói rõ tự giữ hạn lượng đầy đủ, v.v... là vời lấy chê bai, chấp nhận tự giữ.

Đáp: Trong sớ chép: do giúp thân trợ dạo nếu cấm hoàn toàn đại khái không cần cứu giúp, lại riêng tìm cầu lo nhọc rất lắm, ngay ở sau nói sai người khác. Nếu mạng phạm cát-la tức là phụ giúp, chỉ có thừa nhận người tại gia không được vào bốn chúng, vì lỗi chê bai là đồng. Như ở sau nói về vật dư, y ma tức thuộc về giới, xỏ trên gậy thiên sau có nói.

Không phạm có bốn, ba pháp trên y theo sớ đều cát-la, về áo lông, xưa chép: âm tràng tức áo lông cừu lông dê mịn, ở phương Bắc mặc đi trong mưa nhiều, lông khác là lông đầu, lông cổ.

***Giới thứ mười bảy:***

Đức Phật ngự tại nước Ca-duy-la-vệ, nhóm tỳ-kheo sai sa-di nhuộm lông dê màu dính ở tay, Đức Phật thấy cổ hỏi, do đó chế giới. Chế duyên trong năm duyên đồng với trước, chỉ đổi thứ ba là lông dê của mình, bốn pháp tự sai khiến giặt nhuộm đập (đồng với ba giới) trước khiến chế. Lại ở sau chỉ bày lại y chế, trước chỉ chung nói nghiệp nặng, trong dẫn luận riêng chỉ bày nên biết, trước sau chung cho hai ý văn luận. Ý đầu thuộc cô ni, sau thông hai chúng, chỉ như trong sớ ấy nói, giới giặt y trong đó chế, mới là khinh phạm, ở đây đã nhọc công, mới cũ đồng phạm.

***Giới thứ mười tám:***

Đức Phật ngự tại thành La-duyệt, đại thần vì Bạt-na-đà để lại thức ăn, trẻ nít lấy năm tiền đổi thức ăn, Bạt-nan-đà lấy tiền gởi người đi chợ bị chê bai, nên Phật chế. Trong tên cho nghĩa là cất chứa, tiền của vật báu là một trong tám loại nhơ xấu. Trong ý chế.

1- Hạnh dơ vời lấy chê bai.

2- Do giao thiệp gây ra tranh cãi.

3- Thêm chướng đạo.

Thế giới ngăn ngừa, diệt ác sinh thiện, giải thích tướng nêu bày ở chặng giữa. Thứ sáu chánh thuộc đương giới, ngoài ra đều nói thêm, trong tám pháp và các vật trọng lời sớ nói: Phật không khai vật như thuộc khí trượng của người nữ, đây trở xuống là chỉ bày.

Ban đầu nói xuất xứ từ ba tạng, nhưng nói tám bất tịnh, tám độc xà, tám cỏ xấu. Trong kinh Niết-bàn tuy nêu các vật lại không có thứ lớp, nên nói số chung hiển lỗi không thích hợp, như ở sau dẫn đủ.

Tướng thừa trở xuống nói y theo xưa nêu bày thứ lớp. Trong sớ chép: xưa tương truyền đã có tám tên, phải biết tám tướng, nên nói không ngoài kinh Phật. Nói lên trong lỗi có hai, ban đầu nói về lỗi nặng, trước dẫn chế duyên. Tỳ-ni bí mật cao quý không thừa nhận ngoài nghe riêng ở đây đối với trụ ý như văn hiển rõ.

Luật chép: Phật bảo vị đại thần: nếu thấy Sa-môn Thích Tử, nói ta là thầy mà thọ nhận vàng bạc, của báu thì biết chắc chắn chẳng phải Thích Tử, nên ở kế ở sau chỉ bày bốn mối họa là rượu, dâm, tiền, của báu, bốn thứ tà mạng nầy không chỉ trong bổn luật nên chỉ chung, tức giới nầy là một trong bốn họa. Chẳng phải đệ tử đây tức là lời răn dè tha thiết của Đức Như lai, có chứa dư các vật khác phải tự suy nghĩ kỹ.

Ở sau dẫn Ngũ phần giải thích nghĩa chẳng phải đệ tử ở trên, ở kế sau giải thích tên chung.

Tham nhiều tức tâm bất tịnh, hạnh ô uế là nghiệp tức nhân, quả bất tịnh ô uế tức quả báo bất tịnh, ngoài ra trở xuống tức chỉ khoa sau. Trong khai chế khoa đầu.

Trên nói rõ cơ giáo Đại thừa đều gấp, kinh là kinh Niết-bàn, ở sau nói rõ cơ giáo Tiểu thừa đều chậm, nói về sự là trái sự nên nhẹ, hiển rõ tông kinh đối với lý trái lý cho nên trong, ý tiểu cơ hẹp không kham nỗi nên khai, trái lại trên đại cơ có khả năng gánh vác nên ở trọng. Người đời trái lại cho rằng Tiểu thừa cần giới, đại giáo chung các phương gần như thừa nhận sai lầm?

Trong vật thứ nhất ở khoa đầu, trên nói về ruộng vườn, do viết

chữ lầm, bổn xưa viết là ruộng. Ở sau nói về phòng xá, phòng có chừng mực, nên nói là tửu, y trên tức trước phòng không có chủ, khoa kế dẫn văn có sáu, đều nói rõ trọng, khai tăng giới cấm riêng.

Trong Mẫu Luận, Tất-lăng-già-bà-sa nói: dư tập (năm trăm đời tánh ác lời thô, nay đắc đạo quả khí tập vẫn còn). Dẫn trong luật Thiện Kiến nói ruộng ao khác nhau, trong luận Tát-bà-đa thi thiết khác nhau là cho nhiều người, tức là Tăng.

Trong thứ hai ban đầu dẫn luật khác, tức kế ở sau khế hội tông bổn, tất cả không hợp tức chế khác nhau, trừ cúng dường, v.v... tức khai Tam bảo.

Trong ha pháp nêu rằng: lúa, tơ lụa, bạch nghĩa là lụa thô, chỗ văn không rõ y theo khai tịnh thì trong giải thích văn đầu trước chỉ bày vọng truyền.

Chữ dư trở xuống quyết phá không nói là trái, mờ mịt truyền trao nên nói vọng truyền khoa kế, dẫn trong kinh hai câu đầu chế rõ.

Chữ sở trở xuống nêu bày tướng chánh thủ các vật lúa gạo, mè đậu, v.v... kèm theo sự tướng khác mà dẫn chẳng phải ý khoa nầy. Nếu có trở xuống là ngăn vọng, dẫn trong luật, ban đầu luật Tăng-kỳ khai cần kiệm là giúp đạo.

Chữ nhi trở xuống là người sao chép y theo châm chước người khác, một hạ có thể thừa nhận là một thạnh hoặc gặp lúc sung túc mà cần kiệm, dùng có rộng hẹp nên phải tùy thời, muốn y theo trước cũng tính một hạ cần dùng bao nhiêu. Trong bổn luật ban đầu nói rõ khai thọ, khăn áo đầy nói ra chẳng phải nhiều.

Chữ ưng trở xuống là dẫn quyết, do chẳng phải cần kiệm chuyên không được chứa. Sau chỉ bày thiên hai y, thứ tư trong phần khai chế, văn đầu thêm một nhân Phạm Chí thí người nữ cho Phật, Phật không nhận.

Lúc bấy giờ, có một lão Tỳ-kheo khuyên Phật nhận lấy cho tôi, bị Phật quở rằng: Ông xưatừng là La-sát mê hoặc, nay lại gặp mê mẩn người nữ nầy.

Trong luật Tăng-kỳ ban đầu chỉ bày chế chung. Nếu nơi trở xuống phân biệt riêng. Ban đầu nói khai Tăng chỉ cần người nam.

Nếu thi thiết trở xuống là nói chế riêng, sau tuy khai thọ trả lại là vì Tăng.

Sau nếu thí cho trở xuống là nói khai chế cho Cô ni. Khoa kế ban đầu nói ra cái sai.

Chữ kỳ trở xuống là bác bỏ, trộm cũng phạm là phí tổn vật của

tăng. Kế là trong khai thọ, luật Tăng-kỳ khai riêng là y theo vâng giữ giới, vương là vua Bình-sa trong luật Thập Tụng khai cho tăng, nhân vua Bình-sa đến đó thấy Đại Ca-diếp đạp bùn sửa phòng, vua hỏi vì sao tự làm?

Đáp: Ai sẽ làm cho tôi?

Vua nói: Trẫm sẽ làm cho tôn giả, sau đó bắt được năm trăm giặc.

Vua hỏi: Nếu cung cấp cho các Tỳ-kheo thì sẽ tha mạng các ngươi, cho đến cấp ruộng nhà, v.v... cách vườn trúc không xa, đứng ở xóm làng của tịnh nhân.

Ở sau dẫn mười pháp thí cho, không đâu mà không sinh nghiệp ác khác, còn không khỏi lỗi há là được phước. Nay văn lấy thứ nhất, còn đều dẫn tiếp. Chín cái trước tự làm một cái thứ năm. Trước dẫn hai luật tăng khác nhau đều chế.

Trong Tăng-kỳ hộ mạng, ý tạm khai ở sau là thả. Kế dẫn trong luật Thiện Kiến khai thọ, thi thiết ý riêng, năm vị là: sữa lạc, bơ sống, bơ chín, đề hồ, văn khác nhau nêu sữa bò, ngoài ra còn chứa y theo chuẩn, chỉ cho có thể làm dư thi thiết cũng khai. Mua bán dẫn trong kinh nói chế. Trong luận được thọ đã thuộc về tháp Phật, nghĩa chung cho bán.

Kim trở xuống chỉ sai, có thí cho trong văn kinh không nói nuôi thú, ruộng nhà tịnh nhân hợp ở khoa trước, mà nói vật của tăng cũng có thể bao gồm. Ở đây chỉ nói thí cho là tướng phi pháp, trong bốn pháp các vị lấy năm người trì luật, có thể nói rõ, riêng thọ Phật pháp tồn tại lâu dài ở thế gian, bốn người tuy tăng chưa có đại dụng hoàn toàn nên không cho. Trong văn nêu chung các vật, xe ngựa ở đây gồm nhiếp các xe thuộc chương trước.

Trong năm thừa giới xuất xứ ở tạp kiền-độ, Đức Phật nhân nhóm tỳ-kheo sáu vị đi xe voi, xe ngựa, Phật chế không được. Sau đó các Tỳ-kheo già bịnh không đi được, không dám đi xe, Đức Phật do đó khai cho, như trong văn đã dẫn.

Chữ thượng thừa là bình hô, ở sau bỏ chữ hô. Người nam đi xe đứng, người nữ đi xe ngồi, Cô ni đi ngựa cỏ.

Trong Chiêm Bịnh chép: đi đường gặp Tỳ-kheo bịnh xin đi xe, bất luận là bò đực, ngựa cỏ, v.v... Trong Tăng-kỳ không bịnh chế chung, tạm đi thuyền có duyên cớ.

Thứ sáu là khoa đầu, vì ban đầu thọ tài chưa cho liền tịnh, đại khái khởi ý để chia ra khai chế, nói trong việc khai, trước dẫn ba văn giúp bịnh khai cho.

Lại hai đoạn văn sau, cũng nêu ra luật Thập Tụng, văn ban đầu chỉ nói cho thọ, lý chẳng phải bắt nuôi nên lấy nghĩa quyết. Trong Mạt-lợi Tây Vực Ký chép: Hán dịch là Nại, do xưa thí cho trái cây mà nay được quả báo.

Lại cư sĩ trở xuống đoạn kế lại có hai, đầu tiên là nói vườn ruộng là vật của thường trụ chỉ có phạm là thọ, ở sau nói bốn việc tức vật hiện tiền thọ dụng đều phạm, văn nói dùng mắc tội, thọ lẽ ra cũng đồng, do vốn thí cho tăng nên có nhẹ, y theo nên biết vật của tăng cũng không được chứa, nói trong lời chế, ban đầu dẫn kinh thì ở sau bác bỏ chẳng phải xưa ghi rằng: tức tướng bộ sớ kia y cứ văn luật, nghĩa là nói làm phòng cho thọ vàng bạc, của báu, do văn không nói rõ nên kinh phải quyết phá như trong chú giải đã nói. Song luật được thọ, phải giao cho người khác như trong nghi nặng nhẹ phá bỏ.

Chánh giải tức ở sau giải thích trong giới văn, thứ bảy, thứ tám nêu tên khác với trước, trước y cứ bất tịnh một bề không cho, nhưng hai vật nầy đều có khai chế, nên ở đây nêu riêng.

Thứ bảy là y cứ cho chứa.

Thứ tám là không khai. Hai môn nầy thông suốt lẫn nhau.

Trong thứ bảy nặng tức nhập vào tám thứ sau, trong tám pháp khinh lại là ở trước, tìm văn tự thấy.

Ban đầu nói về giường ghế, trừ vàng bạc của báu, ở đây thuộc khoa sau, như ở sau nói rõ mền lông. Trong luật Thập Tụng khai thọ y theo giới y dư không nằm trong hạn định, thảm trải đất lấy theo lượng ca-sa, ngoài ra không được.

Như thiết trở xuống nói các món đồ, như cái bát khổ rồi trở lại cái chén. Trong tám pháp, bất Thiện Kiến không được nắm lúa, nắm là cất chứa, trừ lúa như trên đã khai, đây là quy về thứ ba, dụng cụ dao gậy giết hại, nên phải hoại, vật nhạc khí buông lung còn có thể bán ra, thêm một của báu thí cho lại là thứ sáu ý chú nguyện trả lại cho người khác, biểu hiện cho thọ, nên so về trước lệ theo vật, ra vào không nhất định, tùy theo văn nói tướng, đều nhiếp chỗ quy về, không có xen lẫn, dẫn dạy ba đoạn trong kinh Niết-bàn. Ban đầu dẫn khai cho tức phẩm Như lai tánh hiện định tà chánh có làm thuyết nầy, mới có thể y theo thực hành, hoặc là thuyết khác thí không thể y theo, nên nói có người nói.

Ban đầu nêu bày phương tiện, quán trở xuống nêu việc để giải thích.

Ban đầu giải thích nói nhẹ là nặng, thể chẳng phát tánh nghiệp nên nhẹ, thọ chứa họa nhiều nên nặng. Như chư trở xuống là giải thích nói

nặng là nhẹ, như trên là nặng giúp đạo nên nhẹ, văn nêu bốn duyên.

1- Không cúng đồ cần dùng.

2- Đói khát.

3- Hộ pháp.

4- Sau tịnh thí.

Ta cho trở xuống là nêu chung khai vật, cho nên biết dù cho không cúng vật cần dùng, mùa màng sung túc cũng đóng lại, dù cho cần kiệm ở đời không hộ không khai, dù là hộ pháp bất tịnh cũng chế, phải đủ bốn duyên mới khai cho chứa, như vậy bốn pháp trở xuống kết duyên.

Ta vì, v.v... đây là bốn pháp y, văn sau nhục nhãn không phân biệt được tà chánh, phải nói bốn y. Tuệ nhãn rõ pháp nên không nói.

Trong kinh nói là các Tỳ-kheo phải y theo bốn pháp, thế nào là y?

1- Y pháp không y nhân (pháp tức pháp tánh, tánh tức như người, tức Thinh văn, pháp Thinh văn tức hữu vi.

2- Y nghĩa không y ngữ (nghĩa là thường trụ, ngữ tức trau chuốt lời văn.

3- Y trí không y thức (trí tức là Như lai, thức nghĩa là Thinh văn, không thể khéo biết công đức của Như lai.

4- Y kinh liễu nghĩa không y kinh không liễu nghĩa (liễu nghĩa tức là Bồ-tát thừa, bất liễu nghĩa tức Thinh văn thừa.

Nghĩa là trước khai bốn duyên, chính là Đại thừa liễu giáo khuyên cho y chỉ.

Như ở sau quyết bất không liễu giáo, lại ở sau chỉ bày văn cấm đoạn, phần nhiều xuất xứ trong phần thứ sáu. Lại nói ở sau dẫn văn răn dè đạo tục.

Ban đầu răn dè chúng trụ, như ở sau răn dè chúng đạo, còn bao nhiêu như ở sau răn dè chúng đạo, còn lại như ở sau dẫn, khế hội trong trái nhau. Ban đầu chỉ cho Thập Luận, như Tăng Võng nói: cho đến chứa vợ con cung kính như Xá-lợi-phất không cho trách phạt, v.v...

Lại ở sau quyết phá, Niết-bàn liễu nghĩa bỏ trước không rõ nên nói không dùng.

Dĩ trở xuống là nêu ra lý do, trong kinh Niết-bàn việc họp pháp là trọng. Thập luận là còn tin thế tục nên nói tiểu tiểu, trong ba việc kết tội, đầu tiên nói về hai món trọng, lụa không nhập tịnh. Ở đây y cứ thành tướng y, mền là đồng vật nặng cũng không nhập tịnh, lẽ ra là Tiểu.

Dư trở xuống là nói về sáu khinh. Nói chứa ít nghĩa là sự ít, trong

bốn pháp trao đổi có năm, hai câu đầu dùng tám pháp đổi y, phạm tội mua bán.

Dĩ trở xuống bốn câu dùng y đổi thánh tám, được của báu tức phạm đổi vật báu, tơ lụa ở đời phạm tội mua bán. Nhược dĩ trở xuống bốn câu trên rõ hai bên tự đổi nhau, y đổi y phạm mua bán, của báu đổi của báu phạm tội đổi của báu, ở sau nói do hai bên đổi, sáu pháp được nhẹ nên biết, sáu pháp trở xuống bốn câu sáu món tự đổi, hoặc đối nhau đổi, hoặc đổi lẫn nhau đều phạm đột-cát-la. Lại dùng sáu món đổi hai, mua bán phạm hai tội đọa y theo trên có thể rõ, ở đây trở xuống kết trên mua bán, đối với người nhẹ nặng.

Trên nói phạm xả đọa là nói theo thế tục, trong phần nói về thuyết tịnh.

Ban đầu nói về tịnh tài đổi vật, y bát trăm lẻ một nhập vào thọ trì, cho nên ngoài đã nói, nếu y theo nghiệp sớ đều không cần nói tức nhập tịnh, như ở sau nói rõ phạm chứa dư tiền của báu, chưa sám trước dùng đổi vật, sau chỉ hối tội vật không cần xả, y theo có liền dùng, mắc tội cát-la câu hối trong tăng bặt bên ngoài phải nói, đã vào tịnh thì nên tịnh pháp.

Khoa đầu trong giải bổn giới, do giới bổn xưa chép: nếu tự tay mình cầm tiền, hoặc vàng bạc, v.v... có nói đầy đủ ở giới sau, nên phải phân biệt. San định trong giới đổi cầm là thọ, thì không đầy đủ, ý lúc sai khác là trong việc nuôi chứa nói cầm phạm ở giới sau, nên y theo làm bốn câu:

1- Chứa chẳng phải cầm nắm, chỉ phạm ở giới trước (dạy người miệng thọ).

2- Nắm chẳng phải chứa, chỉ phạm giới sau (tự xúc chạm của báu tịnh và cầm nắm của báu, vàng bạc, sinh tượng của người, v.v...

3- Vừa chứa vừa cầm nắm, trước sau đều phạm (tay thọ mà chứa).

4- Chẳng phải không phạm (như pháp thọ tịnh).

Khoa kế bác bỏ trong đầy đủ, trước nêu ý tham chứa, trong tức là chí, bèn ngoài cho là thực hành, không nghĩ lời răn của bậc Thánh tức khinh pháp, dù tham sân si là mặc tình tự mình, nên ở sau dẫn chứng.

Ban đầu dẫn bổn luật y theo nói mất giới, chẳng phải đệ tử là không bẩm thọ lời dạy của thầy, chẳng phải Sa-môn không tu tịnh hạnh, chẳng phải Thích tử không quan hệ đến dòng họ bậc thánh, nay thọ chứa nhiều, vì giáo đã phân biệt tuy tự cạo bỏ râu tóc cũng là bọn ma ngoại đạo.

Lại nói, sau đó Phật bảo Châu kế đại thần, kế sau Phật dẫn trong tạp A-hàm dùng pháp năm dục chẳng phải công đức thiện lại chẳng phải thanh tịnh. Nay chứa tài báu chính là thuận dục, nếu thừa nhận thọ chứa lại thành công đức, cũng nên thanh tịnh, ở đây nói lên người xuất gia tuyệt dục cầu đạo lại bị dục ràng buộc, rất chẳng phải việc đáng làm, sau dẫn thêm một. Trong luật nói Phạm Chí siêu vược dục dâng tiền vàng lên Phật Định Quang, tự nghĩ ta có sách danh lễ ký, nói nếu là Như lai thì không thọ vàng báu, bèn đổi năm cành hoa sen, dâng lên Đức Phật lựa (nhân hạnh của Đức Thích-ca từ đây được ghi), nên ở sau hết chỉ bày dẫn ý, văn trước nêu bày răn gì và y cứ giáo pháp thành thật, nên nói chẳng phải lẫn lộn. Thuật lại trong răn dè khoa đầu, ban đầu nêu bày ý chế thiện, nay trở xuống bác bỏ trái chế rất mạnh, làm thương buôn đều cầu lợi, nay tăng tham chứa thường có lỗi, nên nói là rất.

Mây khói trong luật nói, mặt trời mặt trăng có bốn họa, nên không sáng, không tịnh, không có chỗ chiếu, cũng không có oai thần, nghĩa là sương mù mây khói của Tu-la.

Sa-môn có bốn họa lớn: là uống rượu, dâm dục, giữ vàng bạc, tà mạng khiến cho Sa-môn không sáng, không tịnh, không có chỗ soi chiếu, cũng không có oai thần. Nay nói Sa-môn hạnh tịnh thì Phật pháp soi sáng, hạnh đã ô uế thì sẽ ngăn che, cho nên như mây khói.

Trái lại trở xuống là chê bai pháp, ban đầu nêu lời chê bai bài bác hủy nhục.

Xuất trở xuống là bác bỏ ẩn lạm, căng nghĩa là tự cao, nghĩa là cầm giữ cho là phải, không suy nghĩ, v.v... là trong kinh Thiện Giới nói: Bồ-tát vì lợi ích chúng sinh nên cho chứa kiều-xa-da, vàng bạc, v.v... người ngu y theo đây liền nghĩ đồng vòng, là không suy nghĩ. Huống chi Bồ-tát nói chung cho tại gia xuất gia, như trong kinh Niết-bàn nói: Bồ-tát xuất gia già tánh đẳng trì, dù nói khai cho chứa trong kinh Niết-bàn, Địa Trì, đều khiến tịnh thí, bèn thuận rồi tham ái dua nịnh nịnh dối trá tìm cầu để cất chứa, xin nhiều không nhàm, chấp bịnh tham thì một mảy may không cho, đâu luận không phân cao thấp với Đại sĩ? Khinh nghĩa là lớn bậc thánh, bác nghĩa là không có pháp, một phần có tính, nêu thiếu huống là nhiều, không bằng kẻ tục dẫn tục răn đạo. Nguyên Hiến ở tương vòng ngọc cửa am tranh không đóng, Nhan Uyên ở ngõ hẹp đựng thức ăn bằng giỏ tre, uống nước bằng trái bầu. Đời Tấn, Tống Tao Hiền Tề Lương Đạt sĩ bản thân giàu sang mà coi như phân đất, kính mến cần kiệm đại khái là cao thượng, chép trong khắp sách sử há không nghe hay sao?

Hà trở xuống là dụ cho vô trí, con bọ ngựa bay con ngài đều dụ cho người ngu, bánh xe dụ cho luật giáo, lửa dụ cho đường ác, trên là dụ nhân hiện tại, sau là dụ cho quả vị lai, há trở xuống là hiển rõ thêm lỗi, do chế chứa cầm giữ đi xa phòng trộm, nên ở sau kết khuyên. Trong tạp tâm nói: vị lai đổi bỏ ngôi vị luân vương, hiện tại không giữ một tiền, cho nên khiến lâm cảnh suy nghĩ kỹ, chưa biết người nào bẩm thọ lời dị chúc đây. Buồn thay trong văn dẫn chứng, riêng dẫn trong kinh Niết-bàn, luận trí độ, do Đại thừa liễu giáo nàt ý dứt ngu là lạm dụng nương gá các văn. Trong kinh Niết-bàn, đầu tiên khiến cho xa lìa, do năng hại người đáng sợ sệt, nên dụ như rắn độc.

Ưng trở xuống là nói hiện đang có hai báo, do lìa tán uế hành nghiệp quả báo, phàm ngu không biết nên nói chẳng phải nhục nhãn.

Lại ở sau nêu việc Phật hiện đời, do tăng thanh tịnh thẹn cùng việc ô nhục với tịnh tăng, cho nên trong trí luận giới thắng tài thí là trong nghiệp sớ chép: không trộm tức thí tài cho pháp giới hữu tình, không sát hại là thí vô úy cho pháp giới hữu tình, tức dùng pháp hạnh nầy giáo hóa người, gọi là pháp thí, khắp cõi chúng sinh tài là pháp chứa nhóm rồi phân tán có thể mở cửa phiền hoặc, não hại, giới pháp trong sạch, nên bặt việc đây lại dẫn trong kinh Niết-bàn.

Theo kinh thì giới được phân ra hai loại.

1- Tánh trọng giới: nghĩa là bốn trọng cấm.

2- Tức thế cơ hiềm giới, nghĩa là không làm các việc mua bán lừa dối, ruộng nhà gieo trồng voi ngựa xe cộ, tôi tớ, bảy báu, v.v... tức giá tánh đẳng trì nên nên chẳng khác.

Nếu trở xuống chỉ bày giới tướng trên. Trong kinh nói: Bồ-tát Ma-tha-tát lại có một loại giới.

1- Thọ thế giáo giới (ngăn chê bai sinh thiện nên nói là thế giáo).

2- Đắc chánh pháp giới (địch là ác thuận lý nên nói chánh pháp, tức mười nghiệp lành) nếu Bồ-tát thọ chánh pháp giới, thì không hề làm ác, do mười nghiệp lành, đều cấm tánh ác y theo nên biết, mười điều lành phải theo người thọ) thọ thế giáo giới bạch bốn lần Yết-ma, rồi mới được (bạch tứ tuy chung cho già tánh tánh ác bổn nghiệp tăng thêm chế tội ngăn chẳng phải bổn hữu phải thọ, đủ cho nên chỉ ngăn riêng là bạch tứ được.

Chư trở xuống là chỉ rộng di chúc lược như trước đã dẫn, ngoài ra không phiền chép người học tìm xem.

Giải thích trong cái thứ nhất, bốn phần đầu tám thứ tiền, văn nêu

hai loại, đồng lấy đồng thép bạch lạp, bạc gỗ, hồ keo tùy theo cõi nước dùng thọ chứa đều phạm.

Kế trong luật Tăng-kỳ ban đầu chỉ bày vàng bạc câu trên nêu tên, hai câu sau giải thích tướng. Sinh sắc vàng là bản chất mầu vàng, giống như mầu bạc có thể dùng thoa nhuộm tượng với vàng. Tùy theo cõi nước dùng là thể chung tám loại, không được cầm nắm phạm giới sau. Nhưng chứa ắt do nắm giữ nên nêu bày nhiều.

Trong luận Tát-bà-đa có bốn tiết, ban đầu nói rõ báu trọng, Ma-ni, Hán dịch là ly cấu, ý nói không bị cấu nhiễm, chân châu là tần châu, san hô Trí luận nói: là cây đá dưới biển. Xa Cừ, Thượng thư Đại Duyên chép: đại bối như cừ của đại xa (cừ tức vành xe), mã não là loại đá. Pháp sư Ứng nói: sắc báu nầy như não con ngựa, đương thủ, v.v... là chỉ bày pháp khai già. Nhược trở xuống là nói giống như báu, hổ phách, Bác Vật Chí chép: mở đúng vào đất ngàn năm hóa thành phục linh, phục linh ngàn năm hóa thành hổ phách, thủy tinh ngàn năm trong cốc lạnh băng lạnh biến thành dôi châu trong đời, dùng dược thạch đốt v.v... là y theo luận lại nêu bày đồng kẽm, bạch lạp, chì sắt (luận y cứ về thể tiền, nên giống như báu, cầm giữ lại phạm cát-la, nay đã thông lấy. Trong luật Tăng-kỳ, Tứ Phần có tám loại tiền đều thuộc chánh báu) năm cánh lấy như ở sau có dẫn, vì chứa phạm cát-la nên biết không chứa giữ cũng không có lỗi. Nếu nắm giữ trở xuống ba lần nói cầm giữ của báu, văn nêu vàng báu lý chung cho bảy pháp ở trước, vàng mỏng nghĩa là vật thiếp vào bên trong, tượng vàng như đúc thành tượng thánh (trong Tứ Phần không phạm) tự báu làm tự thuyết tự báu. Như giống trở xuống bốn lần phân biệt giống như báu, trăm lẻ một lần thọ trì nên không nhờ tịnh. Giải thích trong pháp thứ tư, khoa đầu có ba đoạn: Trước định ra danh thể, trong luật dùng vàng bạc kẽm làm trọng báu, gọi là vật bất tịnh, báu khác gọi là vật tịnh, bất tịnh. Ban đầu nói báu quý trọng là chỉ nêu bày ba loại. Bảy báu trong luận Tát-ba-đa đều chế, khác với đây, không được xúc chạm chỉ bày nghĩa bất tịnh.

Kế giải thích báu khác, trừ ba vật trên gồm chung tất cả, nói được xúc chạm là không chế cầm giữ, không được cầm giữ chế đồng với cất chứa, trước là tham cất chứa phạm Đột-cát-la.

Như thế ở sau nói tướng phạm, ban đầu nói chung quý trọng của báu, như tướng, v.v... là hiển bày riêng thể kẽm. Nói tướng thành như hồ giao, da cây, v.v... kẽm và các loại bạch tướng thành như hồ giao, da cây, v.v... kẽm và các loại bạch lạp sắc trong đây, hễ cõi nước chuộng dùng thì cũng nên mắc tội, như phàm trở xuống là ba pháp chỉ bày pháp

thọ, khiến tịnh nhân chiết hoặc lại khiến cho thọ, hoặc tác pháp ngay. Không nghĩa là không có tịnh nhân. Tạm yên chỗ ở là nói trong đây biết tức tịnh ngữ. Khiến cho biết đem đi, nếu không đáng tin khiến đem giao phó cho người khác thì chỉ nói biết. Nếu có thể tin người thì khiến đưa tay, phải làm tịnh pháp, lời thấy ở khoa kế.

Kế trong pháp tác tịnh, trong Tứ Phần đã phạm tài đối với văn tục xả, y theo sớ chia ra bốn tiết, câu đầu xếp trước chế lỗi.

Bảo trở xuống hai pháp là nói phương tiện xả kẽm, tìm tịnh chủ giao phó, như trong luận trở xuống ba pháp nói ý không được thí cho. Phật làm tịnh nên khiến cho họ thọ, họ không hiểu nên không dám thọ ngay, trái với pháp tịnh thí, phải làm vật họ, người thọ đã xả cho họ tức thuộc người kia. Nếu vì đổi y phải đổi thọ, do tịnh pháp trước không thành như họ trở xuống bốn pháp nầy y cứ vào ý giải tức thủ liền tịnh, không cần chuyển đổi, như ở sau nói riêng tịnh ngữ.

Trong sớ chép: xem xét đây nghĩa là xem xét về kẽm của báu, biết đây cho rằng: chẳng phải ta đã làm, làm tịnh cho ông được không nói, mất pháp nên kiết.

Trong luật Tăng-kỳ, ban đầu nói pháp biếti việc giấu lấy, trong mất ba lần xoay chuyển ý là mê vì phòng dứt trộm. Nếu thí chủ trở xuống kế đó nói pháp thọ dụng đồ báu, nên nói v.v..., là có duyên mở miệng thọ. Chữ bắt đắc là trở xuống ba tướng, không khen ngợi là biểu hiện chẳng phải chỗ tốt, vả lại vì tham lụa. Đây trở xuống điểm chung đoạn đều chẳng phải vật của mình, muốn hiển rõ pháp thọ chứa vật của Tam bảo, nên thường dẫn ra, nhưng e rằng có liên quan nên đặc biệt chỉ bày, trong pháp lãnh thọ. Trong luận Tát-bà-đa đầu tiên nêu năm pháp:

Trước là ba nghiệp của thân.

Sau là hai nghiệp của miệng.

Ở sau nói ba chúng chế đồng tội khác. Trong luật Tăng-kỳ hai tướng đều là thân nghiệp, ở đời có người giữ giới dùng tay có đựng vật cúng, hoặc khiến người thọ không có pháp tác định. Đó là do không học mà gây ra xen lẫn, đời sau không biết thường tương truyền rất sai lầm.

Bốn pháp khai cất chứa trong đó nêu chung bày tướng dư.

Năm pháp chung thành ba.

Hai pháp trên đều là hai y trong món báu, quý trong báu ở sau có giải thích riêng hai món báu.

Ban đầu giải thích trọng báu, tức bảy loại trên đây y cứ theo phạm xả, nên nói hối tội như kẽm, kế sau giải thích giống như báu, trăm lẻ

một vật và chữ viết lầm, y theo luận là chữ trừ, do một trăm lẽ một vật không cần xả, kẽm của báu ở sau chỉ bày hai thứ tịnh pháp.

Ban đầu là Tỳ-kheo đối với thí chủ, nói là giao cho tịnh nhân. Nếu tịnh phải thọ nghĩa là đổi vật tịnh, hai tịnh nhân trì vật đối trước Tỳ-kheo, nói y cứ ngôn luận đây vốn chẳng phải tịnh pháp cho nên đều nói đúng, nếu thực hành pháp nầy rồi không nhọc nói lại, chữ đương bỏ đi. Nếu xả trở xuống là phân biệt tịnh chủ có thể hiểu.

Năm trở xuống là trong chúng, trên nói không được cho Sa-di cho nên tiếp tục chỉ bày.

Đầu tiên nêu riêng hai duyên: Duyên đầu tức đệ tử Mục-liên cũng nói là Quân-đề, đều là ở sau hợp chỉ bày thầm trách, vì sự đồng. Ở Tây Độ đi nhiễu bên trái vì không rõ, ở đây không tốt lành vì gặp người không thanh tịnh, đều do việc bạch, tức hai vị Sa-di đều bạch thầy, bỏ việc ấy làm lễ, bỏ uế trở lại tịnh, đó là đáng kính. Đây vẫn còn trở xuống là tìm xưa tổn nay. Nói có thể trị tức hai Sa-di ở trước, như thần ở bờ ao là trong luật Tăng-kỳ nói: xưa có Tỳ-kheo đến bên một cái ao, nghe mùi hương hoa sen liền trộm ngửi, thần ao tránh rằng vì sao trộm hương hoa trong ao của ta, lát sau bầy voi xuống ao giẫm đạp, thần ao yên lặng, Tỳ-kheo lại trách thần ao, thần nói: sư là xuất gia đâu đồng với súc sinh, nghĩa là Sa-di trước đáng trách, nên có phi nhân đi nhiễu, chưa sám tức nay cầm nắm chứa không thể trách. Hiển bày giết hại tức hiện quả báo ác bịnh dữ, rốt cuộc phần nhiều do hủy giới.

Trong Mẫu luận nói bụng thì mổ xẻ, cà-sa lìa thân nầy, đồng hai mà xưng, trong kinh Bách Dụ chép: xưa có người nữ ngốc, chàng rể về nhà vợ, thẹn không ăn bị đói quá, nên lén ăn cơm, hai má chàng rể phùng lên như hai cái trống, người vợ thấy cho rằng má sưng, cố chấp mà không nói, bèn mời thầy thuốc, dùng dùi lửa áp vào má, má lủng cơm lòi ra. Đây là dụ cho người ngu mắc tội không suy nghĩ cầu sám, đợi quả bảo rõ ràng. Trong cái không phạm, như trên cho rằng nói làm tịnh và trước pháp xả, nhưng trước là phạm rồi hối xả, ở đây nói được vật liền xả, như ở sau nói tịnh chủ không đến xin pháp, trước khiến người khác xin. Nếu lại trở xuống là ở sau nói về tự xin, cùng khen ngợi tăng, v.v... do họ có thể xin nên ở đây động.

***Giới thứ mười chín:***

Phật ngự tại nước La-duyệt-kỳ Bạt Nan-đà đến chợ dùng tiền đổi tiền, cư sĩ chê bai, do đó Phật chế giới. Ở trong lựa chọn, đầu tiên dẫn luận lựa chọn chứa của báu không nói tịnh bài đã phạm giới trước, vì

không phạm trọng như đem tiền đổi vàng mà duyên tướng chứa khác thì dễ phạm cả hai, như trong giới sớ nói, lại trong sớ có bốn câu:

1- Chứa chẳng phải đổi là thế tục cho tiền của vật báu.

2- Đổi chẳng phải chứa, dùng y đổi tiền của vật báu (y theo đây, chỉ khiến chỗ đổi là tiền của vật báu thì phạm, bất luận là năng đổi.

3- Đều dùng tiền mua vàng cất chứa.

4- Đều chẳng phải ngay tướng y vật mà đổi.

Nói chuyển đổi là chỉ bày tên giới. Từ đây trở xuống là phân biệt mua bán.

5- Khác chỉ như trong sớ.

Trong luận chép: ban đầu đối người không đồng đổi của báu, bảy chúng đều phạm, đổi y chỉ có hai thế tục phạm (hai chúng tại gia). 2/ Đổi của báu tự làm, dạy người khác vì mình đồng phạm, trừ vì Tam bảo, đổi y khiến người không phạm. 3/ Đổi của báu một phen chế không khai, đổi y thì khai sữa dầu đổi nhau. 4/ Y báu xả thì đạo tục khác nhau (y đối với đạo tục, báu đối với tục xả). 5/ Trả lại tài vốn chẳng phải vốn khác nhau (y xả trả lại nguyên vật, nên nói là bổn báu xả đổi vật tịnh nên chẳng phải bổn). Luật trở xuống là y theo luật hiển khác, luật có bảy vật xen nhau đều phạm, vàng có ba phẩm.

1- Đã thành vàng (hoa nêu bày đồ trang nghiêm).

2- Chưa thành vàng (tức vàng thỏi).

3- Đã thành mà chưa thành vàng (kim loại chảy thành món đồ nhưng chưa thành thỏi).

Bạc cũng có ba loại.

Tiền chỉ có một, cộng chung thành bảy, như ở sau phân biệt khác, thì biết giới nầy, chỉ y cứ về báu mà nói, trong duyên phạm, là tiền của báu, hạn cuộc ở nơi đổi, có thể đổi thì chung cho y báu vật dư, nói trong cách sám, giới nầy không đối với Tăng xả, y tùy theo hối riêng, nên đặc biệt ngăn lỗi nặng, trong cái không phạm, chỉ khai Tam bảo ngoài ra không có chỗ nào chung.

***Giới thứ hai mươi:***

Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, Bạt-nan-đà đến ngôi làng không có trụ xứ, dùng gừng sống đổi thức ăn, lại đổi y với ngoại đạo, hối hận không trả lại, người đời chê bai quở trách, Phật do đó chế giới. Tên giới y theo số chia làm ba, vì lợi nên gồm thâu, vì lợi nên giảm giá, tiền trước gọi là mua, vì lợi nên đưa ra, gắng tăng thêm giá cao gọi là mại (mua bán chỉ trước lấy phạm trả lại đồng với bán). Trong ý chế, bốn bậc

thánh tức hạnh bốn y, chế đoạn mua bán khiến tu bốn pháp, trong duyên phạm, duyên đầu tiên năm chúng không phạm, lược chỉ bày trong đó. Ban đầu chỉ bày trao đổi, câu trên chỉ văn luật thấy không phạm, câu kế y theo bộ khác. Như ở sau trong luật Tăng-kỳ, luật Thập Tụng, như y cứ ở sau, dẫn y pháp trong luật Tứ Phần cũng khai cho Tỳ-kheo không chỉ bộ khác, luật Tứ Phần trở xuống chỉ bày tướng phạm.

Trong luật chép: lấy thuốc phải thời đổi thuốc phi thời, bảy ngày, trọn đời, y Ba-lợi-ca-la, như vậy xen nhau đổi (tùy theo mỗi vật làm đầu để nói về các vật). Trong sớ chép: ở đây chỉ nói theo duyên khởi, nếu dùng tiền mua y thuộc về giới nầy, trái lại thì giới trước, y theo biết hai giới mua bán chỉ y cứ vào chỗ mua để phân.

Kế nói rộng trong đó khoa đầu trước nói nghiệp trong, thật là giết hại là dùng tâm cùng khắp. Đây là mua bán, kế sau nói vật thí, cầu phước không khai dùng là vật thể ô uế. Ban đầu chỉ bày chế ước nên ở sau gạn ý chế như mua bán ở sau, ba pháp kết tướng phạm, kết tội nặng là vật chỉ một lần xả tội thì hợp với sám. Khoa kế đầu tiên nói thọ thí, việc kinh doanh sinh hoạt gọi là trị sinh. Nói phạm xả nghĩa là người thọ thí, như ở sau chỉ bày để khai, người ấy phải bảo bạch với tăng tác bạch thọ y vật, tức là pháp khai, như thí trở xuống nói chuyển thí được thọ, người ấy đã quyết xả, tức là vật tịnh, trong ba pháp ban đầu nói bội kết, tức phạm mua bán như ở sau nói khai, tự ăn ban phước, do đó nêu ra chẳng phải bổn ý khác, nên y bát nghĩa đồng, nên chú giải chỉ bày, trong bốn pháp ban đầu nói đối với đổi, tương tự nghĩa là dùng chín vật đổi nhau, không tương tự tức xen nhau đổi, hai thứ đều phạm như ở sau sẽ xả, Vật tức đã phạm kim báu, mua lương thực lúa dùng lúa đổi vật, tuy là lại chuyển đổi cũng không được dùng, ăn phạm tội cát-la, khác với luận Tát-ba-đa ở trên. Trong năm pháp, đầu tiên là nêu, trong phần hỏi đáp: ban đầu chánh đáp, ở sau giải thích lý do.

Trong kinh Niết-bàn chép: thuận theo lời Phật là cúng dường Phật, trong sáu pháp trước nói về bốn phần, trên nêu ba việc, dưới lược mua bán, để lúc gồm thâu gọi là bán ra, tức gọi là mua, chỉ nói mua bán tức thuộc mua bán tùy theo việc đều đọa, nên nói là đủ.

Trong luật Thập Tụng chép: vì lợi cho nên bán mà không mua, mắc tội cát-la, vì lợi cho nên mua rồi lại bán phạm Ba-dật-đề, nên biết một vật hai việc mới phạm, không đồng với Tứ Phần. Trong bảy phần, đầu tiên nói lợi ích giới hạn của giá, như trong tăng bán vật, một người trả lại giá, biết việc ba lần xướng bảo chúng làm giới hạn không thể lại có lợi ích. Như chúng trở xuống nói hối hận trả lại được chăng?

Trong luận văn y cứ vật của tăng nên không cho trả. Trong luật Thập Tụng nói vật riêng tư mới chế ngày chừng hạn, luật lấy như ở sau vốn có chữ riêng tư, nghi ở sau chỉ bày, nên trước lược nêu, chỉ trong tứ Phần tức ở sau không phạm, nếu hối hận thì cho trả lại, không nói tăng riêng tư lại không có chừng hạn, nên nói không rõ. Trong tám phần, đầu tiên nói dời đổi phương tiện, tỳ-kheo trở xuống nói Tăng riêng đổi.

Bồi: nghĩa là dùng vật để bồi thường quân bình, nghèo thiếu thì cho thẳng, y cứ vào vật hiện tiền mười phương, hòa tăng được cho, như thường kiết việc đợi Pháp sư nêu bày, bốn phương thường trụ thì không có lý khai, trong chín phần ban đầu dẫn duyên, y pháp tức y kiền-độ, dựa theo nghĩa sau để giải quyết, thì kiết kia đây đều khai, có người chế tội lý phải được kết. Trong mười phần của luật Tăng-kỳ có ba, ban đầu lược chỉ bày kết phạm.

Bốn món dược trở xuống hai món nói tám vật đổi nhau luận ấy chép: nếu khi dùng vật (đây là có thể đổi trở xuống đều đổi chỗ), vật lúc mua, vật phần đêm, vật bảy ngày, vật trọn đời (trên là bốn thứ thuốc, vật tùy thân, ba y sáu vật tức trong sớ sao tùy theo vật nhẹ), vật nặng (vàng bạc, v.v... trong sớ sao thiếu câu nầy e là viết sót, hoặc là chỗ đổi rơi vào giới trước nên ở đây lược nêu). Vật tịnh bất tịnh (tức giống của báu, v.v... tùy theo một làm đầu xen đổi y theo trên). Tứ trở xuống ba pháp là nói Tỳ-kheo tự đổi lại, có năm loại:

Đầu tiên là nói phải tịnh ngữ, tức trong pháp khai chế đồng trì. Dao tức là động, như đánh giá ở sau hai pháp, nói liều lượng, sự tuy dường như giảm mà y cứ thật không lỗi, ở đây y cứ về giá chợ thường định, hoặc có thể châm trước thành nói, song việc của tâm khó rõ, lý như trong luật Ngũ Phần đâu khiến họ được lợi của ta, phần nhiều cho là tốt.

Như trước trở xuống ba là nói chợ, ban đầu nói vào chợ đổi vật, ở sau nói trong tăng xướng bán, từ thiếu thân nhiều gọi là sao thượng, hai thầy không được phụng thờ tôn kính, nếu doanh cầu trở xuống bốn pháp nói lời tịnh bất tịn, thì đầu tiên kết phạm, trên là vì chúng, vượt trở xuống là nói tư làm nên đề xướng.

Kế đưa ra hai loại ngữ tướng nên biết, phân biệt là tâm nghiệp, xin thì khẩu, nghiệp, như chợ trở xuống là trong năm pháp nói tánh chê bai, nhưng phải y cứ vào thật, thật tốt mà nói xấu thì gọi là hạ giá đều là cuồng vọng. Tốt đây, v.v... là chỉ bày thuyết tướng chê bai, trong năm trăm lời hỏi, ở đây y cứ về Tỳ-kheo mua vật xin giá, quá năm tiền được vật thành trộm, không ngại tự mua, có bổn nêu ra tội. Trong Tăng-kỳ

ban đầu là thời dược đổi bảy ngày, ở sau nói dùng thức ăn để thuê làm, chẳng phải đổi vật nên chỉ phạm việc tộc, trước sau vô tội là không trao đổi.

Trong luận Tát-bà-đa câu đầu chỉ cho giới, hoặc ở sau là nói rõ, câu đầu nói có nhân không quả, sau nói không nhân có quả. Nói ở sau giải thích văn trước thí cho tăng, do thể vật dơ không cho tăng thọ, nên y cứ vào xả sám chung đó. Trong không phạm có ba.

Đầu tiên nói bổn chúng không phạm, nói không nên có cao thấp, y theo nên biết, cao thấp lẽ ra cũng phạm tội cát-la. Không được ở sau nói đối tục sai người không phạm, nếu hối hận cho đổi lại, nghĩa là không đúng ý mình, luật tác pháp nên trả lại, nên y theo luật Thập Tụng bảy ngày về mình. Như ở sau ba pháp nói vật nhẹ không phạm. Trong giới sớ y cứ dùng liên ngoài, trước dẫn các văn bốn thứ thúôc đều phạm, y cứ giúp bên trong, ba pháp trên là dẫn văn, y theo sau y cứ về nghĩa không phạm. Pháp thượng y tức đều khai ở giữa, văn nói y cứ có là ý hiển bày không người tức khai có giới hạn. Trong luật Thập Tụng, ban đầu nói Tỳ-kheo tinh ngữ tự đổi, do không được mới tìm tịnh nhân, do ông đã không dạy người tịnh ngữ (302). Trên nói khai mua, sau đây nói khai bán.

***Giới thứ hai mươi mốt:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm tỳ-kheo sáu vị chứa nhiều vời lấy sự chê bai, do đó Phật chế giới. Trong duyên phạm, thứ ba đúng như pháp thể, sắc, lượng cả ba đều phải nên dạy. Chữ dầu là mâm cổ độn phản, đồng lấy bát trắng đều là phi pháp. Y theo luận Tát-ba-đa chứa chỉ phạm tội cát-la.

Thứ tư dẫn trong luật Thiện Kiến, nếu chưa trả lại thẳng thì không thành thọ, phạm cũng thuộc người khác, nếu tính giá liên mình và người cũng phạm, tức vật của mình, chỉ lược ở trong, tức tám thứ trước chuyển xuống, tướng chuyển, v.v... nghĩa đồng nên không nêu ra, rộng như trong sớ.

***Giới thứ hai mươi hai:***

Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, Bạt-nan-đà bát bị bể xin chúng chứa nhiều, vời lấy sự chê bai nên Phật chế. Y theo trong duyên, năm lần vá. Luật nói: tướng cách hai ngón tay ở giữa một lần (một, ngón tay của người bậc trung rộng một tấc, tức lấy ngân mạch dài hai tấc, tức là một lần, năm lần vá cộng chung là một thước.

Xuyết là dùng chì, kẽm, v.v... phụ thêm, thời nay bỏ bát chứa chắc đợi vá, chỉ y cứ mạch vỡ đủ thước liền khai họ cầu, không chảy kết là duyên không đủ, sự ở sau chỉ trong sớ, văn ấy nói rộng pháp xả. Bổn hành sự sao, bấy giờ đã không thực hành lại không dẫn nhiều, chỉ biết một bát đi nuôi sống, chớ cầu nhiều việc thì phù hợp lời bậc thánh dạy, không phạm tám duyên, năm lần chảy ở đây khai tội cát-la, tự có mua là trong giới chú giải làm, hoặc tự có giá chứa mua, văn tướng mới hiển, nghĩa là không theo người xin.

***Giới thứ hai mươi ba:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, Nan-đà may y xin chỉ, đem nhiều chỉ khiến cho dệt tự làm, vời lấy chê bai, do đó chế. Trong ý chế, bỏ pháp cú tìm cầu thế tục tham chứa hoại hạnh. Dứt chê bai như trong duyên giới có nói, duyên phạm thứ ba lại biết, người thuê không phạm chánh tội, khác với năm phần ở sau, trong giải thích duyên đầu. Trong Thập Tụng không có y xin sợi, tình buông lung nên phạm cát-la, tùy theo thiếu xin thẳng như ở sau đã khai. Trong luật Ngũ Phần thuê người y cứ theo tình kết tội đọa, theo duyên không đủ, nay y cứ nên phạm tội cát-la, giải thích trong thứ hai. Trên nói khai bà con, trong sớ chép: do duyên lìa tổn chê bai, nghĩa y theo bốn câu, hai câu đầu đều là bà con (không phạm như trên). 2/ Cả hai đều chẳng phải ba con. 3/ Cho chỉ là bà con, thợ dệt chẳng phải bà con (hai câu đều đọa). 4/ Cho sợ chẳng phải bà con, thợ dệt là ba con như ở sau kết tội cát-la. Cho trở xuống nói khinh phạm, xem dệt ở sau y theo luật hợp có tự dệt đẹp, trái lại bên trong, nghĩa là đem tơ ở xe trong đó không phạm. Khai cho tự dệt, trong sớ chép: chỉ vì mịn nhỏ lỗi không sâu, nên gây ra ngắn, đạo chẳng phải là không tổn.

***Giới thứ hai mươi bốn***:

Phật ngự tại nước Xá-vệ, cư sĩ đem sợi cho Bạt-nan-đà dệt y, Nan-đà bèn đến nhà họ chọn lấy sợi tốt cho thợ dệt, lại hứa cho giá, do đó bị chê bai nên Phật chế.

Lệ theo trong duyên thứ tư chính là nghiệp bổn thừa, hứa thẳng là giới bổn nói cho đến một bữa ăn. Trong luật Tứ Phần ở sau giải thích riêng thứ sáu, ở đây kết phương tiện. Trong luận Tát-bà-đa chép: giới trước nương thế sai dệt, làm thành phạm ngay, giới nầy tự cầu lãnh thọ liền kết.

Trong lời sớ hỏi: giới nầy tổn sợi, đâu có khác gì với một, hai cư sĩ ở trước?

Đáp: Trước mặt đối với chủ sợi, đây là khuyên riêng thợ dệt, nên cả hai đều chế. Trong không phạm, bà con và người xuất gia đều y cứ theo chủ sợi, nếu khuyên thợ dệt há không có lỗi nhỏ hay sao, hãy suy nghĩ đó.

***Giới thứ hai mươi lăm***: Phật ngự tại nước Xá-vệ, Bạt-nan-đà muốn đi cùng đệ tử Nan-đà, trước cho y sau không theo ý mình liền đoạt lại, do đó mà chế. Trong duyên, đầu tiên là duyên lựa chọn vị sau, y theo sớ chép: đoạt chỉ phạm cát-la, trong ba pháp có chung bốn câu, câu đầu giới chánh duyên đây, bốn pháp trở xuống hai câu quy về trước thuộc tội trộm, như ở sau thiếu một duyên cho nên nhẹ. Thứ năm y theo luật đoạt mà giấu là phạm, đoạt mà chưa giấu mắc tội cát-la, nghĩa là đoạt đối diện. Nếu chẳng phải đối diện đoạt lìa chỗ thì phạm. Không phạm có tám, ban đầu khai khéo lấy, còn bảy pháp đều dùng chữ nhược chia ra. Người kia kiết hối hận, nghĩa là tự biết liền trả lại, không đợi người khác xin. Mạng phạn là nhân gây ra nạn, đoạt lấy thì khỏi, một pháp ở sau tổng kết văn truyền hai lầm xưa nay nghi ngờ, y theo giới chú giải: tất cả đoạt lấy không chứa nêu đều không phạm, cho nên luật đoạt chưa cất mới kết, nay nói không phạm, ý hiển bày các duyên đều có thể đoạt, không cần cất giấu, tức dùng lời nầy kết chung duyên trên, nên nói tất cả hoặc có thể không duyên, bên đoạt không che giấu nhưng kết không kết tội chánh, nên vào không phạm, thì đủ tám pháp trước khai thành chín.

***Giới thứ hai mươi sáu***:

Đức Phật ngự tại nước La-duyệt-kỳ, trước khai thuốc uống bảy ngày, đồ chúng Tất-lăng-già chứa nhiều tràn đầy, cho nên Phật chế. Chỉ cho trong rộng, lập nghĩa là nghĩa môn, lựa chọn tướng gia pháp được chăng? Thiên bốn thứ thuộc và văn nghĩa giới sớ rất rộng. Nay giải thích đại khái giới nầy, chỉ bày tên thể khiến cho biết tướng phạm. Nói bảy ngày y cứ vào pháp đều có phần chừng theo chừng hạn ngày đặt tên, thể thuốc kia trong bổn tông nói có năm thứ thuốc: đó là sữa, dầu, bơ sống, mật, đường phèn. Trong luật Tăng-kỳ khai ra là mỡ, đều là thể bảy ngày, là tướng phạm ở đây. Duyên phạm thứ nhất, dùng thủ pháp trong lỗi liền mất chẳng phải dài lâu, duyên kế do trước thủ thọ, miệng nói pháp mới thành gồm có hai thọ, trong bốn thứ thuốc lấy trị bịnh phần thế làm kỳ hạn. Ngoài ra không công nên đến bảy ngày, thuyết tịnh chứa, cho nên trái không nói tám ngày kết phạm. Năm pháp

không duyên trong luật sai cho người mất hoại, làm chẳng phải thuốc, ý bà con quên, v.v... các duyên đều không phạm. Trong không phạm, là đầu tiên quá bảy ngày tức ngày đầu thọ thuốc đến ngày thứ tám, gồm đủ các lỗi, tăng không được ăn, nên cho người làm vườn, ngày thứ bảy tức hai ngày thọ đã không cách đêm, khẩu pháp vẫn còn nên cho tăng ăn, cả ba chưa đủ tức ba ngày thọ đầu tiên được sáu ngày, hạn cuộc pháp không qua lý được thuyết tịnh, nhưng tùy theo nhẫn phạm không còn nghĩa uống, chỉ được dùng bên ngoài. Ban đầu là năng nhiễm, hai thứ sau là sở nhiễm, nên chia ra ba thứ khác nhau, y cứ theo đây pháp phạm sám xả thuốc mà thuộc về khai thông, do xả dùng pháp thừa đều phạm cát-la, đây là khai tội nhỏ xếp nên vào không phạm.

***Giới thứ hai mươi bảy:***

Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, Tỳ-xá Khư Mẫn cúng thí áo tắm, được Phật khen ngợi, nhóm tỳ-kheo sáu vị thường cầu xin nên Phật chế. Trong danh cầu dùng có hạn, hai pháp dư trước đều gọi là lỗi, trong duyên phạm, tướng phạm đã khác nên phải nêu bày từng việc, trong pháp dùng quá hạn trong thời thứ hai là y theo đây. Nếu phạm lỗi trước câu thì không phạm lỗi trước dùng. Trong luận Tát-bà-đa chỉ phạm cát-la. Trong ba pháp hoặc chỉ thọ chứa, hoặc đồng chúng thọ, như ở sau chú giải hiển rõ, khoa đầu trong phần hiển rộng.

Đầu tiên chỉ bày y thể, trong luận trở xuống nói hai hạng, mười món y như trong hai y, trong thọ dụng. Trong Tăng-kỳ nêu bày sáu pháp chế.

1- Không được may ba y, vốn là y phi pháp (duyên gấp nên được). Không tịnh thí thì chẳng phải dư (hai pháp trên đều y cứ theo thời nội, như ở sau trong Ngũ Phần quá thời phải thọ thuyết). Không bỏ xuống sông là sợ dễ hoại, ở sau nói cũng khai chất dơ, mưa nhỏ không dùng là thành tắm, không lõa thân, mặc sợ dính đó, Xá-lặc, Phạn Ngữ Cựu Ký chép: loại quần ngắn trong Tỳ-nại-da nói là Nê-hoàn tăng, ngoài ra y cũ như các loại vải áo lót bên trong.

Không mặc làm việc chẳng phải bổn khai, cho làm được ngăn, không tổn hoại. Trong tướng y, chỉ xưa nói tượng gỗ người rối. Nay ở sau hiển rõ chỗ sai, dẫn trong văn. Trong luật Tăng-kỳ nói mặc tắm càng rõ nghĩa trên; Dịch là chất nước dơ. Trong luận Tát-bà-đa đầu tiên nói cầu làm. Trong luận ấy chép: từ ba tháng rưỡi đến ba tháng đều phải làm, nếu được thành y bốn tháng một ngày nên chứa (chứa là dùng) nếu không thành y cho đến bốn tháng rưỡi cho cầu cho làm, nên nói là cho

đến cũng vậy, v.v...

Lại nói: lập ba tháng mười sáu ngày được, một hai ngày liền thành cũng được chứa dùng. Y theo tông nay chánh phạm bộ giới sau chấp có khác, không thể hòa hợp nên biết. Cầu chung một tháng hạn dùng nửa tháng, không thể xen lẫn.

Kế là nói pháp chứa, đầu tiên nói bổn khai, dư ở sau nói lượng y. Trong luật Tứ Phần nói dai sáu ngón tay là đồng với luận kia, rộng hai ngón tay rưỡi thì năm thước, do hạ trở xuống nói ý khai, đã thành hộ y nên được che mưa không chỉ mặc tắm. Ở đây tắm trở xuống là giải thích ngắn, e rằng y phục tắm sao đem che mưa, nên ở đây giải thích, nếu y cứ giới ngày nay gọi là y tắm mưa, nghĩa là mặc tắm trong mưa, đây thới giới bổn gọi là gồm dùng hạn cuộc. Trong Tát-bà-đa gọi là dùng hạn cuộc. Trong Tăng-kỳ không cho dùng chung khác, hơi khác với luận, nếu mặc trở xuống không dùng chánh y phương tiện khỏi lỗi, trong pháp xả, trước dẫn hai luật nói chế xả, ở sau dẫn trong luật Tăng-kỳ pháp xả, văn không có pháp thọ, nên chú giải y theo, chỉ đổi chữ Thọ là khác, không được mười sáu cho vào Đông phần. Không phạm có bốn, ban đầu khai đủ hạn cuộc không xả kết, hai pháp mặc áo tắm nầy y theo không phạm nói về không phạm. Giặt nêu hai duyên khai thông dùng cát-la.

***Giới thứ hai mươi tám:***

Đức Phật ngự tại Tỳ-lan-nhã cho thọ y hạ, nhóm tỳ-kheo sáu vị thọ nhiều, sau an cư ở Xá-vệ, đại thần vì an cư cúng thí, do khai mà chế. Trong tên giới, thí chủ vốn vì an cư, nên cúng thí, chợt có duyên gấp không kịp hạ xong chuẩn bị trước đem cúng thí, Đức Phật khai an cư chưa xong trong mười ngày được thọ, nên có hai lỗi, như duyên đã giải thích trong văn chú giải lựa chọn lẫn lộn.

Trong sớ chép: không đồng với áo mưa, một việc mà sinh hai, vì thọ dụng tuy khác nhưng đồng là áo mưa, lỗi của giới nầy trước phạm do thọ thí, tội sau y cứ chứa dư, nên nói không đồng, lệ theo duyên có hai. Trong lỗi trước, duyên đầu tiên giải thích ý khai thí gấp. Trong ba pháp tự tứ còn mười ngày tức bảy ngày, sáu ngày đầu về sau được thọ, ông trước thọ ngay gọi là hơn trước, bốn pháp vô duyên luật không phạm, nếu y bị cướp, bị mất thì lấy trước không phạm, lỗi ở sau chặng giữa, duyên thứ ba không phạm y theo đó mà biết, trước sau xen nhau không phạm. Trong thứ tư, luật nói: Nếu Tỳ-kheo gởi y đi xa đường thủy, đường bộ, đoạn đường quá xa không phạm. Thứ năm, nếu ngày

sáu tháng bảy thọ đến ngày mười lăm tháng tám tức là nói không nói ngày mười sáu phạm (nếu thọ đức y đến ngày mười lăm tháng mười hai thuyết tịnh, ở sau tăng thêm y theo mới) bảy ngày đầu thọ là trước giảm một ngày sau thêm một ngày (ngày mười sáu tháng tám dù thuyết tịnh hay không thuyết, ngày mười bảy phạm). Như vậy cho đến ngày mười lăm thọ trước giảm chín ngày, sau thêm chín ngày (ngày hai mươi bốn tháng tám thuyết tịnh hay không thuyết tịnh đều nói ngày phạm), đây gọi là thứ lớp thêm.

Khoa kế chỉ rộng, nay lại rút ra chỉ bày tướng thời, phi thời, sau hạ một tháng, năm tháng gọi là Thời. Đầu tiên nói là thời y, phi thời mà thọ, nên đối với ngoại thời lại khai mười ngày (tức thí gấp) giữa thời thọ y, vốn chẳng phải thí gấp nên không ngoại khai (ngày mười sáu trở đi đã được y hạ).

2- Phi thời thọ y: vượt vào giữa mười ngày phải nói (hạ chưa xong được y phi thời vào giữa thời (hạn đủ phải thuyết).

3- Trong thời được y, chẳng phải an cư thí cúng, y lợi rộng nên cũng đồng một tháng, năm tháng khai cho.

4- Nói y hy-na năm tháng có thể thuộc một tháng đồng là thời.

5- Giữa một tháng không thuộc mười ngày, thời phi thời khác nhau nên lược biết như đây.

***Giới thứ hai mươi chín***:

Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, Tỳ-kheo ở lan-nhã bị giặc cướp vật, Phật cho gởi ở nhà trong thôn, nhóm Tỳ-kheo sáu vị gởi y đi du hành, do đó mà chế, gọi là ở giữa có nạn, chẳng an tịnh, Lan-nhã nêu bày khác giới trước, ở đây cho rằng Tỳ-kheo ở chỗ hoang vắng sợ giặc cướp y, Phật khai ở thôn xóm, thân ở Lan-nhã, không lo bị cướp bị mất.

Trong duyên thứ hai, luật nói: sau nửa tháng tám, năm pháp vô duyên như tưởng y bị cướp, bị mất, v.v... đường bộ bị nạn mạng sống, nạn phạm hạnh, v.v... ngăn ngại gặp y không kịp, đái khái đồng với giới trước.

Giải thích trong pháp thứ ba, luật Thập Tụng nói nghi sơ đều cho rằng nêu nhẹ để rõ nặng.

Trong pháp thứ tư có thể nghi ngờ, tức người trộm cắp chú giải hiển rõ có thể thấy. Trong một pháp, luật Ngũ Phần nói khai chế, ở sau hiển rõ ý chế, kế nói hai duyên, dẫn trong các bộ. Luật Tăng-kỳ khai hạ không đồng với Tứ Phần, Ngũ Phần, hậu an cư xong thì đồng với tông nầy, mười ngày một phen xem ở giữa chế. Trong luật Thiện Kiến nói

trong tăng phường không thể không có Lan-nhã, nên không là được gởi chánh duyên khai nên sáu đêm, một phen xem khác với Ngũ Phần ở trên, tổng kết trên đến dưới.

Đầu tiên chỉ bày duyên sợ vô hạn, ba bộ đã đồng, phải ở sau nói khai riêng sáu đêm, như ở sau sẽ dẫn. Trong bác bỏ xưa, đầu tiên là nói về khai duyên, tức trước chú dẫn đầu tiên là bổn khai, không làm ngày hạn đồng với các bộ trên, ở sau trở xuống, tức là khai lại cho đến sáu đêm, đồng với các văn sau.

Tỳ-kheo ở xóm làng tức là nhóm tỳ-kheo sáu vị, không hiển rõ duyên tướng, tuy khai sáu đêm không nói các duyên như tháp tăng, v.v... Tổ sư vọng chấp trong sớ chép: xưa nay các sư tìm văn không rõ e sợ cho nên khai sáu đêm. Nay y cứ theo văn giới bổn tướng tự phân, trước là nạn duyên (giới bổn từ ban đầu đến để ở nhà trong thôn là duyên sợ hãi) sau là duyên riêng và có duyên sư là duyên sáu đêm).

Hỏi: Nay chỗ sợ hãi nếu không có ngày chừng hạn cùng duyên ở trên nêu làm sao thông hội?

Đáp: Nói lan-nhã sợ giặc cũng chỉ sáu đêm, nếu vậy vì sao trong sớ sao nói lan-nhã giặc cướp khống chế ngày hạn.

Hỏi: Đây là bổn khai sau nhân khởi qua hai duyên đồng chế, nếu vậy khác với Cổ sư chỗ nào?

Đáp: Cổ sư không nói giới bổn đều nêu hai duyên, nên bác bỏ (y theo giới bổn lập lại hai duyên trước cho đến ở sau đều kết hai duyên phạm). Y theo đó biết chặng giữa ban đầu nêu bày, năm pháp ở sau dẫn văn, trong năm phần ban đầu chỉ duyên sợ, lại ở sau chỉ bày duyên khác nhau, tức Tam bảo hai thầy và việc khác, nghĩa là mạng lịnh đạo tục, v.v...

Lời sớ dẫn trong luật Tăng-kỳ, cho đến việc đoạn cũng khai ra sáu đêm, hiểu luận nghe pháp cho nên khai. Nói bảy ngày trở lại lấy là đem trả lại lan-nhã, hoặc ở trong thôn do một đêm ở trong đó.

Hỏi: Trước đó Tỳ-kheo ở xóm làng khởi lỗi nên khai là khai xóm làng phải không?

Đáp: Duyên nhân xóm làng, khai chỉ có lan-nhã, hiểu luận nói chứng há lại nghi sao?

Trong pháp không phạm ban đầu, chỉ bày ngày hạn như ở sau nói đến hội có bốn:

1- Y cứ vào hoãn lại (thong thả).

2- Có tình nhiễm hai ngại, trong chủ giải chỉ nói nhiễm ngại, y theo trước bao gồm.

3- Tẩu chạy vừa đến phần thế, ắt y theo cõi không có ba ngại.

4- Cách ngại: ngoài ra phàm thọ y mất có tội, không tội, đều đồng với giải thích trước nên gồm chỉ.

Hỏi: ở đây và với giới trước gần như khác nhau?

Đáp: Một tụ lạc, Lan-nhã có hai chỗ.

2- Có nghi, không nghi.

3- Một đêm, sáu đêm.

4- Trước do duyên bịnh, đây chỉ là nạn giặc.

5- Trước chung cho ba đời, ở đây trừ phần hạ.

6- Trước khai Yết-ma, ở đây chỉ thẳng lìa, phân biệt như vậy.

***Giới thứ ba mươi:***

Phật ngự tại Xá-vệ, cư sĩ trai tăng cúng thí y, Bạt-nan-đà nghe vậy nói: cúng cho tăng nhiều rồi nay hãy cúng cho tôi, do đó mà Phật chế giới. Giới danh sớ chép: cho tăng nhiều vật, đối với mình có lẫn lộn, trở lại cho xứng tâm vui vì cố chế, vật của Phật pháp không lẫn lộn, nghĩa ít tuy lại chế nhẹ. Giải thích duyên đầu tiên ba loại văn chủ giái rất rõ, hai pháp trước ngay giới nhẹ nặng chia ra khác nhau. Thứ ba thuộc về trộm.

Câu trên lặp lại, hai câu dưới bày tướng, giải thích văn ban đầu thứ ba. Trong luật Tăng-kỳ, có năm loại, đối đáp người học phải nương, đâu chỉ lìa tội, rất là rộng lớn, hễ nghe thấy cúng thí cho ai không động lòng, không biết dạy chế phần nhiều đã thuộc về mình. Tham lam bỏn sẻn không khác hạ lưu, nghiệp ác chứa sâu rốt cuộc quy về đường khác. Thấy lời dạy của bậc thánh đây há không có phần hoại, trong văn được thọ không tội chẳng phải quanh co. Khoa kế văn nên bày năm tướng, đều chẳng phải mình, tội đều đưa xuống đã thừa nhận, tuy khác nhau chỉ là tạm chỉ bày tâm thì chưa quyết như chú giải đã hiển, tùy theo trước phạm, văn thấy ở khoa sau.

Trong luật Tăng-kỳ nói lỗi chứa vật, chẳng phải người y cứ đồng, phải trở lại quyết cúng thí, tùy cảnh thành trộm. Trong ba pháp, đầu tiên trả lại vật của tăng, tài pháp kết hối do không thuộc về mình nên không thành đọa. Lại tức trở về tăng, lại chẳng phải thành nặng, về sau lại người và vật có khác nhau, y theo ở sau quyết nghĩa, vượt thứ lớp tức đồng khác nhau, ba tướng không phạm, hai pháp trên y cứ vào tâm tốt xấu, y cứ vào vật, trong luật lại có cho phép ít khuyên nhiều (là cho phép vật Tăng ít khuyên khiến cho thêm nhiều) cho phép ít người khuyên nhiều người, hoặc nói đùa, nói lầm, v.v... nên nói tất cả.

# TỨ PHẦN LUẬT HÀNH SỰ SAO TƯ TRÌ KÝ

## QUYỂN TRUNG
(PHẦN 3)

Trong đơn đề, chín mươi, ba mươi đồng một thiên đề, vì tài có sự không nên khiến phân loại trước sau, muốn kết phạm để nói pháp sám không lẫn lộn.

***Giới thứ nhất:*** (Đức Phật ngự tại nước Thích-Sí-Sấu, Tỳ-kheo Tượng Lục bàn luận với ngoại đạo, bị thua bèn nói trái với lời trước, đến trong tăng hỏi, lại nói trái với lời trước), trong tên giới chú giải giới có nêu cho nên nói giới vọng ngữ, chẳng phải tâm không phạm danh, nay nói tiểu là đối với đại mà nói, chỉ lìa thiên đầu chỗ nêu bày thánh pháp bên ngoài tất cả đều thuộc ở đây, đại hạn cuộc mà tiểu thông tìm có thể hiểu, nêu bày trong ý, ban đầunêu bày số phạm, để khởi lời than, thêm ở sau hai pháp nói tâm cảnh để khuyên tu. Trong phần đầu, câu trên lặp lại chỉ bày. Chữ hỉ là khứ hô là hảo, lương trở xuống là giải thích lý do, sáu thức cấu tạo thành năng huân, tàng thức hợp thọ tức sở huân, hạt giống trong thức, nên gọi là Thức chủng, hai câu trên nói hoặc nặng, cho nên ở sau hai câu khởi nghiệp, trần cảnh tức ở sau dẫn thấy nghe, v.v... Hư cấu sự không chắc thật tức là nói dối. Không trở xuống hai câu nói mê khổ. Câu trên nghĩa là không nghĩ sinh tử, câu dưới nói độ thế vằng vặc. Dĩ trở xuống ba câu là than thở, câu trên nói về hư độ ở trên, câu dưới chỉ bày khổ báo ở sau, an sinh cũng như nói ở đời. Nhưng Sa-môn ở đời nên tu đạo làm gấp, dù vọng chấp ngã tự cho là sắp qua đời thần mê mờ mặc tình nghiệp dẫn sinh, nên nói là ngay sinh tử, v.v... sẽ đến, sắp xếp sai khiến, đối trị trí bằng nghiệp, thì có thể bài bác, đối trị có hai.

1- Sự hành, vả lại chế thì năng phục nghiệp.

2- Lý quán minh chiếu thì có diệt nghiệp, do người sắp chết tướng thiện ác hiện, ác mạnh thiện yếu, thần theo nghiệp đến, huống chi không có chút thiện, há có thể bác bỏ ư?

Kế trong khuyến tu tức nói giáo một gấp hai câu trên nêu định, hai câu dưới lại giải thích, nhưng sai, v.v... là giải thích câu kế ở trên, bất luận là giải thích câu đầu ở trên.

Trong luật chép: nếu không thấy, không nghe, không hay, không biết là trong đó có thấy tưởng, nghe tưởng, hay tưởng, biết tưởng. Lại nói ta không thấy, không nghe, không hay, không biết mà nói dối phạm Ba-dật-đề. Nếu nói về vọng ngữ thì cảnh luống dối thành phạm đối với nghĩa dễ biết, nay cảnh nầy thật trái tưởng cũng phạm, dạy chỉ y cứ về tâm chớ gấp có thể thấy, hư thật đều phạm nên nói tất cả trong duyên phạm. Ba pháp là vọng nghiệp, có bốn tức cố làm, khoa đầu trong phần giải thích. Luận Tát-bà-đa có bốn câu, câu đầu nêu dù câu khác lệ theo đó mà làm, nên nói hai pháp nói dối là hai lưỡi chẳng phải ác khẩu (truyền người nầy lời nói với người kia, vì không thật cho nên là nói dối, có tâm chia lìa nên là hai lưỡi, lời mềm mỏng cho nên chẳng phải ác khẩu), ba là nói dối chẳng phải hai lưỡi là ác khẩu (không thật nói lời thô, không có tâm chia rẽ), bốn là nói dối là ác khẩu (trên đây nên biết), câu đầu riêng phối hợp chỉ hạn cuộc giới nầy, trong hai pháp nầy đều phạm thì liên quan đến hai giới, thứ tư đều phạm thì chung ba giới, nói có không là nói dối bốn câu đều có, hai lưỡi ác khẩu câu đầu đều không, trong hai pháp mỗi pháp thứ tư mới đủ luận kia làm câu, về giới hai lưỡi lấy hai lưỡi làm đầu, còn hai giới chỉ lược. Nay trong sớ sao y theo luận ấy, y cứ nói dối nêu bày, thì kiết ba giới đều đủ bốn câu, chỉ do bổn giới làm đầu, rõ ràng rất dễ hiểu. Trong Thành Luận nói miệng có bốn nghiệp, văn trên chỉ nói ba thứ ly hợp, cho nên dẫn giải thích.

Nói thêu dệt, người xưa giải thích rằng: như ở đời lụa thêu dệt xen nhau trau chuốt thành văn, hoặc nói trau chuốt lời nói, nói trái đạo lý nên gọi là người dựa, cũng gọi là nói vô nghĩa.

Hỏi: nếu không lìa nhau như lúc nói dối nên kết hai tội.

Đáp: Nói không xa lìa chẳng phải nói đồng phạm, chỉ còn ba pháp nói tà khúc phi nghĩa tức thuộc về thêu dệt, đây thời thêu dệt gọi là tướng chung, khác nhau. Nếu nói về phạm riêng thì giới sớ chép: tâm ôn hòa cười giỡn lỗi chẳng phải trái cượt đều chung tội nhỏ. Nếu tăng tác pháp mới phạm tội ba-dật-đề như ở sau miệng nói thêu dệt. Trong Thiện Sinh, đây tức hóa giáo mười nghiệp ly hợp.

Ban đầu nói tự làm, dạy người đồng thời

Ở sau y theo tà kiến tâm si hiển bày ra tướng. Vả lại nói tham sân không được đồng thời. Nếu nêu nghiệp tham thì không sân si, sân cũng nêu bày, dưới đó chỉ bày tướng, ngoài bảy chi bao gồm một tâm

nghiệp nên được thành tám, lại ba tâm nghiệp sẽ không có dạy người khác, thân miệng có bảy chi, trong đó có sáu có thể sai sử. Dâm ắt tự tạo cho nên trong văn hai việc phải là tự làm, nếu theo tỳ-ni dạy dâm phạm thâu-lan-già. Đây là theo căn bản cho nên chẳng phải sở luận. Nói hóa giáo mười điều lành, cấm tà chấp, cho phép chánh. Không có nghiệp đạo là bác không có tà kiến, tức là nghiệp si, nhưng si chung khó hiển, nên nêu tướng riêng chỉ bày trong tướng phạm khoa đầu, trước dẫn hai luật. Pháp sư Tỳ-kheo là Tứ phần tượng lực, Ngũ phần giới Sa-lan. Trong lời sớ chép: nhân nói pháp lành lại thực hành cuồng vọng dùng làm nhân khởi, huống gì xen lẫn các việc mà được thành tin. Trong tăng ở sau, Ngũ Phần có nói: Trong phần Từ Địa chê bai Đạp-bà, Đức Phật nói: nếu ở trước Tỳ-kheo lòng tin liền chắc nói dối lại thêm giết hại vô lượng chúng sinh (nội phàm trở lên là Kiên tín) ở trước một vị Tỳ-kheo Kiên Pháp nói dối tội hơn trăm lần Kiên Tín (sơ quả trở lên gọi là kiên pháp) ở trước Tăng nói dối tội hơn trăm bậc A-la-hán (bốn người trở lên là tăng phàm thánh) dẫn chung văn nầy, do thế giảng sư hoặc lâm chúng nói pháp, hoặc có nói năng gì dẫn nhiều hư dối nên đặc biệt răn dạy:

Trăm bậc La-hán là nêu nhiều bậc thánh để so sánh phàm ít, tội còn vượt hơn, thật nên cố gắng.

Nói tội nặng là dựa theo nghiệp đạo, chẳng phải chế tội. Kế là dẫn trong luận Tát-bà-đa. Trong ấy nói: nếu nói pháp nghĩa luận, hoặc truyền người nói thì nói lên sở thuyết sở luận thì người khác truyền: là tự xưng luận thuộc về tự làm, nghĩa là lấy thuyết của người khác cho là của mình, chính là nương gá. Có bổn hoặc xem văn người khác, hoặc tự miệng trao, sẽ suy ra sở đắc để chỉ bày cho người, xưa nay người học ai tránh được lỗi nầy. Thánh giáo minh ước há không thức tỉnh bên trong. Không văn sau rút ra trong luận Trí Độ, bài kệ ấy chép: búa sinh trong miệng của sĩ Phu, cho nên chặt thân là do lời nói ác (bài kệ nầy dụ hiển bày kệ sau đồi hợp) nên quở trách mà khen ngợi, nên khen ngợi mà quở trách, miệng chứa các điều ác, rốt cuộc không thấy vui. Ba câu trên là búa ở trong miệng, một câu sau là chém thân, đó là dụ chẳng phải lý ngôn luận, vọng nghiệp tức thành, tự mình tổn trước). Trong văn đầu bốn phần chia làm hai. Đầu tiên nêu bày căn trần, thấy nghe biết là căn, xúc tức là trần, trong xúc hợp có ba.

Trong luật nói: xúc là tỷ thức, thiệt thức, thân thức, đây là căn trần xen nhau nêu đủ sáu món. Nói trái tưởng tức thấy nói không thấy, cho đến biết nói không biết, trong luật lại nêu không thấy nói thấy cho

đến không biết nói biết hợp thành tám cảnh (khai riêng thì có mười hai). Văn lược ở có bốn nên nói cho đến. Chỗ thấy khác trong tâm hạnh thấy các hiện tượng ác, nói thấy tướng tốt, nên nói dị, những điều nhẫn khác là chịu khổ nói vui. Hoặc đồng làm Yết-ma không nhẫn nói nhẫn. Những điều tưởng lạ là oán tưởng nói thân luật lại có ba, nay dẫn tiếp theo. Ham muốn những điều khác là muốn cầu tài sắc nói ưa thích chánh pháp. Những điều xúc chạm lạ là bị lạnh nói nóng. Chỗ tâm lạ là duyên đây nói kia (đều y vào sớ giải).

Hỏi: Trên đều trái với tưởng làm sao phân biệt?

Đáp: Trong sớ tự phán rằng: trước là đối với tướng sáu trần thực hành tướng vọng. Chỗ thấy lạ, v.v... tức hành tâm suy lường trái lại mà nói, là y theo ý.

Lại ở kế sau nói ba thời, trong luật nêu bốn câu, đầu tiên nói vốn khởi niệm đây ta sẽ nói dối (thời đầu) khi nói dối tự kiết là nói dối (thời chánh) nói dối mình kiết là nói dối (thời sau), trong cái trước thứ hai kiết hai thời (đồng với trên). Thời sau không nhớ, thứ ba vốn không khởi niệm nầy, thời trước vô tâm, thời chặng giữa, sau biết, thứ tư là trước sau vô tâm, thời chánh làm biết, luật căn cứ thời giữa, có bốn tâm đều nêu ra tội, trong sự sao dựa theo nghĩa trước sau được kết (do trong luật vốn khởi niệm, đây là thời chánh nói dối không nhớ được kết, nên ở ban đầu không nhớ sau nhớ cũng kết). Trong bốn câu thiếu đủ không nhất định, trong văn lại y cứ đủ là nói:

Hỏi: Tâm trước hết là khác với phương tiện xa nào?

Đáp: Đồng khác không nhất định, hoặc là trước khởi không thiếu phương tiện, nếu theo giới số thì gọi là phương tiện trước sau, nhưng phương tiện nói chung, nghĩa phải lựa chọn hiện, không thể lẫn lộn.

Như Tăng trở xuống ba pháp nói im lặng dối với có phạm không hối hận, ở chúng biểu hiện thanh tịnh, nhưng không phải miệng nói nên tội. Trong Thiện Sinh nói có hai:

Ban đầu nêu ra tướng nói dối có ba đoạn, đều dùng chữ nhược để phân, có nghi không nghi như trong luật có nói: Đối với thấy nghe, hay biết sinh nghi. Lại nói, không nghi thấy nghe, v.v... đối với không thấy nghe sinh nghi cũng như vậy. Lại đối với thấy nghe không nghi, lại nói có nghi ta thấy nghe, hoặc nói không thấy nghe đều đọa.

2- Thấy nghe, v.v... tức căn, trần, đại khác giống như luật trước. Giác là xúc chạm, do xúc chạm mà biết.

3- Hỏi không hỏi tức chỉ chỗ cuồng vọng ở sau, trong phần giải thích đều dựa theo người trước đậy, âm vốn khác là chuyển ý ngôn

tướng cho không hiểu, nếu nói kế ở sau mà nói là giống, phá tướng tức phá chấp, thấy mà nói không thấy, v.v... như trong kinh luận phá nêu bày căn trần, không che giấu, đúng như pháp thực hành sám hối, phát lộ tội lỗi, nói không thấy, không nghe, không hay, không biết, v.v..., đây tuy tướng đồng nói dối mà chẳng phải cuồng vọng khác, cho nên không phạm.

Kế giải thích dị âm, hai câu đầu nêu chung như điên đảo trở xuống nêu riêng ba tướng, điên đảo nghĩa là trước sau điên loạn, như ở đời nói ngược lại, đại khác tiếng nói không rõ tuy không đảo lộn nhưng không hiện rõ được chỗ nói không hiểu nghĩa là tiếng hồ tiếng Hán âm lạ, tiếng của nước Sở, Hạ khác nhau mà ẩn trộm lời, v.v... nhưng khiến họ không hiểu đều ở đây đã bao gồm.

Hỏi: Lệ theo duyên y cứ để hiểu, khác âm không hiểu mà nói là phạm phải không?

Đáp: Tuy chẳng phải chánh giải mà không ngại nghe lời bất chánh. Lại trong duyên nói giải chỉ lấy nghe biết, cho nên trong Thập Tụng giới hai lưỡi, hiểu rồi nói lại phạm Ba-dật-đề. Trong luận Tát-ba-đa giải thích rằng: giải nên nói là nghe, đây có thể lệ theo chứng cứ. Trong luật Tăng-kỳ nói hư thì nói dối, thật thì giáo giết hại cả hai đều không được. Xem chỉ giáp thì trong luận chánh làm chỉ áp, ông chú giải nói âm Hồ, đồng với không thấy. Cổ Ký nói chẳng phải nói là đáp rằng không thấy, nhưng phương tiện tiếp dẫn để họ xem không thấy, cho nên trong chú giải nói phương tiện, v.v... Nhưng trong luật chánh làm lẽ rằng: nói là lời đáp, nếu y theo ý nghĩa chú giải lại chẳng phải tiện, do ở nước Hồ chánh là nói dối ở nước Hán lại là âm khác, cả hai đều không được, chỉ quy về nói dấu tay, chính là dấu chân, khiến họ xem dấu vết của thú thì khỏi lỗi trên. Lại bác bỏ chú văn trong Tăng-kỳ là người sau vọng thêm, không rõ là ai, nghi cho nên đều còn. Trong Thập Tụng có ba thứ nói người khác.

Ban đầu là hư dối chánh phạm giới nầy, kế gồm vọng xúc não, thì phạm hai giới, sau tức xứng thật, dứt phạm giới sau, tức ở sau sáu mươi ba nghi não giới, không phạm chặng giữa, chỉ có giới chú giải là trong luận nói, không thấy nói không thấy, cho đến biết nói biết, v.v... nay nói xưng tưởng, ở lời nói tuy khác mà không đâu không nhiếp.

***Giới thứ hai:*** (Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm tỳ-kheo sáu vị hủy báng mắng nhiếc xử đoán việc người, do đó mà Phật chế). Trong tên giới có nói: ác khẩu, nhưng theo luật cũng chung cho pháp lành, nay

nói mắng nhiếc, chỉ là hủy nhục người khác, gồm chung cả thiện ác, dẫn trong lời khuyên. Trong Trí Luận nói chín mười hai pháp ấy là nói: tất cả đạo Bồ-tát đều thanh tịnh ba nghiệp nầy, ban đầu thanh tịnh thân miệng ý, sau thanh tịnh cõi Phật. Tự thân nếu thanh tịnh cũng thanh tịnh người khác, vì sao? Vì không chỉ một người sinh trong cõi nước đều làm nhân duyên (đồng ở thọ sinh, đồng nghiệp sở cảm, ở đây nói Bồ-tát muốn nhiếp thủ, tịnh độ, thì phải giáo hóa người khiến thanh tịnh ba nghiệp, mới được đồng cảm). Nay dẫn ở sau hai câu để nói một người thọ sinh nương về báo độ thì nhiều người phải đồng nghiệp sớ cảm, nay chỉ lấy ý không cần nêu câu văn là ở sau luận nầy tự giải thích. Nội pháp là nghiệp tức thiện, bất thiện, ngoại pháp là báo tức chỗ nương khí giới, báo cho nghiệp cảm nên nói là dữ. Như điều ác trở xuống trước chỉ bày ba nhân duyên ác để phối hợp với ba báo, lại y theo miệng và ý, lượng không nói thân, nhân quả đối nhau, tìm văn sẽ rõ, không làm kế ở sau nói ba điều lành, trái ba báo trên, nên nói ngay bằng. Ở sau nêu Di-lặc làm chứng, Đức Phật kia đời Đường lai thọ tám muôn tuổi, lúc bấy giờ ra đời dẫn văn nầy là ý nêu bày ác khẩu lỗi nặng cảm báo không thanh tịnh, khiến tự mình cố gắng.

Kế đó trong bổn luật, luật nói: Nói thiện là thiện (nhân quả vui) lời ác tự nóng bức (nhân quả khổ) chính ở sau nêu tình huống gút văn rộng kia, nên nói cho đến, trong luật nói đủ. Bà-la-môn ở nước Sát-thi-la có con trâu, đấu sức con trâu của trưởng giả, người đánh trăm chiếc xe đánh cược ngàn lượng vàng, Bà-la-môn ở trước chúng nói lời hủy nhục "nầy một sừng hãy kéo", bấy giờ, con trâu hổ thẹn, không chịu ra sức, ông chủ lấy vàng lại, cho đến con trâu nói với Bà-la-môn rằng: vì ông ở trước chúng hủy nhục, lại khiến chủ bồi thường hai ngàn lượng, phải ở trước chúng khen rằng: "ngay thẳng sừng tốt", chủ y theo lời con trâu, nên thắng được người kia (trong luận Tát-ba-đa nói: vào kiếp sơ chưa có ba trong đường ác, chúng sinh đều từ trong cõi trời người đọa do tận đời trước, do đó có thể nói đủ như trong sớ dẫn). Trong duyên, hai lời dẫn Già luận chứng phải tự nói: truyền là đều nhẹ. Nên nói đều phạm cát-la.

Trong giải thích khoa đầu có sáu, ngặt vì vốn không nêu ra ba độc, hai pháp trên là sân, một pháp kế là tham, ba pháp sau đều si, tất cả tranh khởi là vượt sáu pháp nầy, nói là bổn. Có thể trị sáu pháp nầy, thì không tranh cãi. Trong tướng mắng nhiếc bổn luật chia làm hai. Ban đầu nói pháp ác lại có hai, trước nói tướng, chủng loại là sáu phẩm là chủng, tùy một phẩm trở xuống có nhiều tướng là loại.

1- Sinh trong nhà dòng họ thấp hèn, tức Chiên-đà-la, trừ phần chủng, trúc sư chủng, xa sư chủng, v.v...

2- Hạnh nghiệp: Tức hàng thịt, thợ săn, đánh cá làm giặc giữ thành.

3- Kỹ thuật thấp hèn, thợ rèn luyện làm mộc, làm ngói, đồ gốm, làm giày da, v.v...

4- Phạm lỗi, làm bảy tụ tội, trong chú giải, nếu y cứ ngoài năm y thật cũng đồng, e rằng thật phạm quở trách, hủy bỏ không lỗi, nên đặc biệt chú giải.

Hỏi: Không thật thành hủy báng là phạm giới gì?

Đáp: Trước chê bai trong giới dẫn trong luật Tăng-kỳ rằng: trước với người bị chê bai mà mắng nhiếc chê bai, nói lời Phạm mỗi Tăng tàn, không nói tội chê bai, nay đây chủ giải rằng: y thei thật cũng phạm trái lại biết luống dối cũng thành mắng nhiếc, nay y theo văn trước chê bai nói dối ly hợp. Hoặc ý vốn dối chê bai gồm cả hủy nhục thì lẽ ra phải hợp kết, nếu riêng chê bai như trên trong Tăng-kỳ hoặc chuyên mắng nhiếc thì chỉ phạm giới nầy.

Lại trong bảy tụ thì chê bai chia thành ba, phạm huỷ nhục hạn cuộc ở một ba-dật-đề đề như vậy mà biết.

5- Nhiều kết sử, từ tức giận cho đến năm trăm kiết sử (y luật dẫn, không rõ phối hợp).

6- Lại như người mù trở xuống lại nêu ba bịnh, trong luật lại nêu các họa què, điếc, ngọng. Trong số nói ba bịnh trước nói tướng bên ngoài, nói theo tánh nghiệp thì ba pháp sau nói báo bịnh kia, là nói theo thân tâm.

Kế có ba ở sau chánh hạnh nghiệp mạ nhục, tức dùng sáu pháp trên chia làm ba vị:

Ban đầu nói thẳng.

2- So sánh người.

3- So sánh mình.

Trong văn đều lược nêu dòng họ thấp hèn, thứ ba lại bao gồm bịnh hoạn hạnh nghiệp, ngoài ra dùng chữ đẳng là gồm nhiếp.

Hai chữ cho đến chỉ lược trong dòng họ thấp hèn có nhiều loại, chẳng vượt thứ lớp. Trong hai pháp lành, cả ba lệ như trên, lại mạ nhục trước mặt, văn lược khất thực nạp y, nên nói cho đến, đều cho rằng ý mượn việc lành kia ở hủy nhục, nhưng thuộc về lời ác trước tình lỗi nhẹ, nên tội có chia ra khác nhau, dẫn trong luật nói: ông là Chiên-đà-la, thợ cạo, thợ gốm, thợ dệ, thợ da, trong đây mạ nhục mình chỉ có trọng, còn

mạ nhục người khác thì có ba bậc, vì thân sơ có khác nhau.

Mạ nhục bậc trung, trong luật chép: ông là dòng họ bậc trung (họ quan lại, họ ca kỹ).

Bậc hạ trong luật nói ông là dòng họ Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, khởi lời nầy khiến họ hổ thẹn thì phạm (theo luật trước kia là ở sau mắng nhiếc đây là mắng trên, bởi theo chủng tánh tôn ti, thì nay trong sớ sao xen nhau, bèn y cứ lời ác sâu cạn, hoặc hai chữ thượng hạ viết lầm trước sau.

Bậc trung mắng nhiếc mình và cha mẹ đều phạm thâu-lan-già, Hòa-thượng, bằng hữu đều cát-la. Bậc hạ mắng nhiếc tất cả đều cát-la nên nói lần lượt giảm một bậc, v.v... So sánh bên ngoài luật ấy không nói về mặt so sánh, có lẽ là nói thuộc bốn phần trước, lìa các tướng trước thêm một loại, trong chú giải lại y cứ theo dòng họ nêu ra tướng, ngoài ra đều y cứ theo mà biết, trong việc dứt tranh cãi có hai.

Ban đầu tức trong luật Tăng-kỳ, luật nói xiển đà túc nghiệp làm tôi tớ cho Trưởng giả, từng bị Bà-la-môn theo đánh đập quở trách không thôi, người chủ được thiên nhãn thấy chỗ tranh cãi có kho vàng, nên sai người cố gắng dẫn ra lý do để nói việc tranh cãi nầy, pháp nhĩ như vậy vì không so lường được, (có thuyết nói người nghèo ở chỗ sang không được yên). Kế dẫn bổn luật, tức duyên khởi phòng giới. Đức Thế tôn cho làm phòng riêng, các Tỳ-kheo trong thành Khoáng Dã đến khất thực rất nhiều, các cư sĩ xa thấy chạy tránh, lại có một vị Tỳ-kheo phá chặt cây thần, thần cây đến bạch với Phật, khi Ca-diếp vào thành khất thực mọi người đều tránh mặt, Ca-diếp xét hỏi họ buồn bả im lặng không vui, sau do Phật vào thành, Ca-diếp đến chỗ Phật bạch rồi liền đi ra khỏi thành, sợ các Tỳ-kheo sinh tức giận, Đức Thế tôn nhóm tăng chế giới, nhưng Đức Phật nói thần cây đến báo, lại dẫn chuyện theo rồng xin châu, theo chim xin cánh, nếu nói chỉ nêu, v.v... rốt cuộc không nói Ca-diếp nêu lỗi, dẫn ra đây khiến bắt chước theo dấu vết bậc thánh phòng xa hủy hoại nhau.

Không phạm có chín, năm pháp trước đều y theo thầy bạn thợ thầy mà thành, lời nói tuy thô ác mà trong tâm không tức giận, nên khai vị, như chú giải hiển rõ.

Sớ chép: vài điều liên quan đến chê bai tức là chánh đạo, nhưng tâm sân khó phục, chẳng phải người trí không thể hiểu được, cần phải xét kỹ, không thể tự lừa dối.

Ban đầu nói tướng lợi tức tạm cho người đồng học, khác trở xuống là ban thân; Bốn nói giáo thọ nghĩa là chỉ thẳng sự việc, khác với trên

là nói pháp nói luật, còn bốn pháp tức là y cứ về lý tán sót mất, trong chú giải phạm kết do trái nghi, miệng sai nghĩa là tâm biết nói sai, khác trở xuống là quên lầm.

Trong Thập Tụng, nói tội khác là tự mình đã hủy phá nghĩa không lợi ích cho người khác, nêu lên sẽ thành tranh cãi nên khuyên cho dứt bỏ.

***Giới thứ ba:*** (Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm tỳ-kheo sáu vị truyền lời kia đây, nay chúng đấu tranh không thể dứt trừ, cho nên Phật chế) hai pháp trong danh là cảnh đã nói, lưỡi là vật để nói ra thành lời.

Trong sớ chép: bổn nầy phiên dịch rất mộc mạc, do tuy hai lưỡi không khởi ý phân thì không phạm giới nầy, hiện trở lại là lời chia rẽ là được. Nay trong kinh luận nói chia rẽ đều dịch vào đời Đường, duyên phạm thứ nhất luật nêu mười chúng, đạo tục đều là năm trụ năm chúng, hai chúng bên ngoài thêm vương, thần ngoại đạo.

Trong giới sớ chép: ngay loại phạm ba-dật-đề, chín pháp còn lại đều phạm đột-cát-la, trong tướng phạm, trước dẫn luật nầy để giải thích tên. Kế dẫn luật Tăng-kỳ chỉ bày tưởng phạm, nói pháp ác tức đồng với giới mắng nhiếc, trong ấy có bảy việc, ba việc trên có hạ, trung, thượng.

Ban đầu dòng họ có ba (hạ là Chiên-đà-la, v.v... trung là quan lại, v.v... thượng là Sát-đế-lợi, v.v...).

2- Nghiệp hạnh có ba (hạ là đồ để, v.v... trung là mua bán, bậc thượng là thượng nhân buôn vàng bạc.

3- Tướng mạo có ba (hạ là răng thiếu, trung là rất trắng rất đen, thượng là ba mươi hai tướng).

Bốn pháp sau thì không có ba phẩm, đều gọi là hạ, bốn bịnh là sốt rét ghẻ, điên cuồng, v.v...

5- Tội (Ba-la-di đến Đột-cát-la).

6- Mắng nhiếc làm việc dâm ở thế gian, nói lời thô ác, trong luật Tứ Phần không nói việc nầy.

7- Kiết sử (ngu si, ám độn, v.v... mỗ giáp nói ông là cú tuyệt, tức chỉ bày loại trên truyền bảo người kia, nếu ba loại trước có hạ, trung, thượng, tất cả đều phạm đọa, nay dẫn bốn pháp sau kết văn chung gồm bảy loại, bất luận là phẩm loại, muốn lìa đến phạm, nên nói không có, v.v... lìa bất lìa đọa, lìa là thủ tâm khởi không hiện cảnh trước. Sau dẫn trong luận Tát-bà-đa nêu bày khác, câu trên nói trong kết, như một thuyết chưa lìa lại có ba thuyết, nên ở sau nói duyên thức, giới nầy chỗ phạm bao gồm hai chỗ, nay chỉ tự xếp vào việc nhẹ, y theo đây nếu chỉ

truyền nói không muốn ly tán lý cũng không nặng. Tất cả phạm Đột-cát-la: luật kia chỉ nói đột-cát-la, mà trước nêu bày nhiều tướng đều là tội nhẹ, nên thêm tất cả mà bao gồm. Trong luật ấy chép: nói ông là ăn nhiều, cười giỡn, điên cuồng, lừa dối nhiều, v.v... truyền đến Tỳ-kheo nghe thì phạm Đột-cát-la, không nghe cũng phạm đột-cát-la, không phạm bậc trung, hai loại trên phá cận tập ác nhân. Ở đời có vị tăng bị vẩn đục lại làm thủ chúng, người thế tục không kiết, vọng tướng gần gũi, hộ pháp lợi người nên phá không phạm, bạn ác đồng, Hòa-thượng, v.v... kế phá cùng mưu việc ác, không có nghĩa lợi là muốn cùng bàn luận xâm hoại tháp tăng.

Trong luật chép: thường thường nói phương tiện muốn làm. Phá ở sau là tổng kết, văn luật lại nêu các pháp Yết-ma hoại tăng, giúp hoại Tăng phi pháp phi luật.

***Giới thứ tư:*** Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, A-na-luật ngủ nhờ ban đêm trong nhà một người nữ, người nữ ấy khỏa thân đến khuấy nhiễu, cho nên Phật chế. Tiền cảnh chẳng thù thắng nên phạm tội nhẹ, Tỳ-kheo trở xuống là nói nghi khác, theo sớ là đồng cách đêm.

1- Tăng bà cô gái đều năm.

2- Phải hạn cuộc vào ban đêm, nếu thay nhau ngồi nằm và ban ngày đều nằm đều phạm ngồi ngăn che. Nay đây vị tăng nằm, cô gái đứng, như trong chú giải có nói, tức chỉ giới sau, dẫn trong phần răn dè. Luật Thập Tụng nói ban đầu chỉ bày chế gấp, La-hán bậc thánh tuy không cố phạm muốn hiển bày lỗi nặng rất răn dè phàm phu, cho nên đồng một chế, như ở sau dụ hiền rõ tình người nữ, ý khiến xa lìa, luật nầy là duyên khởi của ngài A-na-luật. Ngoài ra ở sau chánh trách. Chống đối nghĩa là đặc biệt trách thánh chế, dẫn trong văn, thường thấy hai luận, ban đầu nói tướng nhà có hai, tức đều là nhà và cùng cửa. Chú thích cùng cửa, bộ tức là châu, xưa chép: làm nhà trong đó, trên hư không dựng cây xoan bằng để che đất, chặng giữa khai ngòi rãnh nước chảy ra, hoặc mười khoảng, năm khoảng, không ngăn cách đồng một cửa.

Kế giải thích tường che, tường là ngăn che, đồng thời nêu lân rất nhỏ, trở lên nên biết, như ở sau chỉ bày lượng nhà, văn đưa ra rất rộng, trở xuống nên y theo, sở đối kế sau lựa chọn cảnh người nữ, đi ngồi trên thuyền đều nói giống như ở đây, nên nói “cho đến”. Trong Thập Tụng ban đầu dẫn văn nên ở sau quyết nghĩa, tức y theo ở sau, trong luật Ngũ Phần có văn bạn bè. Có nói nghĩa là cầm đuốc. Trong Tăng-kỳ ba lần

khai, ban đầu khai cửa có khác nhau, tức nhà đồng và khác như Phật kế ở sau khai duyên gặp, tri thiết ngăn che cách đoạn, sự đồng chỗ khác, chú giải chỉ bày lập bày ngăn che, phải thành hai nhà, mỗi thứ không thông nhau mới khỏi lỗi nầy, một đầu để trong vách, một đầu để ngoài rèm cửa, nên nói tương đương cũng phải thấp. Câu cuối ngăn lẫn lộn, nếu không có ở sau ba lần nói rõ thay nhau nằm đứng, phương tiện lìa lỗi. Nói không có phước là khiến tphạm giới, nên trong chú giải thay nhau ngồi nằm đều phạm ngồi ngăn che, cho nên y theo luật Ngũ Phần có chung bạn bè. Luận Tát-bà-đa ban đầu nói phạm nhiều. Thứ hướng nêu lên mười tội đọa còn bao nhiêu thì ví dụ biết. Nếu trở xuống là nói ngăn sâu, tuy chẳng phải đồng nhau cũng chế tội nhỏ, luật Ngũ Phần nói ngăn cách đều là nhà đồng với chỗ cửa, theo đây có bạn cũng không cho nằm. Trong cái không phạm có ba. Đầu tiên là mê quên không phạm, như ở sau không nhà không phạm, ba vị chính khác nhau, ba câu đầu che khắp mà ngăn thiếu, ba câu kế ngăn khắp mà che thiếu, ba thứ sau ngăn che đều thiếu. Nói nhà ở đây là bao gồm chín loại trước, khai đi ngồi y cứ thành tướng nhà có bạn mới khai, các việc nầy không phải nhà, không phải bạn cũng chấp nhận, y cứ c đồng nằm, lẽ ra cũng phạm khinh, như bịnh ở sau là nạn duyên không phạm.

***Giới thứ năm:*** Đức Phật ngự ở thành Khoáng Dã, nhóm tỳ-kheo sáu vị ngủ chung với chỗ người thế tục để lộ hình, do đó mà Phật chế giới. Sau ở Câu Diệm-Di-khai hai ba đêm kết lại giới nầy. Nêu bày trong duyên, thứ nhất chỉ cho các nghi là trong số nói: xưa nói nam phạm, nữ không phạm, do đó chế tùy theo nghĩa ngủ không quá ba đêm, nay đây không dẫn lấy thẳng luận chứng. Trong giải thích khoa đầu, giới bổn giải rộng chừng hạn ngủ khác nhau, không thể hòa hợp, ở đây dẫn rộng giải cho nên đến bốn đêm. Trong sớ chép: y cứ vào giới bổn phạm đến ba đêm, tội đọa khắp tướng thành lời, vào đêm thứ tư nằm liền phạm, cho nên giới bổn luật Thập Tụng, nói quá hai đêm phạm Ba-dật-đề, để cho người hiểu chậm mau (y theo số định đoạt nên tùy theo giới bổn), ở sau dẫn các văn thường thấy hai luận Tỳ-ni Mẫu và Tăng-kỳ thì đồng giải rộng. Thập Tụng, Già luận rất phù hợp với giới bổn, trong hai pháp, thì luật Thập Tụng khai làm hai, ngồi suốt đêm là đồng với năm phần ở sau, Mẫu luận nói hai đêm do không có chỗ đi nên khai cho ngồi khỏi lỗi, trong chú giải đêm đầu tức đầu đêm thứ tư, giới nầy đêm đầu vốn phải phạm Ba-dật-đề, các luận gia khai cho ngồi nên không phạm ngay, cho đến gần sáng lại chế thay nhau đi. Nếu một bề khai cần gì bảo đi,

y theo sau trong chú giải, cần phải bốn đêm ngồi suốt mới khai hai tiết chú giải nầy giống như bác bỏ xưa trái. Có người nói đêm thứ tư ngồi khai không phạm. Cho nên tuy không nói, chỉ nói ý rất dễ thấy. Trong ba pháp, luật Tăng-kỳ ban đầu nói duyên khai, không trở xuống chỉ bày phạm, quá ba đêm là tức đầu đêm thứ tư, phạm xong trở xuống là nói chưa sám phạm, chuyển tội lâu dài nghĩa là lần lựa phạm thêm, ban đêm phạm kiết riêng, nên không khai hai đêm, y cứ khai ba đêm nhưng đêm thứ ba sắp phạm. Không khai là trong bốn pháp, luận Tát-bà-đa có bốn câu, nên biết kiết Phạm bất luận là vào nhà đồng hay khác, chỉ lấy quá đêm, không phạm chỉ ở trước, nhưng quá ba là khác.

***Giới thứ sáu:*** Phật ngự tại thành Khoáng Dã, nhóm tỳ-kheo sáu vị cùng người trụ tụng kinh lớn tiếng làm loạn động người ngồi thiền, do đó mà Phật chế. Sở dĩ chế giới nầy, trong luận Tát-ba-đa có bốn ý:

Ban đầu khác ngoại đạo.

2- Sư giúp ngôi vị khác nhau.

3- Phân biệt lời chương.

4- Nương thật nghĩa không ở âm thanh.

Đủ bốn điều nầy cho nên chế đồng, trong hai duyên nầy có ba loại khác nhau, tùy theo một pháp tránh phạm, giới chú giải nói câu, chữ nghĩa của nghĩa câu. Giải thích rằng: câu nghĩa là đồng tụng, không trước không chép: Trong sớ nói, đồng tụng kệ, ở đây tụng văn xuôi, văn cùng tận thấy nghĩa nên gọi là câu nghĩa, câu vị là mắt vô thường v.v... (dưới một câu lý vị tự đủ), chữ nghĩa là đồng tụng chữ A thuộc loại tụng chú, phối hợp ba loại với ba chữ trong duyên, hơi có khác nhau. Thứ tư nghĩa là khi trao pháp chép lại văn trước tụng chung.

Giải thích khoa đầu trong duyên đầu, trước lựa chọn chỗ tụng, hai thánh hai phàm thì chung cho bốn người, trong Trí Luận lại thêm hóa nhân như miệng ở sau chỉ bày tướng phạm, ban đầu kết đồng tụng phạm, miệng trao tức đồng tụng, sách trao nghĩa là đã tụng sách khác. Nếu thầy trở xuống là kết không dạy thì phạm, hễ muốn trao pháp thì trước răn dè, dầu không đồng tiếng, không dạy cũng phạm.Ttrong phần quyết thông, ban đầu nói về pháp được tụng, trong luật Tăng-kỳ người khác là trời tiên. Phật ấn khả lại đồng với Phật nói: bổn tông chỉ chung cho bốn người, nên chú giải chỉ bày. Luật Thiện Kiến ban đầu nói Phật nói, như ở sau lựa chọn người khác nói. Luật Thập Tụng kế sau quyết phần chừng của phạm phẩm và chương đoạn, tên khác mà nghĩa đồng, tùy theo kinh đã lập, nên nêu đủ, một bộ nhiều phẩm tùy phạm nhiều

tội, ở đây trở xuống là điểm luật chung khắp. Trong giải thích thứ tư, đầu tiên là khai đều lợi chẳng phải mới trao, nếu trở xuống là kế khai, từ trở xuống là pháp thọ, cho nên chung với đồng tụng, như vậy nêu bày là do học có trước sau, nên khai cho thọ theo, ngôi vị có tôn ty sẽ không vâng theo thầy, nên khiến tiêu tức, không thể trái nghi, vì vậy trên dưới loạn luân, thầy trò trái nghĩa, phải có bổn chúng chưa thể theo người đời gần đây, người ngu luống theo Nho sĩ, cầu học sách tục, bạch y ngồi tòa cao còn có thể tha thứ, không biết hạnh Tỳ-kheo không biết hổ thẹn, hủy nhục Phật pháp không gì hơn đây, người có trí nghe hiểu phải rất răn dè, không phạm ba pháp giữa.

Ban đầu tức miệng trao, sách trao cả hai đều đúng như pháp. Đồng nghiệp nghĩa là đồng thọ học. Trong sớ chép: chẳng phải địa vị thầy trò nên uyển chuyển khai cho, cả hai lần nói cho nên hiểu.

***Giới thứ bảy***: Phật ngự tại thành La-duyệt, có vị Tỳ-kheo hành biệt trụ, đi và ngồi ở sau, nhóm tỳ-kheo sáu vị nói với người tại gia việc tỳ-kheo ấy đạ phạm, các Tỳ-kheo khác đều hổ thẹn, cho nên Phật chế. Nói về quá giữa ngày, phá pháp thân cũng đồng với kinh Đại Tập, nếu đánh người phá giới tội đồng với làm muôn ức thân Phật chảy máu.

Trong sớ chép: há chẳng phải thân mặc y phục khác thế gian mà vì thánh đạo nêu bày, nếu thân khinh hủy thì thuộc về hoại Tam bảo nên tuy phá giới mà chính là món đồ của pháp thân, chế tội tuy nhẹ mà nghiệp đạo rất nặng. Trong duyên thứ tư, luật nhân ngài Điều-đạt phá tăng, Đức Phật dạy bạch nhị sai ngài Thân Tử bảo khắp với người tại gia, tức trong giới bổn trừ tăng Yết-ma. Trong phần giải thích khoa đầu nói về ni, cho rằng đại tăng trái tám kỉnh pháp bất luận nặng nhẹ khác với tăng, nên dẫn chỉ bày văn kế trong Tăng-kỳ có ba tiết.

Ban đầu là không pháp không đáp, nếu đã trở xuống là nói có pháp khai đáp. Nhân trở xuống là dẫn duyên răn dè, người nữ có lời kệ, nửa trên nói nên làm hay không nên làm. Nửa dưới là nói về không nên làm, trái làm. Ở đây nói rất tha thiết. Người có lòng tin, nghe mà không hổ thẹn hay sao?

Trong luật Thập Tụng lời đáp chính là giềng mối hộ pháp, ngăn tục khinh mạn, trong ba pháp trước văn luật nói phạm. Trong lời sớ chép: sở dĩ không nêu bày tên Thâu-lan-già, là còn bao gồm nặng nhẹ (nặng là phạm Ba-dật-đề, nhẹ thì phạm Đột-cát-la). Nếu nêu bày tên Thâu-lan-già thì cho rằng nhẹ cũng phạm Ba-dật-đề, chánh lẫn lộn không nêu ra.

Lại kế ở sau nói chỉ người, y phục phòng xá tức chỉ bày trang phục đã nói, trong không phạm có ba: đầu tiên không biết là trái với duyên thứ ba nghĩa là mê giáo không có tưởng khô là mê tâm, mê nặng thành nhẹ, nói cũng phạm cát-la, mê có là không thì không có phạm. Người tại gia trước nghe chẳng phải do ta nói, cho nên trong luật lại nêu hoặc các thuyết sai.

***Giới thứ tám*** (Phật ngự tại Tỳ-xà-ly, do duyên trước đại vọng ngữ, nhóm Tăng quở trách rồi lại chế). Gọi là thật đắc đạo, ở đây y cứ sơ quả trở lên, là giới đã chế, trong luận Tát-bà-đa có hai nghĩa cho nên Phật chế.

1- Pháp đại nhân, công đức ẩn chứa phát lồ các điều ác, nay xưng đức ẩn lỗi là pháp tiểu nhân.

2- Tự hiển bày đức thánh, hiền ngu đều khác, nếu có người nghe, thì thấp lòng chuyên kính, mất tâm vốn bình đẳng tịnh thiện việc đời sau ít nên không giải thích đủ. Nay dẫn văn sớ sơ lược biết duyên tướng.

1- Trong thật đắc đạo, trừ tăng thượng mạn.

2- Tự nói đã chứng.

3- Nói với người chưa thọ giới cụ túc.

4- Nói rõ ràng.

5- Nghe hiểu.

Ý hỏi đáp sợ nghi giới nầy giúp vật không công hiệu, nên nêu bày bổn chế biết chẳng phải luống uổng.

Trong lời đáp thánh đã không phạm nói tức biết là phàm. Nếu không thể người đời không biết gọi là thật chứng, cho nên tuy thánh chế lại thành phàm chế, cho nên làm cốt yếu.

Trong giới chú giải nói: đều như thiên đầu, nói nghiệp báo (tự nói nghiệp báo được thông, hoặc cười giỡn đều không phạm).

***Giới thứ chín:*** Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, Ca-lưu-đà-di ở trước cô ni cùng kề tai nói pháp, nhân đó mà chế, sau khai ra năm sáu lời và người nam có trí. Quá hạn nghĩa là ngoài năm sáu lời, giải thích trong thứ ba, thưa hỏi không chế, đem tâm hư dời cầu thỉnh, nghĩa chẳng phải gượng nói nên không hạn cuộc nhiều ít, giải thích duyên thứ sáu, trước dẫn luật Ngũ Phần để triển khai hạn cuộc, trong luật ấy nói có người nữ bị bịnh phong. Tỳ-kheo không nói pháp cho cô ấy nghe, do đó mà chết, nên khai.

Kế dẫn trong luật Tứ Phần nói ra tướng ngữ, vô ngã vô thường

đều thông suốt năm sáu lời ở trên. Như nói sắc vô ngã, cho đến thức vô ngã nhãn vô thường, cho đến ý vô thường, rõ ràng duyên sau trong luật lại nêu ấm nhập, hoặc nói các pháp dùng đây làm hạnh. Sau dẫn luật Tăng-kỳ để nói quá hạn, sở dĩ như vậy là vì mắt đối với người nữ ít có thể tự nhiếp, muốn tình động gượng trao quên chê bai, cho nên tuy thánh pháp mà không thừa nhiều được, phàm tình đều như vậy, việc đời soi rõ.

Giải trong cái thứ tư, luật lấy hiểu biết thì lựa chọn trẻ con si cuồng v.v... Trong Luận Tát-bà-đa ban đầu lựa chọn người nam lại có hai.

Đầu tiên phải hiểu tướng, ở sau hai pháp phải là người nam thế tục.

Người nữ trở xuống kế là lựa chọn người nữ, lại chia ra đạo tục, tiểu thạch, v.v... người nữ lẽ ra cũng không phạm. Trong luật Tăng-kỳ lựa chọn bạn có bốn, đều do chữ nhược phân.

1- Bịnh.

2- Miên.

3- Thân.

4- Ngu.

Văn sau chỉ rộng, trong giới sớ hỏi rằng: có thỉnh và người nam đều không nói phạm, vì sao chỉ trừ người nam? (đây là nạn giới bổn).

Đáp: Nói trừ người nam là không nhọc lại trừ thỉnh là nghi nói có người nam phải thỉnh được thuyết. Trong phần giải thích lại, dẫn kinh nói chỉ bày nghi thức thọ thỉnh ý khiến nương thọ, giải thích thứ năm, không rõ nhẹ là nghĩa không đủ, trong cái không phạm có bốn.

Ban đầu là thuận giáo, có việc chứng ở sau, nếu ở sau không có người khác thỉnh, hoặc lầm trở xuống chẳng phải ý, năm giới tức thể của ba quy y và pháp, nghĩa là năm giới tướng bát quan trai cũng đồng.

***Giới thứ mười:*** Đức Phật ngự tại thành Khoáng Dã, nhóm tỳ-kheo sáu vị sửa chữa giảng đường cho Phật, tự mình đào đất, bị sự chê bai, do đó mà chế. Ý dẫn trong luận chế, đại khái đồng giới sau, nên ở đây đều nói. Thứ nhất giới nầy làm tổn hại loại trùng kiến, phá hoại chúng sinh cho nên làm hủy tổn sâu bọ. Kế ý như trong duyên giới, cư sĩ chê bai nói không có chánh pháp, đoạn mạng căn loài khác (họ chấp sự sống của cây cỏ đều có mạng).

Thứ ba là giải thích rộng, như văn có thể hiểu, nên biết Tỳ-kheo làm như thế, cao vượt vật biểu hiện trời, người tôn quý, hoặc bị sai khiến, chỉ do tự cảm lấy, xin quán át hạch mình chớ có lỗi với người khác,

duyên phạm thứ tư. Nếu khởi lời tịnh thì khai cho người, dẫn trong răn dè, muốn nói Phật là duyên tốt lại chẳng phải là mình, mà bị quở chế huống chi việc khác, rất chẳng nên làm, trong chú giải phá giới mắc tội nói dối cho rằng được phước, đây là may mắn (ở đây chú giải hợp thành chữ Đại). Trong giải thích văn ban đầu có ba.

Ban đầu chỉ bày tướng đất, trong luật nói: nếu chưa đào tức là đất sống, dễ biết cho nên lược chỉ nói đã đào, trong văn có hai tướng.

1- Y cứ vào tháng tư, nghĩa là trải qua thời gian.

2- Nói về thời gian bị mưa, do ẩm ướt, do hai duyên nầy lại thành đất sống, nên không thể đào, tháng tư bất luận là bị mưa, bị mưa bất luận là tháng tư (có khi do tháng tư bị mưa thành một việc, ở đây không thấy trong văn luật).

Nếu sử dụng trở xuống đào đất làm tổn hại, hoạch tức là loại cái mai (rầm), lỗi nghĩa là dụng cụ cày ruộng, giới kết điểm phản nghĩa là động tác dùng tay lau chùi, tưởng đất là kết lỗi do tâm, như ở sau nói sai người không dạy trước phạm tội nầy, giải thích riêng chính giữa. Trong luật Thập Tụng nói ban đầu giống đất, năng lực phát sinh kém, nên đều phạm tội nhẹ. Do bị sạt lở. Thạch để là chỗ đá đê, chữ mê là chữ hô, là chỗ trét bùn, e rằng sâu đến đất nên chế, ngập đầu gối trở xuống không phạm.

Trừ trở xuống là nói khai mở duyên làm mô đất là làm tướng chừng mực của đất, ở đây khai ra đất sống. Nếu y theo trước chưa thể theo rộng. Chữ nhược trở xuống nói chẳng phải đất thì không phạm. Giả là đất đỏ (vật không sống). Thiện là đất trắng, đá sống là trời xanh đất đá. Trong luận Tát-ba-đa chép: đất vốn thục là phân biệt với bản ở quan Trung, văn nhiều thiếu sót, chỉ có tám quyển. Thứ tư theo vị Tăng đất Thục xin được cái thứ chín, tức nay trong tạng thấy truyền. Trong văn giải thích có hai loại đất.

Ban đầu không nêu, đất sống là ở sau lập lại giải thích. Ban đầu giải thích đất sống, tội tướng có thể biết nên không nêu ra, ngoài ra ở sau có giải thích đất sống.

Ban đầu chỉ bày tên, đất không đâu là không sông, từ duyên bày hiệu, nên nói nghĩa tên, nhược trở xuống là hiển bày tướng, có ba.

1- Chạm đất, đất khô thì kết cùng với ẩm ướt, không liên quan thì không phạm.

2- Kế là nói tường đất, chữ thấp là lầm, trong luận cho là đồng với chữ trúc, tức chỉ thể của tường, nên nói khác với đất. Trong chữ tuy có luận chữ địa, nghĩa là đất bên góc tường, ẩm ướt phạm tội đọa, không

ẩm ướt cho nên kết, phát khởi là hành động đào.

3- Nói rõ đất trên tường nhà tổn hại có là giới sau, văn sau hoặc nói cỏ cây đều là nhân tướng mà dẫn ra, chẳng phải ý trong đây mà biết.

Trong luật Tăng-kỳ, đầu tiên làm việc bị tổn hại, chuyển đá là chuyển lật. Đáp địa nghĩa là dùng vật đạp thân cho bằng.

2- Nói khối đất lớn nhỏ.

3- Giảm bớt tường, đập hợp lại làm cái đinh, giảm bớt thành công là chỉ bày nghĩa phạm. Như ở ngoài trở xuống bốn pháp nói về thêm đất sống. Cuối mé đất tột hết mé đất mưa không thấm chỗ. Như bỏ đi trở xuống năm pháp lựa ra cái hoại nầy nói nhiều lớp trên đất thành tường, như nay tường đất. Ban đầu nói về có bùn, khiến người dứt bỏ tự mình được lựa chọn. Như kế ở sau nói không có bùn, bị mưa khiến bỏ, thấm nhuần bỏ, đi tự mình được lựa chọn trong đó. Chữ hành là hộ cương phản (hoặc khứ hô là tục ngữ ở đất Bắc). Tĩnh trở xuống nói trị nước, độc là ngòi rãnh, nước sâu là chỗ đọng nước mưa, trữ thường là lữ ngược lại giảm bớt nước. Đại trở xuống bảy pháp nói tổn hại lớn, nghĩa là ở đất sống, hoặc bình trở xuống tám pháp nói về động vật.

9- Nói về đất cát.

10- Nói về đất chết.

Duyên khai chặng giữa bốn phần nạn lửa, trên khai hoại sống (310). Nhược trở xuống là khai đào đất, đất diệt là do đất đổ. Nghịch thiêu thiêu là tự khứ hô, nghĩa là lửa đồng với trước, trừ là bỏ đất, không để kéo dài.

Trong luật Thiện Kiến trước nói chẳng phải đất, sỏi đất ít không phạm. Trong luật Tăng-kỳ nửa sỏi kết, nghĩa y theo sỏi ít, tức đồng đất sống, như lửa đồng ở sau chỉ bày duyên khai. Trong luật Ngũ Phần, chỉ dẫn làm tướng triệu chúng, ở sau chỉ các bộ đồng khai đào bị hoại, trùng lặp cho nên không đưa, giải thích duyên thứ tư. Trong văn luận trước nói tăng phạm. Tăng ni khởi lời tịnh là pháp không đối với người tác pháp không thành, chúng khác không tác pháp có người mà không pháp, trái lời Phật chế kết, đào thì phạm Ba-dật-đề. Ở sau nói ba chúng, không có duyên phạm, vì có duyên khai. Trong luật Ngũ Phần duyên khai có tịnh nhân thì phạm, chặt cỏ khô, cỏ tươi để trộn bùn.

Trong luật Tăng-kỳ trở xuống văn chú giải, do luật không có phạm trong đó trừ đất trong nhà không phạm, chỉ nói là trừ đất, không nói được đào, văn nầy không rõ (Ở sau trong cái không phạm không diễn ra). Trong lời sớ trích dẫn lời giải xưa rằng: đất chết nổi trong nhà.

Nay sư nói: Theo luật Tăng-kỳ hiển bày chỗ đất chết, trong nhà tự đào giấu vật thì được (ở đây biết hiển bày chỗ chết, che đậy chỗ bất luận là chết hay sống). Trong cái không phạm. Ban đầu khai tác pháp, như ở sau nói làm việc có chín tưởng.

Trong sớ chép: trong luật Tứ phần ngược lại ngói kéo gỗ không phạm. Trong Tăng-kỳ phạm là có đủ tâm (trước nói kéo gỗ là thân trâu ngựa v.v...). Song luật văn khai châm mà nghĩa gấp, nên tất cả khai chung, không cố ý đào (văn sớ). Ở đây thì trong Tăng-kỳ vô tâm cũng khai. Trong luật Tứ Phần cố ý cũng phạm (hễ trái với văn trên đều nên dứt ở đây).

***Giới thứ mười một:*** Phật ngự tại thành Khoáng Dã, do đó trước xây phòng chặt phá thần cây chẳng phải pháp của Sa-môn quở trách mà chế. Hoại âm quái là tổn. Hoại là nghiệp, sinh chủng là cảnh, cấm ngặt lỗi nầy gọi là giới, chỉ duyên đồng với trước, nhưng đổi một và hai thành sinh chủng, trong phần chánh danh nêu bày giới bổn. Quỷ là ở sau dẫn luật lặp lại giải thích, trong chú giải ban đầu chỉ bày nghĩa thôn, nên ở sau ngăn lẫn lộn, e có tên mê nghĩa là hủy miếu thần, các bộ là ở sau đã dẫn, trong luật Thập Tụng văn ăm manh hợp thành chữ mang, giáp hiệp thời thượng cổ, hiếp thiết là loài bướm bay.

Trong luật Tăng-kỳ có hai phần, gọi cỏ cây là xóm làng của quỷ thần, giải thích trong duyên ban đầu.

Trong luật Tứ Phần, đầu tiên chỉ bày sinh chủng, là có năm loại xưa ghi dẫn trong Thủ sớ rằng: hợp năm thành ba.

1- Căn chủng, chia làm hai (không nhờ thời tiết sinh gọi là căn chủng, như củ gừng, khoai sọ, củ cải; Nhờ thời tiết sinh, gọi là phú-la chủng, như lau sậy, rau cần, rau răm).

2- Chi chủng, cũng có hai (không nhờ thời tiết sinh, gọi là chi chủng như loại câu liễu thạch tựu, nhờ thời tiết sinh gọi là tiết chủng, như ngó sen cỏ rậm v.v...

3- Hạt giống: hột lại sinh hột, nên gọi là tử tử (như ngũ cốc) chú giải ven các loại ngoài bốn loại còn bao gồm tất cả. Trong giới sớ thì chỉ bày rau cần trúc (rau cải và trúc). Trong luật Tăng-kỳ cho là lặc liễu, đủ như chú giải ở trên.

Như kế ở sau nói tổn hoại, chặt phá rơi vào giới chú giải thành đọa lạc. Trên nói toàn sinh, nếu đoạn trở xuống là nói chết khô, nhiều phần sinh là sinh quá phân nửa. Trong luật Tăng-kỳ khoa đầu trước phối hợp với năm loại, cộng là nhánh tâm tức phú-la, la-lặc, liễu là hương cỏ lan,

uốn nắn hai tay lẫn lộn có mười bảy cốc.

1- Lúa.
2- Lúa đỏ.
3- Lúa mì đỏ.
4- Khoáng mạch.
5- Đậu xanh.
6- Đậu đỏ.
7- Dâu tằm
8- Đậu Hà-lan.
9- Lúa kê.
10- Lúa nếp.
11- Mè.
12- Gừng.
13- Xà cổ.
14- Bà-la-đà.
15- Dửu tử (cỏ kê).
16- Chi-na.
17- Câu-đà-bà (các sách Phạm đều nói không biết vật gì).

Hỏa tịnh gồm có năm, bốn tịnh pháp trên đều hạn cuộc đối mặt, kế nói về năm quả, trong chú giải có hai loại báo thục nghĩa là ở cây. Thục là sống như táo xanh dùng lửa xúc chạm, cho nên trong ngoài đều thanh tịnh, cho nên được lợp hạt lại. Phu nghĩa là ngoài da không có hạt mà có trái, trong chú giải vị của tất-bạt cay mà thơm, nại giống rừng táo mà nhỏ. Sáng tự hình hô, cối là chỉ quy chép: lộc khang bì nên nói hội, trái nầy rất nhỏ, da như lộc khang, trong nghi nặng nhẹ, nghĩa là trái tùng bách, giác là củ ấu. Trong chú giải, hao nầy thuộc về hạt giống, e rằng là cách không thành hỏa tịnh, cho nên y theo hội giác để quyết định, nhưng ở sau chỉ bày làm tịnh pháp, trở về trước năm quả hỏa tịnh cũng chung, còn các tịnh đều hạn cuộc, ở văn có thể tìm, trong hành hộ có mười một tiết, tùy theo thứ lớp chỉ bày. Ban đầu nói tịnh chung, sợ trẻ tuổi là sợ họ không nói tác tịnh, nói xuân đi là do trước đã tịnh không cần nói tịnh, trở về trước quả đều nên y theo nên nói việc khác có thể y theo mà biết. Nếu do ở sau nói hoại chủng, vượt phương tiện nầy chết tức quả tội. Hoặc có trở xuống nói giẫm cỏ, nói muốn khiến tức cố tâm. Thạch trở xuống nói hộ áo lông; Thạch y tức rêu xanh, mao nghĩa là chỗ ẩm ướt sinh, đều có tánh sống, mưa trở xuống là nêu vật, giữ trở xuống không phạm trái nhau, nên trong chú giải hòa hội. Hạ ở sau nói dứt phiền, hạ có thời hạn cho nên nói khắp, mê ở sau nói duyên

khai, thủy trở xuống ở sau nói hộ bèo nổi, quăng đá đến trời làm sao có lý nầy, khai phải đúng pháp, khiến không tự tại, sợ sinh khinh nghi nên đặc biệt chú giải như ở sau nói làm việc, y cứ lá uống, do bùn làm dơ tay không cầm đồ khác, thủy trở xuống là nói giảm bèo nổi, nước cỏ là bèo, v.v... như ở sau nói chẳng phải vật lâu, triều khuẩn là nấm đất. Trong chỉ quy nói: loài nầy mọc dưới đất, tháng tám sáng mọc chiều chết, y theo đây lệ như trên y lông giảm bớt nên được kết. Trong Thiện Kiến do tịnh nhân còn nhỏ nên khai. Trong luật Tứ Phần văn chú giải chỉ ở trước, tức trong luật Tăng-kỳ văn rườm rà, giải thích duyên thứ tư.

Trong luật ngũ phần, đầu tiên nói tịnh ngữ, kế nêu bày bốn món, giải một liền dừng tùy theo lời nói được thông, trong bốn pháp đều nói đây tức chỉ cho vật trước, trong chú giải hiển rõ biết tịnh, biết người thanh tịnh ở Tỳ-kheo, do hiểu nghĩa nầy nên hiệu là tịnh nhân. Không hợp ở sau nên thêm chữ ngôn để giúp như ở sau nói duyên khai, khai đường không phạm, văn nói không khác với luật Tăng-kỳ ở trên, tội nhiều ít trong đó.

Ban đầu đối với luật Thập Tụng nói đương giới, luật Thập Tụng theo chủng nên dứt năm tội, luật nầy y cứ về nghiệp nên tùy theo nhiều ít, bèn kế ở sau đối với luật Tăng-kỳ hiện rõ giới trước. Nói trong Ly địa, dẫn trong luật trước nói năm loại sinh, y cứ chung vào địa, giống cây liễu thạch lựu, nhánh có thể trồng nên lìa đất cũng phạm. Lựu là thạch lựu, sau nói chẳng phải năm loại sinh, chỉ trừ giống nhánh còn lìa đất, văn nêu ba pháp phán chế, tìm xem sẽ thấy, hòe và hoàn đồng loại, lá nhỏ mà xanh gọi là Hòe, lớn mà đen gọi là Hoàn, cùng liền với đất, cũng thuộc về sinh. Không phạm có mười, ban đầu làm pháp khai, chín pháp sau đều dùng chữ nhược đọc ở giữa, kính nghĩa là khối đất, trừ đất kinh hành, do đó giảm bớt cỏ rêu.

***Giới thứ mười hai:*** Đức Phật ngự tại nước Câu-diệm-di, Xiển-đà phạm tội, các Tỳ-kheo hỏi do các việc tác bạch chế rồi bèn xúc não tăng, kêu đến mà không đến, v.v... lại tác bạch chế trái mà làm, cho nên Phật chế.

Hai nghiệp thân miệng tà ngụy xúc não Tăng, dụ như thêu dệt. Ở đây y cứ Tăng pháp nên phạm tội Ba-dật-đề. Tội khác chẳng phải nghĩa nói chỉ phạm kiết-la. Trong giới bổn nói: vọng khởi các lời xúc não tăng, lời khác tức miệng nói thêu dệt, xúc não người tức thân thêu dệt, tức hai giới đồng chế.

Trong phần giải thích bổn luật trước là nói miệng thêu dệt, các

Tỳ-kheo hỏi rằng: Ông tự biết tội phạm chăng? Tức khởi các lời khác như văn đã dẫn, mà nói v.v... văn luật nói tiếp, vì luận về lý gì nói cho tôi nghe, vì ai, là ai phạm tội? Tội do đâu sinh mà ta không thấy tội, tại sao nói ta có tội. Não trở xuống là nói thân thêu dệt, do chế không được lời khác, sau lại xúc não chúng tăng.

Đẳng là trong luật nói tiếp theo: kêu đến không đến, không kêu đến lại đến, nên đứng dậy lại không đứng dậy, không nên đứng dậy lại đứng dậy, nên nói mà không nói, không nên nói lại nói (đây thuộc về thân ỷ khác với trên). Ở sau chỉ như trước, tức kết tướng tội, trong các văn, thành lời luận thật.

Kế tướng thứ ba đều có lỗi, phi thời là nói không thích hợp, tức gọi là không có nghĩa. Quy não là làm cho người khác không vui, không cội gốc là tâm sư, tức ở sau chỉ luật chúng học các giới nói pháp, đều không đúng. Trong luật Thiện Kiến trở xuống đây khai nên nói là không nói, luật trở xuống, đây là nói về người khác, trong các môn không phạm ban đầu miệng thêu dệt. Nặng nghe là bịnh không nghe, tham thố là người khác nói không rõ. Nếu muốn trở xuống kế là khai thân ỷ. Ban đầu y cứ vào Yết-ma phi pháp mà nói đến không đến, như một pháp kế ở sau y cứ Đầu-đà bịnh khó nói đứng dậy hay không đứng dậy, như ác trở xuống là y cứ vào chẳng phải hỏi chẳng phải pháp mà nói hay không nói, như trên ba vị mỗi vị trái nhau, sự đầy không phạm, vì duyên khác nhau, như nhỏ trở xuống lở lời chẳng phải như thường đã khai.

***Giới thứ mười ba:*** Đức Phật ngự tại thành La-duyệt, Tỳ-kheo Từ Địa hiềm khích mạ nhục Đạp-bà cho nên Phật chế, cùng Tăng bàn hai pháp chê bai đồng thời. Trong danh nói: vì tăng lựa chọn thỉnh riêng. Trong sớ chép: hai giới cơ hiềm mạ nhục đồng xúc biết bậc, không nên hợp chế. Trong duyên một, ba, sáu thuộc biết việc, còn ba pháp thuộc về có thể phạm.

Trong duyên thứ nhất khoa đầu, trong luật ngũ phần chung đơn bạch, trong luật Tứ Phần chỉ có bạch nhị, còn người tức trợ giúp. Vu nghĩa là khi dối luống uổng, duyên khởi trong Tứ Phần, tức La-hán Đạp-bà nhàm chán không học mà thân cầu pháp vững chắc, Phật cho cầu việc tăng, Yết-ma thỉnh.

Khoa kế đầu tiên chỉ bày phạm, chánh bái tức Tăng pháp sai. Trong luật gọi chung sai người làm người bái không biết việc riêng. Trong nghiệp sớ dẫn rằng: tất cả người bái Yết-ma đều là pháp bốn người, xoay vần sai mượn người đồng phạm do họ tự sai mượn tức đồng

chánh chân, trong luật Ngũ Phần nói người khác lẽ ra chẳng phải tự sai mượn, hoặc bộ khác có khác nhân trở xuống dẫn duyên. Trong luật nói: lúc bấy giờ người bắt cá lưới được một con cá lớn có trăm đầu, mỗi đầu khác nhau. Đức Thế tôn thấy nó, kêu tên nó liền đáp.

Đức Phật hỏi: Mẹ ngươi ở đâu?

Cá đáp: Ở trong nhà xí.

Đức Phật nói: Con cá nầy thời Phật Ca-diếp làm Tam tạng Tỳ-kheo, do ác khẩu nên chịu các loại quả báo làm con vật nhiều đầu, người mẹ ưa thích lợi dưỡng nên làm con trùng trong nhà xí, dẫn duyên nầy để răn dè cho người hậu học, mà ở đời làm giảng sư đích thân lên pháp tòa có nhiều tướng bị hủy báng xin suy nghĩ quả cùng phải sợ mà cẩn thận.

Giải thích pháp thứ tư, văn chú giải truyền lầm, hợp làm sánh lớn, trái lại trên thì nghe tiếng mà không thấy mặt, như chỗ bị ngăn cách. Trong sớ chép: Ở đây cùng với giới mạ nhục có bốn pháp khác nhau.

1- Trước là tăng làm qua loa, đây là tăng biết việc.

2- Giới trước bất luận hư thật, ở đây nói về thật không phạm.

3- Lời mạ nhục khác nhau (trước nêu nhiều loại hủy nhục giới, ở đây chỉ nói thương ghét).

4- Trước chẳng phải biết việc thấy nghe xen lìa nhẹ, ở đây kính hộ nặng, xen nhau lìa phạm Ba-dật-đề, như ở sau tướng nhân mà chế, trong cái không phạm nói tướng lợi đồng bạn, nên không có lỗi.

***Giới thứ mười bốn:*** Phật ngự tại nước Xá-vệ, Trưởng giả thỉnh tăng, nhóm tỳ-kheo mười bảy vị lấy tọa cụ của Tăng trả đến chỗ ăn, không dọn cất, gió bụi chim làm hư dơ, do đó mà Phật chế giới. Trong luận Tát-bà-đa có ba nghĩa nên chế.

1- Phải ủng hộ, giúp thân hành đạo làm cho được an vui.

2- Đồng tâm mến tiếc kính tin lâu dài.

3- Khiến thọ dụng phước lại giúp thí chủ thành tựu được gốc lành, lệ theo trong duyên tăng vật có ba, như giới trả lại vật cho tăng, nay lấy rồi xả cho tăng phạm tội đọa, hai pháp còn lại kết tội nhẹ. Sàng là giường dây, giường gỗ. Phu là ngọa cụ, nệm ngồi. Trong giải thích pháp thứ năm, luật Ngũ Phần nói phạm tội đọa, đều do việc khác mà phạm đồng cho nên cả ba đều nói là cũng. Đầu tiên thấy không nêu, tuy chẳng phải tự trải không tiếc hộ giúp, chùa ni phạm đều là vật của Tăng, lầm tục phạm là sợ tổn mất, như ở sau nói khinh mạn, hai duyên đều chẳng phải lỗi của tâm, chỉ vì lòng kêu mạn cho nên kết. Luật Tăng-kỳ nói

ban đầu an tượng phải y cứ vào chỗ trống, tay chạm là đồng thọ dụng nên phạm, như ở sau nói thuộc về người khác không nêu cũng khai, văn nêu tháng xuân không lo tổn giảm, lúc khác nghĩa lẽ ra không thừa nhận, như thật hành ở sau nói chế khác nhau, ở đây chẳng phải vặt của Tăng, chỉ là trái nghi, có trái nên kết. Trong luận Tát-bà-đa nói phòng kết thì không bỏ đi. Trong luật Tứ Phần có bốn.

Ban đầu nói bỏ đi phương tiện, kế là loại thứ tư đều do chữ nhược chia ra.

Ban đầu thuộc về biết việc.

2- Nêu chỗ vắng.

3- Ngăn che tốt.

4- Khởi ý trả lại câu trên nói tức trả lại, nên ở sau bỏ chữ khứ.

Trong luật nói: lại phải bỏ, lại nghi, chữ tiện viết ngược, đem luôn xuống đọc. Nói trong mưa là luật nói: nếu mưa to rồi lại to mà không hư tọa cụ thì nên đến, hoặc đi trong mưa kịp trở lại được thì nên đến, nếu mưa ít đi ít kịp trở lại được thì nên đến, đều nói đi thì làm ý như vậy, ở đây chỉ nói tùy theo mưa và thời gian, gồm chung nghĩa đủ, bỉ trở xuống là tổng kết.

Ban đầu nói thuận pháp, nếu không trở xuống nói trái phạm, chánh tội phương tiện như văn đã nêu, nói hối lại là luật nói: một chân trong cửa, một chân ngoài cửa, muốn đi mà không đi, như hai pháp kế ở sau nói đồng phạm.

Luật nói: Ý Hạ tọa nghĩa là Thượng tọa sẽ cất mà Thượng tọa không cất thì cả hai phạm tội, vì không cất nên phạm Ba-dật-đề, lại do chẳng phải oai nghi, nên kết (liền khiến Thượng tọa nên phạm hai tội) lại y Thượng tọa nghĩ hạ tọa sẽ cất, mà hạ tọa không cất thì Thượng tọa phạm Ba-dật-dề, đều không cất thì luật nói là ha người không trước không sau (là đồng hạ lạp). Còn ba pháp sau nói vật khác, giường trống chẳng phải đã dùng nằm. Biểu lý tức trong ngoài nghĩa là khai mở các nơi, chẳng phải toàn vật như ở sau bốn pháp nói việc khác. Suy nghĩ tức là thiền định, trong cái không phạm chỉ nói giao phó cho hai người, văn luật lại nêu thế lực giữ gìn nạn mạng sống, nạn phạm hạnh, không làm theo thứ lớp mà đi không phạm.

***Giới thứ mười lăm:*** Phật ngự tại nước Xá-vệ, Tỳ-kheo khách ngủ ở phòng bên, không nói đi liền bỏ ngọa cụ hư mục, cho nên nên Phật chế. Ý chế vật của tăng đồng với trước, trong duyên tướng phạm thứ năm có hai, như ở sau trong phần giải thích. Lời sớ chép, cho nên chia

ra hai giới.

1- Chỗ khuất và chỗ trống khác nhau.

2- Mắc tội, chỗ trống khác lạ thì ra cửa che, ra ngoài giới lại quyết đi ra khỏi giới, tạm đến ba đêm khai ra ba duyên. Hiển bày lạ thì hai tướng chậm mau (chậm thì như phương tiện trên, gấp là thế lực của nạn mạng sống, nạn phạm hạnh, v.v... các duyên không làm theo thứ lớp), che thì khai ở hai đêm (che là phòng nhà nên có duyên khai ở đây). Trong giải thích, đầu tiên nói ra khỏi giới thì phạm. Trước chỉ bày phương tiện, nếu không trở xuống thì kết phạm, nhược tức kế ở sau là nói ba đêm phạm. Ban đầu chỉ bày phương tiện, không trở xuống là kết, không phạm như trên, phương tiện ở ngoài giới, thủy lục nạn mạng sống, nạn phạm hạnh, các duyên đều khai.

***Giới thứ mười sáu***: Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm Tỳ-kheo sáu vị bèn đi đến nơi không có trụ xứ, nhóm tỳ-kheo mười sáu vị tìm được trụ xứ, nhóm mười sáu vị biết, gượng ở trong đó trải ngọa cụ ngủ, cho nên Phật chế. Trong giải thích, văn luật chia làm ba, trong giải thích đầu, y cứ vào thân bốn bên là nói chật hẹp không có sự thong thả, do trong đó rộng không ngại, vì khai không phạm.

Kế giải thích ngọa cụ lại nêu bốn món, vật khác y theo mà kiết. Như ở sau ba pháp y cứ vào tâm nói phạm, vì khai mà không biết, luật Thập Tụng ở trong đó trải rồi lại làm nhiều việc xúc não người khác, ý khiến họ tránh đi, tùy theo việc mà kết, lại nêu bày tám thứ, không nêu ra thanh sắc tùy theo lời họ nói gồm chung tất cả, trong cái không phạm, là câu đầu không kiết. Kế là năm pháp đều do chữ nhược mà chia ra, ở sau nói nạn duyên vọng thành bảy, nói rồi ở là họ chấp nhận cho, đích thân dạy lời xưa là họ tự chuốc lấy, nơi chốn chuyển đổi so sánh chẳng phải ý, nạn mạng sống, nạn phạm hạnh, v.v... là văn lược, là thế lực duy trì và ràng buộc.

***Giới thứ mười bảy:*** nhóm tỳ-kheo mười bảy vị trước vào chùa quét rẩy cho sạch, nhóm sáu vị biết liền đuổi ra, do đó mà chế. Trong duyên phạm, đầu tiên lựa chọn ba thời, mùa xuân mùa đông trong phòng, có Thượng tọa đến, hạ tòa nên tránh đi, không nhất định thuộc về mình kéo ra trải, phòng mùa hạ không như vậy, ít hơn nên kết tội nhẹ. Trong giải thích, luật Tứ Phần chia làm hai.

Ban đầu chỉ bày chung nhiều ít, tùy theo chỗ dẫn nầy y cứ theo người (312). Tùy theo ra khỏi phòng là y cứ theo chỗ. Nếu dẫn trở

xuống là giải thích riêng nhiều ít, đều y cứ ra khỏi phòng mà nói giới hạn phạm. Văn dẫn hai câu xen nói phạm nhiều, y theo luật trước sau đưa ra đủ hai câu, văn nói, nếu dẫn nhiều người ra nhiều phòng thì đọa nhiều tội đọa, một người ra một phòng là một tội đọa, thì bốn câu đủ, trên y cứ dẫn ra phạm tội trọng, hoặc trì trở xuống là nói không kéo thì phạm tội nhẹ. Trong luật nói: Nếu đem vật người khác ra, hoặc quăng ra ngoài cửa (nghĩa là quăng bỏ, đây là hai tướng không thể liên tục). Ngoài cửa đóng là nhân họ ra ngoài không cho vào. Trong luật Tăng-kỳ nói ban đầu kéo người, kéo ra là thân phạm, quở trách là miệng phạm, mỗi việc mắc một tội đọa là không đồng trong Tứ Phần là y cứ ra ngoài cửa.

Nếu sân trở xuống kế là nói đuổi và chứa, trong luật Thập Tụng. Hãn là tiếng mũi ngáy, chẳng phải xua đuổi xúc não người khác, việc đồng. Văn chế không nên trái phải lỗi nhỏ, trong luật Ngũ Phần đầu tiên là khai hủy nhục đệ tử, do lòng tử cứu giúp, như ở sau cấm xúc não người khác, không thích người là do lòng oán hiềm, ra cũng nói là chẳng phải xua đuổi. Không phạm có bốn: đầu tiên khai chẳng phải ý không sân là nói, đến sau người theo thứ lớp ra, tức ở trước là nói, thấy Thượng tọa đến tự tránh đi, cùng kế ở sau khai hộ giới. Như ở sau ba pháp khai chọn giờ, do đây chín người chẳng phải đồng bạn. Trong bốn cách phá là thiếu chánh mạng. Nhân trở xuống có bốn pháp khai mạn duyên, nếu không kéo ra ắt gây tổn mình, nên nói do đây. Nói trong cái khác, gượng trải là không khai cảnh dơ bẩn nên phải nói, ở tục không lựa gởi nhà người khác, chỗ tăng phải lựa chẳng phải đồng ở.

***Giới thứ mười tám:*** Phật ngự tại nước Xá-vệ, có Tỳ-kheo ở trên nhà nhiều lớp, ngồi trên giường sút chân, chân giường rơi xuống mình Tỳ-kheo khác, làm bị tổn thương chảy máu rồi lại tức giận, do đó mà Phật chế giới. Chỉ nêu tên và bày duyên, mà không giải thích, đời sau việc ít, nếu lại bỏ rơi không cứu giúp thì đó là cốt yếu, các giới trước sau đại khái đều như vậy, không biết ý chỉ nầy hoàn toàn mê tông chỉ sớ sao, nhưng e người mới học gặp văn gây ra ngăn trệ. Cho nên lược dẫn giải thích các pháp như trong lời sớ. Duyên đầu nhà nhiều lớp đất bằng không phạm (trong sớ có bốn duyên, thứ hai nói, nói che mỏng dễ rớt).

2- Về sút chân, trong luật nói: chân vào đùi (sớ nói sẽ sút không lâu).

3- Ngồi nằm phạm là giải rộng chỉ có nằm phạm, nay theo giới bổn ngồi nằm đều phạm. Trong luật nói nêu một mình ngồi một giường

một bản, giường tấm, ngồi đều phạm cát-la. Không phạm là nếu ngồi giường chân tròn, chân thẳng, chân cong, không chân (đều nói là không sút) hoặc giường quá nhỏ (tuy có sút mà có chỗ nương), nếu sút chân thì để lưng nhỏ (nghĩa là có gài khuy), nếu nhà nhiều lớp ván che dầy, v.v... hoặc ngồi giường gỗ, v.v... (là dùng ván) hoặc ngồi giường sút chân (bỏ chân đó đi) đều khai.

***Giới thứ mười chín:*** Phật ngự tại Câu-Diệm-Tỳ, xiển-đà làm nhà, dùng nước có côn trùng trộn bùn vời lấy sự chê bai, nên chế. Đại ý trong đây là lỗi trái với lòng từ. Trong sớ dẫn lời Quang Sư rằng: Trọng mình bị khinh (phòng nhà) khinh người được trọng (mạng trùng) rất trái với lòng từ nên phải chế gấp, giải thích trong pháp thứ tư.

Đầu tiên nói nước có trùng. Như kế ở sau nói các loại tương. Trong luật nói bỏ nước rồi, nếu có côn trùng như sữa tương thì biết vật khác đều chế, không chỉ nước có côn trùng, sữa chia ra trong đục, còn hai thứ có thể hiểu. Trong giới bổn chỉ nói dùng nước rưới bùn cỏ, nay y cứ văn rộng xen vào đều tội đọa, tất cả ở sau tổng kết tướng tội.

Ở sau dẫn năm phần dùng nước rưới vật. Trong bổn luật nói quăng vật vào nước, đều tính trùng cá nhiều ít làm lượng, nên nói mỗi trường hợp đều mắc tội đọa.

Hỏi: Giới nầy là y cứ dùng nước hay y cứ trùng chết?

Đáp: Trong giới sớ chép: ở đây không y cứ vào bổn mạng mà chế, ở đây rất phòng chế, nếu kia đoạn mạng, tự y theo giới chứa. Ở đây tuy biết côn trùng không chết mà tính số khác phạm.

Hỏi: Trùng không thể biết tội, làm sao có số?

Đáp: Ở đây y cứ tâm khắp, không nói về biết số, tùy theo dụng tùy theo quăng thầm mắc nhiều tội. Vốn nói chuyển đổi, thực là cơ sở nuốt, y nói đắp mặc, ví dụ đều như vậy. Nếu ông sám hối thế nào là bày tướng?

Đáp: Tội nên biết tùy theo số lập lại vào không thể biết, chỉ nói không nhớ như ở sau tự hiển, giải thích trong pháp thứ ba.

Đầu tiên dẫn kinh nói hai loại thô tế, ý nói lên côn trùng nhỏ nói phải lượt là một trong mười phần ở chỗ rất nhỏ ấy, ngàn muôn do-diên chỉ bày cực thô, như các loại cá ma-kiệt chim cánh vàng, trăn, rắn.

Khoa kế, trong luật Tăng-kỳ đầu tiên hộ phạm hạnh không thể ở, như ở sau nói dùng rưới rẩy, hoặc là vốn không, hoặc có lượt xong, sáng trưa xuân hạ đều phải xem kỹ.

Trong luật Ngũ Phần, đầu tiên chỉ bày nước có côn trùng, lấy côn

trùng nên xen, tức xếp vào hạn chế.

Trong luận Tát-bà-đa nói ngài thân tử dùng thiên nhãn quán thấy côn trùng hư không, như lúa trong đồ đựng cát, bèn dứt thức ăn, Phật nhân đó mà chế rằng: chỉ có nhục nhãn thấy đáy lọc làm được, văn đồng với đây, nên biết trong kinh Đại tập nói vi trần là một trong mười phần, chỗ dạy không chế. Như kế ở sau nói dụng phạm, không trở xuống ba pháp là chế trì hành, trái với đây phạm Đột-cát-la. Trong cái không phạm, đầu tiên khai mê tâm tưởng không ngay cảnh. Như kế ở sau khai tay chạm, như lọc trở xuống là nói thuận giáo.

***Giới thứ hai mươi***: Đức Phật ngự tại nước câu-thiểm-tỳ, xiển-đà làm phòng che lợp dày không thôi, nhà liền sụp rồi phá, bị người chê bai nên Phật chế. Trong duyên giới sớ thứ hai không có chữ tự làm, do chỉ chế xem che lợp. Trong sớ chép: vì sao xem người che mà không tự mình che?

Đáp: Không xem phòng thành có nghĩa thọ dụng. Tự che vời lấy chê bai, nhiều lớp cho nên không chấp nhận, hoặc có thể nói theo duyên khởi, do sai người làm nhân liền chế giới, duyên thứ ba nếu bỏ thấy nghe mà xen nhau là phạm Đột-cát-la, đều lìa không phạm, được phòng thọ dụng.

Nói ba tiết là như y cứ theo duyên khởi, thì là ba lớp, che rồi lại che nên gây ra sụp đổ, nếu theo văn luật tức thì y cứ vào cỏ tranh để chia tiết đoan, theo chiều ngang đều phạm. Trong luật Ngũ Phần cỏ ngói, ván, v.v... đều có thể dùng để che, ở đây dùng nhiều ngói nên lấy dọc ngang ba cách mà làm, tức là ba tiết, như trong sớ nói rộng. Trong bốn pháp có hỏi: Giới bổn nói hơn ba lớp mới phạm, sao ở đây nói xong?

Đáp: Trong giới chế chỉ trao, ba tiết chưa xong, nếu đi chẳng phải lỗi, xem xong là lỗi, ở đây căn cứ xem qua chẳng phải lỗi ba tiết. Về không phạm, trong giới chú giải nói: như trên chỉ trao xa lìa thấy nghe thì không phạm.

***Giới thứ hai mươi mốt:*** Phật ngự tại nước Xá-vệ, Ái đạo thỉnh dạy trao. Phật dạy tăng đến, nhóm tỳ-kheo sáu vị đến nói thế luận, do đó mà Phật chế. Trong danh không sai đàn-việt đến nên nói liền. Trong duyên lời sớ nêu bày năm loại, trước Phật khai nói tám pháp kỉnh, còn bốn pháp đồng với ở đây.

Đầu tiên không sai là luật chế bạch nhị Tăng pháp sai đến.

2- Trong sớ nói lựa chọn phòng khác nói riêng không phạm.

Trong giải thích văn đầu trước nói giáo giới, nói tám pháp kính là luật nói, chẳng phải giáo thọ nói tám kỉnh mà kết, Tăng không sai mà nói pháp phạm đọa, cổ sư chấp văn cho rằng ngày không nói tám kỉnh phạm hai tội cát-la không sai mà nói pháp phạm hai tội ba-dật-đề. Nay sư không phải như vậy, nói chẳng phải ngày cổ kết. Không sai cho nên phạm Ba-dật-đề. Trong văn nói tám pháp kính xen nhau nêu bày, nên biết ngày thọ sai chẳng phải nói cả hai đều phạm cát-la, không sai liền dạy hai pháp cũng đều phạm ba dật đề, như trong văn rộng nói (tám pháp kỉnh như thiên ni có nêu).

Kế nói ngày sai, dẫn trong luật Tăng-kỳ là luật không có văn, ba pháp trước trong luật nói: giờ chưa đến, trong chú giải ba ngày sau là mười sáu, mười bảy, mười tám (tháng không trăng thuyết giới tức mùng một, mùng hai, mùng ba, hai ngày sau là trong luật nói: quá thời gian trong chú giải đi cũng như đến, hai ngày tức ngày hai mươi chín, ba mươi (tháng có trăng tức ngày mười bốn, mười lăm). Lại nói: không đứt quãng mười ngày giữa hắc bạch phải đến (bạch ngoạt thì mười chín đến hai mươi tám, hắc ngoạt từ mùng bốn đến ngày mười ba).

Khoa kế trên nói pháp rộng ít thực hành, nay ở sau chỉ lược pháp như khác nhau, mười đức như nói trong thiên giới.

***Giới thứ hai mươi hai:*** Phật ngự tại nước Xá-vệ, tăng sai Nan-đà đến giáo thọ, rồi mến đạo thỉnh lại, đến chiều ni ra khỏi kỳ-hoàn về đến Xá-vệ, cửa thành đã đóng, rồi ngủ trong hào thành, người đời chê bai cho nên Phật chế. Sớ chép: vốn ở chùa Tăng nhân vì lỗi mới chế khiến đến chùa ni, trong duyên có thể thấy, xếp vào duyên, duyên đầu do không sai nhưng phạm giới trước, trong giải thích có hai tiết.

Ban đầu y cứ vào lựa chọn pháp. Nếu hỏi là hỏi nghĩa, việc khác tức lìa duyên trên gần chung tất cả, dời đổi kéo dài đến chiều. Sớ chép: các việc tụng thọ kinh đến chiều đồng với chê bai, tại sao khinh là do giáo thọ có pháp nhóm hợp ni dễ nên xem trọng, các việc không thuộc về pháp nên coi khinh, trừ ni kế ở sau người lựa chọn cũng đủ bốn pháp trên, lược nêu văn thọ kinh chữ thoát, v.v..., trong giới chú giải có, trong cái không phạm lại nêu sáu đoạn.

Đầu tiên là thuận giáo, trừ kế ở sau là đối với người nam, ở đây khai cho tội đột-cát-la.

2- Điều kiện duyên, ni do đó cho.

3- Thuyền giúp chỗ.

4- Đi với khách.

5- Đến chùa Ni, do bổn duyên khởi ni đến chùa tăng nên ở đây có khai, nếu lấy chế sau lẽ ra không khai.

6- Do người thỉnh nầy cũng ở chùa tăng, trong luật chép: ngày thuyết giới đến thỉnh giáo thọ gặp người nói cho nên nghe.

***Giới thứ hai mươi ba:*** Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, các Ni nghe thầy giáo thọ đến ra đón rước cung cấp, nhóm tỳ-kheo sáu vị ganh ghét nói: "họ không thật, chỉ vì ăn, "do đó mà Phật chế giới". Lệ theo trong duyên, một, hai và sáu đều thuộc về người chê bai, bốn là lời chê bai. Trong phần không phạm, đầu tiên đến như hỏi về sự thật, là chữ cúng dường quán chung bốn pháp sau, hai loại nói chơi và lầm vô ý cho nên khai.

***Giới thứ hai mươi bốn***: Phật ngự tại nước Xá-vệ, Tỳ-kheo-ni tu hạnh khất thực thường thỉnh không thọ, sau được y cho Cô ni, ni liền thọ, bị người chê trách thường nói với người, cho nên Phật chế. Trong duyên, sớ có năm loại, thêm pháp thứ ba làm chẳng phải đích thân tướng, duyên đầu trong luận Tát-bà-đa nói ba chúng ni đồng phạm, ở sau làm y kỳ hạn đi cũng vậy, nay tông phải là Đại ni tiểu chúng chỉ kết, trong sớ y theo giới giặt y, hai pháp sau đoạn khinh, sớ trong thứ ba nói, trong văn không rõ thước tấc, mà lỗi lầm lớn nhỏ đều phạm Ba-dật-đề. Trong phần không phạm, trừ mua đổi trong luật nói: dùng y đổi y, chẳng phải y đổi kim dao, chỉ sợi cho đến cỏ thuốc, v.v... ở sau cùng với ba món báu phân biệt, văn lược bà con trong giới chú giải có nói đủ.

***Giới thứ hai mươi lăm:*** Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, Ca-lưu-đà-di vì cô ni may đại y, cắt làm hình ảnh đang dâm khiến cho đắp mặc trước chúng, người thế tục sinh cười chê, cho nên Phật chế.

Giới sớ trong duyên có bốn, thân pháp thứ ba tự đưa sai làm giải thích trong pháp thứ ba, ban đầu chỉ bày chánh phạm. Nếu lại ở sau nói các lỗi phạm. Trong sớ chép: đã làm kim dao, cho nên tùy theo vận kết (nói về chánh phạm). Các thứ thoa, v.v... phương tiện chỉ khinh không phạm có ba: hai pháp trước rất dễ hiểu, mượn dùng chữa trả lại chỗ cũ chẳng phải vì họ làm, tướng đồng mà duyên khác.

***Giới thứ hai mươi sáu:*** Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, Ca-lưu-đà-di khởi ý dục với các cô ni ở ngoài cửa, cư sĩ cùng nhau chê bai, nên Phật chế. Duyên đầu trong lời sớ làm ba chúng ni, trừ người nữ thế tục

không phạm giới nầy, thứ hai một vị cô ni ngoài ra có người gọi là người thứ ba, bất luận đạo tục nam nữ, có thì không phạm.

Duyên thứ ba, Sớ chép: trong duyên ngoài cửa đồng ngồi chỉ thuộc về chỗ trống, trong giới bổn nói ngăn che, cho nên biết đều kết (trong giới bổn nói: ngồi ở chỗ ngăn che) y theo biết ngăn che, chỗ trống cho nên hợp chế.

Trong pháp giải thích thứ tư, trong luật Thập Tụng một trượng ba thước đều biện về tướng mà không rõ bày chỗ, y theo ở sau người nữ ngồi.

1- Tìm bên trong mắc tội đọa.

2- Tìm phân nửa phạm Đột-cát-la.

3- Tìm trở về trước không phạm.

Trong luật Tăng-kỳ nói nhiều nghĩa tội. Câu đầu nêu bày hoặc ở sau hiển tướng.

Ban đầu y cứ vào cùng ăn để nói tướng phạm, nhưng khiến cô ni đến thành người thứ ba, đi liền kết phạm, tùy theo họ đến đi thì có nhiều tội, Tỳ-kheo kế ở sau nói khỏi phạm lỗi, nghĩa là khiến cô ni khi đi Tỳ-kheo sợ phạm, nên trước tự khởi muốn cho Ni đi.

Trong pháp giải thích thứ ba, đầu tiên dẫn trong luận Tát-bà-đa chỉ bày riêng lỗi ngăn che, do người không thấy buông lung không hổ thẹn suy nghĩ hành dâm dục, cho nên dùng hai lỗi để ra lịnh chỗ kia, kế dẫn trong văn luật không giải thích ba duyên.

Đầu tiên giải thích thứ ba, chỉ như trước, khói bụi, đen tội gọi là thấy ngăn che, thường nói không nghe gọi là nghe bị ngăn che, y cứ nơi đây để luận chưa chắc ngăn che, như kế ở sau giải thích hai và bốn. Sớ chép: đều xen có không, thành toàn chứng, cho nên phạm Đột-cát-la, lại là giới ngồi mà đứng cho nên thuộc về khinh, không phạm có bốn.

1- Đồng bạn.

2- Người thế tục.

Hai loại nầy đều cho rằng có người thứ ba.

3- Cho là chẳng phải ý.

4- Tức gặp nạn thiếu bịnh duyên.

***Giới thứ hai mươi bảy:*** Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm Tỳ-kheo sáu vị và nhóm Tỳ-kheo-ni sáu vị cùng đi, người đời chê bai, nên Phật chế. Trong duyên, y cứ theo sớ có sáu, thêm chỗ không lìa thấy nghe thứ tư, lìa thì không phạm. Thứ hai nói cùng đến chỗ thôn, thánh, nước, v.v... nào đó. Thứ ba nghĩa là chẳng phải bạn đi nghi là duyên sợ hãi.

Thứ năm là thôn xóm tùy theo phần chừng của thôn, chúng đông mỗi mỗi rơi vào chỗ không đến mười dặm mắc tội đọa, hoặc giảm một thôn giảm mười dặm đều phạm Đột-cát-la, không phạm có bốn.

1- Không cùng kỳ hẹn là trong sớ nói: trừ ngẫu nhiên gặp nhau hoặc kỳ hẹn không cho, mà không lìa thấy nghe, đều không phạm hai việc lớn là duyên luật, rất đông Tỳ-kheo, cùng chúng Tỳ-kheo-ni đều muốn cùng nhau từ nước Xá-vệ đến Tỳ-xá-ly, do Phật chế giới không cho đồng đi, Ni chúng đi sau bị giặc cướp, rồi bạch lên Phật, Phật khai cho hai chúng đông người, nên nói việc lớn, nay một Tỳ-kheo nhiều Ni cũng khai.

Lại sớ chép: Đi đường xa vời lấy lỗi lớn chê bai, dù có nhiều Tỳ-kheo mà một cô ni cũng phạm, phải được nhiều Ni mới khai, ngồi chỗ chê bai tội khinh có hai Tỳ-kheo thì không phạm vị (giới trước khai thông tăng nhiều ni ít không phạm.

3- Nếu đến nơi an ổn, như bịnh, v.v... duyên khác thì phải trước đến.

4- Duyên nạn mạng sống, nạn phạm hạnh văn lược thế lực bị ràng buộc nên nói, v.v...

Ở sau dẫn trong luật Thập Tụng ý lỗi ngăn khai đồng với trước chỉ phụ thêm y.

***Giới thứ hai mươi tám:*** Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm tỳ-kheo sáu vị cùng nhóm tỳ-kheo-ni sáu vị đi thuyền chung, bị người chê bai nên Phật chế. Trong duyên, theo sớ có sáu nhưng trong ba pháp chia ra bốn, năm.

3- Đồng một thuyền.

4- Thuận dòng lên xuống.

Văn khai thẳng độ, phải y cứ vào lên xuống qua lại mới kết, lại chỉ tác ý, vừa vào liền phạm, không đợi thuyền đi. Thứ năm nghĩa là chẳng phải thẳng qua mất duyên cứu giúp. Thứ sáu hai chân vào thì phạm, luật nói một chân ở thuyền, một chân ở trên đất phạm tội Đột-cát-la, theo sớ, người nữ thế tục cũng phạm. Trong không phạm, luật nói: là thẳng qua bờ kia (chỉ khai qua bờ chẳng phải nói đường xa), mất cứu giúp là vốn thẳng qua, lên xuống chẳng phải ý.

Lại nói: đến bờ kia không an ổn (trở lại lên xuống). Thế lực trói cột nạn mạng sống, nạn phạm hạnh, v.v... đều khai.

***Giới thứ hai mươi chín:*** Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, cư sĩ thỉnh

Xá-lợi-phất, Mục-liên thọ thực, Thâu-la-nan-đà ni nói: đây đều là người thấp hèn khuyên thỉnh Điều-đạt là rồng trong rồng, do đó Phật chế giới. Trong duyên thứ hai biết, sớ chép: biết là phi pháp trong giải thích bổn luật, đầu tiên nói khen ngợi, hai câu trên, tức mười hai hạnh Đầu-đà, lược nêu trước sau ba loại nên nói cho đến, khen trở xuống bốn loại danh tướng nên biết.

Kế giải thích ăn, đầu tiên nói giờ ăn, sớ chép: Đại thừa, Tiểu thừa hai cách ăn đều phạm, trở xuống nói các vật. Trong sớ chép: về y khinh thì tài trọng khó xả, đèn dầu là vật nhẹ. Trong luật Tăng-kỳ có bảy. Câu đầu nhân người kia, Trưởng giả thấy Trưởng lão Tỳ-kheo, bày thức ăn cúng dường, ni lo liệu đến thỉnh, lúc bạch đến chỗ ăn, các Tỳ-kheo nghi ngờ không dám ăn, cho đến bạch Phật, Phật cho bỏ đàn-việt xưa, ở đây nói vốn là biết cựu, chẳng phải do họ khen mà đến thỉnh.

2- Cho đến trở xuống, luật chép: có xướng cúng thì khen ngợi, đầu tiên đến giờ ăn khen ngợi, khi mới làm thức ăn khen ngợi, làm thức ăn xong rồi khen ngợi, khi có thỉnh khen ngợi, năm pháp nầy đều dùng. Lại có các tội đọa, văn bao gồm, nay nêu hai loại nên nói cho đến, trước nói lại có Tỳ-kheo không khen ngợi không phạm, lại nói đây là Đầu-đà chánh khen ngợi cho nên đọa.

3- Nếu nói nhiều cùng với không phạm. Trong luật nói đây không gọi là khen ngợi.

4- Nếu nói đồ chúng đều phạm, vì là nói bao gồm.

5- Nếu nói các chủ một người phạm, vì chỉ riêng.

6- Nếu có khen thức ăn trở xuống, e xin riêng mất thời phương tiện khai ăn.

Ban đầu khiến đổi thứ lớp khai tâm niệm. Chữ hứa đọc liền với ở trên là lời chỉ vật nhiều ít.

7- Nếu nói tôn giả trở xuống, nói tuy chung khắp mà chẳng phải khen đẹp, có thể còn thiếu. Trong luật Ngũ Phần trước khen mà không biết đến giờ ăn, chẳng phải khen ngợi nên đều không phạm. Trong cái không phạm sáu tứ đều dùng chữ nhược trong đó.

Đầu tiên là mê tâm.

2- Không nhân họ khen.

3- Tức tưởng chuyển, Luật chép: giáo hóa khởi tưởng giáo hóa (giáo hóa tức khuyên khen ngợi khiến cho thỉnh), còn bốn, năm pháp rất dễ hiểu, thứ sáu văn lầm. Trong luật nói không cố giáo hóa mà khất thực cho (nghĩa là ni xin thẳng thí chủ liền cho khen ngợi mà được), trong đây một và ba thuộc Tỳ-kheo, hai và năm thuộc đàn-việt, bốn và

sáu thuộc về ni.

***Giới thứ ba mươi:*** Phật ngự tại nước Xá-vệ, con dâu và mẹ chồng tranh cãi về Tỳ-xá-ly. A-na-luật muốn đến nước kia làm bạn với người nữ, người chồng liền đến, đánh Na-luật gần chết, Phật do đó quở trách mà chế). Chỉ duyên đồng với trước, chỉ đổi duyên đầu người nữ thành khác, trong sớ có sáu loại thêm thứ năm không lìa thấy nghe, lại thứ ba không có duyên, trong sớ nói không có bạn, nhưng y theo văn luật không khai bạn giúp, nghi họ viết lầm, nay nói không có duyên, đời sau không phạm, không hẹn nhau, dẫn duyên như trên, bậc thánh dứt dục còn bị vu khống hủy nhục, đủ trói buộc phàm phu đâu tránh khỏi hiềm trách, nên ở sau hiển bày chế, trong luật vượt thôn kết tội đọa, trong thôn phạm tội Đột-cát-la, đây thời dở bước liền chế, đủ nêu bày lỗi sâu, tha thiết răn dè đến nhờ lý phải cẩn thận vâng giữ. Trong cái không phạm, hai câu đầu chỉ là một duyên, không biết chữ nếu ba viết nhiều. Luật chép: trước không hẹn nhau phải đến nơi đó được an ổn. Sớ chép: duyên khai không kỳ hạn và nạn nên biết, hẹn với nhiều bạn cũng phạm, không giống trong Ni, vì là đồng pháp, ở sau nói hai nạn, thế lực bắt buộc đông văn lược không dẫn ra.

***Giới thứ ba mươi mốt:*** Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, nước Câu-tát-la không có trụ xứ, cư sĩ thường làm trụ xứ, thường ăn cơm với nhau, nhóm tỳ-kheo sáu vị thường thọ cho nên chế. Trong duyên đầu, lời sớ làm chẳng phải bà con cư sĩ thì lựa chọn bà con. Thứ tư tức ở sau khai bịnh trong pháp không bịnh có năm.

Câu đầu thuận chế.

Kế là nói lỗi của bịnh, nghĩa là do lỗi của bịnh mà nhận. Như chủ trở xuống nhiều người cùng ở lại, như kế trở xuống là thứ lớp đều thỉnh, trong luật nếu nhiều đàn-việt, hoặc con gái chị em, thứ lớp thỉnh trụ nhiều ngày là đây. Hoặc nước trở xuống là nạn gấp làm trở ngại không thể đến, văn lược trộm hổ sói, v.v...

***Giới thứ ba mươi hai:*** Đức Phật đến nước A-na-tần-đà, nhân các Tỳ-kheo trước thọ đại thần thỉnh lại thọ cháo đặc của Bà-la-môn, vì thế lúc đến nhà đại thần không thể ăn nhiều, đại thần tức giận, bị Phật quở trách, sau Phật trở về thành La-duyệt, các Tỳ-kheo trước thọ Lạc sư thỉnh, sau cư sĩ cúng thí năm thứ ăn chánh, ăn rồi đến chỗ thỉnh trước không thể ăn nhiều, bị họ tức giận, cho nên Phật chế. Đối với nghĩa dễ

hiển bày, nên nói là chế. Sớ chép: tùy theo thế tục bỏ cũng không lỗi, duyên đầu trong sớ có bốn câu.

Ban đầu, trước, sau đều là Ba-dật-đề.

2- Trước chánh, sau chẳng phải chánh, Đột-cát-la.

3- Trước không chánh sau chánh.

4- Đều không chánh thì không phạm.

Pháp thứ ba, v.v... đủ như trong phần không phạm.

5- Tỳ-kheo nuốt là lời sớ nói không đợi no.

Giải thích duyên đầu trong phần chánh thỉnh.

1- Dẫn hai pháp thỉnh chung đều có trái.

2- Kế là nói thể của ăn, năm pháp chánh nêu bày ba không bỏ giáo. Trù là quá nhiều, hợp với trên thành bốn, ở sau dẫn trong luật Tăng-kỳ lựa trên cháo đặc, vật tùy một thể mà dày mỏng phân ra khác nhau, lấy ban đầu rút ra chỗ không y cứ về ngưng đọng. Giải thích trái trong luật Tăng-kỳ có hai. Ban đầu nói trước thỉnh, hoặc kế ở sau kết phạm, nhà không bạch thỉnh phạm bốn mươi hai giới sau.

Giải thích phần thứ ba khoa đầu có ba, trước hết giải thích duyên bịnh, luật nhân Tỳ-kheo bịnh không được ăn theo người bịnh.

Kế giải thích duyên thí y. Trong luật nói một nhà thỉnh ăn riêng, y một nhà thỉnh ăn, Phật khai trái với trước, lại trong luật chép: Tự tứ xong không có y một tháng, có y năm tháng (Ở đây không khai trái, không bao gồm các y). Lại nói: nếu có cúng thí thức ăn và y dư, v.v... là đây nói gồm thí không hạn cuộc thời và phi thời, nên nói mười hai tháng. Nếu một ngày trở xuống nói xả thỉnh. Đầu tiên chỉ bày pháp xả, nếu không trở xuống là nói tướng phạm, dẫn năm trăm lời hỏi quyết ở trên được chăng, người chủ hiềm khích không bỏ, lẽ ra cũng thành trái, y theo sáu niệm trước mà khai tâm niệm xả, khoa kế tông ấy khai bịnh hạn cuộc đến ba nhà, chỉ khai trái hai pháp, nếu cho lại trái, ỷ lại khai không có tiết độ, giáo chậm cơ chậm, cho nên không được bốn. Trong phần không phạm có bảy, ba pháp trước như trên. Trong chú giải thứ tư cháo nghĩa là cháo loãng, ngoài ra thì nhánh lá nhỏ nhặt, v.v... Trong pháp thì năm chú giải rằng: ít thì phạm lấy đủ cảnh.

Thứ sáu là không thỉnh thì đâu được phạm.

7- Trước sau ăn nhiều lần mới có thể phạm đủ, mà không phạm trái ắt không hoại nghi đủ cũng không phạm. Luật chép: một chỗ trước sau ăn nghĩa là đồng chủ mà ăn khác chẳng phải trái nên biết, trong văn không đưa ra nên nói, v.v...

***Giới thứ ba mươi ba:*** Đức Phật ngự tại La-duyệt kỳ, Đề-bà xúi người hại Phật, dạy vua A-xà-thế giết cha tiếng ác truyền khắp lợi dưỡng dứt bặt, bèn cùng năm người khất thực riêng, do đó mà chế. Giải thích tên giới: nghĩa là người có thể phân biệt chỗ ăn thành chúng, vì riêng chúng nên không xếp vào đồng vị. Nếu lấy lời lại nên nói liệt chúng. Nhưng y cứ chỗ khác nhau chẳng phải không thông chúng chỉ phạm do hay phân biệt nên riêng hiển bày tên. Lại có thể y cứ vào chúng đã thông chúng riêng, thật như trong bổn sở, y cứ vào trong tướng khoa đầu, trong bổn luật có hai.

Ban đầu y cứ giải rộng nói về thỉnh riêng, tức văn khai duyên, Phật ban đầu chưa khai Tỳ-kheo, hễ có người thỉnh đều dùng lời nầy đối đáp, như trong sớ sao đã dẫn, đến sau bịnh Phật nên có bảy pháp khai. Nếu y trở xuống là thứ lớp nói về duyên khởi nói khất thực riêng, khó điều người tức triệu Đề-bà, nói Phật chế giới vì để nhiếp duyên (tông bổn chỉ có hai pháp đây). Trong luận Tát-bà-đà có đủ ba, đều luận không nhóm. Câu đầu gồm nêu, cũng ở sau riêng nêu, trên nói cũng rõ là cũng văn luật trước, ở sau nói cũng có là cũng hai loại trên, trong phần giải tướng, gồm nêu đều nói duyên là ba vị, mỗi vị đều đủ bảy dưyên, như ở sau đã dẫn. Dẫn cứ chứng riêng, tức ở sau thường thấy hai luận hiện ba tướng khác nhau, trong tăng thứ thì khoa đầu lại y cứ thứ lớp Tăng, ngoài ra nêu hai pháp đồng, chỉ đổi thứ hai là khác.

Khoa kế có hai:

Ban đầu nói tăng giới khai pháp, phải chỗ Bồ-tát, tức biết pháp là chỗ ở, do Bồ-tát là pháp nhiếp chúng, thỉnh một người kia thì biểu hiện chúng nhóm, tự ở không cần, tức hai chỗ ấy không có tướng thỉnh đưa, cùng ở sau nhà thế tục khác nhau, như ở sau nói nhóm lại.

Ban đầu nói thuyết pháp đánh kiền-chùy, tăng giới người đông không thể làm tướng, chỉ có hai pháp, lại ở sau nói làm trọng, về sau đến thành riêng. Hoặc trở xuống là nói lại thành riêng, hoặc ở sau nói nên chuyển, như ở sau giải rộng, như trở xuống kết chỉ bày, trong đó khất riêng, thấy trong luận có bốn câu lại dẫn câu đầu, ba pháp khác như ở sau. Trong luận Tát-bà-đa khất đồng chỗ, lại nói đồng khất khác chỗ thành riêng. Trong thỉnh riêng, tác pháp là đánh chuông xướng lịnh nêu hạ lạp, v.v... ngăn tội ăn, y theo lý là Đột-cát-la, như ở sau y cứ vào nhóm hợp nói phạm, y theo trên giới nội văn không có người, ở sau văn dẫn chứng, đồng ngồi khác vị cũng tức nhóm họp là phạm, y theo quyết trong đó gồm đoạn ba vị, không nhóm họp đều đồng, nhóm họp thì phạm có riêng, Tăng thứ lớp nhóm họp thì không có lỗi, còn hai pháp

nhóm họp thì phạm, là thỉnh riêng như trên, khất riêng y cứ theo đồng.

Kế là trọng phần giải thích. Lại nêu rằng: y cứ về duyên tức bảy duyên trên trong văn chỉ giải thích năm loại, ba và bảy dễ hiểu, khiến hai câu sau nêu ra ý rộng của trọng.

Trong phần đầu, trước nói phân biệt với lẫn lộn, đời nay có người một phen khấn khái chỉ nói riêng chúng, không biết Tăng ăn tự phạm tội nặng ăn trộm, lại có khi thấy đem vị lạ ở trong chúng ăn riêng, lại nói ăn riêng chúng, việc tuy chẳng phải lý gọi là Giáo thiên thừa, không thể lẫn lộn, nên ở sau dẫn chứng. Tăng-kỳ dịch là chúng, tức y cứ vào các vật thường trụ, tức trong tăng cương, duyên thứ hai, nêu Tăng riêng tức như ở sau nói thí chủ thỉnh riêng tăng thứ lớp bốn người, nhưng không có tên nhất định nên nói Tăng thứ, trong tăng thứ có năm phần chia làm ba.

Ban đầu chọn người có khả năng thọ, văn nêu năm loại, đều có thể dự số mà không thể lựa chọn, trừ giới ác là trong sớ chép: một loại Tăng thứ ắt dùng tịnh giới làm trước, trái phạm hiến chương không cho thọ lợi, v.v... (y theo phạm tội nhỏ tức là đã chọn). Nếu trở xuống hai pháp chỉ bày pháp Tăng thứ lại có hai.

Ban đầu là chỉ bày, về sau nói lên chẳng phải dùng pháp chấp, tuy không định tên mà lựa chọn sở học ấy, tức chẳng phải Tăng thứ. Ở đây nói tuy chung mà riêng, chẳng phải bình đẳng. Trong Thập Tụng trở xuống ba pháp dẫn văn chứng, trong luật chép: có người thỉnh Phật và năm trăm vị La-hán.

Phật nói: không có tên thỉnh ruộng phước tăng, nếu có thể ở trong tăng thỉnh một Tỳ-kheo dường như cực ác, cũng mắc vô lượng quả báo, dữ trở xuống thêm một ý đồng, như ở sau chỉ lược tức quyển sau thiên phó thỉnh, khoa đầu trong phần thỉnh riêng.

Ban đầu đến chỗ không thanh tịnh nói pháp thỉnh ban đầu.

2- Nếu chín mươi ngày trở xuống nói tiếp tục theo pháp. Trong phần đầu lại có hai:

Đầu tiên nói trước thỉnh, trường thỉnh là không chừng hạn ngày, đến sau nói về nhóm.

Đầu tiên không ngăn đến nhóm hết, trước không có thỉnh riêng nghĩa là ngoài thỉnh không chừng hạn còn tất cả lập khắp không có kêu riêng, thì hai ngày trở đi dù ngăn cũng không có lỗi, không thể ở sau nói có ngăn khỏi lỗi, không thể không ngăn ăn mà không đủ cung cấp. Khuyến hóa Tỳ-kheo tức là môn sư. Nói sáu mươi hạ là nêu số nhiều để nói, cho đến năm mươi chín trở xuống thứ lớp giảm xuống. Nói đều

không luống xướng thành pháp là khỏi hoạn sau nếu không ở sau nói trái giáo kết phạm, có không đều là tội, văn tướng nên biết. Hai pháp là đánh kiền-chùy xướng hạ (hoặc có thể ngày đầu và mỗi ngày thành hai, kế là tiếp tục trong pháp cung cấp, tức pháp trước do tương tục không dứt, cho nên tăng phòng, v.v... phải xướng là y theo dường như hạ bốn việc đầu đều xướng, vị ăn là chung, pháp xướng cũng tiếp nối nên không xướng lại, phòng xá thuộc riêng, kỳ hạn đã đủ nên phải xướng riêng, hai pháp đến trong giới, văn có ba tiết.

1/ Ban đầu nói ngồi ăn với một oai nghi khác vị đồng không phạm.

2/ Như đại giới trở xuống nói một giới mà hai viện Bố-tát có thỉnh tiễn hay chăng.

3- Nếu thí chủ trở xuống là nói pháp người thế tục đem thức ăn vào giới thỉnh tăng.

Ban đầu nói tăng thứ, tuy không phân biệt mà số người có hạn, nên nói thỉnh riêng tăng thứ (hoặc chia làm hai thỉnh, ở văn chẳng phải tiện) hoặc sẽ trở xuống nói thỉnh riêng.

Ban đầu chỉ bày tác pháp, tự ở không cần nghĩa là hai ba chỗ không tiễn đưa nhau, chữ Thủ là hợp lam thỉnh, lập thỉnh trở xuống nói ngăn sau thành phạm, nếu không như vậy ở sau phương tiện lìa lỗi, nếu làm trở xuống mê quên khai pháp, trong Tăng tức chỗ Bồ-tát, đặt ở đầu vị Thượng tọa là tiêu biểu thuộc về tăng, chỉ bày muốn đưa đến. Nếu đường xa thì trong luật nói cách nhau mười câu-lô-xá (hai mươi dặm) lấy thức ăn thứ lớp hành là tiêu biểu tiễn đưa vị tăng ấy. Trong ba tụ lạc. Ban đầu nói hai chỗ đưa lẫn nhau, văn đại khái đồng như trước, mượn kế ở sau nói một chỗ nhóm họp.

Ban đầu nói nhóm họp không đánh, ở sau nói phạm. Nếu không trở xuống là khai không phạm.

Hỏi: Trên nói thỉnh riêng trong giới không người cũng phạm, nay nói không thuộc nghi có phạm hay không?

Đáp: Vì họ có tâm ngăn nên không đồng với ở đây, trong bốn pháp chuyển nhau.

Ban đầu chuyển Tăng thành riêng, hoặc ở sau chuyển riêng thành Tăng, đều từ đoạn sau, đều mất tên gốc (bốn đoạn trên đều là toàn văn của luận Tát-bà-đa).

3- Nói về khất riêng: trong Thiện Kiến có bốn câu tức do đi khất htọ thực bốn việc xen nhau mà nói về đồng biệt, nhưng nói có tỉnh lược. Ở sau tùy theo mà đầy đủ.

Ban đầu đồng khất, biệt khất đều phải gồm đi, do một bề đồng

khất tướng phạm dễ biết, nên ở đây đều nêu hoặc đồng hoặc biệt, mà ở sau nói lúc thì chỗ ăn hai pháp nầy đều đồng, câu kế hợp có pháp khất thì đủ có pháp biệt, chỉ có thọ đồng. Trong chú giải nói khác, luận thì căn cứ thọ đồng mà khác chỗ cũng phạm, trong luật y cứ cùng chỗ, không cũng chỗ khai, nay vì phải y theo luật, trong câu nầy lược tướng phạm, thứ ba phải có đều khất, ẩn trong lúc đi thì bốn món đều biệt, thứ tư hai pháp biệt hai pháp đồng bốn món đều đủ, nghĩa quyết trong đó, trên dẫn trong luận Tát-bà-đa biến tăng là biệt, không y cứ vào trong giới không có người, cho nên ở đây ban đầu quyết phạm, như ở sau chỉ bày tên gọi, giải thích duyên thứ tư nói trong khoa đầu. Luật Thiện Kiến vá Tứ Phần đại khái đồng nhau, hai bộ xen nhau, trước sau hai chúng không đủ bốn. Khoa kế trong luận Tát-bà-đa trước nêu ba tướng, như ở sau giải thích lý do, ngông cuồng bỏ thể tướng chẳng phải tăng, khác cõi duyên cách không đủ, nên ở sau kết thúc chỉ bày, chỉ gồm thâu hai pháp trên, hoặc thể trái nhau cũng gọi là không tốt.

Hỏi: Mọi người ở chỗ ngủ thiền định có thành riêng chúng hay không?

Đáp: Lẽ ra cũng không thành, trong luận lại nêu tâm bịnh hoạn hoại tâm người, Tỳ-kheo-ni và hai chúng Sa-di ở ngoại giới nhập định, đều chẳng phạm, nay lược nêu tâm cuồng thuộc về duyên sai (miên định v.v...). diệt tẫn gồm thâu thể uế (mười ba nạn, ba lần nêu v.v...). Khác cõi thuộc về trái nhau (giới tràng bên ngoài duỗi tay phải đụng, v.v...). Hiện trong chỗ khoa đầu, dẫn luận trước nói tăng thí hai thứ thức ăn, tăng ăn không khác với nghĩa nên hiểu, nếu thí chủ ăn y theo ở sau cũng phải trước sau khác thời. Như bốn người trở xuống là nói khất riêng, luật trở là hội thích khác nhau, do luật duyên khởi năm người như Điều-đạt v.v... khất riêng mà chế, nên ban đầu chỉ bày luật kết phạm, ở sau phải quyết luận không phạm hai văn xen hiện nghĩa không trái nhau. Trong liệu giản câu đầu nhóm hết tức ăn một chỗ. Câu thứ hai như trước phòng nhà không cho ra ngoài. Tăng nhóm hết nghĩa là một chỗ, không đồng vị tức ăn riêng, như trong luật trở xuống nói khai pháp, được lợi ích nghĩa là đồng được ăn, chú giải y cứ vào chỗ trống giải thích trên cùng ngồi, chỗ khuất lại xa, cũng gọi là một chỗ, câu thứ tư nên hiểu duyên thứ năm khoa đầu trong phần giải thích, trong luật Ngũ Phần y cứ vào tăng thứ, tâm bố thí không lựa chọn, kêu khắp là nói, do ở sau ba chúng đồng ruộng phước, đối trong chúng văn luận đầu tiên nêu bốn giới, không ngoài tác pháp tự nhiên. Tụ lại có hai, như trong kiết giới, nhà tức xóm làng, cũng thuộc ranh giới xóm làng, đồng trống

Lan-nhã một Câu-lô-xá y theo luận hai dặm, đạo hành thủy giới văn tuy không rõ nghĩa nhưng phải y theo thuyết, chỉ có nạn, Lan-nhã thời chẳng phải bàn luận, riêng Bồ-tát nhân nhau mà dẫn chẳng phải ý trong đây. Nếu tăng trở xuống là nói thành tướng phạm.

Ban đầu nói sở biệt, ăn xong không phạm, do trước tăng không trọng lý ăn nên nói không được. Như Tăng trở xuống nói chưa ăn kết phạm, văn sau chọn cảnh, lại nêu ba người, như đến dẫn đủ, văn chú giải có hai tiết. Ban đầu chỉ bày chung ba người, không ngăn tăng ăn, e rằng chẳng phải riêng không cho ăn, trong ấy diệt tẫn tài pháp tuy mất nhưng thể vẫn còn, trừ tăng khác cúng thí còn thiếu phần ăn, như ở sau chỉ bày Sa-di, do biệt tuy không tổn mà nhóm họp thì có lợi ích, tức trước pháp xướng cho đến Sa-di đây (Tăng thứ thủ tịnh diệt tẫn ngông cuồng không thành), nói trong ba vị.

Đầu tiên chỉ bày các bộ, chỉ có hai loại.

Kế là nói trong luận Tát-ba-đa lại thêm Tăng thứ, trong chú giải chỉ trong văn ở trước có dẫn rộng.

Hỏi: Ban đầu giới đã nêu ba vị, vì sao nói lại.

Đáp: Văn trước chỉ nêu ra chỗ, ở đây nói ba vị có chung không nhóm, nên khác nhau.

Trong duyên thứ sáu, đầu tiên dẫn trong luật Thiện Kiến có nam pháp đầy đủ, hai pháp trước chính là chuyển riêng thành tăng nên khỏi lỗi biệt, ở sau cả ba đều nói chúng không đủ bốn, chẳng phải biết nên biết. Trong chú giải thứ năm, e là xen lẫn lúc bịnh, nên đặc biệt phân biệt, do bịnh chỉ khai mình điên cuồng, v.v... nên khai cho họ. Bảy duyên trong bổn tông, trong một duyên bịnh lại nêu đến khinh, vì thuộc về trọng, trái lại chia chẻ.

Sớ chép: thân ôm lo buồn, nếu không khai riêng thì không do đâu cứu mạng, làm hai áo trong, một tháng năm tháng cùng ở sau năm phần thì y làm sao khác, nay y theo sớ giải thích trước rằng: làm y lâu dài e bỏ chánh nghiệp, giải thích ở sau rằng: Thời y cấp chung, vì giúp làm việc mùa hạ, nên biết tuy đều là trong thời mà trước y cứ vào chế tạo, sau chung trong thời, không làm đều khai. Thứ ba trước nói trong mười hai tháng, tùy theo có y thực thỉnh chỗ khai trái, hai giới duyên đồng, nên lược chỉ. Sớ chép: thí y không thọ sau cần khó được. Bốn năm đường thuyền hai hạnh. Nói hạ chí là chỉ bày lượng rất nhỏ, trở về trước đều khai, giảm lẽ ra phải chế. Sớ chép: con đường truyền có nhiều ngăn ngại, trong sáu pháp khoa đầu, bến người trăm người, đây gọi là năng biệt, cần phải đủ chúng, dư một người thì gọi là sở biệt, chưa chắc

nhiều người khiến chúng kia đều phạm lỗi riêng, nên nói là hoạn, ở đây do bổn phạm ngược lại giải thích ý khai nhưng ý nói khó hiểu nên phải chú thích.

Ban đầu y cứ vào thiếu khai bày tướng, lại ở sau giải thích thành ý khai. Nói hạn cuộc nghĩa là nhà cúng thí vật ít, khất thực khó được là nói Tỳ-kheo không thể tránh. Sớ chép: thức ăn ít mà nhiều người nên không khai đưa.

Khoa kế đầu tiên là nêu lỗi. Kinh liễn tức Kinh Triệu (vua là Đô xứ, nghĩa là liễn hạ) không y theo sớ tăng thì không gọi là thỉnh diễn âm điền, ế âm ế, nghĩa là ải bị ngăn lại, đích thân trở xuống là quở trách răn dè, ngăn khách riêng ăn trở xuống đã đưa ra làm, huống chỉ biển Tăng đồng hòa, lại tự an nhẫn, nên nói lỗi nặng. Liễm tích nghĩa là đóng điều ác chớ làm nữa. Trong Ngũ phần trở xuống là dẫn chứng. Trong luật nói, nên nói người chủ cho vào, nếu không cho thì ban đầu khiến cho đến chùa, nên nói nhẫn đến, duyên luật trong bảy pháp, em gái của vua Bình-sa có con, xuất gia trong ngoại đạo, đến Tăng phường bày thức ăn nên Phật khai.

Sớ chép: Sẽ giáo hóa cho vào đạo nên khai thọ cúng duyên trong bộ khác.

Sớ chép: Trong luật nói làm y rồi là khai hạn cuộc, sao dùng thời y.

Đáp: y cứ ý bổn thọ có dài ngắn. Văn chép: cho đến một đường may rất ngắn (ngắn tức là trong luật Tứ Phần làm y dài, nghĩa là thời y của luật Ngũ Phần.

Kế là nói trong dẫn chứng, trước dẫn thêm một bộ luật nói: Đức Phật ngự tại thành La-duyệt, Trưởng giả thỉnh năm trăm vị như Xá-lợi-phất, Mục-liên, v.v..., Đức Phật như trong sớ sao, uống nước biển lớn do tâm thông Tăng bảo không có chỗ phân biệt, tuy được một người nhưng đó là cúng dường phàm thánh mười phương. Sư tử trở xuống là thọ giáo phụng hành. Đức Phật khen trở xuống là bậc thánh khen ngợi, trong kinh Hiền Ngu nói Di Mẫu tự se sợi làm một tấm gia mầu vàng dâng lên Phật. Đức Phật nói: nên đem cúng cho tăng thì được phước vô lượng, nếu ngày mười sáu đầy đủ. Trong Tăng hay nói đều có bốn quả bốn hướng, chưa đủ thành nhiều, còn bao nhiêu như trong sớ sao. Ôm xốc lên, là tăng danh tự không thật đức.

Hỏi: Trước dẫn luật Ngũ Phần giới trừ ác, ở đây vì sao trái nhau?

Đáp: Trong sớ chép: trong năm phần lựa chọn toàn là người, trong kinh Hiền Ngu lấy người thô, phá giới thọ thí lại lấy vật tin sinh bên

ngoài, khiến chúng tăng tự cảm được phước cúng thí, chẳng nói hạnh thiếu mà tiêu được của tín thí (ý trong sớ) riêng cho rằng: Năm phần trữ ác trong Phật đang chú nước không tiêu. Trong Mẫu luận mở bụng, trong luật chứa của báu đối với thế tục quở trách chế, đối với cúng thí hưng trị năng sở đều đọa, các loại như vậy v.v... đều cho là trong chúng cực thành khiến tự sách tấn. Tăng nhất hiền ngu thận tụng thiện sinh đều y cứ đạo tục, e chợt khinh mạn tăng chúng, tự vời lấy tội đọa, biết phải thọ tịnh giới, không tịnh thì tự sa đọa không nghi ngờ gì, thí sẽ cùng khắp, không khắp thì chỗ bố thí không phước, dùng đây phán xét không có trái, gồm phán trong đó.

Đầu tiên nói công ích chung phân ra chín loại, chú giải hiển rõ tám duyên, tướng ấy nên biết.

Kế nói ở chặng giữa.

Đầu tiên không có duyên, sớ chép: không hơn chín pháp giữa sáu pháp trước. Người có duyên có thể tự được lợi ích. Người vô duyên thì phải bạch xuất. Như ở sau có sáu duyên trên chế khiến bạch nhập, ba pháp sau bao gồm chúng, nên chỉ nói là sáu. Nếu y cứ đại chúng cũng là thông chúng, do chẳng phải cần kiệm thời gian chia thành hai bộ bạch xuất nhập lẫn nhau.

Sớ chép: Sở dĩ bạch xuất là được ý thí chủ. Bạch nhập là trong được ý Tỳ-kheo. Nói Tỳ-kheo thứ lớp là luật nói: là tùy theo thứ lớp Thượng tọa mà nhập.

Sớ chép: Thân là có duyên nhập, phải có nghi thức không bạch phạm Đột-cát-la là trái giáo.

Hỏi: Không có duyên bạch xuất, không bạch có phạm chăng?

Đáp: Nói về đồng trái giáo lý nên y cứ mà kết, hoặc có thể không bạch mà xuất không tổn ở chúng, nhập thì ngược lại, nên chế phạm tội, không phạm là chỉ bổn trước khác chín loại.

■

# TỨ PHẦN LUẬT HÀNH SỰ SAO TƯ TRÌ KÝ

## QUYỂN TRUNG
(PHẦN 3 - 2)

***Giới thứ ba mươi bốn:*** Phật ngự tại nước Xá-vệ, có cô gái sắp về nhà chồng, sắp thức ăn để dâng cúng, trải qua một thời gian vợ không trở về, người chồng lấy vợ khác, lại lấy phần thức ăn của người đi buôn đến giữa đường cúng thí bị giặc cướp, do hai duyên nầy hợp chế một giới. Lệ theo duyên thứ nhất chỉ ở trên nêu tên. Thứ ba trong sớ chép: tức trong giới bổn không bịnh thọ quá, thì biết khai cho bị bịnh. Thứ tư sớ chép: trong luận Tát-bà-đa lấy một bát thượng không tội, hai bát là phạm, trung lấy hai bát, hạ lấy ba bát, đều không phạm, quả thì phạm. Một người lấy quả ba bát là phạm, nghĩa là bát hạ, nếu bốn người lấy quá ba bát, ba người trước không phạm, một người sau phạm, trong luật không phạm chừng hai ba bát. Nếu bịnh, hoặc tự đưa đến trong chùa, v.v...

***Giới thứ ba mươi lăm:*** Phật ngự tại nước Xá-vệ, nói pháp ăn với một oai nghi, nhẫn đến các Tỳ-kheo tiều tụy, Phật cho phép được lấy ăn no, lại nhân người săn sóc bịnh mà khai các pháp ăn, sau có Tỳ-kheo tham ăn không biết đủ, hễ được liền ăn no, do đó mà Phật chế. Duyên đầu có thể đủ tức là chánh thực.

Thứ tư hoặc bịnh hoặc làm pháp ăn dư thì không phạm, thông trong giải thích văn luật chia làm ba.

Ban đầu chỉ bày danh tướng.

Kế nêu năm duyên.

Ban đầu phân biệt về thể của ăn.

2- Phải từng thọ.

3- Nói ăn xong nhiều ít thành ngăn không ngăn, như trong chú giải đã nói.

4- Y cứ vào chế giáo.

5- Y cứ vào chánh phạm.

Hai duyên đồng mà khác, đủ ở sau ba pháp nói về kết phạm, trong luật Tăng-kỳ có nói tám, bốn pháp trên y cứ chung về bốn nghi, không khác với trước, bốn pháp sau y cứ riêng tướng ngồi, để nói về lìa chỗ, do ngồi trên vật chung với đất không phạm. Lại ở sau nêu giường chỉ bày tướng, còn đi thuyền thì nêu đồng.

Ban đầu y cứ vào động thân mà nói phạm, như chánh kế ở sau y cứ vào khiêng lên mà nói phạm.

Hỏi: Ngược chỗ, v.v... duyên đã chẳng phải cố làm, đâu được kết phạm?

Đáp: Ở đây có pháp khai, tự có thể tác pháp nên trái mà ăn, không khai lại, trong luật nói: ở trên thuyền, bờ thuyền có chạm gỗ đá, sóng nổi thân lìa chỗ cũ, hoặc ở trên sườn núi, dưới sườn núi (phẩn nghĩa là sườn núi lớn không bằng nên có lên xuống), hoặc chuyển thân lìa chỗ cũ v.v... Trong luật Ngũ Phần, thứ tư không lợi ích là nói lên cảnh đủ, trong chú giải đầu tiên đưa ra dị chấp. dữ nghĩa là ăn đủ, đây ở sau trách phi pháp. Nay y theo luật Ngũ Phần không thọ duyên lợi ích là nói lấy cảnh đủ, nói thành thật có y cứ, bốn pháp còn lại có thể hiểu. Cõi nước nói ở sau là khai riêng, do cốm là thức ăn chánh tùy theo mỗi nơi thích nghi mà làm. Giải thích duyên đầu tiên trong thể của ăn. Trong luật Thập Tụng có ba, đầu tiên nói năm chánh, bí âm bị đây khác với trước, nên đặc biệt nêu ra (trước dẫn ba loại lại gồm cá thịt là năm loại chánh, tiếng Phạm là bồ xà-ni, Hán dịch là thức ăn chánh, năm thứ giống ở giữa mí âm mi.

Dữu âm dậu, tức hột lúa cỏ, lầm là lúa mạch, là tiếng Hán, Ca-sư là tiếng Phạn, nghĩa là lúa xay nát thành cơm (do lầm có chỗ nói miến là lẫn lộn ở sau thức ăn tán nhỏ) văn ấy nói năm pháp tương tự, hoặc nói lầm mạch thì nói Ca-sư, hoặc nói Ca-sư thì không nói thố mạch, trong sớ sao tiếng Hoa, tiếng Phạm đều nêu, ý nói một vật hai tên, năm loại Khư-đà là không đúng, trong bốn loại lúa tẻ là thức ăn chánh, mạch là giống thức ăn, vì xay nhuyễn nên không thuộc loại chánh, sắp về trước luật Thập Tụng nói gồm có mười lăm loại, trong luật Tăng-kỳ đầu tiên nói năm loại chánh. Nói đồng với ở đây tức chỉ trong luật Thập Tụng, trong luật nói cơm rang, cơm gạo tẻ, cá thịt, trong đó không có cơm khô, mà nói đồng với ở đây, do cơm gạo tẻ chính là năm loại giống nhau.

Kế nói năm loại xen với chánh (tức không chánh) đồng với luật Tứ Phần nên dẫn hợp. Khư-xà-ni, Hán dịch là bất chánh (đối với trên trong luật Thập Tụng nói chi tức là cộng, ở đây không có gốc ấy, xứ ấy không có hoa nầy). Luật Tăng-kỳ trở xuống là nói vật khác, gạo lúa

v.v... đều nói mài làm bánh. Về Hoan Hỷ Hoàn, xưa có chép: Tây Trúc dùng nhiều sữa, dầu, đường phèn làm thành khối, nên gọi là Hoàn, tất cả ở sau lập lại các vật trên để nói không phạm, thịt là thức ăn chánh, nên đặc biệt trừ, khắp nơi riêng chúng, đây là hai giới trước nhân nhau, mà nêu bày đầy đủ tức giới nầy.

Trong luật Thiện Kiến chỉ bày chung hai thức ăn, khác với trước.

Đầu tiên không chánh duy có trái nên thuộc về cành lá, v.v... thức ăn chánh lại nêu ba tướng, cơm gạo tẻ đồng với mười giới trên.

Cháo ban đầu ở sau nêu lên, giải thích riêng.

Ban đầu nói thức ăn chánh, thuốc cháo đặc nhiều, đức đồng với cơm gạo, cơm thiếu và thể nước chẳng phải cháo loãng, gạo lẫn thịt, cũng y cứ vào cháo, luận do riêng về cháo gạo loãng khai nuốt không phạm, nếu xen ít thịt thuộc về chánh, tất cả ở sau giải thích chẳng phải chánh.

Đầu tiên y cứ vào một thể, do ở sau chỉ bày tướng hòa, ngôn thuyết chánh như gạo cháo, không nói chánh như nói các loại cháo rau quả, ở đây cũng nói về đặc là nói việc đó, nghĩa quyết ở giữa, trước chú giải đả phá, do đời hạnh truyền nên chỉ bày nhiều lần.

Ban đầu lập nghĩa ngăn quấy, luật trở xuống là dẫn quyết.

Ban đầu y theo Tứ Phần, Tăng kính Thượng tọa, ni kính đại Tăng.

2- Đủ là chế trái thì có tội, do thọ đầu-đà cả hai đều không phạm, lấy kia quyết đây, chẳng phải nói thẳng văn nên nói là nghĩa. Vì sao trở xuống kế là chỉ luật Tăng-kỳ, trong luật nói thức ăn có tám loại.

1- Tha hồ đủ (ý nói đàn-việt tha hồ cúng dường cho Tỳ-kheo, tôi đã đầy đủ, như vậy lìa chỗ ngồi không làm pháp thức ăn dư phạm Ba-dật-đề, sau đó đều chế đồng.

2- Ít muốn đủ (đàn-việt cho nhiều tay ra dấu thiếu thủ tướng).

3- Ô uế đủ (thức ăn sạch mà tay người ghẻ chốc không sạch).

4- Lìa đủ (tịnh nhân đem đồ sữa lạc đựng đầy gạo rang, Tỳ-kheo ác nói đi qua, v.v...

5- Không tiện đủ (tịnh nhân làm gạo rang Tỳ-kheo hỏi rồi nói, đây động gió của ta không tiện đi qua, cho đến cùng bịnh không tiện nêu bày v.v...

6- Tự siểm khúc đủ (tịnh nhân làm thức ăn ra tay làm tướng, hoặc lắc đầu, hoặc rút bát làm tướng).

7- Dừng ở đủ (khi tịnh nhân làm thức ăn Tỳ-kheo nói, trước hết phải làm cơm, sau mới làm rau).

8- Tự mình đủ (Tỳ-kheo khất thực tự có túi cơm rang theo đàn-việt xin nước, ý họ cho rằng phải là gạo rang liền hỏi Tỳ-kheo có cần hay chăng? Ý Tỳ-kheo cho rằng: Đàn-việt đến trong nhà lấy nước. Bèn đáp: họ cần cầm túi gạo rang của Tỳ-kheo trao cho, Tỳ-kheo nói lại để). Trong luật chỉ nói tám loại, nay tùy theo một tướng gọi là ngăn sau, nên nói tám ngăn. Trên nói cảnh đủ cũng là từ chỗ rộng. Trong luật Tăng-kỳ gấp hơn, nên dẫn đây so sánh, đủ nói lên cái sai kia. Giải thích thứ tư không cần chặng giữa.

Ban đầu nói còn chút bịnh không cần. Trong Tăng-kỳ ở sau nói người khác làm không cần bổn luận tác pháp chặng giữa.

Ban đầu ba pháp chặng giữa nói trước đủ. Nói theo cảnh thì đối đáp ba pháp trung, trừ bớt là trong luật khai bớt tám việc không làm pháp ăn dư, là một số ấy, nói chưa đủ là luật nói, ăn rồi vì người khác làm mà không thành. Y theo luật Tăng-kỳ khai, thể ăn có ba pháp tụng, phân biệt với bất tịnh nghĩa là khởi lợi tà duyên xúc chạm cách đêm, v.v... có chỗ phạm riêng. Không che giấu, nghĩa là dùng thức ăn dở che thức ăn ngon, tự làm ba pháp trung, tự nói hiện tiền chẳng phải sai người khác. Trong luật nói: sai tịnh nhân làm không thành, nói trao cho là luật nói, tự tay cầm thức ăn làm, để thức ăn dưới đất làm đều không thành, trong luật làm ba pháp trung. Nói ta dừng là chánh chỉ bày tàn pháp, dẫn trong các văn, trong luật Ngũ Phần chỉ bày oai nghi trước, làm ở sau đưa ra lời câu như trên là nói tiếp, biết đây xem làm pháp ăn dư. Nếu đều ở sau chỉ bày pháp lược, chỉ lấy lời khác không cần phải ăn. Ni có đủ, là đây xuất xứ từ luật Ngũ Phần, xưa nói là ni không, nên đặc biệt xem xét. Lại trong phần thân dựa, Ni thọ không làm pháp ăn dư, thì Tăng Ni đồng có.

Trong luật Tăng-kỳ ở sau nói món đồ đều là pháp riêng có thành chăng. Trong luật nói, nếu Tỳ-kheo đem thức ăn đến muốn làm pháp ăn dư, tức làm dư trong chén ở trên bát, trên bát không gọi là làm, nếu trong chén có nước chảy thì trong bát đều gọi là thức ăn dư, nay văn trái lại vẫn có ý lớn, quyết thông trong đó.

Ban đầu nói thẳng cho thành dư, như ở sau nói gượng khuyên riêng phạm, không phạm có sáu.

Đầu tiên là tưởng sai, như cháo đặc mà tưởng loãng.

2- Tức việc làm trên thường không có phạm.

3- Y cứ vào thể thức ăn không sạch (hoặc thức ăn trước không đúng).

4- Có duyên bịnh.

5- Đã đủ.

6- Thuận giáo (giảm khai không làm, văn không có lý).

***Giới thứ ba mươi sáu:*** Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, có Tỳ-kheo em tham ăn, bị Tỳ-kheo anh quở trách, người em sinh tâm tức giận, nên anh ăn rồi lại gượng khuyên ăn, trái lại đem lỗi quở trách, do đó mà Phật chế. Trong danh gượng đem thức ăn khuyên đã đủ nên gọi là khuyên ăn no.

Trong sớ, đối với giới trước có bốn pháp khác nhau:

1- Thân trước phạm, sau nói phạm.

2- Trước khai bịnh, sau không khai bịnh.

3- Trước có tâm tham, sau ba tánh bốn cái trước mình nuối thì phạm, sau người khác nuốt mình phạm, nêu duyên nên biết. Nếu người thọ thức ăn mỗi miếng nuốt cả hai đều phạm.

Hỏi: Đã có chế lý trước lẽ ra không trái, mà lại khai pháp dư, tự có thể nương theo mà làm, tại sao thọ khuyên lại chế giới nầy?

Đáp: Họ vốn có tâm tức giận ý muốn làm cho phạm, gượng nói lời khéo léo sai lầm khiến không biết, đến bàn luận thành phạm phải cùng đồng thời, nhưng những điều khuyên phạm trước có thể khuyên sau phạm, nên trong luật nêu họ bỏ cho người tự làm pháp dư v.v... thì có thể khuyên, chỉ phạm Đột-cát-la.

***Giới thứ ba mươi bảy***: Đức Phật ngự tại thành La-duyệt, nhân dân có lễ hội, Nan-đà Bạt-nan-đà cùng xem ca múa và thọ thức ăn đến chiều trở về núi Kỳ-xà-quật. Lại ban đêm Ca-lưu-đà-di vào thành khất thực, người thấy trong ánh chớp cho là quỷ, do hai duyên nầy nên Phật chế. Trong ý chế khoa đầu, Trí Luận giải thích sáu pháp thành tựu. Trung thời thành tựu rõ văn ấy, Thiên-trúc nói thời có hai:

1- Ca-la (Hán dịch là thật thời, nghĩa là năm tháng, ngày giờ, bốn thời, khí hậu đồng với thế tục cho là thật.

2- Tam-ma-da, Hán dịch là giả thời, nghĩa là tùy theo sự duyên đài ngắn không nhất định, không có thật. Đức Phật tùy theo thế đế nói Tam-ma-da mà không nói Ca-la, vì trừ tà kiến của người thế tục, ngoại đạo (người thế tục chấp có, ngoại đạo chấp thường. Nếu nói thật thời lại thêm chấp nầy cũng chia đại khái mà nói, chẳng phải không nói). Trong luận trước phá chấp thật thời kia đều không có thật. Nhưng Tỳ-ni chế pháp phần nhiều y thật thời thì hiển rõ, Đức Như lai cũng nói thật thời, đâu phải không thời, cho nên dùng để hỏi, như trong sớ sao đã dẫn,

trong lời đáp có hai.

Ban đầu y cứ vào nghĩa giải thích chung.

2- Phật trở xuống là ngăn nạn đến.

Ban đầu, chặng giữa ba nghĩa ban đầu từ giã, giải thích trong luận gan phá thời rồi, bèn nói chấp ấm, giới nhập sinh diệt giả danh là thời không có khác thời (lúc bấy giờ, kinh nầy và các kinh khác cũng nói thật thời, chính là tùy theo tên gọi ở đời, nên nói là giả danh, ở dây và giả danh mà thế tục nói lời đồng nhưng nghĩa khác. Lại y theo Phật nói thì hai Phật kia đều là giả danh, tùy theo pháp mà nói nên gọi là thật). Trong văn nói ta đã nói tức chỉ cho văn trên. Pháp thế giới có nên không ngại nói thời phi thời, chẳng phải thật nên chẳng ngại không thời, lập luận đã rõ không phiền hỏi lại, nên lại tránh nói không nên vặn hỏi (có ở sau là thiếu chữ thời, thật không nêu ra chữ pháp mà trong luận nầy có). Cũng là kế ở sau tùy theo thế gian mà giải thích. Thế giới thật là chỗ người thế tục chấp (trong văn luận thật trở xuống một câu chẳng phải thật thứ nhất, lại không có chữ), mọi người quở trách tức chỉ cho duyên khởi (trong luật người nữ quở trách Ca-lưu-đà-di rằng: thà tự mổ bụng không nên ăn đêm). Do họ chấp thật mà gây ra sự chê bai quở trách, trong luật thêm tướng đời ngăn chê bai cho nên chế. Cũng muốn ở sau giải thích ba cách hộ pháp nghĩa là lúc thọ giới phân ra thượng trung hạ, thay nhau kính thờ khiến chánh pháp không diệt, nên nói khiến tồn tại lâu dài (ban đầu y cứ vào về giả từ đạo mà giải thích, hai pháp sau y cứ vào thật giã từ tục mà giải thích) ngăn đến vặn hỏi trong đó, do Tỳ-ni chế giáo thuận theo thế đế, tứ quyền kiến lập, không thể dùng chân lý mà vặn hỏi việc thế tục, để giáo hóa y cứ tướng phóng đãng, chế ra sự kiến lập nầy, nên nói không nên cầu v.v... Trong luận nói đủ, chư Phật, Thế tôn biết các giới, trong đây không nên cầu có thật gì? (hư thật của thể) có gì gọi là vũ (có không của tên). Sao là tương ưng, sao là bất tương ưng (trái thuận của nghĩa) sao là pháp như thị tướng, do đó việc nầy không nên vặn hỏi (hóa giáo nói lý phải có bốn nghĩa cầu.

Kế là vặn hỏi, trong văn luận trước nói: Đức Như lai vì trừ tà chấp không nói Ca-la mà nói Tam-ma-đa, nghĩa là trong các kinh phần nhiều nói giả thời như trên đã dẫn, trong luật nói chính là thật thời, nghĩa có trái nhau, nên dùng để vặn hỏi, trong lời đáp có hai: ban đầu ý nói Tỳ-ni nói thật, câu trên chánh chỉ bày, không có lầm chữ, văn luận chánh làm chữ Trung. Ở sau hiển y, nghĩa là Tỳ-ni không thừa nhận người tại gia ngoại đạo nghe cho, nên có thể nói thật thời, để nói chúng tự biết chẳng phải thật không sinh tà chấp (trong văn ở sau chữ văn luận thành chữ

nhi). Nói kế ở sau là nói ý các kinh nói giả. Chung nhiều phần, là đạo tục đều được nghe (xưa hiểu lầm nhiều, vọng đổi chữ văn, người học khó hiểu, không tránh khỏi văn rườm rà). Hiển rõ trong ý, do học nói là hổ thẹn rồi tham ăn, lẫn lộn gọi là Đại thừa, không có thời phi thời, cho nên nay lại dẫn trong Đại luận để răn dè tà chấp, đại học tiểu học thời gần đây ăn uống vô thời không sợ giới của Phật, nước đồng hoàn sắt cháy tiêu cổ họng và bụng, thấu đến tâm tủy ai sẽ thay thế, buồn thay!

Khoa kế kinh tức kinh Tỳ-la Tam muội, nêu chung bốn thời, trước sau ba loại lớn khác nhau không nhất định, giữa ngày một loại Phật, Phật thường pháp do trụ trung đạo nhờ sợ tiểu biểu lý, cho nên hễ là chỗ hóa nghi đều ở giữa. Phật chế trở xuống là chánh hiển bày ý giáo, trên có ba đường, địa ngục đồng với loài quỷ, muốn ra khỏi ba cõi phải đoạn nhân trong đường, Tỳ-kheo không đồng loài quỷ ăn khiến nương tột bậc thánh, có thể trông mong xuất ly. Than ôi! Người ngu kia thường hay ăn chiều, không chịu chư Phật giác ngộ, mà cam lòng đồng với ngạ quỷ, súc sinh không biết là ý gì? Trong ba pháp thì luận Tát-bà-đa đầu tiên giải thích thời phi thời.

4- Trong nghĩa đầu tiên y cứ vào ánh sáng mặt trời mọc lặn, còn ba pháp y cứ vào khất thực đúng nghi hay không đúng nghi, hai và ba y cứ vào việc khác. Thứ tư y cứ hạnh mình. Lại ở sau nói thời phần không nhất định, ngày đêm đều có chín thời (lại y cứ vào tướng, v.v...). Tăng Huy dẫn xưa giải thích rằng: ngày đêm đều là mười tám thời, một thời có năm mươi đạp-phược, mười tám thời gồm có chín trăm lạp-phược, ba mươi lạp-phược là một tu-du (ba trăm là mười tu- du, chín trăm là ba mươi tu-du). Sự đồng là đồng trở xuống Tăng-kỳ (Câu-xa nói một trăm hai mươi sát na là một hằng sát na, sáu mươi hàng sát-na là một lạp-phược, ba mươi lạp-phược là một tu-du, ba mươi tu-du là một ngày đêm, mặt trời xuống gần đất, theo Câu-xá mặt trời, mặt trăng ở lưng chừng núi Tu-di, cách đất bốn môn do-tuần, theo đây thì không có nghĩa sau, nhưng mặt trời vận hành ở Nam cực, trong giống ở sau, do thiên thượng Nam Bắc cách nhau có một trăm tám mươi đường, một trời ở trong đi lại, để phân tán tiết hơn nữa y cứ vào mùa hạ đến mặt trời ở phía Bắc là đường thứ nhất, đi về hướng Nam vượt ra bốn mươi lăm đường là lập thu, lại vượt ra bốn mươi lăm đường là thu phân lại vượt ra bốn mươi lăm đường là lập đông, lại vượt ra bốn mươi lăm đường là đường thứ nhất ở Cực Nam là đông chí (từ phía Bắc đến đây nóng giảm mà lạnh tăng, cho nên lạnh là một nói: nam châu bắc rộng ánh sáng mặt trời nhiều, nam hẹp ánh sáng mặt trời hẹp, lại nói: gần lên núi Tu-di là núi

băng, lại nói cách người xa, từ đây trở lại đến lập xuân, xuân phân lập hạ hạ đến đều trải qua bốn mươi lăm đường, về đến Bắc cực, như vậy cuối cùng trở lại ban đầu, bốn mươi thời phi thời kinh tức phẩm biệt A-hàm, cho nên nêu cả hai. Trong luật y cứ vào bóng chân định dài ngắn của ngày đêm trong một năm, cần phải tìm xem, y theo thế tục phương nầy cũng dùng mười lăm ngày làm một khí, một khí có ba hậu, một hậu có năm ngày, ba khí là một tiết (bốn mươi lăm ngày) một năm có bốn thời tám tiết hai mươi bốn khí bảy mươi hai hậu ba mươi sáu tuần. Trong Tăng-kỳ nói bóng chân, lập giữa ngày dùng bóng bước chân. Khắc lậu, lượng nước làm số, tùy thời thêm bớt, trích lậu định thời, gọi đó là khắc hậu, giải thích trong duyên đầu dẫn luật định thời, nói đến giữa ngày là ở đây nói cực hạn ăn trước giữa ngày, bốn thiên hạ là nói câu-xá, mặt trời chuyển bốn thiên hạ chánh chiếu một mặt, chiếu liền hai mặt, dài trái một mặt.

Lại nói nửa đêm ở Bắc châu là Đông châu mặt trời lặn, giữa ngày của Nam châu thì tây châu mặt trời mọc, tứ châu đều y cứ vào từ sáng đến giữa ngày, nên nói cũng vậy, ở sau dẫn trong luật Tăng-kỳ chánh trong đó là phạm đột-cát-la, nên biết thọ thức ăn phải ở trước giữa ngày, trong kinh ăn đúng thời chính là đúng thìn tỵ, người xưa trai giới rất gấp, có nghe Chư Phật ăn giữa ngày lại cho rằng trước giữa ngày là phi pháp, bởi không biết giáo pháp, lại có nói lầm, chẳng qua suy lường thức ăn lại cho suy lường vâng giữ giới, huống chi đánh chén không nhất định, đâu đủ làm tiêu chuẩn, nháy mắt liền động mất thiếu thời, phát nghĩa là bóng dời đổi đất ít.

Trong Nghĩa Tịnh Nội Pháp Truyện chép: phải ở chỗ cốt yếu đặt đài đất nhỏ, mỗi bề một thước, cao năm tấc chính giữa cắm cây nhỏ hoặc giờ ăn dựng cây tre, có thể cao bốn ngón tay, lấy bóng chánh ngọ, vẽ để nhớ, bóng qua chỗ vẽ thì không được ăn nữa, phương Tây ở chỗ cần có gọi là bệ-la-chước-yết-la, Hán dịch là Thời luân, trong ba pháp văn nêu bốn thứ thuốc, đều có thời và phi thời, thuốc phải thời là y cứ vào trước giữa ngày, sau phi thời hạn cuộc trong bảy ngày là thời, quá hạn là phi thời, suốt đời, trong sớ chép: bị bịnh uống thêm là thời, không bịnh mà uống là phi thời, nếu chẳng phải khẩu pháp từ thời thực mà luận, nên ở sau chú giải nói phạm có nặng nhẹ. Văn chú giải chia làm hai.

Ban đầu chỉ bày riêng suốt đời, và ở sau trong phần nói ba thứ thuốc, nêu ở sau dẫn chứng, tức không thọ thức ăn giới khai văn, biết rõ bốn thứ thuốc chế chung. Trong Tứ Phần thì khoa đầu, trong Ngũ Phần

có khai, nghĩa là trong phi thời y cứ vào nuốt kết phạm, thường là chỉ dính lưỡi.

2- Trong đó luật Thập Tụng nói sáu giới dạy người đồng phạm, bốn giới đồng với bổn luật, chẳng phải dư hai giới văn ấy chế nặng, nên dẫn chỉ bày, trong ba pháp có năm trăm câu hỏi, có hình sự vật là nói chung bốn thứ thuốc, không phạm tội đọa, y theo luật, lẽ ra phạm Đột-cát-la, nuốt vật mới đọa. Trong phần không phạm, ba loại đường đen đường phèn là người xưa ghi rằng: dùng mía đường và gạo nếp nấu thành, nó cứng như đá, ở đây nói bảy ngày, tuy bao gồm trong thuốc quá thời khai cho uống, bị bịnh khai nước cháo, tuy giống nước phải thời nhưng phải lóng trong, hai pháp trên thêm pháp như trước đã khai. Ở đây y cứ tạm thời gặp là thọ, bái âm diễn, là phun nhả ra, văn khai chung rõ nên dẫn luận đã quyết.

***Giới thứ ba mươi tám:*** Phật ngự tại thành La-duyệt, Ca-la ngồi thiền, khất thực mệt nhọc, được rồi ăn trước, Đức Phật quở trách chế giới.

Khoa đầu trong phần giải thích, trước chỉ bày danh tướng, phải y cứ vào thọ rồi mới được thành dư, bốn pháp trở xuống là chỉ bày thể của thuốc, quá thời dược phạm Đột-cát-la, cách đêm phạm Ba-dật-đề, phi thời là quá hạn bảy ngày, trọn đời không có duyên bịnh đều gọi là tàn, đồng với phi thời ở trước. Trên dẫn trong bổn luật, thiện ở sau dẫn bộ khác, y cứ vào về thọ nói về tàn, không lấy thức ăn dư, trong phần lựa chọn khoa đầu có bốn câu, một vài câu chánh thuộc giới nặng nhẹ, ở đây phân khác. Thứ hai là chánh phạm trong đêm, thứ tư không có lỗi, nên nói có thể biết. Câu đầu trong chú giải câu trên nói chung về thọ, câu dưới chỉ riêng ba loại thuốc. Thời dược không có khẩu pháp.

Khoa kế đầu tiên là lựa chọn, trong bốn câu, ba câu vừa tàn vừa nội phạm một Ba-dật-đề, một Đột-cát-la, bốn pháp chẳng phải tàn chẳng phải nội, không phạm.

Câu đầu thuộc về giới nầy, thứ hai thuộc về trong đêm, thứ ba liên quan đến hai giới. Có ở sau bài xích lẫn lộn, xưa nói kết tịnh địa đã khai Tăng đồng cách đêm cho nên dẫn luật để phá, đã khiến bỏ Tỳ-kheo, rõ biết cách đêm khuyên đem chặng giữa, ban đầu chỉ bày ý dạy, ở sau giới không thọ thức ăn, Tỳ-kheo y phẩn tảo khất thực e ngăn đạo nghiệp lấy thức ăn trong miếu, nên hợp lại chỉ bày. Ở đời dùng thiền quán làm chân đạo giới, vì việc nhãn rỗi đâu biết, đạo quán sát chẳng phải giới không thành nên nói vọng ỷ, v.v... Ở đây trở xuống là hiển bày lỗi lấy

đạo bỏ giới, nên tâm liên quan đến thương ghét, khinh giới kiêu mạn bậc thánh, cho nên đại ngã chưa chặt phá được, nêu ở sau dẫn khuyên. Ở trên nêu bày thánh chúng tôn trọng giới, câu sau khuyên bắt chước bậc thánh, đời cận thế thiền giảng thường chấp đây, xin ghi nhận lời dạy kia chớ mặc cho phàm tình.

Trong hành hộ khoa đầu, trong luật Thập Tụng nói ba tướng, ban đầu bỏ vật dơ, như ở sau đồ sạch dơ, không sạch trở xuống lựa thể ăn, bốn thứ thuốc đều xem trọng, muối chẳng phải tham ăn nên tội nhẹ. Không sạch nghĩa là trong cách đêm ghét xúc phạm. Ở sau dẫn Già luận để chứng minh rửa bát ở trên.

Khoa kế trong luật Thiện Kiến, ban đầu chuyển đổi thức ăn cho Tỳ-kheo tự đem cho phép chạm đêm, đổi cho tiểu chúng, ăn thì khỏi lỗi, chính ở sau làm thức ăn chuyển đổi việc cũng đồng với ở trên. Trong chú giải y theo trên xen đổi tâm đoạn khai thành. Lại nói không đoạn, bất tịnh sạch nên biết (y theo bốn thứ thuốc tịnh nhân xúc chạm phải rửa tay thọ lại, ở đây không được thọ thức ăn với họ). Trong luật Thập Tụng trước nói xen truyền.

Ban đầu dẫn văn ở sau nghĩa quyết cũng đồng chuyển đổi, nhưng thêm rửa tay. Chữ viễn kế ở sau nói đổi sạch, ban đầu dẫn chỉ bày, nay trở xuống là chỉ ra chỗ sai.

2- Trong ấy đều không thọ xả, lại nói có đủ mới khai thành tịnh. Ban đầu gặp thời khất thực tăng không xả tâm tục, không có tâm thọ, và ở sau khất lấy tăng không thọ tâm tục không xả tâm, nên nói đều không. Trên chữ khất âm khí, giao nhau là đổi, chú giải khiến như trên là trong luận lần lựa đổi sạch nói có thọ tâm xả. Có ở sau ba pháp nói thọ bát, ban đầu duyên khởi. Phật trở xuống là lập chế nên theo thọ, hoặc sợ bát có dính các chất dơ, nên khiến làm vật kia thọ, lấy trong thức ăn. Trong luật Thập Tụng không có chỗ nước nghĩa là riêng cầu khó được, trong nước có thức ăn, tuy là cách đêm vì dơ cho nên khai, tuy thức ăn nổi chìm, uống lấy thứ trong.

Khoa kế đầu tiên dẫn luật luận khai lấy cho nên ăn. Lại khai tự lấy nên phải bớt duyên, hoặc tụy đủ thời khất cầu không được, lúc bấy giờ ép không người cho nên khai ra hai, trong sử lân lại bác bỏ.

Trong Ngũ Bách Vấn, đầu tiên chỉ duyên đồng với trên, sở trở xuống là ý khai. Ban đầu nói khai thức ăn, lại ở sau giải thích tự lấy.

Uất-đơn-việt, Hán dịch là Thắng, vì thắng ba châu, người xứ ấy đối với vật không có tâm ngã sở, trong ba pháp không khởi ý trở lại tức là đoạn tâm, trong giữ tâm thanh tịnh. Luật Tăng-kỳ nói quá thời, trong

văn có hai tội, trên là phi thời, dưới là dừng ăn, chưa quá tu-du chỉ phạm phi thời, nếu quá tu du đều kết hai tội đọa. Trong chú giải, đầu tiên chỉ bày thời hạn, như ở sau nói phi thời, hai thời.

1- Quá giữa ngày.

2- Quá Tu-du.

Tỳ-kheo trở xuống là nói tay sạch, vì ngăn ngừa sự dơ bẩn, thô lỗ nghĩa là ước lược, rửa rồi lại mài nghĩa là sau lại chạm nhau, mà có cầm vật chứa không sạch, nêu tu du rửa, trong chú giải y theo tay sạch, để quyết chạm khăn, ở sau dẫn hai luật chuyển chứng văn chú giải, luật cho đựng đầy thức ăn nói phải sạch. Trong luật Thập Tụng ngày rửa được sạch nên biết.

Khoa kế trong luật Tăng-kỳ ban đầu nói rửa bát, không lau chùi e tổn mầu sắc, phải được ở sau nói hộ tay. Cầm ca-sa là để có bụi dơ nên phải rửa sạch (xưa nói: do đó nói đắp ca-sa tay phải sạch là sai). Trong ba pháp, gió bụi rơi vào bát, không thọ lìa nhau, xả thọ cho ăn là phương tiện khỏi lỗi. Văn nói về Sa-di, các chúng tịnh nhân đáng lẽ phải thừa nhận chung (các văn đã rõ không chỉ ngay giới, không thọ việc phạm ác liên quan đến nhau, trong văn có thể thấy, tới văn hiện rõ, chớ để sai lầm) không phạm có bốn tiết:

Ban đầu không tự ăn.

2- Cho người làm, lại từ nơi xin mà được, nghĩa đồng với mới.

3- Những chỗ khác trong bát không thể nào sạch.

4- Vì trừ bịnh chẳng phải muốn ăn.

Bên Ấn-độ bịnh mắt phần nhiều sữa dầu nhỏ vào lỗ mũi.

***Giới thứ ba mươi chín:*** Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, có người vì cha mẹ nên ở ngã tư đường cho đến cúng dường cúng tế trong miếu, Tỳ-kheo mặc y phấn tảo khất thực tự lấy mà ăn, người tục chê bai, do đó Phật chế. Trong giới nầy, hễ Tỳ-kheo ăn phải thọ từ người, nên trái với lời dạy nầy gọi là không thọ thức ăn, song thọ hai tay và miệng ăn chung bốn thứ thuốc, như ở sau có nói, trong ý chế.

Đầu tiên dẫn trong luật Ngũ Phần lời quở trách của người tại gia, nghĩa chia ra ba lỗi, họ không vui là vời lấy sự chê bai, mặc y cắt rọc mà không sinh điều lành cho chúng sinh, không cho mà lấy là đồng với ăn trộm. Sau chế giới đây, tức trái lại ba lỗi, dùng làm ba việc lợi ích.

Trong luận Tát-bà-đa có năm nghĩa.

1/ Ngăn ngừa ăn trộm mắc tội nặng.

2/ Nhờ người có thể trao chứng cứ không có trộm cắp.

Ba và bốn dễ hiểu.

5/ Dẫn nhân duyên nói lên việc phát sinh lòng tin.

Ban đầu, ngoại đạo khiến Tỳ-kheo leo cây, Tỳ-kheo nói: pháp của tôi cây cao quá đầu người không được leo; Ngoại đạo lại bảo rung cây hái trái.

Tỳ-kheo nói: pháp của tôi không được rung cho rụng trái, vì không phá hoại sự sống, ngoại đạo leo lên cây hái trái quăng xuống cho Tỳ-kheo.

Tỳ-kheo nói: pháp của tôi chẳng được không thọ mà ăn, cho nên nói đều đáp, v.v...

Thứ hai là luận. Minh Liễu chép: Đầu tiên dẫn văn luận, y theo luận không có chữ bịnh viết lầm không nghi ngờ.

Kế là dẫn trong sớ giải, đầu tiên giải thích tự tánh, tức chỉ cho giới thể, muốn ở sau giải thích cầu được, nghĩa là có những điều cần thiết. Từ đây trở xuống giải thích chỗ nầy, nghĩa là chỗ thọ thức ăn. Trở xuống nói đất và trong nước nầy, cùng các việc khác không cần nói lên pháp năng thọ chung với pháp khác, tức ở sau lựa chọn lẫn lộn.

Ban đầu ở trên chỉ cho năng thọ, như ở sau lựa chọn các việc khác không thể, đều chẳng trụ tự tánh, bị diệt tẫn một loại thuộc về tứ Yết-ma, gồm hai mươi lăm vị, như mười ba nạn mình và người đều không thành, còn bao nhiêu đều tự thành, nói không chung người khác nên nói chung là không thành (theo thiên sám học hối ở sau thành thọ).

Ba là sở đối, tức nói trao thức ăn cho người. Trong giải thích khoa đầu, hai câu trên trong luận Minh Liễu lựa chọn trừ bỏ, nghĩa là tự kịp với đồng loại, đều chẳng thể trao. Ngoài ra, ở sau chánh chỉ bày. Ba loại là nhân, phi nhân súc sinh, lấy văn hiểu biết, phải đủ ba loại, không đủ thì không thành, trong luận Tát-ba-đa người ở chặng giữa, người chung chẳng phải súc sinh, nghĩa là nhiều chỗ người trái lại biết, không người mới khai loài khác.

Khoa kế là luật Ngũ Phần đã không có tịnh nhân, mà khiến để gạo hoặc trẻ tuổi hoặc có thể tạm nhờ, trong văn chỉ khai tự nấu ác xúc phạm hai tội Đột-cát-la.

Trong luật Tăng-kỳ trên con trâu cũng y cứ không người thì khai cho thọ từ súc sinh, nhưng trao và thọ chẳng phải nghi, phải thêm khẩu pháp. Dẫn là lôi kéo, trong luật Thập Tụng nói ruồi đậu chim mở không gọi là mất thọ, cho nên được. Trong ba pháp của luật Thiện Kiến gồm nêu bốn đường, quỷ bao gồm Tu-la, địa ngục thì thành sáu đường. Trong luật Ngũ Phần ở sau ba bộ luật nêu riêng ba đường, hợp với văn luận

trên, trong luật Tăng-kỳ tức Phật thọ mật của con khỉ. Trong luật Thập Tụng, Tôn giả Mục-liên nhớ Nhĩ Sa-di đều thọ thức ăn kia, thì mắc tội trọng, nghĩa là địa ngục không theo thọ, y theo ở sau quyết định chung, tức ý của luận Minh Liễu ở trước. Trong bổn pháp, Thập Tụng nói năm trần không thọ, trong văn thiếu mạn, như chú thích mà không hiểu. Thiện Kiến ban đầu nói sáu trần rơi rớt, có thể giải quyết Thập Tụng. Trong chú giải hai ý hòa hợp luận tiếng vang là nói khe cửa sổ bụi bay, trong nhỏ lại nhỏ thì không cần thọ. Hạnh kế ở sau nói ăn bị đọa cũng y cứ vào tác ý nên thành.

Trong luật Tăng-kỳ đầu tiên phân biệt các trần. Nói tác ý là lúc bụi bay vào phải đứng đây thọ. Nãi trở xuống là nói các thức ăn.

Đầu tiên về nghịch rụng có thành chăng? Tăng trở xuống là nói không sạch thành thọ, Tăng ni xúc chạm nhau là nói về tịnh.

2- Trong luật Thiện Kiến có bốn vật không thọ chẳng phải đáng ghét, cho nên luận Minh Liễu nói năm lượng nhiếp tất cả vật, như bốn thứ thuốc dẫn đủ, tiện lợi, nước, đất đều gọi là khai lượng lớn. Nghĩa là được tự lấy không có chỗ ngăn, văn luật khiến thọ, khép với luận, nên y cứ có người thông hiểu. Theo hai luận trên thì có người cũng khai, trong ba pháp, luật Thập Tụng ban đầu khai không thọ, tự làm không cho người khác thấy, cần thức ăn ở sau nói, đều cho rằng tránh chê bai, cầm nắm lại cho rằng một nắm tay.

Theo hai luận trên, lại kể ở sau chế dễ sạch, hai văn trái nhau nên chú giải để hội văn. Trong luật Tăng-kỳ, luận Tát-ba-đa như trước đã dẫn, cũng ở sau quyết thông khai ý, bốn phần giảm thì khai tám việc, trong đêm nâu tự mình nấu phạm ác xúc, tăng tục hai món thức ăn dưới nước trên bờ không làm pháp ăn dư, trong năm trăm lời hỏi, bảy ngày một lầm thọ tự làm không mất. Trước gạo sạch lấy ra hết văn, trong luật nói đủ trước gạo sạch thọ lấy (nghĩa là hỏa tịch rồi thọ). Trong bốn pháp, nước vốn là đại khai. Lại y cứ vào trong, nay nói mặn đục cũng phải thọ, trong Tăng-kỳ, Già-luận y cứ vào sắc, trong luật Ngũ Phần y cứ vào vị, trong năm pháp ra mồ hôi có đồng nước mặn, nên cũng phải thọ, trong chú giải câu trên quyết tay trên ra mồ hôi, câu sau nêu bày thành trán ra mồ hôi, trong sáu pháp thì luật Tăng-kỳ nói phần dương chi nuốt hay không nuốt, băng tuyết nói về người có không, luật Tứ Phần nói dương chi không chia hai tác dụng, nên y theo trên, nói chuyển biến ở trong, ở sau nêu bày các vật, tuy có biến động mà không đổi bản chất, nên đều không mất thọ.

Trong luật Thiện Kiến nói gừng sống mọc mầm, chỉ cần tịnh lại.

Văn chú thích trong Tăng-kỳ tức chỉ trong luật, ngài A-nan có duyên khởi làm cơm ấm cho Phật. Lạc tô, v.v... nghĩa là trong đó trước thọ lạc mía mè, muốn chính giữa và sau làm tô mật dầu, phải biết cách nói: trong đây vật tịnh sinh ta phải làm thuốc bảy ngày mà thọ (phi thời cũng đồng), quá giữa ngày liền đổi đều không mất thọ. Trong năm pháp thì trong hư không chẳng thành, nghĩa là được thọ trong khoảng trống. Nếu nói về sở đối ở khoảng trống cũng nên không thành, nên biết năng sở đều phải ở đất, như trước liền chỉ môn thứ hai. Khoa đầu trong sáu pháp thọ, ba vị trong luận Minh Liễu nên hiểu, nay trời y cứ trên mâm lấy thức ăn, cho đến bên vật lý nên thành thọ, bốn câu trong hai thứ thân tâm. Câu đầu chẳng phải thành thọ, tuy chẳng phải chuyên duyên ăn, cảnh phải tâm cảnh rõ ràng, một bề vô tâm thì không thành thọ. Câu đầu thứ hai chỉ bày tướng. Trong Tỳ-ni ở sau dẫn duyên, nhân vì Tỳ-xá-ly lúa mắc, Tỳ-kheo có thần túc đến nước ngoài khất thực, họ chê bai Tỳ-kheo, v.v... như trong sớ sao đã dẫn, như ở sau hiển bày lạ, miệng thân như ở sau. Thứ ba bình đẳng nghĩa là chánh ý ngữa tay mà thọ, trên nói đúng như pháp, như ở sau lựa chọn phi pháp, thân tâm tuy đồng mà trái pháp không thành. Thứ tư trước có phương tiện, nên khai sau thành, quan tức là thiệp. Ba đơn tâm là câu thứ hai ở trước, đối với thân tâm đều rõ ràng, trong đây nói riêng về tâm.

Trong luật Tăng-kỳ, đầu tiên là dẫn duyên ta kiến, do dân nước Đăng-cù là biên địa tà kiến, chê bai Tỳ-kheo nên không đích thân trao thức ăn. Nay ở sau sẽ có chữ tác. Mãn-trà-la, Hán dịch là Đàn-quy viên, miệng nói ba lần thọ là dùng pháp thế tay. Trước trở xuống là chỉ duyên đồ báu, chứa của báu đã dẫn, cũng văn Tăng-kỳ do thí chủ làm chén vàng đựng thức ăn, Tỳ-kheo dùng tay chỉ bày món đồ, miệng nói ba lần thọ, v.v... nói ở sau chỉ lược, tức hai bộ kia đều khai cho miệng thọ. Lại chính giữa một bên không hiểu nhau nói cũng đồng khai. Trong luật Ngũ Phần thí chủ đưa thức ăn chưa đến trao cho, vì duyên gấp để dưới đất nên nói thêm pháp. Trong luật Tăng-kỳ nói thiền định mà ngủ, người kia nói: tĩnh thì thành thọ, nếu lúc đó không tịnh thì khi tĩnh muốn ăn, phải theo tịnh nhân thọ lại, nếu không muốn ăn, v.v... như trong sớ sao đã dẫn, được tự mình cầm là do chẳng phải tự nuốt nên không ghét cầm. Trong bốn pháp, Tăng-kỳ nói ruồi đậu liên tục, vì ấy Tỳ-kheo Lan-nhã khi vào giếng nước đến sợ nước đầy lại, đến trong giếng ăn, khiến tịnh nhân đựng đầy thức ăn trong đồ đựng ruồi đậu nhiều, Tỳ-kheo một tay đuổi ruồi, một tay nâng đồ ăn, nói trao nhận là chẳng phải nghi, phạm Đột-cát-la. Cho đến ở sau nói xa quăng. Luật Thiện Kiến trở xuống nói

về hiểu khác. Trong luật Tứ Phần ở xa quăng thành thọ, nên nói năng sở đồng kiết vô ngại. Trong ba pháp, Tăng-kỳ đầu tiên nói lũng lẳng, ở trước đã dẫn, như ở sau nói dẫn ở trên. Hãn âm hãn là hộ.

Trong luật Thập Tụng tuy không dứt, nghĩa là ban đầu nêu ra bình, chưa rơi vào bát. Trong luật Tăng-kỳ văn có bốn đoạn.

Ban đầu nói tịnh nhân hành thọ, treo thả sợ chạm vào món đồ, đi liền nghĩa là tức thời tiễn đi, văn chú giải thích rơi trên cỏ ngồi xổm, nghĩa là hai chân ngồi xổm trên đất, theo thiên phó thỉnh thì ăn phải ngồi xổm. Ba ngàn oai nghi là pháp của Chư Phật đều đắp y sạch ngồi xổm mà ăn, nếu có đệ tử xuất gia nên đúng như pháp, để có thể ngăn các giới nên làm y sạch. Pháp khác trụ nên nhân chế pháp ngồi xổm, rộng như ở sau có dẫn xứ nầy (Trung Hoa) ngồi kiết già thọ thức ăn, tùy theo địa phương thích nghi làm, chẳng phải giáo pháp chấp nhận, như ở sau nói Tỳ-kheo thọ hành.

Đầu tiên chỉ bày duyên khai, như ở sau nói y cứ đất thọ lại có hai. Ban đầu nói vật pháp trong dần dần cũng nói sơ qua, như ở sau nói pháp đồ nóng, trong năm pháp tịnh nhân có ba pháp.

1- Hỏa tịnh.

2- Riêng thể được.

3- Tâm thí.

Trao cho Tỳ-kheo có ba pháp:

1- Ngửa tay thọ.

2- Hoặc thêm ghi nhớ.

3- Chia phần thể.

Bảy lỗi:

1- Ngủ trong đó.

2- Nấu trong đó.

3- Tự nấu.

4-Ác xúc.

5- Tàn túc.

6- Tay chưa thọ.

7- Thọ rồi dùng quá tu du.

Y theo ở sau lại có tay thọ rồi biến động, nghĩa là tám hoạn. Trong sáu pháp nói chẳng tâm, do không đối cảnh gặp rồi tự lấy, nên không có tâm thọ, như trên tức trong luật Tăng-kỳ, luận Tát-bà-đa lấy trên đá nên ăn, giảm khai tức bổn tông có tám việc, trong bảy pháp quán ăn.

1- Quán thức ăn bên ngoài.

2- Sự.

Câu trên nghĩ chủng loại để làm, câu sau nghĩ ý thí, hai quán đã thực hành hoàn toàn giảm ít nhiều. Ba pháp quán sau đều quán hiện tâm, ba là tâm lìa lỗi, trên tham ăn nhiều, dưới ăn nhiều sân, chặng giữa ăn nhiều si, lìa ba tâm nầy mới tiến khẩu được.

4- Tức đối trị tâm.

Nói chánh sự nghĩa là lại không có ý khác, chánh muốn sự đồng uống thuốc để trị bịnh đói. Tức trong kinh Di giáo nói: thọ các thức ăn uống phải như uống thuốc nầy.

(Có chỗ nói: chánh nghĩa là phân biệt với tà mạng, hoặc nói: sự là một trong bốn sự đều, chẳng phải ý văn).

5- Tức tâm xuất ly, đạo nghiệp chung ba thừa ba học, thế bào tức trời, người thiên chỉ rộng trong đó.

Trong luận Minh Liễu nói pháp thọ thực rồi mà dùng tất cả vật khác v.v... hai câu kết, tức chỉ lược quán thức ăn, nên ở sau dẫn sớ lược giải thích, còn bao nhiêu đều chỉ ở sau, trng hiển ý ban đầu nói ý trọng nêu ra, không như vậy thì ở sau trình bày răn dè, Tỳ-ni trở xuống dẫn chứng, vào từng miệng không phải khi thiếu, bốn việc quán chung không riêng ăn uống, không như vậy thì trong luật nói: thọ người tín thí không dùng đúng pháp, buông lung tâm kia bỏ tu đạo nghiệp, vào trong ba đường chịu khổ nặng, cho nên nếu không chịu khổ báo, ăn thức ăn của tín thí khác tức bụng vỡ ra, y thì lìa thân, v.v... trong tám pháp thì khoa đầu, luật Tứ Phần có mười pháp, ban đầu năm ngón tay và vật xen nhau thành bốn câu, thứ năm lỗi xa chẳng phải tay và vật, như trên là trước đã dẫn biết không có xúc ngại, v.v...

Kế trong năm pháp, bốn pháp trên các vật đối nhau, như nói thân và thân thọ, v.v... thứ năm để đất thì không có sở đối. Trong chú giải y theo Tăng-kỳ phải thêm khẩu pháp.

Khoa kế, trong luật Thập Tụng rớt xuống đất đều thành y theo trước phải là để trên bàn. Trong luật Tăng-kỳ y cứ vào tâm trước sau có không phải đủ bốn câu, văn nêu ra hai pháp xen nhau, mắc tội thành thọ, cả hai đều không biết dựa theo nên không thành. Sau trong luật Thập Tụng, xúc chạm nghĩa là dùng vật chống chạm nhẹ, không nên thọ là do chẳng phải trao tâm thọ cũng không thành. Trong chín pháp đầu tiên là ý quyết, nghĩa là khởi niệm dứt bỏ lý phải thọ lại, trong hai pháp còn hơn tu-du thì thọ nên biết lỗi mình, trong ba pháp hai câu đầu cũng tức là luận Minh Liễu nói do mất bổn thể, hành pháp đều mất nên nói tất cả (321). Một tức diệt, tức trở xuống là dẫn nêu, trong phần chia vật của người mất, thức ăn dư, để qua đêm, ác xúc, v.v... các Tỳ-kheo

được ăn do người kia qua đời các tội đều mất nêu bày nay rất đồng. Trong bốn pháp, thời dược quá giữa ngày thì mất thọ, ba dược không thêm khẩu pháp, đồng thời dược dứt nếu thêm khẩu pháp đều tùy theo hạn cuộc đủ liền mất. Như ở sau tức trong đời giải năm pháp đầu tiên chỉ bày tướng, như ở sau hội thông trong Tăng-kỳ, như trước chuyển biến không mất trong lời dẫn, văn đáp rất dễ hiểu. Thứ sáu trong chú giải đầu tiên, phán không rửa cũng thành, ở đây y cứ không dơ có phép tắc thì phải rửa, nhưng ở sau vốn là ý rửa kia, xin vâng theo Phật chế, không vọng tham ăn, tức là tâm tịnh, tuy có thần thông nầy dầu khiến tay sạch, chỉ được thành thọ không đâu mà không trái chế, mười đối văn hiểu trong phạm. Ban đầu nên bày các thức ăn, trước ba trăm năm mươi có hai pháp nên biết.

Xa-da-ni là thuốc bảy ngày, văn thiếu phi thời trọn đời ở sau kết phạm. Ban đầu chỉ chung bày tướng phạm, chẳng phải trở xuống là phân biệt riêng ba thứ thuốc, hai thứ thuốc trên hạn cuộc chặng giữa không có lỗi, một thứ thuốc suốt đời pháp không chừng hạn, chỉ y cứ vào không bịnh kết phạm vẫn nhẹ. Trong phần không phạm hai pháp trên thức ăn sau, nếu không trở xuống trị bịnh, hoặc khất thực trở xuống khai vật đọa, thô có thể dứt bỏ, hoặc không thể biện lý nên thọ lại, còn lại là trừ không hết. Y theo trên trong luật Thiện Kiến trần nhỏ lại thọ, do một bề không thể dứt trừ.

***Giới thứ bốn mươi:*** Phật ngự tại nước Xá-vệ, Bạt-nan-đà và những người đi buôn vì đàn-việt liền nói "muốn được các thức ăn người kia hỏi, lo gì suy nghĩ đây?"

Đáp rằng: Không lo chỉ ý muốn, họ chê bai, do đó Phật chế giới. Duyên phạm thứ nhất chú giải chỉ bày bốn vật, lựa chọn vật khác mắc tội nhẹ. Trong duyên khởi nói các thức ăn gồm chung bốn pháp nầy, trong giới sớ có đủ năm duyên, thêm thứ hai xin người chẳng phải bà con. Y theo đây khai cho có bà con, giải thích trong duyên đầu. Trước dẫn trong luật Tăng-kỳ để nói lỗi chê bai, tám loại đều nêu, sữa lạc là tướng riêng, luật kia bơ, dầu, sữa, lạc, đường phèn, đường, cá, thịt là tám loại, nói vời lấy chê bai là trong luật ấy nói người thế tục chê bai. Sa-môn Cù-đàm không thể thực thức ăn dở, mà khất thực bơ dầu, v.v... đây là người bại hoại nào có đạo đức gì? Kế Ngũ Bách Vấn cho là phạm riêng. Luật nói về tâm trộm, không bịnh nói bịnh nên thành tội nặng. Nay đây không bị bịnh chẳng xin cho nên khác với trong bốn pháp không phạm (xưa dịch là luận nặng luật nhẹ là sai, vì tướng phạm khác

nhau). Thứ hai luật làm gì người bịnh khất được mà ăn, ở đây khai cho dự ăn, mình và người xen nhau xin, chính là luật khác nói: Hoặc mình vì người khác, người khác vì mình.

***Giới thứ bốn mươi mốt:*** Phật dẫn đệ tử từ câu-tát-la đến Xá-vệ được nhiều bánh ăn, bảo A-nan chia cho người kia, bèn đem bánh cho người nữ, mọi người đều được một, riêng người nữ được hai, họ do đó chê bai, lại ngoại đạo bị người ăn hỏi, lại nói: Cư sĩ trọc đầu ở được, do hai duyên nầy nên chế. Rõ trong pháp khai. Trong luật Ngũ Phần không nói ngoại đạo, trẻ xin nói chung nên ở đây dẫn, ở sau hai chữ khất đều khứ hô, hai văn Thập Tụng và Tát-bà-đa đều khai, nhưng chẳng phải tự tay thì đồng với tông nầy, không chấp tức là không ngoại đạo, hoặc trụ tà kiến mà không chánh chấp, văn lược không phạm, y theo luật có năm.

1- Xả nếu để đất cho.

2- Hoặc sai người cho.

3- Hoặc cho cha mẹ.

Nghĩa là đối với ngoại đạo trong luật Tăng-kỳ không khai.

4- Cho người giữ tháp làm phòng riêng, tính giá tiền làm thức ăn mà cho.

5- Hoặc thế lực mạnh cướp đoạt đi.

***Giới thứ bốn mươi hai:*** Phật ngự tại nước Xá-vệ, Trưởng giả vì Bạt-nan-đà mà cúng dường tăng thọ trai, lúc ấy giờ ngọ sắp mới đến, Tỳ-kheo ăn xong không no, lại thành La-duyệt, đại thần được quả khiến trong tăng chia ra, sau ăn rồi đến nhà khác, tăng không ăn được, do hai duyên nầy nên Phật chế. Trong tâm giới nói đồng lợi tức đồng thọ thỉnh, hễ thọ người khác thỉnh có duyên vào xóm, phải bạch đồng thỉnh liền biết còn ở, không bạch nên phạm giải thích trong duyên đầu tiên. Trong luật Tăng-kỳ hai tội đọa của giới trước đã dẫn trong nghĩa quyết, do văn chế đồng lợi thì y cứ nhiều người không nói thỉnh riêng nên y theo Tăng-kỳ khiến nhà bạch thỉnh, đồng nhau hợp làm, hoặc có thế đến trên hai chữ thoát, tức phối hợp ở trên hai lần bạch. Trong luật trở xuống dẫn chứng, thường thỉnh nghĩa là cúng dường lâu dài không dứt. Xen nhau đến nghĩa là ta đến nhà kia họ đến nhà nầy, giải thích trong bốn pháp sau.

Ban đầu giải thích ăn theo thứ lớp, lúc ăn truyền nhau để làm giờ thìn, lấy đây làm chính giữa để phân ra trước sau, trong chú giải đồng

thời trải qua tức trải qua thời và phi thời. Kế giải thích các nhà nên hiểu. Bạch trở xuống là nói dặn dò trao cho. Ban đầu nói người sở thuộc, văn chú giải lựa khác, do phi thời bạch chung trong ngoài giới, như ở sau nói mất pháp dặn dò, có sáu duyên giữa đường trở về là y theo dứt ý không đến nên mất, hoặc nhà khác chẳng phải đến nhà sở thuộc, không trở xuống là kết phạm. Trong phần không phạm, văn đầu tiên có sáu tiết, bốn pháp trên nên hiểu. Thứ năm luật nói nếu không có Tỳ-kheo không dặn trao mà đến chỗ khác, v.v... vì không có pháp cho nên trái, sáu nhà mà nhà thỉnh như muốn đến nhà thỉnh kia, giữa đường nhà khác qua đời, do đó mà tạm dừng. Văn luật lại khai cho nạn duyên, nay đây sơ lược, trong bộ khác thì Thập Tụng nói về chánh đủ. đây là khai trái thỉnh cũng cho phép không dặn dò. Luận Tát-bà-đa nói phạm không liên quan đến giới nầy, hoặc liền đến khiến chúng không biết, ít có đồng cho nên nói theo đây, quyển sau tức thiên phó thỉnh.

***Giới thứ bốn mươi ba:*** Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ Ca-lưu-đà-di để ý người vợ của bạn lúc còn ở thế tục. Sau đến nhà đó, người vợ thân xinh đẹp, người chồng rất thương, Tỳ-kheo ăn rồi ngồi lại, người chồng tức giận, cho nên Phật chế. Giải thích tên bốn cách ăn:

1- Đoạn thực (thô tế là hai, thô thì dễ biết, tế nghĩa là trong thức ăn có mùi thơm từ cõi trời đến kiếp sơ thực ăn không biến thành dơ, như dầu mỡ cát rải lên thi thể người, gọi là Tế.

2- Xúc thức (căn, cảnh, thức cả ba hòa hợp sinh ra các xúc như thấy sắc sinh ưa thích, v.v... nay đây ngay giới.

3- Tư thực: nghĩa là ý nghiệp, tâm suy nghĩ trông mong sẽ sống lâu.

4- Thức thực (chúng sinh trung ấm, địa ngục cõi Vô sắc nhập định diệt tận, tuy không có hiện thức mà biết được chỗ ở. Tiểu thừa thì thức uẩn, Đại thừa tức thế lực A-lại-da giúp cho nhậm trì các căn).

Đoạn thực hạn cuộc ở cõi dục, còn ba pháp chung cho ba cõi, lược biết như thế, họ y cứ vào pháp tướng, vì có thể rộng, năm pháp ở sau dẫn chứng. Trong năm phần tình là y cứ vào thức luận, trong luật Tăng-kỳ nêu đủ ba pháp căn, cảnh, thức, trong duyên thứ hai luật Thập Tụng nói dứt dâm, nghĩa là vợ chồng tu phạm hạnh. Thọ trai là tám giới, dứt chánh dâm, trong ba pháp luật Ngũ Phần ngăn ngừa việc khiến vợ chồng họ không được tùy ý, trong luật Thập Tụng nói nhiều người tức đồng với người thứ tư, cho nên trong bốn pháp ngoài ba người lại có một người, không phạm nên nói là thứ tư. Trong luật Tăng-kỳ phân biệt

chẳng phải người chứng, luật ấy có bạn Tỳ-kheo không phạm, người tại gia tuy nhiều cũng phạm, trong luận Tát-ba-đa nói hai thầy, cha mẹ là người tôn quý, ở nơi tòa không phạm, trong luật Tứ Phần khai duyên và chung cho đạo tục, không đồng với Tăng-kỳ khoa kế có của báu là luật nêu vàng bạc chân châu, v.v... Tức dùng các thứ đồ trang nghiêm thân gọi là người nữ, dẫn trong luận hiển bày ý rất dễ thấy, trong luật không phạm nếu duỗi tay và ngồi ở nhà (mình ở bên trong không đến thì phạm). Nếu hai vị Tỳ-kheo làm bạn có biết người khác, hoặc người khách ở một chỗ (y theo đây chung với thế tục). Nếu không mù điếc (xen thiếu Đột-cát-la, đều thiếu không có chứng cứ) hoặc từ trước qua mà không ở (nhiều người xử làm) hoặc kinh phát ngã trên đất, thế lực giải duyên nạn mạng ống, nạn phạm hạnh, v.v... đều khai.

***Giới thứ bốn mươi bốn:*** Ca-lưu-đà-di nghĩ giới trước khai duỗi tay đến chỗ ngồi ở nhà, liền cùng người nữ ở sau cửa sổ cùng ngồi nói chuyện vời lấy sự chê bai nên Phật chế. Nếu theo giới bổn cũng nêu nhà ăn, chính là nhân trước mà chế, còn như luận phạm không cần nhờ nên lược nói. Trong duyên chỗ vắng, luật nói: nếu cây tường vách rào chắn, hoặc áo và vật khác ngăn che.

Giải thích thứ ba trong luận Tát-ba-đa nói trong ngoài nhà kế nêu bày ba tướng, thời nay vào xóm làng phải dẫn theo tịnh nhân, hoặc ngồi đối diện người nữ chớ để lìa thân, sẽ được khỏi lỗi, không như vậy thì trong luận kết phạm. Trong luật Tăng-kỳ đầu tiên phân biệt chẳng phải chứng, bảy người ba loại.

Ban đầu ba loại thân thuộc tịnh nhân nhỏ, trẻ thơ không hiểu, ngủ mê không biết, đều không thể sợ, chữ đại đội là thái.

2- Không nhất định và gượng ngồi trong đó rồi giải thích, nên chú giải hiển rõ ý lớp lớp, như tịnh nhân ở sau nói mượn duyên thành chứng.

3- Tướng có thể phân, không phạm đều đồng như dẫn trước.

***Giới thứ bốn mươi lăm:*** Cũng do Ngài Ca-lưu-đà-di ngồi chỗ trống với người nữ, vời lấy sự chê bai cho nên Phật chế. Nêu duyên thứ hai chú thích chỗ trống, do hai chỗ ngăn che nầy đều không chướng ngại, trước nói bụi mù tối tăm gọi là thấy ngăn che, thường nói không nghe tiếng gọi là không nghe chỗ khuất. Trong phần phạm tướng, luật Thập Tụng đầu tiên y cứ vào mọi oai nghi của thân. Cách nhau trở xuống là y cứ vào chỗ gần xa, tướng tội thay nhau giảm, lỗi chê bai cạn sâu.

Một tầm tám thước nằm trong duỗi gang tay. Trong điểm trước, trước dẫn luận Thập Tụng chỉ nói không phạm, sợ trước sót bút nên gởi gắm, điểm ghi. Hoặc có ý riêng, người đến càng rõ ràng, chú thích giới chỉ cho không phạm đồng với trước.

***Giới thứ bốn mươi sáu:*** Phật ngự tại nước Xá-vệ, Bạt-nan-đà tranh chấp với một Tỳ-kheo nọ, trong tâm giận ghét, bèn dụ Tỳ-kheo này đến chỗ không có thức ăn trong thành, khi trở về bèn đuổi ra khiến không được thức ăn và bị đói, Phật do đó kiết giới.

Về duyên phạm thứ ba là không có các duyên, tức trở xuống là không phạm kiến chấp phá giới, nạn mạng sống, nạn phạm hạnh, v.v... không phạm có ba: sơ, trước và hậu khiến. Nếu bệnh trở xuống là hai duyên trước khiển sau tống, nếu phá giới, v.v... thì không cùng mà khiển. Văn khiến phương tiện, lại nói tâm chê bai đều có lỗi nhỏ.

***Giới thứ bốn mươi bảy:*** Phật ngự tại nước Thích-sí-sấu, thí chủ thỉnh tăng cung cấp thuốc, nhóm Tỳ-kheo sáu vị xin khó được thuốc, vì cầu xin bèn quở trách, mắng nhiếc, do đó Phật chế giới.

Tên giới bốn tháng lại từ duyên nói, y cứ trở xuống luật Tăng-kỳ nói một tháng, nửa tháng. Duyên phạm thứ nhất, luật Thập Tụng nói bốn thứ thuốc đều phạm, thức ăn đúng thời thọ quá bốn tháng phạm ba-dật-đề, đòi hỏi các thứ các phạm đột-cát-la (nghĩa là chẳng phải bốn thứ thuốc), bốn tháng đã qua mà tìm thuốc bảy ngày, thuốc trọn đời cũng phạm ba-dật-đề, thuốc phi thời phạm đột-cát-la. Năm thứ không nhân duyên tức ở dưới có bốn duyên. Trong giải thích, luật Tăng-kỳ nói có ba thời, mỗi thời có bốn tháng, đều có quá hạn.

Trong phần không phạm có bốn duyên: Một là thường thỉnh, hai là lại thỉnh, ba là phần thỉnh, bốn là thỉnh suốt đời. Sớ chép, thường và suốt đời có gì khác nhau? Y cứ vào năng sở để phân. Trong phần chỉ bày phạm vẫn đồng với nghĩa xưa, theo sớ thì trái lại, sớ ấy chép: Giới này đòi hỏi nhẹ quá hạn nên nặng. Sở dĩ như thế là vì trước có tâm tốt cho thuốc trong bốn tháng, kỳ hạn đã mãn, tâm cúng dường đã dứt, thọ quá hạn làm cho bực bội, tổn bại càng sâu. Lại y như trước thọ thỉnh làm cho người vui, quá ngày cho nên nặng, còn lại không dẫn đủ.

***Giới thứ bốn mươi tám:*** Phật ngự tại nước Xá-vệ, người dân làm phản, vua đem quân đánh dẹp. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị đi xem quân trận, vua Ba-tư-nặc không vui, nên Phật chế giới này.

Trong ý nghĩa chế giới, một là nói trụ trì, hai là nói hóa tha, ba là thành tự hạnh. Do xem quân lính chiến đấu hung bạo, không có lòng từ bi, mất các lợi ích tốt đẹp. Về duyên đầu, trong luật trở xuống cho đến một con ngựa, một quân lính, một chiếc xe đều phạm. Thứ ba tức trở xuống là được mời, đường xá bị cắt đứt v.v... cho nên khai.

Trong phần giải thích khoa đầu, luật Tứ Phần đầu tiên là nói phạm, hai câu trên giải thích quân trận. Hý nghĩa là lúc dạo đi giáo hóa, Chân nghĩa là chính lúc chiến đấu, luật nói hoặc hý hoặc đấu, tướng ấy có thể hiểu. Nếu quân trở xuống, kế là nói gặp nhau. Phương tiện nghĩa là tuy trở xuống là đi mà mắt liếc. Hoặc bị trở xuống là nói không phạm. Luật nêu nhiều thứ là hoặc có việc nên đến, hoặc xuống đường để tránh thú dữ, cướp bóc, nước lụt, nạn mạng sống, nạn phạm hạnh, v.v... không xuống đường không phạm. Trong phần giải thích thứ hai, luật Tăng-kỳ đầu tiên là nói gặp quân lính, dựa theo ý mà đoán phạm. Nếu trời trở xuống là nói chẳng phải quân trận, ba tướng đều nhẹ. Thiên Vương là nghi thức của vua chúa, hàng phục súc sinh, tranh đấu với người đều do nhân mà Phật chế. Luật Thập Tụng nói do thấy tàn sát lẫn nhau dễ sinh tâm nhàm chán xa lìa, tuy có văn này nhưng người đời phần nhiều ỷ lại, tự chẳng thực hành, đến xem đều phạm.

***Giới thứ bốn mươi chín:*** Nhóm Tỳ-kheo sáu vị có nhân duyên đến trong quân trận ngủ đêm, bị người chê bai, nên Phật chế ra giới này.

Duyên đầu tiên, luận Tát-bà-đa nói có bốn ý, ba ý trên là lợi tha, ý thứ tư là lợi ích cho người ấy. Luận ấy lại chép: Nếu không khai mà đến bèn hủy báng rằng: Tỳ-kheo có mong cầu, không mời mà tự đến, khi không có mong cầu thì dù gọi cũng không đến. Nếu đến nói pháp thì khiến ngộ đạo quả, nên khai cho đến.

Luật nói không phạm là ngủ đến đêm thứ ba, khi minh tướng chưa xuất hiện phải rời chỗ thấy nghe, đường nước, đường đất bị trở ngại, nạn mạng sống, nạn phạm hạnh, v.v... không đến đều khai.

***Giới thứ năm mươi:*** Nhóm Tỳ-kheo sáu vị có nhân duyên ở trong quân xem năng lực chiến đấu, một người bị tên bắn trúng phải trở về, vời lấy sự chê bai cho nên Phật chế giới này.

Giới này do giới trước mà chế, sớ chép: Đã có duyên đến thì nên ngồi nói pháp, sau đó xem chiến đấu với nhau bị gươm đao hươ trúng, phạm đồng với lúc đầu (tức giới xem quân trận, không phạm cũng đồng với giới trước, cho nên văn không nêu).

***Giới thứ năm mươi mốt:*** Phật ngự tại nước Chi-đà, Tỳ-kheo Sa-già-đà hàng rồng cho vua Tâu-diệm-di thấy, được thưởng rượu, uống say nằm trên đường, do đó Phật chế giới.

Trong ý chế giới, luật này ban đầu nói lên lời dạy trang nghiêm của Phật, hễ muốn cứu giúp thì phải vâng lời thầy dạy, không được chống trái, bèn trở xuống là nói chế gấp. Thời nay học pháp phần nhiều uống rượu, gặp lời dạy từ bi này sao không tự hổ thẹn? Nhân trở xuống là hiển bày lỗi: một là sắc mặt xấu xí, hai là thiếu sức khỏe, ba là mắt nhìn không rõ, bốn là hiện tướng sân nhuế, năm là phá hoại nghiệp cứu giúp chúng sinh, sáu là thêm tật bệnh, bảy là thêm tranh đấu kiện tụng, tám là không có tiếng tăm, chín là trí tuệ kém ít, mười là khi qua đời đọa vào ba đường ác. Xét mười lỗi này hiện tại thấy rõ ràng. Người đời ngu si lại nói tăng thêm sức khỏe, trị bệnh, chẳng lầm hay sao? Luật Ngũ Phần duyên đồng với Tứ Phần. Luật ấy nói Tỳ-kheo Sa-kiệt-đà, âm Phạm hơi khác. Phật nhóm họp trở xuống là lập chế đầu tiên bày lỗi, hai câu trên không cung kính, hai câu cuối không có oai đức, nhân trở xuống là chánh chế. Luận Tát-bà-đa, câu đầu nêu chung chế nặng, năng trở xuống là nêu việc, giải thích riêng có ba: Đầu tiên là thành nghiệp nghịch phá Tăng, cho Phật là người say mọi người đều không tin, cho nên trừ ra. Hai là năng phá giới. Tất cả là gồm thâu năm, tám, mười. Luận ấy chép: Có người uống rượu hành dâm cả mẹ, trộm gà, giết người, người hỏi đều nói không làm, bốn giới còn phá, các giới khác có thể biết. Bởi đều do gốc thần loạn, ý buông lung, họa lớn của Sa-môn có thể không như thế hay sao? Là điều ác của ba chúng còn lại, tức chẳng thuộc về giới, vì là ba nghiệp bất thiện.

Trong phần giải thích khoa đầu, luật Tứ Phần trước tiên là nói rượu này bất luận sắc, hương, vị đều là do thảo mộc làm ra, luật chép: Rượu làm bằng nước trái cây, rượu trái Diêm-phù, cam-thô, xá-lâu-già, rượu nho, v.v... nếu chẳng phải trở xuống là chẳng phải rượu, đủ cả ba đồng là rượu, hẳn là không đủ, như trở xuống là nói về rượu ngọt, chỉ phạm cát-la. Nếu rượu trở xuống là nói hòa với thức ăn, theo chú giới chữ nấu trở xuống là chủ nhiều rượu, ở trên nói phạm nặng, nếu ngọt trở xuống là nói kết tội nhẹ. Luật cho rằng rượu vị ngọt, rượu vị chua, nay văn hợp lại. Luật Thập Tụng nói năm thứ đều phạm tội đọa, đều làm cho say. Luật Tứ Phần kết tội đột-cát-la, vì lẽ chẳng làm cho say. Y là cặn rượu, ăn bã rượu làm cho say, đối với nghĩa khó hiển bày, cho nên dẫn luận Tát-bà-đa để giải đáp. Luận chép: Dùng lúa mì và cỏ thuốc hòa với rượu, sau đó để cho khô rồi mang đi, hòa với nước uống làm

cho người say. Khoa kế, đầu tiên là dẫn luật, cảnh tưởng sự đồng giới dâm. Trong chú thích, câu đầu tiên là bày văn luật, câu kế là nói nay giải thích, cho rằng trước có phương tiện muốn uống. Đến sau khi uống bèn sinh nghi chẳng phải rượu, tâm sau không phạm, thành phương tiện trước, cho nên phải kết tội nặng, trước phải là vô ý, mê vọng mới khai. Sớ chép: Các sư y cứ vào tâm, từ cảnh mà chế, ý của tôi thì khác, thánh chế có khi văn thiếu không rõ, đâu có người trí nào xưa nay không ngửi nước ép trái cây mà uống lầm, có thể kết tội ba-dật-đề hay sao? Luật Thập Tụng nói kia y cứ không xem xét, đồng với nay chấp cảnh. Xét thì chẳng phải ý có thể chứng tâm mê, không có phương tiện.

Trong phần không phạm, văn đầu có hai duyên được giải thích, khoa kế dùng lời luật rộng dẫn luận để giải thích. Trong Ngũ Bách vấn phải dựa theo y ngữ để quyết định có thể hay không. Gượng trở xuống tức là xúi giục người khác phạm. Kế là dẫn luật Thiện Kiến hẳn là không có hai thứ hương và vị. Theo ý luận thì phải biết chế gấp, không thể lạm gá tăng-kỳ trong ba, nước trái cây ép đồng với rượu ngọt ở trên, bã rượu trộn với cơm phạm ba-dật-đề cũng y cứ vào tính chất làm cho say. Mầm là mộng lúa, tức mạch nha, xứ này có nhiều vật làm từ mộng lúa, khí vị hoàn toàn vẫn làm cho người say. Ở đời có nhiều người tham ăn, rất khó tiết chế. Nghĩa rằng Tây Trúc vốn không có cho nên giáo pháp không cấm, y theo bã hèm ở trước đủ để làm ví dụ, bậc cao sĩ có đạo hãy mau chừa bỏ.

***Giới thứ năm mươi hai:*** Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm Tỳ-kheo mười bảy vị tắm gội đùa giỡn tóe nước lẫn nhau dưới sông A-kỳ-la-bà-đề, vua Ba-tư-nặc và phu nhân Mạt-lợi đứng trên lầu nhìn thấy. Phu nhân sai người đem đường phèn đến dâng cúng Phật (và bạch lên việc đó), Phật liền quở trách và chế giới.

Trong ý chế ra giới này, một là hoại pháp, hai là tổn người, ba và bốn là tổn mình. Phật Từ bi chế giới làm cho tổn hại thành ích lợi. Duyên phạm thứ hai, nghĩa là đi đường qua sông, v.v... đều không phạm. Trong phần giải thích có dẫn văn luật Tứ Phần, nhiếp tướng cùng tận ở đây. Tội có nặng nhẹ, tùy việc khác nhau, đều y cứ vào ý đùa giỡn, không phạm có ba duyên đều chẳng phải ý đùa giỡn: một là trên đường đi có qua sông, hai là lặn xuống nước lấy vật, ba là học bơi đề phòng tai nạn. Y cứ theo chú thích giới trở xuống phần nhiều là chữ Phù, hươ tay vẽ trong nước, cách học bơi phải như thế, do đó mà té nước.

***Giới thứ năm mươi ba***: Phật ngự tại nước Xá-vệ, trong nhóm Tỳ-kheo sáu vị có một vị chọc lét, trong nhóm Tỳ-kheo mười bảy vị có một vị gần chết, do đó Phật chế giới.

Về tên giới, xưa cho rằng dùng tay chọt dưới nách làm cho nhột, nếu theo duyên phạm thì phải có ý làm cho người bực bội, cho nên biết thành phạm, chẳng phải chỉ đùa giỡn. Trong phần giải thích, luật Tăng-kỳ cho rằng xúc phải nói về ý làm cho người bực bội, nói kéo y là ý ngăn ngừa sâu nhất. Nếu như luật Tứ Phần thì khi ngủ xúc chạm nhau đều khai. Luật Ngũ Phần phân biệt với loại khác, luật Tứ Phần phân biệt với vật khác.

Trong phần không phạm nói lược qua lại quét đất lầm quơ đầu gậy đụng người.

***Giới thứ năm mươi bốn:*** Phật ngự tại nước Câu-thiểm-tỳ, Xiển-đà muốn phạm giới, các Tỳ-kheo can ngăn rằng đừng làm, nhưng Xiển-đà không nghe lời căn ngăn của các Tỳ-kheo, liền phạm các tội, cho nên Phật chế.

Trong duyên, đầu tiên là nêu chung năm duyên, từ đây trở xuống là điểm bốn duyên trên, trong năm tội tăng tàn trước là trái mạng lệnh của Tăng, lại tùy theo lời can ngăn liền kết. Ở đây người khác can ngăn phải đợi làm thành, nếu không thì làm việc liền thành thọ khuyên. Lại không đồng trở xuống là chống lại lời khuyên học giới, can ngăn đừng phạm, nói ra liền dừng. Sự can ngăn này làm liền phạm, đợi làm mới thành trái. Không phạm là chỉ cho ở trên, nếu không có người trí can ngăn bảo rằng: “Hãy hỏi thầy Hòa thượng của ông, nên học hỏi lại, v.v..., hoặc cười giỡn, nói một mình trong mộng, hoặc nói lầm”.

***Giới thứ năm mươi lăm***: Phật ngự tại nước Ba-la-lê-tỳ, Tỳ-kheo Ca-ba-la làm thị giả cho Phật, cầm chiếc móc làm cho Phật sợ hãi ở chỗ Ngài đi kinh hành, lúc trời sáng Ngài chế giới này.

Trong duyên có ba, bốn, hễ có bất cứ một duyên nào đều thành phạm. Luật chép: Nếu nói sắc, thanh, v.v... làm cho sợ hãi mà rõ ràng thì phạm Ba-dật-đề (ở đây y cứ vào nói), lại chép: Nếu dùng sắc thanh làm cho người sợ hãi thì mỗi việc đều phạm tội đọa (ở đây là chỉ bày tướng). Nói sắc làm cho sợ hãi là làm hình tướng voi, ngựa, quỷ, v.v...; âm thanh làm sợ hãi là tiếng trống, tiếng kêu la, v.v...; hương làm cho sợ hãi là mùi cây lá, hoa quả và mùi hôi, v.v...; vị làm cho sợ hãi làvị chua, ngọt, đắng, chát khiến cho người sợ hãi; xúc làm cho người sợ hãi

là nóng lạnh, nặng nhẹ, thô tế, trơn rít khiến cho người xúc chạm sinh sợ hãi; pháp làm cho người sợ hãi như nói: "Tôi nằm mộng thấy thầy chết, bỏ đạo, v.v... Năm là thấy nghe: Đối với hai duyên ba và bốn ở trên. Bất trở xuống là nói về phạm, trong phần không phạm, ban đầu là khai sắc thanh, tằng hắng là tiếng ho, nếu dùng trở xuống là khai chẳng có ý, cho nên chung cả sáu trần, nếu thật trở xuống là nói về pháp trần, trở xuống là khai cho giỡn lầm có thể biết.

***Giới thứ năm mươi sáu:*** Phật ngự tại nước La-duyệt-kỳ, trong vườn Trúc có ao, vua Bình-sa nghe các Tỳ-kheo thường đến tắm ở đó. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị lúc gần sáng xuống ao tắm, vua và thể nữ đến ao, gặp nhau vua không tắm được, đại thần chê bai phiền giận, Phật nhân đó chế giới.

Giới gọi là lỗi, nghĩa là chưa đến nửa tháng vượt quá Thánh chế. Sớ nói là giới chưa đủ nửa tháng mà tắm, nếu y theo sau thì khai cho năm việc ở biên phương được thường tắm gội, vì sinh việc lành cho người đời. Cho nên biết giới này chỉ chế ở giữa nước, còn đây là hợp với biên địa, chấp là thường khai. Nhưng ít việc biết đủ, y theo sự chế lập càng tốt. Giải thích khai duyên: Khoa đầu có sáu, trước tiên là nói về mùa nóng, sau mùa xuân bốn mươi lăm ngày, từ mùng một tháng ba đến ngày rằm tháng tư. Tháng giêng đầu hạ là ngày 16 tháng 04 đến ngày rằm tháng năm, gồm bảy mươi lăm ngày gọi là mùa nóng. Năm duyên như bệnh, v.v... đều y cứ vào cực thấp làm giới hạn khai cho. Lại nói rõ về ý của giáo, chỉ là y cứ vào lặc. Hàng hạ lưu doanh thân vô độ, vì chẳng phải lỗi lớn nên tùy việc mà dung thông. Ở dưới dẫn luận Tát-bà-đa nói riêng về duyên đầu, tức đồng với trên giải thích. Ở xứ nóng, sớm muộn bảy mươi lăm ngày là nhất định, cho nên nói dùng hạn này. Khoa kế là luật Thập Tụng nói có bốn, đầu tiên là khai trong mùa mưa. Nếu trở xuống là nói có duyên phải bạch, nghĩa là có khai duyên trên nói lên chẳng phải chuyên ý, không được trở xuống là nói đồng với thế tục có được không? Vì thế tục mà chế tội, bỏ đạo trái nghi. Nếu trở xuống là đặt ra cách tự tắm gội, luật Ngũ Phần chế không chung cho người thế tục, Thâu-lan-giá lẽ ra là phạm hạ phẩm, luận Tát-bà-đa đầu tiên là nói chế cho thế tục, luật Thập Tụng chấp nhận khéo léo, luật Ngũ Phần chỉ chế trong thất, chẳng bằng văn luận chỗ khuất, chỗ trống đều y cứ, cho nên chú thích. Phải trở xuống là nói về y tắm mưa, kiệt-chi tức kỳ-chi, phải lường bốn phương mặc vào mình mà tắm. Hai ý chế giới ban đầu có hổ thẹn, thời nay lỏa hình do không biết hổ thẹn. Ý kế là dẫn duyên

có thể hiểu. Trong phần vị tha, vì người mà khai mình, cùng nhau làm việc. Trong hai pháp, đầu tiên là nêu thời hạn, không cần hắc nguyệt, bạch nguyệt. Nếu trở xuống là nói về cách tắm. Nói không duyên là do y theo chế hạn không cần y cứ vào duyên. Thợ gốm là thợ sành sứ. Về cách tắm rửa, trước là hạ, sau là thượng, đối với sự thuận tiện cho nên chấp làm pháp thức. Quyển hạ chỉ cho thân Tạp Hạnh.

***Giới thứ năm mươi bảy***: Phật ngự tại thành Khoáng Dã, nhóm Tỳ-kheo sáu vị nhặt củi đốt lửa ở chỗ trống, rắn từ trong cây bò ra, sáu vị hoảng hồn ném củi đang cháy làm thiêu rụi giảng đường của Phật, vì thế Phật chế giới.

Trong giải thích, luật Ngũ Phần nói bốn ngón tay tức bốn tấc, đó là chừng hạn, luận Tát-bà-đa tùy theo việc gì? Việc là chỉ cho vật, luật ấy nói gồm có năm việc: Một là cỏ, hai là cây, ba là phân bò, bốn là vỏ cây, năm là phẩn tảo. Nếu trong cùng một lúc bỏ cả năm thứ vào lửa phạm Ba-dật-đề, bỏ từng thứ vào lủa phạm từng tội Ba-dật-đề. Trong luật Tứ Phần trước nói về duyên khai. Sợ cho là đất sống cho nên chú thích để phân biệt. Nếu trở xuống là nói không có nhân duyên kết phạm, lại xếp vào bốn vật. Trong luật lại có cành lá, trữ ma, sô ma, phân bò cũng thuộc về bốn (ba thứ trên là cỏ cây, một thứ dưới là phẩn tảo) nếu nửa câu tiêu dứt cùng với đốt than ở dưới đều là một việc. Luật chép: Nếu bị đốt nửa tiêu mà ném vào lửa và đốt than thì phạm Đột-cát-la. Luật Tăng-kỳ trước là nói bổn tội, quay lửa thành vòng luật ấy gọi là lộng hỏa luân, nghĩa là dùng tay quay đuốc thành vòng tròn lửa. Nếu trở xuống là nói gồm phạm. Hai là câu đốt lửa dứt, ở trước chữ bỏ một chữ Nhược, bản xưa thì có, cho là đốt đất sống. Lại phạm giới đào đất thì có ba tội, theo văn có hai tội, ở đây y cứ theo nghĩa mà thêm, cho nên trở xuống lại dẫn văn ấy để chứng minh. Ở đây y cứ hễ có thì không cần nhất định phải đủ. Nếu ở chỗ đất chết lại đốt củi khô thì chỉ phạm giới này.

Trong phần không phạm, đầu tiên là pháp khai, nếu trở xuống là đã bệnh, hữu trở xuống là săn sóc bệnh, nếu ở trở xuống là làm các việc.

***Giới thứ năm mươi tám:*** Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm Tỳ-kheo sáu vị lén lấy y vật của nhóm Tỳ-kheo mười bảy vị đem giấu, các Tỳ-kheo xét biết (bèn bạch lên Đức Phật) Phật do đó chế giới.

Duyên đầu là văn hạ chúng, trong luận Tát-bà-đa nói vật phi pháp

phạm tội nhẹ. Bất tịnh là kia làm y bằng nhiều thứ lông lạc đà, lông bò, v.v... nay dùng hai chữ bất tịnh để thế. Chưa trở xuống là nói đúng như pháp kết tội nặng. Trong chú thích, dùng y mầu bát trắng y cứ theo lý thì lẽ ra là đồng, mà luận chia ra nặng nhẹ thì biết y mầu nhất định là phi pháp cho nên đặc biệt nêu ra. Không phạm có năm: Vì có chữ hoặc gián cách nên đầu tiên là đồng tâm, hai là yêu mến tiếc giữ, ba là răn dè, bốn là mình có, năm là nạn khai. Chú là quốc cấm cửa bến, hoặc cất y lìa y mà ngủ. Y theo đây thì nạn khai là lệ theo quyết lìa y, cho nên nói không phạm trì tội. Nếu làm ăn mua bán mà phạm vào vật cấm thì gọi là trộm thuế, còn bao nhiêu tùy theo đạo cụ trên thân so sánh mà được tự cất.

***Giới thứ năm mươi chín***: Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm Tỳ-kheo sáu vị chân thật tịnh thí cho Tỳ-kheo bạn thân, sau không nói mà lấy lại mặc, do đó Phật chế giới.

Trong phần giải thích nghi ngờ, phạm và không phạm, tăng ni đều nặng, ba chúng dưới đều nhẹ, không phạm chánh tội. Nói tướng giải thích đủ là chỉ cho luật giải thích rộng. Sớ chép: Vì nói năm chúng đều có phạm tướng, tuy nặng nhẹ khác nhau, nhưng tịnh thí nghĩa đồng, cho nên nêu tên chung. Còn tịnh pháp thì tự theo luật pháp; trong phần phân biệt khác, tịnh thí có hai: Chân thật tịnh thí thì vật qua bên chủ, cho nên có thì lấy ngay, còn triển chuyển tịnh thí thì không như thế, lấy dùng đều được.

***Giới thứ sáu mươi***: Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm Tỳ-kheo sáu vị mặc y màu trắng mà đi, bị người thế tục chê cười, do đó Phật chế giới.

Trong tên giới lại y cứ ban đầu làm không nhiễm, không chướng ngại thể cho nên cũng xếp cào khoa phạm. Dưới là dẫn luật Thập Tụng, đối với nghĩa rất dễ thấy. Trong giải thích thứ ba, khoa đầu, luật Tứ Phần trước định về sắc tướng. Kia trở xuống là nói về phạm, chia ra là hai: Đầu tiên là nói không nhiễm. Nếu nặng trở xuống là nói không tác tịnh. Ở trên nêu những ý còn lại, nặng là mền nệm nhẹ là giúp thân, dưới là nói về phi y, tướng nó rất dễ hiểu. Nếu chưa trở xuống là nói gởi nhà người thế tục. Chú thích có hai ý: Ban đầu nói nhuộm hoại là nói về pháp tác tịnh, cần phải nhuộm chung. Nói thành sắc tức là đã nhuộm, vật điểm tịnh rồi mặc, hai thứ tịnh này hễ có một thì liền thành. Phi trở xuống là so sánh chung với y khác. Nếu trở xuống là y cứ theo văn mà xếp vào phạm. Vì văn trước chỉ nói nếu được y không hoại thì phạm

đọa, cho nên nói chung tất cả. Nếu theo phần bày duyên thì chỉ y cứ vào ba y, hoặc có thể kia từ duyên mà chế, hoặc đây là y cứ vào cấp luận mà suy nghĩ. Nhưng y khác nhuộm hoại chỉ y cứ vào giúp thân có thể nhuộm mà nói, cho nên Giới sớ chép: Phi nghĩa là khăn giày dùng ba màu nhuộm lại trở thành bị thế tục kinh ngạc, thật rất đáng cười. Khoa kế luật Ngũ Phần nói có hai ý: Một là khác với ngoại đạo, hai là khác với thế tục, ba là ngăn lỗi. Ba thứ ghi nhớ là ba màu. Trong ba thứ, luận Tát-bà-đa chia làm bốn: Đầu tiên là nói vốn nhiễm phi pháp, Uất Kim Căn Phương Chí chép: Xuất xứ từ nước Ô-trượng-na, gốc màu vàng đỏ có thể nhuộm y. Hoàng Lam Chỉ Quy chép: Tức nay là hoa hồng nhuộm màu vàng hồng. Pháp sư Lạc Sa Ứng nói: Lẽ ra gọi là Thán-hựu, Hán dịch là tinh tinh huyết, lam đen tức nay là lam xanh. Điểm vào phạm cát-la là dùng ba màu đúng pháp điểm trên chẳng phải sắc, luận nói chỉ phạm tội nhẹ, nhưng trong luật vốn nhuộm phải đúng, cho nên chú thích phân biệt. Nếu trước trở xuống là nói đổi như thành lỗi. Nếu dùng trở xuống là nói điểm sắc là trái. Cho nên trở xuống là nói trước sai sau đúng. Xếp vào các sắc, trừ lụa là nhiều màu, những thứ khác đều màu vàng, giáng là màu đỏ. Luật Tăng-kỳ nói có hai: Trước là nói hai thứ tiếng Phạm thô tế, tức lông tơ tế, trở xuống là nói y khác, tức là thô. Nhưng tế y ở trên, nếu là ba y trước phải nhuộm chung, nếu phục sức khác chỉ cần điểm cắt. Màu xanh trở xuống là nói ba màu dùng để điểm, xanh có bốn thứ, thứ nhất là xanh đồng, là màu đúng pháp, trở xuống đều là màu phi pháp. Màu xanh đá có đá sinh ra màu xanh, có thể mài để lấy, xanh dương cũng từ trong đá sống có thể dùng làm thuốc, màu đen để làm bùn, nghĩa là để bùn vào trong khuôn nhuộm đen mà dùng. Mộc lan chỉ cho y pháp, ở dưới nói luật Tăng-kỳ dịch tại đất Ngô, không thấy mộc lan nghĩa là quả sắc, v.v... luật Thập Tụng nói ba màu đúng pháp điểm lẫn nhau để tác tịnh, trong mỗi y đều có ba thứ, bùn là màu đen, như chú thích mà hiển bày. Trong luật Tứ Phần thường nói mười, hai văn nói về chế ước. Sau dẫn luật Ngũ Phần để giải quyết văn luận trên, tuy không chế điểm mà nói pháp riêng. Trong năm thì luận Tăng-kỳ ban đầu nói chấm lớn nhỏ. Xưa ghi rằng: Giống như đậu xanh ngày nay, không được trở xuống là nói đặt vào ít nhiều. Nếu giặt trở xuống là nói nhiễm ô thành tịnh. Nếu mới trở xuống là nói hễ làm thì không còn, tất cả y nghĩa là y còn lại mới và tế. Nhiếp là vá, nếu chúng trở xuống là nói chung riêng đều thông. Luật nói không phạm là được vải trắng nhuộm thành ba màu, còn lại là nhẹ, nặng, cho đến khăn, v.v... tác tịnh rồi chứa.

***Giới thứ sáu mươi mốt:*** Phật ngự tại nước Xá-vệ, Ca-lưu-đà-di không thích thấy chim, dùng cung trúc bắn chết chất thành đống lớn, vời lấy sự chê bai, Phật do đó chế giới.

Trong ý nghĩa chế giới có ba: Một là thuận hạnh, hai là thú đạo, hai thứ này là tự lợi, ba là hóa tha. Tứ đẳng Từ, Bi, Hỷ, Xả, cũng gọi là bốn tâm vô lượng. Phỉ báng: Giới duyên cư sĩ lễ bái, nhân thấy cùng nhau chê bai. Sa-môn thời nay không biết nhân quả, thường hại sinh mạng để no miệng bụng, lóc vảy chặt cánh, lửa nướng nước luộc, chỉ thích ngọt béo, đâu nghĩ đau khổ, dao bén tự cầm, thật là kẻ mặc y phục hoại sắc mà ăn máu thịt, tin La-sát trọc đầu. Trong thế tục, quân tử ẩn đời làm tâm, đạo nhân xuất thế hung bạo, ngang ngược như thế, rất mong hậu học suy nghĩ mà cố gắng. Tuy thích thú trong nhất mà vời lấy tai ương trong muôn kiếp, đáng buồn thay.

Nói về năm duyên: Một là súc sinh, hai nghĩa là súc sinh, ba có tâm giết, bốn là tìm cách, năm là cắt đứt mạng sống, ba có tâm giết, bốn là tìm cách, năm là cắt đứt mạng sống. Không phạm cũng đồng với trước, chữ không có ý giết và lầm lộc đều khai.

***Giới thứ sáu mươi hai:*** Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm Tỳ-kheo sáu vị uống nước có nhiều thứ côn trùng bị người chê bai, cho nên Phật chế.

Trong phần phân biệt chỉ bày, phải biết hai giới uống dùng đều rất ngăn ngừa. Trong phần trích dẫn khuyên răn nói là khát chết, trong đó nói: Sau mùa xuân trời rất nóng, gặp nước có nhiều côn trùng. Nói sinh lên cõi trời tức là sinh lên tầng trời ba mươi ba, đội mũ báu trước đến chỗ Phật, còn lại đều như văn. Trong phần giải thích, luận Tăng-kỳ chế phải có thau đựng, hai đấu trở xuống gọi là ứng pháp, không có nước khai cho lá phải lấy thứ khô. Luận Tát-bà-đa duyên khởi nói có chế hạn. Luật Thập Tụng nói phạm tội trái chế thì Đột-cát-la. Trong luật Tăng-kỳ có năm: Đầu tiên nói lượt rồi phải xem, yểm khóa là việc bất đắc dĩ, có đồng khóa hướng dẫn, voi đi bộ còn chậm rãi, huống chi có chở vật, trở về phải lâu, cho nên lấy làm hạn. Nếu bố thí trở xuống là nói hỏi cách lượt nước. Trùng không nói được, sợ kia biết mà thành phạm, nước có trùng trở xuống là nói cách thả trùng trở lại nước. Không tiêu là trải qua thời gian lâu không được bền chắc. Nếu biết trở xuống là nói biết rồi còn hộ pháp. Trong nguyện ý chỉ cho đồng với trước. Giới sớ chép: Nếu y cứ vào nước có trùng thì nên hợp thành một, vì sinh mạng của vật nặng nên trong ngoài kiết cả hai. Luật nói không phạm là trước

không biết, hoặc nghĩ là không có trùng, hoặc trùng to, chạm vào nước khiến chúng lội đi, hoặc lượt nước uống dùng đều không phạm.

***Giới thứ sáu mươi ba***: Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm Tỳ-kheo mười bảy vị hỏi nhóm Tỳ-kheo sáu vị rằng: Làm sao nhập sơ thiền, làm sao được quả A-la-hán. Nhóm sáu vị đáp: Thầy nói như vậy phạm Ba-la-di. Phật quở trách rồi nhân đó kiết giới.

Duyên đầu tiên, luận Tát-bà-đa nêu mười ba mạn, Tỳ-kheo điên cuồng phạm Đột-cát-la, học hối sáu đêm ở riêng. Từ Yết-ma tăng ni nghi não lẫn nhau đều phạm Ba-dật-đề. Giải thích sáu việc thứ ba. Lúc mới sinh, tức nói thầy chẳng phải chừng ấy thời gian mà sinh.

Hai là năm tháng, nói thầy chẳng phải chừng ấy năm như các thọ khác. Ba là thọ giới, nói thầy không đủ tuổi thọ giới, lại giới có riêng chúng. Tứ Yết-ma, nói thầy thọ giới Yết-ma không thành. Năm sáu tụ, nói thầy phạm Ba-la-di cho đến ác thuyết. Sáu thánh pháp, nói pháp mà thầy hỏi là tự xưng được pháp của bậc Thượng nhân phạm tội trọng, chẳng phải Tỳ-kheo. Đọa trở xuống là kết chung ở trên, dẫn luật Tăng-kỳ chỉ khai chánh thọ. Chú thích y cứ không phạm, cũng khai cho thọ sau.

Trong không phạm, hai câu đầu là nêu chung, kia trở xuống là nêu riêng, lại đối với sáu việc trước để nói về khai tướng. Đầu tiên là đến thời sinh khai thứ nhất. Nếu thật vô trở xuống là thứ hai. Nếu thật năm trở xuống là hợp nói ba, bốn. Chú thích quyết đoán thọ lại trước phải nghiên cứu kỹ, thời nay người thọ thường không đủ tuổi, thập sư mù mờ giáo pháp không thể nêu hối, trở xuống là sau đàn tràng liền đồng với việc tăng, mạo thọ tín thí, thật đáng thương xót. Nếu thật phạm trở xuống là thứ năm, lại trở xuống là thứ sáu. Sáu thứ trên đều gọi là có tâm Từ bi thương xót. Còn những thứ đùa giỡn, lầm lộn khác, v.v... đều không có ý làm xúc não, nên đều khai cho.

***Giới thứ sáu mươi bốn:*** Phật ngự tại nước Xá-vệ, Bạt-nan-đà và Tỳ-kheo bạn thân thường phạm hướng thuyết mà không nói cho người biết, sau tranh cãi với nhau bèn nói ra, Phật do đó chế giới.

Danh nêu tội thô phân biệt với thiên dưới. Khoa đầu trong giải thích, luật Thiện Kiến nói che giấu tuy một nhưng có khả năng che giấu đồng tình, nhiều người đều phạm một che giấu, nhiều người nhiều tội nên biết, chú giải trích dẫn luật Thập Tụng nêu tướng phát lồ, chỉ vì nói lên tâm mình vô tư, lại sợ xúc não nhau, cho nên không cần nhiều. Khoa

kế, luận Tăng-kỳ đầu tiên là phân biệt đối với phát lộ, nếu trở xuống là nói nạn khai. Hộ căn nghĩa là ý căn. Trong ba pháp, luận Tát-bà-đa khai nghi, do chưa xét quyết nên không thành che giấu. Trong Tứ Phần có dẫn luật nói phạm, đầu tiên là y cứ ngày đêm đều chia ra thời hạn, thay nhau nói cho hiểu, cho nên biết phát lộ tội lỗi chế hạn trong nửa ngày.

Hỏi: Giờ tiểu thực biết, sau khi thọ thực không nói thì có tội gì không? Đáp: Theo nghĩa để cầu thì đầu hôm, nửa đêm không nói đều phạm Đột-cát-la, đều là phương tiện. Nếu nói về phạm đọa thì phải y cứ vào minh tướng. Trong văn, kết tội đọa do thứ lớp ở trước, lại y cứ vào nửa đêm, gần sáng. Trừ trở xuống là nói về tội nặng nhẹ đã che giấu. Tội khác tức trở xuống là ba thiên. Tự trở xuống là phân biệt tự tha khác nhau. Sớ chép: Che giấu tội người khác gọi là nặng mà trị nhẹ (chỉ sám hối bốn tội), tự che giấu gọi là nhẹ mà trị nặng. Lại nói che giấu tội người khác có gốc, cho nên chế nặng khiến phát lộ vì giới thanh tịnh. Tự che giấu vốn hoại không cần chế nặng, v.v..., trừ ni trở xuống là phân biệt với chúng khác. Che giấu ni đồng với tăng, luận này nói tội khinh, cho nên phân biệt trừ bỏ, người khác tức ba chúng. Trong phần không phạm, đầu tiên không biết, vô tâm mà che giấu. Không có tưởng thô, do tâm khác nhau, nếu nói với người là đã phát lộ, không có người để nói là thiếu sở đối. Nếu phát tâm là chẳng có ý che giấu. Nếu có các nạn thì như luật Tăng-kỳ ở trên khai cho hộ tâm.

***Giới thứ sáu mươi lăm***: Phật ngự tại thành La-duyệt, nhóm mười bảy đồng tử vị lớn nhất mười bảy tuổi, vị nhỏ nhất là mười hai tuổi, vì tín tâm mà xuất gia, không thể ăn một bữa, ban đêm kêu la, nên Phật chế giới.

Về duyên phạm, có ba pháp thì phạm, ở đây chế Hòa thượng phạm đọa, các sư khác phạm Đột-cát-la. Trong phần giải thích, luận Tát-bà-đa trước nói chế cho người già. Đầu tiên là chỉ bày chế, trở xuống là nói ý. Vì sức khỏe yếu nên không thể chịu khổ, vì tuổi già cho nên trí kém. Bảy trở xuống là nói chế cho người trẻ. Ban đầu phân biệt với người quá nhỏ cũng không được làm Sa-di. Chưa trở xuống là nói bảy tuổi trở lên không được thọ giới cụ túc, trở xuống giải thích ý cũng có hai: Một là không chịu được khổ, hai là vời lấy sự chê bai, luật Tăng-kỳ và luận hơi giống nhau, già riêng như trở xuống là hội thông, tạo việc thì tạo là làm, chỉ cho rộng. Quyển thượng là thiên thọ giới, quyển hạ là thiên Sa-di. Trong hội thông chia làm hai, tình là hai bộ đều chấp, luận y cứ sáu mươi tuổi trở lên chịu được khổ nhọc, cho nên đúng như

luật không ngăn. Luật y cứ bảy mươi tuổi trở xuống không chịu được khổ thì đồng với luận cũng chế, cho nên nói cả hai cùng chung không có tổn hại, mâu hợp thành giáo. Trong không phạm có hai: Đầu tiên là nương lời người khác, sư tăng không có lỗi, người thọ không có giới. Nếu thọ trở xuống là khai nghi sau. Có giới không lỗi, y cứ theo đây chỉ khai ba địa vị, một vị lớn nhất, cổ sư tương truyền, cho nên trong giới sớ không dùng cũng được. Trong phần chỉ bày riêng, nói ý có hai, đầu tiên là chỉ rộng, nói các bộ như Già Luận chép: Từ thai mẹ thường lấy tất cả tháng nhuần, trong luật Ngũ Phần đầu tiên là cho phép đếm thai, kế là cho phép đếm nhuần, sau là cho phép tính đủ tuổi Sa-môn. Luận Tỳ-ni Mẫu ban đầu cho phép đếm năm ở trong thai, kế là cho phép đếm tháng nhuần, ba là đếm mười bốn Bố-tát, bốn là nói thật đắc quả La-hán. Về khả năng chịu đựng, cổ sư nói: Nước này dùng lịch cứ ba năm nhuần một lần, sớ bác bỏ rằng: Các lịch khác nói ba mươi hai, ba mươi ba tháng mới có một lần nhuần, đâu có hạn cuộc ba năm. Chỉ trở xuống là nói lược, đầu tiên là bày ý lược, chỉ thông trở xuống là bày pháp lược. Nói một câu, câu có dài ngắn, tức trở xuống là hai khoa kim cổ, dùng pháp toán cổ để lập nghĩa rất phiền phức, nay dùng số hành để gom chung đại yếu, ý nói rất ít cho nên chỉ một câu. Khoa kế nêu ra trong toán cổ. Kia cho rằng năm đủ mà tháng không đủ thì mới khai cho tăng toán, cho nên lấy nhỏ nhất phải là mười tám năm hai ngày. Liền dùng bình đẳng: Văn sớ rất rõ ràng, ở đây không chép kỹ, chỉ y cứ vào bốn địa vị nêu bày thẳng toán pháp, sơ toán thai pháp. Phần nhiều y cứ đạo tục, lời văn chín tháng là thai. Vì trong thai bảy ngày chuyển một lần, như kinh Ngũ Vương nói bảy lần bảy ngày thành người. Như thế gồm có ba mươi tám lần chuyển, bảy ngày chuyển một lần, gồm có hai trăm sáu mươi sáu ngày, từ đây về trước đồng khí với mẹ, sau đó bốn ngày lúc sắp sinh ra thì khác khí với mẹ. Y cứ thành tháng thì có chín tháng bốn ngày, chung với trước mười tám năm chín tháng sáu ngày. Hai là cách tín nhuần, đại lược là nói mười chín là chương, lấy bảy làm nhuần, ba năm nhuần một lần có ba, cho nên có bảy. Tính trước mười tám năm chín tháng sáu ngày. Một chương vẫn thiếu hai tháng hai mươi bốn ngày, không đủ mười chín năm, y cứ được sáu tháng hai mươi bảy ngày nhuần, chung với trước mười chín năm bốn tháng ba ngày. Ba lần đại pháp gồm cả những năm trước thành hai trăm ba mươi hai tháng ba ngày. Pháp tần đại là bốn mươi chín tháng làm chương, một chương có ba tần đại. Hai pháp đầu là mười bảy tháng, mỗi tháng đều có một đại. Kế là mười lăm tháng có một đại, cứ như thế đến cuối thì trở lại đầu,

cho nên dùng trước một trăm chín mươi sáu tháng thành bốn chương, một chương có ba ngày, tất cả được mười hai ngày, ba mươi sáu tháng còn lại được hai tần đại, thành mười bốn ngày, chung với trước thành mười chín năm bốn tháng mười bảy ngày. Bốn pháp Bố-tát chung cho mười bốn ngày Bố-tát, nghĩa là do tháng đủ, số ngày Bố-tát, nghĩa là do tháng đủ, số ngày Bố-tát tức là một năm trừ nhuần. Sáu đại được mười hai ngày, sáu tiểu được sáu ngày. Y cứ được mười tám ngày, tính chung mười chín năm bốn tháng, rút ra được ba trăm bốn mươi tám ngày, dùng hai mươi tám ngày làm một tháng thì ba trăm ba mươi sáu ngày là một năm, còn dư mười hai ngày, so với trước lẻ mười bảy ngày cho nên thành một tháng một ngày, chung với trước là hai mươi năm, năm tháng, một ngày, cho nên nói là dài. Trên là nêu ra cổ giải thích lầm. Trong phép tính ngày nay, đầu tiên là nói pháp lui sụt, dài này chỉ cho năm tháng một ngày ở trên. Theo sự thật nghĩa là dùng tháng hư này, lại lấp vào cho thật thì có bốn tháng, mười ba ngày. Giới sớ có nêu ra cách lấp vá, cho nên có bốn tháng mười tám ngày. Sách ấy chép: Y cứ vào năm tháng thì bảy đại Bố-tát giảm còn bảy ngày, lại giảm nhuần, còn lại được mười lăm ngày, lại giảm tần đại được nửa ngày. Tính chung giảm được mười ba ngày, giảm ở trước năm tháng một ngày. Y cứ theo thật chỉ có bốn tháng mười tám ngày. Theo tuổi này thì buổi chiều sinh đủ mười chín, tám tháng mười hai ngày nên chuẩn bị được thọ, nếu trừ tần đại thì tám tháng, hai mươi sáu ngày được thọ, nay sớ sao nói nhuần lại bốn ngày, tần đại thì không trở lại, cho nên chỉ tăng mười một ngày năm tháng, một ngày trả lại mười một ngày, há chẳng phải bốn tháng hai mươi ngày là thật hay sao? Thối giảm nghĩa là trong mười tám năm hai ngày thối trừ bốn tháng hai mươi ngày. Cho nên đến sau tám tháng chín ngày mà thọ tức là ngay mười ngày đã mãn hai mươi. Nhưng đối với ở dưới tính kỹ vẫn thiếu hai ngày, cho nên trong sớ y cứ yếu kém mà được nhiều chỗ lấp hai ngày. Do nhuần và tần đại đều thấm nhuần chút phần, cho nên lấy nhiều sở thối, thành mãn sở tăng. Nhưng từ xưa chương ký không nêu ra, nay sư tính pháp. Người học sau phần nhiều mê lầm, không khỏi ràng buộc, cho nên lược nêu ra. Các sư thời nay y cứ năm tháng đều không đầy đủ là khai ra tính năm này. Mười chín là năm tháng trước cùng tận thì ngày mới đủ một năm, thật ra chỉ mười bảy năm bảy tháng lẻ mười một ngày. Lại y cứ bốn giai vị mà nói. Đầu tiên là thai pháp chín tháng bốn ngày đủ với trước thành mười tám năm, bốn tháng mười lăm ngày. Hai là nhuần, mười chín là chương, một chương có bảy nhuần tính chung là mười tám năm, bốn tháng, mười lăm ngày,

vẫn thiếu bảy tháng, mười lăm ngày, cho nên không đủ một chương, lẽ ra được sáu tháng hai mươi ba ngày, cộng ở đây với trước thành mười tám năm, mười một tháng, tám ngày. Ba tần đại mở ra với trước thành hai trăm hai mươi bảy tháng lẻ tám ngày, bốn mươi chín tháng là chương, một chương có ba ngày, dùng một trăm chín mươi sáu tháng làm bốn chương, được hai mươi ngày, trừ ba mươi mốt tháng lẻ tám ngày, lẽ ra được hai ngày, cộng chung mười bốn ngày đủ với trước thành mười tám năm, mười một tháng, hai mươi hai ngày. Bốn Bố-tát là mười tám năm mười một tháng, rút ra được ba trăm bốn mươi ngày, đem ba trăm ba mươi sáu ngày làm một năm, thêm thành mười chín năm, bốn ngày còn lại thêm mười một tháng, hai mươi hai ngày ở trước thành hai mươi sáu ngày, y cứ vào hai mươi tám ngày là một tháng thì thiếu hai ngày, giới sớ nói đến mười hai ngày mới được, cho nên sớ sao ngày nay ngoài mười ngày lại thêm hai ngày, hợp thành một tháng mới được, đầy đủ hai mươi năm, nay thì sớ là nhất định, nhưng cách tính này nhiều đời cũng mê, giảng sư đến chỗ này rất là lầm lạc, người học nghe nói chỉ thêm mờ tối, cho nên đặc biệt chịu khó chớ cho là dài dòng, còn như việc tỉ mỉ thì làm sao viết cho hết được, cho nên lại lược bớt. Trong ba pháp, đầu tiên là chỉ cho sự trải qua của thế tục. Sáu, bảy nhà: Ở đây vì sự thấy biết của sao chủ chưa rõ ai soạn. Một nhà: Cổ ký cũng thường chỉ sai, nhưng là ức đoán không có chỗ y cứ, cho nên nay bất định. Dịch Vĩ tám quyển do Vương Bật soạn, Trịnh Huyền chú giải. Đến trở xuống là chỉ cho nghĩa khác, không viên mãn đắc giới tức trong luật Thập Tụng nói nếu không đủ hai mươi tuổi, tự nghĩ là không đủ, hoặc quên không biết, tăng hỏi đủ hai mươi tuổi chưa, đáp đủ thì đắc giới, đáp không đủ thì không đắc giới. Lại, trong luật Ngũ Phần, luận Tỳ-ni Mẫu trích dẫn ở trước nói pháp đắc giới không đợi đủ hai mươi tuổi. Chỉ cho giới sớ: Văn này rất rộng, không học thì không biết.

***Giới thứ sáu mươi sáu:*** Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm Tỳ-kheo sáu vị tranh cãi, đúng như pháp dứt trừ rồi, sau lại khơi dậy, cho nên Phật chế.

Duyên đầu có bốn thứ tránh: Một là ngôn tránh, hai là mích tránh, ba là phạm tránh, bốn là sự tránh. Về tư tránh, luật chép: Trừ tránh này, nếu các cuộc tranh chấp, mắng nhiếc khác xảy ra, hoặc xảy ra rồi lại tranh chấp, trừ hai chúng, người khác tranh chấp mà phát khởi thì tất cả phạm Đột-cát-la.

Trong phần không phạm, nếu trước không biết, hoặc xem làm mà

nghĩ là không xem, hoặc sự thật như thế, lời nói bất thiện quán bình đẳng, hoặc đùa giỡn, hoặc nói lầm, v.v...

***Giới thứ sáu mươi bảy***: Phật ngự tại nước Xá-vệ, có rất nhiều Tỳ-kheo đến Tỳ-xá-ly, những người đi buôn muốn trốn thuế bèn làm bạn với các Tỳ-kheo, bị người giữ cửa bắt được, người thế tục chê bai, Phật nhân đó chế giới.

Duyên phạm thứ sáu: Quá hạn nghĩa là hoặc trong thôn, các chỗ đường đến một đường, phạm Ba-dật-đề, nửa đường phạm Đột-cát-la. Chỗ hoang vắng đi mười dặm phạm Ba-dật-đề, dưới mười dặm phạm Đột-cát-la, tìm cách hẹn nhau mà không đi phạm Đột-cát-la. Trong giải thích, hai luật nói làm bạn đi chung, tuy chẳng phải là giặc, hoặc sợ gần quen, hoặc sinh lỗi chê bai cho nên chế. Theo đây thì đi xa phải chọn bạn lành. Không phạm là trước không biết, không cùng kết bạn mà đi theo được an ổn, thế lực có thể đưa đến nạn mạng sống, nạn phạm hạnh v.v... đều khai cho.

***Giới thứ sáu mươi tám:*** Phật ngự tại nước Xá-vệ, A-lê-tra có ác kiến nói dâm dục không chướng đạo, các Tỳ-kheo can ngăn không bỏ. Phật bảo bạch tứ Yết-ma can ngăn, sau đó Ngài quở trách kiết giới.

Dâm dục là việc thô ác chướng đạo mà cho là không chướng, cố chấp không bỏ, nên gọi là ác kiến, cũng gọi là ác tà. Tuy miệng nói vẫn làm thương hủy chánh hóa, dẫn dắt vào chỗ mù tối, mở cửa đường ác, làm cho người bị đọa lạc, họa hại rất nặng, đặc biệt phải cấm ngăn. Trong duyên đầu, đây là do nói dâm dục là đạo, không biết ngay nơi sự bày lý, làm cho tánh nhiễm, lại là đại từ, bị chướng rất nặng. Phàm ngu độn căn còn bị ràng buộc chưa lìa dục, hết duyên trở xuống là gieo giống cho rằng sự tu tập ở vị lai, chẳng phải bản ý của Phật, nương dựa vào Thánh giáo, không đạt được ý chỉ sâu xa, chấp chặt giáo hóa người cho nên phải bị quở trách can ngăn, can ngăn mà không bỏ thì lại thêm pháp cử tội. Nay người học Đại thừa phần nhiều rơi vào kiến chấp này, giới chế miệng nói cho nên thực hành quở trách để trị, phải như thân thực hành quyết định phải tẫn xuất, còn lại đồng với can ngăn ở trước, giới chỉ có tên tội là khác.

***Giới thứ sáu mươi chín***: Do giới trước cử tội, nhóm Tỳ-kheo sáu vị cung cấp những vật cần dùng, cùng đồng yết-ma, cho nên Phật chế giới.

Trong sớ có ba ý cho nên Phật chế: Một là làm tăng thêm sự lừng lẫy của kiến chấp kia, hai là phải đồng sự nhiễm sâu, ba là trái mạng lệnh của tăng phạm tội nặng. Trong duyên thứ ba thuận theo có ba: Một là cung cấp những vật cần dùng (có hai thứ là hoặc pháp, hoặc tài vật), hai là cùng đồng yết-ma (đồng thuyết giới yết-ma), ba là ngừng dứt nói năng (tất cả che giấu, chướng ngại, hoặc tất cả che giấu không có tất cả chướng ngại, hoặc tất cả chướng ngại không có tất cả che giấu, hoặc không phải đều che giấu, không phải đều chướng ngại, hoặc kia đây trước sau nhập, hoặc câu thời nhập, hễ mỗi lần hông chấm đất phạm một tội đọa.

Trong phần không phạm là hoặc không biết, hoặc nhà tất cả lợp mà không chướng ngại, nửa chướng ngại, một ít chướng ngại, hoặc tất cả chướng ngại, không lợp, lợp phân nửa, lợp một ít, lợp và che chướng phân nửa, lợp và che chướng một ít, ở chỗ trống. Hoặc bệnh, bị trói cột, nạn mạng sống, nạn phạm hạnh v.v...

***Giới thứ bảy mươi:*** Phật ngự tại nước Xá-vệ, hai Sa-di của Bạt-nan-đà cùng nhau làm hạnh bất tịnh, bèn nói ra. Vì muốn không chướng đạo nên Phật bảo bạch tứ yết-ma từ xa can ngăn, không bỏ thì diệt tẫn. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị dụ dỗ đem về nuôi dưỡng, nhân đó Phật chế giới.

Chỉ cho đồng với trước, sớ chép: Một là Sa-di bị tẫn, hai là biết, ba là cùng làm việc, ngủ nghỉ, bốn là tùy việc đồng phạm, ngoài ra đều đồng.

***Giới thứ bảy mươi mốt***: Phật ngự tại nước Câu-thiểm-tỳ, các Tỳ-kheo đúng như pháp can ngăn Xiển-đà, bèn nói: "Nay tôi không học giới này" nên vặn hỏi những vị có trí tuệ trì luật khác.

Trong giải thích, đầu tiên nói kết phạm, bốn việc tức bốn tội nặng. Năm trở xuống là đối đáp. Kia muốn vặn hỏi cho nên khiến đáp, phải quán sát ý họ. Năm hạng người là: 1 Hỏi thử. 2 Không nghi. 3 Không vì sám hối điều đã phạm. 4 Không nghe lời người khác. 5. Văn hỏi mà không cần trả lời.

Không phạm là người can ngăn kia si mê không hiểu biết, nói rằng: "Thầy hãy trở về thưa hỏi Hòa thượng, Xà-lê học vấn tụng kinh, v.v..."

***Giới thứ bảy mươi hai***: Phật ngự tại nước Xá-vệ, các Tỳ-kheo

cùng nhóm họp tụng tập Tỳ-ni. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị sợ bị cử, bèn nói: Học các giới vụn vặt này làm gì? Cho đến mười ba việc. Phật bèn quở trách chế giới.

Trong ý chế giới, luận Tát-bà-đa có ba ý, đầu tiên tức là giới trọng, là gốc của đạo, hai là tăng thêm hạnh mình, ba là hộ pháp Tỳ-ni, cấm ác, hủy pháp, pháp ác lẫy lừng. Lại trở xuống là giải thích nghĩa vụn vặt. Nếu y cứ theo duyên luật chỉ cho ba thiên ở dưới. Oai nghi là vụn vặt, luật y cứ vào rộng lược để nói về thuần tạp. Trong duyên có hai: Khi tụng giới không cần ở trong chúng, năm duyên nêu ba, nghi là chép sót, y theo sớ thêm vào, bỏ bốn từ, năm từ thì rõ hơn.

Trong giải thích đầu tiên là dẫn luật Ngũ Phần, thời nay những người mới thọ giới muốn tụng giới bản, các sư nhiều khổ chướng hoặc thêm hủy báng, chính là phạm giới này. Luật Thập Tụng đầu tiên là nêu ra lời hủy báng, sợ phạm cho nên nghi não, có phạm thì nóng bức, nếu trở xuống là dứt phạm. Luận Tát-bà-đa đầu tiên quở trách giới bổn, hai phạm chung riêng trở xuống là nói về bài tựa giới, mắc chung một tội, dẫn luật khế kinh nói phạm Cát-la. Luận Tát-bà-đa nói bổn nghĩa cho nên hủy báng Tỳ-ni phạm tội nặng, một là Tỳ-ni có công năng sinh ra muôn điều lành, hai là tất cả đệ tử Phật đều nương vào Tỳ-ni, ba là thú hướng đến cửa đầu tiên của Niết-bàn, bốn là chuỗi anh lạc của Phật pháp, các kinh khác nói vô cớ phạm tội nhẹ.

Lại sớ chép: Ở đây là nói theo Tiểu thừa, tội hủy báng Đại thừa rất nặng, chẳng thể suy lường mà biết được. Tự nghĩ rằng: Y theo chế giáo thì Đại thừa, Tiểu thừa đồng phạm tội Cát-la, còn theo nghiệp đạo thì nặng nhẹ phải phân. Luận Đại Trí Độ chép: Trong đây, kiếp hỏa khởi lên, tội ấy chưa hết, cho nên chuyển đến trong đại địa ngục ở các thế giới mười phương. Nếu kiếp hỏa kia khởi lại xoay vần đến phương khác, kiếp hỏa ở phương khác khởi thì lại đọa vào địa ngục A-tỳ ở trong đây, xoay vần như trước, đây là tội phá Bát-nhã Ba-la-mật. Lại như bài kệ trong phẩm Thí dụ kinh Pháp Hoa có nói rộng về ác báo.

Trong phần không phạm đều cho rằng mong tâm sau tụng chẳng phải hủy diệt, cho nên đầu tiên là khai mở tu tập kinh luận, tuy không phạm điều gì trái với thứ lớp học chẳng phải ý của bổn giáo. Tịnh Tâm Quán chép: Vượt học Không tông Phật không tùy hỷ. Kế là khai duyên bệnh, sai khai tiến hành. Nghĩa là tu thẳng ba học, phá hoặc chứng quả, định sau sẽ tụng. Cho nên biết bậc chí Thánh không trái với pháp chế này.

***Giới thứ bảy mươi ba***: Bấy giờ, Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, có một vị Tỳ-kheo trong nhóm tỳ-kheo sáu vị tự biết mình có tội sợ bị cử, nên đến trước chỗ Tỳ-kheo thanh tịnh nói rằng: Tôi mới biết pháp nầy chép ra từ giới kinh. Nhân đó Đức Phật chế giới.

Tên giới sợ cử tội y cứ vào tình kia, sớ nói không thuộc nhĩ giới, suy ra gốc kia. Các cổ sư cho rằng dối trá sợ phô trương giới khác với lời nói nay nhưng ý đồng, luật Tăng-kỳ trong phần giải thích ban đầu nói kết tội, luật kia chỉ y cứ chỗ không nghe. Luật chế phạm tội nặng nhẹ không hẳn đúng như duyên, sớ nói nếu đã có nghe giới tức là đã biết lâu rồi mà nói mới biết thì phạm tội nói dối kết tội Ba-dật-đề, nếu không hiểu biết không thuộc có tội. Thọ trở xuống xuống là nói rõ chế học, hai bộ, một bộ đều y cứ theo quảng luật. Lại tức là giới vốn như câu đầu, trong văn lược chép ba thiên. Nên y cứ như trên: Không thể đương tụng tứ giới bốn chúng... và bài kệ là các điều ác chớ làm, v.v... Như trở xuống là nói chế thuyết, đầu tiên chế năng thuyết, ngoài ra chế thính chúng, các nghĩa nghĩa là tụng kinh, v.v... giới là cốt yếu của hành bổn nhiếp tu, cho nên chánh chế không cho các việc khác. Trong phần không phạm, nếu thật sự chưa nghe thuyết giảng nay mới nghe hoặc nói chơi, hoặc nói lộn, v.v...

***Giới thứ bảy mươi bốn:*** Đức Phật ngự tại La-duyệt-kỳ, lúc ấy Đạp-bà-ma-la-tử làm tri sự, tăng chúng được y quý bạch nhị yết-ma thưởng cho. Nhóm tỳ-kheo sáu vị sau đó hối hận nên Phật chế giới.

Duyên đầu tiên Tăng vật bốn thứ như giới ăn trộm đã đã nói, hai thứ hiện tiền có thể hòa tăng để thưởng, hai thứ thường trú tất cả không khai tức y, bát, ống đựng kim, ni-sư-đàn cho đến món đồ đựng thức ăn uống tùy theo sự dùng mà thưởng. Trong ba phần trở lại chê bai tức giới bổn thì các Tỳ-kheo theo bạn thân lấy vật tăng cho. Không phạm việc kia thật sự như vậy theo người thân mà cho, hoặc nói chơi, nói lộn.

***Giới thứ bảy mươi lăm:*** Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, có nhiều tỳ-kheo luận bàn pháp tỳ-ni, nhóm tỳ-kheo sáu vị bảo nhau các Tỳ-kheo hình như làm pháp yết-ma cho chúng ta liền đứng dậy bỏ đi, Tỳ-kheo gọi đứng lại mà cố bỏ đi, do đó Phật chế giới.

Về duyên đầu, sớ chép: ở đây chỉ dứt bốn việc tranh cãi, người không dữ dục phạm tội Ba-dật-đề, người khác phạm tội Đột-cát-la. Theo duyên thứ năm của luật thì một chân ở trong cửa, phương tiện muốn đi mà không đi phạm Đột-cát-la, khoa đầu trong phần giải thích,

luật Ngũ Phần đầu tiên nói về chánh phạm. Ba lần yết-ma nghĩa là đơn bạch, bạch nhị, và bạch tứ, dưới y cứ che giấu và phát lộ nói phần phạm bằng nhau, hoặc trở xuống nói lỗi nhẹ. Khoa kế, luật Tăng-kỳ ban đầu nói tỳ-ni, nhưng chẳng phải đoạn tránh cho nên phạm tội nhỏ. Bạch nghĩa là thuyết dục, đại tiểu tiện, người không phạm y cứ theo đây tạm bỏ đi liền đến không cần thuyết dục, trở xuống là nói người tụng kinh cũng phải bạch, chỉ bạch bảo người ngồi gần bên không cần trình bày ý muốn, trung gian lời khác vì chẳng phải Ba Tạng chánh giáo. Trong đoạn ba theo luật Ngũ Phần nói phi yết-ma nên không lựa chúng, không phạm trung, văn lược ngậm miệng không nói.

***Giới thứ bảy mươi sáu***: Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm tỳ-kheo sáu vị sợ bị cử tội, sáu vị theo nhau không thể nào may y được. Lúc sau may y Tăng bảo thọ dục, liền làm yết-ma với các Tỳ-kheo, sau sáu vị nói: Tôi do việc kia dữ dục, Phật quở trách, do đó chế giới.

Duyên đầu, luận Tát-bà-đa trừ Tăng pháp, các việc khác về sau hối hận phạm Đột-cát-la. Thứ ba người lại hối hận khởi lời nói này người làm yết-ma phi pháp yết-ma, vì không thành ta do việc kia, dữ dục không do việc này. Giải thích đầu tiên nói khai duyên, hoặc dưới đây nói chánh phạm, thuận pháp nghĩa là yết-ma đúng như pháp. Vua trở xuống là nhân chỉ bày chế mà riêng, như nay quốc gia làm sai trái đều là tội nhỏ. Người đời vọng cho áo mầu là vua chế, ngoài ra Tăng phục hoại sắc lẽ ra đều phạm chế, nhưng muốn trong sức chẳng phải đâu biết hủy giáo, trong đó không phạm việc kia thật sự là như vậy, làm yết-ma phi pháp, nói lầm kia đây khai cho.

***Giới thứ bảy mươi bảy:*** Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm tỳ-kheo sáu vị nghe các tỳ-kheo tranh cãi rồi bèn đến kia nói khiến cho tranh đấu không dứt, cho nên Phật chế giới.

Trong duyên thứ năm là không đợi người nói, sớ chép: giới bổn nói rằng nói với người kia, y cứ vào người nghe ý đến nơi kết tội, hễ nghe liền phạm. Nếu đợi nói với người kia thì rơi vào tội hai lưỡi, lại nói rằng hai lưỡi chưa có tranh cãi, nghe chẳng cần sinh, đợi nói mới có. Đây là trước có tranh cãi đến nghe sẽ sinh, cho nên càng chế trước, đâu đợi kia nói. Trong phần giải thích có ba thứ cùng nói, không cho trộm nghe điều tốt của phàm tình, người trí phải dè dặt. Lược bỏ yết-ma phi pháp, vì muốn biết nên cho.

***Giới thứ bảy mươi tám:*** Phật ngự tại nước Xá-vệ, có một vị trong nhóm tỳ-kheo sáu vị đánh một vị trong nhóm tỳ-kheo mười bảy vị, bèn la lớn, cho nên Phật chế giới.

Duyên đầu tiên phân biệt với chúng dưới phạm cát-la. Khoa đầu trong phần giải thích thì người phạm tội đọa vì không phân biệt cảnh, nếu trở xuống là y cứ sự phần, phạm tội nặng nhẹ, cả hai khác nhau, trở lại xung đột. Khoa kế, luật Thập Tụng nói mỗi việc đều phạm tội đọa, nếu chấp lấy chỗ bị đánh thì trông mong nhiều người, nếu y cứ vào năng đánh liền theo Sa đậu ít nhiều. Trong phần thứ ba nói y cứ sát tâm muốn đánh chơi thì đồng với xúc chạm, hoặc chỉ tâm sân nên đồng các tội khác. Trong phần thứ tư Luật Tăng-kỳ nghĩ chứa nhóm liền giữ gìn gấp. Trong phần không phạm, cho đến văn lược lúc ngủ thân dựa lên người khác, hoặc lúc đi kinh hành qua lại đụng chạm nhau, hoặc khi quét đất đầu chổi lầm chạm nhau. Khoa đầu trong phần bác bỏ si là cây gậy nhỏ. Nhất hóa là các giáo không khai, liền biết Phật lúc còn ở đời không thực hành. Quyển trước là thiên Thầy trò, khoa kế Đại tập y cứ vào năng thuyết pháp giáo hóa thế gian có lợi ích, tuy phá giới không giới tội nghiệp vẫn như vậy. Huống chi ngoài ra trì giới vốn không ở nơi lời nói, trong tất cả tội, năm tội nghịch nặng nhất, trong năm tội nghịch làm thân Phật ra máu là nặng nhất, làm ra máu một vị Phật đọa địa ngục A-tỳ một kiếp, huống chi là muôn ức vị. Do tội rất nặng nên đem ra so sánh. Theo Luận Trí Độ ban đầu nêu lên để chế giới, thuận theo tướng thế gian kết giới là chế giáo, tội đời sau tức nghiệp đạo, như dưới đây nêu tướng để chỉ bày. Muốn trình bày đánh bằng roi nghiệp nặng khiến cho người tin dè dặt, khen người nữ là lời nói thô.

***Giới thứ bảy mươi chín:*** Cũng do nhóm tỳ-kheo sáu vị dùng tay đánh mười bảy vị cho nên Phật chế giới.

Tên giới, theo luật Tăng-kỳ thì sáu vị dùng nắm tay đánh vào hông người làm dao, gọi là đánh bắt. Trong phần giải thích đối với giới trước lời sớ; vốn là đánh chẳng phải bắt, chỉ đánh nhà phương tiện kết tội. Vốn là bắt chẳng phải đánh, động tâm phương tiện bắt. Khoa kế luận Du-già nói mỗi mỗi phạm Ba-dật-đề, y cứ về người bị bắt đánh, lại tùy theo giơ tay để nói nhiều tội. Trong không phạm của luật thì nếu có duyên sự phải đưa tay ngăn, xúc chạm, v.v...

***Giới thứ tám mươi***: Cũng phần do nhóm tỳ-kheo sáu vị dùng tội Tăng Tàn không y cứ chê bai mười bảy vị, nên Phật chế giới.

Trong đó chỉ lược, e rằng quên giới trước lược dẫn duyên thành có tám: 1/ Đại Tỳ-kheo; 2/ Nghĩ là đại Tỳ-kheo; 3/ Bên trong có tâm sân; 4/ Không có ba căn; 5/ Dù chỉ đối một người nói; 6/ Dùng tội Tăng tàn vu khống thêm; 7/ Nói lời rõ ràng; 8/ Người đối diện biết thì phạm.

***Giới thứ tám mươi mốt***: Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, phu nhân Mạt-lợi vânh thờ kính tin Tam bảo, cho Tỳ-kheo tự do vào cung, Ca-lưu-đà-di vào cung, phu nhân ngồi trên giường để lộ thân hình, do đó Phật chế giới.

Duyên đầu, Sát-lợi là hàng trưởng giả trong bốn họ, theo luận thì lúc nhận vị quán đảnh tức rưới nước trên đầu trong giới bổn. Ngoài ra, ba dòng họ cũng như vậy, người lập cũng gọi là quán đảnh, duyên kế đồng ở chỗ đó, y theo sau vua chưa ra xét theo phương tiện ngủ lại trong cung mới phạm. Đã ra ngoài lẽ ra phạm tội nhẹ. Ở Trung quốc, cung vua không cho vào ngay, việc này cũng ít có. Theo sớ, bốn người vào cửa hạn chế, rất đề phòng mà chế, mới vào đã kết tội, huống chi cõi báu. Trong phần giải thích, Túc Tán nói các tiểu vương khác nhiều như lúa thóc. Trong không phạm là nếu có người tâu bạch mời gọi, hoặc nạn mạng sống, nạn phạm hạnh.

***Giới thứ tám mươi hai:*** Phật ngự tại nước Xá-vệ, ngoại đạo đi giữa đường dừng nghỉ bỏ quên lại một ngàn lượng vàng. Thầy Tỳ-kheo thấy mang về, khi trả lại bèn nói vàng thiếu, nhà vua xét đoán hình phạt bắt vào cung, do đó Phật chế giới.

Trong phần chánh danh, ban đầu chỉ bày tên có y cứ, luận như sau có dẫn chứng, do đó sau bỏ xưa đã lập, kia chấp duyên khởi, nghĩa là lượm vật bỏ rơi phạm Ba-dật-đề, tay cầm chỉ phạm Đột-cát-la, nên gọi là lượm vật rơi, trong phần duyên khởi của tướng phạm giới này có hai: hễ cầm của báu chỉ có ba duyên ban đầu thứ hai và thứ năm, nếu ở trong xóm làng lượm vật báu của người đánh rơi mới đủ năm duyên, nếu lượm y rơi lẽ ra chỉ mắc tội Đột-cát-la. Ở lại đêm tại Già-lam nơi có của báu hay không có của báu tất cả đều khai cho nhặt. Như dẫn chứng dưới đây, ba chẳng phải trụ xứ chẳng phải già-lam và nơi ngủ lại đêm, nghĩa là không phải nhà thế tục. Trong phần giải thích thứ nhất nhiều bộ luận ban đầu nói của báu thật sự, bảy thứ là vàng, bạc, ma-ni, trân châu, san hô, mã não, xà cừ, trong luật có hỗ phách, lưu ly, ngọc bội (luận cói tiền cũng như vật báu). Hoặc dưới đây nói dường như của báu, lấy mắc tội Đột-cát-la luận chép: Vì chứa để cho nên lấy, người không

lấy luận gọi là không nên tự lấy đúng pháp thuyết tịnh (y cứ thì không vì chứa mà cầm nên không có lỗi) văn trên thông với luận chứa cầm, hoặc cầm nắm nói riêng cầm là phạm. Vàng mỏng nghĩa là vật thiếp bên trong, vàng lượng hoặc thiếp hoặc vàng đúc, dường như vật báu, một trăm lẻ một cách cầm nắm đều khai, đã ra bên ngoài đều phạm Đột-cát-la. Trong luật Tăng-kỳ nói ban đầu nói chung về ý chế, biết việc phải khai giáo cũng không cho, huống chi người khác. Vì vậy nói nhẫn đến, hoặc dưới đây chỉ bày riêng, cung cấp đầy đủ lại có ba, ban đầu nêu chung cung hội, cúng dường đầy đủ. Người trong tay cầm e tổn hoại, do đó khai cho giúp đỡ. Ở thế gian có người trì giới trong tay cầm tiến rất ngu si, hoặc tắm trở xuống là nói dục tượng, không được bỏ sau phải bỏ trước vì ý nói lên giúp đỡ người khác.

Trong phần giải thích thứ ba nhiều luận ban đầu nói người nữ trang sức, dưới lựa vật của người nam cầm hai khí cụ âm nhạc cũng phạm Đột-cát-la, cho nên trừ ra. Sáo làm bằng sừng, tráo với mâu của Trưởng giả, hoặc nói sử dụng cùng loại, năng sở đều nặng, luật trở xuống là dẫn chứng luật nầy tức trong đó không phạm văn và trên trái nhau, cho nên phụ thêm vào. Dưới dẫn luận chứng minh rõ ràng chẳng phải thường khai, giải thích duyên thứ ba, bốn phần trước nói phương tiện trả lại người khác, nói tự cầm y cứ vào đây lượm vật rõ ràng khai cho tự cầm. Hai người đồng lấy nghĩa là hai người đều biết nhậm, ngữ đồng nghĩa là vì cả hai đều tương ưng không do giải thích, nếu khác là không có duyên khởi kết phạm. Theo Tăng-kỳ năm tiết đầu nói nhặt y do vật nhẹ nên dừng ba tháng, sau lượm của báu cho nên đợi ba năm, hoặc vật quý, hoặc vật báu, do vật quý này nhiều cho vọng nhận cho nên chỉ chỗ vắng xem khác y trước. Người thọ ba quy do đó tiếp dẫn, mắt thấy không được rõ chẳng phải phần của ông. Như trên nơi chốn tức tùy Phật Tăng dùng, Tỳ-kheo... trở xuống là nói mất vật khởi niệm, nếu tâm xả bỏ sau lấy thì thành ăn trộm. Khách trở xuống là nói dời vật của người, đồ là huấn dời, nói người phạm tội nặng y cứ tâm ăn trộm, sợ kia trở lại lấy cho nên nặng, hoặc vì thâu nhận cất giữ tuy dời đổi cũng không có lỗi, kia lấy không có tội, tâm khách không xả vì chủ ý chưa quyết định, hoặc đào lên dưới năm nói lấy của chôn cất, tịnh nhân không đáng tin phải bạch vua: sợ là cáo thủ, trên y cứ không có tên, dưới y cứ có tên, tấn thối như trên, đồng với trước thưa vua vua đáp, v.v... Thành luận đối phá nghĩa khác. Cho nên trước nêu làm câu hỏi, đáp có hai nghĩa, ban đầu nói không thuộc, người cho kẻ mồ côi dùng luận tự dẫn chứng, kia đắc hai quả nên gọi là bậc Thánh, ở Thánh đã

thủ chứng có thể nghiệm không phạm, kế nói lên chẳng phải ăn trộm, dẫn đây để rõ ở già-lam được lấy của trong kho chôn kín dưới lòng đất. Theo Tăng-kỳ chỉ chế phục tàng khai ở chỗ đường vắng, chỉ cho nhặt y mà không cầm đồ báu, do không có người ở không sợ người dối xin, nếu sợ hoạn sau không lấy càng tốt. Trong Ngũ Bách Vấn cho là Tỳ-kheo gởi y cho nhà người tại gia thanh tịnh, trong đó không phạm hoặc Tăng-già-lam và ký túc xứ (đây khai lượm vật). Hoặc cúng dường chùa tháp trang nghiêm, các món đồ thâu cất (ở đây khai cho lượm vật báu) hoặc y cứ chỗ không có tịnh nhân, hoặc là bộ kế chậm gấp, hoặc tháp miếu sạch, vả lại y cứ theo bổn tông mà khai.

***Giới thứ tám mươi ba:*** Phật ngự tại nước Xá-vệ, Bạt-nan-đà phi thời vào xóm, cùng với cư sĩ ngồi giường sàn, cho nên Phật chế giới.

Nói sớ có hai ý nên chế, một là sợ làm yết-ma không biết chỗ đến sẽ làm não chúng tăng, hai là để không được tự do vào nhà người tại gia duyên phạm thứ hai, thưa bạch mời gọi hai duyên không bạch không phạm. Thứ tư giải thích, theo luật Thập Tụng có ba chỗ không bạch, ban đầu tức tăng phướng trong xóm, chú giải vì chùa Ni đồng với nhà thế tục, trụ xứ cũ nghĩa là ở chùa, trong Tứ phần duyên ban đầu giải thích phi thời, không chỉ bày tướng phạm hoặc duyên bạch. Khoa đầu phần thứ ba theo luật Thập Tụng khai bốn phố phường, trụ xứ không có người ra phồ cầu, người phát tâm đi, giữa đường lại không nghĩ gặp ở đường lộ, bạch với ba chúng, giữa đường lại không khai loại khác.

Sớ chép: tịnh nhân cũng được biết đến chỗ kia có thể tìm cầu, khoa kia luật Tăng-kỳ ban đầu nói phi thời không cần, trong thời giữa sau cũng phạm gấp ở bổn tông, tác trở xuống là dẫn bày chứng chỉ bày pháp bạch. Theo yết-ma nói: bạch Trưởng lão tôi phi thời vào xóm, đến thành ấp xóm làng kia, nhà nọ (y theo đây mà tụng). Nếu trở xuống là chế chậm trở lại, đường từ xóm làng mà có lỗi, như nay chung phố tiệm, trong đó có tháp miếu không được đi xung quanh, là chế trong khai. Trong phần thứ ba, theo luận Trí Độ bảo ví dụ chung, trụ xứ của tịnh nhân cũng phạm. Hoặc giới nhiếp y của thôn cần phải có nam nữ, đây chế chuyên nhiếp, chẳng do sự chê bai đấm nhiễm, chỉ có người nam cũng phạm. Trong phần thứ tư, theo luật Ngũ Phần khai nạn, tám nạn như thiên thuyết giới trong phần thứ năm luận Tát-bà-đa bạch chung, nên nói rằng: Ta là Trưởng lão phi thời vào xóm, hễ đến chỗ nào (tùy đến nhiều nhà đều được) tướng riêng như trên. Trong phần thứ sáu, luận Minh Liễu nói quán lượng được chăng? Ban đầu là nêu bày việc nầy

gồm ba việc ở dưới, nghĩa là giải thích có ba, người bạch đồng giới tức tác pháp. Người quán chánh hạnh lượng kia ở làm việc, oai nghi trong luật đắp y ngay ngắn, sớ dẫn chứng: Sở dĩ khai bạch nghĩa là ở chỗ người chết quán lỗi lầm và hộ pháp, vì thọ y chỉ, vì nói nghe pháp, vì có thực thỉnh vì đều có lợi. Đến chỗ kia nghe phải tránh niếu trời, chợ búa dâm nữ, ngoại đạo chỗ người nữ xuất gia quán sát xa lìa (đây là chánh hạnh). Trong luật lại nói đắp y Tăng-già-lê, v.v... (tức luật oai nghi) trong đó không phạm là như trên chỉ bốn phần ở trước, lược các duyên nạn mạng sống, nạn phạm hạnh.

***Giới thứ tám mươi bốn:*** Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, Ca-lưu-đà-di biết từ đường nầy đi ra bên trái tòa cao đẹp, bạch rằng: "Hãy xem giường ghế của tôi". Phật quở trách nhân đó chế giới.

Duyên thứ hai, tăng có hai tòa riêng đều phạm, theo duyên làm thành mới phạm. Thời nay ngồi đã thành, theo luật Tăng-kỳ phạm Đột-cát-la, giải thích thứ ba, ban đầu dẫn luật chỉ bày lượng. Phần nhiều luận nói cao rộng đều chế, lớn là cao rộng, lượng như dưới đây, rộng y cứ theo nghiệp sớ vuông ba khuỷu tay, không vừa chỗ ngồi (năm thước bốn tấc). Văn sớ lại dẫn kinh A-hàm tám thứ giường tốt đều không được ngồi (vàng, bạc, ngà, sừng trang sức nên tốt đẹp, Đức Phật, thầy, cha, mẹ từ người cho nên thù thắng) tám ngón tay trở xuống là định về số thước, chu vi một thước hai tất là thước đời Đường, ngoài ra bốn tấc cho đến ba tấc sáu phân làm ba tấc, hơn bốn phân nên nói là gượng. Luật Ngũ Phần tác niệm tức thành trì, thứ hai luật Tăng-kỳ ban đầu nói chế, giường của tăng phạm cũng y cứ làm thành mà nói. Chữ "chi" là vật chống đỡ, nếu trở xuống là nói khai, chú thích nói lễ Phật, thế gian đa số ngồi ghế có thể khai cho chỗ ẩm thấp, các chỗ khác không được, lại chỉ được làm tám tấc không được cao hơn.

Luật Thập Tụng ban đầu nói pháp sám hối đúng lượng tám ngón tay, văn chú giải xem có thể hiểu, thống nhất lượng cao, trong phần thước cao nhất là tám tấc. Bốn nhà hai phân, làm chân một phân làm vật chống đỡ, một phân làm bệ, nói thứ ba không thường chống đỡ. Sau nói lượng rộng, nằm dài hai giường. Giáng xuống bốn năm như mình sáu hạ có thể ngồi chung với người mười hạ, mình một hạ ngồi với người năm hạ, nếu trở xuống năm tuổi không cho ngồi chung, do vì đồng với địa vị Xà-lê. Y cứ luật bổn chế dưới mình ba tuổi vì giường lớn, cho dưới bốn tuổi nên nói giảm không được. Hai là nói giường ngồi, ba là nói cây gỗ chống đỡ, số lượng nên biết.

***Giới thứ tám mươi lăm***: Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm tỳ-kheo sáu vị may chứa mền bằng bông Đâu-la-miên, cư sĩ thấy chê bai do sát sinh, cho nên Phật chế giới nầy.

Đâu-la là tiếng Phạm, nhiều luận nói là tên chung của cỏ, cây, hoa, bông mới, côn dịch là bông trắng, cho nên chế, luận Tát-bà-đa chép: do người giàu cất chứa bị người chê bai, vì côn trùng ưa sinh. Nếu nằm giường mềm ấm, sau được chỗ thô cứng không thể chịu nổi, trong duyên đầu chú giải ví dụ ba vật. Hoa liễu là bông liễu màu đỏ. Bồ đài tức hoa cỏ làm chiếu, kéo ra như đài, tùy địa phương gọi. Thứ ba là làm cho người phạm tội Đột-cát-la, thứ năm làm chưa xong cũng phạm Đột-cát-la, trong phần giải thích chỉ bày tướng phạm và cách sám hối. Không phạm là chẳng phải ba vật trước, hoặc người khác cho, bỏ mình lấy dùng.

***Giới thứ tám mươi sáu***: Phật ngự tại La-duyệt-kỳ, có người thợ rất kính tin Tam bảo làm đồ đựng kim bằng ngà sừng, phế bỏ nghề nghiệp không có cơm áo, bị người khác chê bai, nên Phật chế giới.

Nhân duyên đồng với trên, một là ngà, sừng, xương (ba vật tùy đó mà phạm) hai là làm ống đựng kim, ba là vì mình, bốn là tự làm hoặc sai người làm, năm là đã làm xong thì phạm tội. Khoa kế theo nhiều luận có hai ý nên không xếp vào xả, ý thứ nhất rất dễ hiểu, ý thứ hai do xả đọa không ngoài bốn thứ riêng. Một là trả lại cho chủ như dài xa, v.v..., hai là cho người khác như của báu, thuốc, v.v..., ba là nhập vào Tăng như xin bát, bốn là chặt phá như tơ lụa, giới này không đồng ba giới trước như văn kế nên đồng với thứ tư nói là phải hủy, nếu như vậy tại sao tơ tằm bông lụa tại nằm trong ba mươi vật? Đáp: Đó chẳng phải vật nhỏ chỉ có ứng một nghĩa phá, đủ hai nghĩa này nên nằm trong chín mươi vật. Trong đó không phạm là ban đầu nói các vật làm ống và chẳng phải ngà, sừng. Hoặc trở xuống nói ngà sừng không làm ống đựng kim nên gọi là bảy mươi vật, văn luật đều dùng chữ “Nhược”. Một đầu tích trượng và khoen vàng, gió lay tiếng khua leng keng của các khoen, hoặc đi có tiếng kêu của vỏ dao kiếm, v.v... vật trang trí, nay gọi là tích trượng, tán sức. Lọng dù, v.v... sáu chữ một chỗ hai vật. Bộ chỉ quy chép: tàn lọng giống như cán dù. Đẩu đầu phiêu cũng tức là trên lọng, đẩu dùng ngà sừng để trang sức (Ký Quy Truyện chép: Tây Quốc, Tăng chúng phần nhiều trì lọng nhỏ). Bốn, triền cái đẩu không rõ là vật gì. Bảy, như ý tức móng gậy dùng để gãi ngứa. Tám, quyết nữu âm quyết, nghĩa là vòng ngọc không nối liền. Thiên hai y nói rằng:

Dùng áo quấn thân xong, dùng dây buộc vòng quanh. Chín, chủy tức là cái muỗng. Mười một, câu y, hoạt âm hoạt, nghĩa là câu ngang trong nữu. Mười hai, luật chép: cái nạo màng mắt, mười bốn là niên lịch, luật chánh viết chữ trích. Mười sáu, Thiền trấn tức khi ngồi thiền dùng trấn đảnh.

***Giới thứ tám mươi bảy:*** Phật ngự tại nước Xá-vệ, cho phép các tỳ-kheo làm Ni-sư-đàn, nhóm tỳ-kheo sáu vị làm quá qui định cho nên chế giới.

Trong phần giải thích dẫn luật, ban đầu nói về lượng. Tăng thêm một thước là ban đầu thì thêm một đầu một bên. Nay y theo truyện Cảm Thông thì cả bốn bên đều phải thêm năm tấc. Chữ văn trở xuống là nói kết phạm. Trong không phạm, đã làm xong là hai món sửa đổi và cho là khi thọ liền khởi ý nầy. Nói hai lớp là vì quá lượng chồng vải cho bằng, chú giải bác bỏ là phi pháp. Các bộ là Tăng-kỳ, Thập Tụng, v.v... bảy trăm kết tập, Văn luật Tứ Phần trở xuống. Trong pháp sám, sợ người chỉ cắt phần thêm bên ngoài cho nên đặc biệt chú giải. Nếu thêm lượng có quá cũng phải cắt. Theo luận Tát-bà-đa, ngoài lượng ba y kia cần phải thuyết tịnh, không thuyết tịnh quá ngày phạm tội chứa dư.

***Giới thứ tám mươi tám:*** Phật ngự tại nước Xá-vệ, có Tỳ-kheo bị ghẻ, Phật cho làm y che ghẻ, nhóm tỳ-kheo sáu vị làm quá lượng, cho nên Phật chế giới.

Ba giới dưới nầy đều không có duyên khác, nêu trên Ni-sư-đàn, chỉ sửa duyên đầu là khác. Trong chế pháp, ban đầu nói chế dùng. Chữ "đắc" trở xuống là chỉ bày thể y. Mềm mịn là không tổn ghẻ. Chữ "trường" trở xuống là chỉ bày lượng thước. Giới bổn chép: "Dài bốn ngón tay Phật, rộng hai ngón tay". Trong phần không phạm, ba giới sau đồng với trước, đều không ngoài. Khoa kế, luật Thập Tụng chép: ghẻ phải sạch vì không có nhân duyên.

***Giới thứ tám mươi chín***: Phật ngự tại nước Xá-vệ, Tỳ-xá-khư Mẫu dâng áo che mưa, Phật bảo tùy Thượng tọa cho người không đủ, nhóm tỳ-kheo sáu vị làm quá lượng nên Phật chế giới.

Giới trước nói thời tiết cầu dùng, trong luật dài sáu ngón tay Phật tức một trượng hai, rộng hai gang tay rưỡi là năm thước.

***Giới thứ chín mươi***: Phật ngự tại nước Thích-sí-sấu, Nan-đà thấp

hơn Phật bốn ngón tay, người thấy từ xa cho là Phật, Phật bảo Nan-đà mặc áo đen, nhóm tỳ-kheo sáu vị làm lượng đồng với Phật, nên Phật chế giới.

***Chú giải:*** giới gọi là giới quá lượng ba y. Ba y của luật Tứ Phần là tùy thân cao thấp, chỉ lấy y Phật làm giới hạn. Nếu vậy lượng bát vì sao đồng? Đáp: Vì thể là khác (Phật dùng bát đá), y lượng khác nhau, do thể cùng xen bày đồng khác thì không có lạm. Trong chỉ bày lượng, ban đầu dẫn Luận Tát-bà-đa chỉ bày lượng thân Phật. Luật Thập Tụng trở xuống là gồm hội các văn, chữ "thường" trở xuống là chánh chỉ bày lượng thước, chữ "sự" trở xuống là nói về lược rộng trong sớ.

------------------------------

## THIÊN ĐỀ XÁ NI

1) Phật ngự tại nước Xá-vệ, gặp lúc lúa gạo khan hiếm, có nhiều người chết đói. Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc vào thành khất thực cả ba ngày đều cúng dường cho Tỳ-kheo, bèn đói xỉu bên đường, các cư sĩ biết được chê bai, nên Phật chế giới.

Trong duyên phạm, thứ ba là không bị bệnh. Giải thích, thứ tư đầu tiên là nói thể đồ ăn. Chữ "vô" trở xuống là chỉ bày tướng phạm. Chữ "văn" trở xuống là quyết thông văn luật. Y cứ vào duyên khởi của luật, chính Ni tự ăn mà không nói người khác. Nay y cứ duyên phạm thì cả đều phạm, cho nên nói là thông. Trong duyên đầu, luật Ngũ Phần kết phạm, không giống với bổn tông, kia y cứ duyên khởi, nếu y cứ duyên của Tứ Phần cũng là giữa đường, nhưng kiết giới vốn phải ở nhà thế tục, không thể hòa hợp. Trong phần không phạm, ban đầu khai là bà con. Sớ chép: "Do ở nhà thế tục nhân tình nương nhau" vì là bà con thì không chê cười. Kế là người bịnh, sớ chép: "Bịnh là người khổ não thì chê bai hổ thẹn không sinh". Đặt địa và sai người, sớ chép: "Kính nhau không dứt" cho nên sau khai. Chữ "dĩ" trở xuống là ba chỗ khai nhận, vì chê bai quá ít.

2) Phật ngự tại nước Xá-vệ, các Tỳ-kheo và sáu vị ăn ở nhà người tại gia, sáu vị ni đòi cơm canh, đàn việt kế cho sáu vị, nhân đó Phật chế giới.

Duyên phạm thứ hai thuộc về ni. Trong phần giải thích, luật Ngũ Phần nói trong chúng được bất cứ một người nào quở. Không dùng lời: nghĩa là không cần Thượng tọa quở. Luật Tăng-kỳ khai cho ba lần quở, vì sợ thời quá. Sớ chép: "Nghe quở không dừng, chẳng phải chúng có

lỗi xấu", nên cho phép ăn. (Tứ Phần nói một lần quở không dừng cũng khai) luật Thập Tụng hai chỗ hỏi riêng là sợ chỗ nầy không biết. Trong phần không phạm, ban đầu là tác pháp trái với duyên thứ ba. Ni tự làm là ngược với duyên đầu. Nếu đàn-việt trở xuống là trái với cái thứ hai.

3) Phật ngự tại thành La-duyệt, vợ chồng cư sĩ đều chứng Tu-đà-hoàn, không mến tiếc của cải cúng dường nhiều y thực nên đến nỗi nghèo thiếu, vời lấy chê bai nên Phật chế giới.

Sự ít có là phàm phu không dùng, chẳng phải ý của sao cho nên nay lược nói. Năm duyên thành phạm: 1/ Học gia kiến đế (các người phàm khác có lòng tin nên có thể phạm Đột-cát-la); 2- Tăng tác pháp chế (Phật dạy bạch nhị để chế đoạn, cho nên biết không có pháp chẳng phạm). Ba duyên kia đồng giới trước và sau. Không phạm là nếu thỉnh trước, hoặc bịnh, hoặc nhận từ người khác, hoặc bạch nhị làm phép giải, v.v... Chữ "kim" trở xuống là chỉ bày dặn bảo, cho nên khiến tiết chế ước lượng.

4) Phật ngự ở nước Thích-sí-sấu, trong vườn Ni-câu-luật, có người nữ trong thành mang đồ ăn đến cúng dường, bị giặc chọc ghẹo cho nên Phật chế giới.

Duyên đầu tiên: chỗ hiểm nạn nghĩa là sợ giặc, thứ hai không nói, nói thì chẳng phạm. Phật nói: Nên nói với các phụ nữ: "Chớ ra đường sợ có giặc", nếu đã ra khỏi thành nên nói: "Chớ đến trong tăng-già-lam (do chùa cách thành xa)". Ba là không bịnh, luật chép: "Nếu cố đem đồ ăn đến thì cho phép người bệnh nhận". Thứ tư, Luật chép: "Nếu có thí chủ đem đồ ăn để dưới đất, hoặc dạy người cho, cả hai đều không phạm", nên nói là trừ. Không phạm là hoặc đến nhận sự dạy bảo, nghe pháp, tự ăn khiến trao.

-----------------------------------

## THIÊN CHÚNG HỌC

Thiên chúng học Tội không phải mắt lượng được, nên nói là "chúng", dễ phạm khó giữ cho nên khiến "học", chỉ có thiên nầy đầu đề khác xa với trước. Ý nói rằng: Các môn là chỉ cho các thiên trên dưới. Mười số là sau giải thích hơn năm mươi điều, đối không các thiên cho nên nói rằng "lại nêu". Thiên nầy đã lược người học nhiều mê, hoặc là lúc cần, đâu được không biết, cho nên nay trong kỳ tùy tướng điểm đó, lại giải thích ý chỉ giáo pháp như sớ của giới bổn. Lại các giới

trước đều nêu duyên phạm, riêng giới nầy không có, do cố lầm đều chế động liền thành phạm, quyết muốn gượng lập chuẩn đủ năm duyên, như nói rằng: 1/ Niết-bàn-tăng; 2/ Biết; 3/ Không duyên (các duyên bịnh v.v... thì khai); 4/ Không ngay ngắn; 5/ Tùy phạm. Còn bao nhiêu như đây có thể biết.

Giới: Phật ngự tại nước Xá-vệ nhóm tỳ-kheo sáu vị mặc y trong không ngay ngắn, cư sĩ chê bai rằng: "Chẳng khác gì đào kép hát, như vua, quan, Đại thần" nên Phật chế giới. Trăm giới của thiên nầy phần nhiều ở nước Xá-vệ và do nhóm tỳ-kheo sáu vị tạo ra nên sau không nêu nữa, khi có riêng người tùy theo mà điểm.

Gọi Niết-bàn-tăng thì Hán dịch là nội thuyết, tức là quần do ở Tây Vực phép mặc quần là vấn vải quanh thân lấy dây dài làm bốn vòng rút lại cho ngay thẳng. Phần nhiều làm cho không bằng thẳng, trong đây may quần đều dính luôn đai lưng, nhưng mặc có cao thấp cũng trái luật chế, phải nương theo Mẫu Luận là trên mắt các chân ba ngón tay, tức là ngay ngắn. Trong giải thích không ngay ngắn, phi pháp có bốn: 1/ Cao hoặc thấp; 2/ Thòng xuống như vòi voi; 3/ Như lá đa-la, Tây Vực Ký chép: Hình như cây cọ để so hai góc; 4/ Vải nhỏ mịn chống lớp. Chỉ được hai đùi bẹn trước sau là bốn nhiếp, nhiều thì trái. Ngày nay giản đơn, đồng như nữ lưu kia chẳng phải pháp phục của đạo.

Trong phần chỉ bày phạm: Trong đây kết phạm khác với các thiên bởi do khinh thường ưa phạm khó giữ cho nên song kết, lầm lại không khai. Ý Thánh rộng sâu, tình thô đâu hiểu nổi, tự chẳng cẩn thận tin sâu thì khó cùng. Sớ chép: Nên sám hối Đột-cát-la, đối thú nói một lần, tội mất oai nghi trách tâm sám hối, các giới sau tướng phạm không khác, cho nên đều đồng. Trong phần không phạm, khi đi nhón ngược gót chân, ngoài thôn không bị người khác chê cười, làm việc ở giữa đường, có chỗ không dấu vết.

- Cư sĩ chê là giống với thế tục không khác.

Đầu nêu tên, chữ Luật trở xuống là giải thích đồng với tướng bốn lỗi ở trên. Nhiếp an duyên là giống cái quần ngày nay. Hoặc nói rằng: Đặt trên cánh tay trái, luật Tăng-kỳ nói đắp y ngay ngắn không được như buộc trục, phải đắp y trùm cả hai vai, hai góc ngay thẳng, khi tay trái cầm không được góc thòng như tai dê.

- Chê rằng không biết hổ thẹn, như vua, Đại thần:

Ban đầu nêu tên, chữ "vị" trở xuống là chỉ bày tướng. Luật Tăng-kỳ chép: Nếu gặp gió mưa được hông một bên, vén y bày vai phải vắt qua hông bên trái. Đắp trùm vai là vắt qua bên phải, không thấy khuỷu

vậy. Thấy Tỳ-kheo Trưởng lão thì liền xuống, chữ nhược trở xuống là nói không phạm.

- Giới này đồng với ở trên, chỉ có ngồi là khác:

Giới y quấn cổ, (chê bai đồng với trên) nắm góc trên vai quấn quanh cổ.

Giới y che đầu (chê bai rằng: Che đầu như bọn trộm cướp). Trong phần không phạm, đội mũ vào nhà thế tục nên bỏ xuống, lễ Phật hầu người trên đều là tướng khinh mạn, chỉ khi lạnh, bị bịnh, nêu tiêu chuẩn mà khai.

Giới dù đi dù nhảy (chê rằng: Không biết hổ thẹn, vào nhà như chim sẻ nhảy nhót).

Giới ngồi chồm hổm (ngồi chồm hổm, ngã trên đất bày hình ra, vời lấy chê bai) xương cụt đau, đau trái mông. Không phạm là: Lễ sám v.v... quỳ đồng với ngồi xổm.

Giới chống nạnh (chê rằng: tay chống nạnh như người mới, cưới, đắc chí kiêu ngạo buông lung, lại ngồi làm chướng ngại người ngồi gần). Khuỷu tay gập nghĩa là hai khuỷu tay như đồ mòn khuyết. Duyên khai chỉ ở trên tức bị bịnh, vai tay có ghẻ, trong chùa tăng, v.v...

Giới lắc mình (chê rằng: Như vua, Đại thần) uốn éo.

Giới tay đánh đàng xa (chê bai giống như trên). Trước khước, khước là sau. Trong phần không phạm: Các duyên khác, hoặc là thú dữ, hoặc gánh nặng. Ngăn dơ tay là suốt ba giới trên, nổi qua là đu đưa hai tay.

Giới che thân (chê rằng: Không ưa che thân như Bà-la-môn) đây là dùng chánh hạnh nêu giới bổn. Như ngay ngắn, im lặng, dụng ý bình bát v.v... hoặc nêu qua hình trạng, theo giới tìm đó.

Giới liếc ngó hai bên (chê rằng: Như người kẻ trộm).

Giới im lặng (chê rằng: Như Bà-la-môn không có chánh pháp). Thí thực như cúng Thánh, chú nguyện, v.v...

Giới đùa giỡn (chê rằng: Không hổ thẹn, cười giỡn như khỉ vượn). Các giới trước đều cho rằng vào xóm, trái vượt oai nghi, không sinh về thế giới lành. Nếu ở già-lam đâu được không như vậy, nhưng duyên khởi ở thế tục, cho nên kết làm giới. Thời khai trong chùa, chẳng phải thường đồ, đâu có ở trong chùa mà cho buông lung, giáo giới luật nghi đều rõ hành oai nghi trong chùa, nghĩa y cứ các giới, trong ngoài không phạm, người học hãy suy nghĩ, chớ cho là không lỗi.

Giới dụng ý nhận đồ ăn (do không dụng ý làm rơi đổ tổn cơm canh, chê rằng: Sa-môn không chừa tâm tham, nhận đồ ăn nhiều, như

lúc lúa gạo đắt đỏ).

Hai giới bát bằng đầy (chê bai cũng như trên). Cổ sư nói: "Lìa lỗi thiên tà" nghĩa là bưng bát không ngay. Nay Sư y cứ đồ ăn cho nên nói chẳng đầy.

Giới ăn bình đẳng (cư sĩ cho cơm rồi, vào trong lấy canh trở ra thì cơm đã ăn hết, liền cho canh, lại vào lấy, cơm ra thì canh cũng đã ăn hết, mới chê là giống kẻ đói khát). Chánh cần nghĩa là tùy ăn hết rồi cần thọ thêm, chẳng vì tham mau.

Kế là giới ăn, (chê rằng: Như heo, chó, bò, lừa, lạc đà, quạ).

Giới khua trong bát (chê bai đồng với trên).

Giới tự moi đồ ăn (chê rằng: Sao nói là có chánh pháp mà nhận lấy không nhàm đủ).

Giới dùng cơm che đậy canh (chê là như người đói).

Giới nhìn bát người ngồi gần (thấy người ngồi gần được nhiều liền nói cư sĩ có thưởng riêng, cho nên chế).

Giới buộc niệm vào bát (do ngó liếc hai bên, bất giác người ngồi gần lấy bát giấu).

Ba giới khua bát lớn tiếng, phùng má ăn, ngậm cơm nói chuyện (sự chê cười đồng giới ăn kế).

Giới từ xa ném cơm vào miệng (chê là như nhà ảo thuật). Ăn bị đổ tháo (chê rằng: Như chó, bò, lừa, lạc đà, chim, quạ). Độn má ăn (chê là giống như khỉ ăn). Nhai cơm nhóp nhép có tiếng, húp đồ ăn, lưỡi liếm ăn, ba giới nầy (cảm sự chê bai như giới ăn đổ tháo ở trên). Nói một nửa ở tay là bên Ấn-độ dùng tay bốc ăn, xứ nầy bánh trái phần nhiều cũng dùng tay, dẫu dùng muỗng cũng y cứ tay mà phạm. Sau nêu các vật khai ở tay.

***Chú giải chép:*** Không khai rau là văn tuy không nói nhưng ý chuẩn khai. Mồ hôi khai cho liếm vì chẳng phải đồ ăn.

Giới vung tay (chê là như vua quan Đại thần không có chánh pháp). Tay dơ, chưa thọ thức ăn, hoặc vì bị dính.

Giới lượm cơm đổ (chê là như gà, chim), hoặc tụng lầm, đây nghĩa là tay nắm mà rơi. Đối trước sót, giủ cần phân biệt tướng. Bao nhiêu dư ở tay tức là rơi sót, vung vãi hai bên gọi là vung tay, cầm nắm khiến rơi rớt là tay nắm.

Giới tay dơ cầm đồ (chê là không có chánh pháp, như vua quan, Đại thần), nghĩa là cầm đồ rồi, nếu cầm đồ của Tăng thì chạm đồ tăng ăn, bất luận là tay dơ hay không đều gọi là ác chạm. Trên cỏ lá, đây nghĩa là miệng thọ chẳng phải tay cầm.

Giới đổ nước trong bát (do đồ ăn vung vãi, chê là thọ nhiều như người đói).

Ba giới: cỏ sống, nước sạch, đứng đại tiểu tiện (đều chê là như heo, chó, lạc đà, bò, lừa v.v...).

Từ ban đầu đến giới thứ năm mươi mốt đây là nói oai nghi kính tăng (văn nêu bốn mươi và y quấn cổ trở xuống mười điều có riêng ngồi trong nhà người tại gia). Không cung kính gồm nói tám giới. Nói oai nghi kính pháp có năm mươi hai là vắt trái y, năm mươi ba y quấn cổ, năm mươi bốn y che đầu, năm mươi lăm là trùm đầu, năm mươi sáu là chống nạnh, năm mươi bảy là mang giày cỏ, năm mươi tám là mang guốc cây, năm mươi chín là đi xe.

Không được dưới tháp Phật v.v... đến ngồi duỗi chân, năm mươi sáu điều nói oai nghi kính Phật. Sáu mươi là ngủ trong tháp. Sáu mươi mốt là cất đồ trong tháp. Ngu giáo thời nay phần nhiều chứa đồ trong tháp điện, mỗi mỗi tùy theo phạm, huống chi lại thêm không biết. Trong phần mang giày cỏ, có năm giới cho nên nói là "các". Sáu mươi hai là mang giày vào tháp. Sáu mươi ba là cầm giày vào tháp. Sáu mươi bốn là mang giày nhiễu tháp. Sáu mươi lăm là mang phú-la mà vào. Sáu mươi sáu là cầm vào. Sáu mươi bảy là giới ăn dưới tháp (ban đầu chế không được ăn dưới tháp, sau khai có duyên cho ăn dưới tháp, nhưng không được làm dơ đất). Nay phần nhiều thấy ở điện Phật lập trai tăng, sau tượng đặt chỗ ngồi, trái, rau rơi rớt ngang dọc làm dơ đất, trái chế tuy nhẹ mà nghiệp ác càng nặng, có ai học rộng biết cao xin mau sửa lỗi, còn những người ngu si đâu đáng nói (trang 331).

Khai hai đầu-đà: hoặc có chỗ bỏ không cho thân đứng lên, cho nên nhóm một bên, gánh thây chết, v.v... gồm có chín giới. Sáu mươi tám là mang thây chết. Sáu mươi chín là chôn thây chết. Bảy mươi là thiêu dưới tháp. Bảy mươi mốt trước tháp thiêu thây chết. Bảy mươi hai là bốn bên thiêu thây chết. Bảy mươi ba là khiêng giường, cầm y người chết ngang qua dưới tháp. Bảy mươi bốn là đại tiểu tiện dưới tháp. Bảy mươi lăm là đại tiểu tiện trước tháp. Bảy mươi sáu là nhiễu bốn bên. Bảy mươi bảy là cầm tượng Phật đến chỗ tiểu tiện.

Ba khai ấy, tức bịnh như trên phải ở đường nẩy gắng sức kêu. Sau lược sáu giới: Bảy mươi tám là dưới tháp Phật nhăn cành dương. Bảy mươi chín là hướng về tháp Phật nhấn cành dương. Tám mươi, bốn bên tháp nhấn cành dương. Tám mươi mốt là khạc nhổ dưới tháp Phật. Tám mươi hai là khạc nhổ trước tháp Phật. Tám mươi ba là khạc nhổ bốn bên tháp. Tám mươi bốn trong giới ngồi hướng về tháp. (Khoảng cách là có

vật chướng, văn lược). Tám mươi lăm để tượng Phật ở phòng dưới (chế ở nước Câu-tát-la) hoặc có bịnh, hoặc nạn mạng sống, nạn phạm hạnh, đều khai. Theo người ngồi mình đứng, trở xuống mười lăm giới sau nêu ngươi năng kính.

Trong bốn oai nghi nói chung kính trọng hạnh Tam bảo ở trên. Tám mươi sáu người ngồi mình đứng không được nói pháp cho họ nghe. Tám mươi bảy là người nằm, tám mươi tám là người ở ngay tòa. Tám mươi chín là người ngồi tòa cao. Chín mươi là người đi trước, chín mươi mốt là người ở kinh hành chỗ cao. Chín mươi hai là người ở trên đường. Chín mươi ba là nắm tay giữa đường (do nắm tay ở giữa đường cản trở nam nữ khác, bị sự chê bai cho nên chế giới). Chín mươi bốn là giới ở trên cây (Tỳ-kheo ở trên cây lớn an cư, ở trên đó đại tiểu tiện, thần cây nổi giận muốn giết chết Tỳ-kheo cho nên chế giới). Chín mươi lăm là giới lấy gậy quảy túi (Bạt-nan-đà để bát trong đảy, xỏ vào đầu gậy, quảy trên vai mà đi, cư sĩ cho là quan nhân, đều tránh dưới đường, Phật do đó chế giới). Chín mươi sáu là nói pháp cho người cầm gậy. Chín mươi bảy là nói pháp cho người cầm kiếm. Chín mươi tám là nói pháp cho người cầm mâu. Chín mươi chín là nói pháp cho người cầm dao. Một trăm là nói pháp cho người cầm dù.

Trong phần chỉ bày duyên có hai: Ban đầu bày duyên bịnh, khai chung có thể thành. Chữ bất trở xuống là kế nói về vua quan, hiển riêng các giới kính pháp. Ban đầu chỉ bày khai, chữ lương trở xuống là nói ý, chữ sơ trở xuống là nói khai chế tùy thời. Kiềm mặc là lê dân, nói mọi người đầu đen là gọi nhân dân.

Trong phần kết lược, ban đầu chỉ rộng. Thông ngoài bộ, Sớ chép: luật Tăng-kỳ co` giới sáu mươi sáu, giới mười tám, Tứ Phần không có. Luật Thập Tụng nói giới một trăm lẻ bảy, giới bốn mươi bảy, Tứ Phần không có. Luật Ngũ Phần có giới một trăm, giới bốn mươi bốn, Tứ Phần không có. Giải Thoát giới có giới chín mươi sáu, năm mươi ba, Tứ Phần không có (nghiệm các giới bổn mà tìm). Chữ y trở xuống là kế hiển lược, vả lại cuộc hạn bổn tông, muốn cho để thấy, ở đây tuy không dẫn oai nghi trên dưới cũng tự đủ. Dưới đây dặn dò oai nghi. Quyết chánh pháp ấy, xưa nói rằng: “Luật sư Đạo Nghiêm nêu hai mươi quyển, hoặc sợ chỉ răn dè dạy dỗ, nghĩa là giải quyết chánh pháp”. Thiên diệt tránh sở dĩ không giải thích là do tướng tạp khó hiểu, đời mạt pháp ít dùng, đã chẳng phải ý sớ sao cho nên ở đây cắt bỏ, như Tập Nghĩa Sao Giới Sớ có nói đủ.

■

# TỨ PHẦN LUẬT HÀNH SỰ SAO TƯ TRÌ KÝ

## QUYỂN TRUNG
(PHẦN 4)

## THIÊN GIẢI THÍCH TRÌ PHẠM

Danh nghĩa trì phạm, như trở xuống là môn danh tự, tự giải thích. Trì là cầm giữ, phạm là xâm phạm, đều từ bổn thọ mà đặt tên nầy.

Thiên nêu bảy môn, bao trùm hết pháp giới, là thô cảnh của khai mở, thật là khuôn mẫu lập hạnh, giải hạnh nương nhau nên nói là "phương quĩ". Chú chia làm hai đoạn: Ban đầu nêu ý của thiên nầy, hai câu trên chỉ cho thiên trước. Y cứ sự mà chia vì hiển bày tướng riêng. Chữ chí trở xuống ba câu là sinh khởi thiên nầy. Nói gồm là chỉ bày nghĩa chung. Ở đây thì hai thiên đều là giới bổn của tông, nhưng trước là giải thích riêng, ở đây y cứ luận chung, cho nên nêu riêng là chánh hiển ý thiên nầy, chân là phân biệt, tức trước tùy tướng, ở đây là chỗ phân biệt. Trên đây bảy chương là năng phân biệt, hoặc có thể y cứ luận trừ phạm, lý hợp đồng thiên. Nay y cứ nghĩa chung, nói riêng ở sau, cho nên nói là phân biệt nêu riêng.

Chữ nhược trở xuống là kế nói trước sau. Do đồ nghĩa là tướng nhân thứ lớp, cách thường là chọn trước chung sau riêng, như Giới Nghĩa Sớ đều trước nêu nghĩa chung, sau giải thích văn riêng. Nay ở đây ngược lại, cho nên đặc biệt chỉ điểm, ý là giúp cho người mới học dễ hiểu.

Trong phần chỉ bày tông, hai câu đầu là khen tướng sâu, câu trên nêu bày, câu dưới chánh khen. Trong phần đầu, hai chữ trên nói sự rộng của năng thuyên, bốn chữ sau nói chỗ quy của sở thuyên. Nói chỉ có là ở đây có hai cách giải thích, nghĩa là y thể khởi hạnh, hạnh có trái thuận, nên chia ra trì phạm, cơ duyên chẳng phải một, chế đồng trần sa nhiếp làm năng thuyên, gọi là tạng Tỳ-ni, xét bổn kia chế, chẳng phải riêng đã rõ, đây chung y cứ giáo bổn mà giải thích.

Lại luật Tứ Phần, đầu tiên nêu giới bổn Tăng-ni riêng, đây là

chỉ trì, dịch thành tác phạm, hai mươi kiền độ sau là tác trì trái thì, chỉ phạm. Vả lại y cứ đại ước mà nói, nếu luận gồm nhau thì một bộ trước sau bốn hạnh đều đủ, ở đây riêng giải thích bộ văn. Câu sau chánh khen, vì là nghĩa chung, cho nên nói rằng: Đây sâu. Chung ở đây là đại cương của bày tướng, nghĩa chính là chung lý ngoài văn, đối trước riêng sự cả hai đều chẳng sâu. Chữ phi trở xuống ba câu là nói khó hiểu. Hai câu đầu phân biệt người, câu trên phân biệt công học, bởi có chứa nhóm học đến khốn cùng mà không thể rỗng suốt là chẳng phải học, câu dưới là phân biệt năng giải, bởi có tột tối tăm từng ít có mà không thể tận lý là phi giải, hoặc có thể hai câu bốn nghĩa giải thích: đầu tiên y cứ học lâu, kế y cứ giải rõ, ba là công sâu, bốn là chánh lý. Chữ tắc trở xuống là nói về nạn, trái là nói người nầy, đầu tiên có thể cùng nói trì phạm thì dễ thấy.

Trong phần nêu bày xưa, hai câu đầu chỉ bày xưa để kia nạn cũng không dám sửa đổi. Nhiều đời là chỉ chung các Sư Sớ Sao như tựa đã nêu, Tuân giống như tuần, thuật âm toại, là đường. Chữ tuy trở xuống hai câu là ngăn ngừa, câu trên là buông ra, do chỗ nói của các Sư đều có hơi khác, nên nói là chia đường. Xưa nói là thủ sớ có lập tám môn (1- Giải thích tên; 2- Thể trạng; 3- Đốn tiệm; 4- Trước sau; 5- Hơn kém, có thấy trong văn kia). Câu dưới là đoạt lấy, nghĩa là lấy đại khái kia so sánh đều đồng, nên nói là không trái. Xưa ghi ở đây phóng khoáng nói khác xưa. Vả lại, văn kia đều mất, do đâu mà nghiên cứu, lại làm cho người học sau càng thêm mê muội. Huống chi là bác bỏ, dù thuật đồ là cũ, nay nêu cắt bỏ.

Trong chương thuật tác, bốn câu đầu của khoa đầu là nêu sự học cạn, hai câu trên nói mới học chưa lâu, hai câu dưới nói thiếu học không công. Giáo võng chỉ chung ba tạng, tướng thuyên chẳng phải một, như cương mục đâu hiểu rõ hết, ngọn ngành chưa thể tột cùng. Chữ phược trở xuống hai câu là nói không biết.

Khoa kế, đầu tiên chỉ chung một sao, một trụ để xếp hai quyển thượng hạ vào tác trì, quyển trung là chỉ trì, ở sau chỉ riêng thiên trước phát khởi ở sau. Chữ nay trở xuống là chánh nói thiên nầy, để chỉ bày ý văn đối lật tùy tướng. Ba món khác nhau, y cứ nghĩa trái trước nói sự, nói chung trái trước tướng riêng, cương yếu trái với cương mục trước. Chữ cử trở xuống là nói dùng riêng hiển chung khiến trước sau chiếu nhau. Chữ như trở xuống là các môn giới học phối hợp giải thích.

Nêu chương có bảy, lập danh có nghĩa, nghĩa phải có thể, thể chung cho năng sở, làm có chỗ thành, cảnh sự chẳng phải một, thông bít

có khác, khởi tâm chẳng thường, tiệm đốn khác nhau, năm cái trên cuộc hạn chế, thứ sáu chung cho hóa chế, chế có hưỡn gấp, nghiệp chia nhẹ nặng, trang 332), phải qua phân biệt để nói về hơn kém. Sáu sinh tướng đều chuyên một nghĩa. Nhưng Luật tông nghĩa trì phạm chẳng phải một đường, cho nên lập cái thứ bảy gồm thâu nhiều vị. Đại nghĩa bảy môn bao gồm hết trước sau, tâm cảnh cả hai đã rõ, hành tướng không mê mờ, hiểu sâu nơi đây thì tất cả giới luật rõ như chỉ trong lòng bàn tay, xin người học lưu ý.

Trong danh tự, danh tức tự, liên miên là lời, không nhọc gượng chia (Nghiệp Sớ phá là kia chia rõ danh và tự phải khác nhau, chẳng phải ý nầy). Hai tên trì phạm đều theo thọ thể, trái thuận là tên tìm văn sẽ thấy.

Trong chỉ trì, ban đầu nêu danh. Chữ phương trở xuống là giải thích nghĩa. Ban đầu giải thích nghĩa chỉ, phương tiện là khởi đối trị, chánh niệm là lìa tạp nhiễm, thân miệng là y cứ bảy chi, phải chung ba nghiệp chỉ mà sau sẽ giải thích nghĩa trì. Trì do sau song kết như dưới nêu việc. Nói cùng loại là hai thiên trở xuống chỉ là lìa lỗi, đều quy về chỉ nhiếp.

Trong tác trừ, câu đầu nêu tên. Chữ ác trở xuống là giải thích nghĩa. Ban đầu tiếp sinh khởi ở trước, chữ tất trở xuống là giải thích nghĩa tác. Chữ trì trở xuống là chỉ lược. Ba tiết đồng với trước, nên dùng văn trước sẽ nói. Nhưng sửa chỉ làm tác nên nêu sự nói rằng: thể, lượng, y, bát, v.v...

Trong trước sau, nghĩa là lấy lý thuận tu thiện lìa ác, tác nên ở trước nay sao trái lại. Nếu y theo sinh khởi thì ý kia đã rõ, sợ nghi không có y cứ cho nên lại trích dẫn giải thích. Ban đầu gạn, chữ luận trở xuống là giải thích tức trăm luận, kia nhân ngoại đạo cùng nội chúng luận nghĩa. Ngoại đạo nói: "Phật nói thế nào là Pháp tướng?"

Nội chúng đáp: Dứt ác làm lành là Pháp.

Hỏi: Đã nói hành thiện, không nên còn nói dứt ác, vì dứt ác tức là hành thiện.

Đáp: Tướng chỉ dứt, tướng hành tác, tánh tướng trái nhau.

Chữ hựu trở xuống là kia luận ngoại đạo nạn rằng:

- Hành thiện có diệu quả, nên trước nói hành thiện sau mới nói dứt ác.

Nội chúng nói: Vì pháp có thứ lớp, nếu không dứt ác thì không thể hành thiện. Trước trừ thô cấu sau nhiễm pháp lành (nay chỉ lấy ý biến đổi lời kia).

Trong tác phạm, đầu tiên nêu tên. Chữ xuất trở xuống là giải thích nghĩa. Ban đầu giải thích nghĩa tác. Nói năm chúng là người năng phạm, đều phát trần sa vì có phạm chung. Chữ nội trở xuống hai câu là gốc khởi nghiệp. Chữ cổ trở xuống là chỗ tạo nghiệp. Tác mà sau giải thích nghĩa phạm, phạm do sau kết, hợp đây sau chỉ tông. Pháp ác tức dâm, trộm, v.v... nên nói là việc ác. Pháp ngữ rất chung liền sinh điều lành. Nói là mười pháp ác nầy (có người dùng năm tà bảy phi để giải thích là lầm). Hỏi: Lý do kết tông là gì?

Đáp: Hai phạm chỉ tác, tâm cảnh khác nhau, nhưng e rằng lạm nhau cho nên phải phán riêng.

Hỏi: Trong hai thứ trì ở trước, sao không kết?

Đáp: Nay vì sao lược? Sớ thì nói đủ. Kia chỉ trì nói rằng ở đây đối không làm pháp ác làm tông. Tác trì chép: Ở đây đối với tu tập pháp làm tông.

Trong chỉ phạm, ban đầu tiếp sinh khởi ở trước. Chữ ngôn trở xuống là chánh giải thích danh nghĩa, câu đầu nêu tên, chữ lương trở xuống là giải thích nghĩa. Ban đầu giải thích nghĩa chỉ, chỉ rồi sau giải thích phạm. Chữ thử trở xuống là kết tông rất dễ hiểu.

Trong thể trạng, tướng trạng của thể cũng phải chia. Trong gồm nêu, cái ban đầu san xưa. Sớ dẫn chép: Có người cho rằng mười điều lành là thể của chỉ trì, mười điều ác là thể của tác phạm. Hành đàn, lễ tụng, đầu-đà, bốn thệ nguyện rộng lớn là thể của tác trì, trái đây gọi là thể của tác phạm. Không rõ hóa hành, đối với lý rất sơ, như kia phá. Chữ Trực trở xuống là giải thích nay, luận thẳng là không bày nghĩa khác, chánh giải là hai thể năng sở đều nương giáo lập thể trì phạm, năng sở phân biệt.

Trong văn, năng sở nêu lược chữ phạm, nghĩa phải đầy đủ. Trong năng trì phạm, ban đầu nêu danh, chữ dụng trở xuống là nêu thể. Câu trên chánh chỉ bày, Sớ chép: Nếu không suy nghĩ thì không thành trì phạm, cho nên lấy ý nghĩ làm thể năng trì phạm. Câu dưới là phân biệt với phi, cho thân, miệng, sắc chỉ là duyên thành nghiệp, chẳng phải gốc chánh nghiệp. Sớ chép: "Thân, miệng là đủ, không gọi là nghiệp". Sau dẫn y cứ, ban đầu liền thành luận suy gốc của nghiệp. Kia lại nói tiếp rằng: "Lìa tâm không suy nghĩ, không có nghiệp thân miệng". Kế dẫn bổn luật, tựa kia có kệ rằng: Tạo điều lành đủ ba nghiệp, nay dùng đầy đủ cùng khắp để thông trì phạm, ý nghiệp là chủ, thân miệng do thành cho nên xét riêng để nói thành không, nói đồng là như luật kết phạm đều hỏi tâm gì. Trong phần không phạm nêu mở quên lầm. Dưới chỉ

như sau là môn thứ ba.

Hỏi: Luận nói ba nghiệp đều chỉ là tâm, đây tức là tâm vương, đâu được như trên định ý tứ làm thể?

Đáp: Tâm vương, ý tư, thể, dụng phân chia. Luận suy gốc ba nghiệp cho nên y cứ vào thể mà luận. Ở đây xét định công năng thành nghiệp cho nên từ dụng mà nói.

Hỏi: Nếu vậy sao không như luận từ gốc mà nói?

Đáp: Thể chung cho bốn ấm, dụng cuộc hạn tâm hạnh, bỏ thông theo cuộc, luận về nghiệp càng hiển bày. Lại nữa, tâm chưa hẳn là tư, tư phải là tâm, thể không gồm dụng, dụng quyết được thể. Nay nói: Ý tư thì thể dụng đều thâu, nghĩa không trái nhau.

Hỏi: Trong lục thọ giới, tác giới sắc tâm làm thể, nay ở đây năng trì là tùy tác, đâu chỉ lấy tâm mà không gồm sắc? Lại hỏi: Chỉ có tâm tạo nghiệp đâu khác gì Đại thừa? Lại hỏi: Đã phân biệt thân miệng vì sao sau môn thành tựu lại chung ba nghiệp? Ở đây sợ văn nhiều như chỗ hiển bày riêng.

Trong chỗ trì phạm, khoa đầu các sư xưa nêu ra thể, hóa hạnh không chia, nay hạn cuộc Luật tông chuyên nương hạnh giáo. Luật tạng tuy rộng, hành tướng rất nhiều, chế cho hai môn thảy đều nhiếp hết. Do đối cơ khác nhau nên lập giáo có khác nhau, nếu không chia hai thể trang xen lẫn, trước nêu hai giáo ý kia ở đây, cho nên nói rằng để rõ (xưa ghi dùng đây làm lập thể là sai).

Trong ý lập giáo, văn đầu nói tội có hay không, hiểu biết hai giáo danh nghĩa, giới hạn đủ làm tiêu chuẩn. Trong cho, không làm không tội, ở đây hướng về hạnh không bẩm thọ làm lời. Chữ Trung trở xuống là lãnh dùng cần nương pháp chế, trái liền có tội. Nếu luận cho, thì giáo cũng có chỉ và tác, trong văn không nêu ra như sau sẽ rõ.

Khoa kế, câu đầu là gạn khởi. Chữ phược trở xuống là giải thích chung, đầu tiên giải thích phải cho. Chữ phược trở xuống là nói phải chế. Chữ "dĩ trung" trở xuống là không kham chuyên chế, bậc thượng trí không thích thường khai, lập riêng một mối đều cho thối đạo mất nơi cơ khí, đâu nói là biết thời? Lại nhưng văn đối một lần chia khác phải biết, chế vốn chung cho trung, hạ, cho cũng khai cả thượng căn. Chữ cố trở xuống là song kết, sinh tức là cơ, thông gồm ba loại.

Khoa Cổ ký, văn trước là chánh nói về thể trạng. Nay chia về sau là bốn hạnh nhiếp pháp. Nay nên hỏi rằng: Nêu ra thể đã xong, sao bỗng ở sau nói về pháp nhiếp? Nếu cho là pháp nhiếp không quan hệ với thể, thì do đâu không nêu trong sáu môn khác, mà không biết văn

trước lại nêu hai giáo? Nay chia về sau mới nêu ra thể trạng, mê một nơi đây, nhiều đời luống tranh cãi, xin dùng lý tìm cầu chớ sự thì hằng chấp.

Trong phần nêu thể, văn đầu tiên muốn chia ra bốn hạnh, lần lượt nói về thể trạng cho nên trước là chung, chỉ bày riêng nhiếp giới hạn. Hai câu đầu nêu bày, nối pháp nhiếp ấy, một chữ pháp tức thể sở trì không gọi là sự pháp. Trong chỉ trì sự đâu không gọi là Pháp, như giới bổn chép: Bốn pháp Ba-la-di, v.v... phải biết sự, pháp, tên có chung riêng, tùy văn dùng bỏ không thể chuyên một góc. Chung thì sự cũng gọi là pháp, tức nay pháp nhiếp đã nêu. Pháp cũng gọi là sự, như tác pháp yết-ma đều gọi là hành sự. Riêng thì sự chuyên cảnh sự, pháp chỉ là chế pháp, như hai môn chỉ tác ở sau, phối riêng sẽ thấy. Chữ chỉ trở xuống là chia thông và bít. Chữ sở trở xuống là điểm cuộc hạn sự ở trước. Câu đầu gạn hỏi, chữ pháp trở xuống là giải thích chung, câu trên nói pháp không chung, trái ngược nói các việc dâm trộm chẳng phải tấn tu, cho nên nói mới biết nghĩa là tác môn, pháp lành là đó, bèn biết hiển môn chỉ ở sau, không đợi làm việc ác (trang 333) cho nên chỉ có thể tự nhiếp. Nhi dĩ trở xuống hai câu là nói cuộc hạn sự, cho nên được nói nghĩa là chỉ trì, môn chỉ được nói sự.

Nếu y theo giới sớ chỉ là nghĩa xưa, sau tự lập rằng năm tà bảy phi đều chẳng phải chánh pháp, đồng nghĩa với sát sinh, trộm cắp, thì nói hai môn chỉ tác đều chung cho sự pháp, xưa nay chương ký lại dẫn, văn sớ nối tiếp, ví dụ thuận với xưa. Vả lại, nay sao nhiếp y cốt yếu để dễ hiểu, đâu được một bề dẫn ngang lời xưa, hoặc có người không lấy văn, tự nêu rằng “bao nhiêu nghĩa bỏ đó là bỏ nghĩa xưa, v.v... nhưng biết truyền lầm mà chưa rõ lý do”. Nay vì lược nêu các góc, trái đó do ban đầu soạn sao, vẫn như đồng với chấp xưa, cho nên phần nhiều theo thời xưa có thay đổi. Sớ ở sau chế kính mến xem trọng thời xưa có sửa đổi. Sớ ở sau chế kính mến trọng tu nghiên cứu cùng tận lý mới thêm sự phán đoán cắt bỏ, cho nên nay phán đoán giải thích chưa thể lại dùng sớ sao xen nhau, lại khiến giở ra tìm văn ý chuyển mê, cho nên phải lại làm, nay nghĩa giải thích đó có chỗ khác nhau, văn ngoài tự điểm, cần đến học sớ ưa tự bao gồm, cho đến cú pháp ý cũng đồng với đây.

Chế môn chỉ trì, câu đầu nêu chung. Chữ nhất trở xuống là riêng bày đáng học. Lại trong hai chế, chỉ ở đầu nêu dâm trộm là chánh bày thể trạng. Ba cảnh tức ba đường đều là nặng, cho nên nói là chung. Bốn chủ lại thêm Tam bảo, phạm tướng đều khác nên nói là chia. Trong văn lại nêu hai giới của thiên đầu, còn các thiên tụ khác cấm tất cả việc ác

đều thuộc môn nầy (trong sớ lại thêm pháp chế chỉ, như năm tà bảy phi, thể trái với Thánh giáo nên không được làm).

Kế trong chế tác, y, bát v.v... là thể trạng đều cần ba như. Trong văn lược sắc lại nêu thể lượng (sớ thêm pháp chế tác như ba yết-ma v.v...).

Hỏi: Đây là môn sự tác trì, đâu ở chỉ môn mà nói?

Đáp: Vì chỉ bày nghĩa song trì, Sớ nói song trì song phạm thì có hai món: Ban đầu y cứ theo tâm dùng tất cả giới đều là song trì phạm, vì hễ trì một giới thì quyết khởi đối trị, cấm ác gọi là chỉ, khởi trị gọi là tác, hai phạm cũng vậy. Hễ làm ác quyết không trị (đây có thể vâng trì dụng tâm, chẳng phải chọn phán). Thứ hai là y cứ giáo hạnh tức trong các giới, hoặc có giáo chế vâng làm, hoặc chế, hoặc cho, hoặc sự, hoặc pháp. Vả lại như ba y giáo khiển phải đủ, nương giáo mà làm là tác trì, đối với không trái phạm là chỉ trì, bao nhiêu đều giống nói từ các thứ dâm, trộm, v.v... không có chế pháp, đều là đan trì song phạm (lựa phán các giới chánh dùng nghĩa nầy).

Như trên song trì, chỉ trì thuộc môn nầy, tác trì quy về sau nhiếp. Đây thì chỉ trì có đủ hai món: 1/ Đối với việc ác chỉ rõ chính là bổn vị; 2/ Đối với việc lành chỉ rõ gồm thâu môn sau nên biết. Các việc y, bát, v.v... trước sau đều rõ. Y cứ theo hạnh phải riêng không thể lạm nhau, còn bao nhiêu rộng như trong sớ.

Trong không thể học, ban đầu bày nghĩa nầy. Trong luật cảnh tưởng vốn mê chuyển tâm tưởng nghi, đều khai bổn tội. Nay nói là mê đảo gồm ba món trên, nghĩa là tâm mê nầy gặp việc bỗng khởi không do ngăn hộ cho nên nói là không thể (có người nói tâm mê học không được là sai). Tùy cảnh không rõ, Sớ chép: "Ở cảnh sát sinh, trộm cắp nghi ngờ không phân, trông chẳng phạm vị, cho nên thuộc về chỉ trì, mà tâm không rõ là không thể học (nếu đối pháp, bốn y, năm tà, bảy phi, ba pháp, thị phi xen lẫn nhau, nhớ quên không rõ). Chữ phế trở xuống là san xưa chú giải có hai: Ban đầu nêu ra ý xưa, xưa dùng sự là kia ở chỉ trì, lập chung có thể học hay không thể học, chế tác môn sự là có thể học, chế chỉ môn sự là không thể học, do chỉ lìa lỗi chẳng phải tiến tu. Tác trì chỉ là đáng học chẳng phải không đáng học (như sau chỉ phá). Chữ kim trở xuống là nói lên chỗ lập ngày nay, đầu tiên nói lên sự khác. Xưa y cứ sự chia thông bít mà chế, nay y cứ tâm mê bao gồm thiên tụ. Chữ nhất trở xuống đến chữ thân lý, hai câu trên là chỉ bày đáng học. Nói tất cả là gồm chỉ các giới, đều đáng học, đều phải rõ, thuần luyện giữ gìn ủng hộ không trái. Chữ đãn trở xuống là nói không đáng học.

Ở đây y theo văn luật cảnh tưởng để lập, chỉ có trừ phá tăng dâm, rượu (rượu có nghĩa đoạn) các giới khác đều đều khai tưởng nghi, cho nên nói rằng: “Phật khai tất cả”. Đây gọi là tố, đều rõ suốt đến cảnh bỗng quên, không đồng với ngu giáo một bề không biết.

Trong môn cho, sự vốn là là tác trì, do chung cho chỉ tác nên chia ra hai môn, nghĩa là phòng, y đúng như pháp gọi là cho làm. Phòng có ngăn nạn, y có phạm lỗi, không nên thêm pháp nên gọi là cho chỉ. Chữ ngôn trở xuống là giải thích riêng, ban đầu giải thích đáng học (theo sớ có pháp tức xử phân, thuyết tịnh, v.v...).

Trong không thể học, đầu tiên chỉ cho đồng. Chữ đãn trở xuống là lược bày, nghĩa là phòng quá lượng, giảm, chứa tài, lớn, nhỏ, mê, quên sinh ra lẫn nhau, nhưng không trái giáo nên gọi là chỉ trì, mê chẳng đáng học nên không chế phạm (pháp gọi là tác pháp, đúng sai, hôn mê tạp khởi). Hai câu trên là mê trước sau như làm phòng y quá lượng một bề cho là đúng lượng, v.v... Hai câu dưới nói về chuyển tưởng, như trước tâm muốn làm quá lượng, sau chuyển cho là đúng lượng, tâm trước tội Thâu-lan-già, tâm sau không phạm, cho nên nói là không định. Nay đối với tâm sau là không đáng học.

Trong tác trì, chế môn đáng học, ban đầu gồm nêu. Chữ pháp trở xuống là giải thích riêng. Trước giải thích trong pháp, câu đầu gồm nêu, hai câu sau chuyển giải thích. Nói Luật tạng, lại chia làm hai đoạn: 1/ Gồm thâu chế tác ba món yết-ma, chúng pháp như thọ giới, kiết giới, nói pháp, tự tứ, trị phạt, can ngăn, sám hối, diệt tẫn, v.v... (luống chia gậy, đãy v.v... ở môn cho phép). Đối thú tức an cứ, y chỉ, trì y, thêm thuốc các loại (y, thuốc, thuyết tịnh, v.v... thuộc môn cho phép). Tâm niệm như sáu niệm, trách tâm, v.v...; 2/ Gồm thâu chúng cùng hai hạnh trừ yết-ma. Ngoài các kiền-độ của luật chỗ chế hành pháp như đồ đạc của Tăng, y bát, hành hộ các loại, chung có chế và cho, đủ như hai quyển thượng hạ. Hành nghĩa là đối trị như y, đồ ăn, phòng, thuốc, tùy thời khởi quán hạnh, đi đứng ngồi nằm thường là nhất tâm của ông.

Kế nói trong sự cùng chỉ trì chế tác không khác ở trước, nhưng lấy tu tạo là bổn vị nầy (theo đây cũng có chế tác chế chỉ, nhưng chỉ ở môn trước cho nên ở đây không chia). Môn cho phép pháp sự rất dễ thấy.

Kế trong nạn chung, về trước một bề y xưa chỉ nói đáng học, kia cho việc ác là không thể học, tác môn, sự pháp, đều là thiện cho nên không thể lập. Nay y cứ tâm mê là không thể học, chứ bất luận thiện ác, tất cả đều chung, muốn nói lên xưa nay khác nhau, cho nên ở văn

sau gạn phá, tức như Sớ chép: Nếu nói theo đây thì hoàn toàn khác với trì phạm, thông bít xưa (xưa bít, nay thông). Ban đầu là trước gạn khởi, chữ do trở xuống là dùng thẳng nghĩa này nạn phá, nghĩa là chứa y khai quên, phòng khai tưởng nghi. Đã đồng mê quên cũng nên đồng lập, đâu được không thông? Rộng như ở sau là chỉ khoa tạp, câu dón gọn trong tháp, nếu theo giới Sớ gạn văn đó, dưới trước nêu ra giải xưa nói rằng: Chẳng phải ở đây đã rõ do chẳng phải tấn tu, Thánh không chế học (ở đây chỉ bày nghĩa không đáng học), không đồng với chỉ trì chung cho không đáng học, sự chỉ lìa lỗi cho nên được. Nay lược xưa kia giải thẳng chỉ bày nghĩa nầy (hoặc có sửa chữ là cũng chung, hoặc nói rằng: Cùng Sớ bày lược ấy đều chẳng phải có đặt bày lược văn ở bộ riêng ư? Chữ thử trở xuống là điểm bày hạnh tông, sợ cho là mê quên chẳng phải tác trì. Sau rõ hai phạm đều trái với hai trì, do không có thể trạng riêng, nhưng hướng về thuận trái hai phần trì phạm. Trước, tác phạm nói rằng: "Chỉ không y giới". Sau, chỉ phạm nói rằng: "Chỗ đối pháp sự", đã lược chỉ thể kia, đến nơi chế, cho, chỉ, tác, có thể, không thể học, đều đồng với trước.

Người xưa có lập chế cho hai giáo là thể, nay cho là hai giáo chính là khoa chung nhiếp pháp, đã nhiếp sự pháp chính là thể kia, cho nên biết là sai. Lại có chương môn dùng bốn hạnh vô tác làm thể, cho là cùng một thọ thể chẳng khác. Nay cho là thọ tùy trước sau, phát nghiệp khác nhau, làm sao trì phạm chẳng khác với thọ? Huống gì hai phạm vô tác thể là bất thiện, thì đâu đồng với thể thọ, ở đây cũng không. Lại có người lập muôn cảnh làm thể, (trang 334) nay cho cảnh chính là duyên trì phạm, chẳng phải là thể kia. Lại các giới nêu duyên cảnh chuyên một món, nếu chỉ lập cảnh không nhiếp các duyên thì thành cuộc hạn. Lại dâm, xúc, thô, môi giới, nói pháp, ngủ chung, đi, ngồi, đi thuyền, cảnh chỉ một người nữ, nếu chỉ lập cảnh thì mê các tướng. Lại giới thứ sáu mươi ba là chỉ một người nữ, nếu chỉ lập cảnh không nói nhiều giới. Nếu vậy, Mẫu Luận chép: "Phạm phải y theo cảnh" há chẳng thành y cứ hay sao?

Đáp: Luận nói y theo cảnh há chẳng phải duyên phạm hay sao? Còn nói về chỗ phạm phải nói là "phạm giới", đâu được nói phạm cảnh?

Hỏi: Như ba nhà trên là có lỗi gì?

Đáp: Trước đã lược bày để nói, nêu cốt yếu đều trái lời Tổ dạy.

Vả lại, trong văn tự nói rằng: Chế cho hai giáo để hiển rõ là y cứ theo giáo mà nói thể, đâu nói là hai giáo tức là thể? Lại một môn

thể trạng chưa thấy một lời bàn vô tác và cùng muôn cảnh, đâu được ở ngoài mà tự gượng lập. Lại các chương ký đều là đoạn trước của khoa, rõ văn hai giáo dùng để lập thể. Nay chia về sau chánh nói thể xứ tự luận bốn hạnh, chỉ dùng đây tìm cầu thì có quan hệ gì? Còn bao nhiêu lầm vọng đâu đáng nói.

Hỏi: Nay đây chỗ lập chỉ cái gì làm thể?

Đáp: Một giáo Đại tông đâu cho đàn lập, huống chi ở văn đã hiển rõ, đâu cần nhờ cầu tìm riêng. Một là y cứ văn sao như giải thích ở trước, sợ có người chưa ngộ lại lược nêu bày, như văn trước nêu ra danh nghĩa hai giáo (Khoa Giới Sớ chép: Trước nói ý hai giáo) sau chia lược hiển sự pháp của hai giáo, sự pháp tức là thể đâu còn nghi ngờ gì.

Hỏi: Sự pháp là những gì? Muốn biết về sự pháp.

Vả lại đối với giải thích tướng tức là tất cả các giới của giới bổn, nếu chung sao nay tức là ba hạnh, tất cả chế pháp của ba quyển. Nếu chung với Tổ dạy tức là hành tướng đã nói văn bộ lớn nhỏ của một tông. Nếu chung cho sở tông tức là pháp chỉ tác trước sau của bổn luật. Nếu chung cho các bộ tức năm trăm mười tám (518), năm bộ, hai bộ, Đại Tỳ-ni tạng. Nếu chung với Phật chế thì ba ngàn, tám muôn cho đến vô lượng. Nếu chung với các cảnh thì ba đời mười phương, số đông như trần sa, lượng đồng với pháp giới. Nếu theo Phật Phật đạo đồng, thì ba thừa đều thờ, Tiên thánh, Hậu hiền truyền nhau không dứt, tức là giới pháp. Nếu theo lãnh nạp ở trong tâm tức là nghiệp thể. Lược nêu vài mối thô biết sự pháp nên phải nghiên cứu mới thấy sâu xa, nếu mê ý chỉ nầy, còn bao nhiêu não đáng nói. Dầu muốn nhiếp tu thẳng sợ không có chỗ để làm, tuy nói là giảng tạp mà hoàn toàn luống phí thời gian công sức. Thánh ý rất rõ, phàm tình chớ so lường, bỏ văn xét thể đâu khác leo lên cây tìm cá, gượng lập dị đoan đâu khác thêm chân cho rắn, xin gánh vác cái biết trái góc, chớ đóng kín cái mê xưa. Bao gồm xưa nay, quyết chọn lựa có thể được chăng, thì đạo của Tổ sư ta đâu có tai họa tán mất.

Ba, là môn thành tựu. Trong phần y cứ tâm, hai câu đầu là nêu bày, nghĩa là chia bốn tâm để rõ hai chỉ. Trong ba tâm chỉ khoa nầy đã rõ. Trong hành tâm thì như sau sẽ nói, luận chung bốn hạnh chỉ chung hai thứ chỉ trì, còn ba hạnh khác đều cuộc hạn tâm hạnh. Chữ nhất trở xuống là chánh rõ ban đầu lập nghĩa. Trong đây chỉ rõ một món, trông sau y cứ hạnh cho nên nêu một. Chú giải dón gọn, bốn tâm hiển bày chia ra hai lý do: Thức nghĩa là phân biệt rõ cảnh duyên theo (chỉ chung sáu thức). Tưởng nghĩa là chân tướng lãnh nhận. Thọ là lãnh nhận sở

duyên (ba thứ trên thiện ác chưa dính mắc nên nói là chẳng phải nghiệp). Hành là tâm tạo tác, chấp trước vào quả (tâm suy nghĩ thành nghiệp, thiện ác bèn khác, cho nên nói là biệt nhân khác, còn lại có nói riêng).

Chữ do trở xuống là chỉ bày lập, sở dĩ ba tâm chẳng phải nghiệp vốn không gọi là trì, nhưng đối với thể thọ nói có nghĩa trì. Chữ thọ trở xuống là ngăn nghi, do trì là ký nghiệp, vô ký chẳng phải trì (đây vì xưa cho là chỉ không làm ác tức gọi là chỉ trì, nay y cứ bốn tâm chia làm hai môn, khác thì không có lạm).

Kế, trong hạnh, khoa đầu trước nói hai trì, trên dựa theo bốn tâm lựa bỏ ba tâm, dưới dựa theo ba tánh lựa bỏ hai tánh, vì tâm hạnh chung cho ba tánh. Chỉ tác trở xuống là kế nói hai phạm, dựa theo bốn tâm ba tánh để phân biệt thể hạnh. Đối với văn có thể chia, chú giải chia thiện ác là do tâm hạnh lời chung e lẫn lộn nhau, ba thiện đồng thời mà không lìa nhau, ba ác khác nhau, tánh kia trái nhau. Tác phạm phần nhiều là tham, sân. Chỉ phạm đều do si, mạn. Một phen đại chế chẳng phải không gồm nhau.

Trong phần trước sau, văn trên lược y theo hai hạnh mà nói thì trì phạm khác nhau, chỉ tác đều khác. Ở đây nói bốn hạnh xen lẫn đồng thời, chữ tức trở xuống là tự làm và dạy người từ nghiệp tướng thành nghĩa hai môn. Tâm trước sau là như ban đầu dạy người làm và sau là tự làm. Riêng trì phạm, trong một hạnh có gồm hạnh khác. Nếu biết được thì đó là nghĩa dễ thấy. Sau y cứ ba nghiệp, trong phần hai thứ thân, miệng phần đầu nói về hai trì, kế nói hai phạm. Nói trái với trên là làm sát sinh, trộm cắp, v.v... gọi là thân tác phạm, không nhận đồ ăn gọi là thân chỉ phạm. Vì miệng có bốn lỗi gọi là miệng tác phạm, không nói tịnh ngữ là miệng chỉ phạm, đều lược nêu sự để phối hợp, còn bao nhiêu trình bày như thuyết.

Trong ý nghiệp, ý đến thân, miệng gọi là thân miệng nghiệp, chưa đến thân miệng thì chỉ gọi riêng là ý. Ở đây nói phương tiện xa của các điều thiện và ác giác không nhiếp ý, thầm quên tự che, v.v... quả là tội đầu. Ban đầu pháp không thành, ở đây chung hai tông đã hứa. Nếu thật tông kia nhất định không có ý nghiệp, động sắc thành phạm, nếu y cứ giả tông suy nghĩ tâm thành nghiệp, tức chỉ lượt qua gọi là đơn ý. Chữ nhược trở xuống là kế rõ chung thành, suy lường việc đã làm gọi là thân, miệng, tư. Tuy chưa có tướng động liền thuộc thân miệng, không ngại văn trên. Nếu y theo Giới Sớ thì trên là mới giải, sau lại giải rằng "Độc đầu tâm niệm bỗng khởi, duyên đều gọi là phạm", trọng duyên

hướng niệm có thể được tự giác mà không chế ước thì xếp vào khoa phạm.

Lại nói rằng mặc tình hai chấp, sau là chánh nghiệp (vì thuận theo tông nầy). Chỉ thuyết sau là trong thú quả phương tiện của môn thứ bảy. Bốn là nói về thông bít, nêu trong bốn hạnh đều đặt tên là tắc. Trong một hạnh gồm có các hạnh, hoặc ít hoặc nhiều đều gọi là Thông. Môn đầu chỉ có bít, môn thú ba chỉ có thông, còn hai và bốn thì gồm cả hai. Lại trong hai, thông ấy trì phạm tự thông, trong ba và bốn thông trì phạm xen lẫn thông, như thế mà tìm.

Trong nhất tâm, ban đầu nêu, chữ duy trở xuống là lập nghĩa. Nói tác nghiệp, ở đây rõ tâm hạnh tạo tác chung cả bốn hạnh, chẳng phải là tác của tác trì, nghĩa là khởi tâm đối cảnh đều cuộc hạn mà nói, không y cứ nghĩa trước sau gồm nhau.

Hỏi: Nếu vậy song trì song phạm làm sao nói?

Đáp: Chỉ tác duyên khác lại thành không thông.

Chữ dĩ trở xuống là giải thích lý do tâm và cảnh đốn không có lý nầy.

Nếu vậy thì không học có đốn phạm, đâu chẳng phải cảnh đốn? Như sau có nói. Trong nêu thứ hai, chỉ do cảnh sự gồm chỉ tác, cho nên tâm tùy cảnh hạnh có đủ cả hai, tức trước đã nói nghĩa song trì song phạm. Nhưng tâm dụng giáo hạnh hai nghĩa xem nhau, đối với văn khó hiểu. Trong chia chung, trên giải thích nghĩa bít, trì phạm đối lập nhau, thiện ác khác nhau, cho nên sau giải thích nghĩa thông, trì phạm đều cuộc hạn, vì chỉ tác thông. Suy trong giải thích, chỉ tác lạm nhau vì không có sự phân biệt.

Trong phần đáp chung, đầu tiên y cứ thâu đáp lẫn nhau. Trong chỉ có tác nếu y cứ giáo hạnh, trong chỉ không tác đây là y cứ tâm dụng, nghĩa thấy ở khoa sau. Trong tác có chỉ, hai môn giáo hạnh và tâm dụng đều đủ, chữ nhất trở xuống là y cứ câu để phân biệt, hai câu trên lựa hai trì, ban đầu nói là tâm riêng là dừng (chỉ) tâm lìa lỗi, tác tâm tấn tu. Kế cảnh riêng là chỉ cho cảnh là cảnh ác tác, là thiện trở xuống hai câu chọn riêng hai phạm, câu trên là chỉ phạm, câu dưới là tác phạm.

Kế trong phần y cứ hạnh, trước nói hai trì (trang 335) tức tâm dụng song trì chung cho tất cả giới tu quán, chỉ duyên chung y cứ hóa nghiệp đều chẳng phải chế giáo (y cứ biết tâm dụng chỉ tác thì chung cho hóa chế, giáo hạnh chỉ tác chỉ cuộc hạn chế giáo). Từ bi thương xót chúng sinh hành trị sát sinh, ít muốn biết đủ là hạnh trị trộm cấp, lìa nhiễm tịnh là hạnh trị dâm, nói lời thành thật là hạnh trị nói dối. Sau nói hai

phạm, tức dựa vào giáo hạnh song trì. Nhưng trong tác phạm làm ác phải nói phạm giới, không học cũng y cứ khoa chế. Ở đây tuy giáo hạnh mà chính là y cứ thông luận. Sau trong chỉ phạm chỗ nêu phòng dài tức là giới riêng. Chỉ phạm có hai: Trên nói sự pháp chỉ phạm, chữ nhược trở xuống là lựa không học chỉ phạm, hai câu trên nói bít, hai câu dưới bày thông, tuy không thành ngay nhưng đối với sau có thể nói như người không học bèn gây ra là chẳng phải trong chỉ có tác.

Hỏi: Giáo hạnh song trì, riêng đối với giới bổn là có bao nhiêu giới?

Đáp: Nay nói bao gồm, Tăng tàn có hai (hai phòng chế lượng có xử phân): Ba mươi chín (chứa y, một tháng, chứa bát, chứa thuốc, y thí gấp năm giới nầy có tịnh pháp. Hai lìa dưới sáu năm đều có pháp khai, chứa tiền bạc, vật báu, thuyết tịnh, giao cho tịnh nhân). Chín mươi có mười hai (nói thô, giáo giới ni, yết-ma, khai trái. Riêng y công đức khai hai vào tụ lạc chế tự ni có pháp dư thực ngủ đêm, không thọ bảy ngày, trọn đời, khẩu pháp chân thật, tịnh hỏi chủ, Tăng đoán sự, dữ dục).

Đề-xá có hai, (Ni chỉ khiến quở trách, chỉ Lan-nhã chế nói biết), chúng học có một (gậy, đãy, yết-ma khai). Gồm hai mươi sáu giới, đều có hai thứ trì phạm, còn bao nhiêu là đơn trì phạm (xưa ghi không dùng hai môn tâm dụng giáo hạnh để lựa rất là phù mạn).

Ba, trong phần dạy người nêu rằng: Đều chung ấy vì là dạy người, nghĩa bít không lập, dạy người làchỗ thông, tự làm là năng thông, sở thông thông bao nhiêu, năng thông chỉ một hạnh. Trong phần giải thích, khoa đầu văn nêu bốn việc, y cứ đủ mà nói, cho đến một việc cũng gọi là Thông. Sát sinh là tác phạm, không xin là chỉ phạm. Chữ tác trở xuống là gồm bày nghĩa thông, tự tu là chỉ trì, trước dạy bốn việc vì đồng thời thành xong. Trong một hạnh chung có nhiều nghiệp. Kế trong ba món kia, cho đến ấy nên nói là sai người làm bốn việc. Tự mình ngồi tụng giới tức là tác trì, trong đủ bốn hạnh, hoặc thực hành dâm trộm là tác trong phạm có bốn, như bản đồ trình bày:

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Tự làm dạy người bốn hạnh đều chung gồm có mười sáu câu* | *Tự làm chỉ trì chung bốn hạnh<br>Tự làm tác trì thông bốn hạnh<br>Tự làm tác phạm chung bốn hạnh<br>Tự làm chỉ phạm chung bốn hạnh* | *tác ý lìa lỗi thuyết tịnh chứa dư tự làm việc dâm tự khởi không học* | *chỉ trì<br>tác trì<br>tác phạm<br>chỉ phạm* | *Sai người tưới cây, trong tăng trì dục, xúi người sát sinh, không xin mà làm nhà.* |

Bốn, nói về tướng hành. Trong phần chỉ chung, bít nghĩa là tự khởi phương tiện. Sau đến chánh quả tức là tự nghiệp tướng thành, ở đây như lẽ thường, cho nên nói là dễ hiểu, nghĩa chung như trước. Trong một có bốn cho nên nói là chẳng khác, tự nghiệp cùng dạy người sự có khác nhau, cho nên nói là khác nhau. Chữ như trở xuống là có thể thấy. Trong phần chỉ bày tướng bốn câu đầu là nêu bốn hạnh phải tự chia ra, cấm Sa-di tức là tác trì, Luật chế dạy Sa-di thường phải cần cấm ngăn ở trong phòng, chữ thử trở xuống hai câu là gồm chỉ bày. Bốn câu nầy là trước phương tiện, sau tu chỉ trì, trong một chung bốn, ba thứ khác đồng với ở đây, chữ nãi trở xuống là chỉ ba hạnh khác loại, y theo mà làm cũng là bản đồ sau:

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| *Tự nghiệp<br>tướng<br>thành chung<br>trong<br>bốn hạnh<br>gồm<br>mười sáu<br>câu* | *Sau tu chỉ<br>trì<br>Chung bốn<br>hạnh<br>Sau tu tác<br>trì<br>Chung bốn<br>hạnh<br>Sau tu tác<br>phạm<br>Chung bốn<br>hạnh<br>Sau tu chỉ<br>phạm<br>Chung bốn<br>hạnh* | *tác ý<br>lìa lỗi<br>xin phép<br>làm nhà<br>tự trộm<br>vật của<br>người<br>tác ý<br>đoạn học* | *chỉ trì<br><br>tác trì<br><br>tác phạm<br><br>chỉ phạm* | *tự an<br>tưới đủ<br>cấm ngặt<br>Sa-di<br>tự an<br>dụng cụ giết<br>hiện không<br>dữ dục* |

Trong điểm chỉ, trước là môn thứ hai chung cho hai môn chỉ phạm, hai món sau đều y cứ tạo tác, bất luận không học chỉ phạm. Hỏi: Như dạy người việc tự mình khởi đoạn học, sao lại có chuyện không được?

Đáp: Năng thông có thể nói, văn điểm sở thông.

Năm, là môn đốn tiệm. Trong phần y cứ tâm, môn nầy không y cứ tạo tác thành hạnh, chỉ đối với tâm khởi chung riêng để nói đốn tiệm. Trong chánh nói, ban đầu nêu bốn thứ đốn, chữ nhược trở xuống là kế chỉ bốn cái tiệm, chỉ y cứ một cảnh mà nói.

Hỏi: Khắp chung các cảnh có thể gọi là đốn, hoặc duyên ba và năm khởi tâm trì phạm là tiệm hay đốn?

Đáp: chỉ một tên là tiệm, từ hai trở đi đều là đốn.

Trong hiển ý, đây nói về trì phạm, nhưng đối với khởi tâm trái thuận với thể khác nhau. Khóa kế đối sự tạo tác, nên biết hai trì tâm đốn tức y cứ trì chung, đối với bổn thọ thể trần sa sự pháp phát việc lành vô biên. Hai phạm cũng vậy, nếu nói về tác phạm, đối duyên chánh làm tự theo phạm ở trước. Trong đây chỉ là thiếu càng khởi tâm, có thể đối với bổn thọ thông phạm, tội Đột-cát-la chỉ, phạm, đốn, tiệm như ở sau giải thích riêng.

Kế, trong đối hạnh, sự tướng đều khác, tâm không đồng thời, cho

nên chỉ là tiệm. Nhưng nói ba hạnh, một hạnh chỉ phạm để hợp nghĩa môn. Chữ tại trở xuống là giải thích riêng. Hai trì, rất dễ hiểu. Tu từ là tác, thâu tác thành chỉ, cho nên là chỉ trì.

Trong phần tác phạm, ban đầu bày nghĩa tiệm, chữ thả trở xuống là nêu sự để hiển. Ban đầu nêu riêng giới sát, bảy tâm tức ba món bất thiện đơn phúc trải qua. Chữ tư trở xuống là chỉ các giới khác, nam tử năm mươi sáu, nữ nhân sáu mươi ba, bảy sát ở trên có nói, cho nên nam bốn mươi chín, nữ năm mươi sáu. Chỉ như trước là giải thích tướng ở đầu.

Trong phần chỉ phạm, nếu y theo sự pháp, chỉ phạm là tiệm, chẳng phải đốn. Hợp với khoa trên văn lược không nêu ra môn nầy, chỉ là rõ không học chỉ phạm. Bốn câu là bốn khoa dưới, môn đầu thiếu luận đốn tiệm có hai thứ khác nhau: 1/ Trước sau tức môn nầy; 2/ Một, nhiều tức như môn kế. Trong văn không học trước khởi, ở đây đối với ban đầu khởi tâm đoạn học. Y cứ nghĩa sao trước khởi dưới có, cho nên hai chữ đốn văn thoát, không biết sau sinh là trước không dứt học, không kết không biết, phải nhờ trước thành cho nên là nghĩa Tiệm. Ba căn khác nhau như sau giải thích. Chữ văn trở xuống là dẫn văn chứng minh tiệm.

Trong giải thích riêng không học, ban đầu gồm nêu, chữ như trở xuống là giải thích riêng. Lại hai thứ đầu là nói đốn phạm, chữ vân trở xuống là giải thích tiệm phạm. Trong phần không biết, ban đầu nêu, chữ vị trở xuống là giải thích. Không học y cứ tâm, không biết tùy sự, tâm có chung riêng, chung cho việc đốn tiệm, không cùng tu cho nên chỉ cuộc hạn tiệm. Lại tội không học phàm trải qua hai kiết, nếu ban đầu khởi tâm đốn tiệm tùy phạm như đây đã nói, đến sau không biết tùy sự lại kết, như câu pháp ở dưới.

Trong phần bày tội, do xưa nay phán khác. Hỏi: Xin giải thích. Trong đáp, đầu tiên nêu ra giải thích xưa, chữ kim trở xuống là chánh phán. Câu đầu nói một phẩm không học. Chữ vô trở xuống là nói không biết nặng nhẹ. Dẫn luật chứng minh nặng là không nhiếp nhĩ giới, nghi dụ như hợp giải cho nên tội nhẹ.

Hỏi: Tội không học là xuất xứ từ đâu?

Đáp: Thọ giới nói tướng là chế nương theo thầy, nay trai giáo nầy cho nên kết tội Đột-cát-la.

Trong giới hạn, chia giáo thành hai: Ban đầu nêu chương, chữ học trở xuống là chánh giải thích. Trên nói không học, học nghĩa là vâng làm quyết không bỏ giữa chừng, cho nên nói trước sau. Trước y cứ ban

đầu thọ, sau y cứ trọn đời. Sau nói không biết. Hạn cuộc năm hạ là trong pháp thọ giới chế học năm hạ, có chỗ chưa biết, chưa thì kết tội. Năm hạ trở lên đối sự không rõ, rõ ràng là giải mạn cho nên tùy kết phạm.

Trong phần đối hạnh, năm hạ lìa thầy đây là dựa theo giáo hạn, nếu theo thành hạnh thì đến Thánh mới thôi. Tuy chẳng trái giáo nhưng đều trái hạnh. Trong văn đầu tiên nêu, chữ khủng trở xuống là kế giải thích mới nêu lập. Dật đãn là buông lung, tự thị đồng Thánh là cống cao, hơn kém không hạn cuộc số hạ nhưng hơn ở nơi mình thay nhau làm thầy, cho nên nói rằng tương giáng. Chữ văn trở xuống là dẫn chứng cũng nêu ra pháp thọ. Y chỉ phải đủ ba đức: 1/ Đủ mười hạ; 2/ Có trí tuệ; 3/ Siêng dạy dỗ. Đến pháp thân không cần một hình, huống chi Như Lai dùng pháp làm thầy, bao nhiêu phàm ngu đâu thể tự lập.

Trong phần y cứ các căn, ban đầu là nêu. Chữ nhược trở xuống là giải thích, nếu luận không học y cứ chung trước sau, ba căn không khác. Tội không biết vị chia ba loại khác nhau: Thượng căn không đợi năm hạ cho nên nói rằng trước sau hai tội (có thuyết nói rằng liền bị hai tội là sai. Không học có đốn, không biết không đốn). Trung căn sau năm hạ kết (nghĩa thấy ở khoa trước cho nên không nêu lại). Hạ căn một bề không kiết. Văn rõ lợi độn không hiển trung căn nghĩa thủ ở khoa trước thì ba căn đều đủ. Trong phần phải sám, ban đầu nêu, câu hỏi, chữ nhị trở xuống là giải thích chung, câu đầu gồm bày đối phá với giải thích xưa. Xưa cho là không học phải sám, khởi tâm muốn học dứt tương tục. Không biết không thể sám, muốn biết chưa rõ vì không có nghĩa đoạn, không thể sám duyên sau được hiểu, tức là hiểu hoặc dứt trừ tướng, lại không cần sám (do giải trừ hoặc tội không nương cho nên chữ tướng là bình thanh). Nay đưa thẳng ra chánh giải, giải thích xưa như nghĩa sao trích dẫn. Chữ như trở xuống là hiển bày riêng, ban đầu nói trước phạm. Chữ nhược trở xuống là nói đoạn sau để vừa khởi tâm học liền chẳng có gì không biết, vì cả hai đều có đoạn, nên đều có thể sám.

Sáu, là nói hơn kém, trì phạm đều có mười môn, ban đầu mười môn trì, trong mỗi môn đều chung cho hai trì đều thấy nghĩa hơn kém. Trong phần y cứ pháp, khoa đầu, oai nghi là tùy cảnh vì riêng hộ giới cấm thân miệng. Hộ căn là nhiếp chung sáu căn vì chế các căn. Định cộng và thiền định đều phát, đạo cộng dứt hoặc chứng đạo đồng thời được. Trên hai tán nghiệp, ba là định nghiệp, bốn là vô lậu nghiệp, y cứ giới chỉ có ba ngôi, hai thứ trên đều được giải thoát riêng. Nhưng y cứ trong ngoài cả hai đều chia thô tế, oai nghi chung phàm thánh, đạo cộng chỉ cuộc hạn ở Thánh. Trong hai tướng thông cuộc có thể biết.

Khoa kế, ban đầu phối hợp bốn giới với ba ngôi. Ngoại phàm tán tu quán sự, chưa duyên đế lý vì không có thật đức cho nên gọi là giả danh, tức năm pháp quán dừng tâm, tổng, biệt tướng niệm và bạc địa phàm phu. Nội phàm phần nhiều ở định tâm, duyên theo cảnh bốn đế, chưa thấy chân lý nên gọi là hòa hợp, Tức Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế đệ nhất. Sơ quả trở lên chứng lý chân đế gọi là chân thật tăng. Chữ đức trở xuống là kế y cứ ba vị, nói lên hơn kém, trước kém sau hơn, giữa chung cả hai. Cho đến là lược bỏ định cộng, hai giới nội phàm lại phải chia ra. Môn kế ban đầu dựa vào bốn Thánh để chia đạo cộng, tự có hơn kém. Tam quả nghĩa là người ở ba quả vị, so sánh tiệm, liệt. Xí là mong ngóng, trông trên tiến cầu vì đức chưa tròn. Kế trong nội phàm, hai giới chung cho bốn người, Thế Đệ nhất là hơn, Noãn vị là kém, trong hai có thể biết. Ngoại phàm oai nghi ba vị cũng vậy, nếu y cứ luận chung chỉ có Vô học là hơn. Ngũ Đình rất kém, chín vị ở giữa có thể so sánh mà biết.

Hỏi: Hai môn đều nói nhân pháp, làm sao lấy riêng?

Đáp: Trước là y cứ vị để bày pháp, sau là y cứ nơi vị mà chia nhỏ.

Môn thứ ba trước chung phàm thánh, bốn pháp vì nói, ở đây cuộc hạn hạ phàm riêng thoát để nói về giải thoát riêng. Lại bốn, năm, tám đối với hai chúng tại gia, mười giới là đối ba chúng sau, giới cụ túc là đối với hai chúng tăng ni y cứ thể bốn vị tuy đồng y mà cứ người bảy chúng là khác, trước kém sau hơn, chặng giữa có thể biết.

Trong bốn, trước chung cho đạo tục. Chữ thử trở xuống là bảy môn y cứ văn, tuy y cứ chung nghĩa ở đạo, trong văn chia làm hai: Ban đầu y cứ lỗi phạm nặng nhẹ, hai y cứ năng trị khó dễ. Khoa đầu nói thiện tâm lại y cứ trị dâm, còn bao nhiêu đều y cứ theo loại, lìa hạnh nhiễm tịnh là quán bất tịnh. Tâm bất thiện là cầu danh tiếng lợi dưỡng, quả báo vui cõi người, cõi trời. Nhưng trong lời tựa giới, thì nói danh dự, lợi dưỡng, chết được sinh lên cõi trời, kia gọi là trì giới, thầm cảm đúng sai, ác cầu, vô ký lại nêu ngủ cuồng. Không duyên theo lành dữ, thiếu vâng giữ đều thuộc về vô ký. Khoa kế, hai câu trên là bày hơn kém. Nói tác trì, tác là tâm hành khởi hộ chung gồm hai trì (xưa cho tác trì một hạnh, giải thích đó là danh thì lầm) nghĩa là chấp tâm tác so sánh có ba phẩm hơn kém, thiện tâm là thượng, bất thiện là trung, vô ký phi nghiệp là hạ. Chữ nhược trở xuống là hiểu đồng, dùng ba tâm y cứ nghiệp hơn kém thành khác nhau, hai trì cứ chế thuận giáo, không khác.

Trong sáu, bốn thứ đều y cứ nêu tâm kỳ hẹn, nên gọi là phần

chừng. Trong trước kém sau hơn hai cái rất dễ hiểu, nếu nói về nghiệp hạnh, ban đầu nghiệp bất thiện và nhân bốn đường, hai ba đời thiện, người trời chia ra. Bốn, nghiệp vô lậu là nhân gốc của ba thừa. Ban đầu cho là tà siểm mong có lợi như giặc, đối với giáo không trái cũng gọi là trì giới. Thứ hai nghĩa là thường sợ tội báo không riêng chỗ cầu. Thứ ba, y cứ bài tựa giới. Thứ tư y cứ lời tựa của luật, các lời tựa kia nói rằng trừ kiết không quái ngại, ràng buộc do đây mở. Đây rõ phàm phu bẩm trì riêng thoát, xa có thể hướng đến quả, chẳng phải định đạo giới.

Trong thứ bảy, phiền não trọng xử vì người thiện ít. Lại do khổ ép ngặt tâm quyết mạnh đầy cho nên riêng hơn, hai thứ khác yếu kém vì phiền não nhẹ, châu phía Bắc là nan địa cho nên không luận nói. Kinh chép rằng: châu Thiệm bộ ở phía Nam một ngày một đêm phát tâm tu hành hơn Châu Thắng Thần ở phía Đông và châu Ngưu Hóa ở phía Tây năm mươi tiểu kiếp.

Trong thứ tám, ban đầu nêu trước sau tức y cứ thời. Kế là giải thích có hai: Trước y cứ ở diệt để luận, sau ước ba thời mà nói. Chánh pháp ngàn năm đủ giáo, lý, hạnh, quả. Tượng pháp ngàn năm thiếu quả. Mạt pháp muôn năm thiếu hạnh và quả, căn cơ con người càng ô trược, dần kém có thể biết. Chữ dĩ trở xuống là dẫn chứng Truyện Phó Pháp Tạng. Tổ sư thứ năm độ người đã nhiều, người gọi Ngài là Phật không có tướng tốt, (hành hóa đồng với Phật, chỉ không có tướng tốt) Quật-đa ý cho là đồng với Phật. Bấy giờ, có vị Ni già thấy Phật lúc còn tại thế, có nhiều việc thường đến hỏi. Vị ni kia trước lấy đồ dùng đầy dầu để sau cánh cửa, Quật-đa vào phong làm nghiêng đổ vài giọt dầu. Quật-đa hỏi vị Ni ấy rằng: "Khi Phật ở đời sự giáo hóa có giống ta chăng?", Ni đáp "Phật ở đời, nhóm tỳ-kheo sáu vị mấy lần vào phòng tôi mà chưa hề làm đổ một giọt dầu. Nay Tôn giả không bằng sáu vị". Sao nhiếp ý kia như văn nói rằng: Quật-đa cũng là Cúc-đa.

Trong thứ chín, y cứ tội thì tánh mạnh giá yếu, y cứ trị thì già hơn tánh kém, cho nên nói là lẫn nhau.

Trong thứ mười, thiên tụ y cứ hai ý trên xen luận hơn kém. Thứ hai, trong phạm mười môn thì môn đầu là ba sơ học, vô học đối nhau, bậc Vô học kiến tư hoặc đã hết nên không cố phạm, sự tập chưa quên nên cho cho có sai lầm. Tam quả tàn dư chưa hết cho nên có cố tâm (hai vị trên chỉ phạm già giới). Sơ quả và Nhị quả dục hoặc chưa hết cố tâm phạm tánh giới, nhưng không tạo cho người, lại không kết nghiệp, không chịu tổng báo, có khác với phàm phu (Tu, Tư hai Ni do oán nghiệp ép ngặt thọ vui như thọ giới dẫn). Văn nói rằng ba quả cũng chỉ

cho ba vị.

Kế y cứ Thánh phàm đối với nhau, bậc Thánh thấy lý nghiệp không nhóm. Nội phàm chưa chứng, hoặc còn đầy đủ. Ba y cứ trong ngoài đối nhau, cho đến là hợp nói rằng: Trong ngoài thấy một phần chân lý, sức mạnh định tuệ cho nên nhẹ. Ngoại phàm chưa duyên đế lý, sự hành đạo kém cho nên nặng. Trên y cứ bốn vị đối nhau, tóm lại vô học là kém nhất, Ngũ đình tâm là hơn hết, chặng giữa thông suốt nhau, y theo trước sẽ hiểu. Trong văn lại y cứ hạnh vị cho nên đến ngoại, lại chung bạc địa rất là hơn.

Trong thứ hai, ban đầu chỉ tác ấy là y cứ tâm đối sự, dưới cố lầm là chỉ y cứ tâm mà nói, gồm cả hai phạm ở trên đều chung cho hai tâm.

Trong thứ ba, chỉ cho trước tức trong thiên hạ bất thiện là hơn, tâm thiện là kém, vô ký rất là kém.

Trong thứ tư, chỉ thiên tụ, phần phạm giới trước nặng cho nên là hơn, phạm oai nghi sau là nhẹ cho nên là kém. Lại nữa, gồm y cứ thiên tụ, Ba-la-di là hơn, Đột-cát-la là nhẹ, (trang 337) đối nhau có thể hiểu.

Trong thứ năm, phạm giá tội là nhẹ, nhưng trái chế giáo phạm tánh tội là nặng, chế nghiệp đều trái, chỉ có Trí Luận văn thấy ở thiên sám.

Trong thứ sáu, chỉ trước trì là Phật còn ở đời căn cơ lanh lợi thì phạm tội (nhẹ), sau khi Phật diệt độ lần lần ô trược phạm nặng. Ba thời đối nhau, nặng nhẹ cũng vậy (y cứ vào ba phương, phương nam hơn, hai phương kia kém).

Trong thứ bảy nêu, nghĩa là tâm cảnh đối nhau hoặc hiển bày hơn kém lẫn nhau.

Trong dẫn luận, ban đầu y theo văn chỉ bày chung, do tội nhờ duyên, thành duyên tức tâm cảnh. Cảnh là duyên ngoài, cho nên nói là gá. Tâm là duyên trong cho nên nói là quan. Tâm khởi không thường nên có tăng thêm, cảnh duyên chẳng phải một cho nên có hơn kém. Chữ hoặc trở xuống nhiều câu phân biệt, câu đầu là hơn, hai câu sau có hơn kém lẫn nhau, nghĩa lấp đều xếp vào một câu, như phi nhân mà nghĩ là súc sinh hay gốc cây. Chữ luận trở xuống là điểm văn luận ở trên, lời chung cho thiên tụ. Câu giữa vả lại y cứ giới sát để bày tướng cho nên riêng trải qua bốn tội nặng, các thứ khác nêu chung.

Trong giới dâm, câu đầu nêu chung, chữ súc trở xuống là phân biệt riêng có bốn: Câu đầu phân biệt khác loại, lẽ ra thêm phi nhân. Kế là đối với súc sinh và người phân biệt đạo tục. Ba là trong đạo tục phân biệt riêng trì giới phá giới, tại gia lại phân biệt không giới, có giới.

Trong trì giới lại có nam nữ năm giới, tám giới. Xuất gia trước phân biệt năm chúng, đại tăng là nặng nhất. Trong năm chúng đều có trì và phá.

Bốn, là trong trì lại phân biệt thánh phàm, bạt địa trì giới, ngoại phàm trở lên cho đến Vô học, lăng nhục tội rất nặng. Câu cuối nêu chung, trọng đồng với chế tội, dâm không phân biệt cảnh đều phạm tội Ba-la-di. Báo khác nghĩa là nghiệp đạo, nghiệp có hơn kém, thọ báo khác nhau. Sau ba chế quả báo đều khác, rất dễ biết.

Trong giới trộm thứ ba, đầu tiên phân biệt đường cũng nên thêm súc làm đầu. Trong hai người, phân biệt thánh phàm. Ba là phân biệt Tam bảo, Phật nhẹ, pháp kế đó, Tăng nặng, như giải thích tướng đã nói. Trong ba, dẫn luận chỉ phân biệt tà chánh người nhẹ, kiến nặng. Vả lại y theo cứ nghiệp mà nói, không theo chế giáo. Y cứ nghĩa cũng nên y cứ các đường, đạo, tục, trì, hủy, phàm, Thánh phân biệt, văn lược không nêu ra. Cho nên giết A-la-hán, làm thân Phật chảy máu đều là tội nghịch, há chẳng phải nặng hay sao? Lục Túc, Tỳ-đàm, Thành luận tự chỉ Lục Túc, là tên khác của luận. Bảy luận chung thành một bộ, một thứ sau là luận phát trí làm thân, sáu luận kia như chân (phân biệt Phật Tỳ-đàm và Bà-sa, Tạp Tâm đồng Tỳ-đàm).

Trong thứ tư, ba đường đồng trộm, người thì trái lại, như văn có nói. Lại trong năm chúng xuất gia cho đến bậc Thánh, tiệm khinh rất dễ hiểu. Nếu như Ngũ Phần, trong Tăng nói dối nặng hơn trước trăm vị A-la-hán, cho nên biết dối tăng tội rất nặng.

Bốn món trên chỉ nêu ra hơn kém của cảnh, tâm theo cảnh cho nên khinh trọng rất dễ biết. Nếu y cứ xem luận như trước câu tác, tất cả đều thông hiểu.

Trong thứ tám là nêu, chế y cứ luật mà phán, báo y cứ hóa nghiệp, hoặc đồng hoặc khác, cho nên phải phân biệt, tùy y cứ nặng nhẹ để chia hơn kém. Bốn câu đều xuất xứ từ Mẫu luận, câu đầu chia làm hai: Trước nêu giới chỉ bày tướng, thứ hai là dẫn luận để chứng thành (hai thứ sau đồng với ở đây). Ngăn ác chế tàn cho nên biết khác nhau, thiên sau đào làm hư hoại, ở đây nói rõ. Văn luận, hai câu trên chứng minh phạm tăng tàn, câu trên chỉ bày khác, vì khác nghiệp lý, câu dưới giải thích khác. Hai câu sau chứng minh vời lấy quả báo, câu trên chỉ bày khác, vì khác chế giáo (mắc tội tức là nghiệp nhân ngày nay, vì có công năng vời lấy quả báo, nên nói là báo khác. Xưa nói rằng: "Tương lai mắc tội". Pháp khác tức cho báo là tội, rất sai lầm).

Câu dưới giải thích khác, quả do nhân mà có, nhân là tâm nghiệp, chẳng quan hệ gì với chế giáo. Câu kế, ban đầu là nêu, chữ như trở

xuống là giải thích chia văn, đồng với đánh Tỳ-kheo v.v... đồng với giết súc sinh, các loài côn trùng ở trên. Văn luận chia giải thích làm hai cũng đồng với trên. Trong ba nêu rõ hai câu, ban đầu gồm bày câu trên, vì thiên đầu dễ hiểu, chỉ nêu thiên kế, lậu lỗi, dục nhiễm, hai lần phỉ báng, hoại chúng, hai món thô, bốn can ngăn. Thiên sau tánh nghiệp lệ cũng đồng đó. Câu dưới có hai: Trên là vô ký, dưới là y cứ tâm lành. Dưới đây hợp chứng, tức chế giáo và nghiệp đạo cả hai đều đồng.

Trong nêu của thứ chín, khoa trước là đối cảnh, ở đây nói riêng về tâm, cho nên nói là đơn. Ba thời: Ban đầu là thời phương tiện, thứ hai là thời căn bản, thứ ba là thời thành xong. Như sinh thiện là chỉ bày đã nêu ra, vả lại y cứ sát sinh còn bao nhiêu có thể y cứ mà biết. Tâm niệm không thường trước sau đủ không nêu ra tám câu, bao gồm hết cả. Câu đầu chỉ bày tướng trọng của ba tâm, vưu là dạy kỹ, nhưng chẳng phải rất sâu tức là tâm khinh, nhưng rất khó rõ, phải lược nêu tướng, chỉ y cứ khởi tâm, niệm niệm không đứt đoạn, sắc tâm tháo động buồn phiền không biết hổ thẹn, với người gần bên, thần tư hôn mê đều quên việc lành, chạy theo cảnh trước buông lung theo tình mình, hai tà kiến ở trong lòng, bác không nhân quả, hướng về người thân làm việc dơ uế, đối tháp điện làm chuyện trái khuấy, tất cả sự dụng tâm nầy đều gọi là định nghiệp, có công năng lôi kéo quả báo, dầu sám hối vẫn không mất, do đây tự lượng đâu cho khinh động, kẻ thức tâm há không sợ ư? Số câu trong văn giao kết muốn giúp cho người mới học dễ hiểu nên làm bản đồ chỉ bày:

| | | |
|---|---|---|
| ① | Một câu ba thời đều nặng (trọng) | –Phương tiện<br>–Căn bản<br>–Thành rồi |

| | | | |
|---|---|---|---|
| ② Ba câu mỗi câu có hai nặng một nhẹ | câu đầu | Phương tiện<br>Căn bản | nặng |
| | | Thành rồi | – nhẹ |
| | câu giữa | Phương tiện | – nhẹ |
| | | Căn bản<br>Thành rồi | nặng |
| | câu sau | Phương tiện<br>Căn bản | nặng |
| | | Thành rồi | – nhẹ |

| | | |
|---|---|---|
| ④ Một câu ba thời đều nhẹ | Phương tiện<br>Căn bản<br>Thành rồi | nhẹ |

Nếu dùng bốn vị để chia, câu trên là hơn hết, câu dưới kém nhất, câu giữa chung cả hai. Nếu nói theo tám câu thì mỗi câu giáng nhau, chặng giữa hai vị đều có ba câu và y nặng nhẹ thứ lớp nêu bày, so sánh tự thấy. Trong thú tư, dẫn các kinh luật nêu sự hiển tướng, dầu ôm lòng thương xót chẳng phải không ý giết, đều nhẹ rất dễ biết.

Trong phần hội thông, ban đầu chánh là nói rõ, nghĩa là nếu y luật chế thì không có nặng nhẹ, (trang 338) nay lấy tâm nghiệp cho nên chia ra tám câu. Sau dẫn chứng luật y cứ chế tội, người nặng súc nhẹ, luận y cứ tâm nghiệp súc nặng hơn người.

Trong phần nêu của môn thứ mười, có tâm chung cả nhẹ nặng, không tâm là khác với trước, lịch câu đều đồng.

| | | |
|---|---|---|
| ① Một câu ba thời đều có tâm | Phương tiện<br>Căn bản<br>Thành rồi | có |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| ② Ba câu mỗi câu hai có một không | câu đầu | Phương tiện<br>Căn bản | có | bốn giới đều nặng |
| | | Thành rồi | không | |
| | câu hai | Phương tiện | không | bốn giới đều nặng |
| | | Căn bản<br>Thành rồi | có | |
| | câu ba | Phương tiện | có | giới đầu nặng hơn giới kia phương tiện tội Thâu-lan-già, thành rồi tội Đột-cát-la |
| | | Thành rồi<br>Căn bản | không | |

③ Ba câu mỗi câu một có hai không
- câu một: Căn bản – có; Phương tiện, Thành rồi – không → bốn giới đều nặng
- câu hai: Phương tiện – có; Căn bản, Thành rồi – không → giới đầu nặng hơn ba giới kia, phương tiện tội Thâu-lan-giá
- câu ba: Phương tiện – không; Căn bản, Thành rồi – có → giới đầu nặng hơn ba giới kia, thành rồi tội Đột-cát-la

④ Một câu ba thời đều không
- Phương tiện, Căn bản, Thành rồi → không

Giới dâm ép ngặt, cấm tâm ba giới, trước sau mê mất, nghĩa hơn kém cũng như trên đã nói. Nếu tám câu đối nhau, chỉ dùng trong ngôi thứ hai câu sau ở dưới. Trong ngôi thứ ba câu đầu ở trên, thì nghĩa thứ lớp tiện hơn.

Hỏi: Câu sau không tội đâu gọi là phạm kém?

Đáp: Chỉ y cứ giáo mà khai cho nên không có tội, chẳng phải không gây ra việc cho nên xếp vào phạm.

Trong phần dẫn bày, muốn bày môn nầy có chỗ y cứ. Vốn khởi niệm tức thời phương tiện, thời chánh vọng biết tức là thời căn bản, nói rồi liền là thời thành rồi, như trong tiểu vọng có dẫn đủ. Trong khoa phân biệt, ở đây y cứ chế giáo. Văn kế, đầu tiên là nhắc lại ở trước, đối khinh trọng ở trên, cho nên nói là sau rõ (hoặc có thể riêng điểm thứ ba đều không). Chữ hoặc trở xuống là chỉ bày tướng, câu đầu phân biệt riêng giới dâm, môn nầy nói về dâm, và y cứ oán thù ép bức ba thời có không. Nếu theo tạo cảnh tự thì liền phạm, không theo ba thời, cảnh tưởng không khai vô tâm cũng nặng, cho nên chẳng phải chỗ đáng nói. Chữ cập trở xuống nên chỉ bày ba giới, y cứ chung tâm mê không rõ cảnh trước. Lại giới dâm trong ba thời hễ có một thời, thảy đều là nặng, đều không phương khai, ba giới kia nặng nhẹ không nhất định, cái đầu có, còn cái khác thì không. Không Đột-cát-la, hoặc Thâu-lan-già đều là phương tiện, cho nên ở giữa có, còn cái khác thì không, đều là nặng, và căn bản cho nên sau có còn cái khác không, đều tội Đột-cát-la và tùy

hỷ cho nên gồm y cứ mười môn: Hai, ba, bốn, năm, mười đều y cứ chế giáo. Một, sáu, bảy, tám đều chung với hóa chế. Thứ chín chỉ cuộc hạn hóa giáo, cứ như vậy mà tìm.

Môn thứ bảy, năm chương giáo nghĩa cùng nhóm họp ở một môn, nên nói là tạp. Trong phần nêu, đầu tiên là phạm chung, tội nhánh nhóc bao gồm tất cả. Sau đều phạm riêng, nhân quả khác nhau. Hai là phương tiện. Ba là căn bản. Bốn là phân biệt nhân, quả, nặng, nhẹ, có, không. Ba khoa nầy nghĩa chung sự riêng. Trong thứ năm tạp, lại tạp dùng nghĩa trì phạm, rộng không thể bày đủ, cho nên xem các mục gồm nêu môn sau, kia chỉ bày không hết.

Trong không học, hai câu đầu nêu bày nạn giải ý. Khiến học là dụng công tinh cứu. Hai câu sau chia chương, tức hai khoa sau. Trong phần nêu kết, câu đầu nêu chương, chữ vị trở xuống là giải thích nghĩa. Trước rõ học là khai mê, chữ nhược trở xuống là chánh nêu không học kết phạm. Trong phần đầu, văn chia làm bốn tiết: Câu đầu chỉ bày kia theo trước, câu kế nói về đạt giáo, chữ ư trở xuống hai câu là nói tùy hạnh chứa mê; câu trên là duyên cảnh tâm khác nhau, câu dưới là đối trị sức kém. Chữ tùy trở xuống một câu là chỉ sở duyên khai phạm. Trong luật, sau các giới có cảnh, tưởng, cú, pháp, đã khai căn bản cho nên không có nhánh nhóc. Không thể học mê, cứ đây mà lập, như môn thứ tư đã nói.

Kế trong phần chánh nêu bày cũng có bốn: Câu đầu giống ở trước, ba câu khác trái với trên, do vì theo. Câu kế là ngu giáo. Thứ ba nghĩa là hạnh trái, tố đã không biết cho nên không nói mê. Chữ Phật trở xuống là dẫn y cứ.

Hỏi: Thế nào gọi là học?

Đáp: Học có hai: Một là giáo, hai là hạnh. Giáo để chiếu hạnh, hạnh để theo giáo, vì vậy tìm văn thì gọi là học, cho nên sớ chép: “Phật lập giáo tướng chỉ nên vâng làm”, nếu chỉ đọc tụng chẳng phải bổn ý, như giới gọi là chúng học, đâu chỉ đọc văn ư? Lại nếu hạnh luống dối thì không gọi là học, dầu cho vâng giữ vẫn không khỏi lỗi. Sớ chép: “Nếu ở hai trì tuy không trái ngược mà chẳng rõ thì không gọi là phước.

Biết học, chỉ là xứng giáo tu hành, giáo hạnh theo nhau mới gọi là học. Còn như Nhan Uyên hiếu học, không bỏ giận thì không có hai lỗi, Dương Hùng bàn học hành là kế trên lời, nhà Nho còn vậy, huống chi giáo pháp siêu đời cứu tục mà chỉ lấy văn tụng cho là học ư? Ngày nay học luật, giải không hiểu hạnh không quán buông tình tạo lỗi đâu không hổ thẹn, liền cho ta là người có học, khỏi không biết tội, đây là

tội dối mình đâu thể khỏi tội. Lại kiêu căng ỷ lại, ta dầu phạm lỗi nghiệp cũng chẳng nặng, giống như chén thiếc có thể nổi trên nước, đây lại không nghe Tịnh Tâm Giới Quán chép: “Biết mà cố trái tội nặng hơn người không biết”. Nay muốn hiểu cú pháp ở sau thì phải y theo luật chia tướng, nhưng từ khi hạ đàn đến nay hẹn tâm trì giới, chuyên nương phép tắc, tham hỏi lãnh thọ giáo pháp, hết lòng giữ gìn không dám dối trái thì gọi là Học.

Hai, là người mới học tuy học chưa thông như thuyết đốn tiệm (trên hai nương ba học thứ lớp mà học).

Ba, chưa học nghĩa là cần cầu đạo quả hẹn sau tu tập. Luật như hủy Tỳ-ni không phạm chỗ khai (ở đây khai cho không thứ lớp học). Như trên ba người một bề không kết, không học không biết. Kế nói không học cũng chia ba loại: 1/ Mới xuống đàn tràng, hoặc tích lộn thế tục, hoặc học vượt tông khác, hoặc lễ tụng các nghiệp, xem thường giới luật, đều không biết như văn đã nêu; 2/ Tuy học tập nhưng không vâng giữ, mắt thấy, tai nghe, tâm trái, hạnh ngược, biết mà cố phạm, đời mạt pháp phần nhiều là vậy, theo văn sớ trên không gọi là Học; 3/ Trước hiểu vâng giữ, tâm không bền chắc, giữa chừng lại bỏ lại là không học.

Ba khoa nầy tất cả sự pháp hễ có mạt pháp nào không rõ, hoặc trì hoặc phạm đều kết hai tội, như đây cách lượng phần thô đường tất. (Trang 339)

Hỏi: Dưới khai cú pháp là người học hay là không?

Đáp: Khoa nầy chánh nói về không học, không biết kết phạm giới hạn, người học một bề không tội đâu dùng cú pháp mà phân biệt. Xưa nay chương ký nêu người học và không học tham nhau mà nói truyền mê lâu xa, thấy đây tốt là một ngộ.

Trong lệ khai, khoa đầu, câu trên kết trước, câu kế sinh sau, tội tướng xen lẫn, phi cú chẳng biện nên nói là cần. Chữ kim trở xuống là chỉ bày chỗ lập, nêu rằng nay là lựa các Sư xưa vì cú pháp khác. Hai cái chín câu nầy là thể trạng năng sở đối nhau mà luận, sở thể có hai, tức sự và pháp, dưới pháp sự đều kèm theo tướng phạm, năng thể có ba: 1/ Biết; 2/ Nghi; 3/ Không biết, do ba tâm nầy trải qua sự, trải qua phạm đều có ba tâm, giao kết xen lẫn thì thành chín câu (trong pháp cũng vậy) tức trên sự phạm tâm chứa mê mờ điên đảo lại là chín câu, hai cái chín câu nầy bao trùm tâm cảnh, dùng tất cả trần sa sự pháp để xem xét tâm hạnh, thảy đều thông đạt, sự pháp vô lượng hai lần chín khắp gồm kiểu mẫu nhất định, nên nói là phép tắc.

Chữ thả trở xuống là nêu chung y cứ một việc, nghĩa là nêu chút xuất pháp chẳng nhất định một việc. Chữ như trở xuống là chỉ trì tác phạm. Lược nêu sát, trộm, tác trì chỉ phạm chỉ dẫn ngăn ngừa chứa dư. Chung cho các giới là giới tướng môn khác nhau, cú pháp đều thông, do thông suốt riêng. Chỉ trì là trong nêu có không, biết thì đều không nghi, đến không biết đều có. Nhẹ, nặng có hai:

1- Không học là nhẹ, không biết là nặng. Lại trong phần không biết, tâm nghi là nhẹ, không biết là nặng. Trong có thể học khoa đầu, câu đầu nêu vị, câu kế gồm bày, trên dưới nêu câu làm bản đồ để chỉ bày:

Phẩm thượng một câu, biết sự biết phạm (không tội).

Phẩm trung bốn câu:
1. Biết việc. Nghi phạm, hai tội Đột-cát-la
2- Biết việc. Không biết phạm, một Ba-dật-đề, một Đột-cát-la
3- Biết phạm. Nghi sự, hai tội Đột-cát-la.
4- Biết phạm. Không biết sự, một Ba-dật-đề một Đột-cát-la.

Phẩm hạ bốn câu:
1- Nghi sự, hai tội Đột-cát-la.
Nghi phạm, hai tội Đột-cát-la
2- Nghi sự, hai tội Đột-cát-la.
Không biết phạm, một Ba-dật-đề, một Đột-cát-la.
3- Không biết sự, một dật-đề một cát-la.
Nghi phạm hai Đột-cát-la
4- Không biết sự, một dật-đề, một cát-la.
Không biết phạm một dật-đề, một cát-la.

Trong giải thích, chỉ nhắc lại không biết phạm hay không phạm v.v... nói chung sự phạm, do hai môn chỉ tác tất cả sự pháp tùy theo một sự pháp nào đều quyết gồm nơi phạm. Vả lại, như giới dâm, phạm hạnh bất tịnh với súc sinh, v.v... tức là sự, Ba-la-di gọi là phạm, cho đến chúng học "Mặc nội y ngay ngắn" là sự, nên phải học là phạm. Ở đây y cứ mà nói chung, nếu y cứ nói riêng, một trong giới dâm tự tạo oán

thù ép ngặt, phương tiện nặng nhẹ cảnh tưởng khác nhau, các thứ tướng riêng, đều gọi là sự, pháp cũng như vậy. Ở đây biết sự pháp nên có không cùng, phạm thí không nêu ra sáu tụ. Phạm gọi là không phạm, như làm hư thai người và dụng cụ sát sinh, v.v... gọi là không phạm.

Chữ thử trở xuống là có không phạm gọi là phạm, như trộm vô chủ gọi là phạm Ba-la-di. Khinh gọi là trọng như trộm vật của chuột nói phạm trọng, v.v... cũng nên nói rằng mê trọng cho là khinh, như trộm vật của Tứ phương Tăng phạm Thâu-lan-già, v.v... Trong nghi có không, tức phạm không phạm cũng nên bốn câu, nhưng là nghi chậm chẳng phải hoàn toàn không biết, đến văn tự nói, tránh nhiều lại dừng.

Trong số tội, khoa đầu lại chia ra làm hai, trước bày riêng. Chữ thử trở xuống là phải tìm bản đồ để đếm, chú giải chia nặng ra nhẹ nói lên tổng số trên. Khoa kế, hai câu đầu nêu tông, nghĩa là đối cảnh giữ giới, không nói sự phạm tuy là nhánh nhóc, có phạm đối với căn bản gọi là trì. Trên dưới chia phẩm Giới Sớ gọi là ba phẩm trì luật. Chữ giai trở xuống là ngăn nghi, sợ thấy ba phẩm cho là nhiều việc, nên biết tùy chỉ một việc chín tâm khác nhau lại như dứt dâm, chín người đều hiểu, nhưng đối với kết tội có không, nhiều ít, cho nên chia ra ba loại.

Hỏi: Trong sớ đã nói rằng ba món trì luật, sao lại nói cú pháp chỉ có người không học?

Đáp: Tuy là không học đối cảnh (chỉ) dứt lỗi vốn không phạm tội nên gọi là trì luật, biết việc biết phạm tức đồng với người học, tinh trì không khác nên nói là phẩm thượng. Nhưng chín người nầy tuy cho có biết thảy đều dứt học, đều là người không học.

Hỏi: Trước y cứ trì giới để định người học, nay đã thành trì sao gọi là không học?

Đáp: Chẳng phải gọi là không học là một bề không trì, chẳng phải người học thường không phạm, nhưng đối với tâm học có tiến có dừng, nên chia làm hai.

Hỏi: Đã là không học thì đâu có sự phạm đều biết?

Đáp: Như trước đã nêu ba món không học, tự có thể rõ. Kế trong nêu không thể học, sự tội đều ba, tâm tức dùng sáu tâm đơn, nhưng xen lẫn nhau nên thành chín câu, đồng như trước rất đáng học, nhưng nêu phẩm thì khác. Phẩm Thượng ba câu (câu một là một câu phẩm thượng ở trước, hai câu sau là hai câu trước của phẩm trung ở trước). Phẩm trung ba câu (câu một là câu thứ ba của phẩm trung ở trước, hai câu sau là hai câu trước của phẩm hạ ở trước). Phẩm hạ ba câu (câu một là câu thứ tư của phẩm trung ở trước, hai câu sau là hai câu sau của phẩm hạ

ở trước).

| | |
|---|---|
| Phẩm trung ba câu | Biết sự, biết phạm<br>Biết sự, nghi phạm, hai tội Đột-cát-la<br>Biết sự, không biết phạm, một Ba-dật-đề một Đột-cát-la |
| Phẩm trung ba câu | Nghi sự, khai mê. Biết phạm.<br>Nghi sự, khai mê. Nghi phạm, hai tội Đột-cát-la<br>Nghi sự, khai mê. Không biết phạm, một Ba-dật-đề, một Đột-cát-la |
| Hạ phẩm ba câu | Không biết sự, khai mê. Biết phạm.<br>Không biết sự, khai mê. Nghi phạm, hai tội Đột-cát-la<br>Không biết sự, khai mê. Không biết phạm, một dật-đề, một đột-cát-la |

Hỏi: Vì sao hai thứ chín nêu phẩm khác nhau?

Đáp: Môn tác phạm tự nói.

Hỏi: Ở đây không thể học đã là mê mất đâu được có biết?

Đáp: Ba tâm giao kết, làm câu phải như thế. Thật ra thức tâm chẳng phải không thể học.

Hỏi: Trước nói rằng tùy giới cảnh tưởng khai cho người học, nay người không học do đâu lại khai?

Đáp: Văn trước nêu kết lại y cứ đại phán, không ngại, không học, y cứ nêu đồng khai. Nếu dùng nghĩa cầu thì mê sự không khác, nếu dùng văn làm chứng thì Nghiệp Sớ hiển rõ, gặp văn tự nêu, ở đây không phiền dẫn.

Hỏi: Cú pháp trước sau đều y cứ ba tâm, vì sao chia khác?

Đáp: Biết tâm là đồng, nghi và không biết thì khác, trước là mê giáo, sau là mê tâm.

Hỏi: Xưa nói rằng: "Trong phần nói rõ về tâm, thành có thể học" trong mê mất tâm cho nên không thể học, nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Như trước có thể học, biết việc, biết phạm có thể rõ ràng, nghi và không biết thì chẳng rõ ràng, cho nên biết không phải như vậy. Lại tâm mê mất là không đáng học, đâu được mê mất mà thành đáng học, nghĩa cũng không đúng. Hai văn Sớ và Sao đều không có lời nầy. Nay chỉ y cứ sau chia hai món mê, cái chín trước gọi là mê đáng học,

cái chín sau gọi là mê không đáng học.

Hỏi: Hai mê khác nhau thế nào?

Đáp: Mê trước là ngu giáo, mê sau là hôn đảo.

Hỏi: Mê của cái chín sau quyết phải trước biết, sau cho khởi mê, người học nên như vậy, người không học có nên hay chăng?

Đáp: Trước nói không học tự có hiểu, từ trước không hiểu cũng cho có mê, như có chủ, không chủ, nghĩ là người, nghĩ là phi nhân, gặp việc liền sinh, đâu đợi học trước, như vậy mà suy nghĩ.

Trong phần nêu tội, trước chánh nêu. Xét bản đồ trước văn đối nhau rất dễ hiểu. Ba câu đầu đều không tội cho nên chỉ hai câu sau. Nghi không biết khác là bày phạm. Hai tâm ở trên đối với sự là gồm cho nên phạm nói là “khác”. Chữ diệc trở xuống là kết bày, nghĩa đồng nêu ở trước.

Trong sự khai, khoa đầu chỉ rõ việc khai, y theo Sớ đọc rằng: “Tội có thể học”. Nếu có người mê đều kết tội kia, kia thì đủ rõ phạm kết. Lại nói rằng do không biết sự cảnh chẳng đáng học (khai việc) không ngại nơi phạm vì là đáng học (kết phạm). Có đây rõ y cứ đâu còn nghi gì.

Hỏi: Một bề đồng là mê sao khai kết khác nhau?

Đáp: Sự là hiện đối, tạo tu tâm tưởng nên sinh sót mất. Phạm là duyên thầm, giáo tướng có mê vẫn là không biết. Dầu khiến trước đã học thông lại chế tâm sau rơi vào biếng nhác, rõ ràng Thánh ý chắc không luống dối.

Có người nói chín câu trước kết cho người không học, chín câu sau khai cho người học, do người không học trước đã không học, không mê mất lại khai phạm mười hai tội trên. Nay cho là người học sống đáng học, mê còn không kết tội, đâu được mê mất mới muốn khai tội. Lại nếu khai mười hai tội thì cú pháp đều không có tội, dụng lập vì đâu lại có người nói rằng này là mê tâm không mê giáo, người học cần ở trên sự buông mười hai nhánh khác, trong đây thuận xưa lại nói sự khai phạm kết. Nếu Sư ngày nay dùng tâm mê trông đó thì sự phạm gốc nhánh đều buông, đâu có sự khai phạm kết?

Vả lại, tội là Phật chế đâu được do ông mà tự buông? Lại Sớ Sao đều nói sự khai phạm kết, ông lại công phá đâu không trái lời Tổ dạy? Lại nếu cho đây là thuận xưa thì trong môn tác phạm nói mười hai tội, văn rất rõ đều nên là xưa, thì một môn nầy đều không có nghĩa nay. Văn sau dặn rằng: “Có biết gương hay chăng? Há khiến là gương xưa”, than ôi! Dạy học ở đời phần nhiều tập mê xưa chỉ việc chấp văn, đâu

suy nghĩ khai ngộ tự duyên gốc lành xưa lạm nhiễm Tổ thừa, thô có thể khảo xét, xưa nay phân tách quyết có thể chăng? ?? hình bút mực đều là đúng sai, tuy đều theo nhau mới có thể nghiên cứu cho nên ở đây đều lược bày, vẫn hổ thẹn là nhiều lời, có tin chăng? Tướng trì phạm thật sâu chẳng học thì không biết, sự nhỏ nhiệm sâu kín, chỉ là nêu tháng cũng không nói hết, quyết muốn thông suốt rõ ràng, trọn phải đích thân tham khấu.

Trong câu hỏi đầu, y theo cảnh tưởng của luật vặn hỏi sự khai ở trên, ban đầu khởi vốn mê tâm, sau mới giải thích. Nói luật kết không tội là cảnh khác tâm sau luật không kết. Cũng chỗ phạm là y cứ giết phi nhân, vì truyền nhau phạm cát-la. Trong phần đáp, ban đầu bày lý do có không. Nói tâm phạm, vì có tâm giết phi nhân, kết tội Đột-cát-la nhưng sau chánh đáp chung đến phần hỏi. Ban đầu y cứ căn bản chung cho sự khai ở trước, chánh tội là căn bản. Chữ mạc trở xuống là kế y cứ tội cảnh đáp trên có không. Kế y theo Giới Sớ chuyển tâm tưởng trước giải thích. Hỏi rằng: "Luật kết không tội, như giới trộm không có câu thứ ba, cũng chế phạm tức giới sát câu thứ ba kết Thâu-lan-già."

Trong phần đáp, nói rằng: Kết tâm phạm, trước là tâm phương tiện. Chẳng phải tội cảnh là trước sau mê tâm. Cho nên Giới Sớ nói rằng: "Nhưng kia mê tâm đều không kết phạm", đều y theo trước là tâm phương tiện mà nói (văn sớ), vả lại còn hai giải thích, người học suy nghĩ mà chọn. Trong phân biệt, do chín câu trước nghi và không biết vốn là ngu giáo, đều đáng học, nói mê đồng nghĩa khác cho nên đặc biệt phân biệt khiến không xen lẫn nhau. Pháp sự, pháp tức là phạm. Kế dẫn nạn có hai ý: 1/ Sư xưa trong môn tác trì không thông không đáng học, nay muốn y theo sự lệ pháp đều chung cho hai thứ chín. 2/ Rốt sau tác trì không nêu lại nữa. Muốn nói cú pháp khai kết lý đồng.

Văn chép: Nếu vậy tiếp duyên trước tội có vô nghĩa. Hai, phòng nhà xử phân đối với giới sát và trộm của thiên đầu, nên nói là sau. Giết, trộm chế việc dừng, xử phân cho tác pháp, nên nói là duyên pháp. Xử phân năm câu là cảnh tưởng, nên nói là chuyên pháp. Xử phân năm câu là cảnh tưởng, văn dẫn câu hai và câu ba. Không phạm nặng tức khai tưởng chuyển không đến nỗi chết. Nói cũng phải là so với trước không kết chánh. Chế tội, hai câu đều kết Thâu-lan-già. Hai chữ thế nào là chánh là lập nạn, ý cho là nếu nói duyên sát cảnh tội cho nên có phạm, trộm chẳng phải cảnh tội cho nên không phạm. Xử phân duyên pháp cũng chẳng phải cảnh tội, lẽ ra không lỗi, vì sao kết tội Thâu-lan-già? Đây thì duyên pháp không khai mê ư?

Trong phần đáp có hai: Đầu tiên bày môn nầy. Nói vả lại y cứ là chưa rảnh gồm nói. Chữ tất trở xuống chỉ cho môn sau, như chỗ dẫn là nương ý nạn ở trước. Đối pháp có hai thứ chín là đây hiển tác trì thông không đáng học, khác với xưa. Đã lập mê mất, so với môn chỉ nay khai kết không khác, đây thì luật chế Thâu-lan-già cũng là tiền tâm phương tiện, đến nơi mê tưởng đều không có lỗi (do người vọng giải cho nên đặc biệt giải thích, hoặc dẫn Giới sớ hỏi đáp, so sánh nhau mà không biết thế nạn kia đây tự khác nhau, đến đổi tìm cầu không do đâu hiểu được.

Trong tác phạm có nêu, y theo trước danh thể trì phạm đều nói đây luận về cú pháp, trì phạm ở giữa nêu là muốn nói lên cú pháp cùng giòng, trái tướng dễ hiểu. Trong đồng khác, đầu tiên chỉ đồng. Chữ đãn trở xuống là chỉ bày khác. Trong phần đầu nêu rằng: "Pháp sự, văn nhiều chữ pháp". Nay do hai ý định kia truyền lầm: 1/ Nghiệm Sao trước sau chỉ trì tác phạm đều không nói pháp. Giới Sớ mới lập chưa thể nêu trước; 2/ So sánh chỉ trì ở trước cũng nêu sự riêng. Hai môn một thể đâu được trái nhau? Dùng đây để tìm cho nên phải chế rằng: (Hoặc có thể y theo trước, mục ở phạm pháp xưa làm việc ác hiểu là sai) Sợ người mới học khó hiểu lại vì nêu câu. Theo trong chỉ phạm, môn phạm cho tội nhiều là trên, có thể học chín câu lý nên đảo ngược mà nêu, nay chỉ đồng ở trước lại y theo trên mà nêu ra, không thể học chín thì không thông đảo, suy nghĩ rất dễ biết. Ban đầu có thể học chín câu:

Phẩm thượng một câu: - Biết sự biết phạm. Phạm căn bản không nhánh.

Phẩm trung bốn câu:
- Biết sự, căn bản. Nghi phạm, hai tội Đột-cát-la.
- Biết sự, căn bản. Không biết phạm, một Ba-dật-đề, một Đột-cát-la.
- Biết phạm. Nghi sự, căn bản, hai tội Đột-cát-la.
- Biết phạm. Không biết sự, căn bản Ba-dật-đề, Đột-cát-la.

| Phẩm hạ bốn câu | |
|---|---|
| | Nghi sự, căn bản hai tội Đột-cát-la. Nghi phạm hai tội Đột-cát-la |
| | Nghi sự, căn bản hai tội Đột-cát-la. Không biết phạm một dật-đề, một cát-la |
| | Không biết sự căn bản một Ba-dật-đề, một Đột-cát-la. Nghi phạm hai Đột-cát-la |
| | Không biết sự, căn bản một Ba-dật-đề, một Đột-cát-la. Không biết phạm một Ba-dật-đề một Đột-cát-la. |

| Phẩm thượng | |
|---|---|
| | Biết sự, căn bản. Biết phạm. |
| | Biết sự, căn bản. Nghi phạm, hai tội Đột-cát-la |
| | Biết sự, căn bản. Không biết phạm, một Ba-dật-đề một Đột-cát-la. |

| Phẩm trung | |
|---|---|
| | Nghi sự, khai gốc nhánh. Biết phạm. |
| | Nghi sự, khai gốc nhánh. Nghi phạm, hai tội Đột-cát-la |
| | Nghi sự, khai gốc nhánh. Không biết phạm, một tội Ba-dật-đề, một tội Đột-cát-la. |

| Phẩm hạ | |
|---|---|
| | Không biết sự, khai gốc nhánh. Biết phạm |
| | Không biết sự, khai gốc nhánh. Nghi phạm hai tội Đột-cát-la |
| | Không biết sự, khai gốc nhánh. Không biết phạm một Ba-dật-đề, một Đột-cát-la. |

Kế trong giải thích, đáng học dễ hiểu không cần giải thích. Không đáng học chín, phẩm thượng có thể thấy, nghi và không biết tội tướng khó nói cho nên đặc biệt phân biệt. Trong tướng tội, khoa đầu chia làm hai: Ban đầu nói gốc mê, trừ hai giới dâm rượu nầy không khai mê. Chữ nhược trở xuống là nói chuyển tưởng, như trước tưởng là người sau, tưởng phi nhân. Tâm trước phạm Thâu-lan-già cho nên nói là phương tiện. Tâm sau không phạm tức là khai mê. Nếu không sai, hoặc y cứ chuyển mê lại là biết, hoặc y cứ trước hẹn sau mê cũng phạm (như trước tùy tướng rờ, chạm, mộng đồng loại) hoặc không tạo tức là dứt tâm,

hoặc tâm thiện dứt, hoặc duyên sai dứt.

Trong phẩm kết, đầu tiên chia phẩm vị, phẩm thượng có ba căn bản và bốn cành nhánh, cộng có bảy tội, thì phạm nhiều là thượng. Nghi và không biết tội lượng đồng nhất, nhưng luật cảnh tưởng nghi định có phạm, tưởng thì không định (tưởng tức không biết) vì cho mê chuyển có không khác nhau, cho nên phẩm hạ nói rằng "hoặc không tội". Chữ đối trở xuống là kế lệ chung chỉ phạm cũng do xưa phán. Trong vị chỉ phạm không có chẳng đáng học, văn sau không nêu ra cho nên ở đây chỉ bày. Trước trong chỉ trì, chỉ sau tác trì. Nay trong tác phạm loại chung cho chỉ phạm, nghĩa ý rất đồng, suy nghĩ tự thấy (xưa làm pháp ác giải thích đó là lầm, lại cho miệng nhà bốn lỗi là pháp ác, lại rất lầm).

Trong giải thích cú pháp, khoa đầu chia làm hai: Ban đầu chỉ bày riêng khác nhau, trước nói đáng học, nhưng chỉ bày phẩm thượng. Giới Sớ chép: Trung, hạ đều có bốn, do duyên một sự gồm nghi, không biết, giao kết xen rõ, nêu ra tướng phạm kia. Kế nói không đáng học, gồm bày ba phẩm. Một sự sinh là đây nói duyên sự ba tâm khác nhau, cho nên chia ra ba phẩm, mỗi việc sau đều có duyên phạm ba tâm, cho nên nói là dung gồm đồng. Giới Sớ chép: Do không biết sự cảnh chẳng đáng học, không ngại nơi phạm là đáng học, cho nên đến nỗi bày tướng kia, sự chung mà tội riêng (trong một phẩm, duyên sự là một cho nên nói là sự chung, duyên phạm ba tâm nên nói là tội riêng). Chữ kết trở xuống là gồm rõ lý do. Khoa kế, trong kết số, văn đầu tiên trước bày số tội, biết phạm ở đầu cho nên nói là hai tâm sau. Chữ dĩ trở xuống là chỉ bày phạm kết lý do (xưa ghi buông tội đến đây đâu không nghi ngờ) Chữ cố trở xuống là dẫn văn chứng minh phạm. Trên là văn luật, chữ nhược trở xuống là văn giới bổn.

Trong phần chỉ bày thể, do các Sư xưa nói rằng không học có thể sám hối, nghĩa là rốt ráo không biết, không thể sám là phương tiện. Cho nên đây chỉ rõ không biết. Hai câu đầu phán định, chữ nhược trở xuống ba câu là giải thích ngược nghĩa là sau không nghi và biết đã không có quả riêng, có thể nghiệm tội trước chẳng phải phương tiện. Chữ tiền trở xuống là ngăn dứt nghi ngờ. Trên nói rằng một bề không tội, sợ cho rằng sau biết đều không phạm.

Trong pháp giải thích câu, hai phẩm thượng trung tội tướng tự định, phẩm hạ không định cho nên phải phân biệt. Ban đầu hỏi tác phạm lập câu phải là có tội, hạ phẩm không phạm không ứng với môn nầy. Trong phần đáp, ban đầu buông sau đoạt, nghĩa là nếu trông sự khai thì có thể dứt trừ. Do gồm phạm kết lại phải đủ chín, ban đầu nạn hai phạm

hạnh riêng đều thuộc về sở tông, như chỗ chung trên, đâu chẳng xen lẫn nhau. Trong phần đáp, ban đầu là chánh đáp, cành quyết theo gốc, từ gốc mà nói. Chữ hữu trở xuống là chuyển giải thích, e cho là khai mê đâu có cội gốc, nhưng dầu mê mất không kết chánh tội, đâu ngại tạo cảnh được tên tác phạm. Kế trong nạn, nếu gồm chỉ phạm có thể như trước nói. Phẩm hạ, câu đầu đã không cành nhánh lẽ ra phải dứt trừ.

Trong phần đáp, chỉ như trước tức trên tướng theo nghĩa cội gốc, sau nói rằng tướng theo tạo sự cũng được nói chín đây. Kế trong phần giải thích, văn trước có hai cuộc hạn: Một, là riêng y cứ gốc mê. Hai định phải chín câu. Đây giải ngược trên một gồm chung chuyển tưởng, hai là làm câu, văn chia ra hai: đầu tiên nêu đáng học, trong đây chánh ý lựa chọn chín thứ sau muốn bày hai ngôi định và bất định khác nhau, cho nên trước chỉ bày.

Trong không đáng học chia ra ba vị: Ban đầu y cứ gốc mê chuyển tưởng đối rõ sáu, chín. Chữ nhược trở xuống là kế riêng y cứ gốc mê, tâm sau rõ sáu, chín. Nếu theo văn luật thì tâm sau không tội. Nay tâm duyên theo tội cảnh, nghĩa kết cát-la. Nếu gồm sau ba tựu hậu tâm không tội nói tám, chín.

Trong kết cáo, câu đầu chỉ bày ủy khúc ở trước. Câu kế hỏi ngược lại người học. Hai chữ sau là khuyên suy nghĩ, tự mất thấy văn kia, tai nghe là nói kia, tâm suy nghĩ nghĩa kia, đây là đầu mối lớn của sự học. Văn là sắc trần, lời nói là thinh trần, nghĩa là pháp trần, thấy nghe cuộc hạn bít lấp, chỗ hiểu thô sơ, suy nghĩ thì luống thông, sở đắc rất nhỏ. Dẫu căn tánh đều khác mà phần lớn đều như vậy, cho nên khuyên suy nghĩ đó vì khiến cho ý tinh khảo.

Từ trên đến đây các văn chỉ nằm trong không đáng học sự khai phạm kết, tội tướng có không, cho nên ở đây biện bày. Văn nghĩa rõ, dặn dò rất tha thiết, xưa nay giải thích không biết tự lầm, lại cho là văn đều thuận theo xưa, dứt mất lời Tổ dạy. Tắc nghẽn đến nhờ xin mau sửa mê, không nên chê bai pháp. Trong tác trì, các Sư xưa chỉ lập đáng học, nay trước y kia đủ nêu ra chín thứ đáng học, đến sau mới lập chín thứ không đáng học, muốn cho thị phải quấy hai cái khác nhau, xưa nay đều nói, lập phá đều còn, lấy bỏ không lầm. (Sau chỉ cũng đồng). Trong giải thích, khoa đầu chia làm hai? Ban đầu nêu lược ba câu trên, rõ sự pháp câu khác nhau. Chữ đãn trở xuống rõ lược nêu ra cú pháp. Rõ dùng khác nhau là đây rõ sự pháp khác nhau, vả lại như giới phòng nhà thước lượng là sự, bạch nhị là pháp, chứa y quá ngày là sự, thuyết tịnh là pháp, bình đẳng đều giáng không khác, đây chỉ bày tác cú đồng.

Chỉ đối có thể học là bày cuộc hạn xưa. Chữ kim trở xuống là chỉ lệ, câu đầu nêu nay lược bày. Chữ sở trở xuống là nêu trước giải thích rộng, hai câu trên chỉ đồng. Nói lý do là bao gồm trước có bốn: 1/ Giải thích nghĩa nghi, không biết; 2/ Hiển bày tội có không, nhiều ít; 3/ Kết bày, nghĩa là không phạm gốc tội gọi là tác trì; 4/ Chia phẩm, nghĩa là ba phẩm tác trì. Kế dưới đây điểm khác. Trong nêu câu, làm bản đồ để chỉ bày:

Phẩm thượng một câu: Biết pháp biết phạm (không tội)

| | |
|---|---|
| Phẩm trung bốn câu | Biết pháp. Nghi phạm hai tội Đột-cát-la |
| | Biết pháp. Không biết phạm một Ba-dật-đề một Đột-cát-la |
| | Nghi pháp, hai Đột-cát-la. Biết phạm |
| | Không biết pháp, một Ba-dật-đề một Đột-cát-la. Biết phạm |

| | |
|---|---|
| Phẩm hạ có bốn câu | Nghi pháp, hai Đột-cát-la. Nghi phạm, hai tội Đột-cát-la |
| | Nghi pháp, hai Đột-cát-la. Không biết phạm, một dật-đề, một cát-la |
| | Không biết pháp một dật-đề, một cát-la. Nghi phạm, hai Đột-cát-la |

Không đáng học chín câu:

| | |
|---|---|
| Phẩm thượng có ba câu | Biết pháp. Biết phạm |
| | Biết pháp. Nghi phạm, hai tội Đột-cát-la |
| | Biết pháp. Không biết phạm (dật-đề, cát-la) |
| Phẩm Trung có | Nghi pháp. Biết phạm |
| | Nghi pháp. Nghi phạm, hai tội Đột-cát-la |
| Phẩm hạ có ba câu | Không biết pháp. Biết phạm |
| | Không biết pháp. Nghi phạm, hai tội Đột-cát-la |
| | Không biết pháp. Không biết phạm (Ba-dật-đề, Đột-cát-la) |

Trong chỉ trì ở trước, chỉ như sau tức là chín câu sở lập không đáng học, cho nên nói duyên pháp đồng có mê mất. Pháp khai phạm kết không khác với sự, do khác người xưa cuộc hạn luận đáng học. Giới Sớ chép: “Pháp tuy đáng học, mê đảo bỗng sinh”, Phật khai không phạm, không giống giải thích xưa. Do đó trong luật không xử phân tưởng nghi,

vì đều chẳng phải tăng tàn. Trong phần chỉ phạm, trước nói tám chín tức chỗ giải thích xưa, sau nói hai thứ chín là nghĩa nay. Trong sự pháp chỉ phạm, hai phẩm thượng, trung của khoa đầu số tội như văn, hạ phẩm một câu nêu pháp bày tướng, do rõ tội ít nên thuộc về hạ.

Trong hiển bày khác, ban đầu gạn đối trước tác trì, thuận đảo sai khác. Chữ dĩ trở xuống là giải thích lý do, phẩm trung không động, thượng hạ chung đường. Trong văn chỉ nêu ra phẩm thượng tội nhiều, trung hạ lần giáng thấp thì có thể biết.

Hỏi: Chỉ phạm đã như vậy, tác phạm thế nào?

Đáp: Hai phạm là đồng, y cứ phải trái lại, mà tác thuận chỉ trái ngược, muốn bày thuận đảo đều không tồn tại.

Trong tám câu kế, đây gọi là tùy đối sự pháp, tâm duyên không giải, kết không học có thể biết. Môn phạm giải nghĩa thì phải có tội, đã không cội gốc, phẩm hạ không lập cho nên chỉ có tám câu. Trong hai thứ chín, đầu tiên nói lập câu. Nói đối sự là chỉ phạm có hai, sự pháp chỉ phạm ở đây y cứ tu tạo, không học chỉ phạm chỉ là mê muội giáo pháp, và không học như trên đã nói. Cho nên chỉ nêu sự, dùng sự bày pháp cũng có hai thứ chín, không học chỉ có tám, không chung cho mê, cho nên như sau nêu sự chứng thành. Chứa y, che tội, cố phạm, quên khai đều chung cho hai thứ chín. Trước nói rằng: "Đối sự", sau nêu thuyết tịnh phát lộ, chính là chế pháp, do hai giới nầy đủ gồm sự pháp cho nên được nêu lẫn nhau. Nay lấy y pháp nêu câu, sự y theo đó mà làm.

* Chín câu đáng học:

- Phẩm Thượng có bốn câu:

Không biết pháp, căn bản, dật-đề, cát-la. Không biết phạm ba-dật-đề, đột-cát-la.

Không biết pháp, căn bản, dật-đề, cát-la. Nghi phạm, hai Đột-cát-la.

Nghi pháp, căn bản, hai cát-la. Không biết phạm dật-đề, cát-la.

Nghi pháp, căn bản, hai cát-la. Nghi phạm hai Đột-cát-la.

- Phẩm Trung có bốn câu

Không biết pháp, căn bản, Ba-dật-đề, Đột-cát-la. Biết phạm.
Nghi pháp, căn bản, hai Đột-cát-la. Biết phạm.

Biết pháp, căn bản. Không biết phạm, dật-đề, Đột-cát-la.

Biết pháp, căn bản. Nghi phạm, hai tội Đột-cát-la.

- Phẩm Hạ một câu - Biết pháp, căn bản. Biết phạm, (không tội).

* Chín câu không đáng học:

- Phẩm thượng có ba câu:

Biết pháp (căn bản). Biết phạm (không tội)

Biết pháp (căn bản). Nghi phạm (hai tội Đột-cát-la)

Biết pháp (căn bản). Không biết phạm (Ba-dật-đề, Đột-cát-la)

- Phẩm trung có ba câu:

Nghi pháp (khai mê). Biết phạm (không tội)

Nghi pháp (khai mê). Nghi phạm (hai tội Đột-cát-la)

Nghi pháp (khai mê). Không biết phạm (Ba-dật-đề, Đột-cát-la)

- Phẩm hạ có ba câu:

Không biết pháp (khai mê). Biết phạm (không tội)

Không biết pháp (khai mê). Nghi phạm (hai tội Đột-cát-la)

Không biết pháp (khai mê). Không biết phạm (Ba-dật-đề, Đột cát-la).

Giới Sớ chép: "Như xưa giải thích rằng trong pháp chỉ phạm chẳng có không đáng học". Nay nói mê đảo vị nào cũng đều có. Trong phần chỉ chung, câu đầu chỉ khuyên học ở trước. Chữ tùy trở xuống là nêu một loại chung.

Hỏi: Nay nhà cú pháp gồm có mấy câu?

Đáp: Nếu đối bốn hạnh chỉ trì tác phẩm, đối sự đều có hai thứ chín. Tác trì, chỉ phạm đều đối với sự pháp đều có hai thứ chín, cộng bốn hai thứ chín, nếu nương vào giới sớ, bốn hạnh đều chung sự pháp thì tám lần hai thứ chín, nếu lấy hai thứ chín chung cho các giới thì hai trăm năm mươi giới mỗi giới đều có hai thứ chín, cho đến trần sa giới pháp, có trần sa hai thứ chín. Lại mỗi giới trở xuống là sự pháp nhiều khác nhau, tùy sự tùy pháp đều có hai thứ chín, loại chung pháp giới, nghĩa ở tại đây.

Thứ hai, trong phương tiện bày ý, đầu tiên bày ba thời, tức là phương tiện, căn bản và thành rồi. Chữ thị trở xuống là hiển bày ý chế, khắc giống như ước. Lược như trên là trong hơn kém ở trước dẫn văn luật tiểu vọng ba thời. Phương tiện ở trước, nêu hỏi chung ba phương tiện, sau căn bản đều gọi là trước.

Trong phần chỉ bày tướng, khoa đầu trước dẫn luận Minh Liễu. Năm thiên, ba ngôi, Ba-la-di, Tăng tàn có ba; Ba-dật-đề và Đề-xá đều có hai. Trong Đột-cát-la có không chẳng nhất định. Hai câu trên nói không phương tiện, tức suy nghĩ tâm phạm (Luận ấy gọi là Đột-cát-la nhẹ, trách tâm liền diệt). Chữ thân miệng sau chữ thoát tư. Chữ nhược trở xuống hai câu là nói có phương tiện, tức ác tác, ác thuyết (Luận ấy gọi là Đột-cát-la nặng đối với người sám mới diệt). Thân miệng sau chữ Đa tự có thể dời lên trên. Trong thiên tụ dẫn rằng: "Nếu chỉ tâm

địa khởi không phương tiện, hoặc động thân miệng có hai phương tiện xa gần dẫn kia chứng đây, chữ lầm không nghi. Kế dẫn bổn luật, và lại y cứ ngăn trệ của thiên một và hai mà nói, y cứ văn chỉ nói rằng không thành Thâu-lan-già, không chia nặng nhẹ là một cái không rõ, lại không rõ số tội nhiều ít là không rõ thứ hai, cũng lại không chia các tội khác nhau là không rõ thứ ba.

Trong thiên tụ ở quyển đầu, khoa kế trong phần nêu, dùng ba phương tiện của Luận Minh Liễu, xa là Đột-cát-la nhẹ, kế là Đột-cát-la, gần là phạm Thâu-lan-già, cũng không chia nặng nhẹ. Luật Tứ Phần không có Đột-cát-la, chỉ nói là Thâu-lan-già. Nay dùng ba phẩm Thâu-lan-già của Thập Tụng để phân phối hai thiên, chỉ lấy một Đột-cát-la của luận Minh Liễu, cho nên nói là hội thông, v.v... Như thiên đầu, xa là Đột-cát-la, kế là trung Thâu-lan-già, gần là thượng Thâu-lan-già. Thiên thứ hai, xa là Đột-cát-la, kế là hạ Thâu-lan-già, gần là trung Thâu-lan-già, tìm văn sẽ thấy.

Trong phương tiện xa, khoa đầu ba câu trên là bày tướng. Chữ thử trở xuống là đoán tội (nay y cứ cố lầm chia Đột-cát-la, chỉ là cố tâm đều nặng, không dùng luận Minh Liễu). Chữ cố trở xuống là dẫn chứng phát tâm tức thượng phương tiện, tâm niệm là quả đầu tội. Trong phân biệt khác, đầu tiên hỏi do mười nghiệp Bồ-tát sau ba chế chung, nay nói tâm phạm, vì đại tiểu xen nhau. Trong phần đáp, đầu tiên giải thích, luật chế thân, miệng, tư, nghĩa là so lường việc làm của thân miệng. Tâm nầy thô trược xếp vào thân miệng, tâm hẹn thân miệng cho nên gọi là kỳ nghiệp (hẹn nghiệp). Chữ nhược trở xuống là phân biệt tâm riêng, số y cứ như vậy trọng duyên chia đó càng hay. Chữ cố trở xuống là dẫn chứng, ban đầu trong luật Thiện Kiến chỉ dùng tiểu cơ không chế sâu được, vả lại cấm bảy chi, chỉ là dứt thô chứ chẳng được gọi là giải thoát, văn nầy phải thông chỗ chấp của hai tông. Nếu kia có bộ định không chế tâm, phương tiện xa tội vẫn phải động sắc, Liễu Luận Tông không chế chung ba nghiệp, chữ như vậy gọi là không chế tâm. Kế dẫn luật, tức đồng luận Minh Liễu, không động thân miệng, tội khinh trách tâm liền diệt. Nay đây dẫn chứng đơn tâm không phạm, nếu theo luận Minh Liễu thì xếp vào tội Đột-cát-la nhẹ, huống gì văn nay khiến tự trách tâm mình đâu nói là không phạm, xin người học biết rõ. Kế phương tiện gần đối với văn dễ thấy.

Trong phần chỉ nêu, trên lại y cứ dâm chỉ bày tướng, ba giới y cứ đồng, các thiên khác không rõ cho nên phải lược chỉ, Tăng tàn một Đột-cát-la, hai Thâu-lan-già Ba-dật-đề, ba thiên sau đều hai Đột-cát-la,

nặng nhẹ, nhiều ít khác nhau rất dễ thấy. Nhưng ba tội trong Tăng tàn một tội đồng với thiên đầu, Ba-dật-đề hạ hai Đột-cát-la chỉ chia xa gần, xa thì đồng với trước, lại hợp kế, gần chung là một Đột-cát-la đại tướng có thể y theo nghĩa như đây.

Trong giải thích danh, tức dùng luận Minh Liễu thành tựu hai nghĩa tùy thuận theo giải thích. Ban đầu tức thành tựu nghĩa chú chỉ bảy duyên, văn thấy ở khoa kế. Chữ nhược trở xuống là nghĩa thuận theo. Trong căn bản, trước nói tướng căn bản. Câu đầu là hỏi chung, chữ vị trở xuống là giải thích riêng. Đầu tiên nêu bốn trọng, chữ như trở xuống là gồm chỉ các thiên, chữ nhược trở xuống là nói ôm nhân thành quả, phân biệt khác với tông khác, khiến không lạm dụng. Sau, trong phương tiện, bất luận thiên tụ nặng nhẹ đều chế một tội Đột-cát-la, cho nên nói rằng chung. Lại phương tiện trước có hai ba khác nhau, Thâu-lan-già, Đột-cát-la có khác nhau.

Ba là nói đủ duyên. Trong lời nêu gồm hai món chung riêng, chung thì bao gồm các tụ danh số đều đồng, riêng thì tùy cuộc giới hạn thể tướng đều khác. Hễ một lần phạm xét dùng hai duyên thì thành không như vậy, phán đoán có y cứ.

Trong phần nêu lý do, đầu tiên là nêu nghiệp, sau chánh nêu chia làm hai. Ở đầu nói tác nghiệp có thành chăng? Trên duyên đủ thành nghiệp. Chữ tất trở xuống là nói duyên thiếu không thành. Tội là nghiệp ác, phước là nghiệp lành, ở đây nói thành phạm chánh là nói tội nghiệp, nhưng duyên cấu tạo nghĩa đồng cho nên ở đây chỉ bày chung. Chữ cố trở xuống là nói hóa chế khác nhau, ban đầu nêu chế giáo, hai câu trên chỉ cho luật chế, nhân duyên thì gồm chung riêng, hoặc có thể hai duyên không nêu ra tâm cảnh. Nhân là tâm, duyên là cảnh. Chữ vị trở xuống hai câu là hiển bày lý do, tức là hai riêng, câu trên nói khoa chế đều nhất định, câu dưới nói sáu sám hối không xen lẫn. Chữ bất trở xuống là kế phân biệt hóa giáo kia, nói tạo nghiệp cũng là duyên thành, nhưng không cuộc hạn danh số cho nên khác nhau. Đối lại hai riêng ở trên là hai chung: 1/ Tội chung mười nghiệp; 2/ Sám chung ba đời.

Khoa kế, trong phần nêu bày chung, đầu tiên là gồm nêu y các giới, là hai duyên đều xuất xứ từ văn luật giới bổn. Chữ cố biệt trở xuống là bày hai riêng, ban đầu chỉ duyên riêng. Chữ hữu trở xuống là lập duyên chung. Trước nêu bày lập xưa (xưa nói rằng: Xin thầy lập năm duyên: 1/ Là đại Tỳ-kheo; 2/ Có cảnh sở đối; 3/ Có tâm; 4/ Tâm cảnh tương đương; 5/ Sự thành rốt ráo). Chẳng phải không nghĩa nầy là chỉ bày có thể thủ vì không hoàn toàn trái. Hậu tấn chưa biết là bày

chỗ mất kia vì chưa hẳn là thiện, nghĩa là người nhiều thừa dụng không hề suy nghĩ, dùng nay so sánh mới hiển bày phải quấy. Chữ kim trở xuống là kế nêu nay lập, chữ khảo trở xuống là bảy duyên tự có thông và cuộc, như nạn mạng sống và nạn phạm hạnh không khai Ba-la-di và Tăng tàn. Chữ hựu trở xuống ba thiên không khai tánh giới, đâu cần duyên theo đây, nhưng nay đối riêng đại khái mà nói cho nên nói rằng khắp sáu tụ.

Trong duyên thứ nhất, câu đầu nêu duyên, do lớn nhỏ tuy khác, phát khắp trần sa, cho nên chung cho năm chúng, khác với các đời Sư thượng cổ, các văn khác phân biệt. Ban đầu lựa phi chúng, chữ hoặc thị trở xuống là phân biệt thị chúng, văn nêu năm tướng tức là bốn Đề-xá và sau gồm kết nghiệp tư sướng, trừ qua đời, bị người giết, ba món.

Trong duyên thứ hai, bịnh nặng là nêu chung. Chữ điên trở xuống hai câu là hiển riêng hai tướng. Chữ nhược trở xuống là chánh chỉ bày duyên tướng, nói trên bịnh nặng đều không biết rõ.

Duyên thứ ba, khoa đầu, trước là nêu duyên. Chữ phi trở xuống là bày tướng. Lại hai món đầu, văn ngăn lựa nêu đối cảnh, bốn món vô tâm văn luật đã khai, y cứ không phương tiện, sợ người vọng cho là một bề không phạm cho nên nói rằng chẳng phải, nghĩa là đồng. Chữ nhược trở xuống là hiển chánh, nghĩa là sau đối cảnh tuy là vào các tâm, do trước phương tiện tức tâm đương cảnh cho nên đều kết phạm. Như trong tùy tướng lậu, xúc chạm, uống rượu, v.v... và không biết ở trước, dạy người, tự tạo nghiệp, Giới Sớ Sa-di nhậm vận các loại... Nhưng chỗ lập của duyên nầy chính là lấy tâm kỳ hẹn, nhưng trước sau tương đương đối với nghĩa dễ hiểu, cho nên chỉ có rõ tâm, sau là vô ký.

Trong phần dẫn chứng, ban đầu nói trước hẹn sau phạm, văn y cứ không nghi. Nghịch trọng tức nghiệp chế có hai phạm. Chữ A trở xuống là dẫn Thánh so với phàm, nhưng La-hán mộng phạm vốn chẳng phải phương tiện, chỉ lấy vô ký có phạm lệ thành nghĩa trên, cho nên nói rằng phàm phu phải y cứ . Trí luận chuyển giải thích nghi tình, do bậc Vô học kiết sử đã hết, không còn ngủ say. Theo luận Di Giáo có ba thứ thùy miên (ngủ say): 1/ Từ ăn khởi; 2/ Từ thời tiết khởi; 3/ Từ tâm khởi. La-hán có hai món trên, phàm phu có cả ba món. Bốn năm hai duyên không chung các giới, trước phải phân biệt. Ban đầu đối hai thiên trên chỉ có dâm oán ép ngặt thời khai nạn mạng sống, còn bao nhiêu đều không khai, nạn phạm hạnh tất cả không khai.

Kế là ba thiên dưới, tất cả tánh giới đều không khai. Thứ ba đến già giới, chữ phi trở xuống ba câu chỗ thâu cũng lại không khai (như ba

mươi khai hai giới, chín mươi, mười tám giới thành hai mươi sáu giới chúng học, như sau dẫn phối).

Trong thứ tư, ban đầu văn nêu giải thích rất dễ hiểu. Khoa kế, trong tánh giới, ban đầu chính là nói lại chia làm hai. Ban đầu đều bày tánh trọng, vả lại nêu sát, vọng hiển lý không có khai. Chữ duy trở xuống phân biệt lựa giới dâm. Ba thời không nhiễm là dẫu khai lại chế khác với già giới. Không tổn cảnh là nêu ra lý do khai, phân biệt khác với các giới trọng một bề không khai. Chữ văn trở xuống là dẫn chứng tức giới đầu giải thích đồng giới. Văn của ta vì mở môn đại từ. Kiết giới là trao cách bí mật, thà chết không phạm, khuyên nay giữ gìn như giữ tánh mạng. Đây là chứng tánh ác, không khai nạn mạng sống, y cứ ý bổn văn thì chung cho tất cả.

Trong già, ban đầu gồn nêu. Chữ đạo trở xuống là giải thích riêng. Ban đầu giải thích thượng căn không khai, chẳng phải giáo không khai, nhưng người thượng căn trọng pháp, khinh mạng sống, ủng hộ giá đồng tánh. Cỏ buộc là kia luận thứ hai nói rằng: "Xưa, có các Tỳ-kheo đi đến chỗ hoang vắng bị giặc lấy y, giặc sợ Tỳ-kheo đến báo với xóm làng, liền lấy cỏ cột lại, các Tỳ-kheo hộ giới không dám bứt đứt cỏ (trang 344). Trong đó, có một vị Tỳ-kheo già bảo các Tỳ-kheo tuổi trẻ rằng: "Các thầy lắng nghe, mạng người ngắn ngủi như dòng nước chảy xiết. Dù cho cõi trời còn không lâu sẽ bị tiêu diệt, huống chi chốn nhân gian mà có thể bảo đảm ư? Đã nói là không bền lâu, tại sao lại vì mạng sống mà hủy giới cấm? (Lời nầy rất quan trọng cho nên dẫn đủ). Hải Bản, luận rằng: "Xưa, có các Tỳ-kheo cùng những người đi buôn xuống biển tìm của báu, thuyền bị hư, một Tỳ-kheo trẻ tuổi lượm được miếng ván, Thượng tòa không có ván sắp bị chìm, Thượng tọa nói với Tỳ-kheo trẻ rằng: "Ông không nhớ Phật chế phải kính Thượng tọa ư?" Tỳ-kheo trẻ suy nghĩ "Như Lai thật có nói lời nầy" bèn nói kệ rằng:

*Vì vâng lời Phật dạy,*
*Dâng ván bỏ thân mạng,*
*Nếu không bị việc nạn,*
*Thì không được quả khó.*

Nói xong bỏ ván, Thần biển cảm động sự tinh thành kia bèn đón Tỳ-kheo trẻ đưa lên bờ. Văn luận duyên rộng, ở đây lược nêu tên không dẫn đủ, cho nên nói là đồng (có thuyết nói là đồng với ngỗng nuốt châu, kia là hộ tánh giới, chẳng giống với ý ở đây). Chữ dư trở xuống là nói trung hạ căn chung khai. Gồm nạn phạm hạnh là xét bày sau khai đều vì hạ căn. Lại nên biết, ở đây nói khai hay không khai tức y cứ cơ lớn

mà phán, sau đến hạ căn tự có khai hay không khai, chính là y cứ giáo chia nhỏ.

Trong thứ năm, khoa đầu nêu tên bày tướng. Phụ nữ là duyên dâm, che giấu là duyên trộm, trùng là duyên giết, bạn ác là duyên giới phá chúng. Chữ văn trở xuống là dẫn chứng, tức trong văn an cư lại khai phá hạ bỏ thẳng không tội. Khoa kế, trong gồm phán, ban đầu phân biệt hai thiên trên. Chữ bất trở xuống là phân biệt tánh giới. Chữ tựu trở xuống là thứ ba phân biệt phá giới, văn lệ ba câu. Nay dẫn văn luật khai là do nghĩa chia đôi. Nói ngăn ác, nghĩa là sự chẳng phải cực ác vì ngăn ngừa sự chê bai mà chế (liền dạy Ni ngồi với Ni, đi với Ni, đồng đi nghe, nhà ăn ngồi ở chỗ vắng, ngồi với người nữ xem quân. Ba giới vào cung vua đều khai). Nói sự khinh (trong ba mươi giới thì lìa y đoạt y trong chín mươi giới thì lời khác, hai trải, gượng trải, che nhà, một lần ăn thọ quá, bữa ăn trước bữa ăn sau đến nhà khác, đuổi ra khỏi xóm làng, thọ thuốc quá, che tội thô, hẹn với giặc, hai tùy cử, phi thời vào xóm làng, và trong chúng học hơn hai mươi giới).

Nói dùng nhẹ ngăn nặng, nghĩa là sợ gặp cảnh nặng ngăn ngừa lỗi nhẹ (ngủ chung với người nữ, ngủ chung với người chưa thọ giới cụ túc, giấu y bát, v.v...) ba câu như trên đều là tội nhẹ cho nên khai hai nạn. Không khai là trái lại với trên, hoặc dẫu ngăn ác mà sự nặng như đào hoại, chứa, cầm, bán, đổi, trái riêng chẳng phải tăng tàn, đủ lôi kéo không thọ đồng nêu. Hoặc dầu lỗi nhẹ mà lý không khai, như trong ba mươi giới, tìm cầu, chứa, cắt làm, các giới y, v.v... và nước trong chín mươi giới, va chạm, khủng bố, nửa nghi não, thiếu tuổi, các y quá lượng, v.v... vốn không có nghĩa nạn mạng sống, lăng đoạt ép bức, đâu có khai. Xin lấy các ý nhỏ nhặt soi xét, chú giới lại tự công thảo luận.

Kế là dẫn luận chứng ý khai hay không khai, chậm gấp tùy nghi cho nên chẳng phải một. Duyên là duyên khởi như Tu-đề-na ở giới dâm. Chế tức bổn chế, như nói là phạm hạnh bất tịnh. Lại chế, sau do Tỳ-kheo dâm với súc sinh lại chế lại giới đã chế trước, như nói thêm: "Cho đến với súc sinh". Chỗ quyết nhiếp hộ là gấp, khai vì thời duyên gọi là chậm. Mỗi giới khác nhau đều đủ nghĩa nầy, như lời tựa dẫn rộng.

Trong thứ sáu, ban đầu nêu duyên. Chữ vị trở xuống là giải thích tướng. Văn nêu ba giới cảnh sai, phương tiện ngược, hiển bày không sai mới thành rốt ráo, ở đây cùng thứ ba dường như đồng, mà so sánh riêng có thể thấy.

Trong thứ bảy, ban đầu nêu duyên. Chữ nhược trở xuống là giải thích ngược bốn nghĩa để chung các giới. Ban đầu gồm bày, chữ nhất trở

xuống là giải thích riêng, hai việc trước cách, hai tâm sau dừng. Lại ban đầu ba thứ là tâm tốt còn lại chẳng phải tâm tốt. Trong thứ hai duyên cảnh ngăn lìa, nghĩa là duyên sai. Sớ chép: "Như muốn sát sinh, trộm cắp, đến gặp người khác", hoặc sợ có việc, hoặc muốn hẹn mà chưa được (tức đây là ngăn lìa), hoặc dao gậy hủy hoại (tức duyên hoại). Nói gượng thạnh, Sớ gọi là cảnh gượng, như làm việc giết, trộm lại gặp thêm hại, v.v...

Trong gồm kết, ban đầu khiến nương dùng, nghĩa là cần hai duyên có thể quyết phạm, sám không sau chỉ lạm. Thứ tư, trong ý chế, ban đầu nêu cần ý, du cũng là mạn. Cảnh tưởng năm câu, câu đầu đều nặng, bốn câu sau đều nhẹ, lại câu thứ ba có tội thì nêu ra, không tội thì trừ; Nặng, nhẹ, có không đối văn có thể giải thích. Chữ cố trở xuống là chỉ chỗ nêu ra, hai câu trên chỉ bày kia chung đủ, hai câu dưới điểm chỗ thiếu kia. Môn kế có năm bậc, thiên tụ, cảnh tưởng số lỗi nhiều như cát bụi, năm vị gồm thâu hết tất cả. Lại năm cái nầy không ngoài hai cảnh, ban đầu gồm hữu tình, bốn tứh còn lại là phi tình. Trong bốn thứ thì hai và bốn đều là thế pháp, năm là chế giáo, cái thứ ba gồm cả hai, đối sau tự rõ. Nội báo sáu ngôi từ rộng đến hẹp, riêng đối các giới phân biệt rõ ràng ở đây mà thôi, người không thấy đó chỉ nói rằng muôn cảnh không biết cảnh nào, cảnh ở tướng nào. Huống chi lại tự có một cảnh chung nhiều giới, như tình trong người nữ, phi tình ở y phục ăn uống v.v..., tự có một giới mà nhiếp nhiều cảnh như trộm và lậu thất, chung cho cả tình và phi tình. Tự có một giới nhiếp một cảnh như ngoại đạo ăn, vào cung vua, sừng ngà, lụa đâu-la, v.v... Đây vả lại nêu một điều các điều khác lệ theo đó, dùng ba câu trước soi bày các giới, tướng thông cuộc như chỉ trong lòng bàn tay.

Trong bốn cảnh đầu, câu đầu bày cảnh, tức là sáu đường, hoặc gồm ba đường. Chữ nhược trở xuống lại đối thiên đầu, bốn cảnh bất luận nam nữ, trong loài người không phân biệt đạo, tục, lớn, nhỏ, trong, ngoài. Giới đầu đều phạm rất dễ biết, ba giới kia người và cảnh đồng Ba-la-di, phi nhân đều tội Thâu-lan-già, súc sinh thì giết Ba-dật-đề, trộm cắp và nói dối đều Đột-cát-la, cho nên nói là thăng giáng. Lại như xúc chạm, môi giới, đối thù khác nhau xét tùy tướng trước.

Trong đạo tục ba ngôi, ban đầu chỉ đối tục đồng với xin y, thêm giá, tha thiết xin chỉ xin xin tơ, khuyên dệt dày, nói pháp cho người nữ nghe, học gia thọ quá, v.v... các thứ. Thứ hai chỉ cuộc hạn ở đạo, chê bai vô căn cứ, mượn căn cứ, và Tăng tàn ba giới, che tội thô, nói tội thô, đánh Tỳ-kheo, tát Tỳ-kheo, nghi não, giấu y bát, đồng lấy đoạt y, chê

mắng tri sự, riêng chúng khuyên, đánh, nắm lôi ra khỏi xóm làng v.v... Ba thông hai là ngủ đêm với người nữ, thông Ni nữ. Ngủ với người chưa thọ giới cụ túc và hai lời thô đều chung cho người tại gia và ba chúng sau. Dâm và xúc chạm rất dễ hiểu. Hoặc có cảnh chung mà chế riêng như ngồi chỗ trống, đi chung đường với Ni nữ đều là giới cấm.

Trong nội ngoại, ngoại là ngoại đạo, tự tay cho ăn chỉ là một giới nầy, cho nên nói là cuộc hạn. Nội là nội chúng, hủy mắng, hai lưỡi đều đối với Tỳ-kheo. Trong lớn nhỏ, chê bai, đoạt như trên. Trong nhỏ lại gồm tùy Sa-di bị đuổi. Trong hình báo có ba: Ban đầu cuộc hạn Tỳ-kheo, thuận theo Tỳ-kheo tùy cử, lại nêu hơn một giới là đồng với trên. Hai là cuộc hạn Ni chúng, cùng đường tức hẹn đi chung, còn bao nhiêu tên tự rõ, lại thêm cho y, giặt nhuộm y, lông, v.v... Thứ ba, chung cho hai chúng, hai tội thô Tăng Ni đều phạm Ba-dật-đề.

Trong sắc tâm, ban đầu nói sắc, dâm với thây chết đã phạm không hẳn nhờ tâm. Chữ văn trở xuống là dẫn chứng, tức giới dâm, cảnh tưởng câu đầu, nghĩa là chỉ cho chánh đạo bất luận chết sống. Bốn đường hợp thành bốn cảnh, thức, ngủ, chưa hư, hư một ít, dâm chung bốn đường đã thấy ở khoa đầu, trong đây đã nói, nơi văn không suốt. Lậu thất đồng, cũng sắc làm cảnh, dâm chỉ có nội sắc, lậu chung sáu cảnh.

Trong nội ngoại, chặng giữa nước, gió, không xứ (chỗ trống) nay cứ nội sắc để nói bốn cảnh, phần nhiều hoại xương trắng ở giữa đều là cảnh lậu thất, cho nên nói rằng vẫn rộng. Nếu y cứ xúc chạm cũng chung cho bốn nữ, xúc chạm thây chết cũng tội tăng tàn, lẽ ra đồng xếp vào dâm. Chữ tự trở xuống là kế nói trong tâm. Quán tức phát tranh cãi, giới ở tăng có thể quán tâm thành phạm, hứa là trả lại vật tăng trông tâm thí thành phạm. Nhiễm tâm thọ y phục, đồ ăn, tức Ni nhận y phục và thức ăn của người nam có tâm nhiễm ô, phạm tội Tăng tàn là lấy nhiễm tâm kia làm cảnh.

Trong phần kết bày, câu trên là trước kết, câu dưới là nêu lược. Trong ngoại sự, cỏ cây tức hoại sự sống và trên cỏ lại khạc nhổ, vật báu các vật, chứa, đổi, trộm, cầm thành phạm.

Lại nước là cảnh như giỡn chơi đại tiểu tiện trong nước. Lửa là đốt lửa. Lại trong nước, trong gió dâm lậu đều phạm. Không thọ đồng chín mươi pháp Ba-dật-đề, cho đến một trăm giới chúng học, v.v... các giới ăn uống đều lấy thức ăn làm cảnh.

Lại món ăn hạn cuộc chánh thực như chân khác lưng, còn bao nhiêu chung cho chánh, bất chánh, hoặc hạn cuộc thời dược, thọ thức ăn ngon là hạn cuộc thuốc bảy ngày. Chứa thuốc dư là hạn cuộc thuốc

trọn đời. Thuốc bốn tháng là chung bốn thứ thuốc. Tức không thọ phi thời, v.v... lìa hai thứ dư là y và bát. Nguyệt vọng thí gấp đồng y cứ sự và thời. Vả lại, từ vật mà nói nên cũng có thể. Đây lẽ ra lại tính các giới lông, bông cầu xin. v.v... Theo sự thì y phục thuốc thang như trên. Phòng như hai phòng, nhà cửa, kéo ra, để tượng, v.v... Ngọa cụ thì hai loại đâu miên.

Trên nói riêng ngoại cảnh, chung trở xuống là gồm nói hai cảnh.

Trộm gồm chủ vật đoạt y Tỳ-kheo.

Trùng nước tức hai vật lấy y, may y, giặt đập y (nhuộm y), v.v... đều có thể y cứ mà nói.

Trong phần y cứ pháp có bốn:

1. Lưỡng thiệt (nói hai lời), nói trau chuốt, chê bai người giáo giới Ni, chống cự khuyên can khởi sự tranh cãi.

2. Tăng can ngăn có năm tội tăng tàn, bốn tội Ba-dật-đề, một lần can ngăn.

3. Lại đuổi Sa-di. Trong tội diệt tránh tự ngôn trị và tìm tội cũng có thể nói.

4. Trong mười tám pháp tức phá tăng phạm cảnh, lại gồm đồng tụng năm, sáu lời và các pháp chúng học, v.v...

Trong phần y cứ về thời: Giáo ni đến mặt trời lặn, ăn phi thời; Hạ tuế không an cư, Ni phạm Ba-dật-đề, Tăng phạm Đột-cát-la chế xuất xứ từ trong luật.

Được ở lại hai, ba đêm đồng chưa đầy đủ hoặc ở trong quân trận.

Trong tội Tăng tàn, ở lại hai đêm, nói minh tướng nghĩa là nêu giới hạn phạm tội.

Và hai (vào) xóm, lại trông mong hai lìa giảm sáu năm cầu áo, áo mưa, tấm giặt, v.v...

Trong phần y cứ về tội: Tính che giấu, im lặng nói dối.

Trong môn thú ba nêu, do các giới trong luật nêu không nêu chẳng nhất định nên phải nói rõ. Nhưng người học ngày nay không xem bổn luật ức đoán ám chỉ. Lầm lộn, nói vọng đều mê đầu cuối của môn học này. Nay dẫn đầy đủ cú pháp trong luật, sau nghiên cứu văn được giải thích hết. Chớ cho rằng dài dòng mà thương xót người học sau, việc ấy không thôi. Thiên đầu bốn giới có năm tội nặng:

1/ Giới dâm có năm trường hợp:

- Không phải đường nghi là không phải đường: Phạm Thâu-lan-già.

- Đường nghĩ là không phải đường: Phạm Ba-la-di.

- Đường nghĩ là đường: Phạm Ba-la-di.
- Không phải đường nghĩ là đường: Phạm Thâu-lan-già
- Đường nghi không phải đường: Phạm Ba-la-di.
(Đường là: Đường đại, tiểu tiện, chỗ thực hành việc dâm dục).
2/ Giới trộm cắp, có hai tội nặng:
- Quá bốn, năm câu:
* Không có chủ nghĩ là có chủ: Phạm Thâu-lan-già.
* Có chủ nghĩ có chủ: Phạm Ba-la-di.
* Không có chủ nghi không có chủ: Phạm Thâu-lan-già.
* Có chủ nghi có chủ: Phạm Thâu-lan-già.
- Dứt bốn, năm câu:
* Không chủ tưởng có chủ: Phạm Đột-cát-la.
* Có chủ tưởng có chủ: Phạm Thâu-lan-già.
* Không có chủ nghi không có chủ: Phạm Đột-cát-la.
* Có chủ nghi có chủ: Phạm Đột-cát-la.
3/ Giới sát sinh có năm trường hợp:
- Không phải người nghi không phải người: Phạm Thâu-lan-già.
- Người tưởng không phải người: Phạm Thâu-lan-già.
- Người tưởng là người: Phạm Ba-la-di.
- Không phải người tưởng là người: Phạm Thâu-lan-già.
- Người nghi là người: Phạm Thâu-lan-già.
4/ Giới nói dối có năm trường hợp:
- Không phải người nghi không phải người: Phạm Thâu-lan-già.
- Người tưởng là không phải người: Phạm Thâu-lan-già.
- Người tưởng là người: Phạm Ba-la-di.
- Không phải người tưởng là người: Phạm Thâu-lan-già.
- Người nghi là người: Phạm Thâu-lan-già.
Trong tội Tăng tàn, sáu giới có mười ba tội nặng:
(*) Hai giới ma xúc (rờ chạm) có năm trường hợp:
* Không phải người nữ nghi không phải người nữ: Phạm Thâu-lan-già.
* Người nữ tưởng không phải người nữ: Phạm Thâu-lan-già.
* Người nữ tưởng là người nữ: Phạm Tăng tàn.
* Không phải người nữ tưởng người nữ: Phạm Thâu-lan-già.
* Người nữ nghi là người nữ: Phạm Thâu-lan-già.
(*) Giới thứ ba nói lời thô tục, hai tội nặng:
* Y cứ theo pháp có bốn trường hợp:
+ Không phải lời thô tục tưởng lời thô tục: Phạm Thâu-lan-già.

+ Lời thô tục tưởng là lời thô tục: Phạm Tăng tàn.

+ Không phải lời thô tục nghi không phải lời thô tục: Phạm Thâu-lan-già.

+ Lời thô tục nghi là lời thô tục: Phạm Thâu-lan-già.

* Y cứ về người có bốn trường hợp:

+ Không phải người nữ tưởng là người nữ: Phạm Thâu-lan-già.

+ Người nữ tưởng là người nữ: Phạm Tăng tàn.

+ Không phải người nữ nghi không phải người nữ: Phạm Thâu-lan-già.

+ Người nữ nghi là người nữ: Phạm Thâu-lan-già.

(*) Giới thứ tư: Tự khen mình có năm trường hợp:

+ Không phải người nữ nghi không phải người nữ: Phạm Thâu-lan-già.

+ Người nữ tưởng không phải người nữ: Phạm Thâu-lan-già.

+ Người nữ tưởng là người nữ: Phạm Tăng tàn.

+ Người nữ nghi là người nữ: Phạm Thâu-lan-già.

+ Không phải người nữ tưởng là người nữ: Phạm Thâu-lan-già.

(*) Giới thứ năm: Mai mối, có hai tội nặng:

* Y cứ về pháp có năm trường hợp:

+ Không làm mai mối nghi không làm mai mối: Phạm Thâu-lan-già.

+ Mai mối tưởng không phải mai mối: Phạm Thâu-lan-già.

+ Mai mối tưởng là mai mối: Phạm Tăng tàn.

+ Không mai mối tưởng mai mối: Phạm Thâu-lan-già.

+ Mai mối nghi mai mối: Phạm Thâu-lan-già.

* Y cứ về người có năm trường hợp:

+ Không phải người nữ nghi không phải người nữ: Phạm Thâu-lan-già.

+ Người nữ tưởng không phải là người nữ: Phạm Thâu-lan-già.

+ Người nữ tưởng là người nữ: Phạm Tăng tàn.

+ Không phải người nữ tưởng là người nữ: Phạm Thâu-lan-già.

+ Người nữ mà nghi là người nữ: Phạm Thâu-lan-già.

(*) Giới thứ sáu: Làm phòng (thất) không có thí chủ, có bốn tội nặng:

* Chỉ định nơi chốn có năm trường hợp:

+ Chỉ định nôi chốn nghi có chỉ định nơi chốn: Phạm Thâu-lan-già.

+ Không chỉ định chỗ tưởng có chỉ định chỗ: Phạm Thâu-lan-già.

+ Không chỉ định chỗ tưởng không chỉ định chỗ: Phạm Tăng tàn.

+ Chỉ định chỗ tưởng không chỉ định chỗ: Phạm Thâu-lan-già.

+ Không chỉ định chỗ nghi không chỉ định chỗ: Phạm Thâu-lan-già.

* Xây cất quá lượng, có năm trường hợp:

+ Không quá lượng nghi không quá lượng: Phạm Thâu-lan-già.

+ Quá lượng tưởng không quá lượng: Phạm Thâu-lan-già.

+ Quá lượng tưởng là quá lượng: Phạm Tăng tàn.

+ Không quá lượng tưởng quá lượng: Phạm Thâu-lan-già.

+ Quá lượng nghi quá lượng: Phạm Thâu-lan-già.

* Chỗ có việc nạn sự (nguy hiểm) có năm trường hợp:

+ Chỗ không có nạn nghi không có nạn: Phạm Đột-cát-la.

+ Chỗ có nạn tưởng không có nạn: Phạm Đột-cát-la.

+ Chỗ có nạn tưởng có nạn: Phạm Đột-cát-la.

+ Chỗ không có nạn tưởng có nạn: Phạm Đột-cát-la.

+ Chỗ có nạn nghi có nạn: Phạm Đột-cát-la.

* Chỗ bít lối (ngăn ngại) có năm trường hợp:

+ Không bị bít lối nghi không bị bít lối: Phạm Đột-cát-la.

+ Có bít lối tưởng không bít lối: Phạm Đột-cát-la.

+ Có bít lối tưởng có bít lối: Phạm Đột-cát-la.

+ Không bít lối tưởng có bít lối: Phạm Đột-cát-la.

+ Có bít lối nghi có bít lối: Phạm Đột-cát-la.

Làm phòng thất có thí chủ, có ba tội nặng.

* Chỉ định chỗ, có năm trường hợp:

+ Có chỉ định chỗ nghi có chỉ định chỗ: Phạm Thâu-lan-già.

+ Không chỉ định chỗ tưởng có chỉ định chỗ: Phạm Thâu-lan-già.

+ Không chỉ định chỗ tưởng không chỉ định chỗ: Phạm Tăng tàn.

+ Chỉ định chỗ tưởng không chỉ định chỗ: Phạm Thâu-lan-già.

+ Không chỉ định chỗ nghi không chỉ định chỗ: Phạm Thâu-lan-già.

* Chỗ có việc nạn (nguy hiểm), có năm trường hợp:

+ Chỗ không có nạn nghi không có nạn: Phạm Đột-cát-la.

+ Chỗ có nạn tưởng không có nạn: Phạm Đột-cát-la.

+ Chỗ có nạn tưởng có nạn: Phạm Đột-cát-la.

+ Chỗ không nạn tưởng có nạn: Phạm Đột-cát-la.

+ Chỗ có nạn nghi có nạn: Phạm Đột-cát-la.

* Chỗ bị bít lối (ngăn ngại), có năm trường hợp:

+ Không bị bít lối nghi không bít lối: Phạm Đột-cát-la.

+ Có bị bít lối tưởng không bít lối: Phạm Đột-cát-la.

+ Có bít lối tưởng có bít lối: Phạm Đột-cát-la.

+ Không bít lối tưởng có bít lối: Phạm Đột-cát-la.

+ Có bít lối tưởng có bít lối: Phạm Đột-cát-la.

Trong ba mươi pháp Ni Tát-kỳ Ba-dật-đề, một giới có một tội nặng.

Giới thứ ba mươi: Vật thuộc Tăng mà tự xoay về cho mình, có bốn trường hợp:

+ Chưa hứa tưởng đã hứa: Phạm Đột-cát-la.

+ Đã hứa tưởng đã hứa: Phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

+ Chưa hứa nghi chưa hứa: Phạm Đột-cát-la.

+ Đã hứa nghi đã hứa: Phạm Đột-cát-la.

Trong chín mươi pháp Ba-dật-đề, mười lăm giới có mười sáu tội nặng.

(1) Giới thứ bảy: Nói tội thô ác, có bốn trường hợp:

+ Không phải tội thô ác tưởng tội thô ác: Phạm Đột-cát-la.

+ Tội thô ác tưởng tội thô ác: Phạm Ba-dật-đề.

+ Không phải tội thô ác nghi không phải tội thô ác: Phạm Đột-cát-la.

+ Tội thô ác nghi là tội thô ác: Phạm Đột-cát-la.

(2) Giới thứ mười: Tự tay đào phá đất, có năm trường hợp:

+ Không phải đất sống nghi không phải đất sống: Phạm Đột-cát-la.

+ Đất sống tưởng không phải đất sống: Phạm Đột-cát-la.

+ Đất sống tưởng đất sống: Phạm Ba-dật-đề.

+ Không phải đất sống tưởng đất sống: Phạm Đột-cát-la.

+ Đất sống nghi đất sống: Phạm Đột-cát-la.

(Đất sống: Đất sinh sản vào tháng tám ở các nước có mưa nhiều).

(3) Giới thứ mười một: Phá hoại thực vật, có hai tội nặng:

a) Mầm sống có năm trường hợp:

+ Không phải mầm sống nghi không phải mầm sống: Phạm Đột-cát-la.

+ Mầm sống tưởng tưởng không phải mầm sống: Phạm Đột-cát-la.

+ Mầm sống tưởng mầm sống: Phạm Ba-dật-đề.

+ Không phải mầm sống tưởng mầm sống: Phạm Đột-cát-la.

+ Mầm sống nghi là mầm sống: Phạm Đột-cát-la.

b) Cỏ cây sống có năm trường hợp:

+ Không phải cỏ cây nghi không phải cỏ cây sống: Phạm Đột-cát-la.

+ Có cây sống tưởng không phải cỏ cây sống: Phạm Đột-cát-la.

+ Cỏ cây sống tưởng cỏ cây sống: Phạm Ba-dật-đề.

+ Không phải cỏ cây sống tưởng cỏ cây sống: Phạm Đột-cát-la.

+ Cỏ cây sống nghi là cỏ cây sống: Phạm Đột-cát-la.

(4) Giới thứ mười chín: Dùng nước có côn trùng, có bốn trường hợp:

+ Nước không có côn trùng tưởng nước có côn trùng: Phạm Đột-cát-la.

+ Nước có côn trùng tưởng nước có côn trùng: Phạm Ba-dật-đề.

+ Nước không côn trùng nghi nước có côn trùng: Phạm Đột-cát-la.

+ Nước có côn trùng nghi nước có côn trùng: Phạm Đột-cát-la.

(5) Giới thứ hai mươi ba: nói pháp cho Tỳ-kheo-ni nghe, có năm trường hợp:

+ Không phải mặt trời lặn nghi không phải mặt trời lặn: Phạm Đột-cát-la.

+ Mặt trời lặn tưởng không phải mặt trời lặn: Phạm Đột-cát-la.

+ Mặt trời lặn tưởng mặt trời lặn: Phạm Ba-dật-đề.

+ Không phải mặt trời lặn tưởng mặt trời lặn: Phạm Đột-cát-la.

+ Mặt trời lặn nghi mặt trời lặn: Phạm Đột-cát-la.

(6) Giới thứ hai mươi chín: Thức ăn do Tỳ-kheo ni khuyến hóa, có bốn trường hợp:

+ Không giáo hóa tưởng giáo hóa: Phạm Đột-cát-la.

+ Giáo hóa tưởng giáo hóa: Phạm Ba-dật-đề.

+ Không giáo hóa nghi không giáo hóa: Phạm Đột-cát-la.

+ giáo hóa nghi giáo hóa: Phạm Đột-cát-la.

(7) giới thứ ba mươi lăm: Ăn đã đủ hoặc khi thọ thỉnh không làm pháp dư thực mà ăn nữa, có bốn trường hợp:

+ Ăn không đủ tưởng ăn đủ: Phạm Đột-cát-la.

+ Ăn đủ tưởng ăn đủ: Phạm Ba-dật-đề.

+ Ăn không đủ nghi ăn không đủ: Phạm Đột-cát-la.

+ Ăn đủ nghi ăn đủ: Phạm Đột-cát-la.

(8) Giới thứ ba mươi sáu: Khuyên túc thực (biết Tỳ-kheo đã ăn đủ rồi mà khuyên (mời) ăn nữa, có bốn trường hợp:

+ Biết vị đó ăn không đủ mà tưởng ăn đủ: Phạm Đột-cát-la.

+ Biết vị đó ăn đủ tưởng ăn đủ: Phạm Ba-dật-đề.

+ Ăn không đủ nghi ăn không đủ: Phạm Đột-cát-la.

+ Ăn đủ nghi ăn đủ: Phạm Đột-cát-la.

(9) Giới thứ ba mươi bảy: Phi thời thực, có năm trường hợp:

+ Thời nghi là thời: Phạm Đột-cát-la.

+ Phi thời tưởng phi thời: Phạm Đột-cát-la.

+ Phi thời tưởng phi thời: Phạm Ba-dật-đề.

+ Thời tưởng phi thời: Phạm Đột-cát-la.

+ Phi thời nghi phi thời: Phạm Đột-cát-la.

(10) Giới thứ ba mươi tám: Thức ăn dư để cách đêm, có bốn trường hợp:

+ Không phải cách đêm khởi tưởng cách đêm: Phạm Đột-cát-la.

+ Cách đêm tưởng cách đêm: Phạm Đột-cát-la.

+ Không phải cách đêm nghi cách đêm: Phạm Đột-cát-la.

+ Cách đêm nghi cách đêm: Phạm Đột-cát-la.

(11) giới thứ ba mươi chín: Không thọ mà ăn (cho vào miệng thức ăn không được trao nhận), có bốn trường hợp:

+ Được trao nhận tưởng không được trao nhận: Phạm Đột-cát-la.

+ Không được nhận tưởng không được nhận: Phạm Ba-dật-đề.

+ Được nhận nghi được nhận: Phạm Đột-cát-la.

+ Không nhận nghi không nhận: Phạm Đột-cát-la.

(12) Giới thứ năm mươi mốt: Uống rượu, có năm trường hợp:

+ Không phải rượu nghi không phải rượu: Phạm Đột-cát-la.

+ Rượu tưởng là rượu: Phạm Ba-dật-đề.

+ Rượu tưởng là rượu: Phạm Ba-dật-đề.

+ Không phải rượu tưởng là rượu: Phạm Đột-cát-la.

+ Rượu nghi là rượu: Phạm Ba-dật-đề.

(13) Giới thứ sáu mươi hai: Uống nước có côn trùng, có bốn trường hợp:

+ Nước không có côn trùng tưởng nước có côn trùng: Phạm Đột-cát-la.

+ Nước có côn trùng tưởng nước có côn trùng: Phạm Ba-dật-đề.

+ Nước không có côn trùng nghi không có côn trùng: Phạm Đột-cát-la.

+ Nước có côn trùng nghi nước có côn trùng: Phạm Đột-cát-la.

(14) Giới thứ sáu mươi bốn: Che giấu tội thô, có bốn trường hợp:

+ Không phải tội thô tưởng là tội thô: Phạm Đột-cát-la.

+ Tội thô tưởng tội thô: Phạm Ba-dật-đề.

+ Không phải tội thô nghi không phải tội thô: Phạm Đột-cát-la.

+ Tội thô nghi tội thô: Phạm Đột-cát-la.

(15) Giới thứ ba mươi sáu: Khơi lại sự tranh chấp, có bốn trường hợp:

+ Không thành quán sát tưởng thành quán sát: Phạm Đột-cát-la.

+ Quán sát tưởng quán sát: Phạm Ba-dật-đề.

+ Không thành quán sát nghi không thành quán sát: Phạm Đột-cát-la.

+ Quán sát nghi quán sát: Phạm Đột-cát-la.

Theo trong văn khoa đầu riêng đối với hợp số đều thầy trong bản đồ trên.

Y cứ trở xuống là lại dùng năm vị:

1- Nội báo có:

Bốn tội Ba-la-di có năm tội nặng: ma xúc một tội, nói lời thô tục một tội, tự khen mình một tội, mai mối một tội, xoay vật của tăng làm vật của mình một tội, khởi sự tranh cãi một tội, tổng cộng mười một tội nặng.

2- Ngoại sự:

Xây cất phòng (thất) không có thí chủ: Ba tội nặng. Xây cất phòng (thất) có thí chủ: Hai tội. Đào đất cóhai tội. Hoại sinh (phá hoại thực vật sống) có hai tội. Thức ăn do Tỳ-kheo-ni khuyến hóa có một tội. Ăn đã no, hoặc khi thọ thỉnh không làm pháp dư thực mà ăn nữa: Có một tội. Khuyên túc thực có một tội. Để thức ăn dư cách đêm có một tội. Không thọ mà ăn có một tội. Uống rượu có một tội. Dùng nước có côn trùng một tội. Chung trong ngoài cộng có mười sáu tội nặng.

3- Y cứ về pháp:

Nói lời thô tục có một tội nặng, làm mai mối có một tội, cất phòng (thất) có thí chủ một tội, cất phòng (thất) không có thí chủ một tội. Cộng chung thành bốn tội nặng.

4- Y cứ về thời: Giáo giới Tỳ-kheo-ni quá mặt trời lặn có một tội nặng. Phi thời có một, cộng thành hai tội nặng.

5- Y cứ về tội:

Che giấu tội thô có một tội nặng, nói lời thô tục có một tội nặng, cộng thành hai tội nặng.

* Khoa kế: câu đầu hiển bày đầy đủ thì đồng với tăng, câu kế chỉ lược vì không dùng. Như ban đầu nói về chế ý ở trước, nghĩa đầy đủ, văn lược. Nếu theo giới bổn của Ni thì đối Tăng hai mươi sáu giới, trừ chín giới:

1- Dâm.

2- Nói lời thô tục.

3- Tự khen mình.

4- Cất phòng có thí thủ.

5- Cất phòng không có thí chủ.

6- Thức ăn do Tỳ-kheo-ni khuyến hóa.

7- Giáo giới Tỳ-kheo-ni đến mặt trời lặn.

8- Ăn đã no mà ăn nữa.

9- Khuyến túc thực.

(Trong giới dâm không nêu, tám giới sau đều không đồng giới) Mười bảy giới còn lại gồm tâm nhiễm, y thực đều nêu đủ cảnh, tưởng.

Trong phần nói "không": Trừ giới trước ra còn hai trăm hai mươi bốn giới, luật đều không nêu. Cho nên y cứ năm cảnh trước phân biệt lý do kia.

"Không" có hai nghĩa:

1- Nghĩa không thể lập gọi là lý không.

2- Sự cầnphải đủ gọi là lược không.

Lý không lại có hai:

1- Phạm cảnh chung khắp lý không cần lập, như giới lậu thất.

2- Đối giới cảnh riêng, lý không thể lập, như giới dâm, trộm cắp, không có pháp tưởng.

Lược không cũng có hai:

1- Thông lý lược: Danh hoặc lược không, như giới lậu thất.

2- Nhất hướng lược: Danh định lược không, như báng, đoạt, v.v...

Y theo lý không, ở đây cũng lẽ ra nhiễm có hai:

1- Hoặc lý không tức lậu thất.

2- Định lý không, như giới khác không có tội tưởng.

Như vậy phần trước nhập văn dễ thấy.

Trong phần nội báo:

- Đầu là nêu.

- Kế: Từ hoặc trở xuống là giải thích, lại có hai:

1- Lý lược không, lý không thể hiểu.

Trong lược không: Trước y theo giới dâm; Hai câu sau là ví dụ. Tức phi đạo tưởng là đạo và nghi trong giới dâm là cảnh sai, lậu thất tức là tưởng sai, lại lệ với phải có. Sau dẫn điều bộ văn làm chứng. Nghĩa là phi đạo tưởng là phi đạo. Không nghi tức là lậu thất. Tâm cảnh tương đương, vì thế nên biết phải có các trường hợp tưởng, nghi, v.v...

(Theo sớ: Trên là cách giải xưa, dưới là nghĩa nay. Trong sớ không

lấy, đây còn giữ hai cách giải).

Phần thứ hai định lược không thể hiểu.

Ngoại sự và thời chỉ có một lược không có pháp tội, gồm hai không đều có thể được. Hai trên hạn cuộc y cứ vào cảnh hiện tại. Hướng đến các giới khác không chung đều có lý không. Như giới dâm, xúc, v.v... không đối với phu, cụ. Không giới hạn thời tiết, theo như trong tội đều chung với lời ở đây.

* Trong phần nói về pháp: Đầu là nêu lý không. Ngôn trở xuống là nói lược về không. Trước nêu các giới: Hai giới nói dối tức pháp tự xưng. Can ngăn là pháp vì người khác làm.

Tùy cử lá pháp trị, như sau có nêu chứng.

Đầu tiên dẫn trong luật Tăng-kỳ, riêng chứng tùy cử, văn ấy nói: giới tùy cử Tỳ-kheo có bốn trường hợp:

1- Cử tưởng không cử: Không phạm tội.

2- Không cử tưởng có cử: Phạm Đột-cát-la.

3- Cử tưởng là cử: Phạm Ba-dật-đề.

4- Không cử tưởng không cử: Không phạm tội.

Thuận theo Sa-di có bốn trường hợp đồng như trên.

Kế dẫn tội làm mai mối, nói lời thô tục. Lại nêu hai vọng, do đồng có lời nói và pháp mà hai tội nói dối đều không mai mối và nói lời thô tục có riêng, vì thế nói là trái với ở đây.

Sau xảy ra sự tranh cãi, nêu riêng những lời can ngăn, do tăng dứt sự tranh cãi giống như lập lời can ngăn, dứt sự tranh cãi đã đủ, can ngăn cũng cần có đủ. Phi pháp, v.v... là nêu các câu can ngăn. Do can ngăn chung như không giao kết lẫn nhau nên nói:

Đúng pháp tưởng đúng pháp: Phạm Tăng tàn.

Đúng pháp nghi đúng pháp: Phạm Thâu-lan-già.

Đúng pháp tưởng phi pháp: Phạm Thâu-lan-già.

Trở xuống hai trường hợp có thể biết:

* Trong phần nói về thời: Tấm tức là nửa tháng tắm.

Trong phần tội, trên nói lược không. Do trong giới bổn chỉ có che giấu và nói hai giới đối tội làm cảnh. Giới của tăng đều có vì thế ni che giấu nói không.

Phần thứ ba, trong phần nêu lý do có ba:

1- Nêu ý lập môn, tức trong bản đồ trước: Bốn, năm không nhất định, phải nói rõ lý do khiến cho hiểu ý lời dạy.

2- Từ thả trở xuống là nêu cú pháp. Hơn nữa y cứ vào một giới nêu tướng trạng kia. So với trước luật cú có sự khác nhau. Trong phần

thứ hai ở trước nói rằng người nghi là người, thứ năm phi nhân nghi là phi nhân. Hoặc sợ nghi có liên quan hai cảnh thì nên đổi, có lẽ không thấy luật truyền lầm viết lộn. Xin dùng cú pháp của các giới để so sánh đều không có khác. Tuy không theo cách giải thích trên nhưng tùy theo luật là chính.

Thứ năm, là chú thích, nói hai thiếu là: Phi nhân là cảnh thiếu; Nghi là tâm thiếu.

Sở trở xuống là nêu lý do nhiều ít.

Kế, trong phần phân biệt, trừng ý tức suy lý do bất định thứ ba vì không thể xen lẫn trên.

Sau nói hai cách giải thích xưa và nay, đều là bình phẩm một câu thứ ba nầy. Bốn câu còn lại một bề hằng định cho nên không nói.

Trong cách giải thích xưa, kia lập hai nghĩa đều xếp các giới.

- Đầu: Y cứ chuyển tưởng và vốn mê đều có tội là nặng nhẹ đối nhau. Trọng là chuyển tưởng, khinh là vốn mê.

- Hai: Thủ chuyển tưởng có tội, vốn mê không tội gọi là phạm không phạm đối nhau. Phạm nghĩa là chuyển tưởng, không phạm là vốn mê.

Trong phần nặng nhẹ ban đầu: Trước nêu hai môn, như trở xuống là gồm các giới.

Giới dâm chuyển mê đều là Ba-la-di, Thâu-lan-già nghĩa là từ cảnh chế nên đều là Ba-la-di. Phi đạo tưởng biên đều Thâu-lan-già (theo đây giới dâm không có nặng nhẹ, giới uống rượu cũng vậy, chuyển mê đều Ba-dật-đề).

Hai tội thô là nói lời thô tục, tự khen mình, v.v... thủ mai mối (mai mối, nói lời thô tục gồm người tưởng năm câu). Giới sát, v.v... sáu giới gồm duyên phi nhân đều có nặng nhẹ. Chuyển tưởng Thâu-lan-già, Đột-cát-la là nặng (tâm trước Thâu-lan-già, tâm sau Đột-cát-la).

Vốn mê phạm Đột-cát-la là khinh.

Cố trở xuống kết nêu bày định năm. Môn này gồm giới dâm, uống rượu gồm thâu tám giới.

Trong phần phạm không phạm, trước là nêu bày.

Không chỉ định chỗ là xây cất phòng (thất) không có thí chủ và xây cất phòng (thất) có thí chủ, gồm bảy tội trọng, giới tự mình đào đất và phá hoại thực vật có hai tội nặng.

Giáo giới ni đến mặt trời lặn phi thời; làm mai mối pháp tưởng, trong luật các giới này đều y cứ chuyển tưởng tâm trước có tội nêu có năm trường hợp, thì gọi là phạm. Nếu theo vốn mê thì trước sau không

có tội, chỉ có bốn trường hợp, thì gọi là không phạm.

Giới dâm hai tội nặng: Nói lời thôtục, pháp tưởng, xoay vật của Tăng thành của mình, hai tội thô, hai tội dùng nước có côn trùng. Thức ăn do ni khuyến hóa; Ăn đủ; khuyến thực; chứa thức ăn dư cách đêm; không thọ thực; xảy ra tranh cãi, các giới này luật y cứ vốn mê không có tội, chỉ nêu bốn trường hợp gọi là không phạm. Nếu y cứ chuyển tưởng phải có năm trường hợp.

Trộm trở xuống là hiển tướng, lược nêu hai giới, còn lại đều nêu thí dụ y cứ.

Đầu tiên, trong phần chú giải giới dâm tức là nêu câu:

"Văn luật không nêu ra". Do không có tội duyên, vốn mê không tội nên không có câu nầy.

Kế, trong phần chú giải: Không chỉ định chỗ hiển bày câu:

"Luật bổn biện có". Chuyển tưởng tâm trước có phương tiện tội nên lập câu nầy.

Năm trở xuống là giải thích thành rất dễ hiểu.

Hai cảnh: Bổn chủ vô tâm, không chủ không lỗi, môn nầy gồm thâu giới thứ hai mươi (giới làm mai mối và nói lời thô tục chung cho hai môn).

Trong phần kết nêu bày. Nghĩa nầy là nghĩa nặng nhẹ ở trước. Năm ở trước phải có chữ định. Hoặc nói bốn, năm là tùy một giới mà nói, không phải cho rằng trộm cắp, phòng thất đối nhau mà nói. Đây là truyền lầm. (Phải biết ở trước luận chuyển tưởng và vốn mê chỉ nói một câu thứ ba sợ quên cho nên lại nêu bày.

Nay giải thích dường như lấy nghĩa khác nên không nêu ngày nay. Sư nầy xếp vào một câu thứ ba. Nếu y cứ chuyển tưởng thì tất cả đều có nên định năm câu. Nếu là vốn mê có kết tội thì là bốn, năm câu. Nếu không tội thì một bề bốn câu không đủ ba vị:

Trong phần nặng nhẹ, đầu gồm nêu chung ba vị. Vân trở xuống nói riêng hoặc bốn, năm câu.

Trong phần đầu y cứ tám giới trước. Giới dâm và giới uống rượu chỉ nhất định có năm câu thì không có hoặc bốn câu.

Sáu giới còn lại chung ba vị:

Hỏi: Trong môn nặng nhẹ quyết nói có tội. Nay chung hoặc bốn câu tức là không tội, sao gọi là khinh?

Đáp: Vốn mê không phạm cũng dựa theo việc tạo tác chỗ khai giới tướng không ngại nghĩa khinh.

Trong phần nói riêng: Chuyển tưởng mỗi mỗi năm câu là dễ hiểu

nên không nói. Vốn mê hoặc bốn, năm câu là khó nên phải giải thích.

Đầu là hỏi. Như trở xuống là dẫn giải thích.

Đầu tiên là nói theo bổn vị, trên y cứ không phải súc sinh nên nói năm câu. Như đối nhân khởi tưởng phi nhân, hoặc tưởng súc sinh đều là tội duyên nên có kết tội.

Sau y cứ vô tình nói hoặc bốn câu. Như người mà tưởng tượng gỗ đều không có tội duyên nên không có tội, đây chung cho sáu giới đều có ba cảnh nên không nêu riêng.

Như trở xuống là dẫn môn sau: Loại thuyết, phu thuyết bốn câu cũng chung ba vị.

Giới nói lời thô tục, nói rằng trừ tội thô (Ba-la-di và Tăng tàn), còn lại là tội Ba-dật-đề, Đột-cát-la. Hai trước hướng sau nên nói là đối. Đây là mê trọng cho là khinh, có phạm Đột-cát-la, tội hợp làm năm câu. Khai chung tức văn không phạm. Kia nói rằng: Không tưởng tội thô không phạm (che giấu tội thô cũng đồng), đây là mê, có cho là không, một bề không tội nên chỉ có bốn câu.

Nhiên thị trở xuống là kết thúc nêu bày, lại gồm chuyển tưởng nhất định có năm câu thành ba vị.

Môn kế ba vị. Đầu tiên nêu bày đồng như trước. Như trở xuống là đối xưa hiển nay. Sự trước lập riêng, nay đều ngược lại.

Ở đầu nêu môn trước, như trước: tức là chỉ cho cách giải thích xưa ở trước. Các giới không phạm ở sau nên nói là tiến. Nay trở xuống là chánh nói vị nay. Như giới trộm cũng chỉ cách giải trước. Văn phạm ở trước nên nói thối.

Đối với phi súc tội duyên: Như vật có chủ tưởng vật của phi nhân, tưởng vật của súc sinh, đều phạm Đột-cát-la.

Nói chuyển mê đều có năm câu, nghĩa là chuyển tưởng là bổn hoặc năm nầy nhất định năm câu. Vốn mê hoặc năm, tức nay chỗ thêm lại gồm bổn, bốn tức ba vị. Môn này y cứ theo lời sao chỉ thâu giới trộm cắp và lời che giấu. Còn lại cảnh không nặng nhẹ, chỉ có hai vị, như trong phần phân biệt ở sau.

Trong phần kết nêu bày: Câu đầu chỉ vị đồng, nghĩa là đều chung ba vị. Câu kế nói văn xen nhau, nghĩa là giới trộm cắp bốn câu, vốn mê không tội. Chuyển tưởng và vốn mê hai lần năm câu thì ở giới sát sinh. Giới sát năm câu, y cứ chuyển mê có tội. Vốn mê không có tội ở giới trộm. Ảnh lược lẫn nhau nêu nên nói là lời trau chuốt.

Vị trở xuống là giải thích văn trau chuốt ở trước.

Trong phần phân biệt, đầu tiên nêu đủ ba ở trước.

Nhược trở xuống là lựa sau không đủ.

Nói không nặng nhẹ là y cứ bổn luật. Nếu theo giới sở thì thí dụ lấy bộ khác. Lại gồm hai giới: Đào Đất và Phi Thời. Kia nói: Trong bộ kiến luận nói đào cát nhiều đất ít thì không có tội, nửa cát nửa đất cũng phạm Đột-cát-la.

Lại trong Già luận nói đào đốt hoại đất phạm Đột-cát-la. Lại trong Kiến Luận chép: Trong nhật chánh nói Thời là thời và phi thời, nếu ăn cũng phạm Đột-cát-la (luật Tăng-kỳ cũng vậy). Nay cho rằng: Đất sống khởi tưởng nửa cát nửa đất và Phi thời tưởng phi thời đều tội nhẹ. Thêm trước cộng chung thành năm giới, còn lại lẽ ra lại có. Xem trong phần tùy tướng ở trước.

Sau nói hoặc bốn, năm nghĩa là: Năm là chuyển tưởng, bốn là vốn mê. Đây thì không ngại các sư xưa nói trong phần phạm, không phạm hoặc bốn, năm nghĩa. Nhưng kia y cứ đại khái chỗ phân biệt nên chưa cùng tột mà thôi. Y theo cách giải thích nay trong môn nặng nhẹ nhất định có ba vị. Phạm không phạm ba, hai không nhất định, suy nghĩ kỹ như vậy.

Trong phần định bốn, năm: Đầu nêu giải thích trước, người là bổn cảnh, không phải súc sinh là dị cảnh.

Nhược trở xuống là nêu cách giải sau, đầu tiên chánh nêu tất cả các giới chung có ba vị.

Văn xen nhau nói tức là chỉ các giới bốn, năm trường hợp khác nhau. Không ngại mỗi mỗi đều có vốn mê và chuyển tưởng, dụng trở xuống là kết hiển bổn cảnh, bổn tưởng nghĩa là bổn nhân tưởng, tâm trước phương tiện dị cảnh. Tâm sau nghĩa là sau chuyển khởi tâm chẳng phải súc sinh.

Trong luật nói: Ba-la-di, Tăng-tàn mà nghi, tưởng, cú pháp chỉ kết Thâu-lan-giá đều không kết Đột-cát-la. Cho nên trong ba vị trước tâm sau Đột-cát-la tức là tương truyền y cứ nghĩa kết đó, như trong chú giải đã nêu.

Trong phần chú giải: Đầu tiên là định tội của luận chế, sau nói tâm sau nghĩa kết. Cụ trở xuống là lại nêu phi nhân.

Năm duyên là:

1- Phi nhân

2- Tưởng phi nhân

3- Có tâm sát sinh

4- Tìm mọi cách

5- Mạng sống chấm dứt.

Tưởng người là tưởng sai.

Câu: Cũng kết Đột-cát-la: Trước tưởng phi nhân, tự kết bổn tưởng, phạm Đột-cát-la. Ở đây cho rằng tâm sau chuyển khởi tưởng người mà hại là tâm sau tội đồng với nghĩa trước. Vì thế nói cũng vậy. Theo đây khởi năm câu:

1- Phi nhân tưởng phi nhân: Phạm căn bản Thâu-lan-giá.

2- Phi nhân nghi là phi nhân: Phạm Đột-cát-la.

3- Phi nhân tưởng là nhân.

4- Nhân tưởng là phi nhân: Đều phạm Đột-cát-la.

5- Nhân nghi là nhân: Phạm Đột-cát-la.

Trong phần kết hiển, hai câu trên là kết lược.

Vậy, hai câu dưới chỉ chung. Tất cả các giới phạm tâm cảnh nhất định. Tâm cảnh sai khác có cú pháp chung. Luật tuy không đủ chỉ là lược không, hoặc lại bốn, năm đâu không xen nhau trau chuốt nên ở đây gồm chỉ, tự có thể cầu chung.

Hỏi: Tội có thể nặng nhẹ, có thể giữ cảnh tưởng. Vậy giới dâm và giới uống rượu đều nặng, dùng nêu như thế nào để suy nghĩ có thể thấy.

Trong phần năm giải thích nặng nhẹ, trình bày chung.

Đầu tiên nói tâm cảnh cần nhau. Đản trở xuống nói nặng nhẹ.

Ở đầu gồm nêu khác nhau. Câu trên nói cảnh. Nói hơn kém là chánh một giới mà nói cảnh tưởng năm câu, đây thâu câu đầu. Như giới dâm chung ba cảnh, giới trộm cắp có Tam bảo, người khác. Giới lậu thất có nội sắc, ngoại sắc, giới xúc chạm có tốt có xấu. Vì thế cho nên cảnh nhất định thâu hai câu thứ hai và thứ ba. Không phải cho là cảnh sai tức hai câu thứ tư và thứ năm. Câu sau nói về tâm.

Nói đậm nhạt như loại phiếm nhĩ rất hại. Cũng y cứ một giới chia đó tức thâu câu đầu. Lầm nghĩa là tưởng sai tức câu hai, ba. Ngộ nghĩa là cảnh sai tâm lầm, tức thâu câu thứ tư, thứ năm.

Hoặc trở xuống riêng phân câu đầu đối hơn kém ở trước. Một phẩm y cứ về chế tội. Tám phẩm y cứ nghiệp đạo, như trong môn hơn kém ở trước đã nói.

Hai câu: Thứ hai và thứ năm đối với tâm trước là lầm lộn.

Hai câu: Thứ ba thứ tư đối cảnh trước là tội.

Bốn câu này hướng về trước, câu đầu chế nghiệp đều nhẹ. Ba câu sau đều phạm Đột-cát-la.

Nếu nói về nghiệp đạo thì câu hai và câu bốn tâm sai tội nặng. Câu ba, câu năm cảnh khác là tội nhẹ. Lại gồm y cứ câu năm nói về

nặng nhẹ như sau sẽ thấy.

Hữu trở xuống là kết hiển bày ý của văn luật cần phải lập.

Trong phần chánh giải thích, khoa đầu: Câu trên kết năm vị ở trước. Bốn trở xuống là nêu câu thứ năm và câu thứ tư.

Nặng nhẹ: Do một câu nghiệp tuy khác nhau mà phạm thì cuối cùng đều là tội nặng, tánh là không cần luận, nhưng phải y theo năm thứ lớp trong luật giải thích đủ, cho nên nói cũng cần, v.v... Một đều có thể hiểu.

Trong hai nghi, đầu cả hai đều nêu hai câu. Tiền trở xuống phân biệt giải thích nặng nhẹ, giải thích nghi trước rằng nửa duyên, tâm nghi do dự chung liên quan hai cảnh.

Trong phần nghi ở sau nói: Không phải bổn kỳ, cảnh khác cho đến vốn không hại. Hai câu này tâm nghi chẳng khác, cảnh phân vốn khác, vì thế nói là nặng nhẹ. Tưởng sau cũng vậy. Trong hai tưởng, đầu tiên cả hai đều nêu. Tiền trở xuống là phân biệt giải thích trước rằng bổn phương tiện là chấp lấy tâm trước. Hướng sau là chánh đối tâm không tương đương cảnh. Sau nói rằng: có tâm riêng là vì tưởng người, không bổn cảnh là phi nhân.

Kế trong phần bổn dị: Câu đầu nêu bày. Bổn trở xuống là giải thích. Đầu tiên nêu hai câu bổn cảnh, đầu tiên cả hai nêu bày.

Dĩ trở xuống là phối hợp giải thích. Hậu trở xuống là giải thích cảnh khác, hai câu chia làm ba:

- Đầu tiên là nêu bày.
- Dĩ trở xuống là giải thích.
- Cố trở xuống là tổng kết.

Hai vị là tưởng và nghi, chỉ có thiếu cảnh vì nghi gồm hai cảnh.

Nói: "Tội thuốc bổn tâm" là vì không theo cảnh khác.

Trong phần kết lược nêu bày không hết nghĩa, rộng ở trong Sớ nên nói là "vả lại".

Trong phần sinh khởi thứ năm có ba:

- Đầu tiên nêu sở thuyên rộng khắp. Do trì phạm đại thể tức là chỗ nói chế giáo. Hai nghiệp thiện ác, nghiệp tướng tùy duyên, vô lượng nên nói gồm chung. Giáo nghĩa không thể thâu hết cho nên chẳng phải một pháp gồm nêu.
- Cố trở xuống là nêu năng thuyên rộng lược.

Đầu nêu trước có chỗ trở về, các môn tức chỉ cho nghĩa chung và riêng ở trước.

- Dĩ trở xuống là hiển bày theo lược.

Chữ “la” cũng có nghĩa là kém.

“Đào chú” giống như nghiên cứu vậy.

Nắn đất vào khuôn gọi là Đào, nấu chảy vàng gọi là Chú.

Nêu tên có năm, giới sớ văn rộng không thể chép đủ, sở chưa thấy lời sớ. Vả lại, y cứ bốn tội nặng lược toát yếu danh nghĩa để chỉ người mới học.

Đầu nói khắc mạn, trước giải thích tên:

Khắc nghĩa là tình chuyên một cảnh. Mạn nghĩa là tâm dính mắc nhiều duyên.

Mạn lại có hai:

1- Đại mạn: Như vốn nêu tâm khắp chung ba đường, đều là chỗ kỳ hạn hễ làm thành phạm.

2- Tiểu mạn: Chỉ gồm loài người, không thể có ở phi nhân và súc sinh.

Kế phối hợp bốn giới:

Chỉ một giới dâm bất luận sai trái, chỉ khiến cho cảnh giao tiếp nhau, không đâu chẳng phải là Đại trọng.

Hai giới: Trộm cắp và sát sinh: Đại mạn thì hễ cảnh thành thì phạm, Tiểu mạn thì khác đường không phạm.

Khắc định một người ba đường không phạm.

Giới nói dối: Một giới ba cảnh đều hiện, trong biết rõ ràng. Phạm không khắc tâm, chung cảnh tùy phạm. Ba đường không hiện, hễ làm liền phạm.

Hai: Nói làm lộn.

Trước nêu tên sai, y cứ cảnh duyên hiện sai khác làm nghĩa. Lầm thì y cứ cảnh duyên không hiện, tâm lầm vọng làm nghĩa.

Hai là đối giới: Giới dâm tùy phạm, bất luận lầm lộn.

Giới trộm cắp chia làm ba:

- Đại mạn: Ba đường đều phạm.

- Tiểu mạn: Không phải vật của súc sinh thì không phạm.

- Khắc tâm lại có hai: Nếu nói theo người khác thì trộm Trương mà được Vương thì không phạm. Nếu y cứ một chủ, trộm vàng được bạc liền trả lại thì không phạm.

Giới không sát sinh: Mạn đồng như trên, khắc tâm do luận lầm lộn khai không phạm vì hiện cảnh rõ ràng, tâm duyên khác nhau, làm thì thành tội nặng.

Duyên Vương Trương giải nhân tưởng không sai.

Giới nói dối: Đại mạn đồng như trước, Tiểu mạn lầm phạm vì đối

hiện cảnh, lầm không phạm vì không hiện.

Khắc tâm có hai, đối người luống dối nghĩa khác.

Một lầm lộn đều tội nặng đối pháp mà nói.

Nói Thánh xưng phàm, mê phàm cho là Thánh, lầm lộn đều khai. Nếu y cứ theo Thánh pháp nói lầm lộn Ba thiền Bốn thiền đều tội nặng.

Ba, trong phần tự tha:

1- Chỉ bày chung ba thí dụ:

- Tự tạo cảnh của người.
- Người tạo ra cảnh của mình.
- Tự tạo ra cảnh của mình.

2- Phối hợp riêng với bốn giới:

Giới dâm ba câu đều tội nặng.

Giới không trộm đầu nêu trọng, hai thứ còn lại đều không tội.

Giới không sát sinh: hai câu đầu nêu có không rất dễ hiểu. Tự sát tự phạm Thâu-lan-già.

Nói dối, hai câu trên dễ hiểu. Từ lừa dối nghĩa y cứ phạm Đột-cát-la, vì không phải ngôn thuyết quỹ phạm.

Luật Tứ Phần nói: Thân miệng chung cho bốn giới. Ba giới trước là thân phạm; một giới sau là khẩu phạm. Riêng y cứ tạo lẫn nhau, giới dâm hạn cuộc thân tạo. Ba giới sau đều chung tạo lẫn nhau.

Năm: Dạy người tự thành tức là hai nghiệp tùy giới khác nhau, vì thế nói là các phần.

Đầu tiên nói dạy người. Giới dâm tự làm thành trọng. Dạy người ưa thích, đối với người trước không được đồng phạm (dạy người làm phạm Thâu-lan-già, không làm phạm Đột-cát-la).

Giới không trộm cắp và giới không sát sinh: Tự làm dạy người tổn cảnh sướng tư, người và mình đều phạm tội nặng.

Giới nói dối dạy người danh lợi dính mắc kia, cho nên không đồng phạm.

Kế là nói sai người. Dạy thì lợi mình thuộc nghĩa sơ, sai thì hướng đến mình thuộc nghĩa thân. Như khiến người dâm, xúi người nói chứng Thánh đều phạm tội.

Giới trộm, giới sát không sai nên không nói. Nhiều người sai sử chung cũng tức dạy người. Giới dâm không có nghĩa nầy.

Nói nhiều người nghĩa là trùng sử và triển chuyển sử.

Trùng sử nghĩa là tùy tục sai người cho đến trăm ngàn.

Triển chuyển sử nghĩa là chỗ sai người không được tự bỏ đi. Lại

chuyển sai người cho đến nhiều người.

Văn nêu giới sát, nghĩa quyết chung có ba:

Ta sai người kia làm cho nên nói là duyên khác.

Người kia và ta đều phạm là nghiệp đồng.

Trên lược nêu số danh, không phải cho là đã hết. Như trong số văn kia nghĩa chương rất rộng. Như trên trích dẫn giải thích lược chung danh tướng ắt muốn cùng tận. Tích học còn mê cho nên không dẫn nhiều, thuận theo ý lời sao.

Trong phần kết hiển, hai câu đầu nêu các tên gọi trên.

Sao trở xuống là ý lược nay, dễ hiểu mà khiến rõ giáo; tức hành là khiến thành hạnh. Khó biết ít dùng, đối chiếu có thể biết.

Tứ Phần Luật Hành Sự Sao Tư Trì Ký

Phần thứ nhất trong phần bốn của quyển trung xong.

■

# TỨ PHẦN LUẬT HÀNH SƯ SAO TƯ TRÌ KÝ

## QUYỂN TRUNG

## (PHẦN 4 - 2)

## THIÊN GIẢI THÍCH: SÁM PHÁP, LỤC TỤ

Sám là tâm năng sám. Sáu tụ là tội sở sám, Pháp là cách thức sám.

Tiếng Phạm là sám-ma, Hán dịch là Hối vãng.

Có chỗ nói: Sám hối là tiếng Phạm tiếng Hoa đều nêu.

Theo Nghiệp Sớ chép: Ý nghĩa kia cho rằng: Không tạo tội mới. Sám nghĩa là dứt trừ tội vị lai. Hối nghĩa là tâm hổ thẹn đối với lỗi lầm đã qua.

Có người giải thích chữ sám là huấn thủ huấn giám? Nghĩa tuy chung được, tiếng Hoa tiếng Phạm phải phân. Nhưng sám chung hóa chế và cả lý sự. Nay chỉ y cứ vào chế giáo sự hành dùng làm thiên chương.

Trong phần trình bày ý vị lai:

Khoa đầu có hai:

1- Nêu ý sám. Câu trên là nói tạo nghiệp. Vả lại, y cứ theo thiên tụ chỗ chế hai tội phạm. Kết nghiệp thành nhân phải cảm vời quả vị lai cho nên nói là chủng. Câu kế nói cần phải sám. Do phạm từ vọng khởi, tội nương duyên sinh. Thể vọng vốn không, duyên sinh vô tánh. Biết rõ gốc vọng thì tướng phạm nương chỗ nào. Biết rõ duyên sinh thì gốc tội không có. Đây là do tội từ tâm khởi, lại do tâm diệt. Đã hàng phục được nhân hiện tại, không vướng mắc quả vị lai. Phạm tội mà không sám hối thì nghiệp khổ làm sao cùng tận được, người trí biết lỗi không hề che giấu.

Từ thời sám trở xuống hai câu là nêu lợi ích, câu trên tự thực hành không dấu vết, câu dưới nói: Các pháp có dụng.

2- Cố trở xuống là dẫn khuyên. Trước dẫn văn luận khuyên mau

sửa đổi. Đầu là dẫn luận. Bất trở xuống là nêu lời khuyên.

Luận kia hỏi rằng: Pháp gì nặng như đất? Pháp gì cao như hư không? Pháp gì nhiều như cỏ? Pháp gì nhanh như gió?

Đáp: Giới đức nặng như đất, ngã mạn cao như hư không, phiền não nhiều như cỏ, tâm niệm mau như gió.

Nay lược dẫn câu sau để rõ. Tâm xưa làm ác nay bỗng truy hối chỉ trong sát-na trở thành thiện, không đợi lúc qua đời. Ý là khiến cho người có phạm phải mau cầu sám hối.

Kế dẫn văn kinh nêu lời Phật khuyên.

Kinh nói Đức Như lai quở trách nêu lên việc ác là muốn khiến cho người tu hành có lỗi phải sám hối. Trước quở trách hủy cấm, khiến thành chỉ hạnh. Sau nói đường ác khiến thành tác hành.

Trong phần quở trách xưa, đều nêu chẳng phải toại vãng.

Cổ sư tức chỉ cho các nhà biên soạn pháp yết-ma. Như Tăng khải yết-ma, đầu tiên nêu ra sám hối tội Tăng tàn.

Hai là sám hối tội Thâu-lan-già. Pháp sám bạch nhị không phân biệt tội nặng tội nhẹ.

Ba là sám hối tội xả đọa, không phân biệt Đơn đề.

Bốn là sám hối các tội khác không hiển bày tướng tội.

Đề-xá, Đột-cát-la đều không nêu pháp.

Lại yết-ma của ngài Đàm Đế:

Một: Sám hối tội Tăng tàn.

Hai: Sám hối tội xả đọa.

Ba: Sám hối các tội khác. Nghĩa là Đơn Đề, Đề-xá, Thâu-lan-già, Đột-cát-la, đồng một pháp sám, cầu lời đều đồng tội xả đọa.

Sự nghi thêm sự sửa đổi gọi là thêm bớt.

Nói “lập pháp xuất một” nghĩa là ẩn và hiển.

Nếu theo văn sau thì xưa gọi là tội Ba-la-di, phải không có tâm che giấu mới cho sám hối.

Lại giới dâm có khai sám, còn ba giới kia thì không khai.

Trong tội Tăng tàn: che giấu tàng biệt trụ, hoặc nói rằng đều thực hành, hoặc đều không thực hành.

Lại trong tội Đề-xá đồng pháp sám Ba-dật-đề.

Lại trong pháp chúng học, tội đồng đều trách tâm thêm bớt, ẩn hiện tìm xem sẽ thấy.

Nói “ức khóa đa” là trách tâm sư.

“Khóa” giống như chữ thuyết.

Nói “chiếu giáo không văn” nghĩa là sự không có chỗ y cứ.

"Kiểm hành trái luật": Nghĩa là hành dụng phi pháp. Cố trở xuống là dẫn lời quở trách, tức trong luật tăng hai nói hai hạng người ngu:

1- Người che giấu lỗi không sám hối.

2- Sám hối không y theo lời dạy.

Nay lấy hạng người thứ hai để chứng minh việc phi pháp ở trên.

Văn luật lại nêu hai hạng người trí ngược lại việc của người ngu, như ở khoa sau có dẫn.

Thánh trở xuống hai câu nêu lý do tâm sự.

Câu trên nêu pháp sám hối sau, đều thấy chép trong văn luật.

Câu dưới nói các sư trước không thể nương dùng.

Trong phần hiển nay chia làm hai:

1. Nêu soạn thuật:

Câu trên là chánh tông:

"Định cương vị": Sáu cách sám hối riêng khác, không xen lẫn nhau.

"Cách tâm cảnh": Đều hiển bày duyên pháp, không chỗ mê muội. Tùy trong một pháp sám duyên pháp tuy nhiều nhưng không nêu tâm cảnh.

Như trở xuống là sở tông:

"Sám quá trần lộ": là tâm năng sám.

Chỗ nương, người đối pháp dùng những việc này đều là cảnh sở đối.

Cách tức là huấn chánh.

Hai câu dưới là hiển bày ý. Câu trên nói lập pháp có y cứ. Xưa nay hình tướng đều không phải cảnh. Câu dưới hành sự không nghi, tâm cảnh soi chiếu nhau, được mất nêu bày.

Năng, sở tức tâm và cảnh.

Thử trở xuống hai câu cách cú đối giải thích hai câu ở văn trên, nghiên cứu sẽ thấy.

2. Từ tắc hà trở xuống là nêu công đức:

Nói nay y theo pháp thì tội sẽ trừ, tâm có chỗ nương. Ngược lại thì trái luật, hối tội không khỏi, tâm không chỗ nương vì thế nói rằng "hà hoạn", v.v...

Được bậc Thánh khen ngợi là vì thuận theo lời Phật.

Cố trở xuống là dẫn luật nêu lời khen ngợi. Do vâng theo lời dạy có thể sám hối nên đây là người trí.

Kế là nói pháp sám:

Trong phần chia chung, hóa giáo đều gồm hai cách sám giúp

chung cho cả hai chúng, như văn đã nêu.

Lại hai cách sám chung cho Đại thừa và Tiểu thừa.

Lại chỗ phạm tội chung cho pháp sám ba đời, gồm mười nghiệp.

Trong phần chế ngược lại thành năm hạn cuộc. (Tờ 350)

Nói luật sám thì hạn cuộc ở tiểu tông. Như văn tự nói hạn cuộc đạo chúng. Thác thọ sinh hạn cuộc sự hành. Y theo đầu tiên thọ hạn cuộc hiện phạm.

Thứ lớp trị hạn cuộc danh thể.

Trên là phân đối, kế giải thích tướng văn.

Hai câu đầu nêu hạn cuộc.

Nói "Đạo chúng" là gồm thâu năm chúng xuất gia.

Do trở xuống là giải thích lý do hạn cuộc. Văn nêu phạm sám đều y theo bổn thọ. Thọ là bẩm chế ở chế thuận nghịch nên thành trì phạm. Như vậy luật sám rất khác với kinh.

Câu đầu nêu gốc phạm khởi.

Câu kế nói ý chế sám.

Hoàn trở xuống là nêu pháp lập sám.

Nói "thứ lớp trị" là tùy chỗ phạm kia, phải y theo thứ lớp của thiên không thể lộn xộn.

Nói "Thiên tụ lập nghi" là chế giáo sai hàng.

Nói: "Hối pháp y theo đây" là y giáo lập pháp.

Kế nói rộng hai sám.

Trong hóa giáo nêu "thông sám": Như năm cặp trước nêu nghĩa chung có thể biết.

Trong cặp hiển nói "lý sám": Là nói quán tuệ suy cùng nghiệp tánh. Thấy rõ chân lý, tội được diệt nên nói là sám.

Trong văn, trước nêu căn tánh, lại hướng về tu sự thông gọi là lợi căn. Nêu đối trị dụng của Ba quán cạn sâu, tự chia ra lợi căn và độn căn, như sau có thể thấy.

Quán trở xuống là nêu quán hạnh.

Câu đầu nêu cảnh sở quán.

Do trở xuống nói trí năng quán.

Bốn câu trên nói đạt vọng thấy lý.

Hai câu sau nói hạnh thành tội diệt.

Phân nghĩa là phân biệt, tức là quán chiếu.

Trong đây thông nêu chung lý quán. Nói vô sinh gồm lý của ba món đại tiểu ở sau.

Kế, là trong phần sự sám, đầu tiên nêu cơ nghi. Do trở xuống là

nêu văn sám pháp, có hai: Đầu là trình bày không kham lý quán. Chỉ trở xuống nói sự sám. Trước nói sự hành không nêu ba nghiệp. Lễ bái, nhiễu tháp là thân nghiệp, xưng khen tụng trì là khẩu nghiệp, cung kính chí thành là ý nghiệp.

Thắng cảnh không nêu Tam bảo, tắc trở xuống là nói thành lợi ích. Hai câu trên nêu nghiệp đầu tiên.

Nói nặng nhẹ là y cứ lỗi mà nói.

Năm tội nghịch, chê bai pháp, dùng vật của Tăng, v.v... là tội nặng. Còn lại là tội nhẹ.

Lại hễ tạo tội đầy đủ ba thời. Đều khởi tâm mạnh là tội nặng, hoặc hai thời và một thời là tội nhẹ.

Nói “Định bất định” là phân biệt nghiệp nặng. Định nghiệp rất nặng dầu sám hối cũng không hết, Bất định thì nhẹ hoặc cho chuyển đổi.

Hai câu sau nêu lợi ích. Chuyển báo nghĩa là dễ đoạt không thọ, đối với khinh và nghiệp bất định ở trước.

Khinh thọ nghĩa là chuyển nặng thành nhẹ, tức định nghiệp trong phần nặng ở trước.

Phổ trở xuống là chỉ rộng.

Văn kinh Phật Danh thấy ở phần thứ mười.

Kinh Phương Đẳng Đà-la-ni ba quyển.

Kinh Hư Không Tạng, kinh Chiên Sát, v.v... đều có nói về cách sám hối.

Nếu theo nghiệp sớ thì đủ năm duyên.

1- Thỉnh Phật, Bồ-tát làm chứng (tức phụng thỉnh các Thánh).

2- Tụng kinh chú (tức tụng kinh, đọc chú).

3- Nói tên tội của mình (tức nói sám hối).

4- Lập lời thệ nguyện (tức nay phát nguyện).

5- Như giáo minh chứng (tức nay cầu tướng phân biệt tà chánh).

Trong phần trùng rộng:

Đầu tiên nói chỗ tu quán tưởng, không tánh tức không lý.

Dĩ trở xuống nói lý do tội diệt. Các nghiệp ở thế gian đều từ ta sinh, ta làm chủ nghiệp. Vì ta đã không nương gá, thiện ác đã gây không từ điên đảo của ta mà sinh, vọng nghiệp không có chỗ nương, cho nên được trừ.

*Kiến nghĩa là đạt lý.*
*Tư nghĩa là khởi tu.*
*Trừ nghĩa là có thể quán trí.*

*Diệt là chỗ quán nghiệp.*

Phá vọng hiển chân mà chẳng đốn chứng nên nói là phần. Nếu y cứ vị xếp vào phần kiến phần tư tức hàng Nội phàm. Phần trừ phần diệt tức Sơ quả về sau.

Như trở xuống là dụ hiển, ngủ say dụ cho mê, tỉnh thức dụ ngộ, ngủ thức say tỉnh là pháp tương tự.

Kế, trong phần nêu ba quán. Lý vốn là một, vì sao có ba?

Nếu quyền thật hai phần trước là quyền. Một phần sau là thật.

Nếu đại tiểu đối nhau thì một phần trước là Tiểu, hai phần sau thuộc Đại.

Nếu theo khai quyền hợp tiểu thì cuối cùng quy về một lý.

Nếu theo ba tông thì tánh không hạn cuộc Tiểu; Duy thức hạn cuộc Đại; Tướng không chung tiểu đại.

Cứ như vậy mà phân chia.

Trong tánh Không chia làm ba:

1. Nêu cảnh sở quán: Tức hai chữ các pháp. Nói các pháp là bao gồm tất cả. Trong các kinh luận hoặc y theo y báo, chánh báo, nhân quả, hoặc thế gian, xuất thế gian, hoặc hữu lậu, vô lậu. Hoặc sắc tâm, phi sắc tâm. Hoặc thiện, ác, vô ký. Hoặc ấm, giới, nhập, v.v...

Nếu y cứ luận chung gồm quán các pháp. Nay y cứ sám hối để chỉ tội nghiệp mà làm quán cảnh.

2. Một câu "Tánh không vô ngã" tức là quán trí, tội từ duyên có, vốn không tự tánh. Duyên tức là tâm cảnh. Tâm cảnh hòa hợp thành nghiệp. Tội tánh tự là không, chẳng phải làm cho không. Vì còn vọng chấp nên chịu sự trôi lăn. Chỉ phá vọng chấp thì tìm tội không thật có, các không thật có, gượng gọi là lý không.

Nói tánh không là hạng tiểu cơ trí kém, không thật có tức pháp thấy không. Phải đợi chia chẻ cùng tột tánh thể của pháp, sau đó mới không. Trong đó phải chia ra lợi độn.

Lợi thì thể pháp tức không.

Độn thì chia chẻ pháp mới thấy không. Hoặc nói Hữu tông chỉ chứng nhân không, giả tông nhân và pháp đều không.

3. Thử trở xuống là phán vị. Tiểu thừa gồm thâu Thanh văn, Duyên giác. Y cứ theo pháp sở thừa, Tứ đế, nhân duyên tuy khác, nhưng nếu nói về đoạn chứng đều thấy lý không.

Trong phần tướng không cũng có ba:

1- Nêu cảnh đồng như trước.

2- Trong phần năng quán nói tướng không là nói pháp vô tướng,

dụ như huyễn hóa. Người mê muội cho là chân cũng như hoa đốm trong hư không. Vì mắt nhặm cho là thật nên nói chỉ do tình vọng mà thấy.

3- Trong phần phán vị nói Tiểu Bồ-tát là tuy phát đại tâm nhưng chưa cùng tột bổn tâm.

Lập quán không các trần cảnh nầy như Bát-nhã giúp người sơ tâm.

Nói chiếu dụng là Nhị thừa trụ trong vắng lặng, chỉ chiếu tâm, Bồ-tát lăn xả làm các sự việc nên nói là chiếu dụng.

Nếu đối ba tông tức tương đương với Tứ Phần.

Đồng quán lý không nên nói là Tiểu. Chí kính mến Phật thừa nên nói là Bồ-tát. Mời gọi Phật tử là những ví dụ rõ ràng.

Trong Duy thức ba khoa đồng quán cảnh ở trước rất dễ hiểu.

Trong năng quán nói ngoại trần là tất cả cảnh giới.

Nói “vốn không” có hai nghĩa:

1. Cảnh tức tâm. Trong kinh Chiêm Sát chép: Tất cả cảnh giới từ xưa đến nay thể tánh tự diệt, không hề có cho nên nhân nghĩa như thế. Vì vậy chỉ nói tất cả các pháp nương tâm làm góc. Phải biết tất cả các pháp đều gọi là Tâm. Do thể chẳng khác vì là chỗ nhiếp của tâm.

2. Vì luống dối mà thấy, kinh nói: Chỉ do chúng sinh vô minh si ám, huân tập nhân duyên hiện cảnh giới luống dối, khiến cho sinh tâm niệm chấp trước.

Lại nói: Nếu không hay biết mà phân biệt được thì không có tướng cảnh giới mười phương ba đời khác nhau.

Luận Duy Thức chép: Chỉ có thức không có cảnh giới, vì thấy, như người mắt bị nhặm thấy lông như mặt trăng, v.v... các việc.

Nói: “Thật chỉ có thức”: Nói chỉ (duy) là ngăn ngoại cảnh, nói thức là bày trong tâm. Hoặc chân vọng hòa hợp là thức A-lại-da, nghĩa là chân có thể tùy duyên cùng khởi với vọng.

Hoặc nói chân thức tức chân tâm thường trụ vốn thanh tịnh, tức là cảnh giới Trung đạo nhất thật.

Nhưng tu quán có hai:

1- Thẳng vậy quán chung: Nghĩa là quán niệm tánh tức là chân thức. Thể kia thanh tịnh bình đẳng cùng khắp, gồm nhiếp các pháp, sinh ra vô tận rốt ráo một tướng vắng lặng thường trụ.

2- Trải qua sự quán riêng. Trong tất cả thời tùy duyên động niệm. Y, thực, bốn oai nghi hoặc thiện, hoặc ác đều có thể rõ biết, do một thức lưu biến. Như quán chung ở trước chính là chỗ tu của bậc Thượng trí thâm vị. Kẻ sơ tâm đời mạt pháp chỉ có quán riêng ở sau là chỗ cơ

giáo.

Trong phần phán vị: Hai câu trên nêu thù thắng: Đối với thô tiện ở trước nên nói là sâu mầu.

Nghiệp Sớ chép: Kẻ sơ cơ thấp kém chấp vào giáo cho rằng cảnh giới là không (tức Tiểu Bồ-tát), rõ cảnh vốn chẳng phải là tánh Duy thức (tức vị nay).

Lại trong sao chép: Kẻ độn căn khi thấy không chẳng phân biệt được sắc (nghĩa là Tiểu Bồ-tát, không đồng Nhị thừa chia chẻ sắc). Người có trí biết Duy thức chẳng phân biệt không (tức phân biệt với tướng không). Ba quán hướng về nhau. Cạn không biết sâu, (tờ 351) sâu ắt gồm cạn, vì thế ở sau gọi Duy thức tức là viên quán.

Hai câu kế là chánh phán.

Đại Bồ-tát là từ Sơ địa trở lên.

Cố trở xuống là đại chúng, kia cho rằng: Năm mươi hai vị gồm có bốn vị:

Luận chép: Tất cả pháp dùng thức làm tướng, chân như làm cảnh (cảnh tức là thể).

- Y theo cảnh giới này tùy tâm tin ưa nhập vị tín nhạo (Đây là bốn mươi địa vị gia hạnh: Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi hướng).

- Như lý thông đạt được nhập kiến vị (tức Sơ địa).

- Có công năng đối trị tất cả chướng, được nhập Tu Vị (tức Nhị địa đến Thập địa).

- Xa lìa chướng cấu, được nhập địa vị cứu cánh (từ Bát địa đến Phật địa).

Chỗ tu của vị, đầu tiên gọi là Ảnh tượng Duy thức. Chỗ tu của ba vị sau gọi là Chân Duy thức.

Hỏi: có người nói rằng Duy thức Quán Nam Sơn phán vị rất cao. Lại nói: Vị cao không tội, đâu cần phải sám hối, ý kia thế nào?

Đáp: Luận văn có chép: Duy thức chung cho bốn vị, kia trách Nam Sơn phán ư? Đây vì đặc biệt nêu vị cao để nêu lý nhiệm mầu. Phải biết pháp sám chính là hạ phàm.

Cố trở xuống là khuyên khiến nhậm trí mạnh yếu. Tùy sự quán duyên đâu khiến chứng quả Phật mà hối tội?

Trước tu không thận trọng không đâu chẳng lỗi lầm.

Sau tiến cuồng phân biệt liền sinh khinh chê, lời nói gửi gắm có thức rõ ràng và cẩn thận.

Lại có người nói: Ở đề mục ghi: “Sám, là sáu tụ pháp”, kia nêu ra

sự lý sám phải không?

Đáp: ở đây lại không hiểu hai giáo hóa và hạnh, tội sám cần nhau. Nếu ý chỉ y theo hóa sám thì chế tội không quên. Nếu y cứ chế khoa thì nghiệp đạo hoàn toàn còn. Vì thế phải biết hóa và hạnh đều dùng thì khiến cho nghiệp và chế đều dứt.

Sau nói rằng: Năm chúng phạm tội, hai duyên lý sự.

Lại nói: Thiên tụ y theo giáo tự diệt, nghiệp đạo nhậm tự tịnh ở đây.

Nêu tông không xen lẫn nên dùng sáu tụ để nêu đề mục, vì loại tùy nhau nêu ngại gì hai sám đều nói. Vướng mắc soi chung, vô sự chuyên ngung.

Trong phần kết cáo: Đầu tiên là nêu kết bày, y cứ lý sâu cạn, y cứ mạnh yếu, phải lượng phần mình tùy sức mà tu. Nhưng đời mạt pháp chúng sinh mê muội, ít gặp người căn khí lanh lợi, đối với sự hành còn chưa kham nhậm, huống chi ý rõ được huyền môn ba quán.

Than ôi trở xuống là dẫn chứng.

Bài kệ kinh Hoa Nghiêm, câu đầu nêu tướng tội.

Nói: "Tất cả" là gồm mười điều ác. Có công năng chướng ngăn thiện đạo nên gọi là chướng. Sóng sâu rộng nêu dụ như biển.

Câu kế nêu chỗ sinh; không nói duy tâm chấp trước cảnh vọng tưởng ở trước.

Nửa bài kệ sau nêu pháp sám hối câu trên.

Câu dưới là nêu pháp.

"Phải cầu": Là nêu trí năng quán.

"Chướng chân như": Nếu y cứ theo luận chung thì gồm ba lý trên, nếu y cứ ý kinh thì riêng về Duy thức.

Cố trở xuống là nói Đại sám.

Ngồi ngay thẳng niệm thật tướng.

Ngồi ngay thẳng là tịnh duyên; niệm là năng quán.

Như trở xuống là kết khen ngợi.

Theo kinh nói rằng: Các tội như sương móc mặt trời trí tuệ có công năng tiêu trừ. Vì thế cho nên phải dốc lòng siêng năng sám hối tội lỗi của sáu căn.

Nửa bài kệ trước là nêu công năng cao siêu. Nửa bài kệ sau là khuyên mọi người phải siêng tu.

Trong phần khuyên tu:

+ Khoa đầu: Trước nêu hai cách sám khác nhau.

Phước thuận sinh: Trời, người hữu lậu vì thuận theo sinh tử.

Đạo ngược dòng: Ba thừa vô lậu vì ngược với sinh tử.

Xuất nhập y cứ quả đã đầy đủ. Trí ngu là căn cơ năng tu, hư thật là nói về hạnh tu. Mỗi mỗi phân đối sự lý, sự cạn sâu của hai cách sám rất dễ thấy. Cố trở xuống là chánh khuyên: Văn nêu tâm luận khiến tự quán lượng. Ưa tội tu sự là chuyển ngu thành trí. Ưa phước tu lý là chuyển độn thành lợi. Lý chung cạn sâu thì lợi có mạnh yếu.

+ Khoa kế lại có hai:

1. Nói đạo chúng (năm chúng xuất gia) chung cho hóa chế.

Trước gồm nêu, sự vâng theo luật chế, lý chiếu nội tâm nên nói là hai duyên. Duyên tức là quán. Sự trở xuống là giải thích riêng.

Nói: “Sự thì thuận giáo”: Khởi luật sám trải qua sự duyên cảnh, thường chiếu khởi tâm.

Biết chỉ có bổn thức tùy duyên lưu động đến lý, cho nên nói là không trái Duy thức.

Nói: “Lý thì đạt vọng” tức rõ được tâm nầy. Vọng duyên từ nơi cảnh khởi, đạt cảnh tức tâm. Ngoài tâm không có cảnh, chỉ có một chân thức thanh tịnh bổn nhiên, vì thế nói rằng ngoài trần vốn không.

Từ cố trở xuống là dẫn chứng:

Câu: “Tức luận Nhiếp Đại thừa, Duy thức không mất”: Là chứng được duyên lý ở trên.

Câu: “Không đâu chẳng có năng thủ, sở thủ”: Là dẫn chứng sự duyên ở trước.

Năng thủ là tâm, Sở thủ là cảnh.

Đây là trừ chấp. Sợ rằng nghe lý duyên liền cho là tự tâm không động, sợ cho là không cảnh liền cho là cảnh giới đều chung.

Nay người ngu hiểu lầm Phật thừa, đều cho là lý quán vắng lặng như vậy. Không nghĩ rỗng chẳng không có cảnh, lấy bỏ không được, năng sở đều quên, mênh mông vắng lặng liền là chân như, mặc tình buông lung là diệu dụng. Do đây không lạy tượng Phật, không tụng Chân kinh, hủy giới phá trai, uống rượu ăn thịt, khoe khoang là đại đạo truyền hóa nơi người. Nghiệp ác gieo nhau, dắt dẫn phần nhiều tu tập. Đây chính là suy đoán luống dối, điên đảo luân hồi. Đâu biết thông đạt pháp đều là chân, ngại gì không tịnh. Rõ chân tức dụng, nào ngại tu hành. Vì thế cho nên ngộ lý thì muôn hạnh đều tu, dính mắc sự thì một mảy may không lập. Tự không thông giám thì còn nói gì?

2. Từ nhược trở xuống là nói tục chúng (chúng tại gia) hạn cuộc hòa giáo.

Đầu tiên là nói được. Hai kinh phước, đạo gọi chung là hóa giáo.

Phước kinh như Phật Danh, Phương Đẳng.

Đạo kinh như Bát-nhã, v.v...

Quảng trở xuống là nêu bày.

Hành pháp của phàm thánh, xưa nói thiền sư Đạo Chỉnh soạn, chưa thấy bổn văn. Có khảo cứu giáo quán các Tổ không đâu chẳng thích hợp căn cơ. Chính là ý chỉ diệu quán quyết bạch tự tâm. Phân biệt Đại Tiểu, lựa chọn thiên viên, trải qua địa vị cạn sâu, hợp đạo thứ lớp.

Chỉ có bộ Ma-ha Chỉ Quán của ngài Thiên Thai là đáng để tâm. Nhưng đời mạt pháp hoằng truyền biến thành danh tướng, vì thế khiến cho chậm tiến, không nhờ đâu mà chứng ngộ. Muốn rõ ràng thì phải tìm cầu bậc minh triết.

Kế là nói về Chế sám. Trong pháp Ba-la-di, trước nêu nghiệp báo, muốn giúp cho người phạm biết lỗi cầu xin sám hối. Xem trong kinh Phật, trước nêu quả báo. Một trở xuống là nêu tội: Một là dứt sở y. Hai là ngăn trí giải. Ba là tám chánh tín. Bốn, năm là thắng cảnh của tội trộm cắp. Vật của tăng chú trọng ở Tam bảo. Vật của tăng có bốn, nay phân biệt vật của Thường trụ, thường trụ là quan trọng nhất.

Vật của người tin phụng cúng thí cho nên nói rằng: tín thí phạm tội nặng, không phải Tăng ăn thì thành tội trộm cắp.

Sáu, bảy lăng nhục bậc Tôn thượng.

Nếu nói giới chướng quyết y cứ về cảnh tịnh.

Sáu thân là y cứ theo kinh chỉ nói dụ em thân thích. Nay văn thay đổi để thâu chung.

Tinh trở xuống là chỉ rộng. Hãy đem bảy lỗi phản chiếu thân tâm, nếu có phạm đâu không sợ ư?

Kinh Niết-bàn nói văn có ba:

1- Nêu tội báo.

2- Từ nhược trở xuống là nói tâm phạm:

- Đầu tiên y cứ hộ pháp nói phá là không phá vì nghiệp lành nhiều, tâm phạm nhẹ. Đây là y cứ hóa giáo nên nói không phá. Nếu y cứ theo chế giáo thì thành phá cũng muốn tiến đến hộ pháp kia.

Câu "chưa xả viễn" nghĩa là đối với Phật pháp còn luyến mến.

- Kế từ nếu phạm trở xuống là y cứ về hoại pháp nói là phạm. Nói nhiều lỗi lầm là nói trong Phật pháp có nhiều lỗi lầm.

Nhất-xiển-đề, Hán dịch là vô tín (không có lòng tin).

3- Từ: Vân trở xuống là nêu pháp hối.

Đầu tiên là nêu câu hỏi. Vì trở xuống là lời đáp.

Giải thích ban đầu nói sám: Là hiện báo liền thọ, nghĩa là chuyển

nặng thành nhẹ.

Hoành nghĩa là phi hoành.

La giống như đọa.

Nếu trở xuống là nói không sám: sinh báo mới thọ.

Kinh ấy nói: Nếu không quán thân vô thường thì gọi là không tu thân. Nếu không quán giới là cầu thang gọi là không tu giới. Không quán tâm tháo động chế phục gọi là không tu tâm. Không quán trí tuệ có công năng cắt đứt gọi là không tu tuệ.

Kế là nói pháp sám.

Trong phần nói về khác, khoa dẫn văn của bổn luật từ các trở xuống là nêu hai cách phán xưa và nay. Đầu tiên chỉ lỗi xưa. Câu "xưa giải thích đều không che giấu": Nghĩa là phạm rồi, không có một tâm niệm che giấu mới khai, có tâm che giấu thì không khai. Lại thấy trong luật, pháp sám do phạm giới dâm làm duyên. Liền cho rằng chỉ có giới dâm là khai cho sám, còn giới trọng khác thì không khai, vì thế nói là: Có phải trái.

Nay trở xuống là nêu cách giải thích nay.

Hai câu đầu nêu ý của lời dạy. Lập giáo tiếp cơ không thể che lấp nên nói rằng lý không dính mắc kiết.

Từ đãn trở xuống là hiển bày chánh giải. Nghĩa là đã phạm nhiều tội quyết phải sám hết, vì thế nói là đều không che giấu.

Ba là từ bất trở xuống là phân biệt riêng.

Tội Tăng tàn không cho sám hối hết, văn lại có ba:

1- Nêu thẳng khác nhau.

2- Sơ trở xuống là so sánh hai thiên khác nhau, do đó có ba thứ sai khác:

1/ Phạm tội nặng vốn hoại

2/ Hối nêu ra tự tâm

3/ Ức chế khiến đầu tận.

Tội Tăng tàn trái với trên:

"Nói có dư" là trái với một ở trên. Được gượng gia pháp là trái với hai trên. Tùy hiển tùy sám là trái với thứ ba ở trên.

3- Từ có trở xuống là nêu các điều khác, tức trái với ba nghĩa trên.

Hai nghi tức chỉ pháp sám của hai thiên khác nhau.

Trong phần nói "cần phải trị", luật Tăng-kỳ có ba:

1/ Chỉ tâm sám hối

2/ Từ linh trở xuống là nói khai sám

3/ Tỳ-kheo trở xuống là nêu pháp hành.

Đầu nói đồng hành. Kia đây không tịnh là xúc xưa đồng. Cố trở xuống là nói hành riêng.

Nói: "Được thọ thực": Vì không đồng với vị sau.

Nói: "Trừ hỏa định" vì khác với vị sau.

"Cho đến vàng bạc": Vì khác tịnh nhân.

Đúng "như pháp khất": Tức tâm sám hối.

Phật trở xuống là phân biệt pháp hành.

Đầu chỉ chung cho đồng hành

Tại trở xuống là chỉ cho không đồng hành, hành có bốn:

1/ Thứ lớp ngồi.

2/ Nằm ngủ.

3/ Bỉnh ngự.

Cho nên chỉ khai hai pháp: Cốt yếu của trụ trì không thể tạm bỏ việc không xong.

Còn lại không khai vì không có hạn chế, cho tìm cầu riêng.

4- Thọ tuổi. Tuy y theo thứ lớp hạ lạp của Đại tăng nhưng không ngại tăng hạ lạp.

Cho nên trở xuống dẫn luận, quyết định thực hành pháp trên, chẳng phải thường khai.

Trong luận Tỳ-ni Mẫu chép:

1/ Nói được pháp.

2/ Từ danh trở xuống là nêu phục bổn.

3/ Từ đản trở xuống là nói không có thắng dụng.

4/ Từ nhiên trở xuống là nói chướng khổ đời sau.

Câu "Trị thiền bệnh y kinh thoát trước y" là nêu chỗ thấp hèn.

Cho nên "sinh hổ thẹn" là nêu tâm sám hối.

"Cúng tăng đẳng giả sự chiết nhục" là nêu rất chí thành.

Kinh có hai quyển, kinh chép: Sau khi trừ phẩn tám trăm ngày, tắm gội đắp y Tăng-già-lê vào tháp quán tượng. Nếu thấy tướng tốt khiến tụng giới tám trăm biến thì được trở thành tỳ-kheo thanh tịnh.

Hỏi: Đã sám hối thanh tịnh vì sao không được tính đủ số?

Đáp: Giới đức kém cỏi cho nên không nhậm tăng dụng.

Hỏi: Đã không đủ số thì khai sám làm gì?

Đáp: Nếu không cầu xin sám hối thì cả hai tài pháp đều mất.

Tăng phải diệt tẫn, nhờ sám hối thanh tịnh nên được nhập vào trong tăng nhưng không đủ số. Lại có thể trừ được chín trăm hai mươi mốt (921) quả báo địa ngục và sáu mươi ngàn năm khổ địa ngục, vậy

không có lợi ích hay sao?

Hỏi: Ở đời đều nói rằng: Tiểu thừa không có văn sám hối tội nặng, nay vì sao trong các luật khai cho sám?

Đáp: Luật khai sám là đồng tài pháp và chướng quả báo đời sau. Nếu thể hoại không nhậm tăng dụng, không phải bổn vị thì đồng như không sám, cho nên nói là không, chẳng phải nói không cho sám hối.

Hỏi: Y theo hóa giáo đối với hai sám lý sự, tội được thanh tịnh chăng?

Đáp: Nếu tu lý sám thì tội không đâu chẳng trừ. Nếu tu sự sám hoặc không trái pháp hành, hoặc được tướng tốt, tội nặng được trừ như Phật Danh, Phương Đẳng, Hư Không Tạng, trị bệnh thiền, v.v... các kinh đều có văn.

Hỏi: Nếu y theo lý sự sám hối, thì chế tội có diệt trừ chăng?

Đáp: Có diệt hay không thì khó biết, phải ý theo giáo phán. Hóa sám tâm nghiệp, chế sám trái giáo. Y theo đây biết chế tội không diệt.

Hỏi: Được tướng thanh tịnh có thể tính đủ số chăng?

Đáp: Sự sám được tướng chính là theo hóa kinh. Đủ số tác pháp tự là luật chế, cả hai không liên quan nhau, đâu được nghi ngờ.

Người xưa nói: Đâu thể dùng đại số sám tội Ba-la-di cho là đủ tăng số Tiểu thừa.

Muốn phân biệt hóa chế, có bốn trường hợp:

1/ Nghiệp diệt, chế không diệt.

2/ Chế diệt, nghiệp không diệt.

3/ Nghiệp và chế đều diệt.

4/ Chế và nghiệp đều không diệt.

Suy nghĩ sẽ thể thấy.

Hỏi: Có người nói rằng theo kinh Hư Không Tạng thì được tính đủ số; có đúng vậy không?

Đáp: Đây là vì không phân biệt hóa chế.

Hỏi: Có người nói rằng theo kinh Sơ Giáo, trong ba mươi vị tăng sám tội nặng thì được nhập vào số tăng, có đúng không?

Đáp: Đây là dẫn kinh hư ngụy không đáng làm chỗ y cứ, như lời tựa đã phân biệt.

Kế nói về lập pháp.

Trong phần trần khất, luật khiến giáo xin, sự đồng với thọ đầu tiên. Dầu tự mình cũng có thể được nhưng cũng cần người khác dạy.

Hỏi: Vì sao ở đây nói sám tội, kia nói xin giới?

Đáp: Giới căn bản đã mất, phải theo tăng thọ lại, trọn đời xin

vâng giữ, tức là sám hối.

Hỏi: Nếu như vậy, phạm tội chưa sám hối thì không còn thể sao?

Đáp: Theo trên nói thì thể vốn không mất nhưng năng lực kém yếu vì thế phải thọ lại.

Còn lại như trong thiên tụ có nói:

Trong phần nói về hành tướng:

Khoa đầu: Văn trước chỉ đồng, Duy trở xuống là hiển bày khác. Tức nhị ngũ đoạt trí năng trung không được thuyết giới (Bồ-tát). Nay theo Già Luận thì chúng không: được hai pháp Bố-tát và Tự tứ, phải biết không đủ số người thì khai cho Bố-tát, chỉ một việc nầy là khác.

Khoa kế: Nói "đến hay không tùy ý": Hơn trước tài pháp đều mất, khác chúng thanh tịnh không đến không được.

Trong phần ba:

- Đầu tiên nói bổn thiên phạm nặng, lại phải đồng chủng tội mới được gọi là nặng.

- Kế từ nếu phạm trở xuống là nói thiên khác phạm nặng chính là nói dẫn chứng, trong văn rất dễ thấy.

Trong phần kết thúc nêu bày:

- Đầu là chánh kết, kế từ bất trở xuống là nói xưa sai.

Trong phần thứ hai: Sám hối tội Tăng tàn, đối trị, hai tội đều phải trước trị tình lỗi, tình tức là tâm.

Theo luận thì các thiên đều lỗi, nhưng thiên đầu nặng, dầu có sám cũng không có công dụng. Thiên sau các lỗi thể không nặng lắm, chỉ thẳng sám bổn tội không nhọc dự trị. Tội Tăng tàn gần như tội nặng, sợ hoại bổn thể, sự cần phải nhiều, không thể xem nhẹ. Chỉ một pháp nầy khác với các thiên khác.

Đầu tiên, trong phần tâm lỗi, hai nghĩa trái nhau.

Trước y cứ về tâm tội, sau là nói trị phạt.

Dẫn tiếp Luận, tỳ-ni Mẫu giải thích riêng tên kế.

Trong phần hai chú thích nêu trước sau đồng với sự phân biệt xưa.

Trong giới sớ y theo tội Tăng tàn lại phải sám hối sau.

Trong phần ba, đầu tiên là dịch tên. Tiền trở xuống là giải thích nghĩa, lại có hai:

1/ Nêu hai nghĩa.

2/ Từ do trở xuống là nêu lý do kia.

Trước tiên là nói: "Tự hỷ, nói tiền hỷ" nghĩa là hành che giấu trọn ngày.

Thiểu nhật tức là sáu thời.

Chúng trở xuống là nói Tăng vui mừng.

Trong phần bốn, trước dịch tên có hai:

1/ Tên đầu là do Tăng yết-ma được nhập hai chúng.

2/ Tiên kế từ như trở xuống là luận giải thích.

Trong luận: Hai câu trên là sinh thiện diệt ác, câu dưới là do Tăng trừ diệt.

Không đọa chỗ tội nên nói rằng khởi khứ.

Kế nói nghi sám hối gồm chỉ bày.

Trong văn, trước dẫn bài kệ trong luận, sau dẫn luận giải thích. Trước nói người phạm cầu xin sám hối. Từ nhược trở xuống là chế Tăng biết pháp, văn nêu năm phần, tức là bốn pháp: Một, hai và năm đều thuộc sự sở bị. Ba là nhân; bốn là pháp. Tập trung người gia thêm pháp, nghĩa gồm cả xứ. Giải thích danh tướng đều thấy ở văn sau.

Trong phần giải thích tên chung có ba:

1/ Giải thích việc đã phát khởi trước.

2/ Từ hựu trở xuống là giải thích Đề-xá-na.

3/ Từ dục trở xuống là giải thích chế ức trì.

Trong phần một lại có ba, đầu tiên là giải thích tên, vãng trở xuống là giải thích nghĩa:

Trước y cứ về trước phạm trái lại hiển. Kế là y cứ sám hối thuận giải thích. "Ước già tương tục" nghĩa là dùng thiện để ngăn ác. Thọ là thọ thể, trì là tùy hành.

Thị trở xuống là tổng hợp.

"Đề-xá-na" cũng là tên chung của sám hối.

Phương thứ nhất khoa đầu:

Trước y cứ nghĩa lược giải thích.

Cố trở xuống là dẫn luật giải thích.

Trước nói chế quán sát. Nhược trở xuống là nói đủ duyên thành phạm. Duyên chung có ba, duyên riêng có hai, đều lược nêu mà thôi.

Ư trở xuống là nêu chung các giới còn lại.

Quảng trở xuống là chỉ rộng kia.

Luận do Phật Đà-ba-la soạn.

Luận này nói rộng mười ba tướng tội.

Kế, trong phần giải thích nghĩa: Đầu tiên nói luận, giải thích thì căn cứ Luận Minh Liễu ở trước, hội giải thích tông nầy, vì thế nói là y theo luận giải thích luật.

Muốn nói văn luận tức là giải thích hai duyên của luật.

Khủng xuống là nêu ý luận.

Tăng trở xuống là dẫn chứng.

"Hữu tội tri" nghĩa là biết phạm.

"Vô tội tri" nghĩa là biết không phạm.

Văn chung các tụ, không hạn cuộc thiên nầy. Chỉ dùng hai tri hữu vô để dẫn chứng, cần phải quán sát.

Trong phương thứ hai:

Khoa đầu: Trước nói thành che giấu.

Nói "Tăng tàn tội kiến" nghĩa là tự biết có phạm, kế nói không thành che giấu.

Kế đối luật giải mười môn.

Trước nói hình sai, nghĩa là bỏ đạo trở về thế tục, với hình phục khác.

Trong phần ba có hai: Trước nói không thành căn bản, kế từ hoặc trở xuống nói không thành che giấu.

Trong năm, luật Thập Tụng nói mười sáu người các thứ không cộng trụ, tức quở trách đồng bốn người yết-ma.

"Cho đến": Tức là lược Thức-xoa, Sa-di. Nghĩa là cùng những người như trên cùng ở, không có tăng thanh tịnh.

Đã không thành phát lộ thì che giấu cũng không thành.

Già Luận nói năm người năm phần tri thức nhiều chỗ dù có Tăng thanh tịnh cũng không thành che giấu.

Phần sáu nói "nghiệp đợi thời" là gồm người và phương.

Nói đợi thời là hoặc bị duyên sự cách trở chưa rảnh để phát lộ, hẹn sau sẽ phát lộ.

Đợi người là tìm người biết pháp.

Đợi phương là lựa chỗ tốt.

Đều cho là hẹn tâm muốn phát lộ nên không gọi là che giấu.

Phần bảy: Do cảnh trước tôn thắng không thể xem thường.

Phần tám: Trước nói có tâm. Bất trở xuống là chánh nêu vô tâm, có hai:

- Y cứ vào biết mà vô tâm.
- Y cứ vào quên mà vô tâm.

Phần chín: Tuy không chánh phát lộ nhưng không che giấu.

Phần mười: Trước nêu ba tâm, đều không thể học mê.

Nếu học mê ngoài tội căn bản lại thêm vô tri.

Trong phần vô tâm ở trước nói: Nếu quên không thành nghĩa là biết phạm, quên không phát lộ. Đây là mê bổn tội không giống với trước.

Văn sau dẫn chứng rất dễ hiểu.

Mười môn trước hoặc nêu bổn tông, hoặc lấy bộ khác, hoặc y cứ theo nghĩa mà lập, đối chiếu văn rất dễ thấy.

Lại các thiên có che giấu chung. Nếu dùng mười môn nầy phân biệt có thành chăng, như vậy mà biết.

Trong phương thứ ba: Đầu tiên là nói tác pháp dùng tăng.

Trước dẫn văn luận:

Nói "Nghiệp tụ" nghĩa là tác nghiệp nhờ chúng.

Tụ tức là chúng.

Bốn bộ trở xuống là giải thích.

Bốn thứ tăng là:

1- Tăng bốn người.

2- Tăng năm người.

3- Tăng mười người.

4- Tăng hai mươi người.

Kế, từ nếu trở xuống là nói hành thời đối cảnh.

Một trường hợp là khi che giấu đối trước một người bạch.

Một trường hợp kế là sáu đêm phải ở trong tăng bạch.

Nêu tội không thể hành cho nên bạch một lần mà thôi.

Trong phương thứ tư; đầu tiên là nêu.

"Luận nghiệp" tức yết-ma.

"Tương ưng": Sự quyết phải đúng pháp không thể sai.

Trước sau đều nói học xứ: Tác trì, là hành pháp Thánh chế học.

Dĩ trở xuống là giải thích:

- Đầu tiên y cứ về sự lựa chọn pháp.

Pháp vị có ba: Đơn bạch, Bạch nhị và Bạch tứ.

- Tựu trở xuống là nói dùng pháp nhiều ít. Tuy chung cho bốn pháp nhưng không cần dùng hết. Vả lại, gồm nêu cho nên nói vị cùng tột có bốn. Nhưng bốn vị nầy có nhất định và không nhất định. Biệt trụ và Bổn nhật tùy có thực hành, hai trường hợp này không nhất định. Sáu đêm và xuất tội, hai trường hợp nầy là nhất định. Bốn đối trị trước và chánh sám sau đều nói là các vị, vì thế ở đây nêu ra:

Trong phần năm, trước là dẫn luận.

Nói "một ngày đêm" là nêu ít so sánh với nhiều, cho nên nói là đẳng.

"Vi hiển đẳng" nghĩa là trong một ngày một đêm che giấu thì phạm tội che giấu.

"Tu địa vị túc trụ": Tức thực hành biệt trụ.

Không che giấu thì không có tội che giấu. Chỉ hành Ma-nại tức sáu đêm.

"Địa": trở xuống là nhặc lại răn, có hai:

1- Chánh giải thích: "Xứ sở danh": Do thực hành biệt trụ trong một phòng.

"Đẳng tứ vị": là nêu chung các vị.

Ma-đa, Ma-na-đỏa, là tiếng Phạm Chuyển.

Từ tức trở xuống là nêu bày. Đây cùng phương thứ hai xen lẫn nhau. Kia y cứ có che giấu để lựa thành chăng. Ở đây nói có không để nói dùng thuốc, vì thế khác nhau.

Trong phần hiển cách nghĩa là có chín đoạn: Năm đoạn trước tức y theo luận Minh Liễu nói năm phương. Bốn đoạn sau tức y theo văn luật. Riêng lập, hợp luật luận trình bày hành sự cho nên trước nói là cách nghĩa, đây là nêu nghi sám.

Khoa đầu có ba:

1/ Nêu bày.

2/ Từ danh trở xuống là giải thích. Danh là đồng tên chung của thiên, vì thế nói là Tăng tàn.

"Chung" là biệt tướng mười ba, cho nên nói lậu thất (có chỗ nói lậu thất chủng loại dâm là sai).

"Tướng" nghĩa là số mục thành phạm, vì thế nói là nhiều ít.

3/ Từ luật trở xuống là dẫn chứng. Một tên dẫn chứng tên chung. Nhiều thứ dẫn chứng tướng riêng. Mười ba là một tụ, không xen lẫn với đây nói là trụ biệt dị.

Trong phần ba nói "năng trị" tức thuộc loại tăng thứ tư là tăng hai mươi người.

"Sở đối" tức khi hành sám nương cảnh một người và tăng.

Trong phần chánh nói thứ sáu:

Khoa đầu:

- Trước nói từ ngắn theo dài.

- Kế từ nhược trở xuống là nói vì quên thọ.

Khoa kế: Trước dẫn luật Tăng-kỳ nói thứ lớp

"Vô tuế thời" tức mới thọ chưa được tuổi hạ.

Trong phần ba: Đầu là dẫn văn, kế từ cho nên trở xuống là y cứ theo mà sắp xếp. Phát lộ ra mình không giữ, người khác biết mà thôi.

Trong phần bảy:

- Đầu là bổn luật: Chỉ nói sám chung, còn sám riêng có thể biết. Vì thế trước nói ba trường hợp.

1/ Số nhớ quên.

2/ Tâm phát lộ.

3/ Đồng tên mà khác loại.

Ba trường hợp này đều được sám chung.

- Kế, từ hựu trở xuống là dẫn che giấu một ngày, từ ngắn theo dài, cũng tức là sám chung, gồm với trên thành bốn.

Trong luật Tăng-kỳ: Trước là gồm nêu, sau từ như trở xuống là hiển bày tướng.

- Trước y cứ mười ngày, một ngày phạm tội Tăng tàn đều không phát lộ. Ngày thứ mười phạm thì che giấu một đêm.

Ngày thứ nhất phạm thì che giấu mười đêm.

- Ứng trở xuống là chánh nói chung và riêng. Mười lần là riêng, một lần là chung.

Trong luật Thập Tụng chép: "từ khất yết-ma phải nhắc lại số ngày che giấu": Sợ cho rằng sám chung tác pháp thông mạn cho nên dẫn quyết nghi.

Trong phần thứ tám nói oai nghi: Trước nói nghi thức nhập chúng. Kế từ tự trở xuống nói phát lộ quở trách.

Lại ba, trước là xót thương trách chỗ đã phạm, hoặc phát ra lời than thở.

Nói: "Như luận trên" là chỉ trong Thiên tục đã dẫn trong luận Tỳ-ni Mẫu. Lại trở xuống là ưa thích chỗ khai hối kia. Trên nói ưa khai Thánh giáo. Dưới nói vui vì mình đã phát tâm. Như thị trở xuống là dạy sự ân trọng kia.

Bốn mặt trở xuống là nói lập lễ trình bày lời xin.

Lời xin có năm:

1/ Dặn dò tăng phải chuyên ý.

2/ Câu kế tự xưng tên mình.

3/ Câu "Phạm cố đẳng" phát lộ tội đã phạm.

4/ Từ nay theo tăng trở xuống: Chính là trình bày chỗ khẩn cầu.

5/ Câu "Nguyện tăng đẳng" là cầu xin điều sám hối.

Trong phần yết-ma, văn chú thích, trước là khiến y theo đó dùng. Nhược trở xuống là xét chỗ thiếu trong luật.

Yết-ma xưa do ngài Đàm-đế nêu ra, nghĩa là nhà phiên dịch dùng để nhập luật.

Luật ấy chép: Đại đức tăng xin lắng nghe! Tôi là Tỳ-kheo....... phạm giới..... thuộc tội Tăng tàn đã che giấu. Tỳ-kheo...... phạm tội Tăng tàn tùy che giấu một ngày rồi, nay theo Tăng xin yết-ma che

giấu.

Nếu Tăng phải thời mà đến, xin Tăng bằng lòng cho nay tăng cho Tỳ-kheo.... yết-ma tùy che giấu một ngày, tác bạch như vậy.

Trong lời sao thì thêm và sửa đổi, so sánh sẽ thấy. Nhưng nói rằng: Phạm tội tăng tàn...... không nói tướng tội. Tùy che giấu một ngày, ngôn tướng không thiết thực, không đủ để y theo.

Trong phần nêu pháp thứ chín:

Khoa đầu dạy nêu có bốn:

1/ Nêu bày pháp yết-ma.

2/ Nêu đoạt hành.

3/ Nếu chấp sự.

4/ Nêu bạch cáo.

Đối văn mà phân chia.

Trong phần bốn: Đầu tiên là khiến gặp tăng.

- Ứng trở xuống là nêu việc làm.
- Nãi trở xuống là nói trụ xứ.
- Nếu chúng trở xuống là nói đồng lợi ích.
- Thân trở xuống là nói ngồi theo thứ lớp.
- Cho đến trở xuống là nói cung cấp.

Câu "văn đều không nêu ra" chỉ cho Thiên thầy trò.

Trong luật Thập Tụng nói:

- Một: Chế ở chỗ Tăng không đồng phần thứ năm ở sau (có chỗ nói rằng: Đây là y cứ khi chánh tác pháp, có thể hiểu rõ).
- Hai: Chế đồng phạm đều ngồi, sợ được đồng bạn tâm không hổ thẹn.
- Ba: Chế hiển xứ, văn tự nêu ý.

Trong phần năm: luật Thiện kiến, trước nói có duyên bạch pháp dừng. Nếu trở xuống là nói ngày xả đêm hành. Minh tướng chưa rõ phải bạch: Tức tương đương một ngày.

Trong luật Thập Tụng chép: Sáu đêm cũng khai bèn chế giới hạn một ngày. Trong bổn tông (tờ 354) bạch dừng lâu mau đều được.

Trong luật Tứ Phần:

- Trước nói bạch xả: Trước khai xả, sau từ nếu trở xuống là nói bạch thực hành.
- Kế, từ kia trở xuống là thọ lễ tác pháp sai. Trước nói đồng, sau từ loại trở xuống là nói chúng sau.

Trong phần sáu có tám trường hợp:

- Trường hợp một và ba đều ở ngoài chùa và không phải chùa để

phân chia.

- Trường hợp hai và bốn là đối với Tỳ-kheo khách ra vào để phân chia.

- Trường hợp sáu và bảy y cứ chỗ có người hoặc không người để phân chia.

- Trường hợp năm và tám đều làm một việc.

"Từ hành" nghĩa là bước đi chậm rãi, khoan thai.

"Phân biệt đi mau": Không bạch không phạm. Vì nhiều người đồng một nhà không ở riêng.

Lại trong tám trường hợp: Năm trường hợp trước và trường hợp thứ tám đều không bạch cho nên có lỗi. Trường hợp thứ sáu và bảy sự sai cho nên có lỗi.

Trong phần chú giải nói rằng "đã được" nghĩa là trước đã thực hành.

"Ngày chưa được" nghĩa là ngày đã mất. Nếu sau thực hành lại chỉ cần tiếp tục số ngày đã đủ ở trước.

Trong phần bảy:

1/ Pháp bạch một Tỳ-kheo. Đến chùa khác, Tỳ-kheo khách cũng y theo đây mà bạch.

Trong lời bạch chép rằng: "Đại đức tăng xin lắng nghe" là chép lộn, nên bạch: "Đại đức nhất tâm niệm vì ở đây chỉ bạch một người".

2/ Từ: Nếu năm người trở xuống là pháp bạch nhiều người. Nếu y cứ theo đối trước tăng, bạch rằng "Đại đức tăng xin lắng nghe", mà bạch rằng: "Các Đại đức" do không phải pháp tăng.

3/ Từ: Có trở xuống là pháp bạch khách tăng.

Câu "trong có Tỳ-kheo, người có đức vọng": Người nầy khác với người bình thường.

4/ Từ: Kỳ trở xuống là chỉ cho pháp bạch tăng.

Câu: "Thuyết giới đẳng" là khi tất cả chúng nhóm họp.

Trong phần tám: luật Thập Tụng nói đến chùa khác.

Nói: "Nếu đến liền đi": Sợ trái với pháp bạch vì mất đêm.

Luật Ngũ Phần nói ra khỏi giới.

Trong phần chín, luật Tứ Phần nói muốn bạch không kịp chẳng phải ý cố khai.

Luật Thập Tụng chép: Trước nói thấy khách chấp nghi. Kế, là từ nếu trở xuống nói bị bệnh khiển bạch, vì câu lời lược thiếu, chỉ cho luật Tứ Phần tức chỗ dẫn ở trước.

Luật Ngũ Phần nói khi thực hành đối cảnh, chỉ phương thứ năm,

năm chữ lầm hợp thành ba chữ.

Trong phần bình luận:

Khoa một có bốn:

1. Than phiền pháp sám hối không thực hành:

Vào đời Tùy, đời Đường, các vị tăng tài giỏi rất nhiều, Phật pháp hưng thịnh còn nói rằng ít thực hành, huống chi đời mạt pháp nầy, đâu thể nói được?

Sáu tụ sám pháp bị mai một đã lâu, tăng đồ tạo ác vết nhơ không thể nói. Hoặc đến ngày Bố-tát thì ngồi yên lặng ôm tội lỗi cả đời đến chết còn không chịu sám hối. Đâu không phải là vị thuốc hay, thế mà chỉ giữ hơi độc để cho nó thâm nhập, không chịu khắc phục.

2. Từ "Bi phu túng" trở xuống là trách bỏ chế theo hóa, trước nêu lỗi, sau trách lỗi.

Ba câu trên trách lấy bỏ kia. Người chân thành vì đạo phải thực hành, không nên nhàm bỏ Tiểu, ham thích Đại.

3. Từ: Đãn trở xuống là nêu sám biệt kia.

Giai trở xuống là nêu tình trạng kia. Cho rằng chế sám chỉ định tướng phạm đối chúng chiết phục. Huống chi biệt trụ đoạt hạnh khổ dịch hổ thẹn không làm. Hóa sám không như vậy cho nên phần nhiều thực hành.

"Nghiệp do tu kiết" nghĩa là tạo nghiệp tự ràng buộc, đối với người thì che giấu. Che giấu cho nên tội chứa nhóm trong tâm, vì chứa nhóm cho nên nghiệp càng nhiều, đây là tội chủng càng mạnh, không sám hối sao được.

4. Từ: Thử trở xuống là kết khuyên phải nên tu. Khoa hai, có hai:

1/ Không đủ có thể được chăng.

2/ Từ: Nhược hành trở xuống là nói ngày đủ y theo pháp.

Trong phần một: Trước nêu thuyết khác, hoặc nói thực hành đủ ngày, hoặc tùy thực hành ít ngày, hoặc đều không thực hành. Nêu bậc thượng căn lanh lẹ nên dùng pháp đầu tiên của Sư. Nếu kẻ hạ lưu căn cơ chậm lụt thì y theo luật Thập Tụng không thực hành biệt trụ, xuất tội được thành.

Nay theo pháp thạnh hành, vừa hợp thời cơ, lại không trái với Thánh giáo.

Kế từ: nay trở xuống là nói chỗ chấp ngày nay.

Đầu tiên là dẫn chỗ truyền, dùng chứng cớ kia.

"Thử" là dùng bộ văn hoãn của luật Thập Tụng để chứng giáo

gấp của tông nầy. Nghĩa cần phải theo nên nói là y cứ nhau.

Trưng là chứng.

Từ: Tuy nhiên trở xuống là y cứ nghĩa thêm sự sửa đổi. Đầu là dạy sửa đổi yết-ma.

Sau là các cách bạch yết-ma tức sáu đêm xuất tội, v.v...

Đương trở xuống là khiến bạch hòa tăng.

Hai lời yết-ma sau đều y theo, không chép đủ.

Trong phần nói về sáu đêm, chú giải có chữ "cánh" nghĩa là thực hành đã đủ ngày.

Trong yết-ma chép "như trước" là muốn hòa tăng, v.v...

Trong phần bạch cáo:

Khoa đầu:

- Trước nói pháp bạch tăng.
- Nếu khách trở xuống là pháp bạch một người.

Pháp bạch tăng lại có hai:

- Ngay tòa bạch:
- Ngày khác bạch.

Khoa kế:

- Trước nêu đồng
- Duy trở xuống là hiển bày riêng.

Biệt trụ không thường ở trong tăng phải, mỗi ngày phải bạch tăng. Nhưng hành pháp chế thì không được ngủ chung trong tăng, sợ thực hành xen lẫn nên chú giải.

Trong phần ba, sám đổi nên khiến cho phạm số. Đề-xá phần nhiều phạm việc cho là tình huống. Vì thế nói là: Ba-dật-đề, v.v...

Trong phần bốn chép: Đều hoại hai pháp. Vả lại, như trước phạm giới lậu thất, thực hành một trăm ngày biệt trụ, đã thực hành được một tháng lại phạm giới trước, thì phải trở lại một trăm ngày trị đó, nên nói là bổn nhật.

Sáu đêm cũng như vậy. Đã thực hành được năm đêm, lại phạm tội trước thì phải thực hành lại sáu đêm. Nhưng pháp bổn nhật trị không yết-ma riêng, chỉ lại thêm hai pháp che giấu và sáu đêm.

"Như nói rằng": là tùy yết-ma và trong sớ.

Trong phần nói về xuất tội: Xin và yết-ma đều trước là che giấu, sau là sáu đêm.

Sau nói rằng: Theo Tăng xin xuất tội mới đúng pháp nầy.

Lại trong phần nói về che giấu: Một là nói chỗ phạm, hai là từ hoặc trở xuống nói số ngày che giấu. Ba từ Dĩ trở xuống là lời xin. Bốn

là từ Tăng trở xuống là được pháp. Từ con pháp danh..... trở xuống là nói số ngày đã thực hành.

Trong phần nói về sáu đêm, có ba:

1/ Xin

2/ Được pháp

3/ Đã thực hành.

Đối chiếu kỹ yết-ma mà phân chia, thì không thể đọc lời thô. (Trong pháp thực hành sáu đêm, trước nói che giấu cũng vậy).

Trong phần răn nhắc:

1- Nói rộng về trì hủy. Sau khi Phật diệt độ, hơn kém có khác, y cứ thọ thì đồng mà hành quả thì hoàn toàn khác.

2- Từ Hành giả trở xuống là chánh răn nhắc phải sám hối, có ba:

1/ Vui vẻ khi người kia đã sám hối.

2/ Từ: Cố trở xuống là khuyên người kia phải bền chắc, trước dẫn văn khuyên.

"Ưng" là Tăng-kỳ, tiếng Phạm là Phùng-lại-xoa, Hán dịch là Vô Ưu, tức cây chỗ Phật sinh, dụ cho rất thù thắng.

Hoặc dịch là Thanh Liên Hoa, dụ cho thanh tịnh, thích hợp với ý văn.

Sau từ túng trở xuống là nêu nạn.

Khuyến luận tức bộ luật Thiện kiến.

3- Từ: Như thị trở xuống là kết nói tùy cơ. Tình trở xuống gồm nêu quả báo đời sau.

Kinh nói: Sau được làm người, lại chịu các quả báo. Huỳnh môn, hai hình, không căn, v.v... vì thế nói là v.v...

- Phần thứ ba của phần bốn xong.

- Phần thứ tư của phần bốn:

**TRONG PHẦN THỨ 3:: THÂU LAN GIÁ, TÙNG SINH:**

1/ Nêu tên.

2/ Nhược trở xuống là dẫn nêu bày.

Luật kia chia làm ba bậc.

3/ Sám hối đúng như văn.

Kế nêu hai thiên đầu, mỗi thiên có ba phương tiện

- Xa thì phạm Đột-cát-la, kế và gần đều phạm Thâu-lan-già.

Thâu-lan-già có ba phẩm:

- Sơ thiên gần là phẩm thượng.

- Sơ thiên thứ và hai thiên gần đều là phẩm trung.

- Hai thiên thứ là hạ phẩm. Pháp sám giống với Ba-dật-đề, như

sau sẽ thấy.

Trong phần nói về tự tánh:

Đầu tiên nêu tên. Không từ tội khác sinh cho nên nói là tự tánh, đương thể là quả nên nói là độc đầu.

Trong phẩm Thượng nói thức ăn và đồ dùng của tăng tức mười phương thường trụ, Thập phương hiện tiền là như khi chết, vật chưa yết-ma. Thông hướng về mười phương không đủ năm nghĩa. Vả lại, nêu bốn tướng đồng lấy trường hợp hai nghịch: Dâm phi đạo và sát phi nhân.

Trong phẩm Trung nói: "Phá yết-ma" tức là phân biệt pháp luận.

"Cảnh Tăng tàn" là người khác xuất bất tịnh.

Cho đến trong tội Tăng tàn, các quả Thâu-lan-già như trường hợp xúc chạm người hai hình, huỳnh môn, tóc răng đều thuộc phẩm trung.

Trong phẩm Hạ: Cộng ba chỗ là dưới nách, chỗ đại tiện, tiểu tiện.

"Quán hạ bộ": Nghĩa là dùng dầu bơ tắm gội phần dưới của thân.

Chữ "Thạch": Hợp với trước có chữ "mộc".

Bát gỗ đồng với ngoại đạo, bát đá thì xen lẫn với Phật.

Trong luật chép: Hễ việc gì có xen lạm với ngoại đạo đều chế tội Thâu-lan-già.

Như áo cỏ, áo lá, áo lông chim, áo da, thực phong phục khí thuộc phẩm hạ.

Luật Tăng-kỳ là phẩm hạ. Tứ Phần dạy người.

Thiên đầu quy về phẩm thượng. Thiên kế quy về phẩm trung. Vì thế nói là nặng nhẹ đồng như trên.

Kế trong nghi sám.

- Đầu tiên là xin, chia làm hai:

Trước dẫn luận chỉ bày cách xin, thỉnh đối hối chung cho ba phẩm. Thọ sám đơn bạch, ở đây hạn cuộc phẩm thượng.

- Kế từ: Nay trở xuống nói: Trình bày lời xin. Lại có ba:

1/ Nhóm tăng. Sám chủ tác bạch thọ sám cho Tăng. Sở lượng không nhập số tăng, vì thế phải có năm người trở lên.

2/ Nói đầy đủ oai nghi.

3/ Từ tiên trở xuống là chánh trình bày.

Trong lời xin, y cứ không nhớ lời nói, nhớ thì phải nói số.

Trong phần hai chép: "Tỳ-kheo thanh tịnh" là y cứ về người đó không có ba phiền não căn bản (tham, sân, si), hiểu thông luật tạng, phát tâm kính tin mới được thỉnh.

Trong phần ba: đáp Pháp rằng: "Tội trọng" là văn sai. Chữ tội đúng ra là ở dưới chữ già.

Trong phần bốn: "Chỉ trước sau": Trước là tội Tăng tàn, sau là Ba-dật-đề.

Trong phần năm: Lược các lời khác.

Kinh nói: Sám hối thì được an vui, không sám hối không được an vui.

Nhớ nghĩ tội phạm phát lồ, biết mà không dám che giấu, xin Đại đức nhớ nghĩ cho tôi được giới thân thanh tịnh đầy đủ, thanh tịnh Bố-tát.

Trong phần sáu: y cứ sau, hoặc nói: Thầy hãy tự trách tâm, đối nghĩa đều thông.

Trong phần bảy: Lập lời thệ nguyện, muốn dùng lời đáp liên tiếp với trên, vì thế nêu số ở sau.

Trong phần kết cáo:

- Đầu tiên là nêu chỗ nêu ra ở trước. Nghi thức trước chính là y theo văn của hai bộ: Bổn luật và Đa luận chung thành. Song kia đây thiếu lẫn nhau cho nên nói mỗi đề.

Theo văn luận trước có bốn:

1/ Xin sám hối

2/ Thỉnh chủ sám

3/ Bạch hòa tăng.

4/ Đối sám hối.

Thiếu bốn pháp nầy:

Bổn luật có năm thì không có một và ba, nên nói là không chỉnh đốn.

- Kế từ nay trở xuống là nói an cư, Bố tát.

Thả trở xuống là chung cho các tội khác.

Trong phần tiểu chúng:

Khoa đầu: Trước dẫn luật Thập Tụng để phán định. Do chủ sám bạch hòa, thân ở ngoài tăng cho nên không đơn bạch. Kế dẫn luật Tứ Phần giải thích chỗ ngại.

"Kia" là do riêng hướng về tăng gọi là Tiểu.

"Đây" là y cứ trong tăng đối sự dùng người làm Tiểu.

Sợ chấp văn kia cho là ngại, vì thế y cứ theo luật Tăng-kỳ nêu quyết định.

Quyển thượng là thiên Nhóm Tăng.

Kế, trong pháp sám, trước nói "cần phải xin" vì sám chủ chưa tác

bạch dụ như còn ở trong số tăng, nên chủ giải giống như trên.

Hai chữ "Dư giả" là chỉ cho sáu pháp sau.

Hai là lời hỏi nên hỏi rằng: Thưa các Đại đức! Nếu các Đại đức bằng lòng cho tội nhận Tỳ-kheo... sám hối thì tôi sẽ nhận (người còn lại đáp: Nhĩ).

Văn nêu bảy pháp, thỉnh Chủ sám là đầu tiên. Chỉ ở pháp thứ sáu hoặc bỏ, hoặc giữ lại không nhất định, hoặc có thể ý không lập. Muốn nêu bày hai phẩm Trung và Hạ thứ lớp dần dần thấp. Hoặc sợ Tăng v.v... Như vậy phải siêng năng, pháp một người ở sau rất dễ hiểu.

Trong phần sám tội Ba-dật-đề kết trước. Đầu nêu sự ít lý do. Nhiên trở xuống là nói ý phải nêu ra. Văn sau hiển bày rõ, văn trước có thể y cứ theo.

Trong phần sinh hậu nêu rằng bốn thiên, theo pháp sám sau nói rằng ba thiên. Nghi là lầm chữ Hoặc có thể tội Đột-cát-la, lìa ác tác ác thuyết. Hoặc có thể trong Ba-dật-đề khai ba mươi, chín mươi cho nên nói bốn mà thôi.

Trong phần chánh nêu bày, văn trước nói "Biết không nghi" là y cứ về người năng phạm (người phạm).

Thiện nghi danh chủng, y cứ người thọ sám phải biết.

Đồng thiên hợp sám thiên trước có thể như vậy.

Như trong tội Đột-cát-la: Che giấu và căn bản tuy là đồng thiên cũng không được sám, tụ khác rất dễ biết.

Khoa kế: Phải tùy nhớ và quên, không thể nêu một.

Trong phần ba lại có sáu:

1/ Trình bày ngu giáo.

2/ Từ hoặc trở xuống là nêu phi tướng. Sáu món tự phân phải trái là do không biết phạm.

Câu "Xin nói dự nhập thiên nầy" thì sám hoặc mê quên nghĩa là nghi không biết. Hoặc thắng chép mê vọng mà sám.

3/ Từ: Như trở xuống là kết nêu bày. Hoặc trái giáo phạm tội, hoặc không học không biết, cho nên nói rằng tội không thể tránh khỏi.

4/ Từ: Cố trở xuống là khuyên khiến y theo pháp. Nước cảnh thanh minh mà lại vượt qua nên nói là du (vượt hơn).

Kia là năng sám, đây là thọ sám.

5/ Từ: Hà trở xuống là giải thích lý do.

Ba quả báo là hiện báo, sinh báo và hiện báo.

6/ Từ: Dư trở xuống là chỉ rộng.

Trong ba mươi pháp vốn là pháp của Tăng do giới Tăng ít nêu

khai hai vị. Y cứ ở sau thì hai vị đều là pháp riêng. Nhưng sự nghi có biệt (riêng) cho nên cả hai phân chia.

Trong phần Tăng pháp: Tài là duyên phạm. Tâm là gốc nghiệp. Tội đây đã thành nghiệp, chắc chắn sẽ chiêu cảm quả báo. Tuy đủ ba món xả mới được tên, nhưng chỉ y cứ xả tài, ý chính ở xả tâm. Tâm xả tội trừ, y mới thanh tịnh, cho nên trả lại. Lập bốn khoa nầy, bao gồm hết các pháp sám. Trong xả tài, pháp xả khác nhau từ rộng đến hẹp, bốn giới trọng phân biệt.

Đầu tiên tăng ni đối nhau.

Tăng xả trở xuống là y cứ theo tăng phân chia tự tha. Lựa bỏ một giới bông tằm. Hai câu chia ra đạo tục. Kế là phân biệt chứa lưu hai giới.

Thông trở xuống: Phân ra thông và hạn cuộc, lại lựa một giới xin bát.

Nói hạn cuộc có hai:

1/ Hạn cuộc giới hiện tại.

2/ Hạn cuộc trong tăng.

Thông thì trái lại, vì thế nói rằng hai mươi sáu, v.v...

Trong phần định thể khoa đầu nói ba, năm:

Ba là lìa mua bán.

Năm là lại thêm xin thọ.

Ba trên là số cao nhất, hai thứ sau là kế. Vì thế nói là phạm chung chăng. Các giới khác không đâu chẳng có nhưng ít mà thôi.

Trong trường thể, khoa đầu: trước nói sáu vật. Nhược trở xuống là nói một trăm lẻ một vật. Thọ trì thì một bề không nói. Không thọ thì có nói và không nói, y, khăn v.v... tức đồng vật dư phải nói.

Tùy một trăm lẻ một vật: Như cùng thêm thọ pháp, đã thấy ở khoa trước. Đây nghĩa là một bề không cần thêm, vì thế phải phân biệt.

Cước âm cước là dép cỏ.

Mười sáu vật như: Búa, bình đều có hai.

Bồn (chậu), dù, muỗng đều có bốn.

Tăng Ni đều khai, nói và không nói khác nhau.

Trong phần ba nói “tùy vật trọng” là tùy thân chỗ cần tám uế thể sai. Chăn nệm dùng trọng, đã không nhập tịnh cho nên không có lỗi chứa dư.

Trong phần bốn, trước là chánh nói, Bất trở xuống là khiển trách xưa.

Đầu tiên dẫn lỗi xưa, nay trở xuống là nói rõ cách giải nay.

Đầu tiên nêu nghĩa chính. Bất trở xuống là phân biệt với bộ khác.

Luật Tứ Phần, luận Tát-bà-đa như trong giới chứa y dư có dẫn.

Trong phần năm: là năm món duyên, khai ba món trên đều chưa nhập, hai món dưới y cứ đã nhập.

"Nhiễm nhau chỉ cho trên": Cũng tức là giới chứa y dư.

Như trong mười ngày đều được y. Ngày đầu là năng nhiễm ngày khác là sở nhiễm. Đều tùy năng nhiễm mà xếp vào phạm.

Trong phần nói lìa y: Câu "Tùy hai, ba": Nghĩa là phải nêu tên khác.

Phi trở xuống là ngăn xen lẫn.

Trong phần nêu mua bán, ba việc gọi là tướng đều khác.

Giới trước đã phân không dẫn lại nữa.

Trong phần nói về nhập xả:

Đầu tiên nói vật khinh xả. Vì Phật đủ khai số vật phạm.

Kế: Từ Nhược trở xuống là nói vật trọng không nhập, do Phật không cho phép vì ít.

Trong phần chung và riêng.

Đầu tiên nói xả riêng, trả lại riêng, tội được sám chung: Từ nếu trở xuống lựa xả y có nhiễm và không nhiễm.

Trong ba mươi giới chỉ có năm giới. Chứa dư có nghĩa nhiễm, nghĩa là trong giới y có ba. Còn mười ngày nữa đủ ba tháng hạ mà cúng y và bình bát dư, thuốc dư là năm. Ở đây nói chứa dư phải xả hết. Lìa y, mua bán, xin, v.v... tùy xả riêng không kết nhiễm.

Trong phần "vong kiến" nghĩa là sám tội chứa y dư. Khi xả y quên không xả hết, đến lúc sám tội rồi mới thấy vật bị quên. Nhưng nhiễm và không nhiễm khác nhau cho nên phải phân biệt.

Trong phần chánh nói:

- Khoa đầu: Hai câu trên nêu nghĩa.

Chữ "quyết", lời ký xưa chép: Đây là lầm chữ, phải vết chữ ô (có chỗ chữ quyết ở dưới, đối văn không tiện).

Nhược trở xuống là phân biệt tướng nhiễm:

Đầu tiên nói không nhiễm vì nhập định, trước xả nói tịnh tức là hai pháp.

Kế: Từ nếu trả tài trở xuống là nói tướng nhiễm. Do chưa nói tịnh vì không có pháp lựa chọn. Tài vật trước tức đã sám. Xin, mua bán cũng xả. Nhưng khiến cho quên vật, đây là dư không nói xả vì dư mà không phải dư.

- Khoa kế: Đầu tiên nêu thấy vật khởi niệm ý muốn không nhiễm. Thử trở xuống là "đoạn phạm" nghĩa là vừa thấy vật bỏ xả liền có ý thuộc của mình, nên nói là trước sinh. Tâm trước đã nhiễm mới khởi

tâm thí, cho nên pháp là không thành.

Văn sau dẫn chứng: Xả nghĩa là sám xả.

Khiển tức trái lại với người không sám không thành thí.

Trong phần ba lựa chỗ quên kia. Giới khác vốn chẳng phải tham chứa, chỉ là thọ nạp trái phương cho nên không nhiễm. Ba dư trái với đây cho nên có nhiễm.

Trong phần bốn nói xả tài là sợ có chỗ quên. Quyết tâm định xả sau thấy thì không nhiễm tức phải đem giao cho người kia.

Trong phần nói về oai nghi:

Đầu tiên nói chỗ để y và vật.

Kia trở xuống là nêu nghi tướng xả y.

Trong phần đầu: trước nói khăn bịt đầu. Nếu trở xuống là nêu ly hợp. Trước nói được hợp: Nghĩa là trong ba loại khăn bịt đầu cất riêng đồng bịt. Sau từ hựu trở xuống nêu phải lìa vì là nhiễm. Chứa dư vốn có nhiễm vì tham lam cất chứa. Lìa chắc chắn không nhiễm vì thọ trì vật.

Tạp xả chung nghĩa là y cứ trước không nhiễm chỉ vì xả rồi trở lại nhập tịnh cho nên nhiễm, vì thế nói là chung. Nhưng y cứ xả tài chưa chắc có quên, chỉ muốn nêu bày ba phẩm khác nhau cho nên đều phải giảm, giải thích riêng. Lại vì trả tài vật có cách ngày tức khác với ngay nơi tòa cho nên phải mỗi chỗ. Lìa y tuy đồng tức ngay tòa vì thọ pháp tịnh khác, cho nên lại có hai phần.

Trong phần chánh thuyết:

Trước hòa tăng, tuy không bỉnh pháp nhưng phải vấn biểu hòa vì thành pháp tăng.

Từ Dĩ trở xuống là dẫn chứng, tuy chung mà tăng riêng phải y cứ tất cả giới.

Chế không riêng chúng càng rõ pháp Tăng cho nên trước phải hòa tăng.

“Văn tướng, v.v...” là y theo văn phó chúc.

Kế từ Nhiên trở xuống là chánh trình bày lời nêu đủ ba vật. Nêu pháp như vậy chưa chắc đều đủ.

Kế nói xả tâm. Tài vật là cảnh phạm, vì thế tài đây là duyên tội. Tội là kết nghiệp cho nên có công năng chiêu cảm quả báo. Tâm là gốc nghiệp vì thế tâm là nhân tội. Nay thực hành pháp sám hối, ba món đều xả, vì thế nói là trừ.

Trong phần chánh nói, văn đầu lại có ba:

1/ Nêu tương tục.

2/ Từ thử trở xuống là hiển bày khác.

3/ Từ nhược trở xuống là nêu thiết yếu.

Câu "sau chỉ văn" tức trong luật nói xả.

Câu "Tăng không trả lại": Phạm Đột-cát-la nhưng không thành tội trộm cắp, quyết ý rất dễ biết.

Trong phần hiển tông:

- Đầu nêu bổn tông, tông Đại thừa phân ra nghĩa thông, câu "Hư thông vô hệ" là nhân quả thúc đẩy tâm, tức Nghiệp Sớ chép: Xả tài dụng không coi trọng vì biết tâm rỗng thông. Nói lời thành thật tức đối trước tăng xả, lời thành thật đã trình bày trong phần nói lời xả. Vì không tham lam cất chứa nên không bị dính mắc.

- Kế từ nếu trở xuống là nói các pháp xả của bộ khác không đồng. Như luật Thập Tụng nói: Hai món báu ít thì thường xả, nhiều thì giao cho tịnh nhân làm ngọa cụ cho bốn phương Tăng.

Luật Ngũ Phần thì nói: Hai món báu nhập vào tăng thường bỏ, năm ngọa cụ thường nhập vào thường trụ.

Luật Tăng-kỳ thì chép: Hai món báu nhập vào tài vật vô tận của Tăng, năm ngọa cụ xả nhập vào tăng, tùy tăng dùng.

Luật Thiện Kiến nói ném bỏ vàng bạc.

Luận Minh Liễu chép: Y dư, bình bát dư, áo mưa mau xả thí cho Tăng. Tăng hỏi cần nên trở lại cho tăng.

Rộng như trong phân biệt hành của các bộ.

Trong văn chép: Thường trụ chung hai món. Bốn phương hạn cuộc thường trụ thường trụ.

Nói: "Bỏ núi nước" tức các luật nói hai món báu thường bỏ.

Câu: "Tức đồng luật nầy": Nghĩa là bổn tông cũng có nghĩa hằng xả.

Bông tằm trái lòng từ phạm tội nặng cho nên phải chặt bỏ. Xin bát bổn xứ việc sâu nên phạt nhập vào nhà trừ.

Thuốc bảy ngày là vị nặng.

Đúng bảy ngày thì cúng cho tăng, quá bảy ngày thì cho người giữ vườn.

Hỏi: Đã đồng với luật khác há là hư. Thông, thì trái với văn trên sao?

Đáp: Giáo theo tình tùy duyên hoãn gấp, biết căn cơ mà lập giáo cho nên chẳng phải một.

Trong phần răn dạy:

Khoa đầu có năm:

1. Khuyên thẳng:

Câu "Cả hai lao nhọc" là năng sám và sở đối (tức người sám và

Tăng) đều luống làm.

2. Tử Đản trở xuống là nêu lý do không xả.

Kiến là kiến thức, tánh là tâm tánh.

Miệng nói giải thoát cho nên nói Thế biểu

Hành ràng buộc việc đời nên nói là tầm thường.

3. Từ nay trở xuống là nêu việc chết để khuyến khích:

Câu "phải trở về cái chết": Ý cho rằng đợi đến chết mới đem bỏ.

"Đại sự" là việc làm của người xuất gia.

Kinh sinh giống như nói độ thế.

4. Từ Đản trở xuống là nêu thắng hạnh.

5. Từ khởi trở xuống là dẫn việc sống ở văn sau.

Khoa kế: Trong luận câu đầu nói tất cả đúng như pháp. Bổn tài tức ý tăng trả lại.

Ngoại tài là riêng được vì dùng tâm đoạn. Bổn tài đã định không nhiễm nên ngoại tài đều được thọ.

Câu thứ hai: Hễ chưa sám tội, thì không được thọ trước, chỉ phạm tội phi pháp. Vì tâm đoạn lẽ ra cũng được thọ.

Câu thứ ba: Hễ tâm không đoạn, thì ngay ngày đó hay ngày khác trước hai món tài đều tội đọa. Câu trước tâm đoạn ngay ngày đó thì được thọ. Câu này nói không đoạn ngày khác còn phạm, có thể chứng biết hành sám xả tâm là chính.

Câu còn lại nói "Như sớ" là thấy trong phần nói về tội xả đọa của sớ.

Trong phần yết-ma cũng nêu ra ba câu. Có y đã xả, tội chưa sám, tâm cất chứa không đoạn phạm tội đọa. Câu này tội đồng với câu thứ ba cho nên không nêu ra.

Xả tội đối trong tăng xin.

Đầu tiên nêu oai nghi.

Kế từ miệng trở xuống là trình bày lời.

Đầu tiên dặn dò cho phép xưng tên.

"Hai là cố chứa" trở xuống là nêu hai cách xả.

Nay theo trở xuống là chánh nói cầu sám.

Trong phần phạm lại có ba:

1- Y cứ về tài dư, văn chú thích cho rằng vật dung nhiễm phạm có lỗi, không lỗi, vì thế phải tùy đó lặp lại. Nếu có lỗi thì lẽ ra đối với không thuyết tịnh thêm trên đó.

2- Y cứ lìa y, trong chú thích có ba đoạn:

- Phân biệt chứa dư, lìa, thông và hạn cuộc lẫn nhau.

- Mượn y không cần xả.

- Nêu tài dư dùng hư hoại.

3- Trong phần chánh thức xin, văn chú thích chép rằng: Không đủ, kia chỉ rằng chắp tay, nói danh chủng tội, tác sám như thế. Nay dùng nghĩa để thêm vào đó.

Trong phần hai thỉnh chủ chọn người:

Văn đầu trước y cứ vào phạm tội trọng lựa năm giới, tám giới, mười giới thành biên tội. Giới cụ túc thành hai diệt (y cứ chung người bị mười ba nạn đều không được thỉnh).

Kế: Y cứ tội nhẹ để phân biệt.

Khoa kế "Phật nói" tức văn luật.

Câu trên chế sở đối; câu dưới chế năng đối.

Trong phần ba:

1- Nêu lời xưa kia cho rằng chỉ không cho đồng phạm tức đối sám, không cần hoàn toàn thanh tịnh.

2- Từ thử trở xuống là quở trách lỗi.

Câu đầu là lược khiển trách.

Bỉ trở xuống là quyết thông. Đầu là quyết năm phần khai ý. Nay trở xuống nêu này không khai.

Hai câu trên là nghĩa phân phán. Luật trở xuống là y cứ thí dụ, tức văn trong phần thuyết giới.

Trong phần thỉnh pháp:

Đầu là nêu bày.

Ưng trở xuống là oai nghi đầy đủ.

Đại trở xuống là nêu pháp.

Trong phần ba:

Đầu tiên là hòa tăng.

Hai là tác bạch.

Ba là thọ sám.

Trong phần tác bạch: Chứa dư và lìa hợp.

Tài dư dùng hoại đều là nêu pháp. Tùy lúc có không chẳng thể cẩn tụng.

Trong phần bốn nói trì và phá.

Đầu tiên là dạy lượng thích nghi.

Kế: Từ nều trở xuống là nêu pháp thức.

Đầu tiên nêu lỗi chứa dư.

"Niết-bàn" tức văn trong phần quở trách tám thứ bất định. Kinh ấy chép: Nếu người thọ nhận, chứa để tám thứ bất tịnh thì ta không phải là thầy của người đó, người đó không phải là đệ tử của ta.

Kế nêu lỗi lìa ý.

Đầu tiên trình bày bổn chế của Phật.

Nay trở xuống là chỉ bày nhân quả phá hủy.

"Nêu Đại Luận" như nêu chung để dẫn chứng.

Nãi chí trở xuống là hợp nêu hai giới.

Như thị trở xuống khuyên khiến theo chỗ thiết yếu.

Chỉ phạm trở xuống là dạy quán căn cơ thích nghi.

Trong phần chung của khoa kế, ba vị là văn đầu.

Trước là căn bản.

Sau là tùng sinh.

Giữa là hướng đến trước là Tùng sinh.

Hướng đến sau là căn bản, vì thế gồm hai tên.

Nói ba tội nghĩa là phạm bổn tội rồi, trước che giấu và đắp dùng phạm xả y. Lại trải qua Tăng thuyết giới im lặng nói dối đều phạm một tội Đột-cát-la.

Sau tùng sinh sáu phẩm tức đối ba tội Đột-cát-la đều có đêm thứ nhất và đêm thứ hai che giấu. Hai tội cộng thành sáu tội, hợp với ba tội trên thành chín phẩm, nếu y cứ yết-ma chỉ còn chín phẩm, trừ căn bản che giấu một tội Đột-cát-la. Đối tội căn bản ở trước lập hai phẩm Tùng sinh. Nghiên cứu lý làm luận, sớ làm liễu nghĩa.

Tinh trở xuống là kết thúc chỉ bày. Do đời phần nhiều tụng lời bất luận có hay không, vì thế ở đây dặn dò lời quan trọng, tức trước đều y cứ ba câu, nếu muốn dễ hiểu thì lược làm bản đồ:

Như chứa y dư phạm Ba-dật-đề.

Một tội căn bản phát sinh ba tội:

| | | |
|---|---|---|
| *(1)<br>Căn bản che giấu một tội Đột-cát-la sinh hai tội.<br>(1)<br>Trải qua một đêm che giấu phạm một tội Đột-cát-la.<br>(2)<br>Xoay vần che giấu phạm một tội Đột-cát-la* | *(2)<br>Đắp dùng phạm xả y một tội Đột-cát-la sinh hai tội.<br>(1)<br>Trải qua một đêm che giấu phạm một tội Đột-cát-la.<br>(2)<br>Xoay vần che giấu phạm một tội Đột-cát-la* | *(3)<br>Trải qua tăng thuyết giới im lặng nói dối, một tội Đột-cát-la sinh hai tội<br>(1) Trải qua một đêm che giấu phạm một tội Đột-cát-la.<br>(2)<br>Xoay vần che giấu phạm một tội Đột-cát-la* |

Kế là thỉnh sám chủ:

Hai câu trên là nêu.

Hai câu kế là nêu.

Hai câu kế là ngăn xen lẫn.

Ứng trở xuống là chánh thỉnh.

Câu: Tức hướng sở thỉnh nghĩa là sám chủ Ba-dật-đề.

Trong phần nêu riêng sám sáu phẩm.

Văn nói căn bản, lại nêu chứa dư, lìa y, tùng sinh đủ sáu phẩm. Hành sám: Đến việc thêm và bớt.

Hỏi: Vì sao che giấu chỉ nói đến hai đêm?

Đáp: Nêu hai đêm để nói xoay vần, cho nên nói hai tội. Nếu nói nhiều ngày tức phải nhiều phẩm.

Hỏi: Sao gọi là tùy đêm xoay vần?

Đáp: Như trải qua một đêm che giấu căn bản một tội.

Hai đêm thì che giấu đêm đầu, ba đêm là che giấu hai đêm. Như vậy cho đến một trăm, ngàn đêm đều gọi là xoay vần. Do đó trong phần yết-ma ở trước nói một trăm đêm che giấu, v.v... (xưa nói: Sở dĩ chỉ nói đến hai đêm là vì sợ phạm lỗi không cùng, là lầm).

Trong phần sám ba món:

1- Văn căn bản tức đầu tiên che giấu.

2- Đắp dùng phạm xả đọa trở xuống là phải có chữ y.

“Luật luận đều kết tội” là chỉ chỗ nêu ra.

3- Im lặng nói dối cũng gọi là luận kia đồng với luật đây.

Trong phần nói về pháp sám:

1- Chỉ cho pháp thỉnh, do đây đồng thiên không cần thỉnh lại.

Tức đối chủ trước trình bày thẳng lời sám hối.

2- Từ Đãn trở xuống là sám bổn tội.

Trong phần ba khiến trước sám hối. Thời nay hành sự y theo nghi thức nầy.

Trong phần chánh thức sám hối, trước nói oai nghi.

Khẩu trở xuống là tác pháp, y theo lời sớ chia văn làm tám:

1/ Đại đức nhớ nghĩ: Bảo khiến nhiếp tưởng.

2/ Con mỗ giáp: Xưng tên hiệu.

3/ Cố súc trở xuống nêu rộng chủng tướng định tội nhiều ít.

4/ Nay hướng đến phát lộ. Nêu bày không che giấu tội, một câu này là sám căn bản.

5/ Sám hối thì an vui: Xa thì được thiền quả, dụng thích hợp thân tâm, vì thế nói là hai.

6/ Không sám trở xuống là nói bị nghiệp ác ràng buộc. Trong ba đường thân đã không an thì tâm đâu có vui được.

7/ Nguyện Đại đức trở xuống là thỉnh chứng minh.

8/ Giới thân đầy đủ: Trước phạm như nhiễm, nay sám thuận bổn cho nên nói như vậy.

Thanh tịnh bố tát: Trong tự tu hành thanh tịnh, ngoài thấy nghe thanh tịnh. Sám bổn tội rồi sẽ thành pháp tăng, vì thế trong ngoài được hòa hợp.

Cho nên nói ba lần: Nêu sự tha thiết tôn trọng.

Trong lời bạch, chú giải rằng: Không đắp dùng: Nghĩa là đắp dùng hư hoại hết, đây là y cứ có mà nói.

Trong phần xin sám và chủ sám bạch ở trước đều có ghi. Nếu không thì phải bỏ đi, vì thế nói trước đều không cần.

Trả lại y, trong phần phân biệt, văn đầu tiên phán cả hai, lại y cứ phần thơ. Nếu theo giới sớ thì có khác.

Kia nói rằng: Trong ba mươi giới y, bông hai món báu, ba giới không đối tăng. Còn hai mươi bảy giới thì đối trước tăng xả. Bốn giới tức quy về hai lìa, hai mao, vì không phải tướng nhiễm.

Thuốc bảy ngày tuy nhiễm chế ngoài thân nhưng dùng cũng ngay ngày đó phải trả lại. Bốn giới qua đêm trả lại vì chứa tiếp. Mười tám giới còn lại xả riêng, không cần trải qua đêm vì không tham lam chứa để. Nay nói chứa dư năm thứ theo luật Tát-bà-đa trước chỉ bày chứa để quyết đoán không cần qua đêm. Nếu y cứ trải qua đêm trả lại chính là y theo luật nầy. Nhưng đời phần nhiều chuyên chấp, vì thế phải chỉ phá. Đây cho nên hai sớ chứa dư năm thứ đều qua đêm trả lại.

Cập thử trở xuống văn cũng theo xưa.

Khoa kế có ba:

1/ Chỉ thời gian và sự việc.

2/ Từ nay không trở xuống là nói lỗi, nhưng dù có y cứ nhưng không thể thiên chấp, phải biết tâm đoạn, ngay ngày đó phải trả lại, nếu còn tâm cất giữ nhiều ngày cũng nhiễm.

Chỉ phá trở lại dùng, ý ở hai chung.

Chỉ luận trên: Tức câu đầu trong luận Tát-bà-đa.

Kim thả trở xuống là theo xưa.

Trong năm thứ chứa thuốc dư liền trả như trong sớ trước đã nói.

Trong phần nói về pháp trả lại:

Văn đầu: Trước là dẫn khai duyên.

Đại chúng nhiều: Giới rộng nhiều người, cách minh nhóm họp,

việc thành phiền toái, đây là duyên thứ nhất.

Khó nhóm họp: Cùng ở nhưng ít hoặc có duyên khác, thỉnh hòa khó, đây là duyên thứ hai.

Hai trường hợp trên là duyên do người khác, đi xa là duyên tự mình. Do đây các duyên tuy chứa dư năm thứ trong ngày liền trả lại nên trả cho người kia. Kia là Tỳ-kheo thọ thay, văn xoay vần yết-ma không nêu đầy đủ. Nay y theo san bổ yết-ma mà dẫn ra. Bạch rằng:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Con là Tỳ-kheo pháp danh... cố chứa y dư phạm tội xả đọa, y đây đã xả cho Tăng. Nếu tăng phải thời đến, tăng bằng lòng cho tăng nay đem y này cho Tỳ-kheo.... Tỳ-kheo phải trả lại cho Tỳ-kheo nầy, tác bạch như vậy.

Yết-ma rằng:

Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... cố chứa y dư phạm tội xả đọa. Y nầy đã xả cho tăng, nay tăng đem y nầy cho Tỳ-kheo..., Tỳ-kheo... phải trả lại cho Tỳ-kheo nầy. Các Trưởng lão bằng lòng tăng đem y này cho Tỳ-kheo..., Tỳ-kheo... phải trả lại cho Tỳ-kheo này thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng đem y này cho Tỳ-kheo..., Tỳ-kheo... đã trả lại cho Tỳ-kheo nầy rồi. Tăng bằng lòng nên im lặng, việc này cứ thực hành như vậy.

Khiến hỏi người kia tức là hỏi Tỳ-kheo sám tội.

Khiến ai thọ thay (thọ thế) y theo lời hỏi trong yết-ma trước. Người kia nên xưng tên thưa với tăng cho Tỳ-kheo.....

Trong phần nói thẳng trả lại, trước là nêu...... do chứa năm thứ dư ở trước không cho trả lại, nên khai xoay vần, cho nên pháp trước chỉ hạn cuộc năm thứ chứa dư, đây nói hai mươi bảy giới. Lại chứa năm thứ dư gồm chung hai pháp. Hai mươi bảy giới chỉ hạn cuộc trả thẳng.

Hòa trở xuống là chánh thức tác pháp.

Trong phần tạp tướng:

Khoa đầu: Trước nêu bổn tông chế trả lại.

Nếu trở xuống là nói bộ khác.

Trước sau đã nêu cho nên chỉ hai. Như trước tức trong phần nói xả tâm.

Khoa kế: Trong phần hỏi căn điều lộn xộn, sợ cho rằng thành pháp. Trong phần đáp nêu sám hối tội tăng tàn trong luật. Trước sám hối che giấu, sau nâu bổn tội. Pháp có thứ lớp, nếu ngược lại thì trái giáo, lý sẽ không thành.

Trong phần hỏi sau hoặc quyết đoán đương thời vọng thực hành, hoặc ngăn đời sau lạm dụng. Trong phần đáp chỉ trước tức trong phần

sám hối tội Thâu-lan-già. Quyển thượng cũng chỉ nhóm tăng.

Trong phần còn lại cho rằng: Bông tầm, hai món báu, thuốc dư đều như trong phần tùy tướng đã nói.

Trong chúng đông, trước gồm chỉ ba vị đều đồng, nếu trở xuống là chỉ riêng xả tội có khác.

Nói sáu món: theo tội Thâu-lan-già không nhập xin sám. Cố trở xuống là nêu riêng dùng và xả tùy người, ý là không dừng.

Còn lại đồng như trên: phải nêu đầy đủ:

Một là thỉnh sám chủ

Hai là hỏi người bên, lời nói như trong văn, chỉ có đây là khác.

Ba là nói tướng tội.

Bốn là chánh sám hối tội.

Năm là quở trách.

Sáu là lập lời thệ nguyện.

(Nếu người xin sám thì đủ bảy pháp).

Trong phần nói ba người, hai người:

Đầu tiên là nêu đồng.

Ký trở xuống là hiển bày riêng.

Trước nói xả y. "Nói hoàn toàn khác" là đối trước bốn người gồm tăng riêng.

Theo yết-ma chép: Các Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi là Tỳ-kheo...... cố giữ nhiều y dư phạm tội xả đọa. Nay tôi xả cho các Đại đức, kế xả tội đầy đủ sáu pháp. Nêu kế đồng như trước.

Sau: Từ hai trở xuống là nói trả y. Hai bộ tức bốn người và hai ba, người. Trong văn nói về ba người và hai người không nêu ra. Yết-ma khiến y theo pháp xả y. Nên nói rằng: Bạch các Đại đức! Nếu các Đại đức bằng lòng cho tôi trả lại y cho Tỳ-kheo..... thì tôi sẽ trả.

Trong phần Đối thú xả y nên nói rằng:

Bạch Đại đức nhất tâm niệm! Tôi là Tỳ-kheo... cố chứa y dư hoặc lìa Tăng-già-lê, v.v... phạm tội xả đọa. Nay xả cho Đại đức, phần trả y không nêu lời.

Yết-ma khiến y theo pháp xả y nên nói rằng: Bạch Trưởng lão! Nay tôi trả y này lại cho Ngài. Trong phần trừ tội không có người hỏi nên chỉ có năm pháp:

1/ Thỉnh sám chủ

2/ Nói tướng tội

3/ Chánh sám hối

4/ Quở trách

5/ Lập thời thệ nguyện.

Năm pháp đều không khác, vì thế thận trọng y theo.

Kế sám chín mươi pháp Ba-dật-đề.

Trong duyên trước, đầu tiên chỉ pháp đồng ở trước.

Khủng trở xuống là nói nay nêu lại.

Thả trở xuống là nêu sự nêu pháp.

Nhược trở xuống là lược nêu tùng sinh.

Nói "chín phẩm, sáu phẩm" là nói kia không nhất định.

"Như quá lượng v.v..." là nêu riêng đắp dùng.

Trong phần chánh sám hối:

Đầu tiên là thỉnh chủ tức pháp ban đầu.

Đương trở xuống là nói tội tức pháp thứ hai.

Khoa kế: Đầu tiên nêu lại thứ lớp sợ vọng hành.

Câu: "Như trên sám đầy đủ" nghĩa là (tờ 358) đồng sám các phẩm Tùng sinh ở trên.

Sau sám hối tội căn bản là pháp thứ ba.

Bốn là quở trách.

Năm là lập lời thệ.

Thiên nầy đều dùng năm pháp.

Trong phần ba nói mắng nhiếc phạm Ba-dật-đề.

Người kia là người bị mắng nhiếc.

Người mắng là năng mắng, nghĩa là cầu riêng đối thú đối với chỗ thực hành hối, không đối với người chết mà sám hối.

Cửa đường trời không đóng: Nghĩa là do cùng giải thù không chướng đường lành. Kia và tu đều được lợi ích cho nên dẫn cố gắng.

Trong phần pháp Đề-xá-ni khiển trách xưa: Tức như trước dẫn yết-ma xưa.

Luật giới tức giới bổn của bổn luật.

Bân hợp là ban; âm bị sai.

Trong phần chánh tông:

- Đầu tiên thỉnh chủ tức pháp thứ nhất. Lời thỉnh có lược bớt, ở trước thêm rằng:

Đại đức nhất tâm niệm: tôi là Tỳ-kheo.... sau tiếp tục thưa: Xin Đại đức vì tôi, v.v... vì thế trước và sau giống nhau.

- Kế nói tướng là pháp thứ hai.

- Ba là xả tội, tức pháp thứ ba.

- Quở trách và lập lời thệ đủ năm pháp.

Sau dẫn luật Tăng-kỳ: Tức nghĩa y theo luật Tứ Phần giới văn có

nêu ra pháp. Còn sợ theo xưa, nghi không phải chánh sám, vì thế dẫn văn kia để nêu bày giống và khác.

Đầu tiên là chỉ đồng, chữ vân là sai, phần nhiều lược bỏ càng tốt.

Tiền trở xuống là hiển bày khác.

Trước xét thấy tội nghĩa là sám trước, tức phải nói tội.

Sau răn dạy chớ làm, tức nay là quở trách và lập thệ. Vì thế, biết pháp trước sự nghĩa đã đầy đủ. Nếu y cứ theo yết-ma chánh dùng lời kia.

Trong phần tội Đột-cát-la nêu rằng có nhiều khác hoặc cố lầm cả hai khác, hoặc che giấu, phương tiện, độc đầu khác nhau.

Trong phần phương quỹ, khoa đầu: Trước là nói bổn luật, tức văn trong pháp chúng học. Cố tâm hai tội lầm nói chỉ có một tội. Trước không đối trách hai pháp sám, cho nên nói rằng không phân, v.v...

Kế dẫn ba bộ luận. Tội, sám cả hai đầy đủ, có thể quyết đoán tông nay mà trách các Sư chấp nghiêng lệch, cho nên nói rằng hiển chung.

Ma-di là luận Tỳ-ni Mẫu.

Trong phần khiển trách thế gian: Trước nêu chấp nghiêng lệch kia. Hựu trở xuống là quyết đoán chỗ y cứ kia. Văn nầy chưa rõ nghĩa là vì không phân biệt, hoặc có thể y nói theo sự lầm phạm.

Câu “phải luận giải”: Luận là ba bộ luận.

Đương trở xuống là thông hiểu luật luận.

Chánh trở xuống là dùng lý để trách.

Khoa kế: Trước là nêu chủng tội.

Trong phần phân biệt che giấu có câu: Biết mà cố giấu nghĩa là nói cố tâm.

Câu: “Nghi không biết không thành”: Nghĩa là nói lên không lầm lẫn.

Chữ “phi” là viết lộn, đúng ra là chữ “hữu”, hoặc chữ “nhược”.

Trong phần chánh nói của khoa kế có ba:

1- Nói phương tiện, lại có hai:

- Trước là nêu riêng sáu tụ, hai thiên đầu chỉ là phương tiện xa.

- Sau: Từ Dĩ trở xuống, hai phương tiện xa và gần của các thiên.

Nay nói theo xa, cho nên đều cho rằng phát tâm.

Trong văn, chữ thân là viết bị sai, đúng ra là chữ tâm.

“Vô gián v.v...”: là nêu cả tướng phạm. Y cứ thông cho nên lầm hai phạm. Nhưng xưa cho rằng: Phương tiện xa, tội nêu đều trách tâm. Đây là do trong văn chỉ nói cố tâm cần phải đối với người. Nếu theo

bộ luận Minh Liễu thì tội xa trách tâm, chỉ có nêu ra nhưng không phải nay dùng.

2- Từ: Nhược trở xuống nói Độc đầu rất dễ hiểu.

3- Từ: Chư trở xuống là tổng kết hai cách sám hối. Phương tiện và Độc đầu cho nên nói là các loại.

Trong phần hỏi cho rằng quả tội và danh thể của Độc đầu đều giống như phương tiện, tùy thiên mà chia ra nặng hay nhẹ, vì thế nêu ra để hỏi.

Vân trở xuống là chánh nạn. Ý cho rằng đã có nặng nhẹ lẽ ra phải sám hối riêng. Không nên lầm trách tâm, cho nên đều đối thuyết.

Trong phần đáp:

- Khoa đầu: Hai câu trên là nêu tội.

Tội danh tề: là tội đồng ước chế.

Nghiệp tùy tâm: nặng nhẹ y cứ theo nghiệp.

Nặng trở xuống là nói sám hối. Hai câu trên nói tâm sám có khác. Hai câu dưới nói chế sám không khác.

Quyển đầu tức trong phần Thiên Tụ chép: Trọng là trọng trách tâm. Khinh là khinh trách tâm. Khi hành sự tuy đồng nhưng đối trách phải tùy việc nặng nhẹ dụng tâm sâu cạn.

- Khoa kế: Hai câu trên là nêu tội chung.

Bổn vị ở tụ thứ sáu. Phương tiện chung năm tụ trước. Vì thế nói gồm sáu tụ, đồng gọi là Đột-cát-la, thiên trước là nặng, thiên sau lần lần nhẹ. Vì thế nói rằng danh chung hơn kém. Hai câu kế nói nghiệp khác.

Hai câu sau phán sám khác.

Theo đây tuy đồng Đột-cát-la nhưng tùy tụ đều sám hối. Tâm cảnh tương ưng, nặng nhẹ không xen lẫn.

Phân giải thích trên y cứ văn, vì thế nói cùng thiên một chỗ. Ở đây giải tùy theo lý, vì thế nói rằng nghĩa chỉ là duẫn, duẫn là đáng.

Trong phần sám pháp nói tùng sinh tức là che giấu.

Sơ là chỉ trước. Xả pháp tức xả đọa.

Bất trở xuống là ngăn xen lẫn.

Luật chép: Nếu phạm tội Tăng tàn cho đến tội Đột-cát-la, biết mà che giấu trước nên dạy thực hành sám hối Đột-cát-la, song sau sám đúng như pháp (thiên đầu y cứ đồng).

Vì thế văn luật tự phân chia v.v... Nghĩa là che giấu các tội và sáu tụ bổn tội phân sám. Nay nếu hợp sám tức là ức chế văn dạy, vì thế nói rằng không thể ức chế.

Trong phần nói về căn bản, khoa đầu có hai:

Đầu là nêu. Tiên trở xuống là nêu pháp, y theo trước phải có năm pháp:

1/ Thỉnh chủ.

2/ Nói tướng.

3/ Xả tội như văn nêu thứ lớp.

Lời còn lại đồng như trên tức hai pháp: Quở trách và phát thệ nguyện.

Khoa kế: Câu đầu là nêu pháp trước.

Nói văn không có tức nói lên nghĩa lập nầy.

Nay trở xuống là khiển trách xen lẫn.

Bổn xưa yết-ma tội đọa và tội Đột-cát-la đồng pháp. Ý cho rằng tội Đề-xá ở lời câu trên còn ít hơn tội Ba-dật-đề, há tội Đột-cát-la lại đồng pháp xả đọa. Vì thế nói rằng nay y cứ đồng.

Bất trở xuống là ngăn ngại. Tông kia tội xả đọa và tội Đột-cát-la hợp một pháp sám, tông kế đều khác, không thể thường dùng.

Trong phần lầm tác, nêu tướng, chia làm ba:

1/ Nêu chung ba nghiệp.

2/ Như trở xuống nêu sự hiển tướng.

3/ Luật trở xuống là dẫn chứng.

Câu đầu gồm nêu.

Tỳ-kheo trở xuống là giải thích riêng.

Trong văn không nêu ba nghiệp. Đầu gồm thân nghiệp, miệng yên lặng là khẩu nghiệp, nhất tâm là ý nghiệp, thân nghiệp và khẩu nghiệp là riêng; ý nghiệp là chung.

Lại trong phần nói thân nghiệp không nêu bốn nghi.

Các duyên trong ngoài tiện lợi ngủ nghỉ, v.v... bao gồm trọn ngày, việc làm đều phải nhiếp tâm. Ngủ nghỉ, nói nín chỉ là một việc. Luật nói ngủ nghỉ, giác ngộ là đây.

Nếu trái trở xuống là nêu phạm. Theo đây có phạm đều phải trách tâm. Vì thế phải biết người chân thật xuất gia không lúc nào quên niệm. Đây là chế vi tế, hợp với thượng căn kia. Đời mạt pháp kẻ hạ ngu y cứ theo luận Tỳ-ni Mẫu: Y thực tác quán, người lợi căn trong mọi hành vi cử chỉ, kẻ độn căn đều khởi một niệm. Nhưng phải cố gắng hướng thượng.

Vì thế phải siêng năng y theo đây mà nhiếp tu, được như vậy thì xuất gia không luống uổng.

Hỏi: Tâm lầm mê vọng tức không thể học, vì sao kết tội được?

Đáp: mê lầm có hai:

1/ Đối cảnh mê tâm.

2/ Buông lung mê vọng.

Biết chắc hai tướng, tưởng thì không nghi.

Trong phần tác pháp:

1- Sám hối tội Tùng sinh, tức che giấu.

2- Sám hối tội căn bản, chỉ có hai pháp:

* Đối linh tượng đầy đủ oai nghi phát lồ tội lỗi. Nghĩa đồng với hai duyên thỉnh chủ và nói tội.

* Trình bày lời sám hối, tức là chánh xả, tội tuy không quở trách và phát lời thệ nhưng lý phải tự trách, sau lại không trái, lại đồng với ba pháp.

Còn lại y theo đây nghĩa là: lại nêu một pháp nhưng chung cho tất cả pháp. Nếu theo giới sớ, thì các pháp chúng học cố tâm phạm là phạm hai tội:

1/ Phải sám hối tội Đột-cát-la, đối thú sám.

2/ Phi oai nghi Đột-cát-la, trách tâm sám, y cứ theo trách tâm đây không nên lầm phạm, người học phải hiểu rõ.

Như trong luận Minh Liễu chỉ nói không nên khởi tâm như đây tức gọi là trách tâm, nhưng không có quy thức không đủ để y cứ theo đó mà dùng. Phát lộ thứ hai biết và nghi, cả hai phát lộ bao gồm sáu tụ. Sự loại theo nhau nương đây để nói.

Trong phần biết tội:

Đầu tiên là nêu pháp.

Kế: Từ thử trở xuống là phân biệt, đầu tiên là phân biệt khác nhau, lại có ba:

1/ Liên phát lộ.

2/ Từ nhược dì trở xuống là nói phát lồ sau.

3/ Từ nhược tuy trở xuống là nói phát lộ lại.

Nhược phạm trở xuống là lựa chỗ khỏi tội tướng, che giấu sáu tụ phạm chung một tội Đột-cát-la.

Trong phần nghi tội: Đầu chỉ đầy đủ oai nghi. Ưng trở xuống là chỉ lời. Nếu nói giới trên tòa cũng có hai cách phát lộ: Biết và nghi như trong phần nói giới.

Trong phần thứ ba, lại nêu có hai:

1- Dẫn luận Trí Độ, trước nói hai nghiệp hóa chế khác nhau.

2- Từ Như trở xuống là nêu giới hiển tướng. Nghĩa là nêu tội tuy diệt nhưng nghiệp đạo vẫn còn.

Tiền trở xuống nêu ý nói lại.

Dư trở xuống là chỉ rộng, tức hành pháp của Phàm thánh.

Trong phần nói về nghi thức: Trước dẫn luật Thiện Kiến nói xưng tên.

Đại tiểu khác nhau: ở đây cũng phân theo một cách. Nếu y cứ theo tướng chung thì người có đức trọng là vị danh lão tuổi lạp cao.

Kế là nói lễ pháp.

Đầu luật Tứ Phần nói Đại tiểu đều thiếu.

Tiểu: Đối Thượng tọa có năm pháp, Thượng tọa đối tiểu chỉ có bốn pháp. Nói năm pháp nghĩa là:

- Vén y bày vai phải.
- Cởi giày dép.
- Lễ dưới chân.
- Quỳ thẳng.
- Chắp tay.

Luật Thập Tụng cũng giống luật Tứ Phần nhưng pháp thiền thứ năm là chắp tay.

Xoa chân tức là thiết lễ, nhưng nay không cần nắm tay chỉ có tư thế ngưỡng thừa mà thôi.

Như hối lỗi: Nghĩa là đồng theo tướng của bậc tôn thượng mà xin tạ tội.

Muốn thanh tịnh tức là lúc truyền dục.

Thọ tuổi tức tự tứ.

Xuất tội tức sám hối sáu tụ.

Còn các pháp xin đều y theo nghi này, cho nên nói là đẳng. Trước nói tướng đầy đủ oai nghi. Hữu trở xuống là nêu số người phạm. Bốn câu bao gồm hết rất dễ thấy.

Trong phần kết chung, câu đầu chỉ sở thuyên. Câu kế chỉ sở bị.

Thư trở xuống là hiển bày lược. Hạnh trở xuống là khuyên tu.

Tứ Phần Luật Hành Sự Sao Tư Trì ký.

■

# TỨ PHẦN LUẬT HÀNH SƯ SAO TƯ TRÌ KÝ

## QUYỂN HẠ
## (PHẦN 1)

*Sa-môn Thích Nguyên Chiếu ở Dư Hàng đời Đại Tống soạn.*
*Đề hiệu quyển hạ đều giống phần giải thích ở trước.*
*Chú soạn, chú nghi, biên soạn lệ với thiên sinh khởi*
*Như trong phần giải thích đề và tựa đã giải thích đầy đủ.*

### THIÊN GIẢI THÍCH HAI Y

Y vì chúng chế, cho phép gồm thâu hết, dùng giáo gọi vật, nên gọi là hai y.

Nói chung riêng tức hai môn ở sau, vật tướng vi tế phức tạp sợ khó phân biệt, vì thế trước gồm thông suốt điều khoản sau mới giải thích riêng. Tức nhập khoa mục vào đề, song nghiên cứu chỗ lập đề Thiên đều khác.

Bốn loại thuốc từ pháp, bát khí (Bình bát) từ giáo. Bố thí, tu hạnh đầu đà... tức y cứ vào hành. Tăng tượng phó thỉnh v.v... chính là sự, cứ vậy tìm xem.

Trong phần nêu ý có ba:

1- Nêu tư dụng để hiển bày công phu.

Công phu có hai:

- Nghi năng thành, tức hai câu trên.
- Nhiễm năng chứng, tức hai câu dưới.

Thức tâm ràng buộc, sắc chất có đối đãi, vì thế nói là liên lụy với đời. Trần nhiễm là cấu uế của thân, hoặc có thể nói là hình sắc sinh ra sự ái trước cho người.

2- Từ nhược trở xuống là nói thuận và trái để sinh khởi, tâm nói thuận theo pháp thành trì, dưới nói trái với giáo thành phạm. Phương thức gồm huấn pháp, lỗi lầm gọi là tội.

3- Từ cố trở xuống là y cứ vào hai giáo để chia chương.

Trong phần chung:

1- Nêu danh nghĩa. Chế cho phép danh nghĩa y cứ tội có và không. Tựu trở xuống là chánh phân, phần đầu là chế vật. Tức trong sáu vật, năm món thuộc về y, như văn đã nêu, Bình bát nằm trong thiên nầy.

2- Nêu vật cho phép.

Bộ Bách Nhất nói:

1- Các vật dư

2- Y phẩn tảo

3- Tục thí

4- Vật của vong: Chế môn ba y, trong phần chế ý, văn nêu mười đoạn.

5- Nghĩa tiết.

Ý đầu, luận Tát-bà-đa chỉ bày nghĩa hy hữu (ít có).

Ba tên là Tăng già lê v.v... còn không có tên nầy huống gì thật có.

Trong luận Công Đức có hai ý:

1- Đối ba thời.

2- Từ diệc trở xuống là ngăn trùng.

Nói ba thời: chính là duyên chế, không phải cho là ba thời không cho đắp thay nhau, người phần nhiều hiểu lầm, người học phải biết.

Luận Trí Độ nói Thánh đệ tử là gọi chung phàm Thánh tu Thánh đạo.

Ngoại đạo khỏa thân tiêu biểu cho chấp không. Người tại gia chú trọng việc ăn mặc tiêu biểu chấp có. Tỳ-kheo ba việc không nhiều, không ít, tiêu biểu cho lý Trung đạo không chấp hai bên có và không.

1- luật Thập Tụng: do ngoại đạo có đắp mặc vì thế cắt rọc để khác với họ.

2- Kinh Tạp A-hàm nói: Bốn vô lượng là bốn tâm từ, bi, hỷ, xả. Vì sinh khắp các cảnh nên xưng là vô lượng, y theo sau là nêu tên.

3- Kinh Hoa Nghiêm nói ba độc. Luật Tứ Phần nói kiết sử đều gọi là phiền não. Kinh giới Đàn Đồ nói: Hay năm điều là dứt sự tham muốn của thân, Trung y bảy điều dứt sự tức giận của miệng, Thượng y (đại y) dứt tâm si mê. (Tức phối hợp ba độc và ba nghiệp).

4- Luận Tát-bà-đa, ý ban đầu rất dễ hiểu, ý thứ hai nên nói rằng: Một y không thể có hổ thẹn, ba y có thể có, ba thứ còn lại cũng như vậy.

Lời sớ chép: Do thường thường một y nhiễm tịnh đắp chung, hổ thẹn không sinh. Do tùy ba y dùng đều có pháp thức. Bình lộ hành hộ vì phát sinh tâm lành.

Thứ ba, lại nói ba y thì khi vào xóm làng, lời sớ chép: Do y tăng-già-lê tùy khi nào vào xóm mới đắp vì làm cho chúng sinh phát sinh lòng tin.

Thứ tư, đủ ba y thì Đạo hành sinh thiện. Sớ chép: nếu ở Đạo hành (Trên đường đi) thì đắp ngược hoặc gấp cao lên. (Y cứ sau: Khi vào xóm được đắp ngược, hoặc gấp trên vai).

Cung kính giữ gìn như tháp vì có đức vừa kín đáo, vừa hiển bày.

Thứ năm, nói ba y là oai nghi thanh tịnh, lời sớ chép: bốn nghi thọ dụng đều có chỗ.

5- Luật Tăng-kỳ nói Hiền Thánh gọi chung là ba thừa Đại, Tiểu.

Chí âm là chí là tên khác của kỳ, (lại chung cho hai âm xí và thức) chữ hợp thành chữ thức, tức là huấn ký.

Bát là dụng cụ của người xuất gia nghĩa là tiêu biểu khác với ngoại đạo và thế tục. Theo sau nói do nơi tướng dẫn.

Đương tông vì ngăn lạnh: Trong kiền-độ y, Đức Phật vì thấy ban đêm trời lạnh, đầu hôm, nửa đêm, gần sáng lần lượt lấy ba y đắp, do đây Đức Phật chế ba y.

Đức Phật nói các thiện nam đời sau không chịu nổi, cái khổ của sự lạnh, nên cho chứa đủ ba y, không được quá.

Ngoài bộ tức hai luận trên.

Ba đời Như lai thường đắp: là đặc biệt nói cực quả để nói lên nghi thức của Thánh, ý khiến cho người đắp khởi tưởng cao quý.

Giải thích tên gọi. Tên chung là y Thượng, Trung, Hạ vì đồng một hiệu.

Bộ Tăng Nhất chỉ có tên Phạm. Trước sau kinh luật có dẫn, thường gọi là Ca-sa.

Tạp ký của ngài Chân Đế chép: Ca-sa là ba y ngoại đạo đều gọi, tên bao gồm nhiều nghĩa, hoặc gọi là Ly trần phục (vì dứt sáu trần), hoặc gọi là Liên hoa phục (vì lìa nhiễm trước), hoặc gọi gian sắc phục (vì cả ba đúng pháp sắc thành).

Trong lời chú giải, trước nêu tên Phạm.

Từ sắc danh: tức kinh nói y hoại sắc.

Văn sau tức ở sau dẫn rằng: ở đây không phải chính mầu nhuộm.

Ca-sa vị: ở đây nói không phải tên chính của y.

Như trong sáu vị có Ca-sa vị, có thể là y nầy. Nhược trở xuống là nói về cách dịch xưa.

Trong ba mươi giới: tức hai thứ tơ tằm và bông, dưới sáu năm bốn giới.

Trong tên riêng:

Khoa đầu, trước là nói chế tạo, ưng trở xuống là nêu tên. Dưới Uất-đa-la-tăng bỏ ba chữ “Nhập chúng trước”. Kế y cứ vào nghĩa dẫn trong kinh: “Bồ-tát Đại Tuệ vấn Đại Thiện Quyền” có hai quyển, ở đây dẫn quyển hạ.

Y năm điều gọi là Trung vì đắp bên trong.

Y bảy điều gọi là Thượng vì trên y năm điều.

Hỏi: Y Tăng-già-lê là tối thượng sao không gọi là thượng?

Đáp: Nếu y cứ hai y (y bảy điều và tăng-già-lê) đều là trên y năm điều. Nhưng y Tăng-già-lê ít dùng nên nêu tên riêng.

Khoa kế, đầu tiên là nêu bày. Đại trở xuống là giải thích tên Hán (Tạp toái y theo trong tướng có giá ước trực. Ở giữa hai y trở xuống là y cứ ít mặc dùng nhất.

Vì cung vua, xóm làng, khiến cho chúng sinh điều lành và thuyết pháp truyền giới cũng cần phải đắp để biểu hiện tướng tôn quý.

“Nhập chúng ngữ thông”: Nghĩa là khi thọ trai, giảng kinh, lễ tụng, các pháp Yết-ma đều đắp y bảy điều.

Viện nội là phòng thất trong chùa.

Đồng đạo hành nghĩa là đi trên đường, ở chỗ hoang vắng.

Tạp tác tức làm các việc đều đắp y hạ.

Khoa thứ ba, y cứ về điều phẩn. Không phải xuất xứ từ luật nầy. Ở đời tương truyền rằng luật khác nhau. Mười chín điều, mười bảy điều là nêu phẩm Trung, như ở sau sẽ phân tích kỹ.

Khoa bốn là tướng chung: Văn nêu mạn y làm ví dụ, tức như ba y thay nhau làm Tùng y. Nhưng ở đây y cứ về dụng để thêm tên, không nói về thể tướng. Song tuy thay nhau chung như bổn chế phải nhất định. Có thiếu y thì cho làm tùng y nên nói là không đâu chẳng phải là đại phần... Trong phần ba, văn Kinh Đại Bi nêu ra thứ ba. Đầu tiên nêu phá để so sánh trì (giữ), Tánh nghĩa là thọ thể. Kế nêu không để so sánh có. Hình nghĩa là dung mạo, oai nghi. Không phá còn như vậy, huống chi thọ trì?

Đời sau, khi con người sống lâu đến tám muôn tuổi thì Đức Phật Di-lặc xuất hiện ra đời, ba hội nói pháp độ vô lượng người. Đức Phật Thích-ca để lại giáo pháp cho đệ tử, hội đầu tiên được độ trước. Dầu không được độ thì đến Đức Phật sau và trong một ngàn Đức Phật cuối cùng là Đức Phật Lâu-Chí ra đời, đệ tử của Đức Thích-ca đều được độ hết, nên nói rằng không sót.

Lâu-Chí, kinh viết là Lô già, Hán dịch là Đề khốc, từ lòng từ bi

mà có tên. Kinh Bi Hoa, văn nêu thứ tám. Nhân địa của Đức Như lai là Bồ-tát Đại Bi, lúc bấy giờ phát nguyện nầy.

Trong năm thứ, thứ đầu và bốn là năng lực diệt ác. Đầu là trừ nghiệp, bốn là dứt sự tranh cãi. Còn lại ba là sinh thiện. Hai là được quả đời sau, ba là cảm quả vui hiện tại, năm là thêm lớn oai thế.

Trong bốn nói trái phản lẫn nhau, kinh chép: có chúng sinh không thuận nhau, phần nhiều thù oán, ganh ghét chiến đấu với nhau, cho đến khi giao chiến nếu nhớ nghĩ đến y Ca-sa khiến chúng sinh kia sinh tâm từ bi, tâm mềm mỏng, không có tâm thù oán, v.v...

Năm là nói hơn người: Kia nói: nếu chúng sinh đối với sự chiến đấu tranh tụng, vì hộ thân nên tôn trọng, cung kính, cúng dường, Ca-sa thường đem theo bên mình khiến cho chỗ ở chúng sinh kia thường được tốt đẹp, không thể bị xâm phạm. Dầu có chiến đấu, tranh tụng cũng được an ổn giải thoát.

Đẳng lượng là người hổ thẹn.

Đắp y từ bi, bỗng sinh tâm nhớ nghĩ liền dứt sự tranh tụng. Vì thế các Tỳ-kheo phải suy nghĩ sâu xa lời nói của Phật, nếu khởi tâm sân độc thì phải tự quán thân, đã đắp Ca-sa đâu không hổ thẹn.

Nếu ta trở xuống là thuật sự thành thật cầu chứng. Bồ-tát nói lời nguyện này rồi, Đức Bảo Tạng Như lai liền duỗi cánh tay mầu vàng xoa đảnh Bồ-tát mà khen rằng: "Lành thay! Lành thay! Đại trượng phu, lời ông đã nói là châu báu lớn, là đại hiền thiện, khi ông thành Đạo Ca-sa sẽ có năm công đức của bậc Thánh".

Luật Tăng-kỳ khai cho tế lễ trừ tai ương, có một ít nói lên đức thù cao quý kia.

Tế lễ, là trái với trừ tai ương.

Thứ hai, trong phương pháp may y cầu tài: Đúng pháp là lìa các lỗi, thanh tịnh là tài.

Vị trở xuống là nêu phi pháp. Bốn tà, năm tà như trong Tăng cương đã giải thích, luật sau sẽ dẫn chúng. Tà mạng có bốn tà, năm tà ở trên. Kích phát hiện tướng không thuộc về năm tà, nêu riêng hai tướng mà thôi.

Y xả đọa đối với sự buôn bán ở trên, lại gồm phạm chứa y dư, xin y, giặt y đồng phạm. Nhưng tâm tà khó biết nên lược để phân biệt. Như ngày nay lễ tụng giảng kinh, hoặc lại đối với việc tạp kỷ của thế tục, tâm mong cầu vật của người gọi chung là tà duyên. Hoặc chứa tài vật dư đầy ắp trong rương, đối với vật của mình thì một sợi lông cũng không nhổ, đối với vật của người cúng dường thì chứa để cho nhiều không biết

thỏa mãn. Nương nhờ duyên này nên nói tùy theo người khác. Khất thực thì lựa chọn nhân tình, so đo sự việc, bất tịnh nào nghi. Phụ bậc cao lưu, cầu nghi đổi vết.

Trong phần tài thể, khoa đầu, trước nêu đúng pháp.

Thục trí tức cỏ gai xe sợi, nấu chín kỹ thành lụa. Nhưng theo văn luật còn thông lụa xe chấp. Nếu theo "Chương phục nghi cảm thông truyện" đều nói không đúng pháp, nay lược dẫn.

Trong truyện, vị trời nói rằng: Phật pháp từ Đông Độ truyền sang được sáu, bảy trăm năm. Luật sư ở Nam, Bắc không hề có ý nầy. Đâu có dùng tài vật của việc sát sinh mà làm pháp phục từ bi. Vì sao riêng Sư bỏ ý nầy?

Tổ Sư đáp rằng: Tôi đọc Luận Trí Độ thấy Phật đắp y Tăng-già-lê bằng vải thô xấu, do đó nhớ mãi trong lòng, đâu thể trái với đây.

Do đây càng tăng thêm sự kính ngưỡng.

Lại nói rằng: Lại thấy vị tăng Ấn-độ từ phương Tây đến đắp y bằng tơ tằm. Do đây khởi ý chấp chương phục nghi đồng trong "Tam Tạng Nội Pháp Truyện" của ngài Nghĩa Tịnh, lại thêm sự phỉ báng. Kia học theo Hữu Bộ Tiểu thừa cho nên có nhiều thiên chấp. Tông nay là Đại thừa liễu nghĩa không phải như sự hiểu biết kia.

Nhược trở xuống là phân biệt phi pháp.

"Sinh sơ" tức nay có dùng các thứ như: sợi vải sống, vỏ gai sống, gai, v.v... làm Ca-sa, đều là phi pháp.

Trong văn nói sợi vải thì sống chín đều không xe sợi, tức sống không phải là lụa sống. Xưa nói rằng tơ lụa sống, lại nói rằng: lụa sợi mỏng nhỏ kéo từ con bướm ra gọi là lụa sống.

Dẫn chứng ba đoạn:

1- Luật Tứ Phần dẫn chứng lụa hoa.

2- Luật Tăng-kỳ dẫn chứng sinh sơ (vải sợi sống, vỏ gai sống, gai, v.v...)

3- Ngoại đạo dùng lông, tóc, vỏ cây, v.v...

Trong Ngũ Bách Vấn nói lụa xe sợi, v.v... không hiện bầy thân, nghĩa là tuy sống mà dầy, có thể che thân, không lộ ra nên nói là đúng pháp.

Trong phần dẫn khuyên.

Luật kia chép: Hai cánh của loài chim nầy cách nhau năm trăm năm mươi do-tuần, bắt rồng làm thức ăn. Khi loài chim này muốn bắt rồng thì dùng hai cánh quạt rẽ nước biển ra cung rồng liền hiện. Loài rồng kinh sợ nên xin một miếng nhỏ của Ca-sa treo trên cửa của cung

rồng. Khi loài chim này đến thấy liền kinh sợ không dám bắt rồng ăn nữa. Bấy giờ, có loài ồng lấy miếng vải của Ca-sa đội trên đầu tìm lên bờ, chim kia không thể hại được. Đây là do chế tạo nương theo pháp có hiển bảy công khác nhau, vì thế dẫn chứng để răn dè.

Mầu sắc như trong văn dẫn. Khoa đầu, hai câu trên là phân biệt với phi. Nói thượng sắc nghĩa là gồm năm mầu chính, xen lộng xanh, vàng, đỏ, trắng, đen là năm mầu chính. Vậy đỏ, hồng, tím, xanh lục, vàng là năm mầu xen lẫn.

Đương trở xuống là hiển bày như hai câu trong chú giải. Câu trên đối dịch, sau dưới chỉ chỗ xuất xứ, tức ở sau luận Tát-bà-đa dịch là nhuộm.

Nói chánh phiên dịch là hiển bày ngọa cụ, v.v... ở trước gọi là phi chánh (không phải chánh), vì thế trong chương phục nghi chép: như trong kinh luật nói chung là hoại sắc, nên văn nói: phải dùng ba mầu xanh, đen và mộc lan, tùy ý dùng một trong ba mầu hoại sắc nầy thì thành mầu đúng pháp.

Lại nói: sắc không chánh hoại chỉ có Thích môn dùng khác với tà chánh. Rõ biết không chánh tức là mầu Ca-sa.

Đẳng nhược trở xuống là nói khai.

Năm nạp là năm mầu xen lẫn nối lại, nạp là y, đây là xen lẫn vì không phải thuần một mầu.

Kinh Niết-bàn trở xuống là dẫn chứng.

Hoại sắc là không phải mầu chính.

Trong phần nói rộng, luật Thập Tụng trước nêu phi sắc tức trừ năm mầu chính. Nạp y phân biệt chỗ khai. Giới trở xuống nêu mầu đúng pháp.

Nê là mầu đen, Sạn là mầu mộc lan.

Luận Tát-bà-đa có ba tiết:

1- Nói điểm tịnh.

2- Từ Ca-sa trở xuống là nói dịch tên.

3- Từ chân tử trở xuống là phân biệt phi sắc.

Trong phần một lại có hai:

1*- Nói năm mầu chánh khai may y khác. Ba điểm nghĩa là điểm ba mầu. Cám là mầu xanh đỏ, tức tên khác của mầu mộc lan.

2* Từ đắc đạo trở xuống: phân biệt riêng tướng chánh và xen lẫn, được và không được. Tạo là mầu đen và mộc lan đều đúng pháp.

Đỏ, trắng, vàng cũng được: nghĩa là đồng mầu xanh biếc.

May y dùng dịch là nhuộm, tức là chánh dịch chỉ lời chung đúng

và không đúng, vì thế trong phần chú thích trước thêm ba chữ "bất chánh sắc" (không phải mầu chánh) để phụ thêm.

Danh nghĩa hiển bày như kết ái: nêu thí dụ để hiển nghĩa. Kiết ái phiền não làm ô nhiễm tâm thanh tịnh. Do sắc nhiễm vật nghĩa đồng như ở đây.

Trong phần phân biệt phi nói chân tử là nhuộm mầu tím, tên gọi phương mộc thời nay là cây tía tô.

Địa hoàng là Thổ hoàng.

Nại hoàng: dung da của quả nại để nhuộm.

Hoa huỳnh nghĩa là dùng hoa hồng, hoa hòe, v.v... để nhuộm.

Nghiên cứu, xem xét trong Đại Tạng chỉ có ba màu: xanh, đen, và mộc lan là đúng pháp. Sa-môn thời nay phần nhiều còn mặc mầu tím. Xét thấy bà Võ Tắc Thiên đời Đường hoài nghĩa loạn chốn cung đình, Tắc Thiên sủng ái dùng tham triều nghị. Do mầu y của Tăng khác do đó khiến đắp y Ca-sa mầu tím, mang túi rùa vàng. Sau, đời Ngụy, soạn kinh Đại Vân kết mười vị tăng, làm sớ dâng lên, lại san cho mười vị Tăng y mầu tím và túi rùa vàng. Do nguồn gốc tệ xấu này đã xảy ra, ngày nay không trái, không biết tục tử xen lẫn dấu vết cửa Đạo, không lo tu tập bên trong mà chỉ lo khoe khoang trang sức bên ngoài. Huống chi dự vào bậc kỳ lão tiếm xưng là Đại Thánh, quốc gia không rõ, Tăng môn không học, đến nỗi khiến cho bọn tham lam, bỏn xẻn đều thích xa hoa, phong cách ít muốn thanh tịnh đến đây bị hoại diệt. Hơn nữa, giáo pháp nhân luân của Đạo Nho thì lấy mầu mầu chính làm y, nghi thức của Đạo Thích xuất thế thì chánh và xen lẫn đều lìa. Vì thế, luận ngữ nói: mầu hồng, mầu tím không dùng làm tiết phục (áo lót).

Trong văn Khổng Tử nói: Quân tử không mặc áo mầu vàng, mầu trắng, thế tục còn không cho phép, đều là chánh nghi của người xuất thế. Huống chi luật luận đã chế là phi pháp, nếu không tin thọ thì đâu còn phép tắc là gì. Lại, người học luật chứa tài vật bất tịnh, đổi y phi pháp. Và chú ý đến nhìn ngắm trái nhau này, vời lấy lỗi cho mình, để lại sự lừa dối cho đời sau.

Lại nói: Trong luật nói trái phép vua chế, phạm tội Đột-cát-la, ta y theo phép vua chế mà thôi. Hơn nữa, luận Tát-bà-đa nói trái phép vua chế gọi là Tỳ-kheo không vâng theo những điều quốc cấm. Như Quốc gia ngày nay, cho người hai mươi tuổi xuất gia, có được bạ tịch (chứng nhận Tăng Ni), khi đi ra ngoài lợi dụng giấy tờ nầy mang theo những vật cấm, nếu những việc này có trái thì kết phạm. Vì sao cấm chúng tăng không được mặc mầu vàng sẫm. Người nói như vậy không chỉ chê

bai chánh pháp mà còn nói không biết pháp vua chế. Kinh Niết-bàn nói: vì sao? Vì người nầy lưỡi sẽ không uốn cong được, chắc chắn rằng sẽ chịu sinh báo, nhưng chưa hiện bày tướng mà thôi.

Luật Tăng-kỳ, đầu tiên nêu nhuộm vật, không phải rễ của cây uất-kim-hương có thể nhuộm mầu vầng.

Hồng lam là hồng hoa, mầu xanh nhuộm tức mầu lam, mầu Điếu hoa (điếu: thuốc nhuộm chàm) nghĩa là vằn vện (loang lổ).

Kế là cho pháp dùng sắc trở xuống là nói đúng pháp.

Cự ma là phân con trâu. Ở Tây Vực, trâu ăn loại cỏ thơm, cỏ này người rất quý. Xứ này không thích nghi cho nên không dùng.

Kế, từ giới bổn trở xuống là nói danh tướng của sắc.

- Đầu tiên dẫn giới bổn để nêu tên.

- Kế rộng dẫn văn để hiển bày tướng.

Xanh đồng nghĩa là mầu xanh vàng sẫm như mầu đồng xưa.

Tạp nê là dùng nước trái cây tẩm vào vật bằng sắt sẽ thành mầu đen. Bùn đen dưới đáy sông cũng có thể nhuộm mầu đen.

Mầu mộc lan nghĩa là nước trái cây đặc; có một ít trái với sắc tướng, vì thế chủ giải để hiểu.

Luật nầy dịch: đây là Bổn bộ, Diêu Tần đóng đô ở Trường An nói là phương Bắc.

Luật Tăng-kỳ dịch tại Dương Đô nên nói là Ngô địa (đất Ngô).

Tôi trở xuống là chứng minh. Có thể nghiệm rằng luật Tăng-kỳ dịch truyền mất ý chỉ. Thục ra là thuộc tỉnh Tứ Xuyên, y cứ có thể biết. Mộc-lan là Tiếng Hán.

Chỉ luật Thiện kiến tức như khoa kế nói mầu đỏ tươi sáng ở đây.

Khiển trách xen lẫn:

- Đầu tiên khiển trách dùng kinh hư ngụy (không chân). Kinh nầy phân mầu y của năm bộ:

1- Bộ Tăng-kỳ đắp y mầu vàng.

2- Bộ Ngũ Phần đắp y mầu đỏ.

3- Bộ Tứ Phần đắp y mầu đen.

4- Bộ Ca-diếp đắp y mầu mộc-lan.

5- Bộ Thập Tụng đắp y mầu ráng (đỏ).

(Do bộ Tăng-kỳ nhập vào năm bộ, nên bổn chi không phân. Lại trong năm bộ thiếu bộ Bà-thô.)

Ở đây tuy chỉ nghĩa khiển trách, lời sao thì dẫn không rõ ý gì.

Lại trong kinh Xá-lợi-phất vấn, bộ Tăng-kỳ, bộ Ca-diếp-di, ba bộ này giống như trên. Bộ Tứ Phần đắp y mầu đỏ. Bộ Thập Tụng đắp y

mầu đen. Bộ Ngũ Phần đắp y mầu xanh. Nhưng phục sức tùy thời không có nhất định. Kinh lẫn nhau nói không đủ, đến nỗi xảy ra nghi ngờ. Dầu dùng văn kia chỉ là xen lẫn tên. Như các bộ nói mầu xanh, mầu đen đâu được gọi là chánh sắc ư? (mầu chính).

- Kế từ luật Tứ Phần trở xuống dẫn luật chứng là sai. Tứ Phần nói ba mầu tùy hoại. Luật Thiện Kiến cho là gặp giặc. Nói năm mầu chính vốn chẳng phải đúng pháp.

Văn chú giải có hai đoạn: Đoạn trước là định sắc tướng, vì tên xen lẫn; đoạn sau y cứ văn quyết định vì sợ vọng chấp.

Trong phần kết đoán: Đầu tiên là chỉ các giáo. Thuần sắc nghĩa là năm mầu chính. Ắt trở xuống là chỉ có thành chăng, tùy tướng là giới y mới trong chín mươi giới.

Trong phần định lượng: Luật Tứ Phần có hai lượng thông và hạn cuộc. Trước chỉ định lượng:

- Y An-đà-hội dài bảy thước, hai tấc. Rộng ba thước sáu tấc. Vì đây là y hạ dùng khi đi đường hoặc làm việc, không cần rộng, lớn.

Nghiệp Sớ chép: các bộ nói rất nhỏ, chỉ có luật Tứ Phần là khác. Xuất gia nghèo thiếu cho nên là thường.

Hai y khác (y bảy điều, y đại) thì dài chín thước rộng năm thước bốn tấc, nhưng sau nêu lượng chung chỉ nói rằng y hạ rất nhỏ, theo hai y khác không phải nhỏ, là rõ biết. Nhưng sợ thân lượng cao thấp không nhất định, vì thế ba y đều y theo lượng chung.

Nói độ thân có hai pháp (hai cách):

1- Theo bộ luận Tát-bà-đa: Thân Phật cao một trượng sáu thì y dài một trượng tám, rộng một trượng hai. Người thường thì bằng phân nửa, y dài chín thước rộng sáu thước, y cứ theo đây để tính. Người thân cao một thước thì dài một thước một tấc bốn phân rưỡi, rộng bảy tấc năm phân. Như vậy tăng thêm, thì người cao tám thước có thể đắp y dài chín thước, rộng sáu thước. Lại tăng đến lượng cao của Phật cũng không khác. Hoặc thân tướng dài ngắn không xứng thì giảm thành thiếu, y cứ về lỗi thì phải thuyết tịnh.

2- Theo Nghiệp Sớ thì y theo thân mà cắt.

Sớ chép: Từ vai xuống đất, trên gót chân bốn ngón tay dùng làm thân y. Còn lại phân tướng lá đủ để tương xứng. Đây nghĩa là thân người phần nhiều cao thấp không nhất định, có người ốm, có người mập. Dầu có mập, ốm cũng không hại gì đến việc đắp dùng, vì thế chỉ nêu ra lượng rộng mà không nói cách dài. Có chỗ nói rằng: tướng lá của phần khác, tức là lượng dài. Nay cho rằng tướng rộng dài bằng nhau đâu chỉ

riêng bên dài.

Vả lại, thời nay người ít có ai cao đến tám thước, chỉ lấy trong chín thước đủ để tương xứng. Bởi do góc bên phải Ca-sa (y) vốn ở vai bên trái, hoặc rũ xuống dưới nách, vì thế may chín thước vừa thích nghi với thân tám thước. Nay góc bên phải của y rũ về phía trước, đắp dùng như vậy là trái pháp, khiến cho chiều dài đâu chỉ một trượng hai, rộng không đủ năm thước, kéo dài mũi voi động vượt oai nghi, thói quen lâu ngày, mê muội càng sâu, do đâu mà can ngăn dạy bảo quyết lòng vâng theo pháp, làm sao mà nói.

Trong văn, tiết lượng, v.v... là nói vốn răn dè sự tham cầu, khiến biết dừng đủ, nên nói rằng lấy đủ mà thôi. Nay đây dẫn dùng ý để nói lên tùy nghi, vì thế nói y theo đây v.v... Chữ độ nhập vào gọi là tài độ, chữ thủ bỏ đi nghĩa là thô lược.

Trong phần dẫn các văn, hai chữ đầu tiếp văn chung với trên, diệc trở xuống một câu sinh khởi dẫn dụng sau. Nhưng trong luật Tứ Phần nói y hạ nhỏ hẹp mà trong các Bộ nói ba y hoặc đồng đủ có thể cho khuôn phép, sợ thấy chừng độ của thân liền mặc ý. Vì không có pháp rộng dài nên nói rằng tuy như vậy, v.v...

Cố trở xuống là dẫn nêu các văn. Đầu tiên nêu hai luật:

- Luật Thập Tụng nói y Thượng dài năm khuỷu tay, rộng ba khuỷu tay (đồng luật Tứ Phần ở trên). Y Hạ dài bốn khuỷu tay, rộng hai khuỷu rưỡi (Dài đồng như luật Tứ Phần, rộng thì thêm chín tấc thành bốn thước năm tấc). Y bảy điều là trung bình giữa thượng và hạ.

- Luật Tăng-kỳ nói ba y đều có ba phẩm:

- Y thượng dài năm khuỷu tay, rộng ba khuỷu (cũng đồng như luật Tứ Phần).

- Y trung dài năm khuỷu, một khuỷu không duỗi tay (Nghĩa là trong năm khuỷu tay, một khuỷu không duỗi tay, lượng không đủ năm khuỷu, y theo luận kia khuỷu là lượng duỗi tay), rộng ba khuỷu, một khuỷu không duỗi tay.

- Y hạ dài bốn khuỷu rưỡi (tám thước một tấc), rộng ba khủy, một khuỷu không duỗi tay.

Hai y trung và hạ cũng có ba phẩm đều như trên.

Trong luận Tát-bà-đa, ba sự chung ba phẩm. Dài năm rộng ba (y trung đồng luật Tứ Phần). Nếu lớn nhất là dài sáu khuỷu tay (một trượng tám tấc), rộng ba khuỷu rưỡi. Nếu nhỏ nhất dài bốn khuỷu tay, rộng hai khuỷu rưỡi. Trên nêu ba phẩm đúng pháp, dưới nói quá hoặc dưới thì phi pháp. Trước xếp vào thành thọ. Quá: có thể cắt giảm thì có

thể nối liền, bình bát không có nghĩa nầy nên thọ không thành.

Nếu quá trở xuống là chế phạm, y theo đó có thể biết. Thời nay y dài một trượng hai không thuyết tịnh đều phạm tội chứa y dư. (vì thế biết pháp y có kèm theo mười bảy vật dư. Nay xét trong Ni Sao, Tổ Sư quyết đoán: nếu quá ngoài lượng đã định thì phải tịnh thí).

Luật Ngũ Phần, duyên đầu cũng y theo khuỷu tay làm lượng. Chỉ tùy theo người dùng, không thể dùng. Một lượng được dùng để làm chuẩn, vì thế nói là không nhất định.

Đức Phật dạy tùy theo thân, phải y theo Nghiệp Sớ lấy từ vai đến gót chân làm chừng độ. Như trong các bộ trước chính là y cứ người tám thước làm nhất định, huống chi chia ra ba phẩm, thích hợp tùy thân cho nên còn phẩm lượng.

Trên dẫn hai lượng nhiếp hết cơ duyên. Định lượng thì ức chế sự tham muốn kia, lượng chung thì bị dị báo. Đại luận, ý dạy tiết kiệm làm đầu, vì thế Chương Phục Nghi chép: Nay giảm lượng đồng nghi tiết kiệm, vọng tăng quá lượng thành pháp phạm (Hoặc phạm tội chứa y dư, hoặc chế phi pháp).

Lại nói: Đầu đội là hạ bớt tâm kiêu hãnh và xa xỉ quá đáng chừng độ kia. Còn như luận nói tiết kiệm, nhỏ hẹp chưa thấy người kia, còn lại như trong phần nói riêng. Có chỗ nói: Sao dẫn văn phế bỏ định lượng kia, đây là thuận chấp tình vong, chê bai lời dạy của Phật.

Hỏi: Nếu theo văn chung quá lượng có được chăng?

Đáp: Nếu y theo luận Tát-bà-đa thì ngoài lượng đã định phải thuyết tịnh, không thuyết tịnh không được.

Nhưng nay người đắp y không thực hành pháp thuyết tịnh sẽ bị phạm tội chứa y. Lại đắp dùng có chỗ không tiện mà thôi.

Hỏi: Nay đắp y dài có lỗi gì?

Đáp: Ở đây có nhiều lỗi:

1- Ngoài lượng đã định phạm Ba-dật-đề vì chứa y dư.

2- Đắp dùng phạm Đột-cát-la vì y xả đọa.

3- Dài rủ xuống khuỷu tay có tướng mũi voi, mỗi bước phạm một Đột-cát-la

Nếu sợ nhân quả xin y theo chánh giáo.

Trong phần số lượng điều, khoa đầu nói điều tức là chiều dọc, từ năm điều, bảy điều, chín điều cho đến hai mươi lăm điều đều theo số lẻ. Vì thế lý do như trong sớ sao. Nghiệp Sớ chép: Do Sa-môn thực hành từ bi nhân ái là gốc, đồng sự dương hóa ở đời nên không dùng số chẵn (số lẻ là số dương có thể phát sinh, vì thế số chẵn là số âm có công năng

suy tàn).

“Gồm chỉ sao”: nghĩa là văn ẩn nghĩa sao.

Trong phần nói nhiều ít, khoa đầu luật Tứ Phần chỉ có mười chín điều là nhiều nhất của phẩm Trung. Luật Thập Tụng chỉ có mười lăm điều là đầu của phẩm trung, lược bớt phẩm Thượng vì thế nói là nếu quá. Nhưng văn không hiển rõ nên dẫn luận Tát-bà-đa đủ nêu ba vị chín phẩm của Đại y.

Nghiệp Sớ chép: Sở dĩ nhiều nhất là hai mươi lăm điều vì muốn lấy hai mươi lăm điều làm ruộng phước.

Khoa kế, trước tiên dẫn văn luật.

Trong Kiền-độ y chép: các Tỳ-kheo không biết may y bao nhiêu điều, Đức Phật dạy nêu may năm điều không nên may sáu điều (y hạ). Nên may bảy điều, không nên may tám điều (y trung). Nên may chín điều không nên may mười điều. Cho đến nên may mười chín điều không nên may hai mươi điều (y đại). Nếu quá số điều nầy thì phạm tội chứa y dư.

Theo luật vốn không có chữ bất, sau người không hiểu vọng chú giải ở một bên, sau đó có người biết liền bỏ đi.

Ư trở xuống lại chú giải nêu sai ở trước, đến sau khắc trên bản không thể đính chính được.

Nay trở xuống là chánh khiển trách.

Nói “Không chánh giáo chế khai nghĩa là không phải là giáo chế, lại không phải là chỗ khai, không đáng vâng dùng.

Trong phần ba, Bộ “Thánh Tích Ký”, có hai quyển:

1- Do Pháp Sư Linh Dụ soạn, văn này chỉ nêu điều tướng (tướng của điều).

2- Trí Luận nói thể của y kia, vì thế dẫn để thành tựu.

Nói Đại Tập: Nghĩa là y có chín phẩm. Tùy sức đã nói, theo xưa thì phải may hai mươi lăm điều.

Người sức không đủ thì thứ lớp giảm xuống đến chín điều. Do Đức Phật chỉ đắp y thượng loại hạ phẩm, vì thế biết đủ để làm tiêu chuẩn.

Trong phần sáu, nói Đê là đê ngang, như bờ đê của thửa ruộng.

Trong “Chương phục nghi” nói rằng: tướng của đê điều giống như thửa ruộng, như thửa ruộng chứa nước để nuôi dưỡng lúa mạ tươi tốt. Thí như mặc (đắp) y nầy làm cho các công đức lớn lên. Đức Phật khiến giống như nghĩa nầy không luống uổng.

Trong phần nêu số lượng, khoa đầu luật Tứ Phần định lượng văn như trước đã dẫn dài ngắn như trên đã lược nêu. Y năm điều mười bức

(mỗi bức có một dài một ngắn), hai y còn lại y theo đó, nên biết rằng y bảy điều có hai mươi mốt bức (hai dài một ngắn), y chín điều hai mươi bảy bức v.v... thứ lớp tăng lên. Y theo lượng nhất định của luật thì nêu hai y. Dài ngắn hai mươi chỉ căn cứ theo y năm điều. Trong văn nêu chung, phải biết hai y khác nhau.

Khoa kế, đầu tiên là nói đúng pháp.

Câu "Sở dĩ dài tăng đến bốn, ngắn chỉ hạn cuộc một", Sớ chép: Pháp phục kính điền, lợi ích cho hữu tình, tiêu biểu cho Thánh thêm phần bớt, dụ dài nhiều mà ngắn thì ít.

Kế từ nhược trở xuống là phân biệt phi pháp (không đúng pháp). Câu "Sở dĩ thành thọ đắp dùng thì phạm", sớ chép: Đắp lấy tướng oai nghi, dùng sinh vật thiện. Dài ngắn, trái lời Phật dạy, vì thế tùy mỗi bước vượt oai nghi mỗi bước kết tội (Thời nay, chúng tăng phần nhiều may y chín điều, dài ngắn không nhất định. Hoặc bằng lụa mỏng, hoặc bằng lụa đào, hoặc bằng lụa mỏng có hoa, bằng mầu xanh ngọc bích, tự gọi là pháp y. Tướng của thể, sắc, lượng đều trái với chánh chế, pháp gì mà có).

Trong ý cắt rọc, đầu tiên là ý làm chứng cớ; hai là trích dẫn giải thích.

Luật Tứ Phần nói không bị giặc bóc lột vì không giá trị.

Luật Thập Tụng nói khác ngoại đạo vì ngoại đạo đắp lụa trắng nguyên tấm.

Dẫn luật nói ba thứ thấp hèn chính là lấy dao thấp hèn vì đây là vật của người bỏ.

Về trước, các ý đều nương vào duyên ngoài, bao gồm chỗ quy về, làm ý chỉ phá tham, kết thiện ở đây.

Trong phần thứ bảy nói nhiều ít.

Văn đầu, như y theo các luật thì may chồng (may nhiều lớp), hoặc dùng vải may y mạn (không có điều tướng), hoặc hai y may hợp lại. Nay theo "Cảm Thông Truyện" vị trời bày pháp y theo tướng mà lấp vào. Kia nêu vị trời hỏi rằng: Y đại may chồng, so sánh mà làm. Nhưng dưới lá có ba lớp, đâu được như vậy ư? Tức hỏi chỗ may kia, liền chấp y của ta để nêu bày.

Tướng lá nầy là tiêu biểu ranh giới của ruộng lúa. Do cắt rọc, từng đoạn y cứ bên trong mà xếp đó, cách là lúa mì về sau tấc nầy.

Trong điều tiêu biểu cho đám ruộng, trên lá tiêu biểu rạch nước, há không như vậy ư? Nay thì dùng vải tơ lụa, một là không cắt rọc, hai là nhiều lớp đã không đúng bổn chế, đều phạm lỗi may và đắp dùng.

Hỏi: Sau dẫn luận Tát-bà-đa phân tích trì hạnh, há không phải phần nhiều y may nhiều lớp hay sao?

Đáp: Tổ Sư trước đều y theo luận mà may, về sau cảm Thánh mới sửa lại, vì thế văn truyền nầy quyết rõ việc ba tạng không nói. Như tọa cụ bốn tăng để trên cánh tay trái... ở đời đều làm đó, nào riêng nghi nầy. Dầu muốn may mạn y theo luận lẽ ra được, nhưng không cắt nhiều lớp thì khó thông.

Hỏi: Đại y may riêng mà thọ có thành chăng?

Sớ chép: được thành thọ, giữ đắp dùng mắc tội.

Trong phần tham khảo tướng chỉ có Đại y đáng nói, còn lại thì không bàn tới.

1- Dẫn luận nêu số.

2- Dẫn luật hiển chế.

Do y mới chỉ được hai lớp nay nhiều lớp, có phạm tội dư.

Trong phần ba nói y phẩn tảo, vật bỏ không chừng hạn nhiều lớp.

Trong phần phân tách, trước nói duyên gấp khai cho pháp. Nghĩa là y dầy nặng không thể đem đi được.

Phân tích nghĩa là phân ra khai cho.

Nhược trở xuống là nói sở thuộc sau khi chết.

Luận nêu hai cách giải:

- Trong bổn giới tức chỗ lưu giữ phân xử.

- Nuôi bệnh: đến khi người bệnh chết thì cho người nuôi bệnh.

Trong phần tám, khoa đầu, luật nói hai y Thương phải cắt rọc, nếu ít gấp diệp (đều được một loại). Y hạ lại được xếp lá, (lại thêm một thành ba loại. Nghĩa là may xếp nhỏ lược phân ra tướng lá).

Trong phần hai, đều là luật Tăng-kỳ khuyến khích giúp đỡ, sợ phạm lỗi thiếu y nên phải may gấp cho xong, tiếp tục dẫn kinh nêu bày. Đối với bậc Thánh còn như vậy huống chi là người khác ư?

Câu: "Thời nay phần nhiều dùng nữ công", trong Chương Phục Nghi chép: Nay có kẻ chẳng ra gì, ham muốn theo thế tình, ưa thích đường kim mũi chỉ thật tỉ mỉ, phải nhờ công sức của người, thế nhưng chỉ nghĩ đến việc may vá, đường tơ thật đẹp mà không tính giá trị công sức cao thấp. Hoặc có khi giá trị công may gấp bội y tài, sự chê bai không gì hơn đây.

Xem chung lời răn dạy về y chỉ tự may, nay lược thì ngược lại, tôi do đây mà khởi.

Tứ Phần trở xuống là nói về kết phạm. Nữ công may vá vốn là

việc quen làm của ni, nên chú trọng nói về tăng. Trong đây, nói về y đại, theo Tỳ-nại-da thì y bảy điều may bốn ngày xong, y năm điều may hai ngày xong.

Trong phần ba nói một mối nầy nghĩa là một mối gấp. Chỉ làm nghĩa là dự định muốn làm nhưng chưa làm.

Năm khuỷu tay nghĩa là lấy thể tài dài năm rộng ba, đây là lượng pháp y không cần thuyết tịnh, ngoài lượng nầy phải thuyết tịnh (Dẫn đây để làm chứng ở trước, định lượng càng rõ).

Trong phần bốn, khoa đầu, trước nói chuyển may ba y. Kế từ nếu trở xuống cắt làm nạp y. Trong năm phần, bốn phần trước phạm tội Đột-cát-la, một phần sau phạm Thâu-lan-già.

Nói nhuộm may nghĩa là dùng mầu nhuộm khác làm lá điều.

Phùng trước nghĩa là không may mũi kim lùi lại, vì thế chú thích để khiển trách.

Xếp lá: theo ba y kia đều là phi pháp (không đúng pháp, luật Tứ Phần khai cho y Hạ thì được, còn hai y kia thì không xếp lá.

Một nửa từ trên xuống nghĩa là khai cho tướng lá y đều phải thuận xuống, không được ngược lên.

Từ A-nan trở xuống nói đúng pháp. Đều dạy làm điều là nhỏ dụ cho thuận. Nghĩa là tướng điều lá đè ép phải thuận hai bên trái và phải. Vả lại, như y bảy điều thì ba điều hai bên đều thuận hai bên trái phải, một điều ở giữa thì một điều hai bên đè ép, cho nên nói là lưỡng hướng thuận. Kế từ nhược trở xuống là nói tùy vật cắt may. Đầu tiên dẫn văn nói nếu được y, hoặc y tài, hoặc đã may thành.

Không đủ làm y Đại 25 điều còn thiếu vải. Thứ lớp giảm xuống, nên nói là cho đến.

Chuẩn trở xuống là quyết nghĩa:

1- Quyết về văn tướng.

2- Nêu pháp thọ.

3- Dẫn văn làm chứng.

Luật Tăng-kỳ, đầu tiên nêu không đúng pháp. Luật kia nói rằng có Tỳ-kheo may đối đầu. Đức Phật dạy không nên may đối đầu, phải may lá, nghĩa là vẻ điều lá thẳng như vậy mà may. Chung quanh bìa thuộc nhau, nên nói là đối đầu.

Ưng trở xuống là dạy đúng pháp sáu cách:

1- Chế cắt rọc.

2- Từ cực trở xuống là nêu điều lá lớn nhỏ. Nay phần nhiều may lớn như cái quạt quạt gió. Chương Phục Nghi chép: như đám ruộng lúa

nhỏ lớn được chia bờ làm ruộng phước cho đời, nay thì may quá chánh độ kia (chừng độ nhất định) cho nên thuộc phi pháp phục. Phải y theo lời dạy không được vọng lớn quá.

3- Từ bất trở xuống là nói dài ngắn khác nhau.

4- Từ phùng trở xuống là mới may mũi.

Tuyên nghĩa là may thưa như răng chim. "Phùng" xưa nói là may qua loa (cẩu thả). Nếu răng chim rộng quá thì may chân chim. Sớ chép: ép lá chữ đinh (J) có tướng Tam xoa.

5- Từ y trở xuống nói thí duyên. Sớ chép: nhờ có biên chung quanh nên giữ lâu hư. Cấn thời: như trước nghĩa là may gấp cho xong, sau đó may lại.

6- Từ lá trở xuống là nói mây dây buộc (khuy), tức chỉ cho giới lìa y. Khi nói Tỳ-kheo có duyên đến nơi ở lại, tạm mượn của thế tục, thọ trì, tác tịnh, buộc khuy...

Trong phần năm, trước dẫn luật nêu pháp.

Tiến Hán là móc ngược.

Y cứ trở xuống là hiển rõ ý văn. Nghiệp Sớ chép: Gần đường biên bốn ngón tay, đặt cái móc giống như ngược, hướng về phía sau tám ngón tay lấy cái khuy để cho vai trái, vì thế có xa gần.

Chương Phục Nghi chép: Bởi dùng góc y bên phải che phủ vai trái, trước móc sau khuy thâu lại dễ dàng. Do đó, Thánh tượng Tây lai, linh nghi Đông Độ. Bên vai trái không rũ xuống khuỷu tay, đầu gối, v.v... (Thời nay rũ xuống khuỷu tay mũi voi là không đúng pháp).

Trong phần sáu, đầu nói chế châm mũi kim.

Khước là ngược, nghĩa là mũi kim ngược.

Khác với thế tục, nghĩa là vì kia chỉ may thẳng.

Phòng ngoại đạo, nghĩa là có Tỳ-kheo may thẳng bị kia kéo sợi chỉ khiến cho rớt xuống.

Hựu trở xuống là nói vá y cũng là mũi kim.

Tứ trở xuống là y cứ quyết bổn tông.

Trong phần bảy nói chồng góc.

Sớ chép: tương trợ là do năng lực.

Hựu trở xuống nói đặt cái khuy chồng trên vai, nhưng phải may chồng là vì chướng cấu dơ.

Sớ chép: Số hoàn (giặt nhiều lần) y cũ sợ mau hư.

Trong phần tám, đầu tiên dẫn duyên.

Xóm làng trở xuống là nêu thêm chữ phạm kết, giúp cho giải thích rõ hơn.

Câu-lan tức điều lá, bỏ chữ đương.

Thận trở xuống là khai nghèo thiếu. Câu trên tiếp văn khai ở trên, hai câu dưới nêu nghèo không có y phục khác.

Y phẩn tảo ngũ nạp đặt lá chia tướng, vào xóm không có lỗi.

Ba, trong phần nói thọ trì đối đầu, dùng pháp chia làm hai:

1- Nêu luật Tứ Phần văn thiếu, câu đầu lập chế, nhược trở xuống là nói thọ lại.

Nghi cho rằng trước thọ sau quên, hoặc bị mất hay không chưa rõ, đều khiến cho xả rồi thọ lại rõ ràng.

2- Từ tích trở xuống là nói xưa nay dùng riêng. Đầu tiên dẫn xưa, chú giải hiển rõ tướng khác nhau. Luật kia y cứ về đêm chia làm ba:

- Ngủ lại đêm, đầu hôm thành phạm.

- Che giấu tội, hộ hạ, y theo về minh tướng phạm

- Lìa y phạm, tuy minh tướng trì thông suốt đêm phân chia.

Theo giới sớ có bốn câu phân biệt.

1- Sáng đi tối về (ngày chưa quá, phần đem trở về giới, các luật nói không phạm).

2- Tối đi sáng về (luật Tăng-kỳ nói không phạm vì suốt đêm, luật Tứ Phần, luật Thập Tụng thì nói phạm vì cách minh tướng).

3- Sáng đi sáng về (ngày chưa qua đi, cách minh tướng trở về, các bộ đồng phạm, luật Tăng-kỳ chỉ câu này là phạm).

4- Tối đi tối về (các bộ không phạm).

Kế nói nay dùng, chú giải nêu lấy ý kiến hai câu trên.

Trong phần chia phẩm:

- Đầu tiên nói Đại y. Chánh tức là y bổn vị, tùng nghĩa hai mươi bảy là thiếu bổn y, dùng y khác đương đương số.

Chánh mười tám phẩm: Cắt rọc chồng lá đều có chín.

Tùng có tám: y bảy điều hai phẩm; y năm điều ba phẩm, mạn y một phẩm. Chánh và tùng hợp lại thì có hai mươi bốn phẩm. Ba y làm chánh và tùng lẫn nhau, mỗi y có hai mươi bốn phẩm, tổng cộng thành bảy mươi hai phẩm.

Nói "mạn thông": vì tùy dùng phân chia.

Hợp thành một: vì y cứ theo thể đồng, nghĩa sao thiếu văn, nghiệp sớ hiển đủ.

Trong phần thêm y hạ, câu đầu nêu trước sau, trước trở xuống phải có chữ "gia" (thêm).

Nghiệp Sớ chép: Trước khiến trì bình bát sau mới trì y, nghi tướng (tướng oai nghi) không tiện (đây là khiển trách xưa). Ý do ở trước hỏi: y

đúng như tên, gia thọ liền đắp. Kế thọ y Uất-đa-la, tùy thể ở trước. Sau thọ y tăng-già-lê, vừa có thể gấp lại.

Bình bát là thọ thứ hai, y phục đã đắp mới được tay cầm.

Tọa cụ thứ ba. Sau cùng gia trì một lớp để trên vai (Đây là y cứ ba y, bình bát, tọa cụ một thời gian trì. Theo pháp đắp dùng để rõ thứ lớp. Hoặc không đồng thời gia trì tùy duyên không nhất định).

Thử trở xuống là nêu phẩm số.

Trong phần gia chánh y: đầu là chánh gia cắt rọc, cũng trở xuống là chung hai phần còn lại.

Trong phần chú giải dạy cách chồng lá, biên trên phải may mũi kim, biên dưới phải mở ra, khiến cho đồng cắt rọc. Khác đồng tức chỉ từ khác ở trước nêu ra luật Thập Tụng.

Trong lời chú giải, sau ngăn không được chồng lá, đều khiến cho bắt chước đồng cắt rọc. Thời nay cắt rọc đều may hợp, khai cho một tấc.

Xưa tương truyền gọi đó là minh khổng hoặc minh tướng, lại gọi là lậu trần, nêu đời truyền lầm, nay chưa thức tỉnh.

Nay xét trong Chương Phục Nghi chép: cắt may thấy lá tiêu biểu tướng cắt kia. Nay đều may hợp, không có tướng để phân. Đây là biết thời nay không khai tướng lá, tức đồng với chúng nhỏ đắp y mạn mà thôi.

Trong phần nói Tùng y, nói “Điệp hạ y danh”: do tên chung, vì tùy dùng mà chia ra.

“May chồng y số điều của y thượng”: do thể là nhất định vì như thật mà xưng. (Có chỗ nói: y năm điều thọ là sai).

Cho đến y bảy điều nên nói: đây là y An-đà-hội, hai bức dài một bức ngắn, là y cắt rọc xin thọ trì.

Trong phần chú giải y mạn, đầu tiên xét pháp tùng y ở trước, mạn trở xuống là chánh nêu pháp y mạn.

Trong phần chú giải y thượng, câu trước thông chồng lá, Dĩ trở xuống là xét trong từ có bao nhiêu.

Trong phần kết thân, văn đầu câu trên kết trước, luật trở xuống là nêu số.

Luật kia tức là Thập Tụng, sợ nghi chưa cắt cho là y tài, nên phải chú giải để quyết nghi.

Khoa kế, trước dẫn văn luận. Tất trở xuống là khiển trách không đúng pháp. Trước khiển trách mầu trắng. Kế từ như trở xuống là khiển trách bốn mầu, chỗ ưa thích của người vì thế nói rằng có nhiều. Mầu

trắng tăng không để tang nên không dùng, vì thế nói không nhiều mầu trắng.

Chánh nói tức chỉ cho Luận trên.

Kim trở xuống nói thương thán, khổ thọ, giống như nói kiên chấp.

Một, đời không có y là trái với pháp chế. Chết phụ Thánh trách, trái giáo kết phạm. Lo gì không có đường ác phân định, vì sẽ đọa đường khổ. Hai câu trên là hiện nghiệp, một câu kế là lai báo (quả báo đời sau). Chữ nhị ở sau là lời than.

Thời nay có người dùng vải y làm tang phục. Y là Đức Như lai chánh chế tiêu biểu cho ba thừa, đâu có ý một ngày trở lại làm tang phục, thêm dây mầu trắng rủ dài xuống, hoặc lại dùng vải thô tiêu biểu khác, hoặc khăn mầu đen quấn cổ, hoặc mũ vải trắng đội trên đầu, đây đều là phong tục quê mùa của thế tục thạnh truyền ở đời, tướng pháp diệt hiện ở đây.

Trong pháp xả, lời chú giải y theo luật Tăng-kỳ vì luật Thập tụng thiếu văn.

Lời chú trong Yết-ma chép: một lần nói liền thôi, do đó thọ trước không lấy theo luật Tăng-kỳ, do gia thọ thành trì, trì giữ đã khác nên phải lấy hoại.

Xả là bỏ. Kia đây không trái, tùy dùng chung được.

Một lúc thọ xả: Nghĩa là ba y một lúc đồng gia thọ (thân), chỉ phạm tội nhỏ lẽ ra pháp thành.

Pháp của Ni, khoa đầu có hai:

1- Nêu chung.

2- Từ mười trở xuống là nêu pháp.

Quyết-tu-la là trong luật Tứ Phần nói là Tăng-kỳ-chi, vì thế nói là quốc ngữ khác nhau. Âm nghĩa trong kinh dịch là Yểm-dịch y, nghĩa là phủ nách trái, buộc kèm dưới nách phải, dài bảy thước hai, rộng bốn thước năm. Kế là thêm Phú Kiên y, văn lược hai câu đầu, giống như trên mà thêm.

Trong phần chú giải, do hai pháp trên đều lặp lượng khuỷu tay. Đương thời chế tạo phần nhiều trái với bổn thức, cho nên sửa đổi thì sự pháp tương xứng.

Nghiệp Sớ chép: Ni thọ hai y. Lượng khuỷu tay của Phú Kiên y ít có chỗ công nhận, Tăng-kỳ-chi thì hoàn toàn sửa đổi, văn tuy y cứ định về lượng nhưng dần dần biến đổi.

Theo Yết-ma sửa rằng:

"Đại tỷ nhất tâm niệm, tôi là Tỳ-kheo-ni mỗ giáp, Tăng-kỳ-chi nầy may đúng pháp, tôi xin thọ trì". (Phú Kiên y cũng giống như vậy).

Hỏi: Đây là áo của ni, tăng có khai cho chứa không?

Đáp: Theo đây trong giới Ni thì Ni lìa năm y đều phạm tội Ba-dật-đề, Tăng lìa hai y phạm tội Đột-cát-la. Rõ biết được làm một trăm lẻ một vật thọ trì, nhưng Ni là chế vật, tăng nhập vào y.

Hỏi: Tăng có được mặc không?

Đáp: Theo trong Trụ pháp Đồ Tán nói: A-nan dung mạo đẹp đẽ, người nữ thấy sinh tâm ưa mến, nên riêng cho phép mặc. Xưa nay, tăng chúng cũng phần nhiều mặc, vì thế Đồ Tán khiển trách rằng: Thời nay kiêu hãnh mà vọng mặc ấy là xen lạm đây.

Hỏi: Nay Tăng có được mặc không?

Đáp: Tuy có lời khiển trách nhưng không hoàn toàn bỏ.

Song ở Tây Vực thì vén y bày vai làm lễ, còn xứ nầy phục sức làm nghi. Nếu theo cõi nước (địa phương) thì chẳng thể không mặc.

Hỏi: Nếu vậy, nay người học luật vì sao không mặc?

Đáp: Người biết thì mặc, còn người mê mờ thì không mặc. Nhưng người đời không biết áo lót nhỏ tức hai thứ Tăng-kỳ-chi và Phú Kiên y, vì thế thay đổi lớp trên che mà thôi. Phải biết bên phải áo lót là Phú kiên y. Chỉ thuận với xứ nầy may hợp hai tay áo, cắt cổ áo rời vạt áo, giống như còn tướng cũ, đâu không như vậy.

Nay có người cố chấp rằng mặc nặng, nên hỏi rằng Phú Kiên y vốn là để che bắp tay, nay bên trong tôi đã có áo ngắn, trên có áo lót, có chỗ nào mà bày lộ được, lo gì phải che? Có người nói rằng: mặc sẽ phát sinh điều lành. Nếu vậy thì Tăng phải mặc, đâu riêng người mới thọ giới nghe luật thì sinh thiện, còn tông khác không mặc thì không sinh thiện. Huống chi dùng lụa mỏng nhuộm mầu tím nghi tướng kiêu sa, đối với người thì sinh ra sự chê bai như thế tục, đối với lời dạy của Phật thì trách như dâm nữ, dơ uế chúng tăng thì có điều lành nào sinh được?

Lại nói: Luật học phải mặc là chính. Phân Tông đồ: đồng xưng là họ Thích, tôn Phật làm thầy, ba môn học vô lậu (Giới, Định, Tuệ) đều tu, oai nghi đều chế, nhưng cơ duyên kém mỏng không thể mở mang. Cho nên ba tạng chia tông, ba sự cạnh tranh giáo hóa mà cho rằng phục sức nêu khác trước chưa nghe. Chỉ do không học ngu si mà mặc tình vọng thuật, nghe nghĩa không luống, vọng nầy nào cùng.

Trong hiển bày rõ các bộ khác, luật Tăng-kỳ trước nói cấm chứa để khác nhau. Nếu theo tông nay thì không chứa hai y. Giới Ba-dật-đề của ni nêu Tăng-kỳ-chi chế lượng, luật kia nói một gang tay dài hai

thước tư, thì tính chín thước sáu, rộng bốn thước tám, có hơi khác với trước.

Ni trở xuống gồm nêu năm y, đồng và khác có thể thấy.

Trong phần tâm niệm, luật Ngũ Phần, trước nêu duyên. Nói trụ riêng nghĩa là bất luận là thôn hay đồng trống chỉ y cứ chỗ không có người.

Sớ chép: Hễ giới không có người thí khai cho tâm niệm, tuy có mà không đủ số đâu được đối thú?

Ưng trở xuống là nêu pháp:

1- Nêu pháp xả.

Nói ba lần: y theo văn kia, dựa vào chú giải Yết-ma cũng đồng nói một lần.

2- Từ nhiên trở xuống là nêu pháp thọ.

Tạp liệu: lựa trong môn đầu mượn y.

Nói không được xả vì không chứa để.

Khoa kế, trước nói ba y.

Thuyết Tịnh, nghĩa là pháp y sau thành thì y trước tự mất, tức là nhập tịnh.

Không xả phạm Đột-cát-la nghĩa là tội trái lời Phật chế.

Trong phần ba, luật Thiện kiến đầu nêu duyên khai tâm niệm, kế từ Chư trở xuống là nói về pháp thọ.

Trong tám ngón tay, nghĩa là trong chừng hạn tám ngón tay, gang tay bốn ngón cũng đồng.

Có sợi tơ ngang: nghĩa là có một ít sợi tơ liên kết, đây là nói về bị đâm lủng, ý nói vải dệt bị lỗi.

Sau dẫn luận Tát-bà-đa căn cứ theo đường viền (biên) quyết đoán nói lỗi.

Hai luận đều dẫn tùy ý chọn dùng. Nếu theo Nghiệp Sớ chỉ lấy lời giải thích sau. Sớ chép: do tướng đường biên chung quanh có chừng hạn thọ trì, vì thế tuy ở giữa bị lủng khai cho vá sửa lại. Vì chỗ bị lủng đó không vừa ý nên phiền lụy nhiều, chỉ cần đường biên còn thì thu biên lại liền đủ (Ở đây nêu ra không lấy ý của luật Thiện kiến).

Trong phần bốn, đầu tiên dẫn luật Thiện Kiến, văn nêu bảy duyên gồm trên thành tám.

Trong luật Tứ Phần, đầu tiên nêu riêng tính cách. Cụ trở xuống là nêu chung bốn ngại. Thường ôm lòng giữ gìn không mất nên không phạm tội. Bỗng gặp duyên sự mất thì không tội. Trước khinh mạn không nhiếp mất pháp thì phạm tội. Ba đoạn đều thấy trong giới lìa y, vì thế

chỉ nghĩa như trên, sao không có văn, sớ là hai sớ.

Trong phần năm, luận Tát-bà-đa, đầu tiên nói không thọ không lìa, luật Thiện Kiến nói lìa cũng phạm tội Ba-dật-đề, vì thế chú giải hiểu khác. Kế từ nhược trở xuống là nói gia thọ bất tịnh.

Trong phần vá sửa, khoa đầu luật'Thập Tụng y cứ vào may châm kim để chia ra trì phạm.

Hai tội là: Không thuyết tịnh phạm tội Ba-dật-đề, không điểm tịnh phạm tội Đột-cát-la.

Trong luận Tỳ-ni Mẫu chép: "Đầu tiên chưa tịnh, may rồi thì tịnh": vì năng y có pháp nhiễm sở y. Trên là nói y hòa hợp tịnh, luận kia nói sắc hòa hợp tịnh, vì thế chung cho hai thứ.

Yết-ma dẫn: Nếu sắc không đúng pháp, may đắp đúng pháp, đây gọi là sắc hòa hợp tịnh, lại không cần tịnh riêng (nghĩa là không cần điểm tịnh). Văn trong luận chỉ nói rằng may đắp, lời chú giải khiến y theo luật Thập Tụng trước thì chung cho.

Khoa kế, trong luật Thiện kiến có hai:

1- Vá sửa không mất.

Câu "Sắp sửa liền vá": luận kia nói bị đâm lủng thì mất thọ.

Trong lời chú giải, nếu theo bộ luận Tát-bà-đa nghĩa phải gia thêm.

Nói tùy tình là mặc tình lấy dùng, theo lời sớ trước ý phải theo luận Tát-bà-đa.

2- Từ nếu giặt trở xuống là y cứ theo sắc nói không mất. Tăng sắc nghĩa là giặt rồi sạch mới, thoát thối, thượng gia.

Trong luật Ngũ Phần, nói "phức tuyến" nghĩa là sợi tơ đôi.

Giả trở xuống là nói trùng tuyến cũng đồng như vậy. Văn khai may thẳng, đối nghĩa không tiện nên phải chú giải để rõ.

Luật Tứ Phần, đầu tiên dẫn nêu. Luật trở xuống là y theo quyết định.

- Trước nêu ý luật. Nói: "Luật khiến" tức tiếp theo văn trước, nhưng không hiển rõ nên đồng luận, tức văn trước đã dẫn rằng sắp rách nhưng chưa bị lủng.

- Sau từ đa trở xuống có quyết định mất chăng?

Đầu tiên là nêu luận. Thử trở xuống là quyết phán. Câu trên xét luận Tát-bà-đa, câu dưới trong luật Thiện Kiến.

Trong phần ba, nói giả âm giả là đất đỏ. Ở đây nói nẩy mầm lại rung chuyển dây mực.

Trong phần bốn, U hiển đầu quở trách: vì trái oai nghi. Kinh Niết-

bàn cũng chép: Y phục bất tịnh là tướng pháp diệt. Thời nay có người cố ý đắp y xấu vọng xưng là đạo, đây là trong không biết hổ thẹn, ngoài mất oai nghi, ô nhục tăng đoàn Đạo gì mà có?

Đại môn thứ ba nói thọ dụng nghĩa là đắp mặc, Cầm giơ lên tức là trì hành.

Trong phần nói cung kính giữ gìn: luật Thập Tụng trước gồm nói tâm cung kính giữ gìn ba y. Sau nêu riêng cách đắp dùng y Đại, có bốn:

1- Chế lúc làm việc, không để vướng bàn chân.

2- Chế ô trược.

3- Nếu vào trở xuống là nói vào xóm làng.

4- Từ nếu gặp trở xuống là nói tránh qua.

Liên lực triển, nghĩa là gánh vác vận mệnh.

Tọa cụ là tiếng Hán (Người xưa cho rằng hoặc đắp Đại y không được trải Ni-sư-đàn, vì mê tên).

Trong Bảo Đàn Kinh chép: Khi ngài A-nan kiết tập, Tôn giả Ca-diếp đắp y Tăng-già-lê, tay cầm Ni-sư-đàn, đến trước A-nan trải Ni-sư-đàn, lễ Ngài A-nan v.v... đây là nói chỗ y cứ, xin chớ nghi ngờ.

Duệ nghĩa là kéo lôi.

Tránh trên gió: vì sợ bụi bay.

Nê cức nghĩa là bùn đất, gai góc. Kinh trị thiền bệnh là nói Đại y không cho đắp làm việc.

Trong phần hai, trước dẫn các văn, phần nhiều nêu cánh chim để dụ rằng y phải thường mang theo bên mình.

Câu: "Tứ phần hành tri đẳng giả": nghĩa là xuất xứ hợp nghi.

Cách hồ cách phản là cánh chim.

Chư trở xuống là kết duyên. Thời nay ít có giữ đêm huống gì thường đem theo bên mình. Có nhiều người trọn đời không có pháp phục, đây là đời mạt pháp giữ đêm còn hơn. Trong không có lòng tin thanh tịnh coi khinh pháp, coi thường y, người xuất gia chân chánh xin vâng theo lời Phật dạy.

Hỏi: Nếu không đem theo bên mình có lỗi gì?

Đáp: Như ở trên, luật Thập Tụng, luật Tăng-kỳ đều nói phạm tội Đột-cát-la.

Trong phần ba, khoa đầu, trước dẫn hai văn nói khai cho.

Luận Minh Liễu chép: Trước một tức y năm điều, Phi một tức y bảy điều, lưu một tức Đại y.

Luật Tứ Phần nói nghi khủng: nghĩa là nghi có sự sợ hãi.

Kế từ vào xóm trở xuống là dẫn ba văn để nói chế pháp. Nay vào xóm không đắp y, mỗi bước chân đều trái lời Phật chế.

Khoa kế, là luật Tăng-kỳ:

1- Nói pháp đắp và xả y.

2- Từ nhân trở xuống là nói buộc khuy.

3- Phi trở xuống là nói ngay ngắn.

Văn phần một lại có hai:

- Trước nói cách đắp ba y.

- Sau nói mặc nội y.

Trong phần đầu, ba câu trên nêu cả ba y. Luật ấy nói Tỳ-kheo chứa hai bộ ba y, một bộ vào xóm đắp, một bộ ở trong chùa đắp. Đây là ba y gồm có y vào xóm và y ở trong vườn:

Không được trở xuống là nêu riêng Đại y.

Đầu tiên nói cách vào xóm cởi y cũ đắp y mới.

Y trong vườn tức Đại y đắp khi ở trong chùa (Tăng-già-lam dịch là chúng viên, chùa viện gọi chung là từ việc Tu-đạt mua vườn làm tên).

Tự cận: giống như chữ Tai.

Kế từ tùng trở xuống là nói ra khỏi xóm cởi y mới đắp y cũ.

Nêu thứ ba kia, trong quyển 15 nói đầy đủ Đại y, hai y còn lại y cứ đồng. Nay văn lược. Chú thích nghi sợ đem vào vườn vì cho là năm điều. (Lời ký xưa lại giải thích y năm điều. Hoặc nói rằng đổi lời chú giải là khi vào xóm đắp y hạ. Hoặc nói là chữ lê hợp thành chữ lam như giải thích trên. Như vậy đều là nói dối, bởi không tìm xem bổn văn).

Trong phần nội y nêu ra hai việc cũng đồng nói ở trên. Trong văn đầu tiên ngăn việc không đúng pháp. Trước chế xuất nhập, trước cầu sau thoát. Sau chế lại đắp kéo ra. Ưng trở xuống là nêu đúng pháp (xưa không giải vì không nêu).

Đối hữu hành: y cứ giống như nút áo không buộc trên y, không rõ ở Tây vực dùng như thế nào. Trong phần bốn cho rằng: y năm điều đắp trên thân, y bảy điều ở trên giường, Đại y thì gối đầu, vì thế nói rằng nằm trong bảy điều. Nay sợ hư dơ chỉ đắp y năm điều, ngồi nằm đều trên đó, y bảy điều và Đại y xếp để trên đầu.

Trong phần năm nói như vậy nhiều lớp, nên nói rằng: Không mặc Tăng-kỳ-chi không được đắp An-đà-hội (y năm điều). Lời chú giải rằng khi đắp cũng phải xem duyên, chẳng phải cho là thường như vậy.

Trong phần sáu, trong phần năm ở trước nói trái lại duyên khởi ở đầu.

Đức Thế Tôn trở xuống là lập lời chế.

Nhược xuất trở xuống là khai duyên.

Nhược y trở xuống, là sau nói đắp ngược.

Luật Tứ Phần phần nhiều giống ở đây nên lược không dẫn. Trong phần bảy, dẫn kinh nên vén y hay trùm vai, trong luật. Trước khi lên tòa Phật mới vén y bày vai, có thể nghiệm khi khác thì đắp phủ.

Trong kinh chưa rõ kinh nào, nghĩa là đối Phật, Pháp, Tăng không cung kính.

Trong phần tám, đầu tiên nói khi gặp nạn, tạm khai cho không đắp, theo đây nên biết khi không có nạn phải đắp. Không được tạm lìa thân, việc ấy có bốn. Đến nước khác không đắp, như văn đã nêu, chỉ lược bỏ số mà thôi. Nhược trở xuống là chế phải cung kính giữ gìn.

Trong phần chín nói không lễ đều y cứ theo đối biện, không y cứ đối tăng, lời chú nêu ra lý do.

"Cung xứ tông là chỉ Đại y. Sợ không biết nên phải trình bày ý. Nên nói rằng: mỗ giáp thân đắp Đại y nên được lễ.

Trong phần mười, đầu tiên nói khi đắp, đối trước Phật, Pháp, Tăng không được quay lưng, đúng lý phải nghiêng mình, phải ở chỗ vắng, miệng ngậm tay cầm sợ làm nhơ bẩn.

Trong Tỳ-nại-da, chú giải rằng: miệng voi tức phạm giới không ngay ngắn trong pháp chúng học, văn chú giải hiển rõ như vậy, nay đắp y đều để rũ xuống khuỷu tay, đâu biết mỗi bước đều trái oai nghi, phạm tội Đột-cát-la.

Theo Cảm Thông truyện, vị trời nêu hễ kinh thì có bốn điều chế, ở đời phần nhiều mê chấp, lược dẫn đó. Truyện ấy chép rằng: Ban đầu, Đức Phật độ năm anh em Kiều-trần-như và anh em Ca-diếp đều chế tọa cụ để dưới cánh tay trái Ca-sa. Ở Tây Vực, vua quan đều đắp Bạch Điệp phủ trên vai trái, vì thế Phật chế góc y để chỗ cánh tay để khác thế tục. Đây là điều chế thứ nhất.

Sau tăng chúng ngày càng nhiều, Tỳ-kheo nhỏ tuổi dung mạo đẹp đẽ, vào thành khất thực, phần nhiều bị người nữ ưa mến, do đây Đức Phật chế góc y để trên vai, sau bị gió bay cho phép đè lên Ni-sư-đàn, đây là điều chế thứ hai.

Sau đó, có tỳ-kheo bị ngoại đạo vặn hỏi rằng: Ca-sa đã là vật đáng kính, có oai linh lớn, đâu được để miếng vải ngồi lên trên? Tỳ-kheo không trả lời được, bạch việc này Đức Phật. Do đây Phật chế để góc y ở cánh tay trái, tọa cụ ở dưới y. Đây là điều chế thứ ba.

Sau Tỳ-kheo đắp y không ngay ngắn, ngoại đạo hiềm trách rằng tướng trạng giống như dâm nữ, chẳng khác mũi voi. Do đây bắt đầu chế

buộc khuy phía trên khiến cho góc y phủ đến cánh tay trái (đạt là đến) thẳng đến dưới nách, không được để rũ xuống như trên. (Nay theo đây có thể đắp gạt ra vai trái, nếu rũ xuống cánh tay, khuỷu tay thì định phán là phi pháp, mỗi bước kết tội. Xưa nói: khiến ở cánh tay là chánh nhưng không được rũ mũi nhọn, là sai). Đây là điều chế thứ tư.

Trong phần 11, Ngũ Bách Vấn có ba đoạn:

1- Nói đắp lẫn nhau. Không có ý trung nghĩa là thiếu y bảy điều. Đại y vốn không phải nhập chúng, theo đây thiếu cho nên khai được đó, y tiểu là y năm điều. Tịnh ấy cũng khai cho nhập chúng, theo đây nếu thiếu y Đại. Hai y hạ khai cho vào xóm. Nếu thiếu y hạ, thì Đại y không được đắp lúc làm việc, y bảy điều thì được. Trong lời chú giải, đi đường phần nhiều đắp y hạ, hoặc thấy tháp mà lễ lạy; Luận nói không có y tạm khai, vì thế biết thường là không cho. Thời nay vào Tháp lễ tụng, phần nhiều không đổi y. Xông vào linh nghi càng thêm nghiệp thức, cần phải cẩn thận.

2- Nói thọ thức chế thì phải pháp y.

3- Nói mượn y chế thì phải ở trong giới.

Sau dẫn luật Thập Tụng quyết định văn luận ở trên, dường như chế ba y đắp trùng, thọ thực hoặc hạn cuộc thọ trì. Ca-sa nói chung, tùy đắp một việc. Hoặc lại có dư đều không lỗi.

Nói phạm tội: là phạm Đột-cát-la (theo đây chế phạm không dùng luận trước).

Trong phần 12, luật Ngũ Phần và Tăng-kỳ đều cho rằng tùy người. Kinh Tạp A-hàm nói về việc đắp y mà được đắc đạo. Kinh Hiền Ngu nói cung kinh cho nên thành Phật.

Kinh Tạp A-hàm chép: có một người nữ sinh được bảy đứa con, sáu đứa lần lượt bị chết hết, vì thương nhớ con nên bị điên cuồng, lõa thân phủ tóc đến chỗ Phật bèn được bổn tâm. Hổ thẹn ngồi dưới đất, Phật bảo A-nan đem Uất-đa-la-tăng (y bảy điều) đắp cho, đoạn nói pháp cho cô ấy nghe, liền sinh tín tâm. Sau đó, đứa con thứ bảy cũng chết, nhưng lúc nầy cô không buồn rầu khóc lóc. Khuyến hóa người chồng cùng cô đầu Phật xuất gia, chứng quả A-la-hán.

Kinh Hiền Ngu chép: Có một Sư tử tên là Kiên Thệ, thân mầu vàng, không hại người. Bấy giờ, có một người thợ săn, cạo tóc đắp y Ca-sa mang cung tên vào rừng. Thấy sư tử này, người thợ săn nghĩ rằng: nay ta được lợi lớn, dâng da sư tử nầy lên vua. Bấy giờ, sư tử ngủ, thợ săn dùng tên độc bắn nó. Sư Tử thức dậy kinh hoàng liền muốn chạy đến làm hại nhưng thấy người thợ săn đắp y Ca-sa liền nghĩ rằng: người

này không bao lâu sẽ được giải thoát, bèn ráng chịu tên độc đó mà chết. Phật nói sư tử đó chính là ta, thợ săn đó chính là Đề-bà-đạt-đa.

Nhiếp y trong giới, giữ y y cứ vào xứ để nói lìa y và giữ y. Xứ tùy nhiều thứ nhưng gồm có hai:

1- Nương theo giới tự nhiên mà giữ y. Bổn tông và Bộ khác cộng thành mười lăm tướng, nhiếp giới đây như giới lìa y trong ba mươi giới Ba-dật-đề đã nói.

2- Theo tác pháp, giới nhiếp y chỉ có một tướng. Tức ở đây nói xưa nay phế lập trong thiên Nghiệp sớ các giới. Nay chỉ thẳng chánh nghĩa như trong biệt sớ, nghĩa sao không có văn.

Khoa kế, trong phần chọn lựa có cần kiết giới chăng: Đây là gồm nêu. Nhược trở xuống là chỉ bày riêng trước nói không già-lam phải kiết. Đầu tiên nêu tướng phán định do trước không kiết, chỉ tùy theo trụ xá (phòng xá đang ở) khó giữ dễ lìa, nay nếu kết khắp giới giữ chung, vì thế kiết có lợi (lời chú giải trong Yết-ma nói tác pháp giới rộng, già-lam hẹp, sự khác nghĩa đồng với đây). Vì thế biết rằng phải kiết chung hai tướng.

Vị trở xuống nêu hoạn không kiết giới. Tăng viện là trong trụ xá nói ở trên: tất cả giới tự nhiên ngoài giới bất thất y ra đều có mười ba bước.

Kế, từ hai trở xuống là nói hai giới khác không cần. Già-lam giới còn không cần phải kết huống chi Tiểu giới? Mượn Đại giới nêu giới già-lam mười ba bước cho kiết cũng như vậy.

Kết rồi trở xuống là nêu lỗi kiết. Hai tướng đều có ngoài viện mất, giới bất thất y nhỏ đối trong viện già-lam cũng mất y.

Trong phần lập pháp, khoa đầu hai câu trên nêu pháp xưa. Câu trên nêu chung các nhà. Đây là vì trong Yết-ma văn lập trừ thôn, thôn ngoại giới cho nên sinh chấp khác. Theo sớ, thì có hai nhà giải:

1- Có Sư giải thích rằng: Nếu có thôn thì phải trừ, không có thôn thì không cần, vì sao nói rằng đều phải trừ. Đây là y cứ theo Đàm Đế Yết-ma, chú giải rằng: có thôn thì nói trừ thôn, không thôn thì không cần xướng trừ thôn.

2- Có Sư giải thích rằng: có thôn kết là hiện trừ treo không kiết, sau thôn dời ra ngoài không được nhiếp y (Do trước đó có thôn nói trừ, thì chỗ thôn không đúng pháp, vì thế nói là không kiết, kia cho rằng thể thôn.).

Không thôn kiết là: Hiện kết trừ sạch, thôn đến không nhiếp, thôn đi trở lại nhiếp trong giới. (Trước đó không có thôn kiết khắp giới đúng

pháp, chỉ thôn đến là ngại mà thôi).

Câu dưới chỉ riêng cách giải thích ban đầu, kia cho rằng trừ thể. Y cứ hiện không có thôn thì đối trong lời Yết-ma “Trừ khứ trừ thôn v.v..., vì thế nói là pháp không thôn kiết. Nay trở xuống lập nghĩa nay chia làm ba:

1- Lập chung: Hai câu nói pháp kiết đều chung, một câu dưới nói lý do trừ.

2- Từ nhược trở xuống hiển hiện riêng nghĩa, tức là nay đâu cho là dự định sau. Duyên Yết-ma nói rằng kiết giới Bất thất y, đây tức là kiết.

Trừ thôn, thôn ngoại giới là tức trừ.

Có thôn liền trừ, cho nên nói rằng hiện trừ, nhưng thôn kia tuy không nhiếp y, mà không ngại không kiết. Dự định sau này thôn dời đi, vì thế nói là đâu kiết (tức khác với Sư xưa nói là đâu không biết). Không có thôn tức kiết khắp, vì thế nói là hiện kiết. Tuy hiện tại không có thôn, dự định sau này thôn đến không được thông nhiếp, vì thế nói rằng đâu trừ. Chú giải có thể thấy, chú giải sau hai chữ “thôn có” là viết ngược.

3- Từ dĩ trở xuống là hai cách giải thích:

- Câu trên nói kiết giới pháp, vì tuy có thôn nhưng không ngại pháp.

- Trực trở xuống là hiểu rõ trừ thông, vì trừ duyên nạn nên không trừ thể.

Khoa kế, câu đầu kết đoán:

1- Lý chung như trên đã nói.

2- Có y cứ như ở dưới đã dẫn. Không còn lời giải xưa nên nói rằng định nghĩa.

Luật Ngũ Phần trở xuống là chứng có và không kiết chung. Luật Thập Tụng và luận Tát-bà-đa đều đồng cho, nên nói là đồng.

Luật Ngũ Phần nói rằng:

- Nếu trước không có thôn, kiết giới Bất thất y rồi, sau đó thôn có dời vào thì không cần kiết lại vì trước đã kiết (nghĩa là thôn đi, sau vẫn nhiếp y).

- Nếu trước có thôn, kiết giới Bất thất y rồi, sau đó thôn dời ra ngoài giới, tức không xứ (chỗ trống) này có giới Bất thất y. Đây không phải đã hiển rõ nhưng còn sợ chấp mê nên nói rằng mặc tình lượng thủ, lượng nghĩa là bình lượng.

Tát trở xuống là chứng trừ duyên ngại:

* Đầu tiên dẫn luận Tát-bà-đa có năm nghĩa:

1- Xóm làng không định, nghĩa là dời đổi không ở một chỗ. Giới Bất thất y nhất định nghĩa là giới hạn của giới tác pháp và giới Tự nhiên không thể lộn xộn.

2- Như duyên khởi của luật Tứ Phần.

3- Dứt sự tranh cãi: hoặc vào xóm hội y dụng sinh ra sự ganh tị.

4- Giữ gìn phạm hạnh.

5- Dứt sự chê bai.

Hai câu này (bốn và năm) rất dễ hiểu.

* Kế dẫn bổn chế duyên. Trong Luật, do có Tỳ-kheo để y trong thôn, khi cởi ra thân hình lộ bày. Bạch việc này lên Phật, Phật do đây chế trừ thôn.

Trong phần kiết thêm nói trừ thôn nghĩa là giới hạn của thôn. Thôn ngoại giới tức phần ngoài thôn.

Cách giải: trong chú thích, trước dẫn luật nầy.

Thứ lớp giải: sớ chép: Pháp nghi cách thức trước, sau có y cứ không thể lộn xộn. Do khi kiết, thì trước là tăng, kế y, sau thực. Khi giải thì ngược lại thứ lớp này.

Sau dẫn luật Thập Tụng nói tùy mất, Sớ chép: giới Bất thất y nương theo giới trước, trước mất thì sau mất, nhưng không chánh thì loạn luân phạm tội (luân là thứ lớp, loạn thứ lớp phạm Đột-cát-la).

Tọa cụ tiếng Phạm là ni-sư-đàn, Hán dịch là tùy tọa y.

Trong phần chế ý:

* Đầu tiên là nói ý:

- Vì thân: vì sợ ngồi dưới đất bị tổn hại.

- Vì y: vì sợ không có chỗ để ba y dễ bị hư.

- Vì ngọa cụ: vì sợ thân bất tịnh dơ uế giường chúng tăng.

* Sau là nêu lượng.

Trong chú giải, trước nêu thể chánh. Ứng pháp nghĩa là hợp với chữ viết. Nếu theo giới Sớ thì Thạch là chính tức giảng rộng ra. (Thạch một trăm hai mươi cân gọi là Thạch).

Tức trở xuống là xét sai.

Một gang tay của Phật dài hai thước, hai gang là bốn thước. Rộng một gang rưỡi tức ba thước. Đây là bổn chế, lượng càng thêm: trong luật nói: Do Ca-lưu-đà-di thân đối trước Phật nói, liền cho pháp rộng dài đều thêm nửa gang tay.

Giới sớ chép: càng thêm là khai duyên.

Lại theo bổn chế, ngoài lượng khai riêng (nghĩa là từ bổn chế,

ngoài hạn lượng thì tăng).

Trong phần định lượng của gang tay, trước chỉ các bộ không nhất định. Đủ như trong “Tùy tướng vô chủ phòng”, ở đây chỉ tóm lược toát yếu, văn kia đối chiếu sẽ thấy.

Nay trở xuống là nêu sở chấp, thước đời nhà Chu cứ một thước hai tấc là một thước đời Đường. Bảy tấc hai phân là sáu tấc. Hơn tám phân là bảy phân đời Đường, chẳng phải chỉ có nên nói là gượng. Đời Đường có đến năm, sáu loại thước đều như trong phần giải thích giới tướng của phòng đã phân biệt.

Khoa kế, luật Thập Tụng và Già luận nói có cũ và mới cho nên trùng số chế đồng ba y.

Luật Tăng-kỳ nói súc lượng (rút bớt lượng lại) nghĩa là không dự định làm rộng lớn ra.

Rảy nước: ý khiến cho lui lại.

Tỳ-nại-da nói loạn nghĩa là tham loạn, tức luật Tứ Phần nói rằng: Vì hoại sắc nên không xếp (gấp) thì dĩ dĩ chỉ vậy = tiếng hoa nghĩa là xếp hay không xếp đã hai đều được.

Luật Tứ Phần nói điệp lượng trọng nghĩa là được quá lượng. Nếp nghĩa là đâm, ý trong lời chú giải rất dễ thấy.

Trong phần ba, luật Thập Tụng nói không được đơn, nghĩa là vốn để lót thân, chế phải dầy nặng.

Lìa đêm phạm tội Đột-cát-la: Nghĩa là một vật thường đem theo bên mình, lìa thì không phải nặng.

Già luận nói không phải Phật chế nghĩa là trong pháp xả đọa không có giới này. Không đúng chỉ phạm Đột-cát-la, cũng không mất thọ.

Trong phần bốn:

* Khoa đầu có ba đoạn: Luật Tăng-kỳ nói tăng lượng:

1- Nêu Pháp tăng. Hai ba lớp: đều tùy bổn vật. Đối đầu nghĩa là hai đường biên.

2- Đấu nhau trở xuống là chỉ hạn lượng được một thước.

Quá và giảm lẫn nhau: Chiều dài thì quá, chiều rộng thì giảm. Chiều rộng quá thì chiều dài giảm đều có lỗi phải biết. Chiều rộng và dài giảm thì không lỗi.

3- Từ Chư trở xuống chỉ chung pháp tăng của các bộ khác đều giống nhau.

* Khoa kế có ba đoạn:

1- Dẫn duyên nêu vọng. Sau Phật diệt độ một trăm năm, ở nước

Tỳ-xá-ly có Tỳ-kheo Bạt-xà Tử chuyên làm mười việc. Bấy giờ, có Tỳ-kheo Da-xa-già-na Tử nói với người thế tục những lời phi pháp. Bạt-xà Tử nói rằng: Ông trước đây mắng Tỳ-kheo thấy có tội chăng?

Da-na đáp: Tôi không mắng chúng tăng.

Bạt-xà và chúng liền cử tội. Da-na bèn cầu Ưu-bà-ly làm bạn, nhóm họp bảy trăm vị La-hán, đồng chứng định kết tập lại Pháp tạng cho nên lấy đó làm tên. Chứa tọa cụ không cắt rọc là một trong mười việc.

2- Từ y cứ trở xuống y cứ vào nghĩa hiển sai. Hai câu trên là lặp lại chỗ chấp, thêm tơ tức là tăng lượng. Luật Thập Tụng và giới bổn gọi là thêm tơ nghĩa là thêm chỉ tơ, vì từ bên dệt thêm. Kia nói rằng: chỉ lấy tướng tăng lượng, không cần cắt rọc.

Ba câu sau nêu kia không đúng lý. Trong chín mươi pháp Ba-dật-đề chế quá lượng phạm Ba-dật-đề. Nay đã không cắt rọc, chính là phạm quá lượng. Dẫn chất kia, ở đây nêu bày phi pháp. Chú giải mười việc kia: Lời ký xưa lầm dẫn, giải thích sai không phải một. Nay y cứ theo chánh văn của luật dẫn nêu đầy đủ:

1- Phải dùng hai ngón tay lấy thức ăn (Nghĩa là ăn no rồi, xả oai nghi). Không tác pháp dư thực được hai tay múc ăn.

2- Được trong xóm làng: ăn no rồi không làm pháp dư thực, giữa hai xóm được ăn.

3- Được trong chùa: (Ở trong chùa được Yết-ma riêng chúng).

4- Sau cho phép: (Trong giới Yết-ma riêng chúng rồi, cho pháp có thể nghĩa là sau cho dữ dục).

5- Thường pháp: (Kia nói: Tỳ-kheo làm việc thường xem ba tạng Pháp luật. Nếu không xem Pháp luật thì trái với pháp, việc đã làm, chưa làm đều không nên làm. Như khai thiếu không trái pháp luật cũng được thường khai nên nói là thường khai).

6- Được hòa: (ăn no rồi xả oai nghi). Dùng sữa, dầu, sữa sống, mật, đường phèn hòa một chỗ ăn.

7- Được dùng muối để cách đêm: Được dùng muối bỏ trong thức ăn để cách đêm mà ăn.

8- Được uống rượu xà-lâu-la: (các thứ rượu nấu chưa được chín lắm)

9- Được chứa tọa cụ không cắt rọc (tức nay đã dẫn)

10- Được nhận vàng bạc: Tỳ-kheo được thọ nhận, chứa để. Bạt-xà Tử cho là mười việc nầy là pháp thanh tịnh, là pháp mà Phật đã cho phép để hóa độ người, nên kết tập lại.

Thử trở xuống là khiển trách đời vọng thực hành. Kia lúc bấy giờ đã dứt như nói là bỏ đã lâu.

3- Từ luật Thập Tụng trở xuống là y cứ văn để định phạm. Luật Thập Tụng nói không thêm tơ là thanh tịnh: tức Bạt-Xà Tử chấp là thanh tịnh. Sau dẫn tướng phạm để quyết đoán phi pháp ở trên. Bộ Già luận giải thích như luật Thập Tụng. Trong lời chú giải xếp vào phạm vì đều phạm giới quá lượng trong chín mươi pháp Ba-dật-đề (Thời nay tơ làm lớp dưới, mặt trên cắt thêm đều phạm quá lượng.

Trong phần chánh pháp có ba:

1- Câu đầu tiên là nêu bày.

2- Y cứ trở xuống là nêu pháp. Hai câu trên, trước là nương vào bổn chế, y cứ theo lượng ban đầu, tức bên trong dài bốn rộng ba. (Y trước lương dụ chung cho tọa cụ. Số thước nhiều thì phải xét kỹ, nếu quá phạm giới, có thể làm giảm nhỏ lại, nếu quá phạm giới có thể giảm ít?)

Cắt đoạn: ngăn lượng chung là sai.

Thi duyên nghĩa là đâm mũi kim hợp đường biên tất cả thành (Duyên nghĩa là đường viền. Không phải bốn bên gấp, khi may không cần gấp cắt).

3- Nhược trở xuống là dạy pháp tăng, trước khiến ngồi thử, ý trình bày phải thế nào, nếu vừa thân thì không cần thêm.

Y theo lượng tăng thêm ở trên tức dài năm rộng bốn. Đầu là đầu dài, biên là biên rộng đều thêm một thước. Phải hai bên đối đầu may liên tiếp (Cảm Thông Truyện, vị trời khiến phá khai một thước, bốn bên thêm. Nay làm cách thức nhất định). Vả lại, Ca-lưu giảm bớt bốn ngón tay Phật, thân quá lớn đâu chỉ tăng lượng mà thôi. Thời nay, thân kém yếu không quá sáu thước nhưng cố chấp tăng rộng lại khiển trách ban đầu chế đều là ngu muội. Mong mọi người đọc kỹ văn nầy để sớm sửa đổi.

Thử trở xuống là kết định số thì ngàn vị Thánh cũng không thay đổi.

Chánh văn chính là ba tạng đã truyền còn không sợ vâng theo nên thêm chú giải. Tâm đại bi của Đức Phật rất thân thiết nhưng người ngu nào có biết.

Trong phần bốn, đầu tiên dẫn duyên của các bộ khác, luận Tất-ba-đa là giải thích luật Thập Tụng, luật ấy chép: Chiều dài tăng một gang tay, chiều rộng không tăng. Ý của luận gia muốn nói lên tăng dài nên nói khiến ngồi... thì cùng luật Tứ Phần nói khai duyên (mở rộng

đường biên) hoàn toàn khác. (Có người chấp phải tăng chính là dẫn văn nầy, không thấy văn sau).

Ích là tăng, tế là đường biên.

Trong phần chú giải, đầu tiên nói về văn giới. Kế, từ y cứ trở xuống chuẩn trở xuống nêu số thước. Kế tiếp từ Từ Phần trở xuống y cứ tông nay phân biệt khác. Câu trên chỉ cho bổn tông như trên đã nói.

Trường hợp khác có hai:

1- Chỉ thêm nửa gang tay.

2- Chiều dài, chiều rộng đều tăng thêm.

Hai câu sau phân biệt bộ khác. Tông nay luật Tứ Phần không thể y theo kia, vì thế nói rằng không cần dùng. Song từ bên diệt thêm tơ có thể cắt đoạn sau đó thêm, vì thế nói rằng chỉ dùng cách tăng thêm.

Trong lời chú giải sợ có người muốn chứa để, nên lại nêu bày.

Trong pháp thọ xả. Trước nói về pháp thọ.

Luật Tăng-kỳ, trước nêu tên.

Bất trở xuống là chế thọ. Cập trở xuống là hiển dụng.

Luật Thiện kiến cấm thọ, lý phải cần pháp.

Nghĩa trở xuống chính là thêm pháp, văn y theo pháp bình bát, vì thế chú giải nêu lên. Vì trì, dùng, lìa, phạm đều chẳng khác.

Kế từ Nhược trở xuống là nói pháp xả. Chỉ dùng chữ xả thay thế chữ thọ trì mà thôi.

Trong phần trì dụng, trước nói cách dùng.

Luật Tăng-kỳ, câu đầu gồm nêu. Tại trở xuống là hiển bày riêng. Đầu tiên là nói dùng trên đường đi. Trường điệp là chiều dọc là bốn nhiếp, Trung điệp là chiều ngang nửa nhiếp.

Kế, từ trí trở xuống là nói dùng trong chùa.

Bổn xứ là giường thường ngồi. Khiến bên trong đóng lại (xếp lại) vì chưa ngồi sợ bụi dơ. Sau duỗi ra nghĩa là khi ngồi lại trải ra. Phàm trở xuống nêu cách ngồi, vì có ngoại đạo thử Tỳ-kheo, giường bị ngã, thân hình lộ bày, cho nên Phật chế.

Kế từ Hiền Ngu trở xuống là nói pháp trì. Kinh lđều để trên vai. Trước dẫn luật Tăng-kỳ cũng vậy. Sau khiển trách không đúng pháp chính là y cứ sự phế bỏ, theo "Cảm Thông Truyện" ở trước thì ngoại Đạo vân hỏi phá ngược lại để trên cánh tay trái, nay phải y theo chuyện.

Trong phần nói đãy lượt nước, chế ý có hai:

Trình bày ý người xuất gia tu lòng từ làm gốc. Từ là ban vui, đầu tiên là không sát sinh, côn trùng tuy nhỏ nhưng nó cũng muốn giữ gìn mạng sống như con người không khác. Đây chính là dụng cụ thực hành

lòng từ và duyên cứu giúp muôn vật. Đại hạnh do đây mà sinh, chí đạo do đây mà thành, đồng ban giúp thức, chớ nên xem thường. Quyết ý ở đây nghĩa là chế ý chứa để trong lòng từ cứu giúp.

Nay trở xuống là chỉ sai. Cố trở xuống là dẫn văn dạy. Còn lại phần nhiều chế riêng hai phần trùng và nước cho nên nói là thiên.

Dư trở xuống là sinh khởi. Câu trên chỉ trước, hai câu dưới nêu ý tôn trọng.

Y theo ý Phật nghĩa là Phật chế hai giới là tôn trọng mạng sống côn trùng, nay lời sao lại nói ý kia cũng giống như vậy.

Khoa kế, luận Tát-bà-đa, trước nói cầu xứ. Kế từ phàm trở xuống là nói cách dùng nước, lụa mìn nay phải lụa dầy.

Trì giới phân biệt với phá giới vì xem thường mạng sống côn trùng. Xem xét kỹ: đối trong trì giới lại phân biệt với khinh thường, táo bạo. Có như trước: tức làm giống khác xả bỏ v.v... Luật Tăng-kỳ nói: côn trùng quá nhỏ, y cứ theo đãy lượt nước mà thấy được. Nếu nói về Thiên nhãn chỗ đã thấy do đâu mà hết được.

Trong phần ba nói chước hình: ngày nay phần nhiều dùng cây trúc bằng đồng, bằng sắt cuốn tròn.

Thi bính: là cũng ba góc, chỉ có hình dáng là khác mà thôi.

Hoàng khuếch: dùng tre làm sọc vuông có loại giống như Dược-la.

Để cát trong đãy nghĩa là để cát nhỏ dưới đáy đãy, sau đó mới lọc.

Nửa do-tuần là hai mươi dặm.

Trong lời chú, chữ phú là nhập vào. Rót nước từ trên xuống. Do trong đãy thì dơ, bên ngoài thì sạch nên lật ngược lại để rửa.

Trong phần bốn: đầu tiên là nói chính thân làm.

Thủy trần: luận Tạp Tâm chép:

Bảy cực vi thành một A-nậu trần, loại này chỉ có Thiên nhãn và Bồ-tát, Luân vương mới thấy được.

Bảy A-nậu trần là một Đồng thượng trần.

Bảy Đồng Thượng trần là một Thủy thượng trần.

Bảy thủy thượng trần là thố mao trần.

Trí luyện tức tơ bền, dầy, chín.

Kế, từ cố trở xuống là nói thuật ý. Không có lợi ích cho mình và người: đã thành nghiệp sát. Người khác gặp sự tàn hại, tánh giới không sám hối thì nghiệp không mất.

Trong phần năm:

- Đầu nêu sự chê bai kia cho rằng việc nhỏ. Vì thế đặc biệt chỉ đây coi thường luật học.

- Sau từ song trở xuống là trách sai. Ngu giáo cho nên không biết chỗ sâu xa. Không có lòng từ nên không biết côn trùng bị tổn hại, không suy nghĩa xuất ly nên không biết Chướng đạo.

1- Một Khiển trách không cho chứa để.

2- Hai từ dù trở xuống là khiển trách không dùng.

3- Ba là từ tuy trở xuống khiển trách không giữ gìn. Song một pháp lượt nước này rất nhỏ nhiệm người tuy thực hành ít nhưng khỏi tội. Trong nghi giáo giới có nói rõ hãy tìm xem.

Thả trở xuống là thương xót, trong luật nói bốn việc: phá giới, phá oai nghi, phá chánh kiến, phá chánh mạng. Tướng của giới thì thô thiển, ba việc còn lại thì sâu kín. Thô ấy còn phá, ba việc còn lại không thể nói, vì thế nói là ẩn núp trong đó.

Trong Thính môn, sáu vật trước giúp cả ba căn, môn nầy có bốn khoa: Đầu tiên đối trung căn và hạ căn, kế hạn cuộc thượng căn. Nếu y cứ theo bốn, thì dựa vào tên làm gốc, chế vọng không định ước. Dùng xá do người nên quy về thính nhiếp. Thọ thí, phân vật chung cho ba có thể biết.

Trong môn đầu gồm phân, bộ Bách Nhất nói cung thân nghĩa là khi cần nên dùng, gia thọ, nhớ nghĩ cả hai đều chung cho phép khác, trước phải thọ, vì thế nói là khiến.

Vật dư hạn cuộc nổi y, lại gồm tiền, ngũ cốc, v.v... các vật, vì thế nói là và các thứ khác.

Trong bộ Bách Nhất, khoa đầu, trước gồm nêu tên và thể. Nhược trở xuống là phân biệt riêng dường như quý. Không được tự chứa để, trừ khi ta đi phải cần đầy đủ thì được chứa dùng, như thủy tinh, hột soàn giả, đồng, sắt, v.v... như trong ba mươi thứ tùy tướng có nói đủ.

Trong phần khai cho phép, luật Tăng-kỳ nêu chung chỗ khai. Không chỉ bộ Bách Nhất nghĩa chung cho vật khác, mà luật Ngũ Phần nói ba y tức bổn chế đồng thọ trì. Tương tùy nêu là hai bên vế, gót chân, mu bàn chân, xương đùi cũng làm chân, ruột già.

Như trở xuống là kết nêu các y, tức các thứ (giống như) y ở trước và khăn, đãy lượt nước ở sau, v.v...

Trong phần thọ pháp, khoa đầu trước là nêu tên chung, kế từ vâng trở xuống là nêu pháp thọ.

Mổ sắc tức Điệp mục, cũng hợp với trước rằng: Đại đức nhất tâm niệm, tôi là Mỗ giáp. Tăng-kỳ-chi nầy mới nhận, trong chú giải sau, sáu

chữ trên là kia, năm chữ dưới tức nhà làm lời sao nêu ra, vì sợ cho rằng năm chúng đối lẫn nhau.

Khoa kế, trước nói thọ trì.

Nói "Tuy xuyên mà không mất": ba y có mất, không mất, áo mưa trở xuống là nói không mất.

"Đạo danh tự" là nhắc lại khác trong pháp.

Thủ trở xuống là phân biệt nhiều ít

Hai thứ tay và khăn nghĩ lại thay đổi.

Tạp y giống như các vật: kim, chỉ, đãy lượt nước, khăn.

Dư y tức áo mưa, tọa cụ... luật Thập Tụng nói bảy y, ba y là ba.

Sáu trên không liên hệ với Bách Nhất vì thế dùng sáu chữ để kết.

Trong luận Bà-Sa nói thể của y chế thọ, trái thì có lỗi (Tọa cụ cũng như vậy, trong luận không nói). Bộ Bách Nhất cho phép thọ cũng phải gia pháp, vì thế nói là có thể. Nếu chỉ nhớ nghĩ không gia pháp cũng cho phép, vì thế nói rằng không có lỗi (xưa nói là không thọ thành thượng căn là sai).

Trong Sa-di, trước nêu chế y. Đồng thời trở xuống một trăm lẻ một. Tự trở xuống là các vật dư khác.

Nói "Trừ tiền bạc, ngũ cốc thí cho chúng thế tục".

Kế là nói y dư. Trong phục sức, khoa đầu nói: Đại y may năm ngày xong, y bảy điều may bốn ngày xong, y năm điều may hai ngày xong, y dư may một ngày xong. Nếu y cứ theo thông mà luận thì chỉ những thứ ngoài thọ trì đều gọi là dư. Nay ở đây đối với vật thọ trì muốn nói y dư nầy là các vật nhỏ khác, vì thế có thể một ngày xong là sai, nghĩa là chung cho thông lớn nhỏ.

Trong Tăng-kỳ-chi, văn chú giải dịch tên là y cứ theo văn luật sau, từ tướng làm tên, trước dịch là Yêm Dịch, rất được sự thật.

Tứ Phần trở xuống là dẫn nêu bày.

Trước dẫn ba luật nói chế pháp. Sau dẫn luật Tăng-kỳ nêu chế lượng.

Trong phần chú giải, trên nói tướng cũ, dưới nêu tướng sửa đổi.

Hậu Ngụy tức Nguyên Ngụy.

Thời nay, áo đơn chật lại thay đối, sớ giải văn kia đã bị mất.

Trong phần Niết-bàn-tăng, văn đầu chú dịch là nội y, ở Tây quốc xưa không có khố tức dùng áo trong đây để mặc.

Trong luật Tăng-kỳ nói chế giới là giới đầu trong pháp chúng học, luật Thập Tụng nói khi làm là khi làm việc.

Trong Tam Thiên nói nhiễu ba vòng tức y cứ đới, y theo kia ở trên phải có chữ đới.

Pháp khác, sau nói lộ bày thân hình thì mặc Nê-hoàn-tăng. Trên không có Tăng-kỳ-chi thì không được đắp Ca-sa, không được lên tháp, đến chỗ tượng Phật, giảng đường, trước ba Sư, Thượng tọa, trước Tăng, v.v...

Trong Ngũ Bách Vấn nói được buộc gót chân nghĩa là buộc vạt áo và quần để ngăn gió.

Luật Tứ Phần nói xếp mặc nghĩa là không dùng dây buộc. Hai, ba, bốn đều vì nhỏ không đủ sức nặng để trợ giúp.

Điều nghĩa là không khiến cho loạn.

Quyết: như vòng ngọc. Tức giống như cái móc, do sợ buộc nhiều lần dễ bị hư. Nên dùng vòng ngọc để buộc lại.

Ngô là Phương Nam.

Thục là Xuyên giới (Xuyên là Tứ Xuyên). Thời nay may quần, trên buộc dây lưng tức giống như quần vuông của người nữ thế tục ở nước này. Tuy trái với bổn chế nhưng tiện cho việc mặc dùng. Thiểu là có lỗi không đều.

Hai luật: Thập Tụng và Ngũ Phần nói trong đó là giữa hai áo.

"Trên am bên trái" nghĩa là trước dùng biên phía bên trái ở trong che kín phía bên phải. Sau dùng biên phía bên phải để ở trên để che kín phía bên trái.

Trước nói gấp đầu gần bên trái.

Chương Phục Nghi chép: như thế tục truyền, đây là vạt áo. Nay phần nhiều che kín phía bên phải, trái với pháp nầy.

Đương hậu: đương tức là trước.

Trong phần ba, luật Thập Tụng chép "Câu-tu-la" kinh âm nghĩa nói: Hán dịch là đồ, y theo hình kia lập tên. Nếu theo văn chú giải tức chung quanh may hợp không có hai đầu, nên gọi là Câu-tu-la mà thôi.

Luật Ngũ Phần nói: thế tục quở trách thì biết Câu-tu-la này vốn giống như áo của người thế tục, vì thế phương tiện hỏi.

Quán đầu y: xưa chép: Áo đơn của người Nam Hải, áo cắt một cái lỗ trống trên đầu để khi cởi đầu ra trước, kế hai tay áo nghĩa là thông suốt với đầu.

Chú giải rằng: loại quần của người nữ: Thời nay quần người nữ cũng không may hợp.

Trong phần y khác, khoa đầu nói thiên đãn nghĩa là chỉ còn vai áo tay trái còn tay bên phải thì lộ bày ra. Tức trước nói Tăng-kỳ-chi cụt

cánh tay, tức che vai. Hai loại áo này tuy cho phép gọi là y nhưng trái với nghi xưa.

Quần vuông: Xưa nói rằng đây là quần khi người nữ ngồi trên ngựa. Các loại quần là từ quần, xiêm, v.v...

Nghiệp Sớ chép: Thuận theo văn luật, không phải thế tục, không phải ngoại đạo.

Luật Thập Tụng, đầu tiên nói tức sắc, không phải thể mao chiên, đây là thể sai, đồng thời chế tạo cũng sai.

Thiên tụ tức thiên đản (vén y bày vai phải)

Phức nghĩa là áo kép (áo nhiều lớp).

Lưỡng so y (áo hai tay) nghĩa là áo may hai tay chỉ che vai và cổ mà không có vạt áo.

Nang y: như loại khăn, vớ, bao tay.

Trong phần bốn, trước nêu chế riêng. Năm tướng trước sai đều là áo của người thế tục, còn lại là thể sai, vì đều là áo của ngoại đạo.

Điệp là quần đùi.

Hành đằng là bó buộc lại.

Các thầy trở xuống là dẫn chế chung.

Trong luật chép: vì có nhóm Tỳ-kheo sáu vị sinh lỗi, Đức Phật tùy chế đoạn, lại làm áo khác. Phiền lụy như vậy nên Đức Phật gồm đoạn, vì thế nói là trái lời ta chế, v.v...

Như pháp trị tức tội Đột-cát-la.

Trong phần khai cho chứa để, khoa đầu dẫn kinh. Được và không hai ý tùy nghi phương tiện, không đâu chẳng phải vì Đạo.

Khoa đầu trong phần nêu vật. Trong luật Tứ Phần nêu vật của tăng. Tỳ-kheo trở xuống là nói khai cho mượn, nghĩa là vì có duyên sự.

Khai nơi chốn bị hoại tức mượn y. Xứ dời đi chỗ khác nghĩa là tạm để chỗ khác.

Nếu mặc trở xuống là nói ưa giữ gìn.

Luật Ngũ Phần nói làm việc khai chế đồng với đó.

Kế là nói vật quý, trước nêu khai cho chứa để, y quý giá tức đồng với ba y của Tỳ-kheo.

Quốc vương Tây Vực, xứ nầy khi xưa nói: vua quan phần nhiều cũng mặc áo này.

Cù du là nệm lông.

Nhược trở xuống là cấm dẫm đạp vì sợ tổn hoại nên văn dạy chớ xa xỉ buông lung. Vì thế, văn chú giải quyết đoán trước được ngồi do

luật Ngũ Phần cấm phạm, vì thế biết trong chùa không khai. Tức trở xuống nói rằng nhà người tại gia không có giường nệm khác để ngồi.

Trong phần ba, khoa đầu nói cấp trụ phòng tức pháp chế cho Tỳ-kheo cựu Trụ tiếp đãi Tỳ-kheo khách, hoặc vì kia có thiếu.

Phòng y tức màn che v.v... Phức trữ như ngày nay cấp cho áo bằng lông.

Gởi thế tục phải nhuộm: Vì có chỗ riêng, luận Ngũ Phần nói tức Tỳ-kheo đem y mượn thế tục nhuộm giùm.

- Khoa đầu, trước lựa bì phu tức đới mao.
- Kế lựa (mầu nhuộm).
- Ba là khai muỗi mòng làm chướng.
- Bốn là chế khăn đầu.
- Năm cho pháp y dùng khi bị ung nhọt vì duyên bệnh.

Sau dẫn kinh Trung A-hàm dường như quyết đoán theo luật Tứ Phần nhuộm y bông trước, hoặc phàm thọ vật quý đều phải là người có đức dùng trước. Vì thế lời chú giải y theo đó.

Năm việc biên phương tức Ca-chiên-diên ở nước A-bàn-đề vì Sa-di Ức-nhĩ truyền giới, ba năm mới được đủ số tăng, vì thế sai Ức Nhĩ thỉnh Phật khai cho thọ giới, tấm giặt đều do đây dẫn. Ba việc còn lại chánh dùng.

Trong phần đầu, chú giải rằng ba năm mới nhóm họp tức duyên của Sa-di Ức Nhĩ.

Trong phần năm nói rằng được y vào tay: nếu tay chưa cầm thì nhiều ngày không phạm.

Luật trở xuống nêu phần chừng trung biên. Luật nói phương Đông tức phía Đông của Trung Phạm. Cành câu trắng về phía trong đều thuộc cảnh giới Ngũ thiên, y theo bốn phương đều có giới hạn, văn lược các phương khác.

Chú giải dẫn sách "Cống Chức Đồ": Đời Lương, ông Tương Đông Vương soạn "Bách Quốc Cống Chức Đồ" một quyển.

Ở đây nói ở phương Đông kia là nước Chấn Đán, lại ở Bạch Mộc Điều Đông, vì thế chỉ kia là Tây Phiên.

Nhi trở xuống là quyết khai chế. Trong năm trường hợp, hai trường hợp đầu khai cho tăng, phần nhiều lại cấm. Ba trường hợp sau là thường khai.

Trong phần về da, khoa đầu có ba:

1- Cấm không được nuôi, khỉ đều trái lại, Kinh Sơn Hải chép: loài thú này giống như con Sói.

2- Từ hựu trở xuống là chế không ngồi. Nói "trừ giường báu nghĩa là dầu ở nhà thế tục cũng không được ngồi".

3- Từ không được xin trở xuống là nói xin dùng khai chế.

Hộ xu tức nay gọi là cửa.

Cựu trướng hiên, xưa nói: đây là nhà trên xe một đầu chúi xuống, một đầu ngẩng lên.

Trong luật chép: vì nhóm Tỳ-kheo sáu vị làm nhà nầy như vua quan, bị thế tục quở trách nên Đức Phật chế.

Trong Tam Thiên nói khéo giúp là để tu thiền.

Thi vi là da đã xông.

Chỉ pháp khác: tức kia có năm tướng:

1- Rộng một thước.

2- Dài tám thước.

3- Trên đầu có móc.

4- Đúng ba lớp.

5- Không được dùng móc bằng vàng.

Từ sau đến câu trước là nói quá hai đầu gối, buộc lại khiến cho động, ở đây không phải thường dùng. Vì thế, khiến cho mang vào. Ở nước bị tuyết lạnh thì khai cho mang vớ, tức thích nghi ở nước này.

Khoa kế, trong phần chế tạo.

Ủng cũng viết là ông, tức giày ống.

Ngoa pháp nghĩa là loại giày ống của thế tục. Phú-la cũng là loại giày ống.

Lý là hai đế bằng da.

Trong phần ba, luận Tỳ-ni Mẫu nói ý chế thoát. Ngũ Bách Vấn khai cho mang.

Trong phần bốn nói tịnh pháp để đè nén sự tham lam.

Trong phần năm, trước nói giày da, sau nói các loại guốc gỗ.

Trong phần trước có năm đoạn:

1- Nói cho phép mạng.

2- Từ nếu mang trở xuống là nói tu bổ.

3- Từ nếu được trở xuống nói vào xóm khai chế, trước dẫn văn chế. Ở Tây Vực cho rằng mang giày là không đúng lễ, vì thế không cho vào thế tục, xứ nầy thì trái lại. Sau dẫn văn khai tức trong Kiền-độ Bì Cách nói rằng: Đi giữa đường cởi giày, múc nước chot, hoặc bị mất giày dép, hoặc bị trùng độc cắn, vì thế bạch Phật, Phật dạy rằng: Không nên cởi giày dép và vén y bày vai. Các vị Tổ Sư muốn tùy theo cõi nước cho mang giày vào thế tục. Cho nên chú giải nói cho phép.

4- Từ nếu được trở xuống là nói giày xen không cho phép. Kế là nói quốc gỗ có bốn thứ quý là: vàng, bạc, lưu ly và các thứ trang sức quý.

Thứ hai: là Tinh pháp, trong phần chế ý, khoa đầu dẫn luận. Trước nói ý khai thuyết, sau nói ý mười ngày.

Trong phần trước lại có hai: Đầu tiên hỏi chân, ngụy. Sau hỏi ý khai.

Sau, trong phần đáp, chỉ duyên xưa: Trong luận Phân Biệt Công Đức chép: Tu-bồ-đề trong năm trăm đời thường sinh lên cõi trời Hóa Ứng (tức trời Tha Hóa Tự Tại). Đời sau làm vua, khi xuất gia, Đức Phật cho đắp y vải thô, thức ăn dở, nệm cỏ làm giường. Tu-bồ-đề nghe vậy liền nói với A-nan rằng: Ông ở một đêm, liền đến chỗ vua mượn các thứ như: tọa cụ, cờ phướn, hương, hoa, đèn, mọi việc đều trang nghiêm đầy đủ, Tỳ-kheo nầy đối với các bậc trung túc, thượng túc dùng bổn tâm thích hợp, cho đến sau đêm liền chứng quả A-la-hán. Đức Phật bảo A-nan rằng: y có hai loại: có thể gần gũi và không thể gần gũi. Khi đắp y tốt có lợi ích cho đạo tâm, đây là có thể gần gũi, tổn hại cho đạo tâm thì không thể gần gũi. Vì thế, A-nan hoặc thì y tốt mà đắc đạo, hoặc do nạp y mà đắc đạo.

Chỗ ngộ là do tâm, không hạn cuộc ở y phục, bị mất chữ cũng nói rằng: Xưa có Tỳ-kheo nhất tâm cầu Niết-bàn, xả bỏ thế gian, cho phép đắp y giá trị mười muôn lượng vàng, cũng cho ăn thức ăn một trăm vị, nghe vậy liền cho rằng Đức Phật từ khai cho ta thọ dụng. Song Phật khai là vì Đạo, há chẳng vì nuôi thân, huống chi đối với duyên riêng không phải thường dạy. Nay ông mê đắm thế gian, chứa nhóm nhiều dụng cụ, thuận theo lòng tham của mình. Nào có mến Đạo, luống nương tựa Thánh giáo, cùng hoặc vô tri. Phật tạng cái gọi là một ly nước, một sợi tơ đâu thể tiêu. Đó đều do kẻ ngu phu lạm đồng bậc cao tích. Xin xét kỹ việc làm của mình, nếu không sẽ sai lầm!

Khoa kế, luận Tỳ-ni Mẫu nói tham vật trái giáo tức là tâm ác, y theo đó có thể biết.

Thời nay không thuyết tịnh: nghĩa là hễ lúc nào được liền thành phạm, không đợi quá hạn.

Trong phần ba, Kinh Địa Trì chép: Bồ-tát đối với tất cả tư cụ đã chứa để, đây là không thanh tịnh, vì thế dùng tâm thanh tịnh xả cho Chư Phật, Bồ-tát mười phương. Như Tỳ-kheo xả y vật hiện có cho Hòa-thượng, A-xà-lê, v.v...

Kinh Niết-bàn chép: Tuy cho thọ và chứa để nhưng phải tịnh thí,

đây là làm cho đàn việt dốc lòng tin. Thời nay, tụng học chỉ vì lợi danh, không hổ thẹn năm món tà, chứa nhiều tám món uế, chỉ thuận theo thế tục đâu nghĩ đến lời Phật dạy.

Tự trở xuống là Đàn Tràng kinh phần nhiều nói về hạ lạp (tuổi hạ). Còn như pháp thanh tịnh chưa thấm vào thân, đâu biết dụng cụ đã dùng hằng ngày đều là vật dơ uế. Rương, đãy chỗ tích chứa đều là phạm tài. Khinh pháp khinh tâm, tự mình chuốc lấy sự buồn lo. Người học luật biết mà cố phạm.

Các tông khác vốn không có nói. Ai biết quả báo theo tâm mà thành? Đâu tin quả do gieo trồng mà biết. Hiện đời Ca-sa lìa thân, đời sau sắt nóng quấn thân làm người. Sinh chỗ nghèo cùng, y phục dơ bẩn làm vật chứa để, đọa vào chỗ bất tịnh, lông cánh hôi hám. Huống gì hai thừa Đại Tiểu đều nói pháp thanh tịnh, nếu có lòng tin sâu xa thì đâu ngại vâng hành! Vì thế “Phụ Hành Ký” của Thiền Sư Kinh Khê chép: có người nói: Phàm chỗ có chẳng phải vật của mình, có lợi liền dùng thì phải thuyết tịnh, vì sao nay lại hỏi, v.v...?

Nếu vật phải của mình, vì sao không mặc tình giao cho bốn biển (khắp nơi), có ích liền dùng, sao không giao thẳng cho ruộng bi, ruộng kính, cho là tài vật của mình trái pháp thuyết tịnh. Thuyết tịnh mà bố thí đối với lý có ngại gì? Mặc tình chấp tâm để cho đời sau bắt chước. Vì thế, phải biết người không thực hành pháp thuyết tịnh thật trái với ý của Phật dạy, hai thừa không nhiếp, ba căn không thâu. Xuất gia như vậy, há chẳng phải là luống uổng hay sao? Thật là đáng thương!

Khoa kế, trong phần nói về y, thuốc, bình bát, chủ bộ Tăng-kỳ: năm chúng nói chung nghĩa là xoay vần.

Luật Thiện kiến nói hai phần: thông và hạn cuộc rất dễ thấy.

Không nói đối Sa-di: phải đối trước vị thầy khác, nghĩa là đồng triển chuyển mà xem nhau dùng. Như phần chánh thỉnh ở sau, chú giải hiển rõ.

Văn kế, trước là nêu tướng xem thường người thân. Phi thời loại nghĩa là mới và cũ khác nhau, hoặc tôn ti có cách. Nghĩa trở xuống là quyết phán.

Trong phần ba:

1- Nói tịnh chủ.

2- Từ nhược trở xuống là phân biệt đối thú: Trước dẫn duyên trái với lời dạy nên phạm tội Đột-cát-la, quyết lấy nên tội nặng, sau từ sự trở xuống là nói chế phân biệt.

Trong phần bốn:

1- Phân biệt lấy.

2- Từ trừ trở xuống, gồm mười sáu hạng người, ác tà nhiếp ba lần cử tội, bốn trọng tức hai lần diệt được giới.

Sa-di là năm pháp học hỏi. Chánh hạnh hai người thực hành xong, hai người và người bổn nhất trị. Vi trở xuống là nêu ý phân biệt.

Kế nói tiền, vật báu, v.v... chủ ắt là người thế tục cúng thí, lại nghĩa là chân thật, không phải là nghĩa xoay vần tịnh thí.

Trong phần khai thỉnh:

Khoa đầu y theo văn luận Tát-bà-đa. Hai chủ đạo tục đều phải có mặt thỉnh.

Khoa kế văn luật Ngũ Phần chung, dường như không dự đỉnh thỉnh. Trong lời chú giải, cả hai đều còn có lý do. Nay nếu khi thực hành tùy trường hợp mà dùng đều được.

Trong lời chú giải, pháp xoay vần có hai:

1- Thỉnh chúng trong bổn tự thọ dùng, thuốc men, bình bát, y phục, trong giới bổn có năm món dư đều phải tịnh thí.

Trong phần về y gồm thâu mười ngày, nửa tháng thí gấp ba món.

2- Thỉnh chúng khác, chỉ đổng nêu bày lý, không đáng nghi, chỉ cần nói một lần.

Trong pháp chân thật, văn chú giải ngăn sự quá lạnh, như ở trước đã nói.

Trong pháp thỉnh thế tục:

1- Nêu lời thỉnh, cũng chỉ nói một lần.

2- Nói "Hợp thuyết tiến phủ": muốn nói tịnh này thì chánh giáo cho phép, văn chứng rất dễ biết. Niết-bàn như trên đã dẫn vì thế nói là vân vân.

Trong phần bốn nói về tâm niệm:

- Đầu tiên dẫn luật Ngũ Phần, nêu pháp, chánh thuyết chia làm ba:

1- Ở xa thí, kia được quá hạn chế vì thế nói là mười một ngày.

2- Từ lại như trước trở xuống là nói lấy trả không vượt quá ngày thường khai. Cho nên chỉ nói mười ngày sợ minh tướng hiện thành tội chứa dư.

3- Từ lại như ban đầu trở xuống là nói cho, kia như trước được quá ngày.

Sở dĩ như vậy: Sớ chép: Đã là người khác xả tâm khó hết, vả lại khiến cho chuyển đổi được kéo dài thời hạn, sau phải đối thuyết mới rốt ráo.

- Kế dẫn luật Tăng-kỳ. Hoặc nêu đồng khai, hoặc ngăn, v.v... vì sợ cho rằng tâm niệm không cần nói. Đầu tiên nêu lời phán, nội trở xuống là giải thích thành, Hạ trở xuống là dẫn bổn luật hiển bày riêng.

Câu "lẽ ra không thuyết tịnh": sớ chép: một là y dư, một là thọ trì, lại xét thọ tịnh không được quá hạn.

Câu "kế thọ trì" là không sợ phạm dư.

Vô nại tịnh: là sắp quá hạn. Vì thế nội trong giới hạn mười ngày là chuyển.

Trong lời chú giải cho rằng đồng luật Ngũ Phần do lời của luật là chung. Chưa dám nhất định nên nói cả hai còn.

Trong phần đối thú nói xoay vần có hai:

1- Trong phần nêu pháp có ba:

a- Tài chủ xả vật vì sợ phạm tội chứa dư. Nhưng nói xoay vần là vị phân biệt với chân thật.

b- Từ bỉ thọ trở xuống là người thọ hỏi ngược lại. Do nói xoay vần không chuyên dặn dò.

c- Từ Đại đức trở xuống là nói người thọ ở xa dặn dò tịnh chủ giao cho tài chủ giữ hộ dùm người kia.

Sớ chép: Ở đây có ba trường hợp chuyển tịnh:

1- Tài chủ giao cho tịnh chủ.

2- Tịnh chủ ở xa dặn dò.

3- Tịnh chủ không biết giao lại tài chủ. Đều thanh tịnh ý tham đắm nên nói là Tịnh.

2- Từ ngoại đạo trở xuống là dẫn duyên chế.

Ba luật là: luật Ngũ Phần, luật Thập Tụng và luật Tăng-kỳ thứ lớp ba lần chế:

1- Chế đối diện: tức trước tịnh chủ chấp cứ không trả, cho nên có sự tranh cãi.

2- Từ nhân trở xuống là chế ngữ biết.

3- Từ hựu trở xuống là chế không cần, kia chép: vật của mình nên sợ phạm tội chứa dư.

Trong phần nói về chân thật tịnh thí: Đầu tiên là dẫn bày nghi pháp, kế từ nhược chánh trở xuống là nêu lời câu. Trong lời chú giải nêu chung hai pháp không dùng tông khác.

Văn kế: Trước nêu thành tựu: Ở đây nói tướng tác pháp, ngôn tướng lạm chung có thành chăng?

Sau, từ thiện trở xuống là dẫn chỉ:

- Trước nói lời của tài chủ cho, chung hai tịnh.

Nói cho thọ không thành: lời giống như quyết thí.

- Sau từ chân trở xuống là nói lời đáp của người thọ hạn cuộc, phân biệt với chân thật tịnh thí, vì xoay vần tịnh thí không có lời đáp này.

Câu: "Đương dục đẳng không thành": giống như không quyết thọ.

- Kế nữa từ nhất trở xuống là nêu số, giống như khiển trách lạm hành, cho nên nói là không cần, v.v...

Trong phần ba, văn tịnh tài vật dư có ba:

1- Năng thí xả tài.

2- Bỉ ứng trở xuống nói người thọ xét vô chủ chỉ chung năm chúng, nên nói nêu rộng.

3- Bỉ tức trở xuống là nói: kia là chuyển thí nói mỗ pháp: mặc ý người thọ kia hướng về cho một người.

Trong lời chú giải nói xoay vần đối lựa chân thật vì không chung pháp nầy.

Dặn dò phải nhớ chủ vì không phải thỉnh riêng sợ quên.

Sau nói pháp giày dép thanh tịnh:

Trong phần nói tiền bạc, vật báu, trước là nêu lên. Luật trở xuống là nêu pháp.

Người giữ vườn trong giới kinh gọi là dân trong Tăng-già-lam. Trong văn chỉ nói trì mà không hiển rõ tự, thức ăn nên sau y cứ vào nghĩa của văn để quyết đoán.

Câu "khiến cho biết việc nầy" nghĩa là trước phải nói lời thanh tịnh.

Còn lại chỉ cho ba mươi: trước nói rằng: nếu người kia lấy, trả lại cho Tỳ-kheo thì phải là vật của người kia, vì thế thọ nhận bảo tịnh nhân cầm giơ lên (Nghĩa là không hiểu pháp thuyết tịnh, trả lại cho Tỳ-kheo). Nếu được y bát thanh tịnh nên đem đổi mà thọ trì.

Trong phần nêu năm thứ, nói tiến là thành chủ, phủ là không thành, y theo văn. Tôn thông tiến phủ, vong chỉ hướng về phủ.

Trong phần nói về tồn vong, luật Tăng-kỳ nói phải ở trong một trăm hai mươi dặm, luật Ngũ Phần thủ biết, không nhất định gần xa, luận Tát-bà-đa nói phải ở trong bổn quốc. Nhưng nước rộng xa chỉ giới hạn trong phạm vi Châu và Quận. Không thể truyền nhau mà lẽ ra phải thỉnh riêng.

Trong phần phân biệt đức nói luận là luận Tát-bà-đa, luật là luật Thập Tụng.

Người thường rộng khắp” là người không có danh đức. Sợ nghi đồng chùa nên nên mất pháp, vì thế chú giải nêu bày.

Trong phần sáu, khoa đầu luật Tăng-kỳ văn có hai:

1- Khiến đổi tên, nghĩa là khi tác pháp nên nói rằng: mỗ giáp là Tỳ-kheo không có hạ.

2- Từ nhược trở xuống là nói mất pháp. Trước nói chết mất. Trong chú giải khiển trách sai lầm, đầu tiên là nêu dị chấp. Sớ dẫn rằng: chân thật tịnh thí nếu chủ mất thì phải đổi người xoay vần tịnh thí, không có mặt thì cần gì nhọc? Thử trở xuống là y cứ văn mà khiển trách. Chánh luật tức chỉ cho văn trên. Đã nói là nếu chết lại nói lý chung hai món tịnh thí, đâu được chuyên chấp. Vả lại, pháp chân thật tịnh thí năm chúng không lẫn nhau.

Trên đổi Sa-di và nói lên đây là xoay vần. Biết vọng chấp vừa trái với chánh lượng.

Kế nữa, từ nhược trở xuống là nói không biết mất rất dễ hiểu. Luận Tát-bà-đa nói năm chúng cũng y cứ vào xoay vần.

Hai báu là chân và tự.

Trên đối năm chúng mà nói rằng trừ tiền bạc, vật báu, v.v... Sợ cho rằng không khai nên đặc biệt chú giải.

Luật Thập Tụng, đầu tiên là quở trách mất.

Kế, từ thí chủ trở xuống là nói về chủ chết, mất. Trong chú giải, đầu tiên lại trách, kia nói rằng: vật chân thật tịnh thí thuộc về người khác cho nên phải nói. Xoay vần tịnh thí ở nơi mình nên không cần. Song ở luật Thập Tụng nói chân thật tịnh thí nếu chủ mất, vật không nhập vào tăng, có thể nghiệm biết hai trường hợp tịnh thí đều thuộc về mình, nghĩa không phán riêng vì thế lại khiển trách.

Hựu trở xuống là hòa tăng, đầu nêu trái nhau. Văn trên tức trong phần phân biệt người ở trước thuộc văn luật Thập Tụng. Hoặc trở xuống nghĩa rõ ràng. Luật Ngũ Phần cho rằng trước nói nêu rộng không phải là chỉ chung năm chúng, nghĩa còn chưa rõ, vì thế nói rằng hoặc là...

Thiện trở xuống là dẫn luận nói chuyển tướng hiển rõ không thuộc người khác.

Kế là trong phần mê vọng. Đầu tiên dẫn luật Tăng-kỳ, xả chung lại nói. Sau dẫn luật và luận, tùy nhớ nghĩ, lại khai không giống luật Tăng-kỳ, vì thế chú giải phân biệt. Luận là luận Tát-bà-đa.

Trong phần ba nói vay mượn sau trả lại, tương đương với không nói tịnh, như trong chú giải đã nói rõ. Trả lẫn nhau thì phải thuyết tịnh, ngược với chú giải rất dễ biết.

Trong phần bốn, trước nói y hòa hợp. Văn dẫn may y, đắp y, nhận y là dựa theo luận. Nếu y chưa tịnh, nhận rồi phải tịnh. May, đắp cũng vậy. Kế từ năm trở xuống là nói sắc hòa hợp có hai:

1- Hai câu đầu nói sắc y hòa hợp: luận nói: Xá-lợi-phất được y bá nạp thượng sắc, đắp y đến chỗ Phật, Phật cho phép chứa (văn đây không dẫn, chú giải Yết-ma có dẫn). Thượng sắc, miên sắc, bạch sắc tuy hòa nhưng không được cất chứa. (Văn phân biệt miên và bạch. Nay lời sao trừ chung năm mầu chánh. Nhưng văn trên khai cho chứa nên không phải mầu tốt).

2- Từ nhược trở xuống là nói nhiễm sắc hòa hợp: Trước dùng chánh và không chánh: nghĩa là trước chánh, nhiễm đối trở xuống là sắc khác, tức là không chánh. Trước không chánh, Nhiễm đối trở xuống là mầu chánh, chỉ như tùy tướng, tức giới y mới.

Y phẩn tảo, trong phần chế ý:

- Khoa đầu là câu trên nêu, thử trở xuống là giải thích: Trước nêu tên, sau từ luận trở xuống là hiển ý, luận là luận Tát-bà-đa, văn có ba ý:

- Ý một và hai là diệt ác, từ lòng tham của tự mình và người khác.

- Ý thứ ba là nói một đời làm lành.

- Khoa kế: nói mười điều lợi, cũng không ngoài ba ý trên. Sáu điều lợi trước tức giống ý thứ nhất. Lợi thứ mười tức ý thứ hai. Lợi thứ bảy, tám, chín tức ý thứ ba.

Trong phần tám, vì khi thọ đầy đủ tức pháp bốn y.

Phần chín nói "nhập thô y số" tức đã chuẩn bị y phẩn tảo cho hạnh đầu-đà.

Trong phần nói về thể của y:

Khoa đầu, trước thêm ba, chú giải hiển rõ. Thủy nguyệt, Sản phủ, trong gò mả qua lại, đều là chỗ nhơ uế của người. Thần miếu lìa chỗ, Sơn trạch, rừng, đồng trống tế thần cầu nguyện rồi vất bỏ. Cả hai loại này đều không có chủ, vì thế văn thiếu phần thứ chín là y Vương Chức. Văn truyền thoát không có lý do riêng. Nghĩa là gia thêm dị phục của quan thì bỏ y phục xưa (xưa nói rằng xứ nầy không thực hành cho nên lược, không phải như trâu cắn v.v... xứ nầy là há thực hành hay sao?

Kế, từ hựu bất trở xuống là khai chế. Sau nói rằng không được lấy y của thần miếu. Trong mười món trước là do gió thổi, thức ăn của chim rớt lìa chỗ.

- Khoa kế, đầu tiên là nêu sai. Phật trở xuống là hiển bày lỗi. Phật

chế tức là chỉ cho khoa trên.

Si mê phạm tội trộm: dường như y cứ không thủ hộ hướng về phi nhân kết tội Thâu-lan-già.

Câu “sẽ biết não nhau” nghĩa là biết có chủ trông coi mà cố trộm phạm tội nặng.

Thần chủ tức nay là người giữ miếu.

Trong phần nói về y người chết.

Đầu tiên cấm không được lấy khi y chưa bị cũ rách.

Từ Thập trở xuống là nêu bốn món y phẩn tảo.

Trong phần Súc, ý nói tuy trọng nghĩa là quý trọng, dựa theo mà biết lượm y phẩn tảo: chính là chung cho các vật không riêng gì y, hễ người bỏ không cần thô xấu.

Trong phần Đàn Việt thí giải thích danh nghĩa, đầu tiên là giải thích thời thí có hai hạn cuộc:

1- Một tháng, năm tháng gọi là thời hạn cuộc.

2- Người tiền an cư gọi là nhân hạn cuộc, Phi thời là trái với ở trên.

Thời chung một năm. Nhân không y cứ về an cư. Theo đây luận lẫn nhau thì trong thời có phi thời tức một tháng năm tháng, không phải an cư. Trong Thí phi thời có Thời như thí gấy ở đây.

Trong phần thời hiện tiền. Trước nêu danh tướng. An cư là thời, số người tức hiện tiền, không trở xuống là nói pháp phân chia.

* Khoa kế: Đầu tiên là chứng xứ định. Nãi trở xuống là chứng thời định, hựu trở xuống là chứng pháp định. Hựu trở xuống là chứng nhân định.

Thức ăn mùa hạ nghĩa là lương thực đã dư.

Y thì thuộc riêng, thức ăn thì chung, vì thế phân khác với không phân.

Trong phần nói về tăng được đúng thời. Văn đầu có hai: Trước là nêu danh tướng. An Cư là thời, gồm chung là tăng. Được đây là thời định, ba thứ còn lại không nhất định.

Kế, từ tác trở xuống là nói pháp phân chia.

Chú giải trong Yết-ma nói rằng: Như Tăng được pháp thí phi thời.

Trong dẫn văn:

* Khoa đầu: trước là nói phải có pháp. Xưa cho rằng không cần Yết-ma như lời sớ đã khiển trách.

Câu “chưa phân biệt liền đi” tức đồng người an cư trước ra khỏi

giới.

Nói "thành phân chia" là do thân ra ngoài giới, không ngại tác pháp.

Kế từ hựu trở xuống là nói tâm niệm thọ: nên nói rằng đây là vật của tôi, nói ba lần.

Kế nữa từ nhược trở xuống là nói định thời. Trong luật nói do khi Tỳ-kheo cựu trụ không phân chia, ý khiến cho Tỳ-kheo khách đi rồi thì người ít vật nhiều. Đức Phật quở đây là phi thời. Người nhiều vật lại ít, vì thế biết thí đây quyết phải đúng thời. Đã chuyển đồng phi thời thì phải Yết-ma, nghĩa rất rõ ràng.

* Khoa kế nói tùy ý. Cho là hoặc bằng nhau, hoặc phân chia.

Trong phần ba nói "Trụ nhất nhược đẳng" tức hai chỗ thọ, do nạn duyên không thành phá. Vì thế, y cứ theo đúng thời hiện tiền thí cũng được thọ.

Trong phần phi thời hiện tiền, trước nêu danh tướng, sau dẫn duyên trong luật, do sự mà thí nói lên đây là phi thời.

Hựu trở xuống là dẫn pháp phân chia.

Khoa kế, trước nói pháp cho ba chúng. Xưa nêu hai món tăng được, nay muốn nêu đồng hai món hiện tiền, vì thế ở đây dẫn. Trước nói đàn việt tự phân, kế là từ đàn việt trở xuống là nói Tỳ-kheo phân chia. Sau dẫn hai luật đều giống, rất dễ hiểu, nhưng các văn rộng khắp, cho nên chú giải để quyết đoán.

Từ tứ trở xuống là phân tịnh nhân, chú giải chỉ như sau.

Trong phần: tăng được phi thời, đầu tiên nêu danh tướng ba thời gồm chỉ một năm để giải thích phi thời. Không hạn cuộc một giới, nhiếp chung mười phương tức nói tăng được.

Kế là từ tương trở xuống nói cách phân chia. Chữ Đoán ở trên là chỉ (dừng).

Khoa kế là bạch nhị, đồng như pháp chia vật của người đã mất ở sau, chỉ đổi duyên là: Tăng ở Trụ xứ nầy có thể được phân chia y, hiện tiền tăng nên phân chia, v.v...

Trong phần nói hai bộ nêu nghĩa là đàn việt cúng chung cho Tăng và Ni. Tùy người nào đến đều được nên nói rằng là lẫn nhau chánh.

Nói bốn món nghĩa là hai bộ tăng được hai bộ hiện tiền, vì đều có đúng thời hiện tiền và phi thời hiện tiền.

Trong phần nói hai bộ lẫn nhau. Đầu tiên là nêu xen nhau chính. Trong luật nói rằng: Lúc bấy giờ, trụ xứ có hai bộ tăng, phần nhiều được chia y vật. Tăng nhiều, Ni ít nên Phật dạy chia làm hai phần. Nếu

không có Tỳ-kheo-ni mà chỉ có Thức-xoa và Sa-di-ni cũng chia làm hai phần. Nếu không ba chúng Ni thì Tỳ-kheo tăng nên chia (ở đây tăng là chánh). Nếu ni nhiều, tăng ít hoặc không có Tỳ-kheo tăng cho đến Sa-di cũng chia làm hai phần. Đều không có hai chúng thì Tỳ-kheo-ni nên chia (ở đây Ni là chính).

Như trở xuống gồm nêu pháp phân chia. Trước là nói bổn bộ đều phân. Chú giải Yết-ma chép: trong bổn bộ phải làm pháp Yết-ma chia. Sau, từ bất trở xuống là hiển bày ý lấy lẫn nhau. Không cho năm chúng được đồng tác pháp.

Trong phần: Đương bộ lẫn nhau, trước là nói tác tướng thọ thí. "Và ở tòa": Nghĩa là y cứ bổn tòa mà cúng thí. Sau từ nếu có trở xuống là nói lấy vật của người khác bỏ sót, nghĩa là Tỳ-kheo thọ thỉnh tại nhà người tại gia, khi đi bỏ sót vật, sau đó có Tỳ-kheo đến. Hoặc do thế tục thí thọ lấy tiến phủ, vì thế nói đó, biết mà đến phạm tội đọa. Do đây vật của người khác không được lấy. Nhưng thế tục cúng thì không thành tội trộm.

Biết chết phạm tội khí: dầu là vật của người khác cũng được nhập vào phần của chúng Tăng.

Trong phần trình bày ý về vật của người chết.

Khoa đầu, hai câu trên là nêu tài vật lợi nghi.

Nhiên trở xuống là nêu nhân căn.

Trước là nói Thượng Sĩ mến Đạo

Tề viễn nghĩa là vượt biển hai tử để cứu độ.

Kinh lao nghĩa là trải qua các việc khổ nhọc.

Thiệp lạc nghĩa là vượt đến chỗ vô vi.

Tục dự là danh tiếng ở thế gian.

Tiêu nhiên là tướng mạo của người thoát ly. Bốn câu trên trình bày chí kia, hai câu sau nói về hạnh kia.

Kế nói Hạ Sĩ, cầu lợi dung thông.

Nhiên trở xuống là nói giúp nhau.

Luận Ngữ chép: Người quân tử thượng đạt (đạt được nhân nghĩa), kẻ Tiểu nhân hạ đạt (đạt được tài lợi).

Nay mượn lời kia để nói về hai căn cơ. Nghĩa là Thượng sĩ tuy coi thường tài lợi nhưng thực hành pháp lợi sinh, vì thế nói là tế khí. Bậc hạ căn tuy coi trọng tài lợi nhưng nương theo pháp thực hành vì thế nói là Tùy hoài. Nhưng bậc Thượng sĩ (thượng căn) không thể vì coi thường tài lợi mà bỏ pháp. Bậc hạ lưu không thể do coi trọng tài lợi mà mặc tình buông lung, nên nói rằng đều cần, v.v...

Thông là lưu thông.

Nhất đạo tịnh hạnh là pháp phân y, ba đời đồng vâng theo nên gọi là Nhất đạo.

Lìa trần, bỏ sự đắm trước nên gọi là Tịnh hạnh.

Khoa kế, đều trình bày chỗ dứt bỏ của các Sư.

Chỉ nam: xưa có người làm xe chỉ nam, cũng gọi là Ty nam để chỉ bày cho người không biết phương hướng. Đản trở xuống là nêu lý do của các chấp.

Sáu vị Sư trì luật, tìm trong tựa sẽ thấy.

Chí trở xuống là xét chỗ chưa rõ của ngày xưa. Lâm trở xuống là nêu yếu chỉ ngày nay.

Trong phần ba nói mười môn: hai môn đầu và môn thứ mười hạn cuộc môn thứ nhất.

Ba trở xuống là nói thứ lớp hành sự của bảy khoa.

Trong phần chế ý: ý đầu có hai câu trên là hỏi.

Sinh trở xuống là giải thích chung, lại có hai:

1- Y cứ về nghĩa định để nêu lý do sau.

2- Từ cố trở xuống là dẫn quyết định

Ý kế, nghĩa đầu là phán tăng, sau là dẫn nêu bày.

Tăng-kỳ nói đủ là A-nhã-đa, Hán dịch là giải bổn tế. Lại dịch là Tri vô tri không vô.

Kiều-trần-như, Hán dịch là Hỏa Khí. Vì trước đây Kiều-trần-như thờ lửa, vì thế luật Thập Tụng dẫn duyên khởi.

Bạt-nan-đà, Hán dịch là Hoan Hỷ, thuộc giòng Sát-lợi tức Vương Tử giòng họ Thích.

Kế dẫn lời Phật phán. Đầu tiên là nói không thuộc giòng họ vua, sau, từ Tăng trở xuống là nói chỉ thuộc tăng.

Pháp chia mười món, rất khó giải thích.

Trong phần hai nói Học hối, rất dễ hiểu.

Bị tẫn tức đuổi ra ngoài, không phải là diệt tẫn.

Giữ giới là thanh tịnh. Ba trường hợp nầy, đồng trụ xứ hễ có người chết, vật còn thì được lấy.

Trong phần ba nói đi giữa đường chết, nghĩa là đến mà chưa đến.

Trong phần bốn nói người bị cử tức bị cử tội ba lần. Tuy trước có tác pháp cũng được.

Trong phần năm nói hai bộ tức Tăng và Ni.

Trong phần sáu nêu riêng một chúng. Luận kia chép: có một Tỳ-kheo đem y bát đến Chùa khác, đi chưa đến nơi, ở giữa hai giới (tức

giữa hai chùa) bị chết. Đức Phật dạy: hễ chỗ người ấy chết cách chùa nào gần hơn thì tăng chùa đó được y bát. Nếu không tính biết được chỗ cách đó thì tùy theo mặt người chết đó hướng về chùa nào thì Tăng ở chùa đó được.

Thứ bảy, đầu tiên là dẫn văn; kế, từ vị trở xuống là giải thích. Sợ cho rằng một bề nhập vào Hòa-thượng nên chú giải văn trên dẫn chứng. Đã đồng Tỳ-kheo nên biết rằng nhập vào tăng.

Mạt trở xuống là nghĩa quyết định.

Thứ tám, là nhập tục tăng không phân nghĩa.

Thứ chín dẫn luật Thập Tụng: Đầu tiên là duyên khởi. Có Tỳ-kheo tức Tỳ-kheo Mâu-la. Người năng ỷ là Mâu-la, Sở ỷ là A-nan. (Bổn cư xử vật xứ là A-nan thọ ỷ xứ.

Sau là nói Phật phán.

Trong thứ mười, hai câu trên là phân biệt với trước.

Trực nhĩ phân nghĩa là tùy theo bổn giới, cứ hiện tiền mà phân không làm pháp Yết-ma.

Hai câu sau chánh nêu, tức ở sau sẽ nói.

Đối trước một, ba, năm, sáu, chín nên nói là nhất hòa.

Đối trước hai, bốn, bảy, tám nên nói là Thanh chúng.

Chín trước đều là chia thẳng nên nói là phương nhập.

Trong phần nói hoạt (sống), khoa đầu dễ hiểu. Đồng sinh, sinh là sống. Giả mạo là luống dối.

Trong phần hai, đầu tiên nói bổn chế. Thử trở xuống là nêu pháp thân. Mặc tình nhiều ít nghĩa là dư tài. Tùy thân mặc dùng tức vật của người chết.

Trong phần ba, đầu tiên là lập khế.

Biệt hoạt phản đạo nghĩa là trước lập cốt yếu y cứ việc sau. Nhược trở xuống là pháp thân. Nói y theo thế tục vì pháp thế tục như vậy. Đã dùng phục khí chưa cần phân vì đều thuộc về nhất định.

Nói y thức là dựa theo pháp thế tục.

Trong phần bốn nói năng sở, năng là chúng chủ chiếp đoạn, sở là vọng.

Thủ vật tức sau chỉ cho Thiện sinh.

Lưỡng đoạn là Ba-la-di, thâu-lan-già.

Trên y cứ hai vật nặng và nhẹ. Trong kinh chỉ y cứ về vật nhẹ, chỉ hướng về Yết-ma trước sau mà chia.

Trong phần dặn dò, khoa đầu là bốn câu.

Trong phần đầu nói thuận theo người mới thọ, vì khi thọ giới bẩm

thọ bốn y.

Sinh phước là nhân hiện tại.

Thượng xứ kỳ hậu báo nghĩa là Thiện Đạo.

Trong phần ba nói đốc nghĩa là cùng tột.

Thân nầy chưa được Thánh Đạo vô lậu nên gọi là không vô vô lậu.

Khuyến chúc nghĩa là người khác và minh cùng nhau cố gắng.

Chữ tăng (thêm) là viết lầm, phải là chữ tăng. Hoặc cho, hoặc không cho vì tâm không bình đẳng.

Tiền nghiệp là việc đã làm trước đây, hoặc phước nghiệp, hoặc tu Đạo Thánh.

Phật răn dạy dứt trừ: vì pháp quy về tăng.

Trong phần bốn, đầu tiên là nêu tướng. Hai tâm san tham và bố thí sinh diệt không thường hằng nên nói là xoay vần.

Sau dẫn sự để làm chứng.

Hai duyên đều nêu Ngũ Bách Vấn để luận, bộ ấy nói: Xưa có một Tỳ-kheo, tâm niệm ưa thích cái bát bằng đồng. Lúc tăng chia vật liền đến xin, tăng liền cho. Sau lưỡi liếm xuống đất, hôi thối không thể dùng được.

Lại có Tỳ-kheo ưa thích y phục, do bị bịnh chết, sau hóa thành con rắn đến quấn lên y, v.v...

Bát đồng xem trong thiên Chiêm Bịnh, tham y trong thiên Đối thí.

Nói tùy tướng hoặc chỉ sau tùy sự tướng của thiên đó, hoặc truyền vết đó bị lầm. Xưa nói chỉ văn lầm, hoặc nói rằng sau mất tu, chưa hẳn là như vậy.

Trong phần khác nhau, khoa đầu hai câu trên là nêu chung, câu trên suốt xuống câu thứ hai là dặn dò, tức đương khoa. Thọ thám là chỉ bày thứ hai.

Như trở xuống là điều kiết, rất dễ thấy. Do ban đầu các vật trọng chỉ có thể dặn dò cho, kế là vật khinh (nhẹ), vật nhỏ có thể đích thân cho.

Trong phần ba, đầu tiên gồm có ba câu.

Xen nhau hiện có hai: Nghĩa là người hiện tiền, vật đều hiện tiền (vật ở chỗ khác). Vật hiện tiền người không hiện tiền (người ở chỗ khác). Người vật đều không hiện tiền (Người ở chỗ khác, vật cũng ở chỗ khác).

Ba câu như trên chỉ có thể dặn dò.

Câu trên thì có mặt nên chính mình cho. Hai câu dưới là dặn dò người khác.

Trong phần bốn nói chỉ trước tức không dặn dò cũng là câu hay. Trong phần nói trùng và đơn, khoa đầu nói trùng chúc (dặn dò lại lần nữa) rất dễ hiểu.

Trùng thọ nghĩa là trước đã cho vật rồi, nhưng người nhận chưa đem đi, sau lại cho người khác, như vậy thuộc về người ban đầu, người sau không thành.

Khoa kế, đầu tiên là chánh phán. Văn chú giải, đoạn trước là quyết đoán phạm, đoạn sau nói thọ sau đúng pháp.

Thiện trở xuống là dẫn chứng. Thiện sinh chứng phạm, luận Minh Liễu chứng không thuộc về mình.

Trong phần nói thành chăng, chánh nói lên có hai:

- Trước nói tướng thành.

- Sau, từ nhược trở xuống là nói tướng không thành. Trên dùng nghĩa phán, dưới nêu lý do. Lúc sống thuộc về mình, khi chết thuộc về tăng. Lại có chủ: tức năm vị đức.

Khoa kế, trước nói dặn dò trao cho người. Kế, là từ nhược trở xuống là nói dặn dò người khác làm phước.

Trong phần dẫn văn, câu đầu là nêu chung. Tứ trở xuống là dẫn riêng.

Tiết thứ tự rất dễ hiểu.

Luật Thập Tụng nói sáu vật không nên: Phật chế thưởng cho người nuôi bệnh.

Trong phần năm nói tác pháp: vì sợ tăng không biết.

Trong phần phụ trái nghĩa cầu. Khoa đầu, trước là nói nợ lẫn nhau. Hữu trở xuống là nêu pháp trả. Đầu tiên nêu đối lẫn nhau. Thiếu nợ nhiều thì trả nhiều, thiếu nợ ít thì trả ít, vì thế nói là tương đương. Nhiều ít trả lẫn nhau gọi là giao lạc. Dĩ trở xuống là giải thích riêng trả lẫn nhau.

Đều thâu nhập: nghĩa là phán quy về hai bộ tăng.

Y bổn: suy chỗ thiếu xưa, vì thế nợ nhẹ trả nặng thì đem nặng quy về nhẹ. Nợ nặng trả nhẹ thì dùng nhẹ quy về nặng, đối chiếu văn sẽ rõ.

Vật nhẹ thì mười phương cùng phân chia gọi là pháp cộng tăng. Đây nhập vào Thường Trụ nên gọi là không đồng.

Khoa kế, đầu tiên nói nợ nặng, sau, từ nếu trở xuống là nói nợ nhẹ.

Không thể được nghĩa là thường trụ thiếu thốn. Trong phần dẫn văn, luật Thập Tụng, khoa đầu có bốn tiết:

1- Đối Tam Bảo nợ lẫn nhau, nên quy trả cho Tam Bảo. Nhập hiện tiền tăng nghĩa là đòi lại để phán xử. Nói xen lẫn cho nên chú giải riêng để hiển rõ. Hoặc có thể trước nói rằng Thường trụ nợ vật nặng không cần đòi lấy lại. Nay theo luật Thập Tụng để quyết đoán nghĩa trước. Trên nói chung Tam Bảo, dưới từ nãi chí trở xuống nêu riêng tăng. Đều phải đòi hỏi để nhập vào cho nên nói là đồng như trên.

2- Từ nhược bất trở xuống là nói mắc nợ rượu. Trong chú giải quyết định vật của tăng ở trước, nên lấy vật của mười phương hiện tiền trả lại. Nếu không hiện tiền mới cho phép Thường trụ nên nói là tùy duyên. Ngăn sự chê bai, ủng hộ pháp sự là chính cho nên khai.

3- Từ nếu trở xuống là nói nợ nần lẫn nhau. Nói không nghĩa là y không còn.

4- Từ hựu trở xuống nói khác chỗ sai biệt. Luật kia, năm cầu đầu do Bạt-nan-đà làm duyên khởi. Câu đầu vì gởi vật chỗ này, chết chỗ kia, Tỳ-kheo tranh cãi nhau. Đức Phật dạy: gởi vật trong chùa nào thì hiện tiền tăng ở chùa đó được chia.

Câu kế nói: y, bát của Bạt-nan-đà hứa cho người (tức chỗ thiếu nợ), chết ở chỗ khác nên hai chỗ tranh cãi nhau. Đức Phật phán (dạy) như văn. (Hai câu trên là hai chỗ tranh cãi, ba câu dưới là đối với câu thứ hai ở trên đều thêm một chỗ).

Thứ ba, thêm chỗ giữ gìn: Nghĩa là Tỳ-kheo vì người khác giữ gìn, hứa hẹn cho.

Thứ tư, thêm chỗ chất vật (vật thế nợ), nghĩa là đem tài vật ở chỗ khác thế nợ cho người.

Thứ năm, thêm cầm giữ khoán thư (bằng khoán): tức vì chủ tài tính toán sổ sách.

Khoa kế, cầu đầu là chủ phá. Kế từ nhược trở xuống là nói lên lý khác nhau. Ba từ như trở xuống là nói đoạn riêng. Trên nói nhập vào tăng. Dưới từ nhược trở xuống là nói ở thế tục. Trước y cứ thẳng lấy, sau từ nhược trở xuống là tranh cãi với nhau.

Luật Thập Tụng, trong phần năm y theo ba trường hợp quyết đoán: hai chỗ người, xứ gởi tức trong pháp phân chia. Gởi người không gởi chỗ, gởi chỗ không gởi người, hai trướng hợp quyết đoán.

Luận Tỳ-ni Mẫu chép: "sinh tức ở ngoài" tức chỗ của người thế tục.

Ngũ Bách Vấn chép: mượn vật của người: nghĩa là vật mượn của

người khác.

Nói phạm tội: luận ấy chép: tất cả không được tự lấy, nếu tự lấy phạm tội Đột-cát-la. Bạch với chúng, chúng cho thì được lấy, chúng không cho thì phạm Đột-cát-la. Nếu chúng không cho mà cưỡng bức lấy thì phạm tội đọa. Vì thế, nói rằng tự tha đều phạm. Luật Tăng-kỳ nói đòi nợ nghĩa là có Tỳ-kheo chết, người khác đến đòi, vì thế chế phải xem lường.

Trong phần quyết định nặng nhẹ có hai: Đầu tiên là chánh phán, sau từ bất trở xuống là ngăn quấy.

Trong phần đầu, trước nói y cứ theo thể vì thọ tùy tương ưng. Sau y cứ về tùy chỗ vì Tăng hiện tiền đồng thấy.

Trong phần ngăn quấy, trước ngăn vọng tình kia, sau từ thật trở xuống nêu chỗ lạm dụng kia. Như trở xuống là dẫn chứng.

Luật Tứ Phần nói ngoài y, bát, v.v... phần nhiều là phán nhập vào vật tạng.

Luật Thập Tụng thì nói các vật khác phần nhiều là quy về vật nhẹ. Nay muốn được y để chia bàn trái với thọ tùy nên áp dụng theo luật Thập Tụng.

Do tham v.v... suy lỗi về tâm. Do phán nặng là nhẹ nên đều phạm tội nặng Ba-la-di.

Trong Nghi nặng nhẹ chép: do nhân tình ích kỷ hẹp hòi, ủng kết chẳng phải vô. Biết sự thì thân thường trụ, dẫn nhẹ nhập nặng. Biệt tăng thì riêng tự lợi dẫn nặng theo nhẹ đây.

Khoa kế, dự bị. Tổng quát sáu kiến không ngoài ba bậc.

Trong phần giải thích riêng, Sư thứ nhất. Khoa đầu có mười ba chương:

1- Tăng-già-lam.

2- Thuộc vườn, ruộng, cây ăn trái của Tăng-già-lam.

3- Có nhiều phòng riêng.

4- thuộc vật của phòng khác.

5- Bình, bồn, búa, đục, đèn, đài.

6- Phần nhiều là các vật trọng (tức thành: y, các dụng cụ... như văn đã nêu).

7- Giường dây, giường cây, ngọa cụ, tọa cụ, nệm.

8- Y-Lợi-Diên-Đà. (Đây là tên con Nai đầu đàn, nghĩa là loại da nai). Mạo-mạo-la (hai loại nầy đều là loại da nai). Mạo-la, Mạo-mạo-la (hai loại này đều là tên loài thú. Có lẽ là tướng trạng giống như loài Hổ, Beo, da dầy, lông mềm mại dùng để ngồi.)

9- Người giữ già lam.

10- Xe cộ.

11- Bình nước, gáo múc nước tắm, tích trượng, quạt.

12- Các thứ xen lẫn để làm đồ dùng (cây trúc... để làm dụng cụ).

13- Y, bát, v.v... như văn đã dẫn.

Luật quyết đoán mười hai chương trước đều là vật trọng, một chương sau thuộc vật nhẹ. Vì thế, nói rằng chỉ có nặng và nhẹ hai thứ khác nhau.

Khoa kế, đầu tiên nói vật khinh, tức chương mười ba. "Câu-dạ-la" trong Nghi nặng nhẹ nói rằng: Hán dịch là Tùy Bát khí.

Kế, từ dư trở xuống là nói vật nặng tức gồm mười hai chương trước.

Nhược trở xuống là phân biệt riêng y phục.

Trong phần kết nói một nhà ở đây tức chỉ phán trên. Không cho hai nghĩa là cho đồng nay. Nhưng kia không theo ngoại tông, vì chưa tận thiện. Không thể ức chế vì chẳng đoạt thì không còn.

Sư thứ hai. Khoa đầu có ba nghĩa, y theo thể để lập tông, vì thế, luật Tứ Phần trước đã y cứ.

Bổn tông đã thiếu, lấy tướng bên ngoài thành, cho nên lấy các bộ vốn khác, đều không nhưng vẫn thêm nghĩa quyết định. Hai món sau đối với bổn tông ở trước, vì thế nói là bàng xuất, bàng tức là gồm.

Trong phần lược phân, ba khoa đều nêu lý do. Hai khoa trước nặng nhẹ đều nhất định, các bộ đều đồng một khoa, sau thì trái lại cho nên phải phán riêng, lựa bỏ dị thuyết nên nói là lời sao một ý. Vị thứ ba nói tánh trọng nghĩa là các vật vàng đá v.v... Tánh nhẹ nghĩa là vải, lụa, v.v...

Tùy dùng hai câu, lẽ ra phải đủ bốn câu, vừa nặng vừa nhẹ, nêu sự phối hợp đó rất dễ hiểu.

Sư trọng, trọng tức vật thể.

Dụng nhẹ nghĩa là giúp thân giúp đạo.

Dụng nặng nghĩa là buông lung phế đạo.

Trong phần phân rộng, khoa đầu hai câu là dẫn dụng. Nhiên trở xuống là nói với khoa phán quyết. Trong phần chú giải lấy thí dụ.

Luật Thập Tụng nói khí vật không phán theo thể, chỉ tùy sự dùng để phân nhẹ nặng. Nay các môn nầy y theo kia làm thí dụ.

Cũng tùy sự phán cho nên nói rằng phụ sự nói rộng.

Khoa kế, luật Thập Tụng nói nhập vật vào chúng.

Luận Tỳ-ni Mẫu nói thỉnh vị năm đức. Kia rộng chỉ pháp phân

nên nói.

Sau cách giải thích vật nặng, danh nghĩa bao gồm thể dụng. Vật khinh thì danh nghĩa có thể y cứ mà biết.

Trong phần chánh phán nói tơ, gai, lông, bông, từ thể nêu tên. Bốn món nhiếp tất cả y vật tức hai chương thứ tám và mười ba trong mười ba chương. Xưa nay khoa tiết liên hợp kết hợp tạp, vật loại không chia ra nặng nhẹ lẫn lộn. Nay đều kỹ càng tỉ mỉ như chỉ trong lòng bàn tay. Còn như trong lời ký cũng lược sơ mà thôi. Lại lời ký xưa phần nhiều là dẫn sách thế tục để giải thích danh tướng của vật. thời đại xưa nay cắt may khác nhau, lỗi thành phiền toái, nay đều bỏ hết, có lúc khó hiểu thì giải thích sơ lược.

Trong phần bốn, khoa đầu. Có chú giải rằng "Biểu lý trang trị". Nghi nặng nhẹ giải thích: Hai niệm tùy lớn nhỏ kia, đều cho là dung bông bện làm cốt lót bên trong, bên ngoài dùng vải tơ: Nếu chỉ một bên bông vải thì nhập vào vật nhẹ. Trong phần nệm bông, đầu tiên y theo luật để phán quyết. Thử trở xuống là giải thích lý do nhẹ. Đầu tiên nêu tướng của y tức lấy lượng đồng Ca-sa. Quá lượng nầy thì nhập vào vật nặng, vì thế văn trong Nghi Khinh Trọng nói rằng: Tôi xưa dùng lượng đồng ba y vì thế nhập vào vật nhẹ. Bông bện thành tâm đắp, khác với phân lượng ở đây. Sau vị trời bảo rằng thể lượng của nệm bông chính chung cho ba y. Trung quốc không khai cho, chỉ các nơi khí hậu lạnh đắp mà thôi.

Lại nói: Các nước quá lạnh phần nhiều dùng vải bông nhiều lớp để đắp. Nếu không có thì dùng cỏ mềm nhuyễn dệt thành y phục. Lại không có thì da cây đập cho mềm mà mặc. Không có thì được dùng bông, len, như nệm bông cắt may thành ba y, lông để ở trên trong đó. Lại không có thì được dùng các thứ da làm ba y. Như vậy thứ lớp lần lần mà khai. Nếu Trung phương tự có pháp y thì da cây, v.v... đều không xếp vào vật nặng. Vì thế, sau phán quyết rằng: Nệm bông như tướng ba y ở trước: thuộc về nhẹ. Khác là bất luận lớn, nhỏ, dày, mỏng đều thuộc về vật nặng.

Bị trở xuống là phân biệt xen lẫn vì theo dùng trọng. Dĩ trở xuống là chứng thành. Còn lại y theo đây nghĩa là các loại lông khác.

Trong phần ba nói bị đơn, Nghi Trọng khinh chép: đơn phụ bị đơn đã không đồng tướng bị (áo ngủ), v.v... Tơ, vải, ba y có thể theo hạn lượng vật nhẹ.

Trong phần bốn chép: Bộng bện mỏng nhẹ thuộc về vật nhẹ, Nghi Khinh Trọng chép: dày nhập vào vật nặng, mỏng có thể cắt may. Không

giống như nệm bông là vật của thế tục dùng. Bông bện này chung cho trong Đạo dùng.

Trong phần năm, Nghi Khinh Trọng chép: nệm bông thuần sắc (một màu) thì xếp vào vật nhẹ. Xua tạp thì nhập vào vật nặng (lại nói lông dầy đan dệt nhưng dư đầu ra. Gồm có những hình vẽ người hoặc thú gọi là nệm bông, đây gọi là xen lẫn).

Luật trở xuống là giải thích nghi. Sợ cho rằng luật cho phép hoại sắc nên phán quyết.

Lụa mỏng thuộc vật nhẹ, nghi chép: tuy thể của y xen lẫn mà sắc tướng thuần đồng. Luật khai cho đắp y có tướng mịn như lông ngỗng.

Luật trở xuống là y cứ nêu phần dẫn luật ở trước. Văn trở xuống là quyết thông giao thoa tức lụa hoa, lụa mỏng, v.v...

Nghi Trọng Khinh chép: tức như lụa mỏng xếp vào phần nhẹ.

Hạ trở xuống là dẫn chứng. Thượng Vương đại giá y nghĩa là vật quý, dùng để dẫn chứng lụa mỏng. Nếu theo văn vị trời đã nói trong Nghi, đây chính là Ca-sa.

Ở Tây Vực ngoài các vua ra, các quan trong nước thì mặc áo thế tục. Bên trong vâng theo pháp hành liền lo nghĩ đến đạo phục. Hoặc sắp Tăng-già-lê, giá kia vật quý, hoặc đáng giá muôn lạng vàng, vì thế gọi là đại giá (giá cao).

Trong phần nói về các bộ khác, khoa đầu có hai thứ dây buộc. Luật kia chép: Nhân có Tỳ-kheo đi khất thực, gió thổi bay áo trong. Đức Phật bảo phải buộc dây chỗ eo. Các Tỳ-kheo lấy sợi tơ vời làm, lấy sợi tơ buộc lại làm, hoặc làm chính giữa. Đức Phật dạy lấy sợi tơ vời và tơ buộc đều không cho phép.

“Không trung”: phải ở chình giữa mà may (thứ nhất). Hoặc may ở bìa (thứ hai).

Khoa kế, phần thứ năm, trước xếp vào vật nhẹ.

Kiếp bối là mộc miên y đơn.

Trong Phu Nghi nói: nghĩa là trải trên giường bốn góc phủ xuống, tức sấn thân (phủ thân).

Trong y nghi chép: Tức thân bị mụt nhọt lồng trong ba y: y theo đây đồng, tức y cứ loại trải đơn (đơn phu) để quyết đoán áo ngủ đơn.

Kế từ miên trở xuống là phán quyết vật nặng. Đầu phán mao bảng, âm bảng là loại lông dệt vải.

Theo đây là y cứ theo lông bông bện mềm mỏng ở trước. Phải y theo lượng, nghĩa là không được quá lượng. Nhưng nếu cứng và dày thì cũng xếp vào vật nặng.

Bất trở xuống là phân biệt khác.

Kế nói về Tháp Đăng. Nghi chép: nghĩa là do sợi ngang trải lông như gấm: dùng để trải dưới đất, hoặc che tường, v.v...

Ba là nói về bông bện nhỏ.

Trong phần ba có ba đoạn:

1- Chánh phán. Nghi nói rằng: do thể đúng pháp thì được chuyển đổi thành loại pháp y như trong luật.

Thọ tịnh: nếu y gấm như vậy cũng cho phép hoại sắc chứa để, lẽ ra nhập vào vật nhẹ.

Trong Đáp Nghi chép: Không đồng như Tháp Đăng gấm hoa, nhuộm thì có thể đúng pháp, chưa nhuộm thể đây loang lổ xen lẫn, tướng bên ngoài năm mầu phân rõ ràng, lại Đức Phật chánh quyết đoán ở lượng. Không thích nghi song liệt phân chung ở đây.

2- Từ nhược trở xuống là khiển trách sai.

Nghi chép: có người nói lụa đào mầu tím, Đức Phật dạy không được đắp mặc, vì phạm tội đọa, cho nên phải xếp vào vật nặng.

Ở đây không dẫn đủ, xếp thẳng kia dẫn loại khó rách, lụa, vải không ngoài hai mầu vàng và trắng, đồng như năm mầu chính cũng không cho phép đắp mặc nên xếp vào vật nhẹ, vì thế phải biết rằng không thể chỉ y cứ theo lời Phật chế không được đắp dùng là nhập vào vật nặng.

Nếu như vậy trở xuống là nêu sự vấn nạn.

Nệm lông (thảm trải đất) trước có hai sự quyết đoán: kia cho rằng nhập vào vật nhẹ chính là y cứ về lượng. Xếp vào nặng chính là y cứ về sắc, vì thế có vấn nạn này.

Trong phần đáp, trước nói nhập vào nhẹ. Hễ lìa sự loang lổ xen lẫn chỉ thuần một sắc cũng phán xếp vào nhẹ, vì thế phải biết văn phân tích thuần một mầu và xen lẫn bất luận, vì mầu sắc không đúng. Vì thế, dẫn luật Ngũ Phần để dẫn chứng. Bộ kia nói rằng: gấm, lụa có hoa bóng, lông v.v... không nên chia. Nếu thuần một mầu thì nên chia. Trong phần bốn bao gồm hết. Nghi chép rằng kén có côn trùng đặt tên sợi gai gọi là chưa thành sợi.

Giai âm giai, là sợi gai.

Trong phần năm, trước phán quyết vật nhẹ. Chú giải y cứ vào tập quán để trên vai lấy hai đầu làm giới hạn.

Tức không lớn: y cứ năm phần: trên nói về số lượng, tức nêu năm phần, ba sau là nhập lượng.

Đều cho là đại: tấm chăn, ở đây tùy theo chăn mà xếp.

Bao liền xưa nói rằng hai đầu may hợp, giữa chừa cái miệng. Nghi chép: do xen lẫn làm thành đồng như tấm chăn của thế tục nên không xếp vào giới hạn.

Trong phần sáu nói hoại sắc khác với thế tục, cũ rách không đúng nên đều xếp vào vật nhẹ.

Dụ thị trở xuống là trái lại với hai thứ trên nên thuộc về vật nặng. Nghi chép: vì dứt tâm thế tục cho nên mặc áo ngắn tay.

Trong phần bảy: (giày ủng, giày thêu năm màu) Hàng tơ năm màu, chỉ khâu, giày ủng, giày: Nghi chép: lúc bấy giờ, có người làm đài Long Phượng (Đầu có ba tầng) và xen lẫn thêu may thành đều nhập vào vật nặng.

Y phục nam nữ tức áo tơ hoa của bá trai, bé gái.

"Bổ phương" xưa nói là cắt năm miếng vải vuông mầu sắc rực rỡ mà may vá thành. Nghi chép: gấm vóc kết đan lại, đảy hàng tơ xen lẫn đều xếp vào vật nặng.

Đãy bông thuần một mầu đều xếp vào phân chia.

Túi đựng Bát nhẹ: tùy bình bát phán quyết. Nếu theo văn nghi thì nói rằng: có thể rút riêng ra xếp vào vật nặng vì sự đồng như gấm vóc.

Trong phần thứ hai nói năm thể gồm thâu năm vật. Hai thứ đá, sắt gồm thâu các thứ vàng báu.

Luật Tứ Phần, khoa đầu trước gồm nêu các vật, tức mười ba chương. Vật, bình, bồn là thuộc chương sáu. Búa, đục, đèn, đài ở chương năm. Hai giường chương bảy, Bình nước v.v... chương. Xe cộ, v.v... chương mười. Da sắt v.v... làm các dụng cụ là chương mười hai. Sau nói bình bát, chỉ nhuộm mầu là thứ sáu, thành y và các dụng cụ, Luật đều xếp vào nhập vào vật nặng.

Sau dẫn các bộ thì có khoa trước.

Thử trở xuống là phân biệt riêng làm các dụng cụ.

Nghi chép: người xưa không nói năng sở đều nặng, vì thế ở đây quyết đoán.

Đầu tiên là chánh thức nêu bày, cố trở xuống là dẫn chứng, chú giải phân biệt sở tạo khác nhau, không thể đồng phán, cho nên nói trước nói xếp vào nặng, định là năng tạo. Nghi chép: Sắc làm đồ dùng: như cái giũa, kiềm, đá, mài. Đồ gốm làm vật: như bánh xe, dây, đãy, sáo, xẻng,... Da làm các vật: bồn, gừng, cái thui ngang khung cửi, dao, cưa, v.v... Tre làm các vật: búa, cưa, rìu, cái nạo, v.v... Những vật này đều có hại cho Đạo không cho chứa để.

Khoa kế, dao cắt xếp vào vật nhẹ, từ dụng nhẹ cho nên trong phần

ba trước chung tám món (vàng, bạc, đồng, sắt, cây, thuốc, hồ giao). Bát gồm chân và tự (vàng, bạc, chân châu, ma-ni, xa cừ, mã não và các thứ ngọc bích là chân báu), đồng, sắt, thiếc, ngụy châu (châu giả) v.v... là tự báu. Tiền và báu thật đều nặng vì là vật bất tịnh. Tự thật như gốc, khối, đoạn xếp vào vật nặng. Nhập một trăm lẻ một: đều là vật nhẹ.

Văn sau tức pháp y trong luật.

Nhặt y phẩn tảo: lấy nhân khai. Đây là dẫn chứng tiền bạc, vật báu không được chứa để.

Trong các bộ, khoa đầu, trước nêu chung các vật đều là nhỏ: nửa bát tức bát cạn, hộ bài nêu hộ câu, nhược trở xuống là phân biệt riêng các vật.

Bối là các răng của Hải Trùng, tức răng của loài thú này làm dụng cụ, nghĩa là bốn đã làm ở trước. Như trước tức chỉ các bình bát ở trên. Chú giải châu nửa đấu tức nay là một thăng rưỡi.

Trên nói vật khí.

Tất cả trở xuống là xếp nhiễm sắc (mầu nhuộm). Nghi chép: cây tía tô, cây Hoàng bá, Càn Đà, v.v... đều là loại cây.

Khoa kế, luật Tăng-kỳ có ba tiết:

Đầu tiên phán hai vật báu, kế phán về giường, vuông thì gọi là khuông, tròn thì gọi là Cử, đều là vật làm bằng tre.

Cũng như vậy nghĩa là giống như vật nặng ở trên. Ba là phán bát phi pháp.

Ngói, sắt, sắc lượng không phải bằng sứ: thêm thể là sai. Văn nêu sắc lượng (mầu sắc, lượng) đều không đúng pháp. Dầu khiến mầu đúng cũng trái lời Phật chế, vì thế nói rằng theo đây là đồng (Như lượng bát trắng lẽ ra xếp vào nhẹ vì có thể xông).

Trong phần ba, luật Thiện Kiến chỉ phán quyết về bình bát mà thôi, còn cách suy tính thì ở khoa trước.

Trong phần bốn, khinh khai cho chứa dao. Bốn tấc làm giới hạn, lớn hơn thì quy về vật nặng.

Trong phần năm, nói tống chung điều độ, nghĩa là xe cộ, quan tài dự bị làm nhà mồ, v.v...

Trong phần sáu, nói lộc là va-li bằng tre, v.v... Hộ câu tương tùy xếp vào vật nặng, nghĩa là hộ môn.

Trong phần bảy, luật Thập Yụng nói khinh tức như trên đã dẫn không quá nữa đấu và đều là thể khác nhau. Văn Nghi, nghĩa thêm tất khí, nghĩa là mâm, bát, chén, cho đến muỗng, đũa, đồ đựng thức ăn của thế gian bất luận là lớn, nhỏ, nhiều, ít đều xếp vào vật nặng, vì những

vật nầy đều là thế tục có, không phải là đồ dùng của Đạo.

Thứ tám có ba:

1- Phán quyết về lò hương, trước y cứ lượng phán nhẹ, theo luật Thập Tụng cũng nửa đấu. Có trở xuống là phân biệt đồ trang sức báu.

Tróc báo chế: giới bổn chép: vật báu vì đây là dụng cụ trang sức.

Nhược trở xuống là phân biệt quá lượng.

Căn bản trở xuống là phân biệt sở thuộc. Như cách phân xử ở trước tức là y cứ vào nặng nhẹ.

2- Dụng cụ cúng dường Phật pháp đều đồng hai cách phán. Không giống lư hương có thể y cứ đấu lượng. Vì thế, nói là nhẹ, có thể mang theo thân.

3- Phán sổ châu (xâu chuỗi). Chú giải nói thuộc riêng: do đây nhẹ nhỏ, được tự thọ dụng nhưng nghĩa đổi, bán không nhất định nên xếp riêng vào vật nhẹ. (Nếu có nơi mua bán cũng thuộc về nặng).

Nghi chép: Hạt nầy do loại cây Hoạn Châu xỏ suốt, tức do tạp sắc ngụy báu tạo thành. (Tại cơ chánh yếu không được quá số lượng). Đầu tiếp hạ căn khiên quả tu nghiệp có thể y theo bộ luận Tát-bà-đa.

Tợ báu tạp sắc khai làm một trăm lẻ một vật: đúng như pháp được xếp vào vật nhẹ.

Còn lại như cây gỗ, tre, v.v... xếp theo đây mà phân.

Thứ ba, trong phần nói ruộng, đất, v.v... tức xếp vào bốn chương trước trong mười ba chương (gồm mười hai chương trước)

Súc sinh, nhân dân một chương thứ chín, chia làm hai khoa. (Đối luật mươi ba chương đủ).

Vật bằng da nêu vật nhẹ thứ mười ba.

Bốn món thuốc nêu thứ hai, thuộc vật già lam. Trong bộ Tứ Phần trước nêu chung bốn vật. Nhược trở xuống là nêu riêng vật trong phòng. Trước nói vật nhẹ sau đổi nặng. Nhược trở xuống là nói đã thí (cho) rồi lấy lại được chăng.

Khoa kế, trước nêu vật sở thuộc. Nhược trở xuống là nói về phân chia phòng.

Trong bộ khác, đầu dẫn luật ấy, màu nhuộm ở trước đã phán quyết. Đất đỏ là thuộc vật trong phòng. Sau y theo văn phán nghĩa cũng quy về vật nặng vì thế nói là đồng.

Trong phần bốn, luật Tứ Phần nói các y đồng như ngoại đạo mặc. Ở xứ khí hậu lạnh thì khai cho nhưng không phải thường dạy.

Trong bộ khác, khoa đầu có hai: Trước nói đảy, sau phán các loại dây. Vi là da đã thuộc chín, mềm mỏng, da chưa thuộc chín thì tùy

dùng.

Ngoài phán nặng nghĩa là không phải nhỏ: Nghi chép: nếu có da sống, từ vật nặng thấp.

Trong phần hai nói bình là đầu bằng, tà là đầu nhọn. Trái với Đạo nên xếp vào vật nặng nhẹ. Theo văn Nghi chép: Hai loại giày, ủng đầu bằng và đầu nhọn, luật không chánh phán. Nếu theo Thiên Trúc tức Phú-la hình như giày ủng bằng da, mặt trước hở ra, khi đi thì hai bên buộc úp lại. Nếu giày ủng đầu nhọn, bằng như tướng nầy đều xếp vào vật nhẹ (vì giày da Phú-la đều cho phép mang). Còn lại xếp vào khinh, Nghi chép: có loại giày ngắn, đầu cao cũng từ giày, dép đồng quyết đoán (giày, dép đều thuộc vật nhẹ).

Lại nói y theo luật Tăng-kỳ, luật Ngũ Phần quyết đoán giày da và đãy nhập phân chia.

Trong phần ba, trước nói kinh pháp.

Tùy có thể cho: phải chọn người có đức tính kham nhận, không thể dối trá xen lẫn.

Kế phán thư họa (viết, vẽ). Tục thư: như sách của Đạo Nho ở xứ nầy, chữ viết xưa nay...

Nghi chép: không được để lâu nên xả, nhập vào tăng (tức Thường Trụ).

Tố Họa Nghi chép: Những hình vẽ khác thuộc những phù phiếm thường tình không phải là thuyên yếu, có thể nhập vào thường trụ (Nếu là tượng Phật thì y theo kinh Pháp ở trên mà phán. Tượng khác thì không phán).

Ba là phán bút, v.v... trong Nghi có hai cách phán: gồm các việc làm cho Đạo thì xếp vào khinh. Bổn ý phụ tục đều từ nặng mà nêu, vì trang nghiêm chương cú ưa pháp thế gian.

Bốn, luật Thập Tụng nói đoán là y cứ lượng.

Năm, luận Tỳ-ni Mẫu trước phán súc loại.

Nhược trở xuống nói tùy vật chứa để. Vườn, quả v.v... do đó mà dẫn chánh phán dụng cụ dưỡng nuôi. Cố trở xuống là giải thích riêng tên gọi kia. Song giải thích tên còn chung người chứa để. Trong đây chánh là lấy dụng cụ dưỡng nuôi mà thôi.

Sáu, luật Tứ Phần ở trước nói tăng chết phán cho kẻ hầu, vật xếp vào tư kỷ: nghĩa là trả lại cho người kia.

Nghi chép: nếu có thể cung cấp trọn đời, tùy tăng phân xử (Đi ở do tăng). Nếu trước đây đã định cung cấp trọn đời, sau khi tăng đã chết rồi thì có thể thay đổi, mặc ý đi hay ở cũng được. Nếu người khác sai

cung cấp thì trả lại chủ trước. Nếu chủ trước (bổn chủ) tự có của ấm phú để lại thì y theo xưa nhập vào tăng. Nếu tạm đến không phải thường ở thì tùy thời mà tặng. Luật y cứ một bề phải y theo năm trường hợp nầy mà chọn.

Nhược trở xuống là nói người hầu chết phán vật. Trước nói tăng và người hầu, sau nói riêng người hầu.

Nói "Đồng sống lấy nhập rồi" nghĩa là mặc ý chủ tăng.

Không đồng sống hai phán, vì không thể nhiếp nhập. Trong chú giải quyết đoán ở trên xếp vào người thân nên y cứ không đồng lợi. Nếu đồng lợi tăng thì một bề xếp vào tăng.

Trong luận Tỳ-ni Mẫu có hai phán. Nghi chép: như trước đây dự định trọn đời cung cấp.

Thủ sớ rõ ràng: y theo luận Tỳ-ni Mẫu thì bỏ đi, không bỏ đi thì hai món trong năm món xếp vàot. Trong chú giải y theo bỏ đi, nghĩa là đã lấy phải y cứ rõ ràng.

Ngược lại nêu tặng tánh chưa lìa chủ: nghĩa là thông không giới hạn phải xếp vào Thường trụ. Vì thế, nói rằng y theo luật tức luật Tứ Phần ở trên.

Hậu chung nghĩa là khi Tỳ-kheo chết. Tức Nghi văn chép: bổn là tiện phẩm tặng tánh từ tốt mà chưa lìa bổn chủ. Nếu chủ chết thì được nhập vào Thường Trụ. Y tư súc sản tùy thân sở thuộc, không được truy đoạt.

Bảy, đầu tiên là chánh phán, cốc mễ, v.v... là thời dược, thang hoàn, v.v... chung cho ba loại thuốc còn lại. Y cứ vào văn đều trọng. Y theo văn Nghi thuốc thì trọn đời chưa nghiền giã trị bệnh thì xếp vào vật nặng. Nếu đã đâm nghiền hòa thành hoàn, bột và phục tàn dư ấy đều xếp vào khinh.

Tuy trở xuống là hiển bày tịnh. Luận chép: Tâm đoạn thanh tịnh: cho nên biết ăn vốn không phải dơ uế.

Khoa kế nói thỉnh rồi mạng quá thuộc vong: vì thế ở đây nhập vào thường trụ. Phân y lời thông cho nên chú giải quyết đoán.

Sau khi qua đời được phi vong nghĩa là phân chia nên quy về bổn xứ. Y cũng giống như vậy: đồng với hai cách phán trên.

Trong phần chỉ lược, trước hiển bày lược, cụ trở xuống là chỉ rộng, tức văn của "Nghi Khinh Trọng" có một quyển. Phán quyết rõ ràng, không xem văn kia.

Do đâu hiểu đây cho nên nói cũng cần, v.v...

* Sư thứ ba, đầu tiên nêu chỗ thấy kia. Bốn bộ tùy dẫn cho nên nói

rằng dùng chung. Các bộ có phế lập lẫn nhau nhưng khế hợp đã thấy tùy theo dẫn dùng.

Như trở xuống là dẫn nêu bày.

Lu đựng nước tắm v.v... bổn luật chế nặng, nhưng tích trượng, y cứ theo bổn vì làm kinh trùng thú nên xếp vào nặng. Theo nay dùng chánh là tiêu biểu cho đạo nghi. Nếu nói về quạt: cũng có giảng về gió động khác nhau. Không thể phán một, nghĩa cần nhập vào khinh, vì sao mà lầm hoặc.

Văn sau chỉ rộng cũng tức là văn Nghi.

Thả trở xuống là kết bảo phải y theo Sư kế, quy biện lành dữ, cảnh phân ra tốt xấu.

Bảy môn phán dụ có chỗ đồng nhau.

Trong phần thưởng công lao, khoa đầu hiển năm việc của đức đều y cứ người bệnh.

Trong phần năm, hai sự cộng hợp thành một.

Không như thuật ngữ, nghĩa là phần nhiều dối trá không thật.

Tự mình có thể kham nhận nên không nhờ người khác làm.

Năm hạnh không ngoài ba nghiệp, hai lợi.

Sai tử nghĩa là hoặc thiếu hoặc chết, vì đến rốt ráo.

Trong phần nói có thể không, trước là chánh nói. Năm trở xuống là dẫn nêu.

Luật Ngũ Phần chép: cho rốt ráo nghĩa là do còn trước sau tức là hạnh đầy đủ.

Trong luật Tăng-kỳ, đầu tiên là lựa không hợp.

Tự ưa phước nghĩa là không ích lợi cho người.

Tà mạng là y thực. Nhược trở xuống là nói hợp thưởng. Trong phần nói cho vật, khoa đầu, trước phân biệt thượng, hạ. Luật không nói: là văn chỉ rộng.

Nếu không biết v.v... do nghĩa quyết định. Hơn nữa, y cứ về y, phần nhiều là hay nói đến. Nhưng chỉ ba việc đủ thiếu mà cho.

Kế, từ Thập Tụng trở xuống là nói xét kỹ.

Tiên vấn nghĩa là người thăm bệnh, nuôi bệnh. Không tin nghĩa là nuôi bệnh không thể nương nhờ, từ tát trở xuống là nói trọng y. Bất thích bất nhập vì chẳng phải một thể.

Tứ Phần trở xuống là nêu vật đó. Đãy, ống đựng kim v.v... có khác nhau. Tùy có đều thông. Đãy v.v... gồm tùy sáu vật, thông nhập thưởng công lao.

Khoa kế, đầu tiên là phân biệt riêng đủ thiếu. Câu đầu nói cho

hoàn toàn, ba câu sau nói phân ra đều phải suy lường nên nói là phải bàn bạc mức độ. Nhưng nếu đức đủ, vật thiếu hoặc sáu vật không đủ thì tùy vật có mà cho. Hoặc hoàn toàn không có thì cho vật khác. Cả hai đều thiếu nghĩa là đều không cần cho, hoặc cho một ít y dư.

Đức thiếu, vật đủ sự có liên quan tấn phủ. Vì thế, sau nêu riêng, do nhân tình đã khác, việc làm cũng khó mà đầy đủ. Hoặc giảm lược đồ vật không thể xem thường. Dầu đức ít mà thưởng hoàn toàn, lý cũng không tổn, vì thế cũng cần phải trội hơn, nghĩa là cho nhiều.

Tịnh trở xuống là gồm nêu hòa cho. Nếu đức và vật đầy đủ thì trước phải thưởng công lao.

Còn lại không đủ: hoặc cho ít vật, nên giao thẳng nhưng phải sau pháp phân y mới cho được. Bỏ chữ khất, chữ mẫn là mau lẹ, nghĩa là không trệ ngại. Hoặc chữ Khả là viết lầm, nên viết chữ sung.

Trong phần chọn người. Khoa đầu gọi là thăm bệnh. Chẳng cho bảy chúng nghĩa là cùng thăm. Trước nói tăng bệnh, kế nói Ni bệnh, đều bổn chúng hợp thưởng, tục chúng (người thế tục) không có phần.

Chú giải nói lao tức hai thứ năm đức nói ở trước. Già luận khai cho chúng khác. Sa-di sáu vật sau này có dùng, vì thế phải cho đủ.

Chuẩn trở xuống nghĩa là quyết cùng thăm. Cho rốt ráo nghĩa là trước sau thay nhau nuôi bệnh cho đến hết.

Bình phân nghĩa là thưởng một lần, khiến sau đó tự phân chia.

Khoa kế, trước nói giữ lại trao cho.

Cũng có thể v.v... do thân không hiện không thể Yết-ma, vì thế bạch chúng thẳng hòa đợi trả lại.

Kế từ nhược trở xuống là chọn hợp thưởng. Vì xả kỷ tu đạo nên xa giúp nhau.

Bộ Già luận nói tuy không phải hạ chế thấy có lòng từ. Trong phần nói thời tiết, khoa đầu nói cộng hành đệ tử, hoặc bẩm thọ giới đều lìa y chỉ. Thầy trò giúp nhau, bảy thứ cộng hành như trong quyển trước đã nói.

Xá-lợi tức thây chết.

Khoa kế, luật Thập Tụng nói sau khi bỏ thấy chết nghĩa là an táng xong.

Ở chỗ khác: nghĩa là lìa xa thây chết.

Luận Tỳ-ni Mẫu cũng đồng như vậy. Nhưng theo văn trước tức sau đều được. Nhưng Luận Tỳ-ni Mẫu có tựa để thực hành.

Trong phần chín nói tập tài.

Nói: không thể nêu nghĩa là trọng đại, không cần hiện tiền.

Phải lịch trướng là bất luận vật lớn, nhỏ hiện tiền, không hiện tiền đều phải ghi chép đến khi tăng nhóm họp khiến vị Duy-na đánh kiền chùy tụng.

Trong phần gia pháp nói năm người trở lên thực hành pháp nghiêm túc đầy đủ vì thế nói riêng.

Trong phần xử phán, khoa kế trong lời chú giải y cứ theo luật hợp thành sáu vật. Văn trước chỉ nói hoặc y, hoặc không phải y. Bởi theo luận Tát-bà-đa không nhóm họp. Kia nói rằng: ba y ở chỗ khác nghĩa là cầu xin đây thưởng. Nếu đây đức không đủ thì tùy kia mà phân chia v.v... luận Tỳ-ni Mẫu cũng vậy.

Trong phần phán vật có ba:

1- Hỏi có ba:

- Hỏi nợ nần.
- Hỏi dặn dò.
- Hỏi cùng sống.

Nếu khiến một người đáp là kia có hay không.

2- Xếp vào nặng nhẹ: Như trước phân chia nghĩa là nên đối trước Tăng đem vật nêu ý nặng hay nhẹ song sau để một chỗ.

3- Quy tắc tống táng vật. Xướng ba lần: nên trước thưa tăng.

Nếu số ngàn kiện luật tống vong giả: Đây là pháp người nuôi bệnh đem nhập vật vào nên trả lại người kia. Xướng rằng: “Đại đức Tăng xin lắng nghe vật này trả lại cho Tỳ-kheo...” (nói ba lần).

“Nếu không” tức là không đem vật của người chết tống táng.

Trong phần thưởng công lao, khoa đầu trước nêu hợp thưởng. Kế, từ nay trở xuống là nói có nên chăng. Đầu tiên khiển trách đối vấn, do đáp đầy đủ, không đầy đủ, cả hai đều không tiện.

Thế tục xấu hổ: luận nói Ngạn ngữ của Nhan Tử: nguyện không khoe khoang (là tự xưng đức của mình). Dữ trở xuống là nói ngày nay không nên.

Luật dạy rằng tức dẫn văn kết thuyết giới, vì thế nói rằng không kết. Đây là nói thưởng cấp do tăng không cần phải hỏi.

Khoa kế, Thượng tnói tức ý trau chuốc.

Nuôi bệnh chê bai: không tự khoe khoang.

Tăng ức phục: Thượng tọa nên nói rằng đây là Phật nghiêm chế không phải từ tốn. Đương thọ Yết-ma tức là quỳ thẳng.

Trong phần Yết-ma, bốn chỗ lặp lại duyên.

Đều không đồng: do vật không nhất định, ý khiến tùy thay đổi vì như lời chú giải trước. Sau chú giải tùy danh tướng nhiều ít của vật, tìm

văn xem rất dễ biết.

Kế, trong phần sai người, khoa đầu tiên trước nêu bày văn luật. Nay trở xuống y cứ dùng thời gian và sự việc. Chú giải Yết-ma chép: Có người ba lần tác pháp, Văn nầy chưa rõ (Một là sai người, hai là giao y, ba là phân chia. Đem y đưa: một là Tỳ-kheo bạch, hai là phân chia. Nhưng luật chỉ có một pháp giao vật, kia cho rằng có hai, nên nói là chưa rõ). Cũng có hai pháp, dùng miệng sai người chỉ tác pháp giao và phân chia nên không tác pháp sai (trái pháp). Ngược với văn luật ở trước nên nói là pháp (trái pháp). Tri sự (Biệt sự) thì vốn do công chọn lựa, miệng sai thì cũng nói lên chúng hòa, nên nói là thông được.

Hỏi: Đã nói rằng trái pháp vì sao không bạch nhị sai?

Đáp: Luật tuy nói chế nhưng không ngoài pháp, vì thế các nhà đã lập đều là ý nhất định. Nay không thực hành sợ thành chuyên quyền (Tác hành sự sách cũng vọng nêu pháp). Tức chú giải Yết-ma chép: Nay y theo văn luật đủ bao gồm hai pháp giao và phân chia. Còn lại thì chẳng nên không nêu ra.

Hỏi: Nếu trái pháp như vậy thì lẽ ra có lỗi chứ?

Đáp: Luật đã không nêu sai nên không thực hành. Huống chi biết sự và miệng sai hòa chung, nghĩa hiển lý lẽ ra không có lỗi.

Khoa kế, đầu tiên là gồm nêu. Người trì luật tức chỉ cho người có đủ năm tính chất. Do nuôi bệnh đức thiếu và Sa-di phân pháp không thực hành thưởng công lao. Tác pháp phân chia y Yết-ma đã xử phân thẳng như vậy, vì thế khiến cho trước biết mới có thể tác pháp.

Đa trở xuống là giải thích riêng. Đầu riên là giải thích đầy đủ đức. Trong chú giải, câu trên nói kia được chia vì bao gồm mười phương. Câu dưới hiển đây phân thưởng, vì tùy cho chút ít.

Ba là nói ngoài năm khuỷu tay nên bạch tăng, do đó vật dư không được đem thưởng. Lại liên kết với pháp y không thể bỏ phần bạch tăng. Hòa cho kia đây thành chung.

Từ Thập trở xuống là giải thích Sa-di. Trước dẫn luật Tăng-kỳ nói: hướng nhập vào Hòa-thượng cho nên đây là chia thẳng. Sa-di từ vật Yết-ma đồng với tăng, chính là y cứ luật Thập Tụng ý khiến y theo mà dùng, vì thế ở đây dẫn ra. Bổn bộ nói Yết-ma chỉ có Đại tăng.

Trong pháp giao và phân chia, khoa đầu tiên trong phần chú giải nêu xuất xứ của pháp. Pháp thưởng công lao trong luật, ở sau chú giải rằng: Trong Tăng Yết-ma sai một người chia y vật của người chết. Yết-ma cho, đây không khác chỉ thêm một câu: "Tăng cho Tỳ-kheo y, mỗ giáp phải trả cho tăng", tác bạch như vậy. Kia chỉ lược nên nói là không

đủ. Hoặc có thể thưởng trong duyên pháp tự có lặp lại sáu vật. Lại không nói rằng hoặc y, hoặc không phải y, v.v... Dùng có không tiện cho nên y theo pháp sau.

Trong pháp Yết-ma chép: Các vị Trưởng lão, vị nào bằng lòng... trở xuống phần nhiều là duyên lặp lại mười lăm chữ. Tăng trở xuống lại có mười lăm chữ này. Theo các Yết-ma so sánh, nhất định là truyền lầm, nghĩa là phải bỏ bớt, hoặc khi bỉnh pháp không cần cẩn tụng.

Trong phần nói về vật của Đại tăng, khoa đầu tác pháp như trên rồi giới hạn người. Đã định số người có đủ năm đức, ẩn số người còn lại, đánh kiền-chùy bạch chúng. Tính số vật, đều y cứ tên gọi trước phát thẻ, sau đó tính thẻ đối vật mà giao phó.

Trong phần hai, trước cho vô y. Giống như thiện trở xuống là khiến tùy giao phó. Thật khó chú giải để chiết phá, rất là tinh yếu phải y cứ theo mà thực hành.

Trong phần ba, đầu tiên là khuyên y theo lời dạy. Đây trở xuống là hiển bày công phu sâu xa. Bất trở xuống là ngăn dùng khác. Dù lập nghĩa là thiết lập đồng đều.

Trong phần bốn, hai cách phán quyết lưu vật công và tư. Riêng duyên dặn dò trao cho cũng không khai cho.

Kế, trong phần nói về Sa-di: đồng tăng chia.

Trong bốn phần cho một phần, nghĩa là phần của tăng. Bốn phá phân chia, chuẩn nên bạch và đánh kiền chùy giống như nghi thức của tăng.

Trong năm phần cho một phần, y theo trên cũng vậy, tịnh nhân không thể dự vào chúng. Nên bạch tăng rồi đem vật giao cho.

Nhược trở xuống là nêu lời chế.

Sớ tức Nghiệp Sớ, sao là nghĩa Sao, văn thoát ý.

Trong phần hai nói nhớ số nghĩa là biết tăng nhiều hoặc ít.

Phẩm là lượng.

Trong phần ba, trước nêu chỗ không thừa nhận của giao pháp. Nay trở xuống là khiển trách phi pháp của thế gian. Đầu chánh khiến trách nhau hậu nghĩa là không. Phật trở xuống là nêu ý. Nay trở xuống là trách một lần nữa.

Duy tức tư duy. Thỉ chung nghĩa là sinh tử. Thuân là sửa đổi. Vọng trở xuống là rất găng gổ.

Trong pháp bốn người, đầu tiên nêu tăng vị. Y sắp là nói thưởng công lao.

Khẩu hòa: Theo Yết-ma chép: “Các Đại đức nhớ nghĩ, nay đem

y bát của Tỳ-kheo... đã chết (các vật như tọa cụ, v.v...) cho Tỳ-kheo... nuôi bệnh (nói ba lần)".

Dư trở xuống là chánh chia y. Y theo Yết-ma chú giải bốn câu thành bạch rằng:

"Đại Đức Tăng xin lắng nghe, nếu tăng phải thời đến: Tăng bằng lòng cho y vật của Tỳ-kheo... đã chết, hiện tiền tăng phân chia, tác bạch như vậy".

Yết-ma rằng: "Đại Đức Tăng xin lắng nghe, y vật của Tỳ-kheo... đã chết, nay hiện tiền tăng phân chia. Các Trưởng lão, vị nào bằng lòng Tăng phân chia y vật nầy thì im lặng v.v..."

Câu kết rằng: "Tăng đã bằng lòng chia y vật nầy rồi..." (Đây là y theo luận Tỳ-ni Mẫu nêu pháp cải chánh không ngại)

Lại, cộng tác pháp: sửa đổi từ pháp năm người, trong chú giải dẫn loại hiển phải sửa đổi như trước. Y theo phi thời thí vốn cũng chia thẳng. Vì Tỳ-kheo khách thường đến, phân chia y mỏi mệt. Phật dạy: nên sai một cho phân chia, nay không có người nên y theo luận mà chia thẳng. Sau có người đến, cách chia kia phải sửa đổi lại. Hữu trở xuống là chứng thành. Đối thú có hai:

1- Pháp ba người: kia đây đối nhau nói, nên gọi là xoay vần. Nhân khẩu hòa chỉ trừ chữ Chư.

2- Pháp hai người: không nêu câu lời. Nên nói rằng: Bạch Đại đức! Đây là y bát của Tỳ-kheo đã chết (các vật như tọa cụ, v.v...) cho Đại đức nuôi bệnh, thưởng công lao chỉ cách chia như trước, chỉ trừ hai chữ trên.

Luật Tứ Phần trở xuống là hội đồng bổn luật, chỉ nêu pháp đối thú bất luận thưởng công lao, nên gọi là nói thẳng, v.v...

Văn như luận tức giống như đã dẫn trước.

Trong pháp tâm niệm, đầu tiên nêu duyên. Thử trở xuống là nói nêu pháp tức phạm phải miệng trình bày không phải cho là im lặng. Tác trở xuống nói trọng phân có cần không. Nói ba lần rồi phải tác tưởng của mình. Hoặc tay cầm tức thuộc của mình, như chú giải đã nói rõ. Nếu không như vậy thì có người đến phải chia. Luật Tứ Phần trở xuống là dẫn văn trình bày. Văn luật nói tiếp rằng: lại có Tỳ-kheo khác đến không nên phân chia, giống như trước là chung.

Trong phần hỏi không phải y, giới Sớ chép: xưa có người nói: như cờ hiệu, dù lọng v.v... Có chỗ nói: như giày dép, bình bát, đãy, v.v... ở đây cũng không phải. Lại tương truyền rằng như mũ, áo lót. Xưa phần nhiều hạn cuộc cách giải thích nên hỏi để thông.

Trong phần đáp, câu đầu là nêu chung. Văn trở xuống là nêu dẫn bày. Nay trở xuống là chánh đáp. Chung mà thuật tức lặp phần trên hoặc chưa thành y tài hoặc Tăng Ni xen nhau trông mong đều có thể thâu đó. Vì thế nói rằng kia đây đều thu nhiếp.

Trong phần mười, khoa đầu trước nói có giữ gìn, lại có hai: Một là nói có trụ xứ, hai là nếu chết trở xuống là nói không có trụ xứ.

Gia nhân là thị giả thế tục.

Không được Ni: nói đây là vật của tăng, vì thế không cho chùa gần là nói có bổn xứ. Vì thế, chú giải nói là pháp của Tăng tức chúng thực hành pháp Yết-ma. Nhược vô trở xuống là nói không giữ gìn

Trong nhà người tại gia, văn trước rất dễ hiểu.

Khoa kế, trước nói bổn chúng đều lấy. Không đồng được thí hai bộ cùng chia. Đương trở xuống nói đương bộ không thực hành Yết-ma.

Vật trọng tùy xa gần: ở gần có già-lam thì xếp vào thường trụ, không có già-lam thì tùy năm chúng kia nhiếp quy về bổn tự.

Trong phần ba, trước nói năm chúng thủ pháp. Nếu y cứ theo cầm nắm thì tác ý dùng làm giới hạn. Túng trở xuống là nói người thế tục không trả lại.

Trộm tăng thành tựu là người thế tục kia đã thành nghiệp trộm cắp. Vì thế, nếu người thế tục kia nghe theo lời khuyên trả lại cho tăng thì đồng được thí, nên chú giải nêu bày.

Trong phần nói về đồng giới nhóm họp, trước là nói đem ra ngoài thọ riêng, y cứ giống như ngoài giới thọ.

Chỉ phạm vượt: tức thành phân chia ba y. Nhưng trái pháp nên chú giải dẫn luật Tứ Phần nêu không thành, tức trộm vật của tăng. Từ nhược trở xuống là nói Yết-ma. Giới hạn y theo trước vào giới tác pháp chia. Sau khi vào: không nên cho chia. Sau dẫn luật để chứng minh rất dễ hiểu.

Trong phần giải thích nghi, đầu hỏi do vật thuộc đương giới không được ra ngoài, văn dạy lẫn nhau thấy cho nên hỏi để thông suốt.

Trong phần đáp, đầu tiên là chánh pháp.

Nói khó chia: hoặc ở bổn xứ nhiều người tới lui xen lẫn khó phân biệt. Phân biệt riêng tịnh xứ nên phải xướng bạch tăng cho biết, đây tức cho ra ngoài giới.

Luật Thập Tụng chép: đem tăng được thí vật ra ngoài giới phạm tội Đột-cát-la. Vật của người chết y cứ giống với đây nên nói phạm tội Đột-cát-la.

Trong chú giải nói hòa hợp, khoa trên nói ra ngoài giới thọ riêng

thì phạm tội vượt tỳ-ni.

Từ luật Thập Tụng trở xuống nói Tăng Ni cầu xin lẫn nhau cũng hiểu nhiếp quy bổn giới. Trong chú giải đã phân biệt so sánh các văn trên.

Kế hỏi đem vật vào giới tực thuộc xứ nầy, ý nghi người ở ngoài không thể thọ.

Trong phần đáp có hai ý:

1- Do không biết, biết thì không cho.

2- Do đồng pháp quy giới, đồng chia, không thuộc riêng tư

Tứ Phần luật Hành sự Sao Tư trì ký, phần ba của phần một trong quyển hạ hết.

■

# TỨ PHẦN LUẬT HÀNH SƯ SAO TƯ TRÌ KÝ

## QUYỂN HẠ
## (PHẦN 2)

### THIÊN GIẢI THÍCH BỐN THỨ THUỐC

Bốn thứ thuốc: gồm hết tất cả các vật thuộc về thức ăn. Đối trị thân cho nên hai thứ bệnh gọi chung là thuốc. Thọ gồm tay miệng đều bao gồm bốn thứ thuốc. Nhưng thời được tay miệng xin ngăn trệ, ba thứ còn lại đều chung.

Tịnh nghĩa là thuyết tịnh, chỉ hạn cuộc bảy ngày. Nếu nói về hộ tịnh tác tịnh thì chung bốn thứ thuốc. Hai chữ thọ tịnh từ pháp mà có tên.

Trong phần nêu ý, hai câu trên là nêu công, mạng sống dài ngắn là do túc nhân chiêu cảm nên gọi là báo mạng. Giúp nuôi sống còn tức là duy trì. Chi nghĩa là nương tựa nhau. Hai câu kế là nói lên thường đối bệnh, thể không ngoài bốn thứ nầy.

Ngôn trở xuống là giải thích tên, đều từ thời mà lập.

Trong phần Thời dược nói rằng: Sự thuận đối với trên từ sáng đến giữa ngày, đây là Thời thực nên pháp ứng đối Thánh giáo ở trên cho trên dùng, vì không trái lời dạy. Trong Phi thời nói ngoại tức trung hậu, đây là chỉ nghĩa phi thời.

Trong phần nói về thuốc bảy ngày.

Năng nghĩa là công năng vì công năng của thuốc đến bảy ngày.

Trong phần nói về thuộc trọn đời, đầu tiên nêu danh nghĩa, cho pháp dùng lâu tức trọn đời.

Kế nêu ba tướng, sau dẫn văn nói riêng loại thuốc thứ ba. Vì thế nay thêm phải kỳ hẹn trọn đời.

Trong phần nói về phân chương. Phân tức là khoa đoạn, đầu tiên nêu bốn thể, không được xen lẫn nhau.

Hai là chỗ để thuốc.

Ba là nói lìa lỗi ăn.

Bốn là tướng tịnh sinh

Năm là có thể biết.

Trong phần nói về thời dược, luật Tứ Phần nêu chánh và không chánh, đã thâu phần nhỏ nhiệm.

Luật Tăng-kỳ nói mạn thanh cũng gọi là vũ thanh, tức một loại thông. Lại nói rằng người phương Bắc gọi tế ni là Cam Thái. Rượu, giấm, v.v... đều nhầm trong phần Thời tương (tương là nước gạo).

Kế lựa cá, thịt, dẫn trong phần phế bỏ. Đầu tiên là nêu, trước phế bỏ lời dạy. Kế từ Niết-bàn trở xuống là dẫn chế đoạn sau. Trước tuy đoạn nhưng kinh Lăng-già, v.v... chỉ chung lỗi kia. Kinh Niết-bàn trong phần cuối khai hội, cho nên đặc biệt dẫn ra phẩm Như lai Tánh. Đầu là dẫn bỏ văn trước. Hai câu đầu là lập chế, một câu kế là dạy quán nhàm lìa. Kinh chép: Như hai vợ chồng cùng dắt một đứa con đến chỗ hoang vắng, bị hiểm nạn, lương thực cạn hết, bèn giết đứa con mà ăn thịt, khi ăn nước mắt tuôn trào nên không cảm thấy được mùi vị. Tỳ-kheo cũng như vậy. Nay quán thịt của tất cả chúng sinh như thịt con mình. Khi thực hành tưởng này sẽ không ham ăn.

Phu trở xuống là nói lên lỗi hoạn. Đại bi là tâm Phật tức đối mình với người làm hư hạt giống Phật? Thủy trừ không hành là nêu xứ nhiếp vật, chìm lăn, bay chạy, không chỗ nào không thâu.

Nay người ăn thịt do hại mạng sống kia thì sẽ bị oán thù. Kế là từ kinh trở xuống là dẫn quyết đoán văn trước. Muốn nêu bày lời dạy trước vì không có lỗi.

Bốn loài sinh là thai, noãn, thấp, hóa.

Kinh chép: Vì độ chúng sinh nên thị hiện ăn thịt mà thật không ăn.

Kế là trong kinh Lăng-già nói mười lỗi, cần phải quán sát.

1- Sợ ăn thịt cha mẹ, thành tội ác nghịch. Vì thế, kinh Phạm Võng chép: Tất cả nam nữ đều là cha mẹ ta, đời đời ta đâu từ đó thọ sinh, mà giết ăn thịt tức là giết cha mẹ của ta.

2- Sợ ăn đồng loại, không có lòng nhân từ.

3- Súc sinh giao hợp tinh huyết tạo thành hôi tanh dơ uế mà ăn vào miệng thật đáng nhờm gớm.

4- Do ăn nhiều thịt, đổi huyết khí kia, chúng sinh nghe đó biết là người hay giết hại chúng sinh...

5- Trong kinh Niết-bàn gọi là cắt đứt hạt giống đại từ.

6- Do người ngu si bất tịnh gây ra, cho nên chỉ có ăn nuốt, không có tiếng tốt.

7- Trì chú cần phải tinh khiết còn răn cấm các vị cay nồng, huống

chi là máu thịt.

8- Hễ khi gặp súc sinh liền nghĩ đến mùi vị kia.

9- Có ba lỗi:

- Thiên báo (quả báo sinh về cõi trời) thanh tịnh nên người ăn thịt bị xả bỏ.
- Không huân tập pháp lành nên có nhiều ác mộng.
- Thân đồng khí huyết của súc sinh nên bị cọp, sói ăn thịt.

10- Do tường này nên ăn thịt đồng loại.

Văn Túc Vương: Khi xưa, cha của vị nầy vào núi đi săn, nhiễm Sư Tử mà sinh. Khi sinh ra, thân người, chân bị loang lổ, sau nối nghiệp vua. Một hôm, người thường hay nấu thức ăn cho vua, thiếu món thịt bèn tìm được thịt của một đứa bé dâng lên vua. Vua dùng rồi, cảm thấy mùi vị khác, bèn ra lệnh phải thường cung cấp thịt này. Về giết hại quá nhiều trẻ nhỏ, nên mọi người muốn giết nhà vua, vua biến thành La-sát Phi Hành, trong mười hai năm thường ăn thịt người.

Trong phần răn bảo, trước là nói lỗi nặng như ở trước đã nêu. Sau, từ cố trở xuống là nói nghiệp sâu nặng, đồng như hàng thịt giết hại.

Trong phần dẫn Tiểu thừa, khoa đầu là một chúng giết hại nhưng chế bảy chúng là vì đồng thấm nhuần giới của Phật chế, ý phải thông suốt.

Luật kia nói được ăn ba món tịnh nhục nghĩa là không thấy, không nghe, không nghi vì ta mà cố giết. Đây là biết tuy nói rằng được ăn nhưng ngược lại đồng như là cấm dứt.

Sau dẫn luật Tứ Phần, ý kia càng rõ.

Khoa kế, trước nói học giới, nói là phần nhiều không ăn là chỉ các vị Tổ Sư được vâng giữ ở đời mà thôi. Như ngày nay người học giới mà ăn thịt, uống rượu còn là hạnh nhỏ, lại còn làm các việc thô ác thật không thể nói hết được.

Ở Trung quốc, người học Đại Thừa đều nương theo kinh Phạm Võng, Kinh Lăng già, kinh Niết-bàn, v.v... mà chế. Đã tu đại hạnh từ bi cứu giúp làm đầu, Đại thừa đâu có làm việc giết hại.

Đời Hoàng Đường, Trung Hoa và Tây Trúc giao thông, hoặc Phạm chúng từ Đông độ đến, hoặc Tăng ở Tây Vực đây, phong hóa ở xứ kia có thể truyền miệng. Vả lại, như xứ nầy bẩm thọ bậc Đại Cao tăng, còn thân không mặc lụa là, gấm vóc, chân không mang giày da, những vị cay nồng sữa mật không dính vào miệng, bọ chét, muỗi mòng theo cắn hút vị đó. Học Đại hạnh như vậy há không phải là lớn sao!

Hữu trở xuống là khiển trách thực hành như vậy mà không biết hổ thẹn.

Giải nghĩa là chấp trước không nghi ngờ.

Không thuộc hai giáo: do đại tiểu đều cấm, ngược lại không y theo đó thực hành, giáo pháp không vâng làm thì không phải là đệ tử Phật, không có tâm từ mà hiếu sát, đáng xếp vào hành động của kẻ giết mổ . Thiên ma báo thắng, tịnh nhân khắc phục. Ngoại đạo khổ hạnh, san phong tự đói. Vì thế phải biết ăn thịt, Tỳ-kheo không sánh bằng thiên ma, ngoại đạo. Tướng sứ Diêm-la, tin đây đồng loại. Nói đủ là Diêm-ma-la, Hán dịch là Song Vương, vì khổ vui đều thọ.

Lại nói: Người anh thì trị người nam, em gái thì trị việc của người nữ, nên nói là Song Vương. Tướng Sử nghĩa là loại Dạ-xoa quỷ tốt.

Ba là luật Tứ Phần, trước nói chế đoạn. Vì ngã đãi tế cả hai đều bất tịnh. Nay trở xuống là hiển bày ý, Tỳ trở xuống là chỉ cho đồng.

Kế nói khai thực (Khai cho ăn). Trước nói cho ăn thịt, phải thực hành mười điều lành, đâu có người nào thực hành mười điều lành mà ăn thịt, vì thế, nói là do đâu mà được ăn thịt, v.v...

Ăn thịt chim bị chết, phần nhiều cũng nói phạm tội Đột-cát-la.

Trong phần cấm chung, nói rượu thịt và năm thứ rau cay, văn thiếu hưng cừ, hoặc gọi là A-ngụy, hoặc nói là có cây hưng cừ rễ như củ cải. Toán âm toán, tức củ tỏi, cửu âm cửu, tức cây hẹ, củ kiệu đều là thức ăn mặn.

Kinh Phạm Võng chép: Trong tất cả thức ăn nếu có những thứ này thì không được ăn.

Kinh Lăng-nghiêm chép: ăn chín thì khởi tâm dâm, ăn sống thì thêm tâm tức giận. Như vậy, trong thế gian, người ăn năm thứ rau cay đầu có thể giảng nói mười hai bộ kinh nhưng vẫn bị các vị Thiên tiên trong mười phương chê bai là dơ uế, thảy đều xa lánh, các quỷ thần vì người kia ăn năm thứ rau cay nồng nên thường đến liếm môi người đó, môi mép thường cho quỷ ở. Phước đức ngày càng tiêu, không có lợi ích, v.v...

Trong phần nêu lên sự việc. Luận Ngữ Hương Đảng nói Khổng Tử khi cúng tế không uống rượu, không ăn thịt. Làm Tăng sĩ mà ăn những thứ nầy, tham ăn no bụng, tâm không lìa sáu đường. Vì thế nói là sở hoài có thể thấy.

Trong phần dẫn chứng khiển trách. Đầu tiên là nêu bày, nay trở xuống là khiển trách sai.

Hai đồ tức trước nói tham tốt bỏ xấu, tình của phàm phu cho nên

có thể biết.

Trong phần nói nước trái cây ép Phi thời, luật Tăng-kỳ chép: Đậu, v.v... đầu không bị nứt ra, nếu nứt ra là nước trái cây ép đúng thời, nước trái cây ép phi thời không được uống.

Có mười bốn món:

1- Nước trái Am-la.

2- Câu-lê.

3- An Thạch Lựu.

4- Điên-đá-lê.

5- Bồ đào.

6- Ba-lâu-sa.

7- Kiền-kiền.

8- Ba Tiêu.

9- Kế-ca-đề.

10- Kiếp-phả-la.

11- Bà-lung-cừ.

12- Mía.

13- Ha-lê-đà.

14- Khư-ba-lợi.

(Trên đây đều nêu tiếng Phạm, chưa thấy phiên dịch ra, đây là tên trái cây.)

Cần phải thủy tịnh để hoại vị ngon.

Khoa kế, đầu tiên là dẫn văn. Hỏa tịnh hoại chủng, thủy tịnh hoại mùi vị.

Y theo dưới đây là nêu chung.

Ba là luật Thiện Kiến chú thích Liên Hoa Căn tức nước ngó sen. Trong lá trừ rau cỏ, trong quả trừ móng tay v.v... đều là Thời tương. Cây Dừa được xếp vào quả cỏ (trái cây và cỏ), tức là loại bần hiện nay.

Xưa nói rằng: Nam Hải Thọ sinh: đây chính là cây quả không phân bệt trừ ra.

Luận Tỳ-ni Mẫu nói phá thủ chấp lá toái, lưỡng là mùi vị. Người phương Bắc gọi tửu vị là lưỡng. Luận Minh Liễu nói gạo, thuốc, chất gây men hợp nêu là Thời tương. Nhưng gọi phi thời là lấy ý nghĩa trong mát vì không có mùi vị rượu.

Luật Tứ Phần nói vị Tiên vô dục nghĩa là không có ham muốn nhiều. Lê được xếp vào tám thứ tương. Văn lược hai món là nước trái Diêm-phù và nước trái Bà-Lâu-Sư.

Nhụy-nho-giai-phản, quả ấy mùi vị ngọt, ở phương Bắc, nước quả

nầy làm say, say thì đồng như rượu mà phán.

Trong phần nói về nước lóng trong, Già luận nói mầu sắc của nước là tướng khác nhau.

Trong phần nói về thuốc bảy ngày, khoa đầu tiên bỏ bớt chữ Đương. Vì lợi ích nên phải ăn, vì trừ bệnh nên phải dùng thuốc. Phân biệt với ba thứ thuốc khác đều chuyên dùng. Như ăn uống, v.v... là nói kia phải ăn vậy. Không khiến cho thô là răn dạy chớ tham nhiều. Già luận nói Tương đường, thời nay gọi là nước trái cây ép.

Chưa bỏ tự tánh nghĩa là chưa chuyển biến.

Luật Tăng-kỳ thêm chất mỡ thì thành sáu thứ, gồm tương đường ở trên là bảy món.

Hùng âm là hùng (con gấu), giống như con heo. Bi âm bi giống con gấu nhưng cổ dài chân cao là khác.

Khoa kế, hai câu đầu là hiển bày thể. Vô thời thực, hơi lìa phần thịt. Hai câu kế nêu pháp. Có trở xuống là nói công. Ba đại đều có một trăm lẻ một bệnh. Tạp bệnh tức Đẳng phần cũng có một trăm lẻ một bệnh, hợp số rất dễ biết.

Trong phần ba nói gạo là thời dược, kia vì Na-luật nghi ngờ hỏi Phật nên vì đó mà phán quyết. Như hợp được v.v... là y theo loại thuốc trọn đời.

Trong phần bốn riêng phân biệt Thạch mật.

Năm người được: như trong luận nói phi thời chỉ khai khi có bệnh, trong phần nói thời khác không cho ăn tiếp.

Trong phần năm, luật Tăng-kỳ, đầu tiên nói xoay vần thọ thêm, động giống như chuyển. Nếu dư nghĩa là giống.

Có dư: trong chú giải, các vị Sư xưa cho rằng bảy ngày, không khai cho thọ lại. Y theo trên, thể thay đổi thì được thọ thêm, nên biết thể khác nhau không thọ lại, còn lại như trong môn thứ năm đã nói.

Nhược trở xuống là nói tạo thọ khác nhau. Đầu tiên nói tô pháp. Phải Chiên trần: vì sợ xen lẫn với thời thực. Ghi nhớ pháp: vì sợ quên, nên khuyên cho nhớ mà biết.

Nếu được sắp xuống là nói pháp đầu. Như pháp tô mà nói tức đồng trần tịnh thêm lời ký, v.v... Được hạt ma (Du ma) rất dễ biết.

Ba là Nhược Hùng trở xuống là nói pháp chỉ, cũng như lượt trị ở trước, hoặc trước thọ thêm, hoặc có duyên ghi nhớ, nên đều chỉ như trên.

Được mía v.v... chung cho phi thời, trái cây bảy ngày hạn cuộc phi thời. Luật Thiện Kiến nói tám ngày phạm nghĩa là đây nói ghi nhớ tức

nhập vào hạn hạn pháp. Toản là nấu.

Hỏi: Trước nói ghi nhớ và sau thành thuốc dùng có thọ thêm chăng?

Đáp: Trước chỉ nhớ nghĩ không nói thuốc bệnh, trong từ thiếu rộng, lý phải thọ thêm.

Hỏi: Nếu như vậy thì trụng gian thuốc thành là được bao nhiêu ngày?

Đáp: Theo luật Thiện kiến trên, có thể tự rõ.

Già luận tác pháp nói thì thọ trì chung và ghi nhớ, cả hai đều không thành.

Trong phần nói thầm răn dè, đều nói mùi vị quá nặng. Kinh luận phần nhiều nêu làm thí dụ. Lại đây người thường đều biết vì thế nói là phàm Thánh thường nói.

Kiêm trở xuống là nói tổn thương lòng từ hại mạng.

Sức mạnh cướp lấy nghĩa là do lấy thời dùng khói lửa đốt đoạt phần ăn của kia, đây nào có khác với giặc cướp ở đời?

Sách Tăng Truyện chép: Pháp sư Tuệ Viễn bị bệnh sáu ngày rất nguy cấp. Các bậc Đại đức lão đảnh nên lễ thỉnh Ngài uống Cổ tửu, ngài không chịu uống. Lại thỉnh uống nước gạo đặc, Ngài từ chối. Lại thỉnh uống mật hòa với nước làm tương. Bèn khiến Luật sư giở kinh tìm văn thì thấy được uống. Do không giở kinh, chưa được phân nửa thì qua đời.

Than ôi! Bực vãng triết chân đại pháp Sư. Tự mình dốt nào đủ tính toán. Vả lại, các bậc Tổ sư của ta và Thiền sư Kinh Khê đều do lòng thương xót sâu nặng, trọn đời không ăn, há chẳng phải là hiểu pháp Đại thừa, tu hạnh Đại thừa hay sao? Vì thế, Chương Phục Nghi nói rằng: nhốt con bò lấy sửa, bắt ong lấy mật, so sánh những người này càng gấp bội muôn lần hơn người giết mổ, săn bắn. Xét kỹ lại lời nầy, thật phải rất cẩn thận.

Cố trở xuống là dẫn chứng kia do có con khỉ thấy trong cây không có Ong mà có mật chín bèn lấy bình bát Đức Phật đựng đầy mật dâng cúng Phật. Sau sinh lên cõi trời Đạo-lợi, xuất gia chứng quả A-la-hán. Đây là nói không có Ong nên Phật mới nhận. Ngược lại, biết có Ong mà thọ nhận thì lỗi kia càng nặng.

Trong thể thuốc trọn đời, luật Tăng-kỳ nói Ha-lê-lặc, thời nay gọi là Ha tử.

Đốn thọ nghĩa là nhiều thuốc được trong một thời gia thọ.

Luật Tứ Phần, câu trên nêu một, dưới là giải thích. Do thể thuốc

này rườm rà không thể nêu riêng, chỉ y cứ sáu vị, không tự do dùng làm thức ăn, không đâu không có khả năng kham nhậm.

Luật Thiện Kiến, đầu tiên là y cứ về nghĩa để định thể. Hựu trở xuống là đối thời chọn biên. Đầu tiên nói xen lẫn. Đãn trở xuống là phán định.

Khoa kế, đầu nêu bảy ngày.

Nói "Tùy bệnh mà lượng" nghĩa là do bệnh bảy ngày một lần chuyển.

Lại không đói: không cho là tô, mật được dùng cho đỡ đói. Song tuy khai cho bệnh nhưng phải đói.

Trong luận có chữ đẳng nên nêu dầu, mật đồng loại. Kế nói trọn đời là ý của khoa chánh. Trước dẫn bảy ngày đối hiển khác nhau.

Khách bệnh tức sau nói đói khát, tức là chủ bệnh. Trong phần ba, luật Thập Tụng nói được uống rượu đắng. Luận Tỳ-ni Mẫu thì chế đoạn có rượu lưỡng, vì thế theo Thời tương đây không có hơi rượu, khởi phi thời uống, nhưng ở đây nói chưa rõ ý gì.

Trong phần kết khiển trách, đầu tiên chỉ chỗ đã dẫn ở trước.

Tùy sự sự tức là vật đồng.

Tông nầy: Tông nầy có bất đồng cho nên thì không dẫn. Nay trở xuống khiển trách phi pháp ở đời. Đầu tiên nêu phi nói chẳng mặn, đắng vướng mắc trong miệng hiển đầy là ngon ngọt lợi khẩu mà thôi.

Cách hợp là cách ngại.

Tịnh trở xuống là chánh khiển trách. Câu đầu là mặc ý, câu kế nói ỷ lạm. Kia cho rằng thuốc thang phi thời khai cho.

Bất trở xuống là nêu so sánh món ăn không có mùi vị khác. Không đến nỗi tham ăn nên nêu tính chất đó.

Dẫn trở xuống là hiển bày lỗi, khiến người khác chê bai phạm, noi theo không dứt cho nên nói là nhiều đời. Phá hoại người khác như vậy, tự mình bị tổn hại, có thể biết. Thời nay phần nhiều làm Hoàn Phục linh, hình dáng như nắm tay. Củ mài nấu nước đặc như cháo, phi thời ăn, vọng cho là trì trai. Dùng sự xét tâm, dùng nhân quán quả. Phải biết đây là nuốt hoàn sắt nóng, uống nước đồng sôi, tạm thời vừa với sở thích mà nhiều kiếp khó nhẫn. Người có trí phải suy nghĩ đó, đâu nên tham lam buông lung.

Trong phần nêu sáu vị, hai chữ thứ có thể bỏ bớt một chữ.

Kinh Niết-bàn nói có sáu vị:

1- Đắng.

2- Chua.

3- Ngọt.

4- Cay.

5- Mặn.

6- Lạt.

Trong phần nói về thời lượng, đầu mối mùi vị phân biệt riêng. Trong sáu vị thiếu hai vị mặn lạt. Trong vị ngọt cam thảo là thuốc trọn đời. Mật, v.v... là thuốc bảy ngày. Trong vị chua thì nước trái cây là phi thời. Trong vị cay là thuốc trọn đời. Trong vị đắng không xếp vào thời thực nên chỉ ở vào trọn đời.

Kế, đối thuốc bảy ngày phân biệt chung. Do thuốc bảy ngày thể riêng đồng, ở đây có thể ăn. Vì thế, ngoài ra có tất cả gọi là Thời.

Tùng trở xuống nêu nghĩa thời. Nếu nói về thời và trọn đời đâu chung sáu vị. Nhưng Thời dược có cả vị đắng và cay, thuốc trọn đời một ít thuộc.

Phi thời phần nhiều là ngọt và chua, bảy ngày chỉ có vị ngọt, như vậy mà tìm.

Canh lượng: trong ngày thọ thuốc, do dùng năm canh làm hạn lượng. Ngày đêm đều năm thời: bất luận dài ngắn chỉ chia một ngày thành năm thời. Đối năm canh của đêm không thể định ước các giờ dần mẹo, v.v... Do năm canh trong tâm cũng không giới hạn giờ này. Theo luật Tăng-kỳ thì suốt đêm là ba mươi tu du. Tức ba tu du là một thời. Hơn nữa, nói theo tướng thì đến canh hai là hết canh một, đến canh hai thọ pháp liền dứt. Như vậy, xoay vần nghĩa là giờ thứ hai thọ, tức hết canh hai đến canh ba thì dứt. Nếu theo luật Tứ Phần chỉ hết phi thời, nay phải y theo luật.

Thử trở xuống là lựa xen lẫn. Thanh phạn tương tức nay là nước tương. Đại khai là trông mong không chế thọ, cho nên được gọi tên như vậy. Tứ Phần trở xuống là hội khác. Trong phần nói về chuyển biến, khoa đầu nói rượu đắng được uống là y theo trước nói không có hơi rượu và vị rượu.

Trong phần hai, y theo bốn vật, còn lại có thể y cứ theo loại, cũng có cả hai chuyển. Đây là biết một vật hoặc chung bốn loại thuốc. Hoặc ba, hoặc hai, chuyển biến không nhất định, tùy đó mà nói.

Trong phần nói về tướng hòa, nói khác nhau, có ba:

1- Nói thuốc bảy ngày. Trước là lập nghĩa, do trở xuống là giải thích lý do. Như trở xuống là nêu sự.

2- Từ nhược dĩ trở xuống là nói thuốc trọn đời, là tên khác của tận hình dược. Đầu tiên là lập nghĩa. Như trở xuống là nêu tướng. Tô (tên

loại rượu tô) là thuốc bảy ngày, sữa là thời dược, đậu mạch tức là dùng đậu, mạch bỏ chất độc.

3- Từ nhược dĩ trở xuống là nói thời dược, có thể biết. Khoa kế chỉ y cứ theo thuốc trọn đời mà nói, đầu tiên là lập nghĩa. Phần thuốc khác tức chung cho bốn thứ thuốc. Như trở xuống là hiển bày tướng. Kế là nói tịnh lạc, trong phần chế ý, trước gồm nêu căn khí khác nhau. Nhược trở xuống là nói riêng về lập giáo có khác. Đầu tiên nêu thượng căn, từ đó chế. Phân vệ là khất thực. Âm nghĩa trong kinh nói: chánh nói là trà-ba-đa, Hán dịch là Đoàn đọa. Nói đi khất thực trong bát, kế nêu trung căn, hạ căn phải khai. Nói tình đồng nghĩa là tâm tuy kính mến nhưng năng lực thì không kịp.

Do đói mà chết: trong pháp được chép: bấy giờ, có một Tỳ-kheo bị bệnh thổ tả, sai người đến thành Xá vệ nấu cháo. Lúc ấy, có nhân duyên cửa thành mở trễ, nấu cháo không kịp, vị Tỳ-kheo bị bệnh đó chết. Các Tỳ-kheo khác bạch lên Đức Phật. Đức Phật dạy rằng cho phép ở trong Tăng-già-lam kiết tịnh địa.

Trong phần giải thích trên, đầu tiên là chánh giải thích.

Nhược trở xuống là hiển bày ngược lại. Theo Nghiệp Sớ có đủ bốn nghĩa, vì thế mới gọi là Tịnh.

1- Thêm lớn lòng tham, kiêu mạn gọi là Ô tịnh tâm.

2- Thế tục bên ngoài chê bai gọi là Ô tịnh tín.

3- Ban đêm nấu sinh tội gọi là Ô tịnh giới.

4- Đời sau chịu quả báo khổ là Ô tịnh quả.

Thử trở xuống là ngăn xen lẫn.

Nói từ duyên nghĩa là như trên đã nói, vì chỉ lấy lỗi lìa.

Phi đối uế nghĩa là ở đời có nhiều người ngu si cho rằng không kết địa uế.

Trong phần nêu số, nêu số chung bốn món. Tác pháp hạn cuộc hai món sau.

Trong phần nói không có chung quanh, luật Tứ Phần trước y cứ hàng rào và vật chướng hai hợp để nói ba tướng.

Chướng là bảng, tường, v.v...

Một nửa là: hai phía có vật ngăn (chướng).

Nhiều không: một phía có.

Đều không như văn giải thích

Phi trở xuống là nêu khai ý.

Trù lập riêng: nghĩa là chùa tuy có bốn phía chung quanh nhưng nhà bếp chỉ có sân.

Tường vách trở xuống chỉ lược tướng khác. Gần sáu món trên đều có ba tướng.

Sớ chép: y cứ văn phụ sự thì là mười tám xứ trong chú giải ngăn sự nghi ngờ, sợ cho rằng bốn phía đều có tường có thể làm chung quanh, còn các vật khác xen lẫn thì cho là không gọi là chung quanh (chu vi), vì thế hoặc được làm đồng nhau.

Đàn Việt tịnh có ba thứ:

1- Thức ăn là vật của người, xứ là của mình, tức thí chủ gởi thức ăn trong giới của tăng, tùy cúng cho Tăng. Thực cụ tức vật dùng làm thức ăn.

2- Xứ nầy là vật của người, thực cụ mình có, như văn tự rõ.

3- Đều là tức nay nhà thế tục lập hội cúng dường chúng tăng.

Trong phần kết khiển trách. Đầu tiên là kết thúc nêu bày. Nay trở xuống là khiển trách sai.

Sớ chép: Nếu Đạo tự (chùa) là do thế tục xây dựng thì gọi là Tha tịnh, tất cả tăng phòng đều không phải Đạo có. Trong đó trộm và tổn hoại, hướng về thế tục mà suy ra, cho đến Phật pháp đều không có phước. Tài vật không có chủ, tùy thí thành chủ. Vì sao? Vì vẫn như cũ là Đàn Việt tịnh.

Thập trở xuống là dẫn chứng. Đầu tiên dẫn luật Thập Tụng chứng minh thuộc về chủ là thành tịnh.

Tỳ-kheo thượng tràng: nghĩa là giới tràng ở trong giới của tăng, tích trữ lúa gạo trong đó.

Kế dẫn luật Tăng-kỳ chứng thuộc về tăng không thành tịnh. Xem Thánh lượng đầy đủ nói lên phi pháp.

Trong phần nói về xứ Phần, luật Tứ Phần, Ngũ Phần rất dễ hiểu. Luật Tăng-kỳ, chú giải hiển rõ bộ khác khiến y theo bổn bộ.

Sớ chép: Do ban đầu thành nên chưa hề trải qua đêm. Ủng kết chưa nhiều, tùy người và xứ mà phân chia.

Luật Thiện Kiến, câu đầu là hỏi. Sơ trở xuống là nêu pháp, trước nói chưa thành. Dư: cũng như vậy nghĩa là trụ cột khác, mỗi mỗi ba thuyết, sau nói đã thành.

Trong phần nói: Bạch nhị tịnh phải kết làm hai.

1- Chánh nói. Già-lam: phân biệt xứ không phải vật của người.

Chung quanh sân: phân biệt không phải chu vi.

Bất luận xa gần là phân biệt xứ phân.

Trừ Tỳ-kheo là kết rồi không cho tăng ở.

2- Từ Tỳ-ni trở xuống là dẫn chứng, y theo đó sẽ biết không có

tịnh địa thì xứ không được nhập thức ăn.

Văn đầu trong phần kết pháp. Sớ chép: do Đạo nương sự thanh tịnh tu hành, việc ăn uống rất phiền phức. Bậc khí tiết ở đời còn xa lìa việc nấu nướng, huống người xuất gia mà ngu muội, tầm thường, thật không thể được.

Chế ở nơi xa xôi hẻo lánh, lại ở nơi vắng vẻ yên tịnh, ý có thể biết. Trong văn chỉ nói là già-lam, sợ cho rằng thông với giới tự nhiên nên chú giải phân biệt.

Luật Ngũ Phần, trước là nêu chung hai cách khai. Từ nhược trở xuống nêu pháp riêng chung. Trong lời chú giải nói chỗ đã trừ. Y cứ trở xuống là nói rõ tướng chung. Minh trở xuống là nêu giữ gìn đêm. Xá trở xuống tức các chỗ Tăng ở. Hựu trở xuống là phân biệt nêu phi pháp.

Kia chép: Trên bàn ghế, trên nhà tầng mà tác tịnh thì phạm tội Đột-cát-la. Thời nay thực hành kết chung, không biết do đó mặc ý quyết đoán. Chỉ vì trong lời sao nêu duyên tướng không đầy đủ, pháp thực hành đến nỗi trái lầm. Nhưng trong luật Ngũ Phần Bạch và Yết-ma đều bốn câu thành pháp, chỉ trong câu thứ ba chép đủ trong duyên bổn, đều không có câu thứ tư. Ý của Tổ Sư là muốn y theo luật Tứ Phần. Câu năm là khuôn phép cho nên chỉ nêu câu duyên, còn lại đều lược. Làm sao để biết như vậy? Xin tìm xem "Tăng cương diệt tẩn Yết-ma", đủ để làm y cứ. Sợ ở đời vọng thực hành nên phải nêu đầy đủ.

Bạch rằng: Đại Đức tăng xin lắng nghe, Trụ xứ nầy cùng ở, cùng Bố-tát. Nếu tăng phải thời mà đến, Tăng bằng lòng cho tăng nay kết tịnh địa, trừ chỗ... tác bạch như vậy.

Yết-ma rằng: Đại Đức Tăng xin lắng nghe, Trụ xứ nầy cùng ở, cùng Bố-tát, tăng nay kết tịnh địa trừ chỗ... Các Trưởng lão nào bằng lòng ở trụ xứ nầy cùng ở, cùng Bố-tát kết tịnh địa trừ chỗ... thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng ở trụ xứ nầy cùng Bồ-tát kết tịnh địa, trừ chỗ... rồi, nên tăng im lặng, việc này cứ y như vậy mà làm. Cùng ở, cùng Bố-tát tức luật Tứ Phần, cả hai giống, chỉ có lời ít hơn là khác mà thôi. Văn kia lại có thêm câu: "Cùng được cúng dường".

Kết riêng thì tướng hạn cuộc xứ nên không chép cả hai đồng. Kết chung thì kết khắp gồm giới, riêng trừ, trước phải chép tức là tịnh pháp chỗ nương theo trước đây. Nay người muốn bỏ bớt.

1- Công trái với văn lời sao.

2- Xen lạn nơi biệt pháp.

3- Không hiểu nghĩa thông kết.

Hỏi: Kia dẫn Nghiệp Sớ chép: Tịnh địa đầu tiên kết nhiếp thức ăn, chướng người vì thế không xưng bổn trụ. Lại nếu xưng thì sợ thành tướng, có thể khắp trong đó có đêm, chẳng bằng không kết, há chẳng phải nói y cứ hay sao?

Đáp: Lời sớ vì Tăng và y hai giới đều lập hai đồng, tịnh địa không lặp cho nên làm chung. Bởi nói pháp kết riêng của luật Tứ Phần. Nay thì kết chung xuất xứ từ luật Ngũ Phần. Được dùng giải thích văn kết riêng của bổn tông mà làm ngại cho pháp kết chung của luật Ngũ Phần. Đây là điều sai lầm thứ nhất.

Lại Sa-di, Tắc sư nhóm họp ở đây Yết-ma há không biết có những lỗi ngủ, nấu v.v... Nào đợi bọn ông mới sửa đổi lại. Đây là điều sai lầm thứ hai.

Lại ở trên nói hai đồng chánh là kết chung, dưới tự phân biệt, đâu có lỗi khắp trong giới ngủ, nấu v.v... Đây là điều sai lầm thứ ba.

Than ôi! Kẻ ngu si khờ khạo khó nêu bày thí dụ, đến lúc bỉnh bạch Yết-ma định phán không thành. Tự mình bị liên lụy, liên lụy đến người, Phật pháp diệt là do đây.

Luật chép: Pháp tác bạch không đúng, tác bạch không đúng pháp Yết-ma. Tác pháp Yết-ma như vậy sẽ làm cho chánh pháp mau diệt.

Lại nói: Tỳ-kheo như vậy, nhiều người không có ích lợi, rơi vào địa ngục nhanh như tên bắn, há không sợ ư?

Luật Tăng-kỳ nói nhất phú tức nhà thông ở trên, phú trở xuống là riêng cách đoạn.

Thông cách là bốn phía chung quanh đều có nhà che riêng. Hai câu còn lại y theo đó mà biết.

Một, hai, ba bên ước chỗ liên tiếp.

Cách hai bên đường là y cứ chỗ cách nhau.

Trung gian bất tịnh tức là đại giới.

Trong phần nói về dặn dò. Yết-ma nói chỉ là khiến cho riêng khác. Lập tướng riêng là nêu giới hạn. Trong lời chú giải chỉ luật như trong thiên Chủ Khách đã dẫn.

Trong phần chánh thức phân biệt. Đầu tiên là nói tác pháp có không. Hai cách trước là không pháp, tự tha phân chia. Hai cách sau phải có pháp, Tăng biệt có khác. Huyền chỉ kết nghĩa là tăng ở trong đại giới, từ xa gia pháp.

Sở trở xuống là nêu xa kết do đó dẫn giải thích xưa. Câu trên nghĩa là đem thức ăn trong giới hướng về tăng để luận bàn, là nhiếp thức ăn, là chướng tăng (Câu nầy chính là giải thích câu sau so sánh hiển

bày rõ). Câu dưới nghĩa là ở trong giới của tăng hướng về tăng để bàn luận.

"Chẳng nhiếp thức ăn chẳng chướng Tăng" phải có tác pháp. Nhóm họp một chỗ không được riêng chúng. Tức Nghiệp Sớ chép: Người và thức ăn đồng xứ khi gia kết trong tướng không tiện.

Lại có cách giải thích rằng: nếu đồng tịnh địa lại có khổ gì. Pháp tự phân biệt chỗ, đâu đồng không được, v.v... Không pháp kết, khoa đầu các Sư xưa không lập tướng xướng.

Luật chép: Nên xướng tên phòng, cho nên luật khiến phải xướng, không chép tên người: Đại giới Yết-ma thì chép người xướng, nhưng không nêu tên, nay trong tịnh địa đều không chép.

Trong phần chánh tác pháp, văn tại gia y theo luật nêu ra. Lời sớ rằng: đây là văn kết tập thiếu, hoặc ngài Giác Minh tụng sót, lại có thể ngài Túc Niệm ghi sót. So sánh các pháp kết nghĩa có thiếu lời mở đầu, có thể không làm gương soi ư? Nếu muốn y theo sửa đổi phải y theo Yết-ma mà chép.

Trong phần ba, lời sớ ghi xuất ngoại tức ngoài Tịnh địa. Nói trong Đại giới là muốn cho Đại giới thanh tịnh nên ngăn ngừa sự chê bai của thế gian. Luật kia vì người thế tục quở trách rằng: tăng ở không khác người thế tục vì thế chế không được. Phiên âm phiên, Đào là nước gạo.

Trong phần giải thích nói có duyên, hoặc muốn chuyển đổi thêm vào cho nên trước phải giải thích.

Trong phần so sánh lựa chọn, khoa đầu, trước nói hai tịnh, đồng xứ không lỗi. Nhược trở xuống là nói hai tịnh sau nhiếp giới hạn của xứ.

Xem xét: như biết sự việc lo liệu.

Phiên thực khí: Nghĩa là có thức ăn cũng phải đổi.

Khoa kế, luật Tăng-kỳ nói lỗi.

Đầu hôm: là nói lên xứ cũ.

Trụ xứ phá nghĩa là tăng phòng bị phá hoại bỏ hoang. Quốc loạn vua chưa lập nghĩa là chưa chia sở thuộc. Trụ xứ tức tăng xá, xóm làng là chỗ nương của tăng xá, bỏ phế hai năm bỏ hoang sau thanh tịnh lại đồng xứ mới. Kia có bốn câu: hai câu lẫn nhau đều sai, câu thứ ba đều không được làm nên nói là đều bỏ phế. Nếu không ở xóm làng chỉ y cứ trong trụ xứ.

Trong phần hỏi, trước nói rằng: hai tịnh chung với tăng ở trong đó xem xét, vì thế dùng đây để làm chứng cớ. Muốn nêu rõ ngủ và nấu kết

phạm có khác.

Trong phần đáp: nếu y cứ theo đại giới mà nấu, bất luận người có hay không. Ngủ chỉ tùy người vật cùng xứ, bất luận giới là tăng thực.

Thứ ba trong phần nói hộ tịnh phiên dịch, văn đầu có ba:

1- Nêu ích lợi. Một phương biệt trụ nghĩa là chỗ chúng đồng. Duy trì Phật pháp tức là người mở mang Phật pháp, chung cho tăng hộ là chỗ nào cũng có thể ăn. Thuận theo Phật hoài là vì không trái lời dạy của Phật.

2- Từ kim trở xuống là khiển trách sai.

Trước là hiển trách tham ăn trái với oai nghi, dụ như không thể được. Chỗ hổ thẹn của thế tục ý nói quân tử trong Đạo Nho còn lìa bỏ sự nấu nướng, vì thế nêu ra để ví dụ.

3- Từ thoát trở xuống là khiển trách ỷ lạm khai giáo. Nhân nhiễm ô: nghĩa là túc xúc. Nếu duyên không nghĩa là thời phong. Sơ giống như chữ đô. Tâm đây tức tâm xúc túc, vọng tâm không y cứ vì khuôn phép giáo pháp, tức Phật cái gọi là phải vì tâm Sư, mà không phải tâm sư, kia không tin vì thế phần nhiều tự nhậm.

Dục trở xuống là sinh khởi. Phản uế là hợp nhiễm ô dùng pháp sửa đổi khiến cho thanh tịnh.

Trong phần duyên tịnh nói tự để nước, v.v...

Tức trở xuống là luật Tăng-kỳ khai ác xúc tự nấu. Các đồ vật của tăng khai xúc túc (khai cho ban đêm va chạm vào các đồ vật).

Trong phần nói về thể bất tịnh, tức dẫn luận Tát-bà-đa nói dùng uế tài (tài lợi dơ uế) tạo tượng Phật, người trì giới không được lễ, cúng dường tăng không được thọ, ăn cũng phạm tội Ba-dật-đề đến chết mới tịnh. Nói tâm ác là như tùy tướng dẫn. Người thu phiến thường nguyện cần kiệm đường vua cách bít.

Thượng trở xuống là gồm nêu. Chánh kinh tức các luận luật. Một và hai không cần phiên dịch, là ba không thể phiên dịch.

Trong phần nói về duyên bất tịnh, nói tu-du là chỉ lấy thời gian ít.

Pháo âm giáo, chánh là cái bào, là cái dao để bào cây. Luật Thập Tụng nói dư bất tận, nghĩa là đồ dùng để rửa, giặt. Bất tịnh ô nhiễm đối với vật nên khiến cho thay đổi.

Nghiệp Sớ chép: tùy dùng chút ít, hứa khả trong sáu chúng lần lựa rộng lớn (theo đây không cần đổi hết). Hoặc có thể y theo chuyển đổi khiến cho đổi các vật dơ uế. Luật Thiện Kiến trước nói đổi thức ăn. Nhược trở xuống là nói đổi đồ đựng.

Lời chú giải trong Luật Tứ Phần, văn xét về phần bảy trước nói về muỗng. Nếu là thường dùng cũng không được va chạm, chẳng thường dùng tức thể tịnh.

Trong phần hỏi, vì muốn nêu rõ ý Phật nên đặc biệt hỏi. Trong phần đáp, khoa đầu chỉ chế ban đêm va chạm đồ đựng thức ăn thì khỏi sáu lỗi.

Ba Thánh tức ba thừa. Kinh Lăng-nghiêm nói chứng Đại thừa. Kinh kia chép: Chùa viện, tinh xá khói không dứt, thường (nấu) các thức ăn. Người tu hành chân thật không nên ăn thức ăn nầy.

Luật Thập Tụng nói chứng Tiểu thừa, ban đầu cho kết tịnh địa rồi, ngoại đạo chê bai rằng nhà cửa, kho, nhà bếp của cư sĩ trọc đầu không khác người tại gia, do đó khiến cho ở bên ngoài phòng tăng mà làm tịnh địa.

Trong văn dẫn, kinh Hộ Tịch chép: Khi xưa, Đức Phật cùng A-nan đi hóa duyên, trên đường gặp một cái ao rộng mỗi bề đều bốn mươi dặm. Trong ao đó có loài trùng hình dáng giống như con nòng nọc. Phật bảo A-nan rằng loài trùng trong ao này chính là chúng tăng trong các thế giới ở mười phương, ăn thức ăn bất tịnh nên bị đọa vào ao phẩn tiểu dơ uế này, trong ao thường ăn đồ bất tịnh...Còn lại đồng như lời sao dẫn trong kinh đọa làm các loại như heo, chó, bọ hung đều phải trải qua năm trăm đời nên gọi là các. Nhân nói về người làm Tri Sự: xưa có một vị A-la-hán, một tối nọ vào nhà xí thấy một vị Tỳ-kheo rên rỉ, vị La-hán hỏi rằng: ông là người tốt vì sao bị đọa vào loài ngạ quỷ?

Đáp rằng: Tôi bị đói khát lâu nay, v.v... còn lại như trong lời sao.

Lại nói: Nhớ nghĩ xưa từng làm một vị Tỳ-kheo biết vật của chúng tăng mà rờ chạm thức ăn thanh tịnh của chúng tăng thành thức ăn bất tịnh, do ăn của chúng tăng nên đến nổi phải bị tai ương như vậy. Vị La-hán nghe vậy liền chú nguyện cho nên được khỏi thân ngạ quỷ, trở lại làm người, v.v...

Bọ hung là loài trùng ăn phân.

Luận Đại Trí Độ nói tịnh tín đàn việt cúng dường chúng tăng để cầu phước gọi là Phước Điền thực, văn sau chỉ rộng phải xem đó.

Phẩm Tế Long trong kinh Đại Tập nói rằng: Bấy giờ, có một con rồng bị mù, cất tiếng khóc to mà nói rằng: "Đại Thánh Thế tôn! Xin cứu giúp con. Nay thân con chịu khổ não dữ dội, ngày đêm thường bị giòi trùng rúc rỉa cắn ăn. Ở trong nước nóng không lúc nào tạm vui".

Đức Phật nói rằng: Trong đời quá khứ ngươi từng làm một vị Tỳ-kheo hủy phá giới cấm, trong lòng thì khinh khi, bề ngoài thì hiện tướng

hiền lành, lam tham quyến thuộc. Đệ tử rất đông, tiếng tăm đồn khắp bốn phương xa gần, do nhân duyên nầy mà được cúng dường chỉ riêng mình thọ dụng, thấy người giữ giới lại nói lời thô ác làm cho họ bị xúc não. Có tâm niệm như vậy nên đời đời bị loài trùng rúc rỉa cắn ăn, có nghiệp ác như vậy nên khi chết bị đọa làm loài rồng. Lại trong vô lượng kiếp quá khứ bị đọa trong địa ngục Xích Đồng, thường bị các loài trùng cắn rỉa ăn. Cho đến hai mươi sáu ức các con rồng đói khát ở trong chúng nghe vậy đều rơi lệ khóc lóc nhớ nghĩ thân quá khứ. Tuy được xuất gia nhưng gây ra nghiệp ác vẫn bị trải qua vô lượng kiếp trôi lăn trong ba đường ác, do còn dư báo nên ở trong loài Rồng chịu đau khổ vô cùng.

Phật bảo rồng rằng: các ông hãy đem nước đến rửa chân Đức Như lai khiến cho tội của các ông lần lần tiêu trừ hết. Rồng nghe vậy, liền dùng tay múc nước, nước đều thành lửa rồi biến thành cục đá lớn ở trong tay. Như vậy, múc nước đến bảy lần cũng giống như thế. Thấy vậy, Đức Phật dạy phải lập thệ nguyện thì lửa kia liền tắt. Cho đến lần thứ tám dùng tay múc nước rửa chân Đức Như lai, chí tâm sám hối. Đức Phật thọ ký đến thời Đức Phật Di-lặc sẽ được làm người xuất gia đắc đạo, cho đến chứng được túc mạng tâm.

Tự nhớ nghĩ đời quá khứ hoặc nhân duyên làm thân quyến của thế tục, hoặc nhân duyên nghe pháp vào chùa, ăn thức ăn của chúng tăng, v.v... nay chịu quả bào làm loài rồng, v.v...

Kinh Tăng Bộ chép: Tỳ-kheo Tăng Hộ ở bên bờ biển thấy các địa ngục, phần nhiều những người bị đọa vào các địa ngục nầy là các Tỳ-kheo thời Đức Phật Ca-diếp không tu giới hạnh, hủy hoại Tam bảo, tham dùng vật của tăng, san tham thức ăn của chúng không cung cấp cho khách tăng, vì thế phải chịu quả báo khổ. Tìm văn đọc kỹ, đủ để tự răn nhắc mình.

Thông trở xuống là gồm nêu ý của các văn trước sau.

Tự vật phạm nghĩa là tuy thuộc vật của mình, nhưng cũng từ người khác cúng dường. Vì thế, hễ thọ dụng thì không được phi pháp. Nhân duyên trong Bộ Ngũ Bách Vấn đồng như kinh Hộ Tịnh ở trước. Trì giới còn như vậy, phá giới có thể biết.

Kế là nói hộ tịnh, hộ ác xúc. Do văn xen lẫn nhau, đại khái chia làm ba đoạn:

Trong phần nói hành thực:

- Khoa đầu, văn chú giải nói vì làm cho người khác có lợi ích mà thọ chứ không phải có tâm cho.

- Khoa thứ hai tức một người thọ rồi chung đến người khác, y cứ

theo người có giới thanh tịnh. Như phần giải thích tướng chỗ lựa xe cộ, tàu thuyền do đó mà dẫn dắt. Hoặc tàu, xe vận chuyển thức ăn, vì không có người nên khai cho.

- Khoa thứ ba, luật Tăng-kỳ đầu tiên nói tay dơ. Trong lời chú giải lại nói tay dơ cầm độ đựng thức ăn thanh tịnh và thức ăn thanh tịnh của người thì không đâu chẳng phải là bất tịnh. Kế từ nhược trở xuống là nói thức ăn dơ. Nhược trước trở xuống là nói đồ đựng thức ăn dơ lẫn lộn.

Thập Tụng trở xuống là chú thích chung giải quyết các văn.

Trong phần nói về các dụng cụ đựng thức ăn. Nạn sự và trời mưa vì đều là duyên tịnh.

Văn kế có ba:

1- Nói Tỳ-kheo lầm va chạm vật thanh tịnh. Nghĩa là chưa gia pháp thì không được tức nói sợ biết không lầm thì thành phạm. Không được danh tự cũng y cứ khi chưa lìa tay, đã lìa thì không hại.

Nói: lại được bảy ngày là do không thành va chạm, nếu gia thọ thì không có lỗi.

Kế, từ nhược linh trở xuống là nói tịnh nhân lầm va chạm vật bảy ngày.

Cũng như trên tức là không được danh tự.

Hỏi đáp trí địa, v.v... lời chú giải nói khẩu pháp có lỗi nghĩa phải gia thêm.

Từ nhược ngôn trở xuống là nói Tỳ-kheo lầm cầm vật thanh tịnh.

Nên trừ: là không được thả trở lại.

Trong phần nói về khí cụ, đầu tiên gồm nêu các vật, như giường, v.v... Dệt tỉ mỉ: hoặc là dây, hoặc là tua dây, xâu bện dày kín.

Nhược thực trở xuống là nói riêng các thứ va chạm có bốn:

1- Nói vật để ngồi.

2- Từ nhược sạn trở xuống là nói giá các, tức dụng cụ để làm nhà sàn.

3- Từ nhược tại trở xuống là nói ghe thuyền. Mười bảy loại cốc như trong phần giải thích tướng đã dẫn như cừ (một loại cỏ có hạt như hạt lúa), trừ, lô (cỏ lau), tiến (cỏ, rơm), v.v...

Sóng gió thổi vào bờ tức thành khí cho nên cao đến câu sào của thuyền.

4- Từ đại trở xuống nói về các loại xe.

- Trước nói xe lớn. Như trong thuyền: hoặc dừng không đi tức là bất tịnh. Dây buộc trâu chưa lìa gọi là tịnh.

- Kế là nói xe nhỏ. Các Tỳ-kheo thân không ở trên xe, nhưng y

cứ khi lấy vật động tức thành va chạm. Đây là do trong chú giải không y cứ vào trâu mà nói.

Nhược tại trở xuống lại nêu xe lớn so sánh phân biệt xe nhỏ.

Trong phần nói về gánh vác giữ gìn, luật Thập Tụng chép:

1- Nói chuyển tịnh, “không cộng yếu” là vì vốn vô tâm.

2- Từ sử trở xuống là nói duyên khai. Vì Sa-di sức yếu không thể thắng được.

3- Từ nhược bất trở xuống là nói phân biệt dứt trừ. Đồng luật Tăng-kỳ: trước nói được lấy chính giữa.

4- Từ phạm trở xuống là nói giúp đỡ.

5- Từ thiên trở xuống là nói tự giơ lên. Văn chú giải xem xét vật tịnh ở trước.

Luật Tứ Phần chép:

1- Nói tự cầm nắm.

2- Từ nhược trở xuống là khai hồi thí.

3- Từ nhược bát trở xuống là nói rửa bát.

4- Từ nhược nhập trở xuống là nói mượn bát.

Luật Thiện Kiến nói do có hơi nên phải rửa cho sạch, hư là hơi.

Luật Ngũ Phần chép:

- Một là duyên tịnh.

- Hai là Từ nhược trở xuống là nói phân biệt dứt trừ.

Luật Tứ Phần nói tâm ác không thành xúc. Đây là do trước bất tịnh nên phải dứt trừ.

Luật Tứ Phần nói hạt giống tuy xúc chạm sinh rau cỏ, thể chuyển đổi, trồng cũng vậy.

Kế, từ nhược trở xuống là khai cho giúp đỡ, đồng như luật Thập Tụng nói ở trên. Phản là sườn núi.

Luật Thập Tụng nói phụ nghĩa là ôm trong lòng, tự va chạm.

Kiết là nêu chế lỗi. Thuốc có lỗi tức phạm lỗi ban đêm và chạm thuốc, nhưng vì bệnh nên khai cho. (có chỗ nói năm thứ rau cay là sai).

Tỳ-nại-da trở xuống là chú giải quyết định chỗ khai, nghĩa là không được tự chứa để.

Trong phần nói tự nấu, khoa đầu nói khai: là không phải tự ăn, vì thế trong phần chú giải dẫn việc Sa-di đảm trách việc thức ăn ở trước để nêu lên giải quyết.

Khoa kế, Một là pháp nấu thức ăn. Được rửa đồ dùng, v.v... vì thể tịnh. Khiến cho tịnh nhân nấu vì không biến sinh. Tu hoành mộc: nghĩa là tiêu biểu thân thọ. Thọ rồi tự nấu vì giống như thức ăn hâm nóng.

Cho người bệnh: vì chung với người khác.

Cũng được tự ăn vì không có lỗi.

Hai là nói nấu rau (thức ăn).

Ba là chế gừng, nước nóng.

Bốn là khai thức ăn hâm nóng.

Năm là khai chỉ giáo.

Trữ nghĩa là dùng đũa khuấy động.

Trong phần nói về trong đêm, hai luật nói không phạm, đều là ý sai, vì thế luật nầy lại khai.

Không biết không phạm, như trong phần thông và bít đã dẫn.

Trong phần nấu ở trong, khai vì người khác tức là tịnh nhân. Có thứ khác khai cho ăn, sự đồng như tự nấu.

Hai môn thông và bít đều ước: có tội là thông, không có là bít.

Môn đầu nói thời dược chỉ thông, văn nêu ban đêm nấu (ngủ và nấu) đủ có bốn lỗi. Ba loại thuốc còn lại đều y cứ theo giới hạn gọi là hạn cuộc, quá hạn gọi là thông. Lại trong phần nói về giới hạn của thuốc bảy ngày, phi thời chỉ khai ác xúc. Thuốc trọn đời mới khai ba tội, cho nên thông và bít rất dễ thấy. Thuốc bảy ngày chỉ ở sau, tức trong phần sinh tội. Trong phần nói về thuốc trọn đời, đầu tiên là nêu chỗ sai. Tăng trở xuống là phán quyết sự sai trái lẫn nhau ở trước. Gừng là thuốc trọn đời, không khai tự nấu, vì thế văn chú giải phá xưa.

Sớ chép: các Sư xưa nói rằng thuốc bảy ngày gia pháp khai trong đó ngủ và nấu, ở đây không có văn. Thuốc Phi thời cũng vậy. Riêng thuốc dùng trọn đời luật khai ba tội, vì thế của là chỉ. Xúc chạm chung ba thứ thuốc nên không nói. Sau dẫn hai luật khiến trách xưa đã chấp.

Luật Thập Tụng khai cho uống vì sợ kia vọng dẫn nên chú giải để phán quyết.

Luật Tứ Phần nói gần sáng, văn trong giới ăn đã khai, chỉ cho phép ngoài dùng. Nhưng kia chỉ nói rằng: đêm thọ bơ, dầu, nghĩa cũng thâu chung gia pháp.

Kế từ dư trở xuống là phân biệt nêu chung thể của thuốc. Sau chỉ luật Thập Tụng, như trong phần thọ pháp sau ở khoa thứ hai sẽ dẫn. Luật ấy chép: ba thứ thuốc phi thời..., vì thế nói là dư (khác).

Môn kế nói về lỗi, luật Thập Tụng nói có hai:

1- Nêu người phạm, Tỳ-kheo tức người khác, Tăng là chúng tăng, Ni thêm Thức-xoa. Hai chúng cộng thành bảy người, trong phần chú giải do Thức-xoa quá thực nên phi thường khai?

2- Nói bốn lỗi. Trong phần nói về trong đó ngủ: chỉ nói Tăng

phòng, đến nỗi có người chấp rằng cùng ngủ trong tịnh địa không có tội mà văn không rõ ràng nên chú giải để xem xét.

Nội nhiệt tự nhiệt, nhiệt tức là nấu.

Ác tróc nhiều món, vả lại chỉ y cứ một tướng. Trong chú giải nói lên phải quyết xả, thọ lại không có lỗi.

Luận Tát-ba-đa nói có ba thứ:

1- Thọ.

2- Cầm nắm.

3- Không thọ, không cầm nắm.

Trong văn nói ngủ chung qua đêm phạm tội Đột-cát-la, tức tội ngủ ở trong đó.

Đầu, không ngủ chung cũng phạm Đột-cát-la. Sớ chép: do tâm chứa để nên phạm.

Luật Tứ Phần không có văn, nghĩa đâu chung cho phép.

Trong phần đối hiển: trong đó ngủ đối xứ ba chỗ có phạm.

Trong phần nói về người: ba người chỉ y cứ Đại tăng.

Biết có phạm nghĩa là không biết thì không phạm.

Sau dẫn văn nêu rất dễ thấy.

"Cẩu trì phong xuy": đều gọi là ăn trong đại giới. Chữ luật là viết lầm, hợp thành chữ Phật.

Trong phần nói về thức ăn có ba:

1- Nói lìa đất bất luận dư, đủ.

2- Chưa lìa đất phải phân biệt dư, đủ. Như quả, rau, v.v... mầm sống chưa dứt, đều không nội túc.

3- Phân biệt bốn thứ thuốc chỉ trừ thuốc dùng trọn đời là bít, ba thứ còn lại đều phạm là thông.

Trong phần nói về trong đó nấu nướng nói đối xứ, chỉ ở trong Đại giới là phạm. Tịnh địa đều là bít.

Người chung bảy chúng, đây là y cứ năng tạo. Nếu nói về thức ăn phạm chỉ hạn cuộc ba người. Bốn thứ thuốc chỉ khai thuốc dùng trọn đời. Tự nấu cũng như vậy.

Trong phần tự nấu y cứ về thức ăn biến sinh thành phạm.

Ngũ Bách Vấn chép: Tịnh nói thông, lẽ ra là hỏa tịnh vật sống.

Trong phần nói về ác xúc y cứ theo người.

Khoa đầu lại có hai:

1- Nói tự xúc chạm có đủ năm. Quyết ý không ăn là mất pháp thọ. Nếu muốn ăn lại thì phải thọ lại.

2- Từ nhược trở xuống nói người khác xúc chạm chỉ có một.

Khoa kế:

- Câu đầu chú giải rằng cố ăn cũng vậy, nghĩa là một lòng đưa cho tịnh nhơn. Tuy trải qua hai lần cầm nắm cũng không thành, xúc chạm như trước đã nói, vì lầm xúc chạm không phải tác ý. Xúc chạm (cầm nắm) không phải tâm tốt, vì thế đều không thành.

Trong phần ba: Câu đầu, luật Tứ Phần nói vong cũng tức là khai lầm. Lại ở trước luật Tăng-kỳ nói lầm giữ. Thuốc bảy ngày như dầu, v.v... đều đồng. Câu kế dẫn luật Tứ Phần nói: Không xúc tịnh nghĩa là người khác được ăn, xúc thì không thành. Vì thế, xúc ấy là bất tịnh tức người có tâm xấu, riêng thành ô nhiễm.

Trong phần y cứ vào thức ăn: Ba thứ thuốc gia thọ chung không ác xúc.

Che, giấu lẫn nhau: gốc y hai giới, nhánh che quả rơi xuống, thì có lẫn nhau.

Theo các văn sau, ở đây đều từ gốc cây mà phán. Rơi xuống đều y theo sự hiểu biết mà nói. Đại khái như vậy, tìm xem văn tự thấy.

Trong luật Tứ Phần, đầu tiên nói để thức ăn. Luật vì trong Đại giới có cây mọc nhánh che tịnh địa, các Tỳ-kheo muốn để vật trên đó. Đức Phật dạy rằng: gốc cây ở trên đất bất tịnh.

Lại có cây ở trên tịnh địa, nhánh che phủ đại giới, Tỳ-kheo muốn để vật trên đó. Đức Phật dạy rằng: gốc cây ở trên tịnh địa thì được ăn. Vì thế, nói là tùy theo gốc cây mà quyết đoán.

Kế từ cây trở xuống là nói rơi rớt lẫn nhau. Không người xúc chạm biết, luật chép: nếu không khởi ý muốn rớt xuống thì tịnh vì thế nói rằng không thành ngủ trong đó. (Lại nói rằng: cây ở tịnh địa, quả rớt xuống bất tịnh địa, Tỳ-kheo không biết. Đức Phật dạy... trong văn tịnh không dẫn). Y cứ theo quả rớt xuống tịnh địa vốn không có lỗi. Nhưng gốc cây ở đại giới, quả chín không lấy, nghi sợ thành phạm, vì thế sau phải y cứ vào dư và đủ để nói.

Vị trở xuống là nghĩa phán có hai:

1- Y cứ vào chia lìa phải chia ra đủ và chưa đủ.

2- Từ nhược trở xuống y cứ vào đã lìa thì không phân. Văn luật không nói dư, đủ, lìa xứ, vì thế chú giải để nêu.

Luật Ngũ Phần chép:

1- Nói Tịnh địa và bất tịnh địa. Tức người và vật đều ở giữa hai giới. Nói: không chỗ làm nghĩa là không tác ý cầm nắm, v.v...

2- Từ nhược trở xuống là nói vật ở Bất tịnh địa. Y cứ theo biết và không biết: Đầu tiên dẫn khuyên. Sau từ bất trở xuống là Đức Phật

quyết đoán.

Luật Tăng-kỳ, trước nói sinh trưởng đồng như phần nói về gốc cây ở trước. Ngũ cốc, lúa gạo y cứ đồng cũng nghĩa là phải kịp thời nhập vào tịnh khố. Trong phần chú giải hội đồng bổn tông như trên đã dẫn. Kiệm khai tám việc.

Luật Tứ Phần trước dẫn kiệm duyên. Sau từ Phật trở xuống là nêu tám việc:

- Trong giới ngủ, trong giới nấu ăn, hai trường hợp nầy là vì giặc đem đi cho nên khai.
- Tự nấu nhân vì tịnh nhân hết thức ăn cho nên khai.
- Tự lấy tức ác xúc.
- Nhân đi trên đường thấy trái cây tìm tịnh nhân không được vì người cầm đi, cho nên khai.
- Hai giới, hai thứ trái cây, bốn việc đồng khai thức ăn đủ.

Trong luật chép: Tảo khởi thực (tức tăng thực, nghĩa là sớm thọ các thức ăn). Từ chỗ ăn đem thức ăn dư đi (tức thức ăn của thế tục (tục thực), nghĩa là khất thực ăn rồi đem thức ăn dư đi). Thọ thực rồi được quả Hồ Đào cho đến A-ba-lê (tức quả rớt xuống).

Đã ăn rồi được vật trong nước thì được ăn (tức quả rơi dưới nước). Bốn thứ nầy đều do Tỳ-kheo làm pháp dư thực. Kia hoặc chia ra ăn hoặc thức ăn đều hết, cho nên khai. Tám việc nầy theo duyên thì có tám, theo sự thì chỉ có năm việc.

Tự lấy gồm không thọ. Trong đó ngũ gồm gần sáng. Y cứ văn có bảy tội, nghĩa thêm hoại sinh. Bốn tội Ba-dật-đề, bốn tội Đột-cát-la là tám tội.

Nghĩa gia chuẩn không thọ: đã không tùy theo người, nghĩa không khiển tịnh.

Trong phần chế, bổn khai kiệm duyên.

Thời phong phải chế, đúng pháp trị: như tám tội nêu trên, tùy phạm mà trị.

Luật Thập Tụng nói trì tàn: nghĩa khai các tội.

Nói chư khiến cho biết là ngăn ngừa sự chê bai.

Trong tịnh pháp, chế ý có ba.

1- Luật Tứ Phần, luận Minh Liễu có hai ý:

- Ngăn sự chê bai.
- Khác với thế tục.

2- Dẫn luật Thập Tụng tức ủng hộ pháp. Ý trở xuống là chỉ tùy giới. Trước nói: Nếu Đức Phật không chế thì Quốc Vương, Đại thần sai

sử Tỳ-kheo, do Đức Phật chế nên Quốc Vương, Đại Thần mới dứt tâm, v.v...

Trong phần nói về xứ và người:

1- Nêu bày: Nhất trở xuống là nêu câu, ban đầu y cứ về nghĩa nêu ra hai câu đầy đủ. Chú giải bốn chúng khác tức Tỳ-kheo-ni, v.v...

2- Từ dư trở xuống là dẫn văn nêu hai câu lẫn nhau. Trong phần tịnh pháp, văn đầu Thượng tọa xét hỏi khiến cho chúng biết chỗ ăn không nghi.

Duy Na cũng như vậy, nghĩa là được bất cứ một người nào, không phải đều hỏi hết.

Khoa kế, trong luật Tứ Phần nói như phần tùy tướng. Nay tùy theo đó mà lược xét. Trong năm món đầu nói biết trung chủng: bỏ bớt chữ Trung nghĩa là không thể gieo trồng được.

Trong năm món kế nói Bì bác nghĩa là tự lột da, phi bì tức cho cắt.

Luật Tứ Phần nói mười món. Năm món tịnh chủng tịnh căn đó là: năm món trước thuộc về tịnh chủng, năm món sau thuộc về tịnh căn. Nếu y theo Tỳ-kheo-ni Sao chú giải rằng năm món sau chung cho tịnh sinh chủng, lại dường như không hạn cuộc.

Theo luật Ngũ Phần, Sớ chép: Ngũ Phần nói mười món, phần nhiều là giống luật Tứ Phần, lại thêm thủy định ở đây.

Luật Tăng-kỳ thì bốn pháp phân đối sáu vật.

Sau dẫn luật Tứ Phần để nêu chung và riêng.

Luận Tỳ-ni Mẫu nói hai pháp tịnh cần phải bỏ hạt giống (mầm giống).

Trong phần ba, khoa đầu trước nói chánh phân biệt chung và riêng. Chú giải rằng: pháp cao thảo vô tịnh pháp. Sớ chép: Như một mâm rau tươi (rau sống) tướng chủng lẫn lộn. Dầu dùng lửa xúc chạm vào tướng thì chủng không phải tịnh vì tướng và chủng cách nhau, lại không chung nhau. Liệt cao thảo khác có cách cũng không tịnh (phải mỗi thứ lửa xúc chạm vào mới thanh tịnh).

Kế, từ nhược canh mễ trở xuống là nói tịnh lại. Chú giải rằng: Bạch bì lý: nay giã gạo cho trắng không có sinh chủng tức không cần tịnh. Hoặc như luật Thập Tụng dẫn việc để hiển bày. Kia không có tịnh nhơn, tứ khai tịnh mễ đã bảy ngày tự làm, v.v...

Hỏa tịnh, đạo tịnh: như canh mễ trên là chỉ dùng hỏa tịnh, củ cải dùng cả hai thứ tịnh (hỏa tịnh và đao tịnh).

Trong phần tự tha, đầu tiên là nói sai khiến người khác, tựa chú

giải chỉ trên nêu dưới. Sau nói tự làm.

Gia hành tức là làm.

Trong phần sớ giải, đầu tiên nêu tổn, sau từ kim trở xuống là hiển bày lợi ích.

Nhất cát-la là tội tự nấu (hoặc nói là hoại tướng), phải trước từ người khác thọ.

Trong phần ba, luật Thập Tụng, trước nêu đúng pháp. Sau từ nhược trở xuống là phân biệt phi pháp.

Hỏa dẫn nghĩa là lửa trên một chỗ nhỏ. Tro nóng, than lửa không cháy trên đầu đều không thành tịnh. Trước nói pháp sai; sau Tỳ-kheo trở xuống là nói nhân sai. Chú giải nói lửa chạm đến: ý nói chỗ lửa chưa cháy đến được ăn không có lỗi. Đồng với luận Minh Liễu nói ở trước là dùng dao, móng tay làm tịnh được ăn vì không tự nấu nên như vậy, đây là tự tịnh đều là hoại tướng.

Luật Ngũ Phần nói cây hành hỏa tịnh ý hiển gồm thông, không phải chỉ hạt giống.

Luật Tăng-kỳ, trước nói nương duyên mà thành pháp. Vì lẽ ra phải kèm lửa nhỏ, có nghĩa là hoại tướng.

Kế, từ nhược thực trở xuống là nói tướng chủng bốn câu, nhiên trở xuống là y theo câu thứ hai để nêu cả hai chung.

Trong phần bốn, đầu là y cứ về vật đồng một chỗ (xứ), riêng mỗi chỗ thì không được. Thử trở xuống là nêu lý do tịnh pháp.

Nói: Sa-di tịnh nghĩa là tác pháp nầy khiến cho tăng khỏi tội.

Chuẩn trở xuống là nêu chung lúa gạo ngũ cốc. Do đồng lúa gạo ngũ cốc cũng chung tịnh, không gọi là hoại sinh.

Trong phần chủng tướng. Đầu tiên là hỏi, kế là đáp. Trước nêu tướng sinh.

Bảy thứ là xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, tím và hồ thủy (vừa xanh vừa vàng). Sổ trở xuống là nói sinh chủng. Lìa đất có thể sống như loại cây liễu, nhánh nó trồng được. Từ duyên tức nước và đất.

Theo luật có năm món: gốc rễ, nhánh, đốt, hạt giống và tạp chủng.

Trong phần năm, trước trình bày cần phải ý rộng. Sau từ lược trở xuống là nêu chương.

Khoa đầu, trước dẫn luận Tát-bà-đa có năm ý.

Thứ năm tức ngoại đạo thấy Tỳ-kheo không tự thủ quả, phát tâm xuất gia, v.v...

Kế dẫn luật Ngũ Phần vì quở trách mà chế, vì thế nên biết lập

pháp là để ngăn ngừa sự chê bai tức giống như ý thứ ba của luận Tát-bà-đa.

Không cho mà lấy là tên khác của trộm cắp.

Miệng thọ hai ý: phòng pháp phòng tội như văn có thể phân chia. Sau chỉ như sau tức phòng tội.

Trong phần hai, trước là nêu, vấn thủ trở xuống là giải thích, nghĩa chung chia làm ba:

1- Nói tay thông.

2- Nói miệng hạn cuộc.

Thời dược cũng có miệng, tức có duyên miệng gia ba thọ. Thời dược có hai hạn cuộc: một là tay miệng xen nhau hạn cuộc, hai là đều hạn cuộc.

3- Có thể thấy.

Luật Thập Tụng ghi:

1- Nêu duyên khai, do thời không chánh nên gọi là thời phần.

2- Từ phi trở xuống là phân biệt thể thuốc.

Cử túc là nói bao gồm tàn nội. Trong phần ba, chỗ trao là quá thực. Khoa đầu nói năm nghĩa là chỉ luận Tát-bà-đa ở trước. Do có năm nghĩa nên phải trừ chúng khác không cho tự loại.

Sáu chúng là bốn chúng xuất gia và hai chúng thế tục. Ba vượt lại gồm không chứa để.

Miệng thọ hai hạn cuộc, chúng hạn cuộc Tỳ-kheo, vượt chỉ có nhân đạo.

Khoa kế là nói tác chứng minh, tức nghĩa thứ hai trong năm nghĩa trên.

Trong luận nói về người thành và không thành. Không chứa để thành là quyết phải y cứ vào sự hiểu biết.

Trong phần ba nói chỉ (dừng) tức không cần tay, mắt hiện tướng, miệng liền nêu bày.

Trong phần bốn, trình bày ý có ba:

1- Nêu pháp. Tâm cảnh: tâm là năng duyên, cảnh là thức ăn. Ngưỡng thủ là sắc tướng. Lãnh là tâm đã chú giải ở trước, dẫn sai hiển chánh.

2- Giải thích thành tướng lĩnh (tướng tâm), một sự tức là cảnh thật.

3- Từ trừ trở xuống là khai.

Mắt tuy không thấy cũng có thể nghe, có duyên để dướt đất, kia tuy không có tâm tự phải khởi ý.

Không vui tức ngoại đạo chê bai.

Kinh cấp tức lửa cháy ngăn ngừa, dẫn đầy đủ như trong phần giải thích tướng.

Ký trở xuống là dạy thọ chung, nghĩa là trước phải khởi niệm. Món ăn này sau khi thọ tâm sai cũng được thành pháp.

Trong pháp thọ: đầu tiên là chỉ lược Thời dược, kế từ thử trở xuống là nêu ba thứ thuốc. Phân vị để nói nên gọi là kết luận.

Bốn vị phi thời, trong vị đầu có tám hoạn, nghĩa là tám lỗi. Năm vị trước là nhiễm xúc chung tự mình và người phạm. Ba vị sau y cứ vào thọ chỉ y cứ từ luận. Sáu là không thọ, bảy và tám tức lỗi thọ. Thứ bảy y cứ giữa và sau mà nói. Giữa, trước không có lỗi như chú giải đã phân biệt. Thứ tám văn chú giải tức trong phần thể chuyển biến ở trước.

Trong luận nói tướng trái cây biến thành giấm ngọt thì mất pháp thọ.

Trong phần hai nói phải nấu nghĩa là nước trái cây tươi, nếu chín thì không cần.

Trong phần ba, nói tương loại sau khác là như tướng trái cây, mật v.v... các loại tương trong thể đã nêu vì có khác nhau.

Ba, nói ghi nhớ: hoặc cần hoặc không cần, vì thế chú giải nêu đó.

Trong phần bốn, các luật không có văn, có sự cho nên phải dùng nghĩa để lập.

Trong phần nói về lời có sáu câu. Đầu tiên là khiến cho chuyên xem xét vì sợ khác duyên. Hai là xưng tên mình vì phân biệt không phải người khác.

Y cứ trong khoa sau bệnh nặng không thể kham nhận được nên thay thế gia thọ.

Nên xưng bệnh: là danh tự.

2- Duyên xưng bệnh nói không xen lẫn thứ khác.

4- Gừng, nước nóng chỉ riêng thể của thuốc.

5- Ban đêm kỳ hạn định thời.

6- Đối người khác thọ cầu trước đối chúng (Hai pháp sau phân câu đồng như vậy).

Chú giải chép: Không để lại nên không cần gia thêm: do gia pháp khẩu kéo dài thời gian ắt không có chỗ lưu, chỉ thẳng tay thọ.

Trong thuốc bảy ngày, trước nói tám hoạn.

Đổi hoạn thứ tám là do bơ, dầu, v.v... không biến động. Phạm tàn thực khác với tàn túc ở trước. Nhưng đây thọ rồi qua đêm không phạm

(xưa y cứ về tự thức ăn phân khác là sai). Bốn pháp năng thọ đồng như trước.

Trong phần ba nói năm lỗi.

* Lỗi thứ nhất chia làm hai: Chánh nói và hỏi đáp, trong phần chánh nói lại có ba:

- Câu đầu nêu lỗi.
- Nhược trở xuống là nêu tướng.
- Từ Tăng trở xuống là dẫn chứng.

Trong phần hỏi đáp, do chưa phạm dư, chế thọ khác nhau nên phải phân biệt hỏi để quyết đoán.

Trong phần đáp, trước giải thích không thành, sau chọn thuốc khác.

* Thứ hai dư nhiễm không thành, rất dễ hiểu.

* Lỗi thứ ba nói dược vị chung nghĩa đồng vì cùng chứa để. Luật Tăng-kỳ như vậy, nếu y cứ theo bổn tông lẽ ra tự thành.

* Lỗi thứ tư, đầu tiên dẫn chế pháp. Một ngày tức ngày thứ tám. Vị trở xuống là hiển ý. Câu trên chỉ trong ngày, câu dưới nói không phạm. Theo xưa thì không uống lẽ ra thành thọ. Chế phải ở trong ngày vì ức chế lòng tham. Lại nếu uống ăn tám ngày thì thành phạm. Sau thọ tướng nhiễm, nay do không uống nên được thọ trong ngày. Pháp lập có nên khiến y theo đó dùng.

* Lỗi thứ năm nói chánh có thể là thuốc vừa hết. Tuy không nhiễm phạm nhưng không cho tiếp tục thêm. Trong phần kết quyết đoán tiếp tục trước cần phải đồng thuốc.

Sau dẫn luật Tăng-kỳ nói một thể chuyển đổi, có thể chứng khác vị không ngại thọ tiếp.

Trong phần tự tác, thứ hai nói đốt đèn xoa chân, dầu không dùng, nghĩa không thêm thọ (xưa nói rằng dầu dùng để trừ (mất chết) xoa chân có thể lội dưới nước, ở Tây Trúc phần nhiều dùng).

Sau chỉ chỗ xuất xứ, nghĩa phải y theo đó.

Thứ ba nói ghi nhớ, dùng nhà không định nên chú giải.

Trong phần bốn chú thích nghĩa xoay vần. Dầu, mật không chuyển, trải qua sự nấu nướng không mất thọ. Đây là do trong văn chỉ lựa hai thứ bơ, được tự nấu do bơ sống trước đã chín không phải biến sinh.

Hai nấu tức tự tha nói ở trên. Y cứ nơi bơ sống hạn mãn có xúc, vị chuyển mất thọ, sự đồng vật mới. Thọ lại mà cầm nên không thành xúc.

Sau dẫn luận Bà-sa, phản chứng rất dễ hiểu.

Trong phần chánh gia, chú giải nói để tịnh địa lìa trong đó ngủ.

Phải tự lấy: khỏi xúc mất thọ.

Xưa giải thích thuốc bảy ngày khai cho trong nội túc nên đặc biệt nêu ra.

Văn nêu bệnh phong, dầu thuốc là pháp còn lại đều y cứ sửa đổi nên nói là loại chuẩn.

Trong thuốc trọn đời, bốn vị đầu là chỉ ở trước, kế là khoa đầu phải hỏa tịnh. Vả lại, y cứ vào sống mà nói. Hai cùng khác phải y cứ thuốc phân tướng xen lẫn.

Trong phần thể gọi là chánh dược, phân tức là sự trợ giúp khác.

Hai pháp tức hai thọ: tay và miệng (có chỗ nói rằng tức thể phân hai thứ thuốc, thuộc về thuốc pháp nên nói hai pháp).

Biệt lai nghĩa là không đồng thời mua.

Biệt thọ nghĩa là hễ được liền gia.

Trong phần thứ tư nói gồm thọ, chú giải ghi các thứ thuốc. Đây là y cứ vào vị thuốc chưa hòa hợp, phải là hiện thành hoàn, tán riêng ghi tên thuốc. Như nói rằng Hoàng kỳ tán, A Ngụy hoàn, v.v...

Nhược trở xuống chỉ cho ví dụ. Tùy theo bệnh gì thì y theo trên mà sửa đổi.

Chỉ như trước tức chỉ chú giải ở trước nêu riêng mục lục của thuốc, hoặc có thể đồng như trên phải nói về thể phần, hoặc có thể chỉ tướng hòa thể. Văn kia chép: Tùy dùng thuốc, đầu là nêu số mục, còn lại thì dược phân xứng.

Trong phần biệt thọ, đầu tiên nêu có duyên đến riêng.

Nhi trở xuống là nói thọ riêng, lại có hai:

1- Gia thêm thể của thuốc, đồng như trên không nêu.

2- Từ nhược trở xuống là gia thêm dược phần.

Trong chú giải, tám vật trên là thời dược. Ba vật sau là thuốc bảy ngày. Gặp duyên nghĩa là bị việc khác ngăn trở. Thuốc trọn đời, "đầu" tiên là tên của thể thuốc. Trong văn nêu một vị thời dược, còn lại có thể ví dụ nhắc lại cho nên chú giải nêu lên.

Trong phần ba là khiến cho Tịnh nhân quyết đoán giá trị vì lìa sự mua bán.

Được tự lựa chọn: do không phải là vật của mình nên không thành xúc. Tức tìm Tỳ-kheo gia thêm: có thì đến chợ, không thì trở về chùa. Không như vậy thì khiến tịnh nhân đem trở lại. Sau từ tay thọ nhận, sự cho hoãn.

Không quá hạn: trong thời gian không quá, phi thời không quá

tu-du (khoảnh khắc).

Trong phần khiển trách thế gian, đầu tiên nêu buông lung, khinh thường pháp. Hi biểu: một, hai nói là rất ít. Thời ấy còn như vậy, ngày nay có thể biết. Phật chế mà không thực hành tức diệt pháp, vì thế nói là ức tỏa. Ức nghìa là ức chế ngăn cấm, tỏa nghĩa là suy sụp.

Cao đàm trở xuống là khiển trách có nói mà không có thực hành.

Cao đàm là lời nói siêu vượt thế gian. Hư luận nghĩa là nói quá sự thật kia. Nhiếp tâm thì động không tự nhậm. Thuận giáo thì vâng giữ luật nghi. Đây là nói rất tốt. Y cứ theo lời nói thì vượt lên xuất thế, tức dấu vết thường lưu. Một việc thực hành không thấu suốt thì vô lượng diệt nơi thân. Bọn nầy mắt thì đầy đủ mà tâm thì nghèo nàn (tâm không chân thật). Chân thật xuất gia, sao tự mình không gắng vươn lên. Than ôi! Bọn ngu si mê muội kia. Câu trên là mê quả, câu dưới là tạo nhân.

Có trở xuống là khuyên kia phải xét rõ ràng để làm gương soi.

Môn thứ năm, trong phần chánh nói. Đầu là nói thuốc bảy ngày, lại có hai:

1- Nói miệng thọ cần phải nói. Văn nêu ba nghĩa là thể, lực và vị cả ba đều mạnh hơn cho nên tham đắm nhiều. Sau nói tay thọ không cần nói, tuy đủ ba nghĩa: giới hạn giữa và trước, thời gian ít nên tâm tham lam chứa để cũng ít. Qua hi: hi cũng là ít.

2- Từ dư trở xuống nói ba thứ thuốc không cần.

Thời được có nghĩa thứ ba. Phi thời có nghĩa đầu. Trọn đời có nghĩa thứ hai. Hoặc lại gồm hai nhưng không đủ ba nên nói rằng ngược với trước, v.v...

Trong phần chỉ pháp: hai món thuốc và bình bát đều có và từ không khác chỉ sửa một chữ y mà thôi.

Trong phần thứ sáu là nói tay thọ:

Một là đối bệnh.

Hai là không nêu tên.

Vì thế không tự tha.

Trong pháp khẩu thọ, câu đầu là nêu đồng, nhược trở xuống là nêu nghĩa. Đây là y cứ về túng đoạt để nói, nghĩa là căn cơ theo pháp tuy hạn cuộc ở luận, thuốc thì chung, chú giải nêu bày hai thứ chung.

1- Vị chung: giúp thân trị bệnh gồm kia đây, vì thế ở đây chung như trước.

2- Từ hà trở xuống là dẫn văn làm chứng, tức là thuốc dư. Giới văn kia nói xả, có ba cách khác nhau.

Thuốc sáu ngày trả lại chủ thì được uống. Thuốc bảy ngày như lời

sao có dẫn. Thuốc tám ngày xả cho tịnh nhân. Nghĩa sao giới sớ đều thấy ở giới ba mươi.

Trong phần bảy nói tay thọ, rất dễ hiểu.

Khẩu thọ, đầu nêu được không.

Không theo thế lực của thuốc nghĩa là giải thích trên không làm hai ngày.

Chính theo pháp luận là giải thích trên, lại thêm bảy ngày. Sau dẫn văn làm chứng. Luật Tăng-kỳ, Thành luận đều chứng minh thuốc dùng sáu ngày rồi bỏ, không được gia thọ lại.

Luật Tăng-kỳ chép: Do có Tỳ-kheo hằng ngày tìm tịnh nhân rất cực nhọc. Đức Phật hỏi thuốc và bảo rằng chữa thuốc bao nhiêu ngày được an ổn.

Đáp như lời Sao dẫn, chỉ lầm xúc (cầm nắm) ở trước, tức trong phần hộ tịnh cũng theo văn luật Tăng-kỳ, ở đây nói cầm nắm mất thọ, nói lên có thọ lại. Kiên bệnh là bệnh nặng.

Thứ tám, đầu dẫn luận có bốn đoạn:

1- Trình bày bổn chế duyên.

2- Từ nhược tác trở xuống là nói gặp duyên thọ lại. Tức như trên dẫn lại thêm thuốc khác xen lẫn.

3- Từ nếu thuốc trở xuống nói mê quên gia lại.

4- Từ nếu bệnh trở xuống là nói bệnh nặng thọ thay.

Trong phần phòng tội, khoa đầu chế gia hai thọ, vốn là lìa lỗi. Muốn nói chỗ phòng ngừa, danh tướng nhiều ít nên khởi lời hỏi để nêu bày.

Kế, trong phần biệt luận tội tướng xen lẫn để gồm thâu. Tay phòng ngừa hai tội, bốn thứ thuốc đều đồng. Không thọ phạm tội Ba-dật-đề; ác xúc phạm tội Đột-cát-la. Miệng thọ, bốn thứ khác nhau. Thời dược miệng gia thọ, chỉ thế tay thọ, cũng không kéo dài thời gian, tội đồng với tay thọ. Ba thứ thuốc còn lại quá hạn thì mất thọ. Không thọ phạm Ba-dật-đề. Ác xúc phạm Đột-cát-la. Hai tội này chung ba thứ thuốc. Tàn túc một tội Ba-dật-đề, chung hai thứ thuốc sau.

Nội túc v.v... ba không khai bảy ngày chỉ hạn cuộc thuốc trọn đời. Văn chú giải phá xưa như trong phần hộ tịch tội thông bít.

Kế trong phần sinh tội, ở đây nói hai thọ hợp luận phòng tội trở lại, ngăn ngừa cho nên sinh. Nương danh số trong luận nên gọi là nhân minh. Chú giải nêu tội sinh, trở lại từ thọ pháp.

Trong phần nêu giải thích, tay thọ hai tội, bốn thứ thuốc đều đồng, đều là ác xúc, tức là hai tội Đột-cát-la. Nếu y theo giới sớ chỉ nói quá

ngọ sinh ác xúc, hết đêm sinh tàn túc, thì phạm một tội Đột-cát-la, một tội Ba-dật-đề. Nghi nay tàn túc, sau phần nhiều ác xúc ghi rõ ràng.

Trong phần miệng thọ, Thời được đồng tay thọ ở trước. Phi thời phạm ba tội, hai tội Ba-dật-đề, một tội Đột-cát-la chung ba thứ thuốc sau. Thuốc bảy ngày lại thêm phạm xả một tội Ba-dật-đề, uống dùng phạm một tội Đột-cát-la, vì thế có tội. Giới sớ chỉ sinh bốn tội. Kia nói rằng: Có người lập năm nghĩa là uống thuốc này khiến cho hiểu, không như vậy mà uống thì có tội, không uống thì không có tội. Không đồng bốn thứ trên, không uống tội sinh. Vì thế biết lời sao nầy còn giữ lại cách giải thích xưa.

Trong phần hỏi đáp, đầu tiên nói ý không sinh, chẳng phải cho rằng không đâu không chịu tội, nhưng vì không nhân nơi pháp miệng thọ mà sinh.

Không đồng trở xuống là nêu phi tàn đối hiển.

Trong phần nói về thuộc trọn đời, nói miệng sinh sáu tội là ghi lại cách giải thích xưa, xưa cho rằng sinh không thọ cho nên đồng như phần ngăn ngừa tội ở trước, danh số rất dễ biết. Không bệnh trở xuống là hiển rõ nghĩa nay, tức giới sớ chép: Miệng không sinh tội, do Đức Phật khai về gia pháp không mất, dầu cho cầm nắm cũng không mất thọ.

Trong luật nói không bệnh uống chỉ phạm Đột-cát-la, vì có pháp, nếu không gia pháp thì bị đọa. Theo đây chỉ kết tội trái lời dạy phạm một tội Đột-cát-la, đã không mất pháp thì không sinh tội.

Dư trở xuống là chỉ chứng. Ba giới đều nói rằng thuốc trọn đời, thọ dược không bệnh mà uống phạm tội Đột-cát-la.

Kế trong phần hỏi thuốc, bảy ngày phạm tội chứa dư, và ba thứ thuốc riêng muốn nêu ý chế cho nên nêu lời hỏi.

Đáp có hai nghĩa: một là tham lam chứa để, hai là trái lời dạy, còn lại không có nghĩa nầy, vì thế nói là trái với ở đây.

Trong phần hỏi đáp thứ ba, đầu là nói bảy tội, ước đủ để nói. Thử trở xuống là nêu có và không chắng nhất tịnh.

## THIÊN GIẢI THÍCH VỀ BÁT KHÍ (BÌNH BÁT)

Bát là tiếng Phạm. Khí là tiếng Hoa. Bát thì thâu hạn cuộc đồ dùng, khí thì gọi chung các dụng cụ. Nói đủ là Bát-đa-la. Theo phần gia pháp ở sau nói rằng ứng lượng thọ, là vật đựng đồ đúng lượng, đối pháp làm tên.

Theo Chương Phục Nghi chép: Xứng đáng thọ nhận sự cúng dường dùng đó gọi là ứng khí, đây tức đối với người mà gọi.

Hoặc có chỗ nói rằng: lượng bụng mà ăn nên nói là ứng khí, tức đối việc ăn uống mà gọi tên. Hai chữ trên là vật sở nhiếp, hai chữ dưới tức giáo năng nhiếp. Vật tuy nhiều, nhưng hai giáo gồm nhiếp hết.

Bình bát chế trì có trái thì kết tội, chúng cụ (đồ đựng) cho phép chứa để, mới thọ dụng được, cho nên y cứ hai giáo gồm thâu tất cả.

Trong chú giải nói ngũ hành là kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Thể gồm bốn việc.

Điều độ nghĩa là điều dưỡng cụ độ, là tên chung của các vật.

Trong phần trình bày ý chỉ nói do chế chỉ một bát, nghĩa không xen lẫn nhau cho nên nêu ra. Câu thứ hai chỉ vật nhiều, là đông nhiều, là nhóm họp.

Hai câu kế nói ý khai cho chứa để.

Bậc Thượng Sĩ một bát đủ để sống còn. Kẻ hạ lưu thiếu không kham tấn đạo nên nói là tùy báo. Sự giúp đỡ là duyên, đủ đạo lập là hành giới.

Tuy trở xuống nói cần phải y theo pháp. Câu đầu tiếp theo trước, câu kế nêu pháp. Tuy nói là cho phép chứa để nhưng có hạn lượng, hai câu sau là nói trái phạm.

Đây chế nghĩa là trái phạm, xá tội. Ký trở xuống là hiển ý của thiên nầy. Chúng cụ không phải một, chứa dụng có xen lẫn nên nói rằng lẫn lộn.

Mạo là tướng trạng, cách thức của vật.

Lược trở xuống là kết thúc chỉ bày như ở sau, tức thính môn ở sau (có chỗ nói rằng: đoạn trước nêu thính môn đã xen lẫn không nói chế giáo là sai).

Trong chế môn, ý chế có bốn, luật Tăng-kỳ nói ý khác thế tục. Không phải chỗ thích nghi vì không tương ưng. Luật Thập Tụng, luật Thiện Kiến đều mô phỏng theo ý Phật, cần phải ghi nhớ. Từ ngoài sự cúng dường đều gọi là ác dụng.

Không có nhân: luận kia chánh là nói không có chỗ nương: vì thức ăn uống, chỗ ở đều chẳng phải mình có. Ngoài bốn Thiên địa ra đều là đáy biển lớn nên gọi là bốn biển.

Trong kinh Trung A-hm nêu danh nghĩa như giải thích ở trên.

Trong phần nói về thể, khoa đầu nói bùn thiết: bùn tức ngõa khí (bình bát bằng sứ).

Khoa kế, luật Ngũ Phần và luật Thập Tụng đều phân biệt phi pháp.

Bát bằng đồ gốm tức chưa nung do Đức Phật tự làm. Luận ấy

chép: Đức Phật ngự tại nước Tô-ma làm bình bát bằng gốm, bảo thợ đốt thành bình bát vàng, kế thành bình bát bạc.

Câu "đều nói cho kia biết" nghĩa là nói ta có thể làm vàng, bạc, quý báu. Bèn khiến cho chôn. Sau đốt thành bát sắt, Phật cho phép dùng. Nói bát Tô-ma là từ tên nước mà đặt tên, thì biết chế độ lượng không ngoài sự mưu tính của người phàm. Như trong thiên trước nói rằng: Phật dạy A-nan cắt may ba y, bởi do đạo pháp của Phật xưa không phải là chính thân Phật chỉ bày cho những người không biết, hễ là người vâng giữ phải tự lấy làm vui mừng.

Luật Thập Tụng, Nghiệp Sớ chép: Tạp báu là đồ dùng xen lẫn ở nhà người. Bình bát bằng gỗ là của ngoại đạo, bình bát bằng đá chỉ có Phật dùng, Tỳ-kheo đều không dùng chỉ dùng bình bát bằng bùn, bằng sắt, vì xa lìa các sự xen lẫn, tự phản tỉnh, việc dễ thành. Sau dẫn luật Ngũ Phần phán quyết tướng tội ở trước. Dẫn luật Tăng-kỳ nêu lý do phạm. Gồm phán các bình bát, bình bát bằng đồng trắng và gỗ có thể kết tội Thâu-lan-già, còn lại hễ không đúng pháp đồng phạm Đột-cát-la.

Trong phần ba nói giáp trữ tức nay là gỗ, xương, vải, sơn.

Côn ngõa: xưa nói rằng dùng đá mài, sau đó dùng đất mỡ trét lên rồi đốt mà không xông.

Bát bằng sứ là để trên dầu đốt.

Nghĩa cần phải hủy: hoặc tự hủy, hoặc y theo luật Thiện Kiến. Tỳ-kheo trì giới thấy cầm bình bát bằng gỗ liền đánh phá, không bị tổn ích.

Trong phần nói về sắc, khoa đầu luật Tứ Phần nói có mầu đen, mầu đỏ. Luật Tăng-kỳ nói mầu xanh biếc. Nay phần nhiều dùng mầu đen mà thôi.

Cổ chim công: là lấy mầu lông trên cổ chim công, mầu chim Bồ câu phần nhiều khác. Nay chỉ lấy mầu xanh.

Khoa kế, trước dẫn luật chế.

Luật Tứ Phần khiến dùng bùn xông làm Bát lư, dùng tro xông làm Bát tràng. Để nhánh cây, lấy Bát lư che lên trên, đắp tro bốn bên, lấy tay đề xướng cho chắc, dùng phân bò đắp bốn bên đốt lên. Nay phần nhiều để Bát lư ở dưới, làm cái lồng tròn che ở trên. Trong lồng dùng để thanh sắt nằm ngang rồi treo bát trong đó, dùng tre đốt xông.

Nhi trở xuống là khiển trách sai. Trước nêu năm trường hợp.

Côn Quán Cổ chép: sau khi đốt thành bỏ vào lửa cho chắc. Hễ côn không mài thì phải xông. Đã mài rồi sau lại xông.

Bình bát bằng sắt thì chứa năm biến, bình ngói (sành) chứa hai biến. Nếu chỉ xông một lần cho bền thì sắc lạc thọ nị, dầu giống như đồ dùng bằng sứ ngày nay, để trên dầu mà đốt. Thân trở xuống là chứng sai.

Đầu là dẫn chính thân nghe chứng. Cõi nầy hành dùng nghĩa là Phạm tăng đến đây dùng.

Năm trở xuống là dẫn văn chứng. Chuẩn trở xuống là nêu thông bình đựng nước cũng xông thành mầu sắc, trong phần ba:

1- Dẫn bộ Thiện Kiến.

2- Chỉ các bộ.

3- Nêu xứ nầy.

Nghiệp Sớ chép: Tây Vực bình bát bằng sắt xông để bền chắc, đây là giải thích các xông.

Trong phần nói về lượng:

Khoa đầu có ba:

1- Nêu ba phẩm: Thượng, hạ, trung.

2- Từ thử trở xuống là định ra đấu khác nhau:

Đầu là lấy đấu nhà Chu. Chú giải chỉ rằng pháp thế tục là con cháu tính toán mười túc là khuê, mười khuê là sao, mười sao là toát. Mười toát là chước, mười chước là hợp, mười hợp là thăng, mười thăng là đấu, mười đấu là hộc. Tướng do cách tăng, nêu bày có thể y cứ.

3- Từ chuẩn trở xuống là nói về đấu đời Đường.

Đời Đường xen lẫn khiến cho dùng ba đấu nhà Chu làm một đấu. Nay ở thế tục dùng đấu đời Đường là thích nghi, nên y theo đó làm lượng.

Khoa kế, trước dẫn luật Thập Tụng. Hai câu trên nêu đồng, nghĩa là ba phẩm lớn nhỏ. Hựu trở xuống là nêu khác. Bỉ minh trở xuống là nói bát thọ hai bát tha, bát tha là tên lượng ở nước Phạm.

Theo ở sau một bát tha rưỡi là một đấu nhà Chu, tức ba thăng ba hợp đời Đường. Nửa bát tha là ba đấu ba hợp nhà Chu tức một thăng đời Đường.

Tính tổng quát thăng đời Đường: Bốn thăng trở lên là lượng hạ phẩm, vì thế chú giải dẫn bộ Tăng-kỳ để hợp. Nên biết luật kia nói bốn thăng tức y cứ phẩm hạ.

Bát-tha-đa-tha là nhiều âm chuyển mà thôi.

Luật Tăng-kỳ chép: đời Tống dịch là Xích Đấu, đều y theo thời Nguyên Ngụy, phần nhiều giống đời Đường, vì thế lấy bốn thăng là bát phẩm hạ.

Kế dẫn luật Tăng-kỳ hội đồng văn luật Tứ Phần có năm đoạn:

1- Nêu luận Sư tức luận kia tự chỉ.

2- Từ vị trở xuống là định lượng Bát-tha. Phù phạm nghĩa là nấu chín trong cái chỏ.

3- Từ thời nhân trở xuống là hợp lượng của bát. Còn lại có thể an tức, v.v... Thì bát thượng cọng thọ bốn bát rưỡi. Một bát-tha đấu đời Tần tính có sáu thăng sáu hợp rưỡi (đời Đường tính hai thăng hai hợp). Bốn bát tha tính gồm hai đấu sáu thăng sáu hợp rưỡi (chín thăng đời Đường). Nửa bát-tha tính ba thăng ba hợp (một thăng đời Đường), cộng thành ba đấu (Hai đấu đời Đường).

4- Từ luật sư trở xuống dẫn lời bàn luận khác.

Trung, Hạ nêu hai phẩm còn lại.

Một đấu rưỡi là Hạ phẩm, tức nay là năm thăng, trung gian là Trung phẩm.

5- Từ kiến trở xuống là dẫn chứng. Văn nầy muốn vâng làm theo nghi thức xưa thì trước định phẩm lượng có chỗ y cứ. Sau dẫn luận Tỳ-ni Mẫu chứng ở trước, rất dễ biết.

Trong phần ba, trước là chỉ định giá lượng. Luật trở xuống là riêng khiển trách không đúng pháp, lại có hai:

1- Ngăn vọng chấp, trước dẫn chỗ y cứ kia. Nghiệp Sớ chép: có người nói luật chế phải lượng bụng mà ăn, vì sao phải định lượng. Tùy được thành thọ không cần phải y theo luận. Đây không nêu xưa, thẳng như vậy mà ngăn. Ngôn trở xuống là chánh khiến trách, câu trên là trúng, câu dưới là đoạt.

2- Từ thế trở xuống là khiển trách chấp bát nhỏ. Gọi phi pháp vì lượng không đúng với lời dạy. Cần phải đúng pháp mới kham thọ tịnh.

Trong phần gia thọ có hai:

1- Dẫn luật Thập Tụng, pháp đối thú nói ứng lượng là nói hợp pháp. Thể và sắc ít xen lạm, còn phẩm lượng phần nhiều hay trái với luật đặc biệt nêu ra. Hoặc nói khả lượng tức giáo lượng. Thông mục có ba thứ đều phải đúng pháp mới được thọ trì.

Nói thường dùng là nêu ý thọ. Y thì thường đắp mặc, còn bình bát thì dùng có lúc, vì thế gia thêm lời rằng ức trì không quên (nhớ giữ không quên).

2- Từ Thiện kiến trở xuống là dẫn pháp tâm niệm. Văn y cứ trên tức chỉ trừ câu đầu đối đáp. Tăng-kỳ trở xuống là nêu chuyển đổi, nghĩa là chứa để hai bình bát không có người thuyết tịnh. Trong mười ngày phải xen nhau chuyển đổi thọ, xả thì phạm tội chứa dư, văn giống trong

phần nói hai y.

Trong phần sáu:

Khoa đầu: trước nói mất thọ giới hạn, tiết tiên kết phản, nếu trở xuống là nói gia pháp không thành.

Khoa kế: trước nói chưa độ được giá trị.

Chủ nói, không nói đều xếp vào thành.

Nếu mua trở xuống đã biết giá trị. Chủ báo, tha báo, phạm, không phạm khác nhau.

Nói tTha báo không phạm vì chưa định thật.

Trong phần ba, đầu là dẫn văn. Khổng nức nghĩa là chưa xuyên qua. Há hô nha phản. Sau từ y cứ trở xuống là nghĩa quyết.

Trong phần bốn, thiên trước nói ba y không quá ngày không phải y dư. Nay muốn thí dụ đồng một bình bát nên hỏi để giải thích.

Nói: không thọ trì phạm tội tức trái lời Phật chế, phạm tội Đột-cát-la.

Trong phần bảy, văn đầu nêu Ngũ Bách Vấn có hai đoạn:

1- Nói chế dùng, kia phán phạm tội đọa, theo luật thì phạm Đột-cát-la.

2- Từ nhược trở xuống nói khai lìa. Tuy không mất pháp nhưng không đâu không trái lời dạy.

Sau dẫn luật Ngũ Phần, duyên khai không dùng, xuyết xương duyệt, phản đại hợp.

Khổ giống như hoạn.

Khoa kế, luận Tỳ-ni Mẫu có hai tiết:

1- Nói rửa vật, nhân chế rửa thân.

2- Từ cho đến ăn trở xuống là chế tự trì, nêu duyên khởi.

Luật Tăng-kỳ, đầu nêu pháp rửa, kế từ ứng trở xuống gồm pháp rửa bình bát của thầy. Trước rửa bát cho thầy, sau rửa bát của mình là pháp tôn trọng người, vì tùy sự tiêu biểu tâm. Quán cổ hoạn phản xuyên.

Sau nói giặt y, tướng nhân đó mà dẫn thấm vào.

Nhược trở xuống là nói pháp dùng bát vỡ.

Trong phần nói về hành trì và giữ gìn:

Khoa đầu có ba đoạn. Nói xen lẫn: cung kính, giữ gìn răn dè không hề dùng.

Luật Thập Tụng nói nhất tâm nghĩa là chuyên ý. “Nhật cứu”, luật nói là tổn mầu sắc. Vì thế, luận Tỳ-ni Mẫu nói tất cả chỗ là chỉ trừ chính giữa ngăn đoạn dùng thứ khác.

Nói tròng mắt là để so sánh, răn dè khiến hết sức giữ gìn.

Luật Ngũ Phần, đầu là nêu cách giữ gìn, nhược trở xuống là nói tránh lỗi.

Noãn thang nghĩa là nước sôi, cũng làm cho tổn hại mầu sắc. Hoặc là đốt, dùng nước sôi rửa vật là chẳng đúng, cho nên phạm tội, đều chế là phạm Đột-cát-la.

Khoa kế, luật Tứ Phần:

1- Nêu mười ba thứ không được để chỗ phi pháp.

2- Nói trì không đúng pháp.

Luật Tăng-kỳ có sáu việc đều phạm tội Thâu-lan-già, nghĩa là hoại Tam Bảo, đồng với ngoại đạo, nên nay lấy nghĩa hoại bát, còn lại đều nhân đó dẫn.

3- Luật Tứ Phần có sáu tiết:

1- Chế dùng khác nhau.

2- Từ nhược trở xuống là chế phạm chỗ. Chữ vạn là tiếng Phạm, ở trước ngực Đức Phật, người thường lạm dụng. Nay đều dùng kim châm ở chéo y. Đây là giáo đã khai cho.

3- Tứ phá trở xuống là nói hàn sửa lại. Nói mạn hai phần nghĩa là bát thượng trung và hạ chia làm ba phần.

4- Từ không được cầm nắm là nói chỗ để, huân tức xông mầu sắc, vì thế nói hoại là dùng như bốn vật trên. Tạ giống như mầu sắc cũ hư hoại mới cho dùng hợp kim hàn (hoặc bạch lạp) trét ở đáy bình bát.

5- Từ không được xen lẫn trở xuống là nói cách rửa. Nước tiểu trâu bò ở Tây Vực rất quý, xứ nầy thì không dùng.

6- Nếu tay trở xuống là nói mang giữ. Miệng hướng ra bên ngoài nghĩa là: Trong luật, do có Tỳ-kheo khi đi đường mang bình bát, miệng bình bát hướng ra ngoài sườn, gặp lúc trời mưa chân ngã xuống đất đụng bên sườn thành tai họa. Đức Phật bảo không nên như vậy.

Đường nghĩa là hai bình bát chạm nhau.

Trong Ngũ Bách Vấn nói treo bát, phải để trong khăn treo dựa tường, không được úp miệng bình bát trên vách tường vì cũng sợ tổn hại mầu sắc.

Sau dẫn luật Thiện Kiến nói để trên vai trước, không nói hai bên.

Thính môn vật nhiều không thể dùng khoa ước nên nói là nêu lên nhiều thứ.

Văn đầu, luật Tứ Phần nói có bảy đoạn:

1- Nói các khí cụ, là gốc nhánh. Nay chỉ lấy số, nghĩa là trở xuống

là nêu tên, tức hai chỗ, hai bình bát đều có bốn vật. Tắc trở xuống là hợp số có thể thấy biết.

2- Từ hựu trở xuống nói sắc làm dụng cụ. Bị bạc bái trái lại túi, gió thổi vào lư. Thác (hòn đá ráp) tức là lư. Tuyền âm tuyền, xưa viết khứ nghĩa là trục chuyển dùng để chở vật.

3- Từ diệc trở xuống là nói vật để xông bát, tức xông bằng lư, xông bằng lồng, v.v...

4- Từ nhược trở xuống là nói làm y cụ, lụa là mầu đen lấy thẳng.

5- Từ trị trở xuống là nói tu sửa bình bát. Toản tử toán phản là cái chùy. Diệp âm diệp lan (lá đồng, lá sắt).

6- Từ nếu không bất trở xuống là nói hỏa cụ. Dùng lửa để khoan, dùi vật như tre, gỗ, v.v... Hỏa tử thủ hỏa vật như cây ngải khô v.v... Toản tức hỏa toản, cũng dùng tre, gỗ để làm. (Khoan hay dùi tức dùng lửa để khoan, cũng dùng tre, gỗ để làm).

7- Từ nếu trở xuống là nói các bình bát.

Lúc đầu, vì được cúng thuốc để trong bốn thứ bình bát cho nên biết được cho chứa để. Trong văn nói chung là không tác tịnh thí. Song bát đại ứng lượng lẽ ra cũng nên thuyết tịnh, vì thế chú giải để quyết đoán. Nói Long nha dặc: hai đầu cây cọc xuất hiện tượng Long Nha.

Không được trở xuống là phân biệt chẳng phải vì thế biết bốn thứ trên đều y cứ bùn, sắt làm thể. Xuất trở xuống là nêu riêng cái ổ khóa. Văn trên nêu tên khác, Văn dưới hiển bày thể tướng.

Trong phần hai, đầu nói già bệnh khai cho làm. Vãn là kéo ra, nghĩa là xe nhỏ. Hoặc dùng xe súc vật, hoặc do người điều khiển trâu.

Cách Mã là tên khác của người hùng, tên khác vậy. Ngăn ngừa xúc chạm nhiễm ô nên phân biệt dứt bỏ.

Kế từ nếu được trở xuống là nói người khác cúng thì được nuôi chứa. Viên âm viên, tức hai cây gỗ trước xe cất lên phía trước ở hai đầu đòn xe.

Bì thằng (dây da) để cột xe nhỏ, chẩm đăng đều là chỗ cần có ở trên xe.

Ứng trở xuống là nói người đi xe, vì phân biệt Tỳ-kheo.

Nhược trở xuống là chỉ xếp kê xe, tức là lớn.

Ứng trở xuống là lựa sai. Chức bì (dệt da) vì có hoa văn. Phát thằng vì đồng với ngoại đạo.

Trong phần ba nói kia dùng kim khâu y, vô cớ y rớt ra bày thân hình, do đó chế đeo đi, nay dùng móc buộc lại thì không cần. Trong đây chỉ nói cho pháp chứa để mà thôi.

Trong phần bốn nói phi hành lai xứ tức là ẩn xứ.

Trong phần năm, luật Thập Tụng nói phất trần được thọ vì không phải mình dùng. Trâu Mao chớ giao phản, thường dùng làm cây phất, luật Tăng-kỳ, đầu tiên nói tự chứa để thì phân biệt chứa nuôi.

Liệt chiên nghĩa là cắt vải lụa làm điều.

Dạ cây tức gai cây dương, v.v... Nay phần nhiều dùng gỗ lư để làm. Đời nay đời sau cầm quạt, phất phần nhiều giống thái độ người nữ gọi là dâm nữ, há không hổ thẹn hay sao?

Trong Ngũ Bách Vấn nói Kỉ là bàn ghế, lộc là con nai lớn, khi đàn nai đi nhìn đuôi chỉ chỗ tùy chỗ đến. Người giảng cầm cây Phất chỉ cho thính chúng, vì thế dùng để đặt tên. Nhưng không được để dành đuôi để làm, vì thế chế phạm.

Luật Tứ Phần nói Vĩ Phất giống thính mao, nhưng cái sau không dài mà thôi.

Trong phần sáu nói giường dư tức nói khai cho chứa để.

Trong phần bảy văn xen lẫn nhau vì thế phải chi tiết đó. Văn đầu có mười:

1- Nói về khí cụ (Bình bát). Dao cắt cách bặt vốn là thói quen cho nên không chứa để, người khác thì được.

2- Từ nhược đắc trở xuống là nói về y cụ.

3- Từ nhược đắc trở xuống là nói về toán tử?

4- Từ vi trở xuống là nói các dụng cụ trị bệnh. Bác phù bi phản là bóc vỏ cậy. Ba thứ bình lá bình đồng, sắt và đất.

5- Nếu bát trở xuống là bát cụ.

6- Nhược tu trở xuống là nói đam vật (vật để gánh). Nhiễm thảo nghĩa là cỏ để nhuộm y.

7- Thấy bạch y thả trở xuống là nói vì giữ gìn không để họ chê bai.

8- Từ đảo trở xuống là nói dụng cụ làm thuốc. Bơ nhỏ vào mũi trị bệnh đau đầu. Bốn phía chảy ra, phải dùng ống trúc nhỏ vào.

9- Từ yên trở xuống nói về thực cụ. Ống khói dẫn khói ra khỏi nhà.

10- Từ tinh trở xuống là nói vật tắm giặt.

Tháo bàn nghĩa là đồ dùng để rửa tay.

Sau từ nhược đắc trở xuống là nói về đấu và cân. Hai mươi bốn thù là một lượng.

Dưới dẫn luật Ngũ Phần quyết đoán theo bổn tông trên.

Nói: ban đầu như luật Tứ Phần nghĩa là trước chế lượng đồng sau

khai ra.

Khoa kế có năm đoạn:

1- Nói về ẩm thực cụ (những dụng cụ có liên quan đến việc ăn uống). Một lúc trao cho nghĩa là trước tiên nhận từ người khác, sau đó dâng lên cho thầy.

2- Từ nhược dạ trở xuống là nói đăng cụ (đèn). Đèn gồm nêu các thứ khác nhau sau: Đăng chú tức dụng cụ đốt đèn. Thiết chú là cầm ngọn đèn sắp tắt.

Luân chuyển đăng thọ tức làm tầng để đèn lên đó, xoay chung quanh. Cơ quan vận chuyển đó hình dáng như cây.

3- Nhược vi trở xuống nói về lọng vải.

4- Từ vi trở xuống nói vật làm giày dép, hoặc viết chữ sản lung.

5- Từ nếu đao trở xuống là nói các vật như dao, cái nhiếp...

Sinh hoại nghĩa là dơ cấu trên.

Tiếu âm tiếu là đồ để dao.

Thủ thượng ba nghĩa là trên tay trở qua trở lại như sóng, quát đao, tước dao thượng cấu (dao nạo, dao vót).

Trong phần ba có tám đoạn:

1- Nói về vật của phòng xá.

2- Từ dục trở xuống nói dụng cụ tắm gội.

3- Từ tất cả trở xuống là ngăn các vật thế tục. Lê là dụng cụ để cày ruộng, thế là dụng cụ để làm ruộng. Nay tục gọi là ba.

4- Từ nhược trở xuống nói cầm trượng. Tích trượng y cứ theo luật bổn là vì sợ trùng thú. Theo kinh tích trượng đem theo đi khất thực, dộng lên cho thí chủ nghe. Xuất xứ khác nhau, không hòa hợp. Danh nghĩa chế độ rộng như tụng kinh kia.

Trúc nứt có tiếng tục gọi là tán trượng. Cây tích trượng bên trong rỗng không như ống tre, v.v...

Trong luật có ngoại đạo ném dao vào đó, tâu vua để vu oan Tỳ-kheo, Phật do đây chế giới.

5- Từ nhược tăng trở xuống là nói về quạt.

Chuyển quan nghĩa là làm vòng xoay chuyển. Cắm vào quạt xoay chung quanh làm quạt máy.

6- Từ nhược tác trở xuống là nói về dụng cụ làm thức ăn. Luật đều viết chữ liễm. Y cứ chữ sánh hợp thành chữ liễm, hoặc chữ liêm là dụng cụ bằng dưới đáy (đáy bằng). Trộm nghi trong luật nói bằng đầu của cây tre mà thôi. Thảng âm thảng, tức là cái thùng vuông ngắn. Chi hợp thành chữ chi, âm chi nghĩa tửu khí, là cái thìa.

7- Từ nhược thực trở xuống là nói dục thất (nhà tắm).

8- Từ nhược tại trở xuống là nói phòng hương nghiêm.

Thứ tám, đầu là dẫn tăng, nhất là khuyên tạo lập.

Thập Tụng trở xuống là nói chỗ để. Luật Tăng-kỳ nói lau chùi, dọn rửa. Nói tự tương giai nghĩa là bổn chúng, nên cùng nhau lau chùi dọn dẹp. Luận Tỳ-ni Mẫu nói thuyết pháp.

Tịnh nhân duyên là nêu chung.

Bất vi đẳng nghĩa là ban tiên đầu dạy lìa lỗi.

Đương trở xuống là dạy quán hạnh. Câu trên quán thân, tức chín cách quán tưởng bất tịnh. Hai câu dưới là quán tâm.

Điều phục là dứt ác, sinh lòng từ, tức tu thiện.

Vi trở xuống là nêu thuyết ý. Như thị trở xuống là chỉ rộng. Mỗi sự nghĩa là ăn nhiều hoặc ít tất cả chúng đều nhóm họp lại, v.v...

Thứ chín rất dễ hiểu.

Thứ mười nói Đại luận tức luận Đại Trí Độ.

Thiền trượng tức dùng tre hoặc cây cỏ lau để làm, dài tám khuỷu tay. Vị hạ tọa tay cầm đi tuần hành, có người ngủ thì đánh thức dậy giao cho họ. Lại có người ngủ gục nữa thì cũng chuyển trao như vậy. Thiền cúc giống như Mao cúc, từ xa ném tới để đánh thức người ngủ gục. Thiền trấn giống như cát hốt, khi ngồi thiền để đè trên đỉnh đầu, phải làm một cái lỗ xâu dây buộc trên lỗ tai, khi ngủ gục liền rớt xuống đất. Đức Phật dạy rớt một lần thì cho duỗi một chân, rớt hai lần duỗi hai chân, rớt ba lần thì đứng dậy đi kinh hành.

Cốt nhân tức nay là bị xương khô. Nương vào sắc tướng này để giúp cho pháp tu thiền.

Hảo Sư nghĩa là hễ muốn ngồi thiền thì trước phải tìm thầy để quyết nghi, sự phải thông hiểu ba môn học Đại thừa, Tiểu thừa.

Giải hạnh gồm đầy đủ thiện thức thời nghi, cho nên nói là hảo.

Hảo chiếu: có thuyết nói rằng chỗ ngồi thiền thường treo gương sáng để giúp tâm hạnh. Hoặc lấy loại đá trong suốt hiện tượng, hoặc để ảnh sáng giao nhau.

Y phục nghĩa là xúc tịnh vì thay đổi.

Trong phần mười một, đầu tiên nêu như pháp, bất trở xuống là phân biệt vật phi pháp.

Trong phần mười hai, đầu tiên chế lìa lỗi.

Nhân súc cước: giống như nay làm giường loại mặt thú chân giống chân beo.

Chư trở xuống là khai dự bị.

Mãnh là tên chung của đồ dùng.

Trong phần mười ba, đầu tiên nói về dụng cụ nhuộm y.

Thiêm thất liêm (Thiêm), dùng nọc đâm vào đó để treo áo.

Nhược trở xuống giữ gìn giếng.

Lộ trở xuống là đậy củi.

Trong phần mười bốn, khoa đầu trước nhận người khác thí. Vật chiêu đề chung cho bốn phương tăng thọ dụng. Từ Chư trở xuống là nói khai tự làm nhưng phải đúng lượng như phần thứ hai nói về phòng.

Luật trở xuống là chỉ rộng tức trong Kiền-độ phòng xá kia nói cách làm phòng. Nếu làm cách chướng tức phía trước che làm phòng bên trong. Làm nhà, tường, giường lớn, giường nhỏ phải để bảng, dưới đất che khắp bốn phía nhà.

Tạp vật mỗi vật bạch Phật, Phật đều nói cho phép, vì thế nói là sự sự...

Nhược trở xuống là nói tu sửa.

Khoa kế có năm tiết:

1- Nói Đức Phật tự làm. Lúc Đức Phật ở nước A-la-côn thấy cửa chùa bị hư, bèn tự mình sửa chữa lại.

2- Từ tăng trở xuống là nói làm dụng cụ.

3- Từ Tăng phòng trở xuống nói tu sửa (sửa chữa).

4- Từ kế tăng phòng trở xuống là nói Thượng tọa tự làm để khuyên người khác, sợ tự ỷ lại, dẫn nhân duyên ngài Ca-diếp làm thí dụ.

Luận Tát-bà-đa nói rằng: Ngài Xá-lợi-phất xây dựng tinh xá Kỳ-hoàn. Ngài Mục-kiền-liên xây dựng năm trăm tinh xá. Luận ấy hỏi rằng: Các đệ tử đã làm xong vì sao lại bận bịu làm các phước nghiệp?

Đáp:

1- Vì để báo đáp ân sâu.

2- Vì để nuôi lớn Phật pháp.

3- Diệt tâm của chúng sinh thấp kém, làm được chút phước nghiệp tự sinh tâm cống cao.

4- Điều phục tâm kiêu mạn của đệ tử đời sau.

5- Phát khởi phước nghiệp của chúng sinh đời sau.

6- Từ Tỳ-kheo trở xuống là nói việc làm của Đạo chúng, chữ Thượng là hướng lên.

Trong phần ba, luật Tăng-kỳ khai vẽ tường, nam nữ hòa hợp là tạo ra cảnh tượng dâm dục.

Luật Tứ Phần, đầu tiên nói nghiêm sức. Cũng không được dùng đồng như trên, trừ cảnh tượng hòa hợp của nam nữ.

A-nan trở xuống là nói thọ nhận phòng.

Nhược trở xuống là nói đất của tăng xây dựng phòng. Do đất thuộc tăng đúng lẽ phải nhường cho khách. Chiếm cứ không làm lấy đất trả lại cho tăng.

Nếu kinh doanh trở xuống là nói phải bền chắc.

Hai mươi năm là một kỉ.

Nếu làm việc trở xuống là nói thưởng cho người kinh doanh.

Chín mươi ngày là một mùa an cư.

Nếu có trở xuống là sửa chữa phòng xá.

Trong Luật nói Tỳ-kheo tự lực không thành, tục nhân cùng nhau làm, do phải hòa chúng với người thế tục, nên chế Yết-ma cho đó.

Luật Ngũ Phần nêu tên: nêu riêng làm dấu.

Luật Thập Tụng, đầu tiên nói Tăng Ni xen nhau thí. Thí không đúng pháp là lỗi của Tỳ-kheo vì không hợp với Ni.

Phi pháp thọ: Tăng Ni cũng cò lỗi nầy. Phi pháp dùng lỗi của Ni đây, hoặc có thể phi pháp thọ dụng đều thuộc về Ni.

Nhược phòng trở xuống là răn dè chủ, thuộc về tự nhậm. Đoạt một cho một là nói về người. Đây nghĩa là đàn việt còn, chỉ có thể tùy người coi sóc, không được thiên vị đem vật của mình cho, đoạt vì giữ gìn tâm thí.

Trị trở xuống là nói thưởng công, làm mới đồng như sửa chữa cũ giảm một nửa, vì công nhiều ít.

Luật Tăng-kỳ, một trước nói sửa chữa phòng hư. Tùy công nhiều ít nghĩa là sửa chữa hai năm được ở hai năm, sửa chữa ba năm được ở ba năm.

2- Kế, từ nhược trở xuống là nói sửa phòng trống, nghĩa là không bị hư hoại chỉ thiếu người thọ dụng.

3- Ba, từ nhược trở xuống là nói sửa đồ thọ dụng, nghĩa là đồ lặt vặt nhưng cũ hoặc xưa mới sửa mà thôi.

Một thời là đồng chín mươi ngày nói trên.

## THIÊN GIẢI THÍCH ĐỐI THÍ

Đối thí người năng thọ, chung cho năm chúng. Thí là vật sở thọ, gồm bốn việc kia, hưng trị là trí năng quán, ba độc là lỗi sở trị, nhưng người xuất gia an nhàn thong thả không thể không tính công nhiều cày ruộng, chăn tầm. Bốn việc tư duyên đều do tín thí. Vả lại, áo mặc nơi thân, cơm ăn trong miệng không đúng thời thì không nên thọ nhận, nếu tùy sự đối trị thì mới phát sinh được điều lành ở đời. Nếu buông lung

tham nhiễm thì bị đọa lạc chốn u đồ. Xét một môn nẩy rất tâm yếu. Tự mình không có trách nhiệm về ý thức siêu việt mà nêu bổn hoài xuất gia thì phải đối diện ngàn núi, thước tấc mà dài muôn dặm.

Trong phần trình bày ý:

* Khoa đầu văn có bốn tiết:

1- Hai câu trên nêu căn bản của phước đạo.

Phước là nghiệp lành, quyết phải từ thắng cảnh mà sinh, vì thế gọi là ruộng xuất tịnh, ruộng có ba thứ:

- Tam Bảo là ruộng kính.
- Cha mẹ là ruộng ân.
- Người bệnh là ruộng bi.

Tên ruộng tuy chung, nay nói là đối thí. Nêu riêng Tăng bảo, đạo thể thanh tịnh, ít tham dục, thuận với Đạo, đây là điều trước tiên của Đạo, nói là ít tham dục, tức bốn y, mười hai hạnh Đầu-đà.

2- Từ Vi trở xuống là riêng nêu. Đầu nói câu trên do ruộng tịnh, phát tâm thí kia nên nói là duy trọng duy đa. Thọ trở xuống là giải thích câu kế. Trong cùng (tiết) là y cứ về tâm, nhiều ít là y cứ vào vật.

3- Từ đa cúng trở xuống là nói hợp pháp.

4- Từ luật trở xuống là dẫn chứng.

* Khoa kế:

1- Hai câu đầu nêu khác thế tục, ý nói thọ thí chẳng thể không có pháp. Ca-sa là tiêu chí của ba thừa, nên gọi là Thánh phục.

2- Từ có trở xuống nói thọ thí.

3- Từ nếu trở xuống nói hợp giáo.

Người thí không san, người thọ không tham, nên nói là năng sở không dấu vết, không đâu chẳng không.

Quy thằng là dụ cho pháp luật. Chữ thành âm lộn, quy là viên quy, thằng tức là pháp dây mực. Luật không thực hành thì tùy đó mà diệt, nên nói là nương vào đâu.

Như trở xuống là kết khuyên. Thiện tỉnh tức năng quán. Thời tư tức bốn việc. Có sức lực nghĩa là an thân, vô sự nghĩa là ít ham muốn, giúp cho thành đạo hạnh nên gọi là Đạo duyên, nếu chỉ lo dưỡng thân thì đây là nhân khổ mà thôi.

* Khoa thứ ba: hai chữ đầu suốt thuận nghịch ở trên.

Tham trở xuống là nêu tâm hạnh kia.

Hai câu trên là nói tham lam do tâm.

Đắm trước nên sinh tham, tiết độ thì không nhiễm. Hai câu dưới nói lên vốn không phải cảnh trước. Đây là nói mê muội tham lam không

phải do tâm tốt xấu.

Như Luận Trí Độ chép: Có một bà lão bán bánh Bạch tủy. Có một người Bà-la-môn đắm ăn no, sau không có sắc vị, do đó liền hỏi bà lão đáp:

Phu nhân nhà tôi, ở chỗ kín sinh mụt nhọt, dùng nước bột gạo, sữa, cam thảo truyền vào đó. Ung nhọt chín muồi, máu huyết chảy ra đem hòa hợp làm bánh. Nay phu nhân tôi bệnh đã bớt, do đây bánh không có mùi vị, người Bà-la-môn nghe vậy liền ói ra.

Túng tâm nghĩa là tham đắm, y cứ về trí tức đối trị.

Sở trở xuống hai câu kết nêu nhân quả. Thiện ác là nhân, thăng trầm là quả.

Tấc lòng bên trong đều nói ở tâm, nghĩa là tâm tức bốn tấc lòng thân.

Thị trở xuống là răn nhắc, thời duyên là sự cung kính.

Thâm cương: hoặc y cứ về khoa tội, hoặc dụ cho đường khổ.

* Khoa thứ tư:

1- Dụ tham độc rất mạnh.

2- Từ nhược trở xuống là nói pháp đáng cấm chế.

3- Ký trở xuống là nói thân tâm trái nhau.

4- Đản trở xuống là nêu thế tục để ví dụ.

Chín lưu gồm:

1- Nho lưu (Thuật đạo của chánh tông Trọng Ni đời Đường, đời Ngô.

2- Đạo lưu.

3- Âm dương lưu.

4- Pháp lưu (Nói thưởng sắc, pháp giúp cho việc lễ chế).

5- Danh lưu (Chánh gọi là liệt vị, nói thuận sự thành).

6- Mặc lưu (đời Thanh tông tự dưỡng lão thi ân).

7- Tung hoành lưu.

8- Tạp lưu (kiêm Nho mặc, gồm danh pháp, biết đại lễ quốc sự không đâu chẳng thông suốt).

9- Nông lưu (khuyến khích cày ruộng, chăn tằm để cho đầy đủ lương thực).

Sách của thế tục không nêu ra chín loại này. Đây là nói thế luận còn như vậy, trong Đạo không làm được như vậy.

Trong Nghiệp Sớ dẫn luận Ngữ rằng:

1- Văn không có nói về thuốc men, ẩn trong phần nói về thức ăn, hoặc có thể thức ăn bao gồm bốn thứ thuốc, lìa bỏ phòng nệm.

2- Nêu như văn. Đây là dùng trí chuyển cảnh trở lại hàng phục cuồng tình. Tích trượng là dụng cụ để đi khất thực, vì thế nêu trong phần thức ăn. Như giống như là thái.

Trong phần nói hòa hợp nghĩa là đất, gỗ làm thành. Nãi trở xuống tức nói về ngọa cụ. Tác trở xuống là tổng kết đoạn nêu danh ở trước.

Có thể vui tức hạnh viễn ly, là nhân giải thoát. Nhược trở xuống là khen người.

Nói như Phật pháp nghĩa là rõ suốt, tham đắm là luống dối, xa lìa luống dối thấy được tâm thanh tịnh. Lại hiểu tâm tham vô ngã vì tánh nó vốn không, lại biết như huyễn vì tướng vốn không. Lại biết không có cảnh vì chỉ có thức. Do đây quán sát, Thánh hạnh xuất ly là pháp chân thật.

Trong phần bốn, đầu tiên nêu khổ hiện tại để so sánh. Văn nêu sáu việc, tức ngoài bốn việc lại thêm lễ kính và cúng dường.

Trong luật, trước nêu hỏi các Tỳ-kheo rằng: Ông cho rằng thật do đồng nóng quấn thân, làm y thiêu đốt thân hình. Ông thà mặc áo thiện nam, tín nữ chăng?

Tỳ-kheo đáp rằng: Con thà mặc áo thiện nam, tín nữ.

Phật quở trách rằng: Ông là người ngu si, thà dùng sắt nóng quấn thân làm cháy rụi thân hình. Vì sao? Vì không do đây mà đọa vào ba đường ác.

Phần năm còn lại cũng giống như vậy. Vì văn nầy tóm lược, sau gồm nêu lý do. Nhược trở xuống là nói phi pháp, vọng thọ tướng nhân quả. Tâm không có đức nên nói rằng bên trong trống không. Thân ra vẻ oai dung nên nói hiện bên ngoài.

Thị trở xuống là khuyên tu. Ba câu đầu là khuyên đúng như pháp mà thọ trì. Bốn câu dưới nói tự mình và người được lợi ích. Chỉ trong các văn là chỉ quả báo ở trước. Kia nói: Tỳ-kheo Tăng Hộ đi bên bờ biển thấy các ngạ quỷ chịu khổ.

Điều 56, trong đó phần nhiều là vào thời Phật Ca-diếp, các Tỳ-kheo vọng thọ của tín thí, vì dung phi pháp vật của tăng nên chịu quả báo nầy. Kinh có một quyển tìm xem sẽ rõ.

Sau chỉ pháp đối trị, có trong các văn, đại khái giống như trước, vì thế không phiền dẫn ra đây.

Trong phần ba: Muốn nói quán pháp kinh luận rộng khen dạy. Ý khiến vâng tín không thể tạm quên. Vì thế nói: lập quán có giáo.

Luận Trí Độ, trước nói kết nghiệp, sau nêu quả báo đời sau. Trùng là báo riêng, nước đồng sôi là báo chung.

Luật Thập Tụng nói tồn mạng tức kinh Di Giáo nói rằng: Thú được chi thân để trừ đói khát không có ý khác.

Già luận nói trong kho trong xuất địa nghĩa là gieo hạt giống rải xuống ruộng.

Phẩn niệu hòa hợp nghĩa là vun bồi cho ruộng.

Luận Tỳ-ni Mẫu nói lợi căn nghĩa là nhiếp tâm thành thục, vì thế việc nào cũng quán sát không. Độn căn thì ngược lại vì không có lực phần. Nay phần nhiều trước khi ăn phải tác quán, hễ theo pháp độn không ngại bậc Trí sĩ, tự thông trước sau. Trong Phật tạng, trước dẫn sự nghi, chánh là dùng pháp quán thức ăn.

Trong phần nói chung của môn thứ tư, trước nêu bốn việc. Năng trở xuống là nêu bày đúng sai. Trên nói lợi ích của sự đúng pháp. Nhược trở xuống là nêu sự tổn hại của sự phi pháp, phi giống như trách.

Sau dẫn kinh Niết-bàn chứng đồng phi pháp như trên, giảm ít nghĩa là được phước không nhiều. Vô báo nghĩa là đều không có lợi ích.

Khoa kế, hai câu đầu tiếp trước khởi sau.

Nói đẳng đồng nghĩa là bốn việc trên đều giúp thân. Vì thế, nói về phòng xá, y và thuốc ba việc ít dùng, thức ăn thì dùng nhiều.

Phật nghĩa là đối cảnh khởi tâm.

Thực trở xuống là chánh nói về lỗi của việc ăn uống. Đều là nêu lỗi. Chính dụ như lý. Nhưng nói khó nghĩa là hoặc y cứ vào văn nay lập pháp, hoặc đối cảnh khuyên tu, hai ý đều chung. Nhược trở xuống là khuyên. Đầu tiên là chánh khuyên, phu trở xuống là nêu lỗi. Cố trở xuống là dẫn bày sách tấn.

Tâm phủ: không khiến cho buông lung biếng nhác. Cải tiết tháo nghĩa là đổi thói quen xưa. Loài trùng thác sinh phần nhiều là nương chỗ dơ uế, ở những tảng đá sạch hay chỗ sạch ít thấy chúng sinh, đây là y cứ về báo xứ để hiển bày túc nhân.

Trong phần chánh nêu, câu đầu của khoa đầu là nêu phân biệt, câu kế là hiển ý. Đạo tức là đường. Lược trở xuống là nêu xuất xứ của pháp. Muốn nói cách quán, trước tiên phải biết đại cương.

Năm là cảnh sở quán. Quán là tâm cảnh năng tư. Sự là sai khác, lược nêu năm món. Tâm quán gồm thông, không đâu chẳng yểm trị. Dùng chung suốt riêng, năng sở hợp xưng nên gọi là năm quán. Song tâm tùy cảnh khởi vì cảnh lập tâm sáng. Nay luận quán chỉ phân cảnh trước, cảnh tuy có năm gồm thâu thành ba:

1- Quán thức ăn.

2- Quán thân.

3- Gồm quán tâm.

Từ sơ đến thân, cách quán thứ lớp. Hễ khi gặp cúng thí trải qua quán năm cách nầy, vọng tình dần dần hàng phục mới có thể dùng. Không như vậy thì sẽ bị độc tức là nhân dơ uế, bị đọa trong ba đường trọn vì thức ăn nầy, có thể không dè dặt ư? Đầu tiên quán thức ăn có hai, hai câu phân ra. Hai chữ kế lượng tức quán trí. Luận Trí Độ chỉ nói tính công một cảnh. Câu đầu là nêu tâm năng quán. Khẩn trở xuống là nêu cảnh sở quán, lại có ba:

1- Quán công sức, nghĩa là khai khẩn cày bừa, gieo trồng.

Trừ cỏ là cỏ dơ uế.

Thu hoạch là gặt lúa.

Hoạch âm hoạch,

Nhu trị tức dẫm ngũ cốc.

Nhu âm là nhum, hoặc là thượng hô.

2- Tu trở xuống là quán biến uế, vừa nhập sinh tạng là dơ uế. Kế nhập thục tạng tức thành phẩn niệu.

3- Từ ngã trở xuống là quán lai báo. Cố trở xuống luận gia kết khuyến.

Luật Tăng-kỳ nói đủ hai cảnh, câu đầu gồm nêu, kế trở xuống là nêu quán. Hai câu đầu quán công, văn nêu một mặt, dùng ít so sánh nhiều. Hai câu kế là quán chỗ đem đến. Câu cuối là khiển trách phí tổn.

Trong phần hai nêu lên nghĩ kỹ, cũng tức là quán trí. Đây nghĩa là lượng chỗ tu hạnh nghiệp của mình, tức hạnh nghiệp nầy là cảnh sở quán.

Luận Tỳ-ni Mẫu nói đủ năng sở có hai người. Ý nêu chỗ cúng thí không có đức thì không thể kham thọ.

Đầu tiên là phân biệt đức nghiệp nêu đủ ba thứ: Thiền tụng là tự hạnh, doanh sự là lợi thức ăn, ba nghiệp là ba thứ trên.

Tỳ-kheo trở xuống là răn dè tiết lượng, có ba:

1- Y cứ về hậu báo mà khuyên. Văn nói thức ăn của mình thì không bị đọa. Ý nói lên Tỳ-kheo không có thức ăn của riêng mình.

2- Từ hà trở xuống là nêu ý chế tiết cần phải vâng theo.

2- Y cứ về phá hủy để khuyên. Nói năng thọ năng tiêu, trái lại nói phá giới đều không thể được.

Quả báo ít là y cứ có mà nói, hoặc lại thì không. Trong phần chú thích, câu đầu kết trên, câu sau chỉ trước, tức văn của luật Tứ Phần trong môn thứ hai.

3- Từ túc trở xuống là y cứ về sinh hoạn để khuyên. Trong phần ba nói ngăn ngừa. Tâm năng quán nầy tức là sở quán, đây là căn bản của cách quán. Trước sau bốn quán chỉ là phòng tâm, cho nên trong phần xứ để gồm trước sau.

Trong phần dẫn nêu, đầu tiên là gồm nêu. Người xuất gia là gồm thâu năm chúng. Trước sau nêu riêng. Đầu là lỗi tướng. Phải trở xuống là nói lìa lỗi. Phần ba trong phần đầu nói không có tâm lành như văn.

Kế là nêu, trong phần nói về tham có bốn:

1- Tham sự buông lung.

2- Cống cao.

3- Đắm trước sự ham muốn.

4- Ngu si.

Ba- chấp về dụng mạo sáng sủa.

Bốn- y cứ vào cơ thế tráng kiện không xen lẫn nhau.

Thích là vui vẻ. Túy là hôn mê, chấp dụ như có, thiện là tên chung của việc ăn uống. Phàm đối với thức ăn đó, mắt không nhìn kỹ, tâm không cố chấp, nên nói là không phân.

Si thuộc về xả thọ nên nói là si xả.

Sơ trở xuống: do ở trước nói Thượng thực, chưa rõ quả tướng, vì thế ở đây nêu lên.

Câu cuối hiển bày lược.

Kế trong phần lìa lỗi, đầu tiên là nêu bày.

Ba thiện là nhân, ba đạo là quả.

Vị trở xuống phối hợp văn giải thích.

Hai từ lược trở xuống. Nên nói rằng: Hạ thực không sân sinh trong loài người, thực không si sinh loài A-tu-la. Trong phần bốn, đầu tiên là gồm nêu:

Chánh là lựa không có ý khác. Sự giống như dụng. Chánh là muốn sự đồng uống thuốc là để trị bệnh cho thân mà thôi.

Vi trở xuống là giải thích riêng, đầu tiên đối với hai bệnh. Bệnh nghĩa là thường có, cũng gọi là chủ bệnh, vì là thường còn.

Kế trong phần nói hai thí dụ. Đầu từ như trở xuống là dẫn, chữ cao khứ thanh.

Kế là nêu kinh Niết-bàn.

Trong phần năm có ba:

1- Cần phải ăn là để nương duyên đạo. Đoàn thực cũng gọi là đoạn thực.

2- Mượn thân: thành đạo khí.

3- Tu ba món vô lậu học chánh là hiển bày đạo nghiệp, sau văn dẫn rất dễ hiểu.

Giữ gìn Phật tạng ở đời đều là kinh Đại Thừa, kinh tức là vọng chấp, đảo là bốn đảo:

- Vô thường chấp là thường.
- Không vui chấp là vui.
- Vô ngã chấp là ngã.
- Bất tịnh cho là tịnh.

Trong phần năm,

1- Bài kệ trong kinh Hoa Nghiêm: câu đầu là gặp cảnh. Ba câu sau là khởi tâm. Sở thí là Tăng, nguyện là Phật, pháp. Tam bảo đầy đủ.

2- Năm phần tăng, kế y cứ vào chí nguyện lực kia có thể được chăng. Như kinh Niết-bàn chép: Sau khi ta diệt độ, phần nhiều vì sự ăn, mặc, vì thế người xuất gia không nên mặc ý thọ sự cúng thí.

3- Luật Thập Tụng nói là thỉnh pháp. Đầu tiên nêu oai nghi. Im lặng là miệng, nhất tâm là ý, tịnh trì v.v... là thân. Ưng trở xuống là nói pháp quán có ba:

- Quán công sức từ nơi nào đem đến.
- Từ đương trở xuống là quán biến thành dơ uế. Thức ăn ở ruột non chưa biến đổi gọi là sinh tạng, sau biến đổi là phẩn tiểu gọi là thục tạng.
- Do trở xuống là quán sự duyên. Nghĩa là kinh doanh nhiễu loạn phát khởi ba đường.

4- Dẫn nhân duyên trong luận, người nghe đủ để tự soi chiếu mình.

Rắn hóa sinh, nghĩa là loài súc sinh chung có bốn cách sinh. Diên nghĩa là duỗi ra cho dài.

Bốn đẳng là Từ, bi, hỷ, xả bình đẳng lòng từ nhiếp hết. Độc không thể tăng thêm nên dùng đây để quán.

5- Đầu dẫn luận Tỳ-ni Mẫu. Trải qua sự sinh niệm để nói thọ tụng, không phải đắm chìm theo cái vui thế gian.

Kế là dẫn người truyền, chưa rõ văn nào hoặc có thể bình hô tác tướng truyền giải thích.

Ba muỗng và rau tức phát ba tụ và bốn hoằng thệ nguyện rộng lớn. Chỉ hai, bốn khai hợp khác mà thôi.

Chỉ như trở xuống tức trong phần thỉnh.

Trong phần sáu, luật Tứ Phần trước dạy tiết lượng.

Hựu trở xuống là nêu lợi ích. Khổ tức là bệnh, trong kinh Tăng

Nhất A-hàm, đầu tiên là nêu lỗi. Cố trở xuống là dẫn sự răn dè. Trong bài kệ, pháp dụ rất dễ thấy.

Trong phần bảy, kinh ấy nói vì có bổn quốc của Ca-chiên-diên có vua tà kiến. Đức Phật sai Ca-chiên-diên đến đó để giáo hóa. Nhà vua cúng thức ăn dở cho Ca-chiên-diên rồi sai người hỏi: có vừa ý chăng?

Ca-chiên-diên đáp: Thức ăn no đủ vừa ý.

Sau nhà vua cúng thức ăn ngon, cũng cho người hỏi thì Ca-chiên-diên cũng đáp như lần trước.

Sau đó, nhà Vua tự hỏi: Ta đã cúng thức ăn cho Ca-chiên-diên, bất luận ngon dở, Ca-chiên-diên đều trả lời là no đủ là sao?

Ca-chiên-diên liền dùng kệ đáp, như trong lời sao đã dẫn.

Về sau, nhà vua cúng cho ngoại đạo hai thức ăn giống như trước, người ngoài đạo nẩy sinh tâm tức giận và ưa thích. Vua bèn sinh lòng tin đối với Ca-chiên-diên. Vì thế nói là nghiệm biết, v.v...

Trong bài kệ, hai chữ đầu là pháp. Như trở xuống gồm thí dụ.

Phàm xe thì phải có dầu mỡ ở hai đầu trục ngang, chỉ lấy ý là làm cho trơn dễ vận chuyển, không phân biệt dầu mỡ thơm hôi.

Trong phần tám, van trong kinh:

1- Nói thượng hạnh.

Nói “hạ cực biên”: vì không có lỗi. Đây là trông mong thế gian nên nói là cực hạ. Như đối với Thánh Đạo thì là tối thượng nên gọi là thượng hạnh, cũng gọi là Thánh chủng.

2- Từ bỉ trở xuống nêu hai căn.

- Thượng căn. Tộc tánh tử nghĩa là giòng họ cao quý. Vi nghĩa tức ở sau nói nhàm chán họa sinh tử, thọ nghĩa là kính tin.

- Từ nhược trở xuống là Hạ căn.

Tư dục là ba thứ suy nghĩ bất thiện trong kinh nói.

Không khéo suy nghĩ nghĩa là suy nghĩ năm món dục, suy nghĩ sân độc và suy nghĩ dối trá, v.v...

Trong phần kết, câu đầu là khuyên tu, hai câu sau là răn dè, khuyến khích.

Tùy được nghĩa là thọ thực. Tùy mất nghĩa là mất chánh niệm.

Bị độc đoạt nêu lý do mất, do độc quá mạnh niệm không thể thành, cho nên trong bộ luận Tỳ-ni Mẫu nói: Nếu không như vậy sẽ bị quỷ La-sát đoạt. La-sát dụ cho ba độc, nhưng họa của miệng và bụng là độc, vừa khởi niệm ưa thích thì liền chuốc lấy tai ương nhiều kiếp. Nên biết ba độc là ba đường ác, phải đối với sự việc mà ngăn ngừa tâm, chẳng những làm thân lý bạt, vì thế Nghiệp Sớ chép: Bậc Đại trượng

phu không thể gây ra lỗi lớn, huống chi là chỉ một miếng ăn vào miệng mà phải bị chìm đắm ư?, cái gọi là rất yếu hèn.

Lời dạy của Đức Từ phụ rất là âu xa, than ôi! Người học sao lại tự khinh mình.

■

# TỨ PHẦN LUẬT HÀNH SƯ SAO TƯ TRÌ KÝ

## QUYỂN HẠ
## (PHẦN 3)

**THIÊN GIẢI THÍCH ĐẦU ĐÀ.**

Đầu-đà là tiếng Phạm, giải thích ở sau. Đây là danh xưng cao quý của bậc Đạt sĩ, là danh từ khen tặng của bậc Thượng đức. Thế tục không biết chỉ theo danh xưng mà không hiểu rõ sự thật.

Hô đoãn cân vi đạo: gọi cạo tóc là đầu đà.

Người có đạo biết hổ thẹn, danh thật đều táng mất. Bỗng ôm trong lòng sự hiểu biết sâu xa, đây thật là chánh danh.

Trong phần nêu ý:

Khoa đầu có hai:

1- Trình bày căn cơ.

2- Từ thị trở xuống là hiển bày giáo.

Trong phần một: hai câu trên nêu đức, hai câu dưới là khen công. Báo là chỗ chiêu cảm của nhân đời trước; hành là chỗ tu hiện đời. Tinh nghĩa là mầu nhiệm. Khiết nghĩa là thanh bạch.

Siêu chúng lụy nghĩa là gần thì dứt bặt dục trần. Xa thì cởi mở sự ràng buộc trong các cõi.

Tủng là nói về tướng mạo của núi cao, khác với bực trung, hạ, nên nói là bất quần.

Trong phần hiển giáo, hai câu đầu chỉ chung một đời. Như trở xuống là dẫn kinh luận Đại thừa, Tiểu thừa. Cố trở xuống là nêu riêng Luật tông. Hai câu trên là y cứ chế giáo phản hiển.

Nói phàm chỗ chế: tức là chỉ chung y, thực, phòng xá, thuốc thang, v.v... Do đó, các giới phần nhiều là hạnh Đầu-đà đây nêu lỗi mà chế.

Phàm trở xuống là dẫn Thính giáo thuận rõ. Như trong giới hai phòng rộng nói mười hai hạnh Đầu-đà. Và giới y dư do có sáu mươi vị tu hạnh Đầu-đà đến chỗ Đức Phật, Đức Phật liền khen ngợi, do đây mà cấm chứa thức ăn. Do khai chế Trung hạ, sợ kia buông lung biếng nhác, vì thế trước khen bực Thượng hạnh, ý khiến cho biết hổ thẹn, ý chỉ kính

mến sự cao ngạo.

Dục trở xuống là nêu ý dạy.

Biếng nhác khách nhiễm trần đều họi là tài năng của bậc trung hạ.

Biếng nhác là kiêu mạn, tức thuộc về kết hoặc, nhiễm trần là dục, tức thuộc về nghiệp phi. Thiền định phá kiêu mạn, giới dứt được ham muốn. Định phát tuệ, ba món học vô lậu đầy đủ. Định thì nhiếp tâm phòng ngự vì thế dụ như ngôi thành. Giới thì thứ lớp nhập đạo cho nên dụ như giai cấp. Giai là thềm.

Trong phần dẫn chứng, Luận Trí Độ, đầu tiên nói ý Phật khen ngợi, Đạo hạnh chung cho ba thừa Thánh Đạo. Thế lạc tức nhân khổ của năm dục.

Bốn y theo hạnh Đầu-đà là căn bổn chế, vọng chế khai giáo, cho nên nói là bổn.

Có trở xuống là nêu khai cho.

Nói nhân duyên là căn cơ trung và hạ, y, thực, phòng xá, thuốc thang bốn món khai giáo đều có duyên.

Bất đắc dĩ: không phải ý của Phật.

Việc khác: chỉ chung tất cả thính giáo.

Trong phần chia chương, hai phần trên chỉ hạn cuộc bổn bộ. Ba là hiển bày bộ khác. Bốn là nêu hạnh khác.

Trong phần giải thích tên, luật Thiện Kiến, hai câu đầu là dịch tên.

Đẩu Tẩu là nêu bỏ vật khiến cho hết không còn, từ thí dụ mà đặt tên.

Vị trở xuống là giải thích nghĩa. Phiền não là hoặc. Dính mắc là nghiệp. Trong kinh Thánh Thiện, kinh kia dưới chữ Thiên tử có chữ sở vấn. Kinh chỉ nêu nghĩa, có chút ít hợp với tên luận. Đầu tiên nêu hình tướng. Đẩu tẩu là trí năng trị. Dục, sân nhuế, si là phiền não sở trị.

Mỗi thứ luận riêng: kia chép: phủi sạch sáu nhập trong ngoài (sáu trần là ngoài, sáu căn là trong). Nay gồm sao chép cho nên chỉ bày.

Kế, từ hựu trở xuống là khen tu thuyết. Đầu khen tu nên nói là năng thiện. Như thị trở xuống là khen thuyết. Không lấy không bỏ nghĩa là đối với pháp lìa hai chấp có và không. Không tu nghĩa là không chấp chỗ tu hành.

Không: nghĩa là không chấp chỗ chứng đạo.

Luận kia chép: không có một chút pháp nào để chấp, đã không có chỗ chấp thì không có chỗ xả.

Lại không có tự tha hai người tu thì không có chỗ chứng (không thấy tự mình tu, khôngiới thấy người khác tu).

Trong phần hiển bày đức: Khoa đầu dẫn văn có năm. Trong kinh Tăng Nhất nói thủy tán đồng Phật, là ý muốn nói sự quan trọng của tổn hại và lợi ích.

Do trở xuống nêu lý do quan trọng.

Trong Thập Luân y cứ kia chính là bài kệ bảy chữ. Nay chép câu thứ tư trở xuống là nhiều chữ số. Sợ người sau vọng thêm vào, văn kia chỉ quở trách phá giới. Do phá giới cho nên mất hạnh Đầu-đà thì nêu lỗi nặng của phá giới. Câu đầu là nêu lỗi, câu kế nói lỗi nặng nghĩa là đồng năm tội nghịch.

Phật không cứu trở xuống hai câu là dẫn chứng.

Không nhập chúng: tức trong hai bộ tăng, đây là y cứ phạm thiên đầu mà nói.

Trong Kinh Hoa Thủ nói từ nhượng, kinh ấy chép: Ta thấy Thánh Vương còn cho là khó, huống chi được phân chia giường ngồi chung với nhau. Nay ta được thấy gần gũi mời thỉnh đã là đại lợi, huống chi thấy thân mang cùng ngồi chung trên giường, đây rất là ít có, Đức Như lai rất từ bi hỷ xả. Trong kinh Tạp A-hàm duyên khởi cũng giống như đây chỉ thêm đổi ý, xưng tán là khác.

Kinh ấy chép: Đức Phật ngự tại Kỳ-hoàn, các Tỳ-kheo thấy Ca-diếp đắp y thô xấu đi đến, liền khởi tâm kiêu mạn. Đức Phật liền đổi y để dứt tâm kiêu mạn kia. Do thực hành khổ hạnh, Đức Phật còn tôn kính thì biết công đức nầy rất cao quý.

Tứ Phần là văn Kiền-độ, luật ấy chép: Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, bảo các Tỳ-kheo rằng: ta muốn ba tháng tịnh tọa tư duy, không để cho người ngoài vào, trừ người cúng dường. Các Tỳ-kheo lập chế: nếu có người nào vào thì phải sám hối tội Ba-dật-đề. Bấy giờ, Trưởng lão Hòa Tuyên Bạt-Xà-Đà Tử và sáu mươi vị tu hạnh Đầu-đà ở nước Ba-la không dùng, các Tỳ-kheo đều đến chỗ Phật, Đức Phật khen lành thay lành thay! Hòa Tuyên các thầy, đây đều là chốn A-lan-nhã, được tùy ý hỏi thăm. Các Tỳ-kheo nghe rồi phần nhiều tu tập hạnh Đầu-đà, cho đến xả bỏ y dư rất nhiều, cho nên biết ít muốn lìa nhiễm, tùy thuận lời Phật tức cúng dường Phật.

Trong phần nêu bày lợi ích, luận nói tu mười hai hạnh Đầu-đà đều có đủ mười lợi ích. Vả lại, chỉ nêu một món A-luyện-nhã để nêu nhiều lợi ích. Cố chí trở xuống văn nêu tướng không dẫn lại.

1- Nêu bày. Nói lược thuyết nghĩa là nói không hết. Nói tận hành

nghĩa là nói thời kỳ chính yếu.

2- Nêu tướng:

1- Thân không sở thuộc.

2- Không bị vật ràng buộc.

3- Không bị ngăn trở.

4- Trung luận nói: Tâm chuyển lạc tập A-luyện-nhã hoặc trụ xứ, nghĩa là tâm ưa thanh tịnh càng thêm cao quý.

5- Không có chỗ mong cầu.

6- Không trụ xứ, không sợ dệt để nêu bổn chí.

7- Lìa chỗ ồn náo.

8- Do thuộc chỗ thanh nhàn vắng lặng không chỗ làm.

9- Hễ tư thiền định thì phải nương duyên thanh tịnh.

10- Tưởng vô ngại nghĩa là "Tam-muội không", luận nói đây là tác tưởng vô chướng ngại.

3- Từ nhược trở xuống là nêu duyên khai. Có nhân duyên, luận nói có mười trường hợp:

1- Cung cấp cho người bệnh.

2- Vì người bệnh mà xin thuốc thang.

3- Vì chăm sóc người bệnh.

4- Nói pháp cho người bệnh nghe.

5- Nói pháp cho người nghe.

6- Nghe pháp giáo hóa.

7- Cúng dường vị Đại đức.

8- Cúng dường Thánh chúng.

9- Vì đọc tụng kinh.

10- Khiến người đọc tụng kinh.

Có thông cuộc là y cứ vào duyên có, không. Ngoại đạo chế không khai cho nên không đồng.

Sau chỉ phẩm kia, văn có trường hợp mười ba, mười bốn.

Trong phần phân biệt, đầu tiên nêu tên lạm chung. Lan trở xuống là phân biệt hạnh thông cuộc, nghĩa là hai hạn cuộc mười thông.

Ồn ào, thanh tịnh là nói về xóm làng và chốn lan-nhã.

Trong phần nêu số, tổng quát có mười hai không ngoài bốn vị.

1- Nêu tướng sinh, chỉ y cứ tổng số, khoa sau nêu hạnh tức y cứ vào tướng riêng.

Trong phần tướng sinh, văn đầu, trước nêu sinh khởi. Sau từ cố trở xuống là nêu hình tướng.

Trong phần trước, đầu tiên nói y ban đầu, giúp đạo giúp thân, y

thực đều như vậy. Chỉ có thức ăn thì thời hạn, y thì thường dùng nên nói là quan trọng nhất.

2- Nhược ư trở xuống là nói lên phải lập lý do. Đầu tiên nêu lỗi sai. Thị trở xuống là nêu giáo lập.

Ít muốn biết đủ là lìa sự tham cầu.

Thọ thủ có phương là hợp chế pháp. Chế pháp như ở sau sẽ nêu.

3- Khoa mỗi mỗi lập đều có xen vào phần sinh khởi ở trước, nêu tướng có hai đoạn, tìm văn có thể phân chia.

Trong phần ba nói đãng là buông lung biếng nhác. Tiết là tiết hạnh.

Chỗ trống tùy ngồi do oai nghi nói xứ có khác với ở sau.

4- Ba trước là hướng đến mà ngồi. Ngồi là chánh tu nên gọi là trợ duyên. Nếu tâm quán ngồi cũng duyên mà thôi. Buộc niệm suy nghĩ tức tu chánh quán. Trầm triền là phá hoặc, xuất yếu là chứng lý.

Khoa kế chép rằng: nêu tên mười hai món sau đều nêu đầu.

Hành thể nghĩa là mỗi mỗi hiển tướng, bày chỗ tu.

Trong phần nói về y bá nạp. Văn đầu nói xả y đàn việt: là nhiều lỗi lầm.

Mặc y phẩn tảo: đầy đủ các lợi ích.

Khoa kế, y cứ văn luận đây nêu chung hai y đều lợi ích. Song chỗ dẫn nầy chính là dùng y phẩn tảo, cư sĩ cúng y do đó kèm theo dẫn. Đối với tướng riêng của văn luật trên rất dễ thấy.

Trong mười lợi ích:

1- Do đắp y nầy không sinh kiêu mạn, buông lung.

2-

3- rất dể hiểu

4-

5- Chữ truyền lầm hợp viết thành chữ trước. Luận chép: Do nhàm lìa tâm ưa đắp nhuộm y (đắp, mặc) không tham sự tốt đẹp.

6- Ít muốn thì thuận với đạo, cầu nhiều thì làm cho điều ác thêm lớn.

7- Kiềm chế thân.

8- Xả bỏ đồ trang sức.

9- Luận nói: Thuận theo tu tám Thánh Đạo để lìa tà cầu thuận chánh mạng.

Luật Thập Tụng nói do mặc (đắp) y nầy được sách tấn siêng năng, không nhiễm thế gian.

Luận tổng kết rằng: thấy mười lợi ích khi đắp hai y này, cho nên

mười lợi ích nầy không chuyên về y Phẩn tảo để y cứ mà nói.

Y Phẩn tảo có mười lợi ích:

1- Không vì y mà hòa hợp với người tại gia.

2- Không hiện tướng xin y.

3- Cũng không phương tiện nói để được y.

4- Không cầu xin khắp bốn phương.

5- Nếu không được y cũng không lo buồn.

6- Được y cũng không vui.

7- Khinh thường vật không có lỗi hoạn.

8- Không trái với pháp bốn y ban đầu.

9- Xếp vào trong số y thô (xếp vào y phẩn tảo trong hạnh Đầu-đà).

10- Không phải là người tham đắm.

Trong phần ba, kinh ấy chép: Phật bảo Ca-diếp Sa-di Châu-na lượm được y phẩn tảo, đem đến ao A-nậu-đạt để giặt cho sạch, các vị trời từ xa trông thấy đều đảnh lễ, lấy nước giặt y này để tắm gội (Nghiệp Sớ nói rằng vì tâm thanh tịnh). Tiếp đó có một ngoại đạo đem tấm bện bằng bông đến giặt, các vị trời từ xa ngăn chớ làm dơ uế nước trong ao đó (Sớ rằng: do tà mạng mà được thể bất tịnh). Y phẩn tảo này đều là những mảnh vải vụn rơi rớt của người đời bỏ, lượm kết may làm pháp y.

Muốn cho tiết kiệm ít ham muốn, phải nghĩ ngoài một y Bá nạp này không còn vật gì nữa. Thời nay, chúng tăng phần nhiều làm Nạp san (áo lót nhiều thứ vải) đây không phải là pháp mục. Cắt may vải lụa năm màu, thêu thùa sặc sỡ gọi là Sơn Thủy Nạp, giá trị đến mấy ngàn bạc đây đều trái với sự tiết kiệm. Mấy năm may vá luống phí thời gian và công đức. Pháp theo thời lầm bậy, Đạo tùy sự mà dứt mất. Đây chính là vọng xưng bậc Thượng đức, xen lẫn dự vào hạnh Đầu-đà, những người hiểu biết phải rất cẩn thận.

Trong phần hai văn đầu nói xả bỏ những vật dư vì lìa lòng tham chứa để. Đắp ba y, hoặc gọi là chỉ ba y, chỉ dụ như độc nhất, vì ngoài ba y không có y nào khác.

Khoa kế, phần năm nói tế giới hạnh: lìa các vật dư, trì phụng tinh vi.

Phần sáu nói hành lai không lụy nghĩa là vì không bị vật ngăn trệ.

Tám: Tùy trở xuống y theo luận có chữ thuận, nghĩa là Lan-nhã không xứ vì ít việc.

Mười: Vì dùng tám Thánh Đạo lìa tà mạng.

Trong phần ba, khoa đầu nói ba thừa đều khất do chánh mạng đây là Thánh chủng vì bẻ dẹp tâm ngã mạn, lìa các điều ác. Tu bình đẳng nên sinh vật thiện, khiến thực hành Đàn ba-la-mật khởi đại hạnh, khiến sinh lòng từ, biết vì gieo hạt giống Phật. Bực cực Thánh còn như vậy huống chia các bực Thánh khác. Ba đời mười phương đều như vậy, đâu chỉ một cõi Ta-bà nầy.

Than ôi! Đời mạt pháp, năm trược càng nặng, ngã mạn tự cao không có tâm chánh tín, bôn ba theo thế tục. Xin bảo với các môn đồ, hoặc ỏng ẹo nơi thôn xóm, hoặc cười giỡn ở các ngã đường, hoặc làm việc buôn bán, hoặc đích thân cày bừa làm ruộng, kinh doanh các vật thế tục trọn đời không đủ.

Tự cam là kẻ thấp hèn sợ lao nhọc, có thể gọi là chỗ khinh mạn của kẻ ngu ở thế gian. Đâu biết rằng đây là diệu thuật của sự sống thanh tịnh, là pháp môn giải thoát tự tại. Trong nhân, cúng thí vô cùng, ruộng phước trong quả nào bằng. Tin là đầu mối để phát hạnh, là thềm thang đầu tiên để nhập Đạo. Đã biết muôn kiếp khó gặp, chớ để một đời luống qua. Xin tìm xem khắp trong Đại tạng, tin sâu lời Phật, hết sức vâng hành thì mới thật là Phật tử.

Khoa kế, luận có năm ý:

1- Xứ chúng nhiều phiền não, vì ăn thức ăn của tăng.

2- Làm thức ăn có nhiều lỗi.

Nói không đúng pháp hoặc mua, hoặc tổn thương tánh mạng. Hoặc ngủ nấu, ác xúc, cho nên không thanh tịnh.

3- Ràng buộc thuộc nhiều phiền hoạn, ép ngặt, nhan sắc mạnh mẽ. Sắc không an theo ý nên tâm không an.

4- Thuận hành bốn y. Đầu nêu chế ý, thọ trở xuống là bày sự tổn hại và lợi ích. Đầu tiên nêu sự tổn hại của thọ thỉnh. Nhược trở xuống là nói lợi ích của việc khất thực. Kiêm vị, kiêm nghĩa là tôn trọng.

5- Từ hựu trở xuống tức sự nêu pháp.

Nói vô tận nghĩa là biển lớn Phật pháp không có thỉ chung (đầu cuối).

Trong phần ba, khoa đầu trước nói pháp trong chốn A-lan-nhã. Đắp y, cầm tích trượng đi, v.v... tức là thân nghiệp. Tư duy tức là ý nghiệp. Thấy người hỏi thăm, v.v... là khẩu nghiệp.

Đả lộ trượng nghĩa là nhờ cây trượng biết được cách trên cỏ vì sợ sương, mốc ướt y. Hoặc nói rằng cầm tích trượng, trùng thú sợ.

Nếu gần trở xuống là thứ lớp vào xóm khất thực, có sáu pháp:

1- Pháp đắp y.

2- Từ chí trở xuống là cách nhìn. Đến môn thứ bảy, do luật chế pháp không quá bảy nhà. Nếu theo luận Tát-bà-đa thì có ba trường hợp thứ lớp khất thực.

- Đến một nhà được thức ăn, ăn không đủ thì thôi.

- Thứ lớp đến bảy nhà được thức ăn, ăn không được cũng thôi.

- Thứ lớp từ nhà này đến nhà khác ăn đủ thì thôi, không hạn lượng nhiều ít. Ngày sau khất thực trở lại theo thứ lớp đầu tiên. Y theo đây tùy người nêu ý thọ hành khác nhau nên không có chế nhất định.

3- Từ hữu trở xuống là pháp chánh khất thực. Bên đường vì nêu sự nhún mình. Thứ lớp vì không phân biệt nhà giầu, nhà nghèo, y cứ ở sau trừ các nhà có chó dữ, trâu dữ. Trong kinh Lăng-nghiêm nói rằng: Ca-diếp bỏ nhà giàu đến khất thực nhà nghèo. Tu-bồ-đề bỏ nhà nghèo đến nhà giàu, đều bị Đức Phật quở trách là không bình đẳng.

4- Từ nếu thế tục trở xuống là pháp thọ lấy. Đón lấy nghĩa là thấy người khác đem thức ăn đến thì đến trước họ mà đón nhận, do trái với tướng tôn trọng nên không chế không được.

5- Từ nếu trở xuống là phép quán thời gian.

6- Từ được ăn trở xuống là pháp tác niệm. Y theo sau phải giữ lại phần của giặc, hoặc nghi giặc cướp đoạt, không tưởng của mình, cũng có chút ít lòng tham.

Nhấn đến trở xuống là nêu tụ pháp, như trước tiến phủ, đồng với nghiệp hành ở trên.

Khoa kế nói không được nói v.v... là vì lìa tà mạng, tại hiện xứ là khiến cho người khác thấy.

Mặc nhiên lập: không cầu, tự xả, được phước nhiều.

Trong phần ba, nói ba tạng môn là nói theo có. Trong đây nhà thế tục không ưa vào, chỉ ở ngoài bức rèm ngăn che để tránh sự chê bai.

Búng ngón tay ba tiếng là khiến cho bên trong biết, nay hoặc rung tích trượng để thay thế búng ngón tay càng tốt.

Không tiện đi nghĩa là chậm lại đợi thí chủ ra, nếu không ra mới đi.

Trước tiên ăn thức ăn nấu chín vì không bị tổn hại.

Trong phần bốn, nêu lợi ích gồm:

1- Thân được tự tại.

2- Vì để khuyến hóa việc tu hành.

3- Khởi niệm lợi ích cho người khác.

Sinh tâm từ biết nghĩa là thương xót người khác san tham bỏn sẻn

ít phước đức.

Luận kia chép: Ta phải siêng năng tu hành tinh tấn (Hành khất không biếng nhác), khiến khéo trụ tâm bố thí (phát khởi đại hạnh), khởi tưởng mình chính là thức ăn (tác niệm).

Trong phần năm nói dễ đầy đủ, dễ nuôi dưỡng nghĩa là một bát liền no đủ khắp thân phần.

Trong phần sáu nói sinh nghiệp là vì khất thực ít nhất.

Tức kinh chép: tự thấy như vậy, nếu khởi tâm kiêu mạn sẽ mau bị tiêu diệt là ở đây.

Trong phần bảy nói là hộ thắng quả. Trong ba mươi hai tướng tốt của Chư Phật, tướng vô kiến đảnh là bậc nhất. Trong nhân là một người hành khất thấp hèn mà cảm được tướng nầy cho nên nói là gốc lành.

Tám là hướng dẫn người khác.

Chín là ít việc.

Mười là lìa tâm phân biệt vì nếu thọ nhận sự cúng thí riêng thì có tâm thiên vị.

Trong phần năm, tiếng Phạm là Phân vệ, Hán dịch là Đoàn đọa. Do ở Tây Trúc phần nhiều là đoàn thực, cơm đựng trong cái bát.

Luận nói: khất thực nêu sự hiển bày.

Trong phần sáu, có ba:

1- Dẫn chuyển thí để răn dè việc ăn một mình.

2- Dẫn đường xa để răn dè từ chối việc mệt nhọc.

3- Dẫn gặp nạn để răn dè việc khinh động.

Văn trong luận nêu ba mươi ba việc. Luận ấy chép: Đức Phật độ năm trăm Thích chủng sợ gần gũi người thân dễ phá giới nên đến nước Xá-Đề-Bà-Đề. Đầu hôm, gần sáng không ngủ, tinh tấn tu hành cho nên đắc đạo. Sau đó, Đức Phật đem về bổn quốc, trong rừng của vị tiên Ca-tỳ-la cách thành năm mươi dặm, vì thế Thích chủng dạo chơi trong vườn nầy (có chỗ sửa lại cách thành ba dặm là không đúng). Các Thích tử Tỳ-kheo do trước đây tu hành không ngủ cho là đêm dài. Từ trong rừng vào thành khất thực cho là đường xa, Đức Phật biết tâm của các vị nầy. Lại có sư tử đến lễ dưới chân Đức Phật, do ba duyên nầy nên Đức Phật nói bài kệ. Trong lời Sao dẫn ba câu trên. Câu dưới nói rằng không biết chánh pháp.

Lại nói: Đức Phật bảo Tỳ-kheo: khi thầy chưa xuất gia tâm buông lung, ngủ nghỉ nhiều nên không biết đêm dài, nay vì cầu Đạo nên giảm bớt sự ngủ nghỉ, vì thế biết đêm dài. Trong rừng nầy, các ông vốn dùng xe cộ dạo chơi nên không biết đường xa, nay đắp y, ôm bình bát đi bộ

mệt nhọc vì thế biết đường dài. Sư tử này, vào thời Đức Phật Tỳ-bà-thi là một người Bà-la-môn, nghe Phật nói pháp, mọi người không nói chuyện với người này, liền sinh niệm ác mắng nhiếc rằng mấy ông trọc đầu này không khác gì súc sinh. Từ đó đến nay chín mươi mốt kiếp thường bị đọa vào loài súc sinh. Do vì ngu si nên ở trong sinh tử lâu dài, nay đối trước Phật tâm thanh tịnh nên sẽ được giải thoát.

Trong kinh Tăng Nhất A-hàm, đầu là dẫn duyên khởi. Mục-kiền-liên trở về, Xá-lợi-phất trước trở về thôn cũ vào thành. Xá-lợi-phất thường bị bệnh phong nên nói là hoạn nặng, các vị trời rơi lệ buồn thương cho ngài cách xa đời.

Hai câu đầu khen nghiệp lực, do hai vị Tôn giả nầy đều đền trả nghiệp đời trước.

Cố trở xuống là nói rõ nghiệp.

Đãn trở xuống là nêu quả báo.

Dứt bỏ nghiệp báo chung: do phá kiến tư hoặc, nghiệp căn mất hẳn, không bị đọa trong ba đường ác.

Biệt báo tức bị đánh và bệnh cho nên bị chết.

Trong phần bốn do thức ăn trước là chánh thực được no đủ. Chưa đến giờ ngọ nếu muốn ăn thì khai cho, phải làm pháp dư thực rồi mới ăn. Pháp thức đều đủ ở trong phần tùy tướng. Bực Thượng căn ít muốn không thọ pháp khai nầy, vì thế được tên mà thôi.

Luận Trí Độ, trước nói doanh cầu chứng không giới hạn ở trước. Hậu thực tức dư thực.

Mất nửa ngày: chứng phương nghiệp ở trước.

Phật trở xuống là nêu ý xuất gia.

Nuôi ngựa là lợi dụng năng lực của nó, nuôi heo là lợi dụng thịt của nó để ăn. Người xuất gia hành đạo không nên lợi dụng sắc lực, ở đây và thứ sáu không có mười lợi ích, vì Ta-bà không có hai hạnh nầy.

Như trong phần hạnh khác của các bộ có nói. Trong phần năm nói nhất tọa nghĩa là chỉ ăn một lần, không đồng với hạnh trước, giống như thọ tiểu thực.

Lợi thứ hai trong mười lợi là nói không có vật gì khác.

Lợi thứ ba là không có phiền não khi làm việc.

Trong phần năm nói ăn một lần là hạnh sâu kín trong pháp thực.

Bảy là nói chướng hoạn, nghĩa là nhiều việc chướng ngại cho đạo nghiệp.

Khoa kế, có thực hành ăn một lần, sợ đói ăn nhiều, vì thế có lỗi nầy.

Pháp tiết lượng thực, văn thấy ở khoa sau.

Trong phần ba do người ăn no, phần nhiều không nghĩ đến Đạo, thên lớn ba độc vì không phải là Đạo nhân.

Trong phần sáu, khoa đầu ngoài một chén lại không được lợi ích, có khác với trước.

Trong phần hai, luận giải thoát nói tiết lượng thực là tên khác của nhất tọa thực (ăn một lần). Hai mươi mốt suỷ, xứ kia sủy thực, xứ nầy không phải như thế. Phải y cứ về miệng mà luận. Người ở phương nầy nhỏ bé, y cứ sau có thể cho mười người, phải tùy theo người thêm hoặc bớt, không cần nhất định chỉ rộng.

Như kia: luận chép rằng: vì sao phải thọ thực có tiết lượng, nếu ăn no không có chừng độ sẽ thêm kiết sử ngủ nghỉ, thường tham ưa vì bụng không nhàm. Biết lỗi này sẽ thấy được công đức của sự ăn uống có tiết lượng. Ta từ ngày nay sẽ dứt tâm tham lam buông lung, ăn uống có điều lượng không để bụng tự do, ăn nhiều thêm bệnh, biết đó nên không ưa, trừ tham diệt bệnh dứt các sự biếng nhác, khéo nhập sở hành, v.v...

Luận Đại Trí Độ, đầu tiên nêu pháp tiết lượng.

Tác trở xuống là hiển bày lợi ích. Như trở xuống là luận gia tự dẫn kinh để làm chứng. Người kia thân hình lớn vì thế năm, sáu người có khả năng làm, xứ nầy mười người.

Trong phần bảy, luận Đại Trí Độ nói viễn ly xứ: đối với thôn, xóm mà có tên. Ba dặm là gần nhất, giảm bớt thì không thành.

Chỉ cho Tạp hạnh: luận giải rằng được thân xa lìa rồi cũng khiến cho tâm xa lìa năm món dục, năm món cái, v.v... Và nói rộng mười hai hạnh trên, tìm xem đó (văn thấy sáu mươi bảy, trong tạng kinh nầy chia quyển không nhất định).

Luật Tứ Phần nói vắng lặng là y cứ đương thể mà có tên. Như đối trong dặm: Một cung có bảy thước hai tấc. Trăm cung là bảy mươi hai trượng. Năm trăm cung là ba trăm sáu mươi trượng. Sáu thước là một bộ. Sáu mươi trượng là một trăm bộ. Ba trăm sáu mươi trượng là sáu trăm bộ tức là hai dặm.

Trung Quốc trở xuống là dẫn luật Thập Tụng. Đầu tiên nêu Chùa tháp ở nước kia, Ni sợ lăng nhục nên ở trong thành.

Kế từ mười trở xuống là dẫn chứng.

Chung quanh chùa nghe tiếng Hổ gầm nghiệm biết xa thành chừng một ngàn hai trăm bộ, ba trăm bộ là một dặm, như vậy là bốn dặm.

Luận Tát-bà-đa nói nghe tiếng trống đánh, y theo phần trong Tập Tăng thì tức có hai dặm, có giống luật Tứ Phần chút ít, nhưng các văn

không đồng, nên dùng bổn tông làm chuẩn. Như trước luận Trí Độ nói xa càng tốt.

Khoa kế, chỉ cho y của tăng: tên đồng mà tướng khác, vì sợ xen lẫn nhau. Theo chốn A-lan-nhã của tăng không có nạn thì năm dặm, có nạn thì hơn bảy mươi bộ như giới lìa y.

Trong phần ba do sự tình tương phản, người thích xem thường nhau, tăng lỗi diệt pháp vì thế Đức Phật đặc biệt chế giới. Thượng nghiệp, nghiệp tức là hạnh. Sùng là tôn trọng, nghĩa là trong thượng hạnh rất tôn trọng chốn A-lan-nhã (mười lợi ích như trước).

Trong phần tám dẫn luận tên khác, thì biết pháp nầy không cần gò mả.

Trong mười điều lợi, trước nói bốn tưởng. Tưởng tức là quán.

1- Tưởng vô thường: tất cả pháp hữu vi có hai thứ: một là chúng sinh, hai là cõi nước (tức hữu tình và vô tình). Hai pháp này đều thường sinh diệt cho nên nói là vô thường. Cho đến trải qua riêng sắc, tâm, ấm, giới nhập, v.v... mỗi mỗi đều như vậy. Do đối cảnh quán hạnh hiện tiền, vì thế trong luận đều nêu chữ "Thường".

Luận Trí Độ chép rằng: Do thây chết nầy quán tất cả pháp dễ được tướng vô thường.

2- Tưởng chết: nghĩa là một thời kỳ quả báo thường trải qua hai thứ tử (phần đoạn tử, biến dịch tử).

3- Tưởng bất tịnh: Quán thân mình và người, trong đó có ba mươi sáu vật (như trong giới sớ nói), ngoài có chín lỗ, chất dơ bẩn thường chảy ra từ lúc sinh ra đến lúc chết không có một chỗ nào sạch cả.

4- Quán không đáng ưa thích: Quán hai món thế gian: một là chúng sinh, hai là cõi nước đều có những điều ác không đáng ưa thích.

5- Nghĩa là nhân quán thây chết tức đối với nhau sắc tâm không ràng buộc.

6- Thượng tướng thế gian kia.

7- Do vì buồn không vui.

10- Thường thấy thây chết, không sợ những việc khác.

9- Đầu dẫn luận Đại Trí Độ nói chỗ hiệu nghiệm. Đức Phật hạ sinh dưới cây Vô Ưu; thành đạo dưới cây Bồ-đề; xoay bánh xe pháp dưới cây cát tường; nhập Niết-bàn dưới cây Ta-la.

Kế dẫn luận Thập Trụ nêu mười điều lợi. Văn nêu bảy lợi, nay dẫn đủ mười điều lợi đó:

1- Không cầu phòng xá mệt mỏi.

2- Không cầu xin ngọa cụ mệt mỏi.

3- Không chỗ ưa thích mệt mỏi.

4- Không thọ dụng mệt mỏi. (Văn nầy không có chỗ mệt mỏi.)

5- Không có danh tự chỗ ở (Nghĩa là không có tên trụ xứ)

6- Không có việc đấu tranh.

7- Thuận theo pháp bốn y.

8- Dễ được không lỗi.

9- Thuận theo tu đạo.

10- Không có các hành xứ ồn náo.

(Lời sao nầy lược các điều lợi 5, 6, 9 bằng chữ "đẳng" (v.v...). Lời ký xưa thì hợp hai điều lợi không ưa, không thọ dụng thành một. Pháp bốn y làm bốn là sai.)

Trong điều mười, khoa đầu nêu dưới cây có nhiều lỗi. Tiện trở xuống là nói ở chỗ đất trống có nhiều lợi ích.

Khoa kế dẫn kinh Tăng A-hàm quán pháp thành Thượng không định, do quán thân nầy đã nương xương lông, v.v... các duyên hòa hợp mà thành. Phải biét thân ta rốt ráo không thật có, đây là nhân không. Lại rõ các duyên tự thể cũng không, đây là pháp không. Như thật biết nhân pháp đều không tức phá hai chấp, vì thế nói là "Tới Pháp không".

Trong phần ba dẫn luận, đầu tiên nói Thượng pháp. (Pháp thượng)

Ở tại cây trở xuống là nói Trung pháp (pháp Trung).

Vũ quy ốc trở xuống là khác với trên. Phú xứ ít tổn vì thế được dùng vật của tăng.

Trong phần bốn có mười lợi:

1- Không cầu xin.

2- Không ràng buộc.

3- Không hộ người khác.

4- Không có sự ưa thích.

7- Có hai lợi đều ngược với điều dưới gốc cây mà nói. Do dưới gốc cây còn bị tiếng gió, gai gốc, v.v...

8- Không chiếm chỗ của người khác.

9- Không lo sợ người khác cướp đoạt.

Như lai trở xuống là dẫn sở hành của Đức Phật khiến cho vui vẻ.

Rừng Đại úy cũng gọi là rừng Khủng úy, Hàn lâm tức rừng Thi Thầy Đà ở phía Tây Bắc thành cách Vương-xá mười dặm. Ở nước đó, người chết phần nhiều đem bỏ vào rừng này gọi là Lâm táng.

Bị người xúc não không khởi ý: là nêu hạnh nhẫn nhục để răn dạy đời sau.

Kinh chép: Người có thể thực hành hạnh nhẫn nhục mới có thể gọi là người có sức mạnh lớn là ở đây.

11- Tùy tọa nghĩa là hễ chỗ không có người thì liền ngồi, không cần phải ở dưới gốc cây hoặc chỗ đất trông.

Luận Giải thoát Đạo gọi là gặp được chỗ ngồi. Giải thích rằng: không ưa thích chỗ tham lam của người, không xúc não người khác khiến cho tránh đi.

Trong mười điều lợi, điều một, hai dễ hiểu. Điều thứ ba, là không nhường nhịn. Điều bốn vì không khiến cho tránh đi. Điều lợi thứ năm là ước hy vọng. Điều thứ sáu y cứ vào việc của người khác. Điều thứ tám y cứ vào việc làm của mình. Điều thứ chín nghĩa là không xúc não người khác. Kia nói đầy đủ rằng không khởi nhân duyên sinh tụng.

12- Khoa đầu luận Tát-bà-đa, trước nói pháp ngồi: Nhiên trở xuống là nêu chế ý.

Khoa kế, đầu tiên nêu hình tướng tức là thân nghiệp. Như trở xuống nêu tâm hạnh, nói không luống ngồi. Trong kinh có bốn pháp: Hai pháp đầu là trị lỗi tức tự lợi. Pháp thứ ba là lợi tha. Pháp thứ tư là để tâm vào thắng cảnh. Ngủ nghỉ, trạo cử, tán loạn thì lìa niệm Phật cho nên không ngồi.

Sau chỉ luận là luận Giải Thoát, luận ấy chép: thường ngồi công đức đoạn vì sinh sự biếng nhác trừ khi thân bệnh (khai duyên bệnh). Lìa sự nhiễm xúc, ít vui, ít bị ràng buộc vào việc ngủ nghỉ sẽ được tịch tĩnh, có thể kham tu thiền định. Sở hành của thiện nhân là nghiệp vô ngại.

Trong phần ba nói mười điều lợi ích: Ba điều trước là trị vui, điều thứ tư là lìa khổ, điều thứ năm là buông tình, điều thứ sáu và bảy là thành nghiệp, thứ tám là tinh thần khoát đạt, thứ chín là thân an, thứ mười là nghiệp nhẹ.

Trong phần bốn, luật Tứ Phần, trước tiên dẫn duyên. Phật trở xuống là lập giáo. Câu đầu là lập chế. Ưng trở xuống là dạy tu. Tư duy là tu quán. Trong đây không nói nên chỉ như sau tức trong pháp bốn nghi của thiên chủ khách (Hoặc chỉ Ba quán trong Thiên Sa-di).

Trong luận Trí Độ, đầu tiên là khen pháp ngồi, cầu trở xuống là răn dè sự ngủ nghỉ. Đại sự là chỉ việc cần phải dò xét trong Đạo. Tức kinh chép: không nên vì nhân duyên ngủ nghỉ khiến cho một đời luống qua vô ích không được lợi ích gì.

Lại nói: các giặc phiền não thường rình rập để giết người, rất thù hận nhau. Đâu thể ngủ nghỉ, không tự cảnh tỉnh mình...

Nhược trở xuống là dạy pháp ngồi.

Hông không dính chiếu là thường ngồi.

Phần ba, trong các bộ:

Luận Tỳ-ni Mẫu: đối với thức ăn trị sân, dứt bỏ phiền não là Thượng hạnh.

Luận Trí Độ: nói dứt trừ mười hai thứ nước trái cây ép.

Không nhất tâm: kia giải thích rằng: vì ăn uống tương nên tìm cầu các thứ tương, nghĩa là tương quả, tương mật... Như Ngựa không có roi, ăn cỏ hai bên đường không chịu tiến lên đường trước, nếu có roi thì ý ăn cỏ sẽ dứt.

Kinh Bảo Vân chép: phần một trong bốn phần tức nói khất thực là hạnh riêng. Đầu tiên chánh nêu hình tướng.

Cái âm là cái, cũng là khất vật, cho quỷ thần tức nay gọi là thí thực.

Nhược trở xuống là dẫn pháp khất thực.

Trước tiên là phá giới cấm: hoặc tại gia phá năm giới, tám giới. Hoặc xuất gia trái Đạo.

Chỗ có thể bị cơ hiềm là nhà dâm nữ, quán rượu, v.v...

Trong Thập Trụ, kia không có dư một buổi ăn, vì thế có hai thứ nầy, khác với ở trên.

Đều có mười điều lợi ích: kia nói rằng: Thọ y bằng lông tơ có mười lợi ích:

1- Trong số y thô (xấu), nghĩa là đồng với y phẩn tảo.

2- Ít cầu xin.

3- Tùy ý được ngồi.

4- Tùy ý được nằm.

5- Dễ giặt.

6- Nhuộm cũng dễ.

7- Ít bị côn trùng gặm nhấm làm hư.

8- Khó mục nát.

9- Không thọ y khác.

10- Không mất y cầu đạo.

Sau khi ăn không thọ thức ăn uống phi thời, có mười điều lợi:

1- Không ăn nhiều.

2- Không ăn no quá.

3- Không ăn thức ăn ngon.

4- Ít có sự tham cầu, mong muốn.

5- Ít bị chướng ngại, họa hoạn.

6- Ít bệnh tật.

7- Dễ đầy đủ.

8- Dễ nuôi dưỡng.

9- Biết đủ.

10- Khi thiền tịnh thân không bị mõi mêt.

Luận Giải Thoát Đao chép: Hai pháp y tương ưng: nghĩa là y Phẩn Tảo và ba ý.

Năm pháp thực tương ưng, nghĩa là:

- Thứ lớp khất thực.
- Nhất tọa khất thực.
- Tiết lượng.
- Đúng thời.
- Sau ngọ không được ăn.

Năm pháp ngồi, nằm tương ưng.

- Chỗ vô sự (Chốn A-lan-nhã).
- Dưới gốc cây.
- Chỗ đất trống.
- Gò mả.
- Chỗ gặp được.

Một là mạnh mẽ tương ưng nghĩa là thường ngồi không nằm, nhưng việc mạnh mẽ này có thêm hai chữ phân.

(Trong pháp khất thực, phần nhiều là thứ lớp khất thực, còn pháp khác đồng như luật Tứ Phần).

Luật Thập Tụng nói chỗ mưa nhiều thì bốn tháng. Ở Tại lộ là mùa đông. Tám tháng ở chỗ che khuất, xuân hạ mưa nhiều. Ít mưa thì ngược với trước: mùa đông tám tháng xuân ở chỗ có che. Bốn tháng mùa hạ ở chỗ có che.

Trong phần kết chỉ. Trước là chỉ phần nêu trước. Tổng trở xuống là phân biệt các văn.

Luận kia, trước gồm nêu tên, kế gồm hiển bày tướng. Sau tùy thực hành mà nói riêng.

Trong phần nói về mỗi hạnh, Một là đầu tiên nêu lỗi, Hai là nói thọ, Ba là hiển đức, Bốn là hiện lỗi, vì thế nói là thứ lớp rõ ràng, v.v... Hơn nữa, cũng lược nêu bày. Kia chép: Vì sao thọ khất thực? – Nếu thọ sự mời thỉnh của người khác thì có ngại cho nghiệp mình (nêu lỗi). Ta từ nay dứt thọ nhận sự mời thỉnh của người mà thọ pháp khất thực.

Vì sao được công đức? – Vì y theo tâm sở nguyện tấn chỉ tự do, dứt trừ sự biếng nhác, đoạn diệt tâm kiêu mạn (Nguyện đức). Nếu thọ sự mời thỉnh của người khác, đây là mất khất thực (nói về lỗi). Các hạnh

khác đều như vậy, thấy đủ ở phần hai, nếu cần thì tìm xem.

Trong phần bốn nói tạp pháp, tức những việc cần làm trong chốn A-lan-nhã.

Đầu tiên có bốn phần:

1- Chỗ cần đầy đủ.

2- Từ nếu thấy trở xuống là nói đợi bạn lữ.

3- Từ có dư trở xuống là nói pháp ăn xong rồi. Cho người tức là khất cầu, phi nhân là quỷ, thần, cầm, súc, v.v... Ở chỗ đất sạch (ở tịnh địa), trong nước hoặc không có người nuôi, giữ lại để trong tịnh xứ dự định sau sẽ thí.

4- Từ có cướp bóc trở xuống là nói pháp đợi giặc. Chế biết thời tiết để đề phòng nạn cướp bóc.

Cố trở xuống là dẫn luật Thập Tụng, văn chứng rất dễ biết.

Tinh kinh là sách âm dương.

Sau chỉ luật Tứ Phần tức lưu thực v.v... Trong phần hai nghĩa là dùng cây cọ cây thì phát ra lửa.

Hỏa châu là Thủy tinh châu, ánh sáng mặt trời soi chiếu dùng cây mồi sẽ phát ra lửa. Sợ đồng với xảo thuật của thế gian nên khai cho che lại dùng.

Trong phần ba, trước nói hạnh Đầu-đà, đây là chỗ dùng ngày nay. Sau đọc tụng v.v... do đó mà dẫn. Những người như trên buông lung không theo thứ lớp. Thêm phân cho vạt nghĩa là đều suy tôn người có đức, để dắt dẫn người sau.

Trong phần bốn, luật Ngũ Phần nói thọ thỉnh phạm tội Đột-cát-la. Đây là nói về khất thực, mười một phần khác đều trái phạm, y theo đạo giải thoát tức y Phẩn tảo, thọ nhận thí y của cư sĩ tức là lỗi. Nhưng ba y, nếu chứa dư thì có lỗi. Khất thực thọ thỉnh thì có lỗi (như trên). Không làm pháp dư thực, làm thì gọi là lỗi. Nhất đoàn thực mà tái thực (ăn lại) thì lỗi. Ở chốn Lan Nhã mà tụ lạc thì lỗi. Ở gò mả mà ngồi chỗ khác thì lỗi. Ở dưới gốc cây mà ở trong nhà thì lỗi. Đất trống mà có che thì lỗi. Tùy tọa mà ngồi ở chỗ tham ưa thì lỗi. Thường ngủ ngồi mà nằm thì lỗi. Không xả mà trái lời Phật chế đều phạm tội Đột-cát-la.

Không thể khiến cho xả: nên nói rằng ngày nay ta xả pháp khất thực v.v... Thì biết mười hai phạm hạnh này đều phải tác pháp thọ và hành thực không nên xả bỏ.

Không thọ thì không thành, không xả thì trái phạm, nên biết điều đó.

## THIÊN GIẢI THÍCH TĂNG TƯỢNG

Hai chữ trên trong đề là cảnh sở kính, hai chữ dưới là nghi năng kính. Tăng là chung đối với riêng, tượng là về kinh pháp. Chữ Tức trở xuống là lập nghi kính.

Văn trong ba khoa thì Tam bảo là thắng cảnh, chung làm sở kinh (xưa nói rằng Tăng là năng kỉnh, tượng là sở kỉnh, là sai) lấy lời kia liền cho Tăng ở đầu. Chữ Chuẩn trở xuống là nghi kính, Phật để ở trước. Trí là thuận đến, văn nói là đưa đến, nghĩa là dùng tâm chí kính đưa đến cảnh cao siêu.

Trong bày ý, văn đầu tiên hai câu trên là nói mở mang lập pháp, nghĩa là chúng Tỳ-kheo nêu sự có pháp, giáo hóa giúp thời thế xán lạn sinh thiện, phát sinh lòng tin cho chúng sinh, thì bày sự cao sâu của Phật pháp cho người biết quy hướng, vì vậy nên nói rằng cảnh ngưỡng do đây mà lập. Chữ Khiêm trở xuống bốn câu là nói chỗ tôn sùng của đạo, tục. Tôn cách khiêm cung là nói trong tâm kia, liễm kính nhiếp nghi là nói mặt bên ngoài, hạ mình tự thấp là khiêm tốn, tôn trọng người gọi là cung cách, nhà Nho có lễ ký, đầu tiên nói là “thảy đều cung kính”, là biết người kính chữ lễ. Lại, Nho giáo không ngoài năm điều thường mà là lễ chung. Luận Ngữ chép: “Cung mà không lễ thì nhọc”, thì biết khiêm kính sách thế tục chỉ bày rõ, cho nên nói là mạng chương.

Chữ Hựu trở xuống là dẫn Phật chế kính Phật Pháp Tăng, thầy trò nhiếp nhau, thượng trung hạ tọa lễ kính lẫn nhau, thì biết tôn cách Phật pháp đưa lên trước, cho nên nói rằng “Bên ở đầu”, hoặc có thể phàm đối với thắng cảnh, hoặc thấy tôn thượng quyết trước chí kính cho nên nói là mới. Chữ Khởi trở xuống là nói kính mạn có thể hay chăng. Hai câu trên là bày việc chẳng nên làm, hai câu dưới là nói phải lập kính. Hình nghĩa là tiêu tóc, phục tức hoại y. cứ mạn nghĩa là cao ngạo với người. Mới gọi là pháp ngộ, ở sau có nói rõ. Nhưng người xuất gia khác thế tục không chỉ nghi tướng bên ngoài, mà phải do nội pháp cho nên nói là thanh cách.

Trong dẫn chứng xét sở đoản của mình thì trong có tâm hổ thẹn, do có hổ thẹn thì biết tôn trọng người, biết hổ thẹn là gốc của cung kính. Kiêu mạn tự khoe khoang là không biết hổ thẹn. Chữ Thị trở xuống là khuyên tu, hễ ở đạo của ta nên vâng lời Phật dạy.

Trong phần thứ ba, ban đầu bày lễ hoại, hai câu trên là chỉ bày chung. Di là biến đổi, đạm là cạn mỏng. Sáu câu kế giải thích riêng. Bỉ là tệ xấu, mạt là rốt sau, vì là Lãnh tụ cho nên đứng đầu trong chúng.

Mi là đầu chân mày, thọ là tuổi cao, ngược tướng cho nên đi ở sau. Vũ lực là ỷ thế lấn hiếp người. Văn hoa nghĩa là văn chương thế tục. Bốn câu trên bày ngồi, kế là trái đạo. Hai câu dưới nêu rõ đồng thế tục. Thời xưa còn vậy, huống gì nay là thời suy mạt, không đáng lấy làm lạ. Chữ Như trở xuống là kết khuyến sinh khởi. Đề dẫn tức chỉ ngay thiên nầy. Nói răn dạy là trình bày sự dạy dỗ.

Khoa kế, trong phần chia chương, chỉ như đề tức bổn chương pháp phó.

Trong ý chế, khoa đầu, luận Đại Trí Độ trước nói về cảnh chân, do sinh thân của Phật là pháp thân, là chỗ sở y, chữ Như trở xuống là dẫn duyên chứng. Phật lên cõi trời Đao-lợi nói pháp cho mẹ nghe, khi khắp từ cõi trời xuống nhân gian, chúng đều đón rước. Tu-bồ-đề ở trong thất đá thực hành Tam-muội Không, nghĩ rằng: "Phật thường nói: Nếu người dùng mắt trí tuệ quán sát pháp thân Phật là thấy Phật trước", nghĩ rồi chỉ ngồi yên trong thất. Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc muốn gặp Phật trước bèn hóa thành Luân vương ngàn người con cùng theo, mọi người thấy vậy bèn tránh đường, nhờ đó được gặp Phật trước, Liên Hoa sắc hiện lại thân cũ đảnh lễ Phật, Phật nói: "Ngươi chẳng phải là người gặp ta trước, mà chính Tu-bồ-đề là người gặp ta trước vì thực hành quán không, được thấy pháp thân gọi là chân cúng dường (do Phật quở "thôi đi" cho nên nói là không nhận).

Kế, trong ý kính, đầu tiên là gạn bày, chữ Tứ Phần trở xuống là dẫn giải thích văn, xuất xứ từ ở kiền-độ phòng xá. Luật kia chép: Bấy giờ, Phật từ thành Vương xá cùng các Tỳ-kheo đi trong nhân gian đến thành Tỳ-xá-ly, bấy giờ nhóm tỳ-kheo sáu vị đến trước lấy phòng cho Hòa-thượng và người quen biết, v.v... Khi Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên đến sau không có phòng nghỉ, phải ngủ trên đất, do đó Phật nhóm chúng quở trách, như sớ Sao có dẫn. Ban đầu dẫn lời Phật hỏi, chữ Chư trở xuống là chúng đáp. Chữ Phật trở xuống là quở trách, liền thấy ý chế. Chữ Quảng trở xuống là dẫn duyên, kia chép: "Thuở xưa có con voi, con khỉ và con chim rất thân nhau (xuyết phải là gọt ngược, nhĩ nhã chú thích rằng lớn như chim bồ câu cũng gọi là cưu hoặc nói là chim sẻ) nương một cây Ni-câu-luật. Chúng nghĩ rằng: "Chúng ta ở chung phải cung kính nhau, hỏi thăm nhau, nhớ việc xa gần." Voi nói: "Tôi nhớ lúc nhỏ cây này chạm bụng tôi." Khỉ nói: "Tôi nhớ cây này hễ giơ tay là đến ngọn nó." Chim nói: "Tôi nhớ mặt đá núi Tuyết có cây Ni-câu-luật lớn, tôi ở cây đó ăn trái, bay đến đây nhả ra hạt, mọc lên cây nầy." Bấy giờ voi để khỉ trên đầu, khỉ để chim bên vai đi khắp nơi thôn xóm, nói

kệ như sau:

Câu trên là hạnh cung kính
Câu kế là nói lợi ích
Câu ba là hiện quả báo
Câu bốn là hậu quả.

Chữ Nhữ trở xuống là khuyên nương. Chữ Tự trở xuống là lập chế.

Ngày nay chúng tăng không có tôn ty riêng, bậc túc đức sinh muộn làm lễ lẫn nhau, thọ giới luống chia thời phần, ngồi hạ luống đếm cạn sâu, than ôi! Đời mỏng, tình phù phiếm. Đau đớn thay, luật pháp băng hoại, người có tâm mở mang nên tha thiết noi theo.

Khoa kế, trong kinh Đại Bi đầu tiên nói về tu nhân, khuynh là tận tâm, trắc là lánh xa. Chữ cho nên trở xuống là kế nói cảm quả, như Phật khi sắp thành đạo ở bên sông Ni liên, thân thể gầy yếu không thể tự đứng vững, chiêu cảm cây rủ cành xuống giúp Phật đứng lên. Đến khi nhập diệt rừng Song thọ biến thành mầu trắng, v.v... vô tình còn như vậy huống chi làm hữu tình?

Trong kinh Tăng Nhất, đầu tiên nói về quả báo vị lai. Chữ Dĩ trở xuống là suy ra nhân cũ. Trong kinh Tạp A-hàm răn dè nhắc nhở Tỳ-kheo. Bốn chúng là sở kính. Thu nhiếp các căn, nghĩa là cung kính cẩn thận. Đêm dài là chung cả hiện tại và vị lai. An vui là chung cho thế và xuất thế.

Trong phần ba, luận Trí Độ đầu tiên nói đối với Phật khác nhau có bốn: Hai món trước là tục chúng đều ngồi, Hữu học và Vô học chia riêng. Ba đạo là ba quả, phàm phu rất dễ biết. Chưa xong nghĩa là chỗ chứng của đạo. Chia phá nghĩa là hoặc được dứt bỏ. Chữ hựu trở xuống là nói đại tiểu ngồi có thứ lớp, bao nhiêu. Phật tăng chúng ba thừa ngôi vị khác nhau. Chúng của Đức Thích-ca thuần là Thinh Văn, cho nên nói là không riêng Bồ-tát tăng. Văn-thù-sư-lợi, Hán dịch là Diệu cát tường. Di-lặc dịch là Từ Thị. Thứ lớp là y vào tuổi hạ, theo đây để nói các đại Bồ-tát quyết nên thị hiện luật nghi Thinh Văn, tức như kinh nói là hiện thân Thinh Văn mà nói pháp.

Khoa kế, trong phần không nên, văn đầu tiên có bốn món, trước là người thế tục, còn là đạo chúng. Lại nữa, hai là hạ tọa, ba là chẳng phải Tăng, bốn là Vô đức.

Trong phần ba nói mười ba nạn, người không có giới thiếu hạnh ba học (Giới, định, tuệ). Hai diệt thể hoại, xưa triều đình phần nhiều ra lệnh cho tăng lạy vua và cha mẹ, bởi không biết Tam Bảo là ruộng

phước cho bốn loài nương nhờ, đạo vượt lưới trần, đức khỏi sự ràng buộc, chẳng phải tôi của vua, không phải con của cha mẹ, chẳng nằm trong số bốn dân, là khách trong ba cõi, thân tuy vượt khỏi các hình thức nhưng tâm dám đâu quên vâng kính, nhưng do chí cầu giải thoát, báo đáp cù lao, không lười huân tu, giúp trên trị nước, giáo hóa người dân, đâu phải bái lạy mới là báo đức.

Trong bảo lương, nói tấm khinh là do không biết hổ thẹn, khinh mạn người có đức, tức do nơi tâm, tám pháp sau đây đều là quả báo vị lai, hoặc có thể sáu và bảy chung ở hiện tại và vị lai. Chữ cho đến trở xuống là nói đức mỏng, người phá giới không có phần, tức kinh Phạm Võng nói "Không được đi trên đất của vua, không được uống nước của vua, năm ngàn đại quỉ thường đứng che trước mặt, chà quét dấu chân người ấy và mắng là tên cướp nguy hiểm" lại như kinh Phật Tạng nói "Không tiêu một chén nước, một miếng vải, huống gì là bốn thứ cần dùng". Chỉ cho thiên trên tức trong phần đối thí.

Trong phần nên lễ, văn đầu tiên thì, vô duyên là duyên thấy. Khoa kế, dưới lễ trên nên nói là hợp kính. Trong lớn nhỏ, kính nhau tự nói cho nên ở đây chỉ cho đó.

Trong phần thứ hai, đầu tiên dẫn nhiều văn, luật Tứ Phần nói mười món lớn nhỏ chia làm hai. Kinh Tăng Nhất, trong tháp gọi là phi xứ, luật Ngũ Phần nói sân nhau gọi là tâm ác, luật Thập Tụng có năm, chữ tịnh trở xuống là trước hai tháp là bảy, luật Tăng-kỳ có bảy, chia ra rất dễ thấy. Ngũ Bách Vấn là bày ra khuôn phép, y cứ ra là phạm tội Đột-cát-la. Luật Tăng-kỳ có sáu món, chữ giai trở xuống là bày riêng kinh tháp v.v... ý không thật có.

Trong thứ ba, tiêu phần có ba: Trước là Phật Bảo, nghĩa lẽ ra gồm cả Pháp. Sau chánh là nói rằng tượng Phật, kinh sách, trụ trì nghĩa đồng, tức chữ tượng trong tựa đề. Hai khoa sau tăng có phần riêng, tức là chữ Tăng trong tựa đề.

Trong kính nghi, khoa đầu là chánh nói, y cứ giới trộm ở trước, vật Phật thọ dùng cho đến vật vì Phật đều không được mua bán. Chi-đề cũng dịch là Miếu. Chữ có trở xuống là dẫn chứng. Vua là vua Bình-sa. Văn chú nói thế luôn ở trên, nên là sách lớn, nghi kia truyền lầm. Thí Phật thì thường không chung với Tăng, thí cho Tăng thì gồm cả Phật.

Khoa kế nói năm công đức, bốn món trước là quả báo riêng và bày nhân quả, một món sau là quả báo chung ở trước làm nhơ cho nên chỉ bày quả. Kinh nói Nam-mô, trong âm nghĩa dịch là quy lễ, hoặc dịch là quy kính, hoặc nói là độ ngã. Như lai, Thành Luận nói rằng: "Nương

đạo như thật, đến thành Chánh giác ", không có chấp trước là lìa trần nhiễm. Chí chân là lìa luống dối. Đẳng Chánh giác nghĩa là ba đời đạo đồng, chánh là phân biệt tà vọng ở trước. Chữ thử trở xuống là khuyên tu. Chư Phật sở hành trở xuống là kẻ phàm nên học.

Trong phần thứ ba, đầu tiên dẫn ba lễ. Miệng, tức nói tướng xét hỏi gọi là hạ lễ, cong gối tức quỳ là trung lễ, trám chấm đến đất tức cúi đầu. Thử địa trở xuống là bày năm vòng. Địa Trì nói không cho nên dẫn A-hàm tiếp tục giải thích, năm chỗ đều tròn đầy nên nói là năm vòng. Bốn chi và đầu gọi là năm thể, luân thì chỉ riêng năm chỗ, thể thì không gọi một thân. Chữ tiên trở xuống là chánh bầy nghi lễ. Chánh lập (Đứng thẳng) là nhiếp oai nghi của thân, chắp tay là định tâm tưởng, hai tay bằng nhau, các ngón đều nhau. Người thời nay chỉ bằng ngón thôi. Khuất thì trước xuống sau lên, khởi thì trước lên sau xuống, cho nên chú thích rằng không lẫn lộn. Tay nương chân là duỗi tay xuôi xuống tiêu biểu cho cung kính rất mực. Người ngày nay có kiết ấn là không biết pháp. Đời suy pháp tán không biết lễ nghi, hoặc lạm văn nầy nên cầu y theo tiêu chuẩn.

Trong phần thứ tư, dẫn hai đoạn luận, ba câu đầu của đoạn trước là gồm nêu. Chữ tri trở xuống lại giải thích sáu nghĩa, thông là tâm kính, riêng là chia ba nghiệp. Hai chữ cung kính nghĩa phải gồm thân, lại không y cứ năng kính. Hai chữ tôn trọng thì gồm sở kĩnh. Chữ lại nói trở xuống là dẫn đoạn kế. Trên nêu dụ Phật như ruộng phì nhiêu, chuyển tâm như giống tốt, bền chắc như gieo giống trong ruộng ấy. Chữ tùy sắp xuống là hợp pháp, một điều lành v.v... là nhân, đến Phật là quả. Chữ do trở xuống là nói lên ý.

Trong thứ năm, Luận Tỳ-ni Mẫu nói ở Ấn-độ, đi chân đất là kính, cho nên không được vào tháp, xứ nầy cho sự mang đấp là lễ, hoặc mang giầy cũng cần sạch sẽ. Chỗ tuyết lạnh cho phép, là khai ở vùng biên giới.

Trong Tam Thiên oai nghi ban đầu nói về phép nhiễu, một biện pháp kém, hai là bày lòng từ, ba là lìa khinh trạo, bốn lìa xúc uế, năm là lìa ồn ào. Chữ hựu đương trở xuống là kế nói dụng tâm. Nhớ nghĩ ân Phật là từ vô lượng kiếp đến nay vì độ chúng ta không tiếc thân mạng để cầu Bồ-đề. Nghĩ trí Phật là dùng phương tiện khéo léo không thể nghĩ bàn. Nhớ nghĩ giới kinh là ba tạng giáo pháp, khai phát cho ta. Nhớ nghĩ công đức là oai thần tướng tốt không gì sánh bằng. Niệm tinh tấn là cho đến không có chỗ nào bằng hột cải mà không phải là chỗ bỏ thân mạng. Nhớ nghĩ Nê-hoàn là thị hiện diệt độ khiến các chúng sinh kính

mến riêng ta. Cho đến là lượt giáng sinh thành đạo, xoay bánh xe pháp. Tăng là ruộng phước, thầy thì nhiếp dẫn (biên tức Tam Bảo). Cha mẹ sinh nuôi, bạn học cân nhắc đều suy nghĩ báo ân cho nên nhớ nghĩ tất cả người tức lợi tha, nhớ nghĩ học tuệ tức tự lợi. Nhớ nghĩ dứt trừ bỏ tức bỏ sắm sửa phước trời. Mưa bỏ giày, thì biết trời trong cũng cho mang lên, chỉ cần sạch sẽ. Như trong chỗ nhớ nghĩ không ngoài Tam Bảo, bạn bè, từ bi, phước tuệ, tự lợi, lợi tha, v.v... tìm đó sẽ thấy.

Trong thứ sáu, Ngũ Bách Vấn giúp sự hiềm nghi. Luận Đại Trí Độ bày pháp nhiễu, Hiền Ngu rõ lễ từ, kia nói: "Xá-lợi-phất từ tạ Phật nhập Niết-bàn". Phật hỏi: "Sao không phạm một kiếp"?

Đáp: Đức Thế tôn tuổi đã tám mươi mà không nhập vào Niết-bàn, con không nỡ thấy Như lai nhập Niết-bàn. Lại Chư Phật ba đời, hàng đệ tử thượng túc đều nhập Niết-bàn trước (xét Kinh Bổn Khởi là Xá-lợi-phất là đệ tử bên mặt, Mục -liên ở bên trái).

Văn kinh chỉ nói đi chung quanh, tiếp tục dẫn luật Thiện Kiến nói đầy đủ về nghi thức. Trong Tạp A-hàm nói lễ chân là bày tột sự cung kính. Nhưng các kinh luận đều khiến đi nhiễu theo chiều bên phải. Xưa nay tranh luận ồn ào không dứt, đều do không hiểu hai nghi nhiễu Phật nhiễu đàn có khác, lại y cứ thẳng, tổ dạy lược rõ đường lớn, còn bao nhiêu rộng như nói riêng. Đầu tiên nói nhiễu Phật, là nghi quy kính, nói rằng nhiễu bên phải là mặt xoay về Tây Bắc. (như tượng xoay mặt về phía Nam, người đi xoay mặt về hướng Bắc, giở chân xoay mặt về hướng Tây, mà đi về phía Bắc). Vai phải hầu hướng Phật mà cung (Đây là bày chính nghi) vì như thấy có vị Tăng, chẳng phải ở pháp này. Lại Đông xoay Bắc chuyển đây là nhiễu bên phải (Nêu ra lầm). Phạm Tăng ở Tây Trúc kinh hành đầy ắp thành ấp kinh đô, xoay nhiễu mắt nhìn dấu chân kia đều xoay về hướng Tây mà đi nhiễu bên phải, để thuận thiên đạo như mặt. (Đây là dẫn việc đích thân thấy để chứng thành nghĩa trên).

Kế là nói nhiễu đàn, Cảm Thông Truyện vị trời nói về giới đàn Tây Trúc rằng: "Chúng Tăng đăng đàn thọ giới, thuyết giới, xong việc xoay về hướng Đông nhiễu bên trái rồi lại ra phía Nam". Giới Đàn Kinh, Tổ Sư đối chân ý nói rằng: "Luận Sư chớ thấy xoay về hướng Đông nhiễu bên trái cho là phi pháp, đây chính là đại lý thiên thường". (Cảm Thông Truyện chép: "Thiên thường chính là bên trái người, thường là bên phải"). Tổ dạy rõ rằng người vọng xuyên tạc, hoặc khúc dẫn sách thế tục (như sách thiên văn các mùa, nói về Trưởng giả), hoặc vọng nương việc đời (Như chấp trâu đạp lúa con nhện giăng lưới). Vả lại,

nhiễu Phật vồn là chí kính, nhiễu đàn là tiện về thành sự. Chí kính thì quyết phải nhiễu bên phải để tiêu biểu cung kính siêng năng giữ gìn. Hành sự thì quyết cần nhiễu bên trái để tiện trên dưới mà thứ lớp (như cách thức vào nhà ăn, khi nói tự tứ và vào nhà) quyết nương theo đây phán, đâu có nghi ngờ?

- Nếu vậy sao Đàn Kinh nói: "Xoay Đông chuyển Bắc nhiễu Phật một vòng"?

Đáp: Ở đây vốn đăng đàn là làm pháp thọ, do đó xoay sau Phật, cho nên nói rằng nhiễu Phật, ở đây đồng điện tháp đặt biệt bày thấp kỉnh ư? (Xưa, khi dẫn Tú Châu Linh Quang Xá-lợi nhiễu bên trái làm chứng, đích thân chiêm lễ nhưng đều là chuông vàng lay động đâu thấy Xá-Lợi, trái hay phải đây cũng rất là luống dối).

Chánh rõ tướng kính, phần bác bỏ phi, ban đầu hợp kỉnh. Thứ ngã đẳng là không chỉ đời Mạc, kính tượng giống chân Phật, kính kinh đồng chân pháp, cho nên nói là đồng quán.

Chữ kim trở xuống là chánh bác bỏ, lại có bốn: Ban đầu chữ phi, chữ tịnh trở xuống là chỉ bày lý do, câu đầu là không trí, câu kế là không tin, câu ba là không biết, do không có ba thứ này nên không giữ lễ độ, cho nên nói rằng thiếu đại tiết. Chữ hoặc trở xuống là nêu ra tướng phi, văn này nhiều việc không ngoài ba nghiệp. Nương nghĩa là vén y bày vai. Đạn là nạn. Chữ trí trở xuống là tỏ hình trạng lỗi. Khoa kế, ban đầu dẫn văn lễ người, treo phướn lọng đều chẳng phải việc xấu, vẫn là răn dê khinh hối. Bởi đối với Thanh lại không có tôn trọng nên nói là kính chỗ riêng. Đạp là chân đạp lên. Chữ ký trở xuống là bày răn dạy. Ban đầu khuyên cẩn thận. Chữ chí trở xuống là chỉ bày pháp. Đi đến bên nước sâu dụ cho kia sợ sệt (kinh Thi nói rằng: "Chiến tranh tranh như bước đến vực sâu, như đi trên băng mỏng, nay dùng lầm").

Chữ thử trở xuống là bày lợi ích, câu trên là khuyên người, câu dưới là cảm Thánh. Chữ thả trở xuống là nêu dụ. Khuyến đài là quận, huyện, quan điển. Chữ phàm trở xuống là khuyên nương tín nhiệm.

Trong riêng bác bỏ, ban đầu chỉ phi. Hạ sáng tức đáy sàng. Ngày nay bọn ngu phần nhiều tập theo phong tục sai lầm, người có hiểu biết nếu nghe xin sửa đối lại. Tổ Sư có xuất hiện vào đời Tấn, Ngụy đích thân thấy việc kia bèn ở trên giường thiết lễ với Tăng, kia lại trách cho rằng kính người, v.v... mẫu mực tức chỉ cho pháp luật. Chữ dư trở xuống là dẫn chính thân truyền để kiểm nghiệm. Đã phải pháp Tây Trúc, rõ ràng là lạm hạnh cõi nầy. Chữ hựu trở xuống là dẫn văn để làm chứng, kinh kia có ba việc không nên lễ:

1. Mình ở chỗ cao, Thượng tọa ở chỗ thấp.

2. Thượng tọa ở trước, mình ở sau.

3. Mình ở trên tòa không nên lễ người dưới tòa, văn nầy thường dẫn kinh đối.

Trong phần tạp nêu, khoa đầu Thập Tụng nói có ba việc ban đầu đi ở trước là dẫn theo. Kỹ nhạc tức người ca và đồ nhạc. Y cứ sau luật Tăng-kỳ tức tự làm chẳng phải chỉ là tay cầm. Chữ vi trở xuống là bễ thế người vì truyền tin. Văn khai Hòa-thượng, còn người khác lẽ ra được (Xưa nói rằng giống như trong thế tục truyền lạy trước nhận sai lễ, y cứ lý thú thì không phải vậy, chỉ cần thầy dặn dò, Thượng tọa chuẩn đồng.

Chữ đắc trở xuống là thứ ba nói đối tọa, hoặc là nhìn tưởng hoặc lại thiền tụng. Luật Tăng-kỳ trước nói làm nhạc lìa lỗi, vẫn là quyết văn trì hành của Thập Tụng. Kế là sai thế tục làm, chỉ khai Phật sự.

Khoa kế, Trí Luận, Trì Thế đều nói ý Như lai để Xá-lợi lại là muốn nói cung kính được quả báo rất sâu. Mè, gạo, hột, cải đều so sánh với Xá-lợi. Kinh Trì Thế có bốn quyển: Thứ nhất nói: "Nay ta tuy được Bồ-đề vô thượng vẫn còn tinh tấn không thôi. Đến lúc Niết-bàn vẫn còn phát tâm tinh tấn". Vát thân như hột cải là vì sao? Vì thương xót chúng sinh đời sau. Lại nên dùng Xá-lợi độ là vì tâm được thanh tịnh.

Trong thứ ba, có hai đoạn: Trước dẫn luật Tăng-kỳ chỉ bày chung bốn thời, lược dẫn thành đạo, xoay bánh xe pháp hai ngày cho nên nói là nhẫn đến (ngày nay chỉ biết hai thời cúng dường giáng sinh, Niết-bàn, còn hai học đời sau chưa nghe, người nghe nên thực hành).

Chữ tát trở xuống là kế định ngày tháng, lại có hai: Ban đầu dẫn văn chỉ bày khác, gồm rõ bốn ngày, nhưng chỉ hai ngày trùng lập, nay lấp điềm ứng giáng sinh ngày mồng tám tháng tư. Lại y cứ Niết-bàn ngày mười lăm tháng hai diệt độ thì bốn ngày là riêng khác, ta cũng có thể làm. Lại xứ nầy cơ duyên chỗ kia là một năm bốn ngày thời tiết của môn đồ họ Thích: Mồng tám tháng hai thành đạo, ngày rằm tháng hai nhập Niết-bàn, mồng tám tháng tư đản sinh, mồng tám tháng tám xoay bánh xe pháp. Nghĩa thích ứng thời chớ sự chuyên góc.

Ngày thành đạo chỉ là xuất xứ từ luận Tát-bà-đa hai ngày giáng sinh và nhập diệt như sau tự rõ.

Ngày xoay bánh xe pháp là y cứ luật Tứ Phần ngày nay, sau khi thành đạo năm mươi sáu ngày Phạm Vương mới thỉnh (Mồng năm tháng tư, vì một tháng thiếu) tìm đến vườn Nai tháng tư điều cơ (Mồng bảy tháng tám là hai tháng thiếu, đến đây nói pháp tức ngày mồng tám).

Hoặc có kinh nói sau khi thành đạo quá sáu lần bảy ngày (bốn mươi hai ngày) mới nói pháp, hoặc hai lần bảy (mười bốn ngày) hoặc là ba lần bảy (hai mươi mốt ngày) đều không nhất định.

Kế dẫn điềm ứng chỉ bày riêng giáng sinh. nói đủ rồi: "Thái Tử ứng điềm". Kinh Bổn Khởi có hai quyển. Sau dẫn kinh Niết-bàn nói nguyệt đức là nói riêng nhập diệt. Niết-bàn ban đầu nói rằng, tức văn trong phần tựa quyển thứ nhất, phân biệt với ba mươi ở sau, kinh kia nói rằng: Trong ta-la Long Thọ, lúc ấy cùng đại tỳ-kheo tám mươi vạn trăm ngàn người trước sau cùng vây quanh. Mười lăm tháng hai đến thời Niết-bàn. Mười vị tiên là:

1. Xà-đề-thủ-na.
2. Bà-tư-tra.
3. Tiên-ni.
4. Ca-diếp Thị.
5. Phú-na.
6. Tịnh Phạm Chí.
7. Độc Tử.
8. Nạp Y Phạm Chí.
9. Hoằng Quảng Bà-la-môn.
10. Tu-bạt-đà-la.

Mười vị nầy là Thượng thủ của ngoại đạo, nghe Phật Niết-bàn, quy y được độ.

Quá ba tháng tức nửa tháng sau của tháng năm. Lại Sư Tử Hống quyển ba mươi chép: "Vì sao Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn vào tháng hai?"

Phật nói: nầy người Thiện nam! Tháng hai là tháng dương xuân, muôn vật sinh trưởng, hoa quả tốt tươi, sông ngòi đầy tràn, trăm thú sinh sản (Phù giống như sinh). Lúc nầy chúng sinh phần nhiều tưởng là thường, vì phá chấp thường của chúng sinh. Sư Tử Hống chép: Như lai ngày đan sinh, xuất gia, thành đạo, xoay bánh xe pháp mầu đều lấy ngày mồng tám, vì sao riêng Niết-bàn lại chọn ngày mười lăm?

Phật nói: nầy người Thiện nam! Như ngày mười lăm mặt trăng tròn đủ, Chư Phật, Như lai cũng giống như vậy, nhập đại Niết-bàn không có thiếu sót.

(Cho nên biết một kinh trước sau tự riêng, ngày nay liền dùng văn sau).

Trong Nguyệt Đức gần với luận Tát-bà-đa ở trên. A-hàm cũng nói rằng "Như lai Niết-bàn ngày mồng tám tháng tám". Chữ thử tinh trở

xuống là thứ hai, y cứ nghĩa hội thông. Ban đầu chánh nói, thứ hai dẫn chứng. Xá-bà-đề tức là Xá-vệ, trong văn lại nêu thấy nghe, theo Luận nói đủ là “Xá-vệ chín ức nhà, ba ức nhà thấy Phật, ba ức nhà tai nghe có Phật mà mắt không thấy, ba ức nhà không nghe không thấy”. Phật ở Xá-vệ hai mươi lăm năm mà các chúng sinh nầy không nghe không thấy huống chi ở xa (Luận nêu Vương Xá số ức, không nói thấy nghe). Do nghiệp kiêu mạn, nêu ra lý do không thấy và không nghe. Bọn ta sinh không gặp Phật đâu chẳng là kiêu mạn rất nặng hay sao? Vỗ ngực tự trách, đau đớn đắm chìm, than ôi!

Chư Phật trở xuống là nêu dụ, diệt sau chánh pháp không bằng hiện tại, tượng pháp không bằng chánh pháp, đời mạt pháp không bằng tượng pháp, cho nên nói là chuyển nhẹ, nghĩa là tâm thờ Phật càng mỏng. Tâm nghiệp tức mạn tập. (Xưa ghi đều dùng Hạ ba đời Hạ, Ân, Chu mồng một, hòa hợp các văn là rất trái ý Tổ, nếu có thể hòa hợp liền chẳng phải thấy nghe khác nhau, huống gì là kinh luận đều y cứ ngày tháng của Thiên-trúc, đâu hôm mồng một của xứ nầy mà hòa hợp hay sao?)

Trong Cảm Thông Truyện, Tổ Sư hỏi vị trời rằng: xứ nầy truyền lúc Phật đản sinh không nhất định làm sao chỉ?

Vị trời đáp: Đều có lý do. Đệ tử sinh thời thấp kém, đủ thấy nương dấu vết Phật. Nhưng Phật có ba thân, hai thân pháp báo, trời, người chẳng thấy được. Hóa thân giúp khắp cõi Tam Thiên, cho nên có trăm ức Đức Thích-ca tùy cơ cảm ứng trước sau không nhất định, không đáng nghi ngờ.

(Y cứ mà biết xưa ghi không đáng nương theo).

Trong thứ tư, ban đầu nêu Tỳ-kheo thưa hỏi: sau trong Phật đáp, Tam bảo và giới, trụ trì, cương lãnh, kinh, mạn, hưng, phế quyết kia rõ ràng. Thứ hai, kính Tăng nghĩa là đại chúng bốn người sắp lên.

Trong giải thích, khoa đầu trước nói đồ chúng đứng hầu. Không có trái nghĩa là thuận giáo. Chữ truyền trở xuống là chỉ vọng, chữ truyền bình thinh. Ngày nay thiền giảng không biết phép lễ, đứng nhận chúng lễ, hoại diệt tăng tông. Vả lại tăng bốn người thì làm việc công cao, chỉ một người thì sức yếu, lý trái ngược kính, vì giữ giáo giới tạm khai chúng đứng. Huống chi ngoài không khuôn phép, trong đức trống rỗng, chỉ muốn tự tôn đâu nghĩ quả báo đời sau, quyết phụ cao thức xin nghe lời thẳng, hoặc đối đại chúng quyết nên khởi kính, Phật nhận chúng lễ chỉ có thể ba người. Hoặc chúng đứng vòng tròn thường biêt chẳng tiện, đã ở địa vị sư biểu đâu được hồ đồ.

Khoa kế, tăng tàn trở xuống là đã phạm thiên đầu, mất địa vị thầy. Đệ tử kinh lý là cầu tăng hành pháp đệ tử dư số. Cũng phải kính lễ, nghĩa là thầy xin sám lập lễ bày lời. Chữ vi trở xuống hai câu là nói ý kính lược, là biết đệ tử ở tăng, chỉ y cứ tăng riêng mạnh yếu, bất luận thầy trò cao thấp. Hành sám đã vậy, trai giảng các việc y cứ nghĩa đều không, cho nên chú giải để chỉ bày.

Trong lớn nhỏ kính nhau, khoa đầu, trước luận Tỳ-ni Mẫu tức lời Phật sắp nhập diệt dặn dò. Ban đầu khiến kính thờ giới, trụ trì trong mộc-xoa là hơn, cho nên chế y theo. Chữ đương trở xuống là kế khiến kính nhau. Tịnh pháp tức Luật phạm. Tôn trọng nghĩa là tuổi cao đức đầy mọi người tôn trọng. Tuệ mạng nghĩa là nghe rộng, nhớ dai, dùng tuệ làm mạng, đều là lời khen tốt đẹp.

Thứ hai, trong kế lễ ban đầu chỉ bày chung. Năm chúng trở xuống là lược đề cập chữ tháp. Tương lễ là như năm chúng đối nhau thì bốn ngôi cao thấp, hai chúng Sa-di đồng một ngôi. Nếu năm chúng nói tự chia lớn nhỏ, ngay chúng đồng tuổi thì phải đối nhau lễ. Như lai và tháp, năm chúng đều kính một bề tôn trọng cho nên nói là chung lễ. Tháp là một phần, chữ sơ trở xuống là nêu riêng.

Khoa kế, trong Ngũ Bách Vấn quyết trước lễ tháp, dẫn Phật làm thí dụ, ý nên báo ân. Chữ tử trở xuống là nghĩa y cứ luận nói lễ mộ, không nói chết.

Trong bày riêng, văn đầu tiên nếu y cứ Sa-di cũng lấy sự thọ giới trước sau để chia ra thượng trung hạ, ở đây y cứ nhiều người, đầu tiên nhận sắp bày, kế vì nói. Năm sinh tức năm lớn nhỏ ở đời. Năm xuất gia tức năm vào đạo trước sau.

Khoa kế, ý hỏi sợ cho là chúng sau đồng đại tăng. Trong phần đáp có hai nghĩa: Ban đầu y cứ giới đồng giải thích. Chưa thọ giới cụ túc tức đồng chung gọi là Sa-di. Không có thắng đức là giới thể đồng. Chữ hựu trở xuống là kế y cứ giải thích chẳng phải thầy. Đại tăng không như vậy là trái với hai nghĩa trên. Tỳ-kheo-ni trăm tuổi hạ lễ Tỳ-kheo mới thọ giới.

Trong phần ba, ban đầu bày nghĩa lễ, thân miệng kính thành cung kính để bày ý trọng. Chữ xuất trở xuống là hiển tiếng Phạm và tiếng Hoa. Chữ ngũ trở xuống là nói về chung riêng. Chữ trung trở xuống là nói nhận thế tục lễ. Kinh Cung kính do Trung A-hàm kiết tập, kinh ấy nói rằng: lúc ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo phải thực hành cung kính và khéo quán kính trọng các vị Phạm hạnh. Nếu không cung kính thì không có việc ấy.

Trong thứ tư, luận Tỳ-ni Mẫu có bốn tên, cuộc hạn y cứ giới hạn của hạ, nếu luật Ngũ Phần lấy ở trên không người, lúc nào cũng nhận xưng thì không lớn nhỏ. Ngày nay xưng Thượng tọa không biết ai là hạ tọa.

Trong phần thứ năm, khoa đầu trước nói phạm vi cùng ngồi. Chữ nhược trở xuống là kế rõ trải giường lớn nhỏ, có ba:

1. Giường ngồi.
2. Giường nằm.
3. Người ngồi.

Nghĩa là dưới ba khuỷu tay, tức giường ngồi thì nửa khuỷu hai thước bảy tấc, hoặc dưới số cùng không cho ngồi chung, giường nằm quá ba khuỷu là năm thước. Bốn thước sắp lên là ba người hoặc hơn cho nên thêm đến bốn hàng. Bốn tuổi, như sáu tuổi hạ được ngồi chung với người mười tuổi hạ. Lớn sẽ được liền giường: Một là do giường nhỏ, hai là không cho động, cho nên tạm khai. Chữ nhược không trở xuống là kế rõ mềm nệm y theo lượng giường trước, chữ nhược tán trở xuống là sau nói trải cỏ, do không hạn lượng cho nên được ngồi chung.

Khoa kế, Già luận nói nghĩa trải đất là nối dài không thể động. Luận Tát-bà-đa, giường nói rộng khác nghĩa là trên giường trải tòa. Giữa trống, bặt là tiêu chuẩn phải xa nhau mới khỏi lỗi chê bai. Nói rõ về nam nữ thế tục rất dễ biết.

Trong phần sáu, ban đầu nói nhận lễ, nghĩa không có chợt cao ngạo như dê câm kia, có ngoại đạo sống như dê câm thọ pháp không nói chuyện với nhau, ở đời có người giữ phép không nói là thực hành hạnh trên, đây là pháp ngoại đạo, nên mau bỏ đi. Lời hỏi thăm tùy thời mà biến đổi, không hẳn phải nương theo đây, cho nên nói là "đẳng". Chữ cung trở xuống là nói kêu gọi. Tuệ mạng là gọi chung không duyên hạ tọa, tuy già lớn cũng được gọi, tức như trong kinh nói Tuệ mạng Tu Bồ-đề.

Thứ hai, trong pháp phụ tạo tượng, khoa đầu hai câu trên là nêu bày. Chữ Như lai trở xuống là chánh nói. Hiện tại tức hóa tướng Phật pháp, một thời kỳ lợi ích gần. Vị lai là trụ trí Phật pháp, ba thời lợi ích xa. Tức kinh nói rằng: Người đáng độ đã độ, người chưa độ làm duyên được độ.

Kế, trong phần chánh nói, văn đầu tiên trước bày viết về Mục-liên. Chữ trí trở xuống là sau dẫn Như lai từ bi dạy dỗ. Do Phật đản sinh được bảy ngày thì Ma-da qua đời, sinh lên cõi trời Đao-lợi. Phật sau khi thành đạo nghĩ báo ơn mẹ nên lên trời nói pháp suốt một mùa

hạ. Xét kinh tạo tượng, bấy giờ vua Ưu-điền nhớ Đức Như lai nên sai Mục-liên dẫn ba mươi hai người thợ lên cõi trời kia, dùng gỗ chiên-đàn, mỗi người khắc một tướng, như vậy đến ba lần mới được đầy đủ. Văn nói rằng "sợ" là nếu luận viết tợ như chỉ ngài Mục-liên, lấy sau từ bi răn dạy là suy ra ý Phật. Tuy duyên là do ý của vua Ưu-điền, mà vẫn giữ đến đời sau.

Kế trong rủ lòng dạy dỗ, đầu tiên nói thọ ký, tức Ưu-điền nghe Phật hạ thiên, đặt tượng trong tháp báu, để đón rước Phật, tượng liền bước đi bảy bước để đón Như lai. Phật xoa đảnh thọ ký cho tượng, lời như ở Sau dẫn. Cúi đầu uốn mình cho nên nói rằng thùy địa. Chữ nhân trở xuống là kế chánh dạy dỗ. Nghi tắc pháp thân là tiêu biểu oai dung tướng tốt của pháp thâ, được tam-muội niệm Phật dễ thành. Đủ tướng tốt là do sinh sự ưa muốn nên chiêu cảm quả báo cao quý. Như thị tức chỉ đàn tượng, ban sắc về sau phải mô phỏng theo.

Trong chú giải, Quốc tăng tức Cưu-ma-la-diễm từ Tây Thiên mang tượng muốn đến Trung quốc, đi qua bốn nước đều bị giữ bổn vẽ (Chú thích "Sau này truyền tức biết là bổn vẽ thứ tư chẳng phải tượng Ưu Điền tạo"). Đến nước Quy-tư, Quốc vương lại khiến bỏ đạo, ép gả em gái, sau sinh ra ngài La-thập, ôm tượng đến Diêu Tần, sau Hiếu Võ đời Nam Tống phá nhà Tần lại rước tượng nầy trở về Giang Tả dừng ở chùa Long Quang. (Cho nên hiệu Long Quang thụy tượng) Đến đời Tùy đặt tại chùa Trường Lạc ở Dương Châu, có vị tăng tâu thỉnh tượng về chùa (nay ở Đế Kinh, đây là y cứ Long Quang Bích Ký đã chép, hoặc Cảm Thông Truyện vị trời nói chẳng phải ngài La-thập đem đến, chưa rõ là ai).

Kế, trong chỉ bầy Phương Tây, khoa đâu trước bày mặc tình, ký lạc thế nhiễm như sau tự thuật. Chữ sở trở xuống là thế dẫn chế xưa. Ban đầu, dẫn Ấn-độ truyền đến. Lĩnh đông tức Chấn Đán ở phía Đông Thông Lĩnh. Phong cốt mạnh khỏe là nói thể chất, mặt mày kia. Kính là thẳng, oai nghi nghiêm túc trang trọng là nói oai thế. Mỗi phát thần quang là nói sự linh dị. Quang thế sinh thiện là nói động người.

Trong chú giải, y theo Minh Dương Ký chép: niên hiệu Hàm Hòa năm thư tư đời Đông Tấn, Doãn Cao Lý ở Châu Lăng (khổ hồi thiết, lại âm lý) nhân thủy triều xuống thấy trong bến có ánh sáng, sai người vớt lên được một tượng vàng cao gần ba thước, thiếu ánh sáng mu bàn chân, bèn lấy xe muốn chở về nhà, lúc đi ngang qua chùa Trường Can (Trường Can là tên đất, Can là đất chùa Lũng tại Lũng Trấc ở Kim Lăng ở Thượng Nguyên) xe bèn không đi, nên mặc tình trâu kéo vào

chùa. Lại qua hơn một năm có người đánh cá ở huyện Lâm Hải lại tháo nước được một tòa hoa sen dâng lên vua thành đế, vua ban sắc để tượng cùng chỗ cũ phù hợp. Sau có năm vị tăng Ấn-độ đến nhà Cao Doãn nói chúng tôi ở Thiên-trúc được một Tượng Dục Vương đem đến, đi đường nguy hiểm bèn chôn ở mé sông Huỳnh, sau tìm lại không được, chúng tôi đều mộng thấy tượng nói rằng: "Ta trôi theo Giang Nam được Cao Doãn vớt lên" cho nên chúng tôi đến hỏi thăm ngài Cao Doãn, Cao Doãn dẫn vị Tăng vào chùa lễ tượng, năm vị tăng nhân đó ở lại chùa. Qua bốn mươi ba năm sau có Hợp Phổ Quận ở giao Châu là Thái Châu Sư lại vớt được cai hào quang dâng cho vua Văn Đế, lại sai đưa đến chùa Trương Can lại hợp với chế gốc. Khắc ở gót chân, nghĩa là bảy chữ A... khắc ở chân tòa, vì tiếng Phạm trước không ai biết, sau Cầu-Na đến mới biện định. Ở kinh đô, được nhà Tùy rước vào chùa Hưng Thiện thuộc phủ đại ở kinh triệu, thường đến ngày lục trai có phát ra ánh sáng.

Kế dẫn cõi nầy chế tạo. Đời Hán Phật pháp mới truyền đến là ở trước đời Tấn, Tống. Phưởng phất là gần giống. Chữ tinh trở xuống là gồm nêu ra lý do, câu đầu là tâm lượng, câu kế là kính mến, câu ba nghĩa là pháp xưa. Chữ cố trở xuống là kết thành chỗ dẫn.

Trong hai pháp mất, khoa đầu trước nêu được mất, do đó lại nói phước kính, đoạn đó lỗi ở không phép. Chữ đản trở xuống là kế bày tướng phi, lại có hai: Ban đầu bác bỏ tạo tượng, trước nói sắm sửa bất tịnh. Chữ Bồ-tát trở xuống là kế bày hình tượng trái nghi, thân lượng luận giá trị kia cho nên chỉ hỏi dài ngắn, tướng tốt không khiến dụng cho nên bất luận toàn đủ. Tranh giá lợi độn, lợi nghĩa là người thợ muốn được nhiều, độn tức người chủ không chịu thêm giá. Tính cung là cung cấp thức uống ăn. Bốn câu trên là danh cú nhân phi. Chữ tửu trở xuống bốn câu là tượng phi. Hương di là dâng tặng, chữ di khứ thinh. Chữ trí trở xuống hai câu là nói kia không công, chữ thọ thượng hô. Hình thể lỏa lồ, thân cong co gãy là loại dâm nữ (xưa ghi cho là nói bất tiện, cho nên âm là diêu để dạy người tốt đẹp không thấy ý. Ở đây trách người tạo đâu chê tượng thánh, hẳn cho là dâm nữ nói thô là đố phụ làm sao không đổi? Nay chỉ y chữ tôi chỉ châm ngược chứ không nhọc xuyên tạc) Hàm sân nợ, mắt vai khô nứt, hươ ay không cho nên dụ là đố phụ.

Chữ cho đến trở xuống là kế nói tạo kinh, nhược bút nghĩa là không khéo viết, ác tượng là không chọn thợ khéo, chỉ dưỡng tức cung cấp ít.

Trong thứ hai, ban đầu nói không linh, kinh tượng giữ gìn thì được công cao cho nên tin là đầu. Chữ cố trở xuống là nói lỗi. Trộm cấp là

gặp đoạt mất. Hủy hoại là bị gió lửa làm tổn. Riêng lén nấu đúc, nghĩa là vàng đồng, v.v... nấu tượng làm vật khác. Đốt kinh thọ dụng tức chữ kinh bằng vàng bạc đem nấu lấy làm vật khác. Phần nhiều gây ra tội lỗi là làm lụy người. Chữ tinh trở xuống là nêu ý. Mỏng, hèn, khinh hối, trái lễ giáo tục, chẳng phải lời dạy trang nghiêm của Phật, cho nên nói rằng trái pháp thế, xuất thế. Hai báo hiện tại, vị lai nhìn tượng mà ra, sau đó chế tạo có thể không dè dặt ư?

Trong thứ ba, ban đầu rẽ hợp pháp có linh. Trong chú giải tức tượng chùa Trường Can trước ở chùa Hưng Thiện, gặp giặc duyên đủ như chú giải. Lại bộ Thánh Hiền Lục chép: đời Tùy, điện Phật chùa Hưng Hoàng ở Tương Châu bị cháy, có tượng đồng cao trượng sáu ở ngay dưới rường, bị lửa đốt cây rường gãy rồi, tượng tự dời năm sáu thước về hướng Nam, phía Nam tro than cách năm sáu thước mà tượng không dính bụi, ở sau chùa Bạch Mã chim chóc không xâm, đây đều là tạo lập có pháp mà chiêu cảm.

Chữ đãn trở xuống là kế nói chí thành cảm Thánh. Trong đây Tây Độ Linh Nghi nói khéo thấy thạch nha là y theo kinh Trà-tỳ nói: "Bốn răng nanh thì hai cái ở cõi trời Đao-lợi", (tức ở chỗ Đế-Thích)", một cái bị La-sát trộm (tức vị trời dâng Tổ Sư, nay ở Đế kinh) hai cái khác văn kinh không chép. Thiếu đầy tức dưới đảnh xương ngang, nhiễu đảnh mà chuyển, đến cổ họng lõm xuống, như thiếu duyên đầy. Khi trà-tỳ lấy để ở cõi trời Đao-lợi, sau Sa-di Tu-na vì Quốc Vương Sư Tử mà lên cõi trời kia lấy về. Theo kinh Tăng Nhất, trên hai tượng kia nêu riêng tạo lập. Chữ nhị trở xuống là hợp bày thân lượng.

Kế trong phần tạo tháp, khoa đầu, trong tạp tâm trước nêu tên. Xá-lợi, tiếng Phạm lần lượt, nói là Thất-lợi-la, Hán dịch là Thân, tức di thân của người, hoặc thân nát, hoặc toàn thân, tóc, móng, tro xương gọi chung là Xá-lợi. Nhưng Xá-lợi và tháp gọi chung là phàm Thánh, nay nói tạo lập phần nhiều là tháp Phật, cũng chung cho các vị Thánh khác, không gọi chi-đề nghĩa là chỗ để hình tượng, sau giải thích là miếu mạo. Tháp hoặc trở xuống là phiên dịch tháp-bà, thâu-bà cũng đều là lầm lược. Kinh Âm nghĩa nói: nói đúng là Tốt-Đỗ-Ba, dịch nghĩa là phương phần, là chỗ cao rõ (do vì vọt ra). Hoặc nói rằng đại tụ, hoặc nói là tụ tướng (Vì xếp nhiều vật mà thành).

Khoa kế, ban đầu bày nhân quả. Sơ khởi là mới làm. Phạm phước nghĩa là phước tối thắng của Phạm Thiên Vương. Chữ như duyên trở xuống là so sánh Phạm phước. Chung cả Nam Châu không bằng một Luân Vương. Chung Luân Vương bốn châu không bằng sáu tầng trời cõi

dục (Tứ Thiền nương núi Tu-di cho nên nói riêng), chung bốn châu và sáu tầng trời cõi Dục không bằng Phạm Chúng Sơ thiền, chung cả người cõi trời Phạm Phụ không bằng Đại Phạm Thiên Vương.

Chữ thử trở xuống là khuyên tu. Xây tháp lập chùa được phước như vậy cho nên dạy phải học.

Trong thứ ba, ban đầu nói tạo lập. Đặt nên là cho bền chắc, làm an là giữ bên ngoài, treo cờ phướn lọng báu tức là thang ghế. Chữ bất đắc trở xuống là kế chế đạp dơ. Chú dẫn Đại Luận hội trên thần danh. Chữ hựu trở xuống kế giải thích Mật tích, do Bồ-tát thị hiện cho nên được gọi như vậy. Kim cương tức là cầm chày dùng để làm đao, sau dẫn luật Ngũ Phần, hầu hạ hộ vệ Phật, sau khi Phật diệt độ cũng như vậy. Nếu có cỗ lấy cho khai câu dứt. Chữ nếu tháp trở xuống là nói lọng che. Chữ địa trở xuống là rõ trị, chữ tu trở xuống là nói khí cụ, do phong tục ở Ấn-độ phần nhiều đi chân đất. Để bên đường là tiện lên trên. Ngoài làm tường là sợ dơ uế. Chữ nếu trên trở xuống là nói dâng lên cúng dường. Thức ăn uống được cho đạo tục tức người giữ tháp. Làm việc tức người xây dựng. Chữ xá trở xuống nói giữ gìn Xá-lợi. Chữ nhược trở xuống là nói quét dọn, chỉ có thể bỏ bụi, vật khác đều được. Chữ Da trở xuống là nói sự trang mghiêm, thủ luân: xưa nói rằng “Trong tay Phật có bánh xe ngàn căm”.

Trong thứ tư, ban đầu nói chọn đất. Quy nghĩa là xem xét. Chữ kỳ trở xuống là chỉ phương chỗ. Nên hướng Đông bắc là để cửa chùa hướng Đông, tức hai phương trước mặt và bên trái làm, trong chú thích trước bày ở Ấn-độ, cũng viết là Tịnh. Hướng Đông bắc gió nhiều thì hơi hôi không đến điện tháp, đây là lý do cửa chùa hướng về phía Đông. Sau nói xứ nầy nên ở Tây nam, nay nhà bếp, nhà xí phần nhiều ở Đông bắc, cũng do hướng Nam tây gió nhiều. Chữ bất đắc trở xuống là cấm xâm phạm, ở Ấn-độ đất phật, Pháp, Tăng có giới hạn riêng, không lẫn lộn nhau. Chữ lạm trở xuống là chỉ giới trộm, kia nói muốn xây tháp ở đất của Tăng phải làm pháp hòa Tăng, v.ô5

Trong thứ năm, khoa đầu có năm đoạn; ban đầu khuyên tu. Nhất thiết trí, gồm thâu mười cõi, trí thế, xuất thế đều tròn đủ, gốm chứa không cùng, sinh ra vô tận, cho nên dụ như Tạng. Sinh thân là hiện tại, diệt thân là Xá-lợi. Chữ nhược tự trở xuống là rõ làm xong. Tự có công đức, nghĩa là giàu với đạo hạnh, mọi người kính tin. Với mình chớ khinh là do có khả năng cúng dường, được phước đức lớn. Chữ phàm sắc xuống là nói dụng tâm. Nhược dĩ trở xuống là nói vật thí. Hiện tại và sau khi diệt độ không khác nhau là chỗ được phước còn mất đồng nhau.

Nhược kiến trở xuống là nói cấp đủ.

Khoa kế, sửa chữa tự làm khuyên người tùy sức tự đào. Trong thứ ba, đầu tiên nói tạo lập. Chữ nhược thị trở xuống là nói làm cho sạch. Chữ nhậm trở xuống là nghiêm sức. Chữ họa trở xuống là nói tạp uế, cõi nầy thường dùng keo cá, trâu..., tuy là tanh hôi nhưng vẽ bền lâu. Chữ ưng trở xuống là nói cúng dường. Chữ bất trở xuống là nói phi pháp. Tô thoa sữa để rửa đều là phép ngoại đạo.

Trong phần thứ tư, khiến mật tàng là không sinh thiện. Khiến cung kính là sợ sinh kiêu mạn. Ngày nay có làm vọt tường hoặc vẽ tướng đầu Phật đều nên ẩn đi.

Trong phần thứ năm, khen ngợi có công năng hiển bày đức của Phật cho nên hơn cúng dường vật báu.

Trong thứ sáu, khoa đầu trong kinh Vô Cấu, trước người nữ hỏi va việc quả báo: quét tháp. Hai, là hỏi bơ, sữa cúng dường; bốn tướng tức hình người vuông tròn, bán nguyệt. Ba, là hỏi tu bốn pháp. Thiền là định của cõi Sắc và Vô Sắc. Phạm hạnh là bốn tâm vô lượng. Hai thứ trên là chánh dùng, một thứ sau là nhân nhẫn. Chữ Phật cao trở xuống là Như lai kế đáp. Đáp trong ban đầu hỏi năm thứ phước: Một là nội cảm. Hai và ba là ngoại ứng. Bốn và năm là lai báo, lớn là báo riêng, năm là báo chung. Chữ nếu người trở xuống là đáp câu hỏi thứ hai: bốn tướng bốn tiết, trong phần đầu “Nếu người tin Phật cú tuyệt”, câu nầy là nêu tâm nhân. Chữ viên trở xuống là nghiệp hạnh, nghĩa là ở đất tháp lấy bùn trét làm tượng, cho nên có vuông tròn khác nhau. Chữ bỉ trở xuống là nói được báo, tức sinh báo và hậu báo (ba món khác văn tiết đều như vậy).

Phật-bà-đề tức Châu Thắng Thân ở phía Đông, người cõi kia mặt tròn (Câu xá nói người ở Đông Châu mặt hình bán nguyệt không giống với kinh). Cù-đà-ni tức Tây châu, người cõi ấy mặt như nưa mặt trăng, Đâu-suất, Hán dịch là Tri túc, là tầng trời thứ tư ở cõi Dục. Uất-Đơn tức Bắc Châu, người cõi kia mặt vuông, Diệm-ma tiếng Hán nói là Diêu Thiện, là tầng trời thứ ba của cõi Dục, hình mặt người tức Nam châu, mặt người trên rộng dưới hẹp. Văn thoát hai báo, kia nói rằng: “sau sinh cõi Diêm-phù-đề, qua đời sinh lên tầng trời ba mươi ba (Đao-lợi)”.

Chữ sở trở xuống là tổng kết bốn tướng. Nếu người nhập thiền trở xuống là đáp câu hỏi thứ ba, ba câu đầu nói nhân tu. Bốn phạm hạnh là từ, bi, hỉ, xả. Chữ bỉ trở xuống là nói cảm báo, gốc lành là hiện báo, phước báo là lai báo, tức thế giới người, trời. Định Thiền Phạm sinh lên cõi trời, quy giới chung cho trời, người. Niết-bàn là quả xuất thế, kinh

Niết-bàn chép: "Phương Đông có thế giới Phật tên là Bất Động, Phật hiệu Mãn Nguyệt Quang Minh". Bồ-tát Vô Úy bạch Phật: "Chúng sinh cõi nầy tạo những nghiệp gì mà được sinh về cõi nước ấy?" Phật dùng kệ đáp như sao đã dẫn. Bốn câu trên tức bốn món nhân. Trong chánh thủ có hai, một câu sau là bày quả. Nói không Phạm, nghĩa là không xâm tổn.

Trong phần hai, Ấn-độ phần nhiều dùng diệu hương thoa thân cúng dường, mười giới chế cấm, ở đây hỏi đó. Trong pháp có hai, giải sau là chánh dùng của nay.

Trong thứ ba, phá chùa quả báo nặng, lại nói công lao tạo lập sâu nặng. Hai, là pháp xây chùa. Trong gồm chỉ bày, đầu tiên nên nhân pháp, tức Pháp Sư Lộ Dụ khen ngợi đạo hạnh cao đẹp, cho nên nói là thạnh đức. Tự cáo tức đường chung của văn kia. Chữ cụ trở xuống là chỉ bày chỗ trình bày kia. Chữ sự trở xuống là rõ chỗ dẫn dụ ngày nay.

Kế, trong dẫn bày, văn đầu tiên trước bày đúng như pháp. Cơ nghĩa là cơ hiện. Thiệp là can thiệp tức các chỗ gần chùa Ni, bên chợ v.v..., nghĩa là chỉ xây nhà ở mà khi yết-ma kiết giới thì có làm, cho nên nói cũng có. Nói ngoài hạn, hoặc nhà, hoặc ở ngoài chùa. Chữ số trở xuống là dẫn bày cây đá, v.v... là trồng cây tiêu biểu sự lớn lên, dựng đá là nói lên nghĩa xuất sinh Viện vô thường ở phía đây nói lên sự chìm nổi chẳng lâu. Lập chùa là tiêu biểu người mê biết quay về. Lầu quán là tiêu biểu thứ bậc đạo phẩm. Ven ao là tiêu biểu tà ma ngoại đạo rửa tâm. Cắt hoa sen tiêu biểu cho người tu hành tâm thanh tịnh, còn bao nhiêu như kia nói, nếu cần thì nên tìm (Đồ kinh ở gần Nhật-bản đen đến văn có hai quyển, tức Tổ Sư chọn). Ở đây che tà thuật nghĩa là khiến tà ma ngoại đạo không còn oai thế. Chướng dụ như đóng lại. Cần thú sợ oai nghĩa là khiến loài khác không dám xâm phạm. Hình nghi ẩn ánh nghĩa là tượng bày đáng xem, làm sự khâm phục kính mến cho đời, tức kẻ sĩ thứ dân sinh thiện (Xưa ghi vọng giải thích, nay đều không lấy).

Kế, trong vô pháp, khoa đầu miên tích giống như nói dài lâu, bỉnh là cầm. Thố cử nghĩa là mỗi việc phế lập đều mặc ý. Phỏng giáo nghĩa là xen lẫn tu tập theo phong tục sai lầm. Cạnh tâm là tâm chiến đấu cạnh tranh. Lực chí hết sức dụng ý. Cao hiển tức phó tranh tâm nhiệm mầu. Vượt kia bèn xưng chí hơn người.

Khoa kế nói người tục ngu tối, văn bày bổn chủ nghĩa chung cho người khác. Hủy là y cứ vật, tổn nhục là y cứ Tăng. Thừa là phụng thờ. Khoa nầy chữ lớn đều dẫn tự cáo, cho nên chú thích để giúp. Xin mời là cầu xin coi sóc các việc. Thời kia còn như vậy, ngay nay có gì là lạ. Lại

có điện đường yến tiệc, bếp Tăng nấu giết, gởi cho tạp vật, chứa nhóm lương thực, hoặc giành làm nha đình, hoặc kết làm trường vụ, hôn nhân sinh bản, tạp uế khó nói, đây là do đạo chúng chẳng có tài, đâu chỉ kẻ tục người Nho không biết, hối hận pháp môn bị che mất, ai là người phò trì. Lại than hận báo địa ngục, ai sẽ là người cứu trị, quyết lòng ôm hiểu biết sâu xe nầy không còn suy nghĩ, là biết họa phước không của, chỉ do người chiêu cảm, kẻ có sức, có thể giúp thuyền mà khuyên.

Trong phần ba, đầu tiên là chánh khuyên. Cãi vãng nghĩa là hối hận các lỗi trên. Tu lai nghĩa là từ đây về sau vượt lên. Theo pháp tức nương giáo, càng mới tức khởi kính.

Trong chú giải, đầu tiên bày ý bổn thí. Chữ duy trở xuống là bày chỗ ứng. Chữ vi bỉ trở xuống là nói lợi ích. Kế dẫn kinh làm chứng. Xà vương gây ra tội nghịch tà kiến, sau mới quy y Phật cầu sám hối, cho nên thực hành lệnh nầy. Trí thâu nghĩa là khoa phối tài vật. Rước đưa nghĩa là chỉ thờ quan liêu, việc thờ Phật đều khiến buông bỏ.

Chữ khởi trở xuống là suy tìm lý do được tin.

Trong phần bốn, khoa đầu có hai, trước khuyên kính thờ pháp vật, nơi chốn thọ dụng thường hay vắng lặng. Tượng bày hương đèn thường phải trang nghiêm sạch sẽ. Chữ nãi trở xuống là kế khuyên nhiếp tâm niệm pháp. Cắt nhiễm tức nhớ nghĩ hình tướng kia. Vốn mưu việc gì? Tức kinh chỗ cho rằng phải tự sờ đầu v.v... giới thể là niệm thọ thể, bổn thệ được lặp lại, tức kinh gọi là nghĩ pháp đã thọ v.v... Lý nghiệp sâu xa nhỏ nhặt, người đời phần nhiều ngụy lạm cho nên nói rằng “Chân chỉ”. Hành lai v.v... tức nhớ nghĩ thánh pháp. Lai nghĩa là đối với bốn oai nghi, bốn việc đều vâng theo khai chế, không cho vọng động. Tăng đã nội tu, kẻ tục quyết thêm cung kính.

Khoa kế, ban đầu nêu việc đời. Trong chú giải nói ngụy chủ sáu nước thời Văn Hầu, Can mộc người đời Tấn, lúc nhỏ nhà nghèo, làm nghề cầy bừa cắt cỏ, ở nhà tranh mà không cầu danh lợi, địa vị. Sau đến Tây Hà thờ Tử Hạ làm thầy, dưỡng đức không nói tâm thông sáu nghề (Lễ, nhạc, xạ, cưởi ngựa, làm thơ, toán số là sáu nghề). Văn Hầu trọng tài đức của Can Mộc, ra lệnh đem xe giá đến ra mắt. Can Mộc vượt tường trốn đi, tùy tùng nói: “Can Mộc cũng là kẻ sĩ vải thô có gì mà Ngài trọng như vậy, sao lai không bắt tội?”

Văn Hầu nói: Can Mộc không xu hướng lợi ở đời mà dừng ở đại đạo, ở ẩn trong hang cùng ngõ hẻm mà tiếng tâm vang cả muôn dặm. Hạnh nương đức, ít ai sáng ở đời, giả như sáng ở đức ít người giàu tiền tài. Can Mộc giàu ở nghĩa ta nghe đời không kịp đức, tôn tài không bằng

nghĩa trọng, ta dám không tôn trọng kẻ hiền đức đạo nghĩa hay sao?

Sau mời làm tướng mà không đến. Lư Thị tức Lưu Bị là tiên chủ nước Thục. Khổng minh tức Gia Cát Lượng tự Khổng Minh, Tiên chủ xem trọng, chính thân cầu làm Thừa tướng, Tiên chủ nói: "Quả nhiên có Khổng Minh như cá có nước". Phải biết giàu đạo đức còn khiến vua quý trọng, người khác có thể biết là dường nào.

Kế, là trong so sánh đạo, ban đầu nói người khác cung kính. Đạo sĩ vốn khen ngợi họ Thích, sau bị bọn khăn vàng lạm rình bèn không khen ngợi nữa. Đắp pháp y ấy là nói hình tướng, đến chỗ Phật đi là nói về nội tâm. Ba học vô lậu, tám chánh đạo, sáu độ, bốn thệ nguyện rộng lớn... là chỗ Phật đi. Oai nghi, v.v... là nói sự động dừng kia. Chữ nhược trở xuống là dạy tự kính. Do tự mất là quy lỗi về mình. Không đâu chẳng kính nghĩa là đối người không phân biệt. Chữ kính tất trở xuống là bày lợi ích. Kính người có oai nghi là tâm bày ra ngoài. Đâu chỉ v.v... là tự lợi gồm lợi tha.

Trong chú giải hiển bày nghĩa thầm cảm vời. Trên nêu dụ, ruộng không cầu, tâm người muốn toan gieo cho nên nói là tự gieo. Chữ đạo trở xuống là pháp hợp. Tăng không cần, ý người tự cũng cho nên nói là tạm gởi. Tiệm là thầm, thác là gieo vào.

Trong phần ba, đầu tiên là nói bày người khác khinh. Chữ dĩ trở xuống là kế nói tự mất. Pháp diệt thân là trái với các việc, tâm hình, oai nghi ở trên, buông thả trong ngoài thân tâm, không có pháp cho nên diệt ở thân. Chữ nhược trở xuống là kết khuyến. Chú giải chỉ bày đợi gặp pháp vua quan. Đầu tiên dạy oai nghi bên ngoài. Không đưa rước là do khuất đạo. Không đồng giường là sợ. Chữ hựu trở xuống là dạy nội tâm, nhưng đây y cứ Tỳ-kheo bên trong có thật đức, vua quan đều ôm lòng tin sâu cho nên có thể làm. Ngày nay đạo hay tục cả hai đều kém mỏng, chưa thể như văn, đều khiến có đạo vẫn còn phải quán cơ, sự ở nơi gặp thời, tuy nghi thích biến. Lượng sự rộng hẹp của món đồ, xét thứ vị cao thấp, quán căn cơ tin ưa sâu cạn. Xem lại tình phân thuần thục hay chưa. Đây cho nên Lễ Ký quý ở theo tục, Dịch Thơ tốt đẹp là tùy thời, nếu dính mắc một mối thì chắc chắn gặp hoạn nạn, xưa nay phần nhiều sợ đời có chiêu cảm.

****

## GIẢI THÍCH THIÊN HỨA THỈNH

Hứa là Tỳ-kheo nhận lời, thỉnh tức thí chủ mời đến. Lại hứa trước ý mời còn sự giáo hóa dẫn dắt, quyết bố thí pháp thức, phát khởi tâm kia nên nói là lập phép tắc.

Trong bày ý, ban đầu rõ lý do người đời lo sắm phước. Luận Trí Độ nói "hai phần phước trí, người đời tu phần phước nghĩa là bố thí. Kẻ đạo tu phần chánh nghĩa là học tuệ". Lưới trần ràng buộc nên nói là "Hôn tục". Thế nghĩa là giáo bày, chẳng phải cấm chế. Tiếp ngu hoặc, tức trước cái gọi là nhân duyên xuất gia đắc đạo, hoặc lại khiến xa lìa đường ác, sinh làm trời, người, kham lãnh sự giáo hóa. Chữ nhi trở xuống là kế nói đạo chúng nhận phó trái nghi, thí cả bốn việc cho nên nói rằng tập phiền. Sinh chê bai tức tổn người, si mạng tức tổn mình. Đường khổ tức mình và người đều đọa. Chữ cố trở xuống là bày điều thuật ngày nay, như biệt tức mười khoa sau, nêu chương có mười nhiếp hết trước sau. Một, sáu và chín sự chung Tăng tục, còn bao nhiêu đều ở Tăng, đủ như ở sau giải thích.

Môn đầu, trong đến thỉnh, luật Thập Tụng nói lập Duy-na, sau dịch là tự hộ, nghĩa là người làm việc giữ gìn trong coi chùa, còn bao nhiêu tên như ở quyển thượng. Tăng-kỳ ban đầu dạy đáp thỉnh, sợ làm ngại duyên cho nên không nhất định đáp. Nhược hữu trở xuống là khiến xét thật. Bất đắc trở xuống là rõ dự tham hỏi. Đây y cứ sinh phần, hẳn là xưa biết thì không cần.

Khoa kế, Luật Ngũ Phần khai mượn vật tăng. Luật Tăng-kỳ khai tăng làm việc, lại y cứ vô năng quyết hữu năng, chỉ có thể chỉ trao. Chữ Hưng nên viết là chữ Dư, là cùng khiêng vật. Trong văn chỉ phân biệt đối chữ Dư, sợ cho là được làm đồ ăn cho nên chú quyết thích. Môt là tránh xúc nấu, hai là trái nghi, Tứ phần nói lìa dối, dẫn bổn duyên khởi để làm phép tắc cho đời sau. Vì đời sau là hoặc sợ quá đáng mà vời lấy sự chê bai của người đời, hoặc sự đời mạt phước kém không tiêu nổi.

Trong thứ ba, dẫn quy tắc chân thật của Phật để làm phép tắc về sau, văn nêu ba tướng, tùy một liền thành giống. Đầu kinh âm nghĩa chép: "Tựa nên viết là đầu, thế gian cho là điểm đầu".

Trong thứ tư, Ngũ Bách Vấn có năm việc. Ban đầu xét vật thí, làm vật Phật tức nhà điêu khắc, vẽ tượng Phật ngày nay, gồm chung đạo tục. Nhược tiên trở xuống là kể rõ tái nguyện, nghĩa là nhà thi chủ khả năng không kịp, muốn dùng ba lần dâng hương ba lần thí vật tức là ba hội, do trái bổn tâm nên nói rằng không rõ. Chữ nhược trở xuống là

thứ ba nhận thần thực, Kinh Quỷ Tử Mẫu chép: Phật giáo hóa tại nước Đại Đâu, có có một bà mẹ tánh ác, thường trộm con người khác, Phật nói pháp cho nghe và bảo rằng: Từ nay về sau ở bên tinh xá Phật, nhân dân không con đến cầu thì nên cho. Nay hoặc có người bày đồ ăn đem thí cho Tỳ-kheo, chú nguyện liền vì thí chủ cầu nguyện, rộng ở quyển sáu. Chữ cô trở xuống là thứ tư chọn nhà thí, nhà bán rượu, do hợp với sự chê bai thì không được vào. Trước chế các thời nên nói là tất cả. Các cửa được ấy là quyết y cứ có duyên. Thỉnh tăng thiết trai khiến kia trì giới dừng nghiệp, phương tiện dắt dẫn. Nhược cộng trở xuống là thứ năm khai ngồi chung với thầy.

Trong thứ năm có ba, đầu tiên dẫn văn chỉ bày. Luật Tứ Phần chung hai thỉnh. Luật khai trở xuống là các văn đều nói tăng thứ. Phạm Võng chép: "Tất cả không được thọ thỉnh lợi dưỡng riêng về mình, mà lợi dưỡng nầy thuộc của mười phương tăng, thỉnh riêng tức là lấy vật của Hiền thánh Tăng mười phương" (Đây cấm thọ thỉnh) lại nói rằng thứ lớp thỉnh thì được Hiền Thánh tăng mười phương, mà người đời thỉnh riêng năm trăm vị La-hán Bồ-tát tăng, không bằng thứ lớp thỉnh một phàm phu tăng, nếu thỉnh riêng là pháp ngoại đạo, bảy Đức Phật không có pháp thỉnh riêng" (ở đây cấm thí chủ).

Nhân Vương cũng quở trách, kia nói rằng: "Các Tỳ-kheo tội ác thọ thỉnh riêng là pháp ngoại đạo, chẳng phải pháp của ta". Luật Thập Tụng, Thiện Sinh, v.v... văn quyển trung tùy tướng đã dẫn Ngũ Bách Vấn chỉ rõ thỉnh riêng, sai người đi thay tức là bỏ thỉnh, nếu nghi ngờ phạm tội đọa liền kết hay sai trái thí phi pháp, y theo luật phạm tội Đột-cát-la. Chữ ký trở xuống là thứ hai khiến khuyên khen thứ lớp tăng, hai câu sau chỉ lược về thỉnh riêng. Tùy tướng tức giới ăn riêng chúng.

Trong thứ sáu, ban đầu chỉ lầm. Chữ tốt trở xuống là cái chính hai chữ "Chú phần". Từ dưới đến trên nghĩa là bôn ba mà đến. Trên phó xuống nghĩa là lợi nhận hứa, nếu làm chuyển đến nghĩa dường như không tôn trọng, nay viết rằng phó là muốn nói lên đại độ. Phó là đến. (Ngày nay viết cáo tang nói chữ phó tức là báo điềm xấu, chữ tuy là Tổ dạy, không thể dùng đó cũng là nghĩa tùy thời). Chữ thử trở xuống là nói ý, nếu có chỗ không biết thì làm cho người tục khinh đạo, tuy nhỏ mà lớn, thành có chỗ giúp. Cao vọng nghĩa là đức nhìn cao xa, nhưng sợ đời sao cho là việc nhỏ bèn dẫn ngạn ngữ để làm chứng. Ngạn ngữ cho rằng "Theo truyền thuyết thế gian thường nói không y cứ sách vở". Câu đầu nghĩa là tạm mượn vật của người, nên nghĩ tức thời trả lại. Câu kế nghĩa là lầm lấy tài vật của người cần phải suy nghĩ sớm bồi thường lại.

Nói thấp hèn, nghĩa là tuy việc thường của thế tục, nếu có trái thì rất mất hành quân tử, cho nên nói liêm sĩ là gốc (Chỉ Quy cho rằng đây nêu ra văn trong Hy gia Tân yếu Lãm, Dương Thái Truyện nói rằng "Cố biết lời người, thời thưởng kia là sớm thưởng, thấp hèn là khinh nhỏ").

Trong phần bảy, luận Tát-bà-đa có năm chế. Ban đầu chế đồng đến không thưa trước vào. Não chúng cho nên đọa (theo luật, đến nhà người Phạm không thưa đồng giới lợi, nay là nhà thí chủ nên tội đột-cát-la). Chữ chủ trở xuống là thứ hai, chế cách này, vì trước đến nên vời lấy chê bai. Chữ nhược trở xuống là thứ ba chế ăn xong tự ở. Chữ kinh trở xuống là thứ tư chế biết việc đến sau, vì người sắp xếp việc nên đến trước. Chữ thực vị trở xuống là thứ năm chế chưa thí liền đứng dậy, nghĩa là chưa thí tài, chú nguyện nay tăng chưa làm thí không hề đi trước, vừa được thí đã không đợi chú nguyện là rất nhiều. Những người khác nghĩa là chẳng phải thủ lĩnh, làm riêng nghĩa là lén đi. Báo đồng học là khiến biến sở duyên. Chữ tuy trở xuống là lại giải thích chế ban đầu, trước nói nhà thí, văn nầy dường như nhà người khác.

Trong thứ tám, hai văn đều nói tăng thứ, luận y cứ pháp đồng, kinh cho hình đồng, đều là xuất gia giải thoát tức xứng đáng nhận sự cúng dường. Kinh Niết-bàn chép: "Tuy chưa thọ giới đã xếp vào số Tăng".

Trong phần chín, luật Tăng-kỳ nói tác niệm tức sáng sớm khởi sáu niệm, vì niệm chỗ ăn, các chỗ khác hối lỗi là trái niệm Độc kiết la, Luật Thập Tụng kết phạm lại y cứ nhà thế tục thỉnh riêng mà nói. Sau dẫn Luận để quyết tác hướng khởi tội, ở đây chung cho nhà thí chủ, không chỉ là thường trụ. (Xưa nói rằng ở đây y cứ tăng xá là sai)

Môn thứ hai, luật Tứ Phần ban đầu nói chúng nhóm. Nói muốn thọ nghĩa là sắp đến. Nhược đàn việt trở xuống là kế qua đến, có ba: đầu tiên bày oai nghi, tùy tướng sau kế như chim bay. Chữ nhược trở xuống là phần hai khai đi trước. Việc Tam Bảo, nuôi bệnh là duyên huốn, cho nên chế phải thưa, nạn mạng sống, nạn phạm hạnh là nạn gấp cho nên không cần hỏi. Nếu Thượng tọa trở xuống là thứ ba khuyên đợi nhau, y cứ vào văn đã nói là dưới đợi trên, nghĩa y theo trên dưới phải đợi nhau, sợ không kịp chúng cho lỗi đạo. Thứ ba, trong đặt Thánh vị, khoa đầu trước nói tượng Phật, hoặc có nhà riêng thì đến chỗ cũ. Chữ nhiên trở xuống là kế bày tòa thánh tăng, chia làm ba, đầu tiên dẫn chỗ y cứ. Đời Lương Võ Đế nêu ra văn kia đã mất, trong kinh Tạng Tân-đầu-lô có thấy, nói về pháp thỉnh. Do vị Tôn giả kia Phật dạy ở đời làm ruộng phước lớn cho bốn bộ đệ tử ở đời mạt pháp. Người chí thành cầu thỉnh thì phần nhiều có cảm ứng. Dự thỉnh đêm ấy, sinh nói rằng lắm giường

mới, mền nệm mới, trải lụa trắng trên nệm (tức sạch mềm), đầu hôm đúng như pháp mà thỉnh thì đều đến. Khi đến, trên nệm hiện có dấu nằm, ở nhà tắm cũng hiện dấu dùng nước nóng. Khi đại hội thỉnh, hoặc ở thượng trung hạ tọa hiện làm hình Tăng, chỉ người cầu thấy còn người khác không hề thấy, khi ngài đi rồi thấy hoa không héo nên biết được. (Nghĩa là dùng hoa tươi trải tòa Thánh vị, lấy không héo làm ứng nghiệm) nay đây chỉ lược nói là "Chỗ ngồi có tướng".

Chữ kim trở xuống là kế khiến dạy bày. Thỉnh Thánh là việc khó nên nói là không dễ. Người tục bàn nhận gọi đó là môn sư, người thế tục gọi là môn đồ (nay trái lại gọi Tăng là môn đồ là sai).

Chữ tất trở xuống là thứ ba nói tự lập bày. Trong bác bỏ phi, ban đầu bày phi. Ngồi không tức mạn Thánh, ở đất trước Phật đều là chỗ sai. Hẹp nhỏ gọi là bạc lược, xét bộ Ni Sao thì tòa không được cao thước sáu, lại không cho lấy đồ thường trụ Tăng cúng dường, vì hộ giới đồng với kẻ phàm, hoặc có bố thí lại dùng vào Thánh tăng (y theo nhà tục không được ứng phó, chùa Tăng thỉnh, Thánh tăng dùng) Lại chỉ lập tòa trống, không được để hình tượng lên. Chữ như trở xuống là chánh bác bỏ, chi thấy Ngài có thể người đó do không biết pháp, không có khả năng nhận lãnh tránh nhiệm nầy. Thắng duyên là Phật và Thánh Tăng. Tự tổn, tổn người gọi là diệt pháp, là rất đúng. Ngày nay người diệt pháp đều là đúng tên nầy.

Kế, trong trải giường, theo Tăng-kỳ thì ban đầu nói trải giường, vì người đời không biết cách cho nên dạy họ, ăn uống cũng như vậy, đồng đồ trải ở trước. Nhược thí chủ trở xuống là kế nói chỗ Ni. Được dạy sắp bày, trong Đề Xá chế Ni chỉ trao. Ở chỗ riêng là vì dứt sự chê bai nghi ngờ. Hoặc ở dưới tăng, chỉ khiến xa nhau. Không hơn tăng là tôn ty trái ngược.

Trường A-hàm có ba ý:

1. Bày Phật ở giữa.

2. Nói chỗ đạo tục khác nhau.

3. Biết chúng thế tục được đồng trai hội. Tuy có đây mà cuối cùng thành xen lạm, thường không sinh điều lành, may mắn có nhà riêng, chỗ khác càng tốt.

Môn thứ tư, khoa đầu trước nói trải tòa. Tiêu biểu cung kính có hai:

1. Trước Thánh, sau là mình.

2. Thân lui thì tránh Thánh.

Luật Tứ phần, kế nói nhập vị, xem xét lẫn nhau chớ để cho phi

pháp. Sau dẫn luật Tăng-kỳ, bày pháp không đúng như pháp tướng loạn chánh. Ma-ha-la là Tỳ-kheo-ni ngu si, chỉ sai khiến khởi, do nữ giới phần nhiều thẹn thùng. Dâm nữ, tức ở trong Ni chúng có người làm điều ác.

Khoa kế, luật Tứ Phần đầu tiên chế tướng hỏi. Năm tuổi tức hạ lạp. Chữ nhược trở xuống là bày chuyên khai. Cho tám Ni tức là văn trong Đơn đề của Giới bổn ni. Nay đây y cứ dùng, chữ lao trong phần ba là khứ thịnh, là an ủi. Do đến nhà thí chủ không nên đứng im lặng, phải trước an ủi, thăm hỏi khiến sinh vui mừng mạnh mẽ. Trong nhà là miệng người, sinh hoạt là sự nghiệp, còn bao nhiêu thì tùy cơ, cho nên nói là "đẳng", nhưng đạo quý ở ít lời, không nên dính mắc nhiều, chỉ tùy thời duyên dắt dẫn mà thôi. Kia hoặc nói lời khéo léo khiến vọng sắc lấy tình trên gương mặt, uốn lưng, cúi đầu, ý mưu cầu sau mới thỉnh, đâu chỉ là khuất đạo, mà còn là diệt pháp, nếu trọng đạo hộ pháp thì quyết không làm như vậy.

Trong thứ tư, ban đầu chế đến sau. Cố ở sau, nghĩa là tự cậy mình tôn quý, ý muốn động chúng. Ngày nay nhiều người như vậy, nghe thì phải nên răn dạy, chỉ có thể ẩn đức của mình khiến người tôn trọng, đâu chỉ tính kế để gọi là quang vinh. Tuy có thể bỏ qua vì không biết, thật đáng chê cười người có hiểu biết. Chữ diệt trở xuống là kế khai không đứng dậy. Dầu là tôn trưởng chẳng phải việc nên làm. Chữ nhược trở xuống là phần ba rõ lưu vị. Đây gọi là biết kia có duyên mà chưa đến.

Trong phần năm, Luật Tăng-kỳ đầu tiên là Thượng tọa quở dừng. Thánh Tỳ-ni tức là giới của Phật, do trong phép Chúng học chế vào nhà người tại gia không được giỡn cười, phải nên im lặng không nói, là thịt ở chân răng. Vô thường, v.v... là bốn niệm xứ. Tưởng chết tức chín tưởng. Chữ do trở xuống là kế dạy người khác tự lợi. Cỏ gãy nghĩa là cỏ khô trong tay gãy. Chữ nghĩa trở xuống là lệ quyết, y theo trên quở chế khiến giữ gìn cẩn thận.

Trong phần sáu, luật Ngũ Phần ban đầu là lời khen Thí chủ. Chữ hựu trở xuống là dạy đến chùa mình, người cần báo khiến biết cho ăn. Luận Tát-bà-đa cho rằng khách bên ngoài, nhiều khiến tác pháp mời đến. Hoặc thí chủ, hoặc môn sư đứng ở chỗ cao xướng rằng: "Người sáu mươi lạp vào" (không có thì giảm dần) hễ được một người liền khỏi các tội. Còn bao nhiêu không nhóm nghĩa là sau có người đến, chỉ tùy tướng tức giới riêng chúng.

Trong phần năm, luật Tứ Phần hỏi: Các tịnh là do thấy trong mâm có rau quả sống" cho nên phải hỏi. Y theo trong tùy tướng phải hỏi nước

lọc chưa. Luật Tăng-kỳ nói đưa đồ ăn. Về pháp Thường thọ, Kinh Kim Quang Minh chép: "Có hai nhân duyên thọ mạng được lâu dài: Một là không sát sinh, hai là bố thí".

Môn thứ sáu, khoa đầu Tứ Phần, ở sau sợ nghĩa là nhân pháp được. Lạm ăn tà duyên kia, người đời truyền ý ở trước, khiến cho chúng đương thời biết trước tình chỉ rồi mới nhận ăn, cho nên nói là không lỗi. Nhưng tuy cả hai không nương pháp càng tốt, nếu y cứ tùy cơ thì không thể nhất định.

Trong phần hai, đọc tụng phải đợi người mời. Nhà thế tục ngày nay hoặc có tang chay, chúng tăng cùng đến gượng làm việc phúng tụng, không có ý lợi người, chỉ mong mời trai tăng, trọng ăn uống, hoại chánh pháp, vời lấy sự chê cười của thế tục, người biết nên răn dạy.

Trong phần ba, khoa đầu là thêm tức duyên cầm hương rước tăng, do có thể tín chung cho nên nói rằng "Phật sai". Hiền ngu là duyên hành hương kia thứ bảy nói rằng: Phật bảo A-nan: về quá khứ vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, ở cõi Diêm-phù-đề có một nước lớn tên là Ba-na-nại, lúc bấy giờ có một người ưa lo làm giàu, tâm kia ưa thích vàng, ra sức gom chứa, khi được một hũ thì đào đất chôn trong nhà. Trọn đời chứa nhóm như vậy được bảy hũ vàng và đều chôn hết, sau bị bệnh chết, làm một con rắn độc giữ các hũ vàng đó, như vậy lần lựa làm thân rắn cả một muôn năm, đến khi thọ thân rắn sau cùng thì tâm nhàm chán bỗng sinh khởi, thấy một người tiện đường đi ngang qua, rắn kêu người đó nói rằng: "Nay ở chỗ tôi đang có một hũ vàng muốn nhờ ông cúng tăng làm phước. Lúc bày đồ ăn cúng thì đem một cái A-tiên-đề (Hán gọi là thảo lung, tức cái lồng tre) đến bắt tôi". Người kia đến ngày mang con rắn đến chùa để trước chúng tăng, khi ăn rồi rắn đến chỗ tăng đứng lên và sai người kia thứ lớp cùng dường, Tăng thọ thực xong nói pháp cho rắn nghe, rắn càng thêm hoan hỉ, bèn dẫn chư tăng đến chỗ để vàng, có hơn sáu hũ vàng đều cúng hết cho Tăng, liền bỏ thân rắn sinh lên cõi trời Đao-lợi.

Phật bảo A-nan: Người mang rắn đến chỗ Tăng lúc ấy chính là ta ngày nay, rắn độc xưa là Xá-lợi-phất ngày nay.

Phú-na-kỳ cũng là kinh thứ sáu kia, chép rằng: Lúc Phật ngự tại nước Xá Vệ, nước Phóng bát có vị Trưởng giả có người con tên là Phú-na-kỳ, sau xuất gia chứng quả A-la-hán, giáo hóa người anh là Tiện-na làm nhà chiên đàn thỉnh Phật, đều cầm lư hương cùng lên lầu cao, xa hướng về tinh xá Kỳ-hoàn, đốt hương đảnh lễ niệm Phật và Thánh Tăng, khói hương bay theo hư không đến trên đảnh Phật kết thành một

lọng báu, Phật biết liền nói với Tỳ-kheo Thần Túc đồng đến. (trước là duyên hành hương, sau là duyên rước tăng)

Kế, khoa đầu, phân biệt thí chủ đúng sai. Tăng mắc tội tăng tàn, Ni phạm tội nặng Ba-la-di. Chữ ngũ trở xuống là nói nghi thức Tỳ-kheo, luật, luận đều y cứ nén hương cho nên có lỗi nầy, ngày nay phần nhiều dùng khói hương xông tay, thì nam nữ ngồi đứng theo lý đều thông.

Trong phần ba, bại là âm Phạm, chưa thấy văn kinh ấy, trên dẫn các duyên, chỉ thẳng hành hương không nói lâm bại. Chữ cố trở xuống là chỉ các văn, chỉ rõ khai bại, ý là vẫn còn, nay cũng ít dùng.

Trong chú nguyện, khoa đầu Tứ Phần khiến tùy muốn tức là cơ, ưng cơ nói pháp thật khó, trách nhiệm kia ở người có trí, tùy việc quán lường, Tăng-kỳ chọn người có khả năng, không cần phải là Thượng tọa. Cho đến là tùy có, không thể thứ lớp chọn xuống. Đều mắc tội là hợp chúng, đột-cát-la chế phải học.

Văn ban đầu trong chánh chỉ bày, trước bác bỏ sự sai lầm của người thế gian. Thụ là đức trẻ chưa đội mũ, nay chỉ gọi chung, thường người nhỏ là phàm thụ. Quý tộc là trưởng giả giàu sang. Đảnh thực, đảnh là đồ đựng thức ăn, quan Đại phu trở lên đều nêu đảnh mà ăn, nay truyền lầm gọi đó là Hóa, gượng nói vọng vui gọi là siểm, nay đọc sớ hiện việc soi rõ. Chữ cố trở xuống là dẫn so sánh, kinh pháp còn như vậy các việc khác làm sao nói cho hết.

Khoa kế, trong kệ của người chết, hai câu trên là than vô thường, bao nhiêu đều bày quả báo về sau. Cõi trời, địa ngục là quả báo thế gian, Nê-hoàn là quả báo xuất thế gian, do nay tu điều lành quyết được quả báo lành. Kế, hai câu trên của kệ sinh con là thay chỗ nương tựa. Bảy đời tức bảy Đức Phật. Bốn câu kế là nêu dụ, nghĩa là quy về Phật được hộ trì như cha thương con. Hai câu sau là giúp thân thuộc. Nhà nước, luật kia chép: "Nếu vào nhà mới bày biện cúng dường, nên nói rằng: Nhà cửa che mát bố thí, (nghĩa là làm nhà thực hành bố thí) chỗ muốn tùy ý được chúng hiền thiện cát tường ở trong đó mà thọ dụng" Ở đời, người có chút trí tuệ biết ở chỗ mát sạch mà trì giới, giữ phạm hạnh, tu phước, bày biện đồ ăn, Tăng chú nguyện cho nên dũ trạch bụi trần thường sinh hoan hỷ, sinh tâm lành ngày đêm ở trong đó. Nếu vào trong xóm làng và đến chỗ hoang vắng, hoặc ngày hoặc đêm, thiên thần thường theo ủng hộ. Cổ khác, luật kia chép: Các phương đều an ổn, chư Thiên tốt lành, nghe rồi hoan hỷ, mọi chỗ muốn đều được, kẻ hai chân an ổn, loài bốn chân an ổn, khi đi được an ổn, lúc đến cũng an ổn, ngày an đêm cũng an (nghĩa là người hay khách, đến hay đi, ngày và đêm

đều bình an). Các vị trời thường giúp đỡ, bạn bè đều là hiền thiện, tất cả đều an ổn, mạnh khỏe, hiền thiện ưa, tay chân đều không bệnh, giở thân động thể không có bệnh khổ, nếu có muốn gì liền được, sự mong cầu đáng như tâm nguyện.

Thủ phụ ấy, nên nói rằng "Người nữ tin giữ giới, người chồng cũng vậy, do tín tâm nầy có thể làm việc bố thí, hai người đều trì giới tu tập hạnh chánh kiến, cùng ưa vui làm phước, các vị trời thường tùy hỷ, quả báo của nghiệp nầy như đi đường không có tư lương."

Về xuất gia, luật kia chép: "Ôm bát xin mọi nhà, gặp người sân hoặc gặp người vui vẻ, toan giữ gìn ý kia, xuất gia bố thí là khó." Chữ Tăng trở xuống là bày chế. Trong phần ba, lời kệ Trường A-hàm tức khen ngợi bố thí, hai câu đầu khen kia tin ưa, hai câu kế là khen lòng nhân kia, hai câu sau bày cảm báo. Đáng kính đáng thờ là chỉ cho Tam bảo, kính là trong tâm, thờ là cúng dường. Lời nguyện trong luật Ngũ Phần, bài kệ đầu nguyện người và súc sinh đều an vui, một bài kệ sau là sự mong cầu được đầy đủ. Cày ruộng gieo giống dụ cho ngày nay bố thí, chữ nghĩa trở xuống là y theo răn dạy, y cứ Thánh là phép tắc, muốn ở tùy nghi. Bốn biện nghĩa là: Nghĩa vô ngại biện, pháp vô ngại biện, từ vô ngại biện và lạc thuyết vô ngại biện. Đối duyên, duyên là cơ.

Trong thứ tư, kinh thứ sáu nói rằng: Xưa, ở thành Xá-vệ có Trưởng giả thứ lớp thỉnh tăng, lúc ấy ngài Xá-lợi-phất và Ma-ha-la đến nhà kia, ngay lúc đó cổ khách được của báu mang về nhà, lại vua nước ấy ban cho xóm làng, phong cho chức Trưởng giả, lại người vợ sinh được con trai, nên nói rằng: "Các điều vui lớn nhóm họp". Lời nguyện có năm câu, hai câu đầu xưng cái vui kia nhóm, chữ báu là viết nhầm, kia viết đúng là chữ báo. Hai câu kế là khen hạnh bố thí, mười lực là đức của Phật, do nghĩ nhớ Phật nên sắm sửa cúng dường. Câu sau là chú nguyện.

Ma-ha-la khổ cầu, luật kia chép: Xá-lợi-phất chú nguyện rồi, Trưởng giả tâm vui mừng liền lấy hai bức lụa trắng cúng dường Ngài. Ma-ha-la buồn rầu, nhân đó theo cầu học, sau ở trong tăng thứ lớp được làm Thượng tọa, Trưởng giả kia xuống biển mất của báu, vợ ông ta lại gặp nạn quan, con lại bị chết, mà Ma-ha-la chú nguyện y như trước, trưởng giả nghe rồi tâm liền tức giận đánh đuổi đi là lần thứ nhất. Vào trong ruộng mè của vua, đạp mè, bị người giữ ruộng lấy roi đánh đi là lần thứ hai. Đi đường tiến về trước gặp người cắt lúa mạch, pháp thế tục kia nhiều lúa mạch xoay bên phải thì bày thức ăn uống, xoay bên trái thì là không lành, bấy giờ, Ma-ha-la bèn xoay bên trái, chủ lúa giận

nắm tay đánh nói rằng: “Sao không xoay bên phải và chú nguyện rằng thêm nhiều vào” là lần thứ ba. Lại đi về trước gặp người chết, Ma-ha-la bèn nhiễu mộ kia và chú nguyện nói là nhiều vào, tang chủ nổi giận bắt đánh, nói rằng: Ông thấy người chết phải thương xót nói rằng: Từ nay về sau chớ có như vậy, là lần thứ tư. Lại đi đến trước thấy người làm đám cưới liền chú nguyện rằng: Từ nay về sau chớ như vậy nữa. Người kia nổi giận lấy roi đánh, bèn nói: Sao không tránh đi, là lần thứ năm. Lại cuồng chạy, gặp người bắt chim, chạm vào lưới thợ lưới chim giận lại đánh, bèn nói: “Sao không từ từ bò tới mà đi” là lần thứ sáu. Bèn y lời kia nói, gặp người gặt áo, thấy kia bò đi cho là muốn trộm y áo, bèn lại đánh, đây là lần thứ bảy. Về chùa Bạch Phật, Phật do đó răn dạy chúng. Như văn nói rằng: “Kẻ hậu học gặp văn dè dặt chớ cười, phải hổ thẹn là mình không có khả năng giáo hóa người, cần gấp tiến học, nếu ông làm Thượng tọa thì sẽ thế nào? Thường thường gieo xấu cho người thì đời sau sẽ giống Ma-ha-la”.

Môn thứ bảy, khoa đầu trong thọ thực có hai: Ban đầu định trước sau, đã đều có đưa ra, tùy dòng không ngại. Kinh nói ý ấy, tức đặt thầy chỗ y cứ, kia nói: “Phật bảo ngài A-nan: từ nay về sau, cúng thí xong khi ăn dùng đây làm thường” (sấn tức chú nguyện nói pháp). Kế dẫn lời nguyện. Lợi gồm tài và sự. Vui chung thế gian và xuất thế gian, dẫn đây làm cách thức còn bao nhiêu tùy căn cơ.

Khoa kế, đầu tiên nêu lý do có năm:

1. Bắt chước Chư Phật: Do Phật bắt chước Phật mà dạy đệ tử khiến chọn pháp. Mi là cháo.

2. Ngại chúng giới: Hoặc sợ ngồi vòng tròn không ổn mà phạm túc thực, hoặc lìa các nghi sai trái, v.v...

3. Tịnh y: Ở tây Thiên đi chân không ngồi thì dơ y, ăn xong rửa chân mới ngồi kiết già.

4. Di-tục: Quyết phải như thế tục kia khi ăn thường ngồi mâm, xứ nầy không như vậy.

5. Ăn để: Liền đối việc.

Chữ nhân trở xuống là lập pháp chế. Kiếp trước tức là sau gọi đó khác nhau. Bốn dọc nghĩa là chân chạm đất ngón hướng lên. Giao nghĩa là phải trái xen nhau. Kiều là đứng một chân. Trong xuất sinh thực, văn đầu tiên tuy chung trước sau lý hợp ở trước, theo kinh Bảo Vân thì khuất thực chia làm bốn phần: một phần cho người đồng phạm hạnh, một phần cho người xin, một phần cho quỉ thần, một phần cho minh ăn, cho nên biết trước đưa cho sau mới tự ăn.

Khoa kế, trong văn dẫn, đầu tiên là dẫn bổn duyên, kinh Niết-bàn quyển mười lăm chép: Phật du hóa ở nơi hoang vắng, nơi xóm làng, có một quỷ thần tên là khoáng dã, thuần ăn máu thịt giết nhiều chúng sinh. Lại ở xóm làng kia mỗi ngày ăn thịt một người. Phật thuyết pháp cho mà nó ngu si không nghe theo, Phật hóa thân thành một vị quỷ thần có sức mạnh, quỷ kia kinh sợ quy y, Phật hiện thân như cũ lại nói pháp cho nghe, khiến quỷ thọ giới bất sát.

Quỷ bạch Phật rằng: Con và quyến thuộc thỉ nhờ máu thịt mà sống, nay thọ giới phải làm sao để sống?

Phật nhân đó dạy đệ tử, như sau sẽ dẫn. Chữ Tứ phần trở xuống là kế nói nêu chung.

Truyền rằng, xưa chép: "Pháp Mãnh đời Tấn đến nước phía Tây, tương truyền miếu quỉ tức thần khoáng dã, hoặc Quỷ Tử mẫu". Nay phần nhiều vẽ ở đầu cửa, vốn được cúng cho ăn, người đời nay gọi là thần cửa, lầm thay rất lâu. Chữ Ái đạo trở xuống là thứ ba, chỉ bày nhiều ít, đây y cứ nêu riêng mà nói. Sau dẫn Luận Trí Độ, quỷ có khả năng biến thực cho nên không cần cúng nhiều, sợ phí của tín thí.

Khoa kế, đầu tiên nêu việc đời, chữ y trở xuống là trong khuyên dẫn bao hàm ý người chết không cần thọ hưởng. Nhập xứ là tên chỗ ở của ngạ quỷ. Trước nếu tự trở xuống, nên thêm chữ tự để giúp. Tạp A-hàm khuyên làm phước, nói rộng việc ấy, kia nói: "Có một Phạm Chí bạch Phật con có người bà con mới chết, muốn sắm sửa đồ ăn cúng không biết người kia có ăn được chăng?"

Phật nói: "Trong loài ngạ quỷ có một chỗ gọi là nhập xứ, ngạ quỷ ở đây được ăn, còn chỗ khác thì không được, vì đều có đồ ăn riêng".

Không sinh nhập xứ nghĩa là sinh vào đường khác. Tự được công đức nghĩa là do sức tâm thí cho nên nhậm vận thầm hộ trì. Giới là năm giới, chỉ được thân người, lại y cứ cận báo nói phải bố thí. Kinh Thí Dụ nói nhân ngài Mục-liên thấy rồi bạch Phật, Phật đáp như trong sao. Rõ biết thí phước thầm giúp chốn u linh, chỉ có thể tu hành, không phải nhọc nhằn cúng tế. Trong phần ba, do quỷ có thần thông biết ít làm nhiều, ở đây nói thí xuất sinh không cần cúng nhiều.

Trong tạp pháp, khoa đầu, luật Tăng-kỳ trước tiên khiến chiếu cố người ở gần. Chữ nhược trở xuống là kế dự thảo nhận ăn. Người thứ ba tức mình trên hai tòa. Luật Tứ Phần khiến Thượng tọa xem đồ ăn đồng đều không cho chỗ nhiều chỗ ít. Vẫn dẫn kinh bày nửa quả, kinh rút ra trong tập A-hàm, kia nói: "Vua A-dục dùng mười muôn ức tiền vàng cúng thí mà chưa đủ vì chỉ có bốn ức, các quan tâu với Thái tử, Thái

Tử liền ra lệnh cấm, cho đến trong tay vua chỉ còn nửa trái Am-ma-lặc. Vua A-dục buồn than rồi liền sai người hầu đem trái cây ấy đến chùa Kê tước nói ý mình rằng "Vua A-dục thăm hỏi các đại Thánh chúng, và đây là sự cúng dường sau chót, xin các vị thương xót mà nhận sự cúng dường này". Bấy giờ, vị Thượng tọa liền sai nghiền nát ra bỏ vào nồi canh, khiến tất cả đều được thọ dụng, làm việc nầy rồi vua liền qua đời.

Khoa kế, luật Tứ Phần nói duyên chế, luật Tăng-kỳ nói khai thông, Thập Tụng hội tên, đồng cúng là y cứ cho khắp, đồng được là y cứ thọ đủ, đẳng là đồng. Tùy ý tức mặt tình ăn, luật Ngũ Phần kết phạm, văn nói Ni phạm, chúng sau tội nhỏ, Tăng nên y cứ đồng, luật Thập Tụng nói duyên riêng đợi được khắp câu dứt.

Trong phần ba, luật Ngũ Phần dạy nghi thọ thức ăn, luật Tăng-kỳ dạy pháp Tiến thực. Hồi thực nghĩa là hồi chuyển trong miệng, thêm một lần khuyên thế tục hành thực. Vua quan làm việc là nghi thường ở Ấn-độ, ở ở Trung Hoa Lương Võ Đế đích thân làm. Ích hành tôn trọng pháp xưa nay không có, còn bao nhiêu thứ dân chưa đủ tự trọng.

Trong phần bốn, luật Tứ Phần nói người v.v... Hai bộ là hai chúng, tức năm chúng đều thâm nhuần trước Tăng sau Ni, y cứ buổi sớm. Kế là dẫn văn kinh khuyên thực, v.v... nói rằng: "Kinh Phạm-ma-nan Quốc Vương", mất tên người dịch. Tăng-bạt nghĩa là khiến ăn đồng một vị, khác với đẳng cúng ở trước.

Trong phần năm, luật Tăng-kỳ ban đầu dạy giữ tay, nước kia dùng tay bốc ăn, xứ nầy ăn bánh trái phần nhiều cũng dùng tay. Chữ ẩm sắp xuống là kế dạy giữ gìn đồ đựng, đồ uống tức đồ ăn canh có nước. Khẩu xứ tả, ở đây y cứ nhiều người cùng dùng, muốn che hạ tọa cho nên rửa khiến đồ ăn sạch sẽ. Chữ thượng trở xuống là thứ ba, răn nhắc đại chúng, Tứ Phần ban đầu nói không được ăn, nghĩa là làm đồ ăn có rơi rốt không được tự đói, mất giới hạn lớn. Chữ nhược hữu trở xuống là kế nói thu dọn vật rồi. Tỳ-nại-da dạy khi ăn lấy bát.

Trong phần sáu, luật Thập Tụng nói không được vung tay mà ăn, Tăng-kỳ nói không được nhai cơm có tiếng nhóc nhách, bạc tiêu là nhai có tiếng. Tỳ-nại-da nói túc tỷ: hoặc khi ăn khịt mũi, hoặc nhai cơm như tiếng khịt mũi. Ngũ Phần nói đầu tiên không được tay bốc cơm rơi rớt mà ăn. Chữ ích trở xuống là kế khai ngậm cơm nói chuyện, kế là dẫn luật Tăng-kỳ bày riêng khai chế. Tứ Phần khai thức ăn rơi rớt, luật Thiện Kiến khai nước trong bát đổ vào nhà người tại gia, vì không có cơm.

Thứ tám, là luật Tăng-kỳ nói đầu tiên chế đợi nhau, chỉ y cứ

Thượng tọa. Loại sói có thú tánh bạo ác để để dụ cho sự gấp gáp. Chữ Bối âm là phái, hoặc viết là Bối. Chự hựu trở xuống là kế nói dư thực, sợ cho rằng Tăng ăn dư không nên cho người thế tục, theo đây nói khai trong chùa nên đóng. Khoa kế, trong kinh, hành thủy nghĩa là đồ riêng đựng nước, để khi ăn rửa tay, ăn xong súc miệng, không giống như ngày nay rửa tay mà ăn. vẫn dẫn Tạp A-hàm chứng dùng súc miệng.

Trong phần chín, khoa đầu là đạt-sấn, đại sấn là tiếng Phạn hơi khác, cũng nói là đàn sấn, Hán dịch là Tài thí, nghĩa là pháp báo thì, gọi là đạt sấn, văn y cứ thí y, y theo nên không cuộc hạn (người đời cho là dùng tiền thí ăn gọi là sấn, không biết tiếng Hoa tiếng Phạn đều nêu, gọi thuyết pháp là thí tài, đều sai).

Hỏi: Vậy gọi thí vật hay là gọi nói pháp?

Đáp: Y cứ vào tên gọi vật. Nay cho rằng khi làm bố thí quyết nói pháp, vì từ ngữ nói pháp cho là đạt-sấn, theo lý nói đủ là đạt-sấn nói pháp, sự nghĩa mới hoàn toàn.

Hỏi: Ở đây khác gì với chú nguyện?

Đáp: Theo sự thì hình như đồng, nghiên cứu nghĩa thì có khác, chú nguyện thì riêng bày chớ làm, đạt sấn thì chung nói pháp, nay hoặc sắm sửa trai Tăng sự cần dùng chung.

Khoa kế, ban đầu dẫn khuyên khởi, một khiến sinh nghi, hai là làm cho sinh khởi chê bai. Đàn-việt cũng nói là Đàn-na, đều là lầm lược. Tam Tạng Nghĩa Tịnh nói rằng: "Nói đủ là Đàn-na-bát-để" Hán dịch là Thí chủ. Chữ Thập trở xuống là kế dẫn Phật chế. Văn chú chỉ trên, tức nếu vì làm lợi cho nên có các bài kệ bố thí, v.v... Khi nói còn bao nhiêu nghe ấy là có duyên cần đến, không có duyên ở.

Trong thứ ba, bốn lợi ích thì hai lợi trước là lợi người. Trong thứ tư, khế kinh Tu-đa-la là Hoa Phạm đều nêu, mỗi món nghĩa là khiến tùy cơ mà nêu. Văn khai nhiếp ấy, là không cần tụng hết.

Trong phần năm, luật Ngũ Phần phân biệt đức. Ban đầu dẫn duyên, phá giới không hạnh, tà kiến không có trí tuệ, căn cơ không đầy đủ là không có oai nghi, người ác được thế lực nghĩa là nhờ đây mà sinh khởi chê bai.

Chữ Phật trở xuống là lập chế. Già luận lựa chọn khả năng, văn rõ tụng bối, lệ y theo nói pháp quyết chọn người có khả năng.

Trong phần sáu, đầu tiên nêu kệ luật. Tăng nhất trở xuống là dẫn giải, câu đầu là hai nghiệp thân miệng, câu kế là nghiệp tâm, ba là chánh tuệ, bốn là chánh tín.

Trong phần bảy, ban đầu bác bỏ thế gian. Chữ nhược trở xuống

là kế khuyến nói. Theo luật Ngũ Phần, tức trong chú nguyện dẫn rằng "Bốn chân ông an ổn v.v...", hoa xỉ là lời thêu dệt, hoang phí thước giấy, trái lại với chữ xa.

Trong thứ mười, tám người tức lưu hai chúng còn bao nhiêu khai đi trước, đồng như trên có duyên, Bần đạo cũng nói là phạp đạo, đều là lời khiêm nhường, nay Tăng thọ trai chỉ biết ăn no nhận cúng thí mà thôi, chứ luận nghi pháp độ không có một chút đáng xem thì lấy gì khiến thí chủ kia phát tâm lành, để tiêu của tín thí, thương thay.

Khoa kế dẫn kinh, Phật đang nói pháp khiến người sau bắt chước, bộ là giờ thân.

****

## THIÊN GIẢI THÍCH ĐẠO TỤC

Đạo là pháp năng giáo hóa. Tục là căn cơ được giáo hóa, dùng pháp tiếp cơ quyết vâng theo chánh giáo. Chuẩn bị thong thả phép tắc hóa độ nên gọi là hóa phương (phương pháp giáo hóa).

Trong ý nghĩa, bốn câu trước của khoa đầu là nêu chung, bóng theo hình mà sinh, nghe do tiếng mà phát, hình và bóng, tiếng và âm vang không thể lìa nhau nên dùng để dụ. Hình riêng dễ hiểu. Nói pháp riêng, hoặc y cứ giới mà giải thích, hoặc y cứ hai phần phước và trí để giải thích, hoặc có thể giáo thế và xuất thế, chế pháp khác nhau. Chỗ đến đồng, nghĩa là đạo tu nhân giải thoát, tục kết duyên giải thoát, hạnh kia mau chậm mà cầu giải thoát thì không khác, rất hợp văn sau.

Chữ cho nên ố trở xuống là giải thích rộng. Ban đầu giải thích giúp nhau, bốn câu trước giải đạo nhờ tục giúp, phụ nghĩa là gần gũi. Hai câu sau nói tục cầu đạo giúp. Chữ cố trở xuống là kế giải thích chỗ đến, câu đầu là Phật bảo, hai câu sau là hai ngôi báu pháp và tăng. Trụ trì một câu chung suốt trên dưới. Tăng đồ diệt, vì Tăng tông thiếu hạnh tức là diệt.

Trong khoa kế, ban đầu bày vọng làm. Kiêu mạt là thời, ít hiểu biết là người, rõ luật là có hiểu biết, biết thời là có trí. Lời từ cổ họng phát ra, sự do tâm cất. Không khảo sát kinh điển cho nên phát ra từ tâm họng. Chữ sở trở xuống là bày lỗi lầm, sự mặc tình ở tâm cho nên phi pháp, lời pháp ra nơi họng cho nên lầm lạm. Đều do đồng ấy là suy lý do vọng. Gang tấc nghĩa là tâm trí, cho nên sau dẫn chứng. Hai câu đầu là là tùy tục, hai câu kế là chê pháp, hai câu sau là tạo nghiệp rộng sinh.

Tà kiến nghĩa là lần lữa hoại người. Trong phần chương, chữ châm là điều khuyên răn, chia làm ba chương: Hai giáo trước, đạo đối tục chỗ làm, một giáo sau là tục khiến tăng truyền cáo.

Trong nghi nói pháp, khoa đầu trước hết là khuyên người đời hộ pháp, vì Phật khen ngợi. Kinh nói: "Nếu hộ trì pháp, phải biết người này chính là đàn việt lớn của Chư Phật ở mười phương. Chữ hựu trở xuống là răn chắc kẻ đạo thọ thí ban đầu bày răn nhắc. Đình lịch tử dụ cho rất ít. Kế giải thích tướng phá. Sau là chỉ bày tên ác. Chỉ là không trong sạch. Khúc là không ngay thẳng. Huyễn là không chân thật. Tặc nghĩa là xâm đoạt, vọng tổn tín thí. Túy nghĩa là thần tánh hôn mê. Thiên-đà-la là làm hại tuệ mạng người, nêu như vậy ba mươi mốt, nay thấy có hai mươi tám".

Trong phần hai, ban đầu khai tiếp cốt yếu. Chữ bất đắc xâm trở xuống là chế phi pháp, có sáu món; hai người đồng tòa vì tôn trọng không có hai, hại ồn ào lộn xộn. Cãi nhau nghĩa là đối chiếu so sánh hơn thua, xen cầu dài ngắn nghĩa là che dài, nhật ngắn. Bác thiết nghĩa là vặn hỏi, không thể hợp bồi thì không nói được. Ca thinh lỗi lầm như văn tự bày. Năm lỗi trước sau tổn mình, còn bao nhiêu tổn người. Nếu nói trở xuống là thứ ba, nói về khai lược, tuy nương kế thỉnh cũng cần chọn khả năng. Luận Trí Độ nói: "Thiếu đức không trí tuệ không thể ở tòa cao, như chó sói thấy sư tử liền núp vào hang không dám ra. Đại trí không sợ sệt nên ở tòa sư tử, thí như sư tử rống, các thú đều kinh sợ, quyết vì người thỉnh, y theo đây tự lượng, không nên sợ hãi, chớ khiến núp vào hang. Chữ dạ trở xuống là nói lập tòa, hoặc là ban đêm không rảnh để bày cho nên khai được ngồi".

Trong phần ba, có sáu pháp:

1. Lễ Tam Bảo.
2. Lên tòa cao.
3. Đánh thánh thỉnh chúng (nay phần nhiều đánh bảng).
4. Tán vận (Văn là tự làm, nay đều người khác làm, tiếng dứt thì thưa, đối mặt, nói kệ, cầu thỉnh, v.v...)
5. Chánh nói.
6. Quán sát căn cơ để tiến hay dừng.

Hỏi: Cho như pháp ưa nghe nên nói? (Văn không rõ xuống tòa, nay thêm tiếp theo).

7. Nói rồi hồi hướng.
8. Lại làm tán vận.
9. Xuống tòa lễ tạ.

Tăng truyện nói rằng: Thu Tăng diệu mỗi khi giảng xong xuống tòa quyết chấp tay sám hối rằng: Ý Phật khó biết, phàm phu không thể suy lường được. Nay những lối con đã nói là truyền thọ của tôn sư, chưa dám chuyên tiếp, xin đại chúng đối với pháp nghĩa nầy hoặc đúng hoặc sai xin hoan hỉ cho. Trước tiên đánh tránh nhóm chúng gồm có mười pháp, ngay nay giảng đạo nên y theo cách thức này, năm tiết trong phần bốn đều dùng chữ Hựu ở giữa. Ban đầu nói lượng chúng lấy hiểu biết làm đầu. Năm phần lìa năm phần pháp thân, luận tự giải thích rằng: "Pháp sâu nghĩa là giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến (có chỗ nói năm ấm là sai)". Sâu là pháp xuất thế, cạn là pháp thế gian. Ác thuyết, Luận Thành Thật cho là lời thêu dệt.

Thứ hai là nói hiểu âm nghĩa. Âm nam nữ là do tánh nam nữ y theo sự nghiệp mà có khác, tùy theo phẩm loại kia tướng lời, nói phải phân chia, xen tạp lộn lạo không gọi là khéo nói.

Thứ ba là dạy dụng tâm. Trước nói xa lìa ba tâm tham, luông lung và kiêu mạn, nếu vì tiếng tăm, lợi dưỡng, quyến thuộc đều là tâm tham. Sau nói thành tựu bốn tâm: Từ là thương xót kia chưa ngộ. Hỷ là khiến tâm chúng an. Lợi ích là khiến người khác hiểu biết, bất động là hiểu suốt pháp vốn không, không cả bỏ hay chấp trước. Cho nên Bát-nhã nói rằng: Thế nào là người giảng nói như như bất động? Tất cả pháp hữu vi như mộng huyễn, như bọt nước, như sương, như ánh chớp, nên quán sát như vậy. Lại kinh Pháp Hoa chép: "Đại từ bi là nhà (đối với từ hỷ ngày nay), nhu hòa nhẫn nhục là áo (lợi ích), các pháp không làm tòa bất động, thật hành được như vậy mới có thể nói pháp". Khoác lạc sự học, khoe khoang khả năng đều là báng Phật.

Thứ tư là dạy an lành. Tâm sợ hỏi có năm lỗi, không sợ thì ngược lại. Thứ năm, khiến răn nhắc chúng nói pháp hàm loạn, không để cho chấp trước thế gian.

Trong phần năm, đầu tiên răn nhắc tham lợi, đồ chúng bắt chước thầy những điều tốt ở trên. Ngày nay trộm tham lợi phần nhiều cầu nhóm hợp làm bậy, kẻ hậu sinh bắt chước theo làm tổn thương Phật pháp, tự hoại và hoại người, Dương Tử gọi là phép chẳng có phép, tắc chẳng phải tắc là rất nhiều, thương xót thay.

Kế là giải thích ba chúng. Ban đầu tuy trí giới, do tâm vì lợi ở chung với người phá giới nên nói là tạp. Hai, đã ít muốn nên không tham lợi, nhưng là độn căn không dạy được người nên gọi là ngu si. Ba, không nhiễm lợi dưỡng, lại rành về giới tướng, uốn nắn mình và người nên gọi là thanh tịnh. Chữ vì sao trở xuống là giải thích khéo biết giới

tướng ở trên có bốn: một là biết nặng, hai là biết nhẹ, ba là biết phi luật không chứng, bốn là biết luật nên chứng. Trong văn chỉ giải thích. Trong biết nhẹ lại nêu giới can ngăn ở thiên kế, nhiếp oai nghi ở sau, tạp tướng đều thông suốt. Trong chẳng phải luật lược nêu bất tịnh, còn các phi pháp khác đều điều diệt tẫn, cử tội. Riêng không theo giòng cho trái là phải, nên nói là không chứng, là trong luật nói xa ác thích thiện, đúng như pháp mà nói. Một chữ là chữ Luật, do luật là pháp dạy dỗ bao gồm đại, tiểu, khai, già, nặng, nhẹ, cho nên tuy rộng chung, mà chỉ quy về một chữ. Chữ nếu trở xuống là nói duyên khai phạm già. Phi xứ nghĩa là nhà dâm, quán rượu, hàng thịt, đây cho rằng Bồ-tát xuất gia ở trần không nhiễm, có thể được làm, Thinh Văn tự nhiếp, e gặp tục bị nhiễm, cho nên chế không làm như ba chúng trên trên. Ngày nay còn không có hàng ngu tạp huống chi thanh tịnh ư? Tăng tông che diệt, Phật pháp biết nương vào đâu? Than ôi!

Trong phần sáu, Tạp A-hàm ban đầu bày ra giới hạn nhiếp chúng, sợ ia càng nhiều nạn với sự dạy dỗ, không lợi ích với người, phải là năng lực cứu được chứ không hạn cuộc ở lời nói. Cao Tăng ngày xưa cả ngàn đồ chúng vây quanh dưới tòa, phải lượng tài sức, càng xét tự tâm, chớ tham quyến thuộc để mưu đồ tiếng tăm. Đây chính là chứa nhân, cuối cùng sẽ tự đọa, Phật trở xuống là kế rõ chẳng hỏi thì không đáp. Hỏi qua đời, nghĩa là lúc chết gần bay xa, hỏi không có ích nên nói là luống nhọc, chữ phu trở xuống giống như dừng lời hỏi. Mười hai duyên: Vô minh và hành là nhân quá khứ. Thức, danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ là quả hiện tại. Ái, thủ, hữu là nhân vị lai. Sinh là già chết là quả vị lai. Nhân quả ba đời, sinh từ nối luôn từ duyên, cho nên luống không. Biết sinh là hư dối thì chết còn có gì? Rõ vọng tu chân, được thoát sinh tử cho nên nói là độ đây, luật Tăng-kỳ nói đạo tục trái phạm, kia nhân Tỳ-kheo theo người tại gia làm điều trái, so sánh Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni phạm Ba-la-di, người tại gia không thọ giới nên không phạm, chô nên nói rằng “biết làm sao”. Do không danh tướng chớ so lường quả báo đời sau, ý bày lại nặng khiến dạy dỗ người đời.

Trong phần bảy, vì lợi nói pháp tức là tà mạng, không tham không phạm là tâm khó biết, mong đừng tự dối mình.

Trong phần tám, vào phòng người nghĩa là phép thưa hỏi vào phòng thầy. Bên ngoài búng ngón là báo, cho nên trong biết. Chánh niệm mà đứng là không có tưởng khác. Kế hỏi kinh tức là chánh hỏi thời pháp. Dưới giường hỏi là đứng dậy khỏi chỗ ngồi, không nghĩ duyên ngoài, phải lắng lòng nghe nhận, bày sự hiểu biết, làm lễ tạ sự chỉ bày,

lại đi ra cửa không quay lưng lại thầy.

Trong phần chín, khoa đầu luận Tỳ-ni Mẫu toát yết thì đồng luật Tứ Phần ở trước, ở đây dẫn bổn duyên để bày ý khai. Mười hai bộ:

1. Khế kinh.
2. Trùng tụng.
3. Thọ ký.
4. Phúng tụng.
5. Vô vấn tự thuyết.
6. Nhân duyên.
7. Thí dụ.
8. Bổn sự.
9. Bổn sinh.
10. Phương quảng.
11. Vị Tăng hữu.
12. Luận nghị.

Ba tạng giáo pháp không ngoài mười hai bộ này, cũng gọi là mười hai phần giáo. Soạn ân soạn, yếu ngôn nghĩa là chứa đựng căn cơ kham dùng. Diệu từ là hiển rõ dễ hiểu.

Khoa kế, kinh Niết-bàn dạy phải xem trọng pháp, không nói tám duyên. Phi thời nghĩa là không phải nói như giới chúng học đã chế. Phi quốc nghĩa là điều không tin ưa. Tự khuyên là xưng mình có khả năng. Tùy chỗ không gặp chúng lên tòa v.v... là diệt Phật pháp, thuận theo ngu tình của mình, trái với chánh giáo. Chữ hà trở xuống là nói lý do không cho. Ngày nay chẳng nói phần nhiều rơi vào các lỗi, chẳng phải bậc thầy của trời người, là tri thức xấu ác.

Trong phần ba, có bảy món thí:

1. Nhãn, nghĩa là mắt lành nhìn cha mẹ, sư trưởng v.v... đời sau sẽ được mắt trời, thành Phật được mắt Phật.

2. Sắc mặt vui vẻ, đời sau được xinh đẹp, thành Phật được thân mầu vàng.

3. Lời nhu nhuyến khéo léo, đời sau lời lẽ rõ ràng, thành Phật được bốn thứ biện tài.

4. Đứng dậy xa rước, lễ bái... đời sau tướng mạo oai nghi trang nghiêm, thành Phật được ba thân.

5. Tâm tốt lành, đời sau không bị cuồng loạn, thành Phật được Trí Nhất Thiết.

6. Giường ghế, (Giường ghế mình cho người tạm ngồi) đời sau được giường bảy báu, thành Phật được tòa sư tử.

7. Phòng xá (phòng mình giữ người tạm qua đêm) đời sau được cung điện tự nhiên, thành Phật được nhà Bốn thiền.

Nay dùng hai câu các các..., mà bao gồm hết.

Trong phần bốn, nói mình nhập thuyền đại Thánh, thương xót thì khuyến khích đời sau. Trong đạo Nho, người quân tử lời không nói ra, hổ thẹn thân không đến. Lại nói rằng "Làm trước rồi lời kia mới theo sau, huống chi Phật pháp tu nhân mà ngôn hạnh trái nhau, rất than thở kia, huống chi đâu không có sắc xấu hổ ư?"

Trong phần năm, dẫn Phật nói pháp, lấy ngộ đạo làm đầu, tùy nghi khéo léo khiến kẻ hậu học đầu tiên vì vui gồm thích, căn cơ lược nhiếp nhiều thành một thuyết. Hạnh là quán hạnh, pháp là pháp môn. Chữ cho đến trở xuống là kế đối với ưa thích riêng, căn cơ rộng, khai một thành nhiều thuyết, hoặc hai hoặc ba, cho đến tám muôn. Nếu y cứ kinh nói rằng: "Vô lượng vô số phương tiện" cũng đâu dừng ở con số trên. Nói tám muôn, người chân đế nói rằng: khi Phật mới thành đạo cho đến lúc nhập Niết-bàn, qua ba trăm năm mươi lần nói pháp, mỗi hội đều chỉ sáu Ba-la-mật thành hai mươi mốt ngàn, mỗi pháp đều phối hợp với bốn đại, sáu trần, mười pháp thành hai mươi mốt ngàn, lại phối với ba độc v.v... thành tám mươi tư ngàn, nay nêu đại số chỉ nói là tám muôn.

Thứ mười, luận Tỳ-ni Mẫu có năm tiết, ban đầu làm pháp môn sư. Trong năm tiết, tiết thứ ba là chỗ ứng, bốn tiết khác không ứng. Trong bốn tiết, tiết thứ hai chẳng lợi người, ba tiết khác là ngại tiết mạn. Chữ văn trở xuống là khiến người tôn kính pháp. Trong năm món hai món là thấp hèn, gần nhà quyền vị, bị người sai khiến. Bốn là tà mạng, ba món khác đều tránh hiềm nghi. Trộm lời nghĩa là thấp tiếng không công minh rõ ràng. Chữ nhập trở xuống là phép oai nghi váo thế tục. Thu nhiếp các căn là ví cảnh dục nhiều. Chữ hữu trở xuống là pháp không nên ở lâu.

Trong chín việc thì bốn việc trước là khinh người, năm là mạn pháp, sáu là không tin, ba việc khác là bủn xỉn xấu xa. Như mua bán ở chợ, mong trả báo. Chữ nhược nhập trở xuống là pháp lìa lỗi dùng tâm. Ban đầu bày pháp, chữ như trở xuống là dụ rõ. Núi cao đến vực sâu là dụ thấp lòng cung kính nhiếp tâm. Trăng di động tay là dụ không dính sáu trần.

Trong phần mười một, luật Thập Tụng ban đầu dạy khéo nói, thật tướng các pháp nói chung lớn nhỏ. Lại y cứ Tiểu giáo tức chỉ thiên không. Chữ thử trở xuống là khiến quở trách dừng, phải xét đúng sai

chớ theo tốt xấu. Chữ hựu trở xuống là cho diễn bày, chỉ không trái nghĩa tùy ý mở rộng, thuật nghĩa rất đúng. Còn văn thì không cho là do Thánh chế, không xen lời phàm (nay có người tâm thô liền chú giải Thánh điển, y theo đây quyết là lỗi chẳng nhỏ), luật Ngũ phần nhận thí trước không có ý. Luật Thập Tụng lúc nói không được ăn, vì không nhận rõ.

Trong phần mười hai, luận Tát-bà-đa khuyên cố gắng, ý thí vì mình cần phải khuyên vì chúng làm. Tứ Phần, ban đầu chế tà thuật. Chữ đương trở xuống là dạy chánh hạnh, lại có ba: Ban đầu dạy trước sau. Chữ hựu trở xuống là dạy thọ giới, trắng đen đều ba ngày gọi là sáu ngày chay. Chữ Phật trở xuống là dạy làm bố thí, văn nêu bỏ vật để so sánh châu báu, nói trùng để so sánh với người, vẫn dẫn nhân duyên luận Trí Độ làm chứng, kia thứ tám nói rằng: Phật ngự tại nước Xá-vệ thọ tuổi xong, A-nan theo Phật du hóa các nước, đến thành Bà-la, vua ấy biết Phật có thần thông oai đức cảm hóa tâm chúng sinh, nếu Phật đến đây thì ai còn ưa ta. Liền chế hạn rằng: "Nếu có người cho Phật ăn, nghe Phật nói thì thâu năm trăm đồng tiền vàng". Bấy giờ, Phật và A-nan đi khất thực mọi người đều đóng cửa, ôm bát không mà trở về. Bấy giờ, có người tớ già cầm đồ để đựng nước gạo cặn vữa (nghĩa là tương gạo) ra đổ ngoài cửa, thấy Phật tướng tốt bèn nghĩ rằng: Người này là vị thần đáng ăn cơm cõi trời, nay tự giáng thân đi xin có lẽ là đại từ thương xót tất cả, cho nên bạch Phật rằng: Nay đồ ăn dở tệ nầy nếu Ngài cần thì hãy nhận, Phật biết tâm bèn mới trao bát nhận. Phật liền mỉm cười, ánh sáng chiếu đất trời, A-nan hỏi Phật: Vì sao mỉm cười, Phật nói : Người nữ già nầy vì thí đồ ăn cho Phật, trong mười lăm kiếp sinh lên cõi trời, nhân gian, hưởng thọ phước vui sướng, sau được thân nam xuất gia học đạo thành Bích-chi-phật nhận ức đồ ăn ngon không dứt.

Kia nói: Sa-di hai mươi ức kiếp dùng đồ ăn ngon dâng Phật, Phật dùng đồ thừa cho vua Tần-bà-ta-la, cho nên biết Phật thọ rồi cho thì được ăn, không cho thì không thể tiêu. Lại nữa, sắp bày đồ ăn cúng Phật, Phật chưa ăn, thì người không thể tiêu, ăn rồi dư Phật cho thì được tiêu (trên là văn luận, nay chỉ nhận lấy chút vật ngon để làm chứng). Thiện kiến nhận sai việc lành không phạm do chẳng phải sai.

Trong phần mười ba, Địa Trì Ban đầu nói gặp nhau thăm hỏi. Chữ hựu trở xuống là tùy duyen chú nguyện, luật Tứ Phần ban đầu nói đợi gặp người bệnh. Phương tiện sai là đáng sai, vì lợi ích cho họ nên khen ngợi. Cho làm nghĩa là kẻ tục có lòng tin mà không nơi nương tựa. Chữ nhược trở xuống là tùy thế tục chú nguyện. Hắt hơi là nhảy mũi. Luật do

Tỳ-kheo không chú nguyện, vời lấy sự chê bai cho nên chế.

Trong phần mười bốn luật Tăng-kỳ có ba đoạn: Ban đầu phép vào chúng quan vua. Trước chế chẳng nên. Chữ ưng trở xuống là dạy khéo nói. Hai nhà tức Sát-đế-lợi và Bà-la-môn, Chư Phật khéo lợi ích chúng sinh, người có đức hạnh thì sinh trong dòng Bà-la-môn, nếu có oai thế thì sinh trong dòng Sát-đế-lợi, pháp luận là Phật pháp. Lực luân là vua quan. Chữ hựu trở xuống là răn nhắc xúc chạm là phạm. Hình tướng là hình tướng người. Chữ dục trở xuống là cho bày ý. Chữ tục trở xuống là bày nên đáp, sợ có quên sót ngại duyên cho nên lời đều không nhất định. Kế rõ vào nhà cư sĩ, không nên khiến kia hổ thẹn mất lòng kính tin. Chữ ưng trở xuống là bày an ủi vỗ về, phương tiện dắt dẫn, phát khởi gốc lành kia. Thứ ba vào chúng ngoại đạo, hai tiết đồng với trước. Hình trí nghĩa là nói lời hủy nhục, hoặc làm môn sư, hoặc là tiếp đối, hoặc khiến dạy dẫn dắt. Lại nữa, nghi thức nói pháp không chuyên dẫn dạy kẻ tục, làm thầy dạy đạo nghĩa cũng đồng, nhưng sự loại tướng nương nhờ nơi đây đã rõ.

Thứ hai, trong ba quy y, chế ý dẫn kinh. Ban đầu chính nói ý nhận, tức luận Tát-bà-đa nói rằng: Như người mắc tội trốn vua sang nước khác để cầu cứu giúp. Chúng sinh cũng như vậy, lệ thuộc vào ma, có lỗi sống chết, quy hướng Tam Bảo, ma không làm gì được. Cho nên biết, nếu thọ ba quy y được thoát sinh tử. Ma phiền não là ba độc cướp mất pháp lành. Ma năm ấm dời đổi không dừng. Ma chết là ép ngặt mạng căn. Thiên ma là quấy nhiễu khiến lui sụt đạo, bốn loại ma này đều não hại, không được tự do, nên gọi là Ma. Chữ danh trở xuống là kế bày pháp cao siêu, tên một mà nghĩa khác là kinh kia, thứ năm tự giải thích rằng: Phật thường, pháp thường, Tỳ-kheo tăng là thường, ở đây nói Như lai muốn chỉ bày cho chúng sinh hai món báu thường trụ chân tâm mộc thể, đối phương tiện trong giáo tùy nghi ly hợp cho nên nói rằng cảnh giới Chư Phật đồng. Đã biết phương tiện vốn là dẫn thật, nay thọ ba quy y đều là rõ tánh, căn cơ tuy chưa hiểu suốt nhưng có thể do đó mà người trao dùng giáo không thể không biết.

Nói một là ba, kinh chép: "Thế nào la một?" Phật bảo Ma-ha-ba-xà-ba-đề Kiều Đàm-di rằng: Chớ cúng dường ta, hãy cúng dường tăng, nếu cúng tăng liền được đầy đủ, Bà tùy theo lời ta thì đó là cúng dường Phật, vì giảit thoát thì cúng dường pháp, vì thọ dụng thì cúng dường Tăng. Nói ba là mộc, như luận Tát-bà-đa hỏi: Phật cũng là Pháp, pháp cũng là Phật, Tăng cũng là pháp, chính là một pháp có gì khác không?

Đáp: Tuy là một nghĩa mà tướng có khác nhau. Tất cả công đức

đại trí vô sư là Phật Bảo, tột chắc thật Niết-bàn là Pháp Bảo, công đức hữu học, vô học của Thinh Văn là Tăng bảo.

Chữ hựu trở xuống là hiển bày công năng, cho nên biết Tam Bảo gia hộ không làm hại người, rồng, súc sinh còn vậy huống chi với người. Nghĩa sau tức trong pháp thọ giới, nghiệp sớ đầy đủ, ở đây không phiền dẫn.

Trong phần hai, ban đầu bày ý, chỉ khiến chưa quy y Tam Bảo đều gọi là tin tà, thuận theo sinh tử đều gọi là tà nghiệp. Chữ A-hàm trở xuống là dẫn bày. Mé Niết-bàn sinh tử là thời vô thỉ, không chỗ đến là mé vị lai, nghĩa là thành quả Phật chứng đại Niết-bàn gọi là Niết-bàn, gọi là không chỗ đến. Lời kia đến chỗ cùng tột lại vì không có chỗ đến. Nghiệp sớ chép: Tứ mé sinh tử đến mé Niết-bàn. Chỉ cho thứ mười, kia chép: Tự nhớ tất cả điều bất thiện đã làm, như người tự hại tâm sinh sợ sệt. Kinh sợ hổ thẹn, trừ chánh pháp nầy lại không gì cứu hộ bèn lại quy y chánh pháp nầy, không còn gì cứu hộ bèn lại quy y chánh pháp... chữ tất trở xuống là chỉ cho pháp. Tùy thời nghĩa là như các kinh chỉ sám mười nghiệp ác ba đời.

Trong phần ba, Trí Luận có ba:

1. Đủ nghĩa.
2. Đối cảnh.
3. Tác pháp.

Đạo chúng so với thế tục đều là địa vị thầy, cho nên chú thích chung. Trong ba pháp, nói mỗ giáp là xưng tên mình. Trọn đời là nói thời kỳ kia. Sau ba kết, lại càng dặn dò không để quên mất. Dẫn luận Tát-bà-đa để nói thành hay không, nếu tâm xao động thì không đâu chẳng dạy.

Trong phần bốn, kinh Đại Tập nói mẹ nhận gồm giúp cả con. Thiện thần hộ là y theo kinh Đại Quán Đảnh, một quy về mười hai thiên thần, cộng chung có ba mươi sáu vị thần. Luận Tát-ba-đa đối với giới phân biệt khác có ba: Đầu tiên là chọn đường. Năm đường là trừ loài người ra. Không thọ giới là chỗ chấp của tông kia, Luận Thành Thật, Luật Thiện Kiến thì rồng súc được thọ năm giới. Nghiệp sớ chép: Đa luận y cứ vô tri, thì người còn không được huống chi quỷ súc. Như các đường khác được, nghĩa là có hiểu biết. Chữ cũng trở xuống là phần hai phân biệt thời. Năm giới phải giữ trọn đời, ba cõi cuộc hạn một ngày một đêm, tông Thành Thật không như vậy, như sau đã rõ. Chữ bất trở xuống là phân biệt pháp, như năm giới, tám giới ở sau. Tam quy ngôn trở xuống là phát giới. Năm giới trong phần phân biệt người, Luận

Thành Thật y cứ vào mười ba nạn đều là chướng giới. Nay nói bảy nạn, cư sĩ thì có, chỉ chướng mười giới, giới cụ túc cho nên nói rằng: Tỳ-ni không cho, không chướng năm giới, tám giới cho nên nói rằng: "Người tại gia". Giới thế gian là đối trên, xuất gia là giới xuất thế, tự sáu nạn còn lại, biên tội phải thọ, phá thì cuộc hạn Đại tăng, huỳnh môn, hai hình súc sinh là nặng, cho nên không nói, luận Tát-bà-đa chỉ phân biệt biên tội (xưa nói rằng: y cứ chưa thọ sám là nói phi. Biên tội hằng chướng đâu được luận sám. Nghiệp sớ nói sám tự không thành bảy nạn của người).

Khoa kế, ban đầu khiến bày duyên cảnh, đồng với giới cụ tức ở trước, tình cảnh đều đồng. Phi tình chỉ là rượu. Nghiệp sớ chép: Sắp muốn thọ giới trước phải nói duyên cảnh rộng hẹp cho nghe, khiến người thọ chí thấy tướng xa rõ ràng. Chữ thiện sinh trở xuống là kế khen công đức của giới. Rất khó nghĩa là công sâu khó được không thể khinh thọ, ba giới do đây sinh cho nên đây là căn bản, tức kinh Thiện Giới chép: Không thọ năm giới, không phát khởi mười giới, cho đến lần lửa không phát giới Bồ-tát, v.v... năm món là năm điều, tùy người có khả năng nhiều ít đều được, nếu thọ một giới gọi là Nhất phần Ưu-bà-tắc, hai giới gọi là Nhị phần Ưu-bà-tắc, ba giới gọi là thiểu phần, bốn giới gọi là đa phần, năm giới gọi là mãn phần. Trước bày giới tướng xét hỏi giới có thể thọ được chăng, rồi mới cho thọ. Y theo nghiệp sớ thì họ ba quy y trao thẳng năm giới. Lựa người ấy là để lật tà, sơ tâm khó nhổ nên liền dẫn quy y, nếu lại che sớ cho lại tích xưa, năm giới không như vậy, trước đã quy chánh, tâm tánh điều nhu, suy nghĩ chấp ngã, cho nên phải lược phân biệt.

Thứ hai, trong tác pháp, khoa đầu lời câu chia làm năm:

1. Bày tên mình.

2. Quy Tam Bảo hồi hướng cảnh giới.

3. Trọn đời... nói lên chỗ mong đợi, văn nêu trọn đời, hoặc một ngày đêm, hoặc một tháng, hoặc một năm, tùy thời tự xử.

4. Vì năm giới, chánh là lập thể. Vả lại nêu mãn phần, hoặc một phần, hai phần, cũng ở gặp cơ. Ưu-bà-tắc xưa dịch là Thanh tín sĩ, cũng nói rằng cận sự nam, nữ là Ưu-bà-di.

5. Như lai đồng kết quy chánh bổn. Do danh từ Tam Bảo chung cho chín mươi sáu món, sau phải hiển chánh, chẳng đồng lạm trước, do hiệu cao quý nầy ngoại đạo không có. Như lai là nương đạo như thật, lại đến thành Phật. Chí chân ấy thể ngộ không tà. Đẳng Chánh Giác là đạo đồng ba đời. Đây thật là chỗ ta nương về, còn bao nhiêu chẳng kính

ấy, cho nên nói là Thế tôn của ta (đây đều nhiếp lược Nghiệp sớ để giải thích, còn các chỗ khác rộng như kia).

Trước ba quy y thệ chánh phát giới duyên, ba pháp vừa xong liền nạp giới thể, sau ba quy y kết là dặn dò phi thể.

Khoa kế, ban đầu dạy nghe. Đa-Đà, Hán dịch là lai, A-la-ha Hán dịch là ứng (ừng là ứng cúng). Tam-miệu Tam-phật-đà Hán dịch là Chánh đẳng Chánh giác, cũng nêu ba hiệu khiến sinh kinh tin. Chữ tận trở xuống là bày tướng tà dâm là phạm về người. Câu xá có bốn:

1. Vợ người.
2. Vợ mình chẳng phải đường (đường đại tiện và miệng).
3. Phi xứ (Chẳng phải trong phòng).
4. Phi thời (Lúc vợ mang thai, cho con bú, thọ bát quan trai).

Trong năm giới bốn giới trước là tánh giới, hữu tình cảnh phát, một giới sau là giá giới, phi tình cảm phát. Uống rượu lung tung sẻ gây ra bốn lỗi, cho nên cấm riêng. Chữ thị trở xuống là dặn dò có bốn:

1. Dặn giữ gìn cẩn thận.
2. Khuyên làm phước.
3. khiến thọ trai.
4. Dạy hồi hướng.

Một năm ba lần là tháng giêng, tháng năm, tháng chín, cõi u minh, gương nghiệp xoay vần chiếu soi châu Diêm-phù ở phía Nam, nếu có điều thiện ác trong gương đều hiện rõ (Hoặc nói rằng Thiên vương đi tuần bốn thiên hạ, ba tháng nầy là tuần cõi Diêm-phù ở phía Nam. Lại nói rằng trong ba tháng ác quỷ có thế lực cho nên khiến tu việc lành). Tháng sáu, hắc bạch hai nữa tháng có ba ngày, xét theo Luận Trí Độ thì mồng tám sứ giả của Thiên Vương xuống trần gian, ngày mười bốn Thái Tử Thiên Vương xuống trần gian, ngày mười lăm Thiên Vương tự xuống quan sát chúng sinh làm lành làm ác, ngày hai mươi ba, hai mươi chín và ba mươi cũng vậy. (Tháng thiếu đều y theo Bồ-tát nên dùng ngày mồng một).

Trì trai là thọ tám giới, hoặc chỉ thọ trai trước giữa ngày ăn một bữa, sau giữa ngày không được nhai (nay nhiều sớ không tiết độ ăn chiều, đây chẳng phải trai còn hơn. Lại có người uống nước trọn thời là người thanh tịnh. Đây là tà thuật, tất cả chúng sinh nhờ ăn mà sống, chỉ cho giữ quá giữa ngày là chánh giáo của Phật).

Thứ ba, trong phân biệt Luận Thành Thật trái ngược Hữu tông, cả ba đều cuộc hạn riêng: (tờ 407)

1. Phải thọ đủ.

2. Không thêm.

3. Nhất định trọn đời.

Luận Tát-bà-đa nói phải là năm chúng, sớ chép: "Đều là người hoằng pháp", kẻ tục chỉ từng thọ phi nên không cho. Luận Trí Độ, đoạn đầu duyên khởi lục trai khác với Luận Trí Độ ở trước bởi lý do khác nhau. Trước tuy thọ trai cả ngày không ăn nhưng lại không có pháp lành, Phật do đó dạy dỗ dắt dẫn cho nên sửa thêm.

Khoa kế, trong phần hỏi nếu y theo Hữu bộ chỉ phát bốn chi, Thành Tông đủ bảy, rất giống với luận cho nên dẫn bày. Trong phần đáp đầu tiên y cứ nghĩa giải thích, hai câu trên chánh đáp nêu một. Chữ hựu trở xuống là càng là giải thích nêu vọng, sợ nói rằng: Sao không ở trong ba đường khác mà nêu một? Cho nên ở đây giải thích. Chữ như trở xuống là dẫn bày. Mười điều lành nhiếp vô lượng, nói dối nghiếp ba món khác, so sánh nhau chẳng khác, cho nên nói rằng y cứ theo mà biết.

Trong thứ ba, như văn giới mắng nhiếc nhau có giải thích đủ. Nội pháp tức nghiệp cũ, ngại pháp tức y báo, thêm một ý cũng đồng với trên. Nội vật tức chánh báo, dùng sơ sao so sánh thân quyết chiêu vời lấy ương họa. Sau chỉ cáo văn không phiền dẫn lại. Tu là tìm.

Tám giới, khoa đều, luận Tát-bà-đa khai tâm niệm ấy là tự thệ mà thọ. Sớ chép: Chẳng gọi là đường thường, văn kia chép: Nếu không có người thì được tâm niệm thọ, rõ là duyên khai. Thứ hai trong tác pháp, đầu tiên dạy đủ oai nghi. Chữ ưng trở xuống là phép chánh thọ, một ngày một đêm nên ở dưới ba quy y, văn có bốn đoạn:

1. Xưng tên.

2. Quy cảnh.

3. Thời hạn. Chữ y cứ trở xuống, Luận Thành Thật nói thọ không dài ngắn, tùy người sửa thêm.

4. Lập thệ.

Sớ chép: Nói tịnh hạnh, là do chỗ kỳ hạn vâng trì chí đồng Chư Phật (Lại phân biệt năm giới không dứt chánh dâm). Không nói Như lai Chánh giác ấy là năm giới đầu tiên lìa tà duyên cho nên dùng chánh để ngăn, nay đây lại thêm thì đâu cần.

Trong sám hối, Bố-tát dịch là Tịnh trụ, cũng dịch là thanh tịnh, lý nên trước sám sau thọ. Trong luận nêu ngược cho nên chú giải dời đổi, trong phần nói tướng, ban đầu là nói tướng. Chữ nguyện trì trở xuống là thứ hai, dạy phát nguyện ở ban đầu, mỗi việc đều nói: "Như Chư Phật" sớ chép: Nêu sở hành của cảnh giới Thánh. Mê pháp cũng như

vậy, ấy là dẫn đã giống trước. Nếu y cứ yết-ma thì nói rằng: "Như Chư Phật trọn đời không sát sinh, mỗ giáp một ngày một đêm không sát sinh có thể giữ được chăng? (đáp rằng giữ được)". Nay đây chỗ bày hoàn toàn nương theo Luận Trí Độ. Sớ chép: "Có bổn nói: Con là mỗ giáp một ngày một đêm không sát sinh cũng vậy" ấy là nói thẳng đã khế hợp. Trên đồng Chư Phật không nhờ hỏi đáp cũng thành nói tướng (nay nương yết-ma mà nói). Giường cao lớn tức chân cao thước sáu trở lên, hoặc loại lớn rộng ba khuỷu tay. Lại tám tứh giường tốt trong A-hàm là giường vàng, bạc, sừng, ngà trang sức cho nên hơn, Phật, thầy, cha mẹ từ người cho nên hơn, không cần cao, rộng đều không nên ngồi. Ấn-độ dùng hoa kết tràng đội lên đầuvà dầu thơm thoa thân để làm trang sức cho đẹp. Xứ nầy phải bỏ đeo hoa, ngọc và phấn thoa mặt v.v... y theo văn là chính giới mà nói tám, Luận Tát-bà-đa chép: Trai dùng quá nửa ngàykhông ăn làm thể, tám việc soi rõ cho nên thành thể trai (nghĩa là dùng tám giới cấm ngăn lỗi buông lung mới nói lên trì trai thanh tịnh nên nói là soi rõ). Cộng tướng giữ gìn gọi là tám chi trai, cho nên nói tám trai mà không nói chín, lý do không ăn quá ngọ, ở sau có nói riêng. Nếu theo yết-ma thì hợp giường cao ca múa làm một, quá ngọ làm tám. Lại thêm trong một, quá ngọ là thứ sáu. Nên thân trang nghiêm quán sát lắng nghe vì một đều là chỗ nêu khác nhau, tùy nương đều được.

Trong phát nguyện, ban đầu lìa đường ác. Tám nạn là ba đường (địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh), trời Trường thọ, châu Bắc câu lô, trước Phật sau Phật (sinh trước Phật xuất thế hay sau khi Phật diệt độ), thế trí biện thông, các căn không đủ. Chữ ngã trở xuống là phân biệt quả báo ở đời. Chữ nguyện trở xuống là bày chỗ mong cầu. Tát nói là nhã, cũng nói là Tát-bà-nhã, Hán dịch là Nhất-thiết-trí. Chỉ thêm một ấy, kia nói rằng: nay ta do công đức bát quan trai nầy không đọa đường ác, tám nạn, biên địa, dem công đức nầy nhiếp hết tất cả điều ác của chúng sinh, tất cả công đức trí tuệ bố thí cho người kia khiến thành đạo Vô thượng chánh chân, cũng khiến tương lai đời Phật Di-lặc hội được thoát khỏi sinh già bệnh chết.

Nói quan trai, nghĩa là cấm, đóng không cho buông lung, tịnh định thân tâm. Sao sớ nay thấy Nghiệp sớ. Trong tạp tướng, luật Tăng-kỳ gọi thọ mà sợ tục duyên nhiều khiến không nhớ, Thập Tụng thì kẻ tục đến do đó khuyên họ thọ, thêm một trước sám sau thọ, chứng minh chỗ chú giải trước chứ chẳng phải tự ý. Chữ trung A-hàm trở xuống là ba kinh đều nói về lực dụng. Mười hiệu, là Như lai (đồng nói ở trước) ứng cúng (xứng đáng làm ruộng phước) Chánh biến tri (tịch chiếu pháp giới)

minh hạnh túc (quả từ nhân được) thiện thệ (khéo đến Bồ-đề)Thế gian giải (suốt ngụy thông chân) Vô thượng sĩ điều ngự trượng phu (nhiếp hóa theo đạo) Thiên nhân sư (Ứng cơ trao pháp) Phật (giác ngộ quy chân) Thế Tôn (độc tôn trong ba cõi).

Trai kinh ấy chép rằng: Ngày thọ trai phải tập năm niệm:

1. Phải niệm mười hiệu của Phật.

2. Phải niệm pháp, ba mươi bảy đạo phẩm đầy đủ không hủy hoại.

3. Phải niệm chúng, và cung kính gần gũi.

4. Phải niệm giới, nhất tâm vâng giữ.

5. Phải niêm trời, đời sau sinh lên cõi trời sau được Nê-hoàn.

Luận Thành Thật ban đầu nói công đức cao quý. Kia dẫn Đế-thích nói kệ rằng:

Trong sáu ngày thọ trai
Vâng giữ đủ tám giới
Người nầy được phước đức
Thì là đồng với ta.

Phật ngăn đó rằng: Nếu người hết lậu hoặc mới nên nói kệ nầy, cho nên biết phước báo của thiên chủ không bì được bậc Thánh ra khỏi ba cõi. Mới có khả năng so bì trở xuống là nói dài ngắn đều thành, sớ nói rằng: Giáo pháp tiếp độ thế tục không thể y cứ. (xưa dẫn luận Tát-bà-đa, nữa ngày không được vẫn là chấp Bộ kế y theo lý đều thông) Câu Xá trước giải thích tràng hoa anh lạc là đồ trang sức thân. Trừ chẳng phải xưa, nghĩa là bỏ đồ trang sức mới tốt. Chỗ thường dùng, cho nên nói là không sinh v.v... say là hôn mê, loạn là tán loạn. Điều thiện không sinh được nhiều là sợ người tham cứu tâm không chuyên nhất. Bàn rộng quy giới, riêng thọ là hay, thì tâm không khác, pháp không thông lạm. Chúng thọ giới ngày nay phần nhiều với lý tuy thông, sau trở thành chẳng phải thường. (có thuyết nói rằng: y cứ người trao giới vọng nói có nhiều thầy đồng trao giới, vốn không có lý nầy đâu cần chế đó. Lại nói rằng: Chữ thọ (nhận) viết thành chữ thọ (trao) là rất lầm).

Luật Ngũ Phần ban đầu dạy người thế tục không biết kính đạo, văn tám pháp nêu năm pháp trước, hủy Tam Bảo và giới là bốn, năm là không lợi cho trụ xứ Ưu-bà-tắc (ngăn bộ thọ giới), sáu là làm xấu tiếng tăm người, bảy là muốn hủy nhục trụ xứ của kia, tám là dùng phi pháp làm chánh pháp dối gạt người (hoặc có thể ba món nầy dùng chung không lợi sửa đó cho nên không nêu riêng). Nếu có tám pháp nầy cho khiến không kính, vì không có đức.

Chữ nhược trở xuống là kế dạy người đạo không đến kẻ tục. Xóm làng cũng vậy, ở trên y cứ một nhà nhóm họp đều sân Tỳ-kheo không đến xóm làng kia. Tạp A-hàm chỉ bày rất thật. Trong sạch nghĩa là không nhiễm trần. Tu tịnh trụ nghĩa là vâng giữ giới hạnh. Thành tựu nam tướng nghĩa là có tiết tháo trượng phu. Miệng nói ba quy y nghĩa là ban đầu cần thầy thọ. Đủ bốn món nầy thì danh và thật cả hai đều xứng đáng.

Thứ hai trong phần nói về sinh duyên, đầu tiên dẫn duyên. Chữ Phật trở xuống là lập chế. Thân gánh vác cha mẹ là chấp lao phụng thờ. Y phục quí đẹp, tức là cung cấp đồ dùng. Bên phải là cha, bên trái là mẹ, là thuận âm dương. Hoặc có thể phương kia thờ mẹ riêng (có thuyết nói: Ở Ấn-độ phía đông là tôn quý, trái là Bắc, phải là Nam, Bắc là âm, nhưng người làm chỗ hướng không nhất định, chưa hẳn là vậy).

Chút ân, là ôm ấp nuôi dưỡng đến khi khôn lớn trải qua thời gian dài, trăm năm khổ nhọc không báo chút ân huống gì là nhiều? Do kẻ đạo cung cấp cho thế tục vốn là làm nhơ nhà, chỉ chấp nhận cho cha mẹ nên nói là cho. Mắc tội nặng là trái chế, cát-la nghiệp đạo nặng (có thuyết nói nghịch lan rõ ràng).

Trong phần hai, không tin thiếu sự lo lắng ấy là ép ngặt khiến quy y chánh, cho nên kinh lý nghĩa là cung cấp sửa soạn. Có tin buông cho, là quyết không luống phí. Khai đem đến chùa, là không có người thân đáng nương tựa. Rửa mẹ không xúc chạm vì xúc chạm không khai thân, cha như Sa-di là nuôi đồng với tiểu chúng. Truyện Đường Tăng nói: Kỉnh Thoát thường gánh mẹ một đầu, kinh sách một đầu, lúc để mẹ dưới gốc cây, vào xóm xin ăn để tự no đủ.

Lại Tề Đạo Kỷ cũng mang kinh sách, tượng Phật và mẹ già dùng chổi tre gánh đi, thường bảo mọi người rằng :Kinh đâu không dạy hay sao?

Quét đất tăng bằng cõi Diêm-phù không bằng quét đất Phật bằng bàn tay. Hầu hạ cung cấp cho mẹ thì đồng với người chứng ngôi vị Bồ-tát. Có người muốn gánh giúp, Tế Đạo Kỷ nói: Đây là mẹ tôi, chẳng phải mẹ ông, khổ lụy hình hài đều là thân tôi, có thân quyết có khổ, nào được đem khổ nhọc cho người, cho nên thân là khổ trước xin chớ giúp nhau. Đây là đại độ đâu thể so sánh với thường tình. Tuy giáo có chút trái mà quy về thuận lớn. Báo ân hết mực xưa nay không có.

Thứ ba, là Niết-bàn, Tam bảo cùng một thể, thể không sinh diệt nên đều là thường trụ. Khải là mở. Bảy đời, Bắc Viễn sớ chép: "Vô thỉ đều khai đâu chỉ là bảy đời, nhưng chỉ tùy thế tục mà nói là bảy." Kinh

Phạm Võng chép: “Chúng sinh sáu đường đều là cha mẹ ta, ta đời đời đều thọ sinh nơi đó.” Mẫu luận nói tham, trước pháp sau thật, không tham nhưng pháp không thiếu.

Ở luật Tứ Phần chép: “Đại Ái Đạo xin xuất gia, Như lai không chấp nhận, A-nan xin thế nói: Ái Đạo là Di mẫu của Phật, Phật ra đời bảy ngày thì Ma-da qua đời, Di mẫu nuôi nấng Phật đến trưởng thành. Ái Đạo ở đời đã chứng Sơ quả, cho nên nói rằng: Huống gì được tịnh tín, phải biết ân nuôi dưỡng rất lớn, dù mang cha mẹ trên vai cả trăm năm cũng không báo được chút phần, nhưng khiến một lòng nghe đến Tam bảo liền đáp được ân nặng, chỉ có Phật pháp mới báo được ân sinh thành dưỡng dục, còn cung cấp bên mình chỉ gọi là nuôi thẳng thôi.

Trong phần bốn, kinh thứ nhất nói rằng: Phật nói: vào đời quá khứ, ta ở tại nước Ba-la-nại, có người con Trưởng giả tên là Từ Đồng Nữ, cha chết làm nghề bán củi, ngày được hai tiền để nuôi mẹ già. Kế được bốn tiền, tám tiền, mười sáu tiền, sau muốn ra biển tìm châu báu, người mẹ liền ôm chân không cho đi, người con kéo tay làm đứt mấy cọng lông tay của mẹ, bèn ra biển tìm của báu. Lúc trở về thì có hai con đường là đường bộ và đường thủy, người con liền đi theo đường bộ, bèn thấy có ngôi thành lưu ly mầu xanh, có bốn ngọc nữ cầm bốn hạt châu như ý, trỗi nhạc ra rước vào trong thành, suốt bốn vạn năm thọ nhiều vui sướng (quả báo hai tiền) kế lại đi về trước thấy ngôi thành pha-lê có tám ngọc nữ cầm châu ra rước, thọ vui bốn vạn năm (quả báo bốn tiền), lại bỏ đi đến ngôi thành bằng bạc, có mười sáu ngọc nữ đón rước, thọ vui mười sáu vạn năm (quả báo tám tiền). Lại bỏ đi đến ngôi thành bằng vàng, có ba mươi hai ngọc nữ cầm châu ra rước, thọ vui ba mươi hai vạn năm (quả báo mười sáu tiền). Lại bỏ đi xa thấy ngôi thành sắt, tâm sinh nghi ngờ bèn vào thành sắt, có một người đầu đội vòng lửa, lấy bỏ lên đầu Đồng Nữ (quả báo làm tổn lông tay mẹ), Đồng Nữ hỏi ngục tốt: “Tôi đội vòng này khi nào mới khỏi?”. Đáp: “Khi nào thế gian có người tội phước giống như ngươi, mới thay thế được.” Lại hỏi: “Nay trong ngục này có nhiều người tội như tôi chăng?”. Đáp: nhiều không thể tính kể.

Nghe xong liền nghĩ: Xin tất cả chịu khổ đều nhóm hết vào thân tôi. Khi khởi niệm nầy rồi, vòng sắt rớt xuống đất, ngục tốt lấy đinh ba sắt đánh vào đầu, chết được sinh lên cõi trời Đâu-suất.

Phật nói: Đồng nữ lúc ấy là thân ta, phải biết với cha mẹ làm chút việc bất thiện, mắc quả báo đau khổ rất lớn, làm chút cúng dường được phước vô lượng (Đồng Nữ là tên của Trưởng giả chứ chẳng phải là con

gái).

Chim oanh vũ, kia nói rằng: Đời quá khứ, ở núi Tuyết có một con chim Oanh vũ, cha mẹ đều mù. Lúc ấy có chủ ruộng, khi mới gieo giống nguyện rằng: Cho tất cả chúng sinh cùng ăn. Oanh vũ con liền thường đến ruộng mổ lúa về nuôi cha mẹ. Chủ ruộng đi xem xét lúa má, thấy các côn trùng, chim cắt lúa liền nổi giận giăng lưới bắt Oanh vũ bị bắt nói: Ông chủ trước có tâm tốt nay sao lại giăng lưới bắt? Vả lại ruộng như mẹ (vì thường sinh trưởng) gieo giống như cha (vì nối tiếp nhau), thật ngữ như con (vì đáng quý tiếc), chủ ruộng như vua, ủng hộ do mình (vì được tự tại). Nói lời đây rồi chủ ruộng vui vẻ hỏi: Ngươi lấy lúa nầy làm gì? Đáp: Có cha mẹ mù xin để nuôi dưỡng.

Phật nói: Chim oanh vũ là thân ta, chủ ruộng là Xá-lợi-phất, cha mẹ mù là Tịnh Phạn và Ma-da.

Thêm một hai tiết, ban đầu so sánh công đức. Một đời bổ xứ là Bồ-tát Đẳng giác, y cứ mà biết đức nuôi dưỡng chỉ thua Phật. Bồ-tát giới nói: Hiếu thuận là pháp chí đạo. Sách Nho cũng cho rằng là chí đức cột yếu của đạo, bao gồm muôn việc lành, là nguồn của trăm hạnh. Đạo Nho, đạo Phật đều nói như vậy, mà đạo Phật là tha thiết nhất, dạy thường phải nghĩ báo ân chớ có bội ân.

Chữ văn trở xuống là kế nói ân lớn. Chữ văn nên viết là chữ hựu. Đều thêm một nên gọi là tuy dùng thiện dẫn dắt mà ân cha mẹ khó báo, vì cha mẹ có ân mà không mong con báo đáp. Chữ thị trở xuống là kết khuyến.

Trong phần năm, luận nêu bệnh mù, các bệnh khác cũng vậy. Lại chỉ thiếu chỗ cần dùng không cần đợi bệnh. Tự có thể xe sợi ấy là đặc biệt nêu việc nhỏ hèn, các loại khác đầy đủ, không cần gượng cho, phạm tội tức Đột-cát-la, đồng với nhơ nhà người, y theo đây mà châm lường.

Trong phần sáu, luật Tăng-kỳ dạy sửa tục. Chữ A nhập thinh, chuẩn nên tức nghĩa y cứ văn không nêu ra, cho nên thêm một nói đổi tánh. Kia nói rằng: Bốn họ xuất gia, đồng xưng là họ Thích, liền gọi là Tỳ-kheo chẳng quan hệ gì với thế tục. Đây nói sau khi lìa tục rồi không được nương tộc họ cũ. Luật Thiện Kiến chép: Đứa ở đã xuất gia thì chẳng thuộc về mình nữa. Cho nên trang sức tốt đẹp thêm rồi không còn lại tên cũ. A-ma-ni tức Phật gọi tên Di mẫu, nhưng hai hiệu nầy là tên chung của nữ giới. Tăng-kỳ chế cuộc hạn thân thuộc lúc cũ cho nên khác nhau.

Trong phần bảy, ban đầu cho khiêng thây chết, dẫn kinh nói y cứ,

văn kia chép rằng: Ái Đạo Niết-bàn, Phật và A-nan, Nan-đà-la khiêng thây đi chôn. Bấy giờ, Phạm thiên, Đế-thích, Bốn Thiên vương muốn khiêng thay, Phật đều không cho vì muốn báo ân, đến vua Tịnh Phạn cũng vậy. Pha âm pha, nga âm ngã, nghĩa là nghiêng động.

Kế chế biến phục, ngày nay phần nhiều mặc ca-sa tơ lụa, dùng vải bố thí làm áo tang. Lại nói rằng: Tăng không có áo chế chỉ có vải bố hơi thô là không nghe biết. Luận Trí Độ chép: "Như lai đắp vải bố thô ca-lê", truyền lầm đến nay, kẻ ngu mê không sửa. Lại có mũ trắng, điều bạc, giày cỏ, gậy tang giống như thói quê hèn của kẻ tục, một phen buông lung ngu tình, thấy văn đây rõ ràng sớm sửa đổi.

Thứ ba, là phép vào chùa. Trong ý lập, đầu tiên nói chùa thanh tịnh trang nghiêm. Tăng ở có hai:

1. Mến mộ vắng vẻ liền tự tu hành.

2. Bố thí lời dạy dỗ tức giáo hóa người.

Ở chỗ vắng không ồn ào, nhận lãnh lời dạy dỗ không được khinh mạn. Bốn câu nầy y cứ hạnh nói lên (chỗ) nơi.

Chữ thả xấp xuống là kế bày cách thức vào pháp tu, ban đầu nói điều nên làm. Hai câu trên nêu cảnh cao quý, sáu câu dưới bày lý do cầu pháp. Chữ ưng là nên như vậy. Cúi ngước là oai nghi tướng mạo. Thực hành là việc đã làm. Chữ khởi trở xuống là chỉ bày không nên làm. Đạo là giẫm lên, hình là thấy. Chẳng phải chỉ là đồng, nghĩa là không lợi ích mà có tổn. Lưu là đọa. Trong Chánh pháp, khoa đầu có năm:

1. Vào cửa chùa.

2. Lạy tổng thể Tam bảo, chữ Tiên trở xuống là kế lễ Phật.

3. Khế, khế giống như khắp. Nay phần nhiều là xưng kệ khen ngợi Phật, tùy chỗ có thể nói ba lần.

4. Chữ lễ Phật trở xuống: Lễ tổng thể ngoài của Tăng, như nay chỗ nhà chúng.

5. Chữ nhược trở xuống: Răn nhắc giữ gìn cẩn thận, đầu tiên bày răn nhắc.

Trong chú giải, đoạn trước giải thích trên tự mất lợi hành. Tuc thuyết, nghĩa là đồng thế tục, khuyết đạo hạnh. Đoạn sau dạy tùy nghi dạy bày. Trái Tăng thì không sinh tín tâm. Thủ dị nghĩa là tìm lỗi của Tăng. Chữ kinh trở xuống là dẫn chứng chưa rõ kinh nào. Đầu tiên khiến bỏ ác, kế chỉ bày pháp đi, thuận Phật đi tức xoay bên phải, vào Tây ra Đông Phật ở bên phải ta. Vén y bày vai phải là bày có làm việc. Đi ngược là xoay bên trái, ngược với trên rất dễ biết. Duyên ngại nhiễu bên trái là chỉ bày quyền khai, nghĩa là hướng Tây có ngại thì ngược

lại từ hướng Đông mà vào, Phật ở bên trái ta rất trái việc hầu hạ cho nên nay giữ nguyên tưởng như bên phải không khác thì khỏi lỗi. Vào ra hướng về Phật là nhờ sự mà bày tâm, quy y không trái.

Khoa kế, đầu tiên niệm Tam bảo. Phật và Tăng là năng giác, nhân quả tuy chia mà giác ngộ đạo đồng, cho nên nói là một thể. Đạo tức nguồn quả, Chư Phật là bổn tâm của chúng sinh tột chứng gọi là Phật, mới học gọi là Tăng, Tăng hiện tại học pháp, thẳng đến quả Phật, nếu vậy đối đãi với tăng đâu cho khinh lờn.

Trong chú giải, đầu tiên dạy niệm Tăng thì Tam bảo đầy đủ, chữ kim trở xuống là kế khiến niệm mình không khác với Tăng, còn tôn trọng mình đâu dám khinh mạn người. Chữ để trở xuống là kế lìa các lỗi. Hai câu đầu là bỏ kiêu mạn, hai câu kế là ngăn giết hại, một câu sau là lìa xúc chạm dơ uế, đều là nương việc bày pháp, như chú giải đã hiển bày. Chữ đương trở xuống là thứ ba tu tịnh phước, biểu đối cũng như chú giải.

Trong thứ ba có năm pháp. Ban đầu hộ hủy tổn chú giải nói là: "Người khác cúng", tức ngọa cụ v.v... đều là của người thí cho. Thiện Phẩm tức tự thân kham nhận đạo. Chữ tinh trở xuống là trừ sự chọc ghẹo. Chữ Sa-môn trở xuống là không nằm trước. Chữ hựu trở xuống là kính chỗ tăng ngồi, nêu dụ để dẫn chứng, tìm văn sẽ rõ. Trong kinh tức kinh Bảo Ấn Thủ, lại kinh Văn-thù Vấn chép: Chết ngồi trên giường sắt. Chữ nhược trở xuống là không đứng dậy sau.

Trong bác bỏ phi, văn đầu tiên là duyên vào đạo, là do gốc lành phát khởi. Nhân Tịnh độ là tâm thanh tịnh. Xa lìa xung đột vì mong giải thoát. Điệt tức là triệt là dấu xe đi.

Khoa kế, ban đầu bày không biết. Cẩn dụ như lược. Không hiểu ý pháp là gồm mê ba phần trên. Đều không v.v... trở xuống hai câu là trái với nhân duyên trên. Ruộng phước cúng dường là xa lìa xung đột ở trên. Trong chú giải nói chẳng phải hoàn toàn không ấy là không che đây có tin. Chữ đa trở xuống là nêu phi pháp, có ba tiết: Đầu tiên là bày vô trí tạo nghiệp, trước bác bỏ nhóm họp, ngày nay phần nhiều như vậy. Chữ hựu... trở xuống là bác bỏ xâm hủy. Đồ lục là âm mưu làm hại. Đê đột là xúc phạm. Buông lung ngoan độn ngu si là không sợ nhân quả. Chữ hoặc trở xuống là bác bỏ quy tắc hạn hẹp. Chữ cụ trở xuống là gồm bày nhân quả.

Hai, là nói có trí được lợi lớn.

Ba, dẫn kinh hợp chứng, văn kinh đều dụ, v.v... trở xuống là nói suy lợi tức hợp ruộng vườn, tật lê có gai như cũ ấu mà nhỏ, cảnh trước

là chùa tăng.

Trong pháp nữ nhân, đầu tiên chỉ đồng. Chữ duy trở xuống là bày khác, lại có hai: Ban đầu là chỉ lỗi. Giả là hư giả. Bài là thôi bày, là lôi kéo. Đãng nghĩa là buông lung xúc chạm. Chữ tất trở xuống là bày pháp. Ngại tuyệt nghĩa là lệ thuộc người, không được tự tại. Bỉ là nhàm xấu, điệu là hối hận, kính Sa-di là sợ người cho là chưa thọ giới cụ túc thì không cung kính cho nên chú rõ rất dễ biết.

Trong phần nêu pháp chùa, ban đầu kết trước. Chữ sở trở xuống là chánh chỉ bày, trước dạy lễ trì. Chữ phàm trở xuống là dạy xả thí. Kim cương là vật báu cứng bén, già-lam là chỗ phước nghiệp cho nên ví dụ. Kế, trong yếu thuật, văn đầu tiên chỉ Trung quốc là trước nói là Kỳ-hoàn cựu pháp.

Trong phần chánh chỉ bày, văn đầu tiên trước nêu đạo tục giúp nhau. Duyên tu đạo là nhờ ngoại hộ kia, sinh cảnh lành, phước trí từ đó sinh. Chữ xuất gia trở xuống là kế nói kính hộ lẫn nhau. Ban đầu đạo cần nhiếp tục. Bốn bối là trời, người, rồng, quỷ. U là chung ba đường, hiển thì chỉ có loài người.

Khoa kế, đầu tiên là bày chúng đạo, chí đi xa kém. Chữ trí trở xuống là kế dạy kẻ tục giữ chí hành xả. Trọn chiếu là rất hiểu không trách ngày nay. Xa độ là đại lượng không thấy lỗi nhỏ. Lược là lược bày. Chữ sở trở xuống là bày chốn u linh đồng giúp. Khắc là cứu. Khắc chiếu đều là tâm trời, rồng. Trọn xa là chí xuất gia, như trong Cảm Thông truyện, Vị trời bảo Tổ sư rằng: "Các nước Thiên-trúc không bằng xứ nầy, xứ nầy (Trung Hoa) phạm giới rất hổ thẹn, ở trong tuy xâm phạm mà bên ngoài vẫn giữ gìn cẩn thận, khiến các vị trời thấy một điều lành của kia mà quên trăm lỗi. Nếu thấy tạo tội đều khóc lóc, đều giữ gìn không để ma não hại." Chữ kim trở xuống là bác bỏ phàm tục thường chê bai. Ban đầu bày sự ngu mê kia. Chữ tự trở xuống là nêu lỗi lầm, câu trên chướng Thánh đạo, hai câu kế là mất lợi lành, hai câu sau là vời lấy quả báo khổ. Chữ khả vị trở xuống là kết khen.

Trong phần ba, đầu tiên là chánh nói, đây tức chuyển giải thích khoa trên không nhận lời giáo hóa. Chữ như trở xuống là dụ rõ. Anh nhi tức dụ kẻ tục ngu, tức trước gọi là trẻ con ngu si (có chỗ đem trẻ con dụ cho Tỳ-kheo là sai).

Trong phần dặn dò, chợt xem thế văn dường như chung cả một thiên, xét kỹ ý văn thì kết thúc khoa nầy.

Thiên giải thích chủ khách.

Ở lâu gọi là chủ, chợt qua gọi là khách. Nếu đối ba cõi thì không có chủ khác, nay trông già-lam đều là lâu, tạm gượng chia chủ khác để nói sự đãi ngộ. Nhưng y cứ trong luật chế chủ đãi khách, chỉ là chủ cần tiếp khách, khác đến có lễ vật, cho nên nói rằng đãi nhau.

Trong ý chế, hai câu đầu nêu xuất gia hơn ở thế tục vì không lệ thuộc người như khách. Hai câu kế nói du phương phiêu bạc, chỗ nào cũng tạm dừng được, tức dùng chùa viện so với quán trọ, nghĩa là đồng như nhà tiếp khách, đã không nhất định dừng nghĩa phải đón rước tiếp đải cho nên nói rằng tạm ở lại đây. Chữ cố trở xuống là nói chế. Khúc tức vốn cong, v.v... Sinh khởi ở văn sau.

Trong khoa đầu, trước nói khách đến vào chùa, sau nói cựu trụ (chủ) đón rước khách. Biết tháp Phật v.v... hoặc hỏi người hoặc tự mình thấy. Đến cửa nên mở là không khóa cho phép tự mở, nếu không thể tức trái với trên. Trong đây ngày đêm không đóng cửa, nên việc cũng rất ít. Dưới tường là chỗ thấp. Bước vào, phương nầy đề kỵ chưa thể nương dùng.

Khoa kế, luật Tứ Phần ban đầu cầu phòng xá, tự nói tuổi để biết trên dưới. Có gì thì chủ cấp cho. Thuốc viên, nêu lên không bỏ vật báo đặc biệt, nêu đến việc nhỏ để lệ thứ khác. Kế là hỏi chỗ, luật Ngũ Phần nói không ngũ là ngăn nạn.

Trong phần ba, luật Tứ Phần lễ tăng, chỉ ở bốn tòa để thành chúng, còn tòa khác không lễ vì e nhọc phiền. Suy nghĩ là thiền định, lễ tụng lại đồng. Luật Thật tụng nói khi thấy nghĩa là chớ gần.

Trong phần bốn, văn đầu tiên trước hỏi nơi pháp thực. chữ hựu trở xuống là kế hỏi lợi dưỡng có sáu. Tăng sai là Tăng thứ. Đàn-việt đưa đồ ăn nghĩa là đem đồ ăn vào chùa, mười lăm tháng tám tức sáu ngày trai, nhiều người bày đồ cúng (Nghiệp Sớ chép: Hắc, bạch có ba ngày, văn thiếu ngày mười bốn). Tháng giêng nước kia xem trọng, cũng có nhiều người sắm sửa cúng dường. Đàn-việt thỉnh tức là thỉnh riêng (xưa nói rằng tăng thứ là sai). Ba, là hỏi người, súc, đều y cứ nhà thế tục.

Khoa kế, đầu tiên bày Tăng chế, chữ nhược trở xuống là nói trải chiếu giữ khách, không nói biết là sợ đuổi bạn, cho nên vẫn an vui. Cấp lương thực là y cứ nêu ra mình, chắc chắn phải thường trụ.

Trong phần ba, mười việc cho ấy, hai việc trước cho vật, tám việc sau cho lời. Tập tục là phong tục nên làm, tăng dạy khiến tùy phương chế độ. Sự ấy có thể ăn, sự là vật. Trong pháp phụ, khoa đầu, hai câu trên là bày công phu của giáo pháp để có thể thành thiện. Có do nghĩa là do ở dạy. Hai câu kế là nói sự cao quý của oai nghi để có thể thành nhân

cảm quả. Minh nhân là tâm nghiệp chưa bày. Hiển quả là báo tướng có thể thấy. Tông là gốc, chữ thị dĩ trở xuống là dẫn chứng. A-thuyết cũng nói là A-thuyết-thị, Hán dịch là Mã Thắng, theo Phật thọ học mới có bảy ngày đã đầy đủ oai nghi, do năm trăm đời trước làm con vượn, nên nay vẫn còn lăng xăng, xuất gia bảy ngày liền sửa thói cũ, dùng oai nghi ngộ vật nên gọi là oai nghi bậc nhất. Ngài Thân Tử và Mục-liên là bạn cùng ước hẹn rằng nếu được cam lộ quyết cùng nhau nếm, sau Thân Tử gặp ngài Mã Thắng oai nghi khoan thai bèn hỏi: thầy ông là ai, và nói pháp gì? Đáp: Pháp từ duyên sinh, cũng theo duyên diệt, tất cả các pháp là không, chẳng có chủ, (ở đây y theo luật Ngũ Phần dẫn, hoặc có nêu rằng "Các pháp từ duyên sinh cũng theo duyên diệt, Phật ta là Đại Sa-môn thường nói như vậy"). Thân Tử nghe rồi liền chứng Sơ quả, kế truyền đến Mục-liên cũng chứng Sơ quả, sau cùng Mã-thắng đến Phật xin xuất gia. Truyền pháp... tức Ngũ Tổ Ưu-ba-cúc-đa, oai nghi nghiêm túc, chúng sinh đều theo sự giáo hóa của Ngài, như Phật chẳng khác, chỉ không có tướng tốt, người thời bấy giờ gọi là Vô Tướng Hảo Phật (giống Phật mà không có tướng tốt như Phật).

Lại Tổ thứ hai mươi là Xà-dạ-đa, khéo giữ oai nghi, ai thấy cũng cung kính, được Phật thọ ký. Xà-dạ-đa là Luật sư rốt sau, cho nên biết Tổ truyền chung đều dùng oai nghi khiến chúng sinh sinh tâm lành. Phương san tức Phó Pháp Tạng truyện. Chữ Cố trở xuống là kết trước khởi sau.

Trong phần nêu bày, văn đầu tiên là luật Ngũ Phần, nói oai nghi giáo hóa chúng sinh công rất sâu, thiếu thì hai lợi (Tự và tha) đều mất cho nên chẳng phải rất rõ hay sao? Luật Tăng-kỳ nói hành pháp, ngó thẳng là đầu không cúi ngước, nên xoay thân không nên xoay cổ. Trung A-hàm đầu tiên là riêng bày hành pháp, nối tiếp luật Tăng-kỳ ở trên. Thú vương tức sư tử và voi đầu đàn. Chữ nhược trở xuống là chung rõ bốn nghi, đầu tiên nói vào xóm làng tức bày hành pháp. Chỗ vô sự tức A-lan-nhã, hợp nói cách ăn, văn thấy trong pháp Đầu-đà. Chữ hoặc trở xuống, là nói hai cách đứng và ngồi, chữ ư trung trở xuống là nói cách nằm đầu mặt hướng về tượng không xoay lưng lại, là tưởng tướng sáng không bị ngủ mê. Pháp nằm của luật Tăng-kỳ phần nhiều giống như trên, văn lại chỉ rõ đầu hướng là không giống, vì ca-sa và sư trưởng đều tôn quý. Ngậm miệng chống, đoạn tâm dễ định, niệm tuệ tu quán hạnh không tạm quên. Chỉ như trên ý tức tưởng nói tướng v.v... luật Thập Tụng nói đèn không nằm vì sợ lộ hình.

Trong phần nêu hạnh, khoa đầu tiên trước nói dọn sạch. Tuỳ tướng

là chỗ che trong giới trải vật của tăng. Chữ khứ thời trở xuống là nói thưa bảo. Chữ hậu khứ thời trở xuống là nói quán phương lượng bạn, lợi suy nghĩa là có ích và vô ích, thời nói là phải nói liền nói. Nếu có trở xuống là nói pháp tạm ở sau lại đi. Hạ tọa bị bịnh trở xuống là nói cách lo liệu khi gặp bịnh, Thượng tọa có bịnh lẽ ra nên chăm sóc, chi rõ hạ tọa vì sợ mà bỏ. Được thoát nghĩa là sai tổn.

Khoa kế ban đầu nói cách làm, trước ngón sau gót là tướng tiện. Thứ tư trở xuống là nói chỗ tìm. Bửa ăn trước là tiểu thực, bữa ăn sau là giữa ngày thọ trai. Phải thưa vào là do tìm đồ ăn đêm quyết vào nhà thế tục.

Trong thứ ba, rỏ ràng là thô bạo vì nhất tâm lìa tạp niệm. Quán địa hai ý là chỉ và tác. Bồ tát bất thối xưa nói là Sơ địa trở lên.

Trong ngồi nằm, khoa đầu, luật Tăng-kỳ trước nói cách ngồi. Lạc trì nghĩa là hai gối trụ đất, nói rõ pháp nằm, nghĩa là tướng mạn, nằm sấp là tướng đói, nằm hông trái là tướng dâm, nằm hông phải là đúng như pháp. Chỉ ba mươi lăm là kia nói rằng “Nên như Sư tử đầu đàn thuận hông phải mà nằm”, nếu hông phải có mụt ghẻ thì không tội, không như vậy thì trái oai nghi. Thêm một, tay tiếp xuôi, kia do ngoại đạo rút bỏ giường cho nên chế (lịch âm lịch, nay là giường nhiếp) luật Thập Tụng chế ban ngày nằm là bị bịnh nên khai. Mắt mừng khiến kinh hành là trừ hôn tư. Luật Thiện Kiến ban đầu chế buộc niệm, Tam Bảo, giới, thì, thiên là sáu niệm. Dưới nói ngồi quì đều hai, thiền quán ngồi kiết già, uống ăn ngồi xổm, Ni phải quì thẳng, đều chung cho tăng, tăng chế hỗ quỳ thì không chung cho Ni, cho nên chú thích “có chỗ đứng riêng”.

Khoa đầu trong hạnh riêng, Tam Thiên oai nghi nói ngồi xổm. Tréo chân phải trái, tréo là lỗi cả hai. Thụ là gót hướng lên trên, ngồi xổm nghĩa trái với hướng về phía. Trạo sao là lay động. Thi trụ nghĩa là một chân chống đất, một chân giơ thẳng về trước. Thượng túc là giơ một chân.

Kế nói năm việc nên chung cả hai cách ngồi. Không y cứ theo trước, nghĩa là hai tay chỏi giường. Mẫu Luận nói ngồi kiết già. Chữ kiểm nên viết kiểm. Khoa kế trong Tam Thiên oai nghi, không ngồi chung với thầy, không vượt quyền người trên. Luật Thập Tụng ban đầu chế khởi tha là ỷ mình lăng nhục người. Chữ nãi trở xuống là kế chế lạm xuống.

Trong phần ba, ban đầu nói cách nằm. Khước cứ nghĩa là lui thân mà ngồi. Khiếm âm khiếm, mở miệng bày hỏi. Tra khứ thinh, là than thở. Bầy chó nghĩa là ỷ nhau. Khởi do thời tiết là nghĩ minh tướng nên

tâm khởi. Đáng trách nghĩa là các niệm biếng nhác, ham ngủ. Chữ hựu trở xuống là kế nói về pháp vào chúng. Di là lưu.

Trong cách nằm, luật Thiện Kiến nói niệm khởi, Tam thiên nói về tướng nằm. Luận Tỳ-ni Mẫu răn ham ngủ. Hai thời là đầu hôm và gần sáng, một thời là nửa đêm. Luật Tăng-kỳ cấm dậy muộn, chú giải chỉ cho thuyết trước tức nằm hông bên phải, sau là xếp chân, ngậm miệng, v.v...

■

# TỨ PHẦN LUẬT HÀNH SƯ SAO TƯ TRÌ KÝ

## QUYỂN HẠ
## (PHẦN 4)

### THIÊN GIẢI THÍCH THĂM BỊNH

Bốn chữ trong đầu đề là hai môn sau. Chăm sóc, đưa đón là có thể nuôi bịnh đến hết, tức việc phải làm.

Trong ý chế, khoa đầu trước nói về bịnh, mắc nhiều phiền luỵ, tên chung của ác khổ. Bốn đại v.v... là nói riêng về bịnh não, đất, nước, gió, lửa, trong ngoài bao gồm chung gọi là Đại. Lục phủ là ruột già, ruột non, bao tử, bọng đái, ba tiêu, mật (tử đảnh đầu đến tim là thượng tiêu, từ tim đến eo là trung tiêu, từ eo đến chân là hạ tiêu, ba món nầy cộng lại là một phủ).

Chữ nhược trở xuống là kế nói chăm sóc. Chữ nhiên trở xuống là thứ ba nói về phàm tình. Nặc là gần. Chữ cố trở xuống là nói bậc Thánh dẫn đường, xét bộ Tây Vực Ký thì phía Đông bắc tinh xá Kỳ-hoàn có ngôi tháp, là chỗ Như lai tắm Tỳ kheo bịnh. Như lai lúc còn tại thế, có Tỳ kheo bịnh chịu khổ ở riêng, Phật hỏi “Sao lại khổ, sao thầy ở một mình?” Đáp “Con tánh tình biếng nhác không chịu săn sóc người bịnh, nay mắc bịnh không người chăm sóc” Phật thương xót bảo: “Nầy người thiện nam! Nay ta sẽ săn sóc thầy”.

Trong phần dẫn chứng, Luật do người bịnh không có người chăm sóc, Phật liền quở và chế giới. Ban đầu dẫn duyên, chữ tiện trở xuống là lập chế. Chữ Phật trở xuống là kết khuyên. Chữ nãi trở xuống là chỉ cho đồng, còn mất tuy khác, nhưng nêu lên nghĩa một, cho nên ý chế nầy bao gồm hai môn. Trong hỏi đáp gạn văn luật ở trước muốn bày công hạnh. Trong phần đáp, ban đầu chánh đáp có hai: đầu tiên là tâm hạnh đồng Phật. Chữ hựu trở xuống là kế thuận theo pháp chế. Chữ Tăng-kỳ trở xuống là dẫn bày, đầu tiên dẫn duyên khởi, tức nói thờ Phật không bằng nuôi bịnh. Chữ hữu trở xuống là kế dẫn khuyên khen để nói lên công đức sâu xa.

Trong phần chọn người, khoa đầu luật Tứ Phần đầu tiên chế bổn chúng có ba: một là thân thuộc tự nuôi. Hai là Tăng cho, Ba là tăng sai. Đúng như pháp trị tức là kết tội. Y theo không có Tỳ kheo nên sai Sa-di, tịnh nhân nuôi. Chữ nhược vô trở xuống là kế khai chúng nữ. Hai luật Thập Tụng và Tăng-kỳ đại khái đồng với trước. Khoa kế, đầu tiên nói bổn chúng có hai: đầu tiên có xe rước về. Không chỡ phân biệt nghĩa là hôn mê. Trâu cái, ngựa cỏ vốn không được cưỡi, bịnh nặng thì khai. Nhược hữu trở xuống là kế nói không xe đến rước. Không nhiễu tháp, v.v... vì sợ chậm trễ và cùng rước nghĩa là gọi đàn việt đến rước, đồng với Tỳ kheo ở trước. Nhược lộ trở xuống là kế nói Ni chúng, đồng khác rất dễ thấy. Xà-duy, Hán dịch là phần thiêu. Kẻ tục hiền chê đưa xa, không để cho thấy. Chữ dư trở xuống văn nói về chúng dưới, văn lược không nêu ra cho nên khiến y theo đó.

Trong phần ba, cấu ban đầu chỉ trước Thánh chế, câu kế khuyên nương, hai câu sau chỉ rộng tức là văn luật Tăng-kỳ. Trong cung cấp, khoa đầu Ngũ Phần chỉ khai tự nấu, Ngũ Bách Vấn cũng vậy. Bảy ngày một lần thọ, càng khai quá ngọ mất thọ, ác xúc không thọ. Tiên tịnh nghĩa là sai tịnh nhân làm hoả tịnh, sau chỉ lương báu. Luật ấy chép: " Tỳ kheo khất thực hoặc bịnh không thể xin ăn, phải tự nhún mình nghĩ rằng:

"Ta không có bạn bè riêng, một thân xuất gia, pháp là bạn ta"... đồng tập thiền kinh, nay tạng chép không nêu ra.

Trong phần hai, Tăng-kỳ trước nói chín hoạch cho biết chăm sóc bịnh, bảy món trước đều là ăn, thứ tám biếng nhác vì bất động điều nhiếp, chín không có trí tuệ nghĩa là chấp ngu mất trị. Chữ hựu trở xuống là kế nói cung cấp, y cứ văn thứ ba: ban đầu phải là vật mình. Hai, là mình không thì là vật của Tăng. Ba là tăng không thì xin đồ ăn ngon cho người nuôi bịnh, là tưởng thưởng sự khó nhọc kia, vì khiến không lui sụt. Hựu bất trở xuống là thứ ba cho tránh khỏi. Luật Tứ Phần nói năm đức, văn dẫn thứ năm mà lược bốn món trên: một là biết ăn được nên cho. Hai, là không nhờm gớm đồ đại tiểu tiện. Ba, là vì thương xót, không vì cơm áo, bốn là có thể lo liệu thuốc thang. Luật Thiên Kiến vì bịnh khai lương thực cho người thế tục không phạm tội làm dơ nhà người, sau chỉ Tăng-kỳ lược như trên đã dẫn, người cần tự tìm.

Trong phần ba, ban đầu là hai luật Thập Tụng và Ngũ Phần, xét rõ hỏi về vật cần dùng kịp thời cấp cho, sau trong luật Thập Tụng, khai uống phạm lỗi thuốc dùng quyết sai. Trong Phật Tăng, Phật không túc xúc: nghi là thừa chữ Phật.

Trong phần bốn Thiện sinh đầu tiên răn dạy trước sau. Chữ nhược trở xuống là dạy cầu vật, Ngũ Bách Vấn ban đầu chế nuôi bịnh liền dùng vật của người bịnh. Chữ Tỳ kheo trở xuống là kế chế người bịnh bỏ y bát, một vì trọn đời không lìa, hai là để thưởng người nuôi bịnh.

Trong phần năm, Già Luận bất tịnh đồng với Thập Tung ở trước, nghĩa là nấu thịt và dùng muối. Ở đây dẫn bỏ bộ chung khác ở trước.

Trong phần sáu, Tứ Phần ban đầu đặt đồ tiện, kế và thứ ba là khai. Trong nhà tức trong phòng. Chữ bất trở xuống là kế đặt đồ nhỏ, đã chế giở đất phải có đồ đựng. Thứ ba, là trong sắp đặt, khoa đầu luật Tăng-kỳ phòng tốt là của Đại đức. Trong luật Thập Tụng, phóng tính là người thường. Nhưng không được... trở xuống là phòng không cho người nuôi bịnh. Văn kế, Trung quốc vốn truyền, Đàn Kinh cái gọi là truyền riêng. Nhật quang chìm đắm, Đàn Kinh nói rằng “Phương Tây là viện Vô Thường, do khi chết ở vị trời khâm phục, nay chùa cũng có, chỉ phương góc không nhất định vì không biết cách. Chữ dĩ trở xuống là nêu lý do nhà riêng, nay gọi là diên thọ (sống lâu) đâu chẳng trái nhau. Chuyên tâm niệm pháp là do chẳng phải chỗ cũ. Không tâm luyến lưu chỉ nghĩ vô thường, quyết suy nghĩ pháp cao siêu. Trong nhà kia, v.v... trở xuống là kế nói bày tượng. Lập tượng Di-đà là có chỗ qui tâm, nhưng tịnh độ mười phương mà chỉ riêng về Phương Tây là buộc niệm một cảnh, tưởng niệm dễ thành; phương Tây có nhiều Phật mà chỉ quy về Di-đà là vì ngài thệ nguyện sâu rộng, kết duyên thành thục. Cho nên xưa nay đạo Nho hay đạo Phật thảy đều lưu tâm, huống gì cõi trược kẻ phàm phu phiền não cấu nặng, tâm như khỉ chưa buộc, ý muốn như ngựa khó điều phục, bỏ đây cầu kia không bao giờ có đường ra, xin tìm Kinh Đại Tiểu Di-đà, Kinh Thập Lục Quán, Luận Vãng Sinh, Luận Thập Nghi, v.v... các văn, nghiên cứu rỏ ràng lời Thánh, sinh sẽ lòng tin sâu. Tượng mặt hướng về Tây, người bịnh ở sau, nghĩa là khi sắp chết, trước kia thường chiêm ngưỡng tượng khiến kia buộc niệm. Cõi Nhẫn, tiếng Phạm là Ta-bà, Hán dịch là Kham Nhẫn. Kinh Đại Bi nói rằng: “ Chúng sinh cõi nầy chịu đựng ba độc và các phiền não”. Nhân gian hôi dơ, Cảm thông Truyện có vị trời nói rằng “Trong cõi người hơi hôi dơ xông lên hư không bốn mươi muôn dặm” Chữ thiên thanh tịnh thảy nhàm chán. Chỉ vì nhận lời Phật phó chúc khiến hộ trì pháp Phật, còn cho người cùng ở thì chư thiên chẳng dám không đến. Thường ở chỗ Phật, sợ tâm không buộc niệm vì việc đời.

Trong phần bốn, khoa đầu, trong văn Thập Tụng chỉ là chế chung các câu sau, đều nêu ra Tổ sư, thâm pháp chỉ là Phật giáo, chúng được

gọi là Thâm, thị đạo gọi là pháp xuất thế, phi đạo là pháp thế gian. Trong Luyện-nhã, có nói rộng, thoại nghĩa là thăm hỏi an ủi, dùng làm đầu mối khuyến dụ. Xả toà là chia nửa tòa cho Ca-diếp ngồi. Xả y là cởi y đang đắp đổi y phấn tảo kia. Trong tụng kinh, duyên khởi chìm oanh vũ là xuất xứ từ kinh Hiền Ngu, kinh ấy chép: " Nhà Tu-đạt có hai con chim Oanh Vũ có thể hiểu tiếng người, lúc A-nan đến nhà Tu-đạt trao pháp Tứ Đế, nó nghe rồi vui mừng tụng tập bay lên cây, kế lại thứ lớp bay lên bay xuống bảy lần, chiều tối ngủ trên cây bị chồn ăn thịt, chết liền sinh lên cõi trời Tứ Thiên Vương. A Nan nghe chim chết hỏi Phật chỗ nó sinh về, Phật bảo A-nan "Nhờ duyên ông trao pháp, sau khi chết chim sinh lên cõi trời Tứ Thiên Vương, sống lâu năm trăm năm, lần hai sinh lên trời Đao-lợi sống ngàn năm, lần thứ ba sinh trời Diệm-ma sống lâu hai ngàn năm, lần thứ tư sinh lên trời Đâu-suất sống bốn ngàn năm, lần thứ năm sinh lên trời Kiêu Lạc sống tám ngàn năm, lần thứ sáu sinh lên trời Hoá ứng Thinh sống một muôn sáu ngàn năm, lần thứ bảy lại sinh lên cõi trời thứ năm, thứ lớp lại đến cõi trời Tứ Thiên Vương, mạng chung rốt sau sinh Diêm-phù-đề ở trong loài người xuất gia học đạo, duyên theo Tứ Đế ở trong loài người xuất gia học đạo, duyên Tứ Đế trước tâm tự khai ngộ thành Bích-chi-phật, cho nên nói rằng "Sau đắc bốn đạo". Đại phẩm là Kinh Bát-nhã, xuất xứ từ ra ở quyển thứ ba mươi. Kinh kia nói rằng Thích-Đề Hoàn-nhân nghĩ rằng: "Nếu người nghe duyên Bát-nhã qua tai một lần, người nầy đời trước ở chỗ Phật làm các công đức, cùng tri là thức theo nhau, huống chi thọ trì đọc tụng."

Trong chữ Thường trụ, Nê-hoàn quyển sáu chép: "Nầy người thiện nam, thiện nữ phải trì hai chữ Như lai thường trụ, nhiều kiếp tu tập, các chùng sinh nầy không lâu sẽ thành đạo Đẳng Chánh Giác. Hai kinh đều nói thắng báo, cho nên nói rằng không đọa vào đường ác.

Trong các Luật sư, Tỳ-ni chủ đối với trụ trì cho nên khen ngợi sự hưng thạnh, v.v... Tự giữ và nhiếp hoá người tức là hai lợi. Chư Phật khen, các kinh luận khen công đức trì giới như nêu tông dẫn đủ. Trong các Pháp sư, mê đảo như mù, vọng tưởng như bịnh. Trong các Thiền Sư, tiếng Phạm là Thiền-na, Hán dịch là tư duy tu. Người biết thiền chỉ là tu tâm, cho nên chỉ cho nói nhiều. Việc tham thiền ngày nay cũng có nhiều việc mà nói.

Việc trì lời câu quên vốn đã lâu.

Trong việc chúng, đầu tiên dẫn năm vị Thánh để so sánh. Đạp-Bà tức Tứ Phần nói La-hán Đạp-bà. Bỏ La-hán là nhàm Vô học. Cầu vững

chắc là tu đại hạnh. Luật Thiện Kiến chép "người nầy là Vương Tử xuất gia cho nên nói răng "Vương chủng". Ca-diếp duyên là truyện Tát-bà-đa chép: "Ca-diếp ở Kỳ Sơn tự xây năm ngôi chùa chung làm một giới, tự làm vách bằng bùn.

Kỳ-dạ nói đủ là Kỳ-dạ đạ, kinh Tạp Bảo Tạng chép "Nam Thiên-trúc có hai Tỳ-kheo nghe Dạ-Đa có oai đức lớn, đến trụ xứ kia thấy một Tỳ-kheo hình dung tiều tuỵ đốt lửa trước bếp, bèn hỏi: " Biết Da Đa chăng?"

Đáp: Ở hang thứ ba. "Liền đến hang đó, chỉ thấy Tỳ kheo đốt lửa gặp khi nãy, lễ rồi nói rằng: "Đã có oai đức, sao lại tự nhọc nhằn?"

Đáp: "Tôi nghĩ khổ sinh tử lúc xưa, nếu đầu, tay tôi có thể dùng đốt còn không tiếc, huống gì là nhọc thân?"

Thân Tử tức ngài Xá-lợi-phất, Kinh Bách Duyên chép: "Lúc Phật còn ở đời, có Tỳ-kheo Lê-xa-thi xuất gia chứng A-la-hán, khất thực không được, bèn vào tháp quét dọn khất thực liền được đầy đủ. Bạch chúng tăng rằng: Từ nay tháp chùa xin cho tôi quét dọn". Một hôm, ngủ không thức dậy, sáng ra Xá-lợi-phất thấy tháp bụi bằm liền quét dọn, Lê-Xa-Ni thức giấc sinh tâm buồn bực nói với Xá-lợi-phất rằng: "Thầy quét đất tôi, nay tôi đói khổ", do đây bảy ngày khất thực không được bèn ăn cát uống nước mà nhập Niết-bàn. Tỳ kheo hỏi Phật, Phật nói: "Vì quá khứ giận mẹ bố thí, trói mẹ trong phòng, người mẹ xin ăn, bèn đáp rằng: "đâu bằng ăn cát uống nước", bảy ngày sau người mẹ qua đời. Người con kia chết đi đọa vào địa ngục, đền tội xong làm người, cho nên thọ báo nầy do xưa cúng Phật nên nay được đắc đạo" (duyên Mục-liên như thiên sau có chép đủ).

Chữ nhiên trở xuống là nói lên phước tăng lớn, sau khen hạnh tu. Chữ kinh trở xuống là khuyên nhớ trì, tức kinh Tinh Danh. Tịnh mạng nghĩa là không cầu tà. Trong phần bày chung, khoa đầu trước dẫn truyền lịnh xướng đọc, y theo đây lúc sinh tiền tu tất cả công đức đều nên ghi chép. Hễ nuôi bịnh thường ở gần bên, do bỏ đường quả báo sinh vào đường nào là tùy khi chết tâm nghĩ thiện ác, trở xuống là dẫn Trí Luận làm chứng, vẫn quyết chỗ nghi.

Trong phần đáp, câu đầu là chánh đáp, hai câu sau là chuyển giải thích. Làm ác sinh đường lành, là y theo Luận Thập Nghi của Thiên Thai, ba nghĩa chung là: một ước tâm, do khi tạo tội từ tâm hư vọng điển đảo sinh, là hư. Nay nhờ trí thức khuyên bảo dẫn dắt sửa tâm, là thật.

Hai là khi gây ra tội do si ám luống dối làm duyên là nguỵ, nay gặp tri thức được nghe danh Phật, phát tâm bồ đề là chân.

Ba, quyết định lúc trước gây ra tội tâm có xen hở, nay khi qua đời tâm mạnh mẽ, như ngôi nhà tối nhiều năm, đốt một ngọn đèn lên sẽ phá tối, đống củi chất ngàn năm, một ngọn lửa nhỏ sẽ đốt cháy hết. (Nghĩa sau tức đồng với Sao ngày nay)

Khoa kế, đầu tiên là chánh nói, chữ ngũ trở xuống là dẫn bày. Đầu tiên dẫn duyên bồn đồng, sau chỉ duyên san lẫn y, như trước tức trong hai y cho nên sau kết cáo.

Trong phần khuyên dạy, khoa đầu trước nói lượng cơ. Bịnh mạnh yếu là xem khoẻ hay mệt. Tâm lợi độn là thông minh hay ám độn. Nghiệp thô tế, thô như lo tạo phước, tế như thiền tụng v.v... Tâm lấy bỏ, là chỗ ưa khác. Chữ như trở xuống là Phương Tây, Đâu-suất v.v... Đây là thứ tư quán sót nghĩa đều tột cùng, tuỳ nghi phương tiện gặp việc tự dứt. Chữ hoặc trở xuống là kế nói thuyết pháp, ban đầu dạy duyên theo Phật, hoặc dạy xưng tên, hoặc khiến quán tướng, hoặc khen công đức khiến sinh tâm vui mừng. Chữ hoặc thân trở xuống là kế bày tâm quán, tức tánh không tướng không, ba pháp quán Duy thức. Đến diệm xứ là dụ cho tướng không, nghĩa là như khát nước con thỏ bèn đốn với bóng nắng xa thấy giống như nước, chạy đến thì vốn là không. Chữ các trở xuống là sau bày tuỳ duyên, không cần như trên.

Trong phần hai, ban đầu dẫn luật chế hỏi. Nhận không tốt tức là tiếc điều tốt. Đến đưa người nghĩa là vọng làm gương mặt, ở đây nêu ra người bịnh ý sẻn tiếc xấu xa, cho nên phải hỏi. Chữ ưng trở xuống là y theo nghĩa tuyên bố. Ban đầu khuyến cáo chấp trước. Phật chế ho chứa là giáo nghiêm. Duyên xuất thế là nói hạnh mạnh. Thường chấp sinh là bày quả báo cao quý. Tỳ-kheo Diện Vương trong Kinh Hiền Ngu nói rằng: “Từng dùng lụa cúng dường Bích-chi-phật, năm trăm đời lụa, sinh ra có lụa trắng quấn thân, thân lớn thì lụa lớn theo, mặt có Chữ Vương, sợ bị Vua làm tổn hại bèn xuất gia, thiên lai đắc giới, lụa trên thân biến thành pháp y, sau khi Niết-bàn dùng y đây trà-tỳ (như Luận Phân Biệt Tông Đức chép nói “Đầu có mão trời nên gọi là Diện Vương”).

Chữ nếu trở xuống là khổ khuyên tham san mắt nhìn không cứu, nghĩa là hiện thấy y vật không thể giúp hoạn nạn. Kinh chép: đây là nêu ra Luận Trang Nghiêm, luận ấy nói rằng: “Xưa có vị vua tên là Nan-đà tham chứa vàng báu, bèn đem con gái để ở lầu cao, nếu có ai cầu hôn thì bảo nạp của báu, bèn nhóm hết của báu trong nước. Bấy giờ, có một người nghèo, cầu hôn không được, do đó mà thành bịnh, người biết nên bảo con rằng: “Cha con sau khi chết trong miệng có một đồng tiền vàng, con hãy đào mồ lên lấy vàng dâng vua”. Vua lấy làm

lạ hỏi: "chỗ nào lại có báu?" người kia kể lại đầy đủ, vua do đây ngộ rằng sau khi chết một đồng tiền vàng còn không giữ được, sao phải khổ sở muốn nó, bèn đem bố thí hết. Trên là khuyên bỏ san tham. Chữ diệt trở xuống là kế khuyên nương theo pháp. Nhan diện nghĩa là lấy tình mặt, do vật sót lương thực.

Như thị trở xuống là kết bày, sợ tâm khinh động cho nên không dám trái, sợ nhớ việc đời cho nên không thể thuận, chữ dĩ trở xuống là nêu ra lý do phải khuyên can. Khi chết niệm lành sinh đường lành, thì lên. Niệm ác thì đoạ đường ác, cho nên chìm, bay lên hay chìm xuống chỉ trong sát-na, đây là thời kỳ rất quan trọng Chữ kỳ là thời. Trong phần ba, ban đầu bày kinh tượng, dẫn Kinh Hoa Nghiêm làm chứng, văn kinh hai kệ truyền chép lầm lộn, ở đây nêu ra phẩm Bồ-tát Hiền Thủ, ban đầu kệ nói rằng: "Lại phát ra ánh quang gọi là thấy Phật, ánh sáng kia giác ngộ người chết, niệm Phật tam-muội chắc chắn thấy Phật, sau khi chết sinh ở trước Phật". Bài kệ kế sót câu đầu, kia nói rằng: "Thấy người kia qua đời khuyên niệm Phật" Xét ba câu trong sao, như bản dịch mới nói rằng: "Lại phát ra ánh sáng gọi là thấy Phật, ánh sáng nầy giác ngộ người sắp chết, khiến tuỳ nhớ nghĩ được thấy Như Lại, khi chết được sinh về cõi tịnh kia" (kệ nầy khen quả Phật một hào quang công đức).

Thấy có người chết khuyên niệm Phật và bày tôn tượng cho người ấy chiêm ngưỡng cung kính, đối với Phật rất quy ngưỡng cho nên được thành ánh sáng này (kệ nầy khen Phật ở trong nhân tu hạnh ánh sáng này).

Trong phần bốn, ban đầu thỉnh người khuyên. Luật Thiện Kiến nói nuôi bịnh tự khuyên, luận Tỳ-ni Mẫu nói xen nhau, trái kế phạm, nương trước châm chước chỉ trên. Khoa kế, chữ nhược trở xuống là nói sắp chết đánh khánh, khiến nghe sinh thiện. Ngài Thiên Thai Trí Giả lúc sắp qua đời bảo vị Duy-na rằng: "Người sắp chết nghe được tiếng khánh tăng thêm chánh niệm, đánh hồi lớn dài dứt làm thời, vì sao lại đợi thây lạnh mới đánh khánh ư?" (ngày nay chết rồi mới đánh cho nên biết không có lợi ích).

Thứ hai, là đưa người chết. Trong phần bày ý, ban đầu bày nghi đạo tục khác nhau, hậu táng nghĩa là hao phí nhiều tiền tài. Chữ nhược trở xuống là kế nói xa xỉ và tiết kiệm. Trong phần nêu ra sắp chết, khoa đầu trước nói chỗ đặt thây, quan tài lụa phương Bắc vẫn còn, trong đầy phần nhiều dùng quan tài gỗ, hoặc thêm thùng lụa. Kế nói chỗ ngồi thầy trò. Điếu uy điều tức thuận đến, nghĩa là đến chỗ an táng mà hỏi

thăm, an ủi. Bố cỏ, trong đây có dùng toà cỏ, hoặc dùng giường cây.

Khoa kế, đầu tiên dẫn văn, trong bày luật chế do ni chúng tánh nữ mềm yếu phần nhiều ưa khóc lóc, Tăng thì ngược lại, cho nên tội chia nặng nhẹ. Chữ nhược trở xuống là kế y theo nghĩa nói khai, ban đầu dẫn Niết-bàn làm dụ, tức Di giáo chép: "Nếu chỗ làm chưa xong (chưa chứng thánh) thấy Phật diệt độ phải có thương cảm", y cứ ngồi vị thì nội phàm trở lên nên nói là chưa lìa dục. Chữ nhược sắp xuông là kế nói không khóc, trái lỗi. Người khí đứt cao không vọng buồn vui, cho nên nói rằng không cuộc hạn tình đời. Mặc tình là không kéo dài buồn khổ, tức trái với thật hiếu, cho nên nói là đạo tục đồng hổ thẹn.

Trong phần ba, ban đầu nhỏ mà điếu lơn, lại có hai: một là gần chỗ đến ấy, tức cho thong thả phúng điếu và an ủi. Hai là xa đến vội vàng chưa rảnh để an ủi, hỏi thăm. Kế nói lớn mà điếu nhỏ, nương nghi gốc, nghĩa là không làm lễ. Tuỳ thời ngồi đứng, nghĩa là mặc ý kia.

Trong phần bốn, Ngũ Phần che gốc, y theo nên bày lộ, Ngũ Bách Vấn ban đầu đậy thây, cần phải bạch tăng là vì vật của Tăng. Quần và Kỳ-chi (áo quần nhỏ) phải chuyển dùng (đời nói rằng phải đắp năm điều là sai vì chế vật sai thưởng người nuôi bịnh). Chữ không được trở xuống kế nói liệm và dựa, do đều thuộc tăng quá năm thành trộm, văn nói chỗ nêu ra thứ lớp có ba, một là nêu thân thuộc, tức sư Tăng v.v... Hai, là lãnh chúng Tăng. Xá-lợi, Hán dịch là di thân là thây chết. Ba là bán vật người chết, đây là vật của tăng. Vô cớ mới sai khiến bồi thường nghĩa là người nuôi bịnh xin riêng vật kia. Cho vốn tương đương, vào Tăng làm pháp và tăng trả lại xuống là thứ ba bày nghi thức chôn. Dư là vật khiêng quan tài.

Trong phép chôn, khoa đầu tiên trước nêu bốn pháp, thuỷ táng thì làm đồ ăn cho cá rùa, lâm táng thì giúp cho cầm thú. Chữ luật trở xuống là kế dẫn chứng, trong văn các bộ chỉ không có thuỷ táng. Xà duy tức hoả táng. Ở luật Thập Tụng có Tỳ kheo bịnh nghĩ rằng " Sau khi ta chết, tăng sẽ chia tiền ta", bèn để tiền vào canh mà nuốt. Sau khi chết đem bỏ vào rừng, chim mổ bụng nên lòi tiền ra. Chữ nhiên trở xuống là nghĩa quyết, tàn là tổn hại, không nên tự làm. Khoa kế, ban đầu hoa hương rải thân. Còn sống thì chế, vì chết nên cho. luật Tăng-kỳ cũng vậy, nghĩa là đồng trước được rải hương hoa.

Trong phần ba, ban đầu nói xây tháp. Năm chúng đều được tức trước Tăng tượng thứ lớp lễ tháp. (Hán gọi chung là mộ phần). Trong thêm một, Phật nói: " Có bốn hạng người nên xây tháp là Luân Vương, La-hán, Bích-chi-phật và Như lai" Lại sau chia rằng: "Luân Vương

không có tầng, La-hán bốn tầng, Bích-chi-phật năm tầng, Như lai mười ba tầng" Như kinh Thập Nhị Nhân Duyên nói có tám loại tháp đều có lộ bàn (tức bốn nóc mái), Phật có tám tầng, Bồ-tát bảy tầng, Bích-chi-phật sáu tầng, Sở quả hai tầng, Luân Vương một tầng, Phàm tăng không được đưa thềm ra đặt cấp (nay có chỗ đưa thềm ra là do không biết giáo pháp, lạm đồng với bậc thượng Thánh).

Chữ Ngũ trở xuống là kế nói lập tượng. Nói thông ngày mồng một. Chữ cao trở xuống là sau rõ chỗ xây tháp, truyện cho trong chùa. Luật chế chỗ vắng làm tướng vòng tròn, vì tướng vòng tròn cao vọt ra để làm biểu tướng.

Trong phần bốn thêm một, nói đủ rằng: Phật bảo A-nan, Nan-đà-la: "các thầy khiêng thân Đại ái đạo (tức Di Mẫu) ta sẽ đích thân tự cúng dường" bấy giờ, Đế-thích, Tỳ-la-môn Thiên Vương bạch Phật rằng: "Chớ tự nhọc nhằn, chúng con sẽ tự phải cúng dường". Phật nói "thôi đi! Vì nếu làm như thế thì ân nuôi dưỡng bú mớm ẵm bồng không được báo đáp, quá khứ, vị lại Chư Phật đều làm như vậy" Phật liền cùng A-nan v.v... mỗi người khiêng một góc bay lên hư không đến chỗ mộ phần. Chữ chuyển trở xuống lệ quyết, pháp sinh tuy khác mà nuôi dưỡng lại đồng, so sánh ân đức, bậc pháp thân còn trọng, ôm thây chết mà đưa còn chưa đủ báo đáp, cho nên nói là đâu thể hết.

Trong phần năm, đầu tiên dẫn Luận không được đưa chôn người tại gia, phải do cha mẹ y theo lý nên được, trừ quán vô thường là không do người mời, chẳng vì thế tình mà muốn giúp đạo hạnh, là khai hạn không thể ỷ lạm để bào chữa lỗi mình. Nâng đỡ thây mẹ, xúc chạm phạm cảnh, chung với người nữ chết, báo ân là việc cần thiết cho nên riêng khai chôn, tức chữ tẩn liệm cõi nầy. Khứ hộ nghĩa là áo che thây. Chữ Thánh trở xuống là khuyên nương nhưng duy trọn lễ phải tránh sự chê bai nghi kỵ, cho nên dạy lượng cơ.

****

## THIÊN GIẢI THÍCH CHƯ TẠP

Chư tạp là phân biệt các thiên khác thuần một. Yếu hạnh là bày chỗ cần, khi dùng tức mười môn sau đều là chánh nghiệp, đều do vốn thọ thể khắp khiến tuy hạnh nhiều đường, cẩn thận vâng làm, lưu truyền nên chú ý.

Trong phần bày ý, đầu tiên là bày pháp thể. Câu đầu bày cảnh rộng, không nêu tình và phi tình. Lâm nhiên nghĩa là nhiều như cỏ cây,

câu kế nói rõ chế khắp Tỳ-ni, sự pháp nương cảnh mà chế, tuỳ một cảnh lại có nhiều sự, tất cả cảnh sự không ngoài thiện ác, đối đây thiện ác được chia ra hai trí, thì không có một việc nào mà chẳng là điều vâng giữ. Thứ ba là nói trái phạm, hết nghĩa là khinh lờn không làm, là nói chung hai phạm.

Thứ tư là nói quả báo đời sau, lời thầm trách bao gồm hai báo. Hai câu trên nói trì, hai câu dưới nói phạm. Chữ cố trở xuống là nói tuỳ hạnh, hai câu trên nói tuỳ sự lập pháp, mỗi việc nghĩa là cảnh sự. Món dặn dò tức luật chế. Hai câu dưới nói do giải khởi hạnh, giải do giáo sinh, cho nên phải tuyên biện. Đây là không bày một bộ ý chánh giáo.

Khoa kế, đầu tiên lại điểm thiên trước, các môn trên gồm hai mươi sáu thiên. Vì trong các thiên khoa nghĩa tương do, sự loại đều suốt, rõ chẳng phải lẫn lộn, cho nên nói là do đường nhiếp nhau. Chữ biệt trở xuống là kế xét bày thiên sau. Loại khác là Sa-di và Ni đối với đại tăng là các bộ riêng, đối với bổn tông là riêng, gồm thâu cũng bày không lẫn lộn. La nghĩa là bao la. Chữ dĩ trở xuống là chánh nói bổn thiên, hai câu trên nói sự tạp. Phiền loại nghĩa là không điều lưu. Đoạn là nghĩa có riêng dứt. Tục là sự hoặc liền nhau, đều không thành khoa đoạn nên gọi là Tạp vụ. Phân luân dụ cho rối loạn. Hai câu kế nói văn vụn vặt, đây riêng tức chỉ ngay thiên nầy, đối với trên dưới nên nói là riêng.

Trong phần ba, ban đầu nói cốt yếu. Chữ Tất trở xuống là khuyên tu. Chữ tắc trở xuống là bày lợi ích, khiếp nhược là sợ sệt. Ngược lại biết không học thì động dụng trái oai nghi, vào chúng hay du phương sẽ không nghi sợ, gởi lời với người học xin lưu ý. Nêu bày mười môn, thì một, bốn, năm, phần nhiều từ hoá giáo, chẳng phải không gồm chế, còn bao nhiêu đều là chế giáo, thời cũng gồm hoá giáo.

Môn đầu, trong lễ kính, sáng, trưa, chiều là ba thời của ngày, đầu, giữa, sau là ba thời của đêm. Ba sự như văn kế bày. Theo các kinh luận cần hạnh năm hối, lại thêm hồi hướng phát nguyện. Như Tổ sư sáu thời lễ văn chép đủ nghi thức, người học nên nương theo.

Khoa kế, luận Tát-bà-đa nói tua hoa chỉ được rải đất, không được rải trên mình Phật, Tăng và trên đồ ăn uống, vì việc chẳng nên làm. Ngũ Bách Vấn làm các Phật sự tuy cho sửa đổi mà không đổi bản chất như giới trộm đã dẫn. Luận Tát-bà-đa nói Phật lạp nghĩa là thức ăn ngày tự tứ, v.v... là lấy các vật cúng dường, tuy tăng tay cầm cũng không thành ác xúc.

Trong phần ba, Thập Tụng nói biết sự pháp. Đầu tiên dạy riêng năng nhọc nhằn. Chữ thường trở xuống là kế khuyên phát nguyện, dạy

bày các chúng đồng đây giữ tâm, cho nên nói rằng cũng vậy. Luật Thiện Kiến nói giữ chùa, luận Trí Độ dạy sai, kế thỉnh sai nương lạp phải từ trên khởi. Sai dịch thì phải lấy dưới thấp cho nên từ dưới lên.

Trong phần bốn Tát-già Câu-xá chế không được hoại. Thượng phẩm trị là đồng với tội nghịch. Luận Trí Độ, luật Tăng-kỳ khai loại xấu đổi tốt.

Trong phần năm, cúng người là pháp ấy, do người hiểu pháp vì pháp nương người.

Trong phần sáu, luận dạy chọn một người có khả năng hiểu biết coi sóc việc chúng, đầu tiên là Đại tăng thứ hai là Sa-di, thứ ba là tịnh nhân, tìm văn có thể thấy. Thấy chỗ loại trái với lãnh.

Trong phần bảy, khoa đầu tiên, luật Tăng-kỳ nói thưởng cho. Nói có công ấy là vì lo lắng sửa sang một chín nghĩa là một lần chọn chín giữ sống. Một nấu nghĩa là một lần nấu. Luật Ngũ Phần có ba đoạn, đầu tiên nói tri sự thường ăn, đưa lưỡi liếm mắc tội Đột-cát-la. Kế nói vật tăng tạm mượn cho kẻ tục dùng, vì nương nhau ở. Ba là nói năm thứ vật của tăng không chia, bán, vì là của thường trụ, cho nên luật Tăng-kỳ đồng như trên. Ban đầu chế hằng định, kế khai chuyển đổi. Luật Tứ Phần nói tội Thâu-lan-già, tạm phá Tăng dùng quyết tâm tổn mình như trên phạm tội nặng.

Khoa kế, luật Tăng-kỳ thâu nêu giúp trị, đồng thời chế chung làm, không cho lời bày, trái mắc tội nhỏ, đi chậm nghĩa là bước chậm rãi.

Trong phần ba, Luận Tỳ-ni Mẫu ban đầu nói thưởng cho, lường công nhiều ít, chữ nhược trở xuống là kế dạy thí ăn, tâm không hi vọng, chẳng tuỳ người bịnh, là bịnh ăn vào rất kỵ, mắc tội là y theo giới sát ở trước, lý nên kết tội Thâu-lan-già, hoặc trái giáo tội Đột-cát-la, trở về trước các văn đều như tùy tướng ở giới trộm có nói đủ.

Môn thứ hai, khoa đầu năm pháp, từ tâm bình đẳng lìa lỗi phân biệt. Hai là nhún mình tự ty, lìa lỗi cống cao. Trong chú giải, bốn câu hành là phản chiếu lại mình như thế nào. Hai câu trên là Phạm Võng nói rằng: "Việc xấu đem về mình, việc tốt nhường cho người", hai câu dưới nêu ra kinh Tịnh Danh, văn kia chép tiếp rằng "Thường dùng nhất tâm cầu các công đức. Ba, là ngồi đứng có thứ lớp lìa lỗi loạn chúng. Chữ ứng trong chú thích khứ hô là hợp. Cúi ngước, cử động hợp oai nghi cho nên nói rằng đắc thời. Bốn, không nói bậy bạ, lìa lỗi hí luận. Trong chú giải, câu đầu nói trên thuyết pháp, câu kế bày trên không nói bậy. Năm, dạy bày im lặng lìa lỗi não chúng. Khoa kế Thiện Kiến nói hạ tọa từ tạ, chữ trang khứ hộ, tức dùng ngà voi để trang sức. Luận Trí Độ

nói thêm toà bày cung kính. Toà sư tử là chỗ nói pháp, Luận Trí Độ nói Phật là sư tử trong loài người, chỗ Phật ngồi hoặc giường, hoặc đất là toà sư tử. Tăng-kỳ trang nghiêm pháp toà, quét hoa ngồi ấy là bỏ sự xỉ tốt đẹp.

Trong phần ba, ban đầu là oai nghi vào nhà, mặt bên cửa là tuỳ ngạch trái phải mà giở chân. Chữ hữu trở xuống là kế bày cách đánh, nghĩ giã liền giã đánh đe gần bằng. Trọng hưởng nghĩa là rung động, chữ thinh trở xuống là đếm không xong, cho nên cần tay trái (xưa nói rằng biểu chứng không một sai lầm. Lại thấy đánh dùng tay trái, đến đánh làm thế xoay chuyển càng đáng cười). Chữ nhiên trở xuống là thứ ba nói thưa bạch, đồng được cũng nói là đồng cũng, tức thời đại tiểu thực xướng ăn bình đẳng. Chữ bất trở xuống là chế nghi pháp, chuẩn biết đánh chùy chỉ là thưa bạch thỉnh chúng, không giống đánh chuông khánh là sự dụng.

Môn thứ ba, môn nầy sự tạp, theo nghĩa chia làm mười sáu đoạn. Trong phần đầu, Ngũ Bách Vấn thảy đều cười cợt đánh nhục, không vì cầu pháp cho nên không cần đáp. Kế liệu như nêu tông giải thích đủ.

Trong phần ba, Luật Ngũ Phần sai thứ lớp, nghĩa là triết sự sai tăng và pháp thực nhóm họp, chẳng phải chỉ hai món nầy cho nên nói là "đẳng". Luật Tứ Phần nói học tụng nghĩa là tụng sách vở thế tục, ngoại đạo. thế luận nghĩa là tính toán nói bàn. Tạp pháp tức kiền-độ Tạp. Luật Thập Tụng, văn tụng là nay thi ca. có thể kinh sợ là pháp sắp diệt. Do sách bói toán học thuật ở đời văn tụng đều là thế pháp, chẳng phải nghiệp xuất gia, vì nhân duyên thời đại chấp nhận. Thích tử ngày nay danh thật đều mất, có thể viết sách thì xưng là thảo thánh, tụng sách thế tục thì tự gọi là văn chương, chọn đất thì gọi là non nước, bói thuật thì kêu là Tam mạng, khởi ý bỏ việc nhà Phật, thuận theo danh của thế tục, vốn mưu nhàm thế, siêu thăng dịch tập theo nghiệp sinh tử, cho nên Luận Trí Độ chép: "Học tập ngoại điển như dùng dao cắt bùn, bùn không thành mà dao tự tổn. Lại như nhìn ánh sáng mặt trời làm cho mắt người chói. Nhưng thường xưa cao Tăng cũng nhiều dị học, hoặc tinh thảo lục, hoặc kéo văn chương, hoặc giỏi y thuật, hoặc rành âm dương, đều gọi là tinh bổn nghiệp, hợp với các tông, thảy đều chí ở hộ trì giúp Phật hoá lưu thông, cho nên kinh Thiện Giới chép: "nếu luận nghĩa phá tà kiến, hoặc hai phần kinh một phần sách ngoại đạo thì không phạm", Tứ Phần khai thông đều là ý nầy.

Ngày nay hoặc dính danh thích lợi, y thế học tài, đầu tròn áo vuông mà tâm nhiễm thế tục phù du, trọn đời luống qua, thật đáng

thương thay!

Luận Tỳ-ni Mẫu một câu một kệ chỉ chung ba tang giáo tuyên, tuy là Thánh giáo khiến quán thời dùng nhà, không thể chuyên cố chấp, cho nên nói rằng nên làm liền làm v.v... Tỳ-kheo đời sau tức Tổ Sư truyền pháp sau khi Phật nhập diệt, hễ có ngôn giáo cũng cần tuỳ nghi cho nên nói là cũng vậy.

Trong phần bốn, luật Ngũ Phần nói khai chế không người, nghĩa là không người cạo tóc. Nạn duyên nghĩa là gặp đời khó khăn. Luận gia là luận Tát-bà-đa kia rõ thứ lớp tức y cứ nhiều người đồng thời cạo, cho nên Luận Tỳ-ni Mẫu lựa chỗ cạo. Lông khác các chỗ là thân, nách, v.v..., luật chế Thâu-lan-già. Chữ nếu trở xuống là bày ý trừ râu tóc. Luận Di Giáo chép, ở chỗ thượng thượng trước tiên chiết phục. Tứ Phần chế có thể cạo. Chữ nếu trở xuống là kế chế chỗ cạo. Ban đầu chế giới hạn, chữ đầu nên biết chữ phát (hoặc nói rằng người Bắc cho rằng tóc dài là đầu dài). Hai tháng cùng Ngũ Phần ở trên dài ngắn khác nhau. Hai ngón tay tức hai tấc. Chữ bất trở xuống là kế chế dao khí, Thập Tụng nói sắp đặt. Niết-bàn trở xuống là nói lỗi không cạo, kinh kia thứ tư nói rằng đầu, râu, tóc, móng, nay ở đây viết ngược. Tướng phá giới là trái Phật chế.

Trong kinh Tăng nhất, trong năm lỗi trước chánh lấy hai lỗi đầu, còn bao nhiều đều nhân dẫn. Cấu giới tức bất tịnh, giới xưa điểm ngược. Không biết thời nghi nghĩa là chạm việc xao động, không hợp tâm người. Nhiều chỗ luận nghĩa là phát lời không chừng độ, không thể thiếu lời. Năm lỗi sau do đây mà sinh, như văn rất dễ hiểu. Ngày nay người không biết giáo, hoặc bốn mùa cạo đầu khoe mình là cao hạnh, hoặc tay tiết móc dài cho là ít có, là ly kỳ, đâu biết trong thành phá giới, ngoài huỷ nhục Phật pháp, người có hiểu biết sớm phải sửa đổi.

Trong phần năm, ưa đến nhà thế tục có mười lỗi, năm lỗi trước là dung phạm năm giới. Đầu tiên không dặn dò mà vào thôn. Hai, nhà ăn gượng ngồi. Còn ba món khác rõ ràng. Trong năm lỗi kế, ba lỗi tức là không thân nghiệp gần gũi tập thói đời, bốn tức lỗi tâm nghiệp đắm nhiễm, năm là nghiệp căn bổn, tức lỗi phạm giới. Đến chết tức dâm, phạm Ba-la-di. Kế chết tức xúc chạm, v.v... tội tăng tàn. Kế rõ năm hạng chẳng nên gần gũi, đều là đối với mình không có lợi ích. Hơn người tức đức học vượt hơn mình.

Trong phần sáu, gia san là chiếm cứ đàn việt. San tham trụ xứ nghĩa là chùa thất không cho khách đến. Xưng tán san nghĩa là không khen điều lanh của người.

Trong phần bảy, năm sự ít có đáng quý, nên gọi là báu, một và hai là thắng cảnh, ba món khác là hạnh nghiệp. Gặp Phật, nghe pháp, phát hiểu biết, khởi hạnh, hạnh thành có chứng nghiệm, tin ưa lập vậy.

Trong phần tám, ban đầu nói mười việc. Hai chữ lạc trước trở xuống là mười việc, làm lụng, nói năng, nhiều cầu là trạo tán, ngũ nghỉ là hôn mê bít lấp, bốn món nầy hơn sáu trần cọng thành mười. Chữ ngã trở xuống là kế nói cho nhận cung cấp, các đồ đã thiếu phần nhiều khởi phan duyên, pháp thiền không thành.

Trong phần chín, ban đầu chế tập phương thuật. La-hán chán việc, luật Thập Tụng chép: "Mục-liên vào xóm khất thực, Vệ cư sĩ có thai hỏi sinh con trai hay gái?" Mục-liên đáp là "trai", sau đó sinh con gái bèn chê bai. Hỏi Phật Phật nói: "Vốn là con trai ở trong thai chuyển thành gái, cho nên Mục-liên thấy trước không thấy sau, chứ chẳng phải nói dối". Chữ luật trở xuống là kế dạy chú thệ, nghĩa là có việc oan khuất phải phát thệ để tự trong sạch, ý là cầu Phật làm chứng, cho nên nói rằng "Nam-mô Phật", v.v...

Trong phần mười, sợ sệt tức là các chỗ tối tăm hiểm nạn, nghĩ đến Tam Bảo quyết mong che chở liền được an ổn.

Thứ mười một, luật luận chế ra đều vì tránh sự chê bai nghi kỵ của thế gian, xa lìa ngăn ngừa nhiễm dục trần.

Thứ mười hai, trước nói về nhăn nhành dương, đầu tiên nêu ra lỗi không nhăn. Ấm là đàm ấm, dẫn dụ như tiến. Luật Ngũ Phần dạy rửa bỏ, luật Tứ Phần nói bỏ ở chỗ vắng. Hai việc Đại tiểu do đó mà dẫn luôn. Nói rõ kinh hành, ban đầu nói lợi ích: một là quen thuộc, hai là chuyên nhất. Ba là khí huyết đều hoà. Bốn và năm rất dễ biết. Luật Thập Tụng bày hành tướng. Hao nghĩa địa nghĩa là làm đường thẳng, không cho cong vẹo, hoặc dùng gạch đá. Ký Quy Truyện chép: Đất Ngũ Thiên, đường thế tục Phần nhiều làm kinh hành, đến thẳng đi thẳng chỉ tuân một đường (Nghĩa là dùng gạch đá chồng lên làm đường thẳng, hẹp mà dài, người qua lại có cùng đường thẳng cho nên đặt tên).

Lại nói rằng: "nên chỗ kinh hành của Phật rộng hai khuỷu tay, dài mười bốn, mười lăm khuỷu (rộng ba thước sáu, dài hai trượng sáu) trên dùng đá làm hoa sen nở, cao hai tấc, rộng một thước, có mười bốn, mười lăm tiêu biểu cho dấu vết Chân thánh.

Trong Tam Thiên nói làm chỗ tuỳ chỗ nên không thể cuộc hạn. Trong phần mười ba, Tăng-kỳ nói đèn chỗ chúng. Ban đầu dạy bên đèn, chữ nãi trở xuống là kế bày tất đèn. Cũng vậy là đồng cáo tăng ở trên. Ký Ni sao làm dài để giúp vật. Văn sau chỉ rộng, kia nói rằng: "Khi đốt

đèn phải bước soi xá-lợi và hình tượng trước đèn, lễ bái rồi phải ra tắt, cho đến nhiều đầu, ở trong nhà xí phải đốt đèn suốt đêm, nếu dầu ít, người đi xong phải tắt.

Kế nói đèn cúng Phật, ngày nay gọi là đèn sáng lâu. Nếu Phật có sáng tối thì ban đêm đốt ban ngày tắt, vì không sáng tối thì ban đêm đốt ban ngày tắt, vì không kể ngày đêm. Vốn không nói nghĩ nghĩa là thí chủ tâm trông mong quyết có giới hạn, nên tắt không có lỗi.

Kế dẫn kinh làm chứng, kia thứ mười một nói rằng: Phật ở Xá-vệ có người nữ tên Nan-đà xin ăn tự sống, thấy các vua quan cúng dường Phật Tăng, tự tâm suy nghĩ "Ta do tội đời trước nên sinh chỗ nghèo hèn, tuy gặp ruộng phước mà không có hạt giống", liền đi xin để mong có chút cúng dường, chỉ được một tiền mang đến nhà bán dầu, nói hết điều mong ước, chủ ban dầu thương xót cho dầu gấp bội. Được rồi vui mừng đủ làm một ngọn đèn dâng lên Thế tôn, tự lập nguyện "nay con nghèo cùng dùng chút đèn đây cúng dường Phật, do công đức nầy khiến con đời sau được trí tuệ, soi chiếu dứt trừ tất cả tội cấu dơ bẩn của chúng sinh. Phát thệ rồi lễ Phật mà đi. Đến cuối đêm các ngọn đèn đều tắt, chỉ có ngọn đèn của Nan-đà còn sáng. Bấy giờ, đến sáng ngãi Mục-liên theo thứ lớp muốn tắt đèn, liền dùng tay quạt, lại dùng áo quạt đèn vẫn cứ sáng. Phật bảo Mục-liên: "Ngọn đèn này hàng Thinh Văn các thầy chẳng thể khuynh động, dù cho lấy nước bốn biển tưới, hay dùng gió Tỳ-lam thổi đèn cũng không thể tắt, vì đây là đèn của người phát đại tâm cúng dường".

Phật nói lời này xong, Nan-đà Nữ lại đến, đầu mặt làm lễ, Phật liền thọ ký "Vào đời sau hai A-tăng-kỳ kiếp nữa, cô sẽ được thành Phật hiệu là Đăng Quang, mười hiệu đầy đủ".

Phần thứ mười bốn, luật Ngũ Phần xin chó, xin chim, giảm phần xin, ba chữ xin đều là khứ thinh, phần ngoài nghĩa là phần nhiều nhận mà bố thí. Luật Tứ Phần nói, người tức người xin v.v... phi nhân tức quỷ thần, cầm thú, súc sinh. Luận Tỳ-ni Mẫu, trong loài người là loại riêng, không lỗi nghĩa là chẳng làm dơ nhà người.

Phần thứ mười lăm, hoại sắc tức là mặt không thần sắc. Tống phạm giới duyên tức đất trống nổi lửa. Đào hoại... giới nhân đó mà thành phạm.

Phần thứ mười sáu, ban đầu và thứ hai là tự tha tâm tịnh, ba là chấp lao phục dịch, bốn là thất bại tự cao, năm là hai quả báo hiện tại, tương lai.

Môn thứ tư, các tạp sự trước đều là tùy người làm riêng, tên riêng

người tự làm. Môn nầy nói tụng trì kinh giới, bất luận lợi căn, độn căn, mới vào đạo hay đã lâu v.v... khác nhau, hễ đã dựa vào cửa đạo thì nghĩa phải nương đó vâng giữ, cho nên nói rằng "Chung làm đồng pháp".

Trong chánh nói, khoa đâu trước bày cốt yếu của tụng trì. Chữ nhi trở xuống là nói căn tánh khác nhau. Thần dụng tức tâm trí. Xen mạnh yếu nghĩa là nghe nhiều hiểu ít, hoặc nghe ít hiểu nhiều. Chữ hữu trở xuống tức là người ban đầu. Chữ cố trở xuống tức là người kế.

Khoa kế chia làm bốn: ban đầu dạy tụng cương yếu. Người xưa là chưa rõ người nào. Thắng-man là kinh Thắng-man Phu Nhân Phương Đẳng Đại thừa, đối với Phật đã nói Đại thừa lý giáo xuất sinh vô tận, thâu nhiếp không sót cho nên nói là căn bổn. Kinh Như lai Tạng nói: "Phật ở Kỳ Sơn vì Bồ-tát Kim Cương Tuệ mà nói, lại nêu hai kinh còn bao nhiêu mặc nhiên không tồn tại cho nên nói rằng thú đắc. Trên tức bày riêng lý do, chước gồm bày đạo đức định tuệ, hạnh tức là giới, tất cả Phật pháp không ngoài ba môn học. Do chúng sinh mê tâm làm hoặc, động tự thành nghiệp, do nghiệp chiêu cảm báo, sinh tử không cùng, muốn thoát quả khổ cốt yếu phải trừ nhân khổ, cho nên trước dùng giới trị nghiệp kia, kế dùng định tuệ lóng trong hoặc kia. Nghiệp chia thiện ác, hai hạnh hai pháp chỉ tác mà đối phó. Người bịnh nhờ thuốc mà lành, cơ do giáo mà tu, sau nghiệp hết hoặc trừ, tình mất tánh hiển, giáo môn tuy rộng đâu vượt qua đây, gồm nhiếp nghĩa cương yếu ở đây.

Chữ các trở xuống là kế dạy rộng xem các văn, đầu tiên xem Thánh giáo, rộng thấy xa là giúp trí giải kia. Giúp đở v.v... ấy là giúp hạnh nghiệp. Khuôn là chánh, phụ là giúp. Kế giở sách đời cốt yếu xem sự phân biệt siêu xuất của Tấn, Hy. Phương là so sánh. Chữ dĩ trở xuống là thứ ba, bày tụng tập các nghiệp. Chữ nếu trở xuống là thứ tư phân biệt lợi căn không cuộc hạn. Sinh trí xuất xứ từ Luận Ngữ (Khổng Tử nói: Sinh ra mà biết là thượng, học mà biết là thứ, khốn mà biết là thứ nữa, khốn mà không học dân đây là hạ) nhưng sách thế gian kia thì nói rằng sinh biết Phật giáo nói đều do thói quen đời trước. Kiếp rốt sau chướng nặng ít thấy người nầy, chỉ có thể y cứ theo trước tuỳ sức tu học, soi xét suy lường không cho tự mê muội.

Trong phần ba, trong Tam Thiên nói ba việc là nghiệp xuất gia nghĩa gồm trì giới, không nêu ba môn học và hai lợi tự tha. Xuống sinh tử ấy là luống không có chỗ được, hoặc chịu khổ là kia Ca-sa lìa thân, bụng vỡ đồ ăn lòi ra, không như vậy thì đoạ địa ngục, v.v...

Luật Thập Tụng, sợ hãi lại nêu ba món, chánh là dùng món thứ hai, tức năm món sợ sệt như nêu tông dẫn đủ.

Khoa kế, luật Thiện Kiến chế kia bỏ quên, thầy vẫn còn tức Hoà-thượng đắc giới có thể theo học, cho nên nếu thấy chế phải theo y chỉ. Năm thọ riêng là trì Phạm xử đoán nhỏ nhiệm, theo văn cho nên phải thường học không thể tạm bỏ. Bậc tổ chánh sư của ta còn nghe quảng luật thường chưa thể tự khoe. Quá giống như khắp. Kinh Phật tạng nói kia gồm giúp, không có pháp ngã nhân là điều mà kinh luận nói. Ngã nhân tức phiền não, vô tức không tuệ. Luật Thiện Kiến bày cách học kia.

Trong phần ba nghĩa là hiện chung bày khác, nói hạnh nghiệp mình sợ thành đại vọng. Phật chế không vì luật luận, chánh văn có duyên, thời chấp nhận Luận Tát-bà-đa, luận kia hỏi La-hán Đạp-bà là tri sự của tăng vì sao thường phát ra ánh sáng, tự hiển công đức? Sao dẫn văn đáp có hai ý: ban đầu là bất thiện vì chẳng phải chỗ khai của giáo pháp, như Đề-bà hiện thần thông mê hoặc A-xá-thế. Hai là khai duyên tức việc của Đại-bà. Vì Phật pháp là hiển tôn thắng kia để khiến lưu thông. Vì chúng sinh mà dứt hiềm nghi kia khiến cho kính mến.

Trong thứ năm, khoa đầu trước nói riêng tu. Biết giới hạn ấy là phước trí riêng cuộc hẹn. Biết chung cuộc là sự dung tướng gồm, chữ phi trở xuống là nêu bày khoa sau.

Trong phần chánh tông, khoa đầu trước bày việc gốc của tăng, dưới bày gồm giúp. Chữ nhược trở xuống là nói được mất. Trong thứ hai, kế là bày Tam Bảo, đạo tục đối nhau, tướng riêng rất dễ thấy. Ba Phật là ba thân Phật pháp thân, báo thân, ứng thân, (có chỗ nói là ba đời Phật). Văn, tư, tu là ba tuệ, thứ lớp tướng do Tăng bảo, lại y cứ trụ xứ, cho chia cũng có thế tục, cho cạo tóc nhuộm y làm Tăng. Đạo dùng để lý hoà hợp là Tăng. Bồ-đề, v.v... làm cung điện, nhà Đại thừa làm chỗ ở, muôn hạnh làm năng ở.

Trong dẫn chứng, khoa đầu nói người xưa không biết là ai, nghi là Tổ sư tự soạn. Khoa kế, Luận Trí Độ lìa nhân duyên, lại chỉ trời, người như chú giải đã hiển bày. Người xuất gia tu nghiệp xuất ly thì lấy Niết-bàn làm vui. Kế dẫn luật Tăng-kỳ chứng trên có thể biết, là biết xuất gia vốn vì hoằng pháp. Chữ tức trở xuống là thứ ba dẫn thọ giới thuyết tướng để bày song tu.

Trong phần sáu, khoa đầu luật Tứ Phần nói bị cướp, ban đầu lấy y mình, kế mượn y người, ba lấy ngọa cụ của Tăng, đều gọi là tạm đắp, cho qua lại tìm. Luật Thiện Kiến ban đầu dạy đem đi. Chữ nếu trở xuống là nói theo mất. Được cắt cỏ là khai hoại sự sống. Được mặc áo người tại gia, ngoại đạo là khai tội phi pháp. Khoa kế, Luận Tỳ-ni Mẫu

mượn vật phát thanh phương tiện cho đi. Thập Tụng ban đầu nói giặc đến đồng trước sợ mà đi. Chữ nếu trở xuống là kế nói mất y khai đắp vật của tăng. Luật Tăng-kỳ ban đầu dạy đối hỏi bày phòng nhà v.v... đều cho là không thể đi. Chữ nếu trở xuống là kế nói đạo hạnh.

Thứ bảy, khoa đầu lại có ba: đầu tiên là phép vào nhà xí. Chữ ưng trở xuống là thứ hai pháp rửa sạch. Chữ bất đắc trở xuống là thứ ba chế các việc khác.

Trong phần đầu có sáu pháp:

1/ Khiến liền bỏ, sợ sinh bịnh.

2/ Phải nắm cỏ, nay gọi là xí trù (thẻ đi nhà xí).

3/ Nhường người trước.

4/ Kính người quí.

5/ Dạy để y

6/ Chánh lên nhà xí.

Nói đắp y là y cứ giống như hạ y, kia y cứ chỗ trống không cho cởi để, ở đây phần nhiều ở chỗ kín nên cho cởi, còn bao nhiêu như thường, chỉ dạy về oai nghi.

Trong phần rửa dơ, để lại chút nước là nghĩ người khác dùng. Mỗi lần rửa là tuỳ dùng một vật, lấy sạch là kỳ hạn theo Luật Tỳ-nại-da lấy bảy lần đất rửa gọi là sạch. Khoa kế, luật Ngũ Phần nói có ba việc, ban đầu đặt đồ tiện, hai là đựng đầy nước sạch, ba là chế lõa hình.

Trong Tam Thiên, ban đầu chế phải rửa. Chữ ưng trở xuống là kế chế thoát y.

Trong phần tám, khoa đầu hai luật giải phóng vật người đều vì tâm từ, chứ không vì trộm tổn. Đồn là con heo nhỏ. Khoa kế có bốn: Ban đầu khai nói dối, đâu được lại ý ông bày không. Chữ hựu trở xuống là kế khai che giấu. Chữ nếu trở xuống là thứ ba, khai trộm tổn, hoại giềng mối đến ngục chẳng phải oai nghi. Chữ cát trư trở xuống là thứ tư khai các lời.

Trong phần chín, văn đầu tiên nghĩa là xúc nhiễu, tức là muốn nhiễu động quỷ thần. Khoa kế hạm áp. Pháp chú rắn, dùng pháp chú đó khiến không hại người, Luật Ngũ Phần chép "Ta thương các Long Vương, trời và nhân gian, dùng tâm từ của ta diệt được các hoại độc, ta dùng trí tuệ hoá dụng tâm giết vị độc nầy, vị không có vị độc phá diệt vào đất. Bỏ tiếng vang ở cửa sổ, nghĩa là chỗ cách mắt thấu rỏ. Lồng thưa tức là dùng tre đan lưới. Linh Tử Chỉ Quy chép: "Trong cửa sổ đan gỗ làm nên".

Trong bắt rận, văn luật chỉ có cách bắt, y theo rắn, chuột phải giữ

gìn mạng sống của nó. Người đời ngu giáo, thường dùng lửa đốt, nhúng nước sôi, lấy móng tay ngắt cho chết, bởi không có lòng từ thương xót, buông lung làm việc giết hại, tâm đồng La-sát, hạnh giống như kẻ giết mổ, mạng con vật tuy nhỏ mà khổ chết chẳng khác, xin đọc lời dạy của Thánh rất nên dè dặt.

Trong phần mười, khoa đầu chia làm hai: đầu tiên là chế, kế khai năm chúng. Bà con được cho thuốc bởi không vì lợi, không vì lợi là vì bà con nghèo thiếu.

Ngũ Bách Vấn đầu tiên chế lấy vật, chỉ khai gượng cho, nay thuốc vốn là cầu tài lợi, đã chẳng phải đạo nghiệp, chính là trái với Thánh giáo, chứa chưa thấy có người nào ôm lòng từ cứu vật (chúng sinh), nhưng các cao Tăng ngày xưa thì cũng có vị gồm cứu giúp. Tăng truyện nói đời Tấn có ngài Pháp Khai, khéo thông phương phái hoặc thưa hỏi Pháp sư, bậc cao minh phân biệt vì sao nghề thuốc trải qua lo nghĩ? Đáp rằng: “Biết sáu độ để trừ bịnh bốn ma, điều phục hầu để trị bịnh phong hàn, tự lợi lợi tha không làm được hay sao?” Đây biết tâm vì lợi người, không đã chẳng thể cẩu thả vì tài lợi ở đời nên y theo luật cấm đoán. Chữ nếu bịnh trở xuống là kế đoan ta thuật. Thoát thủng tức ngày nay cách bắt phung nước để lấy độc phù.

Khoa kế, luật Tứ Phần đầu tiên dạy học chữ, chữ hoạn thổ trở xuống là kế dạy dùng thuốc, đầu hơi ấm cho nên có thể dừng nhổ. Bịnh nhiệt, Trí Luận chép: “Khi lạnh xen dùng trầm nước, khi nóng xen dùng chiên đàn để thoa thân”, thuốc hủ lạn chưa bỏ không cần thọ, nghĩa là từng gia thọ, trong không bụi đất bay, cho nên luật Ngũ Phần dùng cây xanh thơm trị độc trướng, tiêu khí ác (hơi độc). Tụng chú không nhai nuốt v.v... giống như duyên tà thuật nên cho phép. Tăng-kỳ tiểu mạch phải sao cho cháy đen, nghiền nát mới múc nước hoà. Thập Tụng nói, bất tịnh nghĩa là ban đêm xúc chạm v.v... chỉ khai cho người bịnh. Luật Tứ Phần ngoài dùng trị bịnh hay mạnh đều được.

****

## THIÊN GIẢI THÍCH SA-DI

Sa-di như chú giải hai lần giải thích là chia chữ giải nghĩa, đều là hai lợi tự tha và hai hạnh chỉ tác, nhưng ban đầu đều y cứ bổn chí xuất gia, sau y cứ khởi đầu ngược tình thế tục, vì thế tục làm việc ác không có lòng từ.

Ký Quy Truyện chép: Thọ mười giới rồi gọi là Thất-la-mạt-ni-la,

Hán dịch là Cầu Tịnh. Cầu là chí vô lậu, Tịch là lý Vô sinh, y theo biết Sa-di tiếng Phạm lầm lược. Hạnh riêng, chữ hạnh chung hai âm bình khứ, nếu bình thinh nghĩa là ba thiên nầy ở trước do đường bên ngoài nhiếp nhau, nếu khứ thinh tức ba thiên nầy khác với bổn bộ đại Tăng ở trước. Riêng hành hạnh riêng, hai lần giải thích đều chung.

Trong bày ý, hai câu trên của câu đầu là ngôi vị, trong đây phải chia hình, đồng và pháp đồng. Nếu chỉ cạo tóc gọi là Sa-di hình đồng, nếu thọ mười giới gọi là Sa-di Pháp đồng. Hai câu kế nói bổn chí, câu trên nói là ban đầu, câu dưới bày rốt sau. Huyền Tịch không gọi là Phật giáo, chỗ xa thẳng thì chỉ cho quả Phật. Lại hai câu kế nữa là bày luật đáng nương, hai câu sau bác bỏ thế tục không dạy bảo.

Khoa kế, ban đầu bày cốt yếu của hai pháp. Đạo do lòng tin mà lập cho nên là nguồn đạo, đức từ tin sinh cho nên là mẹ của các công đức. Trị nghiệp do năng lực của trí, phá hoặc do sự chiếu soi của trí cho nên là nhân giải thoát. Chẳng có lòng tin thì đạo đức không do đâu mà phát, chẳng có trí thì nghiệp hoặc không có gì để dứt trừ. Người xuất gia vì đạo câu giải thoát cho nên nói rằng: “Trước phải có hai món nầy”. Chữ như trở xuống là bày lỗi không nói, ban đầu nói hình và tâm lẫn lộn với thế tục. Chữ sở trở xuống là kế hiển, lý do của ngu pháp. cáo thủ là bạc đầu, xoay mặt vào tường không thấy. (Luận Ngữ nói: “Người mà không vì khấp nam gọi nam thì người ấy giống như đứng xoay mặt vô tường” Hai chữ nam thống gọi ở thi). Không tin thì trí không phát, không trí thì không mến đạo, ăn no mặc ấm nhàn nhã trọn đời, cho nên nói rằng “Chỉ việc nuôi thân, v.v...”.

Trong ý xuất gia nêu bảy khoa: ba khoa trước nói công, ba khoa kế nói hạnh, một khoa sau quyết nghi. Trong tuỳ giải thích, khoa đầu hai bài kệ Hoa Nghiêm xuất gia tu đạo, kệ đầu mở bày cho biết, bài kệ kế dẫn dắt khiến xuất gia. Nếu Như lai không xuất gia, thì sẽ nối tiếp ngôi Kim Luân Vương, cho nên nói là bỏ nước, tịch tịnh là lý Niết-bàn. Chữ dĩ trở xuống là kết bày Bồ-tát, tức Bổn Sư Thích-ca, ở đây nói xuất gia. Từ nhân bày hiệu v.v... trở xuống là chỉ cho hai kinh, nói đủ là kinh Na-già-la-việt Vấn Bồ-tát Hạnh, kinh ấy nói: Phật bảo Na-già “Bồ-tát xuất gia thường nghĩ tinh tấn, trí tuệ không đắm trước, như cứu lửa cháy đầu”, còn bao nhiêu rộng như kinh Niết-bàn nói: “Tại gia ép ngặt như lao ngục, tất cả phiền não do đó mà sinh. Xuất gia rảnh rang giống như hư không, tất cả pháp lành do đó mà thêm lớn”. Đại Tiểu thừa giáo phần nhiều nói pháp xuất gia, đây không phiền não dẫn cho nên nói “đẳng”.

Tịnh Trụ Tử nói xuất gia có mười tám pháp khó thực hành mà thực hành được.

Cha mẹ là hiếu luyến, khó bỏ mà có thể giã từ cha mẹ.

Vợ con là ân nhiễm khó đoạt mà cắt được ái.

Địa vị thế lực là cái mà vật tình tranh giành mà bỏ được vinh hoa.

Đói khổ là điều người khó nhẫn, mà tiết chế được sự ăn uống.

Vị ngon là điều người ưa thích mà chịu nuốt đồ ăn dở.

Kiều cần là điều người nhàm chán mệt mỏi mà có thể tinh tấn siêng năng khổ nhọc.

Bảy báu là sự xẻn tiếc của con người mà bỏ lìa được.

Tiền lụa là vật mà người chứa để mà bỏ được.

Tôi tớ là người giúp đỡ hầu hạ mình mà tự làm chứ không sai.

Năm sắc là ái mà người rất ưa nhìn mà xả bỏ không thèm đoái hoài.

Tám âm mọi người tranh nghe mà dứt bỏ không muốn nghe.

Đồ trang sức láng mịn là vật mọi người ưa đắm mà có thể thân khô không ngại.

An thân dưỡng thể là điều mà người cùng đồng mà có thể quên thân bỏ mạng.

Ngủ nghỉ là điều không thể khỏi mà ngày đêm không hề ngủ.

Bạn bè là chuyện hằng nhóm mà lại ở chỗ vắng tự xem xét mình.

Người tại gia ăn ngon không biết dứt gần miệng thấy như đồ độc.

Người tại gia ngày đêm không cam chịu, mà minh kỳ hạn thời gian.

Người tại gia bụng trống thì nhà đẹp sánh đôi mà mình ở nơi gò mả xa lìa đắm trước.

(Đây là Văn Tuyên Vương Tiêu đời Tề, bởi chọn cốt yếu cho nên chép ra).

Môn kế, trong phần năng khuyên, kinh Hoa Thủ nói được quả báo. Ban đầu gồm bày quả báo cao quý, chuyển tâm là quả báo đời sau, hiện tăng tức hiện báo lành đến. Đạo thành Sơ quả nhờ Phật đích thân độ, lời váng một phen gọi râu tóc tự rụng, ca-sa đắp thân, hoa sen hoá thân không thọ bào thai. Chữ cố nhất trở xuống là trình bày riêng bốn pháp.

- Giải thoát

- Tinh tấn
- Nhẫn nhục
- Làm lợi ích

Mỗi pháp đều tự làm và giáo hoá người. Trong đây dùng pháp thứ nhất, còn ba pháp kia nhân nhau mà dẫn.

Trong kinh Công đức, ban đầu là chánh nói, thứ hai là dụ hiển, thứ hai lại có hai: vì đạo gia công đức vô lậu, cúng Phật dựng pháp đều là phước hữu lậu, cho nên không bì kịp. Một ngày một đêm là nêu ít dụ nhiều. Trong kinh ấy A-nan hỏi Phật: "Nếu có một người khuyên người xuất gia hoặc mình xuất gia được bao nhiêu phước? Nếu ngăn cản người khác xuất gia thì chịu tội báo gì?"

Phật bảo A-nan: Nếu trong trăm năm ông hỏi ta, ta trừ lúc ăn uống, dùng trí tuệ vô tận đủ cả trăm năm vì ông nói công đức của người nầy còn không thể hết. Nếu có người ngăn cản nhân duyên người khác xuất gia thì người này ở trong ba đường ác thường chịu đui mù. Nếu làm người khi thọ thai trong bụng mẹ liền bị mù, cả trăm năm ông thường hỏi nghĩa này, cả trăm năm ta dùng trí vô tận nói tội báo này cũng không thể hết."

Khoa kế, Trí Luận nói có hai duyên. Ban đầu duyên ni, kia nói rằng "Như hoa Ưu-bát-la (tức hoa sen) Kinh Tỳ-kheo-ni Bổn Sinh chép "Lúc Phật còn ở đời vị Ni nầy chứng quả A-la-hán giáo hoá các phụ nữ xuất gia, các phụ nữ ấy nói "chúng con giữ giới khó, sợ phá giới địa ngục" Vị Ni nói: " Đoạ thì đoạ lâu cũng có ngày ra, ta nhớ khi xưa từng làm nữ nghệ sĩ, do mặc ca-sa diễn kịch mà đến thời Phật Ca-diếp được xuất gia, lại do phá giới cho nên đọa địa ngục, nay gặp đức Thích-ca lại được xuất gia giải thoát"

Kế dẫn duyên Bà-la-môn, kia chép rằng: Phật ngự tại Kỳ Viên, người kia vì say đến chỗ Phật xin Phật độ. Phật sai A-nan độ, người kia lúc hết say liền bỏ về nhà, Tỳ-kheo hỏi Phật, Phật đáp "Như bài kệ xuất gia trong sao:

*"Chim công tuy có sắc thân đẹp*
*Không bằng Bồ câu bay được xa*
*Cư sĩ tuy có sức sang giàu*
*Không bằng xuất gia công đức hơn"*

Sau dẫn kinh luật dùng gốc lành trong chốc lát ngăn ác báo nhiều đời, đời kiếp nhiều ít tuỳ duyên ứng cơ không nhất định.

Trong phần ba, xuất gia đã có công đức, chướng thì tổn lớn. Trong kinh lưu ngại như bà con không cho, ức chế như vua quan cấm đoán. Ác

nhóm như biển là nói lên nghiệp nặng. Bịnh hủi là hiện báo. Vào địa ngục là hai báo sinh, hậu, còn bao nhiêu như trên đã dẫn.

Trong phần bốn, khoa đầu kinh Bảo Tích nói hai sự ràng buộc dụ như không tự tại, hai ung dụ cho ba món nầy, đều dụ tự tâm, người trí nên tự soi xét dè đặt chớ khinh thường. Vì là người. Kiến là chống kiến, nghĩa gồm nơi danh, đây là lợi căn. Lợi dưỡng tức tài vật lại gồm cả sắc dục, đây là độn căn. Nghiệp sớ chép: Độn căn tham tài sắc, lợi căn đắm danh và kiến chấp. Bốn lợi gồm thâu không đâu chẳng cùng tận. Niết-bàn là đói rét, vì người xuất gia y thực để được, thấy có người trí giới xua đuổi giết hại vì tự mình không có giới đức sợ hình tượng không bằng mất đi lợi dưỡng sinh tâm ganh ghét.

Khoa kế, tội tướng rất nhiều, theo tâm gồm nhiếp, lại bày năm món, cho nên nói là “đồng”. Mến thân cầu lợi thuộc về tham, ganh ghét thuộc sân san, tức là si lại tức đủ ba độc, là gốc nghiệp ác (không cần phối đây với ba dụ ở trước). Sau chỉ riêng Sao, chưa rõ văn nào, nay thấy ở nghiệp Sớ thế gian, ban đầu đến giới hạnh là trì giới, giới thủ kiến, kiến là chấp kiến do chuyên trì giới gọi là giới thủ, lại do giới là thượng thắng nên gọi là kiến thủ, đây là năm lợi là thượng thắng, nên gọi là kiến thủ, đây tức năm lợi sử trong hai sử, cho nên nói rằng phiền não cõi dục, hạ nghiệp tức là nhân đạo, dầu được sinh lên cõi trời chỉ ở sáu tầng trời cõi Dục.

Chữ nếu trở xuống là nói tu định, tức là Tứ thiền, từ không định, học rộng giảng tụng tức tu tập tuệ chuẩn có thể biết. Tu đạo tự hạnh khó phân, tự chẳng hiểu người do đâu mà biết được.

Khoa kế, Trí Luận chỗ bày đối trên có thể thấy gọi chung là pháp thế gian tức trời người lành. Nhưng thế gian hay xuất thế gian y cứ tâm khác nhau, đến bày sự hạnh cũng không có khác, thành bàn vui ở đời là ít lợi, Thánh đạo xuất thế là lợi lớn, tâm riêng sự đồng, nghĩa cũng như trên.

Trong phần sáu, khoa đầu nói về khó làm. Chữ kim trở xuống là nói phải làm. Chứ kinh trở xuống là gồm nêu vô thỉ chưa từng, nói thánh hạnh khó thành. Đắm mê tập quán (thói quen) ở đời là nói lý do khó thành. Trong kinh chỉ chung ba tạng. Trong nêu bày, ba quán đều nói là quán sự, sực tức là cảnh, tâm nương cảnh khởi, tuỳ cảnh lập quán, nghĩa là sắc, tâm, ấm, nhập, giới, hữu tình, vô tình, thiện, ác, vô ký v.v... nếu luận trí giải phải thông suốt các pháp, nếu trong khi quán, tầm là chủ yếu. Tùy chỗ tâm khởi, khởi tức là sự, hoặc thiện hoặc ác, ba lý chiếu nên biết. Điên đảo chỉ có vọng chấp, vốn không thật có, tùy tâm động

dụng tất cả đều không. Tức tướng biết huyễn gọi là tướng không, suốt tướng là tâm, gọi là Duy thức, giống như việc mộng. Hoặc suy mộng tưởng tư đâu sinh diệt, hoặc biết giấc mộng ngay tướng là không thật, hoặc biết duy tâm chỗ biến hiện không có việc mộng riêng khác. Dụ trên la quán, lược biết cạn sâu nhưng hạnh vị có ba:

Quán cảnh một chỗ gọi là sư

Thấy lý hai, hai món tánh tướng ở trước tuy khác nhưng đều dùng Không làm lý.

Một món sau dùng Tâm làm lý.

Hai món trước là quyên, một món sau là thật, nhưng xuất gia hơn thế tục, học chung ba thừa, nay nương Nghiệp Sớ y cứ khai hội ý chuyên chỉ Phật thừa làm gốc xuất gia.

Trong tánh không, câu đầu nói về ngôi vị, câu kế nói về hành quán, hai câu sau là thấy lý, do ngã, nhân, thiện ác tánh vốn tự không, duyên hội thì sinh, duyên tam liền diệt, chỗ sinh diệt diệt gọi là lý không, tức là chỗ cùng cực của Nhị thừa. Kế trong tiểu Bồ-tát, cả ba vị, hành, lý đồng cách phân ở trên. Thứ ba trong đại Bồ-tát, câu đầu nêu vị, câu kế nói lý quán pháp duy tâm tức sự hiển lý, câu dưới nói hạnh do tất cả các pháp vốn chỉ một thức, ngoại một thức không còn có pháp khác. Từ vô thỉ vọng động chấp ngang trái tâm cảnh bèn có kia có đây, đều từ ý là vọng khởi chấp trước, do chấp trước cho nên vọng tạo danh ngôn. Kẻ trí muốn sở quán duy thức quyết dùng ý ngôn làm cảnh sở quán, do ý ngôn nầy đều là một thức quyết dùng ý ngôn làm cảnh sở quán, do ý ngôn nầy đều là một thức, ở đây không lìa nghĩ bàn, rõ ràng chẳng thể nghĩ bàn, tức đối với sai biệt rõ suốt không sai biệt.

Chữ cố trở xuống là dẫn chứng. Nguyện lạc tức Thập Tín, cứu cánh tức Diệu Giác, lược khoảng giữa Tam Hiền, Thập Thánh, Đẳng Giác nên nói là "cho đến", như thiên sám có dẫn đủ. Trong danh quán câu tuyệt, duy thức lìa đoạn thường tức là Trung đạo. Duyên ý ngôn làm cảnh như trên đã nói.

Trong phần ba, câu đầu nói cốt yếu ba quán ở trên. Hai thừa đại tiểu giáo, lý, hạnh, quả tất cả đầy đủ, pháp môn tuy nhiều nhưng không ngoài đây, nên nói là "có pháp khác không riêng". Trên dưới chỉ lược, hai câu trên chỉ cho chánh hạnh. Nói hai món trên, là ba quán trên, hai quán trước là Tiểu thừa, một quán sau là Đại thừa, tức Đại thừa, Tiểu thừa khác nhau, cho nên nói là "biệt hạnh". Như các điều nói ấy, hoặc chỉ ngay Sao, tức là thiên sám, hoặc chỉ văn khác tức như Nghiệp Sớ. Chứ nhược nếu trở xuống là kế chỉ các hạnh, phương tiện tức tu, quĩ độ

trừ nghi nghĩa là phá chấp, biện ma bỏ chướng nghĩa là phá ba chướng. Chữ yếu trở xuống hai câu là bao gồm ba việc trên. Môn biệt hạnh tức là đạo, Thiền sư chỉnh nói hành pháp của phàm, Thánh. Ba khoa trên gồm nói về nhân mười cõi nên đều gọi là Hạnh, hễ tội tức là hạnh ba đường, phước phàm tức hạnh Tu-la, trời, người. Thánh đạo tức hạnh Ba thừa quả Phật, trải tâm bày hạnh khiến biết nhân quả, bỏ tội tu phước, sửa phàm thành Thánh, nhàm Tiểu mến Đại, đến nhất Phật thừa làm gốc học của xuất gia, tức giới Bổn nói rằng: " Nếu có người vì mình muốn cầu Phật đạo" chính là ở đây.

Trong phần bảy, tướng quyết định đồng khác, đồng là phương tiện tấn tu, chỉ là ba môn học vì không có đường khác. Khác chính là tâm chí rộng hẹp, cho nên chia hai thừa dụng cho riêng khác. Trong phần nêu chung, hai câu trên tiếp trước, chữ kim trở xuống là chánh chỉ bày.

Trong giới Tiểu thừa, duyên thân miệng nghĩa là thế chấp. Phạm tâm là suy gốc nghiệp, ở đây nói theo Tông không của Tứ Phần. Chữ chấp trở xuống hai câu là nói trì mất, hoặc chỉ mến trời người thì dính mắc phước phàm. Hoặc chấp trí đạo thì đọa vào lợi sử. Chữ vi trở xuống hai câu là nói phạm báo.

Khoa kế, trước nói định học, lại có hai: hai câu đầu nói chỗ tu tức tánh không ở trước. Danh sắc tức là cảnh sở quán, một uẩn là sắc, bốn uẩn là tâm, tâm đạo mờ mịt, chỉ có tên chung, cho nên gọi chung là danh. Duyên tu là năng quán, tâm sinh diệt tức lý sở kiến, cho hai pháp sắc tâm niệm niệm sinh diệt, vì sinh diệt cho nên vô thường, vô thường cho nên không tánh, không tánh nên vắng lặng, vắng lặng là lý chân như Niết-bàn diệt đế.

Kệ Niết-bàn chép: "Các hạnh vô thường, là pháp sinh diệt, sinh diệt diệt rồi, tịch diệt là vui".

Thanh văn, Duyên Giác thừa, pháp tuy khác mà thấy lý thì đồng, cho nên nói rằng "Nhị thừa đồng quán" v.v... Tứ đế của Thinh Văn và mười hai nhân duyên của Duyên giác, chỉ là sự khác nhau của giáo môn khai hợp, dùng lý dung giáo cho nên nói là không khác nhau. Khổ tập và mười hai duyên sinh diệt đều là nhân quả thế gian. Đạo diệt cùng mười hai duyên diệt đều là nhân quả xuất thế.

Chữ cố trở xuống là dẫn chứng Phật tánh, luận là luận Đại thừa, có bốn quyển, kia nói chỗ chứng của Tiểu thừa chẳng phải thật thấy Phật tánh. Luống dối tức danh sắc, vô thường tức sinh diệt, chân như tức lý không, tức kinh Pháp Hoa chép: "Người nầy lúc nào được giải thoát? Chỉ lìa luống dối gọi là giải thoát, thật ra chưa được giải thoát tất cả.

Kế trong tuệ học định, là lắng lặng, tuệ thủ chiếu dụng động dừng khác nhau, cho nên nói rằng "Nghĩa riêng" đồng một tâm thể cho nên nói là thể đồng. Nước trong là vật hiện, gương sạch thì tượng sinh, định tuệ môt hay khác, dụ đó có thể hiểu. Ba phẩm trong Đại thừa tức ba tụ:

- Nhiếp luật nghi
- Nhiếp thiện pháp
- Nhiếp chúng sinh

1. Dứt ác, 2. Tu thiện, 3. Độ sinh. Theo Luận Trí Độ, Nhị thừa chỉ có một tụ dứt ác, tuy có tác trì lại quy về lìa lỗi, không tu phương tiện giáo hoá chúng sinh, không nhiếp thiện để tự điều phục tự độ cho nên không nhiếp chúng sinh. Đây do văn nầy chỉ nêu luật nghi so sánh đồng khác.

Nói không khác là y theo Viên tông của Nghiệp Sớ, nghĩa là đồng ba tụ, kia nói rằng giới chia ba phẩm, y cứ nghĩa thâu chuyên không khác các luật (do chẳng rõ chế nên nói là y cứ nghĩa). Như một giới sát gồm đủ ba ngôi: Dứt các duyên giết, tức nhiếp luật nghi, thường hành tuệ mạng tức nhiếp thiện pháp, hộ sinh mạng trước tức lợi ích hữu tình. Một giới nầy đã thế, các giới khác cũng vậy (Sớ văn tánh giới đều nêu thuyết nầy). Nếu luận già giới như giới rượu báu... là lìa lỗi uống và chứa là nhiếp luật nghi, thường hành đối trị tức nhiếp pháp lành, dứt sự chê bai của thế gian tức nhiếp chúng sinh. Nếu lấy giới bổn của Đại Tiểu thừa để chia thì Tiểu thừa giáo là bốn tội Ba-la-di, Đại thừa là mười giới trọng. Bốn Ba-la-di, Đại thừa đồng, còn sáu giới kia đều khác, cho đến chứa của báu, hơ thân, v.v... tướng khác rất nhiều. lại nói rằng: "Ý hai và ba nói đồng nhiều khác ít. Hệ tâm giới là ngăn xem lướt. Chứ như trở xuống là không khởi tham sân... Như Phạm Võng chế không san tham, không sân. Lại kinh Niết-bàn chép "Cách vách nghe tiếng vòng xuyến, phân biệt nam nữ, tâm nhiễm tịnh" là loại giới.

Trong phần rộng bày, trong Trí Luận vấn, trụ thật tướng là tâm hợp diệu lý, hư không chẳng chỗ có nên không chấp một pháp, đã không chỗ chấp thì không thiện ác, đã không thiện ác thì không trí giới hay phá giới, đã không trì phá thì không có giới, đã không có giới thì nên mặc ý tạo tác, không cần giữ giới tà kiến nhiều đời, cho nên hỏi để giải quyết.

Trong phần đáp dùng phước so sánh tội, không làm phước là không chấp phước tướng cho nên nói rằng không làm. Mỗi món nhân duyên nghĩa là phương tiện hoá đạo, tuỳ chỗ động dụng đều lìa lỗi.

Trong phần giải thích nghi, văn đầu tiên Luận Địa Trì, Kinh Phật Tạng, đoạn thường hai kiến lấy bỏ khác nhau, cho nên cần thông hiểu thì nói Bồ-tát tùy cơ lập giáo nói trái đến hợp, bao gồm tà kiến không ngoài có không. Chấp có gọi là Thường, chấp không gọi là Đoạn, thân kiến ngã tưởng đều là thường kiến. Ác thủ không nghĩa là bác bỏ nhân quả đoạn kiến.

Trong phần đáp, ban đầu giải thích địa trì, giao giống như năng. Kế giải thích Phật tạng, một câu cuối cùng là kết chung hai văn.

Khoa kế do Bồ-tát tu từ nên nghiệp sát để đầu, sân chế tội Ba-la-di nặng. Hoa Nghiêm chép: "Một niệm tâm sân khởi, trăm muôn của chướng mở". Lại nói rằng: "Một niệm khởi sân đoạ ngục Vô Gián" thì biết Bồ-tát riêng chế tâm sân mà không chế tham, cho nên bày lời hỏi nầy. Chữ trí trở xuống là dẫn giải thích, nêu phàm so sánh Thánh. Cõi sắc, trời, Tứ thiền, năm cái, mười ác đều dứt tham. Thánh đạo xa dục ác, vì thế thanh tịnh. Vốn không được vì vô thỉ chưa hề trải qua.

Trong Nhiếp Luận, không phân biệt người trí, do trụ Duy thức không có trần bên ngoài, do các trần bên ngoài đều là Duy thức cho nên nói rằng: "Trần không hiển hiện" Luận kia chép: Không phân biệt trí, tự tánh nên biết lìa năm món tướng:

Lìa chẳng phải tư duy.

Lìa chẳng phải giác quán địa

Lìa định Diệt thọ tưởng vắng lặng (vì không trụ Nhị thừa chấp Không)

Lìa tự tánh sắc. (vì không trụ phàm phu chấp có)

Đối với nghĩa chân thật lìa phân biệt khác (vì không trụ Trung đạo của Bồ-tát).

Thắng trí là không phân biệt, phương tiện nghĩa là dẫn dắt giáo hoá chúng sinh. Trước có lợi ích tức lợi tha, tự không đắm nhiễm tức tự lợi, quyết đủ hai lợi mối liền làm, cho nên nói rằng dầu có, v.v.... Chữ y cứ trở xuống là xếp ngôi vị, Sơ địa trở lên, cho nên biết Thập thánh mới cho làm. Địa tiền, Tam Hiền còn chế không cho, huống gì các phàm phu đâu thể lạm quyền.

Niết-bàn ban đầu nói tướng trì, dứt sự chê bai ở đời thì gọi là gía giới, giá tánh đồng trì nên nói là không khác. Chứ nhân trở xuống là kế để dụ rõ. Độ biển người dụ cho Bồ tát, La-sát dụ cho ba độc, phao nổi dụ cho giới cụ túc. Chứ hựu trở xuống là xếp ngôi vị. Đầu tiên nương kinh phán phải đến Bát địa. Bất động, Nhiếp Luận chép: "Do tất cả tướng tác ý công dụng không thể động" thì biết bậc Thánh lại phải có

địa sâu. Do sự rất khó, sợ có sự ỷ lạm cho nên nhà dịch kinh lại gấp đối với Luận.

Chữ hoặc trở xuống hiểu văn luận. Tịnh tâm là Sơ địa. Vô Trước nói rằng: "Do thấy pháp tâm tịnh, lìa các cấu nhiễm."

Kế, trong định tuệ do tiểu Bồ-tát thiệp với Đại Tiểu, Tiểu y cứ trí quán, đại y cứ nơi chí cầu tiểu đại tuy khác mà đều là Bồ tát thừa, cho nên lại một phen thâu chung trong đại. Ban đầu bày quán riêng như trên đã nói. Chữ độn trở xuống là kế so sánh cạn sâu. Độn là Tiểu Bồ-tát đối với đại là độn, so với Tạp Tiểu thừa thì lợi không phân biệt sắc, khác với Nhị thừa ở trước chia chẻ sắc, cho nên lợi tức là đại Bồ-tát. Không phân biệt, không vượt quả tiểu Bồ-tát, do quán duy thức, trụ ở Trung đạo, rõ tất cả pháp đều là tâm thức, thức chẳng phải sắc không, chẳng phải chẳng sắc không, còn chẳng phân biệt thức huống chi phân biệt không, nếu biết Duy thức thì trụ thật tướng vô phân biệt.

Trong kết khuyết, khoa đầu, hai câu trên kết trước. Chứ đãn trở xuống là khuyên học. Ban đâu khuyên lựa chọn, đường như phải mà chẳng phải, cho nên nói rằng giúp nhau. Bọn tà nhiều cho nên nói là như rừng. Chữ lý trở xuống là kế khuyên nhiếp tu, học chung tức giải. Chánh quả tức hạnh, không do tụng lời ấy là ngăn tuệ giác. Chữ như trở xuống là chỉ rộng. Thập Địa tức Kinh Thập Địa và luận Thập Địa. Chữ hựu trở xuống là dẫn bày tiệm học, học rộng trí tuệ nghĩa gồm tư tu, phải đủ ba tuệ. Câu kế ngăn cuồng chọn. Câu sau nêu dụ kiến hiểu, như ra biển sâu dần. Trí Luận chép: "Biển lớn chí độ chỉ có Phật mới tột đáy kia, người sơ tâm cầu học không thể vội cầu. Bởi tạo không xa, do lý chẳng ngoài sự, được không lìa nơi gang tấc, mất nào chỉ ngàn núi cách xa, lo mà tin phục khiến tự được, rồi mới lấy đó, trái phải gặp nguồn kia, buông tâm những điều mong muốn không vượt qua khuôn phép, nếu học như thế mới gọi là học, còn bao nhiêu nhớ hỏi đáng nói.

Trong lại bày, đầu tiên phân biệt ba đạo, tức phàm phu và hai Thánh Đại tiểu. Phàm phu nhờ năng lực thiện không gồm loài người cho nên gọi như vậy. Nhị thừa thảy đều là giác hoá dẫn dắt mà chẳng phải chánh ý cho nên nói rằng gồm tha. Đại thừa phát tâm cầu đạo chánh vì độ sinh. Nhưng phàm phu vì tự mình thì đắm chìm năm dục. Nhị thừa vì tự mình thì thoát khổ sinh tử. Nhị thừa vì người thì nói pháp hiện thần thông. Đại thừa vì người thì cứu khổ ban vui, phát ý là tu nhân riêng, thành quả tức chỗ chứng khác. Chữ nếu trở xuống là bày quán hạnh đồng khác, sự tức cảnh sở quán ở trước đều quán sự cho nên nói là sự đồng. Tâm là trí năng quán, tánh tướng Duy thức cạn sâu khác nhau

cho nên nói là tâm trái.

Chữ thả trở xuống là hiển lược vì tông phi. Nhưng hai thừa Đại Tiểu, giáo môn khó nói, lại dùng bốn nghĩa để nói. Một là giáo riêng quyền thật khác, hai là lý riêng tánh tướng duy thức thiên viên khác. Ba là hạnh riêng vì đế duyên độ. Bốn là quả riêng ba tánh đạo. Lại nữa, nên biết Tiểu thừa chỉ nói một Phật Thích-ca, đại giáo thì bán về ba đời mười phương. Lại Tiểu tông là cảnh giới tông cuộc hạn y cứ Đại thiên. Đại giáo thì chung gồm pháp giới, còn bao nhiều như bày riêng, sợ rườm rà.

Thứ hai, tuỳ giải đủ duyên, trong phần phân biệt người, khoa đầu luật Tăng-kỳ thì trước nói già trẻ chưa độ nên chọn. Bảy tuổi trở lên, bảy mươi trở xuống, có trí chịu khổ thì là giáo hạn. Nói trong người già kia quá bảy mươi mà có khả năng chịu đựng thì còn cho xuất gia, nghĩa là làm Sa-di. Chữ nếu trở xuống là chế mình độ nên nhiếp, quá già tức tám chín mươi, quá nhỏ thì chưa đến bảy tuổi. Kinh Ương Quật, lão mẫu là mẹ của Ương-quật-ma-la. Ương-quật nhận lời người ác xúi dục, giết cả ngàn người, dùng lóng tay làm tràng, đến khi thiếu một người nữa là đủ số ngàn thì Ương-quật cầm gươm muốn giết mẹ, Phật giáo hoá cho nên dùng kệ ngăn. Hai câu trên khuyên dừng, hai câu dưới dạy tu. Tô nghĩa là tự xét. Dứt nghĩa là dứt dục. Duyên Tinh Phạn mà có ra bổn luật, trước nêu lên sau dẫn văn, quán tức là trí, các hạnh vô thường là cảnh.

Khoa kế, Trí Luận đầu tiên nói chế giáo lựa ý. Hai căn là thân hiệp hai hình. Vô căn nghĩa là không có đường nam hay nữ. Chữ thất trở xuống là giải thích trên không được đạo căn. Bốn câu bốn việc mất tướng nam nữ báo chướng, tâm không định là nghiệp chướng, kiết sử là phiền não chướng, bốn trí tuệ cạn là ba chướng đã nặng, cho nên nhiều ngu si. Kế nói hóa giáo thâu chung, tức trong Phạm Võng hai hình, huỳnh môn, dâm nam, dâm nữ, tám bộ quỷ thần, súc sinh v.v... chỉ hiểu lời Pháp sư đều được thọ giới, y cứ ức chế giáo. Huỳnh môn, hai hình chẳng phải súc sinh, đều xếp vào trọng nạn, hóa giáo đều khai, cho nên nói rằng: "Không đâu chẳng dung".

Chữ dẫn trở xuống là hiển bày, trong luật chế lý do chọn lựa, đại giáo tuy cho thọ giới, nhưng Luật giới không cho xuất gia. Rừng dầy cây cong dụ cho khó nhổ, trù là dày đặc.

Trong phần ba, luật Thiện Kiến, đốt chùa là nạn duyên cho nên khai. Luận ấy chép: "có người muốn xuất gia, Tỳ-kheo biết cha mẹ không cho, nên không dám độ, kia liền nói: " Nếu tăng không độ tôi sẽ

đốt chùa" Phật nói: "cho độ". Ngũ Bách Vấn nói về chế phạm, đầu tiên dẫn bày, chữ thử trở xuống là quyết thông. Ban đầu y cứ nghĩa quyết phạm, chữ như trở xuống là dẫn văn mở bày. Luận tức Thiện Kiến, đầu tiên nói độ người cha mẹ, pháp vua cho. Chữ hựu trở xuống là nói độ người giắc bắt, lúc đầu nghĩa là chưa bán cho người, không tổn tiền người kia, vì trải qua chủ tốn tiền cho nên không cho độ. Thủ cho họ là kiến hoàn lương, y theo lý được độ, ba tạng không đoán cho nên nói là không có văn.

Trong phần hai, trước nói việc khổ cho biết khó để sau khỏi hối hận, cho nên văn nêu năm việc: một là trụ, trụ tức là ngồi. Hai, Sớ nói rằng: một khi ngồi kiết già thì trọn thời mới đứng dậy. Ba là ngủ, tức kinh nói "Giữa đêm tụng kinh để tự tiêu tức". Bốn là tiết độ ăn uống. Năm là siêng học.

Luật Tứ phần thì có mười món, nghĩa là chịu nổi gió, mưa, lạnh, nóng, đói, khát, độc trùng, lời ác, ăn một bữa, trí giới.

Trong phần ba, Tức phần đầu tiên cấm chứa nhiều, kế nói cách pháp xin. Thứ ba là chỉ đức của thầy. Pháp độ người tức kiền-độ thọ giới, như quyển thượng đã dẫn. Luật Tăng-kỳ đầu tiên nói được chứa chế hạn. Chữ nếu trở xuống là kế nói khuyên khiến người độ, lìa lỗi nhiều quyền thuộc, vẫn tự dạy bảo, như dùng pháp cứu giúp chung vì không kia đây. Chữ hữu trở xuống là chia phẩm vị. Khu ô, Luật do trẻ nhỏ xuất gia, A-nan không dám độ, Phật nói " Nếu có thể đuổi quạ trên đồ ăn thì cho độ". Ứng pháp là chánh hợp vị Sa-di, do năm năm nương thầy điều luyện thuần thục, có khả năng tiến lên thọ giới cụ túc. Danh tự vốn là vị tăng mà duyên chưa đến.

Trong phần bốn, phạm khí tức kết giới trọng Ba-la-di, thì biết xuất gia bỏ tâm cần quyết, phụ tạng dứt nộ đều không được lấy, cho nên nói rằng "cũng đồng".

Thứ hai là tác pháp, trong phần đầu thưa chúng. Trước nói chỗ đặt, thấy mà không nghe vì sợ nghe yết-ma. Thứ tác trở xuống là nói tác bạch, trước nêu ra ý thưa bèn dẫn bổn duyên để nói cần làm, nay phần nhiều không làm pháp diệt. Vì phải đáp không lỗi ấy, là sợ người hỏi nhau, chúng tăng không biết đáp có sai, cho nên công sự gọi là công xảo, Luận do người kia đến xin xuất gia, Tỳ-kheo cho độ chúng tăng không biết. Sau cha mẹ đến tìm hỏi, tăng đều nói không thấy, sau tìm được ở trong chùa, bèn chê bai rằng: "Độ con tôi mà nói là không thấy". Phật nói tác pháp trước bày đầu mối, thưa chúng trình bày thẳng tình ý, không cần nói nhiều lời hoa mỹ bóng bẩy. Kếu nêu ra yết-ma là

"mỗ giáp kia là người thế tục, theo hoà-thượng mỗ giáp" nếu theo tuỳ cơ yết-ma, câu thứ hai nên nhắc lại duyên rằng: "Mỗ giáp kia muốn cầu Tỳ-kheo mỗ giáp cạo tóc", câu thứ tư nói : Cho mỗ giáp cạo tóc, lời nói rõ ràng, nên y theo văn kia. Chứ Luận trở xuống là nói lời thưa, không nhọc bỉnh pháp.

Trong phần thỉnh sư, đâu tiên thỉnh Hoà-thượng dạy rằng ấy là phải là người ở bên chỉ bày, ngày nay gọi là người dẫn thỉnh nên trước nói rằng: Sở dĩ thỉnh Hoà-thượng là do xuất gia cội gốc là chỗ quay về, nếu không có người nầy thì nương vào đâu học, thiếu sự dạy dỗ, ông phải chí thành thờ phụng khắc chí bày lời, sợ ông không thể làm được, nay ta dạy ông", rồi sau đó thỉnh. Phải thỉnh ba lần, là bày sự ân cần trịnh trọng. Cho nên nay có ba lần xướng xin thương xót, tức phải ba biến là truyền lầm.

Chữ kỳ trở xuống là kế thỉnh xà-lê, lời thỉnh đồng, chỉ đổi tên. Xà-lê nhiều bậc cho nên chú giải phân biệt. Trong lời tác pháp nghĩa phải nêu riêng. Trong nghi thức nêu rằng "Các bộ đều nói, bổn luận sự nghi phần nhiều không đủ. "Chữ Như trở xuống là nêu mỗi việc.

Trong giải thích tiết văn có mười hai đoạn, thứ lớp hành sự không lẫn lộn nhau. Trong phần đầu ở chỗ trống khiến cho chúng thấy. Nước thơm rưới là khiến sạch sẽ. Chu vi bảy thước là khiến gần nhau. Bốn gốc treo phướn lọng trang nghiêm khiến phát sinh điều thiện, ngày nay phần nhiều ở chánh điện, chỉ nên làm việc trang nghiêm đúng lúc. Nhưng phần nhiều có Phật sau lưng lập toà mà ngồi, không biết là khinh mạn Phật, dè dặt chớ bắt chước.

Khoa kế, ban đầu nói từ thân (từ cha mẹ), ngày nay lại thêm lời từ tạ vua, vì khi vào đạo ở vị tôn quý không còn lạy cha mẹ và vua, cho nên miệng nói kệ là nên khiến người quỳ bên dạy. Văn kệ nửa trên nói tổn tại gia, nửa dưới nói lợi ích xuất gia, bỏ ân cắt ái tình. Vào vô vi là đến cảnh Thánh, cho nên biết trong đạo Nho nói thuận sắc, thừa ý, lập thân, nêu tên đều là tình đời chưa là thật báu. Luật Thiện Kiến say đắm, nay sợ thời gian lâu trệ chúng, chuẩn bị sai tắm (có chỗ cho rưới nước thơm lên đảnh vì trừ hơi người tại gia, chưa rõ văn).

Trong phần ba, đầu tiên khiến nhiếp nhau. Chữ ưng trở xuống là kế vì nói pháp. Tóc lông v.v... là khiến quán bất tịnh hư huyễn không thật thì sẽ nhàm hoạn sinh tử. Chứ hữu trở xuống là nói lý do mới, từng quán nghĩa là thói quen đời trước, ung liên dụ cho căn cơ. Ngày khác so sánh pháp, nhưng nói pháp thì phải lường cơ, tuỳ thời dùng hay bỏ, không hẳn chỉ y cứ gốc nầy. Hoà-thượng nói, nay phần nhiều là Xà-lê.

Trong phần bốn khiến hướng ngồi, y cứ mà biết cần phải quỳ gối. Nước thơm rưới đảnh khiến thân thể sạch sẽ, có khả năng thọ nhận pháp lành, cho nên trong kệ câu trên khen chí cương quyết. Câu kế khen tâm trí khai ngộ. Thứ ba khen bỏ vọng về chân. Câu cuối chỉ ba món trên, gồm khen khó có thể.

Trong phần năm, dạy lễ Phật là đầu tiên vào đạo khiến biết quy về kính mến. Trong bài kệ, hai chữ trên nói về tâm năng quy. Nửa câu kế khen cảnh sở quy. Đại Thế tôn là thầy trời, người. Độ ba cõi vì lòng đại bi. Hai câu dưới lập thệ, tự tha gồm lợi là hạnh đại sĩ, vui vô vi là đạo Niết-bàn. Trong phần sáu, văn sai ở bên dạy, nay hoặc hợp chúng đồng xướng cũng được. Văn kệ sinh thiện, hai chữ trên nói oai nghi bên ngoài, ba chữ kế nói chí bên trong, giữ gìn không biến đổi gọi là giữ. Câu thứ hai nói trí dụng. Hai câu ba và bốn nói việc làm, vì hoằng đạo độ người xuất gia là việc chính. Chú giải nêu ra, kệ nầy cũng xuất xứ từ kinh Phước Điền.

Trong phần bảy, Kinh Chu-la âm nghĩa nói rằng: Hán dịch là Tiểu, Phạm Tăng nói là tiểu kế (kinh kia tự dẫn). Lưu năm ba là đến đầu số kia lưu lại một, cũng được y cứ biết cạo tóc vốn là Hoà-thượng, sợ kia phiền lâu cho nên Xà-lê dứt trừ những thứ còn lại, chỉ để lại ít cho Hoà-thượng chính thân cạo. Ngày nay trước tự cạo chừa chùm tóc nhỏ, chẳng phải ý bổn giáo. Lại nói rằng "Bốn bên phải để tám chín chùm tóc nhỏ, tiêu biểu cho tám địa phiền não sau, một chùm trên hết tiêu biểu một địa phiền não ở Hữu đảnh, vì ở trên khó dứt, khiến thầy cạo truyền lầm đã lâu. Người có hiểu biết nên sửa đổi. Khi chánh thức cạo hợp chúng tụng lời chúc xuất gia trước.

Trong phần tám, ba trao cho lời dạy đến riêng. Ba hoàn là tiêu biểu lời khiêm nhường. Lời kệ vốn do Hoà-thượng nói, nay cũng ở người trên dạy. Hai câu trên là khen y giải thoát, nhuộm hoại sắc, cắt rọc vì không đắm nhiễm thế gian. Ruộng phước Vô tướng là phước vô lậu xuất thế vì lìa tướng hữu vi (có chỗ nói rằng vô tướng tức mạn y là sai). Hai câu dưới là khích lệ. Câu trên tự làm như nương. Câu dưới hành lợi tha.

Trong phần chín, khiến lễ Phật là vẽ vui mừng hiện ra ở thân. Lại nói kệ là bày ra rồi. Nửa trên lời kệ là hay vui, câu trên là tự vui mừng, câu dưới là người mừng. Nửa kệ dưới là chỗ mừng, câu trên mừng duyên hội, câu dưới mừng được pháp. Phước lành đều là nhân đời trước, thời tức duyên ngày nay.

Trong phần mười, đầu tiên thiết lễ là tạ ơn chứng minh. Ở dưới

toà ấy, là khiến tham dự chúng khiến vui mừng. Nhận đích thân lễ bái là hình mạo vừa khác thì tôn ty liền khác. Chữ xuất trở xuống là bày ý kham nhận, y cứ vào văn ngồi rồi mới lạy giống như khiến ngồi nhận, lý cũng không tổn. Nay hoặc đứng cũng là nghi thức ấy.

Phần thứ mười một, trước phải thủ dương sinh. Mười hai là cạo tóc rồi thọ quy giới, theo luận thì năm giới vốn là giới của người tại gia thọ, nay tuy xuất gia hình đồng thể là thế tục, cho nên được cho thọ, nếu không thọ thì mất thứ lớp, cho nên ở đây nói văn, ở đời có người không hiểu liền muốn bỏ, lại cho rằng luận Tỳ-ni Mẫu là bộ khác. Vả lại, trước nói "Nên dùng các bộ nói rõ cách lập nghi thức xuất gia, sao lại không dùng văn nầy? Há chẳng phải chỗ tệ của tình ư?

Hỏi: Cạo tóc đắp y đâu gọi là Ưu-bà-tắc được?

Đáp: Hình đồng xuất gia thể là Ưu-bà-tắc. Như trong đủ số vốn thọ không được, tuy là cạo tóc vẫn gọi là người tại gia, nay gọi Ưu-bà-tắc có gì không được?

Sớ chép: "Dùng pháp chia tục mới dứt kia đây (nghĩa là thọ mười giới rồi mới xuất gia) đâu cho thân hình, áo quần làm ngại ư? Nên có hai hạng: một là hình đồng xuất gia, thể còn là thế tục không ngai giới thế tục. Hai là pháp đồng, là thọ mười giới, đã là xuất gia thì không thể thọ giới tại gia.

Hỏi: Nếu bơ không thọ thì có giới hay không?

Đáp: Nếu không thọ mười giới, mà thọ thẳng cụ túc cũng được ba giới đốn được, cho nên biết năm giới không do đâu mà bỏ.

Hỏi: Nếu vậy, đốn được nay bỏ không thọ có lỗi gì?

Đáp: Vì mất thứ lớp, sớ dẫn Luận Bà-sa nói: "Nhuộm y học tập Phật pháp quyết phải thứ lớp" được vị Phật pháp ưa thích vững chắc khó có thể lui sụt, không phá oai nghi, một thời thọ là trái với trước nên mất thứ lớp, lại phá oai nghi, v.v...

Lại theo Ni sao "Không thọ năm giới mà thọ thẳng mười giới thì đắc giới, nhưng mắc tội, còn lại bao nhiêu như Nghiệp sớ thọ pháp có nói rộng.

Thứ ba là trong thọ pháp tác bạch, chỉ đồng ở trước tức trong cạo tóc hai pháp đều Xa-lê thưa. Mỗ giáp kia là người thọ. Theo mỗ giáp tức Hoà-thượng. Trong phần hai, do người xuất gia quyết nương Hoà-thượng, không đồng năm giới chỉ có một người. Trong phần ba do năm giới làm duyên cho mười giới, mười giới là duyên giới cụ túc, cho nên quyết trước năm sau mười.

Trí luận chép: "Do năm giới sinh mười giới, do mười giới sinh giới

cụ túc”. Thiện giới kinh nói: “Trước năm, kế mười, thứ ba cụ túc, thứ tư giới Bồ-tát, thí như làm lầu bốn tầng, không từ tầng đầu đến tầng hai là không có lý, cho đến không do tầng ba đến tầng tư là không có lý v.v...” Như đây nói rõ, đâu được hoài nghi.

Trong phần bốn, ban đầu nói chánh nghi, kế là bác bỏ chẳng phải pháp luật, văn chỉ chế năm pháp: Bày vai bỏ giày, quì gối, chấp tay, lễ dưới chân. Vốn không có nghi thức nắm y, lại chẳng phải ý tôn kính, cho nên đặc biệt điểm đó để dứt lạm dụng về sau.

Trong phần năm, đầu tiên bày chỗ, đã làm đơn bạch, nghĩa là đối tăng. Chứ lý trở xuống là bày vấn duyên. Lập thắng duyên là nói pháp khai đạo mở bày tâm cảnh đến hỏi già v.v... xưa nói rằng: “Trong năm tội nghịch chỉ bất luận tăng phá mà đều là bạn giúp. Như người nữ không thể phá Ni thọ hỏi” đủ làm chủ chứng minh. Nay phải hỏi đủ mười ba trọng nạn, trong gia trừ số tuổi, y, bát, chỉ hỏi mười ba. Sau chỉ cho đồng tăng, tức thiên thọ giới.

Ba quy y trong hai thể, chữ ngôn trở xuống là phát được nghiệp thể, cho nên chỉ chánh thêm là giới thể. Theo Nghiệp sớ chia làm năm: Một là bày tên mình, hai là quy ba cảnh, ba là nay tội trở xuống là chỉ nói lại tuỳ xuất gia (y cứ biết ông trước hình, tuy vào đạo mà thể chưa xuất gia. Sớ chép: dùng pháp chia tục, sức bặt kia đây). Bốn, mỗ giáp làm Hoà-thượng là thân nương có gốc pháp tựa truyền tâm. Năm là Như lai v.v... là sợ lạm các vị tôn kính khác cho nên chỉ riêng (nghĩa là Tam bảo có cả chánh tà, nói trước chỗ quy là chân chánh).

Trong ba tướng, trọn đời thọ là nói thời kỳ. Không sát sinh là bày giới tướng. Giới Sa-di nầy, là chỉ pháp theo người. Hỏi đáp rất dễ hiểu, còn bao nhiêu đều y cứ theo mà biết. Từ sát đến tửu là năm, sáu tràng hoa, bảy là ca múa, tám là giường cao, chín là ăn phi thời, mười là cầm vật báu.

Tràng hoa, phong tục ở Tây Trúc phần nhiều kết các loại hoa thành tràng đội trên đầu, đeo trên cổ, hoặc thoa dầu thơm vào mình, Nghiệp sớ chép: Xướng nghĩa là phường tuồng, dùng người làm việc ca múa” Kỹ chung cả nam nữ, tức người tấu nhạc.

Khoa kế là nói công đức, biết mình là bậc tôn thắng không nên tự khinh. Núi dụ cho không thể qua, biển dụ cho không thể cùng, hư không dụ cho không có bờ mé. Vì công đức vô lậu giải thoát nầy vượt qua tất cả pháp hữu vi, sau khiến tuỳ thời là phải dẫn trước khuyên chương tổn ích. Khéo léo mở bày lấy ngộ làm đầu, không chỉ tụng lời cho nên chú, v.v...

Trong phần ba, trước giải thích giường cao. Tám ngón là y cứ tay Phật, tức thước sáu. (Kinh) Tăng nhất chép: "Vàng, bạc, ngà, sừng, giường của Phật, của thầy, của cha, của mẹ đủ là tám món". Tuỳ tướng tức trong chín mươi.

Kế giải thích sinh tượng. Sinh sắc là mầu vàng (kim), thiên sinh là vàng (huỳnh), tơ sắc là bạc, có thể nhuộm, thoa. Tự là tượng (giống) hội tên ở trên. Sinh tượng là dịch Hồ làm Hán, chưa rõ tiếng Hồ. Vàng bạc toàn là tiếng Hán là nói trùng lặp, cho nên nói rằng hai chương. Hồ, Hán hợp lại nói là Hoa, Phạm. Nói theo xưa thì xưa gọi Phạm là Hồ, vì pháp đầu tiên đến đất Hán.

Trong phần bốn, trước y cứ hai văn, đầu tiên y cứ trí đại tiểu, nói đủ là kiền-độ đại tiểu trì giới, tức văn sau tạp kiền-độ, nói Đại Tăng, Sa-di trì giới đồng tướng. Kia nói gia tánh vâng giữ đều đồng với tăng. Kế y cứ hai luật tức là văn ba chúng đều tội Đội-cát-la. Chữ cố trở xuống là kế y cứ quyết định. Tăng thọ đã khắp trần sa, nói tướng chỉ bày bốn trọng cho nên có thể nêu lẫn nhau.

Trong phần năm, có hai giải thích: Một là lý không, hai là lược không. Trong năm đức, Kinh Phước Điền chép: Phật bảo Đế-thích "Tăng có năm tịnh đức gọi là ruộng phước" (do đủ năm đức nầy có công năng sinh phước cho thế gian) Nay Nghiệp sớ giải thích: Đức thứ nhất, đã nhàm chán trần tục, Thánh đạo xuất thế thường đeo mang. Đức thứ hai, thay hình đổi tánh, chí dứt sự xa hoa, hình và y phục tương ưng. Đức thứ ba, kính giữ ba môn học đến chết không thôi (kinh ấy và yết-ma đều nêu thứ tư, nay Sao truyền chép lộn) Đức thứ tư, cắt ái theo đạo, bỏ cả thân sơ. Thích âm thích, không màng thân sơ. Đức thứ năm, là vâng hành cực giáo, gồm giúp người khác, là hạnh Đại Sĩ. Năm đức nầy là đại yếu xuất gia, năm chúng đều phụng thờ không chỉ tiểu chúng, trọn đời thực hành không chỉ lúc mới thọ.

Sớ chép: "đức đây trước sau chung cả năm chúng đều nhận vật nuôi người, làm khuôn mẫu trời, người, cho nên khiến tụng trì không khinh thọ thể và hình phục.

Trong sáu niệm, đầu tiên chỉ đồng. Không đồng thế tục ấy là phân biệt lạm. Hoà giáo khiến niệm Tam bảo và giới, thiên, thí gọi là sáu niệm. Thế không Sa-di là Đại tăng, đến dưới nói riêng. Năm nay nhược can tức là năm sinh, mỗ niên đẳng tức năm thọ giới xuất gia. Chữ dĩ trở xuống là bày ý, đại tăng chỉ ghi thời phần đức giới không nhớ năm sinh. Sa-di sinh pháp hai năm do chia trên dưới nên phải ghi nhớ.

Trong mười số, thứ nhất chỉ nêu ngoại kế, Nghiệp sớ tục chép

"Phật pháp không như vậy, thân nhờ cơm giúp, cơm để giúp thân, lấy đạo giúp thân, cho nên thân nhờ duyên cơm tu đạo hạnh, luận về chí đạo. Cốt yếu tu lìa đấm trước là gốc, không biết người đạo bèn dùng đoạn thực làm đạo cho nên phải cần phá.

Trong phần hai, Sớ chép rằng: Phật pháp không như vậy, nội báo, ngoại báo đều có bổn nhân, các chúng sinh đều có nhân danh sắc (danh tức tâm) tâm không thể thấy, chỉ có thể nói bàn, bắt đầu từ chi thức, cho nên chuyển thành danh, nhớ nhiễm trí thức tức nhiễm danh sắc, gã thai tạng kia xoay vần thêm lớn, đủ tháng liền sinh ra được tự nhiên.

Trong phần ba, trước nêu rằng: nghĩ khổ vui, xưa dịch là ngữ chất, tức là ba thọ. Thống là khổ thọ, dương là vui, thọ tưởng là xả thọ, văn thoát ngoài chấp. Sớ chép: "Phật pháp không như vậy". Sinh thương ghét, thật do ấm làm gốc, nào can gì đến thiên. Đầu tiên niệm duyên sắc danh thức, hiểu suốt thiền tịnh là tưởng, lãnh nạp trai thuận là thọ. Do ba tưởng (khổ, lạc, xả) liền sinh ba thọ, do ba thọ nên liền có ba hạnh, vì thế luân hồi chìm đắm không giải thoát.

Trong phần bốn, Sớ chép: chúng sinh biết khổ không có đế, bậc Thánh biết khổ có đế. Phàm Thánh đều do nhân quả đâu nói là không.

Trong phần năm, Sớ chép: Phật pháp rộng phá ngã ở chỗ nào, là ở trong sắc hay là trong thức, tính trong thân nầy chỉ có năm ấm, tuỳ ấm chấp ngã, thì có năm món ly hợp như vậy (và lại năm ấm có một ngã riêng thì là ly, nếu chỉ một ngã thì ở sắc, thời bốn ấm khác nên không tức là hợp). thứ lớp cầu tìm ngã không từ đâu, liền ngộ vọng chấp được lý vô ngã, chia thành vô lậu giống như bậc Thánh.

Trong phần sáu, quýnh là cánh cửa, Sớ làm sáu cửa, Phật pháp không như vậy. Thức tuỳ căn khởi, nếu là một thức thì đâu thể trong nhãn căn mà nghe tiếng?

Trong phần bảy, khước tức là ngược. Quán trước là ngược, quán sau là thuận. Sớ chép: do được năm thần thông. Trong quán thuận nghịch, ngoài tám muôn kiếp mờ mịt không giao phó chấp là minh đế. Chuyển cuộc chỉ, là nêu dụ biển. Nghĩa là dùng cuộn chỉ từ núi cao buông xuống, cuộn chỉ hết thì dừng để dụ không tu. Sơ phá rằng: Phật pháp không như vậy, muốn cần phương tiện thêm tu bèn phê bình, như bảy giác chi, phân biệt chánh lý mới đến nơi được, làm sao có không tu?

Trong phần tám, ba học của ngoại đạo đều là tà, chim gà v.v... do thấy cầm, súc nay bác đã hết nghiệp xa, sẽ khởi sinh lên các tầng trời cõi sắc kia. Không suy nghĩ viên nhân nghĩa là tức báo nầy, liền bắt

chước loài súc sinh kia ăn cỏ bất tịnh. Đồng tám thiền, nghĩa là tu thiền thế gian nghĩa là Niết-bàn, tà tuệ tức chỗ thấy của kia. Tà kiến như lên núi cao. Nằm cho gai.... Phật pháp không như vậy. Bốn y là duyên Thánh đạo, tám chánh là nhân Thánh đạo đều giúp tâm thành. Quán dụng so sánh sâu thấy tưởng điên đảo, liền được ra.

Trong phần chín, ban đầu bày ngoại chấp, cõi dục hợp thành một. Bốn thiền, Bốn không là chín cư. Vô Tưởng là định giới. Phi tưởng là định Vô sắc. Tâm chìm đắm ấy, Sớ chép: “Thô tâm bất giác, nghĩa là hiểu đại lý, đại thưc vọng. Chữ thử trở xuống là điểm phá chín cư ba cõi, đã là chỗ ở của chúng sinh tức chẳng phải Niết-bàn.

Trong phần mười, ban đầu nêu ra ngoại chấp. Sớ chép: kia tu tăng thêm tu định duyên sắc trụ tâm, dùng sắc diệt cõi Dục, dùng không diệt cõi Sắc. Chứ kim trở xuống là chánh phá. Hai câu trên điểm phi. Mười chỗ tưc là định tướng nghĩa là đất, nước, gió, lửa, xanh, vàng, đỏ, trắng, không, thức. Môn đầu tiên là vào đạo, nên gọi là mười nhập, cũng gọi là mười biến xứ. Như quán sắc xanh, ban đầu dùng chút phần sắc xanh quán đó khiến khắp tất cả chỗ đều xanh, cho đến không thức cũng như vậy, cho nên nói rằng tự tâm vận dụng. Chữ thật trở xuống là nói chánh pháp, kế dẫn Trí luận bày lý do không được xa lìa.

Trong phần kết, câu đầu chỉ trước, hai câu kế bày ý hỏi. Thiện kiến trở xuống là dẫn chứng. Pháp nào tức nương bộ nào thọ giới, lại hỏi ai là Hoà-thượng, Xà-lê, cho nên nói là “đẳng”.

Thứ tư, trong phần phân biệt chung, khoa đầu là yết-ma, không ở số là do làm các pháp thuyết chọn trừ cho nên nói buông. Không được riêng là trong bổn chúng mà nói. Y cứ giới đồng tăng ấy là văn chỉ tự nhiên, y cứ hai cõi. Tác pháp một giới nương giới hạn của tăng, do chúng riêng hai pháp, quyết nương gá giới. Chữ minh trở xuống là dẫn chứng. Kia có mười bảy biệt trụ như kiết giới đã dẫn chữ Ni đẳng trở xuống là chúng đều có biệt trụ nên nói là cho đến. Biệt giới nghĩa là có trụ xứ riêng, chẳng phải tác pháp kiết. Thí riêng nghĩa là thí chủ nêu ý thí những người nào, không chung thứ khác.

Khoa kế, ban đầu nêu phi xưa. Chữ kim trở xuống là nói chánh nghĩa, nhưng pháp có nhiều khác nhau. Tự tức tăng pháp Sa-di tự tứ lớn nhỏ đối nhau. Phi thời vào xóm thông báo chúng sau. Ni bạch vào chùa tăng thì đối tỳ-kheo. Trong Ngũ Bách Vấn khai chung bổn chúng, hoặc là không pháp tâm niệm, xưa có chỗ y cứ nên cho giữ.

Trong bày riêng pháp khác, khoa đầu trước bày thọ trì. Chữ đương khứ thinh, đều nói đáng vì chẳng phải chánh y, chữ duy trở xuống là nêu

pháp thọ. Thọ giới là mười giới, không phạm lấy hạnh thanh tịnh.

Khoa kế, đầu tiên là pháp thọ bát và toạ cụ, ba chúng đều đồng. Kế nói trăm lẻ một. Chứ nhược trở xuống là thứ ba nói thuyết tịnh, đạo tục hai chủ, y báu hai tịnh, không khác với Tăng.

Trong phần ba, đầu tiên nói xả đoạ. Chứ nhược trở xuống là kế nói các thiên trên dưới. Có che giấu phải trị, nghĩa là thực hành biệt trụ. Nhược ba trở xuống là thứ ba nói phạm tội nặng, phép sám đều đồng, chỉ có tội là khác, phạm tội nặng quyết diệt tẫn không khai sám hối.

Trong phần bốn, ban đầu chánh bày. Chứ thập trở xuống là dẫn chứng, luật Tứ phần, giới du hành tức giới Ni. Kế nói chúng pháp thuyết giới, trong ban đầu, văn chia làm bốn:

Nói chúng đủ. Chứ minh trở xuống là thứ hai nói đến nhóm, dặn trao tức thuyết dục. Chữ chí trở xuống là thứ ba, nói xuất chúng, lại có ba: một rời toà, hai lễ chúng, ba nhận dạy khác thường. Chữ dự nên viết là dự này, nghĩa là chen vào. Thời tức tụng lược giáo rồi lại nhóm nghe tựa sau.

Trong biệt hạnh, đầu tiên nói nhóm chúng chú giải khiến xem xét sợ có người không nhóm, cho nên kế nói hành sự. Nói rằng pháp đồng tăng tức xướng bạch, hành thuỷ, v.v... đưa chọn vào tăng là do giới kinh cũng nói rằng: “Sa-di Oai nghi Giới bổn một quyển”. Chữ vị là viết lầm nên là chữ tụng. Chữ chí trở xuống là thứ tư nói nhập Tăng. Chữ thử trở xuống là chỉ trước khiến tìm xem, tự thấy lý do được nghe hai lời tựa trước sau, do đó chỗ thuật của bộ chủ chẳng phải chánh giới bổn.

Hỏi: Luật chế Tỳ-kheo không được nói tên năm thiên cho Sa-di nghe, mà tựa trước nói rằng bốn khí v.v... vì sao được nghe?

Đáp: Nêu chung tên chung không nói tướng riêng, chuẩn bị cho chúng sinh kia kính mến cho nên được nghe.

Trong Tự tứ, chung riêng đồng ở trên, y cứ như thuyết giới. Trước đã sai nêu ra đến Tăng tự tứ rồi nên phải đánh chuông nhóm lại. Hai chung là phạm tướng đồng với tăng cho nên phạm chung. Trên được trị dưới cho nên nêu chung.

Trong pháp riêng tất cả đồng tăng cho nên không nêu ra.

Thứ năm, trong phần lược chỉ, tuy là vị dưới nhưng đều phát trần sa, không khác với tăng nên đều chỉ ra.

Trong phần dẫn rộng, khoa đầu biết hổ thẹn, nghĩa là không làm các lỗi. Thiện trụ nghĩa là trụ chỗ lành.

Trong pháp làm thầy, ban đầu gồm răn dạy. Chữ đương trở xuống là kế bày riêng, văn bày thiện ác không nêu ra ba nghiệp. Không nhất

định, loạn ngôn, do loạn ngôn nên không nhất định. Tịnh hay bất tịnh, hoặc y cứ vì tăng làm tịnh, hoặc y cứ tự biết trì phạm.

Trong thứ hai, luận Tát-bà-đa chỉ rõ đào đất khai chế, luật Ngũ Phần bày chung tất cả pháp chế, Tứ Phần lược bày tướng phạm, còn bao nhiều có thể y cứ mà biết, cho nên nói rằng lệ.

Trong phần ba, đầu tiên nói lời thầy. Nếu trị trở xuống là kế bày tướng trị. Chữ nếu không trở xuống là thứ ba chế phụng cấp. Chữ bất ưng trở xuống là thứ tư nói đồng lợi. Luật Tứ phần cấp phòng có lượng đáng chăng?

Trong bác bỏ sai lầm, xưa cho là chúng sau phạm đồng năm giới, tám giới, không quan hệ thiện tụ cho nên có chung đây. Thừa tức là nhiều, chữ thửa trở xuống là bác bỏ lời người, nêu ra phàm tình, chánh giáo nêu ra ý Thánh, cho nên phải y theo giáo không thể y theo người.

****

## THIÊN GIẢI THÍCH NI CHÚNG.

Trong đề, hai chữ trên thâu chung ba ngôi. Biệt hạnh như trước giải thích. Trong chú giải, dịch tên gồm nói rằng: "A-ma-ni", Hán dịch là mẫu Nữ, tức tên Phật gọi DI mẫu, nên nói là Trọng Ni.

Trong bày ý, khoa đầu ba câu trên nêu rộng nữ lưu, tình chấp trước hành tướng càng tăng. Chữ đồng trở xuống là bày đồng khác. Ban đầu chỉ đồng tức các thiên trên. Chữ kim trở xuống là chánh bày thiên nầy, tức giở ra là giáo có chỗ y cứ. Bất phù man là hạnh không mê muội.

Khoa kế, ban đầu gạn để y cứ loại, tuy nhiên y cứ ngôi vị thì loạn, kế là giải thích. Nói không tiện là nam nữ phối nhau hợp cơ nghi.

Đại ni trong thọ giới, văn đầu nói mười hai tuổi hạ là địa vị thầy, tăng thì mười tuổi. Nghiệp Sớ chép: "Sở dĩ thêm hai năm là nói chí kia kém yếu, nhiều năm là đức". Lại người nữ phần nhiều ưa nuôi chúng, do bổn tập. Mỗi năm đều độ người không thể dạy dỗ nên có nhiều trái phạm, chế xin pháp khiến chúng xét lường, không xin cho thọ cụ túc phạm tội đoạ, thọ người y chỉ, độ hai chúng khác đều chế xin pháp, không xin tội đột-cát-la. Tỳ-kheo chung tội Đột-cát-la là chế xin đồng với Ni chỉ trừ Thức-xoa trái phạm đồng nhất mà không sai khác. Chữ kỳ trở xuống là chỉ pháp xin, văn thấy ở Tuỳ Cơ Yết-ma và Ni Sao. Chữ nhược trở xuống là bày chế hạn.

Trong phần nêu thọ giới, phi pháp lạm tướng như sau, chánh thọ bác bỏ xưa. Trong bổn pháp, đầu tiên bày duyên trước. Tám pháp là:

1/ Thỉnh Sư
2/ Sắp đặt vị trí
3/ Sai vị sư có oai nghi
4/ Lìa chúng hỏi nạn
5/ Đơn bạch gọi vào
6/ Đối chúng xin giới
7/ Giới sư bạch hoà.
8/ Đối chúng hỏi nạn.

Trong văn chỉ bày hai lớp một, bốn. Văn luật có lời thỉnh rằng "Xin A-di làm Hoà-thượng cho con" v.v... cho nên ở đây giải thích.

Trong mười ba nạn, nếu y cứ Ni nữ gọi là Phật không tin, vốn không phá tăng nhưng có trợ giúp cũng phải hỏi. Mười sáu là ngăn cha mẹ cho, sau lại hỏi phu chủ (chồng) trước hỏi có chồng hay chưa, nếu nói chưa có thì không cần hỏi nữa. Chữ nãi trở xuống là nói chánh thọ. Chữ dư trở xuống là chỉ cho lược Tuỳ Cơ Yết-ma rất đầy đủ, người cần phải tìm mà đối chiếu.

Trong chánh thọ, duyên đầu cho là trong chánh giáo có nói chế quyết đến trong tăng. Giới Bổn Ni chép: "Nếu Tỳ-kheo-ni trao cho người giới cụ túc rồi (tức bổn pháp) qua đêm mới đến trong tăng cho thọ giới cụ túc thì phạm Ba-dật-đề. Nghiệp Sớ hỏi rằng : "qua đêm có mất bổn pháp không?

Đáp: không mất pháp, vì bỏ, không do cách ngày, nếu ngay ngày đó không đi, thì sáng hôm sau phải xả cho nên phải thọ lại mới được.

Trong bác bỏ phi có hai: ban đầu bác bỏ Tăng đến chùa Ni. Thầy trò truyền minh phán xét, tín minh thị phi có thể thấy. Kế bác bỏ bên ngoài chùa kiết giới. Luận không quyết định vì không nói thành chăng? Do nghĩa chung đó, Tăng phải mắc tội, Ni lẽ ra đắc giới. Trong phần giải thích nạn, đầu tiên hỏi: "Do chế tác bản pháp rồi mới đến trong Tăng, sở trái giáo nầy cho nên hỏi để giải quyết?

Trong lời đáp, Tiểu luận đã cho xen kiết, nghĩa chung các pháp cho nên nói rằng: "Lý là được"

Kế hỏi: Do thọ bổn pháp ba vị không thâu, cho nên song nêu danh thể, hỏi để giải quyết đó.

Trong đáp, đầu tiên đáp thể. Nói duyên giới là chánh thọ phương tiện.

Hỏi: Đã gia pháp yết ma, lý quyết phát thể, đã không phát thể, dụng thọ làm sao? Lại năm giới làm duyên cho mười giới, mười giới làm duyên cho giới cụ túc. Năm giới, mười giới, có tự thể riêng, bổn

pháp không có thể, ý ấy thế nào?

Chữ nhi trở xuống là kế đáp danh. Do chưa pháp giới thể là ở địa vị dưới, do thêm bổn pháp đồng với vị trên, do ba chúng không xếp vào đâu.

Thứ hai, trong bác bỏ phi, đầu tiên là dẫn xưa. Chữ nếu trở xuống là bác bỏ nay, đầu tiên dẫn ngay tông. Luật vốn đã là kiền-độ Ni, cho đến văn nói rằng là, tức văn trong tướng. Kế dẫn bộ khác. Luật Tăng-kỳ nói tám thứ thọ giới cụ túc. Tăng thọ gọi là mười chúng, Ni thọ gọi là hai mươi chúng, danh số đã nói có thể nghiệm xưa trái.

Khoa kế, luật Ngũ Phần nói số người, sự, nghi đều nên y theo hạnh. Tiểu Viễn là nếu ở ngoài trời cũng phải tìm trong đó.

Thứ ba, trong bác bỏ phi, đầu tiên là nêu xưa. Chữ Nhiễu trở xuống là chánh thức bác bỏ, ban đầu dùng lý phá thẳng. Một pháp nghĩa là ni thọ, bạch tứ bổn chế đồng bỉnh mà một chúng thì không thành. Kiết giới vốn vì nhiếp người, bỉnh pháp Ni đã đồng bỉnh, không giới thì nhóm người không chuẩn, phải khởi không chỗ nương, cho nên nói là "giới phi"... Chữ nhược trở xuống là kế y cứ pháp trái chất.

Khoa kế, tự nhiên nhóm họp, tăng tác pháp giới, Ni vọng cho là tự nhiên. Xướng tướng kiết là một phen nương tăng giới. Trong Ngũ Bách Vấn không đắc tướng lại do dùng pháp. Bổn pháp để ngoài y cứ chẳng phải riêng chúng, chỉ gọi là đồng vị trên, vì ngại lạm nghi, dầu ở trong giới không ngại tăng pháp.

Trong phần ba, đầu tiên nêu bày do tuỳ bày thọ, biết rõ cần kết. Chứ thử trở xuống là dẫn xưa, ban đầu nêu cõi đâu làm lâu. Chữ nhiên trở xuống là dẫn Phạm Tăng ấn khả, đoạt giống như bác bỏ.

Trong phần bốn, đầu tiên nói chỗ ngồi của tăng ni, đều biết trong giới hoặc đến đại giới, hoặc ở giới tràng. Dọn trải hai toà, nghĩa là đồng một hạnh. Tăng trên Ni dưới, hoặc y cứ bày riêng, hoặc ngồi tập hợp cả hai đều được. Ở giữa chỗ trống nghĩa là không liền nhau, khiến tôn ty không lẫn lộn, hoặc tránh sự chê bai. Duỗi tay đến, là y cứ chỗ trống mà nói. Chứ các trở xuống là kế nói sắp đặt chỗ cho ni, sự nghi phần lớn đồng với tăng.

Trong phần năm, đầu tiên nói thỉnh sư, Ni nầy thọ phép Ni làm Hoà-thượng, trong ni giới thọ và đến trong tăng chỉ cần yết-ma, cho nên thỉnh giới sư riêng. Chữ dĩ trở xuống là kế chỉ các pháp.

Thứ hai, trong thiên sám, đồng khai học hối. Hai thiên chia làm ba: Đầu tiên nêu khác, tăng đủ ba pháp, Ni trừ phú tàng, cho nên nói hoàn toàn không. Tăng chỉ sáu đêm, Ni phải nửa tháng, cho nên nói

rằng sửa tăng chế hạn, xuất tội không riêng cho nên không kể. Chữ dĩ trở xuống là nói lý do hai chúng Nữ yếu mềm nghĩa là không ý chí, tình cảm nhiều cho là dễ phạm. Ban đầu thọ cũng ở trong hai bộ tăng, nên nói rằng thọ tuỳ đều vậy.

Hỏi: Các tội Ba-la-di, Thâu-lan-già sao chỉ có một chúng?

Đáp: Cho nên dĩ có thể biết.

Chữ Đãn trở xuống là bày ý lược, biết phạm mà không sám hối, đây là người ngu không bẩm giáo. Dầu sám hối cũng khó nhóm, đây là người trí mà không gặp duyên. Thâu-lan trở xuống đều đối bổn chúng cho nên nói là tự kết. Kết nghĩa là gia pháp, tên khác mà pháp đồng không nêu lại nữa.

Thứ ba, trong dẫn duyên, luật Thiện Kiến nói đều đến tức là mới chế. Kế sau hai lần khai đều vì dứt sự chê bai của thế gian, do pháp gồm giúp. Cho nên luật Tứ Phần chép: "Nan-đà dạy ni đến chiều tối, Ni ở lại trong thành Kỳ-hoàn ngủ đêm bị thế tục chê bai (tại Ấn-độ, Tăng ở lan-nhã. Ni ở trong thành, do đến chùa Tăng chiều tối về lại thành, cửa thành đã đóng, do đó ngủ lại trong hào) cho nên biết ban đầu khai ni đến chùa tăng nhưng không bằng luận thứ lớp hiển bày, cho nên nói rằng không văn ý đồng.

Trong phần hai, ban đầu văn chỉ pháp sai, thấy ở Ni Sao. Chữ Tứ Phần trở xuống là kế nói đến chùa thỉnh pháp, ni không đi một mình, phải đi với bạn, chỉ cần miệng sai, chẳng phải chánh người. Người bị dặn tức trong Tỳ-kheo nhận dặn dò. Chứ đương trở xuống là chọn chỗ dặn có ba; Chủ chứ không phải khách, không bịnh phải khoẻ mạnh, có trí không ngu si. Chữ minh trở xuống là dạy biết nhận hỏi.

Khoa kế, đầu tiên nói dự thảo. Chữ bỉ trở xuống là kế chánh nhận dặn dò. Một người làm bạn, là rất ngăn phòng. Lời đáp có ba: đầu tiên là hứa khả. Chữ nhiên trở xuống là xét chỗ muốn kia. Chữ hựu trở xuống là dặn khiến đến hỏi. Tiến bất tức có không.

Trong phần ba, tự vô sự, sự tức là lỗi. Tăng vào chùa Ni, Ni phải lường tăng, cho nên nói rằng cũng vậy.

Trong phần bốn, Tăng hỏi đáp rồi đến câu "có ai sai Tỳ-kheo-ni đến thỉnh giáo giới không?" Người nhận dặn dò đứng dậy đến trước Thượng tọa bạch rằng "Đại đức tăng xin lắng nghe, Ni chúng chùa kia nửa tháng lễ chân Tăng một lần cầu thỉnh giáo giới cho ni.

Trong phần năm, ban đầu bày nghi chỉ như trước, tức ở ngoài phòng ngồi trên giường cầu bạn v.v... kế dạy dỗ, sau Ni đảnh lễ nhận.

Trong phần sáu, văn đầu tiên trước nhóm ni chúng Chứ sư trở

xuống là kế truyền giáo giới. Chữ như trở xuống là Ni chúng nhận giáo giới. Lễ xướng là làm lễ xướng ba quy y v.v... Sau chỉ chỗ nêu ra. Luật Tứ Phần thiếu văn.

Trong phần hỏi, do muốn ứng với yết-ma đã không bỉnh kiết thì không được dữ dục, cho nên hỏi giải quyết. Trong phần đáp, ban đầu nói chế nhóm, đông việc Tăng, chữ cố chuẩn trở xuống là dẫn chứng, pháp giáo thọ chế gồm đại chúng, cho nên nói rằng nghi thông. Chữ nãi trở xuống là chỉ bày sự thấy ở môn kế.

Trong Tạp tướng, Tứ Phần khai lược, trước nói tăng duyên có bốn, tuỳ một liền khai. Biệt chúng nghĩa là khó nhóm. Không hoà nghĩa là cãi cọ. Sau nói Ni duyên, đồng tăng cũng chấp nhận. Luật Tăng-kỳ dữ tục tức người đến cầu giáo giới. Thập Tụng trải giường, văn trước y theo đây.

Trong phần bốn, đức rộng nghĩa là người giáo thọ phải có đủ mười đức như thiên Tự tứ đã dẫn. Bổn Sớ nói nên là thấy từ đầu. Luật Sớ thì nói "Trong tăng làm giáo thọ, trong Ni sai khiến Ni", đều là chỗ làm, chỉ đủ năm mới thành pháp rộng. Hai mươi tuổi hạ là một trong mười đức.

Thứ tư, khoa đầu ba món an cư tác pháp v.v... đều đồng. Khoa kế, trong chế phạm, Bát kỉnh chế ra nương tăng an cư, không nương phạm đọa, văn xuất xứ từ thiên Ba-dật-đề. Văn kế không chịu thỉnh tăng, không thọ hạ thỉnh cùng bày chế gấp.

Trong phần ba, luật Thiện Kiến ban đầu bày giới hạn, nửa do tuần là hai mươi dặm. Chữ nhất trở xuống là nói nương nhau. Thỉnh pháp nghĩa là đầu hạ rồi đến thăm hỏi cầu dạy bảo. Nói chứng là tự tứ. Chữ nhược trở xuống là nói duyên khai. Ban đầu nói Tỳ-kheo có duyên không đến. Chữ nếu sơ trở xuống là kể rõ Tỳ-kheo kiết rồi lần đi, khai chế rất dễ thấy. Luật Tăng-kỳ nói một Tỳ-kheo là không cần phải đông, ba do tuần không kết nghĩa là kiết thành một giới. Giới của Ni vốn chế hai dặm, có nạn đồng tăng, luật ấy chép: "Nếu Tỳ-kheo trong lúc an cư hoặc chết, hoặc bỏ đạo, hoặc đi các nơi" Ni không được đi. Ba do-tuần có tăng-già-lam nên kiết giới chung, nửa tháng nên đến hỏi Bố-tát khiến đến đi không chướng, không phá an cư.

Trong phần năm, hành sự có ba, ban đầu nói sai người. Chữ vãng trở xuống là nói bày thỉnh, Ni tự thẳng đến trong tăng thỉnh, cách ngày đến hỏi. Chú văn dạy dỗ của trung, hạ, thượng toà trong tăng, chỉ cho thiên trước không phiền dẫn nữa. Chữ bỉ trở xuống là khiến ni truyền giáo. Khoá kế, ban đầu nói ngày khác, đây chế nương nhau, theo tăng

thỉnh nói khiến trở về tự tứ, lý phải cách ngày, hẳn là chỗ gần đồng ngày không ngại. Chữ nhược trở xuống là kế nói khai lược cũng đồng thuyết giới. Luật Thập Tụng nói chọn khiến Ni dẹp trừ qua lại, trừ rồi nghĩa là nhanh nhẹn, tài năng giúp chọn trị chậm, biết pháp lựa người ngu muội.

Trong phần ba, thọ nói an cư tự tứ đều chế nương tăng, cho nên hỏi chung, gồm bày y giáo. Trong phần đáp, kinh nói nữ tánh, vả lại bày năm tướng. Hoặc sắc là đắm trước nhan sắc, ích thọ là muốn sống lâu. Chứa đệ tử tức ưa nhiều quyến thuộc. Không học hỏi là biếng nhác. Biết chút việc nghĩa là thấy biết cạn. Phú tánh đã vậy tự không chi tiết, nghĩa quyết theo thầy, ý dạy rất dễ thấy. Ở đây y cứ đại ước, chưa hẳn đều như vậy.

Trong phần sau, môn nầy lẽ ra nên giải thích rộng giới của Ni. Chỉ là cùng Tăng đồng giải thích tướng đủ phần, còn bao nhiều vi tế đầy đủ Ni Sao.

Trong tám giới trọng, văn đầu tiên là bốn giới trước tức dâm, trộm, giết, vọng, duyên phàm tướng phạm tất cả đồng với tăng nên không nêu lại. Trong phần khác giới Ni ít nghe, sợ người không hiểu nên nêu đủ gốc duyên, đối chiếu văn tướng. Năm là giới xúc chạm (Phật ngự tại nước Xá-vệ, có một Trưởng giả cùng ni Thâu-la-nan-đà buộc ý với nhau, Trưởng giả thiết lập trai tăng, các Ni đều đến, chỉ Thâu-la-nan-đà không đến. Trưởng giả đến chùa, rờ rẫm ni nầy. Có Sa-di-ni nhỏ giữ phòng thấy bạch đại Ni, đại Ni bạch Phật, cho nên chế) Nếu Tỳ-kheo-ni tâm nhiễm ô cùng người nam có tâm nhiễm ô, từ nách trở xuống, từ đầu gối trở lên (lựa các cảnh khinh phạm khinh) thân tướng chạm hoặc nắm xoa (Xoa thân trước sau) hoặc kéo lôi. (kéo đến trước) hoặc xô đẩy (đẩy ra sau) hoặc rờ trên (từ dưới lên trên) hoặc rờ dưới (từ trên xuống dưới) hoặc nâng (ôm lên) hoặc để xuống (ôm xuống) hoặc nắm (nắm trước sau và vú) hoặc đè (đồng trước trở lên mười tướng) Tỳ-kheo-ni nầy phạm Ba-la-di không được ở chung.

Trong phần bày duyên, thứ tư, y cứ thân nam nữ chia cảnh ra khinh trọng, đều xen bốn câu, đều khinh mắc tội thâu-lan-già, cho nên nói rằng phạm tội khinh, ba nói kia đều tội nặng, nghiệp lý nên khác.

Trong phần năm kết phạm, vì cả hai đều không có áo. Một người có một người không, đều tội thâu-lan-già, đều có áo cùng tội Đột-cát-la, nhiễm tình lần nhẹ giáo cũng theo đó giảm nhẹ dần.

Trong phạm, khoa đầu tăng ni bốn món khác và tăng chung, Ni cuộc hạn. Một, chết sống khác Tăng chung bốn cảnh là biết, không biết,

mới chết hoại một ít. Dẫn luật làm chứng, tức trước giới bổn đã nêu tâm dơ, nói cần cảnh sống. Hai là lớn nhỏ khác. Ba là thân phần khác. Bốn là tâm cảnh khác. Sau dẫn luật Tăng-kỳ, Thiện Kiến riêng chứng thứ ba, tuỳ chỗ mắc tội, ở đây y cứ Ni phạm. Chia cảnh trọng khinh, hoặc luận Tỳ-kheo một bề thành trọng.

Trong không phạm, ban đầu chỉ bổn tông, luật chép rằng "Nếu có lấy cho và giải cứu v.v... xúc chạm, tất cả không có tâm dục thì không phạm" kế dẫn bộ khác, ban đầu là tưởng sai. Chữ nếu trở xuống là nạn gấp. Tất cả không đấm trước nói ý khai ở trên. Thảy đều Đột-cát-la chế nghi trái. Thứ sáu, thứ tám, sự thành giới trọng (Phật ngự tại nước Xá-vệ, Trưởng giả cùng Ni Thâu-la-nan-đà buộc tâm, cho Trưởng giả nắm tay, Ni bạch Phật, nhân đó chế) Nếu Tỳ-kheo-ni tâm nhiễm ô, biết người nam tâm nhiễm ô, chịu cho nắm tay (một tay đến cổ tay) nắm áo (hai thân trên y) vào chỗ vắng (thứ ba) cùng đứng (thứ tư) cùngn nói (thứ năm) cùng đi (sáu, bốn món trước đều lấy lìa bạn và chỗ thấy nghe) thân dựa nhau (bảy, thân được tướng và chỗ) cùng hẹn hò (tám, được cùng đến chỗ dâm) Tỳ-kheo-ni nầy phạm Ba-la-di không được ở chung. Duyên riêng thứ tư, giới nầy phải đầy đủ tám việc mới phạm, sám hối thì không thành phạm.

Trong giải thích tám việc, văn đầu tiên đối giới bổn trước rất dễ hiểu. Lựa chọn có ba: một là nam nghĩa là người đồng khác, một ;à thời tám năm là nói thời xa gần. Không thứ lớp là phạm chung trước sau.

Trong không phạm, đầu tiên là khai chỗ vắng. Chữ hạ trở xuống là lựa giới sau, tức giới tám mươi sáu trong đơn đề. Luật nhân nhóm Tỳ-kheo-ni sáu vị cùng người nam vào nhà tối cho nên chế: "Nếu Tỳ-kheo-ni cùng người nam đồng vào nhà tối phạm Ba-dật-đề". Kia từ lỗi chê bai chứ không y cứ tâm nhiễm ô.

Bảy, là giới che giấu tội nặng cho người (Phật ngự tại nước Xá-vệ, con của Ni Thâu-la-nan-đà tên là Đề-xá-thâu-la. Nan-đà biết con phạm Ba-la-di, sợ bị tiếng xấu bèn im lặng không nói. Sau, Đề-xá thôi tu mới nói, Tỳ kheo bạch Phật, do đó chế, Đề âm trì) Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo-ni khác (quyết nói kia phạm) phạm Ba-la-di không tự phát lộ, không nói với mọi người (một, hai, hay ba người) không thưa đại chúng (bốn người hoặc hơn) vào lúc khác Tỳ-kheo-ni kia hoặc chết, hoặc trong chúng cử tội (bị Tăng tẫn cử) hoặc thôi tu, hoặc theo chúng ngoại đạo, sau mới nói rằng "Tôi trước biết có tội như vậy" (trong tám tội Ba-la-di phạm bất cứ giới nào) Tỳ-kheo-ni nầy phạm Ba-la-di không được ở chung.

Trong duyên phạm, che giấu tội nặng mới phạm, còn các tội khác phạm Thâu-lan-già, che giấu tội cho Tỳ-kheo phạm Ba-dật-đề, che giấu tội chúng sinh Đột-cát-la.

Trong phạm, khoa đầu trước dẫn văn chỉ bày. Trong sám tội tức quyển trung, thiên sám, nói mười món duyên đều không thành che giấu. Luật Thập Tụng nói bị cử là pháp ngăn. Cuồng loạn tức tâm phi. Luật Tăng-kỳ thì có nạn duyên khai không thành che giấu. Xả tâm tương ưng nghĩa là xả bỏ, tâm không nói. Chữ chuẩn trở xuống là kế do nghĩa mà nói. Đầu tiên bày hợp khai, vô ký nghĩa là ngũ mê, quên sót, v.v... Sau nói thành phạm cần không có tâm thiện.

Khoa kế, lựa người sở đối có bốn món khác nhau. Chẳng phải thanh tịnh, ban đầu nói có phạm mà không sám hối. Người trước biết mà không chịu là kế nói che giấu không nói. Thứ hai đều có lỗi vì kia đây đều thành che giấu. Trước phạm sám hối có chí thành làm dụ, là biết tên người. Ba là phân biệt như thật không vọng, đây là chung năng sở. Nhược bỉ trở xuống là nói một thuyết. Nhược bỉ trở xuống là nói chẳng che giấu. Luật Thập Tụng không được Tỳ-kheo. Bốn là lựa chúng khác. Tăng Ni ngôi vị khác nhau, không được đối thú, chỉ cho không biết thưa hỏi tướng pham.

Trong phần ba, cho đến bữa ăn sau biết, đầu hôm nói, đầu hôm biết, nửa đêm nói v.v... đều như giải thích tướng mà hiểu.

Trong không phạm có bốn: Ban đầu là vô tâm, ba món sau đều chẳng phải ý.

Tám là thuận theo Tỳ kheo bị cử. Giới Tỳ-kheo đại lược đồng trong Tăng cho nên ở đây không nêu ra. Tăng phạm ngay ba dật đề, Ni phải ba lần can ngăn không bỏ mới kết tội nặng Ba-la-di. Tám tội nặng ở trên, bốn món trước là căn bản, bốn món sau nhánh nhóc của nữ tình. Thiên trọng cho nên phải đặc biệt chế, tức phần hạn giới khác nhau.

Mười bảy giới thiên tăng tàn, môi giới, chê bai và can ngăn phần lớn là đồng, lược bày hai điều còn bao nhiêu không nêu ra. Giới thứ tư nói người. (Phật ngự tại nước Xá-vệ, ở lan-nhã có cư sĩ làm tinh xá cho Tỳ-kheo-ni, sau Tỳ-kheo-ni bỏ đi, con cư sĩ liền cày đất chỗ tinh xá, các ni đến quan kiện, khiến quan phạt người kia, do đây Phật chế) Nếu Tỳ-kheo-ni đến quan thưa kiện cư sĩ hoặc con cư sĩ, hoặc tôi tớ, hoặc người làm vườn (trên đều nói người) hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc một niệm, hoặc khoảng búng ngón tay, hoặc trong giây lát, Tỳ-kheo-ni nầy phạm Sơ pháp ưng xả Tăng-già-bà-thi-sa (mới làm liền kết tội khácvới giới ba lần can ngăn xong mới phạm).

Trong duyên, hai duyên đầu đều cuộc hạn người thế tục, kẻ đạo thì chẳng phạm nặng.

Trong tướng phạm, luật Tứ Phần ban đầu bày chỗ đến quan và đến người đoán sự, nghĩa là trưởng làng, trưởng ấp, kế lược nói tướng, luật Thiện Kiến đầu tiên nói xen nhau, phương tiện đạt đến kết quả thành phạm, phần chứng chỉ lấy lời kia không luận là được lý. Cư sĩ nói Ni thì không phạm rất dễ hiểu. Chữ nếu Ni trở xuống là thứ hai nói đoạt vật. Phạm tội là tuỳ thành trộm tổn. Nên thường là vật của thế tục. Luật Ngũ phần cho cầu viện, Thập Tụng đầu tiên chế quở mắng, kế chọn chỗ đến. Người khác nghĩa là chẳng phải quan và người xử đoán việc.

Thứ bảy, giới bốn việc đi một mình. (Phật ngự tại nước Xá-vệ, có vị Ni vén áo lội nước bị giặc chọc ghẹo, người đời chê bai cho nên Phật chế. Lại có vị ni có nhiều đệ tử bỏ chúng đi vào thôn. Ở trong thôn ngủ lại đêm, người đời chê bai là muốn trai. Lại lục quần Ni và Ni chúng đi ở chỗ hoang vắng ở Câu-tát-la mà thường lại đi sau, có người hỏi đáp là "muốn trai". Phật quở trách rồi do đó chế giới. Bốn giới hợp chế hễ trái một thành phạm). Nếu Tỳ-kheo-ni một mình lội qua nước, vào xóm một mình ngủ lại (hễ hông chấm đất) riêng đi sau (lìa bạn, lìa chỗ thấy nghe) phạm Sơ pháp ưng xả Tăng-già-bà-thi-sa.

Trong một mình lội qua sông, ban đầu duyên lại có hai: Ban đầu định hướng phạm. Giới đi đường là vì Ni chế. Biên phương là chỗ có nghi ngờ, có sợ hãi mà ở nhân gian dạo đi, đều phạm tội ba-dật-đề. Kia nói hành tướng, chung trong ngoài giới có thể quyết nay phạm. Kế nói khai duyên: có câu đi qua, không lội nước, đi thuyền qua cũng như vậy, như kế đã nói.

Thứ hai, duyên đầu tiên bày tướng phạm, phương tiện xuống nước lên bờ đến quả, văn y cứ hai Ni để nói nặng nhẹ. Chứ luật trở xuống là kế dạy chánh nghĩa. Thứ ba, thứ tư rất dễ biết.

Trong riêng vào thôn, văn đầu luật Tứ Phần nói về giới hạn của thôn, chỗ hoang vắng. Chú giải bày tội Đột-cát-la, phương tức là thôn, nghĩa là nhà người trong thôn. Luật Tăng-kỳ nói giới hạn lìa bạn. Thứ ba không duyên cũng gọi là nạn mạng sống, nạn phạm hạnh.

Khoa kế, y cứ vốn thành phạm, phải y cứ cửa thôn xưa giải vượt giới, chính là y cứ trong thôn đi ngang thành tội tăng tàn, không chỉ thái quá lại cũng mê văn. Sau dẫn luật chứng minh y cứ của thôn, đủ biết giải thích sai, ra khỏi thôn cũng phạm, liền biết ra vào đều gọi là vượt giới.

Trong phần ngủ đêm một mình, duyên đầu tiên câu trước nói phần

giới hạn phạm, câu kế chỉ bày chỗ phạm, bất luận tăng tục vì chung tất cả. Hai chỗ trở xuống là nói trì. Chữ nhược trở xuống là chỉ bày khai. Chữ cố trở xuống là chứng phạm. Luật Tăng-kỳ nói tướng kiểm pháp. luật Ngũ Phần chỉ bày tướng phạm.

Trong phần đi một mình, đồng ba duyên trên, ban đầu đến chỗ đi tức duyên thứ nhất, căn bản là lúc giở chân. Chữ hựu trở xuống là duyên thứ hai. Tứ Phần trở xuống là duyên thứ ba.

Không phạm có bốn tiết: đầu tiên trong phần đi qua một mình là nói cùng bạn thì chẳng phải duyên phạm. Đi thuyền v.v... là không dính nước. Bạn chết v.v... là chẳng phải bổn ý, luật Ngũ Phần nước cạn không gặp sự chọc ghẹo.

Kế trong phần vào xóm, chỉ như trước tức thứ ba là không duyên.

Thứ ba, trong phần ngủ một mình, đầu tiên y cứ giữ giới nói không phạm. Chữ nếu trở xuống là mình có nạn.

Trong phần đi một mình, bạn duyên, nạn mình đều đồng như trên, khai luật Tăng-kỳ, Ngũ Phần và y cứ duyên khai, có thể hiểu tình cờ gặp gỡ không hẹn nhau. Đơn Đề một trăm hai mươi đồng với tăng, như trước giải thích tường, khác là chỉ nêu ra một hiện hành thường phạm, còn bao nhiêu tìm trong Ni Sao tự sẽ rõ.

- Giới thứ 140: Tự tay xe sợi.

(Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm tỳ-kheo ni sáu vị tự tay xe sợi, cư sĩ chê cười "giống như vợ ta không khác", Tỳ-kheo-ni bạch lên Phật, Phật do đó chế giới).

Nếu Tỳ-kheo-ni tự tay xe sợi phạm tội Ba-dật-đề. Phách nghĩa là chỉ ra, dẫn là lôi kéo, là cuốn lại, chức (dệt) thì rất dễ hiểu. Bốn việc hễ làm một việc đều phạm tội đọa.

Sợ cho là sám hối rồi được đắp, nên chế không cho, hễ đắp phạm Đột-cát-la.

Ni giới ngày nay lấy sự dệt vải thêu thùa làm sự nghiệp, bỏ thân vào đạo vốn mưu cầu việc gì, xuất gia như vậy chi bằng ở thế tục cho rồi. Tránh chết chìm lại nhảy vào lửa chính là người nầy.

Trong phần kết, trên dưới tức trước sau của giới bổn. Trong môn thứ bảy, ban đầu dạy nhiếp chúng hơn hai mươi giới là: 1 – Độ phụ nữ có thai. 2 – Độ phụ nữ con còn bú. 3 – Độ người chưa đủ tuổi. 4 – Không cho hai năm học giới. 5 – Không cho sáu pháp. 6 – Cho học pháp đủ. 7 – Độ phụ nữ tằng giá nhỏ tuổi, chưa đủ mười hai năm cho thọ cụ túc giới. 8 – Phụ nữ trẻ tuổi học giới xong, không bạch chúng cho thọ cụ tức giới (trên đều chế cho Hòa-thượng). 9 – Biết mà cứ độ (đây là chế cho

người làm pháp sư).

10 – Không dạy học giới.

11 – Không hai năm theo Hòa-thượng (ở đây là chế cho đệ tử).

12 – Tăng không cho mà trao giới cụ túc.

13 – Chùa đủ mười hai tuổi hạ mà làm Hòa-thượng.

14 – Đủ mười hai tuổi hạ, tăng không cho mà trao cho người giới cụ túc.

15 –Tăng không cho, bèn phỉ báng tăng có ái, v.v...

16 - Cha, mẹ chồng, không cho phép mà truyền giới cụ túc.

17 – Biết là người nữ phi pháp mà độ xuất gia.

18 – Khiến bỏ học pháp cho thọ giới cụ túc.

19 – Theo Thức-xoa xin y nói sẽ cho thọ giới cụ túc.

20 – Không đủ một năm trao giới cụ túc.

21 – Thọ bổn pháp rồi cách đêm mới đến trong tăng.

22 – Không bịnh mà không cầu Giáo thọ.

(Tất cả hai mươi hai giới trên đều phạm đơn đề)

Phàm nhiếp đệ tử không ngoài hai điều:

1 – Sự nhiếp, tức y thực. 2 – Nghĩa nhiếp, tức dạy pháp y thực có thể thiếu, pháp thì không thể thiếu. Ngũ Phần, nói sáu năm tự nhiếp Hòa-thượng thân giáo. Tỳ-kheo năm hạ chia khác nhau. Nếu dạy người nhiếp là giao cho người khác.

Tăng-kỳ nói, kế nói thọ giới cụ túc phải cầu hơn phân nửa đồng ý. Y cứ bổn Tăng Ni đều phải mười vị, y cứ nơi biên địa mới khai cho, chỉ có năm người, quá bán là tội đến mười người.

Trong chú giải do phạm tăng tàn trở xuống đều đủ môn sự sinh thiện, cho nên chỉ chọn phạm trọng, sợ kia cầu giúp pháp sự khó thành, nhưng chỉ chọn người bỉnh pháp, còn người khác chỉ không phạm tội trọng là được, không cần đầy đủ tốt đẹp, nên nói là khả khả. Đây y cứ không người, có thì phải chọn. Chữ Tứ Phần trở xuống là thứ ba chế nương thầy. Bổn luật không hạn cuộc số năm cho nên dẫn luật Ngũ Phần quyết đó còn bao nhiêu như sau lược chỉ.

Trong yếu hạnh, khoa đầu luật Thiện Kiến nói về bổn duyên, Như lai thành đạo mười bốn năm, Di mẫu cầu xuất gia, Phật không cho, vì để chánh pháp được tồn tại ngàn năm, nếu độ người nữ thì giảm một nửa, vì thế không cho. A-nan ba lần xin, Phật dạy truyền tám pháp kính trong cho Di mẫu, nếu thực hành được thì cho người nữ xuất gia. Kia chép: “Đầu đội thọ trì” liền đắc giới. Chữ kim trở xuống là khi chê bai tức răn dạy khuyên gắng gổ.

Khoa kế, trong phần chánh nêu bày, đầu tiên chế lễ kính. Thứ hai, thứ ba cấm phạm thượng, còn lại là thứ năm nói phải nương dạy. Theo luật Ngũ Phần, Đại Ái Đạo nghe nói Bát Kính lại nhờ A-nan bạch lại với Thế tôn xin một điều là cho Tỳ-kheo-ni tùy lớn nhỏ mà lễ Tỳ-kheo mới thọ giới. Phật nói "Nếu cho nương theo thứ lớp tuổi hạ thì không có lý" do đó nói người nữ có năm điều chướng, v.v... Tôn trọng, v.v... là nói nghĩa kính. Không nên trái vì trái thì có phạm, trình bày chế giáo. Một, hai, bốn, sáu, bảy, tám đều tội đọa. Ba, năm thì tội Đột-cát-la.

Khoa kế các văn đều chỉ bày dị tướng. Luật Ngũ Phần nói tự tứ là ba vị Ni, một vị chánh, hai vị bạn. Trung A-hàm tám pháp trước sau đều đồng, chỉ có điều thứ năm nói là: "Không được hỏi Tỳ-kheo nghĩa kinh, luật, luận. Nếu cho thì được hỏi". Tôn Sư là tên khác của kính. Luật Tăng-kỳ ban đầu dạy lễ kính. Không được trở xuống là kế cấm chê bai hủy phá. Luật Thập Tụng, Ngũ Phần chứng minh sự trái kính ở trên.

Trong tạp hạnh, văn đầu tiên Tăng-kỳ nói vì là bà con nên cho nói. Nếu cho quở trách thì trái kính pháp. Hai luật Tứ Phần và Ngũ Phần dạy Ni vào chùa, tức nhiếp kính ban đầu. Như trên nói tức là trong nói giới ở trước. Kế nói Thức-xoa.

Trong phần nêu văn chú giải, câu đầu dịch danh, câu kế chỉ bày thể đồng ngôi ở dưới. Chữ tiên trở xuống là nói thêm lý do thọ.

Trong giải thích, khoa đầu Tứ Phần chỉ bày chung hai ngôi, kế dẫn luận, luật nói riêng khai nhỏ, luật Thập Tụng nói ý chế pháp. Tâm cầu pháp, luyện thân nhờ thời gian, biết thân thanh tịnh thì sẽ dứt sự chê bai nghi kỵ. Tâm vững chắc mới có khả năng nhận đạo. Thích hợp căn cơ để lập giáo là ý ở đây.

Trong phần hai, y theo yết-ma trước đủ oai nghi dạy xin, kế lìa Tăng tác pháp, ba gọi vào nói tướng, rộng như văn kia không cần dẫn lại.

Trong phần ba, khoa đầu ba pháp, sau hai pháp, tức vốn là chỗ làm, pháp thứ hai là sáu pháp, nay chỗ trao là y cứ thể tướng kia. Sa-di đủ phát, chỉ là lại dặn dò ý giữ hai lần luyện. Chữ văn trở xuống là chỉ bày tướng. Vì trong Luật trước là Tứ Phần tùy nói bốn pháp, như nói rằng: "Không được phạm hạnh bất tịnh, làm pháp dâm dục, nếu Thức-xoa-ma-na-ni hành pháp dâm dục, thì chẳng phải là Thức-xoa-ma-na, chẳng phải là con gái giòng họ Thích (đây là căn bản, sau tức nay trao). Nếu cùng người nam có tâm nhiễm ô thân xúc chạm nhau là thiếu giới, nên thọ giới lại. Trong đây trọn đời không được phạm, có giữ được không?". Còn ba pháp kia đều như vậy. Ăn phi thời và uống rượu,

đương thể là pháp không có bổn riêng.

Kế, văn đầu tiên bày ba, phạm khác nhau. Chữ nếu đủ trở xuống là riêng điểm học pháp.

Trong phần ba, văn đầu tiên trước dẫn văn tất cả chế học nói là đồng. Trừ trao đồ ăn là chỉ bày sự khác kia, hai câu nầy chung là một việc, nghĩa là tự lấy và trao cho người, không đồng với đại giới theo người nhận rồi lần lựa trao. Chữ nếu trở xuống là giải thích nghi, các sư xưa đem làm hai việc, nghĩa là khai tự lấy như Sớ dẫn. Ban đầu nói tự ăn chế nhận. Chữ vô trở xuống là y cứ người có không để nói mở đóng.

Khoa kế có mười tám pháp, đầu tiên là chỗ ngồi, ba món kế là đối ni đồng khác. Hai, là được tịnh, bất tịnh là ngủ riêng, v.v... dưới không nhơ trên, Ni tịnh thì trên được thông dưới, vì kia bất tịnh. Ba, là đồng ngủ. Bốn, là trao đồ ăn. Năm, sáu đều chế đại Ni nói chỗ nghe kia. Bảy và tám là chúng pháp, bao nhiêu đều tự làm. Sau từ chín đến mười hai là phối riêng với bốn giới trọng sau. Phạm là cho hai năm học lại.

Hỏi: Sao không nói bốn pháp ba-la-di trước?

Đáp: Ở căn bản chế đây nói học hành hai pháp.

Hỏi: Phạm bốn Ba-la-di sau có chướng giới hay chăng?

Đáp: Phạm thì học lại mà không diệt tẫn, cho nên biết chẳng chướng.

Nghiệp Sớ chép: Bốn phép trước là hạn giới, bốn phép sau là cành nhánh. Bao nhiêu như kia là mười bốn không ăn phi thời, mười lăm không ăn lất nhất, mười sáu không cầm tiền, mười bảy không uống rượu, mười tám không đeo tràng hoa.

Trong phần ba, Tứ Phần chế sáu pháp. Duyên hành mà viết chữ hình là lầm. Luật Thập Tụng chế hai năm, duyên khởi lỗi nghĩa là sinh con vời lấy sự chê bai.

Thứ ba trong Sa-di-ni ban đầu chỉ cho pháp đồng. Chữ nếu trở xuống là nói về hạnh riêng. Nói chung ba chúng không riêng Sa-di, vì ba chúng ni không được đi riêng, phải chọn bạn. Ban đầu chế chọn bạn, chữ nhược trở xuống là kế cho đi kèm. Chữ dư trở xuống là thứ ba chế chẳng phải loại, tức hai chúng tăng ni và nam nữ thế tục, v.v...

Thiên Giải Thích-các Bộ.

Đề nêu các bộ là chỉ chung ngoại tông. Nếu y cứ trong thiên cũng dẫn luật Tứ Phần, chính là đối hiển vốn khác nhau. Biệt hạnh hai giải thích cũng đồng giải thích ở trước.

Khoa đầu trong phần bày ý, xưa nói rằng, là lời tương truyền của

bậc tiên hiền. Nghèo nghĩa là thấy nghe cạn ít, lời thật có chấp cho nên nói rằng: “thành nghiệm”, dẫn đây muốn nói người học không thể chuyên giữ một tông, quyết phải bao gồm các bộ ngoài.

Khoa kế, sự nghĩa là hành sự, như sáu tướng tự nhiên, tướng đủ số chúng, v.v... các loại. Pháp nghĩa là yết-ma, như trì y, thêm thuốc, kết chung tịnh địa, diệt tẫn, bạch tứ, v.v... kia đây dùng chung cho nên nói là mỗi mỗi.

Trong phần ba, bỏ gấp theo hưỡn. Như lấy trì y của luật Tăng-kỳ, dùng không y bát đắc giới của luận Tát-bà-đa v.v... xả có cầu không như thọ nhật dùng cầu cho của luật Tăng-kỳ, lấy mười bốn đêm của Thập Tụng, v.v... thì là bỏ có của luật Tứ Phần và vô của bổn bộ. Tổn cũng dạy bỏ, như bỏ phạm trọng đều là Ba-la-di của bổn tông mà dùng tái phạm Đột-cát-la của Thập Tụng. Lại như bỏ năm tiền phán tội trộm của luật Tứ Phần mà dùng luật Thập Tụng, luật Bát Thập. Lại như bỏ tâm nghị là tội nhẹ của Tứ Phần mà lấy nghi phạm tội nặng của Ngũ Phần. Kia đây xem nhau thì có phải quấy. Ba câu trên nêu riêng ba lỗi không ngoài gấp hưỡn, có không, nặng nhẹ. Mặc kẻ ngu ôm lấy bỏ là gồm ba chung món trên.

Chữ thử trở xuống là bày lỗi thất học. Mặc ý động hãm hình danh, nên nói rằng tự để hại, v.v... Mắc tội có thể hổ thẹn cho nên nói là mang hổ thẹn. Chữ đương trở xuống là chỉ bày pháp. Chỉ tựa Sao là môn thứ ba ý y cứ giáo xếp chỗ.

Trong phần bốn, toàn chùa dự pháp, tức mới vào đạo. Tùy vào bất cứ một bộ nào tức là mới thọ. Thuận văn, v.v... là khiến nương theo tông, cho nên nói thiền đây là không chỉ đối hiển khác nhau của bổn tông mà còn giúp tông kia nạp thể đó.

Trong phần năm, hai câu trên rộng chỉ chung các luật lại gồm các luận, điều lưu dài dòng thì rất dễ biết, còn nạn nói ngược kia không thể cùng tột. Hai câu dưới nói cốt yếu, tức bảy môn sau.

Trong phần nêu bày, thứ tư nói thọ nhật, tịnh địa. Thọ nhật thì Tứ Phần ba phẩm là hẹp, Thập Tụng ba mươi chín đêm, Tăng-kỳ việc xong là rộng. Hoặc có thể hai tông chỉ gồm hai pháp là hẹp, bổn tông ba ngôi là rộng. Tịnh địa thì Tứ Phần bỏ giáo là rộng, tông khác chế dứt là hẹp.

Trong phần giải thích, văn đầu tiên, luật Tăng-kỳ trước nói thọ giới. Hòa-thượng ở ngoài là do kia yết-ma chỗ nhắc lại đồng với chỗ làm. Kế nói về sám xả, đầu tiên nêu bày. Chữ dĩ trở xuống là giải thích lý do. Tự không đủ là vì tăng suy lường. Trả tiền tài được đủ là có chỗ

làm riêng. Đồng tự tứ, luật Tứ Phần ở biên địa thọ giới hai lần bạch, tự tứ một lần bạch, là pháp năm người. Luật Tăng-kỳ lại thêm các Ni-tát-kỳ, chấp luận dùng người chỉ bạch gọi là pháp tự tứ, là vốn năm người, pháp đối hòa xả đọa là tướng từ năm người, do giới sư sám chủ là tăng đã lượng, tức chỗ vì người không phải Tăng dùng cho nên bao nhiêu như Nghiệp Sớ (xưa giải thích đồng tự tứ, loại nầy sai người năm đức thời không nhập vào số Tăng là sai).

Tứ Phần trở xuống là bác bỏ xưa, đầu tiên nêu ra chấp kia. Bốn tăng không nói, nghĩa là không nói trừ. Trong luật bốn người chỉ trừ ba pháp: thọ giới, tự tứ, xuất tội. Chữ nếu trở xuống là thông hội thông giáo tức luật Tăng-kỳ. Trong thọ duyên khoa đầu năm tiết, bốn tiết trước nói không thầy chẳng phải thầy, một tiết nói người thọ phi pháp, hứa chung là đắc giới. Đây đều y cứ một thời kỳ tiếp độ dạy dỗ, cũng chẳng phải thường dạy. Tứ Phần đều không khai là do ban đầu thọ một pháp, muôn hạnh căn bản, phải nhờ nhiều duyên mới thành tựu được, mỗi phần y cứ một đường cho nên chia làm hai chấp.

Khoa kế, luật Thập Tụng nam mặc nữ phục tức trong thọ duyên thiếu tướng xuất gia, nữ tưởng trái trên tức không được. Luật Ngũ Phần phân biệt huỳnh môn mạnh khỏe, có người được, có người không được. Ngũ Bách Vấn đầu tiên nói thầy phi pháp, thì y cứ đệ tử biết hay không biết. Sau nói đệ tử trái nhau thì y cứ thầy hỏi hay không hỏi. Già Luận tặc trụ vốn phạm giới tức biên tội, hai loại nầy thuộc về người có mười ba nạn. Vốn không hòa tức là người tại gia, đều y cứ đệ tử biết hay không biết để nói được chăng.

Trong phần ba, luật Thập Tụng trước nói dữ dục. Bốn chỗ tác pháp xen nhau lấy dục. Nếu vốn là Tứ Phần thì là phá Tăng. Chữ nếu trở xuống là kế nói đủ số, nghĩa là một Tỳ-kheo có nhiều tăng dùng, như rừng cây đồng nêu tướng để chỉ bày, Già Luận đồng như trên. Tám người là bốn người thọ giới, ba người nói giới, một người thân gồm hai chỗ. Mười hai người nghĩa là hai chỗ thọ giới đều có bốn người một chỗ nói giới có ba người và một người dùng đủ ba chỗ. Mười lăm người nghĩa là hai chỗ thọ giới mỗi chỗ có bốn người, hai chỗ nói giới mỗi chỗ có ba người, một người có bốn chỗ. Mười tám người: Hai chỗ thọ giới mỗi chỗ bốn người, ba chỗ nói giới mỗi chỗ ba người, dùng một người đủ năm chỗ. Vả lại, nêu năm chỗ càng nhiều nên được.

Thứ tư, ban đầu dẫn văn phạm tội nặng tức biên tội. Ni ở biên giới và nạn y cứ lỗi nặng nhẹ cho nên được chăng cả hai khác nhau.

Môn thứ hai, trong yết-ma, văn đầu tiên rộng, lược, khai, hợp đủ

như quyển thượng, Nghiệp Sớ thêm tiểu chúng sám hối Thâu-lan-già, vì trung thượng có chín phẩm xen nhau thêm bớt đều xếp vào phi pháp. luật Tăng-kỳ, Thập Tụng, chế giảm chấp nhận tăng. Đơn bạch chung cho cả hai, bạch nhị chỉ một, tột đến bạch tứ không có chỗ chung. Luật Tăng-kỳ thêm chặng giữa có bốn món, cầu xin như pháp thọ nhật theo tăng xin. Trong Liễu luận hỏi ở chỗ hai người hỏi, xướng bạch một phần yết-ma, một phần chung làm một pháp, xướng sự hỏi nghe đều đầy đủ như sau sẽ dẫn. Thêm bạch yết-ma như nay đánh kiền-chùy bạch chúng các loại, thẳng vậy thưa biết cho nên bất luận cho hay không? Và ba pháp khác thì có năm.

Lại nói trở xuống là gồm phân biệt. Nghiệp Sớ đã dẫn, lại gồm đơn bạch thì có ba pháp chung ba người làm không đồng với nay, cho nên Sớ nói chung rằng y theo đây. Đơn bạch đã có hỏi cho, thế nào chẳng phải Tăng mà được bỉnh ngự. Đại đức tăng xin lắng nghe, là nói thuộc chỗ nào? Nay chung kia chỉ ba người hòa bạch, ban đầu thì sửa lời (sửa Đại đức tăng thành các Đại đức) còn bao nhiêu y cứ văn mà dùng, Luận chung ba người há không phải như vậy ư? (Văn đó đơn bạch chặng giữa có trình bày).

Trong chỗ che chở, luật Tứ Phần pháp không Tăng thêm, lại y cứ nêu luận sai người thọ sám, lệ cũng không cho phép. Cử là trái nghịch xúc não sợ thành phá tăng riêng chúng. Can ngăn là thuận ý cho nên chung nhiều người. Luật Thập Tụng nói thọ giới cụ túc, nghĩa nên đồng với ở đây. Trong dữ dục, luật Tăng-kỳ, Ngũ Phần không chấp nhận gởi nhiều dục, luật Tứ Phần y cứ duyên không thể ép quá. Luật Thập Tụng nhiều chỗ lần lựa dữ dục rất phù hợp với bổn tông. Tăng ngồi tức người bỉnh pháp chuyển mất dục, luật Tứ Phần, luận Tỳ-ni Mẫu khai mở cho.

Môn thứ ba, trong bổn tông do thể chẳng phải sắc cho nên được nặng thêm. Giới từ biệt phát cho nên có phạm nặng, văn chép rằng: "Tức văn kết bốn Ba-la-di của Giới bổn". Giới Ni xúc chạm tức văn giới bổn, trong bộ kia do thể là sắc, phẩm thượng, trung, hạ một phen phát hằng định, không cho lại tăng cho nên không thọ lại, đã thọ không còn phạm cũng không cho thọ lại, tuy từ biệt phát mà căn bản đã hoại, không còn được tăng dùng. Ba điều nêu khác, sau dẫn bày các món đồng, không trọng cho nên sau phạm Đột-cát-la, đồng gọi là có trọng cho nên lại có ba lớp. Học hối, phạm tăng tàn có thể chứng minh không phải tội nặng, chỉ cuộc hạn bốn pháp Ba-la-di.

Môn thứ tư, luật Tứ Phần có ba phẩm: Bảy ngày, nửa tháng, một

tháng lần tăng như trên chỉ cho thiên an cư. Luật Tăng-kỳ trước chỉ bảy ngày, kế rõ việc xong. Ban đầu bày tên, chữ tất trở xuống là phân biệt duyên cho nên sau dẫn pháp. Ở Thiên-trúc mùa hạ phần nhiều là mưa cho nên nói rằng "Vũ an cư", tức gọi đầu hạ là vũ thời. Luật Thập Tụng bảy ngày đồng với luật Tứ Phần, y cứ bảy là đồng, gồm đêm thì khác luật Tứ Phần ngày hết thì pháp tạ, tông kia đêm hết mới mất, mất pháp tuy có dài ngắn, hộ hạ đồng ở minh tướng. Ba mươi chín đêm các pháp là đồng, số ngày thì khác. Duyên nhắc lại nói rằng việc nầy tức là chỉ chỗ trụ xứ gốc, cũng đồng luật Tứ Phần lại đến trong đây.

Trong Tịnh địa, luật Thập Tụng ban đầu nói khai kết. Trong nội, nội là vào. Kế nói dời ra. Lê xương là các quý tộc cư sĩ, hoặc là ngoại đạo. Xương xa nói chuyển đan là đồ đựng thức ăn. Sau nói cấm đoán. Luật Tăng-kỳ cũng vậy, luật Tứ Phần và Ngũ Phần thì tùy cơ mà khai hay kết. Chữ nhân trở xuống là bác bỏ phi, xưa cho là đều chế dứt tất cả, đều làm thanh tịnh vật khác, như Sớ phá đó.

Thứ năm, Tứ Phần chỉ trên tức hai tâm nghi, tưởng trong năm câu. Có thể học không khai, có thể học đều chia khinh giáng. Luật Ngũ Phần không nghi, dẫn rằng nghi nữ, hai thô xúc, chạm đồng đối sai phạm tăng tàn. Giết trùng hoại cỏ đối sau phạm Ba-dật-đề. Sau dẫn luật Tứ Phần so sánh nhau. Phá Tăng, dâm, uống rượu đều không khai nghi và tưởng. Chữ đối xuống đến chữ nghi là thọ giới biết thầy phạm giới, tuy thọ không đắc Chữ đối xuống đến chữ tri (hoặc y cứ thầy nghi người thọ tuổi không đủ). Luật Tăng-kỳ phương tiện có không mỗi thứ dẫn văn, y cứ vào văn sẽ hiểu. Trong phần kết không nêu vụn vặt, đến lời kia vài cớ năm ba khác nhau.

Trong phần sáu, bổn tông, bộ khác xả sám khác nhau, nhưng nêu khác kia mà chỉ đồng kia. Tông nầy hai báu xả cho người thế tục, lụa tấm lần hư, xin bát vào bếp, chứa thuốc ba dụng, các y ngọa cụ đều trả lại chủ cũ, luật Thập Tụng hằng xả nghĩa là đem bỏ, phần nhiều giao cho tịnh nhân khiến xả, do phạm lỗi tiền tài không cho tự xả.

Trong văn dường như nhiều tịnh nhân nói hai chữ, luật Ngũ Phần ban đầu vào Tăng bỏ là tức thuộc vật của tăng, không bỏ do tăng, năm thứ có đủ: một, là lụa tấm. Hai, là lông đen. Ba, là lông trắng. Bốn, là dưới sáu năm. Năm, là không có tọa cụ cụ lụa điệp. Ba là vào tục tăng, trước xả cho tăng, tăng cho tục.

Bao nhiêu đồng là thứ tư xin bát vào bếp. Năm là các y trả lại chủ đồng với Tứ Phần. Luật Tăng-kỳ bảo tạng gọi là vô tận tài. Dứt lợi làm y, không được phần là sợ kia được phần, nói là chiết phục, v.v....

Trong phần hai, năm ngọa cụ tức năm thứ đủ ở trên. Đầu tiên gồm bày kia, sau lựa riêng. Thuần đen là lông đen, Kiêu-sa-da tức lụa tằm (có khi đem làm một phi). Hưởng là cửa nẻo, sáu năm không đủ. Được đắp là hai vật nhỏ mịn trên chỉ được dùng món thô nên không cho đắp, không dính thân vì sợ hoại vật của tăng. Lông trắng tốt là như trước đồng lông đen, v.v... Bao nhiêu đồng ấy là các y, xin bát, chứa thuốc v.v..., ba món đồng với bổn tông. Luật Thiện Kiến vàng bạc là hai báu. Năm pháp là không ái, nhuế, bố, si, biết đáng ném hay không đáng ném.

Luận Minh Liễu có bảy đoạn: Đoạn đầu bảy giới, chuyển y tức hai lìa. Y đợi một tháng tức nguyệt vọng. Chữ thọ trở xuống là đoạn kế một giới, bổn ni không ấy hoặc chết, bỏ đạo, đi xa, v.v... Chữ sử trở xuống là đoạn ba hai giới. Chữ tùng trở xuống là đoạn thứ tư ba giới, một hai cư sĩ tức khuyên thêm hai giới. Chữ quá trở xuống là đoạn thứ năm chín giới. Quá túc tức giới quá biết đủ. Ba, là ngược tức giới chớ nên kéo y, tất cả tọa cụ gồm chung năm đồ trải. Khiến thợ dệt, lại khuyên dật chung. Đoạt y là thứ sáu. Bảy ngày là thứ bảy. Hai dụng tức cho tăng tục trở về trước hai mươi bốn giới. Mua bán hai báu, xin bát, gánh lông dê, nhuộm lông dê, đều như tùy tướng.

Đa Luận nói mua bán, đầu tiên nói nhập Tăng. Chữ nhược trở xuống là kế nói không nhập Phật có hai ý, trước là dứt phỉ báng. Cù-đàm, Hán dịch là "Địa tối thắng" nghĩa là bậc Tối thắng trong loài người, đây tức họ nhân địa của Như lai mà người vẫn gọi. Khi xưa Phật ở kiếp Sơ làm vị vua có vị thầy tu thiền là tiên Cù đàm, lúc tu đạo nhân lấy tên ấy làm họ.

Chữ hựu trở xuống là kế bày phước cao quý, bất luận đồng là nói biển tăng sâu rộng không đâu chẳng nhiếp. Không thọ pháp tức là không giới.

Trong phần bảy, tùy tướng sự nhiều lại nêu ra một điều đặc biệt khác đó. Ban đầu nói hành sám trái pháp khai hành. Chữ cánh trở xuống là kế khai không sám hối, mà liền được thanh tịnh. Ở đây có sáu hạng người: một và hai là sợ hoại lòng tin của chúng, vì là hộ pháp. Ba và bốn là thân tâm yếu hèn, vì dắt dẫn. Năm và sáu là hành pháp thiếu duyên, vì nạn mạng sống.

Tâm niệm sám hối liền lại thanh tịnh, sau không cần sám hối, nếu theo Tứ Phần thì tất cả không thành. Chữ luật trở xuống là dẫn chú bày dạy dễ ngăn ngừa nương lạm luống dối ở sau.

Thứ ba là so sánh, văn chia làm ba: Trước nói năm tháng, v.v... là

nhớ thời gian. Lại nữa, đóng cửa là cỏ gai lan-nhã ở Chung Nam, đây là nhớ chỗ. Chữ đãn trở xuống là bày gốc thuật tác. Tổ Sư giáng sinh vào đời Tùy, hoằng hóa ở đời Đường, Cao Tổ Thần Nghiêu Hoàng Đế nhận cung thiền vị nhà Tùy nên đổi hiệu là Đường Quốc, đổi niên hiệu là Vũ Đức năm thứ chín vào tháng sáu là lúc tuyệt bút. Vậy trước Thái Sử, Truyền Dịch Đảng Trợ Đạo Tông đã vu báng họ Thích, tâu xin sa thải, Cao Tổ nương vào đó ở đây ôm ấp đạo, bậc thạc đức lẩn trốn ở hang núi, chỗ hoang vắng, Tổ Sư ẩn trong cỏ gai lan-nhã ở Chung Nam, ban đầu soạn bộ Sao nầy đến chín năm, Thái Tôn lại hưng khởi giáo pháp của ta tìm kiếm người có đức, Tổ Sư là con của Phụ Tướng, đạo đức danh tiếng đều đáng để chọn lựa, cho nên nói rằng "Nhĩ thời, v.v..." người đời khen đây là tiếng khen trong thế tục, không hề có thiếu tổn.

Nói đóng cửa là nói tránh nạn. Nương sở học là bày có chỗ nương. Chữ đãn trở xuống hai câu là thuật bổn chí. Thẳng bút viết là không diễn nghĩa chương. San trừ dị luận, lìa các vụn vặt. Chữ bất trở xuống hai câu là bày hiềm chê tổn hại. Thân rồng có hoa vân lẫn vẽ nghĩa là lời loài rồng thô rít, văn khập khiểng quê mùa thô xấu. Chữ tưởng trở xuống hai câu là dặn dò xét nét, có biết nghĩa là trí cao. Thông sĩ nghĩa là thấy xa, văn thường nhớ chữ nghi là truyền lầm.

Tứ Phần Luật Hành Sự Sao Tư Trì Ký phần bốn của quyển hạ.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 144

# GIỚI BẢN TỨ PHẦN LUẬT TỲ KHEO HÀM CHÚ

SỐ 1806
(QUYỂN THƯỢNG - TRUNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

## SỐ 1806

## BÀI TỰA

# GIỚI BẢN TỨ PHẦN LUẬT TỲ-KHEO HÀM CHÚ

*Sa-môn Thích Đạo Tuyên ở soạn tại núi Thái Nhất.*

Về Giới bản Tứ phần, có nghe rằng con đường ngã tư chung cho cả muôn hạnh, dẫn ra khuôn phép Ba thừa. Từ bậc Pháp Vương sự lợi sinh rộng lớn là ở tại duyên. Nói lên nỗi lo canh cánh của bậc thượng Thánh, thương kẻ tiểu phàm đắm chìm trong biển khổ. Cho nên mở ra cánh cửa không trái, mở bày pháp siêu xa bí mật, nói ra thuyết vô vấn mà nói lên bờ bến cho người mới học. Từ nơi tĩnh xứ mà hiển bày nguồn gốc giáo pháp. Nhóm chúng để giảng nói khuôn phép. Trước nói bài tựa này, trình bày rộng về công năng phát trí. Sau đó nêu lên Đại tông, bao gồm các căn cơ được độ. Y cứ vào thời mà phô diễn chỗ thông hành, nương theo đó mà hòa hợp thông suốt.

Có nghe chánh pháp nhờ đây mà trụ lâu, chỉ vì lúc đến không tranh theo tình biến mà lưu chảy. Trong kinh trình bày để làm chứng. Luật thì lấy phân trượng làm dụ. Giáo pháp tùy văn kết lý mà tình chấp có thay đổi. Vân phi có hai bộ, năm bộ khác nhau. Sơn Trương thập bát, ngũ bá khác nhau. Lấy những thứ từ nguyên thỉ bao trùm thảy đều là tình chấp. Cùng tận tâm yếu hội đều chung cho chánh nghiệp.

Thế là cuối thời Tào Ngụy giới bản này được sáng lập truyền bá, cuối cùng thì vào đầu đời Tùy. Sự thay đổi đó rất nhiều, hoặc y theo phạm bản, hoặc viết theo văn chữ Lệ, hoặc dùng nghĩa mà cầu. Hoặc y cứ vào duyên. So sánh các thuyết mà thành việc rõ ràng. Lạm dụng chỗ

tu ở trước mà che lấp lu mờ kẻ hậu học, Phạm bản thì văn nghĩa yếu chỉ trái ngược, tiếng nói địa phương chưa thể dung thông. Y cứ theo luật thì ở tại tông quy, có lỗi đối với giải thích tướng, nghĩa cầu tuy có hội sâu nhưng chưa rảnh nói về đầu mối, duyên y cứ theo đó dường như đầy đủ. Dừng lại ở biệt kiến, nguyên là chánh giới minh cấm, chỉ có Phật mới chế khai, các Hiền Thánh thì im lặng. Chỉ biết vâng theo. Cho nên luật luận trình bày, đều là Tông bản của kinh. Từ các ban vị khác không hề so lường, nêu chung các kiến, Sư tâm thì nhiều. Xét định theo duyên xưa, bởi chưa rảnh rỗi. Nay đem giới bản mà lược bỏ chỗ rườm rà, ẩn nghĩa mà hạn cục văn. Dụng thì thất nghi, xả thì không có y cứ. Nếu không hiển tướng, thì người khó mà y cứ theo đầy đủ.

Tôi ít ngưỡng theo giáo lý, chí muốn làm hưng thạnh giới luật. Xưa ở tại đế kinh chu du giảng nói khắp nơi, có tâm thỉnh nghiệp ghi chép suy tầm, đâu từng không cầm sách xem văn. Lòng cảm khái không nguôi. Thế nên vào năm Canh Dần niên hiệu Trinh Quán thứ tư, ngao du khắp sông núi, rộng phê bình về luật tông, vì thấy lời văn còn lộn xộn nên chưa nghĩ đến việc mở mang xa rộng.

Cao đàm có sự việc dùng vô thí, mới nêu lên được sự dụng vô thí, vừa bao gồm năm bảy danh từ, vọng ở đầu một chữ, nói lại cương yếu hành tạng. Từ khai tâm quyết chánh, hỏi thì giới luật có hưng thạnh hay không, diệu thì dựa vào sơ giải, y cứ vào tình thông căn bản. Không có văn nào để nương. Tự có bậc bác học biết về hành danh đều rõ ràng. Mà thần dụng chẳng chuẩn, đình thì trái với trời. Nay ý đó chưa an, nghĩa nên y theo pháp làm quy tắc nhất định mà tranh luận thì đâu đợi gì từ ngữ rườm rà. Nay thử y theo luật bản ghi đầy đủ theo chánh kinh. Vẫn lấy từ thời Phật mà giải tức là chú thuật. Văn chỉ có một quyển, đồng theo sở truyền từ xưa. Cả hai trì, phạm đều rõ ràng. Nay thì khác với xưa, ngõ hầu giúp cho người mới học và kẻ trí người ngu đều vâng theo đó. Người biết thô thì có ba thứ trì luật. Tinh luyện thì là một Đại sư giáo hóa. Vì dụng này, mà cầu thành tựu chí cực, lại đem các duyên khởi của luật mà vọng nói phi vô. Nếu không chiếu soi thì cuối cùng quy về luống dối. Cho nên tùy theo giới loại mà dẫn những chỗ quan trọng rồi có thêm bớt. Giúp cho hiển tướng thông ban khinh trọng đều chiếu hiện, đủ làm cho thân tỏa sáng đức độ, đủ làm hộ pháp khuông thời, đối với văn không chấp lầm lời văn. Từ nghĩa thì không giúp nghĩa khác, đâu tự để sót vô lậu, cũng giúp kẻ hữu duyên, nay kính ghi lời tựa nầy.

****

# SỐ 1806

# TỨ PHẦN LUẬT TỲ-KHEO HÀM CHÚ GIỚI BẢN

## QUYỂN THƯỢNG

Giới bản tứ phần, xuất xứ từ luật của bộ Đàm-Vô-Đức (đời Đường dịch là pháp Hộ)

*Cúi đầu lễ Chư Phật*
*Và Pháp, Tỳ-kheo tăng*
*Nay giảng pháp Tỳ-ni*
*Khiến chánh pháp còn lâu.*
*Giới như biển không bờ*
*Như báu cầu không chán*
*Muốn giữ pháp tài Thánh*
*Chúng nhóm nghe tôi nói*
*Muốn dứt bốn tội khí*
*Và diệt pháp Tăng tàng*
*Chướng ba mươi xả đọa.*
*Chúng nhóm nghe tôi tụng.*
*Tỳ-bà-thi, Thức-khí*
*Tỳ xá, Câu-lưu-tôn*
*Câu-na-hàm-mâu-ni.*
*Ca-diếp Thích-ca Văn*
*Các Đại Đức Thế tôn*
*Nói việc này cho tôi*
*Nay tôi muốn khéo nói*
*Các vị Hiền cùng nghe.*
*Ví như người què chân*
*Không thể nào đi được*
*Người phá giới cũng thế.*

*Không được sinh trời, người,*
*Muốn sinh lên cõi trời*
*Hay sinh vào loài người*
*Thì phải thường trì giới*
*Chớ nên làm hủy tổn.*
*Như xe vào đường hiểm*
*Lo mất chốt gãy trục*
*Pháp giới cũng như thế*
*Khi chết tâm sợ hãi.*
*Như người tự soi gương*
*Đẹp xấu sinh vui buồn.*
*Nói giới cũng như thế*
*Được mừng, mất thì lo*
*Như hai binh đánh nhau*
*Mạnh tiến, nhác thối lui.*
*Nói giới cũng như thế*
*Tịnh an, uế sinh sợ.*
*Thế gian vua trên hết.*
*Các dòng, biển là lớn.*
*Các sao, trăng là sáng.*
*Các Thánh Phật là tột.*
*Trong tất cả các luật.*
*Giới kinh là trên hết*
*Như lai lập giới cấm*
*Nửa tháng tụng một lần.*

Đã nói xong bài kệ do Tôn giả Pháp Hộ soạn. Vì rộng lược bài tựa chung cho cả Nhị giáo. Trước khai lời trì hủy (trì giới và phá giới), để thành ra gốc của việc nói nghe. Sau khi hòa hợp Nhị giáo rồi thì Đại tông chia ra làm ba phần gồm: phần tựa, phần chánh tông và phần lưu thông.

Hòa hợp: lúc này bậc đồng sư tri thức, nói giới pháp của bộ khác, phải nên tôn trọng thừa sự cung kính. Cùng hòa hợp một chỗ nói giới, nếu trái thì phạm tội.

Phật bảo: "Có ba thứ hòa hợp.

- Một là người nên đến thì đến.
- Hai là người gởi dục thì cho gởi dục.
- Ba là hiện tiền đáng quở trách thì quở trách, nếu trái thì thành biệt chúng."

Tăng nhóm hội: Bấy giờ, có Tỳ-kheo, vào ngày nói giới, ở trong giới nội có giới tràng mà không đến chỗ nói giới. Phật bảo: “nên cầu nên gọi, đó là giáo pháp của ta. Nếu ra ngoài giới, hoặc đến mà không ngồi, thì đúng như pháp mà trị tội. Từ nay trở đi, tùy theo trụ xứ có một Tỳ-kheo, đến ngày nói giới, trước phải đến nhà Bồ-tát quét dọn sạch sẽ, trải đồ ngồi, thay nước đốt nhang v.v... Nếu có khách đến, bốn người hoặc hơn nữa thì cũng một người tụng giới. Cho đến dù một người tâm niệm cũng thanh tịnh. Nếu có người biệt chúng mà tụng giới phi pháp, thì đúng như pháp trị tội.

Người chưa thọ đại giới đi ra: Bấy giờ, có Tỳ-kheo, khiến người khác ngăn việc thuyết giới. Phật cũng bảo người chưa thọ giới đi đến chỗ không thấy không nghe. Chẳng có người đến nghe, lại không nên tụng giới ở trước ni chúng.

Không đến chỗ các Tỳ-kheo thuyết dục và thanh tịnh. Bấy giờ, ngày tụng giới có Tỳ-kheo bịnh. Nếu người khám bịnh và người bận việc Tam Bảo không đến nghe giới, Phật bảo: Nên gởi dục và thanh tịnh, tùy theo đó mà rộng lược. Nếu thân tướng không hiện, không dùng miệng nói thì không thành. Nếu người bịnh nặng đến trong tăng, sợ bịnh càng nặng thêm thì ra khỏi giới mà tụng, không dùng phương tiện để được biệt chúng tụng giới Yết-ma. Chúng Tỳ-kheo ni có sai người đến không?

Phật bảo: Nếu có thì nên đứng dậy bạch rằng: Tỳ-kheo ni tăng hòa hợp nên lễ dưới chân Tỳ-kheo Tăng. Rộng như trong San Bổ Yết-ma. Nếu người có ai đến, thì đáp là: Không có ni đến thỉnh giáo giới.

Nay tăng hòa hợp ở chỗ nào?

Kia nên đáp rằng:

Tụng giới Yết-ma. Phật bảo: nếu ngày tụng giới không được ở trong phòng, cùng nhau kiểm xem ai đến ai không. Trước nên tác bạch rồi mới tụng giới. Nếu Tỳ-kheo si mê thì nói trước không tụng, hoặc có ai quên thì không thành. Tụng giới nên nương vào người có khả năng tụng giới. Các Tỳ-kheo năm hạ phải tụng cho thông thuộc. Nếu ở chỗ gần thì tụng lời tựa giới cho đến các pháp khác, rồi trở về bản xứ lần lượt tụng giới mà không nên trùng tụng. Nếu không được thì chỉ nói pháp tụng kinh, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, nếu không thì đúng như pháp mà trị.

Đại Đức tăng xin lắng nghe: Nay là ngày mười lăm chúng tăng Bồ-tát tụng giới. Nếu thời giờ làm việc của tăng đã đến tăng bằng lòng cho phép. Bồ-tát tụng giới, xin tức bạch như vậy.

Phật bảo: Nên tùy theo vua thì hoặc ngày mười bốn, hay ngày mười lăm thì nên thực hành số pháp, như ngày có trăng, không trăng đều là ngày mười lăm, tùy theo trăng mà gọi. Nếu được bốn người thì nên thực hành như thế! Ba người trở xuống thì ba lần nói tụng giới.

Thưa Chư Đại đức! Ta tôi sắp tụng Ba-la-đề-mộc-xoa.

Phật bảo: Người mới thọ giới, chưa nghe giới không biết học pháp gì. Nghe có chỗ nhóm họp hòa hợp tụng giới. Ba-là-đề-mộc-xoa là giới. Đến trụ xứ tự nhiếp giữ oai nghi, trụ xứ hành căn đầu mặt, nhóm các pháp lành thành tựu tam-muội. Nên kiết giới, nên giảng nói, nên phát khởi, giảng nói khai hiện và phận biệt trở lại.

Các Tỳ-kheo cùng nhóm họp ở một chỗ. Phật bảo: Đồng Yết-ma nhóm họp một chỗ. Cho đến người đáng quở trách mà không quở trách, đó gọi là như pháp. Nếu chúng nhiều mà tiếng nhỏ, thì trải tòa ở chỗ cao để nói. Tám nạn và các duyên khác đều tùy thời mà nói lược. Nếu khách cực trụ mà số nhóm họp có nhiều ít, thì nói qua bài tựa này, nói thanh tịnh thì liền nghe, các pháp khác như trong luật có nói rộng.

Các ông nên nên lắng nghe và khéo suy nghĩ. Phật bảo: - Chuyên tâm nhất ý mà lắng nghe pháp.

Nếu tự biết mình có phạm tội thì phải sám hối.

Phật bảo: Nghĩa là có phạm tội mà chưa sám hối. Có hai hạng người có trí mình phạm tội thì thấy được, thấy tội thì đúng như pháp mà sám hối. Nếu muốn sám hối, nên đến vị Tỳ-kheo thanh tịnh trình bày việc mình phạm, đúng như pháp mà dứt tội rồi, sau đó mới nghe tụng giới. Cho đến nghi có tội cũng nói như thế. Nếu vị tăng kia cùng phạm không có người để sám hối. Không hỏi mà biết nghi, thì bạch sám hối rồi mới nói.

Người không phạm thì im lặng, vì im lặng nên biết các Đại đức thanh tịnh.

Phật bảo: Người không phạm có hai loại. Đó là người vốn không phạm, và người phạm mà đã sám hối.

Nếu có người khác hỏi, cũng đáp như thế. Phật bảo: Như hai Tỳ-kheo hỏi đáp nhau.

Tỳ-kheo như thế, ở trong chúng cho đến ba lần hỏi, nghĩ nhớ có tội mà không sám hối thì phạm tội nói dối, người nói dối Phật cho là pháp chướng đạo.

Phật bảo: Lúc Tăng tụng giới mà nói dối bằng cách im lặng thì phạm Đột-Cát-la.

Nói chướng đạo là chướng ngại Tứ thiền, Ba không, bốn quả.

Phật bảo các Tỳ-kheo: Như biển lớn không dung nạp thây chết. Giáo pháp ta cũng như vậy,không chấp nhận xác chết. Vì thây chết chẳng phải sa-môn phạm hạnh, mà nói là sa-môn phạm hạnh. Người phạm giới ác pháp thì uế trược không thanh tịnh, bị tà kiến che lấp. Bên trong thì mục nát, bên ngoài ra vẻ thanh tịnh, như thân cây bộng. Tuy ngồi trong chúng mà thường xa lìa chúng, chúng cũng xa cách họ. Cho nên biết sám hối tội thì mới thành việc nghe giới.

Nếu Tỳ-kheo kia nhớ việc có tội, muốn đến vị thanh tịnh để cầu xin Sám hối. Sám hối xong thì được an vui.

Phật bảo: Vì giới học thanh tịnh, cho nên được định tuệ thanh tịnh. Đạt được thiền quả thì an vui.

Thưa các Đại đức! Tôi đã tụng bài tựa giới kinh xong rồi, các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (ba lần)

Các đại đức trong đây thanh tịnh vì im lặng, việc nầy hành trì đúng như thế. Từ đây về trước, là nói rộng về bài tựa riêng. Văn nói sau đó tức là phần chánh Tông của quảng giáo.

Thưa các Đại đức! Bốn pháp Ba-la-di này nửa tháng tụng một lần như trong giới kinh.

***- Một là giới đại dâm:*** Bấy giờ, Phật ngự tại Nước Tỳ-xá-ly. Lúc ấy, có Tu-Đề-Na sau khi xuất gia, khi trở về nhà cũ đã làm việc bất tịnh với vợ. Chúng Tỳ-kheo biết được bạch lên Đức Như lai. Sống trong pháp thanh tịnh, đối với dục hay vô dục, mà dứt được sự khát ái, phá trừ hết hang ổ, diệt hết kiết phược, ái tận đến Niết Nàn. Vì sao lại làm việc xấu xa như thế! Người ấy trình bày tội của mình với Phật, Phật nhóm họp chúng tăng, quở trách rằng:

- Việc của ông làm là sai trái, là phi oai nghi, phi Sa-môn, phi tịnh hạnh, chẳng hạnh tùy thuận, là việc không nên làm.

Phật lại bảo các Tỳ-kheo: Ta dùng vô số phương tiện nói phải dứt dục, dứt hết sự ái kiết.

Lại nói: Dục này như lửa như đuốc, cho đến như đao, như kiếm. Phật quở trách đây là kẻ si mê, gây ra nhiều hữu lậu. Đây là người phạm giới đầu tiên. Nay nên kiết giới, nhóm họp mười cú nghĩa là:

1- Nhiếp thủ chúng tăng.

2- Khiến tăng vui mừng.

3- Khiến cho tăng an vui.

4- Người chưa tin khiến cho tin.

5- Người đã tin làm cho đức tin thêm sâu.

6- Khó điều thuận làm cho điều thuận.

7- Người biết hổ thẹn được an vui.

8- Dứt hết hữu lậu hiện tại

9- Dứt hữu lậu vị lai.

10- Giúp cho chánh pháp tồn tại lâu dài.

Các giới trình bày như thế. Phần sau đều có nói lược. Người muốn tụng giới nên tụng như thế.

Nếu Tỳ-kheo: Phật bảo: Tỳ-kheo gồm có Tỳ-kheo danh tự, Tỳ-kheo tương tự, Tỳ-kheo tự xưng, Tỳ-kheo khất câu, Tỳ-kheo y cắt tiệt, Tỳ-kheo phá kiết Sử, Tỳ-kheo Thiện lai. Tỳ-kheo thọ đại giới bạch tứ yết-ma thành tựu đắc được xứ sở.

Trong đó Tỳ-kheo, nếu Tỳ-kheo thọ đại giới bạch tứ yết-ma như pháp thành tựu đắc xứ sở, đó là nghĩa Tỳ-kheo.

Cộng Tỳ-kheo:

Phật bảo: Nếu cùng Tỳ-kheo khác thọ Đại giới bạch tứ Yết-ma cho đến trụ trong pháp Tỳ-kheo, đó là nghĩa cộng Tỳ-kheo.

Đồng giới:

Phật bảo: Phật vì hàng đệ tử kiết giới này rồi. Thà chết không phạm giới. Đây là giới cùng Tỳ-kheo khác đồng cùng một giới. Đó là nghĩa Đồng giới.

Nếu không hoàn giới:

Phật bảo: Nếu có Tỳ-kheo không thích sống đời phạm hạnh, muốn xả giới hoàn tục. Sau đó lại muốn xuất gia trong pháp Phật tu phạm hạnh, thì nên độ cho họ được xuất gia và thọ đại giới.

Vì sao không gọi là xả giới? Nếu tự tâm điên cuồng, não loạn, các bịnh câm điếc. Nếu hướng về người đó hoặc người ở bên cạnh mà xả giới lẫn nhau thì không thành. Nếu nói chơi, hoặc lúc ngủ, nếu người không biết gì, hoặc không tự nói, nếu trước người mà không hiểu. Đều không thành xả. Nếu nói ta bỏ Phật, bỏ pháp, bỏ Tăng, Hòa-thượng giới luật, ta thọ gia pháp v.v... Đó gọi là xả giới.

- Giới ốm bất tự hối: (Giới thiếu sót mà không hối lỗi)

Phật bảo: Vì sao phạm giới mà không xả giới? Nếu có Tỳ-kheo thường có tâm sầu não, không thích tu phạm hạnh, nhàm chán đời sống Tỳ-kheo, ý muốn hoàn tục nên nói rằng: Tôi nhớ đến cha mẹ vợ con, làng xóm vườn rộng, và thân bằng quyến thuộc. Tôi muốn bỏ Phật và các pháp họcv.v... Vì vậy, nên tôi muốn xả giới. Đó là do giới ốm mà xả bỏ.

Phạm bất tịnh hạnh: Phật nói: đó là pháp dâm dục. Nam thì hai

đường, nữ thì ba đường. Nếu từ đạo nhập vào đạo, từ đạo nhập vào phi đạo, từ phi đạo nhập vào đạo. Nếu vào có giới hạn, hoặc nhập vào hết: cho đến nhập vào như đầu sợi lông đều phạm Ba-la-di.

Nhẫn đến cùng với loài súc sinh: Phật bảo: là nơi có thể hành dâm. Có ba thứ hành dâm. Đó là nhân, phi nhân và súc sinh.

Lại có năm loại: Phụ nữ, đồng nữ, người có hai hình, huỳnh môn và người nam. Tỳ-kheo tâm dâm, hướng về tiền cảnh, nơi ba chỗ, hai chỗ vừa nhập liền phạm, có cách cũng phạm. Nếu hướng về người ngủ, người chết chưa hoại hay chưa hoại nhiều, hành dâm ở ba chỗ, hai chỗ, mới nhập vào liền phạm. Nói rộng như thế. Nếu Tỳ-kheo-ni bị kẻ thù đem đến chỗ đó rồi ép buộc bắt nhập vào ba chỗ hai chỗ. Khi mới làm có cảm giác vui thì phạm, không vui thì không phạm. Hoặc ngăn che hay không ngăn nghe cũng như trên. Nếu kẻ thù bắt buộc Tỳ-kheo làm việc bất tịnh, cảm giác vui hay không vui, có cách không cách cũng giống như trên.

Tỳ-kheo nầy phạm tội Ba-la-di: Phật nói: Cũng như người bị chặt đầu không thể sống được. Tỳ-kheo cũng giống như thế. Người phạm pháp này không thành Tỳ-kheo, cho nên nói như thế. Nếu phương tiện muốn làm việc bất tịnh, thành thì phạm Ba-la-di, không thành thì phạm Thâu-lan-già. Nếu xúi giục Tỳ-kheo thực hành, nếu người xúi giục phạm Thâu-lan-già, không thực hành thì phạm đột-cát-la. Trừ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, các chúng khác xúi giục nhau làm hay không làm đều phạm Đột-cát-la. Nếu xác chết hoại phân nửa hay hoại tất cả, hoặc trong xương, hoặc bùn đất, làm bất tịnh với người thì đều phạm thâu-lan-gia. Như đường tưởng là đường, hoặc nghi hoặc tưởng chẳng phải đường, đều phạm Ba-la-di. Nếu chẳng phải đường tưởng là đường, nghi là đường thì cùng phạm thâu-lan-gia. Tỳ-kheo-ni phạm Ba-la-di. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni thì phạm Đột-cát-la diệt tẩn, đó gọi là phạm. Về không phạm, nếu lúc ngủ không hay biết gì, không thọ vui, tất cả không có ý dâm. Vì không phạm, là lúc chưa chế giới, tâm si loạn điên cuồng, bị bịnh khổ ràng buộc.

Bất cộng trụ: Phật bảo: Có hai pháp cộng trụ:

- Là đồng một Yết-ma, đồng một thuyết giới, không được trụ trong hai việc này, nên gọi là bất cộng trụ.

***- Hai là giới trộm cắp***. Phật khi ở thành La-duyệt, có Đàn-ni-ca, vào một ngôi nhà tranh vắng vẻ ngồi thiền. Rồi bị người cho đến làm lại nhà ngôi bằng ngói. Phật bảo phá bỏ. Người này dối nói là lệnh vua

bảo giữ đó làm thôn. Bị vua quan, người dân quở trách không cho vào xóm, không được an ổn. Tỳ-kheo đem việc đó bạch lên Đức Phật. Do đây mà Phật chế giới.

Nếu Tỳ-kheo: Ý nghĩa ở trên.

Tại thôn xóm: Thôn xóm có bốn loại:

- Một là có bốn phía có tường bao bọc.
- Hai là có hàng rào.
- Ba là không có vách tường bao quanh.
- Bốn là nhà cửa bao bọc bốn bên.

Như ở chỗ nhàn tịnh: tức là vùng đất thanh tịnh ở ngoài thôn.

Xứ là ở trong đất hay chỗ trên đất. Hoặc cỡi, hoặc gánh vác, như ở trên không, trên giá, ở thôn, ở A-lan-nhã, chỗ ruộng đồng, ở trên thuyền, hoặc trên nước. Như vượt qua trạm, không đóng thuế. Nếu lấy tín vật của người gởi. Hoặc lấy nước, tăm xỉa răng, hoặc cây cỏ hoa trái. Nếu các chúng sinh hai chân, bốn chân hoặc nhiều chân. Nếu là tài sản chung, hoặc cùng yêu cầu, hoặc dò xét, hoặc giữ gìn hoặc ngăn che. Đó gọi là.

Không cho: Là người không bỏ. Như vật của người tưởng người giữ hộ, tưởng có chủ. Chẳng phải vật của mình chẳng tưởng tạm dùng, chẳng đồng ý.

Tâm trộm cắp: có tâm trộm cướp mà lấy. Gồm có năm loại: Tâm tối tăm, tâm tà, tâm tà vạy, tâm sợ hãi, tâm thường trộm của người.

Lại có năm thứ lấy: Quyết định lấy, sợ hãi lấy, gởi vật mà lấy, thấy liền lấy, dựa thế mà lấy, hoặc dựa vào bạn thân, hoặc dùng lời nói biện thuyết cuồng hoại để lấy.

Tùy theo pháp mà không cho lấy: Theo pháp vua lập ra: Nếu lấy năm tiền, nếu vật trị giá năm tiền, tội đáng chết. Phật tùy theo pháp vua, trộm đủ thì phạm tội trọng.

Nếu là Vua: Được tự tại không lệ thuộc người.

Đại thần của vua: Các bậc đại thần phò tá vua.

Hoặc bắt, hoặc giết, hoặc trói hoặc, đuổi ra khỏi nước và bảo: Ông là giặc là kẻ ngu si không hiểu biết, Tỳ-kheo nầy phạm tội Ba-la-di.

Tỳ-kheo như trên đã giải thích. Các vật lấy được, nếu trộm vật trị giá năm tiền hay hơn năm tiền thì phạm tội Ba-la-di, phương tiện thì phạm Thâu-lan-giá. Lấy vật dưới năm tiền thì phạm Thâu-lan-giá, không được thì phạm đột-cát-la. Dạy người lấy trộm, nếu lấy được vật, cả hai đều phạm Ba-la-di. Người nghe lời xúi giục trộm mà tự lấy các vật khác, hoặc đến chỗ khác lấy vật, người lấy thì phạm tội trọng.

Người xúi lấy thì phạm Thâu-lan-già. Nếu bị bắt buộc lấy mà không có tâm trộm, người dạy phạm Ba-la-di, người lấy không phạm. Nếu xúi giục người lấy vật, nghĩa là lấy trộm vật, thì người lấy phạm tội trọng, người dạy không phạm. Nghĩ có chủ thì phạm tội trọng, nếu nghi phạm Thâu-lan-già. Vật vô chủ mà nghi tưởng có chủ thì phạm Thâu-lan-già. Tỳ-kheo-ni và bốn chúng đều đồng như giới trên.

Không phạm là tưởng cho mình, tưởng mình có, tưởng đồ phẩn tảo, tưởng lấy tạm, tưởng chỗ thân tình sâu dày.

Bất cộng trụ: Nghĩa như trên đã giải thích.

***- Ba là giới đại sát:*** Phật ngự tại nước Tỳ-xá-ly, vì chúng Tỳ-kheo nói pháp quán Bất tịnh. Có vị Tỳ-kheo tu tập thiền định nhàm chán thân mạng, khen ngợi và khuyến khích việc chết. Tỳ-kheo Nan-đề nghe lời bèn cố giết người. Các cự sĩ kinh hãi. Phật biết việc này liền giảng nói về pháp Thiền. Chúng Tỳ-kheo tụ tập đều chứng được thượng quả.

Phật do đó quở trách lỗi trên mà chế ra giới này.

Nếu Tỳ-kheo cố tự tay mình cắt dứt mạng sống. Đó gọi là hành sát. Nếu tự giết hoặc xúi giục người giết, hoặc sai bảo giết, hoặc qua lại khiến người giết, hoặc lần lượt bảo giết, hoặc cầu người Nam giết, hoặc xúi giục người cầu nam tử giết. Hoặc cầm dao đưa cho người giết. Hoặc xúi giục người cầm dao đưa cho người giết, hoặc hiện ra thân tướng, hoặc miệng nói giết. Hoặc hiện ra tướng thân miệng. Hoặc dạy người khen ngợi giết. Hoặc gởi thư, hoặc xúi giục người gởi thư. Hoặc rơi xuống hầm hố, hoặc cậy bới. Hoặc cho thuốc, hoặc đặt dụng cụ giết và dùng các phương tiện khác để giết.

Mạng người: Từ sơ thức đến hậu thức mà cắt dứt mạng sống của mình.

Cầm dao đưa cho người, khen ngợi chết, khuyên người chết. Dùng lời ác khuyên chết rằng: Nầy người nam! Sống như thế thì sống làm gì? Thà chết chứ không nên sống. Suy nghĩ tìm các phương tiện, khen ngợi chết, khuyên nhủ chết, Tỳ-kheo này phạm tội Ba-la-di.

Nếu dùng các phương tiện giết người như trên mà không chết thì phạm Thâu-lan-già.

Nếu giết loài phi nhân, hoặc loài súc sinh có trí, hiểu được tiếng người. Hoặc loài có khả năng biến hình. Dùng phương tiện giết thì phạm Thâu-lan-già. Không chết thì phạm Đột-cát-la. Loài súc sinh không thể biến hình, nếu giết thì phạm Ba-dật-đề. Thật là người mà tưởng là người phạm Ba-la-di. Phi nhân, mà tưởng là người, nghi là người phạm Thâu-

lan-già. Bốn chúng phạm thì cũng như trên.

Không phạm là làm rớt dao gạch, cây đá lỡ làm chết người. Hoặc khi xây sửa phòng ốc nhà cửa lở làm rớt cây đá mà chết. Như dìu người bịnh vào phòng, qua lại tất cả không có tâm hại mà chết đều không phạm.

***- Bốn là giới Đại vọng ngữ:*** Phật ngự tại nước Tỳ-xá-ly. Bây giờ, gặp năm mất mùa, lúa gạo kém. Việc đi khất thực rất khó khăn. Bên sông Bà-Cầu có người an cư, cùng nhau khen ngợi là được pháp của bậc thượng nhân. Có vị cư sĩ tín tâm giảm phần ăn đem cúng dường. Sau đến chỗ Phật, Phật hỏi biết nhân đó quở trách mà đặt ra giới này.

Nếu Tỳ-kheo-ni thật không hiểu biết gì, nghĩa là thật không có pháp tri kiến. Mà tự xưng ta đã được pháp của bậc Thượng nhân.

+ Tự xưng nói: Có người nghe tín giới thí, trí tuệ biện tài hơn người.

+ Nhân pháp: là nhân ấm, nhân giới, nhân nhập. Pháp của bậc Thượng nhân: Các pháp có công năng thành tựu xuất yếu.

+ Ta đã nhập vào pháp Thánh trí thù thắng, tự nói. Có niệm ở thân. Hoặc là chánh nhớ niệm, hoặc kiên trì giới, hoặc có dục, hoặc không buông lung, hoặc tinh tấn, hoặc đắc tịnh. Hoặc chánh thọ. Hoặc có đạo. Hoặc có tu, hoặc có tuệ, hoặc có kiến, hoặc có đắc, hoặc có quả.

Ta biết như thế, ta thấy như thế!

Hoặc nói: Hàng trời, rồng, quỷ thần đến cúng dường ta, hoặc nói được pháp quán bất tịnh, bốn thiền, bốn không định, v.v...

Người kia vào lúc khác, hoặc có người hỏi, hoặc không ai hỏi, muốn tự thanh tịnh nên nói ta thật không biết không thấy mà nói thấy, ý muốn dùng sau hối trước thật là chuyển hư. Do miệng tạo nghiệp, nói rồi thì kết trọng.

Trừ người Tăng thượng mạn: Tỳ-kheo có tâm kiêu mạn tự nói mình đắc đạo. Sau đó tinh tấn tu chứng quả tăng thượng, sinh nghi đến bạch lên Đức Phật. Phật dạy: Người Tăng thượng mạn thì không pha-m.

Tỳ-kheo nầy phạm Ba-la-di: Nếu sự thực hành là hư giả mà nói với người, người hiểu thì phạm tội Ba-la-di, người không hiểu thì phạm tội Thâu-lan-già. Hoặc dùng ấn tay, hoặc sai người, hoặc viết thư, hoặc ra dấu, người biết thì phạm cũng giống như vậy. Hoặc nói với Súc Sinh không thể biến hình thì phạm Đột-cát-la. Bốn chúng sinh ở dưới cũng như trước đã nói, không phạm là những người tăng thượng mạn, hoặc do nghiệp báo, hoặc không nói ta được, hoặc vui cười mà nói, nói lúc bịnh,

muốn nói lời đối gạt với người kia.

Bất cộng trụ: Các Đại Đức! Tôi đã nói bốn pháp Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo phạm một pháp Ba-la-di nào thì không được ở chung với các Tỳ-kheo. Trước sau cũng như vậy. Tỳ-kheo phạm Ba-la-di không được ở chung. Nay xin hỏi các Đại đức trong đây có thanh tịnh không (ba lần)? Các Đại đức trong đây thanh tịnh vì im lặng, việc này đúng như thế mà hành trì.

Thưa các Đại đức, mười ba pháp Tăng-già-Bà-thi-sa nầy, nửa tháng tụng một lần.

***1/ Giới cố ý làm xuất chất bất tịnh.**

Phật đến đến thành Xá-vệ. Bấy giờ, Ca-lưu-Đà-di vì dục ý phát lên mạnh mẽ làm cho thân sắc tiều tụy. Một mình ở căn phòng đẹp, giường tốt đầy đủ, chăn mền ấm áp, ăn uống thì đầy đủ vị ngon, tùy theo ý niệm buông lung, các căn vui vẻ, nhan sắc rực rỡ. Các Tỳ-kheo cử người đến bạch lên Đức Phật, Phật dùng vô số phương tiện quở trách xong, bèn đặt ra giới này.

Nếu Tỳ-kheo cố ý lộng âm làm cho ra chất bất tịnh, vì thật tâm làm mà ra chất bất tịnh. Tiền Cảnh có sáu, hoặc đối với nội sắc ngoại sắc, nội ngoại sắc, hoặc nước hoặc gió, hoặc hư không. Tùy theo các phương tiện, nếu xuất ra liền phạm.

Trừ trong mộng:

Phật bảo: Khi ngủ nghỉ có năm lỗi:

1/ Gặp mộng xấu.
2/ Các vị trời không hộ niệm.
3/ Tâm không nhập vào pháp.
4/ Không suy nghĩ rõ ràng.
5/ Ở trong mộng bị xuất tinh.

Ngủ nghỉ với thiện ý có năm công đức, trái với năm câu trên.

Tăng-già Bà-thi-sa: các tỳ kheo tự xúi giục nhau, nếu xuất thì phạm Thâu-lan-già, nếu không xuất thì phạm Đột-cát-la. Tỳ-kheo-ni thì phạm Ba-dật-đề. Ba chúng dưới phạm Đột-cát-la. Không phạm là khi tất cả đều không cố ý xuất tinh.

***2 Giới xúc chạm người nữ:**

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Khi Phật chưa đặt ra giới này thì Tỳ-kheo Ca lưu lúc ấy ở bên ngoài cửa, rình bắt phụ nữ đem vào phòng sờ mó cười vui rất thích chí. Có người không chịu nổi sân lên mắng chửi. Các

Tỳ-kheo đến bạch lên Đức Phật, Phật nhóm chúng đặt ra giới này.

Nếu Tỳ-kheo có ý dâm dục: Tâm ô nhiễm ái dục.

Cùng người nữ: Nghĩa là cảnh có bốn. Là lúc thức, lúc ngủ, lúc mới chết và thân bị hoại ít, Thân là từ tóc đến chân.

Tương xúc (xúc chạm nhau). Hoặc cùng xúc chạm nhau. Hoặc lôi kéo, hoặc đẩy tới, xúc chạm nghịch thuận. Hoặc đưa lên, hoặc để xuống, hoặc vuốt ve, hoặc mơn trớn, hoặc dùng các phương tiện khác xúc chạm.

Hoặc nắm tay nắm tóc, hoặc các phần trên thân thì phạm tăng-già-Bà-thi-sa. Nếu đụng vào áo người nữ thì phạm Tăng tàng, người nữ đụng thân Tỳ-kheo thì cũng đồng phạm. Nếu không đụng vào thân thì phạm Đột-cát-la. Trước có tâm nhiễm thì phạm Thâu-lan-già. Cùng xúc chạm mà có y phục thì phạm Thâu-lan-già. Đều có y phục thì phạm Đột-cát-la. Nếu xúc chạm với người hai hình thì phạm Thâu-lan-già. Nếu vì tâm dục mà xúc thân người nam hoặc y áo đồ nằm, cho đến tự mình xúc chạm hay với loài súc sinh thì phạm Đột-cát-la. Tỳ-kheo-ni phạm Ba-la-di. Ba chúng dưới phạm Đột-cát-la.

Không phạm là lúc vui đùa đụng chạm.

***3/ giới nói lời thô tục với người nữ.***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, Ca-lưu-đà-di nghe Phật chế ra hai giới trước, liền dùng lời thô tục với người nữ mà mình có tâm dục trước kia. Các Tỳ-kheo bạch lên Đức Phật, Phật liền đặt ra giới này.

Tỳ-kheo có ý dâm dục với người nữ. Nữ nhân có trí hoặc mạng sống chưa dứt.

Dùng lời thô ác dâm dục. Dùng lời thô ác thì chẳng phải phạm hạnh. Lời dâm dục gọi là hai đường tốt xấu. Hoặc tự cầu, hoặc dạy người cầu. Hoặc hỏi hoặc đáp, hoặc giải hoặc nói, hoặc dạy hoặc mắng. Nói cầu, cùng hai đường của ta làm việc như thế. Hoặc nói lời khác, cứ giải thích như thế.

Tùy theo lời nói thô ác dâm dục mà phạm Tăng-già-Bà-thi-sa.

Nếu một lần dùng lời thô ác tăng tàn thì phạm tội Tăng tàng. Tùy theo lời nói ít nhiều, rõ ràng thì phạm Tăng tàng, không rõ ràng thì phạm Thâu-lan-già. Nếu dùng thư từ qua lại khiến cho người nữ kia, biết thì phạm Tăng tàng, không biết thì phạm Thâu-lan-già. Trừ đường lớn nhỏ, nói các đường khác phạm Thâu-lan-già. Cùng nói lời thô với loài hai hình, huỳnh môn, phi nữ nhân, biết thì phạm Thâu-lan-già. Với loài súc sinh không thể biến hình, hoặc dùng lời thô với người Nam thì

phạm Đột-cát-la. Tỳ-kheo-ni thì phạm Thâu-lan-già. Ba chúng dưới thì phạm Đột-cát-la. Cho đến các giới sau cũng vậy.

Không phạm là nói pháp quán Bất tịnh, hoặc nói Tỳ-ni, thọ kinh hỏi đáp không có ý dục.

***4 Giới tự khen mình với người nữ để mong cầu sự cúng dường:**

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Lúc này, Ca-lưu-đà-di nghe Phật đã đặt ra ba giới trước rồi, ông bèn dắt người nữ vào phòng rồi, nói lời khen ngợi thân mình và bảo: Cô tùy ý nên cúng dường cho ta. Các phụ nữ lấy lấy làm lạ quở trách. Tỳ-kheo bạch lên Đức Phật, nhân đó mà Phật chế giới.

Nếu Tỳ-kheo có ý dâm ở trước người nữ: Nữ nhân như trên đã giải thích.

Tự khen thân: Khen thân mình khôi ngô, nhan sắc tốt đẹp, ta thuộc dòng sát-đế-lợi, là Trưởng giả, Cư sĩ, Bà-la-môn thuộc dòng họ lớn.

Nói: Em gái ơi! Ta đây tu phạm hạnh, siêng năng tu tập, xa lìa uế trược.

Tinh tấn giữ giới, không có thiếu sót, không hữu lậu, không nhiễm ô.

Tu pháp lành, ưa thích chỗ thanh tịnh, tới giờ đi khất thực, mặc y phấn tảo, không ăn phi thời, giữa ngày ăn một bữa, ngồi thiền dưới gốc cây trong gò mả. Thường ngồi thì tùy ngồi, trì giữ ba y. Lễ bái học rộng, có thể nói pháp, trì Tỳ-ni, ngồi thiền.

Khởi ý dâm dục nói cúng dường ta là cúng dường tối thượng bậc nhất, phạm tăng-già-Bà-thi-Sa.

Nếu tự khen ngợi cúng dường mình, không nói dâm dục thì phạm Thâu-lan-già. Trừ các cảnh tạp khác thì như trước đã nói.

Không phạm là nếu Tỳ-kheo nói với người nữ rằng: - Đây là chỗ diệu tôn tối thượng. Tỳ-kheo này tinh tấn giữ giới tu pháp lành. Các thầy nên dùng thân miệng ý nghiệp cúng dường Tỳ-kheo ấy.

Nếu ý của người nữ nói rằng: Vì tôi mà khen ngợi thân mình, hoặc nói Tỳ-ni. Nói đây kia để khen ngợi thân, hoặc nói lầm thì không phạm.

*** 5/ Giới làm môi giới cho người:**

Phật ngự tại thành La-duyệt-kỳ. Có Tỳ-kheo Ca-la vốn là một vị Đại thần, kheo biết các pháp thế tục, các việc mối mai ở trong thành đều đến hỏi ông. Lúc ấy, có vợ chồng gặp điều tốt xấu gì cũng đến ông

để nói sự khổ vui. Các cư sĩ chê trách, Tỳ-kheo đến thưa với Phật. Phật do đây mà đặt ra giới.

Nếu Tỳ-kheo qua lại làm môi giới cho người là làm cho người hòa hợp.

Đem lời người nam nói với người nữ, đem lời người nữ nói với người nam: Người nữ có hai mươi loại: Được cha hộ, mẹ hộ, hoặc anh em hộ, Anh hộ, em hộ hoặc anh em hộ, Tự hộ, pháp hộ, dòng họ hộ, Tôn thân hộ. Tự thích làm thị nữ hay y theo thị nữ. Cùng tài của với tôi tớ, đồng nghiệp với tôi tớ, qua sông không đóng thuế. Phóng thích, dung tác tôi tớ. Có người hộ một bên mới được.

Người nam cũng có hai mươi loại như thế, hoặc làm thành vợ chồng, cho đến trong khoảnh khắc thì phạm Tăng-già-Bà-thi-sa.

Nếu mới nói lần đầu thì phạm Đột-cát-la. Nói qua rồi mà không báo thì phạm Thâu-lan-già. Nếu báo ân lại thì phạm tăng tàng. Hoặc sai người, hoặc viết thư hiện tướng chỉ ra. Tùy làm mai mối nhiều ít mà nói ra rõ ràng. Tùy theo qua lại mỗi việc đều phạm tội Tăng tàn. Nếu không rõ thì phạm Thâu-lan-già. Trừ hai đường mà nói các chi tiết khác trên thân để làm mai mối thì phạm Thâu-lan-già. Nếu mai mối cho loài phi nhân, Huỳnh môn, hai căn đều phạm Thâu-lan-già. Nếu môi giới súc sinh và người nam thì phạm Đột-cát-la. Nếu nhận thư người gởi đến mà không xem, nếu làm tay sai cho người tại thì phạm Đột-cát-la. Tỳ-kheo-ni cũng đồng phạm như vậy.

Không phạm: Như nam, nữ trước tư thông, sau ly cách rồi hợp lại. Nếu vì cha mẹ bịnh hoạn buộc ràng xem thư rồi gởi lại. Người thế tục do tín tâm tinh tấn cũng như vậy. Nếu Tỳ-kheo vì Phật pháp làm sứ giả cũng như vậy.

***6/ Giới không làm phòng thất quá lượng ở chỗ không có chủ:**

Phật tại thành La-duyệt, nghe nói chúng Tỳ-kheo làm phòng thất riêng. Tỳ-kheo ở nơi đồng vắng trống trải cũng làm phòng nhà lớn đi khất cầu vật dụng rất nhiều, làm não loạn khó khăn cho cư sĩ nên xin khó được. Do đó mà họ tìm chặt các cây thần. Thần và Tỳ-kheo đem việc này bạch lên Đức Phật. Phật do đó quở trách, dẫn dụ và đặt ra giới này, hoặc Tỳ-kheo tự cầu: là đi đến các nơi để cầu xin.

Tác ốc là làm nhà, nhà là phòng.

Vô chủ: là chỗ ở không có chủ, hoặc một hoặc hai, hoặc vô số.

Tự vì mình: Không vì người khác mà làm.

Thường ứng lượng làm là dài khoảng mười hai khuỷu tay Phật,

bên trong rộng bảy khuỷu tay, nên bạch với chúng Tỳ-kheo chỉ chỗ cho làm. Vị Tỳ-kheo kia tìm được chỗ không bị ngăn ngại khó khăn rồi đến chư tăng cởi bỏ giày dép đi chân đất, mặc y bày vai phải lễ bái, lạy vị Thượng tọa. Gối phải sát đất chấp tay bạch rằng: - Đại đức tăng nghe... tôi là Tỳ-kheo... xin được cất phòng thất, ở chỗ vô chủ đã làm xong. Nay con từ nơi chúng tăng mà cầu xin làm ở chỗ không khó khăn trở ngại gì. (Bạch ba lần).

Tỳ-kheo kia nên chỉ rõ nơi chốn: Bấy giờ, chúng tăng quán xét vị Tỳ-kheo này. Nếu tin thì cho làm, không tin thì sai chúng tăng đến xem. Nếu tăng không tin thì nên sai vị tăng đáng tin cậy đi xem. Nếu thấy có chướng nạn thì không cho làm. Trong chúng nên sai vị có khả năng làm pháp Yết-ma. Hoặc vị Thượng tọa hoặc kế Thượng tọa. Hoặc tụng luật hoặc không tụng luật. Nên tác bạch rằng: - Đại đức lắng nghe! Con là Tỳ-kheo... xin làm phòng thất. Ở chỗ không có chủ đã làm rồi, nay xin chúng tăng phân xử xét đây là nơi không chúng nạn không chướng ngại. Nếu tăng đi đến, tăng vẫn nghe, nên cùng Tỳ-kheo xử phân chỗ không nạn không ngại.

Bạch như vầy: Đại Đức tăng lắng nghe: Tỳ-kheo... xin làm phòng thất... nay tăng cho Tỳ-kheo này làm nhà ở chỗ không có chướng ngại gì? Các Trưởng lão bằng lòng vì chúng tăng mà cho thì im lặng, ai không cho thì nói: Tăng đã bằng lòng, việc nầy rõ như vậy. Vì Tỳ-kheo làm phòng nhà trước phải biết tìm chỗ an ổn và hào đất để trộn bùn, cho đến cuối cùng là trét bùn xong.

Chỗ không có nạn: là chỗ không có các loài thú dữ như cọp báo, sư tử cho đến các loài côn trùng. Nếu không có các loài trùng thú này làm hại thì nên san bằng đất đai. Nếu có cây đá, gai gốc thì sai người chặt phá đào bới lên. Nếu có hầm hố, nương rạch, ao vũng thì lấp lại. Nếu sợ nước tràn vào thì nên làm đê điều để ngăn phòng. Đất đó nếu có người đến nhận thì nên bỏ đi, không lời qua tiếng lại. Vì đó là nạn xứ (nơi khó khăn hiểm nạn).

Chỗ không có chướng ngại: là nơi có cỏ lá và xe qua lại.

Nếu Tỳ-kheo ở chỗ hiểm nạn trở ngại không có chủ làm nhà ở, mà không có chúng tăng chỉ bảo và làm quá lượng cho phép thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo làm nhà ở hai chỗ đó thì phạm hai Đột-cát-la. Quá lượng mà không xử phân thì phạm hai tăng tàng. Cùng nhau có không, tùy theo chỗ mà phạm. Nếu sai người làm thì phạm cũng giống như vậy. Vì người khác làm thì phạm hai tội Thâu-lan-già và hai cát-la.

Nếu dùng dây đo đất, nghe lời người làm quá lượng thì phạm Tăng tàn. Không trở lại báo, lại không hỏi người kia, đều phạm cát-la. Tỳ-kheo-ni thì phạm Thâu-lan-già. Không phạm là đúng theo lượng mà làm, hay giảm số lượng và nơi tăng phân xử cho làm không có trở ngại, không có hiểm nạn, đúng như pháp mà làm. Nếu vì tăng chúng, vì Phật pháp muốn làm giảng đường. Hoặc làm nhà tranh nhỏ để dung thân, hoặc làm cho nhiều người cùng ở thì làm.

***7/ Giới: Đất có chủ làm rồi, không phân xử mà xây dựng phòng nhà.**

Phật ở tại nước Câu-diệm-di. Bấy giờ, vua Ưu-điền xây phòng nhà cho Xiển-đà, cho người chặt phá cây cối của thần, bị người quở trách. Tỳ-kheo nêu lỗi Phật quở trách xong. Nếu phá cây thần thì phạm Đột-cát-la. Phật liền đặt ra giới này.

Hoặc Tỳ-kheo làm phòng nhà lớn, làm phòng lớn thì dùng nhiều vật dụng.

Có chủ: là trái với việc không chủ ở trên. Vì muốn làm cho mình, nên vâng theo lời chỉ dạy của chúng Tỳ-kheo. Tỳ-kheo như trên đã giải thích. Nên ở trước tăng lễ dưới chân vị Thượng tọa, cầu xin ba lần. Văn này cũng đồng như trên, chỉ có chủ là khác.

Vị Tỳ-kheo kia nên chỉ thọ nơi chốn, chỉ ra nơi chốn: tăng nên quán xét, nếu có người trí tuệ tin tưởng, tức là tin người kia mà cho bạch hai lần. Nếu không tin thì bảo dừng lại.

Chỗ không có hiểu nạn: Nghĩa là có các loài thú dữ, nếu không khuấy nhiễu thì làm ở. Cho đến sợ, người biết nhận, cũng bỏ đi như trước.

Chỗ không có chướng ngại: là chỗ chiếc xe xoay đầu được.

Nếu Tỳ-kheo làm phòng nhà cho mình ở chỗ có chủ, có sự trở ngại hiểm nạn mà không có Tỳ-kheo khác đến chỉ bày nơi chốn thì phạm Tăng-già-Bà-thi-sa. Giới này cũng giải thích tướng khai thông như trước, chỉ có việc không quá lượng là khác.

***8/ Giới vô căn cứ hủy báng Ba-la-di:**

Phật ngự tại thành La-duyệt-kỳ. Bấy giờ, Tôn giả Đạp-ba đắc quả La-hán rồi, từ các ngón tay phát ra ánh sáng, làm Tri sự trong Tăng, Phật khen ngợi là bậc nhất. Từ Địa ở trong chúng theo thứ lớp gặp căn phòng xấu và thức ăn dở, liền xúi giục em gái là một vị Tỳ-kheo-ni hủy báng chúng Tăng. Chúng Tăng hỏi thì tự nói ra, Tỳ-kheo cử tội, nhân

đó mà đặt ra giới này.

Như Tỳ-kheo bị sân giận che lấp: Có mười nhân duyên pháp ác, cho nên tức giận. Tùy theo có hai trong mười việc này mà sinh ra tức giận, đối với Tỳ-kheo chẳng phạm Ba-la-di, mà không căn cứ hủy báng là phạm pháp Ba-la-di.

Căn cứ có ba thứ là thấy nghe nghi. Căn thấy (Kiến) là thấy phạm phạm hạnh, thấy trộm năm tiền, thấy cắt đứt mạng sống người. Nếu nghe người khác mà thấy nghe thì gọi là nghi căn. Nghe phạm phạm hạnh, nghe trộm năm tiền, nghe cắt đứt mạng sống người. Nghe người tự nói là được pháp hơn người.

Như người kia nói nghe từ người khác, đó gọi là Văn Căn (Căn nghe).

Nghi có hai căn: từ thấy mà sinh ra, thấy cùng phụ nữ ra vào trong rừng không có y phục, thân nhiễm ô bất tịnh. Cầm dao vấy máu, làm bạn với người ác.

Từ nghe mà sinh ra, như nghe tiếng động của giường từ chỗ tối. Nghe âm thanh chuyển động, như tiếng động cựa mình, tiếng nói chuyện. Như nghe tiếng nói ta chẳng trái phạm phạm hạnh. Cho đến nghe nói ta được pháp hơn người. Trừ ba căn này, nếu dùng các pháp khác hủy báng đều là vô căn cứ.

Muốn phá hoại hạnh thanh tịnh của Tỳ-kheo kia. Nghĩa là nói với chúng tăng nên diệt tẩn Tỳ-kheo này thì ta mới trụ an vui. Nếu vào lúc khác, hoặc hỏi hoặc không hỏi, Phật sai Tỳ-kheo hỏi việc hủy báng đó có thật hay không? Nếu vô căn cứ mà hủy báng người là phạm tội trọng.

Biết việc này không có y cứ mà nói: Là nói Tỳ-kheo Đạp Bà là người thanh tịnh không có việc như thế.

Ta tức giận nên nói như vậy: Do lần trước ở phòng xấu, ăn thức ăn dở, có tâm tức giận cho nên hủy báng.

Nếu Tỳ-kheo nói và làm như thế thì phạm Tăng-già-Bà-thi-sa. Nếu dùng bốn việc vô căn cứ này hủy báng người mà rõ ràng thì phạm tội Tăng Tàn, không rõ ràng thì phạm Thâu-lan-già. Nếu dùng tay ấn khiến cho biết nhau hay không biết nhau cũng phạm như thế. Dùng mười ba việc nạn hủy báng cũng đồng phạm. Ngoài việc chẳng phải pháp Tỳ-kheo này lại dùng các pháp vô căn cứ khác để hủy báng. Tùy theo các việc đã phạm ở trước. Nếu hủy báng Tỳ-kheo-ni cũng phạm như trước. Hủy báng ba chúng sau thì phạm Đột-cát-la, Ni phạm Tăng tàn.

Không phạm: Là ba căn đều đều thật, là nói chơi, nói khi bịnh, nói một mình, nơi yên tịnh và nói lầm, v.v...

***9 Giới: Dựa vào căn cứ hủy báng phạm Ba-la-di:**

Phật ngự tại thành La-duyệt-kỳ. Tỳ-kheo Từ Địa trông thấy các con dê đang hành dâm, bèn nói dê này là Đạp-Bà, mẹ của con dê này là Ni Từ Địa (mẹ của Từ Địa).

Rồi lại đến nói với Tỳ-kheo: nay Tôi chính mắt nhìn, chứ chẳng phải vô căn cứ như trước. Tỳ-kheo cật vấn biết chuyện liền đến bạch lên Đức Phật, do đó mà Phật đặt ra giới này.

Tỳ-kheo vì tâm tức giận, như trên đã nói.

Lấy một phần trong việc khác.

Dị phần: là dựa vào tội khác, cảnh khác, người khác. Như vốn ở tại nhà, hay dựa vào âm thanh.

Đối với Tỳ-kheo chẳng phạm Ba-la-di, dùng pháp Ba-la-di không y cứ, để phá hại hạnh thanh tịnh của người kia. Vào lúc khác hoặc có người hỏi, hoặc không ai hỏi, biết việc ấy là dựa vào một phần trong việc khác. Tỳ-kheo tự nói tôi vì tức giận nên nói như vậy. Tỳ-kheo này phạm Tăng già Ba thi Sa. Về giải thích tướng khai thông cũng đồng như giới trước.

***10/ Giới: Phá tăng**

Phật ngự tại nước Di-Ni-lâu, độ cho tám vị họ Thích. Các vị này đến nước Chiêm-ba đều chứng quả Tăng thượng Địa, chỉ có Đề-Bà-Đạt-Đa là chứng thần túc. Phật trở về thành La-duyệt-kỳ, Đề-Bà xúi giục người đến hại Phật. Việc này đồn xa làm cho ông không còn được lợi dưỡng nên ông ăn riêng chúng, bị Phật quở trách. Do việc phá tăng này, Phật sai người đến can ngăn và đặt ra giới này. Như Tỳ-kheo-ni muốn phá hoại. Nói phá hoại ở đây có mười tám việc: pháp phi pháp, luật phi luật, phạm hay không phạm, hoặc nhẹ hoặc nặng, hữu tàn vô tàn, thô ác và phi thô ác, thường hành trì hay không thường, chế phi chế, thuyết phi thuyết.

Hòa hợp: Yết-ma đồng thuyết giới. Tăng: có bốn, năm, mười cho đến vô số Tỳ-kheo. Dùng phương tiện phá hoại hòa hợp bền chắc không bỏ, nghĩa là trụ vào mười tám pháp để phá tăng.

Tỳ-kheo kia can ngăn vị Tỳ-kheo này rằng: Đại đức chớ phá hòa hợp tăng. Chớ tìm phương tiện phá hòa hợp tăng. Chớ theo pháp hoại tăng bền chắc không bỏ. Đại đức nên hòa hợp với chúng tăng, vui vẻ

không tranh cãi. Đồng học một thầy như sữa hòa với nước, ở trong Phật pháp mới được thêm lợi ích an vui.

Lại nên nói với Tỳ-kheo kia rằng: phải bỏ việc này, chớ để chúng tăng quở trách, khuyên can mà phạm tội nặng. Nếu nghe theo lời này thì tốt, bằng không thì nên nhờ Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-Bà-di, hoặc vua, hoặc quan, các dị đạo Sa-môn, Bà-la-môn đến can ngăn.

Nếu Tỳ-kheo ở các phương khác nghe biết người ấy tin theo lời nói thì nên cầu can ngăn, đó là cùng can ngăn.

Tỳ-kheo nầy, lúc can ngăn như thế mà giữ chắc không bỏ là trái với việc can ngăn.

Tỳ-kheo nên ba lần can ngăn cho bỏ việc này, cho đến ba lần can ngăn bỏ là tốt. Tỳ-kheo nên nhóm họp chúng tăng Yết-ma. Như can ngăn tác bạch xong rồi thì lại cầu, cho đến một lần, hai lần Yết-ma cũng vậy.

Không xả là trái với lời tăng can ngăn. Giới sau cũng nói như thế. Tăng-già-Bà-thi-sa. Nếu lúc tăng can ngăn, bạch hai lần xong, bỏ thì phạm ba tội Thâu-lan-già, cho đến bạch xong xả thì phạm giới một tội Thâu-lan-già. Bạch chưa xong mà xả thì chỉ phạm một Đột-cát-la. Nếu trước chưa bạch mà phá Tăng pháp kiên trì bất xả thì cũng phạm Đột kiết la. Ni thì đồng phạm Tăng Tàn.

Không phạm là lúc mới can ngăn liền bỏ. Hoặc lập phi Yết-ma quở trách can ngăn. Nếu phi pháp, phi luật, phi lời Phật dạy. Nếu phá ác hữu tri thức, hoặc muốn phá Tăng, hoặc làm phi pháp. Hoặc òi Tháp Tăng Hòa Thượng A-Xà-lê tri thức mà phá thì không phạm.

***11 Giới: trợ giúp việc phá tăng trái lời khuyên can.**

Phật ngự Tại Nước La-duyệt-kỳ, bấy giờ Đề-Bà-đạt-đa chấp vào năm pháp, trọn đời khất thực, đắp mặc y phấn tảo. Thường ngồi chỗ đất trống. Không ăn thịt cá, muối và sữa. Rồi dạy chúng Tỳ-kheo cũng thực hành như vậy. Lúc chúng tăng can ngăn, các Tỳ-kheo bè đảng cũng tán trợ theo đó. Chúng Tỳ-kheo nên tội. Phật quở trách xong lại đặt ra giới này.

Như Tỳ-kheo có đồng bạn từ một hai cho đến vô số người.

Nói bạn là từ bốn người hoặc hơn. Có hai điều thuận theo.

Pháp thuận theo: dùng pháp dạy trao, để tăng giới tăng tâm, tăng tuệ phúng tụng vâng theo.

Y thực thuận theo: là cấp cho y phục, mùng mền, thức ăn uống, giường nằm đồ ngồi, thuốc men.

Tỳ-kheo kia bảo Tỳ-kheo này rằng: - Đại đức chớ khuyên can vị Tỳ-kheo này, vị Tỳ-kheo nầy là Tỳ-kheo nói đúng pháp nói đúng luật. Những lời của Tỳ-kheo này nói, chúng tôi đều vui mừng tin theo.

Các đồng bạn xấu lại bảo: Vị Điều-đạt này hiểu rõ pháp luật. Nay Tôi rất vui mừng, vì sao còn bày chuyện can ngăn lỗi lầm.

Tỳ-kheo kia nói: Đại Đức chớ nói như thế, vì lời Tỳ-kheo nầy nói là lời phi pháp phi luật. Đại Đức chớ nên phá hòa hiệp tăng. Các vị nên ưa thích hòa hợp tăng, Đại đức hòa hiệp với chúng tăng, vui mừng không đua tranh, cùng học một thầy, như sữa hòa vơí nước, sống trong Phật pháp mới thêm lợi ích an vui. Đây gọi là Thiện Tỳ-kheo, dùng pháp để can ngăn nhau. Điều-đạt nói điều là phi pháp chớ nên nghe theo.

Lúc Tỳ-kheo can ngăn như thế mà giữ chắc không bỏ. Vì Tỳ-kheo kia nên can ngăn ba lần cho bỏ việc này. Nếu bỏ thì tốt, không bỏ thì phạm Tăng-già-Bà-thi-sa.

Giải thích tướng như trên.

***12 Giới: Làm nhơ bẩn nhà người bị đuổi rồi hủy báng, trái lời can ngăn.**

Phật ngự tại nước Xá-vệ, các vị A-thấp-ba cỡi xe vào xóm làng làm việc xấu xa dơ bẩn nhà người. Chúng Tỳ-kheo nêu tội, Phật sai ngài Xá-lợi-phất đến đuổi các vị ấy đi. Lúc tác pháp, họ hủy báng tăng không chịu nhận tội. Chư Tăng bạch lên Đức Phật. Phật quở trách rồi đặt ra giới này.

Nếu Tỳ-kheo nương ở trong xóm làng, xóm làng có bốn loại, như trên đã nói.

Hoặc nương vào thành ấp mà ở: là nói thuộc về vua.

Làm nhơ nhà người, nhà thì có nam có nữ, nhơ nhà người có bốn thứ:

1- Ở nhà làm dơ nhà: Được vật nhà nầy lại cho một nhà khác, nhà không được vật thì không thích, nhà được cho thì nghĩ sẽ báo ân.

Nghĩ thế nên nói: Người cho ta, ta sẽ đáp lại, nếu không cho thì ta cần gì phải báo lại.

2- Dựa vào lợi dưỡng làm nhơ bẩn nhà người, đúng như pháp được lợi. Và trong bát có dư thì đem cho một người cư sĩ. Người được thì sinh tâm nghĩ rằng. Nên báo đáp ơn này, nếu không cho thì ta đâu có báo đáp.

3- Nương vào bạn thân làm nhơ bẩn nhà người. Nếu Tỳ-kheo

nương vào Vua Quan hoặc cư sĩ, hoặc chẳng phải Cư sĩ, liền sinh tâm nghĩ rằng: Kia vì ta thì ta nên cúng dường, kia không vì ta thì ta không cúng dường.

4- Nương vào Tăng-già-lam làm dơ bẩn nhà người: Nếu Tỳ-kheo đem hoa quả của tăng cho cư sĩ nầy, mà không cho cư sĩ khác. Người được cho thì nghĩ nên cúng dường, người không được cho thì ta không cúng dường.

Thực hành hạnh ác: Tỳ-kheo làm các việc như thế là thực hành hạnh ác. Tự trồng hoa quả, tự tưới bón, tự cắt hoa, tự làm hoa man, dùng chỉ khâu lại, rồi đem cho người. Nếu lại dạy người làm các việc như trên là thực hành phi pháp.

Trong thôn xóm thì có phụ nữ, ngồi chung trên giường, ăn chung mâm, nói cười đùa giỡn. Hoặc ca mua hát xướng. Hoặc người bắt giọng mình xướng họa theo, hoặc làm hát bè, hoặc đàn trống thổi kèn, làm các tiếng chim kêu. Hoặc chạy hoặc nhảy, hoặc tự lắc mình, hoặc là vui cười.

Làm nhơ nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe, thực hành hạnh ác ai cũng thấy, ai cũng nghe. Lúc ấy, có Tỳ-kheo ngủ nghỉ ở chỗ kia, đắp y ôm bát vào xóm khất thực, pháp phục nghiêm chỉnh đi đứng đàng hoàng, mắt nhìn thẳng không liếc ngó hai bên, theo thứ lớp đi khất thực. Các cư sĩ thấy rồi hỏi nhau: Đây là người nào, mà đi thì mắt nhìn xuống, không liếc ngó hai bên, cũng không nói cười, không giao tiếp với người, cũng không khéo hỏi thăm, chúng ta không nên cúng dường thức ăn cho người này. Không bằng ông A-Thấp-Bà v.v... giao tiếp nói chuyện với người, thì nên cúng dường. "Khi đó vị Tỳ-kheo này khất thực rất khó khăn, lúc thầy đến chỗ Phật. Phật hỏi: Nơi ở có vui không? Tăng có hòa hợp không? Đi khất thực có khó khăn không?

Người kia bạch lại sự việc, Phật quở trách các vị kia và đặt ra giới này, cho người đến đuổi đi.

Các Tỳ-kheo nên nói với vị Tỳ-kheo ấy rằng: - Đại đức làm nhơ bẩn nhà người, làm điều xấu ác, ai cũng thấy ai cũng nghe. Đại đức! Thầy làm nhơ nhà người, gây ra việc xấu, nay nên lìa xa xóm làng thành ấp này.

Bấy giờ, ngài Xá-lợi-phất, nói pháp cho các cư sĩ nghe khiến ai cũng được an vui, tin tưởng theo. Ăn xong thì nhóm họp chúng tăng nêu tội của Tỳ-kheo kia. Sau đó, lâm pháp Yết-ma đuổi ra khỏi xóm làng. Khi tác pháp, người kia đứng dậy phỉ báng rằng: những người đồng phạm kia sao không đuổi ra mà đuổi tôi?

Sau đó, lại nói với các Tỳ-kheo khác: Các Tỳ-kheo có tâm thương người nầy, giận người kia, sợ người nọ, si người khác. Có người đồng tội như tôi mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi.

Bấy giờ, ngài Xá-lợi-Phất trở về bạch lên Đức Phật đầy đủ sự việc trên. Phật liền quở trách.

Chư Tỳ-kheo can ngăn vị kia: - Đại đức! Chớ nên nói chúng tăng có người thì thương, giận, sợ, si v.v... Chớ nói có những người đồng tội mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi, thật ra các Tỳ-kheo nầy không có thương giận sợ si. Đại đức làm nhơ nhà người, làm việc xấu ai cũng thấy nghe. Các Tỳ-kheo khuyên ngăn như thế mà ông không bỏ việc này. Can gián ba lần cho bỏ việc. Bỏ thì tốt, không bỏ thì phạm Tăng-già-Bà-thi-sa.

Nếu khi chưa bạch mà nói tăng có thương, giận, sợ, si, hoặc không xem thư đem đến và làm người sai việc cho người tại gia, tất cả đều phạm Đột-cát-la. Ni cũng đồng phạm như tăng.

Không phạm: là lúc vừa nói liền bỏ, nghe lời can ngăn quở trách đó là phi pháp. Hoặc được y thực, cho cha mẹ hay cho người bịnh, cho trẻ con hay phụ nữ mang thai, cho người bị tù tội lao ngục, khách làm công quả trong chùa. Hoặc trồng hoa cỏ và hái hoa, cho đến dạy người xâu hoa để cúng dường Phật pháp tăng, tất cả đều không phạm. Nếu người vì trốn tránh nạn trộm cướp hay thú dữ đuổi bắt thì không phạm. Nếu đồng bạn còn ở sau, quay lại tìm không thấy, kêu lên thì không phạm. Nếu cha mẹ, hoặc người bịnh, hoặc kẻ tù tội, có vị dốc tín ưu-Bà-tắc bị bịnh. Hoặc ở trong ngục, xem thư gởi đến. Nếu vì việc Tỳ-kheo bịnh, hay Tháp Tăng mà mang thư qua lại thì thì không phạm.

***13 Giới: Có tánh xấu, chống trái sự can ngăn của tăng.**

Phật ngự tại nước Câu-Diệm-Di, bấy giờ Tôn giả Xiển-đà sinh ra tánh xấu, chống lại lời can ngăn, nói rằng: lẽ ra tôi dạy bảo các Đại đức mới phải vì sao? Vì tôi là Thánh chủ chứng đắc chánh giác. Chúng Tỳ-kheo nêu lỗi rồi bạch lên Đức Phật, Phật liền quở trách và đặt ra giới này.

Như Tỳ-kheo có tánh xấu, không nghe lời người, không nhận lời dạy bảo của người.

Ở trong giới pháp: Dùng giới luật đúng như pháp, dạy cho người, gồm có bảy nhóm phạm là: Ba-la-di, Tăng-già-Bà-thi-sa, Ba-dật-Đề đề xá-ni, Thâu-lan-già, Đột-cát-la, ác thuyết.

Chúng Tỳ-kheo đúng như pháp can ngăn rồi: Đúng như pháp, như

luật, như lời Phật dạy. Tự thân không nghe lời can ngăn và nói: - Đại đức chớ nói với tôi việc xấu việc tốt. Đại đức hãy thôi đi chớ can ngăn tôi. Đây chính là việc được can ngăn. Phần dưới là dẫn dụ trong điều can ngăn thứ hai. Các Tỳ-kheo can ngăn Tỳ-kheo này rằng: - Đại đức nên nghe lời can ngăn nầy. Đại đức đúng như pháp mà can ngăn các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo cũng đúng như pháp mà can ngăn Đại đức, như thế đệ tử Phật nhờ can ngăn lẫn nhau, dạy bảo nhau, mới tăng thêm nhiều lợi ích. Lúc can ngăn như vậy mà Tỳ-kheo giữ chắc không bỏ. Tỳ-kheo kia nên ba lần can ngăn việc này. cho đến ba lần bỏ thì tốt, không bỏ thì phạm Tăng-già-Bà-thi-sa. Trước khi chưa bạch mà tánh xấu nổi lên mà không nghe lời người can ngăn, tất cả đều phạm Đột-cát-la. Ni cũng đồng phạm như vậy.

Không phạm là khi vừa nghe khuyên can liền bỏ.

Phi pháp phi luật phi lời Phật dạy: Nếu là người vô tri can ngăn, thì nên nói với người kia rằng: - Ông là Hòa-thượng A-xà-lê mà việc làm cũng như vậy, ông phải học hỏi tụng kinh thêm. Nếu sự việc như thế, hoặc nói lầm đều không phạm.

Thưa các Đại đức! Tôi đã nói mười ba pháp Tăng-già-Bà-thi-sa, chín giới trước vừa can ngăn một lần liền phạm, bốn giới sau can ngăn đến lần thứ ba mới phạm. Nếu Tỳ-kheo phạm bất cứ một pháp nào, hoặc biết mà che giấu đều phạm tội. Nên cho thực hành Ba-lợi-Bà-sa. Thực hành xong thì tăng thêm thực hành pháp mạnh mẽ-na đỏa trong sáu đêm. Thực hành Ma-noa-đỏa rồi mới khỏi tội. Phải ở trước hai bộ tăng đủ hai mươi vị người để giải tội cho Tỳ-kheo này, không được thiếu, các Tỳ-kheo cũng phải quở trách vị này, đây là đúng thời. Nay xin hỏi các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (ba lần). Các Đại đức trong đây thanh tịnh vì im lặng, việc này rõ như vậy.

Các Đại Đức! Hai pháp bất tịnh nầy, nửa tháng thường tụng xuất xứ từ trong giới kinh.

***+ Giới ở chỗ vắng bất định:*** Phật ngự tại nước Xá-vệ. Ca-lưu-đà-di trước kia có người yêu là Ưu-Bà-tư, hình dáng rất xinh đẹp. Hai người rất thương yêu nhau, bèn dẫn đến chỗ khuất ngồi nói chuyện phi pháp. Mẹ của Tỳ-xá-khư trông thấy liền mau chóng đến bạch lên Đức Phật. Do đó Phật quở trách rồi chế giới.

Nếu Tỳ-kheo cùng người nữ: Người nữ có trí chưa qua đời.

Độc: là một vị Tỳ-kheo, và một người nữ.

Ở chỗ khuất: chỗ khuất có hai loại: Một là ở chõ khuất không

thấy: Như hạt bụi, như sương mù, hoặc nơi tối tăm không thấy nhau. Hai là ở chỗ khuất không nghe: nơi thường nói mà không nghe tiếng.

Phú xứ: nơi phía trên có vật che đậy.

Chướng xứ: Hoặc cây, hoặc tường, hoặc hàng rào, hoặc y phục và các vật che chướng khác.

Có thể làm chỗ ngồi hành dâm: Nơi hành dâm được.

Nói lời phi pháp: Là nói về pháp dâm.

Có vị trụ tín Ưu-Bà-tư: Nghĩa là người tin Phật pháp Tăng. Quy Phật, quy pháp, quy Tăng. Quy Phật, quy pháp, quy Tăng, không sát, không trộm, không tàdâm, không uống rượu, không nói dối. Khéo ghi nhớ thọ trì chớ sai lầm. Đây là lời chân thật không dối.

Trong ba pháp, nói từng pháp một. Hoặc Ba-la-di, hoặc Tăng-già-Bà-thi-sa, hoặc Ba-dật-đề.

Tỳ-kheo tự nói rằng: Tôi phạm tội này, trong ba pháp, mỗi pháp đều bị trị tội, hoặc là Ba-la-di, hoặc Tăng-già-Bà-thi-sa, hoặc Ba-dật-đề. Như vị trụ tín Ưu-Bà-tư đã nói, nên đúng như pháp mà trị Tỳ-kheo nầy. Đó gọi là pháp bất định.

Trong đây tự nói chỗ hướng về, chỗ đi đến. Hoặc ngồi, hoặc nằm, nếu không tự nói thì đều đúng như Ưu-Bà-tư nói mà trị tội.

***Giới ở chỗ trống bất định:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ: Ca-lưu-đà-di là người đầu tiên phạm giới này. Nhân duyên cũng giống như giới trước, chỉ có hai tội ở chỗ trống là khác.

Như Tỳ-kheo cùng người nữ ở chỗ trống thấy được: Nghĩa là không có tường vách và chỗ che khuất.

Không thể làm chỗ hành dâm: là chỗ không thể hành dâm.

Nói lời thô ác: Nói việc dâm dục, hành bất tịnh: khen ngợi sự đẹp xấu của hai đường.

Có vị trụ tín Ưu-Bà-tư trong hai pháp, đem một pháp ra nói: Hoặc Tăng giá Bà Thi Sa, hoặc Ba-dật-đề. Tỳ-kheo tự nói rằng: Tôi phạm pháp này trong hai pháp nên trị tội. Hoặc Tăng-già-Bà-thi-sa. Như trụ tín Ưu Bà Tư nói nên đúng như pháp mà trị tội. Đó gọi là Pháp Bất định. Trong đây, nếu tự nói chỗ hướng về, chỗ đến, hoặc ngồi hoặc nằm. Nếu không tự nói thì đều y như lời Ưu-Bà-tư nói mà trị tội. Vì ở trong pháp vô định nên gọi là Bất định. Nầy các Đại đức! Tôi đã nói hai pháp bất định. Nay xin hỏi các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (ba lần). Thưa các Đại đức trong đây đều thanh tịnh vì im lặng, nên thọ trì như thế.

Này các Đại đức! Ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, nửa tháng thường tụng, xuất xứ trong giới kinh.

***1. Giới: chứa y dư quá thười gian cho phép***: Phật ngự tại nước Xá-vệ. Cho thọ trì ba y, không được chứa dư. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị chứa rất nhiều y dư. Hoặc y mặc buổi sáng, buổi trưa và tối. Các vị ấy thường kinh doanh y phục trang nghiêm nên chứa nhóm cất giấu. Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền quở trách, do đó mà chế ra giới nầy.

Hoặc Tỳ-kheo y đã đầy đủ: là nói ba y.

Y Ca-Hy-Na đã xả: Nghĩa là đã đã xả y công đức.

Chứa y dư: Y có mười loại. Y dư y là y dài, tám ngón tay, rộng bốn ngón tay của Đức Như lai.

Bất tịnh thí được chứa y dư quá mười ngày. Trước chế giới không chứa y dư, vì ngài A-nan được một y phẩn tảo rất quý, muốn dâng lên ngài Ca-diếp nhưng sợ phạm tội. Ngài Ca-diếp mười ngày nữa mới trở về, do đó Phật cho phép chứa y dư trong mười ngày.

Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Không phạm có tám việc, hoặc không được y, hoặc tịnh thí, hoặc đem cho người, hoặc mất y, hoặc y đã cũ, hoặc làm phi y. Hoặc ý của bạn thân. Hoặc quên mất. Trái với ở trên đều là ni-tát-kỳ.

Hoặc y xả đọa chưa xả mà đổi ý khác. Một phạm Ni-Tát-Kỳ Ba-dật-đề, một phạm Đột-cát-la. Y xả đọa này nếu xả cho tăng, cho đến một người cũng không được biệt chúng. Xả không thành xả thì phạm Đột-cát-la. Tỳ-kheo ni cũng đồng phạm như vậy. Ba chúng dưới cho đến hạ giới cũng đều Không phạm: Trong mười ngày, nếu chuyển thành tịnh thí. Hoặc phạm Đột-kiết-la đem cho người, hoặc bị cướp giựt, hoặc nghĩ bị mất, hoặc bị cháy, bị trôi, bị đoạt, bị mất. Nếu cho người làm mền. Nếu giáo y cho người đi xa bị sông nước ngăn trở. Như thế thì không tịnh thí, không cho người không phạm.

***2 Giới ngủ lìa y:*** Phật ngự tại nước Xá-vệ. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị đem y gởi bạn thân trong khi đi khỏi. Người kia đem y ra phơi, Tỳ-kheo trông thấy hỏi: Phật cho phép chứa ba y, không được chứa dư. Đây là y của ai? Người kia đáp và bị quở trách. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật do đó đặt ra giới này.

Nếu Tỳ-kheo, y đã xong, y Ca-hy-na đã xả, đều giải thích như trên.

Trong ba y: Tăng-già-lê, uất-đa-la-tăng, uất-đà hội gồm có mười loại.

Lìa các y ngủ chỗ khác: Không mất y là trong Tăng-già-lam có

một giới. Mất y: trong tăng-già-lam có bao nhiêu ranh giới. Như thế từ cây cối, sân bãi, xe thuyền, làng xóm, nhà cửa, kho, lẫm cũng như vậy. Tăng-già-lam này có bốn thứ như trên.

Thọ (cây): Đủ cho mọi người ngồi.

Tràng (Sân): Chỗ phơi ngũ cốc.

Xa (xe): Là chỗ chiếc xe quay đầu lại được.

Thuyền giới: Cũng như vậy.

Xóm có bốn loại

- Đường (nhà): Phần nhiều thoáng mát.
- Kho: Nơi chứa các vật.
- Lẫm: chứa trữ gạo thóc.
- A-lan-nhã là vô giới. Trong khoảng tám cây phân biệt với bảy cung, mỗi cung là bốn tấc.

Già-lam giới: Già-lam giới chẳng phải là già-lam kia, chẳng phải thọ giới (cây kia), cho đến khố tàng giới. Làm ở nơi khác cũng vậy.

Già-lam giới: Người đứng ở ranh giới già-lam, ném cục đá ra xa, chỗ viên đá rớt gọi là y giới. Cho đến khố, tàng, thương cũng vậy. Tỳ-kheo để y trong già-lam, cho đến ngủ dưới gốc cây, sáng mặt trời chưa mọc, hoặc xả y, hoặc đưa tay đụng y, nếu không đến chỗ viên đá ném, hoặc không xả y, hoặc không đưa tay đụng y, không đến chỗ viên đá ném, mặt trời chưa mọc mà lìa y ngủ, thì phạm Ni-Tát-Kỳ Ba-Dật-Đề.

Trừ tăng có làm Yết-ma: Bấy giờ, có Tỳ-kheo bị bịnh thân ốm gầy, y phẩn tảo Tăng-già-lê rất nặng, khi có duyên sự đi đâu mang theo không nổi. Tỳ-kheo bạch việc này lên Phật: Phật dạy tác bạch ba lần xin cho lìa hai y.

Ni-Tát-Kỳ Ba-dật-đề: Trừ ba y, nếu lìa y khác thì phạm Đột-cát-la. Ni cũng đồng phạm với tăng.

Không phạm: Khi tăng thực hành Yết-ma lúc mặt trời chưa mọc. Đưa tay đụng y, hoặc xả y, hoặc đến chỗ ném cục đá. Hoặc nghĩ y bị cướp, hoặc bị nạn sông nước cách trở, hoặc bị giặc cướp ác thú cướp mất, hoặc bị nạn phạm hạnh, tánh mạng. Hoặc không xả y, không đến chỗ ném đá làm đấu thì không phạm.

***3/ Giới ba tháng mong được vải quá hạn:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhưng Tỳ-kheo ba y chỉ có Tăng-già-lê. Trong thời gian quá mười ngày thì không thể được. Nghe nói cho chứa y nhiều để cho đầy đủ, nhóm Tỳ-kheo sáu vị chờ vải giống nhau không đủ, nên giặt nhuộm điểm tịnh, rồi đem gởi để đi du hành. Chúng Tỳ-kheo nêu tội, Phật quở trách rồi đặt ra giới này.

Nếu Tỳ-kheo y đã xong, y Ca-hy-na đã xả, nếu Tỳ-kheo được y phi thời.

Thời: là không phải y Ca-hy-na, tự tứ sau một tháng. Có y Ca-Hy-Na tự tứ sau năm tháng. Phi thời nghĩa là quá thời hạn nầy.

Khi cần thì thọ, thọ rồi thì nên may thành y. Nếu đủ thì tốt. Nếu trong mười ngày mà có đủ vải giống thì cắt may như trên. Không được để qua ngày thứ mười một, tùy ý nhiều ít đều phạm xả đọa.

Nếu không đủ thì cho chứa một tháng để đợi cho đủ. Nếu đồng ý không đủ thì cho mười một ngày cho đủ, tức để mười một ngày như trên. Nếu quá mười hai ngày thì bất cứ vải nào đều phạm. Cho đến hai mươi chín ngày cũng vậy. Đến ba mươi ngày, hoặc đủ hoặc không đủ, có vải giống hay không cũng đều như pháp trên.

Nếu chứa y quá thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-Đề. Tỳ-kheo-ni đồng phạm. Không phạm là trong mười ngày có đủ vải giống. Cho đến ba mươi ngày phải may cho thành y. Có duyên khác thì đồng với giới chứa y dư.

***4/ Giới lấy y của ni không phải là bạn thân.***

Phật ngự tại nước La-duyệt-kỳ, Tỳ-kheo-ni Liên Hoa sắc đi khất thực qua núi cùng các Thượng tọa. Có một vị Tỳ-kheo mặc y đã cũ rách. Liên Hoa Sắc cởi y quý tốt của mình đổi cho Tỳ-kheo. Sau đó, đắp y xấu vào người. Phật lấy làm lạ hỏi và biết chuyện bèn quở trách Tỳ-kheo, do đó mà Phật đặt ra giới này.

Nếu Tỳ-kheo từ Tỳ-kheo ni chẳng phải bà con.

Chẳng phải bà con: là chẳng phải cha mẹ và thân thuộc trong bảy đời, trái lại là bà con. Nếu chẳng phải bà con, thì không có sự trù lượng. Nếu là thân thuộc thì liền có sự trù lượng. Biết là không thể giữ cho dù là tốt xấu, mới cũ.

Thủ y: y có mười loại. Tỳ-kheo-ni đắp y cũ rách, bạch lên Đức Thế tôn. Phật bảo: Không nên như thế, cho phép chứa năm y chắc chắn để đắp, các y dư được phép tùy ý đem cho. Vì sao? Vì phụ nữ đắp y phục bậc thượng còn không tốt, huống chi đắp các y phục cũ xấu.

Trừ Đổi chác

Bấy giờ, hai bộ tăng được y cùng phân chia, hai bộ được y xấu. Phật bảo: cho phép trao đổi qua lại, nói trao đổi là lấy y đổi y. Hoặc chẳng phải y. Hoặc đem phi y đổi lấy y. Hoặc đổi sắt, đồng, dao, chỉ, hoặc đoạn vật nhỏ, cho đến một viên thuốc đổi y.

Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề: Tỳ-kheo-ni phạm Cát la.

Không phạm: Là có thân thuộc với ni mà giữ, hoặc trao đổi. Hoặc

vì Phật vì tăng mà giữ thì không phạm.

***5 Giới: Nhờ ni không bà con giặt y dùm:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, Ca-lưu-đà-di và ni Thâu-la-nan-đà dung mạo đều rất xinh đẹp cả hai đều có ý với nhau.

Khi ngồi ra chất bất tịnh làm ô uế y An-Đà-hội. Ca-lưu bèn nhờ ni Nan-đà giặt giũ giùm. Các Tỳ-kheo đem lỗi đó bạch lên Đức Phật: Phật quở trách và đặt ra giới nầy.

Nếu Tỳ-kheo nhờ Tỳ-kheo-ni chẳng phải bà con v.v... Như trên đã nói.

Tỳ-kheo-ni: Nếu chẳng phải thân thuộc mà sai Thức-xoa-ni và sa-di-ni giặt nhuộm y dùm thì phạm Đột-cát-la.

Giặt y cũ: y cũ là y dù chỉ mặc qua thân một lần, y mới đã đem giặt nhuộm đập thì phạm Đột-cát-la. Hoặc giặt, hoặc nhuộm, hoặc đập thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-Dật-Đề. Hoặc nói người giặt, nhuộm, đập, cùng làm cả ba thì phạm ba tội ni-tát-Kỳ Ba-Dật-đề.

Không làm thì tùy theo mà phạm Đột-cát-la.

Không phạm: Như lúc bịnh nhờ người giặt, nhuộm, đập, hoặc vì chúng tăng, vì Phật pháp nhờ người giặt nhuộm đập thì không phạm.

***6. Giới xin y người thế tục không phải bà con:***

Phật ngự tại Nước Xá-vệ. Bấy giờ, Bạt-Nạn-đà nói pháp cho người nghe. Vì muốn xin y, nên chỉ mặc y mỏng đi vào thành nói với mọi người rằng: - Trong tịnh xá Kỳ-hoàn bị cướp.

Người thế tục chê bai, Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền đặt ra giới này.

Nếu Tỳ-kheo xin y với vợ cư sĩ hoặc cư sĩ chẳng phải bà con: giải thích như văn trên.

Trừ lúc khác thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni cũng đồng phạm.

Lúc khác là như y bị cướp, bấy giờ, Tỳ-kheo bị giặc cướp mất y, lõa hình mà đi. Phật bảo: - Không nên như thế! Nếu để lõa hình Phạm tội Đột-cát-la. Nếu bị như vậy thì lấy cỏ mềm, lá cây che thân lại. Hoặc đến chùa có y dư, hoặc nhờ bạn ở bên lấy. Nếu không thì ở trong tăng được phép chia y, nếu không thì hỏi lấy y phục, đồ nằm của tăng. Còn không cho thì tự mở cho xem. Hoặc dùng mền nệm da len cắt ra làm y. Đi ra ngoài xin y. Được y rồi thì trở về giặt nhuộm, may mặc, trở về bản xứ. Nếu không trở về bản xứ thì đúng như pháp mà trị.

Nếu y bị mất, bị cháy bị trôi thì nhân duyên cũng giống như trên.

Đây gọi là lúc khác. Về Không phạm:

Nếu bị đoạt y, mất y v.v... duyên cũng từ việc xin y với người

không phải bà con. Nếu xin y từ người bà con, hoặc xin y của người xuất gia, hoặc xin của người khác, Người xin cho mình, hoặc không mong mà được, đều không phạm.

***7 Giới lấy y quá phần:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, có nhiều Tỳ-kheo bị giặc cướp mất y. Các vị này đi đến Kỳ-hoàn. Có vị tín thí nghe chuyện bèn đem đến cúng dường nhiều y. Tỳ-kheo nói: Tôi đã có đủ ba y nên không cần nữa.

Nhóm Tỳ-kheo sáu vị bèn nhờ người lấy cho mình. Chúng Tỳ-kheo nêu tội, Phật do đó đặt ra giới nầy.

Nếu Tỳ-kheo bị mất y, bị cướp y, y bị cháy, y bị trôi. - Nếu mất một y thì không nên lấy. Hai y kia nên may dày ba bốn lớp thì nên trích ra để làm y tăng-già-lê, uất-đa-la tăng hoặc an-già-hội.

Nếu cư sĩ, vợ cư sĩ chẳng phải Bà con? Như trên đã giải thích:

- Nếu tha hồ thỉnh cho nhiều y: Nếu tha hồ thỉnh có nhiều y, hoặc nhỏ, hoặc mỏng, hoặc không chắc thì may thành hai, ba, bốn lớp. Nên may có viền. Nếu chỗ vải trên vai bị dơ, thì nên đặt móc lên đó. Nếu bị rách chỗ khác thì nói với cư sĩ: - Chỗ y rách này phải cắt ở đâu để vá? Nếu Đàn Việt nói: Chúng tôi không vì mất y cho nên cho, chúng tôi sẽ tự cho Đại đức.

Nếu muốn thọ thì nên thọ.

- Tỳ-kheo nên biết đủ mà thọ y: Nếu mất cả ba y, thì kia nên biết đủ để thọ. Biết đủ có hai loại: Người tại gia biết đủ, thì tùy người cho bao nhiêu thì thọ lấy bấy nhiêu. Người xuất gia biết đủ thì chỉ có ba y.

- Nếu quá: Nghĩa là nếu mất một thì thọ một, ba y đều mất thì thọ cả ba.

- Ni-tát-Kỳ Ba-dật-đề: Tỳ-kheo-ni đồng phạm.

Không phạm: là thọ vừa đủ hoặc thọ ít, hoặc nhiều thì đem cho lại. Nếu y mỏng, nhỏ, không chắc, thì may hai, ba lớp. Có dư thì như trên đã nói.

***8 Giới khuyên cư sĩ thêm giá tiền y:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, có vợ chồng cư sĩ bàn với nhau:

- Bạt-Nan-Đà là cậu của ta, vậy nên may chiếc y có giá trị để cúng dường thầy ấy.

Có vị Tỳ-kheo tu hạnh khất thực nghe được chuyện này, sau đó đến nói với Bạt-nan-đà, Bạt-nan-đà bèn đến nhà vợ chồng cư sĩ đó nói tôi cần y rộng dài, tốt đẹp, bền chắc. Bị người thế tục chê trách. Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền đặt ra giới nầy.

- Hoặc Tỳ-kheo, cư sĩ, vợ cư sĩ: như đã giải thích ở trên.

- Vì Tỳ-kheo mà chuẩn bị giá tiền sắm y: Nghĩa là dùng tiền, vàng, bạc, chân châu, lưu ly, ngọc đá, hoặc anh lạc sinh tượng, cho đến mười thứ vải đầy đủ giá tiền y như thế để cúng dường vị Tỳ-kheo ấy, Tỳ-kheo ấy trước không tha hồ thỉnh: Như hỏi thầy cần loại y gì? Phật dạy Tỳ-kheo ít muốn biết đủ thì không cầu xin như thế.

- Đến nhà cư sĩ mà nói rằng: Lành thay! Cư sĩ vì tôi mà sắm sửa giá tiền y như thế để cúng dường tôi, thật là rất tốt: - Việc cầu xin có hai thứ: Nếu cầu giá trị đó là Đàn việt cho y có giá trị lớn, dù chỉ cầu thêm một phần mười sáu giá trị một đồng tiền.

Còn nói cầu y là nói cư sĩ may y rộng dài, dù chỉ thêm một sợi chỉ, nếu được thì phạm Ni-tát-Kỳ Ba-Dật-Đề. Tỳ-kheo ni cũng đồng phạm.

Không phạm: Trước khi thọ Tự tứ thỉnh mà đến xin biết đủ. Đối với việc cầu xin mà giảm ít, xin từ bà con, từ người xuất gia, hoặc xin cho người khác. Người khác xin cho mình, hoặc không xin mà tự được.

***9 Khuyên hai nhà cùng thêm giá tiền y:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Có hai gia đình của hai cặp vợ chồng cư sĩ nọ, vợ chồng bàn tính với nhau may y cho Bạt-Nan-Đà. Có vị Tỳ-kheo tu hạnh khất thực đi khất thực nghe được chuyện đó bèn nói với Bạt-nan đà,Bạt-nan-đà bèn đến hai nhà kia bảo chung nhau làm. Bị các cư sĩ chê trách, Tỳ-kheo nêu tội, Phật do đó quở trách và đặt ra giới này.

- Nếu có hai gia đình của hai cặp vợ chồng cư sĩ nọ chuẩn bị giá tiền y, may chiếc y như thế cúng dường cho Tỳ-kheo ấy, Tỳ-kheo này trước đây không được tha hồ thỉnh, bèn đến nhà hai gia đình cư sĩ nói như vầy: Lành thay cư sĩ, sắm giá tiền y như thế cho tôi, hai gia đình nên cùng nhau sắm một y cho thật tốt. Nếu nói như vậy mà được y thì phạm Ni-Tát-Kỳ Ba-Dật-Đề. Giới tướng thành phạm, khai thông đều như giới trước.

***10 Giới y thí gấp quá hạn***

Phật ngự tại thành La-duyệt-kỳ ở nước Xá-vệ. Có một vị Đại thần qua lại rất thân thiết với Bạt-nan-đà, mới may y có giá trị đem cho. Người kia đã đủ giá y cho tịnh chủ rồi. Do vì muốn gấp đến cầu khiến cho kia bị phạt. Các Cư sĩ chê trách, Tỳ-kheo nêu tội, Phật nhân đó đặt ra giới này.

- Hoặc Tỳ-kheo, hoặc Vua, được tự tại không bị lệ thuộc.

- Hoặc Đại thần, hoặc hầu cận của vua.

- Hoặc Bà-la-môn: là Bà-la-môn có mạng sống.

- Hoặc cư sĩ: trừ vua, Đại Thần và các vị Bà-la-môn, còn lại đều là cư sĩ tại gia.

- Cư sĩ phụ: Là người phụ nữ tại gia.

- Sai sứ đem giá tiền y cho Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Đem giá tiền y như thế cho vị Tỳ-kheo đó. Người kia đến nói với Tỳ-kheo rằng: - Đại đức, tôi trao giá tiền y này cho Đại đức, Đại đức nên thọ nhận.

Tỳ-kheo nói: Tôi không nên nhận giá tiền y này. Nếu khi cần y, hợp thời thanh tịnh mới nhận. Người kia bảo: Đại đức có người chấp sự không?

Tỳ-kheo nói: Có, hoặc có người trong Tăng-già-lam, hoặc ưu-Bà-tắc là người chấp sự của Tỳ-kheo. Bấy giờ, người kia đưa giá tiền y cho người chấp sự, rồi trở lại thưa với Tỳ-kheo: Đại đức đã chỉ người chấp sự, tôi đã đưa giá tiền sắm y cho ông ta rồi. Đại đức cần thì đến kia lấy.

Khi cần y, Tỳ-kheo nên đến người chấp sự kia nói tôi cần y. Nếu không được y thì đến chỗ người kia hai, ba lần nói tôi cần y, khiến cho người kia nhớ lại.

- Nhớ nghĩ: là người chấp sự hoặc ở tại nhà, hoặc ở chợ, hay ở nơi làm việc, nên đến chỗ kia nói tôi cần y từ một, hai đến ba lần.

Nếu hai ba lần khiến cho kia nhớ lại, được y thì tốt. Nếu không được y, thì bốn phen, năm phen, sáu phen, ở trước người kia đứng làm thinh. Người chấp sự kia hoặc ở nhà, ở chợ, hoặc nơi làm việc, thấy người này đứng làm thinh bèn hỏi: Vì sao đứng đây? Tỳ-kheo đáp: - "Ông tự biết". Kia đáp: "Tôi không biết". Nếu có người khác thì Tỳ-kheo nên nói. Người kia biết, đó là tướng im lặng. Nếu bốn phen, năm phen, sáu phen trước người đứng làm thinh được y thì tốt, không được y thì một lần nói, hai lần im lặng. Cho đến ba lần nói, sáu lần im lặng.

Nếu không được y, quá sáu lần cầu cho được y thì phạm Ni-Tát-Kỳ Ba-Dật-Đề. Tỳ-kheo ni cũng phạm như tăng.

Nếu không được y, thì tự mình đến, hay bảo người đến nói với người kia rằng: Ông đem giá tiền y cho Tỳ-kheo mà Tỳ-kheo rốt cuộc không được y. Ông nên lấy lại chớ để mất, đó là đúng cách.

Không phạm: Hoặc sai sứ đến bảo cho biết, hoặc kia nói nay tôi không cần y, đã đem bố thí. Tỳ-kheo dùng lời nhỏ nhẹ phương tiện đòi lại y, hoặc vì làm Ba-lợi-Ca-la. Cho dùng lời nhỏ nhẹ đòi, hoặc phương tiện đòi.

***11 Giới: Dùng tơ tằm làm đồ nằm.***

Phật tại nước Khoáng Dã, Bấy giờ, nhóm Tỳ-kheo sáu vị đến chỗ nuôi tằm, xin các loại chưa thành sợi cùng các loại đã thành sợi, cùng

các tạp loại khác đem về làm đồ nằm. Các Cư sĩ chê trách nói như vậy là hại sinh mạng, không có chánh pháp. Các Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền chế giới.

- Nếu Tỳ-kheo tạp: Hoặc lông, hoặc kiếp cụ, hoặc y và các loại sợi tạp khác.

- Dùng các loại tằm làm đồ ngồi thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề: trong đây, xả là hoặc dùng búa chặt nhỏ ra, hòa với bùn để trát tường.

- Ba-dật-đề: Tự làm, dạy người làm. Nếu thành thì đồng phạm. Không thành thì phạm Đột-cát-la.

Không phạm: Nếu thành rồi dùng búa chặt hòa với bùn để trét.

***12 Giới làm đồ nằm bằng lông dê đen:**

Phật ngự tại nước Tỳ-xá-ly, các người Lê-xa phần nhiều hành tà dâm, may mền dạ bằng lông dê đen mặc vào người để đi đêm, cho người không thấy. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị liền bắt chước làm theo, bị những người Lê-xa chê trách. Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền đặt ra giới này.

Nếu Tỳ-kheo dùng lông dê mới thuần mầu đen: đen tự nhiên hay nhuộm thành đen.

Nếu dùng lông dê làm đồ ngồi thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề: - Tự làm hay dạy người làm, vì người mà làm, cũng phạm như giới trước. Ni thì phạm Đột-cát-la. Không phạm: Nếu được đồ ngồi đã thành rồi, hoặc cắt hoại ra. Hoặc mỏng may lại thành hai lớp, hoặc làm đồ ngồi nhỏ, hoặc làm mền, làm mũ, làm khăn v.v... thì không phạm.

***13 Giới làm đồ nằm bằng lông dê trắng:**

Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm Tỳ-kheo sáu vị dùng lông dê thuần trắng để làm đồ ngồi mới. Các cư sĩ chê trách cho là như bậc vua quan. Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền đặt ra giới nầy.

Nếu Tỳ-kheo làm đồ nằm mới, nên dùng thuần hai phần lông dế đen và ba phần lông dê trắng: hoặc thuần trắng hoặc nhuộm trắng.

Bốn phần lẫn lộn: là Lông trên đầu, trên tai, hoặc lông trên chân. Hoặc các mầu lông lẫn lộn. Nếu muốn làm đồ nằm bốn mươi bát la thì gồm hai mươi Bát-la màu đen mười Bát-la mầu trắng, mười bát-la lẫn lộn. Cho đến làm Bát-la chuẩn là hai mươi bát-la, thì như trên có thể tính biết.

Nếu Tỳ-kheo làm đồ ngồi mới không dùng hai phần đen, ba phần trắng, bốn phần lẫn lộn thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Tự làm, dạy người làm, hoặc làm cho người, cũng đồng như trên. Ni thì phạm Đột-cát-la.

Không phạm: Hoặc làm đúng theo lượng, hoặc khi được thì đã thành rồi. Cái khác cũng đồng như trước.

***14 Giới: Đồ nằm chưa đầy sáu năm:**

Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm Tỳ-kheo sáu vị chê đồ ngồi cũ, hoặc nặng, hoặc nhẹ, hoặc dày, hoặc mỏng. Không xả cái cũ mà muốn làm cái mới. Lại còn xin cầu chứa để cho nhiều. Các Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền quở trách rồi đặt ra giới nầy.

Nếu Tỳ-kheo làm đồ ngồi mới phải dùng đến sáu năm. Nếu chưa tới sáu năm, không xả cũ mà làm cái mới: - Nếu tự làm, bảo người làm, đều đồng phạm như trước.

Trừ tăng có làm Yết-ma: Có Tỳ-kheo bi bịnh thân ốm gầy, đồ ngồi bằng phẩn tảo quá nặng không thể mang theo khi đi đường.

Phật dạy: Xin chúng tăng ba lần rồi được may y mới. Tăng nên bạch hai lần mà cho.

Ni-Tát-Kỳ Ba-dật-đề: Ni thì phạm Đột-cát-la. Không phạm: là Tăng cho, hoặc dưới hoặc đủ sáu năm xả bỏ rồi làm cái mới. Hoặc được đồ ngồi đã thành rồi, hoặc được người cho đều không phạm.

***15/ Giới Không đồ ngồi không may xếp chồng:**

Phật ngự tại nước Xá-vệ, có người đi nhận thức ăn về. Theo pháp thường của Chư Phật thì khi chư tăng đi phó trai, Phật sẽ đi xem xét các phòng. Ngài nhìn thấy đồ ngồi bỏ bừa bãi lung tung, không có người dọn dẹp. Do các Tỳ-kheo chê các đồ ngồi dày mỏng nhẹ nặng nên làm mới hết. Phật bèn chế ra cái cũ may xếp chồng lên cái mới. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị trái với lời Phật chế. Các Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền đặt ra giới này.

Nếu Tỳ-kheo làm đồ ngồi mới, thì lấy cái cũ khoảng một khuỷu tay đắp lên cái mới để làm cho hoại sắc, lúc làm đồ ngồi mới, hoặc cái cũ chưa bị hoại chưa bị lủng lỗ, thì đem giặt nhuộm lại. Cắt ra một đoạn đắp vào chỗ mới chừng khoảng một khuỷu tay, hoặc đắp vào chỗ giữa để làm cho hoại sắc.

Nếu làm đồ ngồi mới mà không theo như trên thì phạm ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Tự làm, dạy người làm thì phạm như trên. Ni thì phạm Đột-cát-la. Không phạm: là cắt cái cũ đắp lên cái mới, hoặc kia tự không có phải làm cái mới, hoặc người may cho, hoặc được cái đã thành, hoặc thuần là cái cũ, đều không phạm.

***16 Giới: mang lông dê đi quá hạn:**

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Bạt-nan-đà có được lông dê bèn xỏ trên đầu gậy mà đi. Các cư sĩ chê trách, nói là người buôn bán

lông dê. Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền đặt ra giới nầy.

Nếu Tỳ-kheo đi trên đường được lông dê. Nếu không có người xách thì được mang xách trong khoảng ba do-tuần: Như trên đường, hoặc ở trụ xứ có được lông dê, nếu cần thì nên lấy. Không có người cầm thì tự mình xách cho đến ba do-tuần. Như có người nói: Tôi có vật này có thể giúp Ngài đem đến chỗ kia. Tỳ-kheo trong khoảng này không có người giúp thì phạm Đột-cát-la. Nếu bảo ni và bốn chúng khác cầm xách quá ba do-tuần thì phạm Đột-cát-la. Trừ lông dê ra thì phạm các vật khác như y, gai vải đều phạm Đột-cát-la. Nếu mang các vật trên đầu thì phạm Đột-cát-la.

Nếu không có người cầm, hoặc tự cầm quá ba do-tuần thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Tỳ-kheo ni thì phạm Đột-cát-la. Không phạm là mang đi ba do-tuần, có người nói cầm mang trong khoảng đó không có người giúp thì cho ni và bốn chúng mang trong ba do-tuần. Nếu mang hành trang dây bằng lông nhỏ, hoặc mang lông trên đầu làm khăn thì được.

***17 Giới: Sai ni không phải bà con giặt lông dê:***

Phật ngự tại thành Ca-duy-la-vệ, nhóm Tỳ-kheo sáu vị nhờ ni giặt nhuộm lông dê cho mình. Bấy giờ, Di Mẫu Ni vì nhuộm lông cho nên tay bị dính mầu nhuộm, đến chỗ Phật làm lễ rồi đứng sang một bên. Phật biết mà cố hỏi, quở trách rồi chế giới.

Nếu Tỳ-kheo nhờ Tỳ-kheo-ni chẳng phải bà con giặt nhuộm lông dê thì phạm Ni-tát-Kỳ Ba-dật-đề. Tỳ-kheo ni thì phạm Đột-cát-la. Việc thành phạm, khai thông như giới giặt y cũ.

***18 Giới chứa để tiền bạc, vật báu:***

Phật ngự tại thành La-Duyệt, có một vị Đại Thần vì Bạt-Nan-Đà mà để dành phần ăn. Một đứa bé ăn thức ăn đó và trả năm đồng tiền. Bạt-Nan-Đà đến lấy tiền đó gởi trên chợ, các cư sĩ đều hiềm nghi. Tỳ-kheo quở trách. Vua và các quan bàn luận. Phật nói rộng ví dụ, nhân đó quở trách và chế giới.

Nếu Tỳ-kheo tự tay cầm tiền, cũng như văn trên đã nói.

Như vàng bạc v.v... hoặc bảo người cầm, hoặc để dưới đất thì phạm Ni-tát-Kỳ Ba-dật-đề: Trong đây, xả là người kia tin giao cho người giữ vườn hoặc Ưu-Bà-tắc và nói: "Đây là vật mà tôi không nên giữ, ông nên giữ dùm. Nếu người kia lấy trả lại cho Tỳ-kheo thì nên nhận rồi giao cho tịnh nhân giữ. Nếu được y bát thanh tịnh thì đem trao đổi và thọ nhận. Nếu Ưu-Bà-tắc đem giao y bát thanh tịnh cho Tỳ-kheo thì nên nhận lấy.

Ba-Dật-đề: Tỳ-kheo-ni đồng phạm. Nếu không nói cho người biết và xem qua thì phạm Đột-cát-la.

Không phạm: Như nói: “biết đó, giữ đó” như pháp xả ở trên. Nếu người kia không chịu cho y áo. Các Tỳ-kheo nên nói: - Phật có dạy: Vì thanh tịnh nên đem cho ông, nên hoàn trả vật cho người. Nếu không cho lại thì tự đến nói: - Phật dạy Tỳ-kheo tác tịnh cho ông. Ông nên cho Tăng, tháp, Hòa-thượng, tri thức và bản thí chủ. Không để cho tín thí kia bị mất.

***19 Giới: Đổi chác tiền bạc, vật báu:**

Phật ngự tại La-duyệt-kỳ. Bấy giờ, Bạt-Nan-Đà đến chợ dùng tiền đổi tiền. Các cư sĩ chê bai, nói là mua bán giỏi chê. Các Tỳ-kheo nghe việc bạch lên Đức Phật, Phật liền quở trách và đặt ra giới này.

Nếu Tỳ-kheo buôn bán các thứ: Hoặc đã thành vàng hay chưa thành. Bạc có ba loại, tiền chỉ có một loại, mua bán trao đổi với nhau. Tiền thì có tám loại là: vàng, bạc, đồng, sắt, bạch lạp, tiền gỗ, thiếc, Hồ dao...

Ni-Tát-Kỳ Ba-dật-đề, Tỳ-kheo ni cũng đồng phạm. Các pháp xả bỏ, khai thông khác về phương tiện xin tìm vật báu cũng như giới trên.

Không phạm: Hoặc dùng tiền, vàng bán đổi ra anh lạc. Dùng tiền đổi tiền, vì Phật pháp Tăng, v.v...

***20 Giới mua bán:**

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Bạt-Nan-Đà đi vào các thôn xóm không có trú xứ, đem các loài gừng sống để đổi thức ăn, ăn rồi thì đem đi. Sau đó, ngài Xá-lợi-phất đi khất thực. Đàn việt nói lại việc của Bạt-Nạn-Đà, Ngài hổ thẹn không nói gì. Chúng Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền đặt ra giới nầy.

Nếu Tỳ-kheo các thứ: dùng thuốc đúng thời đổi thuốc phi thời, thuốc bảy ngày, thuốc suốt đời, phạm Ba-lợi-Ca-la. Các vật trao đổi như thế cho đến đem y đổi y.

Phiến mãi: Nghĩa là vật trên dưới một tiền. Tăng mãi là giá trị một tiền, nói thẳng ba tiền. Trùng tăng mãi: Là Tăng giá trị một tiền nói giá năm tiền. Mại (mua) cũng phạm như thế.

Ni-Tát-Kỳ Ba-dật-đề: - Tỳ-kheo ni đồng phạm. Không phạm là: cho phép năm chúng xuất gia trao đổi với nhau, nên tự xét định. Trong Phật pháp không tính toán, mua bán cao thấp như ở chợ. Không được trao đổi với người, không được bảo tịnh nhân trao đổi. Nếu hối hận thì cho đổi lại. Nếu đem bơ dầu cùng trao đổi thì không phạm.

***21 Giới chứa, bát quá hạn lượng:**

Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm Tỳ-kheo sáu vị chứa bát, bát xấu thì bỏ lại để tìm bát mới tốt hơn. Do đó mà bát càng nhiều. Các cư sĩ đi qua thấy vậy liền quở: - Chẳng khác gì tiệm bán đồ gốm! Tỳ-kheo nêu tội, Phật quở trách rồi đặt ra giới nầy.

Nếu Tỳ-kheo chứa bát dư: Ở đây có sáu loại: Bát sắt, Bát đen, Bát đỏ, bát nước Tô-ma, bát nước Ô-già-la, bát nước Ưu-già-xa.

Đại yếu thì có hai: Bất sắt và Bát bằng đất bùn. Lớn thì ba đấu. Nhỏ thì một đấu rưỡi, đó là lượng của bát. Như thế nên thọ trì, nên tịnh thí. Bất tịnh thí: Tịnh thí, không tịnh thí đều đối với tám môn. Như giới chứa y dư không khác.

Đủ mười ngày: Bấy giờ, ngài A-nan có được một cái bát quý muốn dâng cho ngài Ca-diếp. Vì ngài Ca-diếp mười ngày nữa mới trở về. Sợ phạm xả đọa nên A-nan bạch lên Đức Phật, Phật liền chế được để mười ngày.

Nếu quá thì phạm Ni-Tát-Kỳ Ba-Dật-Đề. Ni cũng đồng phạm. Về biện tướng khai thông như giới chứa y dư.

***22 Giới: Xin Bát quá phần:**

Phật ngự tại nước Xá-vệ, Bạt-Nan-Đà bị vỡ bát, xin được nhiều bát chứa để. Hàng cư sĩ xem xét mới biết ông thọ nhiều liền chê trách nói: Tỳ-kheo này thọ giữ không biết nhàm chán. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật liền chế giới.

Nếu Tỳ-kheo chứa bát dưới năm chỗ hàn chưa bị chảy: Cách khoảng hai ngón tay chưa bị nứt.

Vì muốn tốt mà xin bát mới: Nếu đủ năm chỗ hàn chưa chảy mà cầu bát mới thì phạm Đột-cát-la.

Ni-Tát-Kỳ: Trong đây, Xả là xả bát trong tăng: ở trú xứ nầy đã đơn phương tác bạch thọ sám. Liền nói tên tội chủng tướng. Trách tâm sinh nhàm chán xa lìa. Bát nếu còn tốt thì giữ lại theo thứ lớp đổi từ Bát vị Thượng tọa cho đến bát vị hạ tọa, đem cho Tỳ-kheo ấy.

Ba-Dật-Đề: Tỳ-kheo-ni đồng phạm. Tỳ-kheo kia nên đến trước tăng, đem bát lần lượt đổi cho đến bát của vị hạ tọa, rồi trì lấy. Cho đến vỡ, nên trì bát như thế.

Tăng bạch hai lần đem bát vị hạ tòa cho vị ấy. Vị Tỳ-kheo nên trì lấy, không được để dao gậy, gạch đá rớt vào. Không được để bát ở giữa đường, trên tảng đá, dưới gốc cây và nơi đất không bằng phẳng. Không được để trên ngạch cửa sổ, dưới ngạch cửa, ở dưới giường hay góc giường, trừ lúc để tạm. Không được để giữa hai giường, không được đứng rửa bát, cho đến dùng chân đạp. Nếu dùng phi bát thì phạm Đột-

cát-la.

Không phạm: Như năm chỗ hàn bị chảy mà xin bát mới, hoặc xin của người bà con, hoặc xin từ người xuất gia, hoặc xin cho người, hoặc người xin cho mình, không cầu mà được. Hoặc cúng dường thứ lớp mà được, nếu tự có giá mua mà chứa thì đều không phạm.

***23 Giới xin chỉ nhờ người chẳng phải bà con dệt y:**

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Bạt-Nan-Đà may Tăng-già-lê, đi xin chỉ. Chỉ xin được nhiều bèn nhờ người dệt thành vải, tự làm khung cửi, xem coi thợ dệt. Các cư sĩ chê trách, Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền quở trách rồi đặt ra giới nầy.

Nếu Tỳ-kheo tự xin chỉ sợi: là đến các nơi để xin, có mười thứ chỉ vải.

Nhờ thợ dệt chẳng phải bà con dệt y: Nếu thợ dệt và người cho là bà con thì không phạm. Chẳng phải bà con thì phạm Đột-cát-la. Tự dệt, xem người dệt, làm khung dệt đều phạm Đột-cát-la. Ni-tát-Kỳ Ba-dật-đề: Tỳ-kheo-ni đồng phạm. Không phạm: Cả hai đều là bà con. Nếu tự dệt để làm túi đựng bát, bện dây làm thắt lưng, làm khăn mũ thì được.

***24 Giới khuyên thợ dệt, thêm sợi:**

Phật ngự tại nước Xá-vệ, Cư sĩ đưa sợi cho thợ dệt, dệt y cho Bạt-Nan-Đà. Vị này sau đó đến nhà thợ dệt lựa những loại sợi tốt đưa cho thợ dệt, bảo dệt và hứa cho thêm tiền. Các cư sĩ chê trách, các Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền đặt ra giới nầy.

Nếu Tỳ-kheo, có cư sĩ hoặc con cư sĩ bảo thợ dệt may y cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo trước không được tha hồ thỉnh. Nếu cư sĩ cho Tỳ-kheo giá tiền y, ít muốn biết đủ, cầu xin, không được thì tùy ý.

Tỳ-kheo tìm đến thợ dệt mới nói: Y này dệt cho tôi đó, nên dệt cho thật đẹp, rộng dài, bền chắc, tôi sẽ cho ông thêm tiền, dù chỉ một bữa ăn, nếu được y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu cầu y không được thì phạm Đột-cát-la, ni cũng đồng phạm.

Không phạm: xin giảm ít, xin của bà con, xin người xuất giá, người khác xin cho mình.

***25 Giới giật y Tỳ-kheo:**

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Đệ tử của Nan-đà giỏi về hạnh khuyến hóa. Bạt-Nan-Đà ý muốn cho đi theo du hóa nên cho y trước. Có Tỳ-kheo khác nói: Người đó ngu si không biết tụng giới, thuyết giới, Bồ-tát Yết-ma, đi sau mà không theo. Người ấy liền giật lại y. Tỳ-kheo quở trách, Phật do đó chế giới.

Nếu Tỳ-kheo trước cho y Tỳ-kheo kia, sau đó vì tức giận giật lại

hay bảo người giật lại: - Trả y lại cho tôi không cho ông đâu. Nếu tức giận giật lại hay bảo người giật lại và che giấu thì phạm. Giật mà chứa giấu thì phạm Đột-cát-la. Nếu lấy mà bỏ trên ghế, trên cây, trên giường nằm và đi chỗ khác thì phạm xả đọa. Không lìa chỗ thì phạm Đột-cát-la.

Kia nếu trả y mà lấy y thì phạm Ni-tát-Kỳ Ba-dật-đề. Ni cũng đồng phạm như tăng.

Không phạm là không tức giận nói rằng: - Ta hối hận, ta không cho ông đâu. Trả y lại cho ta. Người kia biết tâm nầy hối hận thì trả y lại. Nếu có người khác nói: Tỳ-kheo này hối hận muốn lấy y lại, vô đạo lý giựt lại thì không phạm vì sợ mất, sợ hoại. Nếu người kia phá giới, phá kiến, phá oai nghi. Nếu đáng diệt tẩn thì nên diệt tẩn. Nếu vì việc này mà bị phạm nạn. Tất cả giật lấy không che giấu thì đều không phạm.

***26/ Giới chứa thuốc quá hạn:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, có vị Tỳ-kheo bị bịnh phong vào mùa Thu mình mẩy khô gầy sinh ra lở loét.

Phật bảo: Có dầu sữa, bơ sống, mỡ mật cho người bịnh dùng đúng thời hoặc phi thời.

Khi Phật ngự tại La-duyệt-kỳ, đồ chúng của ngài Tất-lăng-già chứa các loại sữa mật chảy tràn lan, bị người đạo tục chê trách, bạch lại với Phật: Phật liền đặt ra giới nầy.

Nếu Tỳ-kheo bị bịnh: Nghĩa là thầy thuốc bảo uống các loại thuốc như thế.

Chứa các loại thuốc, bỡ dầu, bơ sống, mật thạch v.v... được dùng trong bảy ngày. Nghĩa của câu tám môn đều như giới y ở trước.

Nếu dùng quá bảy ngày thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Ở đây nên xả cho tăng. Bạch trị tội xong thì trả lại thuốc cho người kia. Đúng theo pháp thì đến bảy ngày xả cho Tỳ-kheo. Người kia nên lấy dùng. Nếu quá bảy ngày thì dầu bơ quét lên cửa; Mật, thạch mật thì cho người giữ vườn. Dưới bảy ngày, bạch hai lần thì trả lại, Tỳ-kheo nên lấy dùng để đốt đèn.

Ba-dật-đề: Tỳ-kheo-ni đồng phạm.

Không phạm: Như xả dùng ở trên không khác nhau.

***27 Giới: quá trước một tháng xin áo tắm mưa, trước nửa tháng dùng tắm.***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, bà Tỳ-xá-khử thỉnh Phật và chúng tăng. Khi người hầu đến bạch thỉnh, thấy các Tỳ-kheo lõa hình tắm. Nhân

đó mà phát tám nguyện được Phật khen ngợi. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị thường đến đó xin áo mưa. Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền chế giới.

Nếu Tỳ-kheo sau mùa xuân một tháng thì xin áo tắm mưa.

Áo tắm mưa: là Tỳ-kheo mặc áo tắm mưa. Có mười loại: Nên xin vào ngày mười sáu tháng ba.

Nửa tháng dùng áo tắm mưa để tắm, vào ngày mùng một tháng tư thì dùng.

Nếu Tỳ-kheo xin áo tắm mưa hơn trước một tháng là xin trước ngày mười sáu tháng ba.

Dùng tắm quá trước nửa tháng: Nghĩa là dùng trước ngày mùng một tháng tư.

Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề: Tỳ-kheo-ni phạm Đột-cát-la. Không phạm là: Nếu xả để làm cái khác, hoặc mặc tắm, hoặc giặt giũ thì không phạm.

***28 Giới: Thọ cấp y chứa quá trước quá sau:***

Phật ngự tại Tỳ-lan-nhã, cho phép chúng tăng thọ y mùa hạ. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị thường xin y, thọ y. Bạt-Nan-đà an cư ở chỗ khác, thọ y ở chỗ khác. Khi ấy, Phật ở tại nước Xá-vệ. Có vị đại thần cúng dường an cư. Phật nhân đó khai ra mà chế giới này.

Nếu Tỳ-kheo còn mười ngày nữa chưa đủ ba tháng hạ. Nghĩa là sau ngày mười sáu và trước ngày mười lăm.

Các Tỳ-kheo được y thí gấp: Nếu thọ thì được, không thọ thì mất, nên gọi là gấp. Y này có mười loại. Tỳ-kheo biết y thí gấp nên thọ. Thọ rồi thì nên chứa đúng thời y.

Y thời: là tự tứ xong không thọ y Ca-hy-Na. Một tháng thọ y năm tháng. Nếu tự tứ mười ngày, được y thí gấp, thọ rồi thì chứa từ một tháng đến năm tháng, cho đến ngày mai tự tứ thì nên thọ. Ngoài một tháng năm tháng thì tăng thêm chín ngày.

Nếu chứa quá thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề: Là thọ y thí gấp quá hơn trước hoặc quá hơn sau đều phạm xả đọa. Tỳ-kheo-ni cũng đồng phạm. Không quá trước không quá sau thì không phạm. Nếu bị cướp y, mất y, giữ hơn trước thì không phạm. Nếu Tỳ-kheo đi xa gởi lại y, bị ngăn trở sông nước, đường xá quá thời về sau thì không phạm.

***29 Giới: ở lan-nhã có nghi ngờ, lìa y quá hạn:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Các Tỳ-kheo ở trong lan-nhã, bị bọn giặc đánh, đồng thời cướp mất đồ vật. Phật bèn bảo lưu lại một y gởi trong thôn xóm. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị gởi y đi du hành. Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền đặt ra giới nầy.

Nếu Tỳ-kheo, ba tháng hạ đã xong. Ca-đề một tháng đã đủ. Nghĩa là từ nửa tháng tám về sau.

Tại A-lan-nhã: Cách làng xóm năm trăm cung. Ở nước Giá-ma-la một cung dài bốn tấc. Dùng trong lượng tấc.

Nếu có nghi: Nghi có trộm cắp.

Nơi có sự sợ hãi: Trong chỗ có trộm cắp sợ hãi, Tỳ-kheo ở chỗ như thế, trong ba y muốn để lại một y gởi trong thôn xóm, thôn nghĩa là xóm vậy.

Các Tỳ-kheo có nhân duyên lìa y ngủ cho đến sáu đêm. Nếu có nhân duyên lìa y ngủ bảy đêm, sáng ra trước khi mặt trời mọc thì phải xả y, hoặc đụng y, hoặc đến kịp chỗ ném đá thì không phạm.

Nếu quá thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Khai duyên cũng giống như giới lìa y ở trước.

***30 Giới: Xoay vật của tăng về mình:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Có cư sĩ cúng dường y cho Phạm tăng. Bạt-Nan-đà nghe biết liền nói: Bố thí cho tăng đã nhiều, nay nên bố thí cho tôi. Về sau, cư sĩ thấy Tỳ-kheo Trưởng lão oai nghi đầy đủ liền hối hận than thở. Tỳ-kheo nêu tội, Phật do đó, đặt ra giới này.

Nếu Tỳ-kheo biết: Không biết thì không phạm.

Là vật của Tăng: Có ba thứ. Vật của Tăng; đã hứa cho Tăng, vì tăng: Vì tăng mà làm nhưng chưa hứa cho tăng. Đã cho Tăng rồi: Đã hứa cho tăng rồi thì xả cho. Vật của Tăng: cho đến các vật đựng ăn uống.

Tự cầu về cho mình: Nếu hứa cho Tăng thì chuyển cho tháp. Nếu hứa cho tăng bốn phương thì chuyển cho Tăng hiện tại. Hoặc tăng ni, hoặc chỗ khác. Hoặc trái với trên, hoặc nghi tưởng lẫn nhau, đều phạm Đột-cát-la.

Ni-tát-Kỳ Ba-dật-đề: Không phạm là: Nếu không biết, hoặc làm mà không nghĩ hứa. Hoặc hứa ít mà khuyên nhiều. Hứa ít người mà khuyên nhiều người cho vật tốt. Hoặc nói vui, nói lộn thì không phạm.

Các Đại đức! Tôi đã nói ba mươi pháp Ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Nay xin hỏi các Đại đức trong đây có thanh tịnh không (ba lần). Thưa các Đại đức! trong đây thanh tịnh vì im lặng, việc nên thọ trì như vậy.

TỨ PHẦN LUẬT TỲ-KHEO GIỚI HÀM CHÚ – QUYỂN THƯỢNG
(HẾT)

■

# TỨ PHẦN LUẬT TỲ-KHEO GIỚI HÀM CHÚ GIỚI BẢN

## QUYỂN TRUNG

Thưa các Đại đức! Đây là chín mươi pháp Ba-Dật-Đề, nửa tháng thường tụng, xuất xứ từ trong giới kinh.

***1. Giới cố nói dối:*** Phật ngự tại nước Thích sí-sấu: Thích tử Tượng lực giỏi về đàm luận, luận nghị với ngoại đạo bị thua, bèn nói trái lại những lời trước. - Nếu trong tăng hỏi thì nói ngược lại. Các Phạm chứ chê bai không có chánh pháp. Tỳ-kheo nêu tội bạch lên Đức Phật: Phật liền đặt ra giới này.

Nếu Tỳ-kheo biết: Nghĩa là thấy nghe xúc biết và không thấy biết, gồm có tám loại: Kiến là nhãn thức thấy được, cho đến ý thức biết được, không thấy là trừ năm thức như nhãn thức v.v...

Mà nói dối: Hoặc cảnh giới thấy nghe xúc biết. Hoặc tưởng hoặc nghi, bèn nói không thấy nghe xúc biết phạm Ba-Dật-Đề, cho đến không thấy nghe v.v... cũng thuộc giống như trên. Nếu vốn có ý muốn nói dối, và khi nói dối mà không nhớ thì phạm Đột-cát-la. Nếu trước sau không nhớ, thì ngay lúc nói dối mà biết thì phạm Ba-dật-đề.

Nếu chỗ thấy khác, chỗ nhẫn khác, chỗ mong muốn khác, chỗ xúc chạm khác. Chỗ nghĩ tưởng khác, chỗ tâm khác. Các việc nầy đều là nói dối, lúc nói giới cho đến ba lần hỏi nhớ nghĩ có tội, mà không nói thì phạm Đột-cát-la.

Ba-dật-đề: Nếu nói không rõ thì phạm Cát-la. Ni cũng đồng phạm. Ba chúng dưới phạm Cát-la.

Không phạm: Có tám thứ: không thấy nói không thấy, cho đến biết nói biết. Nếu ý có thấy nghĩ thì nói không phạm.

***2. Giới mắng nhiếc:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị mắng chửi những người xử đoán sự việc trước kia. Các Tỳ-kheo bạch lên Phật. Phật lấy thí dụ các con vật. Loài súc sinh bị hủy nhục còn không thể chịu nổi, rồi

Phật đặt ra giới nầy.

Nếu Tỳ-kheo chủng loại: Có nhiều chủng loại thấp hèn, giòng họ gia thế, hành nghiệp cũng thấp kém. Về kỹ thuật khéo léo cũng thấp. Hoặc nói: - Ông phạm lỗi, hoặc nói nặng về kiết sử, hoặc nói đồ đui mù, v.v...

Đều dùng lời hủy nhục, mắng nhiếc Tỳ-kheo khác bằng sáu loại như thế. Hoặc mắng trước mặt, mắng bằng ví dụ, tự mắng đều phạm đọa. Nói không rõ thì phạm Đột-cát-la.

Ba-dật-đề: như nói pháp lành mà mắng trước mặt. Nói ta là, A-lan-nhã, cho đến ngồi thiền. Hoặc ví dụ mà mắng. Ông dường như ngồi thiền. Hoặc tự so sánh mà mắng chửi: nói ta chẳng phải như vậy. Nói rõ hay không đều phạm Đột-cát-la. Ni thì phạm xả đọa. Ba chúng khác phạm Đột-cát-la.

Không phạm: Vì làm lợi ích cho nên nói. Vì pháp, vì luật, vì dạy bảo, vì người thân hậu cho nên nói. Hoặc lúc cười vui lỡ nói. Hoặc nói lầm.

***3 Giới hai lời***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm Tỳ-kheo sáu vị đem lời người này nói với người kia, làm cho chúng đấu tranh không thể nào dứt diệt. Các Tỳ-kheo bạch lỗi này lên Đức Phật. Phật liền dẫn dụ hai con thú dã can ưa đánh nhau, huống gì là con người. Sau đó Phật quở trách và đặt ra giới này.

Nếu Tỳ-kheo nói hai lưỡi: Nghĩa là mười chúng đấu loạn, muốn kia đây chia lìa...

Ba-dật-đề: Không phạm là muốn phá tri thức xấu ác, bè đảng xấu ác. Các vị Hòa-thượng, đồng sư, tri thức, bạn thân, nên dùng những lời nói vô nghĩa vô lợi, muốn dùng phương tiện mà không có lợi ích ý nghĩa, phá người như thế thì không phạm.

***4. Giới ngủ chung một nhà với người nữ:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, A-Na-luật đi hành hóa ngủ lại nhà một dâm nữ, người nữ khỏa thân đến quấy nhiễu. Tôn giả bay lên hư không. Người nữ xấu hổ xin sám hối. Tôn giả nói pháp cho nghe, được đắc đạo. Các Tỳ-kheo nêu tội, Phật quở trách rồi đặt ra giới này.

Nếu Tỳ-kheo cùng với phụ nữ: Người nữ có sự hiểu biết, mạng căn không dứt.

Đồng thất: Bốn bên có mái tường, trên có che. Hoặc phía trước không có tường. Hoặc che mà không kín hết, hoặc che kín mà có chỗ khai.

Túc (đêm): Hoặc đến trước sau, hoặc đến một lượt, hoặc hơi hoặc nằm, hễ hông chạm đất, hoặc chuyển nghiêng đều phạm.

Ba-dật-đề: Hoặc ngủ chung với nữ phi nhân, Súc sinh cái, Hoàng môn nữ, người hai căn, đều phạm Đột-cát-la. Ban ngày người nữ đứng, Tỳ-kheo nằm thì phạm Đột kiết la.

Không phạm: là không biết nhà kia có người nữ. Như phòng không che, hoặc che ít, che phân nửa, hoặc che hết. Các cú đều y cứ theo như trên. Hoặc lúc bịnh nằm, bị trói buộc nạn phạm hạnh, nạn sinh mạng thì cho khai.

***5. Giới ngủ quá hạn với người chưa thọ giới cụ túc:***

Phật tại thành Khoáng Dã, nhóm Tỳ-kheo sáu vị cùng với Trưởng giả ngủ ở giảng đường. Lúc ngủ tâm tán loạn nên mình mẩy lõa lồ ra bị họ chế nhạo. Các Tỳ-kheo bạch lên Đức Phật, nhân đó Phật đặt ra giới. Lúc Phật ở nước Câu-Diệm-Di lại khai cho hai ba đêm, kết lại giới nầy.

Nếu Tỳ-kheo cùng người chưa thọ đại giới: Trừ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni là những người chưa thọ đại giới.

Cùng ngủ: Là ngủ chung nhà như ở trước đã nói: Quá hai đêm cho đến ba đêm, hoặc hai đêm, hoặc ba đêm, sáng mặt trời chưa mọc thì tránh đi. Đến bốn đêm, hoặc tự đi, hoặc bảo người chưa thọ đại giới đi.

Ba-dật-đề: Nếu ngủ quá ba đêm với phi nhân, Súc sinh đực, tất cả đều phạm Đột-cát-la. Khai duyên đồng như giới trước.

***6. Tụng giới với người chưa thọ giới cụ túc:***

Phật ngự tại thành Khoáng Dã, nhóm Tỳ-kheo sáu vị cùng các vị Trưởng giả tụng kinh ở Giảng đường. Âm thanh quá lớn làm động các vị ngồi thiền. Tỳ-kheo nêu tội, bạch lên Đức Phật, Phật do đó mà đặt ra giới này.

Nếu Tỳ-kheo cùng với người chưa thọ đại giới: Như trên đã nói.

Cùng tụng: Nghĩa là tụng cú nghĩa, chữ nghĩa câu cú. Chẳng phải cú nghĩa cũng như vậy.

Nói cú nghĩa, là đồng tụng không trước, không sau.

Phi cú nghĩa: Như một người nói: “các điều ác chớ làm” chưa xong thì người thứ nhất tiếp ngay.

Cú vị: Là nhãn vô thường, v.v...

Phi cú vị: Là sao lại trước.

Tự nghĩa: Là đồng tụng chữ A, phi tự nghĩa là sao lại chữ A ở trước.

Pháp: Nghĩa là Phật nói chánh pháp cho Thanh văn, các vị tiên,

các vị trời nghe.

Ba-dật-đề: Nếu cùng tụng một thuyết, hai ba thuyết, hoặc miệng trao, sách trao. Hoặc rõ hay không rõ và súc sinh, phi nhân đều phạm tội Đột-cát-la. Hoặc thầy không dạy rằng: Ta nói xong ông hãy nói, thì Thầy phạm Cát-la.

Không phạm: Ta nói xong ông hãy nói, một người tụng xong một người đọc. Nếu đồng nghiệp, đồng tụng, hoặc do vui cười mà nói, nói lầm kia đây, đều không phạm.

***7. Giới nói tội thô:***

Phật ngự tại thành La-duyệt, có Tỳ-kheo Ba-lợi-Bà-sa ma-na-đỏa đang hành tọa ở dưới. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị vì có phạm tội nên nói với những người tại gia. Người có lỗi và các Tỳ-kheo đều hổ thẹn! Tỳ-kheo nêu tội, Phật quở trách và đặt ra giới nầy.

Nếu Tỳ-kheo biết người đó: Không biết thì khai.

Có tội thô ác: Phạm bốn Ba-la-di, Tăng-già-Bà-thi-sa.

Hướng về người chưa thọ Đại giới. Trừ Tăng có làm Yết-mạnh mẽ, phạm ba-dật-đề. Trừ tội thô, đem tội khác mà nói đó: Tự nói thô tội, tội người khác. Tất cả phạm Đột-cát-la. Không phạm là nếu không biết, hoặc chúng tăng sai, hoặc tưởng chẳng phải tội thô, hoặc nghe người tại gia nói trước rồi thì không phạm.

***8. Giới: Nói thật đã đắc đạo với người tại gia.***

Phật ngự tại Tỳ-xá-ly. Vì trước có duyên đại vọng ngữ, liền hợp tăng lại quở trách rồi đặt ra giới này.

Nếu Tỳ-kheo hướng về người chưa thọ đại giới nói pháp hơn người, nói tôi thấy như vậy, biết như vậy là thật, đó là phạm Ba-dật-đề, đồng thời như thiên đầu ở trên, hoặc nói nghiệp báo, hoặc vui cười nói lầm thì không phạm.

***9. Giới nói pháp riêng cho người nữ.***

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Ca-lưu-Đà-Di ở trước người Cô cùng với các bé gái nói pháp. Do người cô hỏi han. Tỳ-kheo nêu tội. Phật do đó đặt ra giới. Sau khai ra năm sáu lời và người có trí nói quá hạn, v.v... Nếu Tỳ-kheo cùng người nữ: như trên.

Nói pháp quá năm: Là sắc, thọ, tưởng, hành, thức vô ngã.

Sáu lời: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý vô thường.

Trừ người nam có trí: Hiểu việc nào thô ác, việc nào không thô ác.

Ba-dật-đề! Nếu nói không rõ thì phạm Đột-cát-la. Nếu nói lỗi với phi nhân, súc sinh thì cũng vậy.

Không phạm: Nếu nói năm, sáu lời và người nam có sự hiểu biết: Nếu không có thì tùy theo lời hỏi mà đáp. Hoặc thọ năm giới ưu-Bà-di. Cho đến nói năm giới pháp và thọ giới Bát quan trai, nói pháp Bát quan trai, tám thánh đạo, mười pháp bất thiện. Người nữ hỏi nghĩa không giảng nói rộng ra, đều được.

***10. Giới đào đất:***

Phật ngự tại thành Khoáng Dã, nhóm Tỳ-kheo sáu vị vì Phật mà lo sửa sang giảng đường, rào chung quanh rồi tự đào đất, các vị Trưởng giả chê trách rằng, không biết chánh pháp, cắt đứt mạng sống vật khác, bèn bạch lên Đức Phật, Phật nhân đó đặt ra giới này. Sau, nhóm Tỳ-kheo sáu vị dạy người sửa lại giảng đường, nói Quật nghĩa là đặt (trí) an trí, các trưởng lão lại chê trách. Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền chế giới.

Như Tỳ-kheo tự tay đào, hoặc dùng cuốc sẻng đào xới cho đến hái rau quả làm thương tổn sinh vật, bổ cuốc vào đất, nổi lửa trên đất và tưởng có đất.

Đất: là đất chưa đào hoặc đất đã đào, vào tháng tứ gặp trời mưa dầm thi hoàn lại như cũ.

Hoặc dạy người đào: Nếu không nói rằng xem đây biết đây thì phạm Đột-cát-la.

Ba-dật-đề: Hai chúng dưới phạm Đột-cát-la, thiên dưới cũng đồng như vậy.

Không phạm: Nếu nói “biết đây xem đây”, hoặc kéo cây trong xóm, hoặc dùng làm rào, hoặc lấy gạch đá giữ phân bò, hoặc phá vỡ đất núi, hoặc hang chuột v.v... Trừ chỗ kinh hành và đất trong nhà, hoặc qua lại kinh hành quét đất, không cố ý đào tất cả không phạm.

***11. Giới phá hoại hạt giống chúng sinh:***

Phật ngự tại thành Khoáng Dã, họp tăng lại bảo rằng: Có một Tỳ-kheo sửa sang phòng ốc mà tự chặt cây, đó chẳng phải pháp sa-môn, Ngài quở trách rồi chế giới.

Nếu Tỳ-kheo hoại: Nếu chặt phá làm rơi rớt đều gọi là Hoại.

Quỷ thần: Là phi nhân.

Xóm: Là nơi nương ở của cây cỏ, súc sinh, quỷ thần. Xóm có năm loại là: Căn chủng (gốc), chí chủng (cành), tiết chủng, phú la chủng, và tử tử chủng.

Ba-dật-đề: Hoặc nghĩ là có chủ, tự chặt hoặc bảo người chặt, tự đốt bảo người đốt, đều phạm xả đọa, sinh nghi thì phạm Đột-cát-la. Cây cỏ có bảy thứ sắc, tự hoại bảo người hoại thì phạm xả đoạ. Sinh nghi và tưởng thì phạm Đột-cát-la. Hoặc đóng đinh cột ở chỗ sinh cỏ cây,

hoặc đốt lửa đều phạm xả đọa. Nếu chặt đứt phần nhiều cỏ cây sống thì phạm xả đọa. Chặt đứt nửa làm khô cây và không nói "biết đó xem đó" thì phạm Đột-cát-la.

Không phạm: Nếu nói "xem đó biết đó", hoặc chặt cây cỏ khô héo. Nếu nơi có cỏ cây xanh mà chặt cây chặt trúc. Làm hàng rào, đẽo đá lấy phân bò. Hoặc nơi cỏ cây sinh trưởng dùng cây gậy ngăn chặn. Hoặc dùng gạch đá che chắn làm bị hư hoại cây cỏ. Hoặc trừ chỗ đất kinh hành, hoặc quét chỗ kinh hành. Hoặc dùng gậy cắm xuống đất lỡ làm hại cỏ thì không phạm.

***12. Giới dùng lời nói làm xúc não:***

Phật ngự tại nước Câu-Diệm-tỳ, Tỳ-kheo Xiển-đà phạm tội, Tỳ-kheo khác vặn hỏi thì lấy việc khác để đáp. Đem lỗi đó bạch lên Phật, Phật liền quở trách, sau Xiển-đà lại dùng lời khác làm xúc não tăng, bảo đến không đến, cho đến không nên nói mà nói. Các Tỳ-kheo bạch lỗi đó lên Đức Phật, Phật quở trách rồi lại xúc não, do đây mà Phật đặt giới.

Nếu Tỳ-kheo nói vọng lời khác, Tăng chưa bạch trước lại nói lời khác: - Ông nói ai? Nói việc gì? Luận theo lý gì? Vì tôi hay vì người khác mà nói, tôi không thấy được tội này, tất cả đều phạm Đột-cát-la. Nếu tác bạch rồi mà nói như thế thì phạm xả đọa.

Xúc não người: Như trong duyên trước, cho đến không nên nói mà nói. Tất cả phạm Đột-cát-la. Bạch rồi mà nói thì phạm Ba-dật-đề.

Ba-dật-đề: Nếu Thượng tọa gọi mà không đến phạm Cát-la.

Không phạm: Nghe lại vì không rõ, lời nói trước có sai lầm. Ông nói ai, cho đến nói tôi không thấy tội này. Hoặc làm yết-ma phi pháp không có lợi ích, không hòa hợp nhau, gọi đến không đến. Hoặc làm Yết-ma phi pháp. Nếu không muốn biết, dạy chớ đến lại đến. Nếu một chỗ ngồi thọ thực, hoặc không làm các pháp thọ thực khác. Hoặc bịnh kêu dạy không dạy. Bị nạn về phạm hạnh, về tánh mạng, bảo chớ dậy mà dậy. Nếu có tâm ác hỏi mà không cho nói. Hoặc làm việc phi pháp liền quở trách hoặc nói ít, hoặc nói lầm, tất cả đều không phạm.

***13. Giới: chê mắng vị Tri sự:***

Phật ngự tại thành La-duyệt. Tỳ-kheo Đạp-Bà-ma, Tăng sai làm Tri sự. Tỳ-kheo Từ Địa theo chỗ nhãn kiến bình đẳng của mình mà bị chê trách. Đem lỗi đó bạch lên Đức Phật, Phật liền chế giới. Sau lại bị mắng chửi về chỗ nghe. Lại bạch lên Đức Phật, Phật chế lại giới trước.

Nếu Tỳ-kheo chê bai: Nghĩa là diện kiến chỗ không nghe nói là

có thương giận sợ si...

Mắng: Đối với điều không thấy nghe mà mắng chửi.

Ba-dật-đề: Nếu không nghe lời Thượng tọa dạy mà hiềm trách thì phạm Đột-cát-la.

Không phạm: là thật có việc ấy, sợ sau hối hận, khiến cho đúng như pháp mà phát lồ, liền nói có thương giận sợ si. Nếu vui cười nói lỡ lời thì không phạm.

***14. Giới: ở chỗ đất trống bày vật của tăng:***

Phật ngự tại Xá-vệ: có vị Trưởng giả thỉnh tăng. Nhóm Tỳ-kheo mười bảy vị bày đồ ngồi của tăng ra đất để đi kinh hành. Đến giờ thọ thực lại không thu dọn, bị gió bụi trùng chim làm cho dơ bẩn. Chúng tăng đem lỗi này bạch lên Đức Phật: Phật quở trách rồi đặt ra giới nầy.

Nếu Tỳ-kheo lấy vật của tăng: Vật chúng tăng là thuộc tăng, có ba loại.

Thằng sàng (giường dây) có năm loại: gồm chân xoay, chân đặt, chân cong, đặt vào bệ, không chận.

Giường cây: Cũng như trên đã nói.

Hoặc đồ nằm: Dùng để nằm, hoặc ngồi.

Đồ ngồi: Thường dùng để ngồi.

Trải ra đất hoặc bảo người trải rồi bỏ đi, không tự dọn dẹp hay nhờ người dọn dẹp, phạm Ba-dật-đề.

Kia đem vật của tăng giao cho Tri sự và nói: Ta giao cho ông trông coi giữ gìn. Nếu không có người dùng thì đưa chỗ khác che đậy. Nếu không có (chỗ che) thì biết là vô hại. Nếu lấy vật thô che trên vật tốt. Nếu trở lại ngay thì nên đi, tùy nhanh kịp lúc mưa và trở lại kịp thì nên đi. Người kia lần lượt phương tiện làm như thế rồi đi. Nếu không làm thì vừa bước ra cửa liền phạm xả đọa. Nếu phương tiện hoàn trả lại tất cả phạm Đột-cát-la.

Nếu hai người ngồi chung, thì vị hạ tọa nên thâu lại, nếu không thì phạm hai tội.

Thượng tọa phạm một xả đọa. Nếu đều không thâu thì cả hai đều đọa.

Nếu là giường ngồi, giường cây v.v... không thâu và đồ nằm thì tất cả phạm Đột-cát-la. Nếu trải bày vật của chúng tăng mà không vào phòng tư duy phạm Đột-cát-la

Không phạm: Đi lúc bày vật tăng ra, nói với người đến trước, người kinh doanh Ma-ma-đế kinh doanh khiến cho cho biết. Tất cả các

phương tiện như trên đều không phạm.

***15. Giới: Trải vật chúng tăng ở chỗ có che đậy:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Có khách tăng ở phòng bên trải đồ nằm ngủ nghỉ, không nói mà bỏ đi, đồ nằm bị trùng dế cắn hư nát. Tỳ-kheo bạch lên Đức Phật, do đó chế ra giới này.

Nếu Tỳ-kheo vào phòng tăng trải đồ ngồi: nghĩa là giường cây, giường dây, mùng mền, chiếu gối trải dưới đất, cho đến nệm nằm.

Nếu tự trải hay bảo người trải, hoặc ngồi hoặc nằm, khi bỏ đi không dọn dẹp hay nhờ người dọn dẹp: Kia nên nói với vị Tỳ-kheo cựu trụ rằng: Cho tôi trải ngồi. Nếu không có người thì không sợ mất. Nên dời giường cách với tường chân giường cao lên. Đặt gối mền vào trong, dùng các vật thô đậy lên. Nếu sợ hư hoại, thì đem đồ nằm và các vật dụng để trên giá y, dựng đứng giường lên rồi đi. Nếu không thì vừa ra khỏi giới liền phạm tội đọa. Muốn đi mà hối hận trở lại thì phạm Đột-cát-la. Nếu trở lại không bao lâu thì cho hai đêm ở bên ngoài. Đêm thứ ba, khi mặt trời chưa mọc thì không được tự đến, không nhờ người giữ thì phạm đọa.

Ba-dật-đề: trong không phạm: Như phương tiện ở trên là ở ngoài giới bị ngăn cách bởi đường xá sông nước, bị các duyên nạn sinh mạng, nạn phạm hạnh thì khai cho.

***16. Giới trải đồ nằm đại:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Nhóm Tỳ-kheo mười sáu vị và mười bảy vị đi chung đường, đến chỗ không trụ xứ, mười bảy vị tự tìm được chỗ ở, con sáu vị biết tìm được chỗ ngủ đêm, bắt buộc trải đồ ngồi trong đó ngủ nghỉ. Tỳ-kheo bạch Phật: Phật liền chế giới.

Nếu Tỳ-kheo biết, không biết thì khai, Tỳ-kheo trước đến trụ, người đến sau cưỡng bức ở trong đó, hoặc bên đầu, hoặc bên chân, hoặc hai bên hông.

Trải đồ ngồi: trải có lá cho đến trải nệm dưới đất để nằm.

Người kia trải đồ ngồi ngủ nghỉ và nói: Người đó sẽ chê chật bỏ đi. Nhân duyên như thế là chẳng đúng oai nghi, phạm Ba-dật-đề. Nghĩa là tùy theo vừa đặt lưng nằm xuống thì phạm kiết la.

Không phạm: Trước không biết hoặc nói đã trụ, trước cùng mở ra, hoặc rộng hẹp không có trở ngại. Hoặc người thân cựu dạy rằng: - Hãy trải ra, rồi tôi sẽ nói với chủ. Hoặc bịnh, hoặc té dưới đất. Nếu bị thế lực níu kéo, hoặc bị buộc ràng, hai nạn sinh mạng và phạm hạnh thì không phạm.

***17. Giới: Kéo người ra khỏi phòng:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm Tỳ-kheo sáu vị và mười bảy vị cùng đi trên đường. Đến một ngôi nhà nhỏ, nhóm mười bảy vị đi trước vào chùa quét dọn sạch sẽ. Nhóm sáu vị biết chỗ đó tốt bèn vào xua đuổi, lôi kéo các vị ra. Tỳ-kheo đem lỗi ấy bạch với Đức Phật: Phật liền đặt ra giới này.

Nếu Tỳ-kheo tức giận không muốn Tỳ-kheo kia ở trong phòng, tự kéo ra hay bảo người kéo ra: Nếu tự làm, bảo người làm, tùy theo nhiều ít mà phạm tội xả đọa. Nếu ném vật của người ra khỏi phòng, đóng cửa nhốt người ở ngoài đều phạm Đột-cát-la.

Ba-dật-đề: Không phạm là không có tâm tức giận đuổi ra, đuổi người chưa thọ giới, hoặc người phá giới, phá kiến, phá oai nghi và bị diệt tẫn. Do đây mà đuổi người bị nạn phạm hạnh, nạn sinh mạng thì đều khai cho.

***18. Giới ngồi trên giường sút chân:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, các Tỳ-kheo ở trên lầu, ngồi giường sút chân, chân giường sứt ra đè lên các Tỳ-kheo làm thân thể bị thương chảy máu, ông tức giận ngửa mặt lên mắng chửi. Chúng Tỳ-kheo nêu tội, Phật quở trách rồi đặt ra giới nầy.

Nếu Tỳ-kheo ở trong phòng: Nghĩa là phòng Tăng hoặc phòng riêng.

Hoặc trên lầu nhiều tầng: Nghĩa là đứng, đầu không đụng ở trên.

Giường dây hoặc gường cây chân rời: chân rời là chân tra vào bệ.

Hoặc nằm hoặc ngồi: lưng đặt xuống giường.

Ba-dật-đề: Trừ bước chân lên giường rồi, nếu ngồi riêng trên giường, hoặc giường một ván, giường tục, tất cả phạm Đột-cát-la.

Không phạm: Nếu ngồi trên chân giường xoay, chân giường đặt yên, chân còng, giường không chân, v.v...

***19. Giới dùng nước có trùng:***

Phật ngự tại Câu-Diệm-Di, Xiển-đà xây thất, hòa bùn nước có trùng và dạy người hòa. Các Trưởng giả trông thấy chê trách là làm hại chúng sinh, không phải chánh pháp. Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền đặt ra giới nầy.

Nếu Tỳ-kheo biết: không biết thì không phạm. Nước có trùng hoặc tưới lên bùn, lên cỏ, dạy người tưới. Hoặc ném cỏ đất vào đất có trùng. Hoặc nước có trùng bỏ vào nước sữa, hoặc tưới vào bùn cỏ. Tất cả đều phạm xả đọa, dạy người cũng như vậy.

Ba-dật-đề: Không phạm: là không biết nước có trùng nghĩ là

không trùng. Hoặc loài trùng lớn dùng tay khuấy lên cho nó bò đi, nếu lọc nước rưới lên đất hoặc dạy người rưới, tất cả đều không phạm.

***20. Giới lợp nhà quá hạn lượng:***

Phật ngự tại nước Câu-Diệm-di, Xiển-đà xây thất, lợp nhiều lớp làm cho nhà bị sập. Cư sĩ chê trách, bảo đàn việt tuy cúng dường cũng phải biết đủ. Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền đặt ra giới nầy.

Nếu Tỳ-kheo xây phòng xá lớn: phải dùng nhiều vật liệu.

Cửa lớn, cửa sổ và các món trang sức phải chạm khắc, sơn vẽ.

Chỉ cho lợp bằng tranh: có hai hình thức là lợp ngang và lợp dọc.

Chừng hai, ba bóp tay, nếu quá: Tỳ-kheo kia trao cho chừng ba lóng tay chưa xong thì đến chỗ không thấy, không nghe. Nếu không đến chỗ không thấy nghe thì khi ba lóng tay xong liền phạm đọa.

Ba-dật-đề: Hoặc bỏ chỗ thấy nghe thì phạm Kiết la.

Không phạm: Như trên chỉ trao cho chỗ lìa xa thì khai cho.

***21.: Ni đón rước giáo thọ.***

Phật ngự tại nước Xá-vệ: ni Đại Ái đạo đến thỉnh giáo thọ. Phật sai tăng đến, Tăng theo thứ lớp Bàn-Đà đến đó nói pháp. Đến lượt nhóm Tỳ-kheo sáu vị đến thì toàn nói thế luận. Bà Ái Đạo bạch với Phật, Phật liền Yết-ma sai và đặt ra giới này.

Nếu Tỳ-kheo tăng: Một nói giới, một Yết-ma.

Bất sai: Không ở trong tăng bạch hai lần Yết-ma.

Giáo thọ: Có tám điều không trái luật, văn nói ra đầy đủ.

Tỳ-kheo-ni phạm Ba-dật-đề: Hoặc lúc nói giới, trên tòa hỏi đáp rồi, hoặc tăng sai. Hoặc tùy theo ni thỉnh, Tỳ-kheo đúng thời đến.

Ni cũng đúng lúc đón rước, nếu trái đều phạm Cát-la. Nếu nghe tăng đến nên ra ngoài nửa do-tuần đón rước, cung cấp những vật cần dùng, không thì phạm Cát-la. Nếu tăng không sai, chẳng dạy trao cho nói tám điều không trái pháp thì phạm Đột-cát-la. Nếu không Yết-ma sai mà nói pháp thì bị đọa. Nếu tăng bịnh không hòa hợp, chúng không đầy đủ, nên sai người đến lễ bái thăm hỏi. Nếu không thì phạm Cát-la. Hai chúng Tỳ-kheo v.v.. phạm Cát-la.

Không phạm: Tỳ-kheo-ni đã y các phương tiện ở trên rồi mà vì ngăn trở đường xá sông nước khó đến thăm hỏi lễ bái thì khai cho.

***22. Giới nói pháp cho ni đến tối:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Tăng sai Nan-đà làm giáo thọ cho ni. Bà Ái Đạo lại thỉnh nói pháp nữa, cho đến khi trời tối. Các ni ra ngoài thành Kỳ-hoàn tạm ngủ qua đêm. Các cư sĩ chê bai, Tỳ-kheo bạch lên Phật, Phật liền quở trách chế giới.

Nếu Tỳ-kheo vì tăng sai: một là giáo thọ, hai là Yết-ma.

Giáo thọ: Trong chúng tăng sai bạch nhị Yết-ma.

Tỳ-kheo-ni cho đến chiều tối: vị kia được tăng sai làm Giáo thọ cho Ni, xong nên trở về lúc mặt trời chưa lặn. Giáo thọ trừ khi thọ kinh, tụng kinh, hoặc hỏi, hoặc làm việc khác cho đến chiều tối. Ni nếu vì người nữ thọ kinh của người khác cho đến chiều tối thì phạm Đột-cát-la.

Ba-dật-đề: Chúng ni phạm kiết la.

Không phạm: Là giáo thọ ni chưa tối đã nghỉ dạy, trừ phụ nữ đã vì người khác, nếu nói pháp phải qua thuyền, Ni tự đến nghe, hoặc nói pháp qua đêm cho cổ khách, hoặc trong chùa ni, hoặc nhân người thỉnh thì khai.

***23. Giới chê bai giáo thọ:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, ni nghe giáo thọ ni đến liền ra ngoài đón rước.

Nhóm Tỳ-kheo sáu vị sinh tâm ganh ghét nói: Vị kia không thật vì muốn ăn mà làm Giáo thọ ni. Tỳ-kheo bạch lỗi lên Đức Phật, Phật liền đặt ra giới.

Nếu Tỳ-kheo nói: Các Tỳ-kheo vì muốn uống ăn mà làm giáo thọ ni thì phạm Ba-dật-đề. Nếu nói không rõ ràng thì phạm Đột-cát-la.

Chúng Tỳ-kheo ni phạm Cát-la. Không phạm là khi sự thật như thế. Vì muốn cúng dường thức uống ăn nên làm Giáo thọ. Vì việc uống ăn nên dạy tụng kinh, thọ kinh. Hoặc hỏi, hoặc cười, hoặc nói lầm thì không phạm.

***24. Giới đem y cho Ni chẳng phải bà con:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Có vị Tỳ-kheo đi khất thực oai nghi đầy đủ. Ni trông thấy sinh tâm kính tin và thường thỉnh. Tỳ-kheo không nhận, sau tăng chia y cho, liền đem y đó cho Ni, ni liền nhận. Người kia đem việc đó nói với người khác và chê trách ni. Tỳ-kheo đem việc ấy bạch ên Phật. Phật quở trách và đặt ra giới này.

Y của Tỳ-kheo-ni: Có mười loại như trên.

Trừ trao đổi: Đem y đổi y, đổi tiền bạc đồ vật, hoặc tơ sợi cho đến cỏ thuốc, v.v...

Ba-dật-đề: Chúng Tỳ-kheo-ni phạm Cát-la. Không phạm là cho ni là bà con hoặc trao đổi với nhau. Nếu vì tháp, vì Phật, Tăng thì không phạm.

***25. May y cho ni không bà con:*** Phật ngự tại nước Xá-vệ, Ca-lưu-đà-di may chiếc đại y, có thêm hình hai người đang hành dâm. Xong rồi

giao cho ni mặc ngồi ở sau chúng. Người thế tục chê cười, các ni đến thưa với Phật. Do đó Phật đặt ra giới này.

Nếu Tỳ-kheo may y cho Tỳ-kheo ni chẳng phải bà con thì phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo kia dùng dao cắt nhiều ít, hễ một nhát cắt, một mũi kim đều phạm xả đọa. Nếu lại mặc xem kéo ra cho thẳng, dùng tay sờ mó kéo góc đầu ra v.v... đều phạm Đột-cát-la. Ni cũng phạm kiết la.

Không phạm: May y cho ni bà con, may cho tăng, hoặc vì tháp, hoặc giặt nhuộm để trả cho chủ thì không phạm.

***26. Giới ngồi với ni:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, Ca-lưu-Đà-di và ni Luân-lan-nan-đà dung mạo xinh đẹp, hai người khởi dục ý ra ngoài cửa ngồi với nhau. Các cư sĩ chê cười gọi là đôi uyên ương, Tỳ-kheo nghe liền bạch lên Đức Phật, Phật liền đặt ra giới nầy.

Nếu Tỳ-kheo và Tỳ-kheo ni: Một chỗ nghĩa là một Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo ni.

Ở chỗ che khuất: Có hai thứ: thấy chỗ che khuất, là nơi tăm tối khói sương che mù không thấy.

Nghe có chỗ che: cho đến không nghe mà thường nói nghe.

Chướng: Hoặc cây, hoặc tường, hàng rào hay là y áo, hoặc dùng vật che chắn.

Hoặc ngồi: Hoặc người thứ ba mù mà không điếc, điếc mà không mù. Hoặc đứng: tất cả phạm Cát-la.

Ba-dật-đề: Ni phạm Cát-la.

Không phạm: Nếu Tỳ-kheo có bạn, có người có trí không mù không điếc. Nếu đi qua bị ngã xuống đất, hoặc bịnh, hoặc bị thế lực níu kéo. Nạn tánh mạng, phạm hạnh thì khai cho.

***27. Giới đi chung với ni:***

Phật ngự tại Xá-vệ. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị và nhóm Tỳ-kheo-ni sáu vị du hành trong nhân gian. Các Cư sĩ chê trách, Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền quở trách chế giới.

Nếu Tỳ-kheo và Tỳ-kheo ni: là nói cùng đến thành ấp, xóm làng đó.

Cùng đi chung một đường: là chỗ có phạm vi trong xóm.

Từ một làng đến một làng, tùy theo ranh giới mà phân chúng nhiều, mỗi mỗi phạm xả đọa.

Nếu đến nơi không có làng xóm, cho đến mười dặm thì phạm xả đọa. Nếu dưới một làng, dưới mười dặm, nhiều làng đồng một giới mà đi, và phương tiện cùng hẹn đi. Tất cả phạm Đột-cát-la. Trừ thời khác

phạm Ba-dật-đề. Thời khác đó có cùng khách đi, hoặc nghi có bọn trộm cướp

Sợ hãi: sợ có bọn trộm cướp.

Đó gọi là khác thời: các ni thì phạm Đột-cát-la.

Không phạm: là không hẹn nhau. Cùng các bạn đi đông vì nghi có sợ hãi, nếu đến kia được an ổn, hoặc bị thế lực níu kéo, bị nạn mạng sống, phạm hạnh thì khai cho.

***28. Giới ngồi chung xe thuyền với ni:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị và nhóm Tỳ-kheo-ni sáu vị cùng ngồi chung thuyền qua lại trên sông. Các cư sĩ chê bai, Tỳ-kheo nêu tội bạch lên Đức Phật. Do đây Phật chế giới.

Nếu Tỳ-kheo và Tỳ-kheo ni hẹn nhau cùng ngồi thuyền qua sông. Nếu đã lên thuyền thì phạm xả đọa, các phương tiện khác thì phạm Đột-cát-la.

Trừ đi thẳng qua, phạm Ba-dật-đề: Chúng ni phạm Cát-la.

Không phạm: Không hẹn hoặc đi thẳng qua bên kia, hoặc đến bờ kia không được an ổn. Hoặc bị thế lực níu kéo. Bị nạn duyên phạm hạnh, tánh mạng thì không phạm.

***29. Giới được ni khen ngợi mà có thức ăn:***

Phật ngự tại Xá-vệ, có cư sĩ thỉnh ngài Xá-lợi-phất và chư tăng thọ thực trên những đồ ngồi tốt đẹp. Ni Luận-lan-Nan-Đà nhìn thấy liền vọng nói: người được thỉnh đó đều là thấp hèn, nếu ta thỉnh thì chỉ thỉnh ngài Điều-đạt là bậc long tượng.

Chư tăng thọ thực xong về bạch lên Đức Phật, Phật quở trách chế giới. Nếu Tỳ-kheo biết: không biết thì không phạm.

Tỳ-kheo ni khen ngợi giáo hóa. Nghĩa là người khất thực trong A-lan-nhã, cho đến cầm ba y khen ngợi kệ, khen ngợi Pháp sư học rộng, ngồi thiền trì luật.

Nhân duyên được ăn: Từ sáng đến giờ ngọ được ăn.

Trừ đàn việt có ý trước thì phạm Ba-dật-đề. Nghĩa là mỗi miếng ăn phạm một tội đọa. Trừ khi ẩm thực, hơ y lõa hình thì phạm Cát-la. Ni phạm Cát-la.

Không phạm: Hoặc không biết, hoặc đàn việt có ý trước, hoặc không nghĩ là giáo hóa, hoặc ni tự làm. Hoặc đàn việt bảo ni sửa soạn. Nếu không cố ý giáo hóa, mà khất thực cho thì không phạm.

***30. Giới đi chung với người nữ.***

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Những người phụ nữ tranh nhau trở về Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, A-na-luật muốn đi đến nước kia nên theo cô gái này

làm bạn. Người chồng đuổi theo đánh A-Na-luật, gần như mất mạng. Các Tỳ-kheo đem việc này bạch lên Đức Phật, Phật liền đặt ra giới này.

Nếu Tỳ-kheo cùng phụ nữ: Như trên.

Cùng hẹn đi trên một đường, cho đến vào trong làng, phạm Ba-dật-đề.

Hoặc đi trong một ranh giới trong làng cùng bốn chúng như ni v.v... đều phạm Đột-cát-la.

Không phạm: Trước không biết, không có hẹn, cần đi đến kia được an ổn. Nếu bị thế lực hay các nạn thì khai cho.

***31. Giới: Thọ quá thực xứ:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Ở nước Câu-tát-la có làng Vô Trụ. Có cư sĩ làm trụ xứ thường cúng dường chúng tăng một bữa ăn. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị thường đến thọ.

Cư Sĩ nói: Tôi vốn chỉ cung cấp chỗ ngủ một đêm. Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền kiết giới.

Nếu Tỳ-kheo, chỗ bố thí thọ thực một chỗ. Ở trong đó một đêm cũng là thọ thực, cho đến thời thực.

Vô hình: Người bịnh lìa xa làng xóm càng dữ dội.

Tỳ-kheo nên thọ một lần. Nếu thọ quá thì mỗi miếng ăn phạm một tội đọa. Trừ thọ thực, tho sấn, y áo, đèn đuốc thì phạm Đột-cát-la.

Ba-dật-đề: Ni cũng đồng phạm.

Không phạm: Thọ thực bị bịnh ở qua đêm, hoặc cư sĩ thỉnh trụ, ta là Sa-môn Thích tử nên sửa soạn bữa ăn này. Hoặc đàn việt theo thứ lớp thỉnh, hoặc trẻ con phụ nữ theo thứ lớp thỉnh. Hoặc bữa nay thọ người này, mai thọ người khác. Hoặc đường xa khó khăn ngăn trở.

***32. Giới bối thỉnh:***

Phật từ La-duyệt-kỳ đi du hành trong nhân gian đến nước A-na-Tần-đà. Sa-nâu được thí chủ cúng cháo, Ngài liền thọ cháo đặc. Lại do lễ tiết nên đàn việt đem thức ăn đến. Người thế tục chê trách nhân đó Phật chế giới.

Nếu Tỳ-kheo xoay vần: Nghĩa là thỉnh.

Có hai loại: Như tăng thứ lớp thỉnh, thỉnh riêng.

Thực: Các món bún miến, cơm khô...

Trừ thời thực, phạm Ba-dật-đề. Thời khác là lúc bịnh không thể ăn một lần.

Thí y thời: Tự tứ xong, không có y Ca-Hy-na tháng một mà có tháng năm. Hoặc có thí thực và y khác.

Là thời: Hoặc không xả trước khi thỉnh thọ, sau khi thỉnh mỗi miếng ăn phạm một tội xả đọa. Nếu không xả, thỉnh sau lại thọ thỉnh trước thì mỗi miếng ăn phạm một tội Cát-la.

Không phạm: Lúc người bịnh thí y, nếu trong một ngày có nhiều người thỉnh. Tự thọ một nơi còn những nơi khác thì bố thí cho người khác. Hoặc cho phi thực, hoặc không đủ, hoặc người không thỉnh thọ thực. Hoặc ăn rồi lại được thọ thêm, hoặc một chỗ có thọ trước thọ sau thì khai cho thọ.

***33. Giới thọ thực riêng chúng:***

Phật ngự tại nước La-duyệt-kỳ, Đề-Bà-đạt-đa xúi người hại Phật. Lại bảo vua A-xà-thế giết cha. Tiếng ác truyền khắp nơi và việc lợi dưỡng bị cắt đứt Ông và năm vị Tỳ-kheo đi khất thực. Tỳ-kheo đem lỗi này bạch lên Đức Phật, Phật quở trách rồi chế giới.

Hoặc Tỳ-kheo riêng chúng: Bốn người hoặc hơn bốn người.

Thực: Làm món cơm cốm bánh v.v... Trừ thời khác thì phạm Ba-dật-đề. Thời khác là lúc bịnh.

Thời may y: Bạch tự tứ xong không có y Ca-Hy-na một tháng, mà có y Ca-hy-na năm tháng.

Cho đến trên y may một đường như răng ngựa.

Thời thí y: Đồng như giới trước.

Lúc đi đường: dưới đến nửa do-tuần có đến có đi.

Lúc đi thuyền: nửa do-tuần lên xuống xe thuyền.

Lúc đại chúng nhóm họp: Ăn đủ bốn người, thêm một người thì lo năm người, mười người cho đến trăm người, thêm một người là hoạn.

Lúc sa-môn thí thực: Ngoài người xuất gia là Sa-môn Thích tử và xuất gia từ ngoại đạo.

Đây là thời: Nếu không thọ thực riêng chúng, thì đứng lên bạch rằng: Tôi ở đây không có nhân duyên trong thọ thực riêng chúng. Muốn cầu ra khỏi, hoặc người khác không có duyên cũng cho ra. Hoặc hai người, ba người tùy ý thọ thực. Bốn người hoặc hơn, nên chia làm hai bộ cùng nhập vào thọ thực. Nếu có nhân duyên riêng chúng muốn vào thì đứng dậy bạch. Tôi có nhân duyên thọ thực riêng chúng muốn cầu nhập.

Phật bảo: Nên theo Thượng tọa thứ lớp mà vào. Có duyên không nói tốt, tùy thọ thực riêng chúng, mỗi miếng ăn phạm một tội đọa. Ni cũng đồng phạm.

Không phạm: Như khai duyên trình bày đầy đủ ở trên, nếu hai người, ba người cùng ăn. Nếu có nhân duyên đi thì khai cho.

***34. Giới: Nhận thức ăn của phụ nữ đi đường quá hạn:***

Phật ngự tại Xá-vệ, có người phụ nữ sắp về nhà chồng, làm thức ăn cúng dường Tỳ-kheo. Cô đi không trở lại. Người chồng bèn đi tìm vợ. Lại có thương khách làm thức ăn cúng dường, bị cướp giựt mất. Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền chế giới.

Như Tỳ-kheo đến nhà người tại gia: Là có nam, có nữ.

Thỉnh Tỳ-kheo cúng bánh, cốm, cơm v.v... nếu Tỳ-kheo cần thì nên nhận hai ba bát đem về Tăng-già-lam chia cho Tỳ-kheo khác dùng.

Nếu không mang thức ăn, trở về báo với các Tỳ-kheo: Nhà kia có thức ăn về nhà chồng. Có thường mang lương thực đi đường. Nếu thọ thực xong rồi thì về, đem về chùa hai, ba bát. Nếu đem một, hai bát về thì thưa lại. Cho đến đã thọ ba bát, cẩn thận chớ mang về.

Nếu Tỳ-kheo không bịnh: Nghĩa là không thể ngồi một chỗ ăn hết thức ăn ngon.

Quá hai ba bát thọ thì đem về chùa: Đem ra khỏi cửa thì phạm tội đọa, phương tiện hối hận thì phạm Cát-la. Không chia cho Tỳ-kheo khác ăn, mà ăn một mình thì phạm Cát-la.

Ba-dật-đề: Hoặc biết luận vợ về nhà chồng và người khách buôn mà ăn. Hoặc bất luận Tỳ-kheo khác thì phạm Đột-cát-la.

Không phạm: là thọ hai ba bát, hoặc bịnh mà thọ quá. Hỏi đã chia phần chưa khiến cho kia biết chỗ làng xóm. Nếu đưa ni đến chùa thì được thọ, không phạm.

***35. Giới thọ thực đầy đủ:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, nói pháp nhất thực cho chúng Tỳ-kheo. Có năm thứ khiến cho no đủ. Sau vẫn có vị còn tiều tụy.

Phật bảo: Cho phép nuôi bệnh, lại ăn thức ăn dư của người bịnh. Phật còn khai cho làm pháp thức ăn dư. Có người không biết pháp thọ thực, do đó Phật chế ra giới này.

Như Tỳ-kheo ăn xong hoặc lúc thọ thỉnh: Thực là trong năm thứ, hoặc ăn mỗi món như cơm, cốm, bún, bánh khô vừa no đủ.

Không làm pháp thức ăn dư: Vị kia mang thức ăn trở về tác pháp nói rằng: Đại đức tôi đã thọ đủ, đã biết qua xem qua, làm pháp thức ăn dư.

Vị này nên lấy một ít và nói tôi dùng bao nhiêu đây thôi, ông hãy giữ lại để dùng.

Mà thọ thực, phạm Ba-dật-đề. Trong việc đi đứng nằm ngồi, mỗi pháp đều làm vài câu phạm túc. Như trong luật pháp xà-ni thực có gốc

rễ cành lá hoa quả dầu bột mè đen thạch mật, ma tế mạt... Tỳ-kheo kia ăn đủ rồi, không tác pháp dư thực mà ăn thì mỗi miếng phạm một tội đoạ. Nếu ăn rồi vì người khác làm. Nếu biết người làm ăn đã ăn đủ, tự tay làm thức ăn, đặt thức ăn xuống đất mà làm, bảo tịnh nhân làm, tịnh nhân trước đã làm. Bỏ thức ăn không ngon lên trên. Nếu đem đi mà không thành pháp dư thực thì phạm Cát-la. Ni và bốn chúng cũng phạm Cát-la.

Không phạm: Thực mà tưởng là phi thực. Không thọ pháp dư thực mà chế ra văn như trên. Nếu người bịnh không tác pháp. Người bịnh ăn thêm, không làm pháp thức ăn dư. Nếu đã làm pháp thức ăn dư thì không phạm.

***36. Giới: Khuyên phạm túc thực:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Có hai anh em đều là Tỳ-kheo. Vốn có tánh tham ăn, ăn không biết đủ. Dù thức ăn dư hay không dư, hễ được thì ăn hết. Vị kia do lỗi đó tự trách, tâm này cứ ôm lòng tức giận. Thấy người ăn thì đoạt lấy xin ăn. Lại do lỗi mà tự trách. Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền chế giới.

Nếu Tỳ-kheo biết: không biết thì không phạm.

Tỳ-kheo khác ăn no rồi: Ăn có năm thứ như trên đã nói.

Nếu thọ thỉnh: Cũng có năm thứ như trên.

Không làm pháp thức ăn dư, hết lòng thỉnh cho vị Trưởng lão thức ăn đó, vì nhân duyên đó nên chẳng phải dư.

Nếu trước không biết, không tưởng đủ ăn. Nếu khiến cho bỏ, hoặc khiến cho nêu ra, hoặc bảo đem cho người. Hoặc chưa làm pháp thì khiến cho làm pháp. hoặc người bịnh ăn dư để tác pháp thọ thực, không để cho người phạm.

Muốn làm cho người phạm: Nếu người kia đã thọ thực, mỗi miếng ăn cả hai đều phạm tội đọa. Nếu cho thức ăn mà người kia đem bỏ đi, hoặc thọ mà để đó, hoặc thọ mà cho người khác. Hoặc kia thọ rồi mà làm pháp tác thực. Nếu người bịnh ăn muốn cho người kia phạm, thì đem thức ăn dư của người bịnh mà cho, hoặc làm pháp thức ăn dư rồi và muốn cho người kia phạm, tất cả các duyên trên đều phạm Cát-la.

Ba-dật-đề: Ni và các chúng sau phạm Đột-cát-la.

***37. Giới thọ thực phi thời:***

Phật ngự tại thành La-duyệt. Lúc này nhằm ngày lễ hội của người dân. Hai vị Thích tử là Nan-đà và Bạt-nan-đà cùng đứng xem kỹ nhạc. Sau đó cùng thọ thực và cho đến tối mới trở về núi. Ca-lưu-Đà-di ban đêm vào thành khất thực. Người nữ nhìn thấy lập lòe cho là ma quỷ,

Tỳ-kheo nêu tội bạch Phật, Phật quở trách rồi chế giới.

Nếu Tỳ-kheo phi thời:

Thời: Là lúc mặt trời chưa mọc cho đến giữa ngày, xét thời này là đúng theo pháp. Việc ăn trong bốn thiên hạ đều như vậy.

Phi thời: Từ giữa ngày cho đến hôm sau mặt trời chưa mọc.

Thọ thực: Có hai loại: Khư-xà-ni thực cũng như trên, Phô-xà-ni có năm thứ thực cũng như trên.

Nếu ăn thì phạm Ba-dật-đề. Vị kia thọ thực phi thời là phạm đọa. Nếu phi thời, quá phi thời, bảy ngày, quá bảy ngày cũng đều phạm đọa. Thuốc suốt đời không có nhân duyên uống, phạm Cát-la. Không phạm là cách làm thạch mật đen cũng như vậy. Có người bịnh nhổ thuốc ra, ngày đó nấu lúa mạch và nước cho uống, như vậy thì không phạm.

***38. Giới ăn thức ăn dư cách đêm:***

Phật ngự tại nước La-duyệt-kỳ, ngài Ca-la ngồi thiền, vì khất thực cực khổ nên chỉ ăn thức ăn dư hôm trước còn lại. Chúng Tỳ-kheo lớn nhỏ đi khất thực mà không thấy ông, tìm gặp và hỏi lý do. Chúng tăng bạch Phật, Phật liền quở trách nói: - Ông tuy ít ham muốn, nhưng cũng nên làm tướng pháp cho chúng sinh đời sau mà đi khất thực. Sau đó Phật liền đặt ra giới nầy.

Tỳ-kheo thức ăn để qua đêm: Hôm nay thọ rồi lại để dành ngày mai. Đối với Sa-môn Thích tử đã thọ Đại giới mà như vậy là không thanh tịnh.

Thực có hai thứ: Phi chánh thực là căn thực cho đến tế mạt thực.

Chánh thực: Từ bún miến cho đến thịt.

Mà ăn: Ăn mỗi miếng phạm một tội đọa. Phi thời quá hạn bảy ngày cũng phạm tội đọa. Thuốc trọn đời mà không có nhân duyên bịnh mà uống thì phạm Cát-la.

Ba-dật-đề: Không phạm: ban đêm thọ thực với cha mẹ, hoặc làm tháp nhà, tính theo giá trị cho ăn. Sau đó, Tỳ-kheo khất thực theo người làm này mà được. Hoặc bình bát có lỗ hở để đưa thức ăn vào, đúng như pháp tẩy rửa không bỏ cái khác ra thì được. Ban đêm được xài dầu xức mũi, hoặc ho thì được khạc nhổ ra.

***39. Giới không thọ thực:***

Phật ngự tại thành Xá-vệ, có người vì cha mẹ cúng dường ở các ngã tư đường cho đến cúng tế trong miếu. Tỳ-kheo đắp y phẩn tảo đến đó khất thực về ăn, các cư sĩ chê bai, Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền chế giới.

Nếu Tỳ-kheo không thọ: Người chưa cho thức ăn thì chưa thọ.

Thọ có năm: Tay trao tay thọ, tay nắm vật thọ, cần vật cùng tay thọ, hoặc trao vật lấy vật, hoặc người ở xa đưa vật cho người thọ. Cả hai đều biết qua trung gian, không có xúc chạm tay trong đó.

Lại có năm thứ là: Thân y áo, khuỷu tay cong, đưa lấy vật cho, hoặc trả lại. Hoặc có nhân duyên đạt trên đất mà cho, đó là năm thứ.

Thực: Khư-xà-ni ăn gốc cho đến ngọn. Lại gọi là ăn cơm, bún, cơm, khô, v.v...

Hoặc thuốc: xà-da-ni ăn là: bơ, dầu, bơ sống, mật, thạch mật.

Để vào miệng: Nếu không cho thức ăn, tự lấy đưa vào miệng thì phạm tội đọa. Phi thời bảy ngày, nếu quá hạn cũng phạm tội đọa. Thuốc trọn đời, nếu không có nhân duyên không thọ mà dùng cũng phạm Đột-cát-la. Trừ nước và nhành dương, đều phạm Ba-dật-đề. Không phạm là: Giữ cành dương nước tịnh, nếu không thọ bơ dầu xức mũi, cùng khạc nhổ ra hết thì không phạm. Nếu Tỳ-kheo khất thực cho chim bên đường ăn. Nếu gió thổi rớt bụi vào bát rồi bỏ thức ăn này đi, cho đến một móng tay cũng bỏ, còn dư thì không phạm.

***40. Giới xin thức ăn ngon:***

Phật ngự tại Xá-vệ. Có vị khách buôn là đàn việt của Bạt-Nan-Đà, liền nói rằng: Muốn được ăn tạp.

Thương chủ kia hỏi: việc nầy có đáng lo hay không? Đáp rằng: không đáng lo, chỉ là ý muốn vị Thương chủ chê bai. Tỳ-kheo bạch Phật, Phật liền chế giới.

Nếu Tỳ-kheo được thức ăn ngon: là ăn các loại sữa, lạc, cá, thịt.

Bịnh: Người bịnh thì không thể ăn xong một lần.

Vì mình mà xin thì phạm Ba-dật-đề, chúng ni phạm Cát-la.

Không phạm: Người bịnh tự xin, vì người bịnh xin được mà ăn. Hoặc mình vì người, người vì mình, hoặc không xin mà được thì không phạm.

***41. Giới cho ngoại đạo thức ăn:***

Phật dẫn chúng đệ tử từ Câu-Mạnh mẽ-la đến nước Xá-vệ. Phật và chúng tăng phần nhiều đều ăn bánh, đồng thời bảo A-nan chia cho những người xin ăn. Ông đem ít bánh cho người nữ, lại có ngoại đạo được ăn, bèn gọi: Cư sĩ trọc đầu.

Phật nhóm họp tăng và nghe báo lại, do đó mà đặt ra giới này.

Nếu Tỳ-kheo, ngoại đạo nam, ngoại đạo nữ: Người lõa hình dị học tên Ba-Tứ-Ba-la-xa: là người xuất gia ngoài chúng nầy.

Tự tay: muốn cho thì đặt dưới đất mà cho.

Cho thức ăn: Khư-xà-ni thực ăn gốc rễ cho đến trái quả, ăn dầu

cho đến các loại mạt dầu.

Ăn có năm thứ: Cũng như trên đã nói.

Ba-dật-đề: chúng ni phạm Cát-la.

Không phạm: Nếu để dưới đất cho, hoặc bảo người cho, hoặc cho cha mẹ. Làm tháp làm phòng được người cho riêng, bị thế lực cướp bỏ thì không phạm.

***42. Giới trước sau bữa ăn mà đến nhà người:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Có Trưởng giả vì Bạt-Nan-Đà nên cúng dường trai phạn chúng tăng, khi ấy giờ ngọ sắp qua, Bạt-nan-đà mới đến, làm cho chúng tăng ăn không đủ.

Lại, trong thành La-duyệt có vị Đại thần có được cây quả mới nhờ Bạt-Nan-Đà phân chia cho tăng. Sau khi ăn xong lại đến nhà khác.

Tỳ-kheo bạch lên Phật hai việc này, Phật liền chế giới.

Nếu Tỳ-kheo trước thọ thỉnh rồi mà ăn trước: Là ăn lúc mặt trời chưa mọc.

Hậu thực: Từ mặt trời mọc đến giữa ngày.

Đến nhà khác: nhà có nam, nữ ở.

Không dặn các Tỳ-kheo khác: Hoặc ở trong phòng độc nhất, dặn dò người ở gần: Là đồng trụ một giới.

Trừ lúc khác, phạm Ba-dật-đề: lúc khác là lúc bịnh như ở trên.

Lúc may y: Cũng như trên.

Lúc thí y: Sau tự tứ có y một tháng, có y năm tháng. Trừ đây rồi thì các thời khác đều khuyến hóa làm thức ăn, đều cúng dường y cho.

Gọi là thời: Kia trước thọ thỉnh rồi sau mới ăn. Không dặn mà vào cửa thì phạm tội đọa, phương tiện khác thì phạm Cát-la.

Không phạm: như trên khai duyên dặn bảo Tỳ-kheo. Nếu Tỳ-kheo không dặn bảo, đến chỗ kho phòng bên xóm làng. Nếu đến chùa ni, đến dặn dò nhà người. Nếu nhiều nhà trải đồ ngồi thỉnh Tỳ-kheo, nếu có nạn duyên thì khai.

***43. Giới cố ngồi trong thực gia:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, Ca-lưu-Đà-di vốn là bạn của vợ Ưu-Ba-tư. Cả hai nhan sắc đều khôi ngô xinh đẹp, đều có ý ràng buộc nhau. Sau khi ông đến nhà này, người vợ tô điểm thân được chồng rất mực thương yêu. Tỳ-kheo ăn xong vẫn ngồi đó, người chồng liền nổi giận đuổi đi. Chúng Tăng bạch việc này lên Đức Phật, Phật do đây liền đặt ra giới nầy.

Nếu Tỳ-kheo ở nhà thực gia: Nam lấy nữ làm thức ăn, nữ lấy nam làm thức ăn.

Nhà: như trên để giải thích.

Có vật báu: Xa cừ, mã não, chân châu, Hổ phách, vàng bạc.

Cố ngồi lì: Duỗi tay ra tới đâu thì ngồi tới đó.

Ba-dật-đề: Hoặc đui điếc thì phạm Cát-la.

Không phạm: như nhà ăn có vật báu, ngồi duỗi tay đến cửa. Nếu có hai Tỳ-kheo làm bạn, có người trí thức, hoặc có người khách ở một bên.

Nếu không đui điếc, hoặc trước đã qua mà không trụ, bị bịnh té dưới đất, thế lực lôi kéo, hoặc bị ràng buộc, nạn sinh mạng, phạm hạnh thì không phạm.

***44. Giới ngồi chỗ khuất trong nhà ăn:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Ca-lưu-Đà-di nghĩ Phật đặt ra giới trước từ cửa duỗi tay ngồi. Thế là ông ra sau cửa cùng Ưu-Bà-tư ngồi nói chuyện chung. Tỳ-kheo nghe nói quở trách bạch lên Đức Phật. Do đây Phật đặt ra giới này.

Nếu Tỳ-kheo trong nhà ăn, có vật báu: đều như giới trước.

Tại chỗ khuất: Hoặc cây tường, vách rào giậu, hoặc y phục hay các vật làm chướng ngại.

Mà ngồi thì phạm Ba-dật-đề: Nếu trong nhà ăn duỗi tay đến cửa khiến Tỳ-kheo khất thực không thấy: Giải thích tướng khai duyên đồng như giới trước.

***45. Giới ngồi nơi chỗ trống với người nữ:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, Ca-lưu-đà-di và Ưu-Ba-tư ngồi chung giữa chỗ trống. Tỳ-kheo đi khất thực trông thấy chê bai, về thưa lại với chúng tăng. Chúng tăng đem lỗi đó bạch lên Đức Phật, Phật nhân đó đặt ra giới nầy.

Nếu chỉ có Tỳ-kheo: một người nữ, và một Tỳ-kheo.

Và người nữ: Người nữ có hiểu biết, mạng căn chưa dứt.

Lộ địa tọa: Nghĩa là ở chỗ thấy nghe bị che khuất.

Ba-dật-đề: Giải thích tướng, khai duyên cũng giống như giới trước.

***46. Giới đuổi người ra khỏi xóm làng:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, Bạt-Nan-Đà gây gổ với một Tỳ-kheo, nuôi hận trong lòng liền đem đến trong thành chỗ không có thức ăn. Khi qua khỏi Kỳ-hoàn liền nói: - “Ông thật quá độc ác, làm cho tôi không được ăn, mau đi đi”.

Người kia không được ăn, rất đói. Tỳ-kheo nêu tội, Phật quở trách và chế giới.

Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác rằng: Đại đức đi với tôi vào xóm làng.

Có bốn thứ làng: Như ở trên.

Nên cho ông thức ăn: Là thời thực.

Tỳ-kheo đến nơi lại không cho ăn, mà nói: Thầy đi đi, tôi và thầy ngồi nói chuyện một chỗ không vui, tôi ngồi một mình vui hơn. Vì nhân duyên đó tìm cách đuổi đi, từ chỗ thấy đến chỗ nghe phạm Cát-la. Làm lẫn nhau cũng như thế thấy nghe đều lìa, mới phạm tội đọa. Không dùng phương tiện khác đuổi người đi thì phạm Ba-dật-đề.

Không phạm: là cho ăn rồi bảo đi, hoặc bịnh. Hoặc người không có oai nghi, thấy không thích, tự đưa thức ăn cho. Nếu người phá giới, phá kiến v.v... Hoặc nạn sinh mạng, phạm hạnh dùng phương tiện đuổi đi, không vì thù hận.

***47. Giới xin thuốc quá hạn:***

Phật ngự tại nước Thích sí Sấu, Ma-ha-nam xin tăng cung cấp thuốc. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị than phiền là xin khó được thuốc, bèn ra chợ xin, liền bị quở trách. Ma-ha-nam không còn cung cấp thuốc cho tăng, các Tỳ-kheo nêu tội, Phật do đó đặt ra giới nầy.

Nếu Tỳ-kheo bốn tháng: Bốn tháng hạ.

Cho thuốc: Duyên là xin thuốc!

Tỳ-kheo không bịnh: Người bịnh được thầy thuốc cho thuốc uống.

Nếu thọ hoặc thọ quá: Nếu thuốc ban đêm có giới hạn, bốn tháng hạ nên thọ. Hoặc ban đêm không có giới hạn, tùy lúc bố thí nên thọ, bất luận giới hạn thuốc.

Trừ thường thỉnh: Thường nói với người: Tôi thường đem cho thuốc.

Lại thỉnh: Đoạn rồi sau lại xin cho.

Phần thỉnh: Đem thuốc đến Tăng-già-lam phân chia.

Thọ thỉnh suốt đời: Tôi sẽ cho thuốc trọn đời.

Ba-dật-đề: Không phạm như ở trước đã khai.

***48. Giới: Xem quân trận:***

Phật ngự tại Xá-vệ: Vì người dân phản loạn nên vua thống lãnh lục quân đi chinh phạt. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị đến xem quân trận. Vua Ba-tư-nặc thấy vậy không vui. Ông dâng đá mật lên Phật đồng thời trì danh, lễ bái. Ông đến chỗ Phật trình bày nhân duyên này. Phật quở trách rồi chế giới.

Nếu Tỳ-kheo đến xem quân trận, hoặc cười đùa, hoặc chiến đấu,

quân là chỉ cho một ngựa, một xe, một bộ.

Trừ lúc có nhân duyên: Nếu cần thì bạch, nếu có thỉnh thì kêu.

Ba-dật-đề: Nếu không tránh phạm Cát-la. Từ thấp lên cao, từ đường đến không phải đường không thấy thì phạm Cát-la. Phương tiện không thấy cũng vậy. Nếu thấy thì phạm tội đọa. Không phạm: Nếu có việc phải đến, hoặc bị thỉnh đi. Bị thế lực níu kéo. Hoặc đi trước, xe quân đi sau thì đứng bên đường để tránh. Hoặc bị ngăn trở vì sông nước thú dữ, giặc cướp, nạn nước lụt lội. Nếu bị thế lực níu kéo, nạn phạm hạnh, sinh mạng v.v... thì không phạm.

***49. Giới: Ngủ qua đêm trong quân trận.***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm Tỳ-kheo sáu vị có duyên đến trong quân trận ngủ đêm. Cư sĩ nói: chúng ta vì ái dục cho nên có việc này, còn Sa-môn vì sao lại có việc như thế? Tỳ-kheo nêu tội bạch Phật, Nhân đó Phật đặt ra giới này.

Hoặc Tỳ-kheo có nhân duyên đến ngủ trong quân hai ba đêm, phạm Ba-dật-đề. Không phạm: Đã hai đêm, đến đem thứ ba lúc mặt trời chưa mọc thì phải lìa khỏi chỗ thấy nghe. Nếu bị ngăn trở bởi sông suối, bị nạn sinh mạng, phạm hạnh không lìa thì không phạm.

***50. Giới xem hai bên chiến đấu với nhau:***

Phật ngự tại Xá-vệ, nhóm Tỳ-kheo sáu vị có duyên vào trong quân trận để xem thế lực đánh nhau. Trong đó có một người bị tên bắn, người bạn dùng áo khiêng đi. Các cư sĩ thấy vậy lấy làm lạ. Tỳ-kheo bạch lên Đức Phật, Phật liền chế giới.

Nếu Tỳ-kheo ở trong quân hai ba đêm. Hoặc xem quân trận, hoặc xem chiến đấu tượng mã thế lực thì phạm Ba-dật-đề. Ở đây cũng như giới trước.

***51. Giới uống rượu:***

Phật ngự tại nước Chi-đà, Sa-già-đà làm thị giả hầu Phật, đến ngủ trong nhà của một Phạm chí bện tóc, đêm đó hàng phục rồng dữ, sáng ra báo tin cho vua Câu-Diệm-Di. Sau tôn giả lại đến nước đó uống rượu say nằm giữa đường. Phật nói mười lỗi của việc uống rượu, sau đó đặt ra giới nầy.

Hoặc Tỳ-kheo uống rượu: Rượu gồm các loại làm từ lúa mạch, gạo tẻ, cây quả.

Ba-dật-đề: là các loại rượu phi rượu có sắc, hương, vị. Nếu chẳng phải rượu mà có sắc hương vị của rượu, cũng không được uống. Nếu nấu rượu hòa hợp với các thức ăn thì phạm tội đọa. Nếu uống rượu của vị ngọt, vị chua, rượu gạo có men, đều phạm Cát-la, ba câu tưởng nghi

đều phạm tội đọa.

Không phạm: Nếu bị bịnh dùng thuốc rượu, dùng rượu làm thuốc, dùng rượu bôi lên vết thương thì không phạm.

***52. Giới đùa giỡn trong nước:***

Phật ngự tại Xá-vệ. Mười bảy vị Tỳ-kheo ở dưới dòng sông A-Kỳ-la-Ba-Đề, bơi lội cười giỡn trong đó. Vua Ba-tư-nặc và phu nhân Mạt-lợi đang ở trên lầu nhìn thấy.

Vua nói: Phu nhân xem kia kìa.

Phu nhân nói: Đó là những vị mới xuất gia, nên còn si mê chưa biết gì. Bà liền đem thạch mật dâng cúng Phật và thưa lại mọi chuyện. Phật quở trách và đặt ra giới nầy.

Nếu Tỳ-kheo đùa giỡn trong nước, buông lung đùa nghịch, tạt nước từ đây đến kia, bơi lội qua lại chìm nổi lên xuống, cho đến dùng bình bát đựng nước để chơi đùa.

Ba-dật-đề: Trừ nước ra thì các thứ như sữa lạc, rượu mạnh, bỏ vào bình đựng nước để vui chơi thì phạm Đột-cát-la. Không phạm là: Nếu đi đường phải lội qua nước, hoặc từ bờ này đến bờ kia, hoặc mang xách các loại tre trúc qua lại trên sông, hoặc dùng thạch sa, hoặc làm rớt vật dưới nước lặm xuống lấy. Hoặc học được cách bơi và đưa tay vọc nước khuấy nước thì không phạm.

***53. Giới bắt trói giam cầm người:***

Phật ngự tại Xá-vệ, một vị trong nhóm Tỳ-kheo sáu vị, bắt trói một vị trong nhóm Tỳ-kheo mười bảy vị, làm người này gần như sắp chết. Tỳ-kheo bạch việc này lên Đức Phật. Phật nhân đó đặt ra giới này.

Nếu Tỳ-kheo dùng ngón tay: Tay chân gồm mười ngón.

Nếu trói buộc thì phạm Ba-dật-đề. Trừ tay chân thì dùng gậy, phất, cột nhà và các vật để trói đều phạm Cát-la. Không phạm là: không cố ý làm, như ngủ đụng làm cho thức. Nếu vào ra đi lại, cầm chổi quét đụng đầu người thì không phạm.

***54. Không nghe lời can ngăn:***

Phật ngự tại nước Câu-Diệm-Di, Xiển-đà sắp phạm giới. Tỳ-kheo khuyên ngăn rằng: - chớ có ý này, không nên như vầy, nếu không nghe lời can ngăn sẽ phạm các tội.

Tỳ-kheo đem lỗi này bạch lên Đức Phật. Phật quở trách và chế giới.

Tỳ-kheo không nghe lời can ngăn phạm Ba-dật-đề. Người khác bảo chớ làm và không nên làm. Nhưng vẫn cố làm là phạm tội căn bản.

Vì không nghe lời nên phạm tội Đột-cát-la. Nếu tự biết mình gây ra tội, nhưng vẫn cố làm là phạm căn bản. Không nghe lời can ngăn thì phạm Ba-dật-đề.

Không phạm là: Nếu không có người trí can ngăn, bảo rằng: xin hỏi thầy là bậc Hòa-thượng có học vấn, biết tụng kinh, biết can ngăn đúng pháp thì nên nghe theo. Nếu cười giỡn chỉ nói lời trong mộng, muốn nói này nói kia thì không phạm.

***55. Giới làm cho Tỳ-kheo sợ hãi:***

Phật ngự tại nước Ba-la-lê-tỳ, Na-Ca-Bà-la làm thi giả hầu Phật. Theo pháp thường của Chư Phật là lúc đi kinh hành, người cúng dường đứng đầu đoạn đường kinh hành. Vị kia sau đêm đầu tiên bạch Phật xin trở về, rồi cầm móc câu làm cho Phật sợ hãi. Sáng ngày Phật nhóm họp chúng tăng, nhân đó đặt ra giới này.

Nếu Tỳ-kheo dọa nạt, làm cho Tỳ-kheo khác sợ hãi thì phạm Ba-dật-đề. Hoặc dùng sắc, hương, vị, xúc làm cho người sợ hãi. Người kia sợ hãi hay không sợ hãi đều phạm tội đọa, không biết thì phạm Cát-la. Nếu nói sáu trần như sắc, hương, v.v... nói khủng bố rõ ràng thì phạm Ba-dật-đề. Nói không rõ thì phạm Đột-cát-la. Không phạm là: Hoặc trời tối không có lửa đèn, hoặc đi đại tiểu tiện cho là thú dữ làm cho sợ hãi. Cho đến nghe tiếng đi, tiếng ho, tiếng đụng chạm mà sợ hãi. Nếu dùng sáu trần bảo người chớ có ý sợ hãi. Nếu thật có tướng, trong mộng thấy người chết, thấy cha mẹ, Hòa-thượng bị bịnh nặng hay qua đời. Nói khiến cho kia biết, hoặc che giấu, hoặc sai lầm đều không phạm.

***56. Giới nửa tháng tắm gội một lần:***

Phật ngự tại La-duyệt-kỳ, ở trong vườn Trúc có ao. Vua Bình-sa nghe nói Tỳ-kheo thường đến đó tắm, nhóm Tỳ-kheo sáu vị vào lúc gần sáng xuống ao tắm gội. Vua và thể nữ xuống ao, gặp họ nên vua không tắm. Các Đại thần chê trách, Tỳ-kheo bạch lên Phật. Phật quở trách và đặt ra giới nầy.

Nếu Tỳ-kheo không bịnh thì nên nửa tháng tắm gội một lần không được quá. Nghĩa là trong nửa tháng tắm gội gọi là quá.

Trừ lúc khác thì phạm tội Ba-dật-đề. Thời lúc đó là nóng, tháng đầu tiên của mùa hạ sau xuân.

Lúc bịnh: Khi thân thể dơ bẩn.

Làm việc: Quét đất trước nhà.

Lúc mưa gió: Khi gió thổi làm mưa ướt thân.

Lúc đi đường: Qua lại trong nửa do-tuần.

Lúc phải thời: Nếu tắm khắp mình hay nửa mình đều phạm tội

đọa, phương tiện hối hận thì phạm Cát-la.

Không phạm: Khai duyên như trên thường tắm, hoặc bị bắt buộc tắm.

***57. Đốt lửa ở chỗ đất trống:***

Phật ngự tại thành Khoáng Dã. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị bảo nhau rằng: Chúng ta ở trên tòa không được tự do nói năng, bèn rủ nhau ra chỗ trống, gom cỏ khô lại rồi đốt lửa lên. Các loài rắn độc trong cây sợ lửa nên bò ra, mọi người sợ hãi ném lửa làm cháy giảng đường của Phật. Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền quở trách, chế giới.

Nếu Tỳ-kheo không bịnh: Khi bịnh thì cần lửa hơ thân.

Ở chỗ đất trống tự đốt hay bảo người nổi lửa lên. Trừ lúc có nhân duyên, phạm Ba-dật-đề.

Vị kia ở chỗ đất trống, hoặc dùng cỏ khô, cây cối, cành lá, cỏ gai v.v... Hoặc phân bò, thóc trấu để đốt đều phạm tội Ba-dật-đề. Đặt lửa lên cỏ cây cũng phạm tội đọa. Nếu bị đốt cháy phân nửa rồi ném đi và đốt than thì phạm Đột-cát-la. Nếu không nói với người "biết đây xem đây" cũng phạm Cát-la.

Không phạm: là có nói "biết đây xem đây", hoặc người bịnh tự đốt hay dạy người đốt. Lúc có nhân duyên săn sóc người bịnh mà nấu cháo, hoặc trong nhà bếp, nhà tắm hun khói, nấu nhuộm, đốt hương thì không phạm.

***58. Giới giấu vật của người:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, cư sĩ thỉnh tăng, nhóm Tỳ-kheo mười bảy vị đem y bát, đồ ngồi ống kim đi kinh hành quanh co rồi bỏ quên. Lúc này, nhóm Tỳ-kheo sáu vị lấy đồ vật đem giấu. Tỳ-kheo biết chuyện bạch lên Đức Phật, Phật liền quở trách rồi biết giới.

Nếu Tỳ-kheo giấu y bát, đồ ngồi của Tỳ-kheo khác, tự giấu hay xúi người giấu, cho đến đùa giỡn cũng phạm Ba-dật-đề.

Không phạm: là hoặc biết vật kia cùng thể mà lấy lên, hoặc để giữa đất trống gió mưa thổi ướt nên lượm lên. Nếu y vật chủ để lộn xộn vì muốn khuyến cáo cho nên giấu. Nếu mượn y của người mà họ không lấy lại, sợ mất cho nên lấy, hoặc y bát này có nạn mạng sống, phạm hạnh cho nên giấu, tất cả đều không phạm.

***59. Giới chân Tịnh thí chủ không biết liền lấy y:***

Phật ngự tại Xá-vệ, nhóm Tỳ-kheo sáu vị chân tịnh thí y cho Tỳ-kheo bạn thân. Về sau không hỏi chủ mà lấy lại đắp. Tỳ-kheo nêu tội bạch lên Phật, Phật liền đặt ra giới nầy.

Nếu Tỳ-kheo cho y Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Thức-xoa-ma-na, sa-di,

sa-di-ni, sau không hỏi chủ lấy lại đắp thì phạm Ba-dật-đề.

Không phạm: Chân thật thí rồi nói với chủ, xoay vần bố thí thì tùy ý lấy.

***60. Giới đắp y:***

Phật ngự tại Xá-vệ, nhóm Tỳ-kheo sáu vị đắp y trắng đi kinh hành. Các cư sĩ chê bai cho là không phải chánh pháp, chẳng khác nào như vua, đại thần. Tỳ-kheo bạch lỗi đó lên Đức Phật. Phật đặt ra giới này.

Nếu Tỳ-kheo được y mới, hoặc thể là y mới. Hoặc đầu tiên từ người mà được.

Nên làm ba thứ hoại sắc, mỗi sắc đều tùy ý hoại, hoặc xanh, đen, mộc lan.

Trong luật chú nói: Ở đây nói Tịnh là hoặc nhuộm thành mầu gọi là Tịnh, hoặc đã thành sắc gọi là tịnh y. Nên lấy vật khác mầu đắp lên một chỗ làm chỗ nêu, nên gọi là Tịnh. Từ phía dưới hoặc y hay phi y là không dùng vật kết thì nên điểm tịnh. Nói trùng: là may thêm nhiều lớp trong y.

Nếu Tỳ-kheo không dùng ba thứ hoại sắc, hoặc xanh, đen, mộc lan, mà đắp y thì phạm Ba-dật-đề. Kia không làm ba loại sắc mà đắp mặc thì phạm tội đọa. Nếu y nặng nhẹ không làm điểm tịnh mà đắp thì phạm Đột-cát-la. Nếu các loại vật dụng khác chẳng phải như túi đựng y bát, giày da, kim chỉ thắt lưng, mũ khăn không làm tịnh súc thì phạm Cát-la. Nếu thu y chưa nhuộm gởi người tại gia thì phạm Cát-la.

Không phạm: người tại gia đã nhuộm thành ba mầu hoại sắc, nhẹ nặng khác nhau, cho đến khăn cũng làm tịnh súc.

***61. Giới cố giết súc sinh:***

Phật ngự tại Xá-vệ, Ca-lưu-Đà-di không thích nhìn thấy quạ, bèn dùng cung trúc bắn chúng chất thành đống. Cư sĩ đến lễ bái nhìn thấy chê bai. Tỳ-kheo nêu tội, Phật do đây liền đặt ra giới nầy.

Nếu Tỳ-kheo ni: Bấy giờ các Tỳ-kheo tới lui qua lại dẫm đạp nhiều loại côn trùng nhỏ, có vị thực hành sám hối Ba-dật-đề, hoặc có vị lo sợ cẩn thận. Phật dạy: Không biết thì không phạm.

Hoặc tự tay giết, hoặc xúi người giết.

Súc sinh: là loài không thể biến hóa.

Phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo ni cũng đồng phạm, khai duyên giống như giới giết người.

***62. Giới uống nước có côn trùng:***

Phật ngự tại Xá-vệ. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị uống dùng nước có tạp

trùng, các Cư sĩ chê trách, các Tỳ-kheo nêu tội, bạch Phật, Phật quở trách rồi đặt ra giới nầy.

Nếu Tỳ-kheo biết: Không biết có trùng thì không phạm.

Nước: Trừ nước uống thì các loại khác như sữa, rượu, dầu v.v... có trùng uống vào cũng phạm.

Uống nước có trùng phạm Ba-dật-đề, Ni cũng đòng phạm.

Không phạm: là do trước không biết, hoặc tưởng không có trùng. Hoặc trùng thô, khuấy nước liền bỏ đi. Hoặc lọc nước dùng thì không phạm.

***63. Giới nghi ngờ xúc não Tỳ-kheo:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm Tỳ-kheo mười bảy vị nói với nhóm Tỳ-kheo sáu vị rằng: - Thế nào là nhập vào Sơ thiền, cho đến hỏi làm sao chứng quả La-hán. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị bảo: lời ông hỏi đó đã phạm Ba-la-di.

Các vị này đến hỏi Tỳ-kheo khác, các Tỳ-kheo quở trách rồi, Phật liền chế giới.

Nếu Tỳ-kheo: Bấy giờ có nhiều chúng Tỳ-kheo cùng nhóm họp lại một chỗ, bàn luận về pháp luật. Có một vị lui ra, trong tâm nghi chúng Tỳ-kheo cùng nghi với ta.

Phật bảo: Không cố làm thì không phạm.

Xúc não Tỳ-kheo khác: xúc não là hoặc năm sinh, hoặc thọ giới, hoặc làm Yết-ma, hoặc là phạm, hoặc là pháp.

Làm cho trong khoảnh khắc không vui, phạm Ba-dật-đề: Ni cũng đồng phạm. Không phạm: chuyện đó là sự thật. Không cố làm. Người kia chẳng phải như vậy. Sợ nghi hối về sau nên không thọ lợi dưỡng của người, không nhận sự lễ kính của Đại Tỳ-kheo, bèn nói rằng: ông chưa đủ tuổi thọ nhận, sợ sau nghi hối thọ lợi dưỡng cúng dường của người, nay ông chưa đủ hai mươi tuổi, biệt chúng trong giới, sợ sau này nghi hối, thọ lợi dưỡng lễ kính.

Nói rõ cho kia biết, quay trở lại bản xứ thọ giới, việc ấy thật như vậy. Bạch không thành thì Yết-ma không thành, chẳng đúng pháp, biệt chúng. Sợ về sau nghi hối, thọ lợi dưỡng lễ kính. Nói cho kia biết, trở lại bản xứ thọ giới. Sự thật là như vậy. Phạm Ba-la-di cho đến ác thuyết. Sợ sau này nghi hối thọ lợi dưỡng của người, thọ lễ kính của Tỳ-kheo trì giới. Muốn khiến cho biết đúng như pháp sám hối. Nói cho biết phạm cho đến ác thuyết. Lại có người tánh thô sơ không biết, thì nói với họ rằng: Điều thầy nói đó tự xưng là pháp của bậc thượng nhân. Nếu cười vui hay lầm thì không phạm.

***64. Giới che giấu tội Tỳ-kheo:***

Phật ngự tại Xá-vệ, Bạt-Nan-Đà là bạn thân của một Tỳ-kheo. Người kia phạm tội thì che giấu không nói cho người biết. Tỳ-kheo nêu tội, bạch Phật, Phật liền quở trách chế giới.

Nếu Tỳ-kheo biết: Nếu không biết thì không phạm.

Tỳ-kheo khác phạm tội thô: Tội thô là bốn Ba-la-di, Tăng-già-Bà-thi-sa.

Che giấu: Nếu biết người phạm tội thô, giờ tiểu thực biết thì sau giờ ăn nói. Sau giờ ăn biết đến đầu hôm nói. Đầu hôm biết đến nửa đêm mới nói, thì phạm Đột-cát-la. Nếu nửa đêm biết, đến gần sáng muốn nói mà chưa nói, khi mặt trời mọc thì phạm Ba-dật-đề. Trừ tội thô và che giấu. Tỳ-kheo ni che giấu tội của người, tất cả phạm Đột-cát-la.

Ba-dật-đề: Ni cũng đồng phạm.

Không phạm: Trước không biết không nghĩ là tội thô. Nếu nói với người, không có người để nói. Nếu phát tâm nói, lúc mặt trời mọc bị hai nạn sinh mạng phạm hạnh thì không phạm.

***65. Giới độ người chưa đủ tuổi thọ giới cụ túc:***

Phật ngự tại thành la-Duyệt, lúc này có mười bảy đồng tử, đa số tuổi chừng mười bảy, nhỏ thì mười một tuổi. Có niềm tin xuất gia, Tỳ-kheo liền độ cho thọ đại giới. Vì không thể ngày ăn một bữa nên nửa đêm các đồng tử này kêu khóc. Phật thức dậy hỏi biết, đến sáng nhóm họp chúng lại và lập ra pháp chế này. Tuổi đủ hai mươi mới thọ Đại giới.

Phật bảo: Nếu tuổi chưa đủ hai mươi, không thể chịu đựng sự đói khát, nóng lạnh, gió mưa muỗi mòng rắn rít và các lời nói nặng. Lại thân thể gầy ốm không thể chịu đựng, và không giữ giới, giữa ngày ăn một bữa. Nếu tuổi đủ hai mươi thì mới chịu đựng được các sự khổ như trên.

Nếu Tỳ-kheo biết. Nếu không biết thì không phạm.

Tuổi không đủ hai mươi mà thọ đại giới: Người này không đắc giới, Tỳ-kheo kia đáng quở trách ngu si thì phạm Ba-dật-đề. Người thọ giới biết tuổi không đủ. Hòa-thượng và tăng cũng biết. Nhưng trong chúng hỏi: nay ông có đủ tuổi không?

Đáp rằng: Đủ hoặc không đủ, hoặc nghi hoặc không biết, hoặc tăng không hỏi. Đối với bốn thứ hoặc biết hoặc nghi. Hòa-thượng phạm Ba-dật-đề. Chúng tăng phạm Đột-cát-la. Nếu nói không biết thì không phạm. Nếu thọ ba lần Yết-ma xong thì Hòa-thượng phạm tội đọa. Nếu trung gian, hoặc bạch chưa xong, hoặc làm vì phương tiện, hoặc lúc

cạo tóc, hoặc nhóm tăng, Hòa-thượng tất cả đều phạm Cát-la. Chúng tăng cũng như vậy. Tỳ-kheo-ni phạm Ba-dật-đề. Không phạm là: trước không biết, tin theo lời người nói. Hoặc có người bên cạnh làm chứng, hoặc tin lời cha mẹ, hoặc thọ giới rồi nghi.

Phật dạy: Tính năm tháng kể cả tháng nhuần, đều thuyết giới vào ngày mười bốn. Đó là số năm, đủ thì khai.

***66. Giới phát khởi bốn thứ tranh chấp:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm Tỳ-kheo sáu vị ưa việc đấu tranh, đúng như pháp diệt rồi, sau lại phát khởi ra nữa. Tỳ-kheo nêu lỗi, bạch lên Đức Phật, Phật liền đặt ra giới này.

Nếu Tỳ-kheo biết: Nếu không biết đúng như pháp diệt thì không phạm.

Tránh sự: có bốn thứ là: Ngôn tránh, mích tránh, phạm tránh và sự tránh.

Đúng như pháp sám hối rồi: là đúng như pháp, đúng như luật, đúng như lời Phật dạy.

Sau còn phát khởi lên nữa thì phạm Ba-dật-đề. Nói không rõ thì phạm Đột-cát-la. Trừ người tranh cãi phát khởi lên. Tất cả phạm Đột-cát-la. Ni cũng đồng phạm.

Không phạm: Là nếu trước không biết, hoặc quán làm mà không quán tưởng, hoặc sự thật là như thế, nói là không khéo quán, v.v... Hoặc nói chơi, hoặc nói lầm thì không phạm.

***67.Cùng hẹn đi chung với giặc:***

Phật ngự tại Xá-vệ, có nhiều chúng Tỳ-kheo đi đến Tỳ-xá-ly, những người lái buôn đi qua cửa ải không nộp thuế cho vua, họ làm bạn với Tỳ-kheo. Sau đó, cả bọn bị người giữ quan ải bắt đưa đến nhà vua, tội này đáng chết, vua quở trách. Tỳ-kheo nêu tội, bạch lên Đức Phật. Phật liền đặt ra giới này.

Nếu Tỳ-kheo biết: Nếu không biết, không kết theo yêu cầu thì đều không phạm.

Bạn giặc: Hoặc làm giặc trở lại, hoặc là muốn đi.

Ước hẹn cùng đi chung: Kết yếu là ước hẹn nhau đi vào thành hay vào làng. Đạo (đường) là: Các con đường trong làng.

Cho đến một làng thì phạm Ba-dật-đề: hoặc đi đến những con đường trong làng, đi đến một con đường thì phạm. Chỗ hoang vắng không có làng, không có chia ranh giới mà đi chung mười dặm thì phạm. Hoặc cùng đi trong làng nửa đừng. Hoặc chưa tới mười dặm, hoặc trong làng, hoặc tìm phương tiện cùng đi, hoặc không đi đều phạm Cát-la.

Chúng ni cũng đồng phạm. Không phạm là: Hoặc đi có nơi đến an ổn, hoặc bị thế lực nguy hiểm đến tánh mạng phạm hạnh thì không phạm.

***68. Giới: nói hành dâm dục không phải pháp chướng ngại đạo, trái lời tăng can ngăn:***

Phật ngự tại thành Xá-vệ. Có người tên A-lê-hất sinh ác kiến nói: Tôi biết Phật nói hành dâm dục không phải là pháp chướng đạo, Tỳ-kheo giải thích khuyên can vẫn không chịu bỏ, chúng tăng bạch lên Đức Phật, Phật hỏi tự nói rồi, khiến tăng bạch bốn lần can ngăn, Phật quở trách và đặt ra giới nầy.

Nếu Tỳ-kheo nói như thế: là nói Tôi biết trong Phật pháp, hành dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo, Tỳ-kheo can ngăn vị Tỳ-kheo này rằng: - Đại đức chớ nói như vậy, chớ hủy báng Đức Thế tôn. Hủy báng Đức Thế tôn là không tốt, Đức Thế Tôn không nói như vậy, Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện nói phạm dâm dục là pháp chướng đạo.

Tỳ-kheo kia can ngăn mà Tỳ-kheo này quyết không bỏ, cho đến ba lần can ngăn việc này. Nếu can ba lần bỏ thì tốt, không bỏ phạm Ba-dật-đề. Ni đồng phạm như tăng. Ngoài ra như giới can ngăn chỉ có tội danh hơn kém.

***69. Giới theo Tỳ-kheo bị cử:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Lê-Sất sinh tâm ác kiến, tăng can ngăn mà không bỏ. Phật bảo bạch bốn lần nêu tội. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị cung cấp cũng đồng bị Yết-ma. Tỳ-kheo nêu tội. Phật nhân đó quở trách và đặt ra giới nầy.

Nếu Tỳ-kheo biết: Nếu lúc đầu không biết thì sau không phạm.

Nói với người như vầy: Là nói như vầy: Tôi nghe Đức Thế tôn nói: Hành dâm dục chẳng phải là pháp ngăn đạo.

Chưa làm pháp: Hoặc bị nêu lên chưa giải thích rõ.

Tà kiến như thế: Là chấp như vầy: biết pháp do Đức Thế tôn nói là không có chướng ngại. Mà không bỏ: Chúng tăng can ngăn quở trách mà không có ác kiến.

Cung cấp việc cần dùng: Có hai thứ: Hoặc pháp, hoặc tài. Pháp là dạy tụ tập, tăng thêm giới, ý trí, học vấn, tụng kinh.

Tài: Là cung cấp y phục, ẩm thực, thuốc men, mền chiếu.

Cùng chung Yết-ma: chung nói giới, v.v...

Chỉ túc (nghỉ đêm): nhà có bốn vách. Tất cả đều chướng ngại. Hoặc che tất cả, hoặc không che hết.

Ngôn ngữ: Nếu Tỳ-kheo vào nhà trước, người kia vào sau. Nếu

người đến trước, hoặc cùng đến, lưng vừa đụng đất liền phạm tội đọa.

Ba-dật-đề: Ni cũng đồng phạm.

Không phạm: Là hoặc không biết, hoặc trong nhà tất cả đều che không có bốn chướng. Hoặc phân nửa chướng, hoặc ít chướng, hoặc tất cả chướng. Không che, che ít hoặc che phân nửa. Hoặc che phân nửa, che chướng ít, hoặc che ở chỗ trống. Hoặc bị bịnh trói buộc, bị nạn liên quan đến tánh mạng, phạm hạnh thì không phạm.

***70. Giới theo Sa-di bị diệt tẫn.***

Phật ngự tại Xá-vệ, Bạt-Nan-Đà và hai Sa-di làm việc bất tịnh với nhau, tự nói rằng: Tôi nghe Phật nói pháp: Hành dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo.

Tỳ-kheo nêu tội, Phật dạy bạch bốn lần can ngăn, vì không bỏ nên bị diệt tẫn. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị dụ dỗ nuôi chứa. Tỳ-kheo lại nêu tội. Phật do đó quở trách và chế giới.

Nếu Tỳ-kheo biết Sa di nói như vầy: Tôi nghe Phật nói pháp như vầy: Hành dâm dục chẳng phải là pháp ngăn đạo. Tỳ-kheo nên can ngăn Sa-di như vầy: Ông chớ nên hủy báng Đức Thế tôn, hủy báng Đức Thế tôn là không tốt, vì Đức Thế tôn không nói như thế, nầy Sa-di! Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện nói dâm dục là pháp ngăn đạo. Tỳ-kheo can ngăn mà Sa-di nhất định không bỏ. Tỳ-kheo nên can ngăn ba lần cho bỏ việc này. Nếu can ngăn ba lần bỏ thì tốt, không bỏ thì Tỳ-kheo nên nói với Sa-di rằng: - Từ nay trở đi ông chẳng phải đệ tử Phật, không được theo Tỳ-kheo khác. Như Sa-di ni được theo ngủ, hai ba đêm. Nay Ông không được như thế! Ông hãy đi đi không nên ở đây nữa. Nếu Tỳ-kheo biết: Không biết thì không phạm. Sa-di bị diệt tẫn trong chúng như thế.

Tẫn: Tăng làm pháp diệt tẫn bạch bốn lần Yết-ma – mà dụ dỗ dung chứa: - Hoặc tự nuôi chứa, hoặc cho người khác chứa. Dụ là tự mình làm hoặc xúi người làm.

Cùng nghỉ đêm: Như trên đã giải thích.

Ba-dật-đề: Ni đồng phạm. Khai duyên đều như trên.

***71. Giới chống cự khuyến học:***

Phật ngự tại Câu-Diệm-Di. Bấy giờ, Tỳ-kheo đúng như pháp can ngăn Xiển-đề, ông lại nói: - Nay Tôi không học giới này, mà nên hỏi người trì luật có trí tuệ. Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền đặt ra giới. Nếu Tỳ-kheo khuyên ngăn Tỳ-kheo khác đúng như pháp: là đúng như pháp, đúng như luật, đúng như lời Phật dạy.

Nếu nói như vầy: Nay Tôi không học giới này, mà nên vặn hỏi

Tỳ-kheo trì luật có trí tuệ: Phạm Ba-dật-đề. Nếu nói không rõ thì phạm Cát-la. Tỳ-kheo ni đồng phạm. Nếu vì học hỏi cho nên phải thưa hỏi.

Không phạm: Là người khuyên mà ngu si không hiểu, lại nói: ông nên trở về học hỏi Hòa-thượng, A-xà-lê để học vấn tụng kinh. Nếu sự thật như vậy thì không phạm.

***72. Giới phá Hủy Tỳ-ni:***

Phật ngự tại Xá-vệ. Các Tỳ-kheo cùng nhóm họp tụng pháp tỳ-ni. Nhóm ty-kheo sáu vị nói với nhau rằng: - Các Tỳ-kheo nhóm họp tụng luật, những người lanh lợi sẽ nêu tội ta, nói các Trưởng lão dùng các giới tạp tụng đọc đến mười ba việc. Tỳ-kheo biết pháp diệt, nên đem lỗi này bạch lên Đức Phật. Phật quở trách và đặt ra giới nầy.

Nếu lúc Tỳ-kheo nói giới, hoặc lúc tự nói giới, hoặc lúc người nói giới, hoặc lúc tụng giới, nói rằng: Đại đức dùng giới tạp nhạp này làm gì. Nếu muốn tụng thì nên tụng bốn việc, hoặc muốn tụng thì nên tụng bốn việc, mười ba việc. Những giới khác, không cần tụng, vì sao? Vì lúc nói giới nầy khiến cho người ôm lòng xúc não hoài nghi quở trách giới nên Phạm Ba-dật-đề.

Nếu không rõ ràng phạm Cát-la. Nếu phá hủy tỳ-ni thì phạm Ba-dật-đề. Hủy A-tỳ-Đàm và các khế kinh khác thì phạm Cát-la. Ni cũng đồng phạm. Không phạm: là nếu nói trước tụng A-tỳ-đàm, rồi sau tụng luật. Các khế kinh khác cũng vậy. Nếu người bị bịnh cần sai mình tụng luật. Nếu siêng cầu phương tiện trong Phật pháp, thành tựu bốn quả Sa-môn. Sau nên tụng luật vì không muốn pháp diệt. Nếu nói lầm thì đều khai cho.

***73. Giới sợ nêu ra nên nói trước:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Trong nhóm Tỳ-kheo sáu vị có một người, khi tụng giới tự biết tội chướng, sợ bị nêu ra nên đến trước một vị Tỳ-kheo thanh tịnh nói rằng: - Nay Tôi mới biết pháp này chép trong giới kinh, nửa tháng tụng một lần. Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền đặt ra giới nầy.

Như Tỳ-kheo lúc tụng giới: Hoặc tự nói, hoặc người nói, hoặc lúc tụng giới. Nói như vậy: Nay Tôi mới biết pháp này xuất xứ từ giới kinh, nửa tháng tụng chép ra từ giới kinh. Tỳ-kheo khác biết vị Tỳ-kheo này, hai ba lần ngồi trong chỗ tụng giới, huống chi là nhiều lần. Tỳ-kheo kia không biết, không hiểu, phạm tội nên đúng như pháp mà trị, lại chồng thêm tội không biết.

Chồng thêm tội Ba-dật-đề:

Nếu không cho thì phạm Đột-cát-la. Nói rằng: Trưởng lão: Ông

không lợi không tốt. Lúc tụng giới, ông không dụng tâm nghĩ nhớ, dụng ý tư duy. Không nhất tâm lắng nghe pháp, vì kia vô tri nên phạm Ba-dật-đề. Ni cũng đồng phạm. Không phạm: là nếu chưa từng nghe nói rộng, nay mới nghe, hoặc nói lầm thì khai cho.

***74. Giới đồng Yết-ma sau hối hận:***

Phật ngự tại La-duyệt-kỳ, Đáp-Bà-ma-la coi sóc việc tăng, ngoại thí mà không đến. Y phục bị hư rách, sau tăng được y quý, liền bạch hai lần mà cho. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị sau đó hối hận. Tỳ-kheo bạch lên Đức Phật, Phật quở trách rồi chế giới.

Nếu Tỳ-kheo cùng nhau Yết-mạnh mẽ, về sau lại nói: - Các Tỳ-kheo dị tình bạn thân, Đồng Hòa-thượng A-xà-lê, đều là chỗ thân hậu.

Lấy vật của chúng tăng: Vật của tăng như trên đã nói. Vật là y bát, kim chỉ, ni sư đàn, cho đến đồ đựng nước uống. Cho thì phạm Ba-dật-đề. Nếu nói không rõ ràng thì phạm Cát-la. Ni cũng đồng phạm. Không phạm: là sự thật có như vậy. Di tình bạn thân đem vật của tăng mà cho. Hoặc nói chơi, hoặc nói lầm, thì khai cho.

***75. Không gởi dục:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Nhiều Tỳ-kheo nhóm họp lại bàn luận pháp Tỳ-ni. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị nói với nhau: Dường như các Tỳ-kheo làm pháp Yết-mạnh mẽ cho chúng ta. Thế là họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi bỏ đi. Tỳ-kheo kêu lại mà cố bỏ đi, bèn bạch việc này lên Đức Phật, Phật liền chế giới.

Nếu Tỳ-kheo chúng Tăng: Một nói giới, một Yết-ma.

Xử đoán việc chưa xong: có mười tám việc phá tăng, pháp phi pháp cho đến nói, không nói.

Không gởi dục: Hoặc lo việc tăng, chùa tháp, săn sóc người bệnh thì cho gởi dục.

Liền đứng dậy bỏ đi thì phạm Ba-dật-đề. Hoặc xử đoán việc chưa xong, vừa bước chân ra khỏi cửa thì phạm tội đọa. Một chân còn ở trong cửa, phương tiện muốn đi mà không đi thì phạm Cát-la. Ni phạm Ba-dật-đề.

Không phạm: là gởi dục, hoặc im lặng, hoặc làm pháp Yết-ma, hoặc xây chùa tháp cho tăng, Hòa-thượng, A-xà-lê, làm giảm tổn người đồng học, không gởi dục mà đi thì được.

***76. Giới: Gởi dục rồi hối hận:***

Phật ngự tại Xá-vệ. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị sợ nêu sáu người theo nhau, không do đâu mà làm được. Vì sau vào lúc may y, tăng bảo thọ dục thì cho. Tỳ-kheo làm Yết-ma. Sau đó, nhóm sáu vị nói: Tôi vì việc

kia mà gởi dục. Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền quở trách và chế giới.

Nếu Tỳ-kheo gởi dục rồi sau đó hối hận, nói rằng: Ông làm Yết-ma phi pháp, Yết-ma không thành. Tôi vì việc kia nên gởi dục, chứ không vì việc này.

Ba-dật-đề: Hoặc nói không rõ thì phạm Cát-la. Ni cũng đồng phạm. Không phạm: Nếu đó là sự thật, làm Yết-ma phi pháp, hoặc nói lầm kia đây thì khai cho.

***77. Giới xoay vần bốn tranh:***

Phật ngự tại Xá-vệ. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị nghe chúng Tỳ-kheo gây gổ rồi, lại hướng về những người kia nói, làm cho chúng gây gổ không dứt. Tỳ-kheo nêu tội, Phật nhân đó chế giới.

Nếu Tỳ-kheo gây sự với Tỳ-kheo khác rồi: Đấu tranh có bốn: Nói, tìm, phạm, sự.

Nghe lời này đến người kia nói.

Thính: Lần lượt nói với người, hoặc nghe lời kia nói, từ đường cho đến phi đường, từ cao đến thấp. Hoặc qua lại nghe được.

Ba-dật-đề: Nếu không nghe phạm Cát-la. Nếu phương tiện muốn đi mà không đi, hẹn đi mà không đi, tất cả đều phạm Cát-la. Nếu hai người cùng nói ở nơi khuất kín, cùng đi nói chuyện chung. Nếu không búng ngón tay tằng hắng, tất cả phạm Cát-la. Ni cũng đồng phạm như Tăng.

Không phạm: Là nếu làm không lợi thì chẳng phải Yết-ma. Muốn biết cho nên nghe.

***78. Giới đánh đại Tỳ-kheo:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Một vị trong nhóm Tỳ-kheo sáu vị, tức giận đến đánh một vị tăng trong nhóm Tỳ-kheo mười bảy vị. Người bị đánh khóc to lên. Tỳ-kheo nghe và biết chuyện, bạch lỗi này lên Đức Phật, Phật liền chế giới.

Nếu Tỳ-kheo tức giận nên không vui mà đánh Tỳ-kheo khác, hoặc dùng tay đá, gậy đánh.

Ba-dật-đề: Trừ cầm gậy đá, nếu dùng khóa cửa, móc câu, cây phất, lư hương, cán chổi... Tất cả phạm Đột-cát-la. Ni cũng đồng phạm.

Không phạm: bị bệnh cần vỗ vào xương sống. Hoặc khi ăn cần gõ vào cổ họng, sống lưng. Nếu cùng nói mà kia không nghe nên đánh nhẹ cho nghe. Hoặc lúc ngủ thân dựa trên người khác, hoặc đi đứng kinh hành đụng nhau. Hoặc lúc quét dọn, đầu chổi lỡ đụng vào người thì khai cho.

***79. Giới đánh Tỳ-kheo khác:***

Phật ngự tại Xá-vệ. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị dùng tay đánh nhóm Tỳ-kheo mười bảy vị. Người bị đánh lớn tiếng kêu khóc. Tỳ-kheo nêu lỗi, bạch lên Đức Phật. Do đây, Phật quở trách và đặt ra giới nầy.

Nếu Tỳ-kheo tức giận không vui, dùng tay đánh Tỳ-kheo khác thì phạm Ba-dật-đề. Hoặc dùng tay đánh kia thì phạm tội đọa. Dùng đồ vật, ổ khóa đánh phạm Cát-la. Ni cũng đồng phạm như tăng.

Không phạm: Hoặc có duyên sự phải giơ tay nên đụng chạm nhau.

***80. Giới Tàn báng:***

Phật ngự tại Xá-vệ. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị tức giận, đem việc vô căn cứ hủy báng nhóm Tỳ-kheo mười bảy vị. Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền quở trách và đặt giới này.

Nếu Tỳ-kheo tức giận đem việc vô căn cứ như trên đã giải thích.

Đem tội Tăng-già-Bà-thi-sa mà hủy báng thì phạm Ba-dật-đề. Ni cũng đồng phạm. Không phạm: Có ba căn, hoặc nói thật để cho người hối lỗi chứ không hủy báng, hoặc nói chơi, hoặc nói lầm thì khai cho.

***81. Giới vào cửa cung vua:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Phu nhân Mạt-lợi cúng dường Phật rất tín tâm và khuyên vua tin vui theo, cho các Tỳ-kheo ra vào cung tự do.

Ca-lưu-Đà-di khi vào cung, phu nhân đang nằm trên giường, áo hở ra lộ bày thân thể. Các Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền đặt ra giới nầy.

Nếu Tỳ-kheo, dòng vua sát-đế-lợi nước rưới đầu: Nước rưới đầu: Lấy nước dưới biển lớn, đặt trên xe vàng, xe của các tiểu vương Đại Bà-la-môn dùng nước rưới trên đảnh vua, là dòng sát-lợi. Lập vua như thế, cho nên lấy đó gọi tên. Nếu các dòng Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-Đà mà lập như vậy thì cũng gọi là Quán đảnh.

Vua chưa ra: Vua chưa ra, người nữ chưa trở vào cung thất.

Chưa cất của báu: Các thứ vật báu như vàng bạc, chân châu, xa cừ, mã não, thủy tinh, lưu ly... Chưa được cất giữ.

Nếu bước qua ngạch cửa cung thì phạm Ba-dật-đề. Nếu một chân ở ngoài, một chân ở trong thì phạm Cát-la. Phát khởi ý muốn đi thì phạm Cát-la. Trừ vua, còn các nơi của tiểu vương, hào quý, Trưởng giả mà vào quá hạn thì phạm Cát-la. Ni cũng đồng phạm. Không phạm: là nếu được tấu bạch thỉnh mời, gặp duyên nạn liên quan đến sinh mạng, phạm hạnh thì khai cho.

***82. Giới cầm vật báu:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Có ngoại đạo đi trên đường. Do dừng lại nghỉ rồi để quên một ngàn lượng vàng.

Tỳ-kheo gặp, cầm lấy đem vàng về trả lại, nhưng ngoại đạo kia nói vàng bị thiếu, Vua xử đoán phạt tội, lấy vàng nhập cung. Tỳ-kheo nêu tội, bạch lên Đức Phật. Phật quở trách chế giới.

Nếu Tỳ-kheo vật báu: Là các thứ vàng bạc, châu báu, v.v...

Và các báu trang sức. Báu trang sức là đồng, thiếc, bạch lạp, v.v... Tự cầm hay bảo người cầm, trừ ở trong Tăng-già-lam: Bấy giờ, mẹ Tỳ-xá-khư, cởi áo quý đến chỗ Phật nghe pháp. Nghe xong thì quên chiếc áo, Tỳ-kheo bạch Phật, cho cầm giữ để trả lại chủ không mất.

Và gởi lại chỗ ngủ: Bấy giờ, Tỳ-kheo đi đường, ngủ nhờ nhà của người thợ kim hoàn. Các loại trang sức thành phẩm hoặc chưa thành bày ra trước mắt. Suốt đêm Tỳ-kheo không ngủ để giữ. Sáng ra, bạch Phật, Phật dạy: - Vì muốn chắc chắn cho nên được thâu cất.

Ba-dật-đề: Ni đồng phạm như tăng. Nếu ở trong tăng-già-lam và chỗ ngủ nhờ, cầm giữ vật báu và các món trang sức. Tự cầm hoặc bảo người cầm, đều là ý tốt. Hoặc chủ biết thì giữ.

Nếu hai chỗ được của báu thì nên giữ lấy. Biết trong túi số lượng nhiều ít. Nếu có người đến hỏi, thì đưa trả lại nếu họ nói đúng. Còn không đúng thì nói tôi không thấy. Nếu không biết trong túi đựng gì, không xem vuông tròn, mới cũ thì phạm Đột-cát-la.

Ngoài các nhân duyên như thế thì không phạm. Hoặc ngủ nhờ trong tăng-già-lam. Nắm giữ các phương tiện như trên. Nếu cúng dường chùa tháp vì muốn chắc cho nên thâu cất. Tất cả không phạm.

***83. Giới phi thời vào xóm làng:***

Phật ngự tại Xá-vệ. Bạt-Nan-Đà phi thời vào xóm, cùng cư sĩ đánh xu bồ và được thắng. Cư sĩ ganh ghét cố dùng lời chê trách. Tỳ-kheo nêu tội, bạch lên Đức Phật, do đó Phật đặt ra giới này.

Nếu Tỳ-kheo phi thời:

- Thời: Từ sáng đến giờ ngọ.
- Phi thời: Sau ngọ đến sáng hôm sau lúc mặt trời chưa mọc.

Vào xóm: Xóm có bốn thứ: như trên.

Không dặn Tỳ-kheo: Bấy giờ, tăng có việc chùa tháp và săn sóc bịnh. Phật dạy: Nên dặn Tỳ-kheo khác, hoặc ở riêng một phòng thì nên dặn trao phòng lại.

Ba-dật-đề: Mới bước vào cửa làng thì phạm tội đọa. Một chân vào trong và phương tiện hẹn nhau thì phạm Cát-la. Ni cũng đồng phạm.

Không phạm: là hoặc làm chùa tháp, vì bịnh nên dặn dò Tỳ-kheo. Hoặc có bạch vào làng, hoặc được mời thỉnh, bị nạn duyên thì không phạm.

***84. Giới nằm giường quá lượng:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, Ca-lưu-Đà-di biết trước Phật đi qua đường này, liền trải tòa cao, giường tốt giữa đường và bạch Phật rằng: - Phật hãy xem giường tòa của con. Phật bảo: Nên biết rằng người ngu nầy bên trong thường có tâm tệ ác. Phật nhóm họp chúng tăng lại quở trách và đặt ra giới này.

Nếu Tỳ-kheo làm giường dây, giường cậy: Năm loại giường như trên.

Cao tám ngón tay của Đức Như lai, trừ chỗ để lên bệ, nếu quá thì phạm Ba-dật-đề: Nếu tự làm, bảo người làm thì phạm tội đọa. Nếu không thành, hoặc vì người khác mà làm thì phạm Đột-cát-la. Ni cũng đồng phạm không phạm là: Nếu làm chân cao tám ngón tay. Hoặc dưới, hoặc cắt bớt dùng, hoặc bỏ chân giường ra.

***85. Giới làm nệm bằng bông đâu-la-miên:***

Phật ngự tại Xá-vệ. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị làm nệm bằng bông Đâu-la-Miên. Cư sĩ cho là không có từ tâm, làm hại chúng sinh. Các Tỳ-kheo nêu tội, Phật quở trách và chế giới.

Nếu Tỳ-kheo, bông đâu la: Là các loại hoa Bạch dương, thọ hoa, hoa liễu, Bồ đào.

Trừ giường dây, giường cây: Đều có năm loại: như trên.

Nệm lớn nhỏ: làm đồ nằm ngồi.

Thành thì phạm Ba-dật-đề. Tự làm hay bảo người làm đều như trên. Ni cũng phạm. Không phạm: Khai duyên cũng giống như trên.

***86. Giới: làm ống đựng kim bằng xương voi, ngà voi:***

Phật ngự tại thành la-Duyệt. Có người thợ khéo léo làm cho Tỳ-kheo cái ống đựng kim bằng ngà voi. Sau đó gia nghiệp tàn lụi không đủ y thực. Người đời dèm chê, cho ông mong cầu được phước mà trái lại gặp tai ương. Tỳ-kheo nêu tội, bạch lên Đức Phật. Phật quở trách rồi chế giới.

Nếu Tỳ-kheo làm ống đựng kim, thành thì phạm Ba-dật-đề. Nếu tự làm, bảo người làm thì phạm như trên. Tỳ-kheo-ni phạm Đột-cát-la. Không phạm: Là các loại bằng đồng sắt, v.v... Hoặc bằng trúc, bằng cây và dùng các loại cỏ làm ống đựng kim thì không phạm. Hoặc làm đầu tích trượng, làm cán dù cán dao. Hoặc như ý làm các loại đồ dùng móc áo, v.v... thì không phạm.

***87. Giới: Ni-Sư-Đàn quá lượng:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Theo pháp thường của Chư Phật là không thọ thỉnh phòng xá ở những nơi hành hóa. Trông thấy đồ nằm của chúng

tăng phơi bày đầy đường mà bị nhiễm ô. Phật bèn bảo các Tỳ-kheo: Các vị tiên nhân, ngoại đạo lìa dục còn không có việc này. Để che đậy y và đồ nằm nên Phật cho may ni-Sư-Đàn. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị làm ni sư đàn thật lớn. Tỳ-kheo nêu tội. Phật do đây chế giới.

Nếu Tỳ-kheo may ni-Sư-đàn: Dùng để trải ngồi.

Nên làm đúng lượng, dài hai khuỷu tay, rộng một khuỷu tay của Phật.

Bấy giờ, Ca-lưu-Đà-di thân thì lớn mà ni-Sư-đàn lại nhỏ. Ông đến bạch với Phật và cho làm rộng thêm. Phật cho tăng thêm mỗi bên nửa khuỷu tay. Nếu làm quá phạm Ba-dật-đề. Hoặc rộng dài đều quá. Tự làm, bảo người làm, nếu thành phạm xả đọa, không thành thì phạm Cát-la. Vì người làm thành hay không thành cũng phạm Cát-la. Ni phạm Cát-la.

Không phạm: là nếu giảm ít, hoặc cắt để đắp cho người.

***88. Dùng vải băng vết thương quá lượng:***

Phật ngự tại Xá-vệ. Có Tỳ-kheo bị mụn nhọt, máu mủ chảy ra làm nhơ bẩn cả đồ nằm của tăng. Phật cho may y lớn để che vết thương, mặc Niết-bàn tăng đến nhà người tại gia, nói tôi có vết thương nên đắp Niết-bàn tăng, dùng đây để che vết thương khi ngồi. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị liền may y thật lớn. Tỳ-kheo nêu tội, Phật do đây chế giới.

Nếu Tỳ-kheo may y che vết thương. Có các loại y may dùng để che vết thương trong thân, nên ứng theo lượng mà làm, lượng là dài bốn khuỷu tay, rộng hai khuỷu tay Phật, nếu quá thì phạm Ba-dật-đề. Cùng quá lượng hay cùng giảm, tự làm hay bảo người làm đều phạm tội đọa. Không thành thì phạm Cát-la. Vì người làm, thành hay không thành đều phạm Cát-la. Ni cũng phạm Cát-la.

Không phạm: Đúng với lượng, hoặc giảm lượng. Đã làm xong hoặc cắt theo lượng làm lại.

***89. May áo mưa quá lượng:***

Phật ngự tại Xá-vệ. Mẹ Tỳ-xá-khư đem đến áo tắm mưa. Phật bảo: Không được phân, tùy theo Thượng Tọa mà cho. Không đủ thì theo thứ lớp tăng mà đưa. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị may thật lớn, Tỳ-kheo nêu tội, Phật do đây mà chế giới.

Hoặc Tỳ-kheo may y tắm mưa: Là áo mặc tắm lúc mưa.

Nên ứng theo lượng mà làm: Lượng là dài sáu khuỷu tay, rộng hai khuỷu rưỡi. Nếu quá thì phạm tội Ba-dật-đề. Tự làm hay bảo người làm đều không được. Tỳ-kheo ni khai duyên cũng đồng như giới trước.

***90. Giới ba y quá lượng:***

Phật ngự tại Thích-Sí-Sấu: Nan-đà thấp hơn Phật bốn ngón tay. Các Tỳ-kheo nhìn thấy từ xa cho là Phật bèn cung kính đảnh lễ. Đến khi biết không phải thì mọi người đều mắc cỡ.

Phật chế: Cho Nan-đà đắp y đen, nhóm Tỳ-kheo sáu vị làm bằng lượng của Phật hoặc làm quá lượng. Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền chế giới.

Nếu Tỳ-kheo may y bằng lượng y của Như lai, hoặc may quá lượng thì phạm Ba-dật-đề.

Y lượng bằng với Như lai đó là dài chín khuỷu tay, rộng sáu khuỷu tay của Phật. Đó gọi là lượng y của Như lai. Nếu rộng dài cùng ứng lượng không ứng lượng đều phạm. Tự làm, bảo người làm, ni làm cũng như trên.

Không phạm: Từ người khác được chiếc y đã thành, cắt ra như lượng, hoặc may chồng lên hai lớp thì không phạm.

Nầy các Đại đức! Tôi đã nói chín mươi pháp Ba-dật-đề. Nay hỏi các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (ba lần).

Các Đại đức trong đây thanh tịnh, việc này rõ như vậy.

GIỚI BỔN TỨ PHẦN LUẬT TỲ KHEO HÀM CHÚ, QUYỂN TRUNG (HẾT).

■

# GIỚI BẢN TỨ PHẦN LUẬT TỲ-KHEO HÀM CHÚ

## QUYỂN HẠ

Thưa Chư Đại đức! Bốn pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni nầy nửa tháng tụng một lần, xuất xứ từ trong giới kinh.

***1. Giới: Nhận thức ăn của ni không phải bà con:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Gặp năm mất mùa, gạo thóc quý hiếm, người chết đói vô lượng. Tỳ-kheo Liên Hoa sắc đắp y ôm bát vào thành khất thực, cho đến ba ngày như thế ni đều đem cho các Tỳ-kheo bị đói bên đường, sau đó trét bùn lên mặt nằm ngủ, người thế tục thấy vậy chê bai, Tỳ-kheo nêu tội, bạch lên Đức Phật, Phật quở trách và đặt ra giới này.

Nếu Tỳ-kheo vào thôn xóm, xin người không phải bà con: như trên đã giải thích.

Nếu Tỳ-kheo-ni không bịnh: Cũng giống như trên.

Tự tay lấy thức ăn: hai loại thức ăn, cũng giống như trên.

Thực: là Tỳ-kheo nên hướng về Tỳ-kheo khác nói lời sám hối: Đại đức! Tôi phạm pháp đáng quở trách, là việc không nên làm. Nay tôi hướng về Đại đức nói lời sám hối. Đó gọi là pháp Hối quá. Nếu tự tay thọ thì mỗi miếng đều phạm đọa. Tỳ-kheo-ni phạm Đột-cát-la.

Không phạm: Thọ thức ăn từ ni bà con thuộc. Hoặc có bệnh, hoặc đặt trên đất, khiến người khác đưa qua. Nếu ở trong Tăng-già-lam cho, hoặc ngoài thôn cho, tại chùa ni cho, như thế mà nhận lấy thì không phạm.

***2. Giới thọ thức ăn từ tay ni trao:***

Phật ngự tại Xá-vệ, có rất nhiều Tỳ-kheo thọ thực với nhóm Tỳ-kheo sáu vị trong nhà người tại gia. Bấy giờ, nhóm Tỳ-kheo-ni sáu vị đem cơm canh khất thực cho nhóm Tỳ-kheo sáu vị và nói: Xin cho cơm và canh này. Tỳ-kheo nêu tội, bạch lên Đức Phật. Phật liền quở trách, chế giới.

Tỳ-kheo đến nhà người tại gia: có nam có nữ.

Thực: Như trên đã nói.

Ở trong nhà này có Tỳ-kheo-ni bảo thí chủ cúng Tỳ-kheo kia cơm canh. Tỳ-kheo nên nói với Tỳ-kheo-ni rằng: - Đại tỷ xin chớ làm như vậy.

Các Tỳ-kheo ăn xong, Tỳ-kheo này nên hướng về các Tỳ-kheo nói lời sám hối: - Đại đức tôi phạm tội đáng quở trách, là việc không nên làm, nay Tôi hướng về Đại đức cầu xin sám hối. Đó gọi là pháp hối quá.

Nếu không quở trách mà ăn, mỗi miếng phạm một tội đọa. Ni phạm Cát-la.

Không phạm: Hoặc nói đại tỷ xin chớ làm như vậy. Nên để cho các Tỳ-kheo ăn xong. Nếu ni tự làm đàn-việt. Nếu đàn-việt thiết trai nhờ ni đem phân chia, nếu không cố làm riêng tư kia đây thì không phạm.

***3. Giới thọ thực ở nhà học giả:***

Phật ngự tại thành La-duyệt. Có vợ chồng cư sĩ đều được thấy đế. Không còn ái luyến dù cho thân thể mình, nên đem cúng dường hết, không còn cả y thực. Các cư sĩ chê trách. Tỳ-kheo nêu tội. Phật dạy bạch hai lần để chế đoạn Tỳ-kheo, rồi đặt ra giới này.

Nếu trước làm Yết-ma Học gia, tăng bạch hai lần Yết-ma.

Nhà: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo trước không được thỉnh đến học gia: Nếu được thỉnh thì cho đi.

Vô bịnh: cho Tỳ-kheo có bịnh đến ăn nhà người.

Tự tay thọ thực: Nếu đặt trên đất mà cho, hoặc bảo người cho thì được.

Thực: Tỳ-kheo nên hướng về vị Tỳ-kheo khác nói lời sám hối rằng: - Đại đức, tôi phạm tội đáng quở trách, điều không nên làm tôi đã phạm. Nay xin hướng về Đại đức sám hối. Đó gọi là pháp hối quá.

Nếu tự tay nhận thì phạm, ni phạm Đột-cát-la. Không phạm là: Hoặc thỉnh trước, hoặc bịnh, hoặc đặt xuống đất rồi lấy. Hoặc theo người thọ. Hoặc bạch hai lần giải rồi mới thọ thực, tất cả không phạm.

***4. Giới lan nhã khủng bố mà thọ thực:***

Phật ngự tại nước Thích-Sí-Sấu, thành Ni-Câu-luật. Có người nữ đem thức ăn cúng dường, bọn giặc bên đường xúc nhiễu. Tỳ-kheo bạch việc này lên Đức Phật, Phật bảo: Nên nói cho biết, rồi Ngài đặt ra giới nầy.

Nếu Tỳ-kheo ở tại A lan nhã, cách xóm làng 500 cung, pháp theo lượng là trủy tay nước Già-ma-la.

Nơi xa có nghi ngờ sợ hãi: Nghi có giặc trộm cướp, làm sợ hãi.

Nếu Tỳ-kheo trụ nơi A-lan-nhã như thế, trước không nói với đàn-việt. Phật bảo: Nên nói những người phụ nữ chớ đi ra đường, có giặc cướp sợ hãi.

Hoặc ngoài tăng-già-lam không có thọ thực. Nếu đã ra ngoài thành, nên nói rằng: Chớ đến trong tăng-già-lam, giữa đường có giặc cướp làm sợ hãi.

Trong Tăng-già-lam không bịnh: Nếu người cố đem thức ăn cho người bịnh thì nhận.

Tự tay nhận thức ăn: Nếu có thí chủ để thức ăn dưới đất, hoặc bảo người đem cho.

Thực là Tỳ-kheo nên hướng về Tỳ-kheo khác nói: Đại đức! Tôi phạm pháp đáng quở trách, làm việc không nên làm, giờ đây tôi hướng về Đại đức cầu xin sám hối. Đó gọi là pháp Hối quá. Ni phạm Cát-la. Không phạm: Hoặc đến thọ giáo, nghe pháp, tự ăn khiến người trao đến.

Các Đại đức! Tôi đã nói bốn pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, nay xin hỏi các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (Ba lần)

Thưa các đại đức! trong đây thanh tịnh vì im lặng, việc này giữ gìn như vậy.

Thưa các Đại đức! Đây là pháp Thức-xoa-Ca-la-ni, nửa tháng tụng một lần, xuất xứ từ trong giới kinh.

***1- Giới mặc Niết-bàn-tăng ngay ngắn:*** Phật ngự tại nước Xá-vệ! Nhóm Tỳ-kheo sáu vị mặc Niết-bàn-tăng không ngay ngắn, nên cư sĩ chê cười. Vào ngày lễ hội vui chơi nói Tỳ-kheo này cũng như Vua chúa, Đại thần. Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền quở trách và chế giới.

Phải ngay ngắn: y không ngay ngắn là nói y bị xệ xuống, dây buộc dưới thắt lưng. Cao là Áo bằng đầu gối, mũi voi, là một góc trước xệ xuống.

Lá cây Đa-la: hai góc trước xệ xuống.

Mặt Niết-bàn-tăng: Mặc không ngay ngắn phạm tội nên sám hối, đây là phạm Cát-la. Nếu cố làm cố phạm chẳng phải oai nghi thì phạm Đột-cát-la. Nếu không cố làm phạm Cát-la. Tỳ-kheo và bốn chúng cũng phạm Đột-cát-la. Các tướng thành phạm ở thiên sau đều y cứ theo đây.

Thức-xoa-Ca-la-ni: Không phạm: là trong bụng có sinh ghẻ thì mặc quần dưới. Nếu phần trên có ghẻ thì mặc cao lên. Hoặc ở trong tăng-già-lam, hoặc ở ngoài thôn. Hoặc lúc làm, hoặc hành đạo thì không phạm.

***2/ Giới mặc ba y ngay ngắn:***

Phật ngự tại Xá-vệ, nhóm Tỳ-kheo sáu vị mặc y áo không ngay ngắn, các Trưởng giả trông thấy chê cười, thì họ nói: tôi tự biết chánh pháp. Như thế có chánh pháp nào mặc y không ngay ngắn như người đời không khác. Tỳ-kheo bạch lỗi ấy lên Đức Phật. Do quán ba đời mà đặt ra giới này.

Nên mặc ba y ngay ngắn Thức-xoa-ca-la-ni: mặc vừa chừng, bên dưới quá xệ để lộ hông sườn.

Cao là: Quá gót chân. Mũi voi: một góc trước xệ xuống.

Lá đa-la: Hai góc trước xệ xuống, phía sau cao lên.

Tế niếp: Niếp là đã đặt viền. Không phạm: Vết thương từ vai cánh tay thì mặc dưới. Tướng khai đồng như trước.

***3/ Giới: Lật ngược y vào nhà thế tục:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị lật ngược y vào nhà thế tục. Cư sĩ chê trách. Nói không biết hổ thẹn, như vua quan chẳng khác. Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền chế giới.

Không được lật ngược y: Hoặc lật ngược y, hai bên má trái từ vai lên.

Vào nhà người tại gia: là thôn xóm.

Thức-xoa-ca-la-ni: Không phạm: Hoặc bên lưng sườn bị bịnh ghẻ, hoặc ở trong già-lam. Hoặc trên đường, hoặc lúc làm.

***4/ Không được lật ngược y vào nhà thế tục ngồi Thức-xoa-ca-la-ni.***

***5/ Giới: Y quấn cổ vào nhà người tại gia:***

Phật ngự tại Xá-vệ. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị quấn y vào cổ đến nhà cư sĩ. Các cư sĩ chê cười cho là như hàng cư sĩ Trưởng giả. Tỳ-kheo nêu tội. Phật liền chế giới.

Không được y quấn cổ: là không được nắm các góc y vắt lên vai.

Vào nhà người tại gia Thức-xoa-ca-la-ni: Không phạm. Hoặc hai vai bị đau, cánh tay có ghẻ lở. Hoặc trong chùa tăng, hoặc ngoài làng xóm, lúc làm việc hay ở ngoài đường.

***6/ Không được y quấn cổ vào nhà người tại gia ngồi Thức-xoa-ca-la-ni.***

***7/ Giới che đầu vào nhà người tại gia:***

Phật ngự tại Xá-vệ, nhóm Tỳ-kheo sáu vị lấy y che đầu đi vào nhà người tại gia. Cư sĩ chê cười: Che đầu như trộm cướp, như vậy làm sao gọi là chánh pháp. Tỳ-kheo nghe nói liền nêu tội, Phật quở trách và chế giới.

Không đươc vắt ngược y. Hoặc dùng cây lá, hoặc dùng đồ vật cắt đoạn ra, hoặc dùng y che.

Vào nhà người tại gia Thức-xoa-ca-la-ni: Không phạm: Hoặc bị bịnh, hoặc sợ lạnh, hoặc trên đầu có mụt. Hoặc bị nạn sinh mạng, phạm hạnh che đầu mà đi.

***8/ Không được che đầu vào nhà người tại gia ngồi.***

***9/ Không được vừa đi vừa nhảy vào thế tục:***

Phật ngự tại Xá-vệ, nhóm Tỳ-kheo sáu vị dù đi dù nhảy vào nhà thế tục. Các cư sĩ chê trách là không biết hổ thẹn, vào nhà người tại gia giống như chim sáo. Tỳ-kheo nêu tội, Phật do đó chế giới.

Không được dù đi dù nhảy: Nhảy hai chân mà đi.

Vào nhà người tại gia Thức-xoa-ca-la-ni: Không phạm là bị bịnh hoặc bị người đánh. Có giặc đuổi hay bị thú dữ cắn. Nhảy qua mương ao hay chỗ bùn nước.

***10/ Không được vừa đi vừa nhảy vào nhà thế tục mà ngồi:***

***11/ Ngồi xổm trong nhà cư sĩ:***

Phật ngự tại Xá-vệ. Các cư sĩ thỉnh tăng đến nhà thọ thực. Nhóm Tỳ-kheo bảy vị ngồi chồm hỗm, đưa tay lên tòa làm cho thân hình nghiêng ngửa ra. Các cư sĩ chê trách là không biết xấu hổ, lộ hình ra chẳng khác gì Bà-la-môn. Tỳ-kheo nêu tội. Phật liền chế giới.

Không được vào nhà người tại gia ngồi xổm, hoặc trên đất hay trên giường ngồi mà không dính đất.

Thức-xoa-ca-la-ni: Không phạm là lúc đó có mục ghẻ ở dưới, hoặc lễ, hoặc sám hối, hoặc thọ giáo giới.

***12/ Không được chống nạnh vào nhà thế tục:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm sáu vị chống nạnh đi vào nhà thế tục. Các Cư sĩ chê cười nói: Sa-môn tự xưng là mình biết chánh pháp, lại đưa tay chống nạnh như người đêm tân hôn đắc chí kiêu ngạo. Tỳ-kheo nêu tội. Phật do đây chế giới.

Không được chống nạnh.

Thức-xoa-ca-la-ni đi vào nhà thế tục: Không phạm là: Hoặc bị bịnh, sau lưng có mụt. Trong tăng-già-lam, hoặc ngoài thôn, hoặc làm việc, hoặc đi đường.

***13/ Không được chống nạnh, chống khuỷu tay lên làm trở ngại***

***các vị Tỳ-kheo ở bên.***

Đến nhà người tại gia, ngồi không được chống nạnh Thức-xoa-ca-la-ni.

***14/ Giới không được lắc mình đi vào nhà thế tục:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Nhóm sáu vị đi lắc mình vào nhà thế tục. Các Cư sĩ chê cười nói: Thật không biết hổ thẹn, lắc mình đi như bậc vua quan. Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền quở trách, chế giới.

Không được lắc mình đi: bước đi thân lắc qua hai bên.

Vào nhà người tại gia Thức-xoa-ca-la-ni. Không phạm: Là hoặc bị bịnh, hoặc bị người đánh, lách mình chạy tránh gậy. Hoặc bị thú dữ xúc não, hoặc tránh các vật đâm chém vào thân, hoặc lắc mình để qua hầm hố, hoặc mặc đồ ngắm lại cho ngay ngắn.

***15/ Không được lắc mình đi vào nhà thế tục ngồi Thức-xoa-ca-la-ni.***

***16/ Không được đánh đàng xa vào nhà thế tục ngồi:***

Phật ngự tại Xá-vệ, nhóm sáu vị lắc tay đi vào nhà thế tục. Các Cư sĩ chê cười: - Thật không biết hổ thẹn, đánh tay đi vào nhà cư sĩ, giống như vua quan, Trưởng giả. Tỳ-kheo nêu tội. Phật quở trách chế giới.

Không được đi đánh tay đằng xa: là duỗi tay ra trước sau mà đi.

Vào nhà thế tục Thức-xoa-ca-la-ni: Không phạm là: Hoặc bị bịnh, bị người đánh giơ tay đỡ, hoặc thú dữ xông vào người đưa tay đỡ. Hoặc qua ao rạch đưa tay vẫy gọi bạn.

***17/ Không được tay đánh đàng xa đi vào nhà thế tục ngồi, Thức-xoa-ca-la-ni.***

***18/ Lộ thân đi vào nhà thế tục:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Nhóm sáu vị không thích che thân đi vào nhà thế tục. Các Cư sĩ chê trách nói: Y phục che thân không khéo chẳng khác gì Bà-la-môn.

Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền chế giới. Khéo che thân đi vào nhà thế tục: hoặc lộ ở trong làng xóm chỗ nào cũng lộ bày thân thể.

Thức-xoa-ca-la-ni: Không phạm là: hoặc bị bịnh, hoặc bị ràng buộc, gió thổi làm y tung ra.

***19/ Phải khéo che thân vào nhà thế tục ngồi Thức-xoa-ca-la-ni.***

***20/ Liếc ngó hai bên đi vào nhà thế tục:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm sáu vị liếc ngó hai bên đi vào nhà thế tục. Cư sĩ chê trách rằng như kẻ trộm. Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền chế giới.

Không được liếc ngó hai bên: Vào thôn xóm nhìn ngó các nơi.

Vào nhà thế tục Thức-xoa-ca-la-ni: Không phạm là: Hoặc bị bịnh, hoặc ngước nhìn trời xem thời tiết, hoặc bị nạn sinh mạng, phạm hạnh, nhìn ngó hai bên để tiện đường đi.

***21/ Thức-xoa-ca-la-ni không được liếc ngó hai bên đi vào nhà thế tục ngồi.***

***22/ Lớn tiếng đi vào nhà thế tục:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm sáu vị lớn tiếng đi vào nhà thế tục. Các Cư sĩ chê cười: Như Bà-la-môn không biết hổ thẹn, không phải chánh pháp. Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền chế giới.

Im lặng thanh tịnh vào nhà thế tục: Trong đó không im lặng, cao tiếng nói lớn. Hoặc dặn dò trao đổi. Hoặc lớn tiếng thí thực.

Thức-xoa-ca-la-ni: Không phạm là: hoặc bị bịnh. Hoặc điếc không nghe, phải lớn tiếng dặn dò trao đổi, hoặc cao tiếng thí thực. Hoặc bị hai nạn sinh mạng và phạm hạnh lớn tiếng mà đi.

***23/ Im lặng vào nhà bạch y mà ngồi Thức-xoa-ca-la-ni.***

***24/ Cười giỡn vào nhà thế tục:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm sáu vị đùa giỡn đi vào nhà thế tục. Các Cư sĩ chê trách: Cười nói như khỉ vượn không biết hổ thẹn, làm sao có chánh pháp, Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền chế giới.

Không được cười giỡn: là cười hở răng. Vào nhà thế tục Thức-xoa-ca-la-ni. Không phạm là: hoặc bị bịnh, hoặc môi hở răng không kín. Hoặc niệm pháp vui mừng mà cười.

***25/ Không được cười giỡn vào nhà bạch y ngồi, Thức-xoa-ca-la-ni.***

***26/ Không dụng ý thọ thực (Phải chú ý thọ thực):***

Phật ngự tại Xá-vệ, Cư sĩ thỉnh tăng cúng dường. Nhóm sáu vị không dụng ý thọ thực, làm rơi đổ cơm canh. Các Cư sĩ chê cười nói Sa-môn không biết thỏa mãn, tâm tham thọ nhiều như lúc lúa gạo kém thiếu. Các Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền chế giới.

Dụng ý thọ thực: Vì không chú ý nên làm rơi đổ cơm canh.

Thức-xoa-ca-la-ni: Không phạm là: Hoặc lúc bị bịnh, hoặc bát nhỏ nên lúc ăn bị đổ cơm, hoặc lượm rớt trên bàn.

***27/ Giới thọ thực đầy bát:***

Phật ngự tại Xá-vệ, có cư sĩ thỉnh tăng, nhóm sáu vị thọ thực đầy bát, làm cơm canh đổ ra ngoài. Các Cư sĩ chê trách nói: Không biết hổ thẹn, không biết thỏa mãn, như loài ngọa quỷ tham ăn. Tỳ-kheo nêu tội, Phật nhân đó quở trách, chế giới.

Nên để bình bát cho ngang bằng, không ngang bằng thì thức ăn tràn ra.

Mà thọ thực, Thức-xoa-ca-la-ni: Không phạm, là hoặc lúc bị bịnh, hoặc bình bát nhỏ, hoặc rớt trên bàn.

***28/ Thọ canh đầy bát:***

Phật ngự tại Xá-vệ, Cư sĩ thiết trai cúng dường. Nhóm sáu vị lấy cơm quá nhiều không thể chứa canh. Các Cư sĩ chê cười: - Người gì tham ăn như ngạ quỷ. Các Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền chế giới.

Bình bát thọ canh làm tràn nước ra dơ.

Thức-xoa-ca-la-ni: Không phạm là hoặc lúc bị bịnh, hoặc bát nhỏ làm đổ cơm trên bàn.

***29/ Giới không theo thứ lớp thọ thực:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Cư sĩ thiết trai cúng dường, tự tay sớt thức ăn. Canh để ở dưới rồi bỏ cơm thêm, ăn cơm hết mà canh vẫn còn. Lại lấy thêm cơm. Canh hết mà cơm vẫn còn, tựa như người đói. Các Tỳ-kheo nêu tội, Phật quở trách rồi chế giới.

Nên cơm canh cùng ăn: Vì không ăn một lượt thì cơm hết hoặc canh hết.

Thức-xoa-ca-la-ni, không phạm: là hoặc bị bịnh, hoặc cần ăn canh hơn cơm, hoặc cơm hơn canh. Hoặc mặt trời sắp qua, hoặc bị hai nạn sinh mạng và phạm hạnh phải ăn cho mau.

***30/ Thọ thực không thứ lớp:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Cư sĩ thiết trai cúng dường, tự tay sớt thức ăn. Nhóm sáu vị không theo thứ lớp gắp thức ăn. Các Cư sĩ chê bai, không biết thỏa mãn, chẳng khác nào như chó lợn, trâu lừa, diều qua chim chóc. Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền quở trách chế giới.

Nên theo thứ lớp lấy thức ăn, kia không theo thứ lớp mà ăn, bỏ lộn lạo vào bát mà ăn.

Thức-xoa-ca-la-ni: Không phạm là lúc bịnh. Sợ cơm nóng nên khều chỗ nguội ăn trước. Vì giờ ngọ sắp qua, hoặc bị nạn liên quan đến tánh mạng và phạm hạnh cần phải ăn mau.

***31/ Giới moi cơm giữa bát mà ăn.***

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Cư sĩ thiết trai cúng dường, tự tay dâng thức ăn. Nhóm sáu vị thọ thực, moi ở giữa ăn hết làm cho giữa bát trống rỗng. Các Cư sĩ chê bai nói: Ăn không biết thỏa mãn, như lừa ngựa heo chó. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Nhân đó Phật chế giới.

Không được khều giữa bát ăn: Moi cơm giữa bát cho đến tận đáy.

Mà ăn, Thức-xoa-ca-la-ni: không phạm là hoặc bị bịnh, sợ nóng ăn giữa cho nguội. Sắp qua giờ ngọ, hoặc lúc có nạn duyên cần ăn mau.

***32/ Giới vì mình xin thức ăn:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Cư sĩ thiết trai, nhóm sáu vị tự xin ăn như lúc đói khát. Các Cư sĩ chê cười: Thọ thực không thỏa mãn như vậy làm sao đúng chánh pháp. Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền chế giới.

Vô bịnh: bị bịnh thì cho xin ăn.

Thức-xoa-ca-la-ni: Không được tự mình xin cơm canh ăn. Không phạm là lúc bịnh, hoặc vì người, người vì mình, không mong mà được.

***33/ Giới dùng cơm phủ canh:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Cư sĩ thiết trai cúng dường. Nhóm sáu vị ăn canh hết, cư sĩ lại châm thêm canh nữa. Sau đó Tỳ-kheo dùng cơm phủ lên canh. Cư sĩ trách rằng: Thọ dụng không biết thỏa mãn, như người đói khát, làm sao đúng chánh pháp. Tỳ-kheo nêu tội, Phật quở trách và chế ra giới này.

Thức-xoa-ca-la-ni không được dùng cơm phủ canh, ăn rồi xin canh nữa.

Không phạm: là hoặc bị bịnh, hoặc được mời thỉnh. Hoặc có lúc cần ăn canh, có lúc cần ăn cơm.

***34/ Giới: nhìn vào bát người ngồi bên cạnh:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, Cư sĩ thiết trai cúng dường, nhóm sáu vị được ít, phần người ngồi bên cạnh nhiều, nên nói với cư sĩ: - Nay ông thỉnh tăng mà có tâm cho người nhiều người ít. Cư sĩ bảo: Tôi cúng dường bình đẳng. Tỳ-kheo nêu tội, Phật quở trách rồi chế giới.

Không được nhìn trong bát người ngồi bên, xem ai nhiều ít.

Mà ăn, Thức-xoa-ca-la-ni. Không phạm là: - Vì người bên cạnh bị bịnh, hoặc mắt kém nên nhìn xem được thức ăn hay không được thức ăn, tịnh hay bất tịnh, thọ hay chưa thọ. Nếu bị bịnh thì khai cho.

***35/ Giới duyên trong bát mà ăn:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, Cư sĩ thiết trai cúng dường, nhóm sáu vị ăn xong thì liếc ngó hai bên, không biết người ngồi bên cạnh lấy bát dấu đi. Tỳ-kheo bạch lên Đức Phật. Do đó mà Phật chế giới.

Nên duyên trong bát quán tưởng mà ăn: Là không được liếc ngó hai bên.

Thức-xoa-ca-la-ni: Không phạm là lúc bị bịnh, người ngồi bên mắt kém, như các phương tiện trước, hoặc là xem giờ giấc, hoặc bị nạn duyên muốn chạy nhìn xem hai bên.

***36/ Vắt cơm lớn miếng mà ăn:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, cư sĩ thiết trai cúng dường, nhóm sáu vị vắt cơm lớn miếng bỏ vào miệng nuốt không được. Các Cư sĩ chê cười cho là không biết thỏa mãn. Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền chế giới.

Không được vắt cơm lớn miếng mà ăn: Vì khó nuốt.

Thức-xoa-ca-la-ni: Không phạm: là bị bịnh, giờ ngọ sắp qua, bị nạn liên quan đến tánh mạng, phạm hạnh, cần ăn nhanh.

***37/ Giới: Há miệng lớn đợi cơm ăn:***

Phật ngự tại Xá-vệ. Cư sĩ thiết trai cúng dường. Thức ăn chưa tới mà Tỳ-kheo há miệng lớn đợi ăn. Cư sĩ chê cười cho là không biết đủ, không nhàm chán. Tỳ-kheo nêu tội. Phật bèn quở trách, chế giới. Không được há miệng lớn đợi cơm ăn. Cơm chưa đến mà há miệng đợi.

Thức-xoa-ca-la-ni: Không phạm là: Hoặc bị bịnh, hoặc gặp nạn duyên muốn ăn nhanh.

***38/ Ngậm cơm nói chuyện:***

Phật ngự tại Xá-vệ, Cư sĩ thiết trai cúng dường, nhóm sáu vị miệng dù ngậm cơm dù nói chuyện. Các Cư sĩ chê cười. Tỳ-kheo nêu tội. Phật liền chế giới.

Không được vừa ngậm cơm vừa nói chuyện: Ngậm cơm thì nói không rõ làm cho người không hiểu.

Thức-xoa-ca-la-ni: Không phạm là: Hoặc lúc bị bịnh, hoặc nghẹn xin nước. Hoặc bị nạn duyên nên nhai đồ ăn có tiếng.

***39/ Vắt cơm ném vào miệng:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, các Cư sĩ thỉnh tăng, tự tay sớt thức ăn. Lục quần vắt cơm từ xa ném vào miệng ăn, các cư sĩ chê trách là không biết đủ, không biết thỏa mãn, chẳng khác gì nhà ảo thuật. Các Tỳ-kheo nêu tội. Phật liền chế giới.

Thức-xoa-ca-la-ni: Không được vắt cơm từ xa quăng vào miệng mà ăn.

Không phạm: là bị bịnh, hoặc bị buộc vắt cơm ném ăn.

***40/ Ăn cơm đổ rớt:***

Phật ngự tại Xá-vệ, Cư sĩ thiết trai cúng dường. Nhóm sáu vị đưa cơm lên ăn, phân nửa đổ ra ngoài, các cư sĩ chê trách, các Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền chế giới.

Ăn cơm không được để thừa lại: là phân nữa cho vào miệng, phân nửa cầm trên tay.

Thức-xoa-ca-la-ni: Không phạm là bị bịnh ăn ít, ăn bánh hoặc trái cây nửa, rau quả, v.v...

***41/ Ăn búng hai má:***

Phật ngự tại Xá-vệ. Cư sĩ cúng trai phạn, nhóm sáu vị ăn ngốn nghiến, các cư sĩ hiềm trách, cho rằng Sa-môn không biết hổ thẹn. Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền chế giới.

Không được ăn cơm búng hai má: làm hai bên má phùng ra như loài khỉ vượn.

Thức-xoa-ca-la-ni: Không phạm: là lúc bịnh, sắp hết giờ ngọ, hoặc bị nạn liên quan đến tánh mạng,phạm hạnh nên ăn nhanh.

***42/ Nhai cơm có tiếng:***

Phật ngự tại Xá-vệ. Cư sĩ cúng dường trai phạn, nhóm sáu vị nhai cơm có tiếng. Cư sĩ chê trách. Tỳ-kheo nêu tội. Phật liền chế giới.

Thức-xoa-ca-la-ni: không được nhai cơm lớn tiếng mà ăn. Không phạm là: Khi bịnh nhai bánh khô và cơm cháy, mía, trái cây...

***43/ Hớp cơm mà ăn:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Cư sĩ thiết trai cúng dường. Nhóm sáu vị hớp cơm lớn miếng mà ăn. Các Cư sĩ chê trách cho là không biết hổ thẹn. Các Tỳ-kheo bạch lên Phật, do đây Phật chế giới.

Không hớp cơm lớn miếng mà ăn: Há miệng lớn hớp cơm ăn.

Thức-xoa-ca-la-ni: Không phạm là: Bị bịnh đau miệng, hoặc ăn canh, hoặc uống các loại nước sữa, rượu đắng, v.v...

***44/ La lưỡi liếm mà ăn:***

Phật ngự tại Xá-vệ, Cư sĩ thiết trai cúng dường. Nhóm sáu vị ăn dùng lưỡi liếm. Các Cư sĩ chê cười, cho là không biết hổ thẹn. Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền chế giới.

Không được dùng lưỡi liếm thức ăn: Dùng lưỡi liếm cơm đưa vào miệng.

Thức-xoa-ca-la-ni, không phạm: là bị bịnh hoặc bị trói, tay dơ bẩn nên dùng lưỡi liếm thức ăn.

***45/ Vung tay mà ăn:***

Phật tại Xá-vệ. Cư sĩ thiết trai cúng dường và tự châm thức ăn. Lục quần lấy vung tay mà ăn. Các Cư sĩ chê bai, cho là không có chánh pháp, như vua đại thần. Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền chế giới.

Không được vung tay mà ăn Thức-xoa-ca-la-ni: Không phạm: là bị bịnh, hoặc trong cơm có cỏ trùng, hoặc tay có đồ dơ cầm vứt đi, hoặc tay chưa cầm thức ăn mà dơ nên phải rẫy tay.

***46/ Tay lượm cơm đổ mà ăn:***

Phật ngự tại Xá-vệ, cư sĩ thiết trai cúng dường, nhóm Tỳ-kheo sáu vị tay nhặt cơm đổ ăn. Các Cư sĩ chê cười, cho là như chim ăn. Tỳ-kheo

nêu tội, Phật liền chế giới.

Không được tay cầm cơm đổ ăn: là ăn làm rơi đổ.

Thức-xoa-ca-la-ni: Không phạm là khi bịnh, hoặc trong thức ăn có cỏ, có đồ dơ, hoặc có thức ăn chưa thọ phải xả bỏ.

***47/ Tay dơ cầm đồ đựng cơm ăn:***

Phật ngự tại Xá-vệ, Cư sĩ thiết trai, nhóm sáu vị tay dơ mà cầm đồ đựng thực ăn. Các Cư sĩ chê cười, cho là không đúng pháp, giống như vua chúa, Đại thần. Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền chế giới.

Không được tay dơ cầm đồ đựng thức ăn: là Tay dơ mà cầm thức ăn.

Thức-xoa-ca-la-ni: Không phạm là bị bịnh hoặc là trên cỏ, trên lá, khi thọ có rửa tay.

***48/ Nước rửa bát đổ vào nhà thế tục:***

Phật ngự tại Xá-vệ. Nhóm sáu vị đổ nước rửa bát có lẫn lộn thức ăn vào nhà ăn của người. Các Cư sĩ chê trách, ăn nhiều như người đói. Tỳ-kheo nêu tội. Phật liền chế giới.

Không được đổ nước rửa bát: là nước có lẫn thức ăn.

Đổ vào nhà bạch y Thức-xoa-ca-la-ni: Không phạm: là bị bịnh, hoặc lúc đậy nắp, hoặc rửa chậu đổ nước ra ngoài.

***49/ Đại tiểu tiện trên cỏ tươi.***

Phật ngự tại Xá-vệ. Nhóm sáu vị khạc nhổ và đại tiểu tiện trên cỏ tươi. Cư sĩ nhìn thấy cho là không biết hổ thẹn như loài vật. Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền chế giới.

Không được đại tiểu tiện và khạt nhổ trên rau cỏ tươi, trừ khi bịnh. Vì bịnh không thể y theo lời Phật dạy nên không phạm.

Thức-xoa-ca-la-ni: Không phạm: Làm rớt trên lá cỏ tươi, hoặc hạt chim ngậm rơi xuống.

***50/ Đại tiểu tiện, khạc nhổ vào nước sạch:***

Phật ngự tại Xá-vệ, nhóm sáu vị đại tiểu tiện và khạc nhổ xuống nước. Cư sĩ chê trách, cho là như loài vật. Tỳ-kheo nêu tội. Phật liền chế giới.

Thức-xoa-ca-la-ni không được khạc nhổ và đại tiểu tiện xuống nước sạch. Không phạm là khi bịnh, hoặc đại tiểu tiện trên bờ chảy xuống nước, hoặc gió thổi chím ngậm làm rớt.

***51/ Không được đứng đại tiểu tiện:***

Phật ngự tại Xá-vệ. Nhóm sáu vị đứng đại tiểu tiện. Các Cư sĩ trông thấy cho là không biết hổ thẹn, không có chánh pháp, đứng tiểu tiện như loài vật. Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền chế giới.

Không được đứng đại tiểu tiện, trừ khi bịnh: Vì bịnh không thể ngồi.

Thức-xoa-ca-la-ni: không phạm là bị bịnh ràng buộc, hoặc chân đạp đồ dơ, hoặc bùn đất.

***52/ Nói pháp cho người không cung kính:***

Phật ngự tại Xá-vệ, nhóm sáu vị nói pháp cho người lật ngược y không cung kính nghe. Bấy giờ, Tỳ-kheo ít ham muốn nghe biết chuyện đó, lấy làm hổ thẹn nên nêu tội. Do đây Phật chế giới.

Không được nói pháp cho người lật ngược y không cung kính nghe, Thức-xoa-ca-la-ni.

Không phạm: hoặc người bị bịnh, hoặc là vua chúa, đại thần.

***53/ Không được nói pháp cho người quấn y vào cổ nghe, trừ bịnh: Thức-xoa-ca-la-ni: như trên.***

***54/ Không được nói pháp cho người che đầu nghe, trừ khi bịnh, Thức-xoa-ca-la-ni: như trên.***

***55/ Không được nói pháp cho người bịt đầu nghe, trừ khi bịnh, Thức-xoa-ca-la-ni: như trên.***

***56/ Không được nói pháp cho người chống nạnh nghe, trừ khi bịnh, Thức-xoa-ca-la-ni: như trên.***

***57/ Không được nói pháp cho người mang giày da nghe, trừ khi bịnh, Thức-xoa-ca-la-ni: như trên.***

***58/ Không được nói pháp cho người mang guốc cây nghe, trừ khi bịnh, Thức-xoa-ca-la-ni: như trên.***

***59/ Không được nói pháp cho người đi xe nghe, trừ khi bịnh, Thức-xoa-ca-la-ni: như trên.***

***60/ Ngủ đêm trong pháp Phật:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị vào ngủ đêm trong tháp Phật. Các Tỳ-kheo nêu tội, bạch lên Đức Phật, do đó mà Phật chế ra giới này.

Không được ở trong tháp Phật ngủ trừ khi giữ gìn.

Không phạm: Hoặc bị bịnh, hoặc giữ gìn thì nên vào ngủ, hoặc bị bắt buộc phải giữ gìn nên vào ngủ, hoặc bị bắt buộc phải chấp hành. Hoặc bị nạn duyên nên dừng lại ngủ.

***61/ Không được giấu của cải trong tháp Phật:*** Tỳ-kheo ít muốn bạch lỗi này lên Đức Phật, Phật quở trách và chế ra giới nầy.

Thức-xoa-ca-la-ni: không được giấu tài vật trong tháp Phật, trừ cất cho chắc chắn. Không phạm là: Hoặc bị bịnh, hoặc muốn chắc chắn nên cất, hoặc bị bắt buộc, hoặc bị nạn duyên.

***62/ Không được mang giày da vào tháp Phật:*** Có Tỳ-kheo hổ thẹn bạch lỗi này lên Đức Phật, Phật liền quở trách, chế giới.

Không được mang giày da vào tháp Phật: Không phạm là: Hoặc bị bịnh, hoặc bị bắt buộc vào.

***63/ Không được xách giày da vào tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni: như trên.***

***64/ Không mang giày da vào đi nhiễu quanh tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni: như trên.***

***65/ Không được mang phú-la (hia ngắn) vào tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni: như trên.***

***66 Không được xách hia vằn vào tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni: như trên.***

***67 Không để thức ăn dơ dưới tháp Phật:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm sáu vị ngồi dưới tháp và để đồ dơ lại đó rồi đi. Tỳ-kheo bạch lên Đức Phật, Phật liền chế giới không được ngồi ăn dưới tháp. Lại lúc xây tháp, làm phòng, đào giếng, thí thực. Chúng tăng nhóm họp lại dưới tháp ăn uống không nên để đồ dơ dưới đất.

Không được ở dưới tháp để thức ăn và cỏ lại.

Không phạm: là ngồi mà không để thức ăn, bị bịnh, hoặc lúc bước vào trở ra cầm lấy đồ dơ đi.

***68/ Không được khiêng thây chết đi qua dưới tháp Phật,***

Phật ngự tại Xá-vệ, nhóm sáu vị khiêng thây chết đi qua dưới tháp Phật. Người giữ tháp tức giận đem lỗi này bạch lên Đức Phật. Phật liền chế giới.

Không được khiêng thây chết đi qua dưới tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni.

Không phạm là: Hoặc bị bịnh, hoặc cần đi qua con đường này. Hoặc bị cưỡng bức kêu gọi mà đi.

***69/ Không được chôn thây chết dưới tháp Phật thức-xoa-ca-la-ni: như trên.***

***70/ Không được thiêu thây chết dưới tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni: như trên.***

***71/ Thức xoa không được thiêu thây chết trước tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni: như trên.***

***72/ Không được thiêu thây chết xung quanh bốn phía tháp, khiến hơi hôi bay vào, thức-xoa-ca-la-ni: như trên.***

***73/ Không được đem giường và áo người chết đi qua dưới tháp***

***Phật.***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm Tỳ-kheo sáu vị đem áo và giường người chết đi qua dưới tháp Phật, làm cho thần trụ xứ nổi giận. Người tu hạnh đầu đà đem việc này bạch lên Đức Phật, Phật liền đặt ra giới này.

Không được đem y áo và giường người chết đi ngang qua dưới tháp, trừ đã giặt nhuộm xông hương.

***74/ Không được đại tiểu tiện dưới tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni: như trên.***

***75/ Không được đại tiểu tiện trước tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni: như trên.***

***76/ Không được đại tiểu tiện xung quanh bốn phía pháp khiến hơi hôi bay vào, thức-xoa-ca-la-ni: như trên.***

***77/ Không được đem tượng Phật đến chỗ đại tiểu tiện, thức-xoa-ca-la-ni.***

Như trên có ba việc. Không phạm là lúc bị bịnh, hoặc đường đi phải ngang qua đó, hoặc bị bắt buộc đi.

***78/ Không được xỉa răng dưới tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni: như trên.***

***79/ Không được xỉa răng trước tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni: như trên.***

***80/ Không được xỉa răng xung quanh bốn phía tháp, thức-xoa-ca-la-ni: như trên.***

***81/ Không được khạc nhổ xung quanh bốn phía tháp, thức-xoa-ca-la-ni: như trên.***

***82/ Không được khạc nhổ dưới tháp, thức-xoa-ca-la-ni: như trên.***

***83/ Không được khác nhổ trước tháp, thức-xoa-ca-la-ni:*** như trên:

Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm Tỳ-kheo sáu vị khạc nhổ xung quanh bốn phía tháp Phật. Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền chế giới.

Không được khạc nhổ xung quanh bốn phía tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni.

Không phạm: là lúc bịnh, hoặc chim ngậm thả xuống, hoặc gió thổi đến.

***84/ Không được duỗi chân trước tháp Phật:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Nhóm sáu vị ngồi duỗi chân trước tháp Phật. Người thích học giới nêu lỗi, bạch lên Đức Phật. Phật liền chế

giới.

Không được duỗi chân trước tháp Phật, thức-xoa-ca-la-ni.

Không phạm là: Hoặc bị bịnh, hoặc trong đó có ngăn cách, hoặc bị bắt buộc.

***85/ Để Phật phòng dưới, mình ở phòng trên:***

Phật ngự tại nước Câu-la, nhóm sáu vị để tượng Phật ở dưới, mình ở phòng trên. Tỳ-kheo tu hạnh đầu-đà bạch lên Đức Phật, Phật liền quở trách và chế giới.

Không được để tượng Phật ở dưới, mình ở phòng trên thức-xoa-ca-la-ni. Không phạm là: Hoặc bị bịnh nên tượng Phật ở dưới mình ở phòng trên, hoặc có hai nạn phạm hạnh và tánh mạng.

***86/ Người ngồi mình đứng không được nói pháp, trừ khi bịnh, thức-xoa-ca-la-ni: như trên.***

***87/ Người nằm mình ngồi không được nói pháp, trừ khi bịnh, thức-xoa-ca-la-ni: như trên.***

***88/ Người ngồi phải chỗ, mình ngồi không phải chỗ không được nói pháp, trừ khi bịnh, thức-xoa-ca-la-ni: như trên.***

***89/ Ngồi chỗ thấp không được nói pháp cho người ở chỗ cao nghe trừ khi bịnh, thức-xoa-ca-la-ni: như trên.***

***90/ Đi sau không được nói pháp cho người đi trước nghe, trừ khi bịnh, thức-xoa-ca-la-ni: như trên.***

***91/ Đi dưới thấp không được nói pháp cho người đi trên cao nghe, trừ khi bịnh, thức-xoa-ca-la-ni: như trên.***

***92/ Ở bên đường không được nói pháp cho người ở giữa đường nghe, trừ khi bịnh, thức-xoa-ca-la-ni: như trên.***

***93/ Không được nắm tay nhau đi trên đường:***

Phật ngự tại Xá-vệ, nhóm Tỳ-kheo sáu vị nắm tay nhau đi ngoài đường, hoặc ngăn các nam nữ khác. Cư sĩ chê cười cho là không có chánh pháp, như là vua quan, bậc giàu sang. Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền chế giới.

Không được nắm tay nhau đi trên đường, thức-xoa-ca-la-ni.

Không phạm: là hoặc bị bịnh, hoặc Tỳ-kheo mắt kém nhờ dắt qua đường.

***94/ Không được leo cây cao quá đầu người:***

Phật ngự tại Xá-vệ. Tỳ-kheo ở trên cây đại thọ kiết hạ an cư, ở trên cây đó đại tiểu tiện. Vị thần tức giận muốn cắt đứt mạng căn của ông. Tỳ-kheo đem lỗi đó bạch lên Đức Phật, Phật liền chế giới không an cư trên cây và đại tiểu tiện trên đó. Nếu trước đã có chỗ đại tiểu tiện

thì cho.

Không được leo cây quá đầu người trừ khi có nhân duyên, thức-xoa-ca-la-ni.

Không phạm là: Hoặc bị bịnh, hoặc bị nạn duyên nên leo lên cây.

***95/ Vác gậy, mang đãy đựng bát:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ, Bạt nan Đà mang đãy trong đó có đựng bát treo trên đầu gậy mang trên vai mà đi. Cư sĩ cho là quan nhân nên lánh xuống đường. Tỳ-kheo nêu tội, Phật liền chế giới.

Không được mang túi đựng bát móc đầu gậy quảy trên vai đi.

Không phạm: là hoặc bị bịnh, hoặc bị cưỡng chế bức bách. Hoặc bị trói, hoặc bị nạn duyên.

***96/ Cầm gậy không cung kính không được nói pháp cho người nghe, trừ khi bịnh:***

Phật ngự tại nước Xá-vệ. Vì nhóm Tỳ-kheo sáu vị nói pháp cho người không cúng kính nghe, các Tỳ-kheo nêu tội, Phật quở trách và chế giới.

Người cầm gậy không cung kính thì không nên nói pháp cho họ nghe, trừ khi bịnh, thức-xoa-ca-la-ni.

Không phạm: Hoặc lúc bị bịnh, hoặc vì Vua và Đại thần.

***97/ Không được nói pháp cho người cầm kiếm nghe, trừ khi bịnh, thức-xoa-ca-la-ni: như trên.***

***98/ Không được nói pháp cho người cầm nghe, trừ khi bịnh, thức-xoa-ca-la-ni: như trên.***

***99/ Không được nói pháp cho người cầm dao nghe, trừ khi bịnh, thức-xoa-ca-la-ni: như trên.***

***100/ Không được nói pháp cho ngươi cầm dù nghe, trừ khi bịnh, thức-xoa-ca-la-ni: như trên.***

Thưa các Đại đức! Tôi đã nói một trăm pháp thức-xoa-ca-la-ni rồi. Nay xin hỏi các Đại Đức trong đây có thanh tịnh không? (ba lần).

Thưa các Đại đức trong đây thanh tịnh, việc này giữ gìn như vậy.

Thưa các Đại đức! bảy pháp diệt tránh nầy xuất xứ từ trong giới kinh nửa tháng tụng một lần. Nếu các Đại đức có xảy ra việc tranh chấp thì nên dứt trừ.

Phật bảo: Tranh chấp có bốn loại: Ngôn tránh, mích tránh, phạm tránh, và sự tránh.

Ngôn tránh là: dùng hai thứ diệt là tỳ-ni hiện tiền và lời của nhiều

người nói để trừ diệt.

Mích tránh: dùng bốn thứ diệt là ức niệm, hiện tiền, không có si và tội xứ để trừ diệt.

Phạm tránh: dùng ba thứ thứ diệt là tự ngôn trị, hiện tiền và như cỏ che đất để trừ diệt.

Sự tránh là: dùng tất cả diệt để diệt. Ba thứ tránh này, mỗi thứ chia ra làm ba phẩm thượng, trung, hạ, hợp lại thành chín loại. Một loại sự tránh, trải trên ba tránh kia, tùy chia ra làm chín phẩm. Nên tùy theo hiện tiền mà diệt trong ba loại hay năm loại. Thượng, trung, hạ là đối với bịnh mà cho thuốc, nên khéo quán sát, lý giải:

***Đáng cho Tỳ-ni hiện tiền thì cho Tỳ-ni hiện tiền:*** Phật ngự tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Ca-lưu-đà-di cùng với nhóm Tỳ-kheo sáu vị đang tắm. Ca-lưu-Đà-di mặc lầm đồ của người kia rồi bỏ đi. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị sau đó nói vị ấy là ăn trộm, liền không hiện tiền mà Yết-ma diệt tẫn.

Ca-lưu-Đà-Di đem duyên sự nầy bạch lên Đức Phật, Phật liền quở trách rồi đặt ra giới này.

Có ba loại hiện tiền: Là pháp, Tỳ-ni, và người

Có năm loại hiện tiền: Pháp, Tỳ-ni, người, Tăng, và giới.

Thế nào là pháp hiện tiền? Là chỗ trì pháp diệt tránh.

Thế nào là Tỳ-ni hiện tiền? Là chỗ trì Tỳ-ni diệt tránh.

Thế nào là nhân hiện tiền? Là nói luận nghị qua lại.

Thế nào là Tăng hiện tiền? Nên đến thì đến. Nên gởi dục thì gởi dục. Muốn quở trách người thì quở trách.

Thế nào là giới hiện tiền? Là xướng Yết-ma chế hạn. Pháp hiện tiền này chung cho tất cả các Yết-ma. Đem Yết-ma sở khởi, phải ở tại giới tác pháp, chỉ trừ kiết giởi ở trong giới tự nhiên.

***Đáng cho Tỳ-ni ức niệm thì cho Tỳ-ni ức niệm:*** Phật ngự tại thành Vương xá. Bấy giờ, Đạp-Bà-ma-la tử làm tri sự tăng. Trong nhóm Tỳ-kheo sáu vị có vị gặp chỗ phòng nằm và đồ ngồi xấu liền nổi giận nói: Có thương, giận, sợ, si. Bèn đem việc dâm hủy báng người kia. Phật hỏi hư hay thật, vị kia nói: Con từ sinh đến giờ dù trong mộng cũng không có ý dâm, huống gì là lúc tỉnh.

Các Tỳ-kheo đem việc này vặn hỏi nhóm sáu vị, các vị nói: Đạp-Bà thanh tịnh không có việc này.

Phật bảo: Đạp-Bà là người không chấp trước, không có phạm giới, nên bạch bốn lần Yết-ma cùng pháp ức niệm.

***Đáng cho Tỳ-ni bất si thì cho Tỳ-ni bất si:*** Phật ngự tại thành

Vương Xá, Tỳ-kheo Nan-đề bị bịnh cuồng điên, đi đứng ra vào không thuận theo oai nghi, nên phạm nhiều tội. Các Tỳ-kheo vặn hỏi liền nói: "Lúc si thì tạo tội, lúc bịnh hết thì không làm". Các Tỳ-kheo đem việc này bạch lên Đức Phật.

Phật bảo: Có ba thứ cuồng si.

1/ Thường nhớ ngày thuyết giới nên thường đến.

2/ Không nhớ thuyết giới nên không đến.

3/ Hoặc nhớ hoặc đến hoặc không đến.

Nên bạch bốn lần Yết-ma bất si cho người này. Chứng biết lúc bịnh gây ra tội, nhưng sau đó không tạo, tăng chúng thanh tịnh, được đủ số cho nên chế.

***Đáng cho Tự ngôn trị thì cho Tự ngôn trị:*** Phật ngự tại nước Chiêm-ba nhằm ngày mười lăm có trăng, chúng tăng thuyết giới. Phật ngồi trong chúng, im lặng không nói giới.

Đầu hôm đã qua, A-nan thưa thỉnh: Phật dạy: Muốn cho Như lai thuyết giới ở trong chúng bất tịnh, thật không có việc này.

Nửa đêm, gần sáng lại thỉnh. Phật cũng đáp như vậy. Bấy giờ, Ngài Mục-liên dùng mắt trời quán người phạm giới, ngồi cách Phật không xa trong lòng hủ lậu, ngoài hiện tướng thanh tịnh. Ngài liền kéo người ấy ra và bạch Phật: "Chúng đã thanh tịnh, Phật nên thuyết giới".

Phật bảo: Từ nay về sau không nên dùng Tự ngôn trị. Do đây Phật liền chế giới.

***Đáng cho nhiều người nói thì cho nhiều nói:*** Phật ngự tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, chúng Tỳ-kheo, đối với mười tám việc tranh luận không dứt, bèn đưa đến việc xử đoán không rõ ràng trong tăng, việc này được bạch lên Đức Phật, Phật bảo: Đáng cho pháp đa mích tội tướng (nhiều người tìm tướng tội), chẳng phải pháp ngữ đồng một chỗ. Nên sai Tỳ-kheo thực hành xá-la.

Hành có ba loại:

- Một là hiển bày.
- Hai là che giấu.
- Ba là nghe nói.

Hoặc là Thượng tọa, nêu vị Hòa-thượng, xà-lê, trí nhân, trụ vào như pháp địa, thì nên hiển lộ thực hành xá-la.

Nếu trụ phi pháp địa thì làm hai pháp dưới. Nếu nhiều người nói phi pháp, kia sẽ làm loạn đứng dậy bỏ đi. Việc này vốn gọi là: Cầu tìm tướng tội, ý cũng như vậy.

***Đáng cho tội xứ sở thì cho tội xứ sở: -*** Phật ngự tại nước Thích-Sí-

Sấu. Bấy giờ, Thích tử Tượng Lực giỏi về luận nghị, cùng ngoại đạo đặt ra câu hỏi trước sau đều trái nhau. Trong tăng cũng như vậy. Tỳ-kheo bạch việc này lên Đức Phật. Phật dạy: - Tăng nên bạch bốn lần Yết-ma cho người kia. Trị lấy bản tội này để đoạt ba mươi lăm việc. Hoặc người cúi đầu nhận tội, nên bạch bốn lần Yết-ma như pháp mà giải. Cho nên lập ra pháp này. Có người tìm tướng tội, tướng đó cũng đồng như trên, thứ lớp sáu lần diệt sự tìm tội tranh luận của phẩm Dược ở trên.

***Đáng cho như pháp như cỏ che đất thì cho pháp như cỏ che đất:*** Phật ngự tại nước Xá-vệ. Các Tỳ-kheo tranh luận với nhau trải qua nhiều năm khó diệt, bèn bạch việc này lên Đức Phật. Phật liền cho hai chúng kia đây đối nhau cùng diệt. Một chúng ở trên tòa tác bạch: Chúng con trước nay ra vào phạm nhiều tội, ngăn trừ không đến nhà người tại gia, trừ tội cùng trưởng lão làm pháp như cỏ che đất để diệt. Một vị Thượng tọa ở trong chúng kia cũng tác bạch như vậy, kia đây đã hòa hợp. Tội tránh đều diệt, nên không cùng hỏi như cỏ che đất.

Thưa các Đại đức! Tôi đã nói bảy pháp diệt tránh rồi, nay xin hỏi các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (Ba lần)

Thưa các Đại đức, trong đây thanh tịnh, việc này rõ như vậy, đúng như pháp hành trì. Bắt đầu từ bốn tội trọng, cuối cùng là diệt tránh, gồm có tám thiên, nói rộng về chánh tông. Đều cho rằng phạm.

Lược chế rộng, bổ hành giáo này có cơ ích cho đương cơ.

Thưa các Đại đức! Tôi đã nói bài tựa giới kinh, nói bốn pháp Ba-la-di, nói mười ba pháp Tăng-già-Bà-thi-sa, nói hai pháp bất định, nói ba mươi pháp Ni-tát-Kỳ Ba-dật-đề, nói chín mươi pháp Ba-dật-đề, nói bốn pháp Ba-la-đề đề-xá-ni, một trăm pháp chúng học, thức-xoa-ca-la-ni, bảy pháp diệt tránh. Đây là lời Chư Phật dạy xuất xứ từ giới kinh nửa tháng tụng một lần. Trong văn này rộng giáo lưu thông, sợ rằng tình sơ với giáo nên tổng kết để chỉ bày ra. Lại có các pháp khác của Chư Phật trong đây đều phải hòa hiệp cần nên học. Đây gọi là phần tựa riêng của lược giáo. Khai sáng pháp Phật đối với người lợi căn ở vị lai. Thô hiển cùng nêu ra cương yếu, khiến người nghe đều hội đạo.

*Nhẫn nhục đạo bậc nhất*
*Phật nói vô vi hơn*
*Xuất gia làm não người*
*Không gọi là Sa-môn*

Đây là lời của Tỳ-Bà-thi Như lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói ra giới kinh này.

Vị Phật này ra đời vào kiếp Hiền trong chín mươi mốt kiếp trước. Trong một trăm năm năm thường nói kệ này, sau đó mới nói rộng.

*Ví như người mắt sáng*
*Tránh được đường hiểm ác*
*Đời có người thông minh*
*Xa lìa được việc dữ.*

Đây là Đức Thi-khí Như lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói ra giới kinh này. Vị Phật này ra đời vào kiếp Hiền, ba mươi bốn kiếp trước. Trong tám mươi năm thường nói kệ này, sau mới nói rộng.

*Không chê cũng không ghét*
*Nên vâng giữ giới này*
*Ăn uống vừa biết đủ.*
*Thường ở chỗ không nhàn*
*Tâm định ưa tinh tấn.*
*Đây chính lời Phật dạy.*

Đây là Phật Thi-khí Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói ra giới kinh này. Vị Phật này ra đời cũng đồng như trước. Khi kiếp người thọ bảy muôn tuổi, bảy mươi năm lược nói bài kệ này, sau mới nói rộng:

*Ví như ong hút hoa*
*Không hoại sắc và hương.*
*Chỉ hút nhụy rồi đi*
*Tỳ-kheo vào làng xóm.*
*Không trái bỏ việc người.*
*Chẳng xét làm, không làm*
*Chỉ xét hạnh của mình*
*Là đúng hay không đúng.*

Đây là Đức Câu-lâu-tôn Như lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói ra giới kinh này.

Đây là vị Phật đầu tiên của kiếp Hiền, lúc người thọ sáu muôn tuổi, trong sáu mươi năm thường nói kệ này, sau mới nói rộng:

*Tâm chớ nên buông lung*
*Thánh pháp nên chuyên học*
*Như thế không lo buồn*
*Tâm định nhập Niết-bàn.*

Đây là Phật Câu-na-hàm Mâu-ni Như lai vô sở Trước Đẳng chánh Giác nói ra giới kinh này. Đây là vị Phật thứ hai trong kiếp Hiền khi người thọ bốn muôn tuổi. Trong hai mươi năm đầu thường nói kệ này,

sau mới nói rộng:

*Tất cả ác chớ làm*
*Nên làm các điều lành*
*Tự tịnh ý chí mình*
*Là lời Chư Phật dạy.*

Đây là do Ca-diếp Như lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói ra giới kinh này. Đây là vị Phật thứ ba trong kiếp Hiền. Người thọ hai muôn tuổi, hai mươi năm đầu nói bài kệ này, sau mới nói rộng:

*Khéo giữ gìn lời nói,*
*Tự tịnh ý chí mình*
*Thân chớ làm việc ác*
*Ba nghiệp được thanh tịnh*
*Nếu được hạnh như vậy*
*Là đạo đại tiên nhân.*

Đây là do Phật Thích-ca Mâu-ni Như lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, trong mười hai năm đầu vì chúng tăng vô sự mà nói ra giới kinh nầy, từ đây về sau mới phân biệt nói rộng. Đây là lời Phật lược dạy, tức là lược nói phần chánh Tông. Tiếp độ hàng lợi căn không còn tái phạm. Sau vì có tội trọng mà Phật dừng lại không nói. Tức đem hai giáo rộng lược mà giáo phó cho đệ tử nói.

Các Tỳ-kheo tự có ưa thích pháp, thích làm Sa-môn, có hổ có thẹn, thích học giới này, thì nên học trong đây. Đây là phần lưu thông của lược giáo.

*Người trí khéo giữ giới*
*Sẽ được ba điều vui*
*Danh dự và lợi dưỡng*
*Chết được sinh cõi trời*
*Phải xem chỗ như vậy*
*Hộ giới có trí tuệ*
*Liền được đạo bậc nhất.*
*Như Chư Phật quá khứ*
*Và Chư Phật vị lai*
*Chư Thế tôn hiện tại*
*Thắng được tất cả lo*
*Thảy đều tôn kính giới*
*Đây là pháp Chư Phật*
*Nếu có người vì mình.*
*Mong cầu được Phật đạo*

*Phải tôn trọng chánh pháp*
*Đây lời Chư Phật dạy*
*Bảy Đức Phật Thế tôn*
*Dứt trừ các kiết sử*
*Nói bảy giới kinh này.*
*Ràng buộc đều giải thoát*
*Ta nhập vào Niết-bàn.*
*Các hí luận dứt hẳn,*
*Vâng giữ lời Đại tiên*
*Thánh hiền khen ngợi giới*
*Việc làm của đệ tử.*
*Nhập Niết-bàn vắng lặng*
*Sinh khởi tâm đại bi*
*Nhóm các chúng Tỳ-kheo*
*Cùng dạy giới như vầy:*
*Chớ nói ta Niết-bàn*
*Mà không giữ tịnh hạnh*
*Nay Ta nói giới kinh*
*Cũng khéo nói Tỳ-ni*
*Tuy Ta nhập Niết-bàn*
*Phải xem như Thế tôn.*
*Kinh này ở đời lâu*
*Phật pháp được chói rạng*
*Vì cớ được chói sáng*
*Mà nhập vào Niết-bàn.*
*Nếu không giữ giới này.*
*Đúng vậy hành Bồ-tát*
*Thí như mặt trời lặn*
*Thế giới đều tối tăm*
*Phải giữ gìn giới này*
*Như trâu mao tiếc đuôi.*
*Hòa hợp ngồi một chỗ*
*Theo đúng lời Phật dạy.*
*Ta đã nói giới kinh*
*Chúng tăng Bồ-tát rồi*
*Nay Ta nói giới kinh*
*Các công đức nói được*
*Thí khắp cho chúng sinh*

*Đều được thành Phật đạo.*

Văn nay do Tôn giả Pháp Hộ soạn ra, là hai giáo rộng lược, là lưu thông chung. Nay tôi chú thích mà không soạn ra, mong đem nghĩa sâu kín của luật học cho đời sau.

GIỚI BỔN TỨ PHẦN LUẬT TỲ KHEO HÀM CHÚ, QUYỂN HẠ (HẾT).

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 144

# TỨ PHẦN
# TỲ KHEO GIỚI BỔN SỚ

**SỐ 1807**
(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1807

# TỨ PHẦN TỲ KHEO GIỚI BỔN SỚ

*Sa-môn Định Tân thuộc Đạo tràng Trấn Quốc ở Tung nhạc soạn*

## QUYỂN THƯỢNG

Quán nội khế huyền tông đều bặt hết các tướng mà vắng lặng bất động. Ngoài thì lưu bố diệu thể ứng với quần cơ mà diễn giáo. Cho nên thuyền báu có thể tung hoành nơi sóng dục, soi gương ngọc ở chốn tâm nguyên. Rưới nước định ở cõi Tam thiên. Huân giới hương ở trong bách ức. Có không đề xướng đã lâu, dứt bỏ vướng mắc hai bên. Lý sự hằng bày ra mà ngộ chân thuyên ở nhất bảo. Năm thừa liên kết mà đưa tới hai tạng đồng mở. Bàn luận thì lấy giới môn muôn điều lành làm đầu. Đã gọi là quy y khai sáng diệu giác lúc qua đời thì ngôi vị nào mà không tu, Thánh nào mà không học, lớn lao thay! –Dù không đắc mà vẫn gọi là như vậy. Đề mục tên là: Tứ phần Tỳ-kheo giới bản.

- Tứ phần là tên gọi của bản tạng giáo, đem hữu tài làm nghĩa. Tỳ-kheo là chỗ phòng hành, do thọ học mà thành tên gọi, giới thì hộ sáu căn, lấy sự minh trì để khiển thất phi mà làm rõ thể. Căn bản thì đức bao trùm cả các điều lành, nghĩa sâu sa mà nhiều đầu mối. Yếu môn của năm thiên bảy tụ là then chốt sâu xa của mười lợi trăm hành. Lưu chảy vị thuốc ở núi Tuyết, uống vị suối cam lộ ở núi báu. Thấu chung hết các nghĩa ấy. Đó gọi là Bản. Cho nên luật này gọi là Tứ phần Tỳ-kheo-ni giới bản, gồm hai vạn một trăm lẻ chín lời, lại muốn giải thích kinh, phân biệt bốn môn. Thứ nhất là nêu chung các giáo. Thứ hai là phân biệt từng đoạn kinh này, thứ ba là truyền dịch căn do. Thứ tư y văn giải thích.

Thứ nhất là nói rõ các giáo ý:

- Giáo môn tuy có vô lượng nhưng chỉ bàn về hai nghĩa để mở bày cho người chưa nghe. Hai nghĩa đó là:

* Đối với ba môn học thì giới học là pháp đầu tiên. Vì giới có thể kiến lập nghĩa định tuệ. Cho nên, trong luận Du-già giải thích Ba học là: Kiến lập nghĩa định là sở y của trí, là nghĩa tối thắng.

Kinh Di giáo nói: Y vào giới này mà sinh ra thiền định và trí tuệ diệt khổ.

Bài tựa luật nói rằng: Như thế ngôi nhà chánh pháp có bảy giác ý để trang nghiêm, có giới cấm để làm thềm thang.

Sở hành của các Hiền thánh đều y theo nghĩa này.

* Trong bảy Thánh tài thì giới đứng thứ hai. Đem niềm tin để xuất gia và thọ hành giới cấm. Cho nên sau khi tin thì giải thích về giới tài. Tin giới đã đầy đủ thì sẽ nghe được chánh pháp. Sau đó, do xả thí mà dụng tâm trang nghiêm. Kế đến xả và văn (nghe), lấy đây để dẫn phát ra tư tu (suy nghĩ và tu). Tư tu hợp lại gọi là Tuệ. Có Tuệ thì dứt ác, hổ thẹn giúp thành. Bảy thánh tài này giúp sức cho vua Pháp Lành, giặc không cướp phá, lửa nước không xâm hại. Do sự cao quý của tài nên lấy đây để gọi tên.

Hỏi: Văn tuệ thì nói riêng mà tư tu lại hợp luận, là nghĩa thế nào?

Đáp:

Nghe là từ nơi khác, còn tư tu là từ mình phát khởi. Dụng chia thành hai tướng mà khai hợp khác nhau. Đây là ý chung để lược nói về giáo. Nếu giới học không lập thì hai học không có chỗ nương. Bảy Thánh tài thiếu thì sáu trân cũng mất. Cho nên trước phải học giới tài thì công đức mới đầy đủ.

Thứ hai phân biệt từng đoạn kinh này, phân biệt thành bốn môn, một là giáo sở làm then chốt, hai là nói nghe làm lợi ích, ba là thuộc về Tạng thừa, bốn là tông thể khác nhau.

**I/ Lấy giáo sở làm then chốt,** như mong thông hiểu các bộ luận giới kinh chỉ có các vị đại tăng, đại ni. Trong đại tăng ni gồm có hạnh trời người và Ba thừa. Giới bao gồm quả vui trời người, cho nên trong luật nói: -Người trì giới sinh về hai cõi trời và người. Phá giới thì đọa vào hai đường địa ngục và súc sinh. Cho nên trong Ba thừa thì Hai thì do giới học đầy đủ mới tu định tuệ. Trong Đại thừa thì ba nhóm luật nghi là bậc nhất.

Cho nên, Kinh Hoa Nghiêm nói: -Giới là căn bản của Vô thượng

Bồ-đề, vậy phải trì tịnh giới đầy đủ. Nếu người trì giới đầy đủ thì Chư Phật sẽ ủng hộ, khen ngợi người đó.

Kinh Niết-bàn nói: Bồ-tát giữ gìn tội Đột-cát-la như giữ gìn phao nổi. Cho nên giới này chung cho cả Năm thừa. Nếu y cứ theo duyên khởi mà giải thích thì trong kiền-độ giới có nói.

- Bấy giờ, Đức Thế tôn ở chỗ yên tịnh nghĩ rằng: - Ta nói giới Ba-la-đề-mộc-xoa cho các Tỳ-kheo, trong đó có Tỳ-kheo tín tâm mới thọ giới chưa được nghe giới, Người ấy không hiểu biết nên hỏi: Học giới là sao? Nay Ta phải nhóm họp chúng Tỳ-kheo lại một chỗ để nói Ba-la-đề-mộc-xoa.

- Bấy giờ, Đức Thế tôn từ chỗ tịnh thiền bước ra. Do nhân duyên này mà nhóm họp chúng Tỳ-kheo chế giới nửa tháng hòa hợp đồng tụng.

Việc này như trong luật có nói rộng.

**II/ Nói lợi ích của nghe:**

***1. Trước nói rõ về ích lợi, có hai nghĩa:***

a) Như gần gũi thấy Phật, cho nên giới kinh nói: Chớ cho là ta nhập Niết-bàn không còn ai che chở người tu tịnh hạnh. Nay Ta nói giới kinh (một quyển giới bản) cũng khéo nói Tỳ-ni (Đại điều phục Tạng). Ta tuy nhập Niết-bàn nhưng cũng xem như Thế tôn vẫn còn ở đời.

Kinh nói: "Nên biết giới này là Đại sư của ông", Ý cũng giống như vậy.

b) Vì dứt hoặc, tức như giới kinh nói:

*"Bảy Phật là Thế tôn*
*Dứt trừ các kiết sử*
*Nói bảy giới kinh này*
*Ràng buộc đều giải thoát*
*Ta nhập vào Niết-bàn*
*Các hý luận dứt hẳn.*
*Vâng giữ lời Đại tiên*
*Thánh hiền khen ngợi giới.*
*Việc làm của đệ tử*
*Vào Niết-bàn vắng lặng."*

***2. Nói về thỉnh ích, cũng có hai ý:***

a) Biết tướng hộ trì

Như văn giới nói: Muốn dứt bốn tội khí v.v... cho đến: -Chúng họp nghe tội tụng.

b) Được lợi ích an vui cao quý:

Như nói: Đắc ba thứ lạc và giới tịnh có trí tuệ, liền được đạo bậc nhất v.v... nếu y cứ theo Du-già gồm hai mươi hai cụ giới thì nên biết Sĩ phu có mười công đức thắng lợi.

Một là: Do tự quán sát giới thanh tịnh liền được vô hối. Vô hối nên từ hoan sinh hỷ. Vì hỷ nên thân an, vì an nên thọ vui, vì vui nên tâm định, định nên sẽ thấy như thật. Vì thấy như thật nên nhàm chán, vì nhàm chán nên lìa nhiễm, vì lìa nhiễm nên chứng được giải thoát. Như vậy tự biết có thể đối với giới Vô dư y được Bát Niết-bàn.

Hai là: Lúc qua đời biết đến cõi thiện, do không hối hận nên gọi là Hiền thiện tử.

Ba là: Biến khắp các phương, khéo nghe được các âm thanh khen ngợi.

Bốn là: Nằm yên ngủ yên, xa lìa tất cả thân tâm ưu não.

Năm là: Hoặc nằm hoặc ngủ đều có các vị trời ủng hộ.

Sáu là: Đối với người hung bạo không nghĩ đến việc ác của họ.

Bảy là: Oán thù bạn ác tuy có hiềm khích mà cũng thường che chở.

Tám là: Quỉ thần li mị tuy được thuận lợi mà vẫn theo che chở.

Chín là: Pháp học không gian nan, được các thứ lợi dưỡng của người. Được vua chúa, Đại thần cung kính tôn trọng.

Mười là: Có nguyện điều đều gì được toại nguyện. Như muốn nguyện sinh vào dòng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, nhà Đại tộc, hoặc bốn vị vua trời, cho đến cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Tức tùy theo sở nguyện, hoặc nguyện nhập vào tứ tịnh lự, hiện ra pháp lạc trụ. Hoặc nguyện ưa nhập định, Vô sắc hoặc nguyện vào Niết-bàn. Rốt ráo, tất cả đều được theo nguyện.

Nay trong giới văn thì danh dự lợi dưỡng tức là phần thứ ba và thứ chín. Sinh thiên là thứ hai và thứ mười. Được đạo bậc nhất tức thứ một và thứ mười. Còn các chỗ thắng lợi khác thì lược bỏ không nói. Mười lợi trong luật như nhiếp tăng v.v... cũng không nêu ra.

**III/ Thuộc về tạng thừa:** Trong Ba tạng thì tỳ-nại-da thuộc về Ba thừa, đều là cộng học, thuộc về Ba thừa, vì luật nghi giới thuộc về ba tụ.

**IV/ Tông thể khác nhau**: Trước tông sau thể. Nói về tông thì kinh này gồm thâu luật tạng làm tông. Không giống như các kinh Pháp Hoa, Niết-bàn thì chia tông riêng biệt trong một tạng. Ở đây thì khéo nói tỳ-nại-da làm tông. Nói khéo thuyết nghĩa là Phật khéo nói, khác với ngoại đạo thì không khéo nói mà đặt ra các giới kệ, v.v...

Tỳ-nại-da Hán dịch là Điều phục, Nhiếp luận của ngài Thế Thân, Quyển I nói:

- Điều là hòa ngự, phục là chế diệt. Điều hòa thì khống ngự bảy điều ác về thân và ngữ, chế phục trừ diệt các hạnh ác.

- Kế đến là giải thích về thể: luận Du-già quyển tám mươi mốt nói: Thể của khế kinh lược có hai loại: Một là văn, hai là Nghĩa. Văn là Sở y, nghĩa là Nắng y. Như thế hai thứ tên chung của tất cả cảnh giới sở trị. Nay văn kinh này, nghĩa Sở khuyên chỉ có năm thiên. Ở trên là thay thế tương thừa cùng truyền tên này. Nếu y theo Tứ phần gọi là Năm phạm, tức vời lấy tên gọi khổ phạt gọi là Phạm, cũng gọi là năm phạm tụ. Trong mỗi thiên đều tập hợp nhiều phạm, nên gọi là Phạm tụ. Hoặc gọi là Năm chủng chế (năm thứ chế).

- Chế có hai nghĩa: Một là Phật dùng lời xứng pháp mà chế ra, hai là tự hành mà có chế phòng. Lại có năm thiên:

- Một là: Đại Tăng thì bốn Ba-la-di, ni thì tám Ba-la-di, hợp lại gọi là thiên đầu.

- Hai là: Đại Tăng có mười ba tăng tàn, ni có mười bảy tăng tàn, hợp lại là thiên thứ hai.

- Ba là: Đại tăng có ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề và chín mươi Ba-dật-đề, hợp lại là một trăm hai mươi pháp. Giới của ni thì có ba mươi Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề và một trăm bảy mươi tám Ba-dật-đề, hợp lại thành hai trăm lẻ tám giới. Chung cả tăng ni là ba trăm hai mươi tám giới là thiên thứ ba.

- Bốn là: Đại Tăng có bốn Ba-la-đề đề-xá-ni, Tỳ-kheo-ni có tám Ba-la-đề Đề-xá-ni, hợp lại thành thiên thứ tư.

- Năm là: Đại Tăng có một trăm pháp chúng học và bảy pháp diệt tránh, Ni chỉ có một trăm chúng học, cũng có khi có bảy pháp diệt tránh. Hợp lại thành năm thiên. Chung lại thì Đại tăng có hai trăm năm mươi giới, Ni trừ bảy diệt tránh, hợp lại thành ba trăm bốn mươi mốt giới. Nếu cộng bảy diệt là ba trăm bốn mươi tám. Đều là chánh tăng nghĩa thể đã nói. Còn hai pháp bất định là để phòng lỗi, chưa phải chánh tội, nên không nhập vào thiên, chỉ dùng văn để giải thích.

Thứ ba là nguyên nhân về dịch thuật, xưa thời Hán Minh Đế vào niên hiệu Vĩnh Bình Thứ mười, ngài Ca-diếp Ma-đằng du hóa đến xứ này, độ cho người thế phát xuất gia, đã cho mặc y man điều mà chỉ thọ ba quy y, năm giới cấm. Đến thời Hán Linh Đế thì đã một trăm năm. Tăng số không đủ thì không được thọ giới cụ túc. Từ thời Linh Đế về sau, ở Bắc Thiên-trúc có năm vị Sa-môn, khai cho phương này

được truyền giới cho năm người. Ngài Chi Pháp Lãnh tụng giới bản một quyển, nay là bản giới bản thời cổ.

Sau đến đời Tào Ngụy, vào niên hiệu Gia Bình Thứ hai lại được mười vị thọ lại Cụ giới của phạm tăng. Đây là duyên thọ giới của đại tăng. Cuối đời Hán, đầu đời Ngụy lại có Ni từ Đông Thiên-trúc đến cho ni thọ giới.

Lại đến thời Tông Văn Đế, các ni ở nước Sư tử như Thiết-tố-la lại cho thọ lại. Từ đó đến nay mới có giới pháp truyền nhau. Đến đời Tần Dao Hưng, thời Thụy Văn Hoàn Đế, niên hiệu Hoàng Sơ thứ ba, Vua mở Đại hội Vô giá ở trước điện. Vua hỏi đắc giới có chứng nghiệm gì? Bèn có Pháp Sư Trí Nghiêm thỉnh đến Tây Vực, hỏi về việc đắc giới.

Ngài đến Bắc Thiên-trúc gặp vị La-hán và hỏi. La hán nói: - Ta tu theo tiểu thừa không kham việc đắc giới, ông đã đến đây thì để ta đến hỏi ngài Di-lặc cho.

Thế rồi La-hán nhập định lên cõi trời hỏi Bồ-tát Di-lặc.

Ngài Di-lặc đáp: Tăng Ni ở Trung quốc nếu đắc giới thì cho ảnh hiện hình hoa vàng một thước để làm chứng nghiệm.

La-hán trở về nói lại với ngài Trí Nghiêm. Hôm sau, Trí Nghiêm được thần Ca-tỳ-la đưa về Trung Thổ. Lúc đó, trước điện vua Văn Đế đã có hoa vàng từ trước, Quan Thái Sử xem quẻ nói: Phật pháp đến chưa được một tháng. Ngài Trí Nghiêm về tới, chứng nghiệm sự việc xong thì hoa vàng liền biến mất.

Lại đến đời Dao Tần có Tam Tạng nước Vu-điền là ngài Phật-Đà-Da-Xá dịch Tứ phần Đại luật và hiệu đính lại giới bản xưa, mới thêm phần quý kính ở đầu kinh. Sau có Sa-môn nước Tấn là Chi Pháp Lãnh, từ nước Vu-điền đến nước Tần, lại hiệu đính thêm.

Đến thời Nguyên Ngụy, Luật Sư Tuệ Quang, sửa lại kinh nầy cũng có phần quy kính. Nương vào Luật Sư Pháp Hiển tế thế, khi xem xét sửa chữa lại đại luật lại phát sinh thêm một bản. Trừ phần quy kính thì đều là bản cổ đời Hán.

Nay còn phần Quy kính lại y theo đại luật, về nghĩa thì hầu như được phiên dịch tương đối rõ ràng, các bài phúng tụng đều không mất phần công dụng. Đây là nói về phần nghĩa được truyền dịch.

Thứ tư là nương vào văn mà dịch, trong kinh này khai chung gồm ba phần:

1- Phần khen đức đồng tu

2- Phần chỉ bày xem xét.

3- Phần kết bày hồi hướng

Trong phần khen đức đồng tu có hai:

a) Kế là khen giới đức

b) Hòa hợp đồng tu

Đây là phần thứ tư trong mười hai bài kệ tán. Bài kệ đầu là kính truyền chân pháp. Bài thứ hai có bốn câu kệ, chỉ bày về thính nghi. Bài thứ ba có năm bài kệ phân biệt sự tổn ích. Bài thứ tư có hai bài kệ nói về thắng đức.

Trước là giải thích bài kệ đầu "Kính truyền chân pháp". Nếu kính pháp Tam bảo thì mới trao truyền được, cho nên trong văn nói: cúi đầu lễ Chư Phật, và pháp Tỳ-kheo Tăng, đó là phải cung kính. Nay giảng pháp Tỳ-ni, khiến cho chánh pháp thường còn, là truyền chân pháp.

Lễ có ba phẩm: Cúi đầu là tôn trọng nhất, cho nên trong câu có bao hàm nói: Cúi đầu lễ dưới chân gọi là kính lễ. Cảnh để bày tỏ sự cung kính là Chư Phật và Pháp, Tăng. Trước cung kính Tam bảo là dụng nêu lên sự tốt đẹp. Vì truyền chánh pháp khiến cho không bị tai chướng.

Trong luận Thành Thật có nói:

- Tam bảo là tốt đẹp nhất cho nên ta nêu ra đầu tiên.

Nay giảng pháp Tỳ-ni: Tỳ-ni tức là điều phục diệt ác. Cho nên trong vô tánh nhiếp luận quyển bảy có nói: Tất cả pháp lành có công năng diệt các việc ác, thành tựu đại Niết-bàn, dứt trừ sinh tử gọi là Tỳ-nại-da. Nay giới kinh này chính là để dứt trừ hạnh ác được Niết-bàn, nên gọi là Tỳ-nại-da.

- Khiến cho chánh pháp tồn tại ở thế gian lâu dài:

Chánh pháp có hai: Một là giáo, hai là chứng. Nửa tháng tụng giới là để cho chánh pháp tồn tại lâu dài. Y vào đó mà được chứng là khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài. Kế đến là giải thích bốn bài kệ để chỉ bày về thính nghi (cho thích nghi). Văn chia ra làm ba:

1- Khen ngợi đức để chỉ bày

2- Nêu tên gọi để chỉ bày

3- Dẫn chứng để chỉ bày

Trong ba điều chỉ bày này đều có đức nghi. Trước giải thích bài văn đầu: Khen ngợi giới kinh này có quý đức rộng lớn. Rộng thì như biển không có bờ mé, như luận minh liễu có nói.

Thứ ba là khi Yết-ma xong, có bốn mươi hai ngàn sông phước công đức thâm nhập vào giáo rộng trong thân. Vì quý như vật báu cho nên lấy giới làm bảy thánh tài.

- Bảy thánh tài: Một là tín, hai là giới, ba là (nghe), bốn là xả, năm

là Tuệ, sáu là hổ, bảy là thẹn. Như trong phần khai phát đã nói qua.

Hộ không mất để nên gọi là muốn hộ.

Chúng nhóm nghe tôi nói: Là chỉ dụ để thích nghi. Nghĩa là cần hòa hợp không để riêng chúng. Không đến thì cho gởi dục, nên gọi là chúng nhóm, phần dưới có giải thích rộng.

Thứ hai là nghe danh để chỉ bày, lược nêu thiên hai và ít phần của thiên thứ ba. Thiên một nói diệt tẫn hẳn, nên gọi là bốn khí (tội này phải trừ), y vào sám tăng tàn gọi là Tăng Tàn (Ác này phải diệt). Phạm vào Xả đọa tài nên gọi là Xả đọa (Phạm này sẽ chướng, chướng là che chướng). Thiên thứ ba này tác pháp có chút khó nên gọi thiên cử, các phần khác thì lược. Nêu đức cũng đồng như trước.

Thứ ba dẫn chứng để chỉ bày: Nghĩa là dẫn chứng bảy vị Phật quá khứ và hiện tại cùng nói: Một là Phật Tỳ-Bà-thi, hai là Phật Thi-khí, ba là Phật Tỳ-xá-phù, bốn là Phật Câu-lâu-tôn, năm là Phật Câu-na-hàm-mâu-ni, sáu là Phật Ca-Diếp, bảy là Phật Thích-ca. Bảy vị Phật lược nói giới như trong văn kinh sau.

Giáo pháp rộng lớn của Đức Thích-ca như phần chánh tông có giải thích. Rộng và lược tuy sự có khác mà ý không khác, cho nên nói: Vì ta nói việc này.

- Nay Ta muốn khéo nói là tụng văn không mất.

- Các hiền Thánh cùng nghe: là nghi nghe pháp đều nhóm hợp.

Tiếp theo là giải thích bài kệ thứ năm là phân biệt sự tổn ích (tổn hại và lợi ích). Văn này chia làm hai:

Đầu tiên là ba bài kệ: Hiểu rõ thọ trì thì liền được tối thắng. Nếu phá liền mất ngay lợi ích này.

- Tiếp theo là hai bài kệ: Nếu trì thì chắc chắn được đạo cao quý. Nếu phá thì mất ngay lợi ích này, Dịch phần văn trước lại chia làm hai:

1. Hai bài kệ đầu là nói lên đắc thắng sinh và đắc định sinh.

2. Có bài kệ nói về phá giới thì khi chết sẽ có tâm buồn bã lo sợ. Văn trước chia làm hai:

- Một là nói dụ hợp.

- Hai là nêu sự lợi ích khuyến tu.

Trong dụ, y cứ vào sự thì như người bị gãy chân, trong hợp y cứ vào pháp hợp đối với sự hủy giới.

Tiếp theo là nêu lợi ích khuyến tu như cõi trời, cõi người đều là thắng sinh. Trong năm đường đây là cõi tối thắng, cho nên sự phân biệt ở đây. Trời người trong cõi dục chỉ gọi là thắng sinh. Các tầng trời cõi

sắc, Vô sắc gọi là thắng sinh, cũng gọi là Định sinh. Y như văn rất dễ hiểu.

Tiếp theo là giải thích bài kệ phá giới thì chết. Y cứ vào sự trong dụ thì lo lắng hối hận, thời xưa chốt trục xe không ít. Y cứ vào hợp thì pháp hợp ở trước lúc hủy phá cấm giới. Nếu hủy giới trọng cũng dụ như bị gãy trục. Nếu hủy giới khinh dụ như mất trục. Lúc qua đời đường hiểm nạn hiện ra thì mới sợ hãi.

- Cho nên trong Kinh Niết-bàn Quyển mười một nói: - Thế nào gọi là phá giới tử (phá giới mà chết).

Hủy giới trong quá khứ, vị lai, hiện tại, chư Phật có đặt ra giới cấm gọi là phá giới tử.

Kế là giải thích hai bài kệ:

- Quyết định thắng đạo có trái có thuận. Bài kệ đầu là nói về Thánh đạo gia hành. Bài kệ tiếp theo là nói lên tự thể của Thánh đạo. Thánh đạo là dứt hoặc chắc chắn không còn sinh trở lại phàm phu nên gọi là quyết định thắng đạo.

Trước giải thích bài kệ đầu là y cứ vào dụ, như gương soi cảnh tốt xấu, y cứ vào pháp trong hợp, hợp cùng thuyết giới để nói lên hoàn toàn hủy diệt. Toàn thì sinh hỷ, hỷ nên thân an, vì an nên thọ vui, vì vui nên được định. Tức là thuận với Thánh đạo gia hạnh. Hủy thì sinh lo lắng, vì lo lắng nên thân tâm phát sinh nhiệt não, là trái với Thánh đạo.

Kế là giải thích thể của Thánh đạo: Y cứ vào sự ở trong dụ là mạnh yếu, tiến lùi, y cứ vào pháp ở trong hợp thì có tịnh úy, an sợ. Nếu dứt hẳn sự phá giới thì gọi là tiến mạnh, tức là tịnh an. An nghĩa là tịnh diệt an vui Niết-bàn. Nếu không dứt trừ phiền não thì gọi là khiếp sợ lui sụt, tức là uế úy. Úy là lo sợ lâu dài trong ba cõi.

Kế là giải thích bài kệ Thiên minh thắng đức. Văn này có hai: Nữa bài kệ đầu là nói về thắng đức, nữa bài kệ tiếp theo là y vào thắng mà chế thuyết. Trước giải thích bài văn đầu nói y cứ vào sự trong dụ có bốn điều khác nhau. Y cứ vào pháp trong hợp, tổng hợp là bốn điều tối yếu. Vua ở thế gian là cao nhất, có thế lực lớn. Các dòng thì biển là cao nhất vì nó dung chứa tất cả. Cao sao thì trăng là bậc nhất vì mát mẻ nhất. Trong các Thánh, Phật là cao nhất vì đức vô lượng.

Kế là giải thích pháp hợp

- Tất cả các luật: Luật có ba loại là biệt giải thoát tĩnh lự vô lậu gọi là tất cả. Trong tất cả luật, giới kinh là hơn hết. Trong ba học thì giới đứng đầu và phát sinh ra các học khác, cho nên gọi là cao nhất. Đây bao gồm bốn nghĩa:

Một là: Dùng thế lực để phá giới.

Hai là: Nạp Hằng sa đức. Vì người giữ giới thân khí được thanh tịnh, nên dung nạp tất cả công đức thế gian và xuất thế gian.

Ba là: An vui mát mẻ.

Bốn là: Giới đức vô lượng.

Tiếp theo là giải thích nửa bài kệ "Y thắng mà chế thuyết". Do đầy đủ bốn thứ tối thắng ở trước, cho nên Như lai y theo đây mà lập ra giới cấm, khiến chúng đệ tử nửa tháng tụng một lần, không để lâu xa sau này giới luật bị bỏ phế. Như lúc gấp rút e sợ phiền toái lao nhọc thì chỉ nửa tháng tụng một lần. Từ nửa bài kệ thứ hai hòa hợp đồng tu, văn chia ra làm ba. Đầu tiên là chế hòa hợp (Hòa hợp tăng cùng nhóm họp, cho đến đáp rằng: Thuyết giới Yết-ma).

Tiếp theo là chế đồng pháp (Từ Đại đức tăng nghe trở xuống). Sau đó là khuyên văn tu. (Từ: các đại đức nay tôi muốn nói trở xuống).

Đầu tiên là chế hòa hợp, tức là nói giới hai việc phương tiện Yết-ma ở trước. Cho nên trong luật nói hòa hợp là một lần Yết-ma, một lần thuyết giới. Hễ chế ra hòa hợp thì mượn cùng ranh giới. Ở đây phải đối hai môn để phân biệt: Một là nói rộng về các giới khác nhau, hai là giải thích hòa hợp tăng.

Thứ nhất nói rộng các giới có mười một loại. Đó là tự nhiên thì có ba, Đại giới có bốn, tiểu giới có bốn, thành ra mười một. Hoặc theo Luật Thiện Kiến thì thêm một tự nhiên nữa thành mười hai.

Lại theo thông luận thì thêm thủy giới tự nhiên và nơi kho chứa nhiếp y giới, thuyết giới đường, nơi kết tịnh địa v.v... hợp lại thành mười bảy.

Lại nói về tự nhiên vốn do duyên khởi. Duyên đầu tiên lúc Phật thuyết giới hóa độ một đệ tử khiến cho đều nhóm họp. Đại Ca-tân-thố là Đại la-hán, tự ỷ mình thanh tịnh nên nghĩ rằng ta đối với ngày thuyết giới dù đến hay không đến cũng đều thanh tịnh.

Cho nên ông không đến. Phật gọi Ca-tân-thế đến hỏi: -Hễ vào ngày thuyết giới pháp phải cung kính tôn trọng vâng theo. Nếu ông không muốn cung kính tôn trọng thì còn ai muốn cung kính. Nếu không hòa hợp lại một chỗ để đồng thuyết thì phạm tội Đột-cát-la. Như theo luật Tăng-kỳ hai mươi bảy thì A-na-luật sẽ phạt khiến cho ông mỗi bước đi bị mất mất thịt. Cho nên cực khổ mới đến, nói rộng như trong luật.

Về sau, do một lần hóa tập rất cực khổ sợ phế bỏ nên Phật lại khai tùy theo chỗ mà bạch nhị Yết-ma kiết giới đường thuyết giới. Lúc bấy

giờ, vẫn chưa chế ra việc kiết các giới. Các nơi xa xôi cùng đến một giới đường rất cực khổ. Phật lại khai cho hễ ở chỗ nào thì kết đại giới ở chỗ đó rồi hòa hợp đồng thuyết. Trước khi kiết giới y vào tự nhiên mà nhóm chúng. Giới tự nhiên này, xưa nay truyền nhau tự có ba thứ khác nhau.

Một là y theo luật Thập tụng thứ hai mươi bốn có nói:

- Các Tỳ-kheo ở nơi không có tăng phường xóm làng, đầu tiên làm tăng phường chưa kiết giới. Bấy giờ ngang chừng bao nhiêu?

Phật bảo: Tùy theo xóm làng, ranh giới xóm làng phân chia đều là giới tăng phường, xưa nay đều nói rằng: Ở đây có thể phân biệt xóm làng, muốn kiết giới phải đến tận xóm làng kiết tập. Đây gọi là biết rõ nhà người, có tăng gọi đến kiết tập. Cho nên nói là phân biệt được.

Hai là nếu không thể phân biệt xóm lạc. Y vào luật Tăng-kỳ quyển tám nói:

- Cứ năm khuỷu tay lượng bảy cung trồng một cây Am-Bà-la. Bảy cây Am-Bà-la cách đều như thế. Bấy giờ, chỗ Yết-ma đó gọi là khéo làm yết-ma. Các chúng khác nhau cùng gặp, không có phân biệt là chúng bị tội. Xưa nay đều phán rằng: Đã đồng ở xóm làng thì chúng khác cũng đến không phân biệt. Cho thấy ở trong xóm làng không biết nhà ai có tăng hay không có tăng. Không thể gọi hết cho nên nói là không phân biệt xóm làng.

Ba là ở chỗ A-lan-nhã, cách xa không có làng xóm, trong tăng phường muốn kiết giới. Y theo luật Thập Tụng mà nói: Các Tỳ-kheo ở chỗ không có xóm làng đầu tiên làm tăng phường bao nhiêu? Phật bảo: Vuông một câu-lư-xá. Xưa nay truyền rằng theo kinh Tạp Bảo Tạng chú thích rằng: Câu-lâu-xá là năm dặm. Nay thấy rõ Thập Tụng là Tát-Bà-Đa Tông. Tát-Bà-Đa Tông bốn khuỷu tay là lượng cung, năm trăm cung là một câu-lư-xá, tính ra là hai dặm. Trong Câu-xá tụng nói: Bốn khuỷu tay là lượng cung năm trăm Câu-lô-xá, sao lại không y theo, lại y theo luật Thiện Kiến quyển mười bảy có ghi:

- Ranh giới A-lan-nhã là bảy bàn-đà-la, một bàn-đà-la là hai mươi tám khuỷu tay. Nếu không đồng ý thì được làm pháp sự. Tính ra năm mươi tám bước rưỡi một thước tám tấc.

Đã nói là không đồng ý: Là biết nghĩa đồng ở trong xóm làng không thể phân biệt. Cho nên khai cho nhóm họp gần. Nếu thêm một này thì có bốn tự nhiên. Trong bốn giới tự nhiên đều nhóm họp tăng để tác pháp kiết giới.

Nếu ở chỗ nước không thể kiết giới thì ở chỗ đó làm đối thú, như trong luật Thiện Kiến thì chỉ lấy người khỏe mạnh tác nước và làm giới

tự nhiên. Nhưng ở trong bốn giới tự nhiên khi sắp kiết giới, chúng tăng đều nhóm họp lại mà không cho thọ dục. Đã nhóm tăng rồi thì giao cho tăng lượng nghi, hoặc lớn hoặc nhỏ, làm giới Bồ-tát. Giới Bồ-tát hoặc dùng chùa, bờ đê, tùy theo ngay thẳng để làm nêu hạn. Hoặc ở nơi xa xôi thì dùng đá cứng, cọc cây. Hoặc chỉ vào cây núi, tùy theo ý thích mà lấy. Rồi nhờ một vị Tỳ-kheo đánh kiền-chùy bạch tăng. Khi tăng làm Yết-ma, sư y vào đó xướng phạm vi, bạch nhị mà kiết. Kiết giới xong, trong giới này cùng nhóm họp đến. Nếu có duyên sự không đến thì phải gởi dục và phụ thanh tịnh đến trong tăng. Trong tăng trước tùy theo việc mà làm Yết-ma xong, sau mới tụng giới. Nhưng ranh giới Bồ-tát, lớn thì có bốn, nhỏ thì có một.

Nói bốn là:

- Một là nhân pháp nhị đồng giới, như nói theo đó, thì vốn đồng một chùa mà kiết thành. Bản chế của giới này không duyên ở nơi thực cho nên mới gọi như thế.

- Hai là thực pháp nhị đồng giới: Như có hai chùa trước đây đều khác nhau, y theo nhân pháp, cả hai đều đồng, nay tự nhiên hai chùa hợp lại cùng ẩm thực và cùng tác pháp. Mỗi chùa đều tự bạch nhị Yết-ma giải hết ranh giới cũ. Lúc hợp xướng hai chùa cùng nêu tướng và Yết-ma thêm. Đồng là thực pháp hai đồng giới.

- Ba là pháp đồng thực biệt giới: Như có hai chùa trước kia đều khác nhau, y vào nhân pháp hai đồng. Nay bỗng nhiên cả hai chùa chỉ muốn đồng pháp mà khác thực. Hai chùa đều giải và kiết giới lại, y theo như trước đã làm.

- Bốn là Thực đồng pháp biệt giới: Như có hai chùa trước kia đều khác nhau. Nay bỗng nhiên muốn đồng ẩm thực mà không đồng tác pháp. Chúng tăng hai chùa cũng nhóm họp lại một chùa. Hoặc nhóm họp vào giờ thọ thực ở trong chùa đó tác bạch, hai pháp hòa đồng rồi cùng thọ thực. Đây không giống như giới trước. Suy theo bản ý của Phật, y cứ theo pháp đồng biệt để sinh khởi kết quả. Nay ở đây chỉ muốn được đồng thực mà không muốn đồng pháp, cho nên không giải giới tác pháp cũ. Trên đây là bốn giới kiết pháp Yết-ma rộng như trong luật nói kiền-độ về giới. Mỗi nơi đều như bản mà kết. Trong huyễn tướng cần phải cùng nhóm họp.

Lại y cứ vào phần nói về Kiền-Độ thì phải có tiểu giới. Nghĩa là đường đi của Tỳ-kheo trong ngày Bồ-tát. Nếu được thì cùng hòa đồng ở trong đó để tụng giới, đây là điều rất tốt. Nếu không làm được, thì tùy theo bạn đạo cùng nhóm họp lại một chỗ kết tiểu giới để thuyết giới.

Trong bài văn kết pháp nói rằng:

- Đại đức tăng xin lắng nghe!

- Nay có hứa cho Tỳ-kheo nhóm họp. Nếu thời giờ của tăng đã đến, xin tăng bằng lòng cho kết Tiểu giới.

Bạch như thế y cứ theo tác pháp Yết-ma. Đây gọi là kiết giới nan thuyết giới, cũng gọi là số nhân giới. Kiết giới lớn bốn nhỏ một ở trên đều gọi là Bồ-tát giới. Bốn kiết giới lớn ở trước đến ngày mãn hạ tự tứ cũng y theo đó mà lại bạch tự tứ. Nếu đi trên đường tới ngày tự tứ mà có nạn cũng y cứ đồng như thuyết giới, cũng khai tiểu giới. Nhưng về Nan tự tứ, trong bài văn kết tiểu giới nói rằng:

- Đại đức tăng nghe! Các Tỳ-kheo cùng tọa xứ như thế. Nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng nghe: Tăng ở chỗ này kết tiểu giới, bạch yết-ma như thế y cứ theo nên biết. Đây gọi là Nan tự tứ giới (Ranh giới khó tự tứ). Cũng gọi là Tọa xứ mãn giới (Chỗ ngồi đủ khắp ranh giới). Lại kết giới trường cùng giúp đỡ cho nan thọ giới ở trước để thuyết giới tự tứ, nhị tiểu hợp lại thành bốn tiểu. Cùng với bốn lớn ở trước và ba tự tứ họp lại thành mười một giới. Trong ba giới tự nhiên này lại thêm bảy Bàn-Đà-la, Lan-nhã, Nan tập hợp thành mười hai giới. Mười hai giới này đều là nơi nhóm tăng. Nhà thuyết giới là nơi đi tới, chẳng phải là nghĩa tập hợp tăng. Y theo các nơi đất sạch, kho lẫm, đều chẳng phải là nghĩa nhóm họp tăng.

Nói rộng về cách thức kết giải và chỗ dụng như trong bản Yết-ma và Đại luật. Nay lược trình bày ra để tùy theo sở ứng. Bốn lớn một nhỏ cùng nhóm họp lại tận giới, nên gọi là hòa hợp tập hội tăng lại...

Thứ hai là giải thích nghĩa hòa hợp, xem trong văn luật có ba loại văn: Cùng với giới bản này thì hợp có bốn thứ, trong bốn thứ văn này, thì hai văn giải thích thẳng ý nghĩa hòa hợp. Hai văn này giải thích đầy đủ các phương tiện tác pháp về giản dị, phức tạp, lưu suốt và chậm rãi.

Lại y cứ theo Kiền-Độ Chiêm-Ba mà giải thích hòa hợp rằng: Mỗi trụ xứ hòa hợp một chỗ (Tức là người nên đến thì đến). Lúc Yết-mà người nên gởi dục thì gởi (Nói gởi dục lý thật là cùng cho thanh tịnh).

Hiện tiền nên quở trách thì quở trách, ba nghĩa này để giải thích hòa hợp. Theo Tạp Kiền-độ khai ra có năm nghĩa để khuyên nên hòa hợp, vì thế trong văn kia nói có năm pháp nên hòa hợp:

- Một là như pháp nên hòa hợp (Nghĩa là Bồ-tát Yết-ma nên hòa hợp – Tức người nên đến thì đến).

- Hai là im lặng đến (nên quở trách thì quở trách).

- Ba là cho gởi dục (đáng cho gởi dục thì cho).

- Bốn là từ niềm tin mà nghe.

- Năm là trước ở trong chúng ngồi im lặng.

Gom năm điều này lại thì thành ra ba hòa hợp.

Nghĩa thứ nhất trong Ba hòa hợp là đến văn này tăng nhóm họp, Người gởi dục thì cho gởi dục. Văn nầy nói các Tỳ-kheo không đến thì thuyết dục và thanh tịnh. Người đáng quở trách thì quở trách, ở đây là nói về hai chữ Hòa Hợp, nhưng hòa hợp có hai nghĩa:

1- Y cứ hạn cuộc vào tên gọi tức đáng quở trách thì quở trách

2- Y cứ vào tên phổ thông tức người nên đến thì đến và cho gởi dục. Đây gọi chung là hòa hợp.

Lại xét duyệt chúng và đem sự hỏi đáp tức là phương tiện Yết-ma thuyết giới. Nhưng trước khi thuyết giới lại hỏi đáp ni có thỉnh giáo giới hay không. Nếu chỉ Yết-ma không gởi dục thuyết giới thì không cần đến việc này. Hai văn trước nói về tác pháp phương tiện đơn giản, phức tạp nhanh chậm, tức trong văn giới này cho là một loại. Như hướng đây mà nói lược lại có một bài văn nói về Kiền-độ y Ca-hy-na. Cũng chính là hai bài văn nói về phương tiện tác pháp.

Như văn kia nói: - Chúng tăng nhóm họp hòa hợp chưa? Người thọ đại giới đã ra hay chưa? Nay thuyết dục làm gì?

Nên đáp: Để nói xả y công đức.

Ở trên là tạm nêu ra các pháp Yết-ma trước, y theo pháp này chia thành sáu pháp:

1 Hỏi tăng nhóm họp chưa? (Đáp đã nhóm họp).

2 Có hòa hợp không? (Đáp: hòa hợp).

3 Người chưa thọ đại giới ra chưa? (Nếu có thì đáp: Đã ra rồi. Nếu không thì đáp: trong đây không có người chưa thọ đại giới).

4 Các Tỳ-kheo không đến thuyết dục và thanh tịnh.

5 Hỏi: nay Tăng hòa hợp để làm gì?

6 Đáp: Để xả y công đức. Nếu làm các pháp khác thì tùy theo việc mà đáp. Nhưng cũng có sự mở rộng hoặc hạn cuộc như việc thọ giới.

1/ Sai người làm thầy oai nghi.

2/ Gọi nhập chúng

3/ Thầy Yết-ma đối trước chúng hỏi già nạn.

Ba điều này đều là đơn bạch. Vặn hỏi xong rồi, sau đó tác bạch bốn lần và cho thọ giới, bốn pháp này cùng duyên thọ giới nên gọi chung, đáp là Yết-ma thọ giới. Nếu ở trong có người đứng ngồi qua lại không nhất định. Thì nên tùy theo mỗi việc mà hỏi đáp riêng, về tác pháp, như hỏi rằng:

- Nay Tăng hòa hợp để làm gì? Đáp: tăng sai thầy oai nghi ra xem xét chúng, hỏi già nạn, đơn bạch Yết-ma. Các việc gọi nhập chúng, mỗi pháp đều làm riêng, y theo đây nên biết. Nhưng hành sự bây giờ sợ không còn hết lòng như vậy. Phần nhiều chia ra hỏi đáp riêng. Nếu y theo Luật sư Tương Châu thì hợp chung hai pháp đầu lại hỏi: Tăng nhóm họp hòa hợp chưa? Đáp: - Tăng đã nhóm họp hòa hợp. Có khi nhóm họp mà không hòa hợp, nếu hỏi riêng thì tốt. Nay muốn phương tiện thuyết giới thì nên chia ra bảy pháp:

Một là hòa hợp.

Hai là tăng nhóm họp lại.

Ba là người chưa thọ giới ra chưa? (Đáp cũng như trước)

Bốn là Tỳ-kheo không đến có thuyết dục và thanh tịnh không.

Đối với ở đây lược chia thành ba môn:

- Một là y cứ vào pháp.
- Hai là y cứ vào người.
- Ba là y cứ vào thời.

Nói y cứ vào pháp đó là người ở trong tăng Yết-ma có tâm ưa thích, nhưng ta có duyên mà không đến nhóm, cho nên truyền cho một người đem lời tôi đến bạch cho tăng biết. Tăng thọ dục rồi thì làm pháp Yết-ma thành tựu, chỉ có kiết giới pháp, cần phải nhóm chung không cho thọ dục.

Nói thanh tịnh là hễ muốn thuyết giới thì cần phải thanh tịnh. Dưới cho đến không phạm tội Đột-cát-la. Nếu có phạm tội với kỳ thuyết giới trước thì phải sám hối trước rồi mới cho nghe giới. Nay tôi có duyên mà không đến, tôi thanh tịnh có thể nghe thuyết giới. Cho nên khiến một người truyền lời thanh tịnh này cho tăng biết. Tăng đã thọ rồi, thì được thuyết giới, tác pháp thành tựu, y cứ theo trong luật nói, nhóm Tỳ-kheo sáu vị gởi dục mà không thanh tịnh. Và việc gởi dục này không cho gởi dục việc khác. Do đây mà Phật chế chung từ nay trở đi các việc tăng khác đều cho gởi dục thanh tịnh. Hoặc lúc tự tứ thì gọi là như pháp tăng sự, gởi dục tự tứ. Không đồng như lúc thuyết giới chư tăng nhóm họp gởi dục thanh tịnh, đều cho không đến thuyết giới nhưng cần phải gởi dục. Nhưng duyên gởi dục hoặc vì việc Phật, pháp, tăng, vì bịnh hay sắp bịnh v.v... Giữ phòng xá, chùa chiền v.v... Còn nếu không có việc gì mà muốn gởi dục thì phạm tôi nói dối. Pháp chúng tăng thành tựu.

Thứ hai y cứ vào người mà phân biệt:

- Một là người thọ dục
- Hai là người cho dục

- Ba là người truyền dục

* Người thọ dục: lúc thuyết giới, nếu trong giới chỉ có bốn người thì phải nhóm họp. Không được ba người thọ còn người thứ tư thì gởi dục. Thọ mà không thành thì là riêng chúng.

Bốn người nhóm họp xong, mới được cho người thứ năm gởi dục.

Lại y theo luật Tăng-kỳ quyển hai mươi bảy thì không cho người gởi dục nhiều hơn số người nhóm họp, nếu không như thế thì phạm Việt tỳ-ni.

2/ Người cho dục: Trừ người phạm tội trọng, ba căn đã lộ và bị nêu lên ba lần thì các đại tăng ni khác đều nhận gởi dục thanh tịnh cho chúng.

3/ Người trì dục: Cũng là Tỳ-kheo thanh tịnh không có lỗi. Thọ dục xong rồi thì đi thẳng lên giảng đường. Nếu không có việc nạn, không được qua phòng xá khác mà ra khỏi ranh giới. Như trong luật nói: không được đi đường và ra ngoài giới. Có hai mươi bảy loại người không thể làm người trì dục (giữ dục). Ở đây không thể ghi lại việc dự dục cho nhiều người. Trước ghi lại tên họ, nếu quên tên thì nói qua về tướng mạo của người gởi dục. Tướng mạo cũng quên mới được nói chung là các Tỳ-kheo v.v... Như việc pháp tăng gởi dục thanh tịnh. Hai mươi bảy hạng người lược lại trong bài tụng sau:

Mạng đã qua đường khác, Vào bộ riêng ngoại đạo, Giới tràng mặt trời lên, khó nêu diệt thần nghe.

Thứ ba là y cứ vào thời: khi mặt trời mọc là mất pháp gởi dục, như trong luật có nói.

Kế là giải thích: Mọi người đã nghe thuyết giới, Giới sư nói: Các Tỳ-kheo không đến thuyết dục và thanh tịnh. Người dự dục nên ngồi phía dưới đến trước tăng tác bạch. Tác bạch xong, vị Duy-na đáp rằng: Đã thuyết dục rồi, nếu không có người gởi dục thì đáp: Trong đây không có người thuyết dục.

5/ Có ai sai Tỳ-kheo-ni đến thỉnh giáo giới không: Nghĩa là trong tám pháp phải cung kính, ni nửa tháng thỉnh một vị đại tăng có đủ mười đức đến chùa ni thuyết giáo giới. Ngày thuyết giới, ni sai một vị Tỳ-kheo-ni đến Đại tăng bạch nhị Yết-ma cầu giáo giới. Tỳ-kheo lại sai hai, ba vị làm bạn. Người được sai đi phải thanh tịnh vô nạn. Đến trong đại tăng thỉnh vị Sư có đủ mười đức. Người được sai đi trong ngày đó đến chùa Đại tăng thỉnh một vị tăng đến giáo giới cho ni. Bài văn thỉnh như sau: - Đại đức nhất tâm niệm, Tỳ-kheo-ni chùa v.v... chúng con đã hòa hợp. Có sai Tỳ-kheo-ni là... nửa tháng đến đảnh lễ đại tăng cầu xin

giáo thọ cho Tỳ-kheo-ni.

Ba lần cầu thỉnh thì Đại tăng đáp: - (Được).

Cho nên ngày nay thuyết giới thường hỏi ý rằng: Chùa ni sai ai đến thỉnh thầy giáo giới ni.

Người thọ nhận, nghe liền đứng dậy, lễ Phật lễ tăng rồi bạch đại chúng rằng: - Đại đức tăng nghe! Nay chúng Tỳ-kheo-ni chùa v.v... cùng hòa hợp. Những lời khác như trước mà tác bạch. Tác bạch xong thì lần lượt đi. Những vị từ hai mươi tuổi hạ trở lên, cung kính chấp tay, thay thế ni mà thỉnh rằng: - Xin Đại đức từ bi làm Giáo thọ cho chúng ni.

Nếu biết tăng có đủ mười đức thì đáp rằng: Được.

Chúng tăng liền ứng theo lượng nghi bạch hai lần Yết-ma sai vị Tỳ-kheo có thật đức đi. Theo luật Tăng-kỳ thì vị được sai đi tùy theo tháng trắng, đen (rằm, mùng một), trong ba ngày đầu và hai ngày sau không được đến chùa ni. Vì ni chúng nói giới xong và lúc sắp nói giới sợ thành phiền não lớn, trong mười ngày đó, cho phép đến chùa ni giáo giới.

Ni hỏi có thể được không và mọi việc thuận nghịch như trong luật nói rộng. Nếu các đại tăng từ chối cho là vô đức không có khả năng thọ ni thỉnh. Người đại diện thỉnh nên đến trước vị Thượng tọa bạch rằng: - Các Đại đức đều từ chối, nói là vô đức không có khả năng thọ nhận.

Thượng tọa lược dạy rằng: - Các Đại đức đều từ chối, cho nên các vị nên tự tiếc lấy sự nghiệp.

Hôm sau các Ni lại đến thỉnh thì bảo với các Ni rằng: - Các vị ở đây không có khả năng làm giáo thọ Tỳ-kheo-ni, lại không khéo việc nói pháp.

Tuy nhiên, vị Thượng tọa có lời dạy ni chúng rằng: - Các vị hãy thuận theo thánh giáo, như pháp hành trì, cẩn thận chớ có buông lung.

- Vị đại diện thỉnh đáp: Nhĩ (vâng)

Hôm sau, vị ni này ở trong ni chúng quỳ thẳng thưa lại lời Thượng tọa dạy.

- Thượng tọa Đại đức có lời dạy với chúng ni v.v... Truyền dạy xong thì các vị đảnh lễ nghe giới. Nghe xong thì đảnh lễ ba lạy trở về liêu phòng. Nay lại y cứ lúc đại tăng thuyết giới. Thọ lời Thượng tọa dạy xong thì vị Duy-na đáp: Đã giáo giới xong.

Hỏi rằng: - nay Tăng hòa hợp để làm gì?

Thứ bảy Đáp: Thuyết giới Yết-ma. Bảy pháp trên đây hợp lại thành phương tiện trước khi thuyết giới đã xong.

Tóm lại, phần thứ nhất đã nói xong về phần hòa hợp. Từ phần thứ hai về sau là chế ra đồng pháp. Tăng thể lục hòa nghĩa Yết-ma nên đồng thấy. Nghĩa thuyết giới nên đồng giới. Bốn điều hòa thuận khác thành tựu ở điều hai này. Do đầy đủ công đức sáu hòa. Cho nên các Hiền Thánh đều hết lòng lễ kính tăng, huống chi là các phàm phu. Nhưng khi thuyết giới, bốn người trở lên thì phải đơn tác bạch, nói rộng giới bản. Như trong văn này nói nếu ba người trở xuống thì phải đến tận cuối ranh giới nhóm họp không được thọ dục. Lần lượt đối thú mỗi người đều nói: Hai Đại đức nhất tâm niệm, hôm nay ngày rằm (hoặc ba mươi) chúng tăng thuyết giới.

- Tôi là Tỳ-kheo v.v... thanh tịnh (ba lần), nếu chỉ có hai người thì nói thẳng.

- Đại đức nhất tâm niệm v.v... (lời cũng như trên). Nếu chỉ có một người thì đối trước bàn Phật nói: Hôm nay là ngày... tháng..., không cần nói Đại đức nhất tâm niệm, còn lại đồng như trước.

Ba người trở xuống thì tâm niệm đối thú, chung cho các giới tự nhiên, tác pháp. Y theo giới nhóm họp mà không nói giới bản.

Không đồng với các việc luận đối thú v.v... xong vẫn nói giới bản. Trong lúc tăng nói nếu có nạn sự thì được khai pháp mà nói lược ba năm lần. Lại ngày thuyết giới đều chung ở các ngày mười bốn, mười lăm, mười sáu, ba mươi đều nói được, rộng như trong luật.

Kinh nói: Các Đại đức! v.v.... cho đến khéo nghĩ nhớ...

Từ phần thứ ba về sau là khuyên văn tu; Văn chia ra làm ba. Đầu tiên là khuyên lắng nghe, kế là khuyên khéo tu học. Sau cùng là xem xét giữ gìn.

- Lắng nghe: là lắng tai nghe, khéo suy nghĩ trong ý mà thành ra văn tuệ.

Kinh nói: Nếu tự biết mình có phạm v.v... cho đến được an vui.

- Nói khuyên khéo tu học. Văn này có ba nghĩa, một là tự tâm sám hối, hai là nhân nêu ra mà sám hối, ba là làm rõ sự tổn ích.

Trong văn nói Tỳ-kheo như thế ở trong chúng cho đến ba lần hỏi... Nêu ra ba lần hỏi cũng nói lên năm đức để hỏi: Im lặng nói dối y theo luật thì phạm Đột-cát-la. Vì làm chướng ngại pháp Thế gian xuất thế gian nên gọi là Tổn.

- Từ Tỳ-kheo kia ngớ nghĩ rồi v.v... cho đến an vui. Pháp thế gian xuất thế gian đều được an vui nên gọi là Ích.

- Các Đại đức! Như thế mà hành trì v.v... vặn hỏi rồi thì xem xét, nghĩa là trước khi thuyết giới phải hỏi trong đại chúng có tịnh uế gì

không. Nếu uế thì khi nghe giới luật bị giáo che ngăn. Biết ngăn che mà nghe thì phạm ba câu hỏi của bài tựa. Lại tùy theo ẩn tội đến lúc hỏi ba câu lại phạm im lặng ba câu hỏi ở chánh Thiên. Cho nên nay xem xét lại không để cho bất ổn. Trong văn Kiền-độ thuyết giới có nói: Nếu có phạm thì không được thuyết giới, không được nghe giới. Không được hướng về người đang phạm tội mà nói sám hối. Nếu phạm thì không thọ người sám hối. Đã xem xét rồi thì trong chúng cùng ghi nhớ thọ trì, nên nói việc như thế mà thọ trì. Kinh nói các Đại đức, v.v... cho đến xuất xứ từ trong giới kinh.

Thuật rằng: Từ phần thứ hai trở xuống, là khai tông xem xét, phần tùy theo văn gồm có tám đoạn, mỗi đoạn có ba: Văn hợp tám đoạn này gọi là ngũ thiên. Như trong phần khai phát nói lược về danh tướng. Nhưng tội năm thiên đầy đủ gồm có hai nghĩa: Một là chỉ có quả tội, hai chính là sự quan trọng cần thiết. Cho nên trong kinh nói nửa tháng tụng một lần. Nếu chung cho việc nhân quả mà chia ra thì lập thành bảy nhóm.

- Một là Ba-la-di
- Hai là Tăng tàn.
- Ba là Thâu-lan-già.

Hai tội đầu là tội phương tiện, nghĩa là bao gồm cả nặng và nhẹ, Thâu-lan-già là quả tội như dùng da người, bát đá, tóc người, lộ hình, v.v...

- Bốn là Ba-dật-đề.
- Năm là Đề-xá-ni.
- Sáu là ác tác.
- Bảy là ác thuyết.

Nghĩa là trong chúng học, thân phạm ác tác, ngữ phạm ác thuyết và năm nhóm trước dùng phương tiện xa cùng với thiên không nhiếp các quả Cát-la. Như xếp thuyết giới, không an cư, không tự tứ v.v... Trong luận này, nói về thiên tụ ý nghĩa có chút khác nhau, không thể nêu ra hết. Nói chung tất cả về ý của người chế giới sơ lược có ba môn:

1- Ngừa lỗi.
2- Sinh về đường lành
3- Được mười điều lợi.

Theo luận Du-già quyển chín mươi chín có nói chung về thiên tụ để ngừa lỗi thì có mười lăm loại, cho nên phải chế.

1- Lỗi của việc quan trọng.
2- Lỗi ràng buộc mạnh mẽ.

Hai loại này ở trong thiên đầu có nói rõ.

3- Lỗi thiếu thốn không thích đủ.

4- Lỗi bị người dèm pha.

5- Trước người bất tín, lại càng khiến họ bất tín. Trước người có tín lại thay đổi.

6- Lỗi nghèo hèn lại chứa nhiều duyên sự.

7- Lỗi đắm nhiễm

8- Lỗi xúc não người

9- Lỗi phát khởi bệnh tật.

10- Lỗi chướng ngại con đường lành Sa-môn.

11- Lỗi đáng hộ trì lại không hộ, không đáng hộ mà hộ.

12- Lỗi không đáng nương tựa mà nương tựa, đáng nương tựa thì lại không nương tựa.

13- Đáng cung kính thì không cung kính, không đáng cung kính thì lại cung kính.

14- Nên che giấu thì không che giấu, không nên che giấu thì lại che giấu.

15- Đối với việc nên gần gũi thì lại không gần gũi, không nên gần gũi thì lại gần gũi.

Mười lăm lỗi này, ở trong một giới hoặc có một, hai, cho đến có nhiều, tùy theo suy nghĩ mà nhiếp biết. Có bài tụng rằng:

*Trong, phiền, quỹ, hiềm, tín*
*Tham, nhiễm, não, bệnh, chướng.*
*Hộ, y, kính, phú, cận.*

Đó là mười lăm lỗi. Thứ hai là muốn cho chúng sinh sinh về cõi lành cho nên chế giới. Phật giáo không vượt khỏi ba đức của khế kinh.

Một là vì lo sợ đọa vào đường ác cho nên nói trì giới khế kinh.

Hai là vì sợ nghèo cùng cho nên nói bố thí khế kinh

Ba là sợ hãi phiền não mà nói tu khế kinh, cho nên biết rằng: đặt ra giới này là để sinh về cõi lành.

Thứ ba là được mười điều lợi như trong luật có nói rộng.

Trước giải thích văn thiên đầu, chia ra làm ba. Đầu tiên nói về chỗ y giáo. Hai là phân biệt danh tướng của tội. Ba là kết xong rồi thì xét xét và thọ trì. Nghĩa là Ba-la-di nói về tội đó, y theo lời Phật chế mà nửa tháng thuyết giới một lần, như trong giới kinh.

Ba-la-di, Hán dịch là Tha thắng. Vì giới này chú trọng việc phá trừ phiền não oán kết. Trong luận Du-già gọi là Bỉ Thắng (kia Thắng) cũng là ý nầy. Từ phần hai trở xuống gọi là nêu tội danh tướng. Bốn

giới tức là bốn giải thích chung tất cả cụ duyên thành phạm, phân biệt thành hai môn:

1. Duyên chung có ba như trong luận có nói: Hoặc người đã thọ giới Tỳ-kheo, hoặc Như lai đã đặt ra giới này, hoặc người không đến si pháp.

2. Biết duyên thô chia làm ba môn, chia nhỏ ra thành bảy môn. Nói ba môn: Một là cảnh, hai là tâm, ba là nghiệp.

Chia kỹ thành bảy môn là: Về cảnh có hai loại: Một là cảnh sở tổn, hai là cảnh thành tội.

Tâm có ba loại: Một là duyên theo cảnh sở tổn, hai là duyên theo cảnh thành tội, ba là phát nghiệp.

Tâm nghiệp có hai: Một là nghiệp phương tiện, hai là nghiệp rốt ráo.

Tùy theo mỗi giới đều có hai duyên chung riêng này mà phân biệt các môn. Trước là giải thích giới đầu tiên chung theo duyên có thể biết. Đối với duyên riêng không làm tổn cảnh và tâm. Duyên tổn cảnh vì không y cứ theo tổn cảnh mà chế. Cho nên không đợi duyên mà thành cảnh tội. Nếu tâm không duyên mà chỉ là chánh cảnh thì đó là phạm. Nhưng phạm này có hai:

**I. Tự tâm hướng về cảnh phạm, đầy đủ cả bốn duyên:**

Một là thành tội cảnh, cảnh chung cho ba đường. Thân nữ và hai hình đều ở ba chỗ này. Thân nam và hoàng môn ở hai chỗ đều là chánh cảnh.

Hai là có phát nghiệp tâm, quyết tâm thú cảnh.

Ba là khởi lên nghiệp phương tiện

Bốn là thành nghiệp rốt ráo.

Như văn luật nói: Nhập vào đầu chân lông.

**II. Oán bức tạo cảnh; Đầy đủ cả ba duyên:**

1. Thành tội cảnh.

2. Cảnh oán bức hợp thành nghiệp phương tiện.

3. Thọ vui làm nghiệp rốt ráo.

- Giới văn có chín câu:

1/ Nếu Tỳ-kheo là người khéo thọ đắc giới, hoặc cho phạm giới này, cho nên nói nếu.

2/ Cộng Tỳ-kheo giới: Cùng tăng đồng thọ mà đắc giới. Nếu phạm tội thì trái với công này.

3/ Đồng giới: Cùng thanh chúng đồng trì giới này, nếu phạm liền trái với đồng này.

4/ Không hoàn giới, hoàn là xả. Trái lại nếu xả giới tức là không phạm, cho nên trong văn luật nói: Nếu có người không thích đời sống phạm hạnh thì xả giới hoàn tục. Nếu lại muốn xuất gia thì nên độ cho xuất gia lại và cho thọ Đại giới. Nếu người phạm tội trọng làm chướng đạo chắc chắn không thể trị thì cho khai điều này.

Trong kinh Tăng Nhất A-hàm, nói Tỳ-kheo Tăng-già-ma qua bảy lần xuất gia hành đạo nay mới thành đạo. Từ đó về sau nếu muốn xả giới thì cho được bảy lần.

Theo luật Thập Tụng Ni thì nếu xả giới, phải chuyển căn thành nam mới được xuất gia. Nếu không cho Ni xả giới mà càng thọ thêm là xấu ác.

5/ Phạm giới không sám hối cũng đồng như không xả giới. Câu trước đã nói rõ rằng: Tuy đạo đã sâu xa, bị phiền não ép ngặt nên hành giới phi pháp. Câu này nói tâm giữ giới nhỏ nhiệm, mà giới vẫn còn thì việc phạm tội đó cũng là phạm vị. Cho nên ở đây mới nêu ra như vậy. Pháp xả giới, rộng như trong luật có nói, không thể nêu ra hết.

Năm câu trên đều có đủ ở phần sau của các giới. Dùng cái sau để xét cái trước, thì cái sau không thể trình bày ra.

6/ Phạm hạnh bất tịnh tịnh: Nghĩa là hạnh Niết-bàn có công năng hướng về. Nay phạm giới này là tạo ra con đường đồng sinh tử cực trọng, là nguồn gốc của đau khổ trái với Niết-bàn. Cho nên chỉ nêu tên riêng.

7/ Là cùng chứa nuôi: Cảnh chung cho cả ba cõi mà không xét sự sống chết, cho nên nói cho đến.

8/ Tỳ-kheo Ba-la-di: Là phần kết nêu tên lại. Trong luật ví như chặt đầu người không thể sống lại. Tỳ-kheo cũng vậy. Nếu phạm giới này thì chẳng phải Tỳ-kheo, nên gọi là Ba-la-di.

9/ Bất cộng trụ là nói rõ tăng bị tẫn pháp. Trong luật lại y cứ vào Yết-ma mà thuyết giới. Hai pháp bất cộng, theo lý thật cũng đối với các việc lợi dưỡng phòng nhà cũng là bất cộng trụ. Rõ được ý Phật dạy, vốn nhiếp chúng gần được trời người, xa thì đắc quả Niết-bàn. Ở đây đều là chướng sẽ đọa vào đường ác, cho nên phải diệt tẫn hẳn.

**** Thứ hai nói về giới trộm, văn có tám câu:***

1. Nếu Tỳ-kheo chứa người phạm tội.

2. Hoặc ở tại làng xóm, hoặc ở chỗ nhàn tịnh, nơi đặt vật bỗng nhiên đi qua nhân gian và nơi xa xôi.

3. Không cho sắp bày vật của chủ: Chủ chỉ là người ở nơi khác thì phạm nhẹ.

4. Tâm trộm: Tâm trộm này trong luật phân biệt có hai mười lăm. Năm tâm thứ nhất là: Tâm hắt ám, tâm tà, tâm dua nịnh, tâm bất thiện, tâm thường trộm vật của người. Lại có năm là: quyết định lấy, sợ hãi lấy, lấy vật gởi, thấy liền lấy, dựa thế mà lấy.

5. Tùy theo pháp không cho mà lấy, trong văn luật giải thích: Hoặc năm tiền, hoặc trị giá năm tiền, ý văn này nói là thuận theo không cho mà thành phạm. Đối với năm tiền đầy đủ các duyên.

Bốn tiền trở xuống chỉ phạm tôi Thâu-lan-già. Nói đủ duyên là duyên chung có thể biết. Duyên riêng đầy đủ có bảy: Tức phân biệt đầy đủ có bảy môn.

1/ Chỗ tổn cảnh, chỉ hạn cuộc vào công lực giảm tài của người chủ. Người có phước mạnh thì sẽ xâm tổn chướng đạo rất nặng. Cõi trời và phương Bắc, các vật từ đó hóa ra mà có. Nếu có tâm keo lẫn thì trộm cắp không thành tội nặng.

2/ Cảnh duyên bị tổn, tức tưởng của người chủ: Chỉ khiến cho người tưởng mà không phân biệt là nam hay nữ. Cho nên trong văn luật nói: - Nam tưởng trộm vật của nữ. Phần dưới vọng cung kính cũng đồng như vậy.

3/ Thành cảnh tội: Tức năm tiền, hoặc đúng giá năm tiền.

4/ Cảnh duyên thành tội: Tức là tưởng năm tiền, trong luật tuy không nói, mà văn vẫn tương ứng đầy đủ.

5/ Nghiệp tâm phát, tức là tâm trộm.

6/ Nghiệp phương tiện: Theo luận Tát bà đa thì phát tâm dần dần phạm cát la, xúc vật thì phạm Thâu-lan-già nhẹ thành nặng.

7/ Nghiệp rốt ráo: Tức là ly xưa, ly xứ có nhiều loại.

Nhân đây cũng nên giải thích rộng về chủ vật. Chủ có hai loại: Chánh chủ và Thủ hộ chủ. Nếu chủ chia nhỏ thì có sáu loại: gồm chủ vật ba đường và chủ Tam bảo, là sáu. Phần lớn là nói theo các bộ. Vật của người thì phạm tội trọng, của phi nhân Thâu-lan-già, của súc sinh phạm cát-la. Trong vật Tam Bảo lại dùng tám môn để phân biệt.

1. Từ trộm cắp mà thành tội.
2. Dùng lẫn nhau
3. Chứa nuôi lẫn nhau.
4. Nhiếp vật có khác.
5. Thọ thí khác nhau.
6. Ai có khả năng coi sóc.
7. Xem qua phép tắc
8. Xuất xứ từ nghi Nhị Quỹ.

Tám môn này có trình bày ở sách khác, ở đây không giải thích.

6/ Câu thứ sáu: Nếu là Vua, Đại Thần thì tùy theo luật pháp nước đó mà trị phạt, quở trách nặng nhẹ.

Ba câu trước thì giải thích về chướng rất sâu. Câu thứ sáu này việc trị phạt quở trách thật nặng.

7/ kết tội

8/ Đuổi hẳn, như giới trước đã giải thích

***Thứ ba: Giới giết người, văn có bảy câu:***

1/ Cho người phạm

2/ Tâm phát nghiệp: tức tâm sát, nếu giết lầm, hoặc không có tâm phát nghiệp thì hoàn toàn vô tội.

3/ Tự tay giết, dùng các phương tiện rốt ráo, phát nghiệp.

4/ Mạng người bị tổn hại, chỉ là cõi người. Chính trong chỗ báo thắng mà xả thân đau khổ này thì chướng ngại càng sâu, các vị trời xả mạng không có đau đớn. Lại do ít nên không phạm tội nặng.

5/ Từ cầm đao trở xuống là môn sai biệt trong phát nguyện.

Trước nói về nghĩa tự giết mà không chết, nên phải nói riêng. Trong đây có hai:

1. Cầm dao đưa cho người – Ở đây có hai nghĩa:

- Một là biết người đó bị bệnh tự nhàm chán thân mạng. Dùng tâm ngu muội dạy người, cho đó là hành từ. Cầm dao bảo người tự sát, và chẳng phải người bệnh biết đến những nơi hiểm trở hầm hố v.v... Tất cả đều phạm.

- Hai là cầm đưa cho trao người, bảo đi giết người khác, cho uống thuốc đọa thai v.v... tất cả đều phạm.

2. Khen ngợi chết, khuyên nhủ chết, v.v... cho đến thà chết không muốn sống, v.v...

Khuyên người nhàm chán thân mạng này mà tự sát chết đi.

3. Có tâm như thế cho đến khuyến chết. Tóm lại, tâm sát khởi lên phương tiện khác. Phương tiện thì có nhiều không thể tính ra hết nên nói là các thứ.

Giới này về duyên riêng đầy đủ có năm:

1/ Chỗ tổn cảnh: Tức là mạng người ở câu thứ tư.

Luật ngũ phần nói: Hoặc người, hoặc dường như người; Dường như người là khi nhập thai bốn mươi chín ngày từ đó về sau đều gọi là người.

Luật tứ phần nói: - Con người từ sơ thức cho đến hậu thức, mà đoạn mạng người còn sơ thức tức là mới nhập vào thai thức, hậu thức

tức là thức lúc qua đời.

2/ Duyên sở tổn cảnh: Tức là tưởng người, chỉ nghĩ là người mà không phân biệt nam nữ, từ đây thành ra cảnh tội, tức là cảnh sở tổn. Duyên thành tội cảnh tức là tưởng người mà không tưởng cảnh khác.

3/ Tâm phát nghiệp: Tức là tâm sát của câu thứ hai.

4/ Nghiệp phương tiện

5/ Nghiệp rốt ráo: Tức câu thứ ba, thứ năm. Nghĩa là lúc mạng sống đã chấm dứt. Ở đây nói: Giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán phạm tội Ba-la-di. Giết phi nhân loài biến hóa thì phạm Thâu-lan-già, v.v...

6/ Phần kết tội

7/ Đuổi hẳn.

Đối với giới này, nói lược về cảnh tưởng, nêu rõ ràng trong văn luật cảnh tưởng có ba:

1. Cảnh tưởng sát giới, như trong luật văn nói: Người có tư tưởng giết người phạm Ba-la-di. Nghi là người phạm Thâu-lan-già. Nhân, phi nhân nghĩ giết phạm tội Thâu-lan-già. Nghĩ giết nhân, phi nhân phạm Thâu-lan-già. Nghi là phi nhân phạm Thâu-lan-già.

2. Nghĩ cảnh dâm tửu: Y theo năm câu trước. Nhưng câu hai nghi, câu ba tưởng (nghĩ), đều là kết rốt ráo. Nếu phòng ngừa chặt chẽ, không tùy theo tâm là nhẹ.

3. Nghĩ cảnh giới trộm: chỉ có bốn câu:

- Có chủ tưởng có chủ, năm tiền hơn năm tiền, phạm Ba-la-di.
- Nghi có chủ phạm Thâu-lan-già.
- Không chủ tưởng có chủ phạm Thâu làn già.
- Nghi vô chủ phạm Thâu-lan-già.

Theo giới sát ở trước thì giới thiếu câu ba. Vì sao? Giải thích rằng: Tất cả cảnh tưởng gồm có hai loại:

- Một là khinh trọng đều đối nhau, như giới sát ở câu thứ năm, ba câu trên đối với người là phạm tội nặng, cảnh tùy theo tâm khác nhau mà thành tội Ba-la-di, Thâu-lan-già. Hai câu dưới, nếu phi nhân thì phạm tội khinh, cảnh cũng tùy tâm mà khác nhau, thành ra tội Thâu-lan-già. Tức là y cứ theo cảnh tượng mà nặng nhẹ.

- Hai là phạm, không phạm đều đối nhau, như giới trộm có chủ tức là phạm, vô chủ thì không phạm, cả hai đều tương đối. Nếu y cứ về lý thì hai loại này có đủ cả năm câu. Nay y cứ vào lý khác nên có nhiều ít. Nghĩa là như giới sát không sợ phạm vô lậu thứ ba. Nếu là giới trộm thì có sự lạm trị vô phạm thứ ba.

Vả lại, như giới sát sợ phạm lậu hữu, vì tưởng nhân, phi nhân ở

câu thứ ba. Ý này có hai nghĩa:

- Một là phương tiện giết người. Vốn là tướng người, lúc gần giết mới chuyển thành phi nhân mà nghĩ giết. Chưa chuyển thành người thì phạm tội Thâu-lan-già. Khi giết người chỗ thâu đắc nhân phạm Thâu-lan-già trong giới tông. Cho nên trong văn kết tội Thâu-lan-già. Sau khi chuyển lại tưởng là phi nhân nên phạm tội Cát-la. Chẳng phải giết người cho nên ẩn đi không nói.

- Hai là muốn giết phi nhân, trong cảnh người mà tưởng là phi nhân. Đây tuy gọi là phi nhân mà tưởng người vẫn là phi nhân được người sai đến, chỉ có phi nhân ở trên phạm tội Đột-cát-la. Tội này chỉ giết phi nhân mà tông vọng giết người, hoàn toàn không có câu này.

Trong hai nghĩa, nếu từ nghĩa sau mà thiếu câu thứ ba tức là mất nghĩa trước về tội giết người. Cho nên từ nghĩa trước mà lập tội bất lậu ở câu thứ ba.

Tiếp theo là nói giới trộn: Sợ trị vô phạm, cho nên khuyết câu ba. Nghĩa là câu ba nói: Có chủ tưởng vô chủ, cũng có hai nghĩa: Một là nghĩ trộm vật có chủ. Nếu chưa chuyển chủ trước thì phạm Thâu-lan-già, tức là sau khi tưởng chuyển đạo tông thì hoàn toàn vô tội.

2 Là xưa nay có tâm muốn lấy vật vô chủ. Đây cũng gọi là có chủ nghĩ là vô chủ. Nghĩa này, chỉ cần không phạm vào tông thâu. Nay đối với hai nghĩa, nếu từ nghĩa trước mà lập câu ba thì sợ lạm trị không phạm ở nghĩa sau, cho nên không lập. Nếu y cứ vào lý cùng tận thì nên từ nghĩa trước mà lập câu ba. Như trong giới phòng xá, xử phân mà nghĩ không xử phân, đó là tận lý.

Cho nên thuyết tận lý hai loại các giới thì phải đầy đủ cả năm. Nhưng hai loại này như trong giới giết người hoặc chẳng phải người, sự nặng nhẹ đều tương đối. Cũng được hữu tình, vô tình, phạm hay không phạm đều tương đối.

Trong giới trộm dù có chủ, vô chủ cũng như nhân chủ, phi nhân chủ trong nặng nhẹ đều tương đối. Còn đối với xử phân, không xử phân chắc chắn cũng không chuyển thành nặng nhẹ. Tất cả các giới y theo đây nên biết rất là tận lý.

Thứ tư: Giới Đại vọng ngữ: Trong văn này có bốn câu:

Câu 1: Dung người phạm

Câu 2: Thật không biết gì. Trong ba tuệ, thuộc về tu tuệ. Bất luận là thế gian và xuất thế gian, hữu lậu vô lậu. Mỗi cõi đều có giá hạnh giải thoát vô gián và thắng tiến đạo: Bốn cảnh đạo thắng đều gọi là sở tri. Nay vô sở tri nói lên pháp phàm, pháp vô thắng.

Câu 3: Tự xưng là ta được pháp của bậc thượng nhân. Đối với cảnh tha nhân Vọng xưng là thắng pháp. Văn này có ba tiết.

1/ Nêu chung chỗ chứng thắng pháp, nên gọi là pháp của bậc Thượng nhân.

2/ Khai riêng như trong văn, ta đã nhập vào Thánh trí, đó là pháp xuất thế vô lậu. Thắng pháp thuộc về pháp tu tuệ hữu lậu của thế gian.

3/ Hiển chứng như trong văn: ta biết như vậy, gia hạnh Vô gián đều gọi là Trí, ta thấy là giải thoát thắng tiến đều gọi là Kiến.

4/ Kia đối với thời khác v.v... trở xuống là tự trình bày ra, mong muốn tự mình trình bày. Trong thời khác mà vọng tự thú ở đây.

Hỏi: Giới khác vì sao không nêu ra việc tự đầu thú?

Đáp: Phàm hiện tiền có thể chứng nghiệm, phần nhiều đều dùng lời vặn hỏi. Hoặc sợ người hỏi mà liền tự thú. Hoặc do người hỏi mới tự thú. Không như giới dâm, đạo và sát có thể che giấu, không ai hỏi thì không nói ra. Cũng nên biết việc hủy báng sự thanh tịnh của Tỳ-kheo Đạp-Bà để chứng nghiệm. Từ Địa vì vọng hủy báng nhiều người, sợ vặn hỏi nên tự nói ra. Ni chúng che giấu tội thô, sau sự việc lộ ra, điều này có thể chứng nghiệm. Đại tăng che thô tội, nên không tự thú.

5/ Trừ người tăng thượng mạn: Với người thiếu đức, do nương cậy người mà nêu danh thì gọi là Tăng thượng mạn. Như trong Thập Tụng nói: Tỳ-kheo ở trên núi tu nhiều tưởng niệm, tự cho là đã chứng được quả. Sau xuống núi mới biết là mình chưa chứng đạo. Nếu người vô đức vọng nói là có đức thì đó chính là tà mạn. Người xưa gọi là Vô lậu chân đạo, vượt qua tướng Hữu thì gọi là Tăng thượng. Chưa đắc cho là đắc thì đó là Tăng thượng mạn, là phi pháp. Giới này do bảy duyên mà thành phạm, giới này cũng không dựa vào cảnh mà tổn hại, chỉ làm cho thành tội vọng ngữ. Nếu vì lợi ích của người trước thì thành phạm tội. Cho nên thành tội cảnh, ở đây chia ra làm hai:

1/ Chứng minh cảnh chủ yếu là cõi người. Cho nên ở đây nói sự kính dưỡng ruộng phước ở trong cõi người là tối trọng. Cõi trời phần nhiều không tin người cho nên lừa dối người là nặng.

2/ Vọng xưng pháp cảnh: Nghĩa là vọng xưng thắng pháp

Thứ hai duyên vào tâm cảnh cũng chia ra thành hai:

1- Duyên vào cảnh chứng minh, nghĩa là người không phân biệt nam nữ.

2- Duyên vọng xưng pháp, biết rõ là vọng, hoặc tăng thượng mạn, tuy vọng xưng pháp mà không biết đó là vọng. Nếu thật đắc đạo thì

không vọng xưng pháp cũng biết đó là vọng.

Trên đây nếu chia nhỏ ra thì có bốn duyên.

5/ Tâm phát nghiệp: là người loạn cuồng, tự nói mình đắc đạo

6/ Nghiệp phương tiện: Lời nói rõ ràng, hiện ra tướng cũng rõ ràng.

7/ Nghiệp rốt ráo: Người trước hỏi thì nói rộng lời vọng ngữ, điều này tự có năm loại: 1/ Ba-la-di. 2/ Tăng tàn. 3/ Thâu-lan-già: Tức lừa dối phi nhân, loài súc sinh biến hóa đều là phương tiện Ba-la-di, Tăng Tàn. 4/ Đề-xá-Ni: tức tiểu vọng tiểu báng. 5/ Đột-cát-la là phương tiện tiểu vọng báng. Vì sao đại tiểu thì gọi là vọng ngữ mà cái khác thì gọi là báng giới? Đáp: Vì làm tổn cảnh vu báng người nên gọi là báng. Có cả tổn ích đó là vọng. 6/ Kết tội. 7/ Diệt tẫn, đuổi đi.

Phần kết thứ ba đã xong. Nay xin thưa các Đại Đức, tôi đã nói bốn pháp Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo phạm một pháp nào v.v... phần dưới giải thích sơ lược pháp diệt tẫn.

- Không được cùng các Tỳ-kheo ở chung. Như trước nói xưa cùng đồng hai nghĩa tài pháp, nay thì đã mất. Sau cũng như thế: Không còn đồng hai nghĩa Tài và pháp.

Phàm khi thành quả tội thì lý từ nhân. Nhân nghĩa là không đồng, lược chia thành hai loại:

1/ Bàng tư trợ duyên: người xưa gọi là phương tiện xa. Như uống rượu là phi thời thực. Tâm phạm thì phạm có nặng nhẹ. Tự xưng là được quả Thánh phạm tội trộm. Che giấu tội khinh gọi là phạm phú tàng Cát-la. Trình bày ra đây chẳng phải chánh nhân của kia, chỉ là duyên sinh của việc tội phạm khác.

2/ Tứ chánh nhân mà sinh ra, ở đây lại có hai:

1. Gia hạnh dần dần tăng. Người xưa gọi là: Tiến thú phương tiện, là chứa tiểu thành đại. Như mới phát tâm đã thành tội nhỏ. Dần tăng không dứt, khinh trọng đều phạm Thâu-lan-giá, cho đến thành quả, mượn thành tên quả, mà thật là cảm quả trong sát-na, khác với lúc cảm tâm sám hối. Cuối cùng nếu có sám hối thì tội mới diệt, phải biết rõ lý này. Nếu theo luật Ngũ phần thì kết quả tên tội là không nắm rõ được tên người, cho nên phải biết sám về nhân. Đây là sự khác nhau về tông mà ý thú vẫn đồng.

Lại y cứ theo Thập tụng thì hễ phạm các giới đều xoay vần bao trùm, nghĩa là trước khi thọ Sa-di có những việc chưa thành, chia bao lâu thì thọ giới. Thọ giới xong rồi thì sự việc trước mới thành. Xoay vần dung chứa thì phạm ba tội Ba-la-di. Giới dâm thì không cho dung chứa

lập phương tiện trước.

2. Duyên thiếu trở ngại: Ở đây do thiếu duyên nên không thành tựu quả. Duyên tuy vô lượng nhưng bao gồm trong ba thông và ba biệt.

Ba duyên chung là như trong luận có nói, ba duyên riêng là cảnh tượng ở trong luật. Cảnh tâm tức là các văn kết tội. Nói về nghiệp thì chia nhỏ ra có bảy.

Lại nói sự thiếu duyên của giới sát, nói lược thì có bảy phương tiện.

1/ Thiếu y phương tiện. Người xưa gọi là thiếu duyên phương tiện, vì lạm nêu tên chung nên gọi là thiếu y. Nghĩa là Phật chế giới cho Đại Tỳ-kheo, nay tâm khởi phạm, sau đó mới xả giới thì khiến cho quả tội không nương vào đó mà kết.

2/ Chưa chế rộng ra: Các bịnh si cuồng đều chẳng phải là chỗ nương của quả tội. Đây là thiếu về duyên chung mà lập ra nghĩa này. Sáu loại sau đều thiếu về duyên riêng.

Thứ hai Cảnh mạnh muốn giết người trước, cảnh người trước mạnh nên không thể hại.

3/ Mất các phương tiện như dùng dao v.v... Người xưa gọi đó là duyên sai, cũng lạm về tên chung cho nên đổi lại.

4/ Cảnh khác nhau, tức là trong cảnh tưởng là hai câu sau. Cảnh tưởng tuy có ba thứ khác nhau mà đều là cảnh sai ở hai câu dưới. Vả lại, muốn làm người mà lại thích sát sinh thì sẽ đọa vào cõi phi nhân, tạm nghĩ đó là người hoặc nghi là người. Cảnh bản nhân lý thật là đã thiếu cho nên không có quả tội. Chỉ khi được di cảnh khác nhau trước kia, vốn là nhân tội phương tiện ở trên cảnh, nên gọi là cảnh khác nhau. Đến chỗ khác nhau của cảnh khác tuy có cả loài người, súc sinh và phi tình nhưng đều chẳng phải là chỗ mong mỏi của người, nên gọi là phi nhân.

5/ Chuyển tưởng.

6/ Chuyển nghi: tức câu hai, câu ba của cảnh tưởng. Đây là lúc tưởng chuyển vào chánh cảnh.

7/ Dừng tâm: Nghĩa là mau dừng tâm mà không đưa đến quả. Bảy phương tiện này đều thiếu quả, nên gọi chung là thiếu duyên. Trong nghiệp phương tiện có xa có gần, lại hoàn toàn vô tội như là xả giới. Trước xả sau giết thì hoàn toàn không phạm giới. Hoặc khởi tâm giết sau đó mới xả thì phạm Cát-la. Dùng phương tiện nhẹ từ xa thì phạm Thâu-lan-già. Phương tiện nặng gần cũng phạm Thâu-lan-già. Cảnh mạnh thất kế mà tâm dừng v.v... đều y cứ theo đây. Cho nên trong văn

luật nói: thành thì phạm Ba-la-di, không thành phạm Thâu-lan-già. Nghĩa bao gồm khác nhau. Lúc sám hối phải biết nặng nhẹ, không đồng với người xưa nhưng số danh mục thì không khác nhau. Phần này trình bày về nghĩa phương tiện đã xong. Người xưa thì giải thích về nghĩa trì phạm. Ở đây thấy rõ trì phạm đó là tùy theo văn, không phân biệt ghi lại. Nếu nói về trì. Tức là y cứ vào luật nghi, chánh niệm chánh tri, giữ gìn sáu căn, không để buông lung phá giới, sinh ra phiền não, đó gọi là Trì. Trì có hai: Đối với việc ác thì ngăn dứt. Đối với việc lành thì sách tấn tu niệm. Người xưa gọi là chỉ trì, tác trì. Cũng có khi một giới gồm đủ cả chỉ và tác (chỉ: dứt, tác: làm). Hoặc có giới chỉ có chỉ, hoặc chỉ có tác. Suy ra điều này có thể liễu ngộ. Nhưng điều ác có hai: Một là sự, hai là pháp. Sự là giới dâm,... pháp là vọng,... Hai loại này đều chỉ cần dứt. Thiện cũng có hai: Một là sự, hai là pháp. Sự thì nên làm, như thuận theo giáo nên xây cất phòng xá,... thích hợp về lượng. Pháp thì nên học, như tụng giới, v.v... Hai loại này đều nên tiến học. Dứt tâm không học thì đó là biếng nhác. Lại không có sự hiểu biết tức là không có chánh tri, hoặc là vô minh.

Các phiền não này làm thay đổi thân, ngữ mà thành ra hai tội: Bất học và vô tri. Luật cũng tạo thành văn chế: Đủ năm tuổi hạ thì tụng giới Yết-ma. Lại nói: Nếu không biết, không thấy năm phạm tụ, ta nói người nầy là ngu si, phạm tội Ba-la-di,... cho đến ác thuyết. Lời đơn giản mà nghĩa dồi dào, lý càng đầy đủ. Không giống như người xưa, sự thì rộng mà từ thì rườm rà. Về văn xem xét cũng giống như trước. Thiên thứ hai giải thích văn, chia ra làm ba:

- Một là nói về chỗ y giáo.
- Hai là nêu tướng tội danh.
- Ba là kết luận, xem xét.

Đối với giới luật lậu thất thì cảnh phạm. Có sáu loại: 1) Nội sắc: Nghĩa là có tình sắc. 2) Ngoại sắc là phi tình. 3) Nội ngoại sắc: Hai sắc hợp nhau. 4) Thủy: là dòng nước nghịch thuận mà động thân. 5) Gió. 6) Không: y cứ vào nước có thể hiểu.

Trừ trong mộng không phạm tội tăng tàn. Ngủ loạn ý trong luật nói có năm lỗi:

- Một là ác mộng.
- Hai là các vị trời không che chở
- Ba là tâm không nhập pháp.
- Bốn là không suy nghĩ tướng sáng.
- Năm là trong mộng thất tịnh.

Trong luật Ngũ phần nói: Ngũ loạn ý thì phạm Đột-cát-la.

Luận Thiện Kiến nói: Nếu Tỳ-kheo tâm tưởng mà mắt ngủ, trước làm phương tiện. Chân giao tay nắm quán tưởng mà ngủ. Trong mộng mà xuất tinh thì phạm tội tăng tàn. Khai văn giới là khai trước mà không có phương tiện.

***Thứ hai là giới xuất chạm*** y cứ theo luật:

- Cả hai đều không mặc y phục mà xúc chạm thì phạm tăng tàn. Nếu một người có y phục thì phạm Thâu-lan-già, đều có y phục phạm Đột-cát-la. Tóc móng vẫn mà thân phần cho nên phạm tăng tàn. Theo luật Thiện kiến mà tóc lông cùng đụng chạm thì phạm Thâu-lan-già. Ở đây đều là không thức, nếu đều thức thì phạm Tăng tàn như trong văn giới có nói.

Luật Tăng-kỳ Quyển năm nói: Người nữ là mẹ, chị, em, bà con hoặc chẳng phải bà con. Hoặc lớn hoặc nhỏ, tại gia xuất gia đều phạm. Người nữ chết chưa bị hoại nhiều, xúc chạm thì phạm Tăng tàn.

***Thứ ba là giới nói lời thô tục***: Dùng tâm nhiễm ô đối với người nữ, nhân nói lời dâm dục để kích thích thì phạm tăng tàn. Nếu tịnh tâm nói pháp, quở trách lỗi của dục thì không phạm. Người nữ có trí mạnh chưa hoại thì không đồng như giới trước.

Trong luật Ngũ phần: Người nữ hướng về Tỳ-kheo dùng lời thô tục tâm nhiễm cũng phạm.

***Thứ tư: Giới khen ngợi thân để đòi hỏi cúng dường:*** Dựa vào Phật pháp để làm phương tiện dụ tụng, không nghĩ là phạm tội nặng nên chỉ phạm tăng tàn.

***Thứ năm: Giới làm mai:*** Sinh tử hòa hợp sâu xa làm mất chánh niệm. Sai người đưa thư cũng phạm, hễ nhận thư phải xem qua rồi trả lại, nếu không xem thì phạm Cát-la.

***Thứ sáu: Giới xây dựng phòng xá quá lượng không xin xử phân.*** Giới này là hai tăng tàn, nhị Cát-la, bốn tội hợp lại.

Các tên gọi trình bày ra đây chỉ nói rõ tên Tăng Tàn. Vì thiên này là tăng tàn nên ẩn tội Cát-la. Văn này có ba phần:

- Một là dung người phạm.
- Hai là nói về thuận nghịch.
- Ba là kết tội.

Trong tiết hai ở trước nói về thuận, sau nói về nghịch. Nói thuận là thuận theo giáo mà tác pháp.

1- Một là tự cầu: Theo thí chủ mà xin.

2- Hai là làm nhà.

3- Ba là không có chủ để phân biệt.

Nghĩa là tuy tự xin, hoặc hãy xin từ thí chủ. Nay trong ý này nói là không có chủ. Cho nên trong luật nói: Không có chủ là ở đó không có người, hoặc một, hoặc hai, hay nhiều người.

4- Tự lấy cho mình là phân biệt với vì người thì không phạm Tăng tàn...

5- Phải ứng lượng mà làm. Theo luật Ngũ Phần thì một khuỷutay của Phật dài hai thước.

6- Chỉ nơi chốn cho Tỳ-kheo: là dạy xin theo pháp. Nghĩa là chủ phòng kia, trước sửa sang phòng này không có chướng ngại, ở trước tăng cầu xin ba lần. Tăng liền sai đi: Chủ phòng sẽ đến xem chỗ đó để biết là không có chướng hại.

Phương là chướng ngại việc tăng, cho đến không chứa được cỏ cây, xe cộ qua lại. Nạn là nơi có nhiều cọp beo, sư tử, cho đến trùng kiến.

7- Tỳ-kheo kia nên chỉ chỗ không có các nạn, không có trở ngại. Chúng tăng liền cho bạch nhị Yết-ma phân xử và cho pháp làm. Nếu Tỳ-kheo, chỗ có nạn, cho đến nếu làm quá lượng là trái lời Phật dạy. Các chùa trên núi phần nhiều phạm giới này, làm phòng xá rộng rãi La-hán còn thối duyên, huống chi hàng phàm phu làm sao không cẩn thận. Muốn cho thân an đạo lớn nên Phật khai cho làm đúng lượng. Nhiều người vẫn ung dung làm trở ngại đến việc tăng, trụ xứ chẳng hưng thịnh thành ra tự làm tổn hại mình. Chư Tăng vì lòng thương xót, nên chế ra cho làm như pháp.

***- Thứ bảy: là giới: làm phòng xá có chủ không phân xử.*** Giới này một thì phạm Tăng tàn, hai phạm Cát-la. Tên gọi thì chỉ nói Tăng Tàn. Văn này cũng có ba phần. Trong tiết thứ hai, nói về thuận nghịch có năm câu:

1- Muốn làm phòng lớn, ở đây có thí chủ. Tuy làm lớn mà không bỏ phế đạo nghiệp.

2- Có chủ.

3- Vì mình mà làm.

4- Cách dạy xin.

5- Pháp cho đúng.

Kế là nói việc làm trái lời dạy.

Hỏi: Trước nói phòng đã làm rồi thì phạm hai tội Tăng Tàn hợp chế, vì sao không thu chung Tàn này thành ba.

Đáp: Theo văn từ thì dễ, nghĩa lại làm nhân lẫn nhau. Cho nên

phòng trước phạm hai tăng tàng hợp chế quá lượng, vô lượng nghĩa đã cùng trái với văn từ tác pháp lại không tiện dễ cho nên chế riêng.

***Thứ tám: Giới: dùng tội không có căn cứ để hủy báng Tỳ-kheo.*** Văn này có tám câu:

1- Dụng chạm người.

2- Tức giận che giấu, cho nên đối với người không có lỗi lại vọng khởi tức giận.

3- Cảnh hủy báng Tỳ-kheo không phạm tội Ba-la-di: Văn này chỉ nói lược, nhưng thấy rõ là không phạm tội Ba-la-di. Nếu y cứ vào luật, dù cho thật có phạm, chỉ vọng hủy báng người là không có ba căn, cũng gọi là phi Ba-la-di.

Cho nên văn luật chép: - Nếu người không thanh tịnh, không thấy, không nghe, không nghi kia phạm Ba-la-di. Liền nói: Tôi thấy nghe nghi, người kia phạm Ba-la-di. Dùng pháp vô căn cứ hủy báng thì phạm tội Tăng-già-Bà-thi-sa.

Nói rộng thì có sáu câu như trong luật. Nếu người trước, chẳng phải là mười ba nạn sự, hủy báng nói rằng: Người đó cũng phạm Tăng tàn. Hủy báng cũng đều phạm Tăng Tàng như luật đã nói.

4- Không có căn cứ, cử tội sở y: lược có ba căn là: thấy, nghe, nghi. Ở đây không có căn cứ nên gọi là Vô căn. Nếu đích thân thấy người phạm các tội dâm, đạo, v.v... đó gọi là thấy căn. Nếu người khác hướng về ta nói cũng là kiến căn. Nếu đích thân nghe người phạm các tội dâm, đạo, v.v... và nghe người khác đều gọi là Văn căn. Nghi căn có hai:

- Một là đích thân thấy các dấu vết mà sinh tâm nghi. Nghĩa là chính mình thấy Tỳ-kheo và người nữ cùng vào rừng, ra rừng mà sinh tâm nghi ngờ cho họ là phạm dâm. Các giới phạm khác cũng thế.

- Hai là đích thân nghe âm thanh mà sinh tâm nghi: Nghĩa là nghe cùng người nữ cử động trên giường phát ra âm thanh mà sinh tâm nghi, các giới khác cũng như thế.

Hai loại này hợp lại gọi là nghi căn, người khác có nghi hướng về ta nói cũng là nghi căn. Ba căn này là bằng cứ nêu tội. Trừ ba căn này, như trong tâm chợt khởi lên một cách ngang trái về thấy, nghe, nghi và ba ba nghi ngang trái xứng tâm mà nói. Tuy không bị tội hủy báng mà không nêu tội. Vì người không có lỗi, không có bạn làm chứng.

5- Dùng pháp Ba-la-di hủy báng người. Nếu chỉ khinh báng thì không phạm giới này.

6- Muốn hoại hạnh thanh tịnh của người: nói về Tâm phát ng-

hiệp.

7- Nếu ở lúc khác trở xuống đến tự nói cúi đầu. Sự thanh tịnh của Đạp Bà có thể nghiệm chứng. Hoặc hỏi vặn thì chịu, không vặn hỏi thì tự thú.

Tự nói rằng: Tôi biết việc này thật không có căn cứ. Chỉ vì tức giận nên nói như vậy.

8- Nếu Tỳ-kheo v.v... trở xuống là kết tội như trong văn.

***Thứ chín là: Mượn tội trọng căn hủy báng Tỳ-kheo:*** văn này có chín câu:

- Một là dung người phạm
- Hai là vì tức giận
- Ba là dựa vào một chút trong việc khác.

Trong luật Thiện Kiến quyển mười ba có nói: Phần khác là có Tỳ-kheo nói Đạp-Bà là Người dê là phi nhân, đó gọi là phần khác. Nói Từ Ni là dê mẹ cũng là phần khác. Vì lấy sự việc tương tự mà nói, cho nên trong luật bản nói dựa vào chút ít.

Như trong luật nói: Tỳ-kheo Từ Địa, từ núi Kỳ-xá-quật đi xuống thấy hai mẹ con dê đang hành dâm, liền nói: dê con là Đạp-Bà-ma-la, dê mẹ là Từ Tỳ-kheo-ni.

Sau đó bèn nói với chúng tăng: Chính mắt tôi thấy Đạp-Bà-ma-la hành dâm với Tỳ-kheo-ni.

Tỳ-kheo Từ Địa nói Đạp-Bà là dê con, khi nói với tăng là không căn cứ, chỉ mong chúng tăng tin và trị phạt Đạp-Bà nên gọi là mượn căn cớ. Mượn căn cứ của dê để nói tội Đạp-bà thành ra tội hủy báng. Trong giới văn có nói lược: Nếu y theo luật thì ở thiên dưới mượn tội của người khác, hay người tại gia đều gọi là mượn căn cứ. Nếu thật có thấy phạm mà nói nghe, vọng nghe là không tức là không, có căn cứ, chẳng phải là mượn căn cứ.

- Bốn là chẳng phải Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, thật chẳng phải mười ba việc nạn, cũng giới hạn nơi đó.
- Năm là vì không có y cứ, loài dê tuy có căn cứ, mà Đạp-bà thì không.
- Sáu là hủy báng pháp Ba-la-di.
- Bảy là tâm phát nghiệp.
- Tám là tự thú nhận.
- Chín là kết tội.

***Thứ mười là: Phá tăng, trái lời can ngăn.***

Trái lời can ngăn có hai:

1- Trái với lời tăng can ngăn, như lời can ngăn thứ tư ở văn này và phần thuyết dục ở đây, điều can ngăn thứ ba không trái chướng tăng.

2- Trái lời can ngăn, như trong điều chín mươi, không nghe lời can ngăn phạm Ba-la-di.

Hỏi: Cùng trái lời can ngăn tăng, vì sao lại có Tăng Tàn, Xá-Đề khác nhau?

Đáp: Tội Cát-la nặng nhẹ tự có nhiều nghĩa. Lại như phá tăng làm não loạn là tội trọng, hoặc lập mưu nói v.v... chủ can ngăn chủ dừng cũng dừng theo. Chứ không dừng rồi như lửa cháy thêm củi vào thì lỗi càng nặng, nên cần phải can ngăn.

Ở trong xóm làng hủy báng làm dơ phòng nhà, chứa nhóm lỗi lâu ngày làm mất tịnh tâm. Người bị diệt tẩn nên sám hối quy phục, trở lại hủy báng tăng, tội cũng không nhẹ, nên phải can ngăn. Người có tánh xấu, chống đối tăng, hủy nhục chúng, cũng khó mà dung nên phải can ngăn. Trái lại đều phạm Cát-la như luận về Lợi-Sất nói. Không chướng ngại theo tập tục cũ là đúng.

Tăng tuy có lời can ngăn mà tình kiến chưa bỏ, nếu kết tội nặng thì chẳng phải phần hạn, chỉ phạm Đề-Xá-ni. Người bản xưa nói: Nếu chứa nhóm ô gia, trái lời can ngăn thì phạm tội nặng. Sự can ngăn này có nêu đủ trong bảy tụ. Vì sao không đối với việc này để kết tội trái lời can ngăn khác nhau. Nay giải thích làm nhơ nhà người ở trong xóm làng thời gian lâu dài chứa nhóm gây tội đã nhiều. Trong văn giới bản có ba:

1- Dung người phạm.

2- Nói về pháp can ngăn.

3- Kết tội về trái lời can ngăn.

Nói phần hai về pháp can ngăn: Có hai đối với bốn câu.

Thứ nhất là nêu có lỗi, trước nên can ngăn lẫn nhau.

Thứ hai nếu trái lời can ngăn, lý nên can ngăn chúng tăng, tất cả giới can ngăn lý cũng đồng như ở đây.

Chính lúc nêu lỗi có bốn nghĩa:

1- Muốn phá hòa hiệp tăng nên lúc đầu là tâm phát nghiệp. Phương tiện thọ sự phá hòa hợp tăng tự có hai loại.

2- Phương tiện phá hoại tăng như Điều-đạt, tự làm tà Phật, sai khiến bốn bạn ác để làm tà tăng, lập kế phá tăng nên gọi là Phương tiện.

3- Thọ pháp phá hòa hợp tăng. Nghĩa là làm năm loại tà pháp là tà pháp bảo. Nói năm tà pháp: Một là trọn đời khất thực, hai là đắp y phẩn tảo, ba là ngồi chỗ đất trống, bốn là không ăn sữa, muối, năm là

không ăn cá thịt.

Nghĩa thứ tư là giữ chắc không bỏ, đối với tà pháp cố chấp thọ trì, cạnh tranh với Phật, phá hoại chánh pháp. Đối với pháp can ngăn, y theo trong luật chung cả bảy chúng về ngoại đạo. Ở đây nói về việc can ngăn Tỳ-kheo, văn này có hai phần:

- Một là khuyên dừng bốn lỗi, như văn luật có ghi.

- Hai là Đại đức nên dùng tăng hòa hợp v.v... Cho đến dứt chấp tình kia.

Nói rằng: Nên hòa hợp với tăng, đoạt khởi tâm phát nghiệp ban đầu.

Hòa hợp vui mừng với tăng, đó là đoạt thiết kế. Không đua tranh đó là đoạt lập năm pháp tà.

Từ: Đồng học một thầy trở xuống cho đến khuyến hóa được thú hướng về đạo. Tăng càng được chứng đạo an vui.

Kế là nói phần hai:

- Nếu trái lời can ngăn, lý nên cùng tăng can ngăn, các Tỳ-kheo can ngăn như thế mà nhất quyết không bỏ là trái với lời can ngăn.

- Tỳ-kheo nên ba lần can ngăn v.v... Trong đây có hai ý: Một là tăng can ngăn thì bỏ, hai là khen sự dứt bỏ là tốt. Nghĩa là khuyên sự chống trái trở thành thuận theo tà tốt.

Ba lần can ngăn: Một lần tác bạch, ba lần Yết-ma can ngăn. Sát-na thứ ba thì bị tăng tàn. Trước lần thứ ba còn có thể xả bỏ, cho nên nói: là tốt. Người xưa lấy một lần tác bạch, hai lần Yết-ma, ba lần can ngăn là sai.

Lần thứ ba không xả thì: Phạm Tăng-già-Bà-thi-sa, chính là kết tội trái với lời can ngăn.

Các sư ngày trước phần nhiều y theo các sự luận biện về phá pháp luân. Sau khi Phật diệt độ, nhất đinh không có sự lý này cho nên chẳng thể phạm. Nay nói rõ ý luật nên hơi khác với luận. Nghĩa là trong luật không về nghiệp Vô gián, nên chỉ nêu một mình Điều-đạt mà thành ra nghiệp này.

Nay ý trong văn luật nói sau khi Phật diệt độ, biết lập ra tà pháp hóa độ người. Tuy chẳng phải là chính là nghiệp Vô gián mà cũng làm não loạn tăng chúng, nên tăng chúng phải khuyên can, khuyên can mà không bỏ thì phạm tăng tàn.

Cho nên trong văn luật nói có hai việc phá tăng: Một là làm Yết-ma, hai là lấy xá-la. Theo luật thì nói chung, cho nên nói làm Yết-ma. Giới này về nghĩa thì nhiều, mà sự hành thì đơn giản nên nói lược như

vậy.

***Thứ 11: Phá tăng giúp bạn, trái lời can ngăn, cũng có ba:***

1- Dung người phạm.

2- Nói về pháp can ngăn.

3- Kết tội trái lời can ngăn.

Nếu phần thứ hai là pháp can ngăn đối với bốn câu:

1. Nếu có lỗi trước phải can ngăn

2. Nếu trái lời can ngăn, lý nên theo tăng can ngăn

Chính trong sự nêu lỗi có hai câu:

1. Hoặc một hai cho đến vô số bạn bè gây ra tội, bạn có hai:

- Bạn đảng tức bàn tính với nhau, từ bốn người trở lên là tà tăng.

- Trợ bạn đảng: Tức sau đó giúp làm việc ác, từ một hai cho đến vô số, không hạn cuộc bao nhiêu.

Hai thứ bạn này đều giúp làm ác nên phải can ngăn.

2. Tỳ-kheo kia nói với Tỳ-kheo can ngăn là: Đại đức chớ can ngăn Tỳ-kheo ấy v.v... trở xuống là phát ngôn giúp đỡ nhau.

Như trong luật: Các Tỳ-kheo lúc can ngăn Điều-đạt. Các Tỳ-kheo bạn đảng nói các Tỳ-kheo như thế: - Các ông chớ can ngăn Đề-Bà-Đạt-Đa. Đề-Bà-Đạt-Đa là Tỳ-kheo nói pháp, nói luật, những lời Điều-đạt nói chúng tôi đều thích nghe, chúng đều ưng thuận.

Tiếp theo là nói can ngăn lẫn nhau. Văn cũng có hai ý:

1- Can ngăn đừng giúp đỡ.

2- Tỳ-kheo nói phi pháp v.v... cho đến dứt chấp tình kia.

***Thứ 12: Lúc bị diệt tẫn, tăng can ngăn, Văn cũng có ba:***

1- Dung người phạm.

2- Nói về pháp can ngăn.

3- Kết tội trái lời can ngăn.

Phần hai là nói về pháp can ngăn: Hai đối với bốn câu như ở trước. Lúc nêu lỗi trong văn, có hai:

1. Do làm nhơ nhà người mà bị tăng khu tẫn.

2. Lúc bị diệt tẫn, hủy báng tăng vô lý. Hủy báng tăng nên mới can ngăn. Trước khi diệt tẫn văn lại có hai:

- Một là ở chỗ thành ấp xóm làng làm nhơ nhà người. Nói làm nhơ nhà người theo luật có bốn:

+ Ở nhà người làm nhơ bẩn, làm mất tín tâm người. Như được người bố thí thì đem tặng cho nhà vương giả, làm người kia thất tín không vui. Vương giả được vật nên nghĩ sẽ báo ân làm mất bình đẳng tín, v.v...

+ Vì lợi dưỡng làm nhơ nhà người: Như pháp được lợi dưỡng cho Cư sĩ này mà không cho Cư sĩ khác.

+ Y vào bạn thân làm nhơ nhà người: Nghĩa là y vào vua quan làm cho người này mà không làm cho người khác. Vì làm cho người trước mất tâm bình đẳng nên gọi là làm nhơ nhà người.

+ Nương vào tăng-già-lam làm nhơ nhà người: Nghĩa là lấy hoa quả của tăng cho người này mà không cho người khác. Nói hạnh ác là tự trồng hoa và bảo người trồng. Hoặc cho người nữ ngủ chung một giường, ăn chung bình bát v.v... cho đến làm các việc phi oai nghi. Trên cho đến phạm Tăng Tàng ... dưới đến phạm Cát-la. Làm hai việc hạnh ác nhơ bẩn nhà người khiến cho đạo tục ai cũng thấy, cũng nghe.

- Hai là các Tỳ-kheo nên nói với Tỳ-kheo kia v.v... trở xuống cho đến không nên ở đây. Y theo văn luật mà bạch bốn lần Yết-ma đuổi đi xa khỏi làng xóm này.

Thứ hai: Hủy báng tăng phi lý, ý văn nói:

- Tỳ-kheo bị diệt tẫn kia nói với các Tỳ-kheo rằng: Đại đức có tâm thương, giận, sợ, si. Vì sao có người đồng tội như tôi lại không bị đuổi mà chỉ đuổi tôi. Theo luật Tăng-kỳ: Đương thời có sáu người làm nhơ nhà người. Nghe tăng sắp diệt tẫn. Lại có ba người nghe theo Đạt-Đa-ma-Ế Sa-Đạt-Đa đi đến xóm làng, lại có Ca-lưu-Đà-Di, Xiển-Đà đang ngược đường sám hối. Bốn người này đi không thể trị sám nên lại không có tội, chỉ có A-thấp-bà Phú-Na-Bà-Sa thì không chịu đi và không sám nên bị tăng diệt tẫn. Người này liền hủy báng tăng: -Thương thì cho sám, ghét thì đuổi đi, cho nên tôi không đi, v.v...

Kế là nói về can ngăn lẫn nhau. Trong luận Tát-Bà-Đa quyển bốn nói: - Hễ Tỳ-kheo có mong cầu điều gì, nếu vì Tam bảo, hoặc tự làm các tín vật đem cho vua chúa, Đại thần, Trưởng giả, cư Sĩ, tại gia, xuất gia đều gọi là làm nhơ nhà người.

Năm chúng đều không cho kêu khóc, cho đến cha mẹ mất, tất cả đều không cho kêu khóc.

Bốn chúng khác thì phạm Cát-la, ni phạm Ba-Dật-Đề. Luận này nói rộng đầy đủ các việc khai giá.

***Giới thứ 13: Giới: Tự dùng, lại trái lời can ngăn:***

Bản xưa gọi là tánh ác, trái lời chúng tăng can ngăn. Văn này cũng có ba:

- Một là dung người phạm
- Hai là pháp can ngăn.
- Ba là kết tội trái lời can ngăn.

Phần hai nói về pháp can ngăn, có hai cặp bốn câu. Trong phần khởi lỗi có hai cú nghĩa:

1/ Có tánh xấu không chịu nghe lời người can ngăn. Lỗi tự dụng chống lại lời can ngăn. Trong tục thư nói: Khéo hỏi thì rộng, tự dụng thì nhỏ.

2/ Đối với giới pháp trở xuống cho đến tự dụng không nghe lời can ngăn, nghĩa là lúc phạm giới, người khác khuyên dừng, hư thọ của tín. Thí đề cao bản thân, tín tánh tự dụng, lại nói với người rằng: - Đại đức chớ nói với tôi lời tốt, lời xấu gì. Nói lời ý ngu này, hạnh nghiệp quả báo tôi tự biết, khi chịu báo không liên quan gì đến Đại Đức, tôi cũng không nói với Đại Đức việc tốt, việc xấu gì v.v... Nghiệp quả tự ông và nói như trước, cho đến tổng kết nói: - Hãy đừng can ngăn tôi.

Xưa nay, truyền có bốn loại người cần can ngăn:

1- Tuổi cao đức dày.

2- Ở lâu trong chúng.

3- Người học rộng giới nghi. Cho là trí năng hơn người.

4- Cùng ở chung với bậc thắng nhân. Tiếp theo nói can ngăn lẫn nhau. Trước là can ngăn tự dụng, không nghe lời khuyên. Văn nầy cũng có hai phần:

- Một là khuyên dừng việc tự dụng, trong văn nói Tỳ-kheo kia can ngăn Tỳ-kheo này rằng: - Đại Đức nên nghe lời khuyên can này.

- Hai là dứt sự tình chấp kia.

Văn nói: - Đại đức nên tự mình nghe theo lời can ngăn, được lợi ích,... chưa sinh điều lành làm cho sinh, chưa sinh điều ác thì ngăn đừng cho phát sinh, điều lành đã sinh làm cho thêm nhiều, điều ác đã sinh thì phải mau dứt trừ.

Phần ba kết xong thì xem xét.

- Thưa các Đại đức: Tôi đã nói mười ba pháp Tăng-già-Bà-thi-Sa.

- Tăng-già-bà-thi-sa trong luận Du-già dịch là: Chúng dư, xưa dịch là Tăng tàn. Tàn nghĩa là dư. Khi phạm giới này ở trong chín Yết-ma không được tính đủ số, mong Yết-ma khác còn có dư tàn mới dùng đủ số.

Nói chín lần Yết-ma là: Phạm các pháp che giấu bốn thứ Yết-ma, năm thứ quở trách, sáu thứ diệt tẫn, bảy y chỉ, tám ngăn không cho đến nhà người tại gia, chín tội xứ sở. Bốn pháp đầu như Kiền-độ phú tàng. Trong văn có nêu đủ và không đầy đủ năm loại sau xưa nay nghĩa đều chuẩn. Đã là đồng đoạt thì có ba mươi lăm việc (ba mươi lăm việc như

Kiền-độ quở trách,...).

Nói biết vọng lẫn nhau là không đủ số: Người kia không thấy, không sám hối ác tà, không bỏ ba học. Tuy cũng đồng đoạt ba mươi lăm việc, nhưng khi xuất chúng, tăng không đủ số, cho nên khác nhau. Tội Tăng Tàn phải nương vào tăng mới được sám hối, nên gọi là Tăng Tàn, hoặc gọi Chúng dư.

Phạm giới đầu rồi v.v... trở xuống, do đây mà nói lược pháp sám. Trong văn có sáu ý:

1- Đầy đủ duyên thành phạm.

2- Thành lỗi (che giấu).

3- Hiển bày pháp sám.

4- Giải thích lỗi tăng thiếu.

5- Chúng tăng có tội.

6- Kết thành ứng pháp.

1-Đầy đủ duyên mà thành phạm:Văn nói chín giới phạm bốn giới đầu v.v... trở xuống cho đến ba lần can ngăn, nghĩa là chín giới trước y cứ vào sự, đầy đủ duyên vừa thành liền phạm. Bốn giới sau y cứ vào pháp mà đầy đủ duyên, đủ ba lần can ngăn thì phạm. Ý nói trong đây, nếu duyên không đủ thì chẳng phải Tăng tàn. Tức không được dùng pháp Tăng tàn mà sám pháp. Có người giải thích rằng: Đây là giải thích nghi. Nghĩa là bốn giới sau đã đối với chúng mà phạm, nên không trị tội che giấu. Nên giải thích nghi rằng: Cũng cần trị tăng tàn, nay thấy rõ rằng: Nếu chín giới trước phạm nghi và che giấu, cũng giải thích nghi rằng: - Nếu không che giấu cũng khỏi trị tội che giấu. Như thế là giải thích sai.

Văn thứ hai nói: Nều Tỳ-kheo phạm mỗi pháp biết mà che dấu thì thành tội che giấu.

Y theo Kiền-độ về người và luật luận khác nói: Nếu phạm một tăng tàn, tự tâm rõ biết là Tăng tàn, che giấu một đêm bị một Cát-la phú tàng. Như thế lần lần tùy mỗi đêm mà phạm phú cát và tùy phú cát. Nếu nghi tội tăng tàn và không sám, cũng phạm phú và tội Cát-la. Mà không hành trì phạm hai ba phú tàng v.v... Cho đến không nhớ số và cho sám hối.

Nhưng trong Kiền-Độ tông nhân trong Tứ Phần thì trước cho sám phú cát sau đó mới theo tăng xin trị lỗi che giấu và hành pháp che giấu.

- Hỏi: Phú cát rồi sám hối lỗi che giấu thì hết, vì sao phải xin trị phạt.

- Đáp: Tội che giấu cảm quả, tuy sám rồi nhưng chưa thanh tịnh, Tăng khiến phạm tội trong tăng tàn. Lỗi này không phạt, tội này không trừ, nên phải trị. Nếu không che giấu, thì tội tăng tàn nhẹ, nên không trị tội che giấu.

- Hỏi: Một phẩm tăng tàn vì sao lại có nặng nhẹ?

- Đáp: Tuy đồng nhưng vẫn có nặng nhẹ. Như phạm tội đó thì ba thời đều nặng, há là đồng hai thời nhẹ, một thời nặng.

- Thứ ba văn nói nên gượng cho rồi v.v... cho đến v.v... nói về sám hối... pháp nầy có từ ba đến bốn pháp. Về thứ lớp thì khai ra năm hoặc sáu, bảy...

Nói năm gồm:

1- Văn nói nên bắt buộc cho Ba-lợi-Bà-Sa, trong luận Minh Liễu dịch là Túc trụ, trong luật Tăng-kỳ dịch là Biệt trụ, luật Tứ Phần dịch là phú tàng. Phú tàng là lỗi che giấu. Biệt trụ là phạt. Phạt ở nơi yên tịnh để suy nghĩ về lỗi đã phạm. Cho nên văn luật nói: Không được hai ba người ngủ trong một nhà.

Túc trú là đi ban đêm.

Lúc muốn xin pháp che giấu này, rõ biết tội một, hai, cho đến vô số đêm không nhớ hết. Nếu nhớ số đêm thì y theo số đó mà xin. Xin rồi tùy theo đó mà thực hành. Nếu không nhớ đêm mà xin thì trị phạt cho đến khi thanh tịnh. Nghĩa là đến ngày thọ giới thanh tịnh rồi thì đi. Khất pháp có ba:

- Xin biết số ngày

- Không biết số ngày.

- Biết và không biết số ngày.

Tội số nhiều ít, cũng tùy theo nhớ mà xin. Ba lần nói xin, như trong luật nói rộng. Xin rồi thì tăng cho bạch bốn lần Yết-ma và pháp che giấu, đều y theo luật. Văn nói bắt buộc cho đó.

Hỏi: Kiền-độ thuyết giới có nói: Không được bắt buộc sám hối. Ở đây vì sao lại nói bắt buộc.

Đáp: Nếu không bắt buộc người kia thì sẽ có tranh cãi. Nay y cứ vào ứng thời tăng và bạn lành cho nên gượng nêu ra để trị phạt.

2- Thực hành Ba-lợi-Bà-Sa xong. Nghĩa là nếu phạm một cho đến trăm ngày che giấu thì phải trải qua một trăm ngày ở trong cảnh giới thực hành thì mới xong.

Trong nội giới v.v... trở xuống cho đến: Có một người ở tại đó thì được hành trì. Lúc hành trì đoạt ba mươi lăm việc cúng dường tịnh tăng.

Phải bạch cho Tỳ-kheo khách biết là đang hành trì pháp che giấu.

Tám duyên có nói đầy đủ, như trong Kiền-độ phú tàng của luật có nói rộng.

3- Tăng thượng và sáu đêm ma-na-đỏa, đây gọi là vui lòng chúng. Pháp này phải có đủ bốn vị trở lên ở trong đó hành trì, gọi là Duyệt chúng ý (vui lòng chúng). Không đồng một người trong phú tàng cùng hành trì thì không gọi là Duyệt chúng.

Tăng thượng cho đó: cho có hai nghĩa

- Thực hành che giấu xong, tiếp theo là theo tăng mà xin, xin sáu đêm gọi là Tăng thượng.

- Lúc phạm Tăng tàn không có tâm che giấu nên phát lồ với người. Chỉ cần thực hành pháp Ma-na-đỏa, không gọi là Tăng thượng dữ. Trong giới bản chính là nạn. Cho nên nói Tăng thượng dữ.

4- Thực hành ma-na-đỏa xong, đoạt ba mươi lăm việc. Cùng dường bạch cho khách biết đại đồng phú tàng. Rộng như trong Kiền-độ phú tàng có nói.

5- Nên ở trước hai mươi vị tăng, nêu tội Tỳ-kheo này ra. Hành trì sáu đêm xong, thì Tỳ-kheo phạm tội nên cầu đủ hai mươi vị tăng thanh tịnh.

Đối trước Tăng xin ba lần, tăng cho thì bạch bốn lần tác pháp xuất tội. Năm vị đến trước đúng theo pháp chỉ, có ba. Nghĩa là che giấu sáu đêm và xuất tội. Trước nói hoặc có bốn pháp nghĩa là như pháp bản nhật trị. Nếu phạm che giấu phải trải qua một trăm ngày.

Theo tăng xin tội che giấu rồi hành trì mười ngày, chợt lại phạm Tăng tàn, thì mười ngày kia sẽ không được tính, lại trị phạt từ đầu. Nếu đích thân phạm tội che giấu hay không che giấu, riêng theo tăng xin lại phải hành trì. Nhưng lúc xin pháp dù mới hay cũ, hoặc hợp hoặc khai, cùng hành biệt hành, đều không chướng ngại.

Trên nói pháp sám hối thứ ba đã xong.

- Phần thứ tư giải thích: Về lỗi thiểu tăng, Văn nói: Nếu thiếu một vị không đủ số hai mươi thì tội Tỳ-kheo ấy không khỏi. Nhưng che giấu sáu đêm khi mặt trời mọc, bốn tội trọng cùng với pháp đều bạch bốn lần Yết-ma. Nếu thiếu một người theo lý là không đủ, như trong luật nói: hai mươi tám không gọi là đủ số tăng. Nếu phạm tội trọng và chúng ni tăng đủ số cũng gọi là không đủ.

- Phần thứ năm trở xuống nói về chúng tăng có tội. Cho nên văn nói: Các Tỳ-kheo cũng có thể quở trách, hễ nói cứu giúp thì cũng phải

hiểu đúng theo pháp. Bị bậc Thánh quở trách thì phạm tội Cát-la.

- Phần sáu: Kết thành pháp ứng, cho nên trong văn nói là đúng thời. Nghĩa là quán cho mất mà hành trì theo giáo, đây gọi là ứng thời.

- Lời văn xem xét cũng như đoạn trước.

- Từ phần ba trở xuống, hai đoạn lớn không nhất định, văn cũng chia làm ba:

+ Sở y giáo.

+ Nêu danh tướng.

+ Kết rồi xem xét.

* Trong phần nêu danh tướng: Thứ nhất là giới bất tịnh, Văn này có ba:

1- Dung người phạm.

2- Nói về tướng bất định.

3- Kết danh bất tịnh.

Phần nêu danh tướng, văn có bốn phần:

*1- Cùng người nữ ở chỗ khuất kín, có thể làm việc dâm, hoặc ngồi nói chuyện phi pháp, ở đây có ba nghĩa, gọi là bất định.

1- Ở nơi khuất kín tạo tội. Do đây là chỗ tâm tình. Vì y cứ theo đầu mối đó mà gọi là bất định. Cũng như cha mẹ thấy đứa con hư ở trong thôn xóm đang làm điều phi pháp, ở trong làng xóm là đầu mối gây ra tội.

2- Nơi này thấy Tỳ-kheo ngồi một mình với người nữ nói chuyện phi pháp. Ở đây lại có hai nghĩa:

- Nói đến đầu mối gây ra tội của Tỳ-kheo: Do đầu mối bất định.

- Y cứ theo vị trụ tín mà nêu tội.

Việc mà Thánh nữ thấy, là sự tướng bất định. Trong luật lại y cứ vào oai nghi ngồi chung. Theo luận do "Chân Đế sớ thích". Thì nếu đi đứng nằm ngồi đều ở trong giới hạn phạm tội.

*2- Là ưu-Bà-di Trụ tín: đối với ba pháp, nói ra mỗi pháp, hoặc phạm Ba-dật-đề, thánh nữ y theo đấu mối tạo tội ở trước mà đến bạch với tăng về những sự tướng trong thấy về tướng thô, nếu xét trong các bộ thì có ba thuyết:

- Theo luật Thập Tụng thì chỗ thấy các sự tướng là nêu chung tất cả. Cho nên trong văn kia nói: - Thế nào là bất định? Chỉ thấy người nữ qua lại đến đi mà không thấy làm việc tà tâm hay cắt đứt mạng sống của người, làm hại cỏ cây, uống rượu v.v... nên gọi là bất định.

- Theo luận do "Chân Đế Sớ" nói rằng việc thấy rõ các tướng chỉ nêu lên ái nhiễm trong tất cả thiên tụ. Sớ nói rằng: Nếu đã hành

dâm sau đó ngồi chung thì phạm Ba-la-di, nếu xúc chạm thì phạm tăng tàn. Nếu muốn dâm xúc thì phạm Thâu-lan-già, tâm nhiễm ngồi chung phạm Ba-dật-đề, không tâm nhiễm phạm Đột-cát-la.

- Theo Luật Tứ Phần chỉ nêu ba tội, trong luật càng không nói các tội khác. Ở đây chỉ y cứ tội tướng thô trong ái nhiễm mà xếp vào bất định. Trong đây không xem xét mà người kia tự nói sám hối. Trong giới thứ ba, Tỳ-kheo ngồi và tự nói: Tội phạm tội này, - hoặc là Ba la di, ở đầu mối do thấy các sự tướng mà nêu ra giữa chúng, Tăng chúng vặn hỏi ba định tội này, tùy theo ba tội này mà định trị.

4- Như ưu-Bà-di Trụ Tín nói nên đúng như pháp trị tội Tỳ-kheo.

Người trước vặn hỏi tội mà không được, cho nên đúng như Thánh nữ mà nói chấp kia có tội. Chúng tăng bạch bốn lần Yết-ma y theo pháp trị tội, nên nói là: đúng như pháp trị tội Tỳ-kheo, trao ba mươi lăm việc khiến dẫn đến chỗ Phật phạm tội. Nơi chốn tội này chưa chịu dẫn ra, định tội phạm ra sao thì trị phạt. Ý lỗi trong đây là:

- Che giấu tội nơi kín đáo.

- Nói chuyện phi pháp với người nữ, tức là tướng tạo tội có đầu mối.

- Lúc tăng hỏi lại không nhất định tánh tội của mình, cùng việc giữ giới.

Ba lần hỏi đều phạm tội im lặng nói dối. Trong luận y theo nghĩa đầu mối để giải thích bất định. Cho nên văn kia nói:

- Nhân của các tội không nhất định cho nên gọi là bất định. Lại vì không đưa ra vặn là nhất định nên giải thích là bất định, văn kia nói: Các tội trong đây không nhất định.

Hai điều bất định này là lấy việc Thánh nữ nêu tội báo với tăng, tăng mới đem việc đó ra vặn hỏi. Bậc Thánh thà chết chứ không nói dối. Nếu là phàm phu nêu ra thì không vặn hỏi. Điều bất định thứ hai trong văn cũng có ba câu:

- Dung người phạm.

- Nói về tướng bất định.

- Kết luận tên gọi bất định.

Phần thứ hai nói về tướng bất định, văn cũng có bốn phần:

- Cùng nữ ngồi giữa đường nói chuyện phi pháp, đó là tội chỗ thấy sự tướng do có đầu mối.

- Y theo đầu mối sự tướng trước đã thấy mà đến tăng thưa, chỉ nói hai tội, vì chỗ trống trải không thể hành dâm.

- Do đầu mối nhìn thấy sự tướng liền bạch với chúng tăng. Tăng

vặn hỏi hai tội định này, tùy theo đó mà trị.

- Người trước kiêng tội nên tin Thánh nữ chấp vào kia có phạm. Về nơi trị tội y theo trước mà nói rộng.

Phần ba kết xong thì xem xét như văn trước. Trong đây không nhất định sám hối tội gì nên không đưa vào thiên. Lại không có văn sám.

- Tứ phần Tỳ-kheo giới bản sớ quyển thượng.

■

# TỨ PHẦN TỲ-KHEO GIỚI BỔN SỚ

## QUYỂN HẠ

### PHẦN THỨ TƯ: 30 PHÁP NI TÁT KỲ BA DẬT ĐỀ

Văn cũng chia làm ba.

- ***Ni-tát-kỳ,*** Trung Hoa dịch là Tận xả.

- ***Ba-dật-đề:*** Trung Hoa dịch là Đọa. Nghĩa là phạm tội này thì rơi vào ba đường ác. Đây là nêu tên chung nên gọi là Đọa. Nếu phạm giới đọa này, trước phải xả tài vật, sau đó sám tội, nên gọi là Xả đọa. Nhưng trong ba mươi giới chia nhỏ ra thì có ba mươi hai giới. Nghĩa là giới vũ mộc y (áo tắm mưa) là hai giới hợp lại chế. Thế nào là hai? Một là xin y nhiều hơn, hai là thọ dụng nhiều hơn trước. Lại, giới cấp thí y cũng do hai giới hợp chế: Một là thọ quá hơn trước, hai là sau đó chứa nhiều, cùng với hai mươi tám giới, hợp lại thành ba mươi hai. Nhưng phạm ba mươi hai giới này, tội phần lớn có bốn vị trí:

1- Xả tài vật cho người.

2- Sám hối tội xong.

3- Trả tài vật lại.

4- Kết tội không hoàn trả.

Còn lại tùy theo giới mà có hơi chút sai biệt, đến văn sẽ rõ. Ở đây gọi xả đọa là y cứ theo vị một và hai mà đặt tên. Nhưng y cứ theo việc xả chứa mà thọ dụng phi pháp sinh tham, cho nên chế xả.

Thọ chứa phi pháp lược có sáu:

1/ Đã được không nhàm chán phi pháp.

2/ Trái lời dạy, thiếu các vật dụng phi pháp.

3/ Vời lấy sự chê bai dẫn đến việc xấu phi pháp.

4/ Thích mặc y phi pháp (Xin y cư sĩ bảo thêm giá).

5/ Não loạn người phi pháp.

6/ Tham chứa để xa xỉ phi pháp:

Theo luận Du-già: Mang đi xa sinh ra tật bịnh, nay lại vời lấy sự chê bai. Tài vật có sáu điều phi pháp, không thể thọ dụng. Tâm tham thọ dụng cho nên phải chế xả.

Hỏi: Trong Đơn đề, tài cũng rơi vào sáu thứ phi pháp vẫn là tham tâm thọ dụng vì sao không chế xả?

Đáp: Trong ba mươi pháp: Một tài vật là chỗ dự trữ lâu dài, Hai là vật dụng quan trọng giúp thân, rơi vào sáu phi pháp, phần nhiều khiến tham dụng, cho nên phải chế xả để trị tâm tham. Còn tài vật của Đơn đề thì: Một, không thể để lâu như vật ăn uống...Hai, bản thân chẳng cần thiết. Như y mầu trắng v.v... cho nên rơi vào sáu phi pháp, phần nhiều sinh ra mê hoặc khác, không sinh tham nhiều; đã không trị tham thì cần gì chế xả. Như lỗi ăn quá ba bát, sáng sớm đã ăn rồi, lại giữ đem về quá ba bát, tức ngay trong ngày này không thể ăn nữa, cho nên chẳng phải sinh tham. Nếu muốn lưu lại càng không thể ở lâu. Đây vẫn là do si mà làm tổn não thí chủ. Không có tham để trị, đâu cần phải chế xả. Hoặc giới Biệt chúng thực v.v... làm não loạn chúng tăng, đều y theo đây mà giải thích. Giường cao, y trắng v.v... người ngu chứa giữ, lúc thọ dụng, sinh ra nhiều si mê buông lung, đã không trị tham cũng cần gì xả.

Hỏi: Mùng mền khăn gối bị hư hoại còn ống đựng kim bằng đồng vì sao lại xếp vào xả?

Đáp: Ống đựng kim bằng đồng là vật nhỏ, do cầu mà tán loạn, nếu không tham thì không xả.

Hỏi: Các loại thức ăn như gừng v.v... không để lâu được, sao lại xếp vào xả.

Đáp: Trong giới mua bán không giới hạn việc trao đổi thức ăn. Cho nên dư thì xếp vào xả.

Hỏi: Nhà cửa vật dụng dùng quá ba lần thì sinh tham, vì sao không xếp vào xả?

Đáp: Phòng xá là duyên sơ, chẳng phải là vật giúp ích trong đời sống cần kíp, nghĩa cũng nhỏ. Nếu có nạn khác, y cứ theo đây nên giải thích.

Các lời hỏi đáp ở trên không thể hết được. Nói theo đây, thì ba mươi tài pháp, hễ có lúc phạm thì như đọa vào sáu phi pháp. Hai là có phạm lỗi như thọ dụng cát-la.

Chín mươi pháp tài chỉ có đề ra lúc phạm mà không có lỗi phạm. Đối với sáu thứ phi pháp ở trước. Trong năm pháp lớn, không chỉ mình phạm tham dụng mà còn do bản nhân không biết thỏa mãn. Cho nên khi xả đều như xưa nay tương truyền. Cũng là để dứt tâm cầu chứa để không biết thỏa mãn. Cho nên trong luật Tứ phần nói xả y nhiều, sám hối xong, nếu Tỳ-kheo này có việc đi xa. Nên nói rằng:

- Y này ông cho ai thì tùy.

Nay y theo luận Tát-bà-đa: Nếu trải qua đêm mà tâm tham chưa dứt thì cũng chưa trở về. Do đó, trong quyển thứ tư luận này nói: - Nếu trong ngày đó xả y thì liền trong ngày đó sám hối. Tâm cầu y không dứt được đến một tháng. Nếu cầu y mà đến, hoặc ý ngoài y mà đến, y này đối với y trước thì bị xả đọa. Lại trong luận nói lần trải qua thời gian mới dứt tâm cầu y. Văn kia nói: - Nếu hôm nay xả y sám hối thì trong ngày nay cũng dứt tâm. Hôm sau lại cầu y nữa thì không rơi vào nhân duyên nối nhau. Vì khoảng giữa tâm đã dứt.

Nói rằng: Chứa y dư đã như vậy, giới chứa y dư, lý cũng đồng như vậy. Trừ năm trưởng rồi, các giới khác nếu xả thì lúc sám đều được, tức trả lại bản chủ. Nếu cùng năm trưởng hợp nhau mà xả y dư thì hôm nay chưa được trở về. Giữ y của ni, lúc trả lại, vừa trao tay bị nhiễm y dư của người kia khiến cho phạm, cho nên phải để cách đêm mới trả lại.

Nếu pháp dễ thành thì nên khác thời hãy xả. Trong luật không nói y nhuận bát thuốc. Y của ni và bát, tuy hoặc là hợp xả y tức hoàn trả lại mà không bị nhuận bát. Tùy ứng mà suy nghĩ.

Trước giải thích chứa y dư, văn này có bốn câu:

1- Người chấp nhận phạm.

2- Trừ khai duyên: Nghĩa là khai cho không phạm. Trong văn nói là y đã may xong. Theo ý trong luật nói, an cư xong vào một tháng Ca-đề, hoặc thọ y Ca-hy-na, khai cho năm tháng may y, không cần thuyết tịnh, không phạm tội chứa y. Quá đây một tháng, năm tháng, tức khai cho may y xong, nên nói: Y may đã xong. Vậy nên trong giới duyên khởi ăn riêng chúng có nói: Các Tỳ-kheo tự tứ xong, trong tháng Ca-đề may y.

Do đó Phật khai may y trong tháng được thọ thực riêng chúng.

Lại y cứ theo giới thọ thực riêng chúng cũng giải thích: Lúc may y là Tự tứ xong, không có y Ca-hy-na một tháng, có y Ca-hy-na năm tháng, cho đến các y trên may một đường răng ngựa. Nên biết đó cũng đều lấy năm tháng khai cho may y. Ngoài tháng một, tháng năm này ra đều gọi là y đã xong, nghĩa là: May ba y xong.

Hỏi: Một tháng, năm tháng cũng may y, chứa y, vì sao chỉ riêng có ba y?

Đáp: - Do thắng (hơn) mà được tên gọi. Luật sư Nam Sơn nói: - Từ ba giới ở dưới đều là y xong. Giới y xong này, ngoài ba y thể tài xong thì được chứa. Kế là nói y xong: ba y thọ trì thêm đã xong thì có lỗi ngủ lìa y.

Kế nói y xong là ba y tài đồng thể túc xong. Nếu không may y,

không thuyết tịnh thì phạm. Nay thấy rõ rằng y cứ một tháng, năm tháng nghĩa chung với ba giới, vì cùng được năm điều lợi. Y nghĩa năm điều lợi này phần sau có nói. Như ngài Nam Sơn giải thích ba giới đều tồn tại nơi hai điều đó.

- Y Ca-hy-na đã xả: Trước khi an cư xong đến ngày mười sáu tháng bảy. Nếu có thí chủ, trong ba y tùy ý cúng dường bất cứ một y nào thì trong ngày đó thọ lấy và bạch hai lần Yết-ma sai một người giữ. Lại bạch hai lần giao y cho người này. Người được giao y, sẽ đem một y đi khắp trong tăng, quỳ xuống trao cho tăng. Vị tăng muốn thọ nhận. Người được giao y phó y từ đây đến mười lăm tháng chạp thường trong nội giới giữ lấy y này. Y được giữ này gọi là y Ca-hy-na, Trung Hoa dịchlà y kiên thật. Vì y do kiên thật tài mà thành. Đây cũng là để cho thí chủ thọ quả báo kiên thật. Cũng là tăng chúng được năm công đức lợi ích kiên thật:

1) Chứa y dư, không thuyết tịnh, không phạm tội chứa dư.

2) Trong ba y, tùy ý lưu lại bất cứ một y nào không phạm giới lìa y mà ngủ.

3) Được xoay vần mà ăn.

4) Được ăn riêng chúng.

5) Trước bữa ăn, sau bữa ăn, vào xóm làng không dặn bảo.

Lại người giữ y không thọ năm điều lợi:

- Kiên thật giữ gìn không ra ngoài giới mà ngủ, để lợi ích cho người nên gọi là y kiên thật, cũng gọi là y công đức. Người thọ lợi ích trong năm tháng tùy theo bất cứ lúc nào đều có tám duyên, nếu gặp một duyên liền mất năm điều lợi này. Mất tức là xả, cho nên nói: Y Ca-hy-na đã xả. Nghĩa là sau khi xả phải thuyết tịnh.

3- Nói về chứa y dư, trải qua mười ngày không tịnh thí thì được chứa. Trong giới hạn thì cho chứa. Chậm thì thong thả, nhanh thì mệt nhọc. Cho nên trong mười ngày phải thuyết tịnh. Chỉ là y tài, bất luận là y mới trong ngoài. Chỉ đủ thước sáu tám tấc thì phải thuyết tịnh. Tác tịnh pháp này là khai thị tâm biết đủ, không nghĩ là làm cho mình.

4- Nếu quá mười ngày phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề là chế phạm. Theo luật thì nội trong mười ngày, từ ngày được y cho đến ngày thứ mười một, tất cả đều phạm. Dưới chín ngày tuy chưa quá hạn, vừa qua ngày đầu cho chứa quá hạn thì nhiễm. Qua chín ngày đều phạm xả. Như trong luật có nói rộng. Đã phạm tội này lẽ ra nên sám hối. Pháp sám hối lược nói thành ba môn phân biệt.

1- Tội chứa nhóm nhiều ít có không.

2- Nói về tội sám theo thứ lớp giai phẩm.

3- Nói về pháp xả sám hoàn lại

*Nói nhiều ít có mười tội:

1 Chưa y dư, lìa y ngủ v.v...tài thể hiện tại có thể xả đọa.

2 Chứa y, lìa y v.v... dụng đã hoại hết, dẫn đến sám hối tội.

3 Che giấu phạm Ba-dật-đề, Tội phạm thì Cát-la.

4 Tức Ba-dật-đề, Cát-la đây, tùy theo số đêm lần lượt che giấu thì phạm Cát-la.

5 Đắp dùng thì phạm Cát-la.

6 Che giấu thì phạm Cát-la.

7 Tùy theo đây che giấu thì phạm Cát-la.

8 Lúc Tăng nói giới hai thời ba nơi hỏi thì phạm, im lặng nói dối phạm Cát-la.

9 Che giấu đây thì phạm Cát-la.

10 Che dấu tùy đây phạm Cát-la.

*Nói về sám tội lần lượt theo thứ lớp đó:

Trước là xả bỏ tài vật. Sau đó mới sám các tội. Trong luận nói: Trước xả vật, sau mới nói diệt tội. Thời nay hành sự cũng như vậy.

Kế là sám tội, chia làm ba ngôi vị:

1- Trước phạm tội che giấu, tùy theo phú tàng thì phạm Cát-la. Đây là y theo văn của kiền-độ về Nhân.

2- Phạm tội căn bản Ba-dật-đề.

Đắp im lặng thì nói dối phạm tội tánh có khác nhau. Theo lý thì không có một loại thuốc nào để đốn trừ. Cho nên phải chia ra Đề-xá và Cát-la.

Đắp bằng sự im lặng trước khi sám hối, cả hai đều phạm Cát-la, vừa sám thì phạm Ba-dật-đề, thành ra ba vị

Đệ nhất vị: Từ sám Ba-dật-đề đến đắp bằng cách im lặng, mỗi thứ che giấu sáu phẩm thì phạm Cát-la.

Đệ nhị sám: Đáp bằng cách im lặng, hai phẩm phạm Cát-la.

3- Vừa sám tội Ba-dật-đề. Bây giờ hành sự cũng giống như thế.

Tìm xem trong kinh luật, sám hối Cát-la có hai:

- Trách tâm.

- Đối thú.

Nay các kiết sự này về tướng thì đã trọng, cùng tuyên đối thú mà sám hối.

*Chánh nói về pháp xả sám hoàn lại:

Chia ra hai môn:

1- Lập thệ vận tâm.

2- Nói về xả sám hoàn lại.

- Trước nói về vận tâm, như trong luận Minh Liễu: - Hễ nói Đề-Xá-na là: Trước rõ biết về nhân tội và duyên khởi ra các lỗi về thể tướng... Có thể ở bên người tin sâu như lý hiển bày ra, như lý cầu thọ để đối trị hộ trì.

Thuật rằng: Đề-xá-na Trung Hoa dịchlà Hiển thị, cũng gọi là thuyết tội, tức là sám hối: Nói về nhân của tội: Hoặc nhân tham v.v... các thứ phiền não.

Nói duyên khởi: Hoặc ăn phi thời, hoặc uống rượu v.v... mà thành ra tội. Nói thể tướng: Đây là Tăng tàn v.v... Đây là Đề-xá v.v... Nói lỗi: Hễ người phạm tội thì có năm lỗi.

1- Làm chướng Niết-bàn.

2- Chướng đạo Niết-bàn.

3- Người khác không kính tín.

4- Tự thêm nghiệp ác.

5- Chiêu cảm quả báo đường ác.

Nói các nơi đó là biết chỗ lúc tạo tội. Nói người tin sâu đó là tâm người kia tốt. Nếu hướng về nói tội, không chuyển hướng về người mà nói lỗi của ta, do đó mà nói là thân. Lại nói người kia giới hạnh thanh tịnh, cho nên nói đáng tin. Thời mạt pháp bây giờ sự thanh tịnh trong sáng khó mà đạt được. Cho nên các nhà xưa nay hành sự, đều lấy chỗ không đồng phạm để sám hối. Nay trong ba tạng nói:

- Việc hành sự ở phương Tây đối với việc phạm giới khác nhau, chủ yếu lấy các thiên phạm khác nhau. Cầu thọ để đối trị người hộ giới: Trước mất tâm hộ trì đối trị, nay thì cầu dứt sự nối nhau, trở lại thọ giữ.

- Kế là nói về việc xả sám, có bốn môn:

+ Một là xả tài.

+ Hai là sám tội.

+ Ba là hoàn lại tài vật.

+ Bốn là kết tội, không hoàn trả lại.

Trước nói về:

***Giới 1: Không chứa y dư, nghĩa khác thì y theo đây có thể biết.***

1- Nói về xả tài: Y theo văn luật, cần phải nhóm họp đầy đủ.

Không cho biệt chúng, xả tài đem cho người kia. Cảnh sở đối chung cho tăng vị. Hoặc hai ba người cùng cho một người, đều không có chướng ngại. Nếu xả cho tăng thì cần phải tác pháp trong nội giới. Nếu

cho hai, ba, cho đến một người, chung cho nơi giới tác pháp tự nhiên. Ngày nay chỉ xả cho một người. Như các chỗ khác, nên rộng phân biệt. Nhưng giới xin bát, thì phải đối trước tăng.

Thời nay hành sự phần nhiều ở trong giới tràng, hoặc trong giới tự nhiên. Ba giới tự nhiên như phần trên đã nói.

Hành trì đối cảnh hoặc là lớn: Nên đầy đủ oai nghi, cởi dép đắp y bày vai mặt, quỳ thẳng, lễ dưới chân chư tăng, hai tay nắm y, miệng tác bạch: - Đại đức nhất tâm niệm... Con là Tỳ-kheo mỗ giáp v.v... chứa y dư một đoạn (hoặc nhiều thì nói nhiều) quá mười ngày (dưới mười ngày nhiễm phạm thì không cần nói). Vì không tịnh thí nên phạm một xả đọa (hoặc hai, ba). Nay xả y này (hoặc tài vật), cho Đại đức.

2- Lần lượt sám tội, chia ra có ba vị: Ba-dật-đề, Cát-la, khác nhau, như trước đã nói.

Vị thứ nhất: Trước nói che giấu và tùy che giấu, sáu phẩm Cát-la. Trong đây lại có hai:

- Trước nên thỉnh sám chủ đối sám, đầy đủ oai nghi như đã nói, thưa rằng: - Bạch Đại đức nhất tâm niệm, con là Tỳ-kheo v.v... Nay thỉnh Đại đức làm chủ sám tội Đột cát-la. Nguyện Đại đức vì chúng con từ bi thương xót làm chủ sám Đột cát-la. Đáp: Vâng.

- Kế là sám hối đầy đủ nghi thức: Miệng bạch: Bạch Đại đức nhất tâm niệm, con là Tỳ-kheo v.v... Chứa y dư quá mười ngày không tịnh thí phạm một tội Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Lại do đắp dùng, phạm xả đọa, y thì phạm Đột cát-la tội không nhớ hết. Lại chư Tăng thuyết giới im lặng nói dối phạm Đột-cát-la, tội không thể nhớ. Phạm ba vị căn bản này mỗi vị đều phát lộ ra. Cách đêm mà che giấu phạm Đột-cát-la, tội không thể nhớ. Sáu phẩm trong đây che giấu tùy theo che giấu thì phạm tội Đột-cát-la. Nay hướng về Đại đức phát lồ sám hối không dám che giấu. Bạch đại Đức từ bi nhớ nghĩ cho con.

- Đại đức nói: Phải tự trách tâm mình, sinh tâm nhàm chán xa lìa.

- Vâng.

Vị thứ hai là: sám hối hai phẩm im lặng phạm Đột-cát-la. Nghi thức đầy đủ như sau: Đại đức nhất tâm niệm! Con là Tỳ-kheo, v.v... chứa y dư quá mười ngày không tịnh thí phạm tội một Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Phạm tội này rồi, đắp dùng phàm xả đọa, y phục thì phạm đột-cát-la, tội không thể nhớ.

Lại trải qua ba môn hai xứ tăng thuyết giới, phạm im lặng nói dối, tội đột-cát-la tội không thể nhớ. Nay hướng về Đại đức phát lồ sám

hối.

Vị thứ ba chính là sám tội Ba-dật-đề căn bản. Trong đây trước cũng phải thỉnh sám chủ. Nói đầy đủ nghi thức: - Đại đức nhất tâm niệm! Con Tỳ-kheo v.v... Nay thỉnh Đại đức làm sám chủ tội Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Xin Đại đức vì con từ bi làm sám chủ.

Đáp: Được.

- Chánh thức sám tội. Luật sư Nam Sơn cho rằng: - Nên lược sám hối. Ngài nói: Phật bảo: Ta vì các đệ tử mà kiết, dù chết cũng không phạm. Luận trí độ quyển mười lăm nói: Người phá giới vọng nhận của tín thí. Khi cầm bình bát chẳng khác nào như lửa đang sôi. Đắp mặt y như mặc có giáp đồng v.v... cho đến do phá giới mà thọ thì như loài trùng không lông. Hoặc ăn phẩn thân, tùy cơ nói năm ba câu mà thôi. Hoặc vì ngu độn, tuy nghe nói khổ mà không động tâm, thì chẳng cần chỉ bày cũng chớ cho sám hối để nối nhau.

Từ ngữ sám hối, nói đầy đủ nghi như sau:

- Đại đức nhất tâm niệm! Tôi là Tỳ-kheo v.v... chứa y dư quá mười ngày mà không tịnh thí, phạm một tội Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Y này đã xả cho Đại đức. Ba-dật-đề này, nay hướng về Đại đức phát lồ sám hối, không dám che giấu, sám hối thì an vui, không sám hối thì không an vui, nhớ nghĩ phạm tội phát lồ không che giấu, xin Đại đức nhớ nghĩ. Nay con thanh tịnh, giới thân đầy đủ, thanh tịnh Bồ-tát (ba lần).

Đại đức nói: Hãy tự trách mình, sinh tâm nhàm chán xa lìa.

Đáp: Vâng, hoặc nói: Đảnh lễ thọ trì.

3- Trả lại tài vật: Ban đêm tâm cách với mặt trời. Đưa tay trả lại, không phân biệt từ câu, vị tăng lấy y lại tác bạch hai lần, xong rồi thì nói thanh tịnh trả lại, như pháp mà chứa. Nói câu thuyết tịnh, mọi người đều tụng.

4- Không trả lại. Luật nói phạm Đột-cát-la.

***Giới 2: Ngủ lìa y***: Bản ý chế giới là vì người mới thọ giới. Nếu lìa y trời chưa sáng, y vẫn theo thân thì không phạm. Nếu muốn hiểu rõ nên cầu nghe rộng, ở đây chỉ nói lược.

Trừ tăng có làm Yết-ma: - Nếu thân bịnh, y nặng, có duyên sự cần đi.

Theo chúng tăng ba lần xin đi. Tăng tác bạch hai lần, trong ba y cho tùy ý lưu lại bất cứ một y nào. Tuy lìa mà mặt trời chưa mọc thì không phạm tội ngủ lìa y.

***Giới 3: Ba y đã cũ, may y mới được đến một tháng.*** Ngài Nam Sơn nói: Giới chờ vải một tháng, cựu dịch là giới chờ y một tháng. Nghĩa hơi

ẩn kín nên đổi lại mà gọi. Trong giới bản có năm câu:

1- Người chấp nhận phạm.

2- Trừ lúc khai duyên, để may y không có lỗi chứa y dư.

3- Thúc giục cho mau thành.

Văn nói khi được y phi thời: Nghĩa là: May y trong một tháng, năm tháng, ngoài ra khi đợi may y mới, gọi là y phi thời. Ở đây y phi thời mười ngày đả trả lại, nên thường khai không cho mau thành. Cho đến ngày thứ mười nếu có tài vật đủ tức ngày đó phải mau may cho thành. Nếu không đủ thì khai cho đến ngày mười một. Ngày mười một nếu đủ thì mau may cho thành y. Nếu chưa đủ thì khai cho đến ngày mười hai. Lần lượt cho đến ngày hai mươi chín, nếu đủ thì mau may cho thành y. Lại nói: Nếu đủ thì tốt, nghĩa là có hai mươi cái mau may thành y thì tốt.

4- Chánh nói tiếp tục nói về tài vật mới tùy cho đến một tháng.

Văn nói: Nếu không đủ, thì được chứa trải qua một tháng. Từ mười ngày đến hai mươi chín ngày. Phàm hai mươi ngày mà vẫn chưa đủ thì cho chứa đến ba mươi ngày đều không phạm, cho nên nói: Được chứa y dư một tháng.

Văn nói cho đủ là hai mươi cái tiếp tục chờ cho đủ.

5- Kết thúc về tội chứa y dư đến ba mươi ngày.

Bất luận vải đủ hay không đủ cũng phải thuyết tịnh, hoặc bảo đem cho người.

Nếu may y quá ba mươi mốt ngày thì phạm tội nên nói như thế. Xưa nay tương truyền đều giải thích ý như thế. Người hành trì như trên chỉ chứa ba y. Y cũ dẫu rách hư chỉ được thọ trì mà không được đắp mặc. Nay được y mới không nghĩ đến thuyết tịnh nên cho đợi đủ đến một tháng. Vì sợ chưa rõ nên tất nhiên nói như vậy. Nếu người hành trì như trên không muốn thuyết tịnh cho đến ba mươi ngày vì sao lại bảo phải thuyết tịnh, phá chí hành trì ở trên. Cho nên biết rằng nêu tâm là thay thế cho y cũ, tức là được chứa lâu dài không đơn giản là hành trì như trên.

***Giới 4: Lấy y của ni không phải bà con:*** Thân phải như cha mẹ, bảy đời khai cho không phạm. Nếu đệ tử thọ giới cũng không phải bà con.

***Giới 5: Nhờ ni không phải bà con giặt nhuộm y cho mình:*** Giặt nhuộm ba lần phạm Ni-tát kỳ cho đến một lần đắp mặc cũng vậy.

***Giới 6: Xin y thế tục không phải bà con.*** Ứng với lượng y thì phạm. Trừ bị mất y, cháy y, v.v... xin thì không phạm.

***Giới 7: Quá tri túc thọ y. Văn có năm:***

1- Người chấp nhận phạm.

2- Gặp duyên mất y.

3- Người chẳng phải bà con tự tâm cúng dường y. Tỳ-kheo phải biết đủ. Nghĩa là thọ đến ba lần biết vừa đủ. Có bà con thì không phạm.

4- Tỳ-kheo thọ y nên biết đủ, đủ lượng mà thọ. Cho nên trong luật nói: - Nếu mất một y thì không nên thọ. Nếu mất hai y thì còn một y. Nếu y hai lần, ba lần, bốn lần, thì trích bớt ra để may y tăng-già-lê, uất-đa, an-đà. Nếu ba y mất hết thì nên biết đủ mà thọ. Nói rằng: Nếu mất một y thì nhất định không nên thọ. Vì còn hai y đủ để đắp dùng ra vào hai nơi. Nếu mất hai y, theo ý trong luật cũng không nên thọ, vì còn một y. Nếu y có hai lớp thì tách ra may hai y. Nhưng thiếu một y, nghĩa cũng đồng như mất một. Nói không cho thọ, nếu có ba lớp thì tách ra may thành ba y, rõ ràng như không thọ. Nếu cả ba đều mất mà xứng thì thọ cả ba, nếu sự kính tin được lâu dài. Nếu y theo luật Thiện Kiến, ba y đều mất cả thì cho thọ hai y, một y kia thì cầu ở ngoài. Nay trong luật Tứ phần ý lại không giống kia.

5- Kết tội thọ quá:

***Giới 8: Một nhà muốn cúng dường, Tỳ-kheo tìm đến khuyên nên tăng giá may y cho tốt.***

Người xưa gọi là khuyến tán cư sĩ tăng giá tiền y, nghĩa ẩn kín nhiều. Văn có bốn:

1) Người chấp nhận phạm.

2) Chuẩn bị đủ giá trị định sẽ mua sắm cho Tỳ-kheo.

3) Tỳ-kheo trước không nhờ thí chủ , sau tự tiện đòi xin mà còn khuyên thêm giá.

Luật nói: Như thêm một tiền, hoặc một phần mười sáu tiền, đều phạm.

4) Kết tội được y.

***Giới 9: Hai nhà muốn cúng dường. Nghĩa cũng giống như trước.***

***Giới 10: Ép ngặt tịnh chủ cầu y quá hạn.*** Văn có hai phần:

1 Tội được y quá hạn.

2 Cách không quá hạn không được.

-Tội được y quá hạn, có ba:

- Người chấp nhận phạm.
- Đưa tiền để cầu được y.
- Tội quá hạn cầu được.

- Cách không quá hạn không được, có hai:
- Đưa tiền
- Cầu y.

Trong phần đưa tiền lại có sáu:

1. Thí chủ chuẩn bị giá tiền y.
2. Sai đưa cho Tỳ-kheo.
3. Dạy không nên.
4. Hỏi chỗ tịnh chủ.
5. Đưa tiền cho người kia.
6. Trả lại cho Tỳ-kheo.

- Trong phần cầu y, có hai:

1. Nói ba lần.
2. Sáu lần im lặng đứng.

Hai phần này đều có phương pháp cầu y và khéo léo được y.

Nói ba lần là Tỳ-kheo cần y nên đến người chấp sự nói: Tôi cần y.

Theo luật Tăng-kỳ: Như người vào kho lấy vật, v.v...

Văn nói: Trở lại hai lần, ba lần cho đến được y thì tốt. Nói được y tốt là xứng giáo.

Kế là nói về sáu lần đứng im lặng.

Nói: Nếu không được y, bốn lần, năm lần, sáu lần đến trước mặt người kia đứng làm thinh. Trong văn nói đến một lần, hai lần, cho đến sáu lần trở lại.

Luật Thiện Kiến nói: Im lặng là miệng không nói gì cả. Kêu ngồi không ngồi, cho ăn không ăn, cũng không nói pháp chú nguyện. Nếu hỏi: - Vì sao đến đây?

Thì đáp: - Cư sĩ tự biết.

Lại theo luật thì nói: "Tôi không biết", nếu có người khác biết Tỳ-kheo nên nói ra.

Người kia nói: "Có người biết". Lại một lần nói phá, hai lần im lặng, cho đến sáu lần nói cầu cho được. Nếu im lặng cầu đến mười hai lần, trong thời gian đó qua lại suy nghĩ đều có thể biết.

Kế là nói nếu không quá thì không được: - Văn này ý nói nếu không lấy y được thì phải báo lại cho thí chủ đến lấy về. Như vậy là không làm mất của tín thí, lại đúng pháp.

***Giới 11: Xin các loại tơ tằm may đồ ngồi.*** Theo luật thì làm vậy sẽ tổn thương mạng sống lại bị chê bai, nên Phật chế ra.

Nói đồ ngồi: xưa nay cùng truyền lại và Luật sư Nam Sơn cũng

nói: Đó là ba y.

Ngài Tịnh Tam Tạng nói: Đó là các loại mền nệm gối v.v... Nay rõ ràng là đồ ngồi và áo choàng. Cho nên trong giới đồ nằm bằng lông dê đen nói: Làm mền làm nệm thì không phạm, đã nói đồ nằm thì biết có y phục.

Như nói ba y: nếu dưới sáu năm không xả, mà may y mới thì phạm, hlại là làm ba y, cần phải xả đi rồi mới may y mới.

Giới y một tháng, tiếp tục may y mới đâu cần phải xả y cũ, nhiều bộ luận gọi là phu cụ. Tịnh Tam Tạng gọi là phu cụ. Thông luận thì gọi là Bì (Áo choàng), lại dùng đồ nằm áo choàng cũng có thể may thành ba y. Lại đồ nằm cũng có thể có các chế pháp này. Giới này nói về việc hại mạng các loại tằm tơ, nếu phạm xả thì trong luật bảo phải cắt bỏ, không giống như giới khác.

***Giới 12: Đồ nằm bằng lông dê đen.***

Theo luật chế cho người xả xỉ, buông lung.

***Giới 13: Làm đồ nằm tốt.***

Người xưa nói là giới: đồ nằm lông dê trắng: Trong luật nói pha thêm màu đen vào thì không phạm. Các mầu khác thì phạm, không hạn cục là mầu trắng. Văn giới nói là hai phần đen, ba phần trắng, bốn phần tạp sắc.

Lại nói làm đồ nằm bốn thước thì thuần đen hai thước, trắng một thước, tạp sắc một thước.

***Giới 14: Chưa đủ sáu năm may đồ nằm mới.***

Giới này ý nói là thọ trì đồ nằm. Trong nhiều bộ luận nói là các thứ y phục phụ giúp thân, đồng thời khiến ghi nhớ thọ trì. Văn luật chia ra nói rằng: Ngoài ba y ra, lìa các y khác ngủ đều phạm Đột-cát-la, chính là ý này. Nếu đến sáu năm không thọ pháp dụng thọ trì thì mất. Nếu dưới sáu năm mà xả pháp thọ trì làm thì không phạm. Như người muốn đi xa mà y quá nặng thân lại bịnh. Tăng cho bạch hai lần xin dưới sáu năm được may y mới mới mang trì hành thì được lìa y ngủ. Người bệnh khi trở về may y mới thì thuyết tịnh rồi hành trì, ý chính tại đây. Nếu thuyết tịnh may y phục ngọa đồ nằm, vì sao phải đợi sáu năm, lại đâu cần xả y. Nếu dưới sáu năm không ở tại đó thì phạm giới hạn.

***Giới 15: Đồ nằm không đủ sáu năm.***

Một gang tay: Luận Tát-bà-đa quyển 5 nói: Bao quanh Tu-già-đà là một gang tay. Hoại sắc: Hoại là bỏ mầu sắc mới khiến tâm không còn tham luyến. Nếu theo luật Tăng-kỳ thì y chưa cũ mà theo người khác xin. Nếu y cũ không phân biệt thì không phạm.

***Giới 16: Gánh lông dê.***

***Giới 17: Nhờ người không phải bà con mang vác lông dê.***

***Giới 18: Thọ vật báu.***

Theo Luận Tát-Bà-Đa quyển năm có giới nói: Chứa của báu. Nếu cầm của báu là thuộc về giới chín mươi. Nếu chứa của báu là thuộc về giới ba mươi. Luận này nói có năm thứ lấy đều phạm.

1- Tay cầm giữ.

2- Dùng áo (vải) cầm vật báu từ người khác.

3- Dùng đồ vật đựng vật báu từ người khác.

4- Hoặc nói để trong đó.

5- Hoặc nói cho tịnh nhân nầy, đều là chứa cho nên phạm.

Lại theo luận này quyển 4 nói: Trong chứa y dư nên cầu hai thứ tịnh:

* Một là: Tiền bạc vật báu v.v... Trước nên cho một tịnh nhân tại gia, nói rõ ý cho hiểu: Tôi là Tỳ-kheo, theo pháp không chứa tiền bạc. Nay lấy Đàn việt làm tịnh chủ. Sau này được tiền bạc sẽ tịnh thí cho Đàn việt. Sau đó được tiền bạc để bên Tỳ-kheo thuyết tịnh, không cần nói tên tịnh chủ. Đã thuyết tịnh rồi thì tùy xa gần mà chứa. Lại theo Luận kia về thuyết tịnh tiền của, văn Luận nói có hai, nhưng tìm hiểu chi tiết luận lại có ba loại:

1/ Người tại gia đem tiền bạc đến cho Tỳ-kheo. Tỳ-kheo chỉ nói: Vật này bất tịnh nên tôi không được chứa, nếu tịnh sẽ nhận.

2/ Tỳ-kheo nói: Tôi không nên chứa. Tịnh nhân nói: Vật tịnh thì chứa, tức là tác tịnh.

3/ Đặt dưới đất rồi bỏ đi, nếu có Tỳ-kheo thì nên thuyết tịnh.

* Hai làTịnh chủ: Y có hoặc các vật, ứng theo lượng như trên mà cầu. Trong năm chúng thì người trì giới, học rộng, có đức mới làm tịnh chủ. Nếu y ứng theo lượng không tác tịnh thì phạm xả đọa, còn không ứng lượng, không tác tịnh thì phạm xả, thực hành sám hối Đột-cát-la.

Luận lại nói: Có năm thứ vật cần tác tịnh:

1/ Trọng báu.

2/ Tiền và tợ báu.

3/ Hoặc y, y tài ứng lượng trở lên.

4/ Tất cả không ứng lượng, như y, y tài.

5/ Tất cả gạo thóc, vỏ trấu thuyết tịnh trong ngày. Nếu không có người tại gia, bốn chúng ở bên tác tịnh, không tác tịnh thì lúc thấy rõ mặt đất thì phạm xả, sám hối Đột-cát-la.

Nay trong giới này, ý nói các của báu quý trọng và tiền, các vật

khác đều nói theo tướng.

Nếu theo luật thì giới này và giới sau đều phạm.

Lại người xưa nói: Chứa để, mua bán hai thứ báu thì sám hối riêng chúng. Luận Tát-bà-Đa bây giờ gọi là nhập chúng, cho nên biết là cũng thông nhập vào pháp sám hối trong tăng. Nếu không nói biết thì phạm Đột-cát-la.

Còn đối với người mà sám thì xả tài như trước. Sau đó sám hối trả lại có thọ dụng thì phạm xả đọa, tài vật thì phạm Đột-cát-la. Im lặng nói dối phạm tội căn bản Ba-dật-đề. Mỗi thứ đều có che giấu, tùy che giấu lục phẩm. Cùng thọ dụng im lặng nói dối hợp tác phẩm Cát-la, v.v...

Y theo giới y dư ở trên mà sám hối.

***Giới 19: Mua bán vật báu.***

Nghĩa là đem vật báu trao đổi mua bán, đối với bảy chúng đều phạm. Tự làm, dạy người làm đều phạm.

Trong văn nói mua bán là tên khác của sự trao đổi qua lại.

Theo luận Tát-bà-đa thì thuyết tịnh rồi mà đem trao đổi thì phạm.

***Giới 20: Mua bán***

Nghĩa là cùng với người thế tục, lúc thời phi thời, bảy ngày hay trọn đời đem các món y phục, đồ đạc mới để trao đổi mua bán như ở chợ. Nếu trao đổi với năm chúng xuất gia thì không phạm.

***Giới 21: Chứa bát dư***

Theo y dư mà giải thích, nghĩa là có thí chủ phát tâm cúng dường, hoặc tự mình mua thì phạm, nếu theo người xin thì phạm giới sau.

***Giới 22: Xin bát.***

Nghĩa là bát bị vỡ năm lần nứt vẫn vá lại dùng. Nếu cầu xin mà được thì phạm xả đọa. Trong đoạn văn này nói: Tỳ-kheo nên đến trong tăng xả rồi rồi sau đó lại xả sám pháp.

Các giới đều có bốn:

1- Xả tài.

2- Sám hối.

3- Pháp trả lại.

4- Không trả lại, kết tội.

Nay một giới này thì xả tài và trả lại khác với các giới khác. Cho nên riêng tụng ra.

Văn nói: Tỳ-kheo kia nên đến trước Tăng cầu xả, nghĩa là việc xả tài phải tụng văn xả. Không đồng với giới khác là đối một, hai, ba người và đủ số tăng (4 người). Hoặc ở trong đại giới giới tràng, giới tự nhiên, đều tùy thích nghi mà thành xả.

Nay Giới xin bát nầy, hạn cuộc đối ở trong Tăng bên trong đại giới trụ xứ này, mà xả.

Lúc xả đầy đủ oai nghi thưa rằng: - Đại đức tăng nghe! Con là Tỳ-kheo... Bát hư dưới năm chỗ nứt chưa chảy. Xin xong được một bát mới thì phạm xả đọa, nay xả cho tăng.

Kế là nói về pháp sám hối, cũng có thọ dụng bát phạm xả đọa, tám phẩm phạm Đột-cát-la...

Kế nói về không trả lại kết tội. Phần này dễ hiểu không cần giải thích, chỉ giải thích phần thứ ba là cách trả lại.

Trong văn giới nói: Lần lượt đem bát đổi từ vị Thượng tọa cho đến Hạ tọa. Rồi đem bảo vị Hạ tọa trao cho Tỳ-kheo ấy và bảo thọ trì cho đến khi vỡ, đó là đúng thời.

Theo luật thì bát tốt nên giữ lại. Nên đem bát của vị Hạ tọa mà cho.

Theo luật Tăng-kỳ nếu xin được bát tốt thì đem bán lấy mười bát. Chín bát nhập cho tăng, một bát trả lại cho đủ. Nay trong luật này chỉ lấy bát của vị hạ tọa (người thấp nhất).

Cách thức trả lại y theo luật có bốn môn:

1 Xử phân tốt xấu như đã nói.

2/ Bạch hai lần cho trả lại

3/ Sợ Bát này tốt hơn, nên ở trong tăng đơn bạch, lần lượt đổi cho đến bát của vị hạ tọa. Hoặc trả lại, hoặc đổi lấy, hoặc có vị tăng khác muốn đổi thì đổi.

4/ Bạch nhị Yết-ma mới giao cho vị bản chủ. Người xưa gọi là phạt khiến cho dùng cựu trì tân Yết-ma. Trong văn Yết-ma nói cho thọ trì đó chẳng phải là pháp thọ trì. Chỉ là thọ mà trì hành. Nên trong luận Tát-bà-đa quyển năm nói: - Thọ trì bát đúng như pháp mà thọ trì. Sau đó bát không thọ trì thì cho chứa. Khi thọ thực nên trì hai bát suốt đời. Như vậy là để đối trị tâm tham, luật Tăng-kỳ nói:

- Bát cũ mỗi ngày gỡ chỗ vá cho đến mỗi ngày phải rửa sạch. Hoặc Sư tăng tri thức nghĩ vị Tỳ-kheo hiền thiện này sợ trở ngại cho thiền tụng thì đập vỡ hoặc cất giấu, dùng bát mới thì không phạm. Cho nên trong luật Tứ phần nói: - Cho đến phá bỏ cũng ứng trì, nhưng vẫn phải thọ trì không cho hủy hoại.

***Giới 23: Xin tơ chỉ của người không phải bà con, sai người không phải bà con may y cho mình.***

Ý giới này có ba:

1/ Nhiều duyên chướng ngại đạo.

2/ Vời lấy hiềm chê bai.

3/ Làm hại người mà thành lỗi.

Xin chỉ đem dệt vải là nhiều việc. Xin của người chẳng phải bà con là vời lấy sự chê trách. Theo Luật thập tụng, Tát-bà-đa là cậy vào thế lực bảo người dệt hơn giá trị là làm tổn não người. Trong ba việc tuỳ theo quan hệ thì không phạm xả. Như tự xin làm phòng quá lượng thì phạm tội, v.v...

***Giới 24: Biết người cúng dường khuyên dệt cho tốt.***

***Giới 25: Che giấu cầu được tặng y, không được bèn đoạt lấy.***

Quang Uyển nói: Đây là giới ban đầu cho y không rõ ràng, mà sau cưỡng đoạt lại. Người xưa chỉ gọi là Giới trước đã cho người y sau đoạt lại.

Trong luật thì nói trước cho y người là che giấu tâm muốn cầu thân, trong lòng muốn người cùng đi để giáo hóa, sau không đi thì tức giận đoạt lại. Nghĩa là không nhất định cho và quyết định lấy mà cướp đoạt thì phạm. Quyết định cho quyết định lấy, quyết định cho không quyết định lấy, hai sự cướp đoạt này đều phạm tội trọng. Nếu không nhất định đoạt lại thì phạm Cát-la.

***Giới 26: Chứa thuốc quá bảy ngày.***

Văn có năm:

1/ Người chấp nhận phạm.

2/ Người bịnh có duyên chứa thuốc.

3/ Giấu thuốc và sữa, dầu, mật, thạch mật, nêu ra năm loại thuốc.

4/ Trong bảy ngày thì được uống, nghĩa là cho uống có thời hạn.

5/ Nếu quá hạn v.v... trở xuống là kết tội... cho đến ngày thứ tám mặt trời mọc thì phạm mà không đợi uống, uống rồi càng phạm.

Văn nói thuốc dư như luận nói chứa y dư. Chứa thuốc nghĩa là uống dư cất lại. Quá bảy ngày thì còn dư. Do đây mà nói nghĩa của bốn thứ thuốc thời, phi thời, bảy ngày, và trọn đời. Nghĩa này có hai môn phân biệt:

1- Thích danh, định thể.

2- Pháp thọ trì.

* Giải thích tên gọi, định ra thể:

Nói thời dược là thuốc trị bịnh trước giờ Ngọ. Đó gọi là Thời.

Nói phi thời: Là các thứ nước trái cây dùng để trị khát, trị cả chủ khách. Sau giờ ngọ, mặt trời chưa mọc mà uống gọi là phi thời.

Nói bảy ngày là bị thế lực phong đàm, v.v... tương đối mạnh ép

ngặt. Bảy ngày nối nhau trị liệu mới có công hiệu gọi là bảy ngày.

Nói trọn đời là người bịnh mãn tính thì cho uống lâu ngày. Nhưng với riêng sử dụng này, người phần nhiều lạm dụng, cho nên đối với tánh định thể của nó phải đủ bốn duyên:

1) Thân bị bịnh, luật gọi là thuốc trọn đời, nếu không bịnh mà uống thì phạm Cát-la.

2) Y thuật cần thiết, nghĩa là trong điều trị cần nhiều thời gian uống thuốc, ngoài ra chỉ cho uống ngắn hạn, không được lạm dụng lâu. Trong luật nói Tỳ-kheo khất thực thấy làm thạch mật thì nghi ngờ không ăn. Phật nói tác pháp thì được dùng. Trong luận Tát-bà-đa quyển 6 lại nói: Hoặc thuốc uống hằng ngày, hoặc thuốc bảy ngày để thành thuốc uống suốt đời thì không phạm.

3) Người đời cùng hiểu rõ thể tánh chúng là thuốc, tức các loại Phục linh, Can địa, Hoàng v.v... người thế gian không ai mà không biết thể nầy là thuốc, tất cả y phương phần nhiều cần có các loại nầy, nếu không cho uống thuốc thật trái với Thánh ý. Vả lại, duyên khởi uống thuốc bảy ngày còn nói có năm thứ thuốc mà đời vốn biết loại đó vừa là thức ăn, vừa là thuốc, nhưng Phật không để thô tháo hiện bày thành thức ăn (nhai ) Loại ấy ăn được, Phật còn khai làm thuốc uống, Phục linh chỉ là thuốc, vì sao Phật lại không cho.

4) Tướng ly thời thực: Ở đây y theo bảy ngày không để cho thô hiện. Huống chi nay, trọn đời, sao được không cho.

Lại người đời cùng biết thể đó là thuốc, hoặc phân thuốc rõ ràng thì khai cho. Nếu muốn chỉ uống chữa bệnh cũng khai không có tội. Nhưng có người bịnh cả ngày ăn không được, đói khát quá cũng sinh ra bịnh nên cho uống thuốc. Về lý này chẳng thể không cùng tận.

* Pháp thọ trì: Xưa nay trong luật Thập tụng ngài Ưu-Ba-la hỏi. Uống thuốc thời phần, thuốc bảy ngày, thuốc trọn đời không phạm ... có được tay nhận, miệng nói nhận không? Phật nói: Được.

Lại, luận Tát-bà-đa quyển 6 nói: Tỳ-kheo bịnh cần uống thuốc bảy ngày, tự không có tịnh nhân cầu thỉnh thì khó được, vậy phải có tịnh nhân trao tay. Theo Tỳ-kheo miệng nói nhận rồi thì cứ tùy để một nơi trong bảy ngày tự lay uống. Nay Giới bản nói: Cho bảy ngày được uống là ý này.

+ Trước nói thuốc uống phi thời, phân biệt có ba nghĩa:

1/ Thuốc được nhận.

2/ Người trao thuốc.

3/ Pháp chánh gia.

- Thuốc nhận phần nhiều làm từ quả, có khi làm từ rễ. Hoặc làm thuốc thành các loại rượu nước. Như trong Dược Kiền-độ nói có tám loại nước.

Luật Thiện Kiến quyển 17 giải thích: Tất cả cây quả được làm nước uống phi thời trừ thóc gạo. Các loại lá được làm nước phi thời trừ rau. Các loại hoa được làm nước phi thời, trừ hoa Ma-đầu. Tất cả quả thì trừ quả cây Đa-la, quả lang tử v.v... Các loại nước cất như Tô-tỳ-la. Luật Tăng-kỳ quyển 29 nói các nước lúa mạch cất thành. Luật này thì cho uống các loại thuốc nước gạo lúa. Các loại nước này phải không có tám điều lỗi. Đó là ác xúc, tự nấu, trong chúng nấu, để qua đêm, trong một đêm, bị biến thể, chưa từng tay nhận, hoặc nhận rồi để ở dưới đất, dừng trong khoảnh khắc.

- Người trao thuốc: Cần biết cách làm nước trái cây, như làm nước Bồ-đào thì trái Bồ đào cần phải hỏa tịnh. Khi thành nước phải lóng sạch lại. Nếu bất tịnh lẫn nhau, hoặc đều bất tịnh, theo Thập tụng luật quyển 26 thì đều không nên uống. Nếu nước đục chưa lóng trong, tịnh nhân muốn bỏ thì khiến nấu lại cho sôi, sau đó để ấm lại thì không phạm tự nấu. Khi tịnh nhân trao thì hợp với tâm Tỳ-kheo. Tỳ-kheo thọ đã biết loại nước đó đưa tay đón nhận. Theo luật Tăng-kỳ nên đối trước Tỳ-kheo nói rằng: - Tịnh vật này tôi sẽ thọ. Nếu đã lắng trong chỉ cần thọ lấy không cần ghi nhớ.

- Pháp chánh gia: Các bộ luật đều nói pháp gia mà không có văn pháp. Theo nghĩa mà nói thì đầy đủ nghi thức đối một vị Tỳ-kheo, tay cầm thuốc bạch rằng: - Đại đức nhứt tâm niệm, tôi là... nay vì nhân duyên bịnh khát, đây là nước nho, muốn để cách đêm dùng cho nên đối trước Đại đức nạp thọ (ba lần).

Các loại nước giải khát cũng như vậy. Trong bản dịch mới của luật có văn pháp gia, tạm y theo pháp xưa.

+ Tiếp nói thuốc bảy ngày cũng có ba môn dược thể, như năm loại trong Giới bản. Cũng không có tám lỗi, nhưng có nghĩa khác trong đây là tàn túc (chứa cách đêm) có ba:

1/ Nghĩa như trước.

2/ Theo luận Tát-bà-đa thì không phải dư, nhưng Tỳ-kheo uống thuốc quá bảy ngày.

3/ Chẳng phải tự thân đã phạm chứa thuốc, cho đến ngày thứ bảy trở đi rồi vẫn uống.

Về người trao thuốc thì như pháp chưng nấu, lọc khác với thời thực.

Về pháp chánh gia, trước chưa phạm chứa thuốc dư. Nếu trước đã phạm nay lại thọ trì thì bị nhiễm phạm. Theo nghi thức đầy đủ thì nói:

- Đại Đức nhất tâm niệm, tôi là Tỳ-kheo v.v... nay vì bị bịnh phong, thuốc mè bảy ngày này, muốn để cách đêm uống trong bảy ngày, nay đối trước Đại đức nạp thọ (ba lần).

+ Tiếp nói thuốc thọ trọn đời .

Về thuốc được nhận cũng không có tám lỗi như trên.

Về người trao thuốc: Luật sư Nam Sơn y cứ theo Thập Tụng, quyển 26 nói đồ ăn lạnh cho hâm nóng lại. Nếu sống thì cho phép dùng lửa sạch nấu. Nay trong Thập tụng lại cho khai các loại sống dùng lửa thanh tịnh nấu. Nếu cho thì các loại lúa mạch chẳng phải là loại sống, chẳng lẽ lại không được tự nấu. Cho nên biết chỉ biến tướng trạng sống thì phạm tự nấu. Cho nên, phải nấu cho biến tướng trạng sống của thuốc thì mới không phạm nấu. Pháp ghi nhớ, nhận biết, tay nhận v.vv...y theo trước nên biết.

Về pháp chánh gia: Các pháp chung riêng đều thành, lại nói thọ riêng như bốn thứ: viên v.vv... Nếu được người cho thì tác bạch rằng: - Đại đức nhất tâm niệm, tôi là Tỳ-kheo v.v... vì có chút bịnh duyên, cho nên người nầy cho thuốc trọn đời. Bốn thứ như thuốc v.vv... muốn uống cách đêm, uống lâu dài nay đối trước Đại đức nạp thọ. Nếu chung thì nên thọ chung rằng: - Đại đức nhất tâm niệm, tôi là Tỳ-kheo v.v... vì có chút bịnh duyên, bốn thứ thuốc này trọn đời thọ dùng cách đêm. Cho nên đến chợ mua thuốc, nhờ tịnh nhân trả giá rồi Tỳ-kheo nên tự chọn. Quá phần giữ nhiều rồi sau mới lần lượt thọ lại chớ để dưới đất, liền tìm Tỳ-kheo thọ trì gia pháp, tức là đúng như pháp.

Do trước đã thọ nhiều chưa chắc chắn thuộc về mình thì không phạm ác xúc. Sau khi tác bạch xin thọ giữ thanh tịnh. Các Pháp sư v.v... có nói trong Thập Địa đoạn hoặc”. Tuy bàn luận cao siêu nhưng chính mình thì không có phần. Nay giới luật này tự chia ra các hành môn xứng giáo để nhiếp tâm, mỗi việc đều trái ngược chẳng lẽ được gọi là tri giải hay sao? Phá Đột-cát-la thì không qua được biển lớn, vì sao không tin mà vọng thích tham si. Than ôi! Thật đáng thương xót.

Các pháp thọ trì này phần nhiều để ngăn ngừa sự thất thọ (tức không thọ quá hạn), tàn túc, ác xúc, nấu nướng cách đêm. Nếu cho tự nấu v.vv... tuy không thành thọ, nhưng không do miệng mà phòng ngừa lỗi. Xưa nói phi thời bảy ngày không ngăn ngừa nấu nướng. Nếu theo Dược Kiền-độ thì cho trọn đời được nấu. Cho nên nay y theo trọn đời ngăn ngừa thì không có lỗi.

***Giới 27: Quá trước nửa tháng cầu áo tắm mưa.***

Quá trước nửa tháng dùng tắm: Hai giới này hợp lại rồi đặt ra vào mùa xuân. Chứa một tháng từ nửa tháng giêng cho đến nửa tháng tư họp lại thành ba tháng, cho đó là mùa Xuân. Trong mùa xuân này được chứa một tháng là từ mười sáu tháng ba về sau. Cho nên trong luật nói nên xin áo tắm mưa vào ngày mười sáu tháng ba trở đi, nửa tháng dùng một lần. Từ mười sáu tháng ba đến một tháng tư là nửa tháng. Cho nên trong luật nói: Mùng một tháng tư nên dùng tắm. Văn khác thì dễ hiểu. Về lượng thì trong giới 90 ở dưới có nói rõ về áo tắm mưa.

Luận Tát-bà-đa quyển 6 nói:

1 Lúc trời mưa, dùng để che bốn bên mà tắm, lúc trời nóng cũng để che bốn bên tắm.

2 Vào mùa Hạ mưa nhiều, dùng áo mưa này gói ba y mang đi đường.

***Giới 28: Thọ cấp thí y quá trước, hoặc chứa nhiều quá sau.***

Đây cũng là hai giới hơp lại chế. Văn nói mười ngày chưa mãn ba tháng hạ. Nghĩa là tiền an cư. Trải qua tám mươi ngày còn mười ngày nữa mới đủ ba tháng hạ. Tức là từ ngày sáu tháng bảy cho đến ngày mười lăm. Trong mười ngày này hễ lúc nào được y thí gấp thì nên thọ. Vì vậy Phật chế an cư chưa xong thì không cho thọ y. Thọ thì phạm Cát-la. Nay thí chủ có việc gấp cần đi xa không thể đợi mãn hạ. Cho nên cho cúng thí trước mười ngày gọi là y thí gấp. Thọ rồi cho đến thời y nên chứa. Hạ xong, sau một tháng Ca-đề hoặc thọ năm tháng đều gọi là thời y. Trong thời y không cần thuyết tịnh, cứ như thế mà chứa. Ở đây y cứ vào ngày sáu, tháng bảy thì được sau mãn hạ một tháng năm tháng. Nếu ngày bảy tháng bảy thọ thì sau một tháng năm tháng được tăng thêm chứa một ngày. Nếu ngày mùng tám tháng bảy thì người thọ tăng thêm hai ngày chứa. Cho đến ngày mười lăm tháng bảy, người sau khi thọ được chứa thêm chín ngày. Tùy theo quá hạn mà kết phạm tội.

***Giới 29: Đến A-lan-nhã trong tháng Ca-đề, nghi có sợ hãi được ngủ lìa y qua sáu đêm.***

Văn nói đủ một tháng Ca-đề là y theo ba luật khác. Đây là người hậu an cư trong tháng Ca-đề chưa đi nơi khác. Những người tiền an cư đã đi hết, còn lại một mình sợ có giặc ngoài thì cho tăng ba y tùy gởi y tốt đưa đến xóm làng gởi sáu đêm. Đến đêm thứ sáu lúc mặt trời chưa mọc đều lấy y lại, một đêm đã qua gởi thêm sáu đêm. Người xưa nói sau khi mãn Ca-đề được gởi y là sai.

***Giới 30: Tự nhập vật của chúng tăng về cho mình.***

Theo duyên khởi trong luật nói: Thí chủ muốn cúng dường vật cho tăng hiện tiền mà tâm họ chưa nhất định, bèn bảo họ nhập về cho mình thì phạm giới này. Nếu lấy vật của tăng bốn phương nhập vào hiện tiền, y theo luật thì phạm Đột-cát-la. Chưa nhập cho mình, hoặc đã nhập đều phạm xả đọa. Nếu biết chắc chắn thí chủ cúng cho tăng mà tâm định nhập về cho mình, theo lý thì phạm tội trọng. Luật Tăng-kỳ quyển 11 nói: - Nên đem vật cúng cho Tỳ-kheo mà dạy họ cúng cho tăng thì được quả báo lớn, nếu nói tôi đã bố thí cho tăng mà nhận lấy thì không phạm.

Đoạn kết thứ ba xem xét như văn trước, phần sám xả đọa tùy theo giới, hoặc có sự khác nhau cho nên văn lược.

## PHẦN THỨ NĂM : 90 BA DẬT ĐỀ

Thứ hai là nêu tướng tội danh.

***Giới 1:*** Nói dối thì phạm tội báo địa ngục, so với tuổi nhân gian là hai mươi mốt ức bốn ngàn tuổi. Sau đó sinh lên làm người, có mong cầu gì đều không được. Mười điều ác này thuộc về nghiệp đạo càng nặng. Con người phần nhiều không cẩn thận, xoay vần rơi vào đường ác chưa biết bao giờ được giải thoát.

***Giới 2:*** Dùng lời hủy nhục, các ngôn từ thấp hèn mà mắng nhiếc Tỳ-kheo. Như nói: - Ông giống như heo, v.v...

***Giới 3*** (trong chánh văn không có)

***Giới 4:*** Ngủ cùng nhà với người nữ không kể là đạo tục thân sơ. Nhưng lấy người có hiểu biết, mạng sống chưa dứt làm cảnh giới, cho nên biết là Đại nữ.

Luận Tát-bà-đa quyển 8 nói: Nếu không kham hành dâm như gái bất dục, v.v... cho đến bồ câu, v.v... thì phạm Đột-cát-la.

Người nữ tùy lưng nằm nghiêng cũng mỗi mỗi phạm Ba-dật-đề. Nếu theo văn luật thì phòng ốc có bốn tướng:

1) Bốn mặt ngăn, trên có che.

2) Trước rách nát không có vách.

3) Tuy có che mà không khắp.

4) Tuy che mà có chỗ mở.

Có bộ luật xưa thêm một câu nữa nói, có bốn vách tường trên không che là lầm. Y theo chín loại không thành phòng ốc thì đây là loại thứ tư. Chín loại phòng phần sau sẽ nói. Trong bốn loại phòng này, hễ nằm nghiêng hông liền phạm.

Lại y theo luận Tát-bà-đa thì trong sự đồng che đồng ngăn có các

phòng nhỏ. Tuy mỗi phòng khác nhau nhưng cũng là nhà cho nên vẫn là một phòng thì phạm Ba-dật-đề.

Lại y theo luật Tăng-kỳ, lúc đại hội nói pháp để tránh mưa gió sương tuyết nên vào nhà ngồi. Nếu già bịnh không thể ngồi, thì che chắn không được dùng các vật thưa. Đi đường vào tá túc làng xóm nên ở phòng riêng. Nếu không có phòng thì nên đúng như pháp đã nói ở trước.

Người xưa giải thích rằng: - Khi ngồi vững mình thì phải có đèn sáng và có nhiều người. Nếu che cách thì phòng lớn từ bức tường dẫn ra. Từ chính giữa cửa cho đến trước nhà thành ra hai nhà vuông thì không phạm.

Lại thấy người xưa y theo luật hợp ba lần ba thành chín loại không thành tướng phòng ốc. Nay rõ ràng chỉ có tám câu không thành tướng phòng, nói chín là văn luật nhầm. Nay tạm trình bày chín câu, có ba loại ba:

Thứ nhất, ba là:

1 Lợp hết, hoàn toàn không che.

2 Lợp hết, che phân nửa.

3 Lợp hết, che một ít.

Thứ hai, ba là:

1 Lợp hết không che.

2 Che hết, lợp phân nửa.

3 Che hết, lợp một ít.

Thứ ba, ba là:

1 Lợp phân nửa, che phân nửa.

2 Lợp một ít, che một ít.

3 Không lợp không che.

Trong chín câu này trừ câu thứ hai trong phần hai, còn tám câu kia, ở trong đó đi ngồi đều không phạm, mà luật chẳng nói nằm không phạm. Nếu bịnh nằm thì không phạm. Các tướng nhà khác đều y theo đây nên biết.

***Giới 5:*** Ngủ một nhà với người chưa thọ đại giới quá ba đêm. Theo luật thì đêm thứ ba lúc mặt trời đã mọc phạm một tội Ba-dật-đề. Ngài Nam Sơn nói phạm Cát-la. Văn giới này thì nói quá ba đêm phạm Ba-dật-đề. Đến đêm thứ tư tùy lưng vừa đặt xuống đất mỗi mỗi phạm Ba-dật-đề. Nếu đêm thứ ba lánh, mặt trời mọc cho đến đêm thứ tư thì hoàn toàn cách một đêm. Nếu không cách thì hễ lưng vừa đặt xuống thì phạm.

***Giới 6:*** Tụng giới với người chưa thọ đại giới. Nghĩa là hợp tiếng cùng tụng ba tạng Phật giáo. Theo luật Thiện Kiến thì tự chọn văn ký đồng tụng không phạm.

Theo luật thì khi trao kinh cho đệ tử nên nói: - Ta nói xong thì ngươi nói. Nếu không như vậy thì phạm Cát-la. Theo luận Tát-bà-đa quyển 6 nói: Nếu hai người vì lợi ích đọc kinh cùng tụng thì không phạm. Nói chung thì mỗi người tự làm bản nghiệp của mình, nếu vô tâm hợp tiếng thì không phạm. Khi Thượng đường tất cả tụng đọc, mỗi người tụng niệm đều y theo đây mà khai. Luận Ma-đắc-lặc-già nói hai người hợp tụng thì phạm Cát-la. Luận Tát-bà-đa quyển 6 cũng nói như vậy.

***Giới 7:*** Nói thô tội của người khác với người chưa thọ Đại giới, trừ tăng Yết-ma. Trong luật nói Đề-Bà-đạt-đa muốn phá tăng. Phật bảo bạch yết-ma và sai ngài Xá-lợi-phất, ở trong đại chúng tại gia nghịch nói lỗi kia thì không phạm.

Luận Tát-bà-đa quyển 6 nói: Thà phá hoại tháp tượng chứ không nói lỗi của Tỳ-kheo với người chưa thọ giới, nếu nói thì phá pháp thân.

***Giới 8:*** Nói với người chưa thọ giới cụ túc rằng mình đã thật sự chứng được đạo: Giới này không phải của phàm phu nên không giải thích.

***Giới 9:*** Không có người nam hiểu biết ở bên cạnh mà nói chuyện với người nữ quá năm sáu lời.

Năm, sáu lời là năm sáu khoa. Như năm uẩn là năm khoa, sáu căn là sáu khoa. Trong Quảng luật giải thích năm, sáu khoa chưa phải là phạm.

Nếu có người nam hiểu biết ở bên cạnh làm người thứ ba biết phân biệt nhiễm tịnh thì không giới hạn nhiều ít. Trong luận Tát-bà-đa quyển 6 nói nhất định phải là nam cư sĩ. Nếu người xuất gia không thể đồng sự. Còn theo bộ luật này văn sau nói có vật báu, đối với chồng là người thứ tư thì khai. Không khai cho người thứ ba. Và ngồi nơi đất trống với người nữ thì khai cho người thứ ba.

Văn luật cũng nói: Nếu có hai Tỳ-kheo làm bạn thì không phạm. Vậy thì không đồng với luận Tát-bà-đa.

***Giới 10:*** Đào đất:

Vì làm hoại các loài thấp sinh, các loài cỏ cây dưới đất. Trong luật Tăng-kỳ nói nếu làm hại các loài dưới chân đều phạm. Nếu cần đào thì bảo tịnh nhân và nói: “Xem có trùng... biết rõ có trùng.. rồi đào.

Nếu chỉ thẳng hãy đào đi thì phạm Ba-dật-đề.

***Giới 11:*** Phá hoại sinh chủng.

Luật nói: Quỷ thần là loài phi nhân. Nay thì thấy rõ loài phi nhân là gồm cả súc sinh. Cho nên trong luật Thập tụng quyển 10 nói: Cỏ cây là nơi chúng sinh nương ở. Chúng sinh nghĩa là thần cây, v.v... cho đến muỗi kiến, rắn rít, v.v...

Theo đại ý trong luật có hai thứ sinh chủng:

1 Các loại rễ cành.

2 Các loại lúa mạch.

Nếu phá một loại cũng phạm Ba-dật-đề. Nếu ăn các loại hoa quả trồng trọt thì bảo tịnh nhân làm hỏa tịnh ở chỗ đất sạch. Nếu không ăn cây thì dùng dao cắt dưa bổ hạt mà ăn.

Luật Tăng-kỳ quyển 14 nói: Ma-ma-đề biết có vỏ thóc chưa sạch, sợ Tỳ-kheo tuổi trẻ không hiểu pháp nên nhờ tịnh nhân hỏa tịnh hết. Nếu nói đem giã đâm thì không phạm.

***Giới 12:*** Nói lời dị ngữ làm não loạn người

Mượn việc khác gọi đó là dối. Như Tăng-kỳ quyển 14 nói:

Hỏi- Ông từ đâu đến.

Đáp: Từ quá khứ đến.

- Đi về đâu?

- Đi về vị lai.

Không đáp đúng như vậy thì gọi là dị ngữ. Trong luật nói: Xiển-đà khinh hủy người khác, nói lời dị ngữ thì phạm Đột-cát-la. Phật bảo Tỳ-kheo: Nếu làm pháp đơn bạch thì gọi đó là Dị ngữ. Sau khi tác bạch rồi nếu còn phạm thì phạm tội Ba-dật-đề. Ngày khác, Xiển-đà lại làm não loạn tăng. Khi tăng gọi thì không đến, không gọi lại đến, nên nói thì không nói, không nên nói thì lại nói. Làm điều phi lý này nên gọi là não tha. Lại chế ra tác bạch gọi là làm não tha. Phần kết tội thì y như trước. Đây do hai giới hợp lại chế ra.

***Giới 13***: Yết-ma sai người mắng nhiếc tăng, phạm Ba-dật-đề.

Theo luật thì chỗ mắt thấy tai không nghe mà hủy nhục người thì gọi là hiềm, chỗ nghe mà không thấy mà hủy nhục thì gọi là mạ. Cũng là hai giới hợp lại chế ra.

***Giới 14:*** Trải mền nệm của tăng giữa đất trống thì phạm. Nếu nghĩ mượn trả lại ngay thì không phạm. Nếu tâm nghĩ đi luôn, vừa ra cửa liền phạm.

***Giới 15:*** Trải ở chỗ khuất thì phạm. Nếu định đi luôn, ra khỏi giới liền phạm.

Nếu nghĩ tạm đi đến đêm thứ ba mặt trời vừa mọc thì phạm.

***Giới 16:*** Biết người được chỗ ở, mình đến sau rồi cưỡng đoạt đồ nằm, ép ngặt người thì phạm.

Nhân duyên như thế gọi là não tha duyên . Không phải khác là chẳng phải khai duyên khác. Phi oai nghi là mất pháp nghi của người xuất gia.

***Giới 17:*** Mùa Xuân mùa Đông, lôi người ra khỏi phòng thì phạm.

Người ấy trong mùa Hạ được chia phòng của mình rồi, cố kéo họ ra thì phạm Cát-la. Vì trong luật ni có giới trong hạ kéo đuổi người ra khỏi phòng, do đó mà Tỳ-kheo phạm Cát-la. Luật Tăng-kỳ quyển 14 nói: Tức giận đuổi rắn chuột ra thì phạm Việt Tỳ-ni... Nếu nghĩ rằng vật này vô ích, đuổi ra thì không tội.

***Giới 18***: Ở trên lầu gác, ngồi trên giường lỏng chân, chân giường rơi xuống rớt trúng người ở dưới, cho nên phạm.

***Giới 19:*** Dùng nước có côn trùng. Luận Tát-bà-đa quyển 6 nói: Ngài Xá-lợi-Phất dùng thiên nhãn thanh tịnh nhìn thấy côn trùng trong không khí như cát trong nước nhiều hằng hà sa số. Do đó mà nhịn ăn suốt hai ba ngày. Phật dạy phải ăn, và chế trong nước có côn trùng mắt thường nhìn thấy thì không được dùng. Nên lược nước để người học rộng trì giới tin sâu tội phước, xem xét cho kỹ. Thảy đều khiến cho biết rõ nước ấy, mà như pháp lược nước đổ vào bình, để trong một ngày, sáng sớm lại xem. Nếu có côn trùng thì nên lược lại hai lần, nếu còn thì lược ba lần. Nếu còn nữa thì mau đổ đi.

Tăng kỳ luật quyển 15 nói: Loài trùng sinh ra vô chừng. Hoặc trước không sau có, hoặc trước có nay không. Vậy Tỳ-kheo mỗi ngày nên xem trước, nếu không có trùng thì mới dùng.

***Giới 20:*** Lợp nhà quá ba lớp.

Nghiệm ý trong luật nói ba lớp là che ba lớp. Ở đây lợp chồng lên làm cho phòng bị nghiêng đổ, vời lấy sự chê trách cho nên Phật chế. Xem lợp hai lớp cho đến ba lớp chưa xong thì Tỳ-kheo phải lìa chỗ thấy nghe, không như vậy thì phạm.

***Giới 21***: Y cứ theo luật thì chư ni nửa tháng phải qua thỉnh tăng giáo giới. Nếu có Tỳ-kheo đầy đủ mười đức thì thọ lời thỉnh của ni. Bấy giờ tăng cần bạch nhị Yết-ma sai người qua giáo thọ ni. Nay người không được tăng sai lại đến dạy ni thì phạm Ba-dật-đề.

***Giới 22:*** Tăng sai nói pháp dạy ni, cho đến chiều tối chưa về, bị chê bai cho nên Phật chế giới này.

***Giới 23***: Nhóm Tỳ-kheo sáu vị thấy người có đức được tăng sai đến giáo thọ ni liền sinh tâm ganh ghét, nói rằng tham lợi, do đó mà

phạm tội.

***Giới 24:*** ( trong chánh văn không có)

***Giới 25***: Giới may y, như trong luật có nói rộng.

***Giới 26***: Ngồi chỗ khuất với ni. Nếu có người hiểu biết ngồi bên cạnh thì không phạm.

***Giới 27, 28:*** Hẹn đi cùng thuyền, luật nói: không có hẹn trước, đi trên đường gặp, cẩn thận không dám đi chung. Phật nói không hẹn thì không phạm.

***Giới 29:*** Thọ thức ăn do ni khen ngợi mà có: Biết ni khen ngợi mình là người có đức để Đàn việt cúng dường, thọ thực thì phạm. Nếu Đàn việt cúng thức ăn trước và không khen ngợi thì không phạm. Không biết có sự khen ngợi đó thì không phạm.

***Giới 30:*** (trong chánh văn không có)

***Giới 31:*** Đàn việt xây một nhà phước, giới hạn cho một bữa ăn, ngủ một đêm, nếu thọ quá thì phạm.

Luật Tăng-kỳ quyển 16 nói: Lập 16 gian phòng, một phòng một người. Nếu thọ rồi thì nên cách một đêm, sau đó lần lượt đến thọ nhận. Luật nói: Người bịnh bị khổ não, thí chủ biết thì thọ quá không phạm.

***Giới 32***: Lần lượt thọ thực. Nghĩa là có nhà trước thỉnh năm thứ chánh thực. Đã hứa thọ thỉnh rồi sau lại thọ năm thứ chánh thực của nhà sau; ở chỗ nhà sau thức ăn qua cuống họng, phạm một tội Ba-dật-đề. Bỏ trước thọ sau gọi là lần lượt. Nếu bỏ không đủ, thức ăn không chánh không tịnh v.v..., theo tình thì nhẹ nên chỉ phạm Đột-cát-la. Hoặc ở nhà sau ăn thức ăn không chánh, không đủ, không tịnh và hoàn toàn không ăn, Đàn việt kia nghe không khởi tâm chê bai nặng cũng chỉ phạm Cát-la. Trừ thời khác, đó là trừ lúc khai. Văn khai có hai, nghĩa diễn thành ba, tận lý thì là bốn. Gọi hai nghĩa là: Một là lúc bịnh, hai là lúc thí y.

Nói ba là:

1 Bịnh: Bịnh này không thể ăn uống, tuy có thức ăn ngon nhưng không ăn được, mới khai hạn. Cho nên trong luật nói: - Người bịnh không thể ăn một lần ở một chỗ, thức ăn ngon khiến cho đủ.

2 Lúc thí y: Theo văn luật thì chia ra làm hai loại: Một là tiền an cư xong, một tháng Ca-đề. Hoặc thọ y công đức cho đến năm tháng. Ở trong thời này lúc thọ thí thì gọi là thí y thời. Hai là nếu chẳng phải trong một tháng, năm tháng. Ở trong thời khác, nếu có Đàn việt cúng thức ăn và y, cũng cho trước thọ, sau y thực, gọi là thời thí y. Nếu bị bịnh trước thì khai cho, nên có ba lần khai.

Nói có bốn pháp là: Lại thêm xả thỉnh, nghĩa là muốn bỏ trước thọ

sau, gia thực nên xả thỉnh trước. Như văn luật nói: Trưởng lão ta nên đến kia nay bố thí cho ông.

Theo luật này thì cần phải thật thí cho người. Người trước cần thọ thực của Đàn việt, kia đây lợi ích cùng làm thì không phạm. Không giống như luật Tăng-kỳ, vào buổi sáng chỉ nghĩ ngăn ngừa. Cho nên xưa nay các nhà hành sự trong giới này đều giải thích theo nghĩa sáu niệm trong Tăng-kỳ. Tăng-kỳ quyển 16 có nói: Niệm thứ nhất này vào ngày mùng một hoặc rằm.

Ý niệm này nói ngày trắng đen luận chung để giải thích lớn nhỏ. Nếu nói về số ngày thì tùy theo trắng đen (có trắng, không đen) mà chia thành một hai.

Niệm thứ hai: Y theo luật Tăng-kỳ nói: Nay con được người cúng thí, người kia đối với con không chấp, con nên thọ thực.

Vả lại trong luật Tăng-kỳ, ý nói là trong một ngày được thọ thực, buổi sáng dự làm pháp thuyết tịnh. Trong tâm miệng nói cúng dường cho năm chúng. Nên trong ý văn nói rằng: Hôm nay tôi được xin cúng lại cho Sa-di. Sa-di đó đối với ta không chấp (Nghĩa là không bỏn sẻn thức ăn nầy). Ta sẽ thọ thực.

Theo đây thì không thật xả cho người. Người khác không đi đến chỗ đàn việt. Không như trong luật phải thật xả. Vậy y theo luật này thì niệm phòng không rõ ràng. Cho nên lúc tác niệm chỉ muốn nhớ biết lời xả thỉnh, cho nên ngay đó nói rằng: Niệm thứ hai không bội thỉnh thực. Trong lúc đó có nhiều nơi thỉnh, ý muốn từ chối thì phải xả thỉnh. Nếu có bịnh duyên thì nên nói:

Niệm thứ hai tôi bị bịnh duyên nên từ chối lời thỉnh thực.

Niệm thứ ba thì năm tháng ngày giờ. Mùng một tháng Giêng năm Ất Sửu (hoặc Giáp Tý v.v...). Mùng hai Canh Dần, giờ mẹo, một thước, hai thước cảnh thọ giới đầy đủ. Chưa có hạ. Như lúc thọ giới, trời mát không có mặt trời thì chỉ nói. “Giờ Mão phần đầu thọ giới cụ túc”.

Niệm thứ tư: Ba y bình bát đầy đủ, đã thọ trì, y dư đã thuyết tịnh.

Niệm thứ năm: Không thọ thực riêng chúng.

Niệm thứ sáu: Nay Ta không bịnh, nương vào chúng mà hành đạo.

Niệm đầu là biết vào ngày thuyết giới, cũng nhớ nghĩ vô thường, trời trăng đổi dời, xa lìa sinh tử.

Niệm thứ hai: Ngừa việc não loạn thí chủ.

Niệm thứ ba: Ngừa phiền não quá mạn, cũng ngừa tội trộm.

Niệm thứ tư: Vâng tu theo hạnh riêng.

Niệm thứ năm: Vâng theo hạnh hòa hợp.

Niệm thứ sáu: Vâng theo các hạnh không buông lung.

Y theo luật, bội ước nhà trước thì phạm Ba-dật-đề, bội ước nhà sau thì phạm Cát-la. Nghĩa là nếu thọ mười từ chối cầu thỉnh, từ chối lời thỉnh thứ nhất cho đến thứ chín thì tùy ý thọ thực. Nếu nuốt xuống cổ phạm một tội Ba-dật-đề, tám Cát-la. Do chỉ nhận lời nhà trước là người thỉnh đầu tiên, chín nhà kia thỉnh sau. Nếu bội ước nhà thứ hai, hướng đến nhà trước thọ thực thì phạm chín tội Cát-la.

***Giới 33:*** Thọ thực riêng chúng: Nghĩa là đối với tự nhiên, hoặc lại tác pháp các giới lớn nhỏ, đối với đồng giới phân biệt tăng thỉnh riêng, hoặc khất thực riêng. Ở chỗ thọ thực này, từ bốn người trở lên phân biệt với các vị tăng khác trở xuống cho đến một người. Nếu thỉnh tăng thọ thực, bốn người cùng thọ thực thì không phạm lỗi thọ thực riêng chúng, thực vị đồng. Ý luật chế là:

1) Sợ người ác kết bạn phá tăng.

2) Sợ đàn việt cúng tăng không đều, chỉ có ba người trở xuống. Y theo giới bản thì khai cho có bảy, khai ra thành tám, cùng lý thì có mười bốn.

Nói về bảy khai là: Một là bệnh, hai là thời tác y, Ca-hy-na một tháng, y công đức năm tháng, là thời ứng may y. Ba là thời thí y: Đây là khai hai loại, như trước đã nói.

Hỏi: Nếu thí y thời cũng là một tháng, năm tháng, cho làm y thời, vì sao lại khác?

Đáp: Thời đồng nghĩa với dị khai có hai, không có lỗi. Lúc tài y đó nguyên cũng là lúc thọ y, ý là may y. Sau đó thường có tâm tác y v.v... cho đến y trên may bằng chỉ theo kiểu răng ngựa tức là không mất lợi. Nếu trong thời gian đó tâm đoạn mà may y thì mất năm lợi. Lúc thí y không có tâm phân biệt, lúc thọ một tháng, năm tháng thì được lợi là thời thọ thí, gọi là thời thí y, cho đến hạn đủ mới mất năm điều lợi.

Bốn là, lúc đi đường cho đến nửa do-tuần. Năm là, đi thuyền ghe cho đến nửa do-tuần. Sáu là, đại chúng nhóm họp, đầu hạ cuối hạ, lúc lễ lạy các nơi nhóm họp đến, thức ăn lại khó được. Đàn việt chỉ phát tâm cúng dường đủ bốn người không thể thêm người thứ năm thì khai cho. Bảy là, lúc Sa-môn thí thực. Nghĩa là Sa-môn ngoại đạo giới hạn cúng dường bốn người không thể thêm một người nữa. Vì ủng hộ ý kia nên cũng có khai hạn.

Nói tám điều khai là tức hai việc thí y.

Nói mười bốn là: Y theo luận Tát-bà-đa quyển 7 nói có năm loại

không phạm, gồm cả trước thành mười ba, hợp với luật này có một là mười bốn.

Nói năm là:

1- Đánh chuông không ngăn thì không phạm. Nếu ngăn tăng thọ thực thì phạm tội trộm của thường trụ. Nếu ngăn thí thực thì phạm tội thọ thực riêng chúng.

2- Xướng lạp, hoán nhập thì không phạm. Nghĩa là đàn việt muốn thỉnh chín mươi ngày mà năng lực không đủ. Thì ngày đầu nên đánh khánh nói sáu mươi hạ lạp thì nhập, hoặc dưới cho đến một người nhập là người khác thì không phạm tội. Nếu ngày đầu không xướng thì mỗi ngày sau phải xướng.

3- Tăng lần lượt đến thỉnh thì không phạm. Nghĩa là hai nơi, ba nơi trong đồng giới v.v... cho đến tăng lần lượt thỉnh được một người đến thọ thực chung thì không phạm, tăng kế tiếp ở ngoại giới là không tăng.

4- Đưa thức ăn cho tăng không phạm: Ở nơi thỉnh và xin, xuất ra một phần đưa cho chúng tăng, đem cho tăng thọ thì không phạm.

5- Nghĩ là đưa thức ăn đến lấy thì không phạm. Luận nói: Nếu không có tăng thì lần lượt thỉnh một người. Nên làm một phần thức ăn đưa đến Thượng tọa để dâng lên tăng. Tăng ở xa không thể đến, thì đem thức ăn này lần lượt đưa đến đó.

Lại theo luật, lần lượt có khai một, văn nói bốn người. Nếu quá bốn người thì chia ra làm hai mà cùng thọ thực.

Ở đây gồm với trước hợp lại thành mười bốn khai:

***Giới 34:*** Lấy lương thực người đi đường quá ba bát.

Trong luật nói: Cô dâu về nhà chồng nên làm bánh cúng dường. Tỳ-kheo khất thực ở lại lâu, khiến người chồng nổi giận. Lại có người khách buôn đem lương thực đi. Tỳ-kheo xin quá phần khiến người khách buôn thương đi không kip, giữa đường bị cướp. Do đó mà giới này nói lương thực người đi đường. Nếu muốn quá lâm hành thì phạm. Nếu bệnh thì khai cho, đâu cần phải là người vợ về nhà chồng hay người đi buôn. Nhưng ngài Nam Sơn nói việc này ít phạm, nên không giải thích nhiều. Lại y theo văn luật từ một Tỳ-kheo cho đến năm Tỳ-kheo, lần lượt như thế, đều có nghĩa phạm. Lại có một vị Tỳ-kheo đến nhà kia thọ thực, thọ xong thì đem bốn bát thức ăn về, tức là người đầu tiên phạm. Nếu Tỳ-kheo này thọ thực rồi đem ba bát đến trong già-lam chia cho mọi người cùng ăn thì chưa phạm. Có người thứ hai muốn đến khất thực. Tỳ-kheo thứ nhất bảo vị kia đến nói: - Tôi thọ thực rồi lại lấy ba bát đi.

Nếu thầy đến đó chỉ thọ thực, cẩn thẩn chớ lấy về. Nhưng Tỳ-kheo kia thọ thực xong lại mang về một bát, thì hai người cùng phạm. Nếu người thứ nhất thọ thực xong trì hai bát, người thứ hai thọ thực xong trì một bát cùng chia ra mà ăn. Rồi bảo người thứ ba rằng: - Thầy đến kia thọ thực cẩn thẩn chớ mang về. Người thứ ba thọ thực xong màng về một bát thì người này phạm. Nếu người thứ nhất thọ thực xong trì một bát, người thứ hai cũng vậy, cùng chia ra ăn và bảo người thứ tư đến kia ăn chớ mang về. Người thứ tư thọ thực rồi đem về một bát thì người này phạm v.v... cứ xoay vần như thế.

Trong văn luật nói nếu mang về quá lượng, chân vừa bước ra cửa liền phạm tội Ba-dật-đề. Mang ba bát về chùa không chia ra mà ăn thì phạm Đột-cát-la. Nhưng trong giới bản nói không chia thì phạm Ba-dật-đề, là không rõ nghĩa, theo luật thì đến nhà thí chủ nên hỏi là thức ăn gì?

***Giới 35:*** Giới ăn đủ.

Trong văn nói thọ thực xong đó là ăn năm thứ chánh thực thường trụ đã xong. Hoặc tự mình ăn năm thứ chánh thực đã xong. Hoặc lúc thọ thỉnh năm thứ chánh thực của đàn việt xong. Hai câu này nói về việc thọ thực đã xong, không làm pháp dư thực mà ăn thì phạm.

Nghĩa là trước giờ ngọ ăn năm thứ chánh thực, sau lại muốn ăn thì lẽ ra phải làm pháp dư thực. Nhưng không tác pháp mà ăn như thế là phạm túc thực Ba-dật-đề. Túc có ba nghĩa:

1- Phải là năm thứ chánh. Nếu chẳng phải năm thứ chánh thì có nghĩa là không đầy đủ.

2- Ăn no đủ.

3- Tuy chưa đầy đủ mà Tỳ-kheo ăn suốt ngày, đây gọi là cảnh giới đầy đủ. Thời thực ở trước đã xong, đứng lên sửa lại oai nghi, tùy theo đã no đủ hay cảnh giới đủ rồi sau đó lại ăn. Nếu không làm pháp thức ăn dư thì vừa ăn xong liền phạm Ba-dật-đề. Hành thực, trụ thực và ngọa thực sửa soạn oai nghi tùy ứng cũng như vậy. Năm thứ chánh thực là:

- Một là cơm.
- Hai là mì, bún.
- Ba là cơm khô.
- Bốn là cá.
- Năm là thịt.

Làm pháp thức ăn dư: Nếu muốn ăn nữa thì bảo tịnh nhân lấy cho ăn. Thọ thực nếu thức ăn chánh hay không chánh cũng sớt cho đầy đủ, thảy đều thanh tịnh, không có chứa xúc. Tỳ-kheo rửa tay sạch rồi nhận

từ tịnh nhân trao cho.

***Giới 36:*** Giới khuyên ăn no: Văn nói: Biết người thọ thực rồi, biết tăng thọ riêng rồi. Hoặc thọ thỉnh của Đàn việt thọ thực rồi. Hai là ăn no xong, y theo giới trước giải thích. Không làm pháp thức ăn dư thì khuyên. Nếu làm pháp khác rồi khuyên thì không phạm. Vì nhân duyên đó mà nhân duyên khuyên tâm ác vậy chẳng phải lẽ, chẳng phải dư thì không phạm duyên. Nghĩa là làm pháp thức ăn dư hoặc người bịnh chứa. Hoặc vị Tỳ-kheo kia bị bịnh khuyên thì không phạm.

***Giới 37***: Ăn phi thời:

Kinh Ngũ Bách Vấn nói: Tất cả các thức ăn bằng vật chất thì sau giờ ngọ không được cho vào miệng. Ăn rồi thì dùng bàn chải súc miệng. Y theo giới ăn no ở trước, ăn xong, sửa soạn oai nghi, nếu chưa súc miệng thì phạm. Nếu ăn sau ngọ thì mỗi miếng phạm một tội Ba-dật-đề.

***Giới 38:*** Ăn thức ăn cách đêm.

Giờ ngọ hôm nay thọ thực, cho đến sáng hôm sau lúc mặt trời chưa mọc thì gọi là thức ăn dư cách đêm.

***Giới 39***: Không thọ thực: Trừ nước và cành dương. Nước đục hoặc cành dương cần dùng không nằm trong giới hạn nầy.

***Giới 40***: Cầu thức ăn ngon

Người xuất gia không cầu thức ăn ngon. Mong cầu ăn ngon thì làm não chúng sinh làm tăng lòng tham. Nói về duyên đầy đủ có bốn:

1- Thức ăn ngon.

2- Tự làm cho mình.

3- Không có lý do.

4- Ăn liền phạm.

- Văn giới có ba câu:

1- Người phạm.

2- Nêu ra bốn thứ thức ăn ngon.

3- Kết tội.

Kế là dẫn ra từ khai duyên, luật ngũ. Phần quyển tám nói: - Nếu Tỳ-kheo bệnh xin từ bà con hoặc tri thức thì không phạm.

***Giới 41***: Cho ngoại đạo thức ăn.

Nếu tự tay cho thì phạm, bảo người đem cho hoặc để dưới đất thì không phạm.

***Giới 42:*** Hứa thọ thỉnh rồi, trước giờ ăn sau giờ ăn thọ thực, không dặn ai mà vào xóm làng: văn giới nói tiền thực hậu thực, đó là thể đảo của tiếng phạm. Hồi văn thì nên gọi là: Thực tiền thực hậu (Trước bữa

ăn sau bữa ăn). Tiền thực là mặt trời mọc cho đến lúc thọ trai. Thức hậu: Từ thọ trai cho đến sau giờ ngọ. Sau ngọ đi vào làng thì phạm giới phi thời vào xóm làng, chẳng phải nhiếp với giới này.

Đến nhà người khác là không đến chỗ nhà thỉnh mời. Nếu muốn đến thì dặn cho người khác biết mới không phạm. Y theo giới này khai ra có bốn, tâm lý thì có năm.

Bốn là:

1- Dặn Tỳ-kheo khác xưa nay truyền nhau. Lúc dặn nên nói: - Đại đức nhất tâm niệm, tôi là Tỳ-kheo v.v... trước thọ lời thỉnh kia,... nay có duyên sự trước giờ ăn muốn vào xóm làng đến nhà kia, xin bạch Đại đức biết.

Đáp: (được).

Sau giờ ăn cũng bạch như vậy.

Nay rõ thì chỉ cần dặn người biết để khéo thọ trì. Cần tìm để biết chỗ, không cần phải bạch: Đại đức nhất tâm niệm.

2- Lúc bịnh.

3- Lúc may y.

4- Lúc thí y.

Trong thời thí y chia làm hai loại: Y theo giờ xoay vần thọ thực mà giải thích. Cho nên gọi chung là năm khai.

***Giới 43:*** Trong thực gia có của báu, nam nữ duyên nhau, cùng khởi tham vị: Nghĩa đồng với ăn. Nếu không dứt duyên tham, thì cảnh sở ái cũng đồng như của báu. Ở đây có nghĩa là chỗ vợ chồng ái nhiễm nếu ngồi lì làm trở ngại việc dâm dục của người thì phạm. Nếu có người nam hiểu bết ở một bên thì không phạm. Luật sư Nam Sơn nói: - Xúc thực nhiều sẽ bị chê cười.

***Giới 44:*** Tham dục thực gia có năng bảo.

Người tuy không ngồi chỗ khuất với Tỳ-kheo. Nhưng cánh tay duỗi ra không đụng cửa, khiến người ngoài không thấy thì phạm. Nếu có người thứ ba mới không phạm.

***Giới 45:*** Ngồi chỗ trống với người nữ. Y theo luật giải thích tướng nói chỗ khuất gồm chỗ khuất thấy và chỗ khuất nghe. Vì chẳng phải chỗ khuất nên gọi là lộ. Lại lìa hết sự thấy nghe cũng gọi là Bình. Lìa thấy nghe thì phạm. Chỗ che kín theo lý cũng phạm. Nghĩa này bao gồm cả chỗ khuất. Giới này không phân biệt đạo tục nữ thì phạm. Nếu có người thứ ba thì không phạm.

***Giới 46:*** Ôm lòng hận tình trước kia, dụ cho người vào xóm làng nói rằng sẽ cho thức ăn.

Ẩn trong nhà thỉnh, lúc sắp đến ngày mới đuổi đến xóm làng nói: - Ông bạc phước cầu ăn không được, ý nầy là muốn não loạn, do nhân duyên đó mà phạm.

***Giới 47***: Biết người thỉnh thuốc trong thời hạn bốn tháng, không bệnh thọ quá thì phạm. Nếu bị bệnh thì không phạm.

Thường thỉnh là phát tâm thí không giới hạn.

- Cách thỉnh: Là lại thỉnh thêm bốn tháng.
- Phần thỉnh: Thuốc tuy có phần mà không giới hạn thời.
- Suốt đời: Hoặc suốt đời thí chủ, hoặc suốt đời Tỳ-kheo.

***Giới 48***: Giới xem quân trận thì quân, đấu quân đều phạm. Trừ nhân duyên bị thỉnh, hoặc phải khai bạch v.v... khai kiến thì không phạm.

***Giới 49***: Có duyên đến trong quân trận, đêm thứ ba lúc mặt trời chưa mọc, nên lìa bỏ chỗ thấy, thấy nghe.

***Giới 50:*** Có duyên ba đêm ở trong quân thì nhiếp tâm chớ xem quân trận.

***Giới 51***: Giới uống rượu. Rượu, tưởng là rượu hoặc nghi mà uống đều phạm.

***Giới 52:*** Theo luật thì dùng bình bát đựng đầy nước chơi giỡn đều phạm Ba-dật-đề, nếu đựng các thứ nước sữa thì phạm Cát-la.

***Giới 53***: (Trong chánh văn không có)

***Giới 54:*** Khi sắp phạm giới, không nghe lời can ngăn tùy phạm bản tội, lại thêm không nghe lời can ngăn thì phạm Ba-dật-đề.

***Giới 55:*** (Trong chánh văn không có)

***Giới 56***: Trong giới tắm gội có nói: Không được quá là không được quá lời Phật chế là nửa tháng tắm một lần. Giới này khai ra có sáu:

1- Lúc nóng nực. Nghĩa là từ mùng một tháng ba đến giữa tháng năm, là hai tháng rưỡi. Luận Tát-bà-đa quyển tám nói: - Vì Thiên-trúc nóng sớm nên lấy thời gian này. Như vậy tùy lúc nóng mà sớm muộn cũng là hai tháng, thời gian này tắm gội thì không phạm.

2- Lúc bịnh: Cho đến thân rất hôi thối.

3- Lúc làm việc cho đến quét dọn phòng xá.

4- Khi trời gió.

5- Trời mưa ướt hết thân thể.

6- Đi xa khoảng nửa do-tuần.

***Giới 57:*** Đốt lửa.

Trừ nhân duyên là y cứ theo luật, chẳng những đốt lửa ở chỗ đất trống mới phạm mà chỗ chẳng phải đất trống cũng phạm Cát-la. Trong luật gọi là trừ thời nhân duyên. Tỳ-kheo bịnh nấu cháo cho đến nhuộm

y thì không phạm. Bởi việc này che kín đốt lửa nên không phạm. Đốt lửa ở đất trống, làm hư đất sao lại không phạm? Nếu không bệnh mà nổi lửa ở chỗ kín cũng phạm tội nhỏ. Theo luật, nếu dạy người đốt lửa nên nói “xem đây, biết đây”.

***Giới 58*** (Trong chánh văn không có)

***Giới 59:*** Chân thật tịnh thí, không hỏi mà lấy lại.

Ở đây ý nói người ít muốn, căn bản là nuôi dưỡng đạo. Cho nên Phật chế giới chỉ chứa ba y. Ngoài ba y thì các vật dụng khác đều quán tưởng là vật của người khác, như pháp môn tu định. Gồm có hai loại:

1- Chân thật tác niệm (như quán sổ tức).

2- Giả tưởng tác niệm (bất tịnh quán v.v...). Hai pháp môn quán này đều có công năng trị hoặc nay sự tịnh thí này cũng là giả tưởng thì cho người xin tưởng là vật của người. Vì để đối trị vật tham uế tự dụng nên gọi là định thí. Đức Thế tôn đã khéo chế ra, lẽ nào ta xem nhẹ mà không hành trì.

Theo luật, tịnh thí cần phải thỉnh thí chủ. Thí chủ có hai:

1- Chân thật tịnh thí chủ. Như văn giới này nói là cho năm chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, v.v...

2- Triển chuyển tịnh thí chủ: Như luận Tát-bà-đa, quyển bốn nói: Tất cả tài vật chứa dư, năm chúng đều tác tịnh. Nên cầu người có đức, giữ giới, học rộng để làm thí chủ. Sau khi được vật thì đến bên một vị Tỳ-kheo nêu tên tịnh chủ ra mà nói tịnh pháp. Nếu tịnh chủ chết hoặc ra khỏi nước thì cầu tịnh chủ khác. Thỉnh hai loại tịnh thí chủ nầy thì phải nói đầy đủ nghi thức: - Đại đức nhất tâm niệm, tôi là Tỳ-kheo v.v... Nay thỉnh Đại đức làm chân thật tịnh thí chủ (Hoặc triển chuyển), xin Đại đức thương xót làm chân thật tịnh thí chủ cho tôi.

Nói theo tùy loại tịnh thí chủ thì. Nếu ý muốn thực hành chân thật tịnh thí, thì đối với thí chủ, hai tay cầm y, miệng tác bạch: - Đại Đức nhất tâm niệm, tôi có một khúc vải dư này chưa tịnh thí. Nay muốn tịnh nên xả cho Đại đức làm chân thật tịnh thí.

Tác tịnh xong rồi thì giao vật cho thí chủ. Sau này cần thì lấy dùng.

Hỏi thí chủ rồi, sau đó mới được đắp. Nếu không hỏi mà lấy đắp, thí chủ sợ mất y thì sẽ phiền não, do đó mà Phật chế giới.

Nếu làm triển chuyển tịnh thí: Như nay thường hành trì không nệ gì lời trình bày rộng khắp.

Trong hai loại tịnh này, đem vật giao phó cho người kia, nên gọi là chân thật, chớ không phải dứt tâm cúng dường người. Nhưng nghiên

cứu các bộ luật, luận thì hai loại tịnh chủ này đều xếp vào năm chúng. Xưa nay việc thương lượng với chân thật tịnh thí phải thực hành theo các pháp, giao vật cho người thân. Hoặc tăng giao cho ni, ni giao cho tăng. Lúc nắm giữ vời lấy sư nhiễm hoặc che bai. Triển chuyển tịnh thí thì không đưa trước mặt tịnh chủ. Tăng ni cùng làm theo lý mà không có hại gì.

Theo Luật Ngũ Phần, Tăng-kỳ, v.v... Nói triển chuyển thí lúc thuyết tịnh không cho đối trước mặt thí chủ thuyết tịnh, đối thì phạm Cát-la. Tài vật đã nói là những vật thước sáu tám tấc, bất luận mới cũ trong ngoài tịnh uế đều phải tác tịnh.

***Giới 60:*** Y mầu trắng.

Ca-sa, Trung Hoa dịchlà bất chánh, văn giới lại nói ba thứ hoại sắc. Do đó mà biết y này hòa hợp giữa các mầu trắng xen năm mầu mà thành, chẳng phải trong văn giới nói mầu xanh đen.

Luận Tát-bà-đa quyển 6nói: Phàm năm đại sắc, nếu tự nhuộm thì phạm Đột-cát-la, nếu ma y thì không thể thọ trì.

Lại nói năm đại sắc là năm mầu: Vàng, đỏ, xanh, đen, và trắng.

Lại nói: Nếu chẳng thuần xanh thì xanh nhạt, xanh bích, điểm tịnh xong thì may y. Nay theo luật này, y mầu trắng thì phạm Ba-dật-đề, không điểm tịnh thì phạm Cát-la.

Theo luật Tăng-kỳ Quyển mười tám nói: Màu trắng phạm Cát-la, không điểm tịnh thì phạm Ba-dật-đề. Cho nên luật nói: Điểm tịnh thì cho điểm mầu xanh đậm. Văn luật cũng nói: Xanh là màu xanh lam chàm. Vì sợ người lạm dụng cho nên nói khác nhau. Xét trong các bộ luận luật thì điểm tịnh một, ba, năm, bảy điểm, không được song tác. Trong luật Tăng-kỳ, điểm tịnh lớn thì bốn ngón tay, nhỏ thì như hạt đậu.

***Giới 61, 62*** (Trong chánh văn không có)

***Giới 63:*** Nghi ngờ não loạn người. Nghĩa là dùng phương tiện làm cho Tỳ-kheo khác nghi ngờ mình phạm giới hoặc nghi không có giới, làm rối loạn ý người, cho đến chẳng có được chút an vui. Nhưng người khác nghe biết liền phạm tội Ba-dật-đề, chẳng cần đợi người không an vui mới phạm.

***Giới 64:*** Che giấu tội thô, phạm hai nhóm Ba-la-di và Tăng tàn. Cùng tội làm chúng tăng ra máu, phá hoại tăng đoàn, phạm lan-già thì gọi là tội thô. Che giấu đến khi mặt trời mọc thì phạm Ba-dật-đề.

***Giới 65:*** Hòa-thượng cho người chưa đủ hai mươi tuổi thọ giới.

Biết và nghi đều phạm Ba-dật-đề. Sư Tăng khác thì phạm Cát-la. Thọ giới là việc lớn nếu khiến cho người không đắc thì sư tăng mắc lỗi

nặng, cho nên phải quở trách.

***Giới 66:*** Phát sinh tranh chấp:

Tranh có bốn: Nói, tìm, phạm, sự; khiến cho tăng trái phá là thuộc về bốn tránh. Phát khởi thì phạm Ba-dật-đề. Nếu miệng phiếm tranh phát khởi chỉ phạm Cát-la. Như pháp sám hối nghĩa là dùng bảy diệt để diệt. Bảy diệt bốn tránh cho đến bảy diệt trong giới có giải thích.

***Giới 67*** (Trong chánh văn không có)

***Giới 68:*** Nói dục không chướng đạo, trái tăng ba lần can ngăn: văn giới có ba:

1- Người chấp nhận phạm.

2- Nói pháp can ngăn.

3- Kết tội trái lời can ngăn.

Thứ hai là nói pháp can ngăn, có hai cặp bốn câu:

1- Có lỗi nói trước thì nên can ngăn ở chỗ khuất.

2- Nếu trái lời căn ngăn ở chỗ khuất thì lẽ ra để Tăng can ngăn. Chính trong lỗi khởi lên văn có một câu. Như trong luật nói: A-li-sất nói như vầy: tôi biết Phật nói: Hành dâm dục chẳng phải pháp ngăn đạo. Ý-lị-sất cho là: Nếu chướng đạo thì hai quả đầu vì sao lại từ dâm dục. Văn nói chỗ khuất có hai phần:

- Một là khuyên dứt tà thuyết.

- Hai là Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện để dứt tình chấp cho kia. Đoạt ý cho rằng Đức Phật nói chướng đạo là chướng hai quả sau. Còn hai quả đầu dứt lần lần chưa đến, không thể nói là không chướng đạo mà không dứt.

Kế là nói phần thứ hai: Nếu trái lý ở chỗ khuất thì nên cho Tăng can ngăn. Lúc Tỳ-kheo kia can ngăn Tỳ-kheo này, nếu kiên quyết không bỏ thì trái với sự can ngăn ở chỗ khuất, Tỳ-kheo nên ba lần can ngăn cho đến tăng can ngăn. Ý này có hai:

- Một là tăng dạy bỏ lời can ngăn.

- Hai là khen ngợi bỏ là tốt. Nghĩa là khen ngợi việc làm trái lại cho là tốt đẹp.

***Giới 69:*** Thuận theo Tỳ-kheo bị cử: Biết người nói như thế. Biết Lợi-sất nói việc dâm dục là không chướng đạo.

Chưa Tác pháp: Là tăng trước nêu ra trị, nay chưa cho tác giải bạch bốn pháp. Tăng dụng bạch bốn lần nêu ra trị ba người:

1- Không thấy nêu tội.

2- Không nêu tội sám hối.

3- Ác kiến không bỏ.

Nay ý này tùy theo giới thứ ba mà nêu ra. Tùy hai pháp trước nêu ra thì phạm Cát-la. Tà kiến như thế phế bỏ không trị đạo. Mà không xả bỏ thì trái với hai điều can ngăn ở chỗ khuất. Phần dưới là đồng với thuận theo kết tội.

***Giới 70:*** Thuận theo Sa-di bị diệt tẫn. Sa-di nói hành dâm dục chẳng chướng đạo thì bạch bốn lần diệt tẫn. Cùng nêu tội như A-lợi-sất, nghĩa đồng mà tên khác.

Đại Tăng trước cho Sa-di ngủ chung, nay vì tà kiến mà không cho. Cho nên gọi là Nêu, tức nêu ra để trị. Sa-di trước đã không đồng, nay do tà kiến nên cũng không đồng, gọi là Tẫn, tức là đuổi đi.

Văn giới có bốn:

1- Người chấp nhận phạm.

2- Sa-di tà kiến, trái với lời can ngăn.

3- Tỳ-kheo nên nói với Sa-di v.v... tà kiến phải diệt tẫn.

4- Nếu Tỳ-kheo v.v... cho đến kết tội tùy diệt tẫn.

Trong câu hai can ngăn có ba:

1- Nói Sa-di là người phạm.

2- Nói lời như thế v.v... trở xuống là giải thích pháp can ngăn.

3- Không bỏ là trái lời can ngăn của tăng.

Trong pháp can ngăn thứ hai, hai đối với bốn câu cũng như văn trước.

Trong câu ba nói về pháp diệt tẫn. Trong luật phải bạch bốn lần để diệt tẫn. Nay trong văn giới, y cứ vào Yết-ma rồi, tăng nói lời diệt tẫn.

***Giới 71:*** Xem thường lời can ngăn về các điều lành khác. Người khác đem giới luật khuyên học đúng như pháp mà lại xem thường chối bỏ, không dùng cung kính bạn lành. Vì vọng gá thắng cầu, khinh người lành này mà đắc tội. Trước không nhận lời can ngăn, vọng nơi trái khoáy, mà nay chưa đợi các việc đó sai trái. Nên trong văn luật nói rõ ràng thì phạm. Nếu không vọng gá mà thật muốn cầu tốt đẹp như lời văn đã khai cho.

***Giới 72:*** Hủy mỗi giới thì phạm Ba-dật Đề. Trong kinh nói có văn giới hủy cũng phạm Ba-dật đề. Hủy hai tạng khác thì phạm Cát-la.

***Giới 73***: Không lắng tai nghe: Trong Nam Sơn luật sư hành Sự Sao gọi là: Vì sợ nên nói ra trước. Duyên khởi như trong Luật. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị tự biết mình phạm tội, sợ người phát khởi ra, nên đến bên người khác nói: - “Tôi mới biết”.

Lại có người nói: Đây là giả vờ kinh ngạc đối với giới, nay thấy

rõ ràng như vậy là tiểu vọng ngữ, vì sao lại có giới này. Tìm trong các bộ luật luận đều kết luận không lắng tai nghe. Đa luận quyển chín nói: - Trong đây chính là kết tội không chuyên tâm lắng nghe. Luật Tăng-kỳ Quyển hai mươi mốt nói: - Khoảng giữa hễ giới nào không nghe đều phạm việt Tỳ-ni. Tất cả không nghe thì phạm Ba-dật-đề. Nay giải thích văn giới bản có ba:

1- Người chấp nhận phạm.

2- Sợ nêu tôi nên nói nay tôi mới biết. Trong đây bao gồm cả tội tiểu vọng ngữ.

3- Tỳ-kheo khác vừa mới biết nói nêu việc để tránh không nghe tội. Văn nói Tỳ-kheo khác biết. Tỳ-kheo này đã hai, ba lần ngồi trong hội thuyết giới: Là nêu số để trách.

Từ: Tỳ-kheo kia không biết: là nói không chịu nghe quả để trách. Người vô tri phạm tội tùy theo bản tội mà trị. Nếu tăng thêm vô tri thì phạm Cát-la. Nói Trưởng lão là nêu nhân vô tri không nghe tội. Kia vô tri nên phạm Ba-dật-đề: là nêu quả mà kết nhân: Như trong giới thọ thực quá ba bát nói: Không chia thức ăn là nêu ra sự biết đủ.

Trong luật văn nói: Vô tri nên phạm trọng tội Ba-dật-đề. Nếu không cho thì phạm Đột cát-la.

***Giới 74:*** Đồng dự Yết-ma, thường biết sự người, sau thành pháp mới sinh chê bai hủy báng, nói theo bạn thân mà đem vật tặng cho. Nếu theo luận Tát-bà-đa quyển 6nói: Chẳng những thường biệt việc của người này. Nếu Đại đức và tham cho, hoặc tăng hòa hợp đem cho sau hối hận... Tất cả đều phạm Ba-dật-đề.

Trong “Thưởng vật tương truyền”, giải thích rằng: là lúc hiện tiền có thể chia vật. Nếu vật thường trụ thì người cho và nhận đều phạm tội trộm.

***Giới 75:*** Giới không gởi dục.

Tăng kỳ quyển hai mươi nói: Đoán việc có hai:

1- Thuyết giới Tỳ-ni.

2- Làm bảy Yết-ma và Biệt trụ, v.v...

***Giới 76*** (Trong chánh văn không có)

***Giới 77:*** Tỳ-kheo gây gổ đấu tranh với nhau.

Thuộc về bốn tranh cãi, đấu tranh với nhau. Lắng nghe và nghe tiếng thì phạm Ba-dật-đề. Theo luật thì nếu hai người ở chỗ tối tăm thì nên búng ngón tay, tằng hắng, nếu không thì phạm Cát-la. Hai người đi trước cũng vậy.

***Giới 78*** (Trong chánh văn không có)

***Giới 79***: Dùng tay đánh Tỳ-kheo. Đưa tay lên đánh người thì gọi là đánh.

***Giới 80*** (Trong chánh văn không có)

***Giới 81***: Không duyên cớ mà vào cung vua: Dòng Sát-đế-lợi, vua nước rưới đầu:

- Sát-đế là dòng vua chúa.

- Vua nước rưới đầu: Các vị thượng tổ của vua được thăng Vương vị đều gọi là nước rưới đầu, đây là dòng họ vua.

Nghĩa là khi vua thăng vị, thỉnh các vị Đại Bà-la-môn giỏi về bốn bộ Vệ-đà làm thầy dạy vua. Họ lấy nước trong bốn biển rưới lên đầu vua cho là tốt lành, vua thống nhiếp cả bốn biển nên gọi là Vua Quán Đảnh.

- Chưa ra: Là vua và thể nữ lúc còn vui chơi chưa ra khỏi phòng kín.

- Chứa cất của báu: Trong luật nói người nam coi nữ là của báu, vậy thể nữ là của báu của vua, cũng như bảy báu. Của báu này chứa cất giấu, Tỳ-kheo nhìn thấy thì phạm.

- Ngạch cửa: Trong luận Tát-bà-đa Quyển chín nói: Ngoài cửa cung vua có ngàn rào cây. Nếu được mời thỉnh hay nạn duyên thì không phạm.

***Giới 82:*** Cầm của báu.

Báu có bảy thứ báu. Báu trang nghiêm đầy đủ, cho đến các loài sắt để trang nghiêm, nếu cầm lấy thì phạm. Luận Tát-bà-đa Quyển năm nói: Chứa vật báu là thuộc về giới ba mươi, nếu cầm của báu của người, hoặc tự nói tịnh báu, chỉ cầm thì phạm Ba-dật-đề, là nhiếp chín mươi việc. Trừ trong Tăng-già-lam có người làm mất, nếu không giữ sợ người khác lấy thì cho tạm giữ để trả lại. Luật Tăng-kỳ quyển mười tám chép: lập đại hội cúng dường thì đưa tịnh nhân cầm giữ tháp tượng vàng bạc, nếu không có tịnh nhân thì Tỳ-kheo mới tự tay nắm giữ và gởi qua đêm. Tỳ-kheo đi đường ghé vào nhà người ngủ. Trong nhà có của báu mà không có người giữ, sợ mất sẽ bị chê bai nghi ngờ thì khai cho giữ.

***Giới 83:*** Phi thời vào xóm làng: Phi thời là sau giờ ngọ đến sáng hôm sau khi mặt trời chưa mọc. Giới này được chế vua vì sợ người buông lung không có việc cần mà vào thôn xóm.

Theo luật, lúc bạch cần bạch đồng trụ. Nên nói: - Thưa Đại đức hôm nay phi thời tôi đến chỗ đó, xin khéo nhớ giữ. Nếu có việc tìm thì biết tôi ở đó.

Đây là lời dặn dò, không cần phải đầy đủ nghi thức như trên. Nếu

đường đi qua thôn, hoặc có thỉnh mời thì không phạm. Không như trong luật Tăng-kỳ nói khi vào làng xóm thì bạch nhau mới vào.

***Giới 84*** (Trong chánh văn không có)

***Giới 85:*** Bông Đâu-la-miên: như hoa dương liễu, hoa Bồ đài, v.v... Theo duyên khởi trong luật thì dừng lâu sợ làm tổn hại loại trùng nhỏ thì chế cho.

***Giới 86:*** Các loại ống đựng kim ít dùng mà rất phí công cho nên chế.

***Giới 87***: Đồ ngồi quá lượng.

Theo luật chế thì đồ ngồi bề dài hai gang tay, bề rộng một gang rưỡi của Phật. Sau vì Ca-lưu-Đà-Di vì thân lớn nên Phật cho thêm mỗi bên nửa gang tay, tính ra thì dài năm thước, rộng bốn thước. Cách làm đồ ngồi thì một dài một ngắn như y năm điều, gọi là cắt rọc. Bây giờ không còn theo pháp này.

***Giới 88:*** Khai mạc áo trong, mặc quần tốt. Pháp sám đơn đề trong giới ba mươi hai giới chứa y dư: - Chỉ trừ xả tài vật chỉ giữ sám pháp.

***Giới 89, 90:*** (Trong chánh văn không có)

## PHẦN THỨ SÁU: 4 ĐỀ XÁ NI

Chia làm ba như trước. Ba-la-đề dịch là Biệt. Đề-xá-ni dịch là tự nói tội. Nghĩa là Biệt Biệt đối với người tự nói tội ra. Nêu riêng trong giới tướng.

***Giới 1***: Tại nhà người tại gia thọ thực với ni không phải bà con thì phạm. Hoặc Tỳ-kheo bị bịnh, hoặc đặt dưới đất cho thì không phạm, bốn pháp này do sám hối mà đặt tên. Cho nên trong văn giới nêu câu sám tứ. Nên thỉnh sám chủ rằng: - Đại Đức nhất tâm niệm, tôi là Tỳ-kheo v.v... Nay thỉnh Đại đức làm Ba-la-đề xá-ni. Xin Đại đức thương xót làm chủ sám hối. Nghi thức bài sám như sau:

- Đại Đức nhất tâm niệm, tôi là Tỳ-kheo v.v... đến nhà người tại gia, cùng thọ thực với Tỳ-kheo-ni không bà con, phạm pháp đáng quở trách, việc không nên làm. Tôi hướng xin sám hối với Đại đức.

Đại đức nói: Thầy hãy tự trách tâm.

Đáp: Vâng, đảnh lễ thọ trì.

***Giới 2:*** Đến tòa thỉnh hội. Có vị ni biến tâm vượt thứ thì vị Tỳ-kheo phải quở trách: Đại Đức! Hãy dừng lại, phải đợi cho các Tỳ-kheo thọ thực xong.

***Giới 3:*** Người tại gia hữu có học nghèo khổ do hành thí: Cho đến nhục thân này vẫn không tiếc. Phật thương ông nghèo khổ bèn chế cho

Tỳ-kheo ghi nhớ học gia.

Bạch hai lần Yết-ma, ngăn không cho năm chúng thọ thực, Tỳ-kheo cố ý làm trái ở nhà học gia như thế, mỗi miếng ăn phạm một tội Ba-dật-đề. Hoặc có thỉnh trước, hoặc Tỳ-kheo bịnh, hoặc để dưới đất cho thì không phạm, khiến được ít phần đem cúng thí cầu phước. Rộng như trong luật nói.

***Giới 4:*** Ở nơi hiểm trở cách xa tăng-già-lam, thọ thực người đưa đến sợ bị cướp nên Phật chế.

Chế thứ 4:

1- Trước nói Đàn việt đưa đến rồi ra ngoài già-lam đón rước.

2- Tỳ-kheo bị bệnh.

3- Đặt dưới đất cho Tỳ-kheo.

4- Dạy người đem cho Tỳ-kheo.

Trong bốn pháp nầy, tùy theo mỗi pháp đều không phạm, hễ trái với bốn khai mà tự tay thọ thì phạm.

Phần thứ ba kết xong rồi xem xét như trên.

## PHẦN THỨ BẢY: 100 PHÁP CHÚNG HỌC.

Văn có ba phần, như ở trước nói.

1- Nói về chỗ y giáo.

2- Nêu bày tướng tội danh.

3- Kết xong thì xem xét.

Nói về tướng tội danh:

***Giới 1:*** Mặc Niết-bàn-tăng

Niết-bàn-tăng: Âm tiếng phạm là Thấp-Bà-San-na, Trung Hoa dịchlà Quần (Quần): Nên mặc cho ngay ngắn, luật nói có năm thứ không ngay ngắn.

1- Quá cao đến gối.

2- Quá thấp, buộc dây lưng ở rốn.

3- Vòi voi: Nghĩa là một góc xệ xuống ở trước.

4- Lá cây Đa-la: Hai góc xệ ở trước.

5- Tế Niếp: Dây lưng bị nhầu.

Bởi quần bên Tây-trúc không có dây lưng, chỉ buộc dây ngang qua thân. Luận Tát-bà-đa quyển 9 nói: - Trên mắt cá chân một khuẩu tay.

Thượng hạ quá: Là mặc cao thấp.

Tỳ-kheo và Sa-di lúc đi xa quần kéo lên khỏi mắt cá hai khuỷu tay, trên đến đầu gối. Ni và ba chúng dưới thì trên mắt cá một khuỷu

tay. Trong luật Ngũ phần quyển mười nói: Cao nửa bắp chân trở lên. Dưới từ gót chân trở xuống. Ngày nay tùy theo lượng thân nên không hoàn toàn như trước kia. Nếu trái phạm thiên này thì y theo luật có hai nghĩa:

- Nghĩa thứ nhất: Tâm cố làm thì phạm hai tội. 1/ Cao xuống thì phạm Cát-la. Cố làm cố phạm chẳng phải oai nghi thì phạm Cát-la.

- Nghĩa thứ hai: Nếu không cố làm thí chỉ phạm Cát-la. Khi muốn sám thì trước thỉnh sám chủ, sau đó mới sám tội.

Luật Thập tụng quyển 19 nói: Phật ngự tại thành Vương xá, Ngài nghĩ rằng: - Ta nên quán chư Phật quá khứ xem vì sao mặc Nê-hoàn-tăng.

Trời Tịnh Cư ở trên hư không bạch Phật rằng: - Từ quá khứ đến nay đều mặc như vậy.

Luận Tát-bà-đa nói: - Thiên này nhẹ cho nên các đệ tử tâm không chú trọng. Do đó, quán khứ lai đều khác với trời Tịnh Cư. Nay thấy rõ ràng thiên này khuyên nên học là do đây.

***Giới 2*** : Mặc ba y.

Cũng có năm tướng phạm:

1) Cao quá gót chân.

2) Thấp xuống hở lưng.

3) Vòi voi: nghĩa là bên khuỷu tay trái xệ xuống một góc.

4) Lá cây Đa-la: Nghĩa là suốt từ vai xuống khố, phía trước xệ xuống hai góc.

5) Nếp nhỏ có viền.

***Giới 3, 4:*** Lật ngược y.

Tăng kỳ quyển 24 nói: Khi mưa gió được lật ngược y sang một bên. Nếu hở vai phải được lật ngược y sang trái. Nếu trùm kín vai được lật y sang phải, không để khuỷu tay hở.

***Giới 5, 6*** (trong chánh văn không có)

***Giới 7, 8:*** Che đầu.

Tăng kỳ nói: Ở trước vị Hòa-thượng A-xà-lê không được trùm đầu mà ngồi. Nếu gió lạnh không được che hết, nên che nửa đầu một tai, thấy vị Trưởng lão thì lấy ra.

***Giới 9-17 (***trong chánh văn không có)

***Giới 18, 19:*** Phải khéo che thân. Luật Tăng-kỳ nói: Nếu ngồi thân lộ ra thì phương tiện cho lấy vật.

***Giới 20, 21*** (trong chánh văn không có)

***Giới 22, 23:*** Không im lặng là lớn tiếng nói cười.

***Giới 24, 25***: Giới không cười giỡn.

Luật Tăng-kỳ nói: Ở trước thầy không được cười. Nếu có việc tức cười thì nên quán tưởng: Vô thường, khổ, không, vô ngã, v.v...

***Giới 26***: Phải chánh niệm thọ thực, không làm tổn khí. Luật Ngũ Phần nói: Tay trái nhất tâm cầm bát, tay phải giúp sức.

***Giới 27, 28***: Đầy bát thì đổ, cho nên chế vừa bát mà thọ thực.

***Giới 29:*** Cơm canh cùng ăn: Cơm canh phải ăn một lượt. Không được ăn cơm hết mới ăn canh, hoặc ngược lại.

***Giới 30:*** Thứ lớp thọ thực: Không làm khuấy trộn trong bát.

***Giới 31-33*** (trong chánh văn không có)

***Giới 34***: Ngó vào bát người ngồi bên cạnh: Nếu nhìn qua sẽ chê trách thí chủ cúng dường không đều.

***Giới 35***: Duyên vào bát buộc tưởng: Trong luận Bà-Sa quán bát như đầu lâu.

Tăng kỳ: Dứt tâm quán bát. Không được đưa bát ra trước nói chuyện với người bên cạnh. Nếu có duyên cần nói thì tay trái đậy trên bát.

***Giới 36, 37*** (trong chánh văn không có)

***Giới 38:*** Không ngậm cơm: Luật Tăng-kỳ nói: Lúc sư trưởng gọi, cơm chưa nuốt hết thì có thể làm tiếng khác để đáp. Nếu không được thì miệng nói, có người chê trách thì thưa là trong miệng có cơm.

***Giới 39*** (trong chánh văn không có)

***Giới 40***: Ăn cơm rơi đổ: Luật Tăng-kỳ quyển hai mươi bốn nói: Nên để từng miếng ăn vào miệng. Nếu ăn bánh thì dùng tay bẻ nhỏ ra ăn.

***Giới 41:*** Ngốn cơm ăn.

Luật Tăng-kỳ nói: Không được ngốn cơm lừa sang má bên này, lừa sang má bên kia.

***Giới 42-44*** (trong chánh văn không có)

***Giới 45***: Không được tay bốc vãi cơm mà ăn. Làm thức ăn dính tay, làm dơ người bên cạnh.

***Giới 46*** (trong chánh văn không có)

***Giới 47***: Tay dơ cầm đồ đựng cơm.

Bên Tây trúc dùng tay bốc thức ăn, tay cầm thức ăn thì làm dơ tay.

Luật Ngũ Phần nói: Ăn bằng tay làm cho tay và thức ăn ô uế.

***Giới 48:*** Nước rửa bát.

Luật Ngũ Phần nói: Vì trong bát có nước cơm, khi rửa bát trong

nhà cư sĩ phải cẩn thận,

***Giới 49:*** Đại tiểu tiện trên cỏ tươi.

Luật Tăng-kỳ nói: Mùa hạ cỏ xanh và tốt, nên các loài lạc đà, ngựa, bò thường đến ăn, không nên bỏ gạch đá vào đó, không làm cỏ khô.

***Giới 50:*** Đại tiểu tiện khạc nhổ xuống dòng nước.

Luật Tăng-kỳ nói: Nơi cuối dòng nước tràn ra nên chặn gạch đá ở trên.

***Giới 51-60*** (trong chánh văn không có)

***Giới 61***: Cất tài vật trong tháp. Nếu vật của Tam Bảo thì cất cho chắc chắn, không có sai lầm thì không phạm.

***Giới 62-93*** (trong chánh văn không có)

***Giới 94:*** Leo cây cao, trừ khi có nhân duyên.

***Giới 95:*** Tỳ-kheo già bệnh thì Tỳ-kheo khai cho bạch hai lần Yết-ma được quẩy đầu gậy mang trên vai mà đi.

Như Tạp Kiền Độ trong luật có nói.

***Giới 96-100*** (trong chánh văn không có)

## PHẦN THỨ TÁM: 7 PHÁP DIỆT TRÁNH

Cũng chia làm ba:

1-Nương theo lời dạy mà diệt sự tranh cãi (y giáo diệt tránh).

2- Nêu tên tướng tội.

3- Kết xong xem xét.

Phần một lại chia làm hai:

1- Từ đầu đến ... trong giới kinh, là nói về giáo y cứ. Văn nói bảy pháp diệt tránh, âm Phạm gọi là 7 pháp Tỳ-ni.

2- Từ “Nếu có rồi”... trở xuống là nói công dụng diệt tránh. Tranh hoặc đã khởi lên, nên nói “nếu có rồi”. Khởi thì phải diệt nên nói trừ. Thể của tránh vốn khác nhau, nên nói có bốn loại:

- Một là ngôn tránh (tranh luận).
- Hai là mích tránh (tìm lỗi để dứt tránh).
- Ba là phạm tránh.
- Bốn là sự tránh.

Tuần tự đối ba môn mà phân biệt

1) Giải thích tên gọi.

2) Thể, trị.

3) Kết tội.

* Giải thích tên gọi: Vì lý lẽ sinh ra tranh cãi, gọi là ngôn tránh.

Tìm lỗi sinh ra tranh chấp gọi là mích tránh. Phê bình sinh ra tranh chấp gọi là phạm tránh. Yết-ma sinh ra tranh chấp gọi là sự tránh.

* Thể, trị, nói chung về thể. Chúng tăng, chúng ni các nơi khởi lên tranh chấp khiến cho bạn bè trái quấy sinh lỗi. Đó là thuộc về bốn tránh. Nếu tranh luận với năm chúng khác không trái phá thì chẳng thuộc về bốn tránh.

Nói riêng về thể:

Một là ngôn tránh. Lý sự của ba tạng vốn vậy, mà đối lập làm cho rối tung gọi đó là ngôn tránh, như Thanh Luận sư xuất gia làm tăng, vẫn chấp theo cũ, lập âm thanh là thường, là không chất ngại, dụ như hư không. Phật pháp phá rằng: Âm thanh là vô thường, vì là cái làm ra, cũng như cái bình... Nhưng âm thanh về sự thường hay vô thường, lý đối lập cùng tranh luận, đó là thể của ngôn tránh. Tránh này gồm có thượng phẩm và hạ phẩm.

Nếu nói về trị thì nói chung là dùng hai loại thuốc trong 7 loại thuốc mà trị. Nói 7 loại thuốc, theo trong văn giới nêu ra thứ lớp như sau:

I. Tỳ-ni hiện tiền, có hai nghĩa:

1/ Biệt dụng hiện tiền: Đối diện phán xử việc ngôn tránh gọi là Hiện tiền.

2/ Thông dụng hiện tiền: Phán chung các cuộc tranh luận đều phải đối diện gọi là Hiện tiền.

II. Tỳ-ni ức niệm.

III. Tỳ-ni bất si.

IV. Tỳ-ni tự ngôn trị.

V. Tỳ-ni tội xứ sở.

Nghĩa là như có người bị người khác nêu tội, đầu tiên dẫn ra, sau đó chống trái. Tăng tác bạch bốn lần trị phạt, dẫn ra các chứng cứ tội có phạm tội. Do đây mà diệt tránh nên gọi là Tỳ-ni. Văn giới gọi là mích tội tướng. Ý nghĩa giống như vặn hỏi tìm ra, dẫn các chứng cớ về tội.

VI. Tỳ-ni đa nhân ngữ.

Văn gọi là “Đa nhân mích tội”. Tội là lỗi của việc tranh cãi, chẳng phải là tội trong năm thiên phạm tội. Ý ở đây nói: Dùng lời nói của nhiều người tìm lỗi chấp thường của Thanh luận mà phán đoán là phi lý.

VII. Tỳ-ni thảo bố địa.

Trong bảy Tỳ ni ở trên, nếu trị loại ngôn tránh hạ phẩm, thì chỉ dùng hiện tiền một lần diệt là hết, tức là trên nói Biệt dụng hiện tiền.

Ở trong đó tùy theo tám chỗmà phán diệt. Nghĩa là hoặc ngay giới của mình cầu một vị có thắng đức, hoặc hai hoặc ba, hoặc đủ tăng vị. Hoặc trong giới của người khác, tăng hoặc ba, hoặc hai, hoặc một. Dần dần lưu chuyển tùy ứng với tám chỗ tranh cãi, nghĩa là tâm phục gọi là Tỳ-ni hiện tiền một lần diệt hết. Nhưng trong tám chỗ diệt nếu có dưới ba vị thắng đức thì phải đầy đủ ba hiện tiền.1- Pháp hiện tiền, như phán quyết âm thanh là thường, đó là phi lý. 2- Tỳ-ni hiện tiền: Khuyên nhận lấy phán quyết này. 3- Nhân hiện tiền: Phán xử người tranh cãi và người khởi tranh cãi. Nếu trên bốn người phải đầy đủ năm hiện tiền nghĩa là thêm kết giới, thành tựu và năng diệt tăng. Ba, năm thứ hiện tiền này đều là nghĩa đối diện phán định, đều gọi là hiện tiền.

Nhưng ở trong số tăng vị, sợ có người xấu giả kết bạn bè tranh luận, nên đơn bạch sai đủ 10 vị đại đức họp riêng ở một chỗ để cùng nhau phân xử. Khi chính thức phân xử cũng phải giải quyết các mong muốn của bọn người xấu. Lại ở trong tòa đuổi ra ngoài ba hạng người:

1) Nếu có Tỳ-kheo không tụng giới, không học luật tạng, nói lời phi pháp, thì nên làm đơn bạch đuổi người nầy ra.

2) Người tụng giới mà không học Đại tạng, chấp một ít văn thì cũng đuổi ra.

3) Tỳ-kheo Pháp sư dùng ngôn từ gượng ép mà nói đạo lý, cũng bạch đuổi ra. Sau khi đuổi ra rồi thì đúng như pháp phán định. Tranh sự đã diệt rồi mà còn phát khởi lên thì phạm Ba-dật-đề. Phần phát tranh ở dưới đều y cứ theo đây.

Nếu là ngôn tránh phẩm thượng ở tám chỗ trước đều không thể dứt, phải dùng hai diệt mới hết, nghĩa là Tỳ ni đa nhân ngữ và hiện tiền. Hiện tiền tức là thông dụng hiện tiền, nghĩa là lìa nhiều người thì không có thể tánh riêng. Các phần hiện tiền sau đều y cứ theo đây mà giải thích.

Nói nhiều người, nghĩa là tác bạch hai lần sai năm vị có đức hành trù phán định. Hành trù gồm có mười ba pháp là hiển lộ v.v... như trong luật. Vả lại, như ở trong chúng người phi pháp nhiều, nhưng Hòa-Thượng, Thượng tọa trí người kia đều nói đúng như pháp. Nên hiển lộ thực hành hai thứ thẻ: Một là phá, hai là hoàn. Lúc hành thì nói rằng: - Lập âm thanh là thường là tróc phá xá-la. Lập âm thanh là thường thì tróc hoàn xá-la. Nếu chấp âm thanh là thường mà số thẻ ít thì phán là trái. Nếu thẻ nhiều gửi sự làm loạn thì không được phán định. Nên ở chỗ khác thầm cầu người trí đến này mà hành trù diệt. Thời nay thường thấy

chúng tăng phi pháp, vọng từ nhiều người thì một làm sao lầm. Mười hai pháp còn lại ở đây không thể nói hết. Đây chính là nhiều người nói.

Nói hiện tiền: Trong đây chỉ là tăng vị phán quyết việc tranh luận, đầy đủ có năm hiện tiền. Nghĩa là tăng, giới, pháp, tỳ-ni, người đều là pháp đối mặt phán định.

Hai là giải thích về mích tránh. Nói chung thì dùng bốn diệt. Diệt nghĩa là nếu có người nêu lên là tìm thấy tội của người khác, nhân đây mà hai người phân tranh gọi là mích tránh. Lúc tăng diệt thì xét hỏi tội cứ đã nêu. Người bị nêu gồm có ba loại:

1- Người không làm không phạm, như Đạp-Bà-ma-la là bậc Đại A-la-hán, không hề phạm tội. Vì bị hủy báng cho nên bên ngoài có lời đồn đến tai. Nếu người bị nêu, bảo tăng đã vặn hỏi biết thanh tịnh rồi thì không phạm. Được làm bạch tứ Yết ma, nhớ nghĩ lại biết thanh tịnh để dứt việc tranh chấp gọi là ức niệm Tỳ-ni.

2- Người làm mà không phạm: Như Kiền-độ diệt tránh ghi: Tỳ-kheo Nan-Đề khi lên cơn bệnh si cuồng gây ra nhiều tội, được Phật khai cho. Cho nên gọi là làm mà không phạm. Bị người nêu tội, bảo với tăng, tăng biết là không phạm nên bạch tứ, tăng cùng chứng minh. Hết si cuồng trở về sau không hề phạm, lấy đó mà dứt việc tranh cãi.

3- Người vừa làm vừa phạm. Như người tội bị nêu ra tội, bảo với tăng. Lúc tăng xem xét đầu tiên nói trọng, sau đó lại nói khinh. Hoặc đầu tiên nói phạm, sau đó nói trái. Cho bạch tứ yết ma, đoạt ba mươi lăm việc trị phạt khiến dẫn ra chỗ thật phạm. Lấy đây để dứt sự tránh nên gọi là nơi chốn tội.

Loại người một và hai không bị trị, việc tranh chấp dễ dứt, xếp vào loại tranh cãi hạ phẩm. Loại người thứ ba trị phạt tranh cãi khó dứt, xếp vào loại tranh cãi thượng phẩm. Hiện tiền không lìa ba tỳ-ni này cho nên gọi là bốn diệt diệt.

Ba là nói về phạm tránh. Nói chung là dùng ba diệt mà diệt. Phê bình tội phạm có hai.

1- Người bên cạnh phê bình đuổi bạn thành hai. Lại như một là người tự tay đào đất, hai là bên cạnh bạn phê bình.

- Nói người kia ở chỗ đất, tưởng đào đất nên phạm Ba-dật-đề.
- Nói người kia ở chỗ đất chẳng nghĩ là đất thì phạm Cát-la.

Việc tranh chấp đã ray rà, gọi người phạm đến hỏi, cho tự nói. Người phạm nói: Tôi ở chỗ đất tưởng đào đất. Liền bảo đối diện sám hối Ba-dật-đề. Vì tranh cãi dứt nên gọi là Tự ngôn trị. Tranh cãi các tụ tội khác y cứ theo đây nên biết. Hai người cùng chấp sự lý khác nhau

gọi là phạm tránh. Bất đồng ngôn tránh thì sự một mà lý khác. Cảnh đối sám tùy theo đó mà làm.

Một người cho đến đủ số tăng vị, thì tăng vị là năm hiện tiền, ngoài ra là ba hiện tiền. Hiện tiền không có thể riêng, cũng như trước đã nói.

2- Hoặc người bên cạnh phê bình tuy có tự nói nhưng tranh cãi vẫn không dứt, hoặc chúng cùng phạm, hai người thấy khác. Như ni khen ngợi thọ thực. Một người nói là khen ngợi thọ thực thì phạm Ba-dật-đề, một người nói trao tay thì phải quở trách.

Nếu muốn khinh sám, thì người thấy trọng trái nghịch; nếu muốn trọng sám thì người thấy nhẹ chống lại. Mất thời gian trái nghịch, phải làm pháp phủ cỏ. Đó là không nói tội danh, cùng nhau xin hoan hỉ. Như cỏ phủ bùn đất không làm dơ chân người, nên gọi là cỏ phủ. Đây là dứt tranh cãi mà tội không diệt. Điều nầy nói theo Mẫu luận quyển 8. Nếu theo luận Tát-bà-đa quyển 9 thì tội và tranh cãi đều diệt.

Đối với người bạn thứ nhất, người trí nên sinh khởi đầy đủ nghi cách cùng thưa bẩm, nghĩ như là cỏ phủ. Bạch từng câu như trong luật, đây không nói nhiều.

Trong chúng thứ hai cũng vậy, thưa bẩm rồi thì đơn bạch với tăng, xin sám hối. Đây đã là tăng diệt, thì hạn cuộc trong năm hiện tiền.

Bốn là nói về Sự tránh, là tất cả diệt diệt. Nghĩa là Sự tránh này chỉ là tranh cãi Yết-ma nên đặt tên việc này. Lý thật tức thuộc về ba tránh trước.

Vả lại, như hai người, thấy người khác thọ nhật bẩm nhật hai pháp. Một nói bạch nhị, thọ nhật không thành, phải bạch tứ yết ma. Một nói bạch nhị thọ nhật được thành, trong giáo có văn nói rõ.

Đây tức là sự một, lý khác thuộc về ngôn tránh. Diệt pháp thì y cứ theo văn trước.

Như giữ theo pháp, thật không phạm tội, bị người kia nêu ra nói có tâm ác theọ, Tăng biết thanh tịnh liền cho nhớ nghĩ. Nếu vì si mà làm, bị người cử tội bạch tăng thì cho pháp không si. Lại y theo thật phạm, đầu tiên dẫn ra, sau lại trái phá thì đắc tội nơi chốn. Đây đều thuộc mích tránh. Lại như thấy người riêng chúng theo pháp, hai người ở bên phê bình.

Một người nói kia là ác tâm theo pháp nên khiến cho không thành thì phạm Thâu-lan-giá. Một người nói kia là tâm biếng nhác theo thì phạm Cát-la. Đây tức sự lý đều khác thuộc về phạm tránh. Đây đã tùy thích ứng, vì thuộc về ba loại tránh trước (ngôn, mích, phạm) nên dùng

bảy diệt tùy nghi mà diệt, y cứ theo ba tránh trước.

* Kết tội: như văn trước.

Phần hai: Nêu tướng tội danh. Bảy giới đều nói "thuận theo cho" là người có trí quán biết thuận theo cho vậy. Nói nên cho đó chính là đối diện mà phán diệt. Nếu quán thấy thuận theo cho mà không phán diệt thì phạm Cát-la. Cho nên bảy giới này thuộc về thiên thứ năm.

Do lỗi tránh nặng nên khuyên được cho ẩn tội danh. Bảy phần gồm có hai vị: - Vị thứ nhất gồm một loại đầu, hai loại kế và một loại tự ngôn trị, như thứ tự này mà diệt ba thứ: ngôn, mích, phạm tránh thuộc phẩm hạ. Vị thứ hai gồm mích tội, đa mích và như thảo bố địa, theo thứ tự này mà diệt ba thứ: ngôn, mích, phạm tránh thuộc phẩm thượng.

Hỏi: Trong phẩm thượng theo thứ lớp sao lại nói khác trước?

Đáp: Tùy theo lời nói thuận tiện thôi.

Cũng có Luật sư trả lời theo thứ lớp đó là không theo văn luật.

Phần ba: kết rồi thì xét giữ, như trước nên biết.

Từ đây trở xuống là kết chỉ bày hồi hướng. Văn chia ra làm ba.

1) Từ đầu đến "phải nên học" là kết rộng, chỉ bày lược.

2) "Nhẫn nhục là đạo bậc nhất", chỉ bày riêng tóm lược bảy vị Phật.

3) "Nói người có thể hộ giới v.v..." hồi hướng cầu đại đạo.

Chỉ bày riêng bảy vị Phật:

***1/ Tỳ-bà-thi:***

Văn lược chia ra làm hai. Đầu nêu tóm lược bài kệ, kế nêu lên giáo chủ.

* Tóm lược kệ:

Giải thích tóm lược bài kệ rằng: Người ở thời Phật này, thường chấp khổ hạnh. Nghĩa là chấp khổ hạnh, dứt nghiệp ác nhiều đời, lại không gây tội mới thì không còn quả khổ. Vì muốn đối trị chấp ấy nên đặt ra giới.

Nói "Nhẫn nhục là đạo bậc nhất": - Nghĩa là đối người có oán thì tu từ bi nhẫn nhục giống như khổ hạnh này là đạo bậc nhất. Đạo nầy dẫn chứng lý vô vi, Phật nói là tối thượng. Khéo chế giới như thế được niềm vui vô vi. Không đồng với ngoại đạo xuất gia làm não loạn người khác, mà chế ra tu khổ hạnh không gọi là Sa-môn. Sa-môn nghĩa là vui vắng lặng. Chỗ chế của ngoại đạo kia không có quả an vui vắng lặng cho nên nói như thế.

***2/ Phật Thi-khí:***

Văn lược làm hai như trước. Y bài kệ là: Người ở thời Phật này,

nhiều tà hạnh, để cầu quả báo cõi trời. Vì để đối trị kia nên chế ra giới. Nói: thí như người mắt sáng... là nói Phật khéo chế ra giới, cho chúng sinh mắt tuệ sáng sạch, thấy rõ việc giết hại các loại dê v.v... cúng tế trời, cầu trời, chiêu lấy nẻo tà hiểm không được sinh lên trời. Vì vậy nói thí như người có mắt sáng tránh được đường hiểm ác. Trên đã đối trị tà cầu cho nên người tu giới định, tuệ lìa được phá giới và phiền não ác. Văn còn lại có thể hiểu.

***3/ Phật Tỳ-diệp-la:***

Người ở thời Phật này, nhiều trì giới mà không cầu thắng tiến, lại thích đối với người khác nói lỗi, ôm lòng ganh ghét. Vì đối trị kia nên chế giới.

Nói không hủy báng cũng không ganh ghét là lìa hai lỗi miệng, ý. “Nên vâng giữ giới” là để cho giới đầy đủ.

Từ “ăn uống” trở xuống là nói thuận sinh thắng thiện. Văn có năm câu:

1- Ăn uống biết đúng lượng.

2- Thường thích xa lìa.

3- Nhờ đây mà tâm định.

4- Sách tấn tiến tu.

5- Kết thành Phật giáo.

Văn còn lại có thể hiểu.

***4/ Phật Câu-lưu-tôn:***

Người ở thời Phật này, nhiều tham cầu lợi dưỡng,chống lại lời thầy dạy, bàn ngược lại thầy, ác tâm ngã mạn tu các phẩm thiện. Vì vậy, Phật chế giới.

Nói: Cho đến vào xóm làng: Vào xóm làng, không hủy hoại tâm bố thí, ít trì vị khinh, lại đối với lời dạy của thầy không sinh trái ngược, chỉ thuận theo lời dạy thực hành, không dòm ngó thầy làm hay không làm v.v... Trong giới Đại thừa, gọi là không quan sát chủng tánh của Pháp sư. Văn còn lại có thể hiểu.

***5/ Phật Câu Na-Hàm Mâu-ni:***

Người ở thời Phật này, nhiều ưa buông lung, chấp theo tà luận. Nếu có người phá thì sinh lo buồn, vì để đối trị kia nên mới chế giới. Nói “tâm chớ buông lung” đó là lìa tà luận. “Thánh pháp nên siêng học” là học chánh luận.

“Như thế thì không lo buồn”: Người học chánh luận pháp như vậy, tâm vui mừng cho nên thân an, vì an nên tâm định, vì định nên được Niết-bàn.

***6/ Phật Ca-Diếp:***

Người ở thời Phật này phần nhiều được định, thường sinh ái vị mà không cầu tịnh thắng. Tức như kinh Duy-ma-cật nói: Tham đắm thiền vị là trói buộc của Bồ-tát. Vì đối trị kia nên Phật chế giới.

Nói "tất cả điều ác chớ làm": Là trị điều ác phá giới.

"Nên vâng làm điều lành": Tu thiện tịnh định chớ tu theo vị định. Chí ý tự chánh, giúp đưa đến quả chứng.

***7/ Phật Thích-ca:***

Người ở thời Phật này, tánh nhiều phiền não buông lung, không chịu tu niệm. Nếu có tu chút ít điều lành thì sinh vui mừng cho là đủ, lại gây ra nhiều nghiệp ác. Vì để đối trị kia nên chế ra giới.

- Nói "khéo giữ gìn cửa miệng" là khi người hỏi tội chớ dùng lời độc ác đáp lại.

Lại là tự phát ra lời nói xa lìa bốn lỗi.

- Tự tịnh chí ý: Là dứt trừ phiền não, tu không buông lung, thích tu nhiều việc lành.

- Thân chớ làm điều ác: Là lìa lỗi của thân. Vì ý có khả năng phát ra nghiệp cho nên ở giữa, để biểu hiện trước là lời nói, sau là thân nghiệp vậy.

Ba nghiệp đạo này thanh tịnh, đó là nơi thanh tịnh nhất lúc chứng Niết-bàn. Cho nên văn tiếp nói: - Thường được hành như thế là đạo của bậc đại tiên nhân.

* Nêu giáo chủ: Văn chia làm ba. 1) Nêu giáo chủ. 2) Giải thích về thuyết thời 3) Khuyên tu học.

Phần đầu có thể hiểu. Phần hai ý nói mười hai năm đầu lúc Phật còn tại thế, chư tăng vẫn thanh tịnh, chưa hề phạm lỗi. Mỗi nửa tháng Phật tự nói giới này. Từ đó về sau thì y theo luật.

Phật tại nước Chiêm ba, một đêm trăng rằm, bên bờ sông Hằng, vì ở trong tăng có người phạm tội trộm. Phật yên lặng không nói giới, mà giao cho đệ tử nói, nếu Phật nói thì có hai lỗi: 1-Phật không nói dối. 2- Thần Kim cương dùng chày đập sẽ làm tổn hại người phạm. Vì bảo hộ cho họp nên Phật không nói, mà giao cho đệ tử nói rộng về giới. Trong sáu vị Phật trước, vị Phật đầu tiên sáu tháng Bố-tát một lần. Lần lượt như thế các vị Phật còn lại năm, bốn, ba, hai, một tháng. Nay Phật Thích-ca thì nửa tháng thuyết giới một lần.

Phần ba khuyên tu nói các Tỳ-kheo vì mình nghĩa là khuyên tự thương mình. Kinh luận mới gọi là người thiện nam tự ái. Lạc pháp là thích nghe suy nghĩ.

Ưa thích Sa-môn: Thích vắng lặng tức là tu tuệ. Có hổ có then là đối trị lại với phiền não phá giới.

Ưa thích học giới: Còn trong sự học thì lấy giới để làm tông. Cho nên khuyên sau cùng.

Hồi hướng cầu đại đạo: có 14 kệ, chia làm hai:

*Đầu tiên mười hai bài kệ rưỡi: Khen công đức khuyên tụng giới. Chia làm 5:

1/ Hai bài kệ nói rõ giới có công năng nhận lấy nghĩa lợi hiện tại và sau này.

2/ Hai bài rưỡi nêu về uy nghi cung kính

3/ Hai bài rưỡi nói về được đoạn đức.

4/ Hai bài rưỡi nói về Phật ân đức.

5/ Ba bài kệ nói về trí đức.

- Giải thích hai bài kệ đầu: Hiện được lợi ích gọi là nghĩa, sau lợi ích gọi là lợi. Trong bài kệ đầu hiện tại nhận được gọi là lợi, sau đó chiêu cảm sinh lên cõi trời. Ba thứ lạc này đều là người trí nên gọi là người sáng suốt. Đời này muốn sinh lên trời, thì dẫn sinh về cõi trời. Bài kệ sau khuyên quán đời trước lợi ích nhờ giới tịnh này mà dẫn nhập vào Đạo xuất thế bậc nhất tức đạo Niết-bàn.

- Giải thích hai bài kệ rưỡi: Có thể thắng tất cả lo buồn: hai chướng ưu não hợp lại gọi là lo buồn. Có thể thắng nghĩa là đoạn. Vì đoạn cho nên cung kính giới là Phật pháp. Cho nên Phật khuyên đệ tử tự cầu đạo cung kính giới thuận theo giáo.

- Giải thích hai bài kệ rưỡi: nói về đoạn đức. Bảy vị Phật dứt hoặc nên nói bảy giới kinh, để cho các đệ tử tu hành giải thoát. Trong văn lẽ ra nói: "Làm cho các trói buộc được cởi bỏ". Phật đã nói rồi, đã nhập Niết-bàn. Các tướng hí luận hữu lậu đã dứt. Lại các đệ tử như các ngài Xá-lợi-phất v.v... vâng theo lời Phật, khen ngợi giới của các Thánh. Các vị này cũng đã nhập diệt.

-Giải thích hai bài rưỡi kệ: nói về ân đức. Đại bi tức là thể của ân đức. Từ đây lưu xuất ra giới và tỳ-ni. Tỳ-ni tức là Đại tạng. Giới do Phật nói ra, tương ứng thấy giới như Phật.

-Giải thích ba bài kệ sau: Nói về sinh ra trí đức. Lần lượt truyền sinh thánh tuệ nhật chiếu soi xua hết si ám. Cho nên nói Phật pháp hưng thạnh: tức thắng nghĩa chánh pháp hưng thạnh. Nếu mặt trời trí tuệ không có thì si ám liền sinh khởi. Đã sinh trí đức, khuyên nên hòa hợp thuyết giới.

*Sau cùng một bài kệ rưỡi là kết tóm phần thắng đức nói ở

trước.

"Thí cho chúng sinh đồng thành Phật" như văn có thể hiểu.

*"Nếu có người vâng giữ giới thanh tịnh,*
*Cũng hồi hướng quả Bồ-đề,*
*Làm lợi ích cho chúng sinh.*
*Cũng như xông hương xông khắp cả".*

TỨ PHẦN TỲ-KHEO BỔN SỚ.
QUYỂN HẠ - (HẾT)

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 144

# TỨ PHẦN LUẬT SAN BỔ TÙY CƠ YẾT MA

**SỐ 1808**
(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1808

# BÀI TỰA VÔ ĐỨC BỘ TỨ PHẦN LUẬT SAN BỔ TÙY CƠ YẾT MA

*Sa-môn Đạo Tuyên chùa Sùng Nghĩa ở Kinh Triệu đời Đường soạn.*

Đức Đại Hùng ngự ở thế gian, ý của Ngài đâu chỉ cứu giúp một người. Giáo lý của Ngài theo thời kỳ gom chung về để hiển bày một lý. Nhưng do chúng sinh tham đắm dục vọng. Gốc của dục gọi là tâm ta. Cho nên theo đó mà bị đau khổ. Đức Phật chỉ dạy cho pháp dừng tâm. Nhưng tâm là gốc sinh ra sự tham muốn. Nếu dứt được tham muốn thì chắc chắn sẽ dứt được tâm nguyện. Nhờ dứt tâm tham muốn nên trí tuệ được sáng suốt. Trí tuệ phát khởi là nhờ có định. Công năng phát định, nếu không nhờ giới thì không rộng lớn. Cho nên, chỉ cần tôn trọng giới, trong kinh nói: Giới là gốc của Bồ-đề vô thượng, phải phát tâm nghiêm trì tịnh giới.

Tâm trì giới quan trọng chỉ có hai loại:

- Chỉ trì: là giới bản được nêu lên trước nhất.
- Tác trì: là Yết-ma kết thành đại khoa, rồi sau tiến tới tu tập pháp nhiệm mầu của tông này.

Nếu người không làm pháp yết-ma, không tụng giới thì suốt đời không được lìa y chỉ. Cho nên, trong luật nói rằng: Từ khi Phật nhập Niết-bàn, dòng nước pháp chảy về phía Đông. Bấy giờ, người thông hiểu chánh pháp, tượng pháp rất ít. Thời đầu chia ra hai bộ rồi năm bộ, thời giữa chia ra mười tám bộ rồi năm trăm bộ, thời cuối cùng có rất nhiều vị tách ra để tranh nhau lập tông. Có người nương vào pháp thì

không bị nghiêng đổ. Thế nhưng đạo do niềm tin phát khởi, sự mở mang đạo là nhờ con người. Con người mê muội, pháp làm sao lắng trong được. Do đó, pháp yết-ma Phật dạy trải qua nhiều đời dần dần có thêm nhiều chương quyển. Nếu xét kỹ lại sử chép thì các Ngài phần nhiều y cứ vào những điều thấy nghe ở trước. Lại xét kỹ về nguồn gốc của tông đó ghi chép thì không có gốc y cứ. Tâm thầy chế pháp không phải ít, người tách nó ra rồi thực hành đọc tụng thì rất nhiều. Khinh lời Phật dạy, thực hành như lưới pháp luật, đều theo đuổi kiến chấp dị đồng, cạnh tranh nhau sự mê lầm đúng sai, không suy nghĩ lại càng kết thêm sự mê mờ, đến nỗi làm cho chánh pháp bị lắng chìm.

Cho nên Phật dạy: Nếu tác pháp yết-ma không đúng với tác bạch, tác bạch không đúng với pháp yết-ma. Tác yết-ma như thế thì dần dần làm cho chánh pháp mau diệt. Nên phải thuận theo câu văn tác bạch chớ để cho thêm bớt, trái với pháp tỳ-ni, phải học những lời như thế. Nêu cái sai chỉ ra thật khó.

Xưa quan phụ có soạn bộ Hành Sự Sao, sách đó đã nói đầy đủ các tướng rồi. Nhưng vì cơ duyên dạy bảo nhau, tìm vội nên khó hiểu rõ. Cho nên nêu lược một pháp yết-ma, nêu riêng để chọn đề mục. Nếu khoa giảng chọn lựa thêm bớt, thạnh suy, đúng sai thì ở sau có nói rõ. Ở đây chỉ y cứ vào pháp sự nêu ra chứng cớ trong quyển Hành Dụng. Nhưng trong Tạp luận dư thiếu nghĩa là có sự thiếu sót thì bổ sung thêm. Cho nên đầu mối quan trọng của các bộ tóm lược chánh văn, luật tạng đều không có thì lý đều quyết định, đến thiên này thì hiển bày đầy đủ, bèn khác với dấu vết của tạng xưa, vả lại yết-ma tuy nhiều nhưng cốt yếu chia làm tám. Dầu từ tâm niệm, cuối cùng là bạch bốn lần Yết-ma. Mỗi phần có công năng giúp đỡ. Nên luật nêu chung một hiệu. Nay y cứ theo thời gian để hiển bày những điều cốt yếu, nhóm họp lại biên tập văn nêu ra mười thiên. Nghĩa chung cho cả bảy chúng, để tự rõ biết việc thường.

*****

# ĐÀM VÔ ĐỨC BỘ TỨ PHẦN LUẬT SAN BỔ TÙY CƠ YẾT-MA

*Sa-môn Đạo Tuyên chùa Sùng Nghĩa ở Kinh Triệu đời Đường soạn.*

## QUYỂN THƯỢNG

1/ Tập pháp duyên thành.
2/ Các giới kiết giải.
3/ Các giới thọ xả.
4/ Y được thọ tịnh.
5/ Các pháp thuyết giới.
6/ Các chúng an cư.
7/ Các pháp tự tứ.
8/ Các pháp chia y.
9/ Các pháp sám tội.
10/ Tạp pháp trụ trì.

### THIÊN THỨ NHẤT: TẬP PHÁP DUYÊN THÀNH

Pháp sự chung cho cả Đại thừa, Tiểu thừa ngang nhau. Cho nên, trước nêu phần cốt yếu. Sau thỉnh lại các đề mục lặt vặt.

Lại duyên chung cho thành và hoại, giáo tướng mở rộng, đồng thời như văn sau có trình bày nghĩa không rối loạn.

Pháp Tăng yết-ma lược có một trăm ba mươi bốn.

Phật nói: Có ba thứ yết-ma, bao gồm tất cả các pháp yết-ma.

Đó là yết-ma đơn bạch, yết-ma bạch nhị, yết-ma bạch tứ.

Yết-ma đơn bạch có ba mươi chín pháp:

Trong ba mươi pháp đó có hai mươi bảy pháp là thọ pháp sám hối:

Pháp đi khất thực
Pháp nói lời khác
Pháp làm xúc não
Pháp cho cạo tóc

Pháp cho xuất gia
Pháp sai giáo thọ
Pháp gọi nhập chúng
Pháp đối chúng vấn nạn
Pháp thuyết hòa hợp thuyết giới
Pháp tăng sám hối
Pháp tăng phát lồ
Pháp hòa hợp phi thời
Pháp tránh diệt thuyết giới
Pháp hòa hợp tự tứ
Pháp nạn sự lược tự tứ
Pháp tu đạo Tăng tự tứ
Pháp có tránh sự Tăng tự tứ
Pháp tránh sự thứ hai Tăng tự tứ
Pháp thọ y công đức
Pháp xả y công đức
Pháp bậc nhất thêm thuyết giới
Pháp thứ hai thêm thuyết giới
Pháp nhóm họp người có trí.
Hai pháp đoán việc, đuổi người không tụng giới Tỳ-ni ra ngoài
Pháp đuổi, đuổi người bỏ chánh nghĩa ra ngoài.
Pháp cỏ che đất, sau đến thành Vương xá kết tập
Pháp Ca-diếp luận nói về pháp Tỳ-ni
Pháp hỏi pháp tỳ-ni với ngài Ưu-ba-ly
Pháp ngài Ưu-ba-ly đáp.
Pháp hỏi pháp tỳ-ni với ngài A-nan
Pháp ngài A-nan trả lời.
Pháp bạch trong một trăm luận.
Pháp sai Tỳ-kheo luận về pháp bạch
Pháp chánh luận pháp tỳ-ni bạch.

Pháp bạch hỏi Thượng tọa Nhất Thiết Pháp, Pháp Thượng tọa đáp.

Pháp bạch hành Xá-la lẽ ra có pháp bạch.
Yết-ma bạch nhị có năm mươi bảy pháp:
Pháp làm phòng nhỏ
Pháp làm phòng lớn
Pháp sai người chia đồ nằm
Pháp sai nói tội thô.

Pháp hai mươi bảy trả y
Pháp lìa y
Pháp chưa đủ sáu năm may đồ nằm mới.
Pháp hộ bát
Pháp sai thầy Giáo thọ ni.
Pháp ngăn và giải không đến nhà học gia
Pháp nuôi chúng
Pháp ni sai cầu Giáo thọ
Pháp ni sai người đến trong tăng cầu tự tứ
Pháp cho ngoại đạo ở
Pháp kết tiểu giới, thọ giới và giải giới.
Pháp kết chỗ thuyết giới và giải giới
Pháp kết đại giới và giải giới
Pháp kết giới tràng
Pháp kết giới hai giới đồng
Pháp kết đồng một giới
Pháp kết giới thức ăn đồng
Ba giới trên đều có giải giới.
Pháp cùng với người cuồng điên và giải giới.
Pháp thọ nhật
Pháp sai người thọ tự tứ
Pháp kết tiểu giới tự tứ và giải giới.
Pháp nhận vật của tăng bốn phương.
Pháp thưởng người săn sóc bệnh
Pháp phân vật của người đã mất
Pháp kết kho chứa
Pháp sai người giữ kho
Pháp kết tịnh địa nên giải giới.
Pháp sai người giữ y công đức
Pháp trao y công đức
Pháp người tại gia sai người sám hối
Pháp sai người phát thẻ
Pháp sai sứ bảo người đáng tin đi thọ giới.
Pháp ni cùng tăng tác pháp không làm lễ và giải giới.
Pháp sai Tỳ-kheo sửa sang phòng xá.
Hai pháp đem phòng cũ cho người xuất gia, tại gia kinh doanh
Pháp úp bát
Pháp dùng gậy quảy bát.

Văn luận nên đầy đủ như trên; phải có pháp sai người chia cháo, chia tiểu thực, chia Khư-xà-ni, sau thỉnh trải đồ ngồi, chia áo tắm, y có thể chia, cho Tỳ-kheo, Sa-di.

**YẾT-MA BẠCH TỨ CÓ BA MƯƠI TÁM PHÁP**

Pháp can ngăn phá Tăng
Pháp can ngăn giúp phá Tăng
Pháp can ngăn bị đuổi phỉ báng
Pháp can ngăn người có tánh xấu ác
Pháp can ngăn tà kiến xấu ác.
Hai pháp can ngăn do tà kiến bị đuổi.
Pháp can ngăn Tỳ-kheo-ni theo người bị cử.
Pháp can ngăn khuyên gần gũi ở chung
Pháp can ngăn vì tức giận bỏ Tam bảo
Pháp can ngăn sự phát khởi tranh cãi
Pháp can ngăn gần gũi con của Cư sĩ.
Pháp học giới Thức-xoa
Pháp thọ giới cụ túc
Pháp học hối
Pháp quở trách và giải bỏ pháp ấy
Pháp đuổi ra và giải bỏ pháp ấy
Pháp nương y chỉ và giải bỏ pháp ấy
Pháp ngăn đến nhà người tại gia và giải bỏ pháp ấy
Pháp không thấy nêu tội và giải bỏ pháp ấy
Pháp không sám hối và giải bỏ pháp ấy
Pháp không xã và giải bỏ pháp ấy
Pháp cùng che giấu
Pháp bản nhật trị.
Pháp Ma-na-đỏa
Pháp xuất tội
Pháp ức niệm
Pháp bất si
Pháp tội nơi chốn

**PHÁP ĐỐI THÚ YẾT-MA LƯỢC CÓ BA MƯƠI BA**

Phật dạy: Ba lần nói thọ giới đã gọi là khéo làm yết-ma, trong pháp thuyết giới cũng giống như vậy.

Luận Thập Tụng nói: Tâm niệm đối thú phân y gọi là làm yết-

ma.

Tỳ-kheo đến sau không cho phân, nghĩa là phân hai thứ riêng biệt:

1. Pháp Đản đối thú

2. Pháp chúng pháp đối thú

Văn chung cho các bộ đều như nêu ở dưới.

**PHÁP ĐÃN ĐỐI THỦ CÓ HAI MƯƠI TÁM**

Pháp thọ ba y và xả ba y.

Pháp thọ bát và xả bát

Pháp thọ Ni-sư-đàn và xả Ni-sư-đàn

Pháp thọ một trăm lẻ một y vật và xả một trăm lẻ một y vật.

Pháp xả thỉnh

Pháp xả giới

Pháp thọ thỉnh y chỉ

Pháp thuyết tịnh y

Pháp thuyết tịnh bát

Pháp thuyết tịnh thuốc

Pháp thọ ba thứ thuốc

Pháp thọ thuốc bảy ngày

Pháp an cư.

Pháp dự dục.

Pháp sám hối tội Ba-dật-đề

Pháp sám hối tội Đề-xá-ni

Pháp sám hối tội Thâu-lan-già

Pháp sám hối tội Đột-cát-la nặng

Pháp chỉ rõ sáu nhóm

Pháp phát lồ tội nặng của người khác

Pháp xả hành tăng tàn

Pháp bạch hành hạnh

Pháp bạch tăng tàn và các hành pháp

Pháp ni bạch vào chùa tăng

Pháp ni thỉnh giáo thọ

Làm pháp thức ăn dư.

Chúng pháp đối thú có năm: Pháp xả đọa, pháp thuyết giới, pháp tự tứ, pháp thọ Tăng được cúng, pháp thọ vật của năm chúng qua đời. Tâm niệm yết-ma lược có mười bốn:

Nghĩa là chia ra ba phần riêng biệt

1. Pháp đãn tâm niệm
2. Pháp đối thú tâm niệm
3. Pháp chúng pháp tâm niệm.

Đều chung cho các bộ, cho đến theo văn sẽ tự rõ, y cứ pháp tăng yết-ma riêng luật Tứ Phần:

***Pháp Đãn tâm niệm có ba:***

1. Pháp sám hối tội Đột-cát-la nhẹ
2. Pháp sáu niệm
3. Pháp thuyết giới Trung tòa phát lồ các tội.

***Pháp tâm niệm đối thú, có bảy:***

- Pháp an cư
- Pháp thuyết tịnh
- Pháp thọ thuốc
- Pháp thọ thuốc bảy ngày
- Pháp thọ trì ba y
- Pháp xả ba y
- Pháp thọ trì bát.

***Chúng Pháp tâm niệm pháp***, có bốn:

- Pháp thuyết giới
- Pháp tự tứ
- Pháp thọ tăng được cúng dường
- Pháp thọ vật của người trong năm chúng qua đời.

Trước đã nói lược các duyên nhóm họp, phần sau nói về duyên thành hoại.

Trước nói pháp của tăng.

Trong luật, Phật dạy: Có bốn loại tăng:

1. Tăng bốn vị: Trừ thọ giới, tự tứ, xuất tội, còn tất cả yết-ma đều làm được.
2. Tăng năm vị: Trừ thọ giới, xuất tội ở Trung quốc.
3. Tăng mười vị: Trừ pháp xuất tội.
4. Tăng hai mươi vị: Tất cả yết-ma đều làm được, huống chi hơn hai mươi vị. Nếu thiếu một vị thì yết-ma phi pháp, phi Tỳ-ni, không thành.

## THỨ NHẤT: XỨNG LƯỢNG VIỆC TRƯỚC

Luận Tỳ-ni Mẫu nói: Sự nghĩa là người và pháp.

Luật nói: Xớng lượng Tỳ-kheo và người tại gia.

Xớng lượng yết-ma và phạm việc.

Nhưng duyên đã làm không ngoài ba thứ, đó là nhân, pháp, và sự. Như thọ giới, sám hối, sai sứ, trị tẫn, v.v... là vì người cho nên làm. Như thuyết giới, tự tứ, v.v... là vì pháp cho nên làm. Như kết giới, nhiếp y, tịnh địa, kho tàng, vì pháp nên làm, hoặc cụ, hoặc đơn, khi ly khi hợp đều trước phải lượng xét căn cứ khiến cho duyên tông thành tựu đúng pháp.

## THỨ HAI: CHỖ PHÁP KHỞI NƯƠNG GÁ

Luật Tăng-kỳ nói: Chẳng phải chỗ làm yết-ma không được nhận dục để làm việc tăng. Trong luật nói: Nếu tác pháp yết-ma thì trước phải biết giới. Nhưng chỗ nương gá có hai thứ: Như trong giới tự nhiên chỉ có một pháp yết-ma kiết giới, còn bao nhiêu pháp tăng đều tác pháp trong giới. Nếu hai pháp Đối thú và Tâm niệm thì chung cho cả hai giới.

## THỨ BA: PHƯƠNG PHÁP NHÓM TĂNG

Trong luật nói: Phật dạy: Phải sửa soạn chỗ ngồi đánh kiền-chùy, nhóm chung một chỗ. Luật Ngũ Phần nói: Tùy theo chỗ có cây, ngói, đồng, sắt, khi đánh thì bảo tịnh nhân, Sa-di đánh. Nếu không có Sa-di thì Tỳ-kheo đánh cũng được, không được đánh quá ba hồi. Trong truyện Phó Pháp Tạng dạy cách đánh kiền-chùy kéo dài. Trong kinh Tam Thiên oai nghi có nói tiếng số chùy đánh xuống.

Luật Tát-bà-đa nói: Pháp nhóm tăng đánh kiền-chùy phải có căn cứ. Thường lệ không được thay đổi.

## THỨ TƯ: CĂN CỨ VÀO GIỚI NHÓM HỌP TĂNG.

Giới cuối có hai thứ, như giới tác pháp thì có ba loại: Nghĩa là đại giới, giới tràng, và tiểu giới.

Nếu nói về Tiểu giới, không được nhóm họp ở ngoài. Nếu là giới tràng, đại giới đều phải xướng trong chừng hạn mà nhóm họp. Nếu giới tự nhiên thì chia làm bốn thứ khác nhau: Nghĩa là giới xóm làng, giới lan-nhã; giới đi đường; giới dưới nước.

1. Nói về giới xóm làng có hai: Nếu giới xóm làng thì có phân biệt và không phân biệt. Theo luật Tăng-kỳ, lượng bảy cây tính chung sáu khoảng, có sáu mươi ba bước. Nếu không có chúng khác thì yết-ma được thành tựu. Nếu phân biệt được xóm làng, y theo Luật Thập Tụng đều nhóm họp trong xóm làng.

2. Nói về lan-nhã cũng có hai: Nếu không có nạn thì các bộ phần

nhiều đều nói: Một câu-lâu-xá. Xét trong Kinh Tạp Bảo Tạng nói là: Năm dặm. Truyền cho nhau lấy đây làm quyết định; nếu lan-nhã có nạn sự, như luật Thiện Kiến nói: lượng bảy bàn-đà cách nhau bốn mươi tám thước, tức là bốn thước tám tấc thì được làm pháp yết-ma.

3. Nói về giới đi đường: theo luận Tát-bà-đa và luật Thập Tụng, thì bề rộng sáu trăm thước.

4. Nói về giới dưới nước: Như luật Ngũ Phần nói: ở trên thuyền, trong chúng có người nào có sức khỏe, lấy nước hoặc cát ném về bốn phía đến chỗ nào thì đó là giới. Sáu tướng này đều gọi là thân, mặt xoay về các hướng, trong chừng hạn đó nhóm tăng, không có người mới đúng pháp.

## THỨ NĂM: ĐÚNG PHÁP HÒA HỢP

Luật nói: Người nên đến thì đến; người đáng gởi dục thì cho gởi dục; người hiện tiền đáng quở trách không quở trách, đó gọi là hòa hợp. Trái với ba việc trên thành riêng chúng.

## THỨ SÁU: PHÂN BIỆT VỚI CHÚNG ĐÚNG SAI.

Trong luật nói: Người chưa thọ giới cụ túc thì đuổi ra v.v... Lại nói có bốn thứ đủ số.

1. Có người được đủ số không nên quở trách, hoặc cho làm pháp quở trách đuổi ra. Xuất y chỉ yết-ma, ngăn không đến nhà người tại gia yết-ma, đó là bốn hạng người.

2. Có người không được tính đủ số nên quở trách: Nghĩa là như người muốn thọ đại giới.

3. Người không được tính đủ số cũng không được quở trách: Nếu vì Tỳ-kheo làm pháp yết-ma cho đủ số Tỳ-kheo ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, hoặc người nói phạm biên tội v.v... và người mắc mười ba nạn, hoặc bị cử tội ba lần, hoặc bị đuổi, hoặc đáng bị đuổi, hoặc biệt trụ, hoặc lên giới tràng, hoặc thần túc ở trên hư không, ẩn núp, lìa chỗ thấy nghe. Nếu người bị làm pháp yết-ma, v.v... hai mươi tám việc như thế là hai mươi tám thứ không được tính đủ số.

Lại nói: Thực hành che giấu, bản nhật trị, Ma-na-đỏa, giải tội cho người.

Luật Thập Tụng nói: Thực hành che giấu xong, bản nhật trị xong, sáu đêm xong, người có bảy thứ trên đây, Phật dạy: Không được tính đủ số.

Luật Thập Tụng nói: Người ngủ say, người nói loạn, người nói ồn

ào, người nhập định, người câm, người điếc, người vừa câm vừa điếc, người cuồng, người loạn tâm, người bệnh hoại tâm. Tỳ-kheo, người tại gia ở trên cây, mười hai hạng người ấy không được tính thành đủ số thọ giới.

Luật Ma-đắc-Lặc-già nói: Người bệnh nặng, người biên địa, người si độn, ba tạng người ấy không được tính thành đủ số chúng.

Luật Tăng-kỳ nói: Nếu người gởi dục, hoặc ngăn cách, hoặc nửa che nửa trống, giữa ngăn cách, hoặc nửa che nửa trống, duỗi tay không đụng nhau.

Lại nói: Nếu chúng tăng đi mà làm pháp yết-ma ngồi thì trái pháp, cho đến đứng, ngồi, tác pháp lẫn nhau cũng như vậy.

Luận Tứ Phần nói: Ta đến chỗ thuyết giới không ngồi là làm pháp riêng chúng, Phật nói là trái pháp.

Luật Ngũ Phần nói: Người bệnh đều làm yết-ma thuyết giới, Phật nói là riêng chúng, nghĩa là như người say v.v... hoặc mình nói người trước không hiểu, tâm cảnh không xứng nhau v.v... đều gọi là phi pháp. Cho nên trong luật, trong pháp thọ giới, xả giới nói: Hoặc người ngủ say, người cuồng giận không hiểu nhau, như duyên trước đều không thành. Lại cần phải biết biệt chúng không đủ số v.v... bốn câu khác nhau gặp cơ hội nói rõ, lựa chọn hai duyên thành, hoại.

4/ Có người được tính đủ số cũng được quở trách, như Thiện Tỳ-kheo đồng ở một giới không lìa chỗ thấy nghe, cho đến nói với người bên cạnh, những người như thế đều gồm đủ hai pháp.

## THỨ BẢY: THUYẾT DỤC THANH TỊNH

Trong luật nói: Các Tỳ-kheo không đến thì thuyết dục và thanh tịnh.

Trong đây có ba pháp là: Gởi dục, nhận dục, và thuyết dục.

***1. Pháp gởi dục:*** Nếu có việc Phật, Pháp, Tăng, người bệnh, việc nuôi người bệnh, đều cho pháp gởi dục, chỉ trừ pháp kiết giới. Có năm thứ gởi dục: hoặc nói gởi dục cho thầy, hoặc nói tôi thuyết dục, hoặc nói thuyết dục dùm tôi, hoặc hiện thân tướng, hoặc nói đầy đủ thuyết dục thành gởi dục. Nếu không hiện thân tướng, miệng không nói thì không thành, phải gởi dục lại cho người khác.

Lại nói: Gởi dục thanh tịnh, đều nói một lúc, không được nói riêng. Nếu muốn nói rộng thì phải sửa sang oai nghi đầy đủ, đến người đáng truyền dục nói như vầy:

Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ, tôi là Tỳ-kheo pháp danh ... đúng

như pháp tăng sự gởi dục thanh tịnh. (Nói một lần).

Phật dạy: Nếu nhớ được tánh, tướng, danh loại, tùy ý nhiều ít mà nhận dục. Nếu không thể ghi nhớ, chỉ cần nói rất nhiều Tỳ-kheo gởi dục thanh tịnh cũng được.

***2. Nói về pháp nhận dục:***

Phật dạy: Nếu người thọ dục, nhận dục rồi liền qua đời, hoặc ra ngoài giới, hoặc thôi tu, hoặc theo ngoại đạo, hoặc theo các bộ chúng khác, hoặc đến giới tràng, hoặc minh tướng xuất hiện v.v... là bảy duyên. Hoặc tự nói mười ba nạn phạm biên tội v.v..., ba lần cử tội hai lần diệt tẫn, ẩn núp trong hư không, lìa chỗ thấy nghe, các duyên như thế chung cho hai mươi tám duyên, đều không thành thọ dục, hoặc đi giữa đường, hoặc đến trong tăng cũng như vậy, phải gởi dục lại cho người khác.

Luật Tăng-kỳ nói: Có năm thứ mất dục: như trong chúng không đủ số. Lại nói: Người ở ngoài giới nhận dục, dự dục, ra ngoài giới (người gởi dục ra ngoài giới rồi). Gởi dục rồi tự đến trong tăng, lại ra ngoài chúng. Thứ năm là đem dục đến trong tăng, vì có nạn sợ hãi xảy ra không còn một người ở, những việc như thế đều gọi là mất dục.

Luật Thập Tụng nói: Cho người bị che giấu với ba hạng người mất dục.

Luật Ngũ Phần nói: Cho ni năm vị, người cuồng v.v... ba vị, hoặc người trở ra ngoài chúng đều không thành gởi dục.

Luật Thập Tụng nói: Người thanh tịnh nhận dục, nếu lúc nhận dục hoặc khi nhận xong, tự mình nói chẳng phải Tỳ-kheo, thì không thành dục thanh tịnh. Luật nói: Tỳ-kheo đem dục tự có việc xảy ra không kịp đến trong tăng, cho pháp trao dục cho Tỳ-kheo khác, nên nói như sau:

Bạch Đại đức một lòng nghĩ. Tôi là Tỳ-kheo pháp danh ... cùng rất nhiều Tỳ-kheo thọ dục thanh tịnh kia và thân tôi, việc tăng đúng pháp, gởi dục thanh tịnh.

***3. Nói rõ pháp thuyết dục:***

Luật Tăng-kỳ nói: Không được hướng về người như vậy gởi dục, nên đến người có khả năng đem dục đến nói trong tăng. Nếu có người nói được, khi vị yết-ma đã hỏi như trước, người đem dục kia nên đáp như vầy:

Bạch Đại đức tăng nghe, tôi là Tỳ-kheo pháp danh ... có nhận dục thanh tịnh. Nếu khi tự tự nên nói: Gởi dục tự tứ, còn bao nhiêu lời đồng như trên.

Phật dạy: Nếu người nhận dục, hoặc ngủ say, hoặc nhập định, hoặc quên, hoặc không cố làm đều thành. Nếu cố không nói thì mắc tội

Đột-cát-la. Nếu người bệnh nặng nên đưa đến trong tăng, sợ bệnh nặng thêm, thì Tăng đến chỗ người bệnh, hoặc ra ngoài giới tác pháp, không được riêng chúng. Nếu đi giữa đường gặp nạn, ngoài giới đem dục đến trong tăng thì được thành.

## THỨ TÁM: CHÍNH THỨC TRÌNH BÀY BẢN Ý

Nghĩa là trong tăng; riêng có hai duyên: Hoặc chỗ sáng lập pháp, thì dựng nêu xướng tướng; hoặc chỗ thường dùng để nhóm họp thì phải đưa thẻ, thưa bạch, v.v...

Việc riêng cũng có hai: Nếu trái với tình ý thì trị phạt, tác pháp xin nêu tội; nếu thuận theo tình ý thì cho phép thỉnh mời, phần nhiều phải có lời xin, lời văn đều rõ ràng.

## THỨ CHÍN: HỎI VỀ VIỆC ĐẦU MỐI

Trong luật nói: Tăng nay hòa hợp để làm gì? Việc có, chung riêng, tạm thời chỉ hỏi chung một lần.

## THỨ MƯỜI: PHÁP DO ĐÁP MÀ THÀNH

Trong luật nói: Phải đáp làm yết-ma gì, nhưng việc có trước có sau, duyên pháp có chung có riêng, lúc thuyết giới tự tứ nên ở sau, tác pháp thọ giới xả đọa, nghĩa là gồm cả chung và riêng, hoặc kết giới, xả giới, lẽ ra không đáp hai và trước phải rõ ràng xác thực, sau đó mới hỏi đáp.

## PHÁP NÓI RẤT ĐÔNG NGƯỜI

Nếu làm pháp đãn đối thú, như đem y thuyết tịnh... chung cho cả hai giới chỉ có người là riêng. Nếu làm pháp chúng pháp đối thú, như xả đọa thuyết giới... hai giới đều nhóm họp hết, chẳng phân biệt chúng pháp thì hai giới khác nhau, và trước phải biết rõ nghĩa không lẫn lộn.

## SAU NÓI VỀ PHÁP MỘT NGƯỜI.

Nếu pháp Đãn tâm niệm sự chung hai giới, người chỉ có một mình. Nếu đối thú tâm niệm và chúng pháp, tâm niệm, giới chung cho hai chỗ có người không được, đều sắp xếp như trong pháp nhóm họp. Ba tướng rõ rằng, không cho các duyên sắp đến dẫn đến sự sai lầm, pháp thức không thành.

Ở trước nói lược pháp thành tựu đầy đủ duyên, sau nói tướng phi pháp Tăng pháp yết-ma đủ bảy tội.

Phật dạy: Có bảy thứ yết-ma phi pháp không nên làm.

1. Yết-ma trái pháp trái Tỳ-ni:

Nghĩa là một người nêu tội một người, cho đến trong tăng nêu tội tăng. Một lần bạch nhiều lần bạch, một lần yết-ma nhiều lần yết-ma, đơn bạch, bạch nhị, bạch tứ yết-ma, xen lẫn nhau mà làm. Nếu có bệnh không thuốc, có thuốc không bệnh, có sự có pháp, bố thí không tương đối.

Kinh Tỳ-ni Mẫu nói: Nếu thuyết yết-ma nói không rõ ràng, các tướng nhân, pháp, sự như thế đều chẳng phải sở nhiếp.

2. Yết-ma trái pháp riêng chúng:

Nghĩa là bạch yết-ma việc này mà làm việc kia, gọi là trái pháp, người đáng đến không đến, người đáng gởi dục không gởi dục, người hiện tiền đáng quở trách thì quở trách, gọi là riêng chúng.

3. Yết-ma trái pháp hòa hợp chúng:

Trái pháp đồng như trước, hòa hợp trái với ở trên.

4. Yết-ma đúng pháp mà riêng chúng:

Đúng pháp và trái pháp, riêng chúng đồng như trước.

5. Pháp yết-ma tương tự riêng chúng:

Nghĩa là trước làm yết-ma, sau tác bạch, gọi là pháp Tương tự, riêng chúng, đồng như trước.

6. Pháp yết-ma tương tự hòa hợp chúng:

Pháp tương tự như trên hòa hợp, đồng như trước.

7. Yết-ma quở trách không dừng:

Nghĩa là yết-ma đúng pháp, cần phải tăng đồng thưa bạch, nay người được quở trách thì quở trách, nếu trụ thì đúng pháp, trái lại quở trách không dứt thì gọi là trái pháp.

## NGHĨA LẬP BẢY THỨ TRÁI

Nghĩa là luật y cứ theo việc chia là bảy thứ trái: Nay dùng nghĩa cầu xin thâu nhiếp hết pháp trái này, gọi là đơn bạch yết-ma ba mươi chín thứ. Mỗi thứ đều có tướng trái, nghĩa thì đồng, lỗi thì khác nhau. Bạch nhị, bạch tứ cũng giống nhau, nếu không phân biệt rõ thì thành trái, đâu thể hiển bày được. Nay vả lại y cứ đơn bạch thuyết giới, giải đủ bảy thứ trái, còn ba thứ khác so sánh ra rất dễ hiểu:

1. Người trái: Nghĩa là biết lỗi không sám hối, nghi tội không phát lộ, trong giới riêng chúng, không đúng pháp v.v...

2. Pháp trái: Nghĩa là ba người trở xuống, đơn bạch thuyết giới, xen lẫn với nhau, mà còn quở trách không dừng, nói không rõ ràng

v.v...

3. Sự trái: Nghĩa là thời trái với chánh pháp, rộng lược không có duyên, các đồ cần dùng có thiếu, giới chẳng phải Phật chế.

4. Nhân, pháp trái: Nghĩa là đầy đủ hai pháp trái, chỉ có sự thì nương pháp.

5. Nhân, sự trái: Pháp tuy đúng với giáo pháp, nhưng nhân, sự trái vượt.

6. Pháp, sự trái: Người tuy đúng luật, hai pháp thì trái, gọi là Hoại.

7. Nhân, pháp, sự trái: Ba tướng đều trái, như loại trước mà nhận lấy, lẽ ra phải thông suốt các duyên, hiểu rõ thành bại. Cho nên khi Phật còn ở đời, một việc một chỗ làm đều thành khi pháp, huống chi nay đời Tượng mạt cuối cùng. Ôi đâu nên khinh thường ư. Nghĩa là không nên biếng nhác, ngã mạn.

## YẾT-MA ĐỐI THÚ CŨNG CÓ ĐỦ BẢY THỨ SAI LẦM.

Y cứ trong đó chia làm hai phần, nếu pháp Đãn đối thú chỉ lấy ra một pháp trí y, để hiển bày tướng trái, còn các pháp thuyết tịnh khác giống như đây, cho nên biết đối với duyên có khác.

1. Nhân trái: Nghĩa là người thọ đối phạm tội trọng, già nạn có quở trách thì quở trách, hoặc đối với tăng, tục mà tác pháp.

2. Pháp trái: Nghĩa là trì pháp lẫn lộn, nói không hiểu rõ.

3. Sự trái: Nghĩa là phạm tội xả đọa khác với xả tài, không đúng với lời Phật dạy, hoặc năm mầu sắc chánh v.v..., thọ trì không thành.

4. Nhân, pháp trái

5. Nhân, sự trái

6. Sự, pháp trái

7. Đủ ba thứ trái.

Đều như các ví dụ trên mà biết văn, biết tướng, hoặc các pháp đối thú cũng đủ bảy thứ trái. Ở đây trích lấy một pháp xả đọa, điều hiểu rõ ràng, còn bao nhiêu lệ đồng có khác.

1. Nhân trái: Nghĩa là trong giới người riêng chúng là sai, người đúng pháp quở trách dù có quở trách, ngăn dứt tức là trái.

2. Pháp trái: Xả sám hối, trả lại tài vật, các pháp trái với chánh pháp.

3. Sự trái: Phạm lỗi y tài, như luật đã quyết đoán, sẽ trái với lời Phật dạy, lẽ ra không có sám hối và xả, đều biết tướng mà càng trái pháp, có trái với phần lỗi, càng không biết tội.

**NHÂN, PHÁP TRÁI CHO ĐẾN THỨ BẢY ĐỦ BA THỨ TRÁI**

Hiển bày tướng như trước.

Tâm niệm yết-ma cũng đủ bảy thứ trái.

Y cứ vào đó có ba: Đầu tiên là Đãn tâm niệm pháp, chỉ cho sám hối tội nhẹ, Đột-cát-la đều giải, bao nhiêu việc khác so sánh đồng.

1. Người trái: Nghĩa là đối với người sám hối, thể chẳng đúng như lời Phật dạy.

2. Pháp trái: Nghĩa là Đãn tâm niệm, mà miệng không nói, tuy nói mà không rõ ràng, hoặc thêm bớt, lộn quên.

3. Sự trái: Do sự duyên nên lầm phạm có nhẹ nặng, hoặc cảnh chung rất nhiều, không rõ tướng trước.

4. Người pháp trái cho đến thứ bảy đủ ba thứ trái.

Như Đối thú tâm niệm và các pháp tâm niệm, mỗi thứ đều có bảy thứ trái. Người chung chúng riêng, hai chỗ giới và duyên đều phải y theo phép tắc, tùy theo việc mà hiểu biết.

*****

## THIÊN THỨ HAI: CÁC GIỚI KIẾT GIẢI

Giới riêng có ba nhiếp:

1. Tăng giới nhiếp, người vì đồng chỗ, khiến cho không có tội biệt chúng.

2. Y giới nhiếp, nhiếp y để thuộc về người, khiến cho không có tội lìa y ngủ.

3. Thực giới nhiếp, nhiếp thức ăn để ngăn tăng khiến cho không có tội ngủ chung với thức ăn. Ý tông chỉ như đây.

### PHÁP TĂNG GIỚI KẾT GIẢI THỨ NHẤT

Có ba thứ giới tăng: Một là đại giới; hai là giới tràng; ba là tiểu giới.

Nay y cứ vào đại giới lại có ba thứ: Nghĩa là hai thứ nhân, pháp là đồng; hai món pháp, thực là đồng; pháp đồng mà ăn riêng. Ban đầu y theo bản luật chế, sau tùy duyên khai riêng.

Ban đầu kiết đại giới:

Bấy giờ, tăng bốn phương nhóm họp mệt mỏi. Phật dạy cho phép tùy theo chỗ ở nào thì kiết giới ở đó, phải nhóm hết không được nhận dục. Trong đó Tỳ-kheo cựu trụ nên xướng tướng bốn phương của đại giới. Như có núi, cây, rừng, ao, thành, hào thành, thôn xóm, nhà cửa, tùy theo mà nói ra. Nghĩa là phải lập phương pháp. Như trước trong pháp Tăng, đủ bảy duyên rồi, một vị Tỳ-kheo bạch với tăng rằng:

Bạch Đại đức Tăng xin lắng nghe, con là Tỳ-kheo cựu trụ vì Tăng xướng tướng bốn phương Đại giới, từ góc Đông nam lấy chỗ nào làm nêu, đến góc Tây Nam lấy chỗ nào làm nêu. Từ đây đến góc Tây bắc chỗ nào làm nêu. Từ đây trở xuống đến góc Đông nam lấy chỗ nào làm nêu. Đây là tướng ngoài đại giới, một vòng xong.

Chắc chắn có chỗ quanh co, tùy theo việc mà nói, đều phải chỉ riêng chỗ nào phạm vi và thước tấc. Bởi không biết hạn chế, kết đã không thành, mà yết-ma cũng, luống lập, các pháp thọ giới đều là làm suông, nên cần phải biết rõ ràng như trên, xướng tướng ba lần rồi. Phật dạy: Trong chúng người đáng sai làm yết-ma, hoặc bậc Thượng tọa hoặc thứ lớp, hoặc người tụng luật, người có khả năng làm yết-ma, hỏi đáp rồi bạch như vầy:

Bạch Đại Đức tăng lắng nghe. Tỳ-kheo ở trụ xứ này xướng tướng bốn phương đại giới. Nếu thời giờ của tăng dã đến, tăng bằng lòng cho. Tăng nay ở trong bốn phương này kiết đại giới, đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới. Xin bạch như vậy.

Bạch Đại đức Tăng nghe. Tỳ-kheo trụ xứ này xướng tướng bốn phương đại giới. Nay Tăng ở trong tướng bốn phương kết đại giới, đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới. Các Trưởng lão nào bằng lòng cho nay Tăng ở trong tướng bốn phương này kiết đại giới, đồng một trụ xứ, đồng một yết-ma thì im lặng. Vị nào không bằng lòng thì nói lên. Tăng đã bằng lòng ở trong tướng bốn phương này đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới, kết đại giới xong. Vì Tăng bằng lòng nên im lặng, việc này như thế mà thực hành.

## PHÁP GIẢI ĐẠI GIỚI

Bấy giờ, các Tỳ-kheo, người muốn làm rộng, người muốn làm hẹp. Phật dạy: Muốn sửa đổi làm lại thì trước phải giải giới trước, sau đó rộng hẹp tùy ý mà làm, nên giải như vầy.

Bạch Đại đức tăng nghe, Tỳ-kheo trụ xứ này, đồng một trụ xứ đồng một thuyết giới. Nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho giải giới, bạch như vầy.

Bạch Đại đức tăng nghe! Tỳ-kheo ở trụ xứ này, đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới. Nay xin hỏi các trưởng lão nào bằng lòng cho tăng đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì nói ra. Tăng đã bằng lòng cho đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới, giải giới xong, tăng bằng lòng vì im lặng, việc này nên hành trì như thế.

Pháp yết-ma này giải chung đại giới có giới tràng. Do văn không hạn cuộc nên được phép như vậy.

## PHÁP KẾT ĐỒNG PHÁP LỢI GIỚI.

Bấy giờ hai trụ xứ nọ có thuyết giới riêng, lợi dưỡng riêng, muốn được cùng thuyết giới, đồng lợi dưỡng. Phật dạy: Cho phép tự giải giới của mình. Nếu nhóm họp một chỗ không được thọ dục, phải xướng tướng của phương kết. Văn kết và văn lược ở trước đồng, chỉ có tăng ở hai chỗ kia, đây biết đại giới, đồng thuyết giới lợi dưỡng là khác.

## PHÁP KẾT GIỚI ĐỒNG, PHÁP LỢI DƯỠNG RIÊNG

Bấy giờ, có hai trụ xứ, thuyết riêng giới, lợi dưỡng riêng, muốn đồng thuyết giới, lợi dưỡng riêng. Phật dạy: Cả hai phải giải giới rồi kết chung, văn lược đồng với trước. Lại có hai trụ xứ muốn thuyết giới riêng, lợi dưỡng chung, vì muốn giữ gìn trụ xứ. Phật dạy: Cho phép vật của tăng bốn phương được hòa hợp.

## PHÁP KẾT GIỚI TRÀNG

Bấy giờ, các Tỳ-kheo phải có bốn vị, làm các việc yết-ma xây cất, chúng năm vị Tỳ-kheo, chúng mười vị, chúng hai mươi vị làm các việc yết-ma xây cất. Trong đây, đại chúng nhóm họp rất mệt mỏi. Phật dạy: Cho phép kết giới tràng gọi là tưởng bốn phương, hoặc đóng nọc, hoặc đá, hoặc bờ nêu, làm chừng hạn thôi.

Kinh Tỳ-ni Mẫu nói: Sẽ lấy phạm vi đại giới.

Luật Ngũ Phần nói: Các luật phải biết trước đại giới. Nếu muốn làm trước để ba lớp nêu bao trong một lớp, gọi là tướng ngoại giới tràng, khoảng giữa một lớp gọi là nội tướng đại giới, một lớp tột bên ngoài gọi là tướng ngoài đại giới. Lập ra ba tướng rồi đều ở trong giới tự nhiên. Tăng nhóm họp ở trong tướng nêu giới tràng. Trước bảo một vị Tỳ-kheo xướng tướng ngoài của giới tràng, nên tác bạch như vầy:

Bạch Đại đức tăng nghe, tôi là Tỳ-kheo ở trụ xứ này, vì tăng xướng tướng bốn phương của tiểu giới. Từ góc Đông nam này lấy mỗ làm nêu, đến góc Tây nam lấy mỗ làm nêu. Từ phía Bắc này cho đến góc Tây bắc lấy mỗ làm nêu. Từ phía Đông này đến góc Đông bắc lấy mỗ làm nêu. Từ phía Nam này đến góc Đông nam lấy mỗ làm nêu. Đây là tướng ngoài giới tràng một vòng đã xong.

Ba lần nói rồi nếu có quanh co, thì tùy theo việc nói đó, vị yết-ma nên biết như trên rồi bạch rằng:

Bạch Đại đức tăng lắng nghe. Tỳ-kheo ở trụ xứ này, xướng tướng bốn phương của tiểu giới. Nếu thời giờ làm việc của chúng tăng đã đến, Tăng bằng lòng cho, nay Tăng ở trong tướng bốn phương của tiểu giới này kết làm giới tràng, tác bạch như thế.

Bạch Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo ở trụ xứ này xướng tướng bốn phương của tiểu giới. Nay Tăng ở trong tướng bốn phương của tiểu giới này kết giới tràng. Các Trưởng lão nào bằng lòng tăng ở trong tướng bốn phương này kết giới tràng thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì nói ra. Tăng đã bằng lòng ở trong tướng bốn phương nầy kết giới tràng rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc này hành trì như vậy.

Kết rồi làm tấm bảng chỉ rõ chỗ, giúp cho người sau biết được chừng hạn các giới, còn bao nhiêu đều y theo đây.

## PHÁP GIẢI GIỚI TRÀNG

Trong luật không có chánh văn, y cứ theo các pháp giải giới, đổi thành pháp kiết liền được, nay cũng nêu ra, lý thông văn thuận, nên tác bạch như vầy:

Bạch Đại đức tăng lắng nghe, nay Tăng nhóm họp ở trụ xứ này giải giới tràng. Nếu thời giờ làm việc của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho giải giới tràng, tác bạch như vậy.

Bạch Đại đức tăng lắng nghe! Nay Tăng nhóm họp ở trụ xứ này, giải giới tràng. Các Trưởng lão nào bằng lòng. Cho Tăng nhóm họp ở trụ xứ này để giải giới tràng thì im lặng. Ai không bằng lòng thì nói. Tăng đã bằng lòng cho tăng nhóm họp để giải giới tràng xong, tăng bằng lòng vì im lặng, việc này hành trì như vậy.

## PHÁP KẾT ĐẠI GIỚI CÓ GIỚI TRÀNG

Phật dạy: Không được hợp nước sông mà kết, trừ ra chỗ thường có ghe thuyền, cầu cống. Lại không được hai giới liền nhau phải để cách khoảng giữa.

Luật Ngũ Phần nói: không xướng tướng bốn phương thì kết giới không thành, văn luật nêu sơ lược, nên xướng tướng như thế.

Bạch Đại đức tăng lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo vì tăng xướng tướng bốn phương trong ngoài của đại giới, trước xướng tướng trong, từ tướng ngoài của giới tràng, góc Đông nam từ ngoài nêu khoảng hai thước lấy mỗ làm nêu. (Đây là y cứ về đương thời có thì nói, không cần văn tụng).

Đây là tướng trong của đại giới, góc Đông nam lấy mỗ làm nêu, từ phía Tây này cho đến góc Tây nam lấy mỗ làm nêu. Từ phía Bắc nầy đến góc Tây bắc lấy mỗ làm nêu. Từ phía Đông nầy đến góc Đông bắc lấy mỗ làm nêu. Từ phía Nam đây cho đến góc Đông nam lấy mỗ làm nêu.

Kế xướng tướng ngoài, từ góc Đông nam trụ xứ này đến chỗ đó lấy mỗ làm nêu, từ phương Tây đến góc Tây nam lấy mỗ làm nêu, từ phía Bắc này trở về đến góc Tây bắc lấy mỗ làm nêu, từ phía Đông nầy đến góc Đông bắc lấy mỗ làm nêu, từ phía Nam nầy đến góc Đông nam lấy mỗ làm nêu, kia là tướng trong, đây là tướng ngoài. Đây là tướng ngoài một vòng đã xong.

Ba lần xướng rồi, nếu muốn xướng tướng thì phải dẫn bốn, năm vị Tỳ-kheo ra ngoài giới tràng, tăng nhóm hết trong tướng nêu. Sau xướng hai lớp tướng nêu rồi, trong tăng mới thêm yết-ma, văn yết-ma đúng như pháp kiết đại giới, ban đầu không khác nên không trình bày nữa.

## PHÁP KẾT BA TIỂU GIỚI

Ba tiểu giới này đều là việc nạn cho nên cho phép. Trong luật nói:

Người không đồng ý chưa ra khỏi giới, cho phép ở ngoài giới mau chóng nhóm lại một chỗ kiết tiểu giới thọ giới.

Lại nói: Nếu ngày Bồ-tát đi ở đường trống hay nơi không có làng xóm, chúng tăng không được hòa hợp, thì tùy theo bạn thân đồng thầy xuống đường, đều nhóm họp một chỗ kiết tiểu giới thuyết giới.

Lại nói: Nếu ngày tự tứ đi ở giữa đường chốn A-lan-nhã không có làng xóm, nếu không được hòa hợp thì tùy theo bạn thân, đồng thầy dời ở chỗ khác, kiết tiểu giới tự tứ. Cho nên biết chẳng phải nạn, không duyên kết loại liền, các nạn khai cho, nếu trái lời Phật dạy thì phạm.

Lại nữa: Đều không có tướng ngoài, tức là lấy ngồi chỗ của thân làm giới thể. Nên trong thiên Thọ Giới nói: Tăng nhóm họp ở chỗ này kiết tiểu giới. Trong thiên Tự Tứ nói: Chỗ ngồi của các Tỳ-kheo đã đủ, chỗ ngồi của Tỳ-kheo như thế, tăng ở trong đó kết tiểu giới, v.v... Nên biết đều không có tướng ngoài vì ngăn người quở trách, tức là trong pháp kết tiểu giới thọ giới nói: Người ngoài giới quở trách không thành quở trách, văn đây giải thích thành không có tướng ngoài. Nay có lập giới tướng kết ở trong phòng viện thì yết-ma không thành. Vì lập tướng đại giới không xướng là trái pháp, tiểu giới không có tướng, nên lập ra trái pháp.

Trong văn yết-ma có nhắc lại: Tiểu giới đã không có pháp xướng, yết-ma tự hiển bày tướng nêu, nên nói lại chỉ rõ bày rõ ràng, để không còn nghi ngờ lẫn lộn, nếu tùy theo mà kết thì phần nhiều thành phạm, một chẳng phải là khai duyên, hai là liền lập tướng, ba nơi chỗ không lâu bền. Trong văn nói: Không nên không giải giới mà đi, v.v..., bốn là vọng thông các pháp còn lại, tức là chẳng đúng với chế. Văn yết-ma đó như thường lệ.

## PHÁP KẾT, GIẢI GIỚI Y

Có ba thứ tăng-già-lam, như đại giới bằng với chùa, hoặc đại giới nhỏ hơn chùa đều không cần kiết; hoặc giới lớn hơn chùa y theo pháp mà kết, thì tùy theo giới mà nhiếp y. Nhưng có lập ra yết-ma, không có thôn mà kiết, nếu y theo văn luật, trước hết giới y, nhiếp y trong thôn, sau do việc xảy ra mới trừ thôn. Nay lập chung một pháp bất luận có thôn hay không có thôn, pháp phải nên trừ như vậy.

Luận Tát-bà-đa nói: Chính là lập nghĩa này, do có năm ý thôn đến cho nên trừ, nếu trước không thôn tác pháp kết rồi. Chỗ ở của tịnh nhân ngoài thôn cho đến vào thôn, hễ ở chỗ nào thì đều chẳng phải là giới y. Nếu thôn dở đi, giới y vẫn nhiếp lại, nếu trước đã có thôn ở thì không

nhiếp, thôn đi đất trống, giới y trở lại đầy đủ. Bởi vì thôn có đến có đi không cần kết giải. Trong luật Ngũ Phần đều có ý này.

**PHÁP KẾT GIỚI NHIẾP Y**

Bấy giờ, có Tỳ-kheo tu hạnh nhàm chán xa lìa, thấy chốn A-lan-nhã có một cái hang đẹp, tự nghĩ rằng: Ta nếu được ngủ lìa y, thì có thể nương vào hang này mà ở. Phật dạy: Cho kết giới không mất y, trừ dòng nước chảy mạnh, nên bạch rằng:

Bạch Đại đức tăng lắng nghe! ở chỗ này đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới. Nếu thời giờ làm việc của chúng tăng đã đến, tăng bằng lòng cho kiết giới không mất y, trừ thôn trừ ranh giới ngoài thôn bạch như vầy:

Bạch Đại đức tăng lắng nghe, ở chỗ này đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới, nay Tăng kiết giới không mất y, trừ thôn, ranh giới ngoài thôn. Các vị trưởng lão nào bằng lòng cho tăng ở chỗ này đồng một trụ xứ đồng một thuyết giới, kết giới không mất y, trừ thôn, giới ngoài thôn thì im lặng. Ai không bằng lòng thì nói. Tăng đã bằng lòng chỗ này đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới, kết giới không mất y, trừ thôn, ranh giới ngoài thôn đã xong. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc này thực hành như vậy.

Kết xong y cứ chỉ rõ chỗ nơi.

**PHÁP GIẢI GIỚI NHIẾP Y**

Phật dạy: Trước nên giải giới không mất y, rồi lại giải đại giới, nên tác pháp giải như vầy:

Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, ở đây đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới. Nếu thời giờ của chúng tăng đã đến, tăng bằng lòng cho tăng nay giải giới không mất y, tác bạch như vậy.

Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe. Ở đây đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới. Nay Tăng giải giới không mất y, các trưởng lão nào bằng lòng. Tăng đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới, giải giới không mất y thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới, giải giới không mất y. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc này thực hành như thế.

**PHÁP KIẾT GIẢI GIỚI THỨC ĂN**

Phật dạy có bốn thứ tịnh địa.

1. Đàn việt tịnh: Nếu vì tăng xây chùa, chưa cúng cho tăng.

2. Tướng (viện) chùa không khắp thanh tịnh: Nếu trụ xứ của tăng phân nửa có hàng rào ngăn, hay phần nhiều không có hàng rào ngăn, hoặc đều không có rào ngăn, hoặc tường thấp, hoặc tường cao, hoặc rãnh, hoặc hàng rào tre cũng giống như thế.

3. Phân xử thanh tịnh: Lúc đầu xây chùa nếu là người kinh doanh phân xử lời như thế này, chỗ v.v... vì tăng làm tịnh địa.

4. Bạch nhị yết-ma mà kết: Nếu nghi trước có tịnh địa thì nên giải rồi lại kết.

## PHÁP KẾT GIỚI NHIẾP THỨC ĂN

Bấy giờ, có Tỳ-kheo bệnh ói, các Tỳ-kheo chưa kịp đem cháo đến đã chết. Phật dạy: Cho ở trong chùa, bên chỗ phòng vắng, kết tịnh trù, nên xướng phòng, hoặc nhà sưởi ấm, hoặc ở trong giảng đường, kinh hành, hoặc phòng năm chúng xuất gia làm được, trừ phòng Tỳ-kheo. Luật Ngũ Phần nói: Nếu ở trong một phòng lấy một góc hay nửa phòng, hoặc nửa góc, hoặc trong sân, hoặc kết chung trong phòng tăng làm tịnh địa đều được. Luật dạy xướng tướng khi làm pháp kết, tăng ở ngoài viện xa xướng xa kết, nên xướng tướng rằng:

Bạch Đại đức Tăng lắng nghe cho, tôi là Tỳ-kheo v.v... vì Tăng xướng chỗ làm tịnh địa. Trong chùa này, phía Đông trong chùa mái hiên nhà trù, hoặc dưới các góc cây trái, đều làm tịnh địa. Xướng ba lần như vậy.

Nếu khi xướng lại các chỗ nào khác tùy ý, cứ lượng theo việc hạn cuộc chung chỗ yết-ma mà tác bạch rằng:

Bạch Đại đức tăng lắng nghe! Nếu thời giờ của chúng tăng đã đến, tăng bằng lòng cho tăng nay kiết phía Đông mái hiên nhà trù trong chùa hoặc dưới các gốc cây đều làm tịnh địa, tác bạch như thế.

Bạch Đại đức tăng lắng nghe. Nay Tăng kết phía Đông mái hiên trong chùa và dưới góc cây đều làm tịnh địa. Các vị trưởng lão nào bằng lòng cho tăng kết phía đông mái hiên trong chùa và dưới gốc cây đều, làm tịnh địa thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng kết phía Đông mái hiên nhà trù trong chùa và dưới gốc cây đều, làm tịnh địa, Tăng bằng lòng vì im lặng, việc này thực hành như vậy.

## PHÁP GIẢI TỊNH ĐỊA

Luật nói: Nếu có duyên giải rồi kết lại, không trình bày văn giải, lệ theo pháp giải nên bạch rằng:

Bạch Đại Đức tăng lắng nghe! Nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho tăng nay giải tịnh địa chỗ mỗ, tác bạch như vậy.

Bạch Đại đức tăng lắng nghe, nay tăng giải tịnh y địa chỗ mỗ, các vị trưởng lão nào bằng lòng cho tăng giải tịnh địa chỗ mỗ thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng giải tịnh địa chỗ mỗ.

Tăng bằng lòng vì im lặng, việc này thực hành như vậy.

****

## THIÊN THỨ BA: CÁC PHÁP THỌ GIỚI

Giới pháp lý chung, nghĩa bao gồm xuất gia, tại gia, do người thọ năm giới có phạm thì giới cụ túc thành già nạn, nên phải hiểu suốt từ đầu đến cuối, thể tướng rõ ràng, bảy chúng đã thọ, thứ lớp nêu như sau:

### PHÁP THỌ TAM QUY

Luận Tát-bà-đa nói: Lấy Tam bảo làm chỗ nương về, muốn được cứu giúp, không được xem thường.

Quy y Phật là trở về với Pháp thân, nghĩa là tất cả trí tuệ công đức vô học, năm Phần đã thành tựu.

Quy y pháp là quay về chỗ cùng tận của mình và người, nghĩa là đoạn dục, vô dục, diệt đế, Niết-bàn.

Quy y Tăng là trở về với Tăng Đệ nhất nghĩa, là ruộng phước công đức tốt lành của hàng Thanh văn hữu học và vô học.

Luật Thiện Kiến nói: Đều cần có thầy truyền trao, tiếng nói thuận nhau, nếu nói không ra tiếng, hoặc không đầy đủ, không xưng danh, không hiểu thì không thành, cho nên nói:

Con tên............... suốt đời quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng (nói ba lần như vậy đã thuộc về pháp).

Con tên................ suốt đời quy y Phật rồi, quy y Pháp rồi, quy y Tăng rồi (ba lần kết rồi, luật không có pháp thọ). Các văn luận có nêu ra đầy đủ, ở đây chỉ thọ ba quy y không có truyền giới. Nên luận nói ba quy y rồi, sau có thêm quy y và thọ giới. Nếu không có thêm thì chỉ có quy y, không có thọ giới.

### PHÁP THỌ NĂM GIỚI

Trong kinh nói: Có thiện nam, tín nữ bố thí khắp cả chúng sinh trong bốn thiên hạ, cúng dường bốn thứ cần dùng suốt trong một trăm năm, không bằng công đức trì giới một ngày một đêm, do loại giới pháp chung cho cả tình cảnh và phi tình cảnh.

Luận nói: Vì giới nên bố thí thanh tịnh, phải hỏi già nạn trước khi thọ giới cụ túc.

Kinh Thiện Sinh nói: Ông có trộm vật của tăng hiện tiền hay không? Đối với sáu thân, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni có làm hạnh bất tịnh hay không? Cha mẹ, sư trưởng bệnh có bỏ đi hay không? Có giết chúng sinh phát tâm Bồ-đề hay không? Như thế v.v... hỏi đủ rồi. Nếu người không phạm nên bảo rằng:

Giới này là rất khó, có công năng làm cội gốc cho giới Thanh văn và Bồ-tát.

Nầy người thiện nam, giới có năm thứ; ban đầu từ không giết hại cho đến giới không uống rượu. Nếu thọ một giới, gọi là nhất phần Ưu-bà-tắc; giữ đủ năm giới, gọi là Mãn phần Ưu-bà-tắc. Nay ngươi muốn thọ giới nào thì được tùy ý mà thọ. Bấy giờ, người trí nên tùy theo lời nói mà cho thọ.

Các kinh như Kinh A-hàm v.v... nói: Trước khi thọ giới, phải sám hối tội, sau đó mới thọ. Nên dạy nói như vầy:

Con.......... quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng (một ngày một đêm, suốt đời). Hay là (một giới là nhất phần, năm giới là mãn phần) Ưu-bà-tắc. Như Lai là bậc Chí Chân Đẳng Chánh Giác, là Thế tôn của con (ba lần truyền rồi bảo rằng: hướng về truyền ba quy y, chính là giới thể, nay lại chỉ bày ba kết là giới đã quy y).

Con ... đã quy y Phật rồi, quy y Pháp rồi, quy y Tăng rồi (một ngày một đêm, suốt đời). Hay là (một giới gọi là nhất phần, năm giới là mãn phần) Ưu-bà-tắc. Như lai là bậc Chí Chân Đẳng Chánh Giác, là Thế tôn của con (ba lần kết rồi bảo rằng: nay tôi sẽ chỉ bày giới tướng cho người, người hãy nghe kỹ mà lãnh thọ).

Trọn đời không sát sinh là giới của Ưu-bà-tắc, ông có giữ được không?

Đáp: Mô Phật, con giữ được.

Trọn đời không trộm cắp là giới của Ưu-bà-tắc, ông có giữ được không?

Đáp: Mô Phật, con giữ được.

Trọn đời không được tà dâm là giới của Ưu-bà-tắc, ông có giữ được không?

Đáp: Mô Phật, con giữ được.

Hoặc nói dối hoặc uống rượu, đều y cứ theo trên hỏi đáp đủ rồi, ngoài ra còn có sáu giới trọng và hai mươi tám giới khinh, các hành tướng linh tinh, rộng như trong kinh Thiện Sinh và Hành Sự Sao, nói sự phát nguyện đồng với thực hành tám giới.

## PHÁP THỌ TÁM GIỚI

Kinh Thiện Sinh, Tăng Nhất A-hàm nói: Phật dạy: Ưu-bà-tắc vào ngày mồng tám ngày mười bốn, ngày rằm, phải đến các chỗ Trưởng lão Tỳ-kheo, mỗi tháng thọ tám giới, mỗi tháng thọ, chớ không mất thứ lớp. Trong luận cho phép năm chúng truyền tám giới.

Luận Thành Thật nói: Nếu lúc không có người, chỉ cần tâm nghĩ miệng nói, cho đến nói con giữ tám giới cũng được thành thọ.

Luận Câu-xá nói: Nếu trước đã khởi ý vào ngày trai thọ, thì tuy ăn rồi cũng được. Trước thọ giới rồi, sau nhất tâm chấp tay, nói theo người truyền giới, chớ nói trước, chớ nói cùng một lượt, nếu trái thì không thành.

Luận nói: Nếu thọ tám giới thì phải nói một ngày một đêm, chớ để lẫn lộn với giới trọn đời.

Luận Thành Thật nói: Năm giới, tám giới, tùy theo ngày tháng dài, ngắn hoặc một năm hay một tháng, cho đến nửa ngày nửa đêm, thọ thêm hay thọ bớt đều được. Nên truyền lời như thế này:

Con............. quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng (một ngày một đêm (bảy đêm) hoặc một năm một tháng). Làm Ưu-bà-tắc tịnh hạnh (ba lần truyền như vậy).

Con ... quy y Phật rồi, quy y Pháp rồi, quy y Tăng rồi (một ngày một đêm hoặc một năm, một tháng). Làm Ưu-bà-tắc tịnh hạnh xong (ba lần kết rồi kế truyền giới tướng).

Như Chư Phật trọn đời không sát sinh, ông........... trong một ngày một đêm không sát sinh, có giữ được không?

Đáp: Mô Phật, con giữ được.

Như Chư Phật suốt đời không trộm cắp, ông............... trong một ngày một đêm không trộm cắp, có thể giữ được không?

Đáp: Mô Phật, con giữ được.

Như chư Phật trọn đời không dâm, ông................. trong một ngày một đêm không dâm, có thể giữ được không?

Đáp: Mô Phật, con giữ được.

Như chư Phật suốt đời không nói dối, ông............... trong một ngày một đêm không nói dối, có thể giữ được không?

Đáp: Mô Phật, con giữ được.

Như Chư Phật suốt đời không uống rượu, ông trong một ngày một đêm không uống rượu, có thể giữ được không?

Đáp: Mô Phật, con giữ được.

Như Chư Phật trọn đời không đeo tràng hoa thơm chuỗi anh lạc, dầu thơm xức vào thân, ông trong một ngày một đêm, không đeo tràng hoa thơm, chuỗi anh lạc, dầu thơm xức vào chân, có thể giữ được không?

Đáp: Mô Phật, con giữ được.

Như Chư Phật suốt đời không ngồi trên giường cao tốt và ca múa

hát xướng, cố đến xem nghe, ông trong một ngày một đêm, không ngồi giường cao tốt và ca múa hát xướng, cố đến xem nghe, có thể giữ được không?

Đáp: Mô Phật, con giữ được.

Như Chư Phật suốt đời không ăn phi thời, ông trong một ngày một đêm không ăn phi thời, có thể giữ được không?

Đáp: Mô Phật, con giữ được.

Thứ lớp như trên truyền rồi, phải dạy phát nguyện rằng:

Nay Con nhờ công đức thọ bát quan trai này, không rơi vào đường ác, tám nạn, biên địa, đem công đức này nhiếp lấy tất cả nghiệp ác của chúng sinh, có bao nhiêu công đức thì bố thí cho người đó, khiến thành đạo vô thượng chánh chân, cũng khiến cho đời tương lai Đức Phật Di-lặc ra đời, ba hội được vượt qua sinh, già, bệnh, chết.

Trong kinh nói: Ví như có người thiện nam tín nữ, không phát nguyện này mà giữ tám giới trai, được cho chút ít ruộng phước, dẫn lời xưa để làm chứng.

## PHÁP TRUYỀN THỌ GIỚI XUẤT GIA

Được chia làm bảy phần:

1. Nói công đức xuất gia do Bồ-tát.
2. Có lợi ích vượt hơn thế gian.
3. Ngăn trở người xuất gia là rất tổn hại.
4. Nói đã xuất gia rồi thì hành tội hạnh.
5. Nói đã xuất gia rồi thì làm việc phước của phàm phu.
6. Nói về pháp cốt yếu xuất gia tu học.
7. Nói về chánh hạnh Đại thừa, Tiểu thừa, ba môn học làm gốc.

Trong Sự Sao có nói rộng.

## PHÁP XIN ĐỘ NGƯỜI

Bấy giờ, các Tỳ-kheo, liền độ người, không biết dạy bảo vì mình ngu si nên đệ tử không được dạy bảo, không biết oai nghi, mặc y không ngay ngắn, khất thực không đúng pháp, ở chỗ nào cũng thọ thức ăn bất tịnh, vào bữa ăn sáng, bữa ăn trưa lớn tiếng kêu to, như pháp Bà-la-môn nhóm họp, các Tỳ-kheo đem việc này bạch lên Đức Phật:

Phật dạy: Cho phép tăng và vị truyền giới cụ túc, bạch nhị yết-ma, vì kia muốn độ người phải đến trong chúng, vén y bày vai phải, cởi giày dép, lễ dưới chân chúng Tăng, gối phải sát đất, chắp tay tác bạch xin như vầy:

Bạch Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo................. cầu chúng tăng xin độ người, truyền giới cụ túc. Xin tăng cho Tỳ-kheo.......... độ người truyền giới cụ túc, xin thương xót cho.

Nói xin ba lần. Trong luật y theo văn yết-ma, cho người truyền giới cụ túc, phải xin pháp nuôi chúng. Nếu xét trong Kiền-độ thọ giới ở trước nêu đầy đủ, đức của Hòa-thượng rồi. Văn tổng kết nói: Nuôi chứa Sa-di cũng giống như vậy. Nên biết vì không có công đức nên không hợp.

## PHÁP CHO ĐỘ NGƯỜI

Phật dạy: Phải quán sát người này, nếu không thể dạy bảo, lại không dùng hai việc nhiếp lấy: Một là pháp, hai là cơm ăn áo mặc, phải nói rằng: Đại đức thôi đi chớ độ người. Nếu người có trí tuệ, có khả năng dạy bảo, lại dùng hai việc nhiếp thủ, thì nên cho tác pháp yết-ma bạch rằng:

Bạch Đại đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo........... này, nay đến chúng tăng xin phép độ người và truyền giới cụ túc. Nếu thời giờ của chúng tấng đã đến, tăng bằng lòng nay Tăng cho Tỳ-kheo......... độ người thọ giới cụ túc. Tác Bạch như thế.

Bạch Đại đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo........ nầy nay đến chúng tăng xin pháp độ người và truyền giới cụ túc. Tăng nay cho Tỳ-kheo.......... độ người và truyền giới cụ túc, các vị Trưởng lão nào bằng lòng. Tăng cho Tỳ-kheo ......... độ người và truyền giới cụ túc thì im lặng. Vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo......... độ người và truyền giới cụ túc, tăng bằng lòng vì im lặng, việc này nên hành trì như vậy.

## PHÁP ĐỘ SA-DI

Trong luật đầu tiên độ La-hầu-la.

Tăng-kỳ nói: Nếu bảy tuổi hiểu biết tốt xấu thì cho xuất gia, quá bảy mươi tuổi đi đứng phải nhờ người dìu đỡ, thì không được độ. Nếu tu tập được các nghiệp thì cho xuất gia. Lúc người muốn xuất gia, phải nói cho biết những việc khổ về ăn, ở, ngủ, học hỏi nhiều, nếu đáp làm được thì độ.

## PHÁP CHO CẠO TÓC

Bấy giờ, các Tỳ-kheo liền độ người, vì có độ người chúng tăng không biết, Phật dạy: Ông nếu muốn ở trong chùa cho cạo tóc phải bạch

tất cả tăng, nếu không được hòa hợp, thì mỗi phòng nói cho biết rồi cho cạo tóc, nếu hòa hợp tác bạch rồi thì cho cạo tóc. Tác bạch như vầy:

Bạch Đại đức tăng lắng nghe, người kia muốn xin Tỳ-kheo......... cạo tóc. Nếu thời giờ của tắng đã đến, tăng bằng lòng cho, Tỳ-kheo........ cạo tóc, tác bạch như thế.

Tác bạch rồi gọi vào trong chúng cho cạo tóc, pháp thức độ người trong Sự Sao có nói rộng.

Luật Ngũ Phần nói: Trước cho thọ năm giới, sau cho thọ mười giới.

## PHÁP THỌ MƯỜI GIỚI

Phật dạy: Nếu ở trong chùa, độ cho xuất gia, phải bạch tất cả tăng, Tăng cho rồi thì xuất gia, nên tác bạch như vầy:

Bạch Đại đức tăng lắng nghe, người nầy đến Tỳ-kheo......... xin xuất gia.

Nếu thời giờ của chúng tăng đã đến, Tăng bằng lòng, cho............ xuất gia, tác bạch như thế.

## PHÁP TRUYỀN GIỚI THỂ

Luật Thiện Kiến nói: A-xà-lê bảo rằng: ông nói theo tôi, tôi dạy người thọ ba quy y.

Đáp: Dạ.

Lại hỏi già nạn người ấy, duyên khởi phát giới, y theo như kinh luật, theo lệ phải hỏi cho đủ, mới truyền giới rằng:

Con.......... quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Nay Con theo Phật xuất gia, vị ấy làm Hòa-thượng. Như Lai là bậc Chí Chân Đẳng Chánh Giác, là Thế Tôn của con (ba lần rồi thì).

Con........... đã quy y Phật rồi, quy y Pháp rồi, quy y Tăng rồi. Nay Con theo Phật xuất gia rồi. Tỳ-kheo mỗ làm Hòa-thượng. Đức Như lai là bậc Chí Chân Đẳng Chánh Giác, là Thế tôn của con (ba lần kết rồi, trao cho giới tướng).

## TRUYỀN GIỚI TƯỚNG

Trọn đời không được sát sinh, là giới của Sa-di, ông có giữ được không?

Đáp: Mô Phật, con giữ được.

Trọn đời không được trộm cắp, là giới của Sa-di, ông có giữ được không?

Đáp: Mô Phật, con giữ được.

Trọn đời không được dâm dục là giới của Sa-di, ông có giữ được không?

Đáp: Mô Phật, con giữ được.

Trọn đời không được nói dối là giới của Sa-di, ông có giữ được không?

Đáp: Mô Phật, con giữ được.

Trọn đời không được uống rượu là giới của Sa-di, ông có giữ được không?

Đáp: Mô Phật, con giữ được.

Trọn đời không được đeo tràng hoa, xức dầu thơm, là giới của Sa-di, ông có giữ được không?

Đáp: Mô Phật, con giữ được.

Trọn đời không được ca múa hát xướng và cố đến xem nghe, là giới của Sa-di, ông có giữ được không?

Đáp: Mô Phật, con giữ được.

Trọn đời không được ngồi giường cao rộng lớn, là giới của Sa-di, ông có giữ được không?

Đáp: Mô Phật, con giữ được.

Trọn đời không được ăn phi thời, là giới của Sa-di, ông có giữ được không?

Đáp: Mô Phật, con giữ được.

Trọn đời không được cầm giữ sinh tượng, vàng bạc, vật báu, là giới của Sa-di, ông có giữ được không?

Đáp: Mô Phật, con giữ được.

Đây là mười giới Sa-di, suốt đời không được phạm.

Như kinh Thỉnh Tăng Phước Điền nói: Sa-di phải biết năm đức:

1. Phát tâm xuất gia vì tâm đeo mang đạo pháp.
2. Hủy bỏ hình tướng tốt đẹp vì thích ứng với pháp phục.
3. Cắt bỏ hẳn thân ái, không còn thân thích.
4. Hủy bỏ thân mạng, tôn sùng đạo pháp.
5. Chí cầu Đại thừa, vì để độ người.

Theo luật Tăng-kỳ nên nói mười số:

1. Tất cả chúng sinh đều nương vào sự ăn uống.
2. Danh sắc.
3. Nghĩ về sự đau khổ.
4. Bốn đế.
5. Năm ấm.

6. Sáu nhập.
7. Bảy giác chi.
8. Tám chánh đạo.
9. Chín chỗ ở của chúng sinh.
10. Mười tất cả nhập.

Nêu lên số ấy giải thích đối trị nhau, hiển bày chánh pháp đồng thời như trong Hành Sự Sao có nói rộng:

## PHÁP TỲ-KHEO TRUYỀN GIỚI

Phật nói: Thiện Lai Tỳ-kheo; phá kiết sử Tỳ-kheo; tam ngữ Tỳ-kheo; biên địa năm người trì luật, thì được truyền giới Tỳ-kheo; ở Trung quốc mười người được truyền giới Tỳ-kheo.

Ở trên trình bày năm thứ thọ giới, đều chính trong văn luật, nói ba lần thiện lai, chỉ hạn cuộc khi Phật còn tại thế. Ba thứ còn lại là chung cho sau khi Phật diệt độ.

## DUYÊN TRUYỀN GIỚI TỲ-KHEO

Giới là thuyền bè đưa qua biển sinh tử, là cội gốc của chánh pháp, chắc chắn phải có duyên hợp tương ưng, nếu có sai trái thì tuy truyền nhưng không đắc giới. Nay giải hai thứ yết-ma phải đầy đủ năm duyên mới thành.

***I. Người có khả năng thọ, có năm thứ:***

1. Loài người: Luật nói: Chư Thiên, A-tu-la, phi nhân, súc sinh không đắc giới. Luận nói: Ba quy y, năm giới cấm chỉ có trong loài người, còn các đường khác thì không có.

2. Các căn đầy đủ. Luật nói: Hoặc người cuồng, hoặc điếc, hoặc câm, hoặc thân tướng không đầy đủ, người mắc trăm già nạn. Tất cả người ấy có thể làm ô nhục chúng tăng, đều không được.

3. Thân khí thanh tịnh. Luận Tát-bà-đa nói: Trước thọ năm giới, tám giới, người từng phá giới trọng, thì không được lại thọ mười giới.

Luật nói: Trước thọ giới rồi phá giới trọng, lại xin thọ nữa gọi là nạn biên tội. Lại người tại gia, Sa-di gây ra các nghiệp nặng, đều thuộc về mười ba nạn.

4. Tướng xuất gia đầy đủ. Luật nói: Phải cạo tóc mặc cà-sa, đồng với người xuất gia. Nếu mặc y phục thế tục, mặc áo ngoại đạo, các đồ trang sức lõa hình, v.v... thì không gọi là thọ giới Cụ túc.

5. Được chút phần pháp. Luật nói: Không cho thọ giới Sa-di và thọ giới Cụ túc, thì chúng tăng mắc tội.

**II. Sở đối có bảy thứ:**

1. Kết giới thành tựu, vì kết giới không thành, vì yết-ma không có chỗ nương.

2. Có vị Tăng bỉnh pháp, vì bạch bốn yết-ma theo lời Phật dạy, những chúng trái pháp thì không nên tác pháp (không hợp với bỉnh pháp).

3. Số Tăng đầy đủ, chẳng phải là đầu số đủ mười vị. Kinh Tỳ-ni-Mẫu nói: Hòa-thượng, hai vị A-xà-lê, đều phải đúng pháp, bảy vị tăng làm tôn chứng, đều thanh tịnh hiểu rõ. Luật nói: Nếu không có Hòa-thượng hoặc mười vị không đủ, thì như trong thiên không đủ số đã nói rõ, đều được thành tựu.

4. Trong giới đều nhóm hòa hợp. Luật nói: Lại không có phương tiện gì làm yết-ma riêng chúng.

5. Trong giáo pháp có bạch bốn lần yết-ma. Kinh Tỳ-ni Mẫu nói: Yết-ma đúng pháp.

6. Duyên giúp đỡ đầy đủ. Luận nói: Nếu người không có y bát, hoặc mượn y bát người khác đều là trái pháp.

7. Về thời Phật pháp. Luận Tỳ-đàm nói: Đến thời pháp diệt, tất cả thọ giới kết giới, đều mất hết.

***III. Phát tâm xin giới:***

Luật nói: Nếu người thọ giới không tự xưng tên mình, không xưng tên Hòa-thượng, dạy xin mà không xin, hoặc ngủ say, tức giận, hoặc không có tâm thọ, đều không đắc giới.

***IV. Tâm cảnh tương ưng:***

Nếu tâm không thích hợp cảnh, hoặc cảnh không xứng với tâm, hoặc tâm cảnh đều không tương xứng, đều là trái pháp.

V. Việc thành tựu rốt ráo:

Đầu tiên từ thỉnh sư đến sau cùng thọ giới xong, trước sau không trái được gọi là biện sự.

## CHÍNH TRƯỚC KHI TRUYỀN GIỚI THỂ CÓ ĐỦ TÁM PHÁP

***I. Đầu tiên là nói pháp thỉnh sư:***

Luật nói: Đệ tử không có thầy dạy bảo, làm việc trái pháp.

Phật dạy: Phải lập Hòa-thượng, đệ tử phải tưởng Hòa-thượng như cha mẹ, kính trọng lẫn nhau. Lại Tỳ-kheo bệnh không có người săn sóc, nên để cho qua đời. Phật dạy: Phải nuôi đệ tử, phải cùng cung kính tôn trọng, săn sóc nhau, chánh pháp mới được lâu dài, tăng thêm lợi ích

rộng lớn. Hòa-thượng phải xem đệ tử như con. Luật Thiện Kiến nói: Vì ban đầu không thỉnh, nên sau trái với lời dạy bảo, Phật dạy cho thỉnh.

Nếu theo bản luật thì pháp thỉnh không phải ở trong tăng, nay y theo Thập Tụng và Tăng-kỳ, dạy người thọ giới trước vào trong tăng, dạy bảo thứ lớp, mỗi việc đều đầu mặt lễ dưới chân chúng Tăng, sau đó mới thỉnh, phải vén y bày vai phải, cởi giày dép, gối phải sát đất, chắp tay thỉnh như vầy:

Bạch Đại đức một lòng nghĩ, nay con............ thỉnh Đại đức làm Hòa-thượng. Xin Đại đức vì con làm Hòa-thượng. Con xin nương theo Đại đức được thọ giới Cụ túc. Xin thương xót cho con.

(Nói thỉnh ba lần).

Luật Tăng-kỳ nói: Trong chúng thỉnh rồi, Hòa-thượng nói: Người hãy sinh tâm vui vẻ. Luật Bản nói: Được như vậy, ta sẽ dạy bảo ông, thanh tịnh chớ buông lung.

Theo A-tỳ-đàm của Phật, còn hai vị A-xà-lê cũng có pháp thỉnh, tức là y cứ theo văn trên, nghĩa là lấy các nghĩa thỉnh sư khác để so sánh.

***II. Để người thọ giới ở chỗ nào?***

Phật dạy: Người thọ giới không được ở trên hư không, chỗ ẩn núp lìa thấy nghe, hoặc ở ngoài giới, vị Hòa-thượng đó và người trong đủ số cũng không được ở trên hư không, cho đến ngoài giới.

Phật dạy: Phải để cho người muốn thọ giới đúng chỗ mắt thấy, tai không nghe.

***III. Sai người hỏi duyên***

Bấy giờ, có người muốn thọ giới, đem ra ngoài giới cởi y xem coi, làm ngưng trệ việc thọ giới.

Phật dạy: Không nên làm như vậy, từ nay trở đi cho hỏi trước mười ba việc nạn, sau đó sẽ thọ. Giới sư nên hỏi rằng: Trong chúng ai có khả năng làm thầy giáo thọ cho.............? Nếu có thì đáp rằng: Tôi.......... có khả năng, giới sư nên hòa tăng xin dục, rồi bạch rằng:

Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, kia đến Hòa-thượng.......... xin thọ giới Cụ túc, nếu thời giờ của tăng đã đến. Tăng bằng lòng cho.......... làm thầy giáo thọ, tác bạch như vậy.

***IV. Pháp ra ngoài chúng hỏi***

Luật Ngũ Phần nói: Phải an ủi rằng: Các vị chớ sợ hãi, chốc lát nữa sẽ đem các vị để ở chỗ cao tột, v.v..., rồi cầm y bát dạy rằng:

Đây là An-Đà-Hội, đây là Uất-đa-la-tăng, đây là Tăng-già-lê. Luận Tát-bà-đa nói: Tên gọi ba y này này, trong chín mươi sáu thứ

ngoại đạo không có, chỉ trong Phật pháp mới có, nên chỉ bày cho các vị. Đây là Bát-đa-la. Luật Thập Tụng nói: Bát này là cờ nêu của Hằng sa Chư Phật.

1. Y bát này là của ông phải không?

Đáp: Mô Phật, phải. Trong các bộ cũng gia pháp cho thọ.

Nên nói rằng: Này người thiện nam hãy lắng nghe. Nay là lúc chí thành, cũng là lúc nói thật. Nay Ta sẽ hỏi ông, ông tùy theo ta hỏi mà đáp. Nếu không thật thì nói không thật, nếu thật thì nói thật. Người có phạm tội biên địa không?

Đáp: Không. Nên nói rằng: ông lẽ ra không biết tên tội này. Nghĩa là người đã thọ giới của Phật rồi, nếu phạm bốn giới trọng tức là người ở ngoài biển Phật pháp, nên gọi là biên tội.

Ông có phạm không?

Đáp: Mô Phật, không.

Nghĩa là quyết định rằng: Hễ vặn hỏi có không ý là phải hiểu nhau, nếu một người ở trung quốc còn một người ở biên địa, không lãnh hội ý nhau thì không thành phạm giới, xả giới. Nay tuy là hỏi nhưng không hiểu, thì chẳng khác với người không hỏi. Luật nói: Không thành thọ giới, từ đây về sau giống như đây nên biết.

2. Người có làm ô nhiễm Tỳ-kheo ni không?

Luật Tăng-kỳ nói: Nghĩa là lúc còn tại gia làm nhiễm ô tịnh giới phạm hạnh của ni.

3. Người có phải là tặc trụ không?

Nghĩa là khi còn tại gia, trộm nghe yết-ma thuyết giới đồng với pháp sự tăng.

4. Người có phá nội, ngoại đạo không?

Nghĩa là từng làm ngoại đạo đến xin thọ giới cụ túc, sau lại trở về ngoại đạo, nay lại đến xin thọ giới cụ túc.

5. Người có phải huỳnh môn hay không?

Nghĩa là không phải sáu thứ sinh, kiền, đố, biến, bán.

6. Người có giết cha không?

7. Người có giết mẹ không?

8. Người có giết A-la-hán không?

9. Người có phá tăng không?

10. Người có tâm ác làm thân Phật chảy máu không?

Tăng-kỳ nói: Hai nạn này sau khi Phật diệt độ không có. Phật nhập Niết-bàn, y theo văn xưa mà hỏi.

11. Người có phải phi nhân hay không?

Nghĩa là các vị trời, quỉ thần, v.v... biến thành hình người cầu xin thọ giới.

12. Người có phải súc sinh không?

Nghĩa là các loại rồng có thể biến thành người đến xin thọ giới.

13. Người có phải hai hình không?

Nghĩa là thân này có đủ hai căn nam và nữ, chính là trái với đồ đựng đạo, người này đều phải hiểu rõ từng thứ một, hiểu rồi nếu đáp không thì thôi.

Người pháp danh là gì? Hòa-thượng pháp hiệu là gì? Đủ hai mươi hai tuổi chưa?

Ba việc này và mười ba nạn đều phải từng việc hỏi đáp, vì không đầy đủ, nên không đắc giới.

Y bát có đầy đủ không? Cha mẹ có cho phép các vị không?

14. Người có mắc nợ không?

15. Người có phải tôi tớ không?

16. Người có làm quan hay không?

17. Người có phải trượng phu không?

Luật Bản nói: Tuổi đủ hai mươi chịu đựng được lạnh, nóng, gió, mưa, đói khát, giữ giới, ngày ăn một bữa, chịu đựng những lời nói ác và độc trùng, mười việc đó là tướng trượng phu.

Tăng-kỳ nói: Hai mươi tuổi trở lên, bảy mươi tuổi trở xuống có khả năng chịu đựng được, đó là vị Trượng phu, được cho thọ giới. Nếu hơn hoặc kém dầu cho có khả năng, cũng phải đúng pháp, nếu không chịu đựng được đều không cho thọ giới.

Trượng phu bị các bệnh như: Hủi, ung thư, ghẻ trắng, khô gầy, điên cuồng. Người có bị các bệnh như thế không?

Đều y theo có, không mà đáp.

Như nay tôi hỏi người, trong tăng cũng sẽ hỏi như thế, như người đã đáp với tôi thế nào thì lúc nào trong tăng cũng phải đáp như thế.

Thầy giáo thọ phải sửa sang oai nghi rồi, lại bảo rằng: Người đứng đây đợi tôi, đến trong tăng, có lệnh gọi hãy đến.

***V. Pháp bạch gọi vào chúng***

Phật dạy: Vị sư giáo thọ kia hỏi nạn rồi, lại vào trong chúng. Oai nghi như thường lệ, đứng cách nhau chỗ duỗi tay đụng được, phải tác bạch như vầy.

Bạch Đại đức tăng lắng nghe! Vị kia đến Hòa-thượng mỗ xin thọ giới Cụ túc. Nếu thời giờ của tăng đã đến xin Tăng bằng lòng cho, tôi............ đã hỏi xong; cho phép đem đến chúng tăng, tác bạch như

thế. Ở đây tác bạch rồi nên gọi rằng: Người hãy đến, đến rồi phải cầm y bát. Ở trước giới sư gối phải quỳ sát đất chấp tay, phải dạy xin như vầy.

***VI. Nói rõ pháp xin giới***

Vị sư giáo thọ kia dạy như trước, nên bảo rằng: Trình bày cách pháp xin giới pháp, người phải tự trình bày, nhưng vì người không hiểu nên tôi dạy cho. Người nên bạch rằng: Bạch Đại đức tăng lắng nghe! Con là.......... đến Hòa-thượng mỗ xin thọ giới Cụ túc. Con là nay đến chúng tăng xin thọ giới cụ túc. Tỳ-kheo mỗ làm Hòa-thượng. Xin tăng thương xót cứu giúp con.

Ba lần xin rồi, Sư giáo thọ ngồi lại.

***VII. Pháp Hòa-thượng giới sư hỏi:***

Nên tác bạch rằng:

Bạch Đại Đức tăng lắng nghe! Vị nầy............. đến Hòa-thượng mỗ xin thọ giới cụ túc. Vị nầy.......... nay đến chúng tăng xin thọ giới Cụ túc. Tỳ-kheo mỗ làm Hòa-thượng. Nếu thời giờ làm việc của tăng đã đến, Tăng bằng lòng cho, tôi hỏi các việc nạn, tác bạch như thế.

***VIII. Pháp thưa hỏi:***

Nên nói: Đây là An-Đà-Hội, Uất-đa-la-tăng, Tăng-già-lê. Đây là Bát-đa-la. Y bát này là của người phải không?

Giới tử đáp: Mô Phật, phải. Lại nói:

Này người thiện nam hãy lắng nghe, nay là thời chí thành cũng là thời nói thật. Nay tùy theo lời tôi hỏi người, người phải y theo sự thật mà đáp.

Luật Tăng-kỳ nói: Nếu người đáp không thật tức là dối gạt các vị trời, quỉ, phạm. Sa-môn, Bà-la-môn, người đời. Cũng là dối gạt đức Như lai và chúng tăng, nên tự mình mắc tội lớn.

1. Người có phạm biên tội không?
2. Người có phạm Tỳ-kheo-ni không?
3. Người phải tặc tâm thọ giới không?
4. Người có phá nội ngoại đạo không?
5. Người có phải huỳnh môn không?
6. Người có giết cha không?
7. Người có giết mẹ không?
8. Người có giết A-la-hán không?
9. Người có phá Tăng không?
10. Người có tâm ác làm thân Phật chảy máu không?
11. Người có phải phi nhân hay không?

12. Người có phải súc sinh không?

13. Người có phải hai hình không?

Nên tùy theo việc mà đáp rằng: Mộ Phật, không.

Người pháp danh là gì? Hòa-thượng hiệu là gì? Đủ hai mươi tuổi chưa? Ba y bát đầy đủ chưa? Cha mẹ có cho người xuất gia hay không? Người có mắc nợ người không? Người có phải tôi tớ không? Người có làm quan không? Người là Trượng phu phải không? Bậc trượng phu có những bệnh như: ghẻ, ung thư, bạch lại, khô gầy, điên cuồng, nay người có các bệnh như thế không?

Đều y theo lời hỏi rồi, có hay không đều đáp đầy đủ, nghĩa là lời nói hiểu nhau, đồng như thầy giáo thọ ở trước.

## PHÁP CHÁNH THỌ GIỚI THỂ

Luận Tát-bà-đa nói: Hễ muốn thọ giới thì trước cho nói pháp, dẫn dắt khai mở, khiến cho đối với tất cả cảnh, sinh lòng từ bi, liền được giới tăng thượng. Nên nói với người kia rằng: chúng sinh sáu đường phần nhiều ngăn ngại giới pháp, chỉ có loại người được thọ giới cũng đều có già nạn, không phải đều có khả năng hết. Người không có già nạn, thì chắc chắn sẽ được thọ giới. Người phải y theo văn luận phát tâm tăng thượng, đó là cứu giúp tất cả chúng sinh, dùng pháp độ họ. Lại giới là cội gốc của pháp lành, làm chánh nhân cho ba thừa. Lại giới là của báu trong Phật pháp, các đạo khác không có. Lại có công năng hộ trì chánh pháp của Phật, cho được lâu dài. Lại oai nghi thế lực của yết-ma là đại lực của chúng tăng, có thể nêu lên pháp giới là thắng pháp, đặt trong thân tâm người, người phải nhất tâm nghe kỹ mà thọ, nên tác bạch rằng:

Bạch Đại Đức tăng lắng nghe vị này ... đến Hòa-thượng mỗ xin thọ giới Cụ túc, vị này ... nay đến tăng xin thọ giới cụ túc, Tỳ-kheo mỗ làm Hòa-thượng, vị nầy tự nói mình thanh tịnh không có các việc nạn, đủ hai mươi tuổi, ba y bát đầy đủ. Nếu Tăng thời giờ làm việc của chúng tăng đã đến, tăng bằng lòng cho tăng truyền cho vị nầy giới Cụ túc. Tỳ-kheo mỗ làm Hòa-thượng. Tác Bạch như thế. Luật Tăng-kỳ nói: Tác bạch rồi hỏi tăng có thành tựu không? Cho đến yết-ma lần thứ nhất, lần thứ hai, lần thứ ba cũng như vậy.

Luật Thập Tụng nói: Lúc yết-ma thọ giới, phải nhất tâm nghe cho kỹ, đừng biết việc khác, suy nghĩ việc khác, nên kính trọng, phải chánh tư duy, tâm tâm nhớ nghĩ nhau, nên phân biệt đó, nếu trái thì phạm tội Đột-cát-la.

Bạch Đại Đức tăng lắng nghe, Giới tử này đến Hòa-thượng mỗ xin thọ giới Cụ túc,........... vị này, nay đến tăng xin thọ giới cụ túc, Tỳ-kheo mỗ làm Hòa-thượng, tự nói mình thanh tịnh, không có các việc nạn, đủ hai mươi tuổi, ba y bình bát đầy đủ. Nay Tăng truyền giới Cụ túc cho vị nầy, Tỳ-kheo mỗ làm Hòa-thượng. Các trưởng lão nào bằng lòng cho vị nầy thọ giới Cụ túc, Tỳ-kheo mỗ làm Hòa-thượng thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì nói. Đây là yết-ma lần đầu, lần thứ hai, lần thứ ba cũng như trên, thứ lớp hỏi đáp không trái thì được. Tăng đã bằng lòng cho vị nầy thọ giới Cụ túc xong. Tỳ-kheo mỗ làm Hòa-thượng, Tăng bằng lòng vì im lặng. Việc nầy nên thực hành như thế.

Trong luật Thiện Kiến và các luận khác đều nói: Người thọ giới Cụ túc rồi. Các vị Hòa-thượng, A-xà-lê, phải cho ghi mùa xuân, mùa hạ, mùa đông, tháng nào, ngày nào, cho đến thời gian lượng các hình ảnh mà truyền giới Cụ túc.

## KẾ LÀ NÓI VỀ TÙY TƯỚNG

Khi ấy, các Tỳ-kheo thọ giới cụ túc rồi, bỏ chúng tăng ra đi, đã không biết phạm, lại gây ra tội nặng.

Phật dạy: Từ nay trở đi, làm pháp yết-ma rồi, trước phải nói bốn pháp Ba-la-di trước.

Này người thiện nam lắng nghe, Đức Như lai là bậc Chí Chân Đẳng Chánh Giác, nói bốn pháp Ba-la-di, nếu Tỳ-kheo phạm bất cứ một pháp nào đều chẳng phải Sa-môn, chẳng phải Thích tử (đệ tử dòng họ Thích).

Tất cả không được phạm dâm dục, làm hạnh bất tịnh. Nếu Tỳ-kheo phạm hạnh bất tịnh, thọ pháp dâm dục cho đến cùng súc sinh, thì chẳng phải Sa-môn, chẳng phải Thích tử.

Bấy giờ, Đức Thế tôn cho nói ví dụ: Giống như có người chặt đầu thì không bao giờ sống lại được. Tỳ-kheo cũng như thế, phạm pháp Ba-la-di rồi, thì không thể thành hạnh Tỳ-kheo lại được, trong đây người suốt đời không được làm, có thể giữ được không?

Đáp: Mô Phật, con giữ được.

Tất cả không được trộm, dù cho ngọn cỏ lá rau, nếu Tỳ-kheo trộm của người năm tiền hoặc hơn năm tiền, hoặc tự mình lấy, xúi giục người lấy, hoặc tự mình phá, xúi giục người phá, hoặc tự mình chặt, xúi bảo người chặt, hoặc tự mình đốt, xúi bảo người đốt, hoặc chôn, hoặc làm hoại sắc, người đó chẳng phải Sa-môn, chẳng phải Thích tử.

Thí như chặt ngọn cây đa-la, thì không bao giờ sinh trưởng lại

được. Tỳ-kheo cũng giống như thế, phạm pháp Ba-la-di rồi, thì không thành hạnh Tỳ-kheo nữa. Trong đây, người suốt đời không được làm, có thể giữ được không?

Đáp: Mô Phật, con giữ được.

Tất cả không được cố cắt đứt mạng sống chúng sinh, dù cho là con kiến, nếu Tỳ-kheo cố tự tay mình cắt đứt mạng sống của người, cầm dao trao cho người, khuyên bảo chết, khen ngợi chết, cho người uống thuốc độc, hoặc làm đọa thai, hoặc trù ếm chết. Tự làm phương tiện, hoặc xúi bảo người làm, thì chẳng phải Sa-môn, không phải Thích tử. Người đó dụ như kim sứt lỗ không thể dùng được nữa. Tỳ-kheo phạm pháp Ba-la-di cũng giống như thế; không thành hạnh Tỳ-kheo. Người đối với giới nầy trọn đời không được làm, có thể giữ được không?

Đáp: Mô Phật, con giữ được.

Tất cả không được nói dối, cho đến cười giỡn. Nếu Tỳ-kheo không chân thật, chẳng phải mình có, tự nói rằng: Tôi được pháp hơn người, đắc thiền, đắc giải thoát, đắc định, đắc bốn không định, đắc Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, trời rồng đến, quỉ thần đến cúng dường tôi, người đó chẳng phải Sa-môn, chẳng phải Thích tử.

Người đó dụ như tảng đá lớn bị bể làm hai phần, không bao giờ ráp lại được. Tỳ-kheo cũng giống như thế, nếu phạm pháp Ba-la-di này, thì không thể thành hành Tỳ-kheo lại được.

Người đối với giới nầy suốt đời không được làm, có thể giữ được không?

Đáp: Mô Phật, con giữ được.

## PHÁP TRUYỀN BỐN Y

Khi ấy là thời kỳ đói kém, khất thực khó được. Có ngoại đạo tự xuất gia thọ giới, sau đó tăng không có thức ăn liền thôi tu.

Phật dạy: Trước truyền cho bốn y, sau đó cho thọ giới. Lại có ngoại đạo xin tăng cho xuất gia, trước truyền cho bốn y, vì kia nói rằng: Tôi giữ được hai pháp y, còn nạp y và thuốc nát vữa tôi không thể giữ được bèn thôi tu.

Phật day: Ngoại đạo nầy có mất nát lớn, từ nay trở đi, sau là truyền bốn y. Nên truyền trao như thế.

Này người thiện nam lắng nghe, Đức Như lai là bậc Chí Chân Đẳng Chánh Giác nói pháp bốn y. Tỳ-kheo nương vào đây mà được xuất gia, thọ giới cụ túc, thành pháp Tỳ-kheo.

Tỳ-kheo nương vào y phẩn tảo, nương theo đây được xuất gia, thọ giới Cụ túc, thành pháp Tỳ-kheo. Đối với giới nầy suốt đời có thể giữ được không?

Đáp: Mô Phật, con giữ được.

Nếu được lợi dưỡng đàn việt cúng vải, vải cắt hư hoại được thọ trì. Tỳ-kheo nương theo khất thực, nương theo đây được xuất gia, thọ giới Cụ túc, được thành pháp Tỳ-kheo. Đối với giới nầy suốt đời có thể giữ được không?

Đáp: Mô Phật, con giữ được.

Như được lợi dưỡng, hoặc tăng sai đi thọ trai, đàn việt đem thức ăn đến, hoặc mỗi tháng ngày mồng tám thọ trai, ngày rằm thọ trai, mỗi tháng ngày mồng một thọ trai. Nếu tăng thường thọ trai, đàn việt thỉnh thọ trai được thọ.

Nương ngồi dưới gốc cây, Tỳ-kheo nương theo đây được xuất gia, thọ giới Cụ túc, thành pháp Tỳ-kheo. Đối với giới nầy trọn đời có thể giữ được không?

Đáp: Mô Phật, con giữ được.

Nếu được lợi dưỡng, hoặc phòng riêng, nhà nóc nhọn, phòng nhỏ nhà đá, hai phòng một cửa thì được thọ.

Nương theo thuốc mục nát, Tỳ-kheo nương theo đây được xuất gia thọ giới Cụ túc thành pháp Tỳ-kheo. Đối với giới nầy suốt đời có thể giữ được không?

Đáp: Mô Phật, con giữ được.

Nếu được lợi dưỡng, sữa, dầu, sữa tươi, mật, đường phèn được thọ. Người đã thọ giới rồi, Bạch bốn lần yết-ma, đúng pháp thành tựu, được nơi chốn, Hòa-thượng đúng pháp, A-xà-lê đúng pháp. Chúng tăng đều đầy đủ, người phải khéo thọ giáo pháp, đáng lẽ phải khuyến hóa làm phước, sửa tháp cúng dường chúng tăng, Hòa-thượng, A-xà-lê. Nếu tất cả đúng pháp, dạy bảo không được trái. Phải học tụng kinh, siêng cầu phương tiện, ở trong Phật pháp chứng được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, công đức phát tâm xuất gia lúc đầu của người không luống uổng, quả báo không mất, còn các việc khác chưa biết phải hỏi Hòa-thượng, A-xà-lê.

Phật dạy: Phải bảo người thọ giới Cụ túc ở trước, đệ tử phải mỗi ngày ba thời: sáng, trưa, chiều tối thưa hỏi, thăm viếng Hòa-thượng, phải vì Hòa-thượng làm hai việc, khổ nhọc không được từ nan.

1. Quét dọn, sửa sang phòng xá.

2. Giặt giũ y phục.

Tất cả lời răn dạy của Hòa thượng đều phải vâng làm, nếu trái thì đúng pháp mà trị.

**PHÁP THỈNH THẦY Y CHỈ**

Khi ấy, có Tỳ-kheo Hòa-thượng qua đời, hoặc thôi tu, hoặc quyết ý đi ra ngoài giới, vì không có người dạy bảo nên phá các giới, tác phong không đúng oai nghi.

Phật dạy: Cho phép có A-xà-lê phải cùng nhau kính thờ, săn sóc như Hòa-thượng, phải sửa đủ oai nghi, thưa thỉnh như vầy:

Bạch Đại đức một lòng nghĩ! Nay con xin thỉnh Đại đức làm thầy y chỉ, xin Đại đức cho con làm pháp y chỉ. Con nương theo Đại đức mà ở. Nói ba lần rồi, vị A-xà-lê kia cũng phải đúng pháp xin nuôi chúng, như pháp Hòa-thượng không khác. Vị kia nhận thỉnh rồi, nên đáp rằng: Được.

Cho người y chỉ, người chớ buông lung.

Đệ tử nên chấp tác hai việc, không được từ chối hai việc như trên.

Thưa hỏi nghĩa kinh, hiểu biết đầy đủ, đến đủ năm hạ, được lìa thầy y chỉ. Nếu vị đó không hiểu biết, không tụng giới được thì trọn đời phải y chỉ. A-xà-lê phải có đủ năm đức:

1. Biết phạm
2. Biết không phạm
3. Biết tội nhẹ.
4. Biết tội nặng.
5. Đủ mười hai tuổi hạ mới được thâu nhận người.

Nếu không đủ năm đức này, thì không y chỉ không có lỗi. Đức của Hòa-thượng là như thế.

**PHÁP NI CHÚNG TRUYỀN GIỚI.**

Luật Thiện Kiến nói: Chữ ni là nữ, chữ ma là mẫu, vì trọng ni nên gọi như vậy. Luận Trí Độ nói: Ni có vô lượng luật nghi nên ngồi kế sau Tỳ-kheo. Phật vì nghi thức bất tiện nên ở sau Sa-di.

Kinh Đại Ái Đạo nói: Người nữ chỉ mê hoặc mầu sắc nuôi chúng biết việc trong khoảnh khắc nên Phật dạy nương theo Đại tăng.

**PHÁP TRUYỀN GIỚI CHO SA-DI-NI**

Pháp yết-ma nuôi chúng, pháp cạo tóc, pháp xuất gia, đều như pháp trong tăng ở trên, chỉ thêm chữ Ni là khác.

**PHÁP TRUYỀN GIỚI THỨC-XOA-MA-NA-NI:**

Luật Bản nói: Các ni vội độ người xuất gia, cho thọ giới, do không biết giới tướng nên làm các việc phi pháp.

Phật dạy: Nên cho yết-ma học giới.

Trong luật Thập Tụng nói: Vội độ người nữ có mang gây ra tội lỗi.

Phật dạy: Cho yết-ma hai năm để biết có thai hay không, nhưng sáu pháp tịnh tâm, hai năm tịnh thân.

**PHÁP XIN HỌC GIỚI**

Phật dạy: Cho người tằng giá mười năm và đồng nữ mười tám tuổi, muốn hai năm học giới phải đến trong tăng vén y bày vai phải, cởi giày dép, lễ dưới chân Ni tăng, hai gối sát đất chắp tay, xin rằng:

Bạch Đại Tỷ tăng lắng nghe. Con là Sa-di.......... nay đến tăng xin hai năm học giới, Tỳ-kheo ni mỗ làm Hòa-thượng. Xin tăng cho con hai năm học giới, xin thương xót cho. Nói ba lần rồi Sa-di ni phải đến đứng chỗ tai không nghe nhưng mắt thấy.

**PHÁP CHO HỌC GIỚI**

Trong ni chúng kia, vị làm yết-ma nên bạch rằng:

Bạch Đại Tỷ Tăng lắng nghe, Sa-di ni.......... kia, nay đến tăng xin hai năm học giới, Tỳ-kheo ni mỗ làm Hòa-thượng. Nếu thời giờ làm việc của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho Sa-di ni kia hai năm học giới, Tỳ-kheo ni mỗ làm Hòa-thượng, tác bạch như thế.

Bạch Đại Tỷ tăng lắng nghe, Sa-di ni......... kia, đến tăng xin hai năm học giới, Tỳ-kheo ni mỗ làm Hòa-thượng. Tăng nay cho Sa-di-ni ............ hai năm học giới, Tỳ-kheo-ni mỗ làm Hòa-thượng. Các đại tỷ nào bằng lòng cho Sa-di-ni kia hai năm học giới, Tỳ-kheo ni mỗ làm Hòa-thượng thì im lặng. Vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Đây là yết-ma ban đầu, nói ba lần như thế. Tăng đã bằng lòng cho Sa-di kia hai năm học giới. Tỳ-kheo ni mỗ làm Hòa thượng rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc này nên hành trì như vậy.

**KẾ LÀ NÓI VỀ PHÁP GIỚI TƯỚNG**

Phật dạy: Nên gọi vào trong chúng, nói cho nghe tên gọi sáu pháp.

Vị nầy lắng nghe Đức Như lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói sáu pháp.

1. Không được phạm hạnh bất tịnh, làm pháp dâm dục.

Nếu Thức-xoa-ma-na phạm pháp dâm dục, thì không phải Thức-xoa-ma-na, không phải con gái dòng họ Thích. Hoặc cùng người nam có tâm nhiễm ô, thân xúc chạm nhau, thì khuyết giới, phại thọ giới lại. Đối với giới nầy suốt đời không được phạm, có thể giữ được không?

Đáp: Mô Phật, con giữ được.

2. Không được trộm cắp, dù cho ngọn cỏ lá rau. Nếu Thức-xoa-ma-na lấy của người năm tiền, hoặc hơn năm tiền, hoặc tự mình lấy, xúi giục người lấy, hoặc tự mình chặt, bảo người chặt, hoặc thiêu hoặc chôn, hoặc làm hoại mầu sắc, thì không phải Thức-xoa-ma-na, không phải con gái dòng họ Thích. Nếu lấy kém năm tiền là khuyết giới, phải thọ giới lại. Giới nầy suốt đời không được phạm, có thể giữ được không?

Đáp: Mô Phật, con giữ được.

3. Không được cố ý cắt đứt mạng sống chúng sinh, dù cho con kiến. Nếu Thức-xoa-ma-na, cố tự tay mình cắt đứt mạng sống của người, cầm dao trao cho người, xúi chết khen chết. Hoặc cho uống trái thuốc, hoặc làm đọa thai, hoặc ếm đối, chú thuật. Tự mình làm, bảo người làm, thì chẳng phải Thức-xoa-ma-na, không phải con gái dòng họ Thích. Nếu cắt đứt mạng sống súc sinh không thể biến hóa được gọi là khuyết giới, phải thọ giới lại. Giới nầy suốt đời không được phạm, có thể giữ được không?

Đáp: Mô Phật, con giữ được.

4. Không được nói dối, cho đến đùa giỡn. Nếu Thức-xoa-ma-na không chân thật, chẳng phải mình có, mà tự xưng là được pháp hơn người, được thiền, được giải thoát tam-muội chánh thọ, đắc quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, trời đến, rồng đến, quỷ thần đến, cúng dường cho ta. Đây chẳng phải Thức-xoa-ma-na, chẳng phải con gái dòng họ Thích. Nếu ở trong chúng cố nói dối, khuyết giới phải thọ giới lại. Giới nầy suốt đời không được phạm, có thể giữ được không?

Đáp: Mô Phật, giữ được.

5. Không được ăn phi thời. Nếu Thức-xoa-ma-na ni ăn phi thời, thì khuyết giới, phải thọ giới lại. Giới nầy suốt đời không được phạm, có thể giữ được không?

Đáp: Mô Phật, giữ được.

6. Không được uống rượu: Nếu Thức-xoa-ma-na ni uống rượu thì khuyết giới, phải thọ giới lại. Giới nầy suốt đời không được phạm, có

thể giữ được không?

Đáp: Mô Phật, giữ được.

Phật dạy: Thức-xoa-ma-na phải học tất cả đại giới của ni. Trừ tự tay lấy thức ăn, trao thức ăn cho người khác. Học pháp của nữ này phải học đủ ba pháp:

1. Học pháp căn bản, tức là bốn giới trong đây.

2. Học sáu pháp là: 1/ Tâm nhiễm ô xúc chạm nhau; 2/ Trộm dưới năm tiền; 3/ Cắt đứt mạng sống súc sinh; 4/ Tiểu vọng ngữ; 5/ Ăn phi thời; 6/ Uống rượu.

3. Học hành pháp, nghĩa là phải học phép tắc các giới và oai nghi của đại ni.

Nếu phạm giới pháp căn bản thì phải đuổi đi, nếu thiếu học pháp thì lại cho hai năm yết-ma học lại. Nếu trái với hành pháp chính là trái phạm lời Phật dạy, phải sám hối ngay, không hoại sáu pháp đã học trước.

## PHÁP TRUYỀN GIỚI TỲ-KHEO NI

Phật dạy: Có Tỳ-kheo ni bát kỉnh pháp, Tỳ-kheo ni Thiện Lai, Tỳ-kheo ni phá kiết sử, trong yết-ma thọ giới có Tỳ-kheo ni đưa tin, Tỳ-kheo ni mười năm tằng giá, đồng nữ mười tám tuổi. Hai năm học giới, hai mươi chúng Tỳ-kheo ni. Nghĩa là ở biên phương lập mười chúng Tỳ-kheo-ni, hai pháp trước chỉ có khi Phật còn tại thế. Năm pháp sau thông dụng ở đời Tượng pháp, Mạt pháp.

## PHÁP XIN NUÔI CHÚNG.

Phật dạy: Ni đủ mười hai tuổi hạ, muốn độ người, phải sửa sang đủ oai nghi lễ dưới chân Ni tăng như pháp đại tăng, ba lần xin rồi, văn đồng nên không chép ra. Người nào độ Sa-di-ni, Thức-xoa-ma-na ni cho Đại giới ni đều phải xin riêng, vì mỗi năm độ đệ tử thì phạm tội, hoặc pháp xả nuôi chúng, v.v...

## PHÁP CHO NUÔI CHÚNG

Phật dạy: Ni tăng phải xét người này, có khả năng dạy truyền, hai năm học giới, hai việc nhiếp thủ được, thì nên cho yết-ma, văn cũng như trên. Nếu không có khả năng dạy truyền và nhiếp thủ thì yết-ma trái pháp.

Trước khi chính thức truyền giới phải có đủ tám duyên.

***1. Nói thỉnh Hòa-thượng:***

Phật dạy: Nếu mười năm có chồng, hai năm học giới, mười hai năm đủ, hoặc đồng nữ mười tám tuổi, hai năm học giới, tuổi đủ hai mươi nên cho thọ giới, sửa sang oai nghi, bạch rằng:

Bạch Đại Tỷ một lòng nghĩ, con là xin thỉnh A-di làm Hòa-thượng, xin A-di vì con làm Hòa-thượng, con nương theo A-di được thọ đại giới, xin thương xót con. Thỉnh ba lần rồi, đáp "được". Cho đến thỉnh hai vị xà-lê, bảy vị chứng giới cũng giống như vậy.

***2. Phật dạy***: Phải để cho người thọ giới đứng ở chỗ thấy nhưng không nghe.

***3. Pháp sai làm thầy giáo thọ.***

Trong đây, giới sư phải hỏi rằng: Ai có khả năng làm thầy giáo thọ, nếu có thì đáp: Tôi làm được.

Nên tác bạch mà sai như vầy:

Bạch Đại Tỷ tăng lắng nghe, kia ............... đến Hòa-thượng vì mỗ xin thọ đại giới, nếu thời giờ làm việc của tăng đã đến, Tăng bằng lòng cho mỗ làm thầy giáo thọ, tác bạch như thế.

***4. Pháp thầy Giáo thọ ra chúng hỏi:***

Thầy giáo thọ phải đứng dậy lễ dưới chân Ni tăng, rồi đến chỗ người thọ giới bảo rằng:

Này em, đây là An-Đà-hội, đây là Uất-đa-la, đây là Tăng-già-lê, đây là Tăng-kỳ-chi, đây là y che vai, đây là Bát-đa-la, y bát này là của em phải không?

Đáp: Mô Phật, phải.

Này em hãy lắng nghe, nay là lúc chân thành, lúc nói thật. Nay Tôi hỏi em nếu thật có phải nói thật có, không thật có nói không thật có.

Em có phạm biên tội không?

Nghĩa là có thọ năm giới, tám giới, mười giới, phạm bốn giới trọng rồi và thọ đại giới, phạm tám giới trọng đã hoàn tục xong, nay đến thọ giới lại, gọi là người phạm biên tội, nên đáp không phạm.

Về sau hỏi già nạn đều theo trên mà hỏi. Do kia đây không hiểu nên không cần hỏi đáp.

Em có phạm tịnh hạnh Tỳ-kheo không?

Em có tặc tâm thọ giới không?

Em có phá nội, ngoại đạo không?

Em phải huỳnh môn không?

Em có giết cha không?

Em có giết mẹ không?

Em có giết A-la-hán không?

Em có phá tăng không?

Em có tâm ác làm thân Phật chảy máu không?

Em có phải phi nhân không?

Em có phải súc sinh không?

Em có phải người hai căn không?

Đều đáp: Không phải.

Em tên gì? Đáp em tên là ...

Hòa-thượng hiệu gì? Đáp: Thượng.......... hạ.........

Năm có đủ tuổi không? Đáp: Đủ.

Y bát có đủ không? Đáp: Đủ.

Cha mẹ, hay chồng có cho phép không? Tùy theo đương thời có thì nói có, không được nói cả hai, nếu không thì nói không.

Em có mắc nợ không? Đáp: Không.

Em phải là tôi tớ không? Đáp: Không.

Em phải người nữ không? Đáp: Phải.

Người nữ có các bệnh như: Bệnh ghẻ lác, ung thư, lang ben, khô gầy, điên cuồng, hai hình, hai đường hiệp một, đường tiểu, đường Đại thường chảy, mũi dãi thường rịn ra, em có các bệnh như thế không?

Đều đáp: Không. Lại nên bảo rằng:

Như ta hướng về em hỏi các việc, trong tăng sẽ hỏi như thế. Như em đến đó thì đáp giống như đã đáp với ta. Trong chúng tăng cũng phải đáp như thế.

***5. Pháp gọi vào chúng***

Phật dạy: Thầy Giáo thọ kia hỏi rồi đi đến trong chúng, đứng ở chỗ duỗi tay chạm nhau rồi, nên tác bạch rằng:

Bạch Đại Tỷ xin lắng nghe, kia đến Hòa-thượng ni mỗ xin thọ đại giới. Nếu thời giờ làm việc đã đến, tăng bằng lòng cho, con đã dạy bảo xong, xin cho lệnh đến, tác bạch như thế.

Liền vẫy tay bảo rằng: Các em hãy đến, đến rồi cần giùm y bát cho, bảo vào trong tăng.

***6. Nói về Pháp xin giới:***

Phải lễ dưới chân, ở trước giới sư hai gối sát đất, chấp tay. Thầy giáo thọ dạy xin, bạch rằng:

Bạch Đại Tỷ tăng lắng nghe, con là v.v... đến Hòa-thượng-ni mỗ xin thọ đại giới. Con là nay đến chúng tăng xin thọ đại giới. Hòa-thượng-ni mỗ xin tăng cứu độ con, xin thương xót cho, nói ba lần như vậy.

***7. Pháp giới sư bạch Hòa-thượng***

Vị giới sư kia nên bạch Hòa thượng rằng:

Bạch Đại Tỷ Tăng lắng nghe, vị này đến Hòa-thượng ni mỗ xin thọ đại giới, vị nầy nay theo chúng tăng xin thọ đại giới. Với Hòa-thượng ni mỗ, nếu thời giờ của tăng đã đến, Tăng bằng lòng cho tôi hỏi các việc nạn, tác bạch như vậy.

***8. Pháp đối trong chúng hỏi.***

Vị giới sư kia nên hỏi rằng:

Em hãy nghe kỹ, nay là lúc nói lời chân thật, nay tôi hỏi em, nếu em có nên nói có, không nên nói không.

Em có phạm biên tội không?

Em có phạm Tỳ-kheo không?

Em có tặc tâm thọ giới không?

Em có phá nội, ngoại đạo không?

Em có phải huỳnh môn không?

Em có giết cha không?

Em có giết mẹ không?

Em có giết A-la-hán không?

Em có phá tăng không?

Em có tâm ác làm thân Phật chảy máu không?

Em phải phi nhân không?

Em phải súc sinh không?

Em phải người hai hình không?

Đều đáp rằng: Không.

Em tên gì? Hòa-thượng hiệu là gì? Tuổi đủ hai mươi không? Y bát có đủ không?

Cha mẹ, hay chồng có cho cô xuất gia không?

Em có mắc nợ không?

Em phải tôi tớ không?

Em là người nữ phải không?

Người nữ bị các bệnh như: Ghẻ lác, ung thư, lang ben, khô gầy, điên cuồng, hai căn, hai đường hiệp một, đường tiểu, đường đại thường chảy, mũi dãi thường tuôn ra, em có các bệnh như thế không?

Đều tùy theo có không, đều phải đáp cho đủ.

Văn chánh yết-ma truyền bản pháp.

Vị giới sư đó phải tùy cơ chỉ bày dẫn dắt, khiến phát tâm tăng thượng, liền đủ bản pháp, nên bạch rằng:

Bạch Đại Tỷ Tăng lắng nghe, vị này đến Hòa-thượng-ni mỗ xin thọ đại giới, vị này nay theo tăng xin thọ đại giới. Hòa-thượng ni mỗ tự nói mình thanh tịnh không có các việc nạn, đã đủ hai mươi tuổi, y bát

đầy đủ. Nếu thời giờ làm việc của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho, nay cho vị ấy thọ đại giới, Hòa-thượng ni mỗ, tác bạch như thế.

Bạch Đại Tỷ tăng lắng nghe, vị này đến Hòa-thượng ni mỗ xin thọ đại giới, vị nầy nay theo tăng xin thọ đại giới. Hòa-thượng ni mỗ tự nói mình thanh tịnh, không có các việc nạn, đã đủ hai mươi tuổi, y bát đầy đủ. Nay Tăng cho vị ấy thọ đại giới, Hòa-thượng ni mỗ, các đại tỷ nào không bằng lòng thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói ra. Đây là yết-ma lần đầu, lần thứ hai, lần thứ ba cũng giống như vậy. Tăng đã bằng lòng cho vị ấy thọ đại giới xong, Hòa-thượng ni mỗ, tăng bằng lòng vì im lặng, việc này hành trì như vậy.

## PHÁP BẢN PHÁP NI ĐẾN TRONG ĐẠI TĂNG THỌ GIỚI

Luật Ngũ Phần nói: Hòa-thượng, A-xà-lê kia lại nhóm họp mười vị Tỳ-kheo-ni tăng, đến trong Tỳ-kheo tăng ở trước thầy yết-ma, hơi xa một chút, hai gối sát đất xin thọ giới, v.v.... Nghĩa là y theo Ni tăng tự kiết đại giới, giữ gìn lỗi riêng chúng, v.v...

## PHÁP THỈNH THẦY YẾT-MA

Luật không có chánh văn, y cứ theo trước có đầy đủ, nên bạch rằng:

Bạch Đại Đức một lòng nghĩ, tôi........... nay thỉnh Đại đức làm yết-ma A-xà-lê. Xin Đại đức vì con làm yết-ma A-xà-lê. Con nương theo Đại Đức được thọ đại giới, xin thương xót cho.

## PHÁP XIN THỌ GIỚI

Phật dạy: Vị thọ giới kia lễ dưới chân chư tăng, hai gối sát đất, chắp tay xin rằng;

Bạch Đại đức tăng nghe, con là v.v.... đến Hòa-thượng ni mỗ xin thọ đại giới. Con là v.v... nay theo tăng xin thọ đại giới với Hòa-thượng ni mỗ, xin tăng tế độ cho, thương xót cho. Nói ba lần rồi, Thầy Giáo thọ ni sẽ trở về bản tòa.

## HÒA THƯỢNG HỎI PHÁP GIỚI SƯ

Trong đây giới sư nên xin dục hỏi, đáp xong. Nên bạch như vầy: Bạch Đại đức tăng lắng nghe, vị này đến Hòa-thượng ni mỗ xin thọ đại giới, vị này nay theo tăng xin thọ đại giới, Hòa-thượng ni mỗ, nếu thời giờ làm việc của tăng đã đến. Tăng bằng lòng cho, tôi hỏi các việc nạn, tác bạch như vậy.

## PHÁP CHÍNH HỎI GIÀ NẠN

Pháp nên an ủi như trên rồi liền nói rằng:

Em nghe kỹ, nay là thời chân thật, tôi nay hỏi cô, có thì phải nói có, không thì phải nói không.

Em có phạm biên tội không?

Em có phạm Tỳ-kheo không?

Em có tặc tâm hành đạo không?

Em có hai đường bị hoại không?

Em có phải huỳnh môn không?

Em có giết cha không?

Em có giết mẹ không?

Em có giết A-la-hán không?

Em có phá tăng không?

Em có tâm ác làm thân Phật chảy máu không?

Em có phải phi nhân không?

Em có phải súc sinh không?

Em có phải người hai căn không?

Đều khiến cho biết tướng đáp rõ ràng, vì không hiểu thì không do đâu mà đắc giới.

Em tên gì? Hòa-thượng hiệu là gì? Đủ hai mươi tuổi chưa? Y bát có đầy đủ không?

Cha mẹ, chồng có cho phép không?

Em có mắc nợ không?

Em có phải tôi tớ không?

Em là người nữ phải không?

Người nữ bị các bệnh như đây: Ghẻ lác, ung thư, lang ben, khô gầy, điên cuồng, hai căn, hai đường hiệp một, đường tiểu, đường đại thường chảy, mũi dãi thường ra. Em có bị các bệnh như thế không? Và tùy theo việc trước có, không, đều đáp đầy đủ.

Cô học giới chưa? Liền đáp: Đã học giới. Lại phải hỏi rằng: Có thanh tịnh không? Lại đáp: Thanh tịnh. Lại phải hỏi các vị ni khác: vị ấy đã học giới chưa? Các ni đáp: Thưa đã học rồi. Lại hỏi: Có thanh tịnh không? Các ni lại đáp: Thanh tịnh.

## PHÁP CHÍNH TRUYỀN GIỚI THỂ

Giới sư nên nói lược phương tiện để phát khởi giới thể, như trong giới của đại Tăng có nói: Vì đắc giới ở đại tăng, lý do phải biết. Câu chánh yết-ma nói:

Bạch Đại đức Tăng lắng nghe, vị này đến Hòa-thượng ni mỗ xin thọ đại giới, vị này nay theo Tăng xin thọ đại giới với Hòa-thượng ni mỗ, đã nói thanh tịnh không có các việc nạn. Đã đủ hai mươi tuổi, y bát đầy đủ, đã học giới thanh tịnh. Nếu thời giờ của tăng đã đến, Tăng bằng lòng, nay tăng cho vị nầy thọ đại giới với Hòa-thượng ni mỗ, tác bạch như thế.

Bạch Đại Đức tăng lắng nghe, vị này đến Hòa-thượng ni mỗ xin thọ đại giới, vị này nay theo tăng xin thọ đại giới với Hòa-thượng ni mỗ, đã nói thanh tịnh, không có các việc nạn. Đã đủ hai mươi tuổi, y bát đầy đủ, đã học giới thanh tịnh. Nay Tăng cho vị nầy thọ giới với Hòa thượng ni mỗ, các Trưởng lão vị nào bằng lòng tăng cho vị nầy thọ giới với Hòa-thượng ni mỗ thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Đây là yết-ma lần đầu. Nói ba lần như trên, hỏi thành tựu rồi nên nói:

Tăng đã bằng lòng cho vị nầy thọ đại giới với Hòa-thượng ni mỗ xong rồi.

Tăng bằng lòng im lặng, việc này thực hành như thế.

Thọ rồi cũng như trước, để nói ghi mùa xuân hạ, đông thời tiết chỉ bày nói.

## KẾ TRAO CHO GIỚI TƯỚNG

Nên bảo rằng:

Này các cô dòng họ Thích hãy lắng nghe, Đây là Đức Như lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói: tám pháp Ba-la-di, người nào phạm thì chẳng phải Tỳ-kheo ni, chẳng phải con gái dòng họ Thích.

Không được làm hạnh bất tịnh, làm pháp dâm dục.

Nếu Tỳ-kheo-ni ý ưa làm hạnh bất tịnh, làm pháp dâm dục, cho đến hành dâm với loại súc sinh, đó không phải Tỳ-kheo-ni, không phải con gái dòng họ Thích. Giới nầy suốt đời không được phạm có thể giữ được không?

Đáp: Mô Phật, giữ được.

Không được trộm cắp dù cho ngọn cỏ lá rau. Nếu Tỳ-kheo-ni trộm của người năm tiền hoặc hơn năm tiền. Hoặc tự mình lấy, xúi giục người lấy, hoặc tự mình chặt, xúi giục người chặt. Hoặc tự mình phá, xúi giục người phá. Hoặc đốt, hoặc chôn, hoặc phá hoại mầu sắc. Đó không phải Tỳ-kheo-ni, không phải con gái dòng họ Thích. Giới nầy suốt đời không được phạm, có giữ được không?

Đáp: Mô Phật, giữ được.

Không được cố ý cắt đứt mạng sống chúng sinh, dù cho một con

kiến. Nếu Tỳ-kheo-ni cố tự tay mình cắt đứt mạng sống người, hoặc cầm dao trao cho người, dạy chết, khuyên chết, khen chết. Hoặc cho uống thuốc trái, hoặc làm cho người đọa thai, hoặc cốn ếm đối, trù rủa cho chết, hoặc tự mình làm, hoặc xúi giục người làm. Người đó chẳng phải Tỳ-kheo ni, chẳng phải con gái dòng họ Thích. Giới nầy suốt đời không được phạm, có giữ được không?

Đáp: Mô Phật giữ được.

Không được nói dối cho đến nói giỡn chơi. Nếu Tỳ-kheo ni không chân thật, không phải tự mình được mà tự xưng rằng: Tôi được pháp hơn người, tôi được thiền định, được giải thoát, tam-muội, chánh thọ. Quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, quả A-la-hán. Trời đến, rồng đến, quỷ thần đến (501) cúng dường tôi, đó chẳng phải Tỳ-kheo ni, chẳng phải con gái dòng họ Thích. Giới nầy suốt đời không được phạm có thể giữ được không?

(Đáp: Mô Phật, giữ được.).

Không được thân xúc chạm nhau, cho đến xúc chạm loài súc sinh. Nếu Tỳ-kheo ni có tâm nhiễm ô, cùng với người nam có tâm nhiễm ô hai thân xúc chạm nhau, từ nách trở xuống, từ đầu gối trở lên, hoặc đè, hoặc vuốt, hoặc kéo, hoặc xô, hoặc thoa ngược, hoặc thoa xuôi, hoặc nâng lên, hoặc hạ xuống, hoặc nắm, hoặc bóp chặt. Đó chẳng phải Tỳ-kheo ni, chẳng phải con gái dòng họ Thích. Giới nầy suốt đời không được phạm, có thể giữ được không?

(Đáp rằng: Mô Phật giữ được).

Không phạm tám việc: Cho đến cùng với súc sinh. Nếu Tỳ-kheo-ni có tâm nhiễm ô, chịu để cho người nam có tâm nhiễm ô nắm tay, nắm áo vào chỗ khuất đứng chung, cùng nói chuyện chung, đi chung, dựa nhau, hôn nhau, phạm tám việc này, thì đó chẳng phải Tỳ-kheo ni, chẳng phải con gái dòng họ Thích vì phạm tám việc này. Giới nầy suốt đời không được phạm, có thể giữ được không?

(Đáp rằng: Mô Phật giữ được).

Không được che giấu tội của người khác, dù là tội Đột-cát-la, ác thuyết. Nếu Tỳ-kheo ni biết Tỳ-kheo-ni khác phạm tội Ba-la-di. Hoặc tự mình không nêu ra, hoặc không bạch. Hoặc chúng đông người, sau vào lúc khác, Tỳ-kheo-ni này hoặc bỏ đạo, hoặc bị diệt tẫn, hoặc bị ngăn không cho làm việc với Tăng, hoặc theo ngoại đạo, bèn nói rằng: Trước đây tôi biết người này có tội như vậy, như vậy, thì đó chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải con gái dòng họ Thích, vì che giấu tội nặng, giới nầy suốt đời không được phạm, có thể giữ được không. (Đáp rằng:

Mô Phật giữ được).

Không được theo người bị cử, Tỳ-kheo cho đến người giữ vườn và Sa-di. Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo bị tăng cử tội, đúng pháp, đúng luật, đúng lời Phật dạy, không thuận theo, không sám hối, tăng chưa cho làm yết-ma ở chung mà thuận theo. Các Tỳ-kheo-ni can ngăn Tỳ-kheo-ni này rằng: Chị biết không? Tỳ-kheo này, nay bị tăng cử tội đúng pháp, đúng luật, đúng lời Phật dạy, mà không thuận theo, không sám hối, tăng chưa cho tác pháp ở chung, chị chớ thuận theo, khi Tỳ-kheo này can ngăn Tỳ-kheo ni kia vẫn bền chắc không bỏ. Tỳ-kheo này phải can ngăn ba lần khiến cho bỏ việc đó. Cho đến ba lần bỏ thì tốt, không bỏ thì vị kia chẳng phải Tỳ-kheo ni, chẳng phải con gái dòng họ Thích, vì tội tùy cử. Giới nầy suốt đời không được phạm, có thể giữ được không? (Đáp rằng: Mô Phật giữ được). Luật Ngũ Phần nói: Nói tám giới trọng rồi, nói chung bốn thí dụ, nên bảo rằng).

Này các cô dòng họ Thích lắng nghe!

Như Lai Vô Sở Trước đã nói tám pháp Ba-la-di, rồi nói bốn thí dụ. Nếu phạm tám giới trọng như người bị chặt đầu rồi thì không thể sống lại. Lại như cây Câu-đa-la bị chặt ngọn thì không thể sống được. Lại như kim sứt lỗ không thể dùng nữa. Lại như tảng đá lớn nứt làm hai không thể dính lại được. Nếu Tỳ-kheo-ni phạm tám giới trọng rồi, không được trở lại làm Tỳ-kheo ni, giới nầy suốt đời không được phạm.

Kế là nói về pháp bốn y.

Lại nên nói rằng: Này các cô dòng họ Thích hãy nữ lắng nghe! Như lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói pháp bốn y. Tỳ-kheo ni nương vào đây được xuất gia thọ đại giới, thành Tỳ-kheo-ni.

1. Nương theo y phẩn tảo được xuất gia, thọ đại giới thành Tỳ-kheo ni. Giới nầy suốt đời có thể giữ được không. (Đáp rằng: Mô Phật giữ được).

Nếu được lợi dưỡng nhiều, đàn việt cúng y, y cắt hoại thì được nhận.

2. Nương theo khất thực được xuất gia thọ đại giới, thành pháp Tỳ-kheo ni. Giới nầy suốt đời có giữ được không? (Đáp rằng: Mô Phật, giữ được). Nếu được nhiều lợi dưỡng, hoặc tăng sai đi thọ trai, hay đàn việt đem thức ăn đến. Mỗi tháng ngày mồng tám, mười bốn, mười lăm thọ trai, hay ngày mồng một mỗi tháng thọ trai. Hoặc chúng tăng thường thọ trai, hoặc đàn việt thỉnh thì nên thọ.

3. Ngồi Nương dưới gốc cây, được xuất gia, thọ đại giới, thành pháp Tỳ-kheo ni, giới nầy suốt đời giữ được không? (Đáp rằng: giữ

được). Nếu được nhiều lợi dưỡng như phòng riêng, nhà nóc nhọn, phòng nhỏ, nhà đá, nhà hai phòng một cửa thì được thọ.

4. Nương nơi thuốc mục nát xuất gia thọ giới, thành pháp Tỳ-kheo ni. Giới nầy suốt đời giữ được không? (Đáp rằng: giữ được). Nếu được lợi dưỡng nhiều, sữa dầu, sữa sống, mật, đường phèn nên thọ. Em đã thọ đại giới xong. Bạch Yết-ma như pháp thành tựu được nơi chốn. Hòa-thượng đúng pháp, A-xà-lê đúng pháp, đầy đủ hai bộ đại tăng. Em phải khéo thọ trì giáo pháp, phải khuyến hóa làm phước, sửa sang chùa tháp, cúng dường chúng tăng. Nếu Hòa-thượng, A-xà-lê tất cả đúng như pháp dạy dỗ không được trái nghịch, phải học hỏi tụng kinh, khuyến cầu phương tiện. Ở trong Phật pháp chứng quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-la-hán. Công đức phát tâm xuất gia của em không luống uổng, quả báo không dứt. Những chỗ chưa biết nên hỏi Hòa-thượng, A-xà-lê (phải bảo người thọ giới đi trước, còn ni khác đi sau).

TỨ PHẦN LUẬT SAN BỔ TÙY CƠ YẾT MA
QUYỂN THƯỢNG
(HẾT)

■

# ĐÀM VÔ ĐỨC BỘ TƯ PHẦN LUẬT SAN BỔ TÙY CƠ YẾT-MA

*Sa Môn Đạo Tuyên chùa Sùng nghĩa ở Kinh Triệu soạn*

## QUYỂN HẠ

### THIÊN THỨ TƯ: THỌ Y PHỤC THUỐC MEN THANH TỊNH

### PHÁP THỌ Y:

(Bấy giờ, các Tỳ-kheo cất chứa nhiều y phục. Phật dạy: Đời sau, các người thiện nam không chịu nổi khổ của lạnh, chỉ chứa ba y không được quá. Luật Tăng-kỳ nói: "Ba y là cờ nêu của Sa-môn Hiền thánh". Luận Tát-ba-đa nói: Vì cho năm y để che nóng lạnh, trừ không biết hổ thẹn. Khi vào xóm làng, đi trên đường vì phải khéo giữ oai nghi thanh tịnh mới đặt ra ba y.

Luật bản nói: Không được dùng vật bị phạm tội xả đọa và vật tà mạng may y xong thì không thành thọ. Nếu y gấm có năm mầu chính thì không được thọ, nên nhuộm thành mầu ca-sa. Chỉ có chiều dài hai khuỷu tay, chiều rộng bốn khuỷu tay làm y An-đà-hội, dài ba khuỷu tay, rộng năm khuỷu tay làm y Uất-đa-la-tăng, y Tăng-già-lê cũng như vậy.

Luật Ngũ Phần nói: Lượng của khuỷu tay dài ngắn không nhất định. Phật chế tùy thân mà phân lượng.

Phật dạy: Độ theo thân mà may y. Nếu may vải mới thì y An-đà-hội, y Uất-đa-la tăng một lớp, y Tăng-già-lê hai lớp. Nếu vải cũ thì may y An-đà-hội và y Uất-đa-la hai lớp, y Tăng-già-lê bốn lớp. Nếu y phẩn tảo thì tùy ý may nhiều lớp, nên may năm điều, không nên may sáu điều. Cho đến, nên may mười chín điều không nên may hai mươi điều. Nếu quá số điều này cũng được chứa. Phải đúng pháp như bờ ruộng ngay thẳng. Cho dùng dao cắt thành y Sa-môn, để không bị kẻ oán tặc cướp mất.

Cho nên, luận Tát-ba-đa nói: Y từ chín điều đến mười ba điều là. Hạ phẩm, đại y may hai bức dài, một bức ngắn. Y từ mười lăm điều đến mười chín điều may ba bức dài, một bức ngắn. Y từ hai mươi mốt điều

đến hai mươi lăm điều may bốn bức dài, một bức ngắn. gọi là may đúng pháp.

Nếu thêm hoặc bớt thành thọ trì, nếu đắp dùng thì phạm tội.

Luật dạy: Đúng theo pháp thì xung quanh phải có thành viền, y năm điều gồm mười bức, nên tự mình giặt nhuộm, căng thẳng rồi cắt may.

Đại y, trung y phải cắt rọc, nếu thiếu thì xếp lá mà may. Nếu y ngũ nạp cũng như vậy. Nếu may hạ y thì được xếp lá.

Luật Thập Tụng nói: Nếu thiếu may giảm bớt lượng, hoặc may không có điều tướng.

Luật Tăng-kỳ nói: Lá rộng nhất bằng bốn ngón tay, lá hẹp nhất bằng hạt bắp lớn.

Luật Bản nói: Phải biết: Đây là điều dài, đây là điều ngắn. Đây là sóng lá, đây là đường may thứ nhất, đường may thứ hai. Đây là đường may ở giữa, may lá phải hướng về hai bên, cho may sóng lá giống như móng chân chim.

Luật Thập Tụng nói: Phải may lùi lại, phía trước cách thành viền bốn ngón tay để cái khuy, phía sau cách tám ngón tay để đơm nút.

Luận Tát-bà-đa: Ba y rách nhưng thành viền không rách thì không mất pháp thọ trì.

Trong Tam Thiên Oai Nghi chép: Ở bốn góc may bốn miếng vá.

Luật Bản cho may lá để thấm mồ hôi nhơ. Nếu y nách tùy theo lỗ to, nhỏ, vuông, tròn mà vá, vá rộng hơn hai ngón tay cái.

Luật Thập Tụng chép: Giữ gìn ba y như giữ da mình, người mặc đại y không được ngồi trên đất đá, cỏ cây lẫn lộn.

Nếu không đem ba y mà vào thôn xóm, thì phạm tội.

Luật Tăng-kỳ nói: Phải cung kính tưởng như tháp, nếu không mặc thì cho xếp cất. Vào nhà thế tục, mà không gài nút áo thì cứ vào mỗi nhà phạm một tội.

Luật Ngũ Phần nói: nếu y dưới rách cũng cho đắp đảo ngược lên, trên dưới đều đơm khuy nút.

Trong luật nói: Ngoài xóm làng cho lật trái y mà mặc.

Tỳ-kheo đến chỗ nào thì phải mang y bát theo đến đó. Giống như hai cánh con chim, còn lại những việc khác trong Sự Sao có nói rõ).

Pháp thọ y An-đà-hội (Phật dạy: Ba y phải thọ trì, nêu nghi xả rồi thọ lại. Nếu người có y mà không thọ trì thì phạm Đột-cát-la, nhưng không ngoài pháp thọ. Nay theo luật Thập Tụng gia trì. Nếu dùng năm màu sắc chánh: Xanh, vàng, đỏ, trắng, đen và mầu sắc đẹp để nhuộm

thì trong luật, luận đều nói không thành thọ. Nếu y đúng pháp nên thưa rằng):

Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo ni........... y An-Đà-hội này là y năm điều, một bức dài, một bức ngắn là y cắt rọc, tôi xin thọ trì (nói ba lần), may có bốn loại: là y cắt rọc, y nhiếp lá, y điệp lá, và y man, các pháp trong đó có hai phẩm chánh và tùng.

Trước nói về chánh có ba loại, nói về tùng thì có hai mươi hai loại. Nếu khi may hai loại y nhiếp lá, điệp lá thì thêm văn thọ. Còn lại thì lời đồng như trên, chỉ sửa lại là hạ y nhiếp lá, tôi xin thọ trì, hoặc là y diệp lá, tôi xin thọ trì.

Nếu thọ trì tùng y thì phải thêm, như vầy:

Đại đức nhất tâm niệm! Tôi là Tỳ-kheo.......... y An-đà-hội này là y hai mươi lăm điều, bốn bức dài, một bức ngắn là y cắt rọc, con xin thọ trì, nói ba lần như vậy. Cho đến y chín điều, bảy điều, ở đây rất dễ hiểu.

Y Uất-đa-la-tăng, y Tăng-già-lê đều có chánh và tùng, lại thêm, khác nhau, y theo trên có thể biết. Nếu thêm y man An-Đà-hội, như các văn trên nên nói: Y man An-Đà-hội này, tôi xin thọ trì. (Nói ba lần).

Nếu tính may y Uất-đa-la tăng, Tăng-già-lê đều y theo cách may y An-Đà-hội. Chỉ ước chừng trên dưới của y, tùy theo đó mà thêm bớt khác nhau.

***Pháp thọ y Uất-đa-la tăng.***

Y này chánh có hai nghĩa là y cắt rọc, xếp lá bảy điều. Tùng có hai mươi. Nếu thọ y cắt rọc, các văn khác y cứ vào cách thêm của văn trên, văn dưới.

Y Uất-đa-la-tăng là y bảy điều, hai bức dài, một bức ngắn là y cắt rọc, tôi xin thọ trì. (Nói ba lần). Nếu y xếp lá hoặc y tùng đều y theo mà đổi.

***Pháp thọ y Tăng-già-lê***, y này chánh có mười tám loại, nghĩa là y cắt rọc, y xếp lá đều có chín phẩm. Y tùng có sáu thứ. Nếu thọ y cắt rọc, thì lời lẽ nói như trên, theo đó đổi lại phần sau: Là y Tăng-già-lê (bao nhiêu điều) tôi xin thọ trì, mấy bức dài, mấy bức ngắn, là y cắt rọc, hoặc y xếp lá tôi xin thọ trì. Nói ba lần cho đến y chín điều cũng theo như trên. Nếu có y tùng thì lệ theo như trước.

***Pháp thọ man y.***

Trong Luật Bản nói: Ba chúng dưới nếu ngủ lìa y ở chỗ khác thì phạm Đột-cát-la.

Luận Tát-bà-đa nói: Phải đem hai y thượng, hạ.

Một phải mặc An-đà-hội, hai phải mặc Uất-đa-la-tăng.

Nếu được y đúng pháp nên nói: Đại đức một lòng nghĩ: Con là Sa-di......... y man này là y An-Đà-hội, con xin thọ trì.

Luật tuy không nói pháp thọ. Nay y cứ vào luật Thập Tụng, luật Ngũ Phần đúng pháp nói ba lần.

Về Pháp xả y, Luật Bản nói: Có nghi nên xả rồi lại thọ, không nói văn xả. Có duyên cần xả thì sửa sang oai nghi bạch thêm rằng:

Đại đức một lòng nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo....... Đây là y Tăng-già-lê là một trong ba y của con. Trước tôi thọ trì, nay tôi xin xả.

Nói một lần thôi, ngay cả hai y dưới cho đến năm y của ni, v.v... cần xả thì cũng giống như vậy.

***Pháp ni thọ hai y khác.***

Bấy giờ, Tỳ-kheo ni để bày ngực, cánh tay mà đi, bị người đời chê cười, nên bạch lên Đức Phật.

Phật nói: Phải có y Tăng-kỳ-chi để che vai.

Nay y cứ luật Tăng-kỳ thêm rằng:

Bạch Đại tỷ một lòng nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo ni........ y Tăng-kỳ-chi này may đúng pháp. Tôi xin thọ trì. (Nói ba lần). Nếu theo văn trong Tăng-kỳ, thì rộng bốn khuỷu tay, dài hai khuỷu tay vốn là pháp Phật chế. Nay sửa lại, nghĩa là y cứ các pháp, y che vai này cũng như pháp may kỳ-chi. Nay lấy để mặc, hoặc may giảm bớt, không cần y theo văn. Nên theo pháp mà sửa đổi thêm.

Bạch Đại tỷ một lòng nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo ni........ y che vai này may đúng pháp, tôi xin thọ trì. (Nói ba lần).

Nếu có thay đổi cần xả thì cũng y theo văn trên. Nếu Thức-xoa-ma-na-ni, hay Sa-di ni thọ bốn y cũng đồng như trước.

***Pháp tâm niệm thọ xả y:***

Luật Ngũ Phần nói: Tỳ-kheo ở một mình, trong ba y muốn thay đổi một y, phải sửa sang oai nghi, tay cầm y tâm nghĩ miệng nói bạch rằng:

Tôi là Tỳ-kheo ni.......... y Tăng-già-lê này có bao nhiêu điều nay xin xả. (Nói ba lần).

Nhưng sau có y dư thì cũng sửa sang oai nghi như trước, cách bạch thì thêm rằng:

Tôi là Tỳ-kheo ni.......... y Tăng-già-lê này có bao nhiêu điều, tôi xin thọ trì, nói ba lần.

Hai y khác v.v... thọ xả cũng giống như vậy.

Y vào dư xả như pháp tâm niệm tịnh thí ở sau. Bốn chúng khác thọ

xả đều y cứ theo đây.

***Phạp thọ Ni-Sư-Đàn.***

Phật dạy: Vì thân, vì y, vì đồ nằm nên cho phép cất giữ. Chu vi dài bốn thước, rộng ba thước. Theo Luật Bản thì thêm nửa gang tay. Luật Thiện Kiến nói: Đúng pháp may Ni-sư-đàn ngoài bìa phải chồng thêm nhiều lớp.

Luật Thập Tụng nói: Vải mới thì may chồng hai lớp, vải cũ thì may chồng bốn lớp.

Luật Tăng-kỳ nói: Không được tự nhiên đem vật cũ mà may, rút lượng nước thấm ướt, hoặc khô quá thì phạm tội đọa, thọ dùng thì phạm tội nhẹ. Đây là tùy theo y mà ngồi, không được tịnh thí. Và để lấy củi cỏ, hoặc đựng những vật dụng khác. Phải xếp y để vai trái mà đi, đến chỗ nào ngồi thì trải ra ngồi. Nếu để chỗ cũ phải giấu trong y. Khi muốn ngồi thì từ từ trải ra, trước dùng tay đè xuống, rồi mới ngồi lên.

Luật Thập Tụng nói: Không nên thọ đơn, ngủ lìa nó phạm Đột-cát-la.

Luật Ngũ Phần nói: Nên may bốn góc, không may thì thôi.

Luận Ma-đắc-lặc già nói: Nếu lìa mà ngủ thì không cần xả. Luật, luận chế văn thọ bị thiếu. Nên bạch thêm rằng:

Bạch Đại đức một lòng nghĩ: tôi là Tỳ-kheo.......... Ni-sư-đàn này may đúng pháp, nay tôi xin thọ trì. (Nói ba lần). Đây là có trừ duyên theo pháp xả y ở trên.

***Pháp thọ Bát-đa-la.***

Luật Tăng-kỳ nói: Bát là đồ dùng của người xuất gia ít muốn ít việc. Nó không thích nghi với người thế tục.

Luật Ngũ Phần nói: Phật tự làm bát xấu, để chế pháp cho đời sau.

Trong Luật nói: Không được chứa nhiều bát báu, đồng chì, gỗ đá. Đại khái có hai loại là bát đất và bát sắt, nên xông bằng hai mầu đen và đỏ. Thời bấy giờ, có nhiều loại bát như để-da, tất-tố, hiệp trữ, v.v... đều chẳng phải Phật chế, không thành thọ trì.

Trong các bộ chỉ nói: Xông bát một mầu.

Luật Thập Tụng và luận nói: Bát bậc thượng đựng đủ một đấu hay ba đấu.

Luật Tỳ-ni Mẫu nói: Không đầy một đấu rưỡi, nếu quá ba đấu thì không được thọ.

Luật Thiện Kiến nói: Nếu Bát lủng, bể, mất thì được xin thọ trì.

Luật nói: Bát bể thức ăn nhét vào, nhưng rửa thức ăn không ra thì

không phạm. Phải cẩn thận giữ gìn không được bỏ, cho đến không được để bát dưới chân cho bể.

Luận Tỳ-ni Mẫu nói: Phải dùng xà-bông mà rửa.

Luật Bản nói: Hoặc dùng lá, hoặc nước để rửa sạch dầu mỡ. Nên may đẩy hay bọc đựng bát, buộc miệng hướng ra ngoài, đeo trên vai, kẹp bát dưới nách.

Luật Ngũ Phần nói: Bát bằng sành nên để gần mặt đất mà rửa, nếu rửa trái phép thì mắc tội.

Luận Tỳ-ni-Mẫu, Thập Tụng nói: Bát là cờ nêu của Chư Phật, không được dùng với tâm xấu, phải cung kính, cẩn thận giữ gìn như giữ tròng mắt mình.

Trong luật nói: Nếu có vỡ, thì dùng chì trắng, bạch lạp mà hàn lại. Luật không có pháp thọ, theo luật Thập Tụng nói rằng:

Đại đức một lòng nghĩ: Tôi là Tỳ-kheo.......... Bát-đa-la nầy đúng lượng, tôi xin thọ trì, vì thường dùng. (Nói ba lần).

Luật Thiện Kiến nói: Nếu khi không có người, riêng mình thọ trì bát, thì y theo văn trên. Bốn chúng như Tỳ-kheo ni, v.v.......... cũng y theo đây. Nếu bỏ cũ thọ mới, đều y theo văn trên.

***Pháp thọ thuốc***

Phật dạy: Có bốn loại thuốc.

1/ Thuốc đúng thời

2/ Thuốc phi thời

3/ Thuốc bảy ngày

4/ Thuốc trọn đời.

Phải dùng tay nhận.

Luận Tát-bà-đa nói: Nhận thức ăn có năm nghĩa.

Luật Bản không nói pháp thọ. Y theo luật Thập Tụng và luật chế cho nhận thuốc đúng thời. Tay, miệng đều nhận ba thứ thuốc kia, gồm cả hai thứ mà thọ.

***Pháp thọ thuốc đúng thời.***

Phật dạy: Bồ-xà-ni có năm loại, là: Cơm, cốm, cơm khô, cá, thịt.

Khư-xà-ni có năm loại là: Cành, lá, hoa, quả và thức ăn bằng bột mịn, gọi là thuốc đúng thời. Nghĩa là từ sáng đến giữa ngọ, nếu muốn thọ trước phải biết thể chất của thuốc, rồi sau mới trao thọ. Các thứ thuốc khác đều y theo pháp này.

Thuốc chẳng có bảy lỗi:

1/ Chẳng phải chỗ ngủ mà ngủ.

2/ Chẳng phải chỗ nấu mà nấu.

3/ Chẳng phải tự nấu.

4/ Chẳng phải ác xúc.

5/ Chẳng phải thức ăn dư cách đêm.

6/ Chẳng phải mua bán mà được.

7/ Chẳng phạm thuốc dư v.v...

Người trao thức ăn có ba thứ:

1/ Phải biết phân biệt là thức ăn hay chẳng phải thức ăn.

2/ Phải có tâm cúng dường.

3/ Đúng như pháp trao cho.

***Ba pháp tự thọ.***

1/ Biết phân biệt thể của thức ăn và thức ăn của tịnh nhân đã trao, tâm cảnh hợp nhau, không lẫn lộn vật đây, vật kia.

2/ Có tâm tự ăn, chẳng vì việc khác.

3/ Đúng như luật dùng tay thọ, có hai thứ năm pháp, chẳng phải việc làm trái oai nghi.

Bữa ăn chính có năm pháp quán.

1/ Tính công nhiều hay ít, lượng thức ăn ở đâu đem đến.

2/ Tự biết đức hạnh của mình thiếu hay đủ mà nhận sự cúng dường.

3/ Giữ gìn tâm mình, xa lìa các lỗi như tham, v.v... làm cội gốc.

4/ Chính là vị thuốc hay để trị thân gầy ốm.

5/ Là vì thành đạo nghiệp.

Tất cả đều là chánh văn của luận luận, chớ chẳng phải kiềm chế hay mở rộng như Hành Sự Sao.

***Pháp thọ thuốc phi thời.***

Phật dạy: Cho dùng thứ có nước như: Lê, táo, trái nhuy, mía làm nước uống. Nếu những thứ nước không làm say người có thể uống phi thời cũng không nên uống. Ngày nay nhận nước uống để đến ngày mai, nếu uống thì đúng pháp mà trị.

Luật Tăng-kỳ và Ngũ Phần nói: Khai cho được uống nước trái cây ép, nếu các nước trái cây lóng mầu như nước, rồi nhỏ nước vào để điểm tịnh, nghĩa là thêm pháp bạch thọ rằng:

Bạch Đại đức một lòng nghĩ, tôi Tỳ-kheo......... nay vì nhân duyên bệnh phát, đây là nước trái cây ép, vì muốn trải qua phi thời uống dùng, nay nên ở trước Đại đức tôi xin thọ, nói ba lần, các thứ nước khác y theo đây. Nếu không bị bệnh khát, thì phạm tội.

***Pháp thọ thuốc bảy ngày***

Phật dạy: Có sữa, dầu, sữa tươi, mật, đường phèn, người thế gian

chê bai, có nhân duyên bị bệnh cho uống khi trái thời.

Luật Tăng-kỳ nói: Các thức mỡ cũng uống bảy ngày, nghĩa là nên thêm pháp bạch rằng:

Bạch Đại Đức một lòng nghĩ, tôi là Tỳ-kheo.......... Nay vì nhân duyên bệnh nóng, sữa này là thuốc bảy ngày, vì muốn uống để cách đêm. Nên nay ở trước Đại đức tôi xin thọ. (Nói ba lần).

Luật Bản nói: Bệnh phong uống dầu và uống năm thứ mỡ.

Luật Tăng Kỳ đều có pháp đối bệnh cho thuốc.

***Pháp thọ thuốc suốt đời***

Phật dạy: Tất cả mặn, đắng, chua, cay, không được ăn. Có nhân duyên bệnh cho uống suốt đời, cho đến tro đất, đại tiểu tiện, v.v... cũng gọi là tay thọ, thêm pháp bạch nói rằng:

Bạch Đại đức một lòng nghĩ, tôi là Tỳ-kheo......... Nay vì nhân duyên bệnh, gừng, tiêu này là thuốc suốt đời. Vì muốn để chung với chỗ ngủ uống lâu dài. Nên nay tôi ở trước Đại đức xin thọ. (Nói ba lần).

Nếu có thuốc khác hoặc bạch thuật, thuốc tán, thuốc hoàn, thuốc thang, thuốc cao, hay thuốc sắc nấu, v.v... nhưng bất kỳ thức ăn, nào đều gọi là gia pháp.

Tát-bà-đa nói: Như năm thứ thạch hoàn, tùy theo nói bất cứ một tên gọi nào, còn các thứ thuốc khác là nhiếp chung.

***Pháp y thuyết tịnh***

Phật dạy: Y dư bề dài bằng tám ngón tay Đức Như lai, bề rộng bốn ngón, phải tịnh thí, nếu không thì phạm tội đọa. Trừ y Ba-lợi-ca-la, không có hiện tiền, v.v...

Luận Tát-bà-Đa nói: Không ứng lượng là nếu để quá mười ngày, xả và tác pháp sám hối Đột-cát-la. Cho đến tiền của, vật báu, lúa gạo v.v... cũng vậy. Ngón tay Phật bốn phía rộng hai tấc:

***Pháp thỉnh thí chủ***

Phật dạy: Có hai thứ tịnh pháp

1. Chân thật tịnh pháp.

2. Triển chuyển tịnh pháp.

Tát-bà-đa nói: Nếu tìm người học rộng giữ giới làm thí chủ, cũng không có văn thỉnh, nghĩa là thêm pháp bạch thỉnh.

Bạch Đại đức một lòng nghĩ, tôi là Tỳ-kheo............. Nay xin thỉnh Đại đức làm chủ triển chuyển tịnh thí y, thuốc, bát. Xin Đại đức vì con làm chủ triển chuyển thí y, thuốc, bát. Xin thương xót tôi. (Nói ba lần).

Người nào làm chủ chân thật tịnh thí, thì tiền, bạc, của báu, lúa gạo, v.v... là người thế tục làm chủ, đều y cứ vào đó mà thỉnh.

***Pháp chánh thuyết tịnh***

Luật Thiện Kiến nói: Nếu y vật rất nhiều, thì nói từng đoạn. Muốn nói chung thì đều ràng buộc chấp trước lẫn nhau, thêm lên thánh pháp rằng:

Bạch Đại đức một lòng nghĩ, đây là y dư của tôi chưa tác tịnh. Nay vì muốn thanh tịnh nên cũng cho Đại đức làm triển chuyển tịnh thí. Người kia nhận rồi nói:

Trưởng lão một lòng nghĩ! Ông có ý dư này chưa tác tịnh. Vì có tịnh nên cúng cho tôi, nay Tôi xin nhận, hỏi. Ông cúng cho ai? Vị chủ y nói: Cúng cho.......... vị nhận tịnh nói:

Trưởng lão một lòng nghĩ! Ông có y dư này chưa tác tịnh, vì tịnh nên cho tôi, tôi đã nhận rồi. Ông cho mỗ y này, mỗ đã có, ông vì mỗ nên ông khéo giữ gìn, tùy nhân duyên đắp dùng.

Bát dư, thuốc dư văn so sánh đều đồng.

***Pháp tâm niệm thuyyết tịnh***

Ngũ Phần nói: Nên vén y bày vai phải, quỳ gối tay bưng y, tâm nghĩ miệng nói: Tôi là Tỳ-kheo .... y dư này tịnh thí cho ..., tùy ý cho trong năm chúng, tùy người kia lấy dùng được đến mười một ngày, lại như trước oai nghi ngay ngắn nói: Tôi là Tỳ-kheo ..., y dư này từ mỗ giáp lấy lại được đến mười ngày, lại như trước nói: Tôi là Tỳ-kheo ..., y dư này tịnh thí cho ..., tùy người kia lấy dùng, như thế xả cái cũ thọ cái mới được đến mười một ngày.

***Pháp vàng, lúa thanh tịnh:***

Bộ Tát-bà-đa nói: Tiền của, lúa gạo đều đồng như y dư thuyết tịnh mười ngày. Luật bản nói: Phải cầm đến chỗ Ưu-bà-tắc đáng tin cậy, hoặc người giữ vườn, nói như vầy: Đây là sở hữu của tôi, không nên cất chứa, ông phải biết điều đó.

Luận nói: Trừ vàng bạc và tất cả của cải dư, đồng lấy năm chúng làm thí chủ. Nếu thuyết tịnh tiền bạc, mong được y, vật, không nên tịnh thí. Luật Tăng-Kỳ nói: nếu thí chủ chết không được quá mười ngày, lại tìm thí chủ thuyết tịnh. Kinh Tỳ-ni-mẫu nói: Nếu y vật chưa thuyết tịnh may y mặc, đã tịnh rồi thì gọi là y Tịnh hòa hợp. Nếu mầu sắc phi pháp, nay mặc đúng pháp gọi là sắc y tịnh, hòa hợp lại không nên tịnh riêng.

****

# THIÊN THỨ NĂM: CÁC PHÁP THUYẾT GIỚI

Luận Ma-đắc-lặc-già nói: Vì sao nói bố-tát xả bỏ các pháp ác, không lành; chứng được pháp lành; phạm hạnh rốt ráo, nửa tháng tự xem phạm hay không phạm, thanh tịnh thân miệng.

Luật Thiện Kiến nói: Vì sao biết được Chánh pháp tồn tại lâu dài ở thế gian?

Kinh Tỳ-ni-mẫu nói: Thanh tịnh là nghĩa bố-tát.

***Pháp tăng thuyết giới:***

Nếu bốn người trở lên phải bạch, sau đó thuyết giới, ngày mười bốn, mười lăm, mười sáu thuyết giới nghe. Thượng tọa vào ngày bố tát bạch tăng rằng:

- Đại đức tăng nghe, nay ngày mười lăm tháng trăng sáng, bố-tát bạch chúng tăng nhóm ở chỗ nào đó thuyết giới. Bạch như thế rồi, Thượng tọa nên dạy Tỳ-kheo trẻ, cho làm đủ tịnh thủy, đèn đuốc, xá-la.

Bấy giờ hoặc đánh kiền-chùy và pháp lúc khác, hoặc nói:

Các Đại đức lúc bố-tát thuyết giới đến; tăng nhóm rồi, thì điểm danh để biết vị nào đến, vị nào không đến, các chúng Tỳ-kheo trang nghiêm thuyết giới, như trong sao có nói rộng.

***Pháp tăng đồng phạm biết tội sám bạch:***

Phật bảo: Nếu tăng nhóm họp thuyết giới, người phạm tội không được thuyết, không được nghe giới, không được sám hối với người phạm tội. Người phạm không được nhận sự sám hối của người khác. Tỳ-kheo kia bạch rồi phải sám hối, nên bạch như vầy:

- Đại đức tăng nghe, tất cả chúng tăng đây phạm tội, nếu thời giờ của chúng tăng đã đến, tăng bằng lòng cho tất cả tăng sám hối, tác bạch như thế: Bạch như thế rồi, sau đó thuyết giới. Luật bản nói: Không hối tội cũ trở lại.

***Pháp Tăng đồng phạm nghi tội, phát lồ tác bạch:***

Phật bảo: Nếu khi thuyết giới, tất cả tăng đối với tội, có nghi nên bạch:

- Đại đức tăng nghe, tất cả tăng này đối với tội có nghi, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho chúng tăng tự nói tội, tác bạch như thế. Sau đó thuyết giới, đây chỉ là phát lồ tội, được nghe thuyết giới, tội cũ vẫn thuyết rồi sám.

***Pháp ni sai người thỉnh giáo thọ:***

Ngày thuyết giới, nhóm tăng hỏi dục hỏi duyên. Đáp nói: Yết-ma

sai người thỉnh giáo thọ, văn nói:

- Đại tỷ tăng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho tăng sai Tỳ-kheo-ni tên ..., vì Tỳ-kheo-ni nửa tháng đến, chờ Tỳ-kheo tăng cầu giáo thọ bạch rằng:

- Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nay tăng sai Tỳ-kheo-ni ... vì Tỳ-kheo-ni nên nửa tháng đến trong Tỳ-kheo tăng cầu giáo thọ. Đại tỷ nào bằng lòng tăng sai Tỳ-kheo ni tên ... vì Tỳ-kheo ni nên nửa tháng đến trong Tỳ-kheo tăng cầu giáo thọ thì im lặng. Vị nào không bằng lòng thì nói. Tăng đã bằng lòng sai Tỳ-kheo ni tên .... Vì Tỳ-kheo-ni nên nửa tháng đến trong Tỳ-kheo tăng cầu Giáo thọ rồi. Vì tăng bằng lòng nên im lặng, việc này cứ như vậy mà làm.

Luật bản nói: Nên bạch hai lần sai một người rồi, người kia một mình đi không ai hộ, lại sai hai, ba người làm bạn. Đến chùa tăng, tới chỗ Tỳ-kheo, Nghĩa Chuẩn nên sai người đến nhận người kia dặn dò ni.

Nên trình bày đủ việc thỉnh. Đến ngày mười sáu lại đến chùa tăng cầu không đúng thời. Nếu được lược dạy trao rồi lại về chùa mình, đánh kiền-chùy nhóm họp ni chúng. Người không đến thuyết dục rồi, sau đó sai ni ở trong chờ tăng. Người nói: bèn ở trong ni chúng nói đủ lời tăng răn dạy xong. Các ni chắp tay kính thọ. Luật không có văn, chỉ có văn luật của Tăng-kỳ nghĩa như thế. Nếu hai chúng tăng ni, mời chúng đủ năm người trở lên mới thực hành pháp này. Cho nên luật bản nói: Nếu chúng không đủ, hoặc không hòa hợp, đến lúc chỉ lễ bái hỏi han.

***Pháp giáo giới ni:***

Phật dạy! Lúc tăng thuyết giới, Thượng tọa hỏi rằng: Chúng Tỳ-kheo-ni sai người nào? Nay chỉ lấy những người phải thời thuyết giới, hỏi han, dặn dò, liền đứng dậy sửa sang oai nghi, bạch tăng rằng:

- Đại đức tăng lắng nghe, Tỳ-kheo-ni ở chỗ nào đó hòa hợp, tăng sai Tỳ-kheo ni mỗ nửa tháng đảnh lễ dưới chân Tỳ-kheo tăng cầu thỉnh người giáo thọ ni (nói ba lần), Nghĩa Gia nói: Người kia nên đến chỗ Thượng tọa nói: Đại đức từ bi cứu giúp có thể làm Giáo thọ Tỳ-kheo-ni không? Nếu đáp rằng không có khả năng, đến vị hai mươi tuổi hạ mỗi mỗi đều hỏi. Nếu không có người, thì đến chỗ Thượng tọa bạch rằng: Hỏi khắp chúng tăng không vị nào có khả năng, Thượng tọa liền nên lược pháp giáo giới, dặn dò người rằng: Chúng này không có người chịu giáo giới, ngày mai ni đến thỉnh có chịu được không? Nên đáp rằng: Hôm qua vì ni mà thỉnh khắp nhưng không có người có khả năng. Tuy nhiên, Thượng tọa có khuyên răn, khuyên các ni chúng tinh tấn hành

đạo, cẩn thận chớ buông lung.

***Pháp nói thanh tịnh:***

Phật dạy: Vào ngày thuyết giới, nếu khách đến ít người, thì phải nói cho cựu Tỳ-kheo thanh tịnh biết, nên nói như vầy: Tôi là Tỳ-kheo thanh tịnh, nếu thuyết lời tựa giới xong, mới trình bày như thế, chắc chắn có người phạm nêu tội, nói xong rồi người khác theo thứ lớp nghe.

***Pháp biết tội phát lộ:***

Đức Phật dạy: Phải đến Tỳ-kheo thanh tịnh, oai nghi ngay ngắn nói việc đã phạm, nói chủng loại bạch rằng: Đại đức nhớ nghĩ: Tôi là Tỳ-kheo phạm tội .... này hướng về tăng phát lồ. Sau đó, đúng như pháp sám hối, (nói ba lần): Khi nói giới nhớ lại, phải dùng pháp này. Nếu lúc khác y vào pháp sám hối. Luật Thập Tụng nói: Tỳ-kheo phát lồ không cần phát lồ lại. Pháp nghi tội phát lồ:

Luật bản nói: Tỳ-kheo phạm tội có nghi, lại ép ngặt thuyết giới.

Phật dạy: Nên phát lồ rồi mới được nghe giới, y theo nghĩa nói: Đại đức nhớ nghĩ: Tôi là Tỳ-kheo phạm ở chỗ nào đó sinh nghi. Nay hướng về Đại đức phát lồ, sau đó không có nghi, sám hối đúng như pháp (nói ba lần).

***Pháp thuyết giới Thượng tọa nhớ tội phát lồ:***

Luật nói: Vì ở trước Thượng tọa bỗng nhớ tội của mình, hướng về người bên cạnh nói về tội của mình, cả chúng náo loạn. Phật bảo nên tâm niệm phát lồ, y theo nghĩa nói: Tôi là Tỳ-kheo ... phạm tội ... vì ép ngặt thuyết giới, vì sợ chúng náo loạn, đợi xong nên sám hối (ba lần nói nghi tội y theo đây).

***Pháp lược thuyết giới:***

Phật dạy: Nếu bị nạn vua, giặc, nước, lửa, người bệnh, phi nhân, trùng độc, và có các duyên khác, hoặc sáng tòa ít, trời mưa, bố-tát nhiều đêm đã lâu, hoặc đấu tranh nói pháp, v.v...

Nhiều đêm là lược thuyết giới, Ngũ Phần, Tăng-Kỳ đều nói là nhiều duyên khai cho lược nói, nói phương tiện trước, rộng ra như pháp.

Tùy theo việc gấp hoặc thư giãn mà nói. Trong luật nói có ba, năm cách nói lược, tùy theo duyên xa gần văn không rõ ràng. Nay nếu thuyết tựa hỏi thanh tịnh rồi nên nói:

- Thưa các Đại đức, pháp Ba-la-di này tăng thường nghe (mười ba pháp tăng già bà-thi-sa, cho đến pháp chúng học đều nói).

- Các Đại đức đây là pháp chúng học mà tăng thường nghe. Các Đại đức đây là bảy pháp diệt tránh, nửa tháng nói trong giới kinh, trước

hết y theo văn nói rộng. Nếu nạn xong đến nên tùy theo chỗ đến nói, đã nói đến chỗ nào đó, còn điều khác tăng thường nghe. Nếu nạn duyên ép ngặt đến gần không được nói tựa. Luật Tăng-kỳ nói:

- Các Đại đức: Nay ngày mười lăm bố-tát, mời người thân miệng thanh tịnh chớ buông lung. Mỗi người tùy ý đi. Trong luật nói: đến ngày bố-tát, không được không thuyết giới. Nếu không có người tụng nên sai người đến chùa gần bên tụng, rồi trở về chỗ mình thuyết. Nếu không thì nói pháp, tụng kinh cũng được.

***Pháp Đối thú thuyết giới:***

Đức Phật dạy: Nếu trú xứ Tỳ-kheo, ngày thuyết giới nên đến chỗ thuyết giới quét dọn, rưới nước quét dọn sạch sẽ, trải đồ ngồi, chuẩn bị bình nước, đốt đèn, làm xá-la. Nếu Tỳ-kheo khách đến, hoặc bốn vị trở lên thì nên bạch thuyết giới. Nếu có bốn người thì nên nhóm họp bạch thuyết giới. Nếu có hai người thì không được thọ dục, nên mỗi người ba lần nói "Thuyết giới".

Nói như vầy: Hai Đại đức nhớ nghĩ! Nay ngày mười lăm tăng thuyết giới. Tôi tên .... thanh tịnh. Còn hai người khác cũng ba lần nói như thế. Một Tỳ-kheo đến ngày thuyết giới, lo dọn dẹp chuẩn bị các dụng cụ như trước, đợi khách Tỳ-kheo. Nếu không có người nên nói: Nay ngày mười lăm thuyết giới, tôi tên v.v... thanh tịnh (nói ba lần). Ngũ Bách Vấn Sự nói: Như gia pháp ở trên, người đã có tội, hướng về Tăng bốn phương sám hối, ngồi riêng tụng giới cho đến xong. Tỳ-kheo ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di ni đồng như trên.

****

## THIÊN THỨ SÁU: PHÁP CÁC CHÚNG AN CƯ

Bấy giờ, các Tỳ-kheo du hành bất cứ lúc nào, dẫm chết cỏ cây sống, cắt đứt mạng sống chúng sinh, người đời chê trách nói giẫm đạp côn trùng. Phật bảo không nên du hành trong mọi lúc, cho an cư ba tháng có chê trách chung, nên chế luật ni riêng.

***Pháp an cư:***

Phật bảo có ba thứ an cư: Tiền an cư, an cư, hậu an cư.

- Tiền an cư là ở trước ba tháng. Hậu an cư là ở sau ba tháng.

Luật Thập Tụng nói: Phật chế năm chúng phải an cư. Luật nói: Ni không an cư phạm ba-dật-đề. Tăng đồng với bốn chúng phạm đột-cát-la. Luận Minh Liễu nói: chỗ không có năm lỗi được Trung an cư:

1. Xóm làng rất xa, cầu tìm khó được.
2. Rất gần thành thị, ngăn sự tu hành.
3. Nhiều côn trùng như muỗi kiến, cả người và vật đều tổn.
4. Không có người nương tựa. Người nương tựa phải có năm tính chất tốt:

1) Điều chưa nghe làm cho nghe.

2) Đã nghe rồi làm cho thanh tịnh.

3) Giải quyết được lưới nghi.

4) Thông đạt không vướng mắc, có chánh kiến.

5) Không có thì chủ cung cấp thức ăn, thuốc men thì không thể an cư.

Luật bản nói: An cư có bốn thứ:

1. Đối thú.
2. Tâm niệm.
3. Quên thành.
4. Đến giới trường đều có duyên y cứ, như trình bày ở dưới:

***Pháp Đối thú an cư:***

Luật bản nói: Nên bách với người mình nương tựa rằng: Tôi ở chỗ này an cư rồi. Miệng nói: Đại đức nhất tâm niệm: Tôi là Tỳ-kheo nay nương già-lam ...., xóm làng ... tiền tam ngoạt hạ an cư.

Vì phòng xá hư hoại sửa sang (nói ba lần). Luật Ngũ Phần, Luật Thập Tụng nói: Người kia nói đều bạch rằng: Chớ nên buông lung. Đáp thọ trì.

Luật bản nói: Trong hạ nên y vào đệ ngũ luật sư tụng hai bộ luật. Nếu trái phạm Ba-dật-đề. Mùa xuân, hạ y vào bốn loại luật sư, trái thì phạm đột-cát-la. Lý y cứ theo ý luật. Nên hỏi người kia: Nương vào

người trì luật nào?

Đáp: Nương vào luật sự ...

Luật sư nói: Có nghi nên đến hỏi.

Luật Ngũ Phần nói: Phật dạy! Phải an cư với người trì luật. Nếu chỗ ồn náo, nên ở chỗ bảy ngày qua lại được, tâm niệm xa nương tựa.

Nếu nương vào phòng xá, núi rừng thôn dã, đàn-việt, v.v... an cư đều đồng với văn trên. Chỉ đổi thành già-lam là khác. Nếu nói sửa sang phá hoại, thì hạn cục trong trụ xứ tăng, tùy việc so lường bốn chúng ấy mà tác pháp. Chỉ đổi là Tỳ-kheo-ni, Thức-Xoa-ma-na-ni, Sa-di, Sa-di-ni.

Ngoài ra từ đồng với ở trên.

Pháp hậu an cư:

Trong luật nói: Có Tỳ-kheo ngày mười sáu tháng tư, muốn tiền an cư, không đến chỗ ở, ngày mười bảy mới đến. Phật dạy hậu an cư nên y cứ theo văn trên mà nói. Hậu tam nguyệt an cư, văn khác đều như trên.

Nếu ngày mười sáu tháng năm đến, pháp hậu an cư đều y cứ theo trước.

***Pháp tâm niệm an cư:***

Phật dạy: Nếu không có người nương tựa, để bạch nên văn tâm niệm an cư nói: Tôi là Tỳ-kheo ..., y vào Tăng-già-lam ..., tiền tam ngoạt hạ an cư (từ khác đồng với ở trên).

***Pháp quên kiết liền thành:***

Bấy giờ, có Tỳ-kheo, đến trú xứ an cư, mà quên không kết. Phật dạy: Nếu vì an cư mà đến thì thành an cư. Luật nói: Vì Tỳ-kheo khách vốn, có hy vọng, bên ngoài đến nhờ chỗ ở có quên khai kết, sẽ có người không thông hạn cục. Nếu vốn có phương tiện, lý chung cả khách chủ.

***Pháp đến giới trường và vườn thành an cư:***

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đến chỗ khác an cư, một chân vào khuôn viên và giới trường, đến khi minh tướng xuất. Như thế hai chân vào khuôn viên vào giới trường mà minh tướng xuất hiện. Như thế hai chân vào khuôn viên, vào giới trường liền qua minh tướng. Phật dạy đều thành an cư. Nếu y theo người giải, hậu an cư có hai cách nên ở trước sau ngày mười sáu ở trung an cư tùy theo ngày được kết.

***Pháp thọ nhật:***

Bấy giờ, có việc Phật, Pháp, Tăng, tháp. Và duyên cha mẹ, đàn-việt mời thọ giới sám hối và lo người bệnh tìm thuốc, hỏi nghi thỉnh pháp. Các việc như thế không biết làm sao thỉnh. Phật dạy không về kịp

trong ngày thì cho thọ.

Đi bảy ngày về không kịp, lại bảy ngày trở về cho thọ thêm, đi mười lăm ngày không kịp về lại về cho thọ thêm. Đi một tháng kịp thì một tháng nên về, ba loại này thọ nhật đều không thông, đêm không đồng với luật. Lại duyên theo việc làm chỉ là việc phá giới, phi pháp, đều chẳng phải chánh duyên không thành thọ nhật, chính là phá an cư.

Luật Thập Tụng nói: Nên năm chúng an cư, năm chúng thọ nhật đi đến đường, vừa hết phải trở lại giới, vì không có pháp.

Trong Luận Minh Liễu nói: Có pháp thọ lại bảy ngày. Tỳ-kheo ni không có pháp Yết-ma thọ nhật. Nếu có duyên thì khai cho bảy ngày.

***Pháp việc xong Yết-ma thọ nhật:***

Luật Tăng-kỳ quyển thứ bốn mươi nói: Đường xa nhiều duyên như: Vì việc tháp, việc tăng nên cầu cho làm Yết-ma. Việc xong nên trở về có người thêm tăng bằng lòng, đây là vọng thêm thánh giáo. Yết-ma kia lệ đồng.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ... ở chỗ nầy an cư mùa mưa, nếu thời giờ của chúng tăng đã đến, tăng bằng lòng cho Tỳ-kheo ... ở chỗ này an cư mùa mưa, vì việc tháp, việc tăng ra ngoài giới, việc xong về lại chỗ này. Các Đại đức tăng nghe, Tỳ-kheo ... vì việc tháp, việc tăng, ra khỏi giới xong lại về chỗ này an cư. Vì tăng bằng lòng nên im lặng, việc này như thế mà làm.

Pháp Yết-ma thọ nhật: Phật pháp truyền về phương Đông số bản pháp Yết-ma xin thọ nhật hoàn toàn thiếu sót không đồng, đều tự ý nói, chưa tìm được chánh giáo. Nay học về tông chỉ, y vào luật bản; vốn đã không xin không thể vọng thêm, lại bỏ các bộ, đồng thời xin thêm nên nói tình xong, người yết-ma nói như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho Tỳ-kheo ... thọ quá bảy ngày, mười lăm ngày, một tháng ra ngoài giới, vì việc ...., việc xong trở lại đây an cư, tác bạch như thế.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo .... thọ quá bảy ngày, mười lăm ngày, một tháng ra ngoài giới làm việc ..., việc xong trở lại đây an cư. Trưởng lão nào bằng lòng tăng cho Tỳ-kheo ... thọ quá bảy ngày (mười lăm ngày, một tháng) ra ngoài giới làm việc ...., xong việc trở lại đây an cư thì im lặng. Vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo ... thọ quá bảy ngày (mười lăm ngày, một tháng) ra ngoài giới làm việc ... xong việc trở lại đây an cư rồi, vì tăng bằng lòng nên im lặng, việc này thực hành như thế.

***Pháp đối thú thọ nhật:***

Luật, luận chỉ cho thọ bảy ngày, đồng thời không có Chánh pháp truyền dụng, trong bạch yết-ma nghĩa cũng không mất.

Luật Thập Tụng nói: Nếu không có Tỳ-kheo, nên theo bốn chúng mà thọ, nên nói như vầy: Trưởng lão nhất tâm niệm, tôi là Tỳ-kheo ..., nay thọ pháp bảy ngày ra ngoài giới làm việc ..., xong việc trở lại đây an cư, bạch cho Trưởng lão biết (nói ba lần). Luật Thập Tụng nói: Khai cho Tỳ-kheo ở một mình được tâm niệm, thọ nhật nên y theo văn trên chỉ trừ nói Đối thú.

***Pháp hai nạn mạng, phạm ra ngoài giới:***

Trong luật nói: Nếu trong an cư vốn có hai người: Đồng nữ và dâm nữ ẩn mình muốn đến dụ dỗ Tỳ-kheo. Lại có ác quỷ, kẻ thù, trùng độc, thú dữ. Thuốc men không được như ý sai người hoặc ở đây, chắc chắn vì tôi tịnh hạnh và mạng để lại nạn. Phật bảo cho đi.

Theo luận Tỳ-ni-mẫu nói: Dời hạ không phá an cư, các bộ đều không có văn khai cho.

***Pháp thọ nhật ra ngoài giới gặp nạn***:

Trong luật nói: Tỳ-kheo thọ bảy ngày ra ngoài giới, vì cha mẹ, anh chị có ý giữ lại quá ngày, hoặc do đường trở ngại nên quá hạn.

Phật bảo không mất tuổi, Tăng-kỳ nói: Nếu thọ nhật đi đường không được đi xa, nên về trong ngày, xong việc liền trở về giới.

*****

## THIÊN THỨ BẢY: PHÁP CÁC CHÚNG TỰ TỨ

Bấy giờ, các Tỳ-kheo ở chung với nhau thực hành pháp câm. Phật quở trách nói: Đây là pháp dê câm của ngoại đạo. Từ nay về sau cùng nhau xem xét, biết có tội hay không có tội. Vì có mười điều lợi, nên làm cho Chánh pháp tồn tại lâu dài, nên ăn cư xong thì tự tứ.

***Pháp tăng tự tứ:***

Phật dạy: Nên tự tứ ngày mười bốn, mười lăm, mười sáu. Ngoài ra làm các việc như thuyết giới, Tỳ-kheo không biết lúc nào, Phật cho phép tiểu thực, đại thực Thượng tọa xướng bạch:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, nay ngày mười bốn trăng sáng. Ngày khác y theo đây chúng tăng nhóm chỗ nào đó tự tứ.

***Pháp sai người thọ tự tứ.***

Cho lúc tác bạch hoặc đánh kiền-chùy; hoặc nói cho biết. Các Đại đức khi tự tứ, tăng đến nhóm họp rồi, nên trước sai người phải đủ hai thứ năm đức:

1. Tự tứ năm đức: không ái, không nhuế, không sợ, không si, biết tự tứ, chưa tự tứ.

2. Có năm đức nêu tội.

Biết thời như thật lợi ích, từ tâm mềm mại.

Luật Thập Tụng, Ngũ Phần đều sai hai người trở lên. Nếu chúng thì chỉ có năm người lần lượt sai riêng. Nếu có sáu người thì hai thẻ mà làm yết-ma. Nên hòa hỏi đáp rồi bạch:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ làm việc của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho tăng sai Tỳ-kheo ... làm người thọ tự tứ, tác bạch như thế.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, tăng sai Tỳ-kheo ... làm người thọ tự tứ. Trưởng lão nào bằng lòng tăng sai Tỳ-kheo ... làm người thọ tự tứ thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng sai Tỳ-kheo ... làm người thọ tự tứ rồi. Vì tăng bằng lòng nên im lặng, việc này thực hành như vậy.

Tác pháp này rồi, hai người có năm đức mới đứng dậy khỏi chỗ ngồi đến trước Thượng tọa lễ dưới chân Tăng rồi, sau đó quỳ xuống bạch pháp tự tứ.

Phật dạy: Khi tự tứ phải biết Tỳ-kheo có đến hay không. Người không đến cho bạch trước rồi, sau đó tự tứ bạch như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, ngày nay chúng tăng tự tứ, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho tăng hòa hợp tự tứ bạch như

vầy:

Phật dạy: Tỳ-kheo nên tự tứ vào ngày mười bốn, Tỳ-kheo ni nên tự tứ ngày mười lăm. Hai chúng này nương vào nhau trụ pháp. Nếu không có duyên, thì ba ngày đều được tự tứ.

***Pháp chánh tự tứ:***

Phật dạy: Nên vén y bày vai phải, cởi giày dép, quỳ thẳng chắp tay, nên mời người làm theo Thượng tọa. Thứ lớp nên là tòa tự tứ.

Luật Ngũ Phần nói: Lấy dép để trên đất hợp lại tự tứ. Người già bệnh tùy ý trờ về bản tòa. Nên đối trước người có năm đức nói:

- Đại đức tăng: Ngày nay tự tứ, tôi là Tỳ-kheo .... cũng tự tứ.

Nếu có thấy tội, nghe tội, nghi tội mong Trưởng lão Đại đức vì thương xót mà nói cho con. Con nếu thấy tội, sẽ như pháp mà sám hối (nói ba lần). Luật bản nói: Nếu nói, quên lầm thì mỗi mỗi đều truyền trao. Hai người năm đức ấy y theo Tăng-kỳ nói: Mỗi người đến chỗ tòa minh tự tứ. Không cần đợi tăng xong, chúng tăng ấy tự tứ rồi. Người năm đức đến trước Thượng tọa nói rằng tăng nhất tâm tự tứ rồi, rồi như thường lệ lễ bái lui ra, xuất xứ từ Luật Thập Tụng.

***Pháp lược tự tứ:***

Phật dạy: Nếu có tám nạn và duyên khác, như việc trong thuyết giới, lược thuyết tự tứ. nhưng đối thú có hai thứ lược, đơn bạch rồi lược có ba như trong sao nói rõ. Nếu nạn sự có thể, nói rộng thì nói rộng, hoặc nói hai lần, hoặc một lần. Nếu không thì nên đúng như pháp mà trị.

***Pháp bốn người trở xuống đối thú:***

Phật dạy: Nếu có bốn người không được thọ; người thứ năm muốn thì cùng nhau tự tứ; nên nhóm họp tự tứ. Nếu có bốn người thì nên cùng nhau tự tứ, tác bạch như vầy:

Bạch Đại đức nhất tâm niệm, ngày nay chúng tăng tự tứ, tôi là Tỳ-kheo .... thanh tịnh (nói ba lần). Nếu có ba người, hai người cũng y theo cách này, chỉ đổi số người đối thú, lại không được riêng chúng, cho đến có phạm, thì không nên y theo cách này.

***Pháp một người tâm niệm:***

Phật dạy: Nếu ngày tự tứ đến chỗ thuyết giới rưới nước quét dọn, trải đồ ngồi, lấy đồ đựng đầy nước, dụng cụ để rửa chân, đốt đèn, sắp sẵn xá-la, rồi đợi Tỳ-kheo khách. Nếu người không đến nên tâm niệm miệng nói: Ngày nay chúng tăng tự tứ, tôi là Tỳ-kheo ... thanh tịnh (nói ba lần).

***Pháp ni sai người tự tứ:***

Phật dạy: Tỳ-kheo ni hạ an cư xong, cho sai một Tỳ-kheo ni, vì ni chúng mà đến trong đại tăng nói tự tứ. Nếu hai chúng tăng và ni mỗi bên không đủ năm người đến ngày tự tứ, Tỳ-kheo ni đến chỗ Tỳ-kheo lễ bái hỏi han. Nếu chúng đủ người nên đợi xin dục hỏi duyên. Đáp rằng sai người yết-ma tự tứ, nên nói:

- Đại tỷ tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho tăng sai Tỳ-kheo-ni ... Vì Tỳ-kheo-ni đến trong đại tăng nói ba việc tự tứ thấy nghe nghi bạch như thế:

Đại tỷ tăng nghe tăng nay sai Tỳ-kheo ni .... Vì Ty-kheo ni mà đến trong đại tăng nói ba việc tự tứ thấy nghe nghi. Đại tỷ nào bằng lòng tăng sai Tỳ-kheo .... đó vì Tỳ-kheo-ni mà đến trong đại tăng nói ba việc tự tứ thấy, nghe, nghi thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng sai Tỳ-kheo-ni .... vì Tỳ-kheo-ni mà đến trong đại tăng nói ba việc tự tứ thấy, nghe, nghi rồi. Vì tăng bằng lòng nên im lặng, việc này thực hành như vậy mà làm.

Phật dạy: Người kia đi một mình không có người che chở. Nên sai hai, ba người làm bạn đến trong đại tăng, lễ dưới chân tăng rồi, cúi đầu khom mình, chấp tay nói như vầy.

Tỳ-kheo-ni hạ an cư xong, Tỳ-kheo tăng hạ an cư xong. Tỳ-kheo nói ba việc tự tứ thấy, nghe nghi tội. Đại đức vì lòng từ bi mà nói cho con. Nếu con thấy tội, nên đúng như pháp mà sám hối (nói ba lần) rồi hồi lâu, tăng Thượng tọa nói: Đồ chúng trên dưới mỗi vị đều im lặng. Thật do ni bên trong siêng tu ba nghiệp bên ngoài không có ba việc, cho nên không thấy phạm. Tuy nhiên Thượng tọa có khuyên nhắc, khuyên nhắc ni chúng đúng như pháp tự tứ, cẩn thận chớ buông lung. Sai ni lễ dưới chân tăng thối lui rời về bản tự, nhóm các ni chúng truyền lại lời khuyên nhắc của tăng, như trong pháp thuyết giới có nói rõ. Pháp tự tứ thuyết giới lược pháp giáo thọ. Văn của luật bản thiếu nghĩa rõ ràng trước sau. Nhưng việc đến thì phải lo liệu không nên im lặng. Lại lược nêu một câu, để biểu thị thường thức. Được hành dụng bình đẳng, không hẳn y vào văn.

****

## THIÊN THỨ TÁM: PHÁP PHÂN CHIA Y

Ở trong đó tăng được thí có hai loại:

1. Nghĩa là bảy chúng bố thí là tăng được.

2. Đạo tục bố thí là hiện tiền.

***1. Khi y cứ vào duyên không ngoài sáu loại:***

*1. Pháp hai bộ tăng được thí:*

Bấy giờ có trụ xứ hai bộ tăng, phần nhiều được phân chia y, vật. Tỳ-kheo tăng nhiều mà Tỳ-kheo-ni ít. Phật dạy: Chia làm hai phần: Không có Tỳ-kheo-ni, thuần là Thức-xoa-ma-na, cũng chia làm hai phần. Nếu thuần là Sa-di-ni cũng chia làm hai phần. Nếu không có hai chúng, thì Tỳ-kheo tăng nên phân. Nếu Tỳ-kheo-ni nhiều, Tỳ-kheo tăng ít, hoặc tăng không có nên chia làm hai phần. Hoặc cho đến không có Sa-di, Tỳ-kheo-ni nên chia được vật rồi, đến trong bộ đều phải làm yết-ma phân chia, nên gọi là tăng được. Vì tâm thí chủ trùm khắp, một hóa vật chung cho cả mười phương, chỉ có tăng ni đều trị về phân chia ấy nên gọi là Tăng được. Lại cần phải tăng pháp yết-ma, ngăn cản người ở mười phương đến. Đã tác pháp rồi, hiện tiền tự chia ra yết-ma như sau.

*2. Pháp hai bộ hiện tiền được bố thí:*

Bấy giờ, Đức Thế tôn ba tháng tĩnh tọa, chỉ trừ một người cúng dường.

Khi ấy, có Tỳ-kheo tu hạnh đầu-đà đi đến chỗ Phật, được Phật khen ngợi. Các Tỳ-kheo chẳng tu đầu-đà xả y thành một đống lớn.

Phật dạy: Nên bố thí cho tăng chúng, nếu cho một người, một Tỳ-kheo thì chẳng phải y. Nếu hành ba-lợi-bà-sa, ma-na-đỏa. Tỳ-kheo nên chia, bảy người yết-ma nên để dưới đất mà cho, hoặc sai người cho, hoặc Sa-di nên cho đồng đẳng, hoặc cho một nửa, hoặc ba phần cho một, người giữ Tăng-già-lam nên cho đồng đều, hoặc bốn phần cho một phần, hoặc không cho không nên chia, hoặc chia nên như pháp mà trị.

*3. Pháp thời hiện tiền được bố thí:*

Bấy giờ, các Tỳ-kheo ở chỗ khác, kết hạ an cư rồi, lại ở chỗ khác, không biết lấy vật được chia ở chỗ nào. Phật dạy: Cho lấy chỗ nào ở được nhiều ngày. Nếu hai chỗ đều cho thì lấy mỗi bên một nửa. Nếu được nhiều nên chia và tùy theo đếm số người mà chia. Hoặc đếm thẻ mà chia, cho đến một người nên nhiếp lấy, không làm pháp tâm niệm.

*4. Pháp phi thời hiện tiền được bố thí:*

Bấy giờ, hiện tiền tăng phần lớn được chia y vật. Phật dạy: Cho

đếm số người nhiều hay ít, nếu mười người thì chia mười phần. Cho đến một trăm người thì chia trăm phần. Nếu vật tốt xấu lẫn lộn thì nên sai người không thấy ném thẻ mà chia, không cần yết-ma.

*5. Pháp thời tăng được bố thí:*

Bấy giờ, có Tỳ-kheo chưa chia y hạ liền bỏ đi, sau đó chia mà không đến, lại quên không xuất ra, hành giả chia không biết có thành chia hay không. Phật dạy: Thành chia y, nên đợi nhau cũng nên ra. Người kia chia nên yết-ma mà chia. Nếu như pháp phi thời được bố thí. Phật nói: Nếu một Tỳ-kheo an cư, phần nhiều tăng được y hạ an cư nên tâm niệm miệng nói thọ.

*6. Pháp phi thời tăng được bố thí:*

Được bố thí có hai thứ: Nếu đạo tục làm, đàn-việt muốn bố thí vật khắp mười phương đều bố thí vì để có phước.

Luật nói: Bấy giờ có hiện tiền tăng trụ xứ khác, phần lớn được chia y vật. Khi chia y có Tỳ-kheo khách thường đến chia y. Khi chia y có Tỳ-kheo khách thường đến chia y rất mệt.

Phật dạy: Nên sai một người chia, bạch nhị yết-ma mà cho, Chánh pháp ấy như nói trong phần vật nhẹ của người chết. Hai là nếu người chết, tất cả y vật cho năm chúng.

Phật dạy: Nên tất cả thuộc về tăng, nhưng vì tăng bốn phương hiện tiền khác nhau, vật thì sang hèn có khác. Lại y cứ theo vật sang hèn mà chia. Chẳng phải chỉ một không đủ như mười đoạn sau. Trước nói rõ y vật của người chết thuộc về năm chúng.

Luật Thập Tụng nói: Có Tỳ-kheo qua đời, y vật rất nhiều. Nhà vua, thân thuộc đều muốn lấy các vật đó. Phật dạy: Nhà vua, thân thuộc thì không được, tăng thì được. Cho đến thời nay tuy nương nhờ Tam bảo, xuất gia thì phải duyên tăng mà được, Phật pháp không phân cho nên nhập vào hai tăng, như trong sao có nói rộng.

***2. Chia pháp ra mười thứ:***

1) Lấy phẩn tảo. Như luật Ngũ Phần nói: Người bị nước cuốn mà chết.

2) Hiện tiền mà lấy. Như luật Thập Tụng nói: Người học hối, người tẫn xuất, người giữ giới ở chung, chết chung.

3) Đồng thấy mà lấy. Như luật nói: Tất cả hai bộ đều chết.

4) Dùng công năng mà lấy. Như luật nói: Cả ba người chết, đồng nêu tăng yết-ma.

5) Hai bộ tăng lấy. Luật nói không có trú xứ mà chết. Luận Tát-bà-đa nói chết khoảng trong hai giới.

6) Hướng về phía mặt mà lấy. Luận nói: Chết ở trong hai giới.

7) Nhập Hòa-thượng. Luật Tăng-Kỳ nói: Sa-di qua đời, y vật phải chỉ cho Hòa-thượng biết.

8) Vào người tại gia thân thích: Luận Tát bà-đa nói: Vật của người diệt tẫn.

9) Tùy theo chỗ ở mà được. Như luật Thập Tụng nói: Gởi người không gởi chỗ.

10) Ở trong chúng chết, làm yết-ma mà lấy. Như trong sao có nói rộng.

***3. Pháp đồng sinh hoạt, cùng của cải:***

Luật không xử đoán rõ ràng. Hoặc lấy chia riêng tài vật chung, trừ vật tùy thân, ngoài ra phân chia nhập tăng đồng sinh hoạt, thì mặc tình so lường tính toán. Xuất xứ nhiều ít chỉ lấy thật tình, sinh tử đồng chí hướng thì không phạm. Nếu ôm ấp riêng tư thì vời lấy hai lỗi.

***4. Pháp mắc nợ:***

Phật dạy: Nên hỏi rằng ai nợ vật của người bệnh, người bệnh nợ vật của ai, biết rồi nên đòi lấy. Nếu nợ người thưởng cho y dư. Nếu không thì bán ba y, ngoài ra cho người săn sóc bệnh.

Tăng-kỳ nói: Phải quan sát kỹ người, người đáng tin, có thể chứng minh thì cho, trái lại thì không cho.

***5. Nói về dặn dò trao cho:***

Phật dạy: Tăng hỏi người săn sóc bệnh rằng: Người bệnh có dặn dò không? Nếu nói: Khi người bệnh qua đời nói: Vật này cho Phật, cho Pháp, cho Tăng, cho tháp, cho người. Hoặc sau khi tôi qua đời thì cho.

Phật dạy: Nêu đòi lấy hiện tiền tăng chia năm phần, hoặc khi sống cho người chưa giữ mà bỏ đi thi tăng nên bạch yết-ma mà cho.

***6. Khi chia vật:***

Luật Tăng-kỳ nói: Nếu người bệnh chết không đáng tin, thì nên đem móc cửa đến dặn người Tri sự, sau đó cúng dường xá-lợi.

Kinh Tỳ-ni-mẫu nói: Trước chôn cất người chết rồi, tăng về lại chùa lấy vật của người chết mặc trước tăng. Sau đó y theo pháp nhóm tăng phân chia.

***7. Đoán vật đắt rẻ:***

Luật Thập Tụng nói: Người bệnh chết không có người săn sóc bệnh, thì lấy y vật giặt sạch phơi cuốn lại đem vào trong tăng. Luật nói: Người kia đem y vật của người chết đến trong chúng nói như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ... ở trú xứ này, đã qua đời, tất cả y vật nên chia cho tăng hiện tiền của trú xứ này. (Nói ba lần).

Kinh Tỳ-ni-mẫu nói: Đồng thời lấy y vật ở trước tăng mặc rồi sai một người phân chia, vật nào có thể chia, vật nào không thể chia, mỗi thứ riêng một chỗ.

Nói về xử phân:

Phật dạy: Nếu Tỳ-kheo chết, hoặc phần nhiều biết, hoặc không biết, tất cả thuộc về tăng. Nếu có ruộng vườn, cây trái, phòng riêng và vật thuộc về phòng riêng: Bình đồng, chậu đồng, rìu đục, đèn, võng, nệm ngồi, nệm nằm, xe cộ.

Người giữ Tăng-già-lam, bình nước, chậu rửa, tích trượng, quạt, bình làm bằng sắt, bằng gỗ, bằng sành, bằng da, bằng tre, và nhiều vật quý, đều không nên chia cho tăng bốn phương.

Nệm dài ba khuỷu tay, rộng năm khuỷu tay, lông dày ba ngón tay, dao cạo. Y bát, đồ ngồi, ống đựng kim, bình cụ-dạ-la, nên chia cho tăng hiện tiền. Văn luật chánh xử đoán như thế. Ngoài ra không có xuất xứ, phải ở trong các bộ luật, luận xếp loại phán đoán.

Phải xem luật bản, ý phán không cho chậm nhanh tự khinh, muốn biết rộng đủ như chỗ lượng nghi thức vật đất rẻ. Cụ-dạ-la: nghĩa là cái bát nhỏ, bát vừa, bát nhỏ, còn dư thì làm bằng sành.

***8. Lượng đức thưởng vật:***

Phật dạy: Người có được năm pháp nên cho y vật của người bệnh. Nên biết không đủ năm pháp thì không được thưởng, năm pháp là:

1) Biết món ăn nào người bệnh ăn được hay không ăn được, ăn được thì cho ăn.

2) Không có tâm ác khi người bệnh đại tiểu tiện, nôn mửa.

3) Có tâm từ bi thương xót không vì y nhục, thức ăn.

4) Có khả năng lo liệu thuốc thang cho đến khi hết bịnh, hoặc chết.

5) Có khả năng nói pháp cho người bệnh, nghe làm tăng thêm pháp lành cho mình.

Luật Tăng-Kỳ nói: Có bốn thứ tạm làm: Hoặc tăng sai làm, tự ưa thích phước mà làm, tà mạng mà làm, đều không được thưởng. Nếu vì lợi ích, cho người bệnh, muốn cho mau khỏi, thì dù cho một ngọn đèn, gặp người qua đời liền được vật này.

Luật Ngũ Phần nói: Nhiều người lo bệnh cho đến cùng.

Luật nói: Nên cho thọ trì y. Nếu người không biết nên cho người săn sóc bệnh. Cho ba y thượng, tùy theo y trung hạ cũng như vậy.

Luật Thập Tụng nói: Nếu người không tin cho sáu vật không tốt, không xấu.

Luật Ngũ Phần, Thập Tụng nói: Tỳ-kheo bệnh hai chúng đều được. Tỳ-kheo-ni bệnh hai chúng đều được.

Luận Ma-đắc-lặc-già nói: Người tại gia săn sóc bệnh nên cho chút,ít ba chúng ni đồng như vậy.

Luật Thập Tụng nói: Người săn sóc bệnh ra ngoài xin thức ăn cho người bệnh được y, thuốc, giữ lại đợi trở về giao.

Luật Ngũ Phần nói: Ra ngoài giới săn sóc bệnh thì y theo pháp mà thưởng.

*Pháp nói về thưởng:*

Phật nói: Nên lấy sáu vật cho người săn sóc bệnh, nghĩa là ba y, bát, tọa cụ, ống đựng kim, đồ đựng y, nên nói như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ... qua đời, tất cả ba y, bát, tọa cụ, ống đựng kim, đồ đựng y, tùy theo thời, người có thể vào nên chia cho tăng hiện tiền, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho Tỳ-kheo ... qua đời tất cả y bát, đồ ngồi, ống đựng kim, v.v... nên chia cho tăng hiện tiền. Nay Tăng cho Tỳ-kheo săn sóc bệnh tên là ..., Trưởng lão nào bằng lòng cho Tỳ-kheo săn sóc bệnh tên ... ba y bát, đồ nằm, v.v... thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng vì im lặng, việc này như thế mà làm.

Luật bản nói rằng, người có đức được thưởng, nếu người không có đức thì không được, ắt biết sự lao nhọc không có pháp.

Người có ích có thể làm pháp khinh trọng. Sau đó hòa tăng, chỉ nói tùy theo công lao mà thưởng tặng.

***9. Pháp phân vật nhẹ:***

Kinh Tỳ-ni-mẫu nói: Năm người cùng ở mà một người chết không được chia dần dần. Trong luật nói xuất phát ít không đủ, nay y theo tăng thì thời được thí yết-ma nói dần dần, năm vị trở lên nên dùng pháp này. Văn luật nói nên sai một người chia bạch nhị yết-ma, cho vật như thế.

Có người tác pháp ba lần. Ở đây suy nghĩ về văn chưa rõ.

Cũng có người tác pháp hai lần. Nay y theo văn yết-ma hợp hai pháp lại mà phân chia. Ngoài ra không có nên không trích ra y theo luật yết-ma nói:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của chúng tăng đã đến, tăng bằng lòng cho tăng nay lấy y vật này cho Tỳ-kheo ..., Tỳ-kheo ... phải đưa lại cho tăng, tác bạch như thế.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ... qua đời, tất cả y vật nên phân cho tăng hiện tiền, nay tăng đem y vật này cho Tỳ-kheo ...., Tỳ-kheo .... đưa lại cho tăng, các Trưởng lão nào bằng lòng Tỳ-kheo .... qua

đời, tất cả y vật nên chia cho tăng hiện tiền, nay tăng lấy cho Tỳ-kheo ...., Tỳ-kheo đó phải đưa lại cho tăng thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng đem vật này cho Tỳ-kheo ...., Tỳ-kheo .... đưa lại cho tăng rồi. Vì tăng bằng lòng nên im lặng, việc này nên làm như vậy. Làm pháp này rồi, tùy theo người nhiều hay ít mà lấy y vật ấy, y vào đếm số để cho, không nên thí riêng lại vời lấy lậu nhiễm, chẳng phải điều Phật chế.

Luật Ngũ Phần nói: Nếu không khắp thì hòa tăng cho một Tỳ-kheo không có y. Luật Thiện Kiến nói: Nếu một y rất tốt thì không nên cắt phá, chúng đều y theo trên mà thực hành. Cần thì chia thẳng.

*Pháp bốn người chia:*

Kinh Tỳ-ni-mẫu nói: Nếu chỉ bốn người thì nên yết-ma chia thẳng, thưởng vật ấy cho người săn sóc bệnh, chỉ y theo ba người miệng hòa, lấy y chia nói: Các Đại đức nhớ nghĩ, nay đem y bát của Tỳ-kheo .... đã chết (đồ ngồi tùy theo đó mà nói) cho Tỳ-kheo lo bệnh tên .... (nói ba lần) còn vật không đáng giá y theo cách nên chia thẳng. Yết-ma nói:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ làm việc của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho tất cả y vật của Tỳ-kheo qua đời tên là ..., nên chia cho tăng hiện tiền, tác bạch như thế.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ... qua đời, tất cả y vật nên chia cho tăng hiện tiền, các trưởng lão nào bằng lòng tăng nay chia y vật thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên, tăng đã bằng lòng chia y vật này rồi, vì tăng bằng lòng nên im lặng. Việc này cứ như thế mà thực hành.

(Hoặc xả y, hoặc chia y, hoặc khách đến đều như trên).

*Pháp nhiều người phân chia:*

Kinh Tỳ-ni-mẫu nói: Bốn người cùng ở mà một người chết nên chia xoay vần, xả y rồi thưởng cho người lao nhọc. Nếu hai người miệng hòa chia nói:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, tôi đem y bát của Tỳ-kheo đã chết (đồ nằm, đồ đựng y) cho Tỳ-kheo săn sóc bệnh tên là ....

(Ba lần nói rồi, y theo vật sang hay hèn). Luật bản nói: Nên nói tất cả ba lần, thọ cùng chia nên nói:

- Hai Đại đức nghe y vật của Tỳ-kheo .... đã chết thuộc về của chúng tôi (nói ba lần), người khác cũng vậy. nếu có ba người cũng phải y theo trên mà thưởng công, ba lần nói chia thẳng. Tuy biết là chia vật, chưa vào tay khách đến thì phải phân chia.

*Pháp một người tâm niệm:*

Kinh Tỳ-ni-mẫu nói: Một pháp tương ưng, hai người cùng ở, một người chết, người sống lấy y miệng nói:

Vật của Tỳ-kheo qua đời tên là .... thuộc về tôi.

(Nói ba lần rồi, tay cầm vật, cho nên người đến sau không được).

10. Pháp được thọ y:

Luật Tăng-kỳ nói: Nếu xin y phục thuốc men cơm nước cho người bệnh và vì việc tháp, tăng, tuy đương thời không còn cũng nên chia cho.

Luật Thiện Kiến nói: Nếu Tỳ-kheo ngoài giới vào, cũng phải chia cho, nghĩa là khi yết-ma. Trong luật nói có Tỳ-kheo không nghĩ riêng chúng thì không thành chia y. Lại trong bố thí hiện tiền được cho Sa-di, tịnh nhân, chia đồng hoặc một nửa như phân biệt ở trước.

Luật Thập Tụng nói: Tỳ-kheo có y bát gởi cho ni. Nếu Tỳ-kheo chết, người nào tìm thấy trước thì chia. Nếu người tại gia chết vật quý tiện nên tùy năm chúng, hiện tiền chia vật quý mặc ý xa gần. Có chùa tăng pháp nên giao cho. Nếu không có năm chúng, luật nói bảo người đàn-việt tin ưa nên giữ lấy. Nếu không có năm chúng đến thì nên cho tăng ở già-lam gần đó. Ngoài ra như trong sao.

*****

## THIÊN THỨ CHÍN: PHÁP SÁM LỤC TỤ

***Pháp sám hối:***

Luật nói: Có hai loại người:

1. Người ngu si, là người không thấy phạm, dù phạm không sám hối như pháp.

2. Người trí, trái với ở trên.

Kinh Vị Tằng Hữu nói: Trước đây tâm làm ác giống như mặt trời bị mây che. Sau đó, tâm khởi làm lành giống như ngọn đuốc xua tan được bóng tối. Cho nên kinh luật đều nói về sám hối.

Nhưng pháp sám có nhiều loại. Nếu làm sám sự chỉ chiết phục được nghiệp dễ đoạt. Nếu sám lý thì sẽ tiêu nghiệp diệt nghiệp. Trước nói về lợi căn y lý dứt nghiệp.

Như kinh Niết-bàn nói: Nếu có tu tập thân giới tâm tuệ, quán sát các pháp như hư không. Nếu gây ra nghiệp ác mà tư duy quán sát thì chuyển được địa ngục nặng nề, hiện đời chịu nhẹ. Nếu đối với tội nhỏ không thể tự nói ra, tâm ban đầu không sám, không thể tu điều lành hoặc che giấu dấu vết. Tuy có nghiệp lành, nhưng vì tội cấu uế nên hiện đời chịu quả báo nhẹ, chuyển thành quả cực ác ở địa ngục. Đây là người ngu si.

Nếu phạm bốn tội trọng, năm nghịch phỉ báng pháp, gọi là phá giới. Vì có nhân duyên thì có thể cứu giúp. Nếu mặc pháp phục tâm khỏi hổ thẹn, tâm sinh hộ pháp, xây dựng Chánh pháp. Ta nói người nầy không gọi là phá giới.

Luận Thành Thật nói: Người có tâm ngã thì nghiệp phiền não huân tập. Nếu người vô ngã thì các nghiệp không thể bị quả báo, vì không đầy đủ. Kinh Vị Tằng Hữu nói: Hễ người tu phước thì phải gần bậc minh sư, tu tập trí tuệ, sám hối nghiệp ác nặng nề.

Kinh Hoa Nghiêm nói: Thí như nhà ảo thuật có khả năng làm huyễn mắt người, các nghiệp cũng vậy. Nếu biết như thế gọi là thanh tịnh chân thật hối quá.

Hai người độn căn y theo sự sám. Nếu y theo Đại thừa thì Phật gọi là Phương đẳng nêu đủ hành nghi. Y theo pháp sám hối cần phải hiện tướng, y theo giáo mà nghiệm tâm. Nếu y theo luật tông thì phải biết tội gọi là chủng tướng tùy có điệp sám. Nếu nghi không biết, không hợp với gia pháp, chỉ trừ người không học tùy theo phạm mà kết căn bản. Ở đây chỉ diệt tội phạm giới.

Cho nên luận Trí Độ nói: Trong giới luật tuy là sám hối sâu xa

mà thanh tịnh. Phạm giới mười điều lành tuy sám ba đường ác tội vẫn không trừ diệt, giống như Tỳ-kheo phạm về tánh giới.

***Pháp sám Ba-la-di:***

Phật dạy: Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, hoặc phạm tội Ba-la-di rồi đều không có tâm che giấu nên đúng như pháp sám hối, cho yết-ma học giới, giữ ba mươi lăm việc thực hành trọn đời. Nếu khi chúng tăng yết-ma thuyết giới đến thì cho, không đến cũng không phạm. Nếu phạm tội trọng lại nên diệt tẫn.

Luật Tăng-kỳ nói: Nếu phạm tội trọng rồi, khóc lóc không muốn lìa ca-sa, lại rất ưa thích Phật pháp thì nên cho học giới. Ăn thức ăn bất tịnh của Tỳ-kheo người kia cũng bất tịnh. Tỳ-kheo ăn thức ăn bất tịnh của người kia thì Tỳ-kheo cũng bất tịnh. Được cho Tỳ-kheo ăn quá trừ năm loại sinh chủng hỏa tịnh và vàng bạc, từ Sa-di mà thọ thực.

Luật Thập Tụng nói: Phật kết giới tất cả phải lãnh thọ thực hành. Dưới Đại Tỳ-kheo không được cho đại tăng qua. Ba đêm không được ở chung với người chưa thọ giới cụ túc. Hai đêm thì được, cho tăng làm bố-tát tự tứ, không được hai loại yết-ma, đủ số trừ chúng pháp, không được, làm thọ tuổi.

Luật nói: Người không nghe không được ở trong chúng tụng luật.

Kinh Tỳ-ni-mẫu nói: Cho học hối pháp rồi, gọi là thanh tịnh trì giới. Nhưng một thân này không được siêu sinh thoát tử, chướng ngại không vào địa ngục.

***Pháp sám hối Tăng-già bà-thi-sa:***

Phật dạy: Nếu phạm tăng tàn rồi mà che giấu, tùy theo số ngày che giấu, cho ba-lợi-bà-sa, hành ba-lợi-bà-sa rồi, cho sáu đêm ma-na-đỏa, hành ma-na-đỏa rồi, phải ở trước hai mươi vị tăng xuất tội. Nếu phạm tội mà không che giấu, tăng nên cho sáu đêm ma-na-đỏa, hành pháp này rồi phải ở trước tăng cho yết-ma xuất tội. Nếu trong hai loại hành pháp phạm trọng thì tùy theo việc phạm mà cho trị bản nhật. Thực hành pháp này rồi, sau đó xuất tội. Nếu hành ba-lợi-bà-sa, được yết-ma thực hành ba mươi lăm việc. Ở dưới tăng thực hành mất tám việc. Ban đêm bạch tăng phát lồ cùng cấp cho chúng tăng trọn ngày, thực hành ma-na-đỏa, cho pháp biệt trụ, chỉ có ngủ ở trong tăng là khác.

***Pháp sám hối Thâu-lan-già:***

Hai thứ tội duyên, ở trước nói về độc đầu Thâu-lan-già. Có ba thứ khác nhau, như phá pháp luân tăng, trộm bốn tiền, trộm thức ăn của tăng, v.v... gọi là thượng phẩm. Nếu phá yết-ma tăng, trộm ba tiền trở xuống, lại có tướng đụng vào y gọi là trung phẩm.

Nếu có tâm ác mắng nhiếc tăng, trộm một tiền, dùng tóc của người, ăn máu thịt sống, khỏa thân mặc y của ngoại đạo gọi là hạ phẩm.

Nói về tùng sinh.

Luật Thập Tụng nói: Từ thiên đầu sinh trọng, nên ở trong tất cả tăng sám hối. Nếu thiên đầu sinh nhẹ, thiên hai sinh nặng nên bốn Tỳ-kheo ở ngoài giới vào trong chúng sám hối. Nếu tăng tàn sinh nhẹ nên ở trước một Tỳ-kheo sám hối.

Luận Tát-bà-đa nói: Pháp sám Ba-dật-đề đồng với pháp độc đầu Thâu-lan-già ở trước. Cũng y theo tùng sinh thượng phẩm, trung phẩm sám hối nên biết.

Pháp sám hối ba tội ở trước việc chẳng khinh hối, rườm rà lý phải tinh luyện, tự có thể trì luật thực hành như thường.

Ngoài ra tìm khắp mà thành luống dối, ắt muốn trong sáng tức là người trí. Quán duyên chấp pháp cố nhiên không mất.

Dù thư thái soạn kế bạn không học không biết phí thời gian, công chưa làm việc trước cho nên thiếu mà không ghi, chắc chắn gặp cơ hội cầm giữ, trong Đại sao có nói rõ.

***Pháp sám ba-dật-đề:***

Vì sám hối chúng, tăng riêng, trước trình bày ba mươi pháp, chỉ y cứ vào đối thú. Sau đó xếp vào chín mươi giới do tham mạn tài sự, hai tâm khinh trọng, chia làm hai giai vị, sám xả hai căn cứ.

Trước sám xả đọa:

Phật dạy: Phạm xả đọa y không được để lại cho người, ba y làm y ba-lợi-ca-la. Nếu y thường mặc dùng, hoặc tịnh thí nên xả rồi, sau đó tác tịnh. Y ni-tát-kỳ này nên xả cho tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người, không được xả riêng chúng. Nếu xả không thành xả, phạm Đột-cát-la. Nên biết có ba thứ sám pháp. Lại phạm tăng chung mà, giới rêng, chia hai chỗ đều suy nghĩ tường tận.

***Pháp sám hối trong tăng:***

Phải năm vị trở lên làm người thọ sám. Trong tăng, xả đọa có ba loại:

1. Nói về xả tài: là lìa duyên tội.

2. Nói về xả tâm: là lìa nhân tội.

3. Nói về xả tội: trừ nghiệp sinh tử.

- Ba pháp sám xả này tông đồ nghĩa loại thông khắp.

1. Nói về xả tài: Trong ba mươi xả đọa xin vải làm y. Ba giới cất chứa, trao đổi của báu, không đối với tăng. Ngoài ra đều chung ba cảnh. Nay trích lấy số người phạm làm tiêu đầu. Pháp xả có ba:

1) Năm vật dư.

2) Lìa thọ y.

3) Dư tạp xả.

Sắp xếp định ba loại này xong đem đến trong tăng. Phật dạy: Khi xả cho tăng, đem đến trong tăng vén y bày vai phải, cởi giày dép, hướng về Thượng tọa lễ, quỳ thẳng chắp tay nói xả như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo ... việc chứa y dư phạm xả đọa, cố ngủ lìa Tăng-già-lê phạm xả đọa, tự mua được một y phạm xả đọa, nay tôi cho xả tăng (nói một lần). Nếu biết số người tùy theo bao nhiêu mà nói. Nếu y tài nhiều thì nói không nhớ số, chỉ trừ một loại ba y là có số. Nếu y tài nhiều chỗ đều tùy theo chỗ mà xả. Sau đó, sám tội vì chung cho cả phạm nhiễm. Cho đến danh tội bao nhiêu đều đếm rõ. Y theo luật như thế không được si làm.

*Nói về tâm xả:*

Luận Tát-bà-đa nói:

1) Y đã xả, tội đã hối, tâm cất chứa dứt bỏ, ngày nay ngày mai, hoặc được bản tài và được tài khác đều không phạm.

2) Y đã xả, tội đã hối, tâm cất chứa không dứt, ngày nay ngày mai được bản tài khác đều phạm, vì do tâm nhiễm.

3) Y đã xả, tội chưa hối tâm cất chứa, nếu ngày nay được bản tài khác phạm đột-cát-la. Nay y cứ các luật luận, xả đọa còn tài đều do tăng lượng không tự chuyên, hoặc xả bỏ hẳn, hoặc nhập hẳn vào tăng, hoặc lại cho đạo tục, hoặc thí khắp bảy chúng. Như luật bản về các ví dụ phá hoại vào kho. Cho nên tâm xả quyết dứt, không hề đoái lại. Nếu hoàn lại bản tài thì việc đồng, mới được đúng như thuyết pháp, thuyết tịnh, vốn nên bạch pháp. Nay luật này nói chẳng luống dối, tâm đã xả cho tăng cũng không hệ lụy. Nếu không trả y hoặc mặc dùng, phá hoại thọ, làm ba y chỉ phạm đột-cát-la, chỉ là tội mất pháp.

*Pháp xả tội:*

Phật dạy: Người kia xả y rồi phải ở trong tăng sám hối.

***Pháp xin sám hối:***

Y theo luật bản văn sau trích ra phải xin như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo .... vì chứa y dư (bao nhiêu ....) phạm tội xả đọa, y này đã xả cho tăng, nay phạm tội ba-dật-đề theo tăng xin sám hối, mong Tăng bằng lòng cho tôi là Tỳ-kheo ... sám hối. Vì lòng từ bi thương xót (nói ba lần).

***Pháp thỉnh chủ sám hối:***

Phật dạy: Nếu tất cả tăng trong một trú xứ đều phạm tội, không

được hướng về người có tội sám hối. Người phạm tội không được giải tội cho người khác. Nếu có Tỳ-kheo khách đến, thanh tịnh, không phạm thì nên mỗi người hướng về người kia sám hối. Nếu người không đến trong chúng thanh tịnh ở gần đó sám hối. Tỳ-kheo này phải trở lại chỗ ở của mình. Tỳ-kheo khác hướng về Tỳ-kheo này nói danh chủng phạm, sám hối. Nếu được như thế gọi là thanh tịnh.

Ngủ phần luật nói: Nếu có nhân duyên mạng nan, Phật khai đồng phạm, không đồng phạm đều được thọ sám. Nếu không có duyên thì không được.

Cho nên luật nói: Có hai loại si:

1. Không thấy phạm.

2. Theo người phạm sám hối, luật thiếu pháp thỉnh, nay y cứ theo nghĩa thì phải nói:

- Đại đức nhất tâm niệm, tôi là Tỳ-kheo tên ..., nay thỉnh Đại đức làm chủ sám hối ba-dật-đề. Mong Đại đức vì tôi làm chủ sám hối tội ba-dật-đề, vì lòng từ bi thương xót (ba lần thỉnh chưa được đáp thì có thể không).

Pháp bạch hòa (nên xin giục vấn hòa rồi đáp rằng: Thọ yết-ma sám hối ba-dật-đề):

- Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ... vì chứa y dư (bao nhiêu ...) nên phạm xả đọa. Y này đã xả cho tăng, trong đây có tội ba-dật-đề, nay theo chúng tăng xin sám hối. Nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho tôi Tỳ-kheo tên là ...., thọ sám của Tỳ-kheo tên là ..., bạch như thế.

(Tác bạch rồi, nói rằng có thể).

***Pháp chánh xả tội:***

Theo cách thường chỉ tụng nhiều, có liên quan đến lỗi xả, thì không thể không vọng che giấu tội, mặc dùng tùy phạm mới nói ít. Cho nên tiêu trừ có thì nên nói như sau:

- Đại đức nhất tâm niệm, tôi là Tỳ-kheo cố chứa y dư, phạm tội xả đọa, y này đã xả cho tăng, phạm tội ba-dật-đề, nay hướng về Đại đức phát lồ sám hối không dám che giấu, sám hối thì an vui, không sám hối thì không an vui, nhớ nghĩ phạm phát lồ, biết mà không dám che giấu, mong Đại đức nhớ nghĩ tôi thanh tịnh, giới thân cụ túc thanh tịnh bố-tát (ba lần nói rồi, nên nói): Tự trách tâm thầy, nên sinh nhàm lìa. (Đáp: Vâng).

***Pháp trả y:***

Phật dạy: Y xả đọa của người kia nên trả lại cho Tỳ-kheo này.

Nếu không trả lại thì phạm tội. Pháp trả lại có ba thứ:

Nghĩa là năm vật dư có duyên dần dần trả lại, chẳng phải năm vật dư thì trả ngay. Nếu không có duyên năm vật thì ngày mai trả lại.

Trong luận Minh Liễu nói: Làm cho khoảng một đêm nghĩa phải phân biệt.

*1. Pháp ngay chỗ ngồi chuyển giao:*

Phật dạy: Nếu chúng tăng nhiều khó nhóm họp, Tỳ-kheo này có việc nhân duyên muốn đi xa nên hỏi rằng: Y vật này của ông cho ai? Tùy theo người kia nói liền cho. Trong đó có y một tháng, y thí gấp. Lời sau này là chứa bát dư, thuốc dư, y dư, năm giới chứa dư này y theo cách này trả lại. Nên tác bạch như vầy.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo ... vì chứa y dư phạm xả đọa, y này đã xả cho tăng. Nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho, nay tăng đem y này cho Tỳ-kheo tên ..., Tỳ-kheo ... phải trả lại cho Tỳ-kheo này, tác bạch như thế.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo này tên là ... vì chứa y dư phạm xả đọa, y này đã xả cho tăng, nay tăng đem y này cho Tỳ-kheo ..., Tỳ-kheo tên ... phải trả lại cho Tỳ-kheo nầy. Trưởng lão nào bằng lòng tăng đem y này cho Tỳ-kheo ..., Tỳ-kheo tên ... sẽ trả lại cho Tỳ-kheo này thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng đem y này cho Tỳ-kheo tên ..., Tỳ-kheo tên ... phải trả lại cho Tỳ-kheo này rồi, vì tăng bằng lòng nên im lặng, việc này cứ thực hành như thế.

Luật Tăng-kỳ nói: Tỳ-kheo hiểu biết trong tăng được y này rồi ở chỗ khuất phân phó cho.

*2. Nói về pháp ngay chỗ ngồi giao thẳng:*

Nếu chẳng phải năm vật dư đều y theo pháp này. Nếu là năm vật dư qua đêm cũng y theo văn này.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ... cố ngủ lìa Tăng-già-lê (hai y khác cho đến vật của tăng đều cho mặc) phạm tội xả đọa, y này đã xả cho tăng. Nếu thời giờ của chúng tăng đã đến, tăng bằng lòng cho, nay tăng đem y này trả lại cho Tỳ-kheo tên ... tác bạch như thế.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ... cố ngủ lìa Tăng-già-lê phạm tội xả đọa. Y này đã xả cho tăng, nay tăng đem y này trả lại cho Tỳ-kheo ... Trưởng lão nào bằng lòng tăng đem y này trả lại cho Tỳ-kheo ... thi im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng trả y cho Tỳ-kheo tên ... rồi, vì tăng bằng lòng nên im lặng, việc này thực hành như thế.

Pháp đối bốn người trở xuống đối thú:

Nếu hướng về bốn người sám, văn xả tài đồng với tội sám trên, phải ba người miệng hòa, không được dùng đơn bạch.

Trả tài rồi được giao thẳng yết-ma như trên.

Phật dạy: Nếu muốn ở trước ba Tỳ-kheo sám hối, nên đến chỗ ba Tỳ-kheo thanh tịnh, pháp sám như trước, oai nghi ngay ngắn nói xả như vầy:

- Đại đức tăng nghe, tôi là Tỳ-kheo ... cố giữ nhiều y dư, phạm tội xả đọa, nay tôi xả cho các Đại đức, xả như thế rồi nên sám tội của mình. Trước thỉnh chủ sám hối, văn thỉnh như trên, trong tăng không khác là chủ sám.

Nên hỏi: Hai Trưởng lão nghe, nếu Trưởng lão cho tôi nhận sự sám hối của Tỳ-kheo ... thì tôi sẽ thọ nhận.

Hai Tỳ-kheo kia đáp: Được. Mới nói sám tội, nói có thể được, trả y đối trước hai người cũng vậy.

Pháp đối với một người xả đọa:

Phật dạy: Nếu ở trước một Tỳ-kheo sám hối, thì đến chỗ một Tỳ-kheo thanh tịnh nên sám hối đúng như pháp. Thời nay hành sự đối thú sám là nhiều, cho nên phải lập rõ cách thức giúp cho người thường dễ y theo mà thực hành.

***Pháp xả y:***

Nên đem một Tỳ-kheo đến trong giới tự nhiên, hoặc ở giới trường đều phải nhóm hết. Đem lời phạm tài buộc một chỗ rồi, sửa oai nghi ngay ngắn nói xả như vầy:

- Đại đức nhất tâm niệm, tôi là Tỳ-kheo tên ... (cố chứa nhiều y dư, cố ngủ lìa Tăng-già-lê) phạm tội xả đọa, nay xả cho Đại đức (nói một lần).

***Pháp thỉnh chủ sám hối:***

Văn ấy nói như trên, chủ sám hối nên vì phân biệt danh tội và loại tướng. Danh là loại sáu tụ khác nhau, nghĩa là chứa y. lìa y. Ba mươi việc tướng khác, nghĩa là một nhiều khác nhau. Cho nên luật nói: Một tên nhiều loại, trụ riêng khác.

Phật nói: Nếu phạm tội tăng tàn cho đến đột-cát-la, biết mà che giấu nên trước dạy làm pháp sám hối đột-cát-la. Sau đó, đúng như pháp mà sám. Cho nên biết trước phải hỏi, sau đó mới dạy sám hối, nói rõ pháp sám tội.

Nếu y cứ theo xả đọa thì đủ tám phẩm. Đột-cát-la hai phẩm. Căn bản tùng sinh như sau đây trình bày. Che giấu gồm có sáu phẩm.

Hai phẩm đầu của che giấu vốn đọa sinh khởi. Hai phẩm kế là mặc dùng y bất tịnh mà sinh khởi. Hai phẩm sau là tăng im lặng thuyết giới sinh khởi. Đều trải qua đầu hôm, gần sáng, hai đêm, trở lên là xong. Tám phẩm này tội nhỏ, nên thỉnh chung một chủ sám hối. Văn đồng với văn ba-dật-đề, chỉ lấy chủ sám hối đột-cát-la làm khác. Kế là chính thức sám hối tội che giấu.

- Đại đức nhất tâm niệm, tôi là Tỳ-kheo .... vì chứa nhiều y dư phạm nhiều tội ba-dật-đề, trải qua đêm che giấu, tùy theo đêm dần dần che giấu (đồng thời mặc dùng y phạm xả, phạm tội đột-cát-la. Trải qua đêm che giấu, tùy theo đêm chuyển dần che giấu. Trải qua tăng im lặng thuyết giới vọng nói, phạm tội đột-cát-la. Trải qua đêm che giấu, tùy theo đêm dần dần che giấu đều y cứ có lời). Đều phạm tội đột-cát-la không nhớ số, nay hướng về Đại đức phát lồ sám hối, không dám làm nữa. Mong Đại đức nhớ nghĩ tôi (nói một lần), trị tội khác lập thề đều như trên.

***Pháp sám hối hai tội nhỏ căn bản:***

Luật Thiện Kiến nói: Phạm y xả đọa, không xả mà mặc, hễ mỗi lần mặc phạm một tội đột-cát-la. Luật nói: Khi tăng thuyết giới, cho đến ba lần hỏi, nhớ nghĩ có tội, mà không phát lồ phạm đột-cát-la.

- Đại đức tăng nhất tâm niệm, tôi là Tỳ-kheo .... phạm tội mặc dùng y bất tịnh và trải qua tăng thuyết giới im lặng nói dối, đều phạm đột-cát-la, số lần không nhớ. Nay hướng về Đại đức phát lồ sám hối không dám làm nữa. Mong Đại đức nhớ nghĩ cho tôi (nói một lần, lời khác đồng ở trên). Ở đây đều y cứ vào người có phạm mà nói. Trên từ căn bản sinh khởi, luật hợp lần lượt hai sám không trích dẫn chánh văn. Nay nghĩa y cứ theo các lý sám ví dụ rất dễ hiểu. Cho nên lập chánh nghi, nghĩ là không nghi lạm.

***Pháp sám hối tội căn bản:***

Nên đối trước sám chủ nói rằng:

- Đại đức nhất tâm niệm, tôi là Tỳ-kheo ... vì chứa y dư không thuyết tịnh phạm xả đọa, y này đã xả cho Đại đức, có nhiều tội ba-dật-đề. Nay hướng về Đại đức phát lồ sám hối không dám che giấu nữa. (Văn khác như trong tăng ở trên. Cho đến các pháp quở trách tự lập thệ trả y các pháp chỉ y cứ theo điều phạm xả tài ở trước, rồi dùng đến khi hư. Nhất định gởi gắm chủng tướng và chín mươi việc đều sám hối).

***Pháp sám hậu đọa:***

Giống như ba mươi pháp xả đọa, chỉ khác là không xả tài. Nếu sám phẩm trước từ tám thứ sinh khởi, hoặc có hoặc không như lỗi y

mới.

Lượng mặc dùng đều phạm, lý phải y theo sám. Như nói dối đào đất, không có nguyên nhân mà phạm cũng không hẳn đều thông. Nên tùy theo phạm nhiều ít, xưng thật sám ở trước không được ở căn bản. Sau Phật chế ở trước. Nếu sám căn bản riêng chúng được khai, khác với ba mươi xả đọa. Văn thỉnh chủ sám hối như trên đã nói. Nếu tâm chân chánh sám hối tội cũ, văn ít có khác nên nói:

- Đại đức nhất tâm niệm, tôi là Tỳ-kheo ..., phạm tội nói dối ba-dật-đề (ngoài ra tùy theo mà xưng), không nhớ số (chỉ phạm đơn đọa nhiều không nhớ thật. Người tự nhớ có thì tùy theo điều có mà nói thật, chẳng lầm). Nay hướng về Đại đức phát lồ sám hối không dám che giấu nữa. (Các từ khác như trên, cho đến quở trách lập thệ cũng như vậy).

***Pháp sám hối Ba-la-đề-đề-xá-ni:***

Nghĩa là ở trong làng xóm theo ni không bà con tự tay nhận lấy thức ăn, hoặc ăn thức ăn do ni trao cho. Các luật bảo thỉnh một người làm chủ nói tên tội, loại tội, nói một lần liền thôi, nói như vầy:

- Đại đức nhất tâm niệm, tôi là Tỳ-kheo ... ăn thức ăn do Tỳ-kheo-ni trao cho, phạm tội Ba-la-đề-Đề-xá-ni, không nhớ số, Đại đức! Tội phạm pháp đáng quở trách, là việc không nên làm, nay hướng về Đại đức sám.

Luật Tăng-kỳ nói: Trước người nên hỏi.

- Ông thấy tội hay không?

- Đáp: Thấy tội, nên quở trách rằng:

- Cẩn thận chớ có làm nữa.

- Đáp: Lãnh thọ vâng làm.

Pháp sám đột-cát-la:

Phật dạy: Nếu người cố làm phạm nên sám hối đột-cát-la. lại phạm không oai nghi đột-cát-la. Nếu không cố làm chỉ phạm đột-cát-la.

Luật bản nói đủ hai tâm cố nhầm, nói hai tội điều riêng. Các sư không chia rẽ luật bộ, chỉ lấy năm thứ sám làm tông, nên dường như đồng một thứ khinh trọng, đồng một sám hối. Lại ngũ sám nói rõ nghĩa chỉ là biệt thời. Thâu-lan-già và xả đọa, có không, nhiều ít, lập pháp chẳng phải một. Lý cần hiển rõ. Phạm nói nạn y vào lời Thánh dễ tin cho nên Kinh Tỳ-ni-mẫu nói: Nếu người cố làm đối một người nói sám, người lầm làm thì trách tâm sám. Ở đây thì các luật đều phù hợp, đâu được có chấp. Như Kiền-độ quở trách trong luật và Luận Minh Liễu, Tát-bà-đa, v.v... mỗi bộ có y cứ rõ ràng, chẳng phải chỉ nghĩa so lường. Cần phải nương tựa, ngoài ra từ căn bản sinh khởi chín phẩm khác nhau,

đều y theo lệ như trên mà chọn lấy. Chánh nói về nghi thức sám hối (luật đều không có văn), y theo dùng pháp trước, lý thông trừ diệt. Trước nói rõ người cố làm, trước thỉnh chủ sám nói:

- Đại đức nhất tâm niệm, tôi là Tỳ-kheo ..., thỉnh Đại đức làm chủ sám đột-cát-la, mong Đại đức vì tăng làm chủ sám đột-cát-la, vì lòng từ bi thương xót (nói ba lần).

***Pháp xả tội:***

Từ căn bản sinh khởi nói phải biết hai thứ tướng nhiều ít, đều xem xét rõ. Nên đối trước người nói như vầy:

- Đại đức nhất tâm niệm, tôi là Tỳ-kheo ... vì mặc Tăng-già-lê không ngay ngắn phạm tội đột-cát-la, nay hướng về Đại đức phát lồ sám hối không dám tái phạm nữa, mong Đại đức nhớ nghĩ con (nói một lần, quở trách lập thệ như trước).

Pháp lầm tác sám:

Sửa sang oai nghi, tâm khởi hổ thẹn miệng nói: Tôi là Tỳ-kheo ... lầm mặc Tăng-già-lê không ngay ngắn phạm tội đột-cát-la, nay con tự trách tâm sám hối tội lỗi (nói một lần).

****

## THIÊN THỨ MƯỜI: TRỤ TRÌ TẠP PHÁP

***Pháp sáu niệm:***

Trong luật đều có việc này.

Mà ý văn tản mác, chánh bản xuất xứ trong luật Tăng-kỳ, mà lời thì lược, ý lại rộng. Lại thời bấy giờ thạnh hành cho nên cần nghĩa thêm văn nói:

*Thứ nhất: Nghĩ biết số ngày tháng.*

Luật Tăng-kỳ nói: Nghĩ biết ngày đầu tháng cho đến ngày mười bốn, mười lăm, tháng thiếu tháng đủ phải biết.

Luật Ngũ Phần nói: Các Tỳ-kheo nên biết số nửa tháng, đều biết ngày bố tát sám hối thanh tịnh.

Luật nói: Nhớ biết tháng trời tối, tháng trăng sáng hai thứ số. Nếu vào xóm làng trước phải biết điều đó. Đây thì gồm đủ hai pháp đạo tục nên nghĩ vầy: Nay tháng trời tối thiếu, (cho đến ngày mười bốn nói). Nếu đủ thì nói đủ, tháng trăng sáng vì thuần đủ chỉ nói nay ngày một tháng trăng sáng cho đến ngày mười lăm.

*Thứ hai: Nghĩ biết chỗ ăn.*

Luật Tăng-kỳ nói: Buổi sáng nên nghĩ việc thí thực. Nay vì các bộ đều hội thông, tùy theo sự thật mà nghĩ nói: Tôi thường xin thức ăn, hoặc nói: Tôi thường tự ăn thức ăn của mình, hoặc nói: Tôi thường ăn thức ăn của tăng. Hoặc không thường định, nên nghĩ nói như vầy: Tôi không có chỗ thỉnh, nay xin thức ăn (hoặc ăn thức ăn mình, hoặc đàn-việt, hoặc thường ăn thức ăn của tăng, lệ theo mà biết).

Hoặc nói: Nay có chỗ thỉnh nhớ tự đến. Hoặc nói: Tôi có chỗ thỉnh nay y vào trái duyên.

Phật dạy: Nếu trong tháng ca-đề, hoặc thí y, hoặc bệnh u khai cho trái thỉnh.

Nếu nói tôi có chỗ thỉnh, nay xả cho người. Phật dạy: Nếu một ngày thọ nhiều thỉnh, tự thọ nhận một người thỉnh. Ngoài ra thí cho người nói: Trưởng lão tôi nên đến chỗ kia, nay cúng dường cho ông. Luật Tăng-kỳ nói: Nay Tôi được thức ăn cúng dường cho Tỳ-kheo ..., cho đến Sa-di-ni.

Hoặc nói: Tôi là Tỳ-kheo ... sáng nay đàn-việt thí cho thức ăn chân chánh, trở về cúng dường Tỳ-kheo ... Đàn-việt đối với tôi không hệ lụy, tôi phải ăn. (nói ba lần).

Luật Thập Tụng nói: Cách nhớ nghĩ này chỉ có ba hạng người làm được. Nghĩa là: A-lan-nhã, ở một mình, đi xa, bệnh đói nhiều ngày.

Nương vào xóm làng quen biết ở, người như thế được thực hành tâm niệm.

*Thứ ba: Nhớ biết số hạ lúc thọ giới.*

Luật Tăng-kỳ nói: Mỗi ngày tự nhớ bao nhiêu hạ lạp.

Các bộ luật, luận đều nói như vầy: Tôi năm nào, tháng nào, ngày nào, giờ nào, bóng mặt trời chừng nào, thọ giới cụ túc, nay không có hạ (sau đó nếu có hạ tùy theo nhiều ít mà nói).

*Thứ tư: Nghĩ nhớ y bát thọ tịnh.*

Luật Tăng-kỳ nói: Phải nhớ thọ trì ba y và không thọ trì làm tịnh thí. Nay Tôi y bát đầy đủ đều thọ trì, của cải dư đều thuyết tịnh. Sau này có người không thọ trì không thuyết tịnh, tùy theo có nhớ thọ trì nhớ thuyết tịnh, nhớ nhiều hay ít.

*Thứ năm: Nhớ biết thức ăn giống hay khác.*

Luật Tăng-kỳ nói: Nghĩ nhớ ăn riêng chúng, lại nhớ nói:

Tôi không ăn riêng chúng.

Nếu y theo lời Phật thì ăn riêng chúng có tám duyên.

Khai cho nên bạch vào, nếu không có duyên ăn riêng chúng thì bạch ra, hoặc có bạch rằng:

Tôi có duyên ăn riêng chúng (tác bạch rồi được ăn).

*Thứ sáu: Nghĩ về thân mạnh yếu.*

Luật Tăng-kỳ nói: Nghĩ nhớ hoặc bệnh, hoặc không bệnh.

Nên nói: Nay Tôi không bệnh, có khả năng hành đạo.

Hoặc bị bệnh thì nên nói:

Nếu bị bệnh thì nhớ phải chữa trị.

***Pháp bạch đồng lợi thực lần lượt vào xóm làng:***

Bấy giờ, trong thành La-duyệt, chúng tăng phần lớn có chỗ thỉnh, đều cẩn thận nên không dám vào thành thọ thỉnh. Phật dạy: Cho các Tỳ-kheo dặn dò nhau vào thành, nên nói cùng thỉnh Tỳ-kheo, nói như vầy:

- Đại đức nhất tâm niệm, tôi là Tỳ-kheo ..., trước thọ thỉnh của ... Nay có duyên sự ..., muốn vào xóm làng, chỗ nào đó, đến nhà nào đó bạch cho Đại đức biết.

Phật dạy: Nếu dặn dò rồi muốn đến trong xóm mà nửa đường trở về, hoặc đi mà không đến chỗ được dặn dò, hoặc dặn dò đến nhà người tại gia. Cho đến kho cất chứa trong chùa ni, hoặc đến nhà người tại gia rồi đi ra. Như thế đều mất sự dặn dò ở trước. Hoặc muốn đến phải dặn dò lại, trừ khi thí y, nghĩa là một tháng năm tháng ca-đề. Ngoài ra trừ trong lúc khuyến hóa làm thức ăn. Đồng thời người thí y, hoặc lúc ca-đề

khai cho thông.

***Pháp bạch phi thời vào xóm làng:***

Phật dạy: Nếu vào xóm làng phải dặn dò Tỳ-kheo ở chung rằng:

Thức ăn tuy sớm xong, nhưng nếu vào thì gọi là phi thời.

Đã không có chánh văn nên ứng nghĩa mà nói:

Thưa Trưởng lão tôi vào xóm làng phi thời.

Luật Thập Tụng nói: Đến thành ấp xóm làng nào đó, nhà nào đó, người trước đáp rằng: Được.

***Làm pháp dư thực:***

Phật dạy: Thức ăn của Tỳ-kheo có hai thứ:

1. Bất chánh thực: Nghĩa là ăn cành lá, hoa quả, dầu mè, hắc thach, mật, ma tế mạt, hoặc cháo. Không có chỗ, không có thức ăn, không thỉnh, không đủ ăn.

2. Chánh thực: Nghĩa là cơm, mì, cơm khô, cá thịt, là thỉnh là thức ăn là đủ ăn. Nếu đối với chánh thực, hoặc ăn no đủ rồi, xả bỏ oai nghi, không làm pháp dư thực mà ăn thì phạm ba-dật-đề. Nếu theo luật Tăng-kỳ, chỉ trước ăn đủ no, nuốt rồi xả oai nghi, hoặc ăn lại gọi là phạm đủ. Lại y vào luật bản: Các Tỳ-kheo thọ nhận không làm pháp dư thực, thấy Thượng tọa đến nói rằng: Tôi thọ theo không làm pháp dư thực, lại không phải đứng dậy mà được ăn, cho nên biết trước cảnh là đủ, nếu đứng dậy là phải làm pháp dư thực:

Lại trong giới ni kính tăng cũng như vậy. Nên biết ni cũng có pháp dư thực. Nếu phạm đủ, đem thức ăn đến trước người chưa đủ bạch:

Đại đức: Tôi đã đủ thức ăn. Thầy biết là vậy, xem là vậy.

Người kia lấy phần ít thức ăn rồi đưa cho người kia. Nếu người không có thức ăn cũng được cho nói:

Trưởng lão tôi đã có thức ăn. Thầy ăn thức ăn ấy đi.

Người kia liền lấy thức ăn. Luật nói: Một Tỳ-ni đủ thưc ăn tác pháp rồi, thông tất cả người đủ thức ăn đồng ăn.

***Pháp quở trách đệ tử.***

Bấy giờ, các đệ tử không thuận theo pháp của đệ tử, không vâng theo hạnh của Hòa-thượng, A-xà-lê, không hổ thẹn, không thọ giáo, làm điều phi oai nghi, không cung kính, làm bạn với người ác, thích đến nhà dâm nữ, nhà phụ nữ, nhà đồng nữ, nhà huỳnh môn, tinh xá Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di ni, thích đến xem rùa, ba ba. Phật dạy: Hoà thượng, A-xà-lê quở trách:

1. Gọi đệ tử đến trước.

2. Xuất tội làm cho hàng phục.

3. Lượng tội mà quở trách.

Lại tự lượng vui buồn không phân được ý, lại khinh chê có năm loại nên nói:

Nay Tôi quở trách ông, ông đi đi.

Hoặc nói: Ông đừng vào phòng tôi.

Hoặc nói: Ông đừng làm sứ cho tôi.

Hoặc nói: Ông đừng đến chỗ tôi.

Hoặc nói: Tôi không nói chuyện với ông.

Đây là pháp Hòa-thượng quở trách đệ tử.

Lời A-xà-lê quở trách cũng vậy. Chỉ đổi từ quở trách thứ tư: Ông đừng nương tôi.

Đệ tử bị trách rồi phải một ngày ba thời sáng, trưa, chiều sám hối Hòa-thượng, A-xà-lê. Phải sám hối như vầy:

Vén y bày vai phải, cởi giày dép, gối phải sát đất, chấp tay nói như vầy:

Đại đức Hòa-thượng, tôi tên ... nay sám hối không dám làm nữa, nếu cho thì tốt, còn không cho thì ngày ba thời sám hối như trên.

Còn không cho nữa nên phải hạ ý thuận theo cầu phương tiện để giải thích điều đã phạm. Nếu hạ ý thuận theo mà sư không chấp nhận sự sám hối ấy thì đúng như pháp mà trị. Cũng bảo các Tỳ-kheo đem sự thuận theo đó bảo cùng đến chỗ Hòa-thượng A-xà-lê, điều hòa làm cho sớm nhận sự sám hối. Hòa-thượng kia nếu trọn đời quở trách rồi, an cư quở trách, lại quở trách người bệnh, không xuất tội, không hiện tiền, đều gọi là phi pháp, trái lại phải trị vị thầy ấy. Nếu vị đệ tử bị trị phạt chưa sám hối mà thọ sự cung cấp và y chỉ là phi pháp, cần phải trị phạt vị thầy ấy. Nếu đệ tử bị quở trách nhẹ mà không chấp lao phục dịch cho Hòa-thượng xà-lê và Tỳ-kheo khác, Phật dạy phạm tội nên đúng như pháp mà trị.

***Pháp đệ tử bạch tạ từ Hòa-thượng:***

Phật dạy: Nếu đệ tử thấy năm thứ phi pháp của Hòa-thượng, nên sám hối tạ lỗi mà đi, bạch Hòa-thượng: Con đúng như Pháp mà Hòa-thượng không biết.

Hoặc nói: Con không đúng như Pháp Hòa-thượng không biết.

Hoặc nói: Con phạm giới Hòa-thượng xả bỏ, không dạy bảo quở trách.

Nếu đệ tử phạm tội, Hòa-thượng xả bỏ được. Nay y cứ vào quở trách thích hợp và si, không trách, không hỏi.

Hoặc có phạm cũng không biết.

Hoặc nói: Nếu phạm mà sám hối cũng không biết.

Luật Tăng-kỳ nói: Nên ôn hòa can ngăn thầy. Nếu Hòa-thượng không chấp nhận nên bỏ đi xa, chỉ sư, cầm y bát ra ngoài giới ngủ. Ngày mai trở lại y chỉ Tỳ-kheo khác.

Luật Thập Tụng nói: Có bốn loại Hòa-thượng:

1/ Nếu dạy và cho ăn thì gọi là thích ở.

2/ Nếu dạy mà không cho ăn nên tìm chỗ khác ăn, gọi là khổ ở.

3/ Nếu cho ăn mà không dạy nên sám hối tạ lỗi mà đi.

4/ Nếu không dạy, không cho ăn ngày đêm không hỏi han thì nên bỏ đi.

Do xuất gia ý chí vốn là thành tựu đạo nghiệp. Còn thế tục luẩn quẩn trong sinh tử.

Luận Thành Thật nói: Đắm nhiễm quyến thuộc, mê theo trụ xứ, sẽ đọa sinh trong loài Ca-lăng-già, ngạ quỷ. Như trong sao có nói rộng.

Pháp can ngăn làm phạm:

Bấy giờ có Tỳ-kheo muốn phạm Ba-la-di, cho đến ác thuyết.

Phật dạy: Các Tỳ-kheo nên đúng như pháp can ngăn, nói như vầy:

Đại đức chớ làm điều không nên làm. Việc làm của Đại đức là phi pháp, phi luật, chẳng phải lời Phật dạy.

Nếu Tỳ-kheo này nói nay tôi mới biết pháp này là giới kinh, nửa tháng tụng xuất xứ từ trong giới kinh, Tỳ-kheo khác nên can ngăn như vầy: Trưởng lão! Thầy từng hai, ba lần ngồi trong chỗ thuyết giới, huống chi nhiều lần. Nay thầy không được lợi, bất thiện. Vì sao? Vì khi ông thuyết giới, không để tâm suy nghĩ, không nhất tâm lắng tai nghe.

Nhưng Tỳ-kheo này tự biết việc làm ấy người khác can ngăn sai cho nên làm phạm căn bản không vâng theo, phạm đột-cát-la.

Nếu tự biết việc làm của mình là sai, cho rằng người khác can ngăn là đúng, cố làm phạm pháp, căn bản không nghe theo phạm ba-dật-đề. Tỳ-kheo vô tri không hiểu, tùy theo việc làm mà phạm tội, đúng như pháp trị tội lại cộng thêm tội vô tri, ba-dật-đề. Nếu bị người vô tri can ngăn trở lại nói rằng:

Ông hãy hỏi Hòa-thượng A-xà-lê của ông, phải học hỏi tụng kinh, biết pháp can ngăn rồi sau đó mới can ngăn.

Luật Tát-bà-đa nói: Nếu người can ngăn ở trước có sáu loại:

1. Tâm có yêu ghét.

2. Độn căn vô trí.

3. Thấy biết ít.

4. Vì tiếng tăm lợi dưỡng.

5. Vì pháp lạc hiện đời chỉ muốn tự nhiếp.

6. Hoặc mới xuất gia luyến ái vợ con.

Sáu hạng người như vậy can ngăn thì có tổn hại. Hoặc phát lời dạy khuyên vô bổ. Nên nói lại như vậy, chỉ tự xem thân làm lành hay không lành, cũng không để ý xem người khác làm hay không làm. Nếu trái sáu điều trên thì nên thay nhau can ngăn.

***Pháp can ngăn đừng phạm:***

Bấy giờ, các Tỳ-kheo không học giới, không khen ngợi giới.

Phật dạy: Tỳ-kheo khác nên can ngăn đúng như pháp. Người kia nói như vầy:

Đại đức phải học giới, khen ngợi giới, không tự mình phá hoại, không phạm tội, không bị người trí quở trách, thọ phước vô lượng, đêm dài an vui.

Nếu Tỳ-kheo kia nói: Trưởng lão cần gì hỏi văn tạp nhạp này với Tỳ-kheo trí luật có trí tuệ khác, Tỳ-kheo khác lại nên can ngăn rằng: Đại đức muốn diệt pháp cho nên nói như vậy, Đại đức đã không học giới, không khen ngợi giới, cũng tự phá hoại, đã phạm nhiều tội, bị người trí quở trách, đêm dài chịu khổ không được an vui. Nếu người kia can ngăn, Tỳ-kheo ngu si không hiểu điều can ngăn này, Tỳ-kheo nên nói với người kia rằng:

Ông hãy hỏi Hòa-thượng của ông.

Văn khác như trên, như pháp can ngăn rồi. Nếu là người trí nên hỏi vặn.

Phật dạy: Có năm thứ trì luật: Hoặc tụng tựa giới cho đến ba mươi giới ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Đó là trì luật bậc nhất.

Hoặc tụng tựa giới cho đến chín mươi việc là trì luật thứ hai.

Nếu tụng rộng giới Tỳ-ni là trì luật thứ ba.

Thứ tư: Hoặc tụng rộng hai bộ luật Tỳ-ni.

Thứ năm: Hoặc tụng rộng Tỳ-ni.

Trong đó mùa xuân, mùa đông, y chỉ bốn thứ trì luật. Nếu trái phạm đột-cát-la. Hạ an cư nên y chỉ thứ năm. Nếu trái, phạm ba-dật-đề.

Phật dạy: Người trì luật được năm công đức:

1. Giới phẩm bền chắc.

2. Khéo thắng các kẻ thù.

3. Ở trong chúng quyết đoán không sợ hãi.

4. Có nghi ngờ thì được khai mở.

5. Khéo trì Tỳ-ni làm cho Chánh pháp an trụ lâu dài.

Phật dạy: Có bốn loại người đoán việc:

1. Ít học không hổ thẹn.

2. Học rộng không hổ thẹn.

3. Ở trong tăng xử đoán việc tăng.

4. Nêu các thứ khổ thiết quở trách, làm cho người không hổ thẹn không còn làm nữa.

Nếu người có hổ thẹn học rộng, hoặc người có hổ thẹn ít học, ở trong chúng nói đoán việc tăng nên chỉ bày các thứ trợ giúp.

Hoặc tùy theo lời người kia khen ngợi lành thay!

Phật nói: Có năm thứ Chánh pháp nhanh chóng hủy diệt.

1. Có Tỳ-kheo không rõ thọ nhận luật sư, ưa quên câu cú lại dạy người khác, vì văn không đủ nên nghĩa có thiếu.

2. Làm Thượng tọa hơn người ở trong tăng. Nhưng phần nhiều không giữ giới chỉ làm việc bất thiện, kẻ hậu sinh học theo buông lung giới hạnh.

3. Có Tỳ-kheo trì pháp, trì luật Ma-di, không dạy dỗ đạo tục, sau đó qua đời, làm cho Chánh pháp đoạn diệt.

4. Có Tỳ-kheo khó có thể làm Giáo thọ, không nhận những lời hay tốt của Tỳ-kheo thiện khác, đều bỏ qua một bên.

5. Mắng nhiếc lẫn nhau, tìm ưu khuyết lẫn nhau thì Chánh pháp hủy diệt.

Phật dạy: Nếu Thượng tọa đã không học giới, cũng không khen ngợi giới. Nếu có Tỳ-kheo khác, thích học giới, khen ngợi giới, cũng không thể khuyên nhủ khen ngợi. Tôi không khen ngợi Thượng tọa như thế. Vì sao? Vì nếu tôi khen ngợi thì làm cho các Tỳ-kheo gần gũi, học tập pháp ấy đêm dài chịu khổ. Tôi thấy Thượng tọa như thế có lỗi, cho nên không khen ngợi.

Hoặc Trung tòa, Hạ tọa cũng làm câu như trên. Kế có Thượng Trung Hạ tòa đáng khen ngợi. Thượng tọa như thế làm cho câu văn trái với trên.

Phật dạy: Tỳ-ni có năm thứ đáp:

1. Đáp tựa.

2. Đáp chế.

3. Đáp trùng chế.

4. Đáp tu-đa-la.

5. Đáp tùy thuận tu-đa-la.

Luật Tăng-kỳ nói: Muốn được năm việc lợi thì nên trì luật.

1. Xây dựng Phật pháp.

2. Làm cho Chánh pháp tồn tại lâu dài.

3. Không muốn có nghi hối nên thỉnh hỏi người khác.

4. Tăng ni phạm tội sợ hãi, nên làm chỗ nương tựa cho họ.

5. Muốn du hóa các phương mà không có trở ngại. Đây là năm điều lợi của người dốc tin trì luật.

Luật Thập Tụng nói: Các Tỳ-kheo bỏ học tỳ-ni, mà tụng đọc Tu-đa-la, A-tỳ-đàm. Đức Thế tôn quở trách đủ thứ rồi khen ngợi tỳ-ni. Phần lớn có Tỳ-kheo Trưởng lão đến chỗ Ưu-ba-ly học luật. Phật bảo Tỳ-kheo, có mười thứ pháp ở đời làm cho Chánh pháp mau diệt. có Tỳ-kheo vô dục, độn căn, tuy tụng cú nghĩa nhưng không thể thọ lãnh chân chánh, lại không hiểu rõ, không thể làm cho người lãnh thọ cung kính oai nghi. Cho đến không thích pháp a-luyện-nhã, lại không theo giáo pháp. Không kính Thượng tọa, không có oai nghi, làm cho hàng hậu sinh không học tỳ-ni, dẫn đến buông lung, mất các pháp lành, thích làm văn tụng, chương cú trang nghiêm, thích pháp thế tục, Chánh pháp mau diệt thật đáng lo sợ. Các Tỳ-kheo nên biết như vậy.

Thiện Kiến Tỳ-bà-sa nói: Phật bảo A-nan! Sau khi ta diệt độ có năm thứ pháp giúp cho chánh pháp an trụ lâu dài.

1. Tỳ-ni là thầy của ông.

2. Dù cho chỉ có năm người trì luật ở đời.

3. Nếu có mười người ở thành phố, năm người ở biên địa thọ giới đúng pháp.

4. Cho đến hai mươi vị xuất tội.

5. Vì Luật sư trì luật nên Phật pháp trụ thế năm ngàn năm.

Luận Tát-bà-đa nói: Tỳ-ni có bốn nghĩa, kinh khác không có.

1. Đất bằng Phật pháp, muôn điều lành do đây sinh ra và lớn lên.

2. Tất cả đệ tử Phật đều nương vào giới mà trụ. Tất cả chúng sinh do giới mà có.

3. Cửa đầu tiên hướng về Niết-bàn.

4. Là anh lạc của Phật pháp, có công năng trang nghiêm Phật pháp.

Đủ bốn nghĩa này thì có công đức mạnh như vậy.

Phật dạy: Có bốn thứ nói rộng.

Nếu Tỳ-kheo nói như thế, các Trưởng lão tôi đối với thôn nào đó, thành nào đó, đích thân theo Phật pháp nghe thọ trì pháp như thế, đây là Tỳ-ni, là lời Phật dạy. Nếu nghe lời Tỳ-kheo kia nói, không nên sinh nghi ngờ, cũng không nên quở trách.

Nên xét rõ văn cú rồi, nên tìm tòi nghiên cứu Tu-đa-la, Tỳ-ni so sánh pháp luật. Hoặc nghe lời Tỳ-kheo kia nói không tương ứng với Tu-đa-la, Tỳ-ni pháp luật, trái với pháp, nên nói với Tỳ-kheo kia lời ông nói không phải Phật nói. Hoặc là Trưởng lão không xét định được lời Phật. Vì sao? Vì Tôi tìm tòi nghiên cứu Tu-đa-la, Tỳ-ni, pháp luật, không cùng tương ưng, trái với pháp. Trưởng lão không khéo tụng tập, cũng nhớ dạy Tỳ-kheo khác. Nay nên xả bỏ đi! Nếu nghe lời của Tỳ-kheo kia tìm tòi nghiên cứu Tu-đa-la hoặc Tỳ-ni, pháp luật, cùng nhau tương ưng, nên nói: Lời trưởng lão nói là lời Phật nói, xét rõ được lời Phật. Vì sao? tôi tìm tòi nghiên cứu Tu-đa-la, Tỳ-ni, pháp luật tương ưng mà không trái, Trưởng lão nên khéo thọ trì tụng tập, dạy Tỳ-kheo khác chớ để quên mất. Đây là nói rộng đầu tiên.

Câu thứ hai theo hòa hợp tăng Thượng tọa nghe. Câu thứ ba, theo ba Tỳ-kheo biết pháp, Tỳ-ni, trì Ma-di mà nghe. Câu thứ tư theo một Tỳ-kheo biết pháp, Tỳ-ni, Ma-di mà nghe. Câu văn trái thuận thọ xả cũng giống như vậy. Đây là bốn điều thuyết rộng. Cho nên Tỳ-kheo các ông phải thuận theo văn cú, chớ làm thêm bớt, trái pháp Tỳ-ni, phải học như thế. Phật nói như vậy rồi, các Tỳ-kheo nghe vui mừng tin ưa thọ trì.

TỨ PHẦN LUẬT SAN BỔ TÙY CƠ YẾT-MA
QUYỂN HẠ
(HẾT)

****

Văn Tỳ-kheo già bệnh chứa gậy, túi lụa, xin yết-ma, mong cho tôi là Tỳ-kheo ... chứa gậy, túi lụa. Vì lòng từ bi (nói ba lần).

Pháp yết-ma tăng và Tỳ-kheo bệnh chứa gậy, túi lụa.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ... già bệnh, không thể không có gậy, đãy lụa mà đi. Nay theo tăng xin chứa gậy, túi lụa. Nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho Tỳ-kheo ... chứa gậy, túi lụa tác bạch như vậy.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ... già bệnh không thể không có gậy, túi lụa mà đi. Nay theo tăng xin chứa gậy, túi lụa. Nay Tăng cho Tỳ-kheo ... chứa gậy, túi lụa. Trưởng lão nào bằng lòng tăng cho Tỳ-kheo ... chứa gậy, túi lụa thì im lặng, ai không bằng lòng thì nói. Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo ... chứa gậy, túi lụa rồi. Vì tăng bằng lòng nên

im lặng, việc này nên thực hành như vậy.

Tỳ-kheo Đạo Tuyên vào niên hiệu Trinh Quán đời Đường đến các nói giảng luật, tìm rộng quyết biệt, chỉ thấy văn tụng, tin nói sự trật tự của bộ thành tông cho về thảo luận đến sự then chốt, từng chưa chánh cơ bèn căn dặn, văn chương y vào tông bản mà soạn.

Tuy không nghiên cứu tận nguồn, ngõ hầu quyết định việc thực hành, mong lấy chút hạt cát ở núi biển chiếu soi muôn đời, chí đạt đến cũng rất xa.

Văn luật Thập Tụng thọ ba mươi chín đêm yết-ma.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, các Tỳ-kheo tên ... thọ việc tăng ba mươi chín đêm, cố ra ngoài giới, chỗ này an cư tự tứ. Nếu thời giờ của chúng tăng đã đến, tăng bằng lòng cho các Tỳ-kheo ... thọ việc tăng ba mươi chín đêm, cố ra ngoài giới, tự tứ an cư ở chỗ này, tác bạch như vậy.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, các Tỳ-kheo v.v... thọ việc tăng ba mươi chín đêm, cố ra ngoài giới, an cư tự tứ ở chỗ này. Các Trưởng lão nào bằng lòng cho Tỳ-kheo ... thọ việc tăng ba mươi chín đêm, cố ra ngoài giới ở đây an cư thì im lặng, ai không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo .... thọ việc tăng ba mươi chín đêm, cố ra ngoài giới, ở chỗ này an cư tự tứ rồi. Vì tăng bằng lòng nên im lặng, việc này thực hành như vậy.

Luật Thập Tụng thọ pháp tàn đêm.

Nếu Tỳ-kheo thọ bảy đêm chưa xong, mà việc chưa xong. Phật dạy: Cho thọ pháp tàn đêm.

Tôi thọ pháp bảy đêm, bao nhiêu đêm, đang bị sự đuổi ra của người kia (nói một lần).

Văn luật Tăng Kỳ hai mươi bảy việc xin yết-ma.

Nếu vì việc tháp, việc tăng nên làm, yết-ma Cầu Thính.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ... ở hai chỗ này an cư. Nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho Tỳ-kheo ... ở hai chỗ này an cư. Vì việc tháp, việc tăng đi ra khỏi giới, việc rồi trở về chỗ này.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ... vì việc tháp, việc tăng đi rõ ràng ngoài giới việc xong về lại chỗ này an cư. Vì tăng bằng lòng nên im lặng, việc này thực hành như thế.

Như thế mà đi phải có chỗ được, như thế xong đêm về lại. Các bộ luật thọ nhật mỗi bộ khác nhau.

Các sư sau này mỗi vị chấp một bộ, không dùng bộ khác, đây cũng là một nhà. Nay xét kỹ văn của các bộ luật này cùng các bộ trước đây

dùng qua lại đều được. Sở dĩ như vậy, nếu nhất định biết việc ấy trước, cần một đêm thì luật Thập Tụng cho thọ pháp một đêm, cho đến bảy đêm cũng như thế. Hoặc phải ba mươi chín đêm, cũng dùng pháp yết-ma thọ nhật của Thập Tụng, hoặc dùng bảy ngày, ngày mười lăm, một tháng, tức dùng pháp thọ nhật văn của Tứ phần. Hoặc không định việc như trước bao nhiêu ngày nên rõ, tức dùng pháp thọ nhật văn của Tăng Kỳ. Sau này có người không hiểu, liền tụng văn yết-ma của Tứ Phần, vì người khác chấp nhận việc của luật Tăng-kỳ, không tụng ba mươi chín đêm, đây đều là phi pháp không thành. Vì sao biết? Trong văn yết-ma ghi việc khác nhau cho nên biết không thành. nay sợ mọi người dùng lầm bộ sao chung cho các bộ luật, văn chính yết-ma lựa chọn các bậc hiền, mặc tình thấy tác pháp tùy việc được dụng.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho các Tỳ-kheo nhóm họp kết tiểu giới, tác bạch như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, từng ấy các Tỳ-kheo nhóm họp kết tiểu giới, Trưởng lão nào bằng lòng cho Tỳ-kheo nhóm họp kết tiểu giới thì im lặng, ai không bằng lòng thì cứ nói lên, Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo nhóm họp kết tiểu giới rồi. Vì tăng bằng lòng nên im lặng, việc này thực hành như thế.

Nếu giải giới chỉ đổi chữ kết thành chữ giải, nói các văn như tiểu giới, tự tứ trước đó.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng cho các Tỳ-kheo chỗ ngồi đã đủ, đồng chỗ ngồi của Tỳ-kheo kết tiểu giới như thế, tác bạch như vầy:

- Đại đức tăng xin lắng nghe, đồng chỗ ngồi của Tỳ-kheo ở trong đó kết tiểu giới, Trưởng lão nào bằng lòng đồng chỗ ngồi của Tỳ-kheo kết tiểu giới thì im lặng, ai không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng cho đồng chỗ ngồi của Tỳ-kheo kết tiểu giới rồi, vì tăng bằng lòng nên im lặng, việc này thực hành như thế.

■